LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 195

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

SỐ 2121

(QUYỂN 1 →50)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

LỜI TỰA

Đức Như Lai tùy duyên thị hiện, tùy cơ giáo hóa, không riêng trời, người mà cả đến loài rồng, loài quỷ...

Người được Ngài hóa độ đầu tiên là năm anh em Kiều Trần Như và người cuối cùng là Tu Bạt. Lúc bấy giờ, kinh sách tích lũy rất nhiều, trải dài từ Tây sang Đông nên thật khó ghi chép hết được. Đến như sách Lưu Hướng hiệu đính, lời huyền ký từ lâu đã sẵn. Hán Minh Đế cảm mộng, chứng tích linh hiển càng sáng tỏ.Từ đây về sau các vị tiếp nhau truyền dịch. Ba tạng kinh điển tuy tạm đầy đủ, nhưng những câu chuyện trong chín bộ vẫn chưa được tập hợp, phân loại. Hoàng đế trí hợp với Bậc Đẳng Giác, đức sánh cùng Đấng Biến Tri, hoằng truyền kinh giáo lợi ích cho đạo và đời, kêu gọi khắp những người thông thái chọn nhặt số kinh sách còn sót lại. Do đó, những bài kệ, chương cú bị tản mác thường được tìm thấy, đến nay tích lũy khá nhiều. Thánh chỉ cho rằng cuối thời tượng pháp, lòng tin giảm dần, kinh văn mênh mông nên khó tập hợp đầy đủ.

Vào niên hiệu Thiên Giám thứ bảy, Hoàng đế ra sắc lệnh cho các Ngài Thích Tăng Mân v.v... chuẩn bị sao chép kinh điển làm sáng tỏ lời kinh, nên bày tôn chỉ, lời gọn ý rõ. Việc làm này đã giúp cho người nghiên cứu rất nhiều.

Nhưng tướng lạ ít có vẫn còn rải rác trong nhiều sách và những câu chuyện nhiệm mầu ít nghe thấy chưa được kể ra. Cho nên, vào cuối niên hiệu Thiên Giám thứ mười lăm, Hoàng đế lại sắc cho Ngài Bảo Xướng sao chép các việc quan trọng trong kinh luật và sắp xếp theo từng loại để người xem dễ hiểu.

Hoàng đế lại sắc cho Ngài Thích Tăng Hào ở chùa Tân An, Ngài Thích Pháp Sinh ở chùa Hưng Hoàng v.v... cùng góp sức kiểm chứng lại. Nhờ thế, các Ngài đã tổng hợp kinh sách, lựa chọn những câu chuyện kỳ dị, tâu lên nhà vua xem xét, lập ra quy tắc, tổng cộng là năm mươi quyển, lại thêm năm quyển mục lục, phân làm năm trật, đặt tên là Kinh Luật Dị Tướng. Các học giả sau này chẳng phải khổ công mà vẫn hiểu biết rộng.

SỐ 2121

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

Đời Lương, nhóm Sa-môn Tăng Mân,
Bảo Xướng v.v... biên tập

QUYỂN 1

***Phần I:* NÓI VỀ CHƯ THIÊN**

Chương 1: Chư Thiên trong ba cõi
Chương 2: Sự thành hoại của hai cõi
Chương 3: Kiếp giảm
Chương 4: Mặt trời
Chương 5: Mặt trăng
Chương 6: Sao
Chương 7: Sấm
Chương 8: Chớp
Chương 9: Mây
Chương 10: Gió
Chương 11: Mưa

SỐ 2121

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

Đời Lương, nhóm Sa-môn Tăng Mân,
*Bảo X*ướng v.v... biên tập

QUYỂN 1

Chương I: CHƯ THIÊN TRONG BA CÕI

1. Cõi Dục
2. Cõi sắc
3. Cõi vô sắc

1. CÕI DỤC: Có bảy tầng trời

1.1. Trời Tứ thiên vương
1.2. Trời Đao Lợi
1.3. Trời Diễm Ma
1.4. Trời Đâu Suất
1.5. Trời Hóa Lạc
1.6. Trời Tha Hóa
1.7. Cõi Ma Thiên

1.1. TRỜI TỨ THIÊN VƯƠNG

Tứ thiên vương ở bốn góc núi Tu Di. Bốn góc này đều cao bốn mươi hai ngàn (bốn mươi hai ngàn) do-tuần. (Luận Đại Trí Độ ghi: Bốn phía Tu Di có núi, đều gọi là Du-kiền-đà, mỗi núi cao bốn mươi hai ngàn do-tuần. Tứ thiên vương cai trị trên đó).

Thiên vương ở phương Đông tên Đề-đầu-lại-trá, thành hiệu Thượng Hiền. Thiên vương ở phương Nam tên Tỳ-lâu-lặc, thành hiệu Thiện Kiến. Thiên vương ở phương Tây tên Tỳ-lâu-bác-xoa, thành hiệu Chu La, có bản viết là Chu bãi (chưa rõ tên nào đúng). Thiên vương ở phương Bắc tên Tỳ-Sa-môn, trụ cả ba thành: Khả Úy, Thiên Kính, Chúng Quỷ.

Bốn vị Thiên vương này thân đều cao nửa do-tuần; thiên y dài một

do-tuần, rộng nửa do-tuần, nặng hai phân, thọ năm trăm năm ở tuổi trời, tăng ít giảm nhiều. Một ngày một đêm ở cõi trời bằng năm mươi năm ở cõi người. Một tháng cũng có ba mươi ngày. Một năm cũng có mười hai tháng (năm trăm năm ở cõi trời tức là 90.000 năm ở cõi người). Tứ thiên vương ăn Tịnh đoàn thực, tắm giặt y phục là Tế hoạt thực. Nam lấy vợ, nữ lấy chồng, giao hợp giống như ở cõi người. Vị này, nhờ ba nghiệp lành đời trước nên đời này được sanh lên trời, tự nhiên hoá hiện trên đầu gối của Thiên nhân, thân hình cỡ bằng đứa bé hai tuổi ở cõi người. (Biệt ký ghi: Con trai thì ngồi trên gối cha, con gái thì ngồi trên gối mẹ). Đứa bé sanh ra chẳng bao lâu liền tự biết đói. Bát tốt đẹp bằng bảy báu đựng đầy thức ăn trăm vị. Vị nào phước báu nhiều thì cơm màu trắng; phước báu trung bình thì cơm màu xanh; phước báu ít thì cơm màu đỏ. Đứa bé ăn xong thì thức ăn biến mất. Sau đó, đứa bé cảm thấy khát, nước cam lộ trong bát báu hiện ra cũng có màu như thức ăn. Uống xong, bát nước cũng không còn, như bơ cho vào lửa. Thân hình to lớn bằng chư Thiên, liền vào ao tắm gội. Tắm xong, thiên nhân này đến cây có hương thơm, nhánh cây rủ xuống, lấy hương thoa mình, y phục trang nghiêm đầy đủ. Vật báu làm tràng hoa, trái cây làm nhạc khí đều có trên cây; đi đến đâu thì tùy ý lấy dùng. (Kinh Lâu Thán chép phần nhiều cũng giống như vậy, chỉ khác chút ít, văn nhiều nên không ghi lại). Vào các vườn rừng, có vô số thiên nữ trỗi nhạc, đàn ca, nói cười với nhau, sanh tâm đắm nhiễm, ngó tây thì quên đông, đang khi vui chợt đánh mất tâm niệm lúc sơ sinh là nhờ phước lành đời trước mà được sanh lên trời. (Kinh Lâu Thán đại khái cũng như vậy).

Cõi trời này, ao hồ trong xanh, hoa quả sum xuê, thành có bảy lớp đều rộng sáu ngàn do-tuần. Lan can, lưới giăng, tường vách cung điện, hàng cây cũng đều có bảy lớp.

Tỳ-Sa-môn vương thường có năm đại quỷ thần luôn hầu bên cạnh. Đó là: Na-xà-lâu, Đàn-đà-la, Ê-ma-bạt-đà, Đề-kiệt-la, Tu-dật-lộ-ma. Nửa tháng có ba ngày trai là mồng tám, mười bốn, rằm. Ngày mồng tám, Tứ thiên vương thường ra lệnh cho sứ giả: "Các ngươi đi tuần nhân gian để xem người dân có ai hiếu thảo cha mẹ, kính thờ Sa-môn, Bà-la-môn, trưởng lão và thọ trì trai giới, bố thí hay không?". Sứ giả vâng theo lời dạy, về tâu đầy đủ mọi việc thiện ác. Tứ thiên vương nghe điều ác thì buồn, nghe điều thiện thì vui. Ngày mười bốn, Tứ thiên vương sai thái tử đi tra xét trong thiên hạ. Ngày rằm, đích thân Tứ thiên vương đi tuần tra; sau đó, bốn vị cùng đến điện Thiện Pháp tâu đầy đủ mọi việc lên Đế Thích. Đế Thích nghe điều ác thì buồn, nghe điều thiện thì vui,

rồi nói kệ khen ngợi người thọ trì trai giới là người đồng hành với ta.

(Trích Kinh Trường A-hàm quyển 20, lại trích luận Đại Trí Độ và kinh Lâu Thán)

1.2. TRỜI ĐAO LỢI

Trời Đao Lợi ở đỉnh núi Tu-di, có ba mươi ba Thiên cung. Vua tên Thích-đề-hoàn-nhân (Đời Lương dịch là Năng-tác-thiên-vương); thân cao một do-tuần; thiên y dài hai do-tuần, rộng một do-tuần, nặng sáu thù. Tuổi thọ cõi trời này làmột ngày năm, tăng ít giảm nhiều. Lúc sắp mạng chung, có năm tướng hiện ra. Đó là: y phục nhơ bẩn, hoa trên đầu héo, thân thể hôi dơ, dưới nách ra mồ hôi, không ưa chỗ ngồi. Khi thấy năm tướng trên hiện ra,vị thiên nhân ấy rất khổ não như chịu khổ ở địa ngục.

Chư Thiên cõi này ăn uống, cưới gả cũng như ở cõi trời Tứ thiên. Thân thể gần nhau do khí tạo thành Âm dương (kinh Xuất Tam Pháp Độ ghi: Hành dục như loài người) Nhờ thân khẩu ý thiện được sanh lên cõi trời Đao Lợi mà tự nhiên hoá hiện bằng đứa bé ba tuổi trên đầu gối của thiên nhân. Vị thiên vương ấy liền chấp nhận: Đây là con trai ta, con gái ta. Đứa bé tự biết đời trước nhờ bố thí, trì giới mà nay muốn ăn uống, bát vàng có đủ các thứ tùy sở thích. Thức ăn ngon dở là do phước dày mỏng cũng như ở cõi trời Tứ thiên vương. Thành này ngang dọc tám mươi ngàn do-tuần (kinh Lâu Thán ghi: dài rộng 3.200 dặm) có bảy lớp, chín trăm chín mươi chín cửa. Mỗi cửa có sáu mươi Dạ-xoa thanh y canh giữ (kinh Trường A-hàm ghi: Cao sáu mươi do-tuần, cách năm trăm do-tuần thì có một cửa, mỗi cửa có năm trăm quỷ thần canh giữ).

Ở cõi trời Tam Thập Tam Thiên, thành vàng thì cửa bạc, thành bạc thì cửa vàng. Cứ như thế, bảy báu xen nhau làm cửa và thành. Lầu gác, đền đài bao bọc xung quanh. Vườn rừng ao tắm có hoa báu xen lẫn. Cây báu hàng hàng, hoa quả sum xuê. Hương thơm theo gió bay khắp bốn phía làm vui đẹp lòng người. Vô số chim lạ đủ loại cùng hòa giọng hót.

Trong các khu vườn ở bốn phía thành, mỗi vườn có hai gò đá. Mỗi gò ngang dọc năm mươi do-tuần, do bảy báu nhuyễn như thiên y làm thành (kinh Lâu Thán cũng ghi tương tự, văn nhiều không chép ra).

Ở giữa vườn Thô sáp và vườn Họa lạc có ao Nan-đà, ngang dọc một trăm do-tuần, nước ao trong xanh. Vách ao bảy báu sanh ra bốn loại hoa có đủ các màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng... Hương thơm bay xa một do-tuần. Gốc cây như trục xe, nhựa trắng như sữa, vị ngọt như mật.

Lại nữa, ở giữa vườn Tạp và vườn Đại hoan hỷ có cây Trú độ, chu vi bảy do-tuần, cao một trăm do-tuần, nhánh lá tỏa rộng bốn phía đến năm mươi do-tuần, hương thơm ngược gió bay xa trong vòng một trăm do-tuần.

Phía Nam điện Đao Lợi còn có cây Ba-chất-câu-kì-la, cao bốn ngàn dặm, nhánh lá tỏa rộng hai ngàn dặm. Khi gió thổi, hương thơm ngược gió bay xa hai ngàn dặm. Lúc cây trổ hoa, chư Thiên cùng ngồi dưới cây lấy làm vui thích.

Dạo khắp cõi trời này phải mất một trăm hai mươi ngày. Đế thích có ba mươi hai đại thần nên được gọi là Tam Thập Tam Thiên. Mỗi đại thần đều có cung điện trong thành, vui chơi khắp vườn phải mất bảy ngày.

Thô sáp: khi vào vườn này, thân thể thô nhám.

Họa: Khi vào vườn này, thân thể tự nhiên có đủ các màu.

Tạp: Thường vào các ngày mồng tám, mười bốn, rằm trong tháng cho các thể nữ vui chơi cùng các thiên tử nên gọi là tạp, riêng Đế Thích và Xá-chi ở một chỗ.

Đại hỷ: Khi vào vườn này, lòng rất hoan hỷ.

(Trích Kinh Trường A-hàm quyển 20, lại trích kinh Lâu Thán, luận Đại trí Độ, kinh Hoa Nghiêm, Niết-bàn).

1.3. TRỜI DIỄM MA

(Diễm Ma: đời Lương dịch là Thời)

Cung trời Diễm Ma do phong luân bảo trì ở giữa hư không. Thiên vương tên Thiện Thời (Luận Đại Trí Độ ghi là Diệu Thiện). Thiên nhân cõi này, thân cao hai do-tuần; thiên y dài bốn do-tuần, rộng hai do-tuần, nặng ba-thù, hiện ra trên cây, sáng rỡ sạch sẽ, có nhiều màu sắc. Thân thể họ sáng chói, không cần ánh sáng của mặt trời, mặt trăng.

Vị ấy do thân, khẩu, ý thiện; hoặc do bố thí đèn đuốc, minh châu...; hoặc do trì giới; thiền định... nên được sanh lên cõi trời Diễm Ma. Tuổi thọ cõi trời này là hai ngàn năm, tăng ít giảm nhiều. Cách ăn uống, hôn nhân, hành dục giống như ở cõi trời Đao Lợi (Kinh Tam Pháp Độ ghi: Do ý nhiễm trước, ôm nhau là thành dục; nếu không đắm nhiễm thì không thành sự thỏa mãn). Lúc mới sinh ra, thân trời bằng đứa bé bốn tuổi ở cõi người. Ánh sáng của thiên nhân cõi trời Đao Lợi không thể sánh với thiên nhân cõi này.

(Trích kinh Trường A-hàm quyển 20, lại trích kinh Lâu Thán, kinh Hoa Nghiêm và luận Đại Trí Độ).

1.4. TRỜI ĐÂU SUẤT

(Đâu Suất: đời Lương dịch Tri Túc)

Cung trời Đâu Suất do phong luân bảo trì ở giữa hư không. Thiên vương tên Thiện Hỷ. Bồ-tát thọ thân rốt sau phần nhiều sanh về cõi trời này. Cõi trời Diễm Ma phóng đãng, cõi trời Hoá Lạc ngu tối, cho nên Bồ-tát sanh vào cõi trời này. (Luận Đại Trí Độ ghi: cõi Diễm Ma kiết sử sâu dày, cõi Hoá Lạc kiết sử cạn mỏng; chỉ trời Đâu Suất không dày không mỏng, trí tuệ an định). Lại nữa, cõi Diễm Ma thọ mạng ngắn ngủi; khi mạng chung, Đức Phật chưa ra đời. Cõi Hoá Lạc thọ mạng lâu dài, mạng chưa hết mà Phật đã nhập diệt Cõi trời Đâu Suất tuổi thọ của họ ngang bằng với Đức Phật. Đức Phật thường ở trung đạo mà cõi trời Đâu Suất ở giữa sáu tầng trời cõi Dục.

Thiên nhân cõi này, thân cao bốn do-tuần; thiên y dài tám do-tuần, rộng bốn do-tuần nặng một thù rưỡi; thọ bốn ngàn tuổi, tăng ít giảm nhiều. Ăn uống giống như ở cõi trời Diễm Ma, cũng có cưới gả, chỉ nắm tay nhau là thành dục. Lúc mới sinh ra, thân trời bằng đứa bé năm tuổi ở cõi người, tự biết đời trước đã làm những việc bố thí, trì giới... nên nay sanh lên cõi trời này, tự nhiên có đủ ăn uống, áo mão, ca múa. Thân thể sáng hơn thiên nhân cõi trời Diễm Ma.

(Trích kinh Trường A-hàm quyển 20, lại trích kinh Hoa nghiêm, Niết-bàn, Lâu Thán và luận Đại Trí Độ).

1.5. TRỜI HOÁ LẠC

Cung trời Hóa Lạc cũng do phong luân bảo trì ở giữa hư không. Thiên vương tên Thiện Hóa. Thiên nhân tự hóa hiện ra năm trần cảnh để tự vui chơi; thân cao tám do-tuần; thiên y dài mười sáu do-tuần, rộng tám do tuần, nặng một thù, thọ tám ngàn tuổi, tăng ít giảm nhiều. Ăn uống giống như ở cõi trời Đâu Suất, cũng có cưới gả, nhìn nhau say đắm là thành dục (Kinh Tam Pháp Độ ghi: Nói chuyện với thiên nữ mà tâm nhiễm ô nặng là thành dục. Nếu một trong hai không nhiễm thì không thành, chỉ vui mà thôi). Lúc mới sinh ra, thân bằng đứa bé sáu tuổi ở cõi người, có ánh sáng rực rỡ hơn thiên nhân cõi trời Đâu Suất.

(Trích kinh Trường A-hàm quyển 20, lại trích kinh Lâu Thán, Hoa Nghiêm).

1.6. TRỜI THA HOÁ TỰ TẠI

Cung trời Tha Hoá Tự Tại cũng do phong luân bảo trì ở giữa hư không. Thiên vương tên Tự Tại. Thiên nhân cõi này lấy những cảnh

người khác hóa hiện làm niềm vui cho chính mình, nên còn gọi là trời Ái Thân. Trong cõi Dục, chỉ có cõi trời này được tự tại.

Thân thiên nhân cao mười sáu do-tuần; thiên y dài ba mươi hai do-tuần, rộng mười sáu do-tuần, nặng nửa thù; thọ mười sáu ngàn tuổi, tăng ít giảm nhiều. Ăn uống giống như ở cõi trời Hoá Lạc, cũng có hôn nhân, vừa nhìn nhau là thành dục (kinh Lâu Thán ghi: chỉ nghĩ tới liền thành dục. Kinh Tam Pháp Độ ghi: cùng người nữ, cả hai đều đắm nhiễm, nhìn nhau là thành dục; Nếu một trong hai không nhiễm thì không thành, chỉ vui như ở cõi người ôm lấy nhau mà thôi. Vì thiên nhân cõi này thấy cảnh người khác hoá ra mà tự vui nên gọi là Tha Hóa).

Lúc mới sinh ra, thân trời bằng đứa bé bảy tuổi ở cõi người. Vị này tự biết đời trước do bố thí, trì giới, bỏ ác nên nay tự nhiên có các thứ ăn uống, y phục, ngọc nữ giống như ở cõi trời Hoá Lạc. Thân thể sáng hơn thiên nhân cõi trời Hóa Lạc.

(Trích kinh Trường A-hàm quyển 20, lại trích kinh Hoa nghiêm, Lâu Thán và luận Đại Trí Độ).

1.7. CÕI MA THIÊN

Cung Ma Thiên ở giữa hai cõi Dục và Sắc.

Ma: ví như đá mài, mài mòn công đức. Cung trời này ngang dọc sáu ngàn do-tuần, tường cung có bảy lớp, tất cả đều đẹp đẽ giống như ở cõi trời Tha Hoá Tự Tại. Ma thiên có mười phép:

1. Bay đi không hạn định
2. Bay đến không hạn định
3. Đi không ngăn ngại
4. Đến không ngăn ngại
5. Thân thiên nhân không có da, xương tủy, gân mạch, máu thịt.
6. Thân không có đại tiện, tiểu tiện nhơ nhớp
7. Thân không mệt mỏi
8. Thiên nữ không sinh sản
9. Mắt không liếc ngó
10. Thân tùy theo ý muốn, thích xanh thì thân màu xanh, thích vàng thì vàng, thích các màu đỏ, trắng... đều tùy ý hiện.

Đây là mười phép của Ma thiên.

Lại nữa, Ma thiên có khả năng chủ trì mười phép:

1. Bay đi vô tận
2. Trở về vô cùng
3. Chư Thiên không dâm, không trộm

4. Không tự khen mình, không nói lỗi người
5. Không xúc phạm nhau
6. Ma thiên răng đều, hàm khớp
7. Tóc xanh biếc, óng mượt, dài tám trượng
8. Ma thiên tóc xanh thì thân cũng xanh.
9. Muốn trắng, thân liền trắng.
10. Muốn đen, thân liền đen.

(Trích kinh Trường A-hàm quyển 18, 30; lại trích kinh Lâu Thán, luận Đại Trí Độ).

2. CÕI SẮC: hai mươi ba tầng trời

2.1. Trời Phạm Thân
2.2. Trời Phạm Phụ
2.3. Trời Phạm Chúng
2.4. Trời Đại Phạm
2.5. Quang Thiên
2.6. Trời Thiểu Quang
2.7. Trời Vô Lượng Quang
2.8. Trời Quang Âm
2.9. Tịnh Thiên
2.10. Trời Thiểu Tịnh
2.11. Trời Vô Lượng Tịnh
2.12. Trời Biến Tịnh
2.13. Trời Nghiêm Sức
2.14. Trời Thiểu Nghiêm Sức
2.15. Trời Vô Lượng Nghiêm Sức
2.16. Trời Nghiêm Sức Quả Thiệt
2.17. Trời Vô Tưởng
2.18. Trời Bất Phiền
2.19. Trời Vô Nhiệt
2.20. Trời Thiện Kiến
2.21. Trời Đại Thiện Kiến
2.22. Trời Sắc Cứu Cánh
2.23. Trời Ma-ê-thủ-la

2.1. TRỜI PHẠM THÂN

Cung trời Phạm Thân thuần là vàng ròng. Thiên nhân thân màu bạc trắng (cõi sắc đều như vậy), thiên y màu vàng y, hành thiền, ly dục,

tu tập Hỏa quang tam muội. Cho nên, thân thể phát ra ánh sáng rực rỡ hơn ánh sáng mặt trời, mặt trăng. Cõi này không có nam, nữ, lấy thiền duyệt làm thức ăn, thọ một kiếp hoặc ít hơn, nếu thân cao nửa do-tuần thì thọ nửa kiếp.

(Trích kinh Trường A-Hàm quyển 20)

2.2. TRỜI PHẠM PHỤ

Trời Phạm Phụ (thường gọi là Phú Lâu).

Cõi trời này cũng giống cõi trời trên (Trời Phạm Thân). Nếu tu thiền bậc trung thì sanh vào hàng Phạm thiên tôn quý. Thiên nhân thân cao một do-tuần, thọ một kiếp.

(Trích kinh Trường A-Hàm quyển 20)

2.3. TRỜI PHẠM CHÚNG

Trời Phạm Chúng cũng giống cõi trời trên (Trời Phạm Phụ). Nếu tu thiền bậc hạ thì sanh vào hàng phạm thiên thấp kém. Thiên nhân thân cao một do-tuần rưỡi, thọ một kiếp rưỡi.

(Trích kinh Trường A-Hàm quyển 20)

2.4. TRỜI ĐẠI PHẠM

Thiên vương Đại Phạm tên Thi Khí (đời Lương dịch Hỏa Sắc). Cõi trời này cũng giống cõi trời Phạm Chúng. Nếu tu thiền bậc thượng thì sanh vào cõi trời này. Ở giữa cõi trời Phạm Chúng phát ra Âm thanh to lớn khiến cho tất cả thiên nhân đều nghe thấy. Chư Thiên Phạm Thân mỗi người tự nghĩ: Thiên vương Đại Phạm chỉ tiếp ta thôi, không tiếp người khác. Ta tự nhiên đạt đến chỗ khỏi phải tiếp nhận, được tự tại nhất khắp ngàn thế giới, giàu có sung túc, có khả năng tạo ra vạn vật. Ta là cha mẹ của tất cả chúng sanh, sau này được tôn trọng bậc nhất trong các Phạm Thiên, dung mạo như đồng tử nên đặt tên là Đồng Tử. Đồng Tử nâng con gà, cầm cái linh, nắm phướn đỏ, cỡi khổng tước, tu sơ thiền gọi là Phạm-ca-di, thiên cung cách cung Tha Hóa Tự Tại hai do-tuần.

(Trích kinh Trường A-Hàm quyển 20, kinh Hoa Nghiêm, kinh Lâu Thán, luận Đại Trí Độ.Tạp A-tỳ-đàm Tâm ghi: Ở 17 tầng trời cõi Sắc, cõi thiền thứ 3 trở xuống, mỗi cõi có ba tầng trời; cõi thiền thứ tư có chín tầng trời, đáng lẽ có 18 tầng trời. Chư Thiên cõi thiền thứ nhất là các Phạm nô nên không tính số. Cõi thiền thứ nhất không có Phạm thân, cõi thiền thứ hai không có ánh sáng, cõi thiền thứ ba không có tahnh

tịnh).

2.5. QUANG THIÊN

Cõi Quang Thiên lấy thiền vị làm thức ăn, thọ hai kiếp hoặc ít hơn.

(Trích kinh Trường A-Hàm quyển 20)

2.6. TRỜI THIỂU QUANG

Trời Thiểu Quang đại khái cũng giống như cõi trời trên (cõi Quang Thiên).

(Trích kinh Trường A-Hàm quyển 20. Phẩm Tỳ Y ghi: khi nói chuyện, trong miệng phát ra một ít ánh sáng).

2.7. TRỜI VÔ LƯỢNG QUANG

Trời Vô Lượng Quang đại khái cũng giống như cõi trời trên (Trời Thiểu Quang)

(Trích kinh Trường A-Hàm quyển 20. Phẩm Y ghi: khi nói chuyện, trong miệng phát ra nhiều ánh sáng).

2.8. TRỜI QUANG ÂM

Trời Quang Âm (Phẩm Y gọi là trời Quang Diệu. Khi nói chuyện, trong miệng phát ra vô biên ánh sáng thanh tịnh).

Thiên vương tên Lạc Quang (kinh Lâu Thán ghi: Bồ-tát A-phi-phù Thiên còn gọi là Quang Niệm, hay Quan Âm Thanh) nhìn thấy cõi Diêm-phù-đề dơ bẩn. Mùi hôi xông lên bảy ngàn vạn dặm (70.000.000 dặm). Vì vậy, Bồ-tát không sanh vào cõi trời này (kinh Trường A-Hàm ghi: cõi trời cách xa một trăm do-tuần còn nghe mùi thối hơn mùi nhà xí). Nhị thiền gọi chung là Quang Âm, thiên cung cách cung Phạm-ca-di hai do-tuần.

(Trích kinh Trường A-Hàm quyển 20, kinh Hoa Nghiêm, kinh Lâu Thán, luận Đại Trí Độ và kinh Bồ-tát Xử Thai)

2.9. TỊNH THIÊN

Cõi Tịnh Thiên lấy thiền duyệt làm thức ăn, thọ ba kiếp hoặc ít hơn.

(Trích kinh Trường A-Hàm quyển 20).

2.10. TRỜI THIỂU TỊNH

Trời Thiểu Tịnh đại khái cũng giống như cõi trời trên (Tịnh Thiên) (Trích kinh Trường A-Hàm quyển 20). (Trích kinh Trường A-Hàm quyển 20. Phẩm Y ghi: Ba cõi trời (Thiểu Tịnh, Vô Lượng Tịnh, Biến Tịnh) cùng tu tập không có hỷ lạc tương ưng với thiền nên sanh vào ba cõi trời này. Dùng ít phương tiện tương ưng với thiền ít nên sanh vào trời Thiểu Tịnh, thọ lạc cũng ít).

2.11. TRỜI VÔ LƯỢNG TỊNH

Trời Vô Lượng Tịnh đại khái cũng giống cõi trời Thiểu Tịnh

(Trích kinh A-hàm. Phẩm Y ghi: dùng phương tiện bậc trung nên sanh về cõi trời này).

2.12. TRỜI BIẾN TỊNH

Trời Biến Tịnh (tiếng Phạm là Vi Tế. Phẩm Y ghi: dùng phương tiện bậc thượng nên sanh về cõi trời này).

Thiên vương tên Tịnh Trí, bốn tay nắm giữ bối luân, cỡi chim cánh vàng. Tam thiên gọi chung là Biến Tịnh, cũng gọi là Thủ-đà-cân, thiên cung cách cung Quang Âm hai do-tuần.

(Trích kinh Trường A-hàm quyển 20, kinh Hoa Nghiêm, kinh Lâu Thán, luận Đại Trí Độ).

2.13. TRỜI NGHIÊM SỨC

Trời Nghiêm Sức lấy thiền duyệt làm thức ăn, thọ 40.000 kiếp hoặc ít hơn.

(Trích kinh Trường A-hàm quyển 20).

2.14. TRỜI THIỂU NGHIÊM SỨC

Trời Thiểu Nghiêm Sức đại khái cũng giống cõi trời Nghiêm Sức (Trích kinh Trường A-hàm quyển 20).

2.15. TRỜI VÔ LƯỢNG NGHIÊM SỨC

Trời Vô Lượng Nghiêm Sức đại khái cũng giống cõi trời Thiểu Nghiêm Sức.

(Trích kinh Trường A-hàm quyển 20).

2.16. TRỜI NGHIÊM SỨC QUẢ THIỆT

Trời Nghiêm Sức Quả Thiệt Thiên vương tên Pháp Hoa Quang. Tứ thiền gọi chung là Quả Thiệt, thiên cung cách cung Biến Tịnh hai

do-tuần.

(Trích kinh Trường A-hàm quyển 20, lại trích kinh Hoa Nghiêm).

2.17. TRỜI VÔ TƯỞNG

Trời Vô Tưởng (kinh Lâu Thán gọi là Vô Nhân Tưởng).

Thiên nhân cõi này lấy thiền duyệt làm thức ăn, thọ năm trăm kiếp hoặc ít hơn, bằng số kiếp của cõi Sắc, ánh sáng rực rỡ hơn ở cõi trời Quả Thiệt. Ngoại đạo cho đây là Niết-bàn.

(Trích kinh Trường A-hàm quyển 20. Phẩm Y ghi: Diệt tưởng thì sanh về Vô tưởng, chỉ còn sắc ấm, hành ấm, hễ khởi chút niệm tưởng liền chết).

2.18. TRỜI BẤT THIỀN

Trời Bất Thiền (kinh Trường A-hàm gọi là Vô Tạo, kinh Lâu Thán gọi là A-tỳ-phi).

Thiên nhân cõi này lấy thiền duyệt làm thức ăn, thọ một ngàn kiếp hoặc ít hơn, ánh sáng rực rỡ hơn ở cõi trời Vô Tưởng.

(Trích kinh Trường A-hàm quyển 20)

2.19. TRỜI VÔ NHIỆT

Trời Vô Nhiệt thân cao bốn ngàn do-tuần, đất mềm nhuyễn nên thiên nhân không đứng được, nếu bước xuống thì thân hình dường như trở thành thô xấu. Thiên nhân cõi này lấy thiền vị làm thức ăn, thọ hai ngàn kiếp hoặc ít hơn, ánh sáng rực rỡ hơn ở cõi trời Bất Phiền.

(Trích kinh Trường A-hàm quyển 20)

2.20. TRỜI THIỆN KIẾN

Thiện Kiến (kinh Hoa Nghiêm gọi là Thiện Kiến, kinh Lâu Thán gọi là Tu-đà-chiên).Thiên nhân cõi này thân cao bốn ngàn do-tuần, cũng lấy thiền duyệt làm thức ăn, thọ ba ngàn kiếp (kinh Tam Thừa Danh Số ghi:thọ bốn ngàn kiếp) hoặc ít hơn, Ánh sáng rực rỡ hơn ở cõi trời Vô Nhiệt.

(Trích kinh Trường A-hàm quyển 20).

2.21. TRỜI ĐẠI THIỆN KIẾN

Đại Thiện Kiến (kinh Hoa Nghiêm gọi là Thiện Kiến, kinh Lâu Thán gọi là Tu-di-chiên-ni)

Thiên nhân cõi này thân cao tám ngàn do-tuần, cũng lấy thiền

duyệt làm thức ăn, thọ bốn ngàn kiếp (kinh Tam Thừa Danh Số ghi: tám ngàn kiếp) hoặc ít hơn, ánh sáng rực rỡ hơn ở cõi trời Thiện Kiến.

(Trích kinh Trường A-hàm quyển 20).

2.22. TRỜI SẮC CỨU CÁNH

Trời Sắc Cứu Cánh (kinh Hoa Nghiêm và kinh Lâu Thán đều là A-ca-nị-tra).

Thiên nhân cõi này thân cao mười sáu ngàn do-tuần, cũng lấy thiền duyệt làm thức ăn, thọ năm ngàn kiếp (kinh Tam Thừa Danh Số ghi:mười sáu ngàn kiếp) hoặc ít hơn.

Năm cõi trời trên đây đều gọi là Tịnh Cư, là chỗ trụ của các vị A-na-hàm, ánh sáng rực rỡ nhất.

(Trích kinh Trường A-hàm quyển 20, kinh Hoa Nghiêm, kinh Lâu Thán, luận Đại Trí Độ).

2.23. TRỜI MA-Ê-THỦ-LA

Trời Ma-ê-thủ-la (đời Lương dịch Tự Tại) còn gọi là Tịnh Cư. Qua khỏi năm cõi trời Tịnh Cư thì có tám xứ đều trống không, vắng lặng, là trú xứ của mười vị Đại sĩ. Bồ-tát Pháp Vân phần nhiều làm thiên vương ở đây. Thiên vương có tám tay, ba mắt, cỡi trâu trắng lớn. Mây lớn tuôn mưa khắp cả đại thiên thế giới. Tất cả chúng sanh không thể biết số lượng, chỉ vị thiên vương này mới biết được.

(Kinh Niết-bàn ghi: như người nào cúng dường trời Ma-ê-thủ-la phải biết người này đã cúng dường tất cả chư Thiên. Kinh Lâu Thán ghi: Từ trời Quang Âm trở lên không có thiên vương)

(Trích luận Đại Trí Độ quyển 2)

3. CÕI VÔ SẮC: Có bốn tầng trời

3.1. VÔ LƯỢNG KHÔNG NHẬP XỨ:

Còn gọi là Không xứ trí Thiên, thọ mười ngàn kiếp hoặc ít hơn

(Trích kinh Tạp A-hàm. Kinh Lâu Thán gọi là Hư không trí thiên).

3.2. VÔ LƯỢNG THỨC NHẬP XỨ

Còn gọi là Thức xứ trí thiên, thọ hai mươi mốt ngày kiếp hoặc ít hơn.

(Trích kinh Tạp A-hàm. Kinh Lâu Thán gọi là Thức tri thiên).

3.3. VÔ SỞ HỮU NHẬP XỨ

Còn gọi là Vô sở hữu xứ trí thiên, hay Bất dụng xứ. Thiên nhân cõi này thọ bốn mươi hai ngàn kiếp hoặc ít hơn.

Có vị Ưu-đạp-lam không được Phật giáo hóa mà tự mạng chung. Đức Phật thọ ký vị này sanh về cõi Bất dụng xứ. Thọ hết phước trời, vị này làm vua nơi biên địa làm tổn hại nhân dân; sau khi chết, đoạ vào địa ngục.

(Trích kinh Trường A-hàm, Tăng Nhất A-hàm. Kinh Lâu Thán gọi là A-kiệt-nhã-nhiên).

3.4. PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG NHẬP XỨ

Còn gọi là Hữu tưởng vô tưởng thiên. Thiên nhân cõi này thọ tám vạn bốn ngàn kiếp hoặc ít hơn.

Có Phất-la-lặc-ca-lam không được Phật giáo hoá mà tự mạng chung. Đức Phật thọ ký vị này sẽ sanh về cõi trời Hữu tưởng vô tưởng; sau lạ làm chồn dữ có cánh. Các loài chim bay thú chạy đều bị nó làm hại. Sau khi mạng chung, chồn dữ bị sanh vào địa ngục.

(Trích kinh Tạp A-hàm, Tăng Nhất A-hàm. Kinh Lâu Thán ghi: Trên cõi trời này còn có cõi trời Vô hữu phi tưởng tư, cũng gọi là Hữu tư tưởng thiên.)

Chương II: SỰ THÀNH HOẠI CỦA HAI CÕI

1. Tam tiểu tai (còn gọi là Tam tiểu kiếp hay Tam trung kiếp)
2. Tam đại tai (còn gọi là Tam đại kiếp)

1. TAM TIỂU TAI

Thời kiếp sơ, con người thọ bốn vạn tuổi, sau giảm xuống còn một trăm tuổi, giảm dần cho tới mười tuổi (Tạp Tâm và Tiểu kiếp kinh sao ghi: hơn mười hai tuổi). Lúc ấy, người nữ sinh ra năm tháng đã lập gia đình. Khi tuổi thọ con người còn mười tuổi thì gọi là Tam tiểu kiếp: đao binh, đói kém (Kinh Trường A-hàm ghi: lúa gạo đất đỏ) và bệnh tật.

Kiếp đao binh: con người phần nhiều tham lam, thô bạo, làm mười điều ác. Nếu người nào làm một việc thiện thì mọi người đều lộ vẻ cười chê, cho là ngu, và tranh nhau hiếp đáp, tiêu diệt. Họ dạy nhau làm ác, không có một người làm thiện. Ngũ cốc không còn, vị ngon mất hết, tơ lụa, vải vóc tự nhiên hết sạch, chỉ ăn bông cỏ, mặt áo dệt bằng cỏ, bảy

báu biến mất, cát đá đầy dẫy. Đất sanh gai góc, nhánh lá lớn nhỏ đều là đao kiếm xô ngã cây cối. Mặt đất hầm hố, sóng dập vỡ bờ. Sông ngòi rộng ra, đất bằng hẹp lại. Mỗi lần khởi đao binh phải mất bảy ngày. Trong thời gian đó, cây cỏ ngói đá cầm nơi tay đều thành đao kiếm. Họ muốn cướp giật lẫn nhau, gây hại kinh hồn ghê rợn, chỉ muốn giết nhau, giống như người thợ săn gặp bầy nai. Trong kiếp này người trí ẩn sâu vào hang núi, nơi không một bóng người, ăn quả uống nước để trọn mười tuổi. (Kinh Trường A-hàm ghi: Họ sống bảy ngày thì mãn kiếp). Tất cả những người giết nhau đều đọa vào địa ngục. Đây gọi là kiếp đao binh.

Kiếp đói kém: Con người phần nhiều làm điều phi pháp ngu si tà kiến, tham lam keo kiệt, ganh ghét, giữ của không cho. Mưa nắng thất thường, ruộng trồng thì không thu hoạch được. Ngũ cốc hết sạch, cơm gạo đắt đỏ, phải gom nhặt những hạt gạo lép, lá cây rụng giữa đường để kéo dài mạng sống. Lúc hạt lép, lá cây đã hết, họ phải đào đất tìm ăn rễ cỏ, cây. Ai không ăn được thì đành chết trước. Người sống phanh da sẽ thịt người chết, ăn nuốt lẫn nhau. Thịt giết ăn đã hết, họ đến gò mã, nhặt hài cốt nấu nước uống để tự sống. Tất cả những người chết đói đều đọa vào địa ngục. Đây gọi là tiểu kiếp đói kém.

Kiếp tật bệnh: Con người đều có chánh kiến, tu hành Thập thiện, nhiều bệnh tật, ít thuốc men phần lớn không có cách chữa. Tuy họ thực hành đều thiện, nhưng vẫn không tránh khỏi bệnh tật; vì ít phước đức nên mắc bệnh là chết. Các vị thần đến quấy nhiễu, dùng gậy đánh đập khiến tâm họ điên loạn, bắt lấy thần thức, giết chết rồi đem đi. Sau khi mạng chung, họ được sanh lên trời. Đây gọi là kiếp bệnh tật.

Nếu người giữ giới không sát sinh một ngày một đêm thì trọn không sinh vào kiếp đao binh; Nếu người cúng dường chúng Tăng một quả A-lê-lặc thì trọn không sinh vào kiếp bệnh tật; Nếu người cúng dường chúng Tăng một bữa ăn thì trọn không sinh vào kiếp đói kém. Trong cõi Diêm-phù-đề này, kiếp ác xen nhau khởi lên; các cõi khác thì ít hơn. Cõi này kiếp đao binh khởi thì cõi khác chỉ giận dữ. Cõi này kiếp bệnh tật khởi thì cõi khác sức khoẻ suy yếu. Cõi này kiếp đói kém khởi thì cõi khác chỉ thiếu ăn, thiếu uống mà thôi.

(Trích kinh Trường A-hàm quyển 22, lại trích kinh Tam tiểu kiếp,Tạp Tâm quyển14).

2. TAM ĐẠI TAI

Trời đất từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc gọi là một kiếp. Bắt

đầu kiếp hoại, hỏa tai sẽ khởi lên, mọi người đều bỏ chánh theo tà, đua nhau làm mười điều ác. Trời hạn, lâu ngày không mưa, cây cỏ không sống được. Các nguồn nước cho đến bốn con sông đều khô cạn. Lâu dần về sau, gió xoáy đáy biển, đem mặt trời đặt lên thành quách bên cạnh núi Tu-di ngay giữa quỷ đạo. (Tạp Tâm ghi: Khi kiếp diệt, có bảy vầng mặt trời mọc ở núi Du-kiền-đà. Có thuyết nói: chia một mặt trời thành bảy mặt trời. Lại có thuyết cho rằng: chúng sanh do nghiệp lực dẫn dắt đọa vào địa ngục A-tỳ).

Khi một mặt trời xuất hiện, trăm thứ cỏ cây cùng lúc tàn lụi. Khi hai mặt trời xuất hiện, nước bốn biển lớn trong khoảng từ trăm do-tuần đến bảy trăm do-tuần tự nhiên khô cạn. Khi ba mặt trời xuất hiện, nước bốn biển lớn trong khoảng từ ngàn do-tuần đến bảy ngàn do-tuần tự nhiên khô cạn. Khi bốn mặt trời xuất hiện, nước bốn biển lớn rút sâu xuống cả ngàn do-tuần. Khi năm mặt trời xuất hiện, nước bốn biển lớn chảy dài hơn bảy trăm do-tuần đều bị cạn hết. Khi sáu mặt trời xuất hiện, đất này dày sáu mươi tám ngàn do-tuần đều bốc khói. Từ núi Tu-di cho đến ba ngàn đại thiên cõi nước và tám địa ngục đều bị thiêu trụi, tro khói mù mịt. Nhân dân ở núi Tu-di đều chết, còn năm loại chư Thiên: Tam Thập Tam Thiên, Diễm Thiên cho đến Tha Hoá Tự Tại thiên đều mạng chung, cung điện trống không. Tất cả mọi vật đều vô thường, không có bền lâu. Khi bảy mặt trời xuất hiện, đất đai, núi Tu-di dần dần sụp lỡ cả trăm do-tuần, không còn gì cả. Các loại vàng, bạc, đồng, sắt đều chảy thành nước, tiêu đến khô cạn. Núi cũng như vậy. Các vật báu vỡ vụn, tiếng kêu xoang xoảng, sức nóng xông lên tới cõi Phạm Thiên. Tất cả ác đạo và A-tu-luân đều hết sạch. Tội diệt phước sanh thì tập hợp lên cõi trời thứ mười lăm. Từ cõi trời thứ mười lăm trở xuống đều thành tro. Các thiên tử mới sinh ra nhìn thấy cảnh này sanh tâm sợ hãi. Các thiên tử sanh trước đến an ủi: Đừng sinh tâm lo sợ, việc ấy không xảy ra ở đây. Người dân chết đi, sanh lên cõi trời Quang Âm, lấy niệm làm thức ăn. Thân thể vị này có ánh sáng tự chiếu, có thần túc bay đi tự tại, hoặc sanh vào cõi khác, hoặc sanh vào địa ngục. Hết tội địa ngục thì sanh lên cõi trời, nếu tội chưa hết cũng sanh lên trời. Lên trời mà tội chưa hết thì dời vào cõi khác, không có mặt trời, mặt trăng, tinh tú, cũng không có đêm ngày, chỉ có tối đen. Đây gọi là hỏa kiếp hỏa tai. Nhân duyên quả báo bại hoại đến như thế.

Lúc kiếp sắp thành, lửa liền tự diệt, mây lớn kéo tới, tuôn mưa xối xả, giọt nước mưa to bằng trục bánh xe. Bấy giờ nước tràn ngập đến cõi Phạm Thiên trong ba ngàn đại thiên cõi nước (Tạp Tâm ghi: Thuỷ tai

phá hoại đến cõi Nhị thiền từ cõi Tam thiền trút mưa nước tro nóng. Lại có thuyết cho là thủy luân phát khởi). Đây gọi là thủy kiếp thủy tai.

Lại có bốn ngọn gió giữ nước lại không cho lan tràn, đó là trụ phong, trợ phong, bất động phong, kiên phong. Trải qua mấy ngàn ức triệu năm, trên mặt nước, những bọt nước biến thành hàng ngàn thiên cung bằng bảy báu ở cõi trời thứ mười bốn. Sau đó, nước rút dần, bị gió núi thổi vỗ lên. Những bọt nước lần lượt chuyển thành các cõi trời, cung điện, mặt trời, mặt trăng; Lại chuyển thành ngàn núi Tu-di rồi đến đất đai, núi sông, thành trì của hàng ngàn bốn châu thiên hạ. Khi mặt nước trong sạch, đầu tiên làm thành thiên cung bằng bảy báu sáng rỡ tối thắng. Khi nước rút xuống và dơ bẩn, ánh sánh thiên cung bằng bảy báu cũng lu mờ dần. Lúc đất sắp lộ ra, nước đổ dồn xuống, xoáy cát thành sông cuốn vào biển cả, biển sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần, rộng không giới hạn. (Kinh Lâu Thán ghi: sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần). Núi Tu-di ở trong biển này. Cách biển này tám vạn bốn ngàn do-tuần, vị nước mặn đắng.

Đầu kiếp thành, mây nổi lên bao phủ khắp cõi trời Quang Âm, tuôn mưa rửa sạch thiên cung, tẩy sạch các chất dơ bẩn trong vạn vật, rồi chảy vào biển khiến nước biển mặn đắng.

Lại có vị đại tiên nhân đọc chú khiến nước biển mặn đắng, không ai uống được.

Lại có nhiều loại chúng sanh ở trong biển, tiểu tiện trong đó nên nước biển mặn đắng.

Đây gọi là phong kiếp phong tai. (Tạp Tâm ghi: Phong tai phá hoại đến Tam thiền, trăm ức bốn châu thiên hạ cùng lúc đều hoại diệt). Tam đại tai và địa chủng gọi là Tứ tai tứ kiếp. Trừ kiếp địa chủng ra, ba thứ kia gọi là đại kiếp. Qua kiếp địa chủng, đến kiếp hoại, chưa hề xảy ra ở cõi Tứ thiền là trời Tịch Cư.

Qua kiếp địa chủng là đến kiếp hoại, chưa từng xảy đến cõi Tứ thiền vì cõi này là Tịnh cư thiên, cũng không xảy đến ở các cõi trên đó, tức nơi ấy cũng không có sự hiện diện của Niết-bàn. Những hiện tượng trên giảm dần, trời đất hiện ra. Trời đất lại bắt đầu thênh thang trống rỗng, hoàn toàn không có một vật gì, cũng không có mặt trời, mặt trăng. Đất phun ra suối nước ngọt, thơm như sanh tô, ngọt như mật. Bấy giờ, chư Thiên ở cõi trời Quang Âm, có vị dư phước hết mà sanh về đây, có vị ưa xem đất mới, táy máy lấy tay vít đất nếm thử. Như thế hai ba lần, họ thích thú mùi vị, ăn mãi không thôi. Thân thể họ dần dần thô xấu, mất hết sắc đẹp, thần túc, ánh sáng của trời, toàn thân tối đen. Sao đó,

trận cuồng phong thổi nước biển kia, nổi lên mặt trời, mặt trăng và đặt chúng vào trong quỹ đạo bên núi Tu-di. Mặt trời, mặt trăng xoay quanh núi Tu-di, chiếu sáng bốn châu thiên hạ. Lúc ấy con người thấy mặt trời mọc thì vui mừng, mặt trời lặn thì sợ hãi. Từ đây về sau, có bốn mùa, năm tháng ngày giờ, trở lại như lúc ban đầu.

Người ăn nhiều, tướng mạo trở nên xấu xí, người ăn ít thì vẫn còn sắc đẹp. Ngon dở, tốt xấu dần dần sanh ra, kiêu mạn, ganh ghét lần lần phát khởi, căm giận đau tranh nối nhau không dứt. Suối nước ngọt tự nhiên khô cạn, trên đất sanh ra lớp váng có vị thơm ngon như cam lộ. Lúc ấy, chúng sanh cùng nhau ăn váng đất. Người ăn ít, thân nhẹ, không mệt, vẫn còn bay đi được. Người thân nặng thấy vậy mới gào khóc lên, than rằng: "Chúng tôi cùng quẫn mới ở lại thế gian này". Từ đó, phải quấy, kiện tụng nổi lên gấp bội trước đây. Do ăn váng đất nên khi nhìn ngắm sắc đẹp của nhau, người nhiều dục tâm biến thành người nữ. Họ ái nhiễm nhau, liền hành dâm dục. Như thế lan rộng ra.

Những vị Trời Quang Âm khác nhìn thấy các thiên tử đều bị đọa lạc mới đến quở trách: "Các ngươi cớ sao làm hạnh bất tịnh?"

Váng đất thấm vào lòng đất, tự nhiên sanh ra lúa gạo tươi tốt, sạch sẽ, không có vỏ, đã thơm lại ngon. Người ăn vào thì mập trắng ra. Lúa này, sáng hái thì chiều mọc. Con người ngày càng lười biếng, lấy cất để dùng nhiều ngày, tình dục phóng túng quá độ, không có tiết chế. Người nữ mang thai lại sanh ra con nhỏ. Người khác thấy vậy liền đuổi họ xa cách mọi người, ba tháng mới cho phép trở về. Những người này sanh tâm xấu hổ, cùng nhau tìm phương tiện thích nghi, lấy cây cỏ dựng lập nhà cửa, che giấu thân hình khiến người khác không trông thấy, quen thói dâm dục, cứ thế càng tăng. Họ lấy nhiều lương thực để dự trữ. Ai cũng bắt chước nhau nên lúa gạo lép, dơ, sinh ra trấu cám, cắt rồi thì không mọc nữa. Chúng sanh thấy vậy, lòng buồn khôn xiết. Khi ba đại tai xảy ra, lúa gạo còn không được như trước.

Mỗi người tự nghĩ: "Lúc mới sanh ra, ta vẫn sống bằng niệm, bay đi tự tại, ánh sáng tự chiếu, do sống ở đây giãi đãi, mới ra nông nổi này".

Họ lại bảo nhau: "Bây giờ chúng ta nên chia đất ra và cắm nêu làm dấu".

Bắt đầu từ đó, có bờ cỏi, ranh giới. Có kẻ tự cất dấu phần mình, trộm cắp lúa gạo người khác. Người chủ bắt được, bảo: "Lần này ta tha tội cho ngươi, về sau không được làm như thế nữa!" Kẻ kia cứ trộm mãi như thế. Người chủ lại quở trách nhiều hơn. Quở trách không được, họ

dùng tay đánh, rồi tố cáo với mọi người: “Người này là kẻ trộm”

Kẻ trộm lại nói: “Người này đánh tôi”

Mọi người thấy thế, buồn bã không vui, cùng họp lại, bàn bạc: “Chúng sanh ngày càng làm ác; đó là nguyên nhân của sanh, già, bệnh, chết, đưa đến khổ báo, phiền não, đọa ba đường dữ. Bởi có ruộng đất sanh ra kiện tụng, nay chúng ta nên cử ra một người tài cao, thông minh làm chủ để xử lý việc này. Người đáng bảo hộ thì bảo hộ, người đáng quở trách thì quở trách, người nên đuổi đi thì đuổi đi. Chúng ta nên góp gạo để chu cấp cho vị ấy”.

Thế rồi, họ mới tuyển chọn người tài giỏi, thân hình đẹp đẽ, có oai đức rồi nói: “Ông hãy làm chủ công bằng cho chúng tôi”.

Vị ấy khéo dùng lời thăm hỏi, mọi người đều vui mừng, và khen ngợi: “Lành thay, Đại vương”

Nhà vua dùng chánh pháp trị dân đều là phép tắc đã có từ lâu nên gọi là Sát-lợi.

Về sau, người nào xâm phạm tài vật của người khác liền bị trừng phạt. Nếu phạm lần thứ hai thì dùng roi gậy răn đe. Nếu cứ tiếp tục, nhà vua sẽ sử dụng hình thức giam cầm, tra khảo... khiến kẻ trộm sợ hãi.

Bấy giờ, có người nghĩ: “Nhà nhiều hoạn nạn giống như gai độc”, liền bỏ vợ con, một mình ở chốn núi rừng, dựng lập am tranh, nhiếp tâm định tĩnh, tu tập Phạm hạnh, gọi là Bà-la-môn.

Về sau, trong hàng Bà-la-môn có vị không thích ngồi thiền tư duy yên tĩnh, mới vào nhân gian, làm nghề đọc tụng, lại tự xưng: “Ta là người không tọa thiền”. Thế rồi, người đời gọi vị này là Bà-la-môn không tọa thiền.

Bấy giờ, trong hàng chúng sanh, có người thích kinh doanh, sự nghiệp, chứa nhiều của báu gọi là cư sĩ. Lại có người ưa thích kỹ thuật gọi là Thủ-đà-la. Lại có người nhàm chán các pháp thế gian, nên cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục tu hành gọi là Sa-môn.

Thời ấy, con người thường hay sát sanh, trộm cắp. Khi mất hết lúa thóc, con người nghĩ ra năm loại giống: rễ, lá, hoa, quả, thân và các giống khác. Năm loại giống này đều do gió thổi từ các cõi nước phương khác để giúp chúng sanh cõi này. Đây là đầu mối của sanh, già, bệnh, chết, năm ấm lừng lẫy, khổ não không dứt.

Cuối thời thủy kiếp, chư Thiên cõi Quang Âm vào sông tắm gội. Tinh khí của bốn đại nhậpvào thân sinh ra xúc phạm khoái lạc, xuất tinh trong nước. Tám gió thổi động, tinh trùng rơi xuống bùn lầy, tự nhiên thành trứng. Trứng ấy nở ra một người nữ, có thân hình xanh đen

giống như bùn đọng, có chín trăm chín mươi chín đầu, một ngày mắt, chín trăm chín mươi chín cái miệng; Mỗi miệng có bốn răng; Trên răng phát ra lửa, hình dạng giống như gạch ngói. Người này có hai mươi bốn tay trong tay cầm đủ loại vũ khí. Thân cao lớn như núi Tu-di, vào trong biển cả vỗ nước tự vui. Có gió lốc thổi vào nước biển. Tinh khí của nước nhập vào cơ thể, vị này liền mang thai, trải qua tám ngàn năm, sau đó sinh ra đứa bé trai.

Chương III: KIẾP GIẢM

Đức Phật dạy: "Giả sử trong thành vuông một trăm do-tuần chứa đầy hạt cải, có người trường thọ cứ một trăm năm lấy một hạt cải, như thế cho đến hết hạt cải mà kiếp vẫn chưa hết. Lại như tảng đá vuông một trăm do-tuần, có người cầm điệp y Ca-thi mềm mại, cứ một trăm năm phủi lên tảng đá một lần, đá mòn hết mà kiếp vẫn không hết. Đây gọi là đại kiếp." Đức Phật lại dạy: "Thành sắt vuông một do-tuần, cao thấp cũng vậy. Trong đó chứa đầy hạt cải. Cứ một trăm năm lại lấy một hạt, lấy cho đến hết là một kiếp. Lại như núi đá vuông một do-tuần, có kẻ sĩ lấy y Ca-thi cứ một trăm năm phủi lên tảng đá một lần, phủi liên tục cho đến khi núi đá mòn hết mà kiếp vẫn chưa hết. Cứ một niệm trong sáu mươi niệm là cực tiểu kiếp."

(Trích luận Đại Trí Độ quyển 36; lại trích Tăng Nhất A-hàm quyển 31, 28; lại trích Tạp A-hàm quyển 34).

Chương IV: MẶT TRỜI

Thành mặt trời vuông vức hai ngàn lẻ bốn mươi dặm, cao cũng vậy. Ánh sáng tỏa ra, mắt người trông thấy như hình tròn. Cung thành thuần bằng vàng, bảy báu sáng đẹp, không có tỳ vết, được năm gió bảo trì. Đó là: trì, dưỡng, thọ, chuyển, điều.

Tòa ngồi của vua mặt trời vuông hai mươi dặm. Thân vua phát ra ánh sáng chiếu rực cả cung điện. Ánh sáng cung điện chiếu vào thành quách. Ánh sáng thành quách chiếu xuống khắp bốn châu thiên hạ. Vua có vô số thiên thần ủng hộ trước sau. Âm nhạc tự vui không hề dừng

nghỉ. Vườn rừng ao tắm cũng như ở cõi trời Đao Lợi. Thiên nhân thọ năm trăm tuổi. Con cháu kế thừa đến hết một kiếp. Thành mặt trời quay quanh núi Tu-di. Mặt trời mọc ở phương Đông, giữa trưa ở phương Nam, nửa đêm ở phương Tây và lặn ở phương Bắc, quay tròn về phía phải như thế tạo thành ngày đêm. Ngày đêm lại có dài ngắn. Mặt trời lệch về phương Nam sáu mươi dặm thì ở phương Nam một trăm tám mươi ngày dài ra, và ở phương Bắc ngày ngắn lại; Lại vận hành lệch về phương Bắc thì ở phương Bắc một trăm tám mươi ngày dài ra, ở phương Nam ngày ngắn lại.

(Trích kinh Trường A-hàm quyển 22, lại trích kinh Lâu Thán)

Chương V: MẶT TRĂNG

Thành mặt trăng rộng dài mười chín ngàn sáu mươi dặm, cao cũng như vậy. Thành này dĩ nhiên là vuông vức nhưng nhìn từ xa cho nên thấy tròn. Thành được làm bằng hai phần thiên ngân (bạc trời), một phần lưu ly, trong ngoài trong suốt, ánh sáng chiếu xa, được năm gió bảo trì.

Vua mặt trăng ngự trong cung điện bảy báu vuông hai mươi dặm, vô lượng thiên thần thân có ánh sáng, cùng tấu âm nhạc, theo hầu trước sau. Ở đây cũng có các chốn vui chơi như vườn, ao không khác cõi trời Đao Lợi. Thiên nhân thọ năm trăm tuổi. Con cháu kế thừa đến hết một kiếp.

Mặt trăng có tròn, khuyết.

Khuyết: khi vận hành về đêm, một góc hơi lệch và bị che khuất nên thấy mặt trăng khuyết. Lại có thuyết nói: Bên thành mặt trăng có cõi trời. Thiên nhân thân màu xanh. Ánh sáng xanh nơi khuôn mặt họ chiếu vào thành nên mặt trăng bị khuyết.

Tròn: khi vận hành, mặt trăng chuyển qua đúng hướng.

Vào ngày rằm chư Thiên mặc y phục xanh vào thành mặt trăng hội họp với vua.

Lại nữa, vùng đất phía Nam của núi Tu-di có cây lớn tên Diêm-phù-đề, cao bốn ngàn dặm, cành che mát hai ngàn dặm, bóng cây hiện giữa mặt trăng.

*** NHẬT THỰC, NGUYỆT THỰC:**

Thiên vương A-tu-luân tên La-hô, thân cao hai vạn tám ngàn dặm.

Vào ngày rằm trong tháng, vua đứng ở giữa biển, khi nước biển mới tới rốn thì cúi đầu nhìn lưới báu Tu-di, Thái Sơn và các núi ở bốn phương, lấy tay che mặt trời, mặt trăng khiến ban ngày trở thành ban đêm. Khi nhật thực, nguyệt thực thì không có ánh sáng.

(Trích kinh Lâu Thán quyển 5).

Chương VI: TINH TÚ

Thành tinh tú là nhà của thiên thần, lấy tinh chất của nước làm thành, bảy báu làm cung, lơ lửng giữa không trung, nhờ gió lớn bảo trì giống như mây nổi. Tinh tú vận hành theo mặt trời, mắt có thể nhìn thấy. Thành lớn bảy trăm dặm, trung bình năm trăm dặm, nhỏ một hai mươi dặm. Cung điện, vườn ao giống như cõi trời Tứ thiên vương. Tuổi thọ cũng như vậy.

(Trích kinh Lâu Thán quyển 6, lại trích kinh Trường A-hàm)

Chương VII: SẤM

Giữa đám mây trên không, có khi địa đại va chạm với thủy đại, có lúc va chạm với hỏa đại, phong đại... Khi chạm nhau, phát ra tiếng sấm giữa đám mây trên không.

(Trích kinh Trường A-hàm quyển 20).

Chương VIII: CHỚP

Chớp có bốn loại. Chớp ở phương Đông gọi là Thân quang, ở phương Nam gọi là Nam hủy, ở phương Tây gọi là Lưu diễm, ở phương Bắc gọi là Định minh.

Vì sao trong đám mây giữa không trung có ánh chớp này? Điện ở bốn phương va chạm vào nhau nên có ánh sáng chiếu ra.

(Trích kinh Trường A-hàm quyển 20).

Chương IX: MÂY

Mây có bốn loại: trắng, đen, đỏ và hồng. Trắng là địa đại nhiều hơn, đen là thủy đại nhiều hơn, đỏ là hỏa đại nhiều hơn, hồng là phong đại nhiều hơn. Mây cách mặt đất khoảng mười hoặc hai mươi ba mươi cho đến bốn mươi dặm; trừ thời kiếp sơ, mây lên đến cõi trời Quang Âm. (Trích kinh Trường A-hàm quyển 20).

Mây có bốn màu: xanh, dỏ, trắng ngà và đen. Xanh là bên trong phần lớn là nước, đỏ là bên trong phần nhiều là lửa, trắng ngà là bên trong phần lớn là đất, đen là bên trong phần nhiều là gió. (Trích kinh Lâu Thán quyển 4)

Khí rồng phun ra thành mây. (Trích kinh Trường A-hàm).

Chương X: GIÓ

Khi thế giới hoại diệt, có ngọn gió lớn tên là Hoại tán nổi lên, có thể thổi tiêu tất cả vạn vật trong đại thiên thế giới như kim cương, núi Thiết vi. Bấy giờ, ở ngoài đại thiên thế giới, lại có một ngọn núi lớn khác tên là Chướng hoại tán nổi lên có thể ngăn phong tai đến phương khác. Nếu không có gió chướng này thì vô lượng A-tăng-kỳ thế giới trong mười phương đều bị hoại diệt.

(Trích kinh Hoa Nghiêm quyển 30).

Chương XI: MƯA

Có năm nhân duyên về mưa không thể biết được một cách chắc chắn nên thầy tướng tiên đoán thường bị sai lầm.

1. Mây có sấm chớp, thầy tướng đoán là sắp mưa. Nhưng vì hỏa đại nhiều nên thiêu hủy mây đi, do đó không mưa.

2. Mây có sấm chớp, thầy tướng cũng đoán là mưa. Nhưng vì có gió lớn nổi lên, thổi mây bay đi tứ tán vào trong các núi.

3. Mây có sấm chớp, thầy tướng cũng đoán là mưa. Nhưng bấy giờ A-tu-la gom mây nổi đặt giữa biển cả.

4. Mây có sấm chớp, thầy tướng cũng đoán là mưa. Nhưng vì thần mưa phóng dãng dâm loạn, nên cuối cùng không mưa xuống.

5. Mây có sấm chớp, thầy tướng cũng đoán là mưa. Nhưng vì

chúng sanh ở thế gian làm việc phi pháp, phóng túng, làm ô nhiễm hạnh thanh tịnh, xan tham, tật đố, điên đảo, cho nên khiến trời không mưa.

Do năm việc này nên thầy tướng đoán sai lầm.

(Trích kinh Trường A-hàm quyển 20, kinh Lâu Thán cũng vậy).

Long vương A-nậu-đạt nổi mây dày lớn đầy cả cõi Diêm-phủ-đề và tuôn mưa xối xả. Trăm thứ lúa thóc cỏ cây đều sinh sôi nảy nở. Sông ngòi, ao hồ đầy tràn nước. Nước mưa lớn này từ trong thân tâm của Long vương xuất ra, có thể làm lợi ích cho vô lượng chúng sanh.

Long vương Ma-na-tư muốn làm mưa, trước nổi mây dày che khắp hư không. Vì tâm từ bi nên ngưng bảy ngày để khiến cho chúng sanh dứt hết các nghiệp; Sao đó làm mưa nhỏ dần thấm ướt khắp cả đại địa.

(Trích kinh Trường A-hàm quyển 20)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 2

(NHỮNG MẪU CHUYỆN CỦA THIÊN NHƠN CÕI TRỜI DỤC GIỚI VÀ SẮC GIỚI)

1. Đế Thích thọ giới với Dã can.
2. Đế Thích giữ giới không báo thù.
3. Nhờ quy y Tam bảo, Đế thích từ trong thai lừa trở lại thân cũ.
4. Thiên tử Tất-bính-lê đời trước tu hạnh bố thí.
5. Thần mặt trời hỏi về hạnh xưa của thần mặt trời, thần mặt trăng.
6. Thiên tử trời Đao-lợi hết phước nhờ gặp Phật được sanh làm người.
7. Thiên nhơn duỗi tay ban nước cam lộ cứu năm trăm lái buôn.
8. Nhờ quy y Tam bảo Thiên tử chuyển thân lợn làm thân người.
9. Thiên nữ và đóa hoa sen kỳ diệu.
10. Thiên Bảo nữ có lời nói vi diệu.
11. Lộc Ngưu đánh đàn cầm, Thiên nữ ca múa.

1. ĐẾ THÍCH THỌ GIỚI VỚI DÃ CAN:

Ngày xưa, trong núi Túng-đà nước Tỳ-gia có con Dã can. Một hôm bị sư tử rượt, nó rớt xuống giếng ở gò hoang. Qua ba ngày ở dưới giếng, nó vui vẻ chấp nhận cái chết nên ngâm bài kệ:

Tất cả vạn pháp đều vô thường
Tiếc không đem thân đãi sư tử
Vì tội gì nay thân gặp nguy?
Tiếc thay thân này chết vô ích
Khi không mà chết đã đáng giận
Còn làm dơ bẩn nước giếng người
Con nay sám hối Phật mười phương
Xin hãy xót thương tấm lòng thành

Đời trước đã gây bao nghiệp ác
Nay xin trả hết chẳng còn vương
Từ nay nguyện gặp bâc minh sư
Chuyên tâm tu tập đến thành Phật.

Bấy giờ có vị Đế thích nghe được bài kệ ấy mới cùng tám mươi ngàn vị chư Thiên theo hướng âm thanh, bay đến bên giếng, lên tiếng thưa:

- Tôi từ lâu không nghe được lời dạy của Thánh nhân, trôi lăn mãi trong chốn tối tăm, không gặp được bậc minh sư dẫn dắt. Những lời kệ vừa rồi chẳng phải là lời nói tầm thường, xin Ngài hãy đem giáo pháp dạy cho tôi.

Dã can đáp:

- Thiên đế không được sự dạy bảo, thật không biết phép tắc. Pháp sư ở dưới, mình ở trên, hình thức đầu tiên đã không cung kính. Thế mà đòi học hỏi giáo pháp cao xa.

Nghe xong, Đế thích liền thả tà áo xuống kéo Dã can lên và đảnh lễ sám hối, rồi quay sang bảo các vị Trời:

- Nhớ thuở xưa, tôi từng thấy người ở nhân gian, mỗi khi muốn nghe chánh pháp thì trước hết trang trí một tòa cao sạch đẹp, rồi mới thỉnh pháp sư lên thuyết pháp.

Khi ấy các vị Trời, mỗi người đều cởi áo quý của mình xếp làm tòa cao. Sau đó Dã can lên tòa dạy rằng:

- Ta lên tòa thuyết pháp có hai lý do lớn, một là thuyết pháp giáo hóa thiên nhơn có phước vô lượng; hai là vì báo ân nuôi dưỡng. Vì vậy lẽ nào ta lại không nói.

Đế thích thưa:

- Tôi cứu Ngài thoát khỏi mối nguy dưới giếng, công lao ấy thật nhiều, tại sao Ngài thuyết pháp báo ân lại không nhắc đến việc này?

- Đối với sanh tử ở mỗi người mỗi khác. Có người tham sống, có người thích chết. Có hạng người ngu si không biết sau khi chết sẽ sanh lại kiếp khác, sống trái xa Phật pháp, không gặp được bậc minh sư, chỉ làm toàn những việc ác như, trộm cắp, tà dâm, dối gạt. Những người này tham sống, sợ chết. Sau khi chết họ sẽ bị rơi vào địa ngục.

- Có hạng người trí tuệ, quy kính Tam bảo, gặp được minh sư, bỏ ác làm lành, hiếu thảo dưỡng nuôi cha mẹ, kính hầu sư trưởng, quyến thuộc hòa thuận, kính nhường kẻ dưới. Người này chán sống, ưa chết. Sau khi chết họ được sanh lên cõi trời.

- Như lời Ngài dạy thì việc cứu Ngài toàn thân mạng chẳng có

công lao gì cả, vậy xin Ngài nói cho tôi nghe về vấn đề bố thí thức ăn và bố thí pháp.

- Đem thức ăn uống cho người chỉ cứu được mạng sống trong một ngày, đem vật quý giá cho người chỉ giúp cho họ thoát khỏi sự thiếu thốn trong một đời. Làm như thế là kéo dài sanh tử, tạo nhân duyên ràng buộc mãi không thôi. Thuyết pháp giáo hóa gọi là bố thí pháp. Đem giáo pháp giáo hóa có thể giúp cho chúng sanh thoát khỏi những khổ đau trong cõi nhân gian. Một là thành tựu bậc A-La-hán, hai là thành Bích-chi-Phật, ba là thành Phật. Bậc Tam thừa này đều do nghe pháp, vâng theo tu hành mà thành tựu. Cũng có hạng chúng sanh do nghe pháp thoát khỏi đường ác, thọ hưởng phước báo an vui ở cõi trời, cõi người. Cho nên Phật từng dạy, đem pháp bố thí công đức vô lượng.

Đế thích lại hỏi:

- Hình dáng này của Thầy là thân nghiệp báo hay là thân ứng hóa?

- Là thân tội lỗi nghiệp báo, chẳng phải thân ứng hóa.

- Con nghĩ Ngài là bậc Thánh nhân Bồ-tát ứng hiện cứu giúp chúng sanh. Con chỉ vừa được nghe thầy dạy thân này là do nghiệp báo, chưa biết nguyên nhân, xin được nghe chỉ dạy:

Dã can kể:

- Trong kiếp quá khứ, ta sanh làm con của một gia đình nghèo dòng Sát-đế-lợi trong thành nước Ba-la-nại-ba-đầu-ma. Thuở nhỏ thông minh, hiếu học. Năm mười hai tuổi, ta theo bậc minh sư vào trong núi sâu, hết lòng hầu hạ không quản nhọc nhằn, siêng năng cố gắng học tập. Thầy cũng sớm hôm ân cần dạy bảo, không bỏ phí thời gian. Trải qua năm mươi năm, tất cả chín mươi sáu môn học như Kinh, thi, kí, luận, y dược, chú thuật, xem tướng tốt xấu, thiên tai họa phước... ta đều thông suốt. Trở thành một người trí tuệ tài cao, danh vang khắp chốn, ta mới suy nghĩ: “ Ta được như hôm nay đều là nhờ ân giáo hóa của Thầy, công ân ấy thật khó báo đền. Nhà ta vốn nghèo thiếu, không có gì cúng dường Thầy, chỉ có cách nên bán thân mình để báo đáp “.

Thầy ta biết được bảo:

- Kẻ đạo sĩ sống trong chốn núi rừng, xin ăn nuôi thân, thật không có gì thiếu thốn. Con đâu cần bán đi thân thể quý báu để cúng dường ta. Con hãy đem trí tuệ và biện tài con đã học truyền trao lại cho người dân trong thiên hạ, làm cho ngọn đèn pháp sáng tỏ, công phu giáo hóa ấy hẳn quá đủ báo đền công ơn ta rồi.

Lúc ấy ta nghe lời Thầy, ở lại trong núi, xin ăn nuôi thân. Không

bao lâu vua băng hà, quần thần tập hợp hơn năm trăm học sĩ để tranh luận so tài, hễ ai thắng sẽ được chọn làm vua. Qua kỳ so tài, anh chàng nhà nghèo là ta được lên làm vua. Lên ngôi, ta đem nhiều của cải trong nước cúng dường thầy mình và cha mẹ.

Về sau, hai nước An-đà-la và Ma-la-Bà-da đánh nhau trong nhiều năm mà không phân thắng bại. Vua nước An-đà-la triệu tập quần thần bàn bạc nên làm cách gì để thắng nước Ma-la-Bà-da. Quần thần tâu:

- Chỉ có vua nước Ba-la-nại-ba-đầu-ma là người xuất thân từ gia đình nghèo khó, lại tu tập mười điều thiện, không phạm giới tà dâm, tuy có cung nữ nhưng họ đều đã lớn tuổi. Nay chúng ta hãy lùng khắp trong nước, không kể nhà giàu hay nghèo, chọn lấy một trăm cô gái trẻ tuổi, xinh đẹp có khả năng làm vừa ý người khác. Chúng ta đem theo nhiều vàng bạc và thể nữ đến cống hiến cho vua ấy. Nếu như ông ta nhận thì nhân đó chúng ta sẽ mượn binh lính. Có quân binh hùng hậu, ta ra sức chiến đấu, chắc chắn sẽ thành công.

Vua làm theo kế của quần thần. Được cống hiến, vua nước Ba-la-nại-ba-đầu-ma rất thích thú, tuyển chọn ngay hàng trăm vạn binh hùng tướng mạnh giúp đỡ cho vua nước kia. Qua một trăm ngày chiến đấu gian khổ, người chết hơn phân nửa, cho đến khi vua nước Ma-la-Bà-da cùng quân lính đều bị chém đầu mới giành được thắng lợi.

Vua Ba-la-nại-ba-đầu-ma từ khi có thể nữ thì quên mất chí nguyện xưa. Suốt ngày đêm say đắm trong dục lạc, bỏ bê việc triều chính. Trăm quan kết bè kết đãng cùng nhau làm loạn. Con cái của người dân lương thiện bị bắt làm nô tỳ, mưa gió trái mùa, nạn đói xảy ra khắp nơi, giặc thù ở các nước lợi dụng thời cơ kéo đến xâm chiếm.

Ở nước Ba-la-nại-ba-đầu-ma ta chết đi, đọa vào địa ngục, chịu nhiều khổ sở độc hại. Nhờ sức trí tuệ học tập ở đời trước, nên ta biết được kiếp trước, trong lòmg hối hận tự trách, liền sửa lỗi trước phát tâm tu tập. Trong chốc lát ta bỏ thân địa ngục, sanh vào ngạ quỷ; lại tiếp tục sám hối tu mười điều thiện, trong chốc lát lại bỏ thân ngạ quỷ làm thân Dã can. Ta vẫn còn biết duyên đời trước nên tiếp tục tu mười điều thiện, vừa rồi gặp sư tử rượt mới bị rơi vào giếng này. Ta vui vẻ chấp nhận cái chết, mong được sanh lên cõi trời, lìa khổ được vui. Việc làm tốt của ngươi đã vô tình làm mất bổn nguyện của ta, khiến cho ta tiếp tục chịu cực khổ, lúc nào mới thoát khỏi kiếp khổ này đây. Cho nên ta nói, ngươi cứu mạng ta không có công lao gì cả.

Còn ta, sở dĩ lên tòa áo quý để được kéo lên khỏi giếng: Một là không muốn làm trái chí nguyện của Thiên đế, nếu chí nguyện không

thành Ngài sẽ rất buồn khổ. Người đem lại khổ đau cho người khác dù sanh ở nơi đâu, mọi mong cầu của mình đều không thành tựu. Hai là chư Thiên muốn được nhge pháp. Nếu người xẻn pháp thì sanh ra đời nào cũng bị đui, điếc, ngọng, câm, các căn đều không toàn vẹn, sanh ở vùng biên địa, ngốc nghếch đần độn. Nếu sanh ở đô thị thì tâm trí mù mờ, chậm chạp, học hành không thông, tự chuốc lấy khổ đau. Ba là muốn giáo pháp được rộng khắp. Khai ngộ cho thiên nhơn tức là bố thí pháp. Lợi ích của việc bố thí pháp có thể giúp cho chúng sanh biết sau khi chết còn sanh lại kiếp khác, biết làm lành được phước, làm ác thì gặp tai ương, tu đạo thì đạt đạo. Sanh lại thân sau có trí tuệ sáng suốt, thường biết được đời trước. Nếu sanh lên cõi trời sẽ làm thầy chư Thiên. Nếu sanh trong nhân gian sẽ làm Kim luân vương, đem mười điều thiện cảm hóa thế gian, trí tuệ sáng suốt dần dần tròn đủ, thành tựu hạnh Bồ-tát, tiến lên bậc Vô sanh nhẫn. Bố thí của cải như ngọn đèn chỉ thắp sáng căn phòng nhỏ. Bố thí pháp như mặt trời chiếu soi khắp thiên hạ.)

Bấy giờ, Đế thích cùng tám mươi ngàn chư Thiên đều xin Dã can cho thọ mười điều thiện, trước tiên dùng mười phương tiện (1) điều phục các căn. Đế thích lại thưa:

- Nay chúng con trở về thiên cung, bao giờ Hòa thượng bỏ thân nghiệp báo này được sanh lên trời?

- Có thể sau bảy ngày nữa ta sẽ bỏ thân này sanh lên cõi trời Đâu Suất, các ông cũng có thể phát nguyện sanh lên cõi ấy. Ở đó có nhiều Bồ-tát thuyết pháp giáo hóa.

Bảy ngày sau Dã can trút bỏ hơi thở cuối cùng, sanh lên Đâu Suất thiên cung, tiếp tục tu tập mười điều thiện.

(Trích kinh Vị Tằng Hữu, quyển thượng).

2. ĐẾ THÍCH GIỮ GIỚI KHÔNG BÁO THÙ:

Thuở xưa, một hôm vị Đế thích đến bạch Phật:

Nay con thọ giới cho đến lúc Phật pháp lưu hành ở đời, đến lúc con lìa bỏ cuộc đời, nếu có người làm hại con, con sẽ không gây đau khổ cho họ để trả thù.

Lúc ấy có A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la nghe Đế thích phát lời thọ giới như thế, liền cầm kiếm theo con đường ngược chiều với Đế thích xăm xăm đi tới. Đế thích từ xa trông thấy hô lớn:

- A-tu-la đứng lại, ta sẽ trói ngươi!

Ngay lập tức A-tu-la không thể cử động được.

Đế thích lại bảo:

- Nếu như ngươi hứa không làm loạn nữa ta sẽ thả ngươi ra.

A-tu-la-vương nói kệ:

Trong các cõi khổ đau
Nơi kẻ tham sinh về
Nơi người sân đọa đến
Nơi cho kẻ dối gian
Nơi cho người chê Thánh
Nếu tôi còn gây tội
Sẽ đọa những chốn kia.

Thích Đề Hoàn Nhân nói:

- Ta thả ngươi ra, đi đâu tùy ý.

Sau đó Đế thích đến gặp Phật trình bày hết sự việc và được Phật ngợi khen.

(Trích kinh Thiên Đế Thích Thọ Giới).

3. NHỜ QUY Y TAM BẢO, ĐẾ THÍCH TỪ TRONG THAI LỪA TRỞ LẠI THÂN CŨ:

Ngày xưa có vị Đế thích năm tướng suy hao, tự biết số mạng sắp hết và sẽ sanh vào thai lừa ở một nhà đồ gốm, nên rất đau buồn, suy nghĩ: "Trong ba cõi chỉ có Phật mới có khả năng cứu người ra khỏi khổ nạn mà thôi". Nghĩ xong, Đế thích vội đến gặp Phật, cúi lạy sát đất, chí tâm quy y Phật pháp và Thánh chúng. Khi còn cúi lạy, Đế thích mạng chung, thần thức sanh vào trong thai lừa. Khi ấy con lừa kia sút dây chạy phá đồ gốm. Người chủ rượt đánh, lừa bị hư thai. Ngay lúc ấy, thần thức của Đế thích liền nhập vào thân cũ, năm đức đầy đủ, trở lại ngôi Đế thích như cũ.

Đức Phật khen ngợi là việc lành. Trong lúc mạng chung nhờ phát tâm quy y Tam bảo mà trả xong tội nghiệp, không trải qua sự nhọc nhằn đau khổ. Sau đó Phật nói cho Đế thích nghe bài kệ. Nghe xong, Đế thích hiểu được sự thay đổi của tội phước, cội gốc của việc thịnh suy, cố gắng tu tập theo hạnh tịch diệt, đắc quả Tu-đà-hoàn.

(Trích kinh Pháp Cú Thí Dụ quyển ba)

4. THIÊN TỬ TẤT BÍNH LÊ ĐỜI TRƯỚC TU HẠNH BỐ THÍ:

Một hôm, Thiên tử Tất-bính-lê đến bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Trong kiếp trước con làm vua Tất-bính-lê. Ngoài bốn cửa thành và càc ngã tư trong nội thành con đều bố thí tạo phước. Ngày nọ, Đệ nhất phu nhân tâu:

- Đại vương tạo phước khắp nơi, còn thần thiếp thì không có nơi tạo phước.

Con bảo:

- Từ nay trẫm sẽ nhường cửa thành phía Đông cho phu nhân bố thí tạo phước.

Sau đó vương tử, đại thần, các tướng sĩ, dân chúng đều đến tâu như phu nhân vậy. Con lần lượt nhường cửa thành phía Nam, cửa thành phíaTây, cửa thành phía Bắc và các ngã tư trong nội thành cho họ bố thí tạo phước. Cho nên lúc ấy từ phu nhân đến thái tử, đại thần, tướng sĩ, dân chúng đều bố thí tạo phước. Cũng từ đó, trẫm không còn nơi tạo công đức bố thí như trước nữa.

Một hôm, những người con sai đi bố thí tạo phước trở về tâu:

- Tâu đại vương! Những nơi tạo phước đã bị phu nhân, thái tử, đại thần, tướng sĩ và dân chúng đến chiếm để bố thí tạo phước. Đại vương nay không còn nơi để bố thí tạo phước nữa.

Con bảo họ:

- Mỗi năm, những nơi khác đều đem phẩm vật đến nộp. Trẫm chia ra làm hai, một nữa nhập kho, còn một nữa đưa cho những người kia bố thí. Từ trước tới giờ trẫm đều bố thí như thế, thường được mọi người yêu kính, thọ hưởng phước báo tốt đẹp như ý và luôn cảm thấy an vui vô cùng. Nay trẫm đem quả báo phước đức này hòa chung vào phần công đức lớn của những người kia, thì công đức ấy sẽ nhiều vô lượng không thể tính biết được. Giống như năm sông lớn hợp thành một dòng thì nước sông ấy nhiều đến trăm, ngàn, vạn, ức đấu, hộc. Đó gọi là "hằng hà" không ai có thể lường biết được.

Sau khi thưa xong, được nghe Đức Phật thuyết pháp Thiên tử Tất-bính-lê vui mừng đảnh lễ rồi biến mất.

(Trích kinh Tất Bính Lê Thiên Tử Chư Phật Thuyết Kệ).

5. NHẬT THIÊN VƯƠNG HỎI VỀ HẠNH XƯA CỦA MẶT TRỜI, MẶT TRĂNG:

Một hôm, Nhật thiên vương cùng vô số thiên nhơn đến đảnh lễ Phật thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn! Do tu những hạnh gì được làm Thần mặt trời chiếu sáng khắp nơi. Do tu những duyên gì được làm Thần mặt trăng xua tan bóng tối màn đêm?

Phật bảo:

- Nếu có người làm được bốn việc:

1. Thường ưa thích bố thí.

2. Sửa đổi bản thân, cẩn thận hành động.

3. Giữ giới không trái phạm.

4. Sắm đèn cúng Phật và thắp sáng nơi ở của cha mẹ, Sa-môn, đạo nhân.

Đồng thời người ấy phải tu mười điều thiện (Không giết hại, không trộm cắp...) thì sẽ được làm Thần mặt trời.

Người nào làm bốn việc sau đây sẽ được làm Thần mặt trăng.

1. Bố thí cho người nghèo khổ.

2. Giữ gìn năm giới.

3. Cung kính cúng dường Tam bảo.

4. Cúng đèn thắp sáng chùa viện và nơi ở của vua, cha mẹ, thầy tổ.

(Trích kinh Nhật Siêu Tam Muội quyển hạ).

6. THIÊN TỬ TRỜI ĐAO LỢI HẾT PHƯỚC NHỜ GẶP PHẬT ĐƯỢC SANH LÀM NGƯỜI:

Ngày xưa, trên cung trời Đao-lợi có một vị Thiên tử phước trời sắp hết, bảy tướng xấu hiện ra:

1. Ánh sáng trên đỉnh đầu tắt.

2. Hoa trên đầu héo.

3. Sắc mặt thay đổi.

4. Trên áo có bụi.

5. Nách ra mồ hôi.

6. Thân thể gầy ốm.

7. Không thích ngồi chỗ của mình.

Vị thiên tử ấy suy tư và biết được sau khi chết sẽ đầu thai trong bụng một con lợn ghẻ lở ở nước Câu-di-na-kiệt, nên rất buồn rầu mà không biết làm sao.

Lúc ấy có vị Trời mách:

- Nay Đức Phật đang ở đây giảng Kinh cho hoàng hậu Ma-da, chỉ có Đức Phật mới có thể cứu được tội của ông.

Thiên tử kia nghe xong liền tìm đến đảnh lễ, chưa kịp thưa, Phật đã hỏi:

- Tất cả vạn pháp đều vô thường, ông đã biết sao còn buồn khổ?

Thiên tử đem hết những điều mình lo lắng thưa với Phật. Phật bảo:

- Muốn thoát khỏi thân lợn phải tụng bài Tự quy y Tam bảo mỗi

ngày ba thời.

Thiên tử vâng theo lời Phật sớm tối tự quy y. Sau bảy ngày Thiên tử mất, thần thức sanh làm con một vị trưởng giả ở nước Duy-da-ly. Ở trong thai mẹ ngày nào Thiên tử cũng tự quy y ba lần, vừa mới sanh ra cũng quỳ tự quy y Tam bảo. Người mẹ ẳm lên thì thấy thân hài nhi không hề có máu dơ bẩn. Cô tỳ nữ hầu cận sợ hãi tuôn chạy. Người mẹ cũng cảm thấy quái lạ, vì đứa bé mới sanh ra đã biết nói, nên nghĩ nó là yêu quái, muốn đem giết đi. Nhưng bà lại nghĩ:”Nhà ta hiếm con, nếu giết đứa bé này chồng ta sẽ bắt tội, chi bằng cho ông ấy hay rồi giết cũng không muộn”. Nghĩ xong bà ẳm đứa bé đến thưa trưởng giả:

- Ông ơi! Đứa bé trai này vừa mới sanh ra đã quỳ gối chắp tay quy y Tam bảo, cả nhà sợ hãi cho là yêu quái.

Trưởng giả liền bảo:

- Thôi, thôi chớ nghĩ như thế, đứa bé này thật chẳng phải người tầm thường, vì người ở đời sống đến trăm tuổi cũng không biết quy y Tam bảo, huống gì mới sanh ra nó đã biết niệm Nam mô Phật. Hãy tận tâm nuôi dưỡng chăm sóc nó, chớ có xem thường.

Đứa bé dần dần lớn lên. Năm gần bảy tuổi, một hôm đang cùng bạn bè chơi bên đường, thấy Ngài Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đi đến, đứa bé liền đến đảnh lễ. Các Tôn giả đều kinh ngạc trước hành động của nó. Nó liền thưa:

- Ngài không nhớ con sao?

Hỏi rồi cậu bé kể lại câu chuyện được gặp Phật ở thiên cung:

- Con vốn là Thiên tử, hết phước lẽ ra phải sanh vào đường ác, nhờ gặp Phật thương xót chỉ dạy quy y Tam bảo nên được sanh làm người.

Các vị Tỳ-kheo liền chú nguyện. Cậu bé Chiết-lê-kì lại thưa:

- Xin cho con được chuyển lời thỉnh Phật, thỉnh chư vị Bồ-tát cùng chúng Tăng v.v... đến nhà con để được cúng dường.

Được nhận lời, cậu bé trở về nhà thưa cha mẹ xin chuẩn bị đầy đủ thức ngon vật lạ để cúng dường. Cha mẹ thương con, đồng ý. Nhưng rất lấy làm lạ trước ý kiến cao xa và những hành động kỳ lạ của con mình. Họ đã tìm hiểu và biết được đời trước của cậu, cho nên sắm sửa đủ thứ thức ngon vật lạ quý hiếm nhất trên đời, ngoài sự mong ước của đứa bé.

Đến giờ, Đức Phật cùng chúng Tăng đều vận thần thông đến nhà cậu bé thọ trai. Thọ trai xong Phật giảng Kinh. Nghe xong cậu bé, vợ chồng trưởng giả, cùng quyến thuộc nội ngoại đều đắc qủa A-duy-việt-trí.

(Trích kinh Chiết Phục La-hán)

7. THIÊN NHƠN DUỖI TAY BAN NƯỚC CAM LỘ CỨU NĂM TRĂM LÁI BUÔN:

Thuở xưa có vị đạo sư và năm trăm thương nhân cùng nhau đi buôn. Ngày nọ, họ lạc vào một cánh đồng mênh mông không tìm ra nước uống, thức ăn. Cả đoàn đói khát mệt lả và lo sợ nhưng không biết làm sao, nên cùng nhau hướng về Phật, về Tứ thiên vương.

Khi ấy vị đạo sư leo lên một chỗ cao nhìn ra xa thì thấy một khu rừng có bóng chim bay. Ông nghĩ, đến đó hy vọng sẽ có nước uống cho nên cả đoàn cùng nhau kéo đi. Không bao lâu họ đã đến nơi nhưng chỉ thấy cây cối, cỏ dại mọc bốn bề, nền đất sạch sẽ.

Vị đạo sư bảo mọi người:

- Chúng ta hãy cùng nhau đào đất ắt sẽ có nước.

Đoàn thương buôn vừa bàn xong thì có vị Thiên nhân từ trên trời nhìn thấy sự khốn khổ của họ. Trong chốc lát, Thiên nhân đã bay xuống trên một ngọn cây nơi đoàn thương buôn đang tụ tập, đồng thời duỗi cánh tay phải ra. Từ năm ngón tay ấy tuôn ra nước tám vị ngon ngọt ban cho đạo sư và năm trăm người lái buôn. Mọi người đã dùng no đủ mà nước vẫn không hết.

Sao có chuyện lạ như vậy? Số là những người này kiếp trước đã từng gần gũi hầu hạ Thiên nhân, gieo trồng phước đức nên khiến Thiên nhân nhớ đến và ban nước cam lộ cứu họ thoát nguy.

(Trích kinh Thí Dụ, quyển ba).

8. NHỜ QUY Y TAM BẢO THIÊN TỬ CHUYỂN THÂN LỢN LÀM THÂN NGƯỜI:

Ngày xưa, ở cõi trời Tam thập tam, một vị Trời sắp hết phước sẽ có năm tướng xấu hiện ra như, hoa trên đầu héo, áo quần dơ bẩn, nách ra mồ hôi, ngọc nữ ít dần, không thích ngồi trên tòa của mình, vì cảm thấy buốt đau như thân có ung nhọt.

Một hôm, ở cõi này có vị Thiên tử phát hiện năm tướng xấu ấy xuất hiện trên thân nên buồn khổ rên rĩ. Đế thích nghe được hỏi:

- Bên cung trời kia ai đang rên rĩ buồn khổ thế?

Một vị Thiên tử đáp:

- Đó là tiếng than của một vị Thiên tử có năm tướng xấu hiện ra, xin Ngài hãy giúp đỡ vị ấy.

Đế thích liền đến hỏi vị Thiên tử kia:

- Cớ gì mà than khóc buồn thảm thế?

Vị Thiên tử đánh vào đùi mình và trả lời:

- Tôi sắp hết phước, những điều xấu nhất đã đến với tôi.

Đế thích liền nói bài kệ:

Tất cả hành vô thường
Có thành ắt có hoại
Hễ sanh thì có chết
Vậy nên, chết là vui.

Thiên tử thưa:

- Tôi chưa từng nghe qua đạo lí này.

Đế Thích lại dạy:

- Tất cả ân ái đều có lúc chia lìa.

Thiên tử liền hỏi:

- Như vậy thì làm sao tránh khỏi sự âu lo? Nay đây tôi phải xa lìa những thứ tốt đẹp ở cung điện này. Sau khi chết tôi liền sanh vào thai lợn ở thành La-duyệt, thức ăn toàn những thứ tồi tàn, rồi tôi sẽ bị người ta mổ xẻ. Biết như vậy nên tôi rất đau khổ.

- Nay ông nên tự mình quy y Tam bảo để mong thoát khỏi kiếp lợn, vì Phật từng dạy bài kệ:

Những ai quy y Phật
Không đọa ba đường ác
Thọ hưởng phước Trời, người
Về sau chứng Niết-bàn.

Thiên tử chấp tay thành kính thưa:

- Đức Thế Tôn là bậc Nhất thiết trí biết rõ hoàn cảnh của con. Nay con một lòng quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, xin cứu con thoát khỏi kiếp khổ.

Sau khi quy y xong, Thiên tử thấy mình không sanh vào thai lợn mà sanh làm con một vị trưởng giả sang trọng nhất ở thành La-duyệt-kỳ nên vui mừng khôn xiết.

(Trích Tăng Nhất A-hàm quyển 19).

9. THIÊN NỮ VÀ ĐÓA HOA SEN KỲ DIỆU:

Ngày xưa, có vị Thiên nữ ngồi trên đóa hoa sen lớn đến trăm do tuần. Đóa hoa này kỳ diệu hơn những hoa khác. Vì trong đó đầy đủ những thứ cần dùng, chỉ cần nghĩ đến là vật ấy từ trong hoa hiện ra. Đồng thời mình đi, đứng hoa ấy đều theo.

Một hôm, Ngài Mục-kiền-liên hỏi Thiên nữ:

- Cô đã làm những hạnh lành gì mà được phước như vậy?

Thiên nữ đáp:

- Sau khi Phật Ca-diếp diệt độ, để lại toàn thân xá lợi. Di chúc cho hàng đệ tử xây tháp bảy báu cao rộng bốn mươi dặm để tôn thờ. Lúc ấy con là một người nữ. Một hôm ra ngoài, thấy được tượng Phật trong tháp, con sanh lòng kính tin, nhớ đến công đức của Phật, nên cởi tràng hoa trên đầu mà cúng dường. Nhờ nhân duyên ấy nay được phước này.

(Trích kinh Tạp Tạng).

10. THIÊN BẢO NỮ CÓ LỜI NÓI VI DIỆU:

Tự tại thiên vương có vị Thiên bảo nữ tên Thiện-khẩu. Mỗi lời cô nói ra đều vang lên trăm ngàn âm thanh khiến cho người nghe vui sướng. Trong mỗi âm thanh ấy lại sinh ra trăm ngàn âm thanh. Tùy theo mỗi loài đều nghe hiểu theo ngôn ngữ của mình.

(Trích kinh Hoa Nghiêm quyển 29).

11. LỘC NGƯU ĐÁNH ĐÀN CẦM, THIÊN NỮ CA MÚA:

Vào thời quá khứ, ở nước Câu-tát-la có người đánh đàn cầm tên Lộc-ngưu. Ngày nọ trên đường đi, anh ta dừng nghỉ trong một cánh đồng hoang, bỗng thấy ở đó có sáu thiên cung rộng lớn.

Thiên nữ từ trong cung đến bảo Lộc-ngưu:

- Cậu ơi! Hãy đánh đàn để chúng ta ca múa.

Lộc Ngưu liền đánh đàn, sáu vị Thiên nữ ca múa. Bài ca đầu tiên có lời:

Nếu người nam kẻ nữ
Đem y đẹp bố thí
Nhờ nhân duyên lành này
Được sanh cõi tốt đẹp.
Đem của báu cúng dường
Sanh thiên theo ý cầu
Gặp cung điện ta ở
Dạo chơi trong hư không
Có thân trời vàng rồng
Cùng trăm thiên nữ đẹp
Quán sát phước đức này
Hồi hướng thân đẹp nhất.

... Lại có vị Trời khác cùng cung điện xuất hiện, ca múa (văn nhiều không chép)... Lộc Ngưu cũng đảnh lễ, nhưng vừa lễ xong, vị Trời ấy biến mất.

(Trích kinh Quá Khứ Đàn Cầm Nhân).

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 3

PHẦN I: DIÊM-PHÙ-ĐỀ

Chương 1: Phạm vi, khoảng cách và những sản vật trong cõi Diêm-phù-đề.

Chương 2: Tinh xá.

1. Trưởng giả Ca-lan-đà cúng dường TINH xá cho đức Phật
2. Tu đạt mua vườn xây tinh xá

Chương 3: Núi

1. Núi Côn lôn nơi năm trăm La-hán ở
2. Mười núi chúa ở cõi diêm-phù-đề

Chương4: Cây

1. Cây cối nước Quang Minh phát ra pháp Âm
2. Cây Thần dược
3. Cây Đại dược
4. Mười lăm loại cây lớn có lợi ích
5. Đại tượng tàng hương
6. Hương ngưu đầu chiên đàn
7. Cây ở núi Tu di
8. Loài cây độc

Chương 5: Sông và biển

1. Bốn con sông lớn
2. Năm con sông lớn
3. Tám đức của biển

Chương 6: Châu báu

1. Châu Minh-nguyệt ma-ni
2. Biển lớn sanh ngọc quý
3. Ánh sáng quý báu lớn
4. Sự khác biệt hình thể và thọ mạng của người uống sữa nhiều hay ít.

PHẦN II: UẤT ĐƠN VIỆT

PHẦN I: CÕI DIÊM-PHÙ-ĐỀ

CHƯƠNG I: PHẠM VI, KHOẢNG CÁCH VÀ NHỮNG SẢN VẬT TRONG CÕI DIÊM-PHÙ-ĐỀ

Phạm vi của cõi Diêm-phù-đề gồm có mười sáu nước lớn, tám vạn bốn ngàn thành phố, do tám vị quốc vương và bốn vị thiên tử trị vì. Phía Đông của cõi Diêm-phù-đề có thiên tử nước Tấn, nhân dân rất giàu mạnh. Phía Nam có thiên tử nước Thiên Trúc, vùng này nổi tiếng là nhiều voi quý. PhíaTây có thiên tử nước Đại Tần, vùng này có rất nhiều vàng ngọc bích. Phía Bắc có thiên tử nước Nhục chi, vùng đất có rất nhiều ngựa quý hiếm.

Trong tám vạn bốn ngàn thành phố ấy có sáu ngàn bốn trăm dân tộc, nói vạn thứ tiếng, cùng sinh sống ở đó. Năm mươi sáu vạn ức thị trấn, sản vật gồm có sáu ngàn bốn trăm loài cá, bốn ngàn năm trăm loài chim, hai ngàn bốn trăm loài thú, vạn loại cây cối, tám ngàn loài thảo mộc, bảy trăm bốn mươi loài cây thuốc, bốn mươi ba loại hương thơm, một trăm hai mươi mốt loại vật quý trong đó có bảy loại thuần báu.

Trong quốc nội gồm có hai ngàn năm trăm quốc độ, một trăm tám mươi quốc độ sống bằng ngũ cốc, hai ngàn ba trăm hai mươi quốc độ sống bằng cách ăn động vật biển như cá, ba ba,giải.vv...

Năm vị vua lớn, mỗi vị trị vì năm trăm thành phố. Vị vua thứ nhất tên là Tư-lê, nhân dân trong nước thờ phụng Tam bảo, không tin theo tà giáo. Vị vua thứ hai tên là Ca-la, quốc độ có nhiều thứ báu quý. Vị vua thứ ba tên là Bất-la, quốc độ sản xuất ra bốn mươi ba loại hương và bạch lưu ly. Vị vua thứ tư tên là Xà-da, quốc độ trồng rất nhiều cây Tất-bát và Hồ-tiêu. Vị vua thứ năm tên là Na-phả, quốc độ có bạch châu và lưu ly bảy màu. Nhân dân ở nhiều thành phố trong năm nước lớn, da đen, hình tướng thấp, nhỏ. Cách đây sáu mươi lăm vạn dặm, thì ở đó chỉ có nước biển mà không có loài người sinh sống. Năm nước lớn này cách núi Thiết vi một trăm bốn mươi vạn dặm. Vùng người Trung-a-quật-ma-sát ở, cách phía Đông nước Xá-vệ tám mươi vạn dặm, đây là một trong những nơi được Đức Phật giáo hóa.

Nước Câu-di-na-kiệt cách phía Đông Nam nước Ca-duy-la-vệ một ngàn dặm.

Nước Xá-vệ cách Đông Nam nước Ca-di-la-vệ hai ngàn hai trăm dặm, nơi Đức Phật thành đạo, cách Đông Nam thành Vương-xá hai trăm dặm.

Nước Duy-na-ly cách phía Đông nước Ca-duy-la-vệ một ngàn tám trăm dặm.

Nước Nại-nữ cách phía Nam thành Duy-na-ly ba dặm.

Nước Câu-thiểm-di cách phíaTây Nam Ca-duy-la-vệ một ngàn hai trăm dặm.

Nước Diệp-ba cách phía Đông nước Ca-duy -la-vệ một ngàn hai trăm tám mươi dặm. Nước Nan cách phía Đông nước Ca-duy-la-vệ ba ngàn hai trăm dặm.

Nước Xá-vệ cách phíaTây nước Ca-duy-la-vệ năm trăm dặm.

Nước Ba-la-nại cách phíaTây của nước Ca-duy-la-vệ chín trăm sáu mươi dặm.Tại Thánh địa Đức Phật chuyển Pháp luân cách phía Bắc của nước Ba-la-nại khoảng hai mươi dặm, ở đây có một giống cây tên là Hương-tịnh là nơi Đức Phật hàng phục ma quân.

Nước Ba-la-nại-tư cách phía Nam nước Xá-vệ khoảng một ngàn bốn trăm dặm, giữa hai nước có dòng sông Hằng chảy theo hướng Đông Nam. Núi Kỳ-xà-quật bao gồm năm ngọn núi lớn, đức Phật đã giảng kinh ở ngọn núi giữa, nước Xá-vệ cũng nằm dưới chân ngọn trung tâm

(Trích kinh Thập Nhị Du)

- Hỏi: Các đại thành như Xá-Bà-đề, Ca-tỳ-la, Ba-la-nại mỗi mỗi đều có cung điện của nhà vua, vì sao chỉ gọi thành này là thành Vương-xá?

- Đáp: Có người nói; "Quốc vương nước Ma-kiệt-đà sanh một người con, một đầu nhưng hai khuôn mặt và bốn cánh tay. Người lúc bấy giờ cho là điềm không lành. Nhà vua bèn xé đầu và thân của người con quẳng ra ngoài đồng vắng. Lúc ấy có một nữ quỷ La-sát tên là Lê-la, lượm thân thể ráp lại và đem về nuôi. Về sau người con đó trưởng thành, có sức mạnh chinh phục tất cả các nước khác, ông ta bắt cả thảy một vạn tám ngàn vị quốc vương nhốt vào trong năm ngọn núi này, nhờ có thế lực, nên ông ta đã cai trị cõi Diêm-phù-đề,vì vậy gọi nơi này là Vương-xá".

Lại nữa, có người nói; "Trong thành vua Ma-dà-đà ở trước đây bị lửa cháy, cứ mỗi lần cháy là mỗi lần dựng lại, mãi như thế đến bảy lần, nhân dân trong nước quá mệt mỏi. Nhà vua bèn triệu tập các người tài trí để hỏi ý kiến. Có người nói phải nên dời cung điện, nhà vua thấy năm ngọn núi bao quanh như thành, liền lập cung điện và ở đó, nên gọi thành này là thành Vương-xá vậy".

Lại nữa, vào thời xa xưa, nước này có vị vua tên là Bà-tẩu, vì nhàm chán pháp thế gian nên bỏ cung điện xuất gia tu học làm vị Tiên

nhân.

Lúc bấy giờ có Bà-la-môn tại gia cùng tranh cãi với các tiên nhân xuất gia. Bà-la-môn tại gia nói: “Trong lễ tế trời phải giết vật và ăn thịt.”

Vị tiên nhân xuất gia nói: “Không có phép này”.

Hai bên cùng nhau tranh cãi. Có Bà-la-môn xuất gia nói: “Ở đây có một vị đại vương xuất gia làm tiên nhân, các người tin tưởng không?”

Bà-la-môn tại gia nói: “Tôi tin tưởng”.

Tiên nhân xuất gia nói: “Ta nhờ người này làm chứng, hôm sau sẽ hỏi”.

Bà-la-môn tại gia đến chỗ tiên nhân Bà-tẩu để hỏi chuyện và bảo với Bà-tẩu: “Ngày mai tranh luận, Ông hãy giúp tôi”.

Thế rồi ngày mai đến giờ tranh luận, các vị tiên nhân xuất gia hỏi Bà-tẩu rằng: “Khi tế trời có nên giết vật để cúng tế và ăn thịt hay không?”.

Tiên nhân Bà-tẩu nói:” Theo pháp Bà-la-môn thì nên sát sanh và ăn thịt, bởi vì con vật đó được chết trong khi tế trời, cho nên nó được sanh lên trời”.

Các vị tiên nhân xuất gia nói: “Ông nói hoàn toàn không đúng, ông là người đại vọng ngữ”.

Rồi họ chưởi mắng Bà-tẩu rằng: “Ngươi là kẻ có tội, nên trừ bỏ ngươi đi”.

Khi ấy tiên nhân Bà-tẩu tức thời bị chôn xuống đất khỏi mắt cá. Đó là bước ban đầu xử kẻ phạm tội nặng.

Các vị tiên nhân xuất gia nói: “Ngươi hãy nói thật lòng, nếu như ngươi cố tình nói dối thì thân của ngươi sẽ bị vùi vào trong đất mà chết”.

Bà-tẩu đáp: “Tôi biết vì tế trời mà giết vật ăn thịt là không có tội”.

Lập tức Bà-tẩu bị lấp đất đến ngang đầu gối, cứ như vậy lấp dần đến eo lưng rồi tới cổ.

Tiên nhân xuất gia nói: “Ông nay còn nói dối thì phải chuốc lấy quả báo hiện tiền thế đấy, còn nếu như ngươi nói thật lòng thì dầu ngươi bị chôn dưới lòng đất chúng tôi cũng cứu ngươi lên và tha tội chết cho ngươi”

Bà-tẩu thầm nghĩ: “Ta là hạng người quý trọng, không nên nói hai lời, vả lại trong pháp bốn bộ kinh Vệ-đà cũng có pháp khen ngợi việc

tế trời, dù ta có chết thì cũng chỉ một mình ta, đâu có đáng kể gì".

Thế rồi Ba-tẩu vẫn một mực nói: "Theo pháp tế trời, giết vật ăn thịt không có tội".

Thế là toàn thân Bà-tẩu bị chôn vùi dưới lòng đất.

Từ đó về sau, thường theo pháp tế của tiên nhân Bà-tẩu, mỗi khi tế trời đều giết vật để cúng tế và ăn thịt, đang lúc cầm dao giết dê thì hô rằng: "Bà-tẩu giết ngươi". Con của Bà-tẩu tên là Quảng-xa, nối ngôi vua cha, Ông ta cũng nhàm chán pháp thế gian nhưng không đi xuất gia.

Quảng-xa nghĩ: "Cha ta vì xuất gia mà bị chôn sống trong đất, còn trị vì thiên hạ lại tạo thêm nhiều tội nặng, ta nay phải tính sao đây?".

Trong lúc suy nghĩ như thế, nhà vua liền nghe ở trong hư không nói rằng: "Ngươi hãy đi đến nơi nào mà cảm thấy ít có và khó gặp nhất, thì hãy làm nhà và ở đó".

Không bao lâu, nhà vua đi săn, gặp một con nai chạy nhanh như gió, nhà vua bèn rượt theo, các quan thị tùng không ai đuổi kịp. Nhà vua chạy mãi nhìn thấy trước mặt có năm ngọn núi bao quanh hùng vĩ, đất ở đó rất đẹp đẽ, khắp nơi đều có thoảng mùi hoa hương của cõi trời, có nhạc trời tấu vang.

Nhà vua nghĩ: "Nơi này thật hiếm có, chưa từng thấy bao giờ, ta hãy làm nhà ở trong đó".

Nhà vua bèn bỏ thành quách cung điện cũ và ở lại trong núi này. Từ đây về sau, các vua lần lượt nối nhau cùng ở chốn này, cho nên gọi là thành Vương xá.

(Trích luận Đại Trí Độ quyển ba)

CHƯƠNG II: TINH-XÁ

1. TRƯỞNG GIẢ CA-LAN-ĐÀ KIẾN TẠO TINH XÁ CHO PHẬT:

Có một vị trưởng giả giàu có, tên là Ca-lan-đà, nhớ tiếc mà nằm ngồi không yên vì khu vườn của mình trước đây đã cúng dường cho ngoại đạo lõa thể Ni-kiền-tử, không cúng được cho đức Phật và chúng Tăng.

Lúc bấy giờ có một vị tướng quân đại quỷ tên là Bán-sư, thừa oai lực của đức Phật, triệu tập Dược-xoa để đánh đuổi bọn Ni-kiền-tử ra khỏi khu vườn.

Họ bảo: "Bọn ngoại đạo loã thể kia không biết xấu hổ". Quỷ soái thừa lệnh, đánh đuổi bọn Ni-kiền-tử và bắt chúng mang những đồ vật ra khỏi khu vườn.

Ngoại đạo Ni-kiền-tử bị đánh, hốt hoảng bỏ chạy và nói: "Người nào mà bạo ác hại ta như thế?".

Quỷ soái đáp: "Trưởng giả Ca-lan-đà sẽ lấy lại vườn trúc để xây dựng Tinh xá cúng dường đức Phật, tướng quân đại quỷ Bán-soái được sai đuổi bọn ông ra khỏi đây."

Ngày hôm sau Ni-kiền-tử trách mắng trưởng giả Ca-lan-đà rằng: "Nếu Trưởng giả lòng vui thì ta đành phải xin đi thôi".

Trưởng giả đáp: "Bọn quỷ thần bạo ác, ôm lòng sân hận, sợ ắt sẽ làm hại các ngươi, chi bằng các ngươi lánh đi nơi khác để tìm nơi yên ổn mà ở".

Nghe lời ấy xong, bọn Ni-kiền-tử nổi giận, ngay hôm đó chúng cùng nhau dọn đi nơi khác.

Sau khi đuổi bọn ngoại đạo Ni-kiền-tử ra khỏi khu vườn, trưởng giả Ca-lan-đà liền xây dựng Tinh xá, tạo lập Tăng phòng, các vật dụng tiện nghi đầy đủ nghiêm trang. Công việc đã hoàn tất, trưởng giả bèn đi đến nơi đức Phật đang cư ngụ để thỉnh Ngài và chúng Tăng.

Đức Phật chấp nhận lời thỉnh mời của trưởng giả, và Ngài ở lại đó thuyết pháp giáo hóa, không ai mà không vui mừng.

(Trích từ Trung Bổn Khởi quyển thượng)

2. TU-ĐẠT-ĐA MUA VƯỜN ĐỂ TẠO LẬP TINH XÁ:

Tu-đạt-đa bạch đức Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn, nhân dân trong thành Xá-vệ phần nhiều tin theo ngoại đạo, Như Lai đại từ mẫn, xin Ngài thương xót quang lâm đến thành Xá-vệ để giáo hóa họ.

Phật dạy: "Ở trong thành Xá-vệ không có tinh xá thì làm sao mà

đến đó?"

Tu-đạt bạch Phật: "Đệ tử sẽ xây dựng, xin Ngài chấp nhận cho."

Đức Thế Tôn im lặng, Tu-đạt lại bạch: "Xin Ngài cho Tôn giả Xá-lợi-phất đến để phác họa mô hình của Tinh xá và chỉ đạo việc xây dựng"

Đức Phật liền sai Ngài Xá-lợi-phất cùng đi với trưởng giả Tu-đạt-đa. Hai người đi khắp nơi, nhưng không chọn được khu đất nào cho vừa ý, chỉ có khu vườn của Thái tử Kỳ-đà đất đai bằng phẳng, cây cối xum xuê, không xa thành phố lắm. Tu-đạt-đa đến thưa chuyện với Thái tử Kỳ-đà, Thái tử cười và nói: "Khu vườn này tôi muốn dùng nó để vui chơi".

Tu-đạt-đa ân cần năn nỉ Thái tử nhường lại.

Thái tử nói: "Nếu như có thể đem vàng ròng rãi kín mặt đất của toàn bộ khu vườn thì ta sẽ giao vườn cho".

Trưởng giả Tu-đạt-đa nói: "Thưa Thái tử, tôi xin chấp nhận giá mà thái tử vừa đưa ra".

Thái tử nói: "Ta nói cho vui vậy thôi chứ không bán đâu".

Tu-đạt thưa: "Ngài là Thái tử, không nên nói chơi".

Thế rồi hai người cùng nhau tranh cãi.

Lúc bấy giờ vị Thủ-đà-hội thiên từ trên trời bay xuống hóa làm một người, đi đến hòa giải. Ông ta nói: "Đã làm một Thái tử thì không nên nói sai, giá cả đã quyết định thì nửa chừng không nên vì tiếc mà rút lại.Thái tử bèn phải giao khu vườn lại cho trưởng giả Tu-đạt.

Khi ấy Tu-đạt liền sai người đem voi chở vàng đến lót, tám mươi khoảnh vườn trong chốc lát đã gần đầy, chỉ còn lại một ít đất chưa có vàng lót (1).Tu-đạt suy nghĩ nên lấy vàng kho nào vừa đủ lót chỗ đất còn lại đây?.

Thái tử Kỳ-đà hỏi: "Ngươi chê đất thì để đó".

Tu-đạt nói: "Thưa Thái tử không phải".

Thái tử Kỳ-đà tự nghĩ: "Đức Phật hẳn là một vị có đức độ lớn lao mới khiến cho người này xem nhẹ vàng bạc như thế chứ!"

Nghĩ vậy xong, Thái tử Kỳ-đà liền bảo với Tu-đạt rằng: "Nay đất ở trong vườn thuộc về Ông còn vườn cây này của ta, tự ta dâng cúng Đức Phật (2). Bèn cùng nhau khởi công.

Bọn lục sư ngoại đạo biết được việc này chúng liền kéo đến tâu với nhà vua rằng: "Trưởng giả Tu-đạt đã mua khu vườn của Thái tử Kỳ-đà để xây dựng tinh xá cúng dường đức Cù-đàm, xin bệ hạ cho phép

đệ tử của chúng tôi so tài với các Sa-môn đệ tử Cù-đàm, nếu như Sa-môn thắng thì mới cho tạo lập tinh xá, còn như không thắng thì không đươc xây dựng".

Nhà vua liền cho triệu Tu-đạt đến và nói: "Nay bọn luc sư ngoại đạo nói: "Ông mua vườn muốn tạo lập tinh xá để cúng dường đức Cù-đàm thì họ yêu cầu Sa-môn đệ tử Cù-đàm phải đồng ý so tài với họ, nếu như thắng họ thì mới cho xây dựng tinh xá, giả như không thắng thì không được xây dựng".

Tu-đạt về đến nhà lòng buồn rười rượi, ngay cả áo quần dơ bẩn cũng không thèm thay.

Sáng hôm sau, đến giờ tôn giả Xá-lợi-phất đắp y trì bát từ tốn đến nhà Tu-đạt, nhìn thấy trưởng giả âu sầu thảm não như vậy, Tôn giả hỏi: "Sao Trưởng giả lại buồn rầu như thế?".

Tu-đạt kể lại chuyện cho tôn giả Xá-lợi-phất nghe và nói rằng: "Bọn lục sư này xuất gia đã lâu, vốn đã có tài năng lại siêng học tập pháp thuật nên khó ai mà sánh kịp, nay con không biết Tôn giả có thể so tài cùng họ được không?"

Tôn-giả Xá-lợi-phất đáp: "Cho dầu môn đồ của bọn lục sư có đầy dẫy cả cõi Diêm-phù-đề hay nhiều như là rừng tre nứa đi nữa thì cũng không thể động vào đầu sợi lông chân của ta được, họ muốn so tài cách nào ta đều đồng ý cả".

Nghe nói thế, Tu-đạt vui mừng, liền tắm gội bằng nước hương thơm, thay áo mới rồi đến gặp nhà vua.

Tu-đạt tâu lên vua: "Thần đã hỏi Sa-môn đệ tử Phật và họ đã đồng ý".

Vua bảo với bọn lục sư: " Nay cho phép các Ông so tài với Sa-môn đệ tử của Phật". Nhận đươc lệnh xong, bọn lục sư bèn loan tin cùng toàn thể dân chúng trong nước, sau một tuần họ sẽ cùng với Sa-môn tranh tài ở bên ngoài thành.

Nhân dân trong nước Xá-vệ số nhiều đến mười tám ức người, nước ấy dùng lệnh trống để triệu tâp dân chúng, nếu đánh trống đồng thì có tám ức người tụ tập đến. Nếu đánh trống bạc thì mười bốn ức người tập trung đến. Nếu đánh trống vàng thì tất cả nhân dân đều vân tập đến.

Kỳ hẹn bảy ngày đã đến, tiếng trống vàng được trổi lên, tất cả mọi người đều tập họp trong một khu đất bằng và rộng, riêng đồ chúng của bọn lục sư gồm có ba ức người. Lúc bấy giờ nhà vua cùng với bọn lục sư được nhân dân trong nước làm một tòa cao để ngồi. Tôn giả Xá-

lợi-phất cũng được trưởng giả Tu-đạt làm một tòa cao.

Lúc ấy tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi dưới gốc cây nhập các thiền định và nghĩ rằng: “Bọn ngoại đạo này đã lâu học theo tà giáo, lòng kiêu mạn tự cao, xem mọi người như cỏ rác, ta nay nên dùng đức gì để hàng phục họ đây?”

Tôn giả Xá-lợi-phất nghĩ như thế xong liền phát nguyện rằng: “Nếu trong vô số kiếp ta là người có hiếu thuận với cha mẹ, tôn kính các bâc Sa-môn, Bà-la-môn, thì hôm nay ta mới bước vào chúng hội tất cả mọi người đều phải đứng dậy làm lễ ta.”

Bọn lục sư thấy mọi người đã tề tựu đông đủ mà chỉ riêng Ngài Xá-lợi-phất chưa đến liền tâu vua rằng: “Tâu Đại vương, đệ tử của Cù-đàm tự biết không có tài năng gì nên chúng hội đã tụ tập mà Ông ta sợ quá không dám đến”.

Nhà vua hỏi Tu-đạt: “Đã đến giờ so tài rồi, đệ tử Phật phải có mặt thôi!”

Khi ấy Tu-đạt đến chổ của tôn giả Xá-lợi-phất quỳ xuống bạch rằng: “Bạch Đại đức, đại chúng đã vân tập, xin Đại đức quang lâm”.

Lúc đó Tôn giả mới xả định, chỉnh đốn y phục, vắt tọa cụ lên vai trái, ung dung bước như sư tử chúa, đi đến trước hội chúng. Ngay lúc ấy, cả hội chúng và bọn lục sư bỗng đứng phắt dậy như ngọn gió lớn thổi qua cánh đồng trống, họ đồng vái chào. Tôn giả bước lên tòa của mình an tọa.

Lúc bấy giờ trong đồ chúng của lục sư ngoại đạo có một vị đệ tử tên là Lao-độ-sai rất giỏi về thuật huyễn hóa, hắn đứng trước hội chúng, đọc thần chú liền hóa ra một cây tự nhiên cao lớn, cành lá tốt tươi, hoa quả đủ loại, che phủ cả hội chúng.

Mọi người đều nói: “Cây này chính là do Lao-độ-sai biến ra”.

Tôn giả Xá-lợi-phất liền dùng thần lực hóa ra một trận cuồng phong, xoáy bật ngược gốc cây rồi rơi xuống đất nát vụn.

Mọi người đều reo hò: “Xá-lợi-phất thắng”.

Lao-độ-sai lai tiếp tục đọc thần chú biến ra một cái ao, bốn phía ao đều làm bằng bảy báu, trong ao xuất hiện các loài hoa.

Tôn giả Xá-lợi-phất dùng thần lực hóa ra một con voi trắng sáu ngà, trên mỗi ngà có bảy hoa sen, trên mỗi hoa sen có bảy vị ngọc nữ. Voi trắng thông thả bước đến bên hồ uống hết nước, ao liền biến mất.

Lao-độ-sai lại hóa hiện ra một ngọn núi được trang nghiêm bằng bảy báu, bên ao có các loại cây cối và hoa trái thật xum xuê.Tức thời Tôn giả Xá-lợi-phất lại hóa ra một vị Kim cang đại lực sĩ, tay cầm chày

kim cang, từ xa chỉ vào ngọn núi, núi liền tan vỡ không còn mãnh nào.

Lao-độ-sai lại hóa ra một con rồng có mười cái đầu, bay lượn giữa hư không phun ra các thứ báu, sấm chớp làm chấn động quả đất. Đại chúng thấy vậy đều kinh hãi. Lúc ấy Xá-lợi-phất lại hóa hiện ra một con chim chúa cánh vàng, xé xác rồng mà ăn thịt.

Lao-độ-sai lại hóa làm một con trâu, thân hình cao lớn, sức lực rất mạnh, chân to, sừng nhọn, vừa chạy vừa rống lớn, lao đến trước mặt Tôn giả Xá-lợi-phất. Tôn giả lập tức hóa ra một con sư tử, vồ lấy thân trâu, phân thây mà ăn.

Lao-độ-sai lại biến làm một quỷ Dạ-xoa, thân hình cao to, trên đầu đội lửa đang hừng hực cháy, mắt đỏ như huyết, răng nanh dài nhọn, cả miệng lẫn mắt đều phun ra lửa, bay nhanh đến nơi Ngài Xá-lợi-phất.

Tôn giả tức thời hóa làm một vị Tỳ-Sa-môn vương, Dạ-xoa hốt hoảng, liền muốn tháo chạy, thế nhưng tất cả bốn phía đều có lửa dữ bốc cháy, không sao thoát nổi, chỉ riêng Tôn giả Xá-lợi-phất là mát mẻ bình thường.

Lao-độ-sai bấy giờ mới chịu khuất phục, năm vóc sát đất đảnh lễ Tôn giả, cầu xin tha mạng, lòng hổ thẹn đã phát sinh, lửa liền biến mất. Đại chúng reo hò: “Xá-lợi-phất thắng, Lao-độ-sai thua”.

Lúc bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất bay lên hư không, hiện bốn oai nghi với mười tám thứ thần biến. Hiện thần biến xong Tôn giả thâu nhiếp thần túc và ngồi lại chỗ cũ. Đại chúng trong thấy thần lực của Tôn giả Xá-lợi-phất ai nấy đều hoan hỉ. Nhân đó Tôn giả thuyết pháp giáo hóa, tùy theo phước hạnh của từng người mà mỗi mỗi đều thấy được dấu tích của đạo, ba ức đồ chúng đệ tử của bọn lục sư ngoại đạo đều theo Tôn giả Xá-lợi-phất xuất gia học đạo.

Sau khi công việc sánh tài đã xong, Tôn giả cùng Tu-đạt trở về khu vườn lên đồ án xây dựng Tinh xá. Tu-đạt tự tay cầm dây đo đạc, Xá-lợi-phất vui vẻ mỉm cười. Tu-đạt bạch cùng tôn giả rằng: “Vì sao Ngài cười?”.

Xá-lợi-phất đáp: “Ông mới khởi công xây dựng tinh xá ở đây mà cung điện ở trong cõi trời Lục dục đã dành cho ông rồi”. Nương vào đạo nhãn của Tôn giả Xá-lợi-phất mà trưởng giả thấy rõ được tất cả.

Trưởng giả Tu-đạt thưa Tôn giả Xá-lợi-phất: “Bạch tôn giả, trong cõi trời Lục Dục này nơi nào vui sướng nhất?”

Xá-lợi-phất đáp: “Cõi trời thứ tư ít ham muốn và biết đủ, ở đó luôn có bậc Bồ-tát còn một đời nữa được bổ xứ làm Phật sanh về nên

lúc nào pháp Âm cũng được truyền dạy.

Tu-đạt bạch Tôn giả rằng: "Con nguyện sẽ sinh vào cõi trời thứ tư này". Vừa nói lời ấy xong tất cả các cung điện đều biến mất, Tu-đạt lại cầm dây đo tiếp. Lúc đó Tôn giả Xá-lợi-phất trở nên lo buồn. Trưởng giả Tu-đạt bèn hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất rằng: "Cớ sao Tôn giả buồn như thế"

Xá-lợi-phất đáp: "Ông nay có nhìn thấy đàn kiến đang sinh sống trong khu vườn này không? Trong quá khứ, thời đức Phật Tỳ-Bà-thi còn trụ thế cũng chính nơi khu vườn này ngươi đã xây dựng tinh xá cúng dường Phật và chúng Tăng. Đồng thời loài kiến này cũng sinh sống trong khu vườn ấy. Đến lúc đức Phật Ca-diếp ra đời chúng vẫn làm thân kiến. Ông đã trải qua chín mươi mốt kiếp làm thân trưởng giả tạo lập tinh xá, xây cất phòng ốc để dâng cúng đức Phật và chúng Tăng, lấy loài cây chiên đàn quý hiếm chế thành bột hương để cúng dường".

Lúc trưởng giả xây cất xong, trong tinh xá có tất cả một ngàn hai trăm phòng riêng bao gồm một trăm hai mươi khu khác biệt. Trưởng giả liền đến tâu với nhà vua rằng: "Tâu đại vương mong Ngài phái người đi thỉnh Phật về an trụ nơi tinh xá này".

Nhà vua liên sai sứ đến thành Vương xá thỉnh Phật và chúng Tăng.

Sứ đến bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn, nay Tinh xá đã xây dựng xong, xin Ngài từ bi quang lâm che chở cho nước Xá-vệ chúng con".

Đức Phật nhận lời cầu thỉnh đó. Bốn chúng lần lượt vây quanh đức Phật, Ngài phóng ra ánh đại quang minh chấn động cả địa cầu rồi từ từ đi đến nước Xá-vệ.

Trên đường đi, Phật và đại chúng dừng lại ở các khách xá. Đức Thế Tôn lần lượt độ cho mọi người số đông không hạn lượng. Khi đến bên thành Xá-vệ, tất cả mọi người đều bưng các thứ cúng dường nghinh đón Như Lai. Đức Thế Tôn liền phóng hào quang lớn chiếu khắp cả ba ngàn đại thiên thế giới, Ngài bèn dùng ngón chân ấn xuống mặt đất, cả đại địa liền chấn động, trong thành các kỷ nhạc không đánh mà tự trỗi lên. Bấy giờ người mù mắt liền sáng lại, người điếc được nghe, người câm được nói, người gù được thẳng, người tàn tật được lành mạnh. Mười tám ức người, nam nữ lớn bé đều thấy được điềm lành này, vui mừng khôn xiết, cùng nhau đến chỗ đức Phật. Lúc bấy giờ đức Thế Tôn tuỳ bịnh mà cho thuốc, thuyết pháp cho họ nghe, mọi người đều giác ngộ.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 10, kinh Niết-bàn trong Tạp A hàm và các bản Luật đều giống vậy)

CHƯƠNG III: NÚI

1. NÚI CÔN LÔN NƠI NĂM TRĂM A LA-HÁN Ở:

Núi Côn lôn là quả núi nằm ở trung tâm cõi Diêm-phù-đề, quả núi toàn bằng đá quý. Bao quanh núi gồm có năm trăm hang động toàn bằng vàng ròng, nơi này thường có năm trăm vị La-hán cư ngụ.

Trong núi có ao A-nậu bao quanh, trong vùng đất bằng của núi có sông đi qua, bờ sông có bốn đầu con thú bằng vàng, miệng thường phun nước, mỗi dòng nước chảy quanh một vòng ra bốn phía,rồi tuôn ra biển. Nước từ miệng voi phun ra thành sông Hoàng hà.

Ao A-nậu chiều rộng hai mươi lăm do tuần, chiều sâu hai mươi mốt dặm. Trong ao có đài vàng rộng một do tuần, trên đài có hoa sen bằng vàng, cọng sen làm bằng bảy báu, vào ngày rằm mỗi tháng đức Phật thường thuyết giới cho năm trăm vị La-hán.

(Trích kinh Hưng Khởi Hạnh quyển thượng)

2. MƯỜI NÚI CHÚA Ở CÕI DIÊM-PHÙ-ĐỀ:

Cõi Diêm-phù-đề có cả thảy mười ngọn núi chúa.

1. Núi chúa Tuyết sơn.
2. Núi chúa Hương sơn.
3. Núi chúa Kha lê la.
4. Núi chúa tiên Thánh.
5. Núi chúa Do càn đà.
6. Núi chúa Mã nhĩ.
7. Núi chúa Ni dân đà la.
8. Núi chúa Chước ca la.
9. Núi chúa Túc huệ.
10. Núi chúa Tu di.

(Trích kinh Hoa Nghiêm quyển hai mươi hai).

3. TÁM NHÂN DUYÊN ĐỊA CẦU CHẤN ĐỘNG:

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn ở thành Xá-vệ, Ngài bảo các Tỳ-kheo rằng: “Có tám nhân duyên làm cho địa cầu chấn động”.

1- Chiều sâu của quả đất này có sáu mươi vạn tám ngàn do tuần, nhờ vào nước mà được duy trì; nước cũng nhờ vào hư không mà tồn tại. Có lúc gió trên hư không động nên nước chuyển động, khi nước chuyển động thì làm cho quả đất chấn động.

2- Hoặc một vị Tỳ-kheo khi đạt được thần túc, tự tại trong các dục,

xem quả đất như trong lòng bàn tay, khiến cho quả đất chấn động.

3- Hoặc chư Thiên có thần túc lớn, có oai lực lớn có thể khiến cho cõi đất chấn động.

4- Hoặc các vị Bồ-tát ở trên cõi trời Đâu Suất muốn đản sanh trở lại nhân gian thì lúc ấy quả đất chấn động.

5- Hoặc Bồ-tát biết mình đang ở trong thai mẹ thì khi ấy địa cầu liền chấn động mạnh.

6- Hoặc Bồ-tát biết mình ở trong thai thai mẹ đã đủ mười tháng thì lúc ấy trái đất chấn động.

7- Hoặc Bồ-tát xuất gia, ngồi nơi đạo tràng, hàng phục ma oán, trọn thành chánh giác thì lúc ấy quả đất chấn động mạnh.

8- Khi đức Như Lai nhập vô dư Niết-bàn thì lúc ấy quả đất liền chấn động. Đây là tám nhân duyên làm cho quả đất chấn động.

(Trích kinh Tăng nhất A-Hàm quyển ba mươi ba).

CHƯƠNG IV: CÂY

1. CÂY CỐI Ở NƯỚC QUANG MINH PHÁT RA PHÁP ÂM:

Trong thời quá khứ có đức Phật hiệu là Sư Tử Hống Cổ Âm Vương, nước tên là Thiên-quang-minh, có cây bằng bảy báu, từ trong cây phát ra những thứ pháp âm như: Không, Vô tướng, Vô tác,Vô sanh, Vô sở hữu, Vô thủ tướng. Âm của các pháp được phát ra như vậy.

(Trích chư kinh Vô Hành)

2. CÂY THẦN DƯỢC:

Có loại cây thần dược tên là: Ma-la-đà-tuỳ-chủ-yểm rất độc hại không ai dám sử dụng càn bậy. Bấy giờ một con rắn thần lớn, thân dài một trăm hai mươi trượng, nhân lúc đi tìm thức ăn giữa đường gặp một con vật đầu đen thân dài năm trượng. Lúc ấy rắn muốn cất đầu về phía trước để mỗ con vật kia, bỗng nhiên nghe mùi của thuốc liền quay đầu muốn chạy, thân rắn lại vướng vào cây thần dược và đứt ra hai phần. Nửa phần đầu của rắn bỏ chạy còn nửa phần đuôi thì rã nát và bốc mùi hôi thối. Thế nhưng khi các độc của cây thần dược gặp mùi hôi thối của rắn thì cũng ngay lập tức các thứ khí độc liền tiêu diệt.

(Trích kinh Thiện Tín quyển hạ).

3. CÂY ĐẠI DƯỢC:

Trên đỉnh núi Tuyết sơn có loài cây dược vương được gọi là: Chẳng phải từ gốc mà sanh ra mà cũng chẳng phải không từ góc mà sanh ra.

Cây này rộng sáu trăm tám mươi vạn do tuần, rể ăn sâu xuống tận Kim-cương-tế. Khi cây này sanh ra rễ thì rễ của tất cả các cây trong cõi Diêm-phu-đề cũng phát triển.

Nếu khi nào cây sanh cành lá hoa trái thì tất cả các cây trong cõi Diêm-phù-đề cũng đều sanh cành lá hoa trái. Giống cây này từ dưới rễ cũng có thể sanh ra thân cây và thân cây ấy cũng có thể sanh ra rể. Cho nên gọi cây ấy là không từ rễ sanh và cũng từ rễ mà sanh ra. Đăc biệt là ở bất cứ nơi nào cây này cũng đều phát triển tốt, chỉ trừ trong địa ngục sâu và trong thuỷ luân cây này không bao giờ sanh trưởng trong ấy.

(Trích kinh Hoa Nghiêm quyển ba mươi).

4. MƯỜI LĂM LOẠI CÂY LỚN CÓ LỢI ÍCH:

Ngày xưa có vị vua tên là Vật liệp, trong nước có loại cây gọi làTu-ba-đề-hoàn, toả rộng năm trăm sáu mươi dặm, rễ ăn rộng tám ngàn bốn trăm dặm, cây cao bốn ngàn dặm và có năm loại quả hướng

ra năm phía. Một phía trái nó dành cho quốc vương, hoàng tộc cùng các cung phi mỹ nữ. Một phía trái nó dành cho các đại thần bá quan văn võ cùng nhau. Một phía dành cho nhân dân trong nước. Một phía trái nó dành cho các Sa-môn đạo sĩ cùng ăn. Phía còn lại là trái dành cho các loài chim thú. Mỗi trái nặng hai thăng (hai kg), vị ngọt như mật. Cây không có người canh giữ mà quả không ai tranh giành. Lúc bấy giờ thọ mạng con người là tám vạn bốn ngàn tuổi, con người có chín thứ bịnh: lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, ái dục, ăn nhiều, tuổi già, người nữ đến năm trăm tuổi mới lấy chồng.

(Trích A-nan Hiện Kinh)

5. ĐẠI TƯỢNG TÀNG HƯƠNG:

Trong nhân gian có loài hương tên là Đại tượng tàng. Thứ này do loài rồng đánh nhau mà sinh ra thứ hương này. Nếu đốt một viên thì ánh sáng lớn phát ra và có áng mây mổng che trùm phía trên, mùi vị nó như cam lộ. Suốt bảy ngày bảy đêm mưa nước hương thơm xuống, nếu mưa thấm ướt trên thân người, liền trở thành màu vàng, nếu cung điện lầu gác được mưa thấm thì cũng trở nên màu vàng óng. Nếu có chúng sanh nào ngửi được mùi hương này thì bảy ngày bảy đêm vui vẻ, tiêu diệt được tất cả bịnh tật, không bị chết yểu, lòng xa lìa tất cả các nguy hại sợ sệt, luôn tưởng nhớ đến chúng sanh mà thực hành hạnh đại từ bi.

Chẳng bao lâu ta biết được họ sẽ thuyết pháp khiến cho vô lượng chúng sanh đắc đạo quả bất thối chuyển.

(Trích kinh Hoa Nghiêm quyển 42)

6. HƯƠNG NGƯU ĐẦU CHIÊN ĐÀN:

Hương Ngưu đầu chiên đàn dược sanh ra từ núi Ly cấu. Nếu dùng hương này xoa lên thân thể thì lửa không thể đốt cháy.

(Trích kinh Hoa Nghiêm quyển bốn mươi)

7. CÂY Ở PHÍA NAM NÚI TU DI

Phía Nam của núi Tu-di có một loài cây cổ thụ lớn, cao bốn ngàn dặm, trên cây thường có loài chim Bát-xoa trú ngụ, nhưng cây không bao giờ lay động. Một hôm có một chú chim nhỏ, hình dạng giống loài chim Cun-cút đậu lại trên cây, bỗng nhiên cây giao động. Chim Bát-xoa thấy vậy ngạc nhiên bèn cất tiếng hỏi cây thần rằng: "Ông thật chẳng biết điều, thân ta vừa to vừa nặng, khi đậu lên trên thân ông thì chẳng chút giao động, vậy sao con chim nhỏ này đậu lên thì ngươi lại lay động

như thế?”

Cây thần đáp: “Con chim đó tuy nhỏ nhưng nó đã nuốt một viên kim cương ở dưới đáy biển vào ruột, hạt kim cương này khi rơi xuống đụng vật gì thì vật ấy đều nát vụn, do vậy mà tôi rất sợ, không thể nào yên được”.

(Trích kinh Thí Dụ quyển bảy)

8. LOÀI CÂY ĐỘC:

Ở nước Xá-vệ, có một công viên, trong vườn mọc một cây độc, bất cứ nam nữ nào chơi trong vườn,rồi nghĩ chân ở dưới bóng cây này thì hoặc đầu đau nhức muốn xé vỡ ra, hoặc đau lưng hay chết ngay tại chỗ. Người giữ vườn thấy thế bèn dùng cây búa lớn và dài hơn một trượng, Ông ta đứng từ xa vói chặt bỏ nó. Thế nhưng sau đó chưa được mười ngày, cây sống trở lại như cũ. Như vậy trải qua một thời gian thì cành nối cành, lá nối lá đoàn viên như cũ. Vẽ đẹp của cây ai thấy cũng đều thích thú nên không biết sợ sệt, vì thế mà họ đua nhau đến chơi. Mọi người thân thuộc trong gia đình viên quan ấy vì ham vui dưới bóng cây đó nên đã chết hết, giờ đây chỉ còn lại kẻ giữ vườn đứng nhìn, ngày đêm buồn bã, than khóc mà bỏ đi.

Có người đã từng bảo với ông ta rằng: “Người tài trí bảo, cây này cần phải chặt đốn tận gốc rể của nó”. Thế nhưng khi Ông ta vừa muốn đào rễ thì lại sợ chết nên không làm được. Người giữ vườn suy nghĩ và tìm đến con đường xuất gia học đạo.

Đức Phật dạy rằng:

Đốn cây không hết gốc
Chặt rồi nó lại sanh
Ái dục không đoạn tận
Từng giờ khổ lại sinh”

Khi nghe đức Phật dạy lời ấy thì ông ta bừng tỉnh ra bèn tự trách mình, liền chứng được đạo quả Tu đà hoàn.

(Trích kinh Chặt Cây Độc)

CHƯƠNG V: SÔNG VÀ BIỂN

1. BỐN CON SÔNG LỚN:

Có bốn con sông lớn bắt nguồn từ ao A-nậu chảy ra biển. Đó là sông Hằng-già, Tân- đầu, Bặc-xoa, Tư-đà.

Sông Hằng-già bắt nguồn từ miệng voi vàng chảy ra, lượn quang ao A-nậu một vòng rồi đổ ra biển Đông.

Sông Tân-đầu bắt nguồn từ miệng trâu bạc, lượn quanh ao A-nậu một vòng rồi đổ ra biển Nam.

Sông Bặc-xoa bắt nguồn từ miệng ngựa lưu ly, chảy quanh ao A-nậu một vòng rồi đổ ra biển tây.

Sông Tư-đà bắt nguồn từ miệng sư tử pha lê, chảy quanh ao A-nậu một vòng rồi đổ ra biển Bắc.

Bốn dòng sông lớn này, mỗi dòng lại có bốn con sông nhỏ trực thuộc, nghe nói bốn con sông nhỏ trực thuộc này cũng rất rộng lớn và đều co tên gọi. Bốn con sông nhỏ này mỗi sông lại có năm trăm nhánh sông khác trực thuộc, tổng công các nhánh sông nhỏ trực thuộc là gồm hai ngàn dòng sông đều đổ ra biển cả.

(Trích luận Tỳ-Bà-sa quyển hai)

2. NĂM CON SÔNG LỚN:

Sông Hằng chảy theo hướng Tây.

Sông Da-vân chảy theo hứong Nam.

Sông Sa-lục và A-di-thú đều chảy theo hướng Đông.

Cuối cùng là sông Mặc chảy theo hướng Bắc.

Tất cả năm con sông trên đều đổ ra biển. Từ khi khai thiên lập địa cho đến nay, mực nước của sông Vô-lạc không có sự thêm bớt, các tên cũ của sông đều bỏ đi mà gọi chung là biển

(Trích kinh Tám Đức Của Biển)

3. BIỂN LỚN CÓ TÁM ĐỨC:

Bấy giờ đức Phật du hoá đến nước Vô-Thắng. Ở đó, thường đến ngày rằm mỗi tháng Ngài thuyết giới và dạy cách thiền định cho các Tỳ-kheo. Một hôm, bỗng nhiên Ngài ngồi im lặng không thuyết giới. Tôn giả A-nan bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn, có phải Ngài đang nhập định không?”

Đức Phật đáp: “Trong chúng Tỳ-kheo có vị tâm hạnh bất chánh, làm những việc sai trái, những việc ấy hạng người thấp hèn còn chưa

đến nỗi phạm phải, vì trong đục lẫn lộn nên ta không thuyết giáo”.

Bấy giờ Tôn giả Mục-kiền-liên nhập định quán thấy người phạm giới, Tôn giả liền bảo người ấy: “Ông hãy đứng lên, nơi đây không phải là chỗ chứa những kẻ trần tục như ông”.

Tuy bị đuổi, nhưng vị ấy lại không đứng dậy, Tôn giả Mục-kiền-liên nắm tay ông ta lôi ra khỏi pháp hội và bảo: “Ông không có đức hạnh, tâm chất chứa sáu thứ tà kiến, sao lại dám đem thân nhơ bẩn như chuồng heo mà ngồi lên toà thiên hương, ông là kẻ bỏ đi, chẳng phải là Sa-môn”.

Khi ấy đức Phật dạy các Tỳ-kheo: “Các ông nên quán xét trong biển lớn có tám món công đức như sau:

1. Chiều rộng của biển mênh mông không bờ bến, chiều sâu không thể dò đến tận đáy, càng đi vào thì càng thấy sâu không một vật cản.

2. Thuỷ triều lên xuống đúng với chu kì.

3. Biển dung chứa những vật quý báu, không vật gì mà không có. Ngoại trừ thây chết đã hôi thối thì biển không dung nạp mà thôi.

4. Biển có nhiều của báu nhưng không tìm cầu thì không có được.

5. Khắp trong thiên hạ có cả thảy năm con sông lớn, khi đổ ra biển thì tên gọi cũ không còn nữa mà gọi chung là biển.

6. Tuy năm con sông lớn và muôn con sông nhỏ luôn chảy và có lượng mưa thường xuyên đổ xuống nhưng mực nước biển vẫn không thay đổi.

7. Trong biển có nhiều loại cá có thân to lớn, trong đó có loài thân dài bốn ngàn dặm, có loài thân dài tám ngàn dặm, có loài thân dài hai ngàn dặm, có loài thân dài mười sáu ngàn dặm, có loài thân dài hai mươi ngàn dặm, có loài thân dài hai mươi bốn ngàn dặm, có loài thân dài hai mươi tám ngàn dặm.

8. Nước biển cùng một vị mặn như nhau.

(Trích kinh Tám Đức Của Biển)

CHƯƠNG VI: CHÂU MA NI

1. CHÂU MINH NGUYỆT MA NI:

Châu minh nguyệt Ma-ni phần nhiều nằm trong não của rồng, chúng sanh nào có phước đức thì tự nhiên có được viên châu này. Cũng như các khí cụ dùng để trị tội trong địa ngục tự nhiên mà có.

Loại châu Ma-ni này cũng gọi là châu Như ý, thường sanh ra tất cả các vật quý báu, các thứ y phục, đồ ăn uống tuỳ theo ý muốn mà có được. Nếu người nào có viên minh châu này thì các chất đọc không thể hại được, lữa cũng không thể đốt cháy.

Có người bảo: "Viên minh châu này là vật kim cang trong tay của trời Đế thích, khi cùng giao trang với A-tu-la, kim cương bị vỡ và rơi xuống cõi Diêm-phù-đề".

Lại có người nói: "Minh châu này là Xá lợi của các đức Phật trong thời quá khứ lâu xa, khi Phật pháp đã diệt thì Xá lợi của Phật biến thành châu này để làm lợi ích cho chúng sanh".

(Trích từ luận Đại Trí Độ quyển chín)

2. BIỂN LỚN SANH NGỌC QUÝ:

Trong biển lớn có bốn loại ngọc quý, tất cả các thứ quý báu đều sanh ra từ bốn loại ngọc quý này. Nếu như không có bốn loại ngọc quý này thì hết thảy vật báu dầ dầ sẽ tiêu mất. Các vị tiểu long thần không thể thấy được ngọc quý này, chỉ có Long vương Bà-già-la bí mật cất kỹ trong kho báu sâu kín, kho này có bốn tên gọi:

Chất chứa các kho báu.

Kho báu vô tận.

Xa lìa lửa dữ.

Chứa các thứ trang nghiêm.

(Trích kinh Hoa-nghiêm quyển ba mươi)

3. ÁNH SÁNG QUÝ BÁU LỚN:

Ở trong biển có bốn thứ báu lớn luôn toả ánh sáng rực rỡ:

1. Nhật quang minh đại bảo.
2. Ly cố quang minh đại bảo.
3. Hoả châu quang minh đại bảo.
4. Cứu cánh vô dư đại bảo.

Nếu trong biển lớn mà không có bốn thứ quý giá này thì trong bốn châu thiên hạ, núi Kim cang vi cho đến cõi trời phi tưởng phi phi tưởng

xứ cũng đều tiêu mất.

Ánh sáng Nhật-tạng có thể biến nước biến thành sửa. Ánh sáng Ly-cố có thể biến nước sửa thành dầu tô. Ánh sáng Hoả-châu có thể đốt cháy dầu tô của biển. Ánh sáng cứu cánh vô dư có thể đốt hết sạch dầu tô trong biển.

(Trích kinh Hoa-nghiêm quyển ba mươi)

4. SỰ KHÁC BIỆT HÌNH THỂ VÀ THỌ MẠNG CỦA NGƯỜI UỐNG SỮA NHIỀU ÍT:

Có người hỏi: "Trong cõi Diêm-phù-đề khi đứa bé mới sanh ra cho đến lớn ba tuổi thì người mẹ bồng ẵm nuôi dưỡng, cho con bú hết bao nhiêu sữa?"

Bồ-tát Di-lặc trả lời: "Đứa trẻ đó uống của người mẹ hết một trăm tám mươi đấu sữa, trừ bốn phần thức ăn khi còn trong bụng mẹ.

Ở cõi Đông Phất-vu-đãi, khi đứa bé sanh ra cho đến lúc lên ba thì uống hết một ngàn tám trăm đấu sữa.

Ở cõi Tây-câu-da-ni, đứa bé sinh ra cho đến lúc lên ba uống hết của mẹ tám trăm đấu sữa.

Ở cõi Bắc-uất-đơn-viết, khi bé mới sinh ra thì họ đem đặt ngồi ở bên đường, người đi đường thấy liền đưa ngón tay cho bé mút, sau bảy ngày bé lớn thành người, cõi ấy không có sữa.

Chúng sanh trong cõi trung ấm uống hấp hơi gió để nuôi sống.

Chúng sanh trong cõi Diêm-phù-đề thọ được một trăm tuổi.

Thọ mạng của con người trong cõi Đông Phất-vu-đãi là hai trăm năm mươi tuổi.

Thọ mạng của chúng sanh trong cõi Tây Câu-da-ni là năm trăm tuổi

Thọ mạng của con người trong cõi Bắc Uất-đơn-viết là một ngàn tuổi.

Thọ mạng của con người trong cõi trung ấm thân chỉ có bảy ngày.

Khuôn mặt con người trong cõi Diêm-phù-đề phần trên rộng, phần dưới hẹp.

Ở cõi Đông Phất-vu-đãi, khuôn mặt tròn trịa.

Ở cõi Tây Câu-da-ni Phần trên nhỏ, dưới rộng.

Ở cõi Bắc Uất-đơn-viết thì vuông vức.

Cõi Trung ấm thân giông như cõi trời Tha-hoá-tự-tại.

(Trích kinh Chúng Sanh Vi Nhiên Tam Giới)

PHẦN II: CÕI UẤT ĐƠN VIỆT

Cõi Uất-đơn-viết chu vi rộng lớn,mỗi chiều gồm bốn mươi vạn dặm, có nhiều núi dồi, hai bên bờ sông có tròng nhiều cây cổ thụ và các loài hoa. Trên sông có thuyền làm bằng bảy thứ báu. Ở đó có ao tắm tên là Nan-đà, dòng nước mát mẻ, cát dưới ao bằng vàng. Xum quanh ao đều có bậc thềm làm bằng bốn thứ báu. Nếu thềm bằng vàng thì nấc thang bằng bạc. Thềm bằng bạc thì nấc thang bằng vàng. Thềm bằng lưu ly thì nấc thang bằng thuỷ tinh, thềm bằng thuỷ tinh thì nấc thang bằng lưu ly. Trong ao có trồng cá loài hoa sen, nếu cắt hoa thì nhựa nó ra như sữa đặc, mùi vị ngọt ngào như mật, ánh sáng chiếu khắp bốn mươi dặm, hương thơm cũng bay xa bốn mươi dặm.

Phía Đông của ao có sông Kỷ-vị, phía Nam có sông Tu-kiệt, phíaTây có sông Đị-thổ, phía Bắc có sông Thiện-chủng. Các dòng sông ấy đều có cây và hoa bằng bốn thứ báu.

Phía Đông của ao lại có vườn Thượng-hiền, hàng cây làm lang can cũng bằng bốn thứ báu, cây cối trong vườn tỏa nhiều hương thơm, có loài cây áo-mền, có loài cây anh-lạc, các loài cây này thường cho những thứ áo mền và anh lạc. trong vườn còn có cây Âm-nhạc, thường phát ra những thứ Âm nhạc. Có cây cao bảy dặm, có cây cao năm dặm, có cây cao bốn dặm, ba dặm, hai dặm.

Phía Nam ao có khu vườn nhà tên Dữ-hiền, phái Tây ao có khu vườn nhà La-việt, phía Bắc có khu vườn Thường-hữu-hoa. Các nơi ấy đều có cây cối tươi tốt và mức cao thấp của nó cũng giống như khu vườn phía Đông. Cõi phương bắc này có cây giao nhánh giữa ngã tư đường. Người trời ở trên, nam nữ riêng biệt, có gạo trắng thơm, không trồng tự mọc, gạo đủ tất cả các hương vị. Nếu muốn hành dâm, ý khởi liền gặp nhau, không cần nói năng, người nam đi trước, người nữ theo sau, cùng nhau đến khu vườn dạo chơi và hưởng khoái lạc. có khi ba ngày, có khi bảy ngày rồi tùy ý chia tay, chẳng lệ thuộc vào nhau. người nữ mang thai bảy tám ngày sau liền sanh, rồi đem bỏ em bé nơi ngã tư đường. Nếu có người xum quanh đến, dùng ngón tay cho bé mút ra sữa và uống. Bảy ngày sau em bé tự nhờ phước đức mà lớn lên bằng người hai mươi đến hai mươi lăm tuổi ở cõi Diêm-phù-đề.

Bốn phía đều bao quanh bởi sông A-nậu. Ở đó thường vào cuối đêm trời kéo mây và đổ mưa xuống, nước mưa có tám vị như người ăn uống. Nước mưa ấy rơi xuống mặt đất thì giống như bôi dầu, bụi đất không thể nổi lên, cỏ cây tươi tốt, hoa trái đều thơm. Như lúc hương đã

thơm nồng thì có gió m,ạnh thổi qua, quét sạch vườn Thượng-hiền. Tiếp đó có ngọn gió Y-lam phát sanh, làm cho hoa rơi xuống vườn ngập đến đầu gối. Người trong cõi này đều vào vườn dạo chơi vui vẻ, không có điều gì vướng bận. Khi nào họ muốn ăn thì dùng gạo trăng thơm, đặt trên viên minh châu Diệm-vị. Khi cơm chín thì mọi người trong bốn phương đều đến tùy ý ăn, nhưng cơm ấy không bao giờ hết.

Lại có loài cây Tượng-đầu, cành lá công lên thành vòm làm thành con đường giao nhau. người dân thường lên ngủ ở trên đó, nam nữ riêng biệt. người ở cõi này có tóc xanh biếc, dài tám tấc, sắc mặt và chiều cao thấp như nhau. thọ mạng của cõi này đến một ngàn tuổi, khi chết lại sanh qua cõi trời Dục-giới. Hết phước cõi trời thì sanh vào nhà giàu sang ở cõi Diêm-phù-đề. Khi họ tiểu tiện thì mặt đất tự nứt ra để hứng lấy, việc xong thì đất tự khép lại. Khi mạng chung, họ mặc trang phục tốt đẹp, không có khóc lóc, thi thể đặt ở ngã tư đường bọc kín lại rồi đem để ở vùng biên giới phía Bắc.

(Trích kinh Lâu Thán quyển một)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 4

1. Tôn sư đắc đạo
2. Thị hiện sanh vào cung vua
3. Thị hiện thành đạo
4. A nan hỏi về cách thức an táng
5. Thị hiện nhập Niết-bàn
6. Năm tướng suy hao của hoàng hậu ma da xuất hiện

1. TÔN SƯ ĐẮC ĐẠO:

Vào kiếp lâu xa về trước khi còn hành Bồ-tát đạo, Đức Như Lai làm vua một nước lớn. Lúc thân phụ và thân mẫu qua đời, Ngài nhường ngôi lại cho hoàng đệ, một mình ra đi cầu đạo.

Ngài gặp một vị Bà-la-môn họ Cù Đàm và theo vị nầy học đạo, do đó cũng lấy họ Cù Đàm. Ngài vào núi sâu tư duy thiền quán. Về sau Ngài đi khất thực lần trở về nước cũ nhưng thần dân trong nước không ai nhận ra, nên gọi Ngài là tiểu Cù Đàm. Ngài dựng Tịnh xá trong một khu vườn ở ngoài thành. Một hôm, có năm trăm tên cướp hung bạo lấy trộm tài sản của quan rồi chạy ngang qua bìa vườn. Sáng hôm sau quan quân lần theo dấu vết tìm kiếm kẻ trộm, thấy dấu chân trong vườn ấy liền bắt Bồ-tát. Họ dùng cây đâm xuyên qua thân rồi dựng Ngài dưới gốc cây, máu chảy xuống đất lai láng.

Vị Đại Cù Đàm nghe tin bay đến hỏi:

- Người này có tội gì mà phải đến nỗi này?

Khi ấy quân lính giương cung bắn chết Bồ-tát. Vị Đại Cù Đàm khóc ước cả áo quan. Sau đó Ngài lấy đất thấm ướt máu vo lại thành khối đem về Tinh xá và đặt vào hai bát bên trái và bên phải, nói rằng:

- Nếu Đạo sĩ này là người chí thành thì thiên thần hãy khiến cho máu hóa thành người.

Mười tháng sau, đất thấm máu trong bát trái biến thành người nam tên là Xá Di, bát bên phải biến thành người nữ họ la Cù Đàm.

Vào thời Bảo Phật trong hiền kiếp cũng họ là Thích Ca thọ năm trăm vạn tuổi. (Trích kinh Nhị Thập Du)

Đức Phật ở dưới cội cây Vô Kiết trong đạo tràng Thiện Thắng, ở nước Ma kiệt đề dùng đức hàng phục ma quân, độ hai người thương buôn. Đức Định Quang Như Lai thọ ký rằng: "Ông ở chín mươi mốt kiếp sau sẽ được làm Phật, hiệu là Thích Ca Văn. Ông cũng có đầy đủ mười hiệu như ta hiện nay".

Từ đó đến nay ta tích chứa công hạnh, tu trì Lục độ, Tứ vô lượng tâm không gián đoạn, quả báo không sai chạy, nguyện lớn đã thành tựu.

(Trích Bổn Khởi quyển thượng).

2. THỊ HIỆN SANH VÀO CUNG VUA

Bồ-tát kiếp cuối cùng ở cung trời Đâu Suất. Ngài cùng các thiên tử bàn luận về chỗ thọ sanh. Chủng Anh thiên tử hỏi:

- Đức Bồ-tát sẽ giáng thần vào dòng họ nào?

- Ta sẽ giáng sanh vào dòng họ có sáu mươi đức. Chỉ có nhà họ Thích, người thành Ca duy la vệ từ lâu đã trồng cội đức, lớn nhỏ hoà thuận, trên dưới kính nhường, nước giàu dân an, mọi người đều khát ngưỡng Đại thừa. Hơn nữa, vua Bạch Tịnh chỉ làm điều nhân nghĩa. Hoàng hậu họ Cù Đàm tánh tình ôn hoà hiền thục, khéo giữ gìn ba nghiệp (thân, khẩu, ý) bà đã làm mẹ Bồ-tát trong năm trăm đời.

Lúc Hoàng hậu ngủ, Bồ-tát hoá thân cưỡi voi trắng, ánh sáng chói hơn mặt Trời nhập vào thai mẹ. Hoàng hậu cảm thấy thân tâm an lạc như nhập sâu vào thiền định. Bà đi đến dưới cội cây vô ưu, sai sứ về bẩm lại đức vua. Bấy giờ rừng cây Vô ưu xuất hiện mười điềm lành:

1. Bỗng nhiên rộng lớn.
2. Đất đá biến thành kim cương.
3. Cây báu xếp thành hàng.
4. Trầm hương ngào ngạt.
5. Tràng hoa đầy khắp.
6. Các thứ báu hiện ra.
7. Trong ao sanh ra hoa phù dung.
8. Trời, rồng và dạ xoa đứng chắp tay.
9. Thiên nữ cung kính.
10. Tất cả chư Phật phóng quang chiếu sáng khắp nơi.

Đức vua rất vui mừng, hoàng hậu thân thể nhẹ nhàng thư thái, lòng không gợn chút tham sân si. Những người bị bịnh được bà dùng tay

xoa lê thì người bệnh liền khỏi.

Đúng mười tháng, hoàng hậu lâm bồn. Lúc ấy có ba mươi hai điềm lành ứng hiện:

1. Cây cối trong hậu viên tự nhiên ra quả.
2. Trên đất mọc hoa sen xanh lớn như bánh xe.
3. Cây khô nỡ hoa.
4. Xe bảy báu hiện đến
5. Kho tàng trong đất tự nhiên vọt lên
6. Hoa quý toả hương thơm bay khắp nơi.
7. Năm trăm sư tử ở tuyết sơn tụ đứng trước cửa thành.
8. Năm trăm voi trắng đứng trước điện.
9. Mưa phùn đượm hương thơm.
10. Thức ăn uống trăm món cung cấp cho những người đói khát

(Văn nhiều không chép ra, giống với Bổn Khởi).

Rạng ngày mùng tám tháng tư, lúc sao mai xuất hiện, hoàng hậu muốn du ngoạn dưới cây Liên Bính ba ngàn quốc độ có sáu lần chấn động. Khi sao mai lặn, cây rủ cành xuống, hoàng hậu vịn cành, chư Thiên rải hoa. Từ nách bên phải của Bà hạ sanh một hoàng nhi, thân cao trượng sáu. Thái tử vừa hạ sanh liền bước di bảy bước, mỗi bước đi có hoa báu đở chân. Ngài đưa tay lên nói:

- Trên trời dưới trời chỉ có " Ta" (ngã) là tôn quý. Ba cõi đều khổ, có gì đáng vui.

Đế Thích Phạm vương đứng hầu. Tứ thiên vương đón Ngài lên cái án vàng. Rồng phun nước thơm tắm gội cho Ngài. Cùng lúc năm trăm thanh y mỗi người hạ sanh một lực sĩ. Ngựa trắng sanh ngựa con, dê vàng sanh dê con (trong Thụy Ứng Bổn Khởi chép: người hầu tên Xa-nặc, ngựa tên Kiền Trắc. Các Bổn Khởi phần nhiều đều giống nhau.)

Sau khi hạ sanh thái tử được bảy ngày hoàng hậu qua đời và được sanh lên cõi trời Đao Lợi. Thái tử còn nhỏ cần phải có người chăm sóc. Bấy giờ có người tâu vua:

- Chỉ có bà Ái Đạo dì của thái tử là người chưa lập gia đình mới có thể nuôi dạy Ngài được.

Vua Bạch Tịnh lập tức đến chổ bà Đại Ái Đạo xin bà nhận dưỡng nuôi thái tử. Bà phụng mệnh.

Vị Phạm Chí ở Tuyết Sơn tên A-di-đầu-kỳ, khi trông thấy thái tử liền buồn than rơi lệ vua hỏi lý do ông đáp:

- Kính mừng đại vương sanh được thần nhơn. Chính sự ra đời của vị này làm cho trời đất chấn động. Theo phép xem tướng của thần thì

thái tử có ba mươi hai tướng tốt:

1. Toàn thân màu vàng ròng
2. Trên đỉnh có nhục kế.
3. Tóc màu xanh biếc.
4. Giữa chân mày có lông tơ trắng
5. Trên đảnh phát ra ánh sáng giống như mặt trời.
6. Lông mi xanh biếc.
7. Hai mí mắt đều nháy một lượt.
8. Trong miệng có bốn mươi răng.
9. Răng trắng đều đặn.
10. Gò má đầy đặn
11. Lưỡi rộng vuông dài.
12. Lòng bàn tay đầy đặn.
13. Ngực như ngực sư tử.
14. Thân ngay thẳng.
15. Cánh tay dài.
16. Ngón tay dài.
17. Gót chân đầy đặn.
18. Lòng bàn chân bằng phẳng.
19. Kẻ tay, kẻ chân có màng mỏng
20. Bàn tay có màng mỏng dính vào nhau.
21. Lòng bàn tay có tướng bánh xe ngàn căm.
22. Lòng bàn chân có tướng bánh xe ngàn căm.
23. Có tướng mã âm tàng.
24. Bụng thon như bụng nai.
25. Xương móc khoá
26. Lông xoay về bên phải.
27. Mỗi lỗ chân lông chỉ có một lông.
28. Da lông mịn màng.
29. Không bị nước bẩn dính.
30. Giữa ngực có chữ vạn.

(Trong Thuỵ Ứng cũng thiếu hai tướng)

Người có đủ những tướng này, nếu ở tại gia sẽ làm Chuyển luân Thánh vương, bảy báu tự đến. Nếu xuất gia sẽ thành Phật. Thương thay cho hạ thần tuổi đã xế chiều, không thấy được Phật hoá đạo cho nên buồn khóc. Vua ban thưởng rất trọng hậu cho vị Phạm chí, rồi bảo với bà Đại Ái Đạo nên săn sóc thái tử cẩn trọng hơn (Trích kinh Phổ Diệu quyển 2, lại trích Thích Ca Tán quyển một)

Năm lên bảy tuổi thái tử cưỡi xe dê, các công tử trong dòng họ Thích cùng theo Ngài đến chổ Thầy dạy học tên Tuyển Hữu. Thái tử hỏi:

- Thầy có những sách gì để dạy?

Có sách Phạm Khư, Lưu Pháp có thể dạy Ngài được.

- Có sáu mươi bốn loại sách khác sao chỉ dạy tôi có hai loại sách thôi.

- Xin được nghe tên các loại sách ấy.

- Những sách như: Phạm Khứ Lưu, Hội Chúng,Tật Kiên, Long Quỷ, Càn Thác Bà, A Tu Luân Lộc Luân, Thiên Phúc, Chuyển Số, Quán Không (văn nhiều khôn chép). Vậy thầy muốn dạy cho ta sách nào? Vị thầy không thể hiểu hết các loại sách ấy, ông hết lời ngợi khen. Thái tử phân biệt rạch ròi cho các đồng tử nghe và khuyên họ phát đạo tâm (kinh Thuỵ Ứng nói: (vì sách thiếu hai chữ nên thái tử hỏi thầy, thầy không trả lời được nên thầy hỏi ngược lại.)

Năm thái tử mười bảy tuổi, vua cưới vợ cho Ngài, trong cuộc tuyển chọn từ hàng ngàn người cuối cùng mới chọn được một người. Người ấy là công chúa con vua Ba tu phất (Đời Lương dịch là Thiện Giác) nàng họ Cù Đàm tên là Cù Di, nhan sắc tuyệt trần trong sạch như hoa sen.

Lúc bấy giờ, tám nước đang tranh nhau để cầu hôn nhưng chưa được vua Thiện Giác chấp thuận. Hay tin vua Tịnh Phạn đến cầu hôn công chúa cho thái tử vua Thiện Giác lo lắng vì nếu không chấp thuận sẽ bị chinh phạt, nếu chấp thuận sẽ gây thù với các nước kia. Thấy cha lo buôn như vậy công chúa tâu:

- Người của nước vua Bạch Tịnh võ nghệ cao cường, các nước đều nể sợ. Phụ hoàng hãy ban sắc chỉ trong nước, sau bảy ngày các thái tử thi tài ai thắng được chọn làm phò mã.

Trong cuộc đọ sức, Điều Đạt vật chết một con voi. Thái tử xách voi quăng ra khỏi thành. Tám vạn môn học khác như thiên văn, địa lý... không ai bì kịp Ngài. Đến Điều Đạt đọ quyền với thái tử, thái tử nắm lấy tay ông ta quăng lên không trung đến ba lần mà không làm cho Điều Đạt bị tổn thương. Điều Đạt lại cùng thái tử thi bắn cung. Điều Đạt chỉ bắn trúng trọng tâm trống chừng 40 mươi dặm, không thể vượt xa hơn. Đến phiên thái tử các cung vừa giương lên đều bị gãy vụn. Ngài hỏi:

- Còn cung nào khác vừa sức ta không?

Vua đáp:

- Tiên vương xưa kia có dùng một cây cung rất kỳ lạ, không ai

giương nỗi, hiện còn để trong thiên tự. Vua liền sai người đem đến cho thái tử. Lúc ấy tất cả mọi người có mặt không ai nâng cung lên nỗi. Thái tử giương cung bắn trúng trọng tâm mặt trống xa trăm dặm. Khi mũi tên cắm xuống đất, nước suối vọt lên đến núi thiết vi. Ba ngàn cõi nước sáu lần chấn động.

Thái tử thắng cuộc được cưới công chúa làm đệ nhất phu nhân. thuận theo thế gian mà thị hiện vui chơi (Trong kinh Thuỵ ứng chép: “Thái tử cưới vợ đã lâu nhưng không gần gủi, chỉ dùng tay chỉ vào bụng công chúa, sau đó công chúa hạ ssanh con trai) thái tử lại cưới con gái trưởng giả Di Thí lên la Da Duy Đàn làm đệ nhị phu nhân, lại cưới con gái trưởng giả họ Thích làm đệ tam phu nhân. Thái tử sẽ làm phi hành hoàng đế. Vua Tịnh Phạn cho xây dựng ba cung điện hợp với ba mùa, chọn sáu vạn thể nữ. La-hầu-la từ cõi trời biến hiện sanh ra.

Khi thái tử muốn đi dạo cửa thành phía Đông, vua ra lịnh phải dọn dẹp đường sá sạch sẽ để làm cho tinh thần thái tử phấn chấn. Bấy giờ thiên đế biến làm một người già tóc bạc răng rụng, mắt mờ tai điếc, chống gậy lần từng bước. Thái tử biết nhưng giả vờ hỏi:

- Đây là người gì?

Người đánh xe đáp:

- Đây là người già.

- Mạng người như dòng nước chảy qua khó có thể gặp lại, không chỉ riêng một người mà khắp trong thiên hạ đều như vậy. Thái tử quay xe trở về cung trong lòng buồn bã xót xa.

Sau đó thái tử lại dạo cửa thành phía Nam. Gặp một người bệnh. thân gầy bụng to nằm ở bên đường. Ngài cũng hỏi như lần trước người đánh xe đáp:

- Đó là người bệnh. Thái tử nói:

- Vạn vật vô thường có thân ắt có khổ. Ta rồi cũng sẽ như vậy.

Thái tử liền trở về cung.

Hôm sau dạo cửa thành phái Tây, thái tử thấy một thây chết,cả nhà than khóc áo não. Ngài cũng hỏi như lần trước. Người đánh xe đáp:

- Đây là người chết, đời người có sanh ắt có tử, giống như thời tiết có mùa xuân ắt có mùa đông. Người và vật điều một lẽ như nhau.

Thái tử nói:

- Ôi chết chóc khổ biết bao! Tinh thần tán loạn cả! Ta thấy người chết thân thể tuy tan rã nhưng thần thức không mất. Ta không thể làm cho người chết sống lại được họ qua lại trong năm đường tinh thần khổ

nhọc biết bao.

Lại một ngày khác thái tử dạo ra thành phía Bắc, thấy một vị Sa-môn, y phục ngay ngắn tay ôm bình bát. Ngài cũng hỏi như lần trước. Người đánh xe đáp đây là vị Tỳ-kheo xả bỏ dục tình, tâm ý tha thiết muốn độ khắp mười phương.

Thái tử nói: " Hay thay! Đó chính là niềm mong muốn của ta. Nếu ta không từ bỏ vương vị xuất gia thì điều này không thể được".

Đêm khuya thanh vắng thái tử vào hậu cung ánh sáng từ thân Ngài chiếu rực khắp nơi, nhà vua tỉnh giấc thái tử tâu:

- Chư Thiên khuyến khích con nên xuất gia ngay bây giờ.

Vua buồn bã khóc hỏi:

- Con có chí nguyện gì? sao bây giờ mới về?

- Con muốn được thoả mãn bốn ước nguyện. Đó là: không già, không bệnh, không chết và không bị chia lìa. Nếu phụ thân ban cho con bốn ước nguyên này thì con sẽ không xuất gia.

- Từ xưa đến nay không hề có chuyện đó.

Nhà vua càng thêm đau buồn, liền ra lệnh cho năm trăm thanh niên khoẻ mạnh của dòng họ Thích túc trực canh giữ bốn cửa thành. Cửa thành mỗi khi đóng hay mở điều phát ra tiếng động vang xa bốn mươi dặm. Nàng Cù Di trong lòng nghi ngờ không dám rời thái tử nửa bước. Thái tử suy nghĩ: Muốn tu đạo thanh tịnh thì không nên ở lại nhà mà phải vào chốn rừng sâu để chuyên cần tu pháp hành thiền.

Bấy giờ thái tử đã mười chín tuổi, vào quá nữa đêm ngày mùng 7 tháng tư, Cù Di ngủ mộng thấy năm điều, liền kinh hãi thức giấc. Thái tử hỏi nguyên do, nàng đáp:

- Thiếp mộng thấy núi Tu di bị lỡ, mặt trăng rơi xuống đất, ánh sáng minh châu bổng nhiên tắt lịm, tóc trên đầu tự rụng và có người cướp lấy lọng của mình.

Bồ-tát biết điềm trong mộng là chỉ cho mình, liền bảo:

- Núi Tu-di không lỡ, ánh trăng vẫn tiếp tục soi sáng, ánh sáng minh châu không tắt mất, tóc trên đầu không rụng va lọng che vẫn còn. Nàng hãy an lòng ngủ đi, chớ có lo lắng!

Đêm xuống thái tử quán thấy thân thể các kỹ nữ, tất cả đều giả hợp như cây chuối, nước mũi nước mắt chảy ra trên gương mặt mệt mõi, bên các nhạc khí vất bỏ ngổ ngang. Rồi thái tử quay lại nhìn vợ mình, nhận thấy các bộ phận trong cơ thể như; não, tuỷ, xương sọ, tim, gan, ruột, bao tử... bên ngoài là túi da, bên trong chứa đầy những đồ dơ uế, cũng như mượn tạm, không giữ được lâu bền. Ba cõi không chắc thật,

chỉ có đạo mới là chổ để chúng ta nương nhờ.

Bấy giờ thiên tử Pháp Hành ở Dục giới trụ trên hư không thưa vọng xuống thai tử: “đã đến giờ rồi”

Lúc sao mai vừa mọc, thái tử dánh thức Xa-nặc dậy chuẩn bị yên cương cho ngựa Kiền Trắc. Tứ thiên vương cùng vô số dạ xoa, rồng... đều mặc áo giáp từ bốn phương bay đến thành kính cúi đầu. Chư Thiên sợ có sự ngăn cản, nên sai áp thần vao cung trấn cho mọi người ngủ say. Nam nữ trong thành đều chìm trong giấc ngủ say sưa, đến cả chim khổng tước cũng ngủ li bì, còn Xa-nặc thì buồn bã khóc lóc. Cửa thành đóng chặt, bốn vị thần nâng bổng bốn vó ngựa vượt qua khỏi hoàng thành. Đế Thích đi trước dẫn đường, phóng ánh sáng rực rỡ đến dưới cây Bồ-đề.

(Trích kinh Phổ Diệu quyển 3, 4)

3. THỊ HIỆN THÀNH ĐẠO

Sáng hôm sau có người vao tâu vua:

- Bẩm đại vương không biết thái` tử đã đi đâu rồi!

Vua liền cho người đuổi theo. Mọi người đến vương điền từ xa họ trông thấy thái tử ngồi dưới gốc, cây rủ bóng che mát thái tử. Vua rất kinh ngạc, tự động xuống ngựa làm lễ thái tử. Thái tử cũng lễ lại vua cha và tâu:

- Phụ hoàng đến đây thật là nhọc nhằn thân thể!

Vua vì thương nhớ thái tử khôn nguôi nên khi trở về cung liền vời các quân thần đến nói:

- Các khanh có con đàn cháu đống để vui vầy, còn trẫm chỉ có một mình thái tử. nay thái tử đã bỏ trẫm vào rừng sâu, các khanh hãy chọn trong hàng con em của mình năm người để theo hầu thái tử. Nếu ai trở về thì ta sẽ giết gia tộc của người ấy.

Thái tử cởi y báu trao lại cho Xa-nặc, bảo về tâu lại với vua cha và thưa với Cù Di rằng: “Khi nào đắc đạo ta sẽ trở về, ta không quên lời hứa này đâu”.

Xa-nặc phụng mệnh trở về mà nước mắt như mưa. Bạch mã quỳ xuống liếm chân thái tử. Nhà vua thấy những vật của thái tử gởi về bèn ngất đi, Cù Di ôm lấy ngựa mà hỏi:

- Thái tử cỡi ngươi, sao bổng nhiên ngươi trở về một mình?

Quả ngọt suối trong đều có đủ, Bồ-tát nghĩ thầm muốn làm Sa-môn phải ở chốn rừng sâu.

Thiên vương biết được tâm nguyện của thái tử liền cầm dao bay

xuồng trước mặt Ngài, Bồ-tát cầm dao cắt tóc. Trên đầu chỉ còn lại nhục kế. Đế Thích nhận lấy tóc ấy, Ngài trở thành đại Sa-môn.

Sau đó Bồ-tát đến bờ sông Ni Liên Thuyền sống một mình vắng lặng. Bây giờ có một người thợ săn mặt pháp phục giống Sa-môn. Thái tử hỏi:

- Pháp phục này gọi là gì?

- Là ca sa, bọn nai tưởng rằng tôi là đạo sĩ nên không sợ hãi mà đến gần, tôi sẽ giết chúng để sinh sống.

- Thái tử khởi tâm từ ái, đề nghị người thợ săn đổi y phục, ông ta đáp:

- Vương tử lớn lên nơi cung cấm, thịt da mềm mại không thể chịu nổi cái khổ của giá rét, e rằng nó sẽ huỷ hoại thân Ngài. hơn nữa pháp phục này không được sạch sẽ.

- Đây là vật biểu trưng của bậc Hiền Thánh ta đổi lấy không chút hối hận. Ta sẽ tự giặt giũ sạch sẽ.

Chư Thiên cúng dường thức ăn nhưng Ngài không thọ nhận bèn đi đến nước Ma-kiệt-đà. Nhân dân nước nầy trong thấy Ngài, cho rằng Ngài là Đế Thích Phạm vương, chư Thiên. Thái tử biết được suy nghĩ của họ liền đến ngồi dưới gốc cây.

Vương bình Sa cùng quần thần đi đến chổ Ngài, từ xa họ đã thấy tướng sáng rực rỡ, liền hỏi:

- Đây là vị thần nào? Từ đâu đến? Tên là gì?

- Tôi là người nước Ca duy la vệ, ở phía Đông bắc Tuyết Sơn thuộc Hương Sơn, thân phụ là Bạch Tịnh, thân mẫu là Ma-da.

Vua hỏi:

- Phải chăng Ngài tên là Tất Đạt?

- Đúng vậy!

Vua liền lễ dưới chân thái tử và thưa hỏi:

- Thân tướng Ngài sáng rỡ, nếu làm vua Ngài sẽ làm Chuyển luân Thánh vương cai trị khắp bốn phương, bốn biển rộng mênh mông, đất nước hùng mạnh, giàu sang tột đỉnh, cớ sao lại bỏ ngôi trời mà vào chốn núi rừng?

- Con người có sanh ắt có tử, có bốn thứ đau khổ nhất: Sanh, già, bệnh, chết, thân này là đồ vật chứa đựng các khổ. Hễ được cung kính tức sanh kiêu mạn, ham cầu khoái lạc cho riêng mình làm thiên hạ phải khổ loạn, tôi nhàm chán chúng nên vào trong núi sâu.

Trải qua sáu năm Ngài chuyên cần khổ hạnh, mỗi ngày ăn một hạt mè, một hạt gạo ngồi kiết già thân không lay động mặc cho mưa

gió, sấm chớp quanh năm không dời đổi cũng chưa từng dùng tay che chắn. Nhiều người lấy làm lạ dùng cây cỏ ngoáy vào tai mũi của Ngài, Ngài cũng không bỏ đi. Thân thể Ngài ngày càng gầy yếu, chỉ có sắc vàng ròng ngày càng hiện rõ, ánh sáng chiếu đi xa. Đúng sáu năm Ngài nghĩ: "gầy ốm thế này nếu ta được giác ngộ thì người đời sau sẽ chê cười cho rằng ta vì đói mà được đắc đạo. Ta nên ăn những thức ăn nhẹ, hồi phục cơ thể, rồi sau đó hãy thành đạo."

Bấy giờ có con gái trưởng giả lập gia đình sanh được con trai, cô ta rất vui mừng liền giết một trăm con dê để ăn mừng. Người nhà lấy sữa bò nguyên chất nấu thành cháo sữa định đem đến cúng cho thần cây. Họ sai người làm đến quét dọn sạch sẽ chổ để cúng thần. Người này thấy Phật nhưng không biết la ai, trở về thưa với chủ nhà:

- Dưới gốc cây có một vị thần rất trang nghiêm đẹp đẽ.

Cô con gái trưởng giả nghe vậy rất vui mừng, định múc cháo đem đi cúng thần cây để đến đó xem thử, nhưng cháo tự nhiên vọt ra khỏi nồi hơn một trượng không thể nào múc được cô ta cảm thấy rất kỳ lạ. Ngay lúc ấy, trên không trung có tiếng bảo rằng:

- Có vị Bồ-tát đã xuất định, Ngài vốn có lời nguyện sẽ thọ thực trước rồi sau mới thành chánh giác.

Cô gái nghe lời ấy xong, lập tức múc cháo sữa vào bát vàng, đi đến bên sông Ni Liên Thuyền.

Bồ-tát dùng sức thần xuống sông tắm gội, thiên tử cõi trời Đâu Suất lấy ca sa trời dâng lên. Bồ-tát mặc vào rồi đứng bên bờ sông. Con gái trưởng giả dâng bát cháo sữa. Bồ-tát thọ thực xong sức lực dần dần hồi phục, Ngài đi đến chổ cây Bồ-đề. Lúc ấy, bên đường có một người tên là KiếtTường đang cắt cỏ tươi mền mại không rối. Bồ-tát bảo Kiết Tường:

- Ta muốn có một ít cỏ để lót ngồi.

Mặt đất tức thời rung mạnh chư Thiên hoá ra tám vạn toà sư tử dưới cây Bồ-đề (trong Thai kinh ghi: Ngài ngồi dưới cây Diêm phù 38 ngày quán cây kinh hành)

Ngài phóng đại quang minh che lấp cung ma. Ma ba tuần nằm mộng thấy ba mươi hai điềm:

- Cung điện bỗng nhiên tối sẫm nhập vào ngỏ không.
- Nước trong ao khô cạn.
- Nhạc khí bị hư hoại.
- Dạ xoa đè đầu quỷ xuống đất.
- Chư Thiên bỏ đi không nghe theo lời của mình v.v....

Ma-ba-tuần liền tập họp các đại thần, nói về những điều đã thấy trong mộng rồi triệu tập một nghìn người con, trong số đó năm trăm người con của họ như: đạo sư.v.v... kính tin Bồ-tát và năm trăm người con cua họ như: Ác Mục... theo ma làm loạn cốt để hàng phục Bồ-tát.

Bốn người con gái của ma Ba tuần là Dục Phi, Duyệt Bì, Khoái Quán, Kiến Tụng cùng đi đến chổ Bồ-tát. Họ dùng ba mươi hai cách để quyến rủ Bồ-tát, khi thì dùng những lời hoa mỹ hoặc biến thành những cô gái đẹp nhìn Ngài say đắm (văn nhiều không chép hết). Xin được sớm hôm hầu hạ bên cạnh Ngài.

Bồ-tát đáp:

- Các ngươi tuy hình hài xinh đẹp nhưng tâm không đoan chánh, chỉ là một túi da đầy dơ bẩn, đến đây để làm gì? Hãy đi đi, ta không cần các ngươi.

Bốn người đẹp lập tức biến thành những bà già, không thể trở lại hình cũ, liền trở về cung ma. (Kinh Quán Phật Tam muội ghi rằng: ba người con gái đẹp đó tên là Đổi Di, Cập Kiến, Quá Hoạn).

Những mưu kế của ma bày ra càng lúc càng ác độc hơn. Nó kêu gọi mười tám ức chúng biến làm nhiều hình thù kỳ lạ: biến ra hình sư tử, gấu, beo, trùng đầu người mình rắn... Ma quân vác núi, khạt lửa, làm sấm chớp, sét đánh, cầm giáo mác... xông đến chỗ Bồ-tát.

Lòng Bồ-tát vẫn an nhiên bất động, ma quân không thể đến gần. Lúc ấy Ngài từ từ vươn lông trắng giữa chặn mày soi đến địa ngục A-tỳ, khiến cho các tội nhân nhìn thấy, dùng nước từ bạch hào như bánh xe phun xuống dập tắt lửa. Những tội nhân này tự nhớ đời trước của mình, tâm họ liền thanh tịnh, xưng Nam mô Phật. Nhờ nhân duyên này khiến họ không còn tội khổ, được sanh vào cõi người. Ma thấy tướng này buồn rầu áo não và kéo nhau trở về.

Lông trắng tiếp tục phóng đến tầng trời thứ sáu, chư Thiên thấy các hoa sen báu trên đầu sợi lông trắng, bảy Đức Phật thời quá khứ đang ngồi trên đài hoa. Cứ như vậy, lông trắng lại vươn đến cõi Vô sắc, soi khắp tất cả như kính pha lê.

Tám vạn bốn ngàn thiên nữ thấy thân của ma Ba tuần giống như cây chuối.

Khi được chiêm ngưỡng tướng sáng lông trắng của Bồ-tát, vô số thiên tử, thiên nữ phát tâm Bồ-đề. Ma Ba tuần lại cùng Phật đấu trí, Phật dùng trí lực đưa tay ấn xuống đất, tức thời đất rung động. Ma cùng quyến thuộc đều té ngã nghiêng. Bồ-tát hàng phục ma oán xong, liền thành chánh giác.

(Trích kinh Phổ Diệu quyển 5 và quyển 6)

Đức Phật cùng chúng Tỳ-kheo vào thành La Duyệt. Mọi người trông thấy Ngài từ xa đã chắp tay tán thán, hoặc nói lành thay, hoặc nói nhật nguyệt, hoặc tự quy mạng, hoặc cùng hỏi nhau: Là vị Trời chăng? Là Đế Thích chăng? Và cùng kéo nhau đi theo Ngài. Lúc ấy vua Bình Sa đứng trên lầu cao thấy vậy, hỏi quần thần:

- Có việc gì thế?

Một vị đại thần tâu:

- Thái tử dòng họ Thích từ bỏ gia đình, trôi nổi khắp nơi. Có thể người này có mưu đồ gì với nước ta, bệ hạ nên giết ông ta đi.

Vua nói:

- Người này nối tiếp ngôi vị làm Chuyển luân Thánh vương, chúng ta đều là thần dân của Ngài. Nếu người này xuất gia học đạo thì chứng quả, ta nguyện làm đệ tử đầu tiên ở bên cạnh Ngài để nghe thuyết pháp.

Vua ra lệnh chở thức ăn đến Đông Sơn chờ sẵn, sau đó vua đến lễ dưới chân Phật và tự xưng rằng:

- Con chính là Bình Sa vương, vua nước Ma kiệt đà.

Phật nói:

- Ta biết trước rồi, bệ hạ không nên quá cung kính như vậy.

- Nay xin dâng chút ít phẩm vật để tỏ tấm lòng thành của con, xin Ngài nạp thọ.

Đức Phật im lặng nhận lời. Vua lại thưa:

- Nếu Ngài đã chứng đạo vô thượng rồi, xin hãy độ cho con trước.

Bấy giờ các đệ tử của A Lan trông thấy Thế Tôn từ xa, liền thưa với Thầy mình rằng:

- Nay có một người tướng hảo trang nghiêm, đi ngang qua trước cửa nhà Thầy, chúng con sẽ xin làm đệ tử của Ngài.

A Lan liền nói kệ:

Người từ xa vừa đến
Các tướng hảo trang nghiêm.
Đây là vua thế gian
Tiếc không được tôn thờ.

(Trích kinh Thâm Thiển Học Tỳ-kheo, lại trích kinh Tu Hành Bổn Khởi quyển hạ)

4. A NAN HỎI VỀ CÁCH THỨC AN TÁNG:

Ngài A-nan thưa hỏi về cách thức an táng, Phật bảo:

- Cách thức an táng ta như cách thức an táng của Chuyển luân Thánh vương. Trước tiên dùng nước nóng thơm tắm rửa thân thể, dùng bông kiếp bốc quấn quanh thân, kế đó lấy năm trăm tấm bạch điệp (vải trắng mịn) quấn bên ngoài, đặt nhục thân vào trong kim quan. Rưới dầu mè vào, lại đặt kim quan vào trong một cái quách bằng sắt, cuối cùng đặt tất cả vào trong một cái quách bằng gỗ chiên đàn hương, sau đó chất các thứ củi thơm đầy xung quanh và bên trên... trà tỳ. Khi củi hết lửa tắt, thu lấy xá lợi đặt trong tháp xây ở ngã tư đường, dựng cột, treo phan khiến cho người trông thấy khởi tâm cung kính, được nhiều lợi ích.

Đức Phật lại bảo:

- Có bốn hạng người nên xây tháp, đó là: Như Lai, Bích Chi Phật, Thanh văn và Chuyển luân Thánh vương. Bốn bậc này nên đem hương hoa, ràng phan, bảo cái, Âm nhạc để cúng dường.

Ở giữa những cây song thọ, Đức Phật sắp đặt giường tòa, Ngài nằm xoay chân về phương Nam đầuu hướng về phương Bắc. Vì sao? Vì Phật Pháp sẽ được lưu truyền lâu dài ở phương Bắc. Ngài xếp Tăng già lê nằm nghiêng bên phải như sư tử chúa, hai chân xếp chồng lên nhau.

Tôn giả A-nan hỏi:

- Trong cõi Diêm-phù-đề có bao nhiêu cách thức an táng?

Phật bảo:

- Có vô số. Ở nước Thiên Trúc này có thủy táng, hỏa táng và chôn trong mồ. Người nước Trung Hoa có pháp tống táng. Người ta dùng vàng, bạc, vật quý báu chạm trỗ vào xe để đưa thi thể đi, trỗi kỹ nhạc chuông linh, ca vịnh làm vui lòng người chết. Người chết thân mặc y phục, quan quách trang trí thật đẹp, đốt hương thơm ngào ngạt, có vô số người theo đưa vào trong núi chỗ đẹp để an táng, mọi người trông thấy đều vui thích. Vua nước ấy khi sắp an táng, quan quách đặt vào trong thất đá. Những người có tật bệnh mở quách xem hài cốt, tắm rửa cầu phước thì bệnh được lành. Lại có người chết không có quan tài, tử thi được đặt trên một gác cao, khi có người bệnh nặng, người ta hạ tử thi xuống chú nguyện để cầu phước.

Phật lại bảo:

- Trong pháp học của ta, khi muốn tu phước nên tinh tấn thực hành sáu pháp Ba la mật và mười điều thiện sẽ được sanh Thiên, hướng đến đạo vô thượng.

(Trích kinh Quán Đảnh quyển sáu và kinh Trường A-hàm quyển 1)

5. PHẬT THỊ HIỆN NHẬP NIẾT-BÀN:

Vào ngày mười lăm tháng hai, Đức Phật ở giữa cây Sa la song thọ bên bờ sông A-di-la-bạt-đề, vùng lực sĩ sanh, thành Câu-thi-na, có tám mươi ức trăm ngàn Tỳ-kheo vây quanh Ngài (Kinh Bồ-tát Tùng Đâu Suất Thiên quyển hạ chép: vào ngày 8 tháng 3).

Khi sắp nhập Niết-bàn, Đức Phật dùng thần lực phát ra âm thanh lớn vang đến cõi trời Hữu Đảnh, tùy theo ngôn ngữ của từng loài mà thông báo cho khắp nơi đều biết, ngày nay Như Lai vì thương xót chúng sanh mà làm chỗ quy y. Đức Đại Giác Thế Tôn sắp vào Niết-bàn, tất cả chúng sanh nếu có điều gì nghi ngờ thì nên thưa hỏi lần cuối (Kinh Trường A-hàm có chỗ hơi khác, văn nhiều nên không chép ra).

Vào lúc sáng sớm, từ nơi lông trắng giữa chặn mày của Phật phóng ra nhiều thứ ánh sáng chiếu khắp đại thiên thế giới cho đến mười phương.Chúng sanh trong sáu đường gặp được ánh sáng này thì tất cả tội chướng, phiền não thảy đều tiêu trừ. Chúng sanh thấy, nghe tin này tâm sanh buồn khổ, cất tiếng kêu gào khóc lóc. Đất, núi, sông, biển thảy đều chấn động, mọi người đều bảo:

- Chúng ta mau đến chỗ Phật, khuyến thỉnh Ngài chớ nhập Niết-bàn, trụ thế thêm một kiếp nữa.

Các đệ tử Phật như Ca-chiên-diên v.v... thấy ánh sáng Phật, thân họ run lên không kềm chế được, cất tiếng kêu to, sanh nhiều khổ não. Lại có tám chục trăm ngàn các Tỳ-kheo, sáu mươi ức Tỳ-kheo-ni đều chứng quả A-La-hán, toàn thân lông dựng đứng và rướm máu như hoa Ba-la-sa. Lại có hằng hà sa Bồ-tát ở giai vị thập trụ, hằng hà sa Ưu-Bà-tắc, hằng hà sa Ưu-Bà-di, hằng hà Sa-ly-sa, hằng hà sa trưởng giả, hằng hà sa quốc vương, hằng hà sa thiên nữ v.v... Cho đến chư Phật mười phương và các đệ tử của Ngài, chúng sanh trong sáu đường thấy Ngài sắp vào Niết-bàn đều buồn thương kêu khóc không thể kềm được.

Trong pháp hội có một người thợ giả ở thành Câu-thi-na tên là Thuần-đà. Người này và mười lăm người nữa cùng đến lễ Phật và thưa:

- Cúi xin Đức Thế Tôn và các Tỳ-kheo thương xót thọ nhận lễ cúng dường của chúng con. Chúng con từ nay không còn vị giáo chủ, không được người cứu giúp, nghèo cùng đói khổ, muốn xin ở Như Lai sự no ấm cho đời sau. Cúi xin Ngài từ bi nạp thọ lễ mọn này của chúng con, sau đó hãy nhập Niết-bàn.

Đức Phật đáp:

- Ta nay sẽ dứt trừ sự bần cùng cho ông, tưới mưa pháp vô thượng

xuống ruộng thân của ông khiến sanh mầm pháp, làm cho ông đầy đủ Đàn Ba-la-mật.

Bấy giờ cả đại chúng hoan hỉ cùng cất lời tán thán:

- Hi hữu thay Thuần Đà! Phật đã thọ nhận sự cúng dường của ông, ông chính là đệ tử của Phật

Đức Phật bảo:

- Này Thuần-đà! Nay chính là đúng thời, Đức Như Lai sẽ nhập Niết-bàn.

Đức Phật lặp lại lần thứ hai đến lần thứ ba, Thuần-đà kêu khóc thưa với đại chúng:

- Xin hãy cùng với con đảnh lễ năm vóc sát đất, xin Đức Thế Tôn chớ vào Niết-bàn.

Đức Phật bảo:

- Này Thuần Đà! Đừng khóc lớn tiếng mà làm loạn tâm ông, ta vì thương xót ông và tất cả chúng sanh nên hôm nay muốn vào Niết-bàn. Vìsao? Vì pháp của chư Phật là như vậy, pháp hữu vi cũng thế, ông nên mau dọn đồ cúng dường, đừng chấn chừ nữa.

Đức Phật từ lông trắng giữa chặn mày phóng hào quang năm sắc chiếu đến thân Thuần-đà. Thuần-đà đích thân đem thức ăn thịnh soạn đi nhanh đến chỗ Phật, buồn bã ấm ức xin Phật xót thương trụ thế thêm một kiếp nữa.

Đức Phật trả lời:

- Ông muốn ta trụ ở đời lâu thì nên cung phụng đủ Đàn-ba-la-mật lần cuối cùng.

Tất cả Bồ-tát, Trời người và các loài khác cùng xướng lên rằng:

- Lạ thay Thuần-đà! Ông đã thành tựu phước đức lớn, chúng tôi không có phước đức nên thiết lễ cúng dường Đức Phật không nạp thọ.

Đức Thế Tôn muốn cho chúng sanh thỏa mãn lòng mong cầu, ở mỗi lỗ chân lông trên thân Ngài hóa hiện vô lượng Phật, mỗi Đức Phật có vô lượng Tỳ-kheo tăng, đều thị hiện thọ nhận sự cúng dường của họ. Đích thân Đức Thế Tôn thọ nhận sự cúng dường của Thuần-đà.Thuần-đà đem tám đấu gạo của nuớc Ma-ca-đà nấu thành thức ăn dâng lên Đức Phật. Đức Phật dùng thần lực cung cấp đầy đủ cho hội chúng. (Kinh Trường A hàm có chỗ hơi khác, văn nhiều nên không chép ra)

Đức Thế Tôn bị bệnh, nằm nghiêng bên phải như những người bệnh khác, Ngài bảo Bồ-tát Ca-diếp: “Những chúng sanh này không biết được mật ngữ trong kinh Phương Đẳng của Đại thừa cho rằng: “Như Lai có bệnh”. Nay ở khoảng giữa cây Sa-la song thọ, ta thị hiện nằm

giường sư tử thị hiện nhập Niết-bàn, khiến cho các đệ tử chưa đắc quả A-La-hán và dân chúng lực sĩ sanh tâm buồn khổ, khiến cho trời, người, A-tu-lav.v... đều thiết hễ cúng dường. Lại khiến cho mọi người lấy ngàn tấm bạch điệp quấn quanh thân thể, dùng bảy báu làm kim quan, (Kinh Bồ-Tát Tùng Đâu Suất Thiên quyển hạ ghi: Như Lai tự xếp ba y, dùng ba tấm vải phủ lên kim quan. Ngài nằm hai chân chồng lên nhau, tay cầm tích trượng, bình bát trao cho A-nan) rưới đầy dầu thơm, chất nhiều củi thơm, dùng lửa để trà tỳ, chỉ trừ hai tấm vải không được thiêu là tấm đáp thân và tấm phủ ngoài cùng, vì các chúng sanh mà phân chia Xá-lợi làm tám phần.

Tất cả đệ tử Thanh-văn đều nói:

- Như Lai nhập Niết-bàn nhưng nên biết Như Lai cũng không hẳn vào Niết-bàn. Vì sao? Vì Như Lai thường trụ không biến đổi, người muốn nghe chánh pháp phải từ bỏ tham dục, vâng giữ giáo pháp của Ngài và tinh tấn tu hành. Đây là lời dạy bảo cuối cùng của Phật, chúng ta nên giữ gìn cẩn thận. Các Tỳ-kheo hãy nhìn thấy dung nghi hiếm có của Phật, vì khoảng một ức bốn nghìn năm sau đức Phật Di-lặc mới ra đời.

Lúc Phật sắp vào Niết-bàn, đại địa rúng động, trời người đều kinh sợ. Chúng sanh ở cõi tối tăm nơi không có mặt trời, mặt trăng chiếu đến đều nương nhờ ánh sáng của Phật mà được thấy nhau.

Lúc Phập Niết-bàn, chư Thiên rải hoa cúng dường. Lục dục thiên vương, thần Kim-tỳ-la, Mật-tích lực sĩ, Phật mẫu Ma-da và các vị thần ở rừng cây Sa-la đều làm kệ tụng.

Các Tỳ-kheo nức nở sụt sùi nói:

- Tại sao Như Lai sớm diệt độ như thế! Chúng sanh đau khổ mà đôi mắt của thế gian đã diệt rồi!

Ngài A-na-luật nói với các vị Tỳ-kheo:

- Thôi!thôi! Chớ có buồn quá lắm! Chư Thiên ở trên kia sẽ cười các ông.

Các Tỳ-kheo hỏi:

- Ở trên đó có mấy vị Trời?

- Đầy khắp hư không làm sao tính kể được. Họ ở trên hư không bồi hồi lo sợ, khóc lóc lăn lộn mà nói:

- Tại sao Như Lai sớm diệt độ như thế! Chúng sanh đau khổ, mất thế gian đã diệt. (Kinh Trường A-hàm và Nê hoàn hai quyển đều rút trong kinh Đại Niết-bàn quyển 1)

Đức Phật hỏi:

- Tỳ-kheo A-nan nay đang ở đâu?

Ngài Văn Thù Sư Lợi đáp:

- A-nan đang ở bên ngoài rừng Sa-la, cách đây mười hai do tuần, bị sáu vạn bốn ngàn ức ma nhiễu loạn. Các ma này tự biến ra hình dáng Như Lai, thuyết vô lượng Pháp, hóa hiện nhiều thần biến.

Ngài A-nan nghĩ rằng: Trước đây ta chưa từng thấy, đây là do ai hóa ra chứ không phải Đức Thích Ca. Biết vậy, nhưng A-nan không thốt nên lời cho nên rất khổ não.

Đức Phật thuyết chú đại Đà-la-ni, Ngài Văn Thù lãnh thọ thần chú rồi đến chỗ Anan đọc lại cho A-nan nghe. Các ma vương v.v... đều phát tâm Bồ-đề. Ngài Văn Thù đưa A-nan về chỗ Phật. (Rút trong kinh Bồ-tát Tùng Đâu Suất Thiên Hạ).

Bấy giờ, người dân Mạt-la tập hợp nhiều thứ để cúng dường. Trải qua một ngày, họ đặt kim thân Phật lên giường. Có các đồng tử Mạt-la nâng giường lên nhưng không được.

Ngài A-na-luật nói:

- Các ngươi hãy thôi đi! Vì chư Thiên muốn giữ lại bảy ngày để dân chúng đều được cúng dường.

Từ trong kim quan, Đức Phật ba lần duỗi cánh tay sắc vàng ra hỏi A-nan:

- Đường xá đã sửa sang, quét dọn rưới nước, xông hương chưa? Các kinh Đại thừa Phương đẳng ông đã lãnh thọ hết chưa?

A-nan bạch Phật:

- Chỉ có Phật mới biết điều này

Đức Phật bảo:

- Đúng vậy! Các kinh nay ông đã lãnh thọ hết rồi.

Bảy ngày sau, các đồng tử Mạt-la nâng bốn góc giường, người cầm bảo cái, tràng phan, đốt hương, rải hoa, trổi các thứ kỹ nhạc theo kimquan từ từ đi vào thành.

Đoàn rước kim thân Phật đi từ cửa thành phía Đông,đi khắp các nẽo đường, rồi ra cửa thành phía Bắc, qua sông Ni-liên-thiền, đến chùa Thiên quan.

Người Mạt-la chất củi thơm đốt mà không cháy. Ngài A-na-luật nói:

- Đó là ý của chư Thiên.

Ngài Đại CaDiếp dắt năm trăm đệ tử từ nước Ba-la-nại trở về, mong được gặp Như Lai. Giữa đường gặp một vị Ni-kiền-tử tay cầm đóa hoa Mạn đà la, Ngài hỏi:

- Ông có biết Thầy tôi còn mạnh khỏe không?

- Thầy ông đã diệt độ bảy ngày rồi! Tôi đã nhặt được đóa hoa này từ chỗ ấy đấy!

Ngài Ca-diếp buồn bã lăn lộn gào khóc, còn năm trăm đệ tử Ngài không kiềm chế được, sụt sùi nói:

- Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn nhanh quá!

Lúc ấy, Tỳ-kheo Bạt Nan-đà nói:

- Thôi! Các ông chớ khóc lóc làm gì! Kể từ nay, chúng ta được tự do, không còn bị ai quở trách nữa!

Ngài Ca-diếp thúc giục các Tỳ-kheo mau cầm y bát đến thành Câu-thi-na để kịp thấy kim thân Phật. Đến nơi Ngài Ca-diếp hỏi:

- A-nan! Tôi có thể nhìn thấy kim thân của Đức Thế Tôn được không?

Ngài A-nan đáp:

- Kim thân của Như Lai dùng kiếp bối bao bọc, bạch điệp quấn xung quanh, rồi đặt vào kim quan, kim quan lại để trong quách bằng sắt,bcủi thơm chất đầy bên trên, lại sắp đến giờ trà tỳ nên khó có thể thấy được.

Ngài Ca-diếp xin ba lần. A-nan cũng đáp như vậy.

Ngài Ca-diếp liền đến trước dàn hỏa, từ trong kim quan, Đức Phật duỗi hai chân ra (Tứ Phần Luật ghi: Quan quách tự mở hai chân Phật duỗi ra). Ngài Ca-diếp thấy tướng bánh xe dưới chân Phật có màu sắc khác thường, liền hỏi A-nan. A-nan đáp:

- Có một người nữ vì thương tiếc Phật, lúc đảnh lễ Phật đã để nước mắt rơi xuống tay rồi rắc lên chân Đức Thế Tôn.

Ngài Ca-diếp cùng năm trăm đệ tử đảnh lễ Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng, mỗi người đều xưng kệ tụng tán thán. Khắp hỏa đàn không đốt, tự nhiên lửabốc lên (Trường A-hàm và Nê Hoàn hai quyển giống nhau,văn nhiều không chép ra).

Lửa cháy quá mạnh khó có thể dập tắt. Lúc ấy, thần cây Sa-la dùng thần lực dập tắt ngọn lửa.

(Trích kinh Đại Niết-bàn, Trường A-hàm hai quyển Nê Hoàn, lại trích kinh Bồ-tát Tùng Đâu Suất Thiên quyển hạ)

6. HOÀNG HẬU MA DA THẤY TƯỚNG SUY XUẤT HIỆN:

Lúc Đức Phật nhập Niết-bàn, Ma da phu nhân ở trên cõi trời Đao Lợi, năm tướng suy hao hiện ra. Đólà: Hoa trên đầu bị héo, dưới nách tiết ra mồ hôi, ánh sáng phía sau gáy bị tắt mất,hai mắt nháy liên tục

và không thích chỗ mình ngồi. Bà lại thấy năm điềm mộng đó la:1- Núi Tu-di sụp lỡ, nước bốn biển khô cạn, 2- La-sát đua nhau đến móc mắ tngười; 3- Trời mất mão quý, thân không phát ra ánh sáng; 4- Tràng bảo châu bị ngã, mất châu như ý; 5- Sư tử cắn vào mình đau như cắt. Năm điều này khiến bà sợ hãi thức giấc và nghĩ rằng: Đây chẳng phải là điềm lành. Taxưa ở trong cung Bạch Tịnh, một hôm, ngủ trưa thấy điềm mộng thật là hy hữu, có một thiên tử thân sắc vàng ròng, cỡi voi chúa trắng, có các thiên tử theo sau trỗi các kỹ nhạc. Lúc ấy có ánh sáng chói hơn mặt trời chiếu thẳng vào hông bên phải của ta. Ta cảm thấy thân tâm an lạc, liền thọ thai, sau đó sanh ra thái tử Tất-đạt-đa. Thái tử soi sáng thế gian. Nay năm điều mộng này khiến ta vô cùng lo sợ, đây ắt là tướng Niết-bàn của thái tử.

Khi A-na-luật tẩm liệm Đức Phật xong, liền bay lên cung trời Đao Lợi, báo tin cho hoàng hậu Ma Da. Hoàng hậu ngất xỉu hồi lâu, sau đó cùng quyến thuộc xuống rừng Sa-la song thọ. Vừa thấy y Tăng-già-lê, bình bát, tích trượng của Đức Phật, hoàng hậu cầm lấy và khóc ngất đi, khi tỉnh dậy nói rằng: “Phước thay! Con ta độ cả trời người, nay những vật này đã không còn chủ!”

Lúc ấy, Đức Phật dùng thần lực khiến cho nắp quan tài tự nhiên mở ra, Ngài đứng dậy chấp tay, phóng ánh sáng rực rỡ, vái chào hoàng hậu và khuyên rằng:

- Tội nghiệp mẫu hậu cực khổ đến đây. Các hành vốn là như vậy, xin mẫu hậu chớ khóc thương.

Ngài A-nan nén xúc động bạch rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Chúng sanh đời sau ắt sẽ hỏi con, khi Phật sắp nhập Niết-bàn có dặn dò gì không, thì con phải trả lời như thế nào?

Phật bảo A-nan:

- Ông nên đáp rằng: Khi Phật đã vào Niết-bàn, Ma Da phu nhân từ cung trời Đao Lợi xuống. Đức Như Lai vì muốn giáo hóa những chúng sanh bất hiếu ở đời sau, nên từ trong kim quan đứng dậy chấp tay chào hoàng hậu và nói những bài kệ trên.

Đức Phật dạy:

- Kinh này gọi là kinh Phật Lâm Niết-bàn Mẫu Tử Tương Kiến. Các ngươi cứ như vậy mà thọ trì.

(Trích kinh Ma Da quyển hạ)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 5

(NÓI VỀ HIỆN THÂN LÀM LỢI ÍCH CHÚNG SANH)

1. Chữ vạn trước ngực Phật phóng quang phát âm.
2. Ba thứ mật.
3. Việc Đức Phật ăn lúa ngựa.
4. Nhân duyên Đức Phật cùng năm trăm chúng Tăng ăn lúa ngựa.
5. Hiện quả báo cây giáo sắt.
6. Đức Phật hóa độ bốn vị Phạm chí bịt tai không chịu nghe pháp.
7. Đức Phật hoá làm vị Phạm chí để độ vua Đa-muội-tượng.
8. Đức Phật hóa độ trưởng giả Lư Chí đổi binh khí thành các loại hoa.
9. Đức Phật hoá làm Sa-môn độ năm vị Tỳ-kheo.
10. Đức Phật hiện làm Sa-môn hóa độ hai vợ chồng xan tham keo kiệt.
11. Đức Phật hóa độ con nhà đồ tể và các Phạm chí đều được đắc đạo.
12. Đức Phật hoá độ những người không có tín tâm ở bên sông lớn.
13. Đức Phật hoá độ năm trăm giặc cướp xuất gia đắc đạo.
14. Đức Phật thổi thuốc Hương sơn vào mắt năm trăm giặc mù khiến mắt họ sáng lại.
15. Đức Phật hoá làm con của Bà-la-môn có tánh chấp trước khiến cha mẹ trở lại bản tâm.
16. Đức Phật hóa độ dâm nữ sanh tâm chán khổ.
17. Đức Phật hóa năm ngón tay thành năm con sư tử.
18. Đức Phật dùng ngón chân làm vỡ tảng đá lớn.

-----

1. CHỮ VẠN TRƯỚC NGỰC PHẬT PHÓNG QUANG PHÁT ÂM

Đức Phật du hóa nơi thế giới Diệu Lạc. Ngài muốn hiện trí tuệ để hóa độ tất cả, liền hội họp các đệ tử, Bồ-tát, Đế-thích, Phạm vương, Thiên, Long tại tịnh xá. Từ chữ vạn, Ngài phóng ánh sáng, phát âm thanh tịnh xa gần cùng khắp.

Năm pháp Âm lớn:

1. Pháp Âm độ người tu pháp Đại thừa
2. Pháp Âm độ người dứt đối đãi
3. Pháp Âm độ người không có duyên giác ngộ
4. Phương tiện để độ người chưa dứt tình tưởng
5. Pháp Âm thuyết pháp để độ người luân hồi sanh tử thoát khỏi trần lao.

Quốc vương Xứ Lưu cùng với nhân dân đến đảnh lễ Phật, cung kính thưa: Từ lâu, con nghe Đức Như Lai thuyết pháp giáo hoá, độ thoát sanh tử, không có giới hạn. Quyến thuộc chúng con trôi lăn trong sanh tử, chưa được giải thoát, xin Đức Thế Tôn thùy từ giáo hóa để chúng con rõ được pháp mầu". Trời đất chấn động khi Đức Phật nói về pháp tu Bồ-tát hạnh.

(Trích kinh Hiện Phật Hưng Vạn Tự).

2. BA THỨ MẬT:

Tâm mật là gì? Đó là bốn hạnh thanh tịnh, không mất thần thông, lập hạnh nghiệp đại bi vô lượng, dùng thần thông biến hiện hiển bày rộng khắp tất cả, dùng ngôi nhà trí tuệ chánh đạo thấy tất cả pháp, như thế thông suốt, nhiếp phục tất cả. Pháp chân thật ấy là trí tuệ thần thông hiện bày tất cả sự vật, hiện tượng và hết thảy Phật pháp, hoá độ tất cả chúng sanh trong mười phương khiến họ thâm nhập kinh, luật, được nhan sắc thù thắng, chuyển hóa tất cả pháp. Đây là hạnh nghiệp tâm mật của Bồ-tát. (Trích kinh Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ quyển 2).

Bồ-tát trụ trong kim cang tam-muội này, dùng một âm thanh giảng nói, tất cả chúng sanh, tùy theo Kim chủng loại của mình đều hiểu rõ. Bồ-tát thị hiện một sắc tướng, tất cả chúng sanh mỗi mỗi đều thấy các loại sắc tướng an trụ một chỗ, thân không dời đổi, có thể khiến cho chúng sanh tùy theo nghiệp lực của mình mà tự thấy được. Bồ-tát giảng nói một pháp, hoặc Giới, hoặc Nhập, tất cả chúng sanh tùy theo chỗ hiểu của mình đều nghe được. (Trích kinh Đại Niết-bàn quyển 22)

Đức Phật dùng một âm thanh diễn nói các pháp, chúng sanh tùy

theo chủng loại đều hiểu được, cho là Đức Thế Tôn nói cùng thứ tiếng của mình. Chúng sanh tùy theo chỗ hiểu của mình đều thọ trì, thực hành và được lợi ích. Nếu có sợ hãi, hoặc vui mừng, hoặc sinh tâm nhàm lìa, hoặc nghi ngờ, đây là pháp Thần lực bất cộng. (Trích kinh Duy Ma quyển 1).

Bồ-tát thực hành không thủ trước tất cả pháp tướng, dựng bảo tràng thù thắng. Khi Đức Phật phát ra một loại âm thanh lớn, nếu Bồ-tát thích nghe công đức bố thí để được giải thoát thì liền được nghe Như Lai giảng nói lợi ích của sự bố thí; Hoặc ưa thích nghe về Giới, Tuệ... cũng lại như vậy. Khi Đức Phật thuyết pháp Đại thừa, tất cả chúng sanh đều được giải thoát. (Trích kinh Quán Phật Tam Muội quyển 3).

Đức Phật dùng một ngôn ngữ diễn thuyết tất cả pháp, chúng sanh trong đại thiên thế giới cùng một lúc dùng vô lượng âm thanh để hỏi, mỗi chúng sanh đều hỏi khác nhau. Ngay trong một niệm, Đức Phật dùng một âm thanh để đáp, khiến họ đều hiểu rõ. (Trích kinh Hoa Nghiêm quyển 26, Minh Thân Mật Bi Hoa quyển 7, kinh Thập Phân Biệt, Phổ Minh Khẩu Mật phần lớn cũng như vậy).

3. VIỆC ĐỨC PHẬT ĂN LÚA NGỰA:

Tại nước Tùy-la-nhiên (hoặc gọi là Tỳ La Nhiên) có vua Bà-la-môn, tên A-kỳ-đạt, thông minh tài trí. Vua đến luận nghị với Ngài A-nan, Mân-để-quảng. Nói chuyện xong vua hỏi Ngài Tu-đạt-đa:

- Xứ này có thần nhân nào đáng tôn trọng không?

Tu-đạt đáp:

- Có thái tử Tất-đạt xuất gia, tu thành Phật, tướng hảo thù thắng, được trời người tôn kính.

A-kỳ-đạt liền ra lệnh ngự giá đến Kỳ Hoàn. Sau khi được chiêm ngưỡng oai thần của Phật, vua khởi lòng kính trọng, liền đứng lên bạch Phật:

- Xin Đức Phật cùng chúng Tăng đến chỗ con an cư ba tháng hạ.

Đức Phật bảo:

- Chúng của ta đây đông nhiều mà ông chưa vẫn lòng tin.

Vua nói:

- Chưa phải nhiều đâu đông hơn gấp ba, con cũng thỉnh được. Đức Phật và năm trăm Tỳ-kheo cùng lúc nhận lời đến nước Tỳ-la-nhiên.

Nước ấy, thành ấp nhỏ hẹp, hiểm trở, dân nghèo, ít có lòng tin Tam bảo, khất thực khó được, trước tiên là không có tịnh xá. Phía Bắc thành của nước này có rừng, nhánh lá xum xuê, đất đai bằng phẳng rộng

lớn, Phật cho chúng Tăng dừng lại ở đây và bảo các Tỳ-kheo:

- Các ngươi nên biết, ấp này nhỏ hẹp nghèo nàn, dân chúng phần nhiều không tin Tam bảo, khất thực khó được. Nếu người nào muốn ở đây an cư thì ở, ai không muốn thì tùy ý.

Bấy giờ, Ngài Xá-lợi-phất một mình đến núi A-mâu-ca-mạt-ca vì đã nhận lời mời của trời Đế Thích và A-tu-la nữ cúng dường thức ăn cõi trời.

Khi ấy, vua bị Thiên ma mê hoặc trở về cung điện, say đắm ngũ dục: trang sức qúy báu, nữ nhạc, ăn mặc, vinh hoa lợi dưỡng, sắc dục. Vua trở vào hậu cung, ra lệnh cho người giữ cửa là trong vòng ba tháng không kể kẻ trên người dưới, việc ngoài lớn nhỏ đều không được tâu trình. Vua quên bẵng việc cúng dường cho Phật. Vua cũng quên ra lệnh cắt mọt phiên sáu ngày, cúng dường chư tăng.

Các Tỳ-kheo vì thế khất thực khổ nhọc khó được. Lúc ấy, Ngài Đại Mục-liên bạch Phật:

- Tại rừng Ha-lê-lặc và rừng A-ma-lặc có loại cây Uất-diêm-phù, con muốn hái lấy trái đó, cúng dường đại chúng. Xứ Uất-đơn-viết có lúa gạo tự nhiên, trời Đao-lợi có thức ăn vị Tu-đà, con đều muốn đến lấy về cúng dường đại chúng. Có vị đất ngọt, con dùng một tay nhấc thứ các chúng sanh lên, một tay lật đất xuống, để các Tỳ-kheo tự lấy ăn, xin được Thế Tôn cho phép.

Đức Phật bảo:

- Ngươi tự có đại thần lực, các Tỳ-kheo do quả báo ác hạnh đời trước đã đến không hề dời đổi. Ta không cho phép làm bất cứ việc gì.

Nước này có nước trong, cỏ ngon nên có người nước Ba-la đã lợi dụng cỏ nước ở đây nuôi ngựa và muốn đưa tráng đinh qua xứ này phụ giúp. Là người có lòng tinh thanh tịnh đối với Phật, người chủ ngựa thưa với các Tỳ-kheo:

- Chúng con biết Tăng chúng đói lắm mà thức ăn đã hết. Con đang có lúa ngựa, các vị có dùng được không?

Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Ngựa thuộc về người chăn ngựa, họ có thể dùng cỏ ngon, nước muối để nuôi ngựa; còn lúa này chúng ta có quyền thọ dụng.

Bầy ngựa này có năm trăm con, một con ăn mỗi ngày hai thăng lúa. Người chăn ngựa trích mỗi phần ra phân nửa để cúng cho các Tỳ-kheo. (Luật Tứ Phần ghi: một con ngựa ăn một đấu, lấy ra năm thăng cúng chúng Tăng).

Trong đó, có một con ngựa tốt, mỗi ngày ăn bốn đấu, lấy ra phân

nửa cúng Phật (Luật Tứ Phần ghi:hai đấu, lấy ra một thăng).

Ngài A-nan đem phần của Phật và của mình vào tụ lạc, rồi tán thán công đức Phật với một cô gái và nói cho biết vì có chút nhân duyên nên đến đây an cư; sau đó hỏi:

- Ngươi có thể nấu lúa ngựa thành cơm được không?

Cô gái thưa:

- Nhà tôi nhiều việc, không thể nấu được.

Có một cô gái ở kế bên nghe nói thế, thưa với Ngài A-nan:

- Ngài đem lúa ngựa đến đây, tôi sẽ nấu giúp. Nếu có vị Tỳ-kheo hiền lành, trí tuệ, trì giới cần nấu, tôi cũng nấu giúp.

- Cô gái nấu cơm xong đưa cho Ngài A-nan.

Ngài A-nan hết mực quý kính Đức Phật nên suy nghĩ:

- Đức Phật là dòng dõi vua chúa, thường dùng món ăn ngon quý. Cơm này dở, không bổ dưỡng cho cơ thể.

Ngài dâng cơm nước, rồi đứng nhìn Phật dùng, lòng buồn thương nghẹn ngào. Đức Phật hiểu lòng A-nan, muốn giải thích nguyên do, nhưng lại hỏi:

- Ngươi ăn cơm này được không?

A-nan thưa:

- Con có thể ăn được

Ngài A-nan phát hiện, vị cơm này rất khác thường, thật ra là do chư Thiên đã gia thêm mỹ vị. Ngài vô cùng vui sướng,không còn chút buồn bã nghẹn ngào. Ngài kể cho Đức Phật nghe về hai cô gái kia. Đức Phật bảo:

- Người nữ đầu tiên nếu chịu nấu cơm giùm thì sẽ làm đệ nhất phu nhân của Chuyển luân Thánh vương. Cô gái thứ hai không nhờ mà nấu, phước này vô lượng.

Lúc bấy giờ, các cư sĩ giàu sang trong nước, như đại phú Tát-bạt... nghe Đức Phật ăn lúa ngựa ba tháng, liền sửa soạn đủ các món ngon quý, rầm rộ chở đến cúng dường.

Còn hơn bảy ngày nữa là đến ngày Tự tứ, Đức Thế Tôn bảo Ngài A-nan:

- Ngươi hãy vào thành báo cho A-kỳ-đạt biết, an cư xong, ta lại du hành sang nước khác.

Ngài A-nan cùng với một vị Tỳ-kheo đi đến chỗ vua, thuật đầy đủ lời Phật dạy. Nhà vua vẫn chưa nhớ ra, liền hỏi:

- Phật đang ở đâu?

A-nan tâu:

- Đức Phật nhận lời vua thỉnh ba tháng, vừa mãn hạ nên nay còn ở trong nước của bệ hạ.

Nhà vua lại hỏi A-nan:

- Ai cung cấp?

A-nan tâu:

- Đức Phật và chúng Tăng ba tháng nay ăn lúa ngựa, khổ sở cùng cực.”

Nghe xong, nhà vua sực nhớ ra, mới biết do mình mà Phật và chúng Tăng phải ăn lúa ngựa ba tháng. Rồi đây tiếng xấu sẽ lan truyền cả nước, làm nhơ danh. Nhà vua lo lắng, hổ thẹn, sầu não, liền cùng hoàng thân đi đến chỗ Phật, thành tâm sám hối, thỉnh Phật lưu lại. Đức Phật nhận lời bảy ngày. Nhà vua sắm sửa đủ món ăn cúng dường, cúng Phật bốn tấm vải kiếp bối và một đôi giày, cúng chúng Tăng mỗi người hai tấm vải kiếp bối và một đôi giày (Thiện kiến Tỳ-Bà-sa ghi: Nhà vua tập hợp con cháu lại nói rằng: Trước kia, ta thỉnh Phật an cư ba tháng nhưng không cúng được ngày nào. Nay đem kỳ hạn cúng trong ba tháng thiết lễ vào ngày mai, cúng Phật ba y, cúng chúng Tăng ba y, lại cúng mỗi vị một cặp bạch-điệp, một tấm khâm-Bà-la, bát đâu-na-ba-tra, đời Lương gọi là quyến, một bát thuốc cao đầy)

Nhà vua đem lễ cúng dọn đầy giữa đường, muốn cho Phật và chúng Tăng giẫm qua.

Đức Phật dạy:

- Lương thực nên ăn, nên quý trọng, không được giẫm chân lên.

Đức Phật liền thọ nhận. Ngài và đại chúng đều chú nguyện.

Nhà vua vui mừng, không còn buồn lo, đắc pháp nhãn tịnh.

(Trích kinh Trung Bổn Khởi, hạ, quyển 10. Luật tụng Di-sa-tắc đại khái cũng vậy).

4. NHÂN DUYÊN ĐỨC PHẬT CÙNG NĂM TRĂM CHÚNG TĂNG ĂN LÚA NGỰA:

Vào thời quá khứ lâu xa, thuở Đức Phật Tỳ-Bà-diệp, tại thành Bàn-đầu-ma-bạt, vua tên Bàn-đầu, có Bà-la-môn tên Nhân-đề-kỳ-lợi thông suốt bốn bộ Vệ đà, các toán thuật và giới cấm của Bà-la-môn, dạy cho năm trăm đồng tử.

Một hôm, nhà vua mở hội thỉnh Phật cúng dường thịnh soạn. Trong chúng có Tỳ-kheo Di-lặc bị bệnh, không thể đến thọ thực. Thọ trai xong, chúng Tăng xin thức ăn về cho Tỳ-kheo bệnh. Vị Phạm chí không cho, lại mắng:

- Bọn Sa-môn đầu trọc đáng lẽ phải ăn lúa ngựa, không đáng ăn thức cúng dường ngon ngọt thế này.

Học trò của ông ta cũng đồng tình: “đúng vậy!”

Đức Phật bảo:

- Này Xá-lợi-phất, Bà-la-môn thuở ấy chính là thân ta, năm trăm đồng tử nay là năm trăm vị A-La-hán, Tỳ-kheo bệnh nay là Bồ-tát Di-lặc.

(Trích kinh Hưng Khởi Hành, quyển hạ)

5. HIỆN QUẢ BÁO CÂY GIÁO SẮT:

Trong thành Xá-vệ có hai mươi người oán định với hai mươi người khác. bốn mươi người này ai cũng muốn tìm đủ mọi cách sát hại lẫn nhau. Họ tìm đến chỗ Phật để nương nhờ oai thần của Ngài. Đức Phật hóa độ cho bốn mươi người này. Ngay lúc đó, có cây giáo sắt (có chỗ gọi là Khư-đạt-la-thích) tự nhiên đâm vào ngón cái chân phải của Phật. Khi Ngài nói chưa dứt lời, cây giáo cắm ngay trước mặt Ngài.

Bấy giờ, Ngài Mục-kiền-liên bạch Phật:

- Nay con xin nhổ cây giáo này bỏ sang thế giới khác.

Đức Phật bảo:

- Người muốn nhổ được cây giáo sắt này phải nhờ sức tinh tấn, cho dù làm chấn động mạnh ba ngàn đại thiên thế giới mà không thể làm cây giáo lay động.

Đức Phật lên cõi trời Phạm Thiên, cây giáo cũng theo lên. Ngài trở về thành Xá-vệ, cây giáo cũng hiện trước mặt. Ngài lấy tay nắm cây giáo, dùng chân đạp lên.

Thấy vậy, Mục-kiền-liên hỏi:

- Đức Như Lai vì tội gì mà bị cây giáo gieo họa?

Đức Phật bảo:

- Xưa có năm trăm người lái buôn tâm địa xấu ác. Ta liền hại họ. Đó là dư báo của việc này.

Bốn mươi người kia nghe vậy, tự bảo nhau:

- Đấng Pháp vương còn như thế, huống nữa là bọn ta sẽ không bị tội báo sao!

Thế rồi, họ đều tự thú, hối lỗi, nhập trí bình đẳng.

(Trích kinh Tuệ Thượng Bồ-tát, quyển hạ)

6. ĐỨC PHẬT HÓA ĐỘ BỐN VỊ PHẠM CHÍ BỊT TAI KHÔNG CHỊU NGHE PHÁP:

Xưa có bốn Bà-la-môn đều đắc thần thông, thân có thể bay đi tự tại vô ngại. Bốn vị Phạm chí này tự bảo nhau: Nếu có người dân đem thức ăn ngon qúy cúng dường Sa-môn Cù-đàm, liền được sanh lên trời, hưởng phước vô cùng. Người nào nghe pháp sẽ được giải thoát, còn bọn ta chỉ ưa phước trời, không muốn giải thoát, nên không cần nghe pháp.

Bấy giờ, bốn người cầm bốn bình mật ngon ngọt. Người thứ nhất đến trước dâng lên Đức Thế Tôn. Đức Phật bảo Phạm chí:

- Các hành là vô thường.

Vị Phạm chí nghe vậy, liền bịt tai.

Đến vị thứ hai, Đức Phật bảo:

- Các pháp có thịnh suy.

Vị Phạm chí nghe vậy, cũng bịt tai.

Đến vị thứ ba, Đức Phật lại bảo:

- Có sanh thì có tử.

Phạm chí nghe vậy cũng bịt tai lại.

Sau cùng là vị thứ tư, Đức Phật lại bảo:

- Tịch diệt là an vui

Phạm chí nghe vậy cũng bịt tai.

Cả bốn vị đều bỏ đi, rồi hỏi nhau:

- Sa-môn Cù-đàm dạy những gì?

Người đầu tiên trả lời:

Tôi nghe một câu: Các hành là vô thường! Theo thứ tự, các vị khác cũng trình bày.

Sau khi nói thành bài kệ, tâm trí họ khai mở, đắc quả A-na-hàm. Bấy giờ, bốn người này tự biết đã đắc đạo, nên tự quở trách mình. Họ đi đến chỗ Như Lai, đầu mặt lễ chân Phật, đứng qua một bên, bạch với Phật rằng:

- Cúi xin Đức Như Lai ngay đây cho phép chúng con được làm Sa-môn.

Đức Thế Tôn bảo:

- Lành thay, Tỳ-kheo, hãy gấp tu phạm hạnh.

Thế rồi, bốn vị này, tóc trên đầu tự rụng, áo đang mặc trên thân biến thành Ca-sa, liền đắc quả A-La-hán trước mặt Đức Phật.

(Trích kinh Vô Thường).

7. ĐỨC PHẬT HÓA LÀM VỊ PHẠM CHÍ ĐỂ ĐỘ VUA ĐA MUỘI TƯỢNG:

Xưa có Bà-la-môn tên Đa-muội-tượng. Vua nước này tôn thờ ngoại đạo. Một hôm, nhà vua chợt khởi thiện tâm, muốn bố thí rộng rãi theo phép Bà-la-môn. Vua cho đem bảy báu chất cao như núi. Hễ ai đến xin, cho phép tự lấy đủ nặng một túi. Mấy ngày như thế, của báu không thấy vơi bớt.

Đức Phật biết vị vua này có phước duyên đời trước đáng được độ. Ngài hóa làm vị Phạm chí đi đến nước kia, nhà vua ra đón tiếp, chào hỏi rồi bảo:

- Ông cầu xin việc gì, chớ có e ngại.

Vị Phạm chí đáp:

- Tôi từ xa đến đây, muốn xin châu báu để làm nhà cửa.

Nhà vua bảo: Tốt lắm! Cứ lấy cho đủ một túi.

Vị Phạm chí lấy một túi, đi được bảy bước quay để lại chỗ cũ.

Nhà vua hỏi: Vì sao vậy?

Phạm chí đáp: Chừng này tính ra chỉ đủ làm nhà, còn phải cưới vợ, sợ không đủ. Vì thế, không lấy.

Nhà vua bảo: Lấy thêm ba túi nữa đi.

Phạm chí liền lấy, đi được bảy bước, trở lại để chỗ cũ.

Nhà vua hỏi: Vì sao?

Phạm chí đáp: Số này chỉ đủ cưới vợ, không còn để mua ruộng đất, nô tỳ, trâu bò, nên không muốn lấy.

Nhà vua bảo: Lấy thêm bảy túi nữa đi.

Phạm chí liền lấy, đi dược bảy bước trở lại để chỗ cũ.

Nhà vua hỏi: Còn muốn gì nữa?

Phạm chí đáp: Nếu có con cái, còn phải cưới gả, chi dùng việc này việc nọ, tính ra không đủ dùng, nên không lấy.

Nhà vua bảo: Lấy hết đống báu đi, để chi dùng những việc ấy.

Phạm chí lấy, rồi bỏ lại.

Nhà vua lấy làm lạ, lại hỏi nguyên do.

Phạm chí đáp: Vừa rồi xin của báu, cốt để mưu sinh, nhưng nghĩ cho cùng, mạng người ở đời không lâu, vạn vật vô thường, sớm chiều khó bảo đảm, nhân duyên càng nhiều thì khổ não càng lắm, của báu chất cao như núi cũng không có ích gì cho ta; ham muốn mưu tính luống tự khổ nhọc, không bằng dứt tâm ham muốn, cầu đạo vô vi, cho nên không lấy.

Nhà vua tâm ý khai mở, vâng theo lời dạy.

Thế rồi, vị Phạm chí hiện lại thân Phật sáng chói, bay lên đứng giữa hư không, và nói kệ cho nhà vua nghe:

Tuy chứa nhiều của báu
Cao ngất đến tận trời
Khắp thế gian như thế
Cũng không bằng thấy đạo
Lành dữ đều như nhau
Yêu ghép nào có khác
Lấy khổ để làm vui
Điều kẻ ngu nhàm chán.

Nhà vua nhìn thấy hào quang của Phật, lại nghe được bài kệ này. Vua và quần thần liền thọ năm giới, đắc quả Tu-đà-hoàn.

(Trích kinh Pháp Cú Dụ quyển 1)

8. ĐỨC PHẬT HÓA ĐỘ TRƯỞNG GIẢ LƯ CHÍ, ĐỔI BINH KHÍ THÀNH CÁC LOẠI HOA:

Ở Nam Thiên Trúc có một thành lớn tên Thủ-ba-la. Trong thành có trưởng giả Lư chí làm người chủ hướng dẫn mọi người.

Vào thời Đức Phật trong vô lượng kiếp quá khứ, trưởng giả này trồng các căn lành. Dân chúng thành này điều tin theo tà đạo, tôn thờ Ni-kiền-tử.

Bấy giờ, vì muốn độ trưởng giả này, Đức Phật từ thành Vương-xá đi đến thành ấp kia. Ni-kiền-tử nghe tin này, liền suy nghĩ:

- Nếu Sa-môn Cù-đàm đến đây, dân chúng thành này sẽ bỏ ta, không cung cấp cho ta nữa.

Ông ta mới bảo mọi người:

- Sa-môn Cù-đàm nay muốn đến đây, nhưng Sa-môn ấy bỏ bê cha mẹ, rong ruổi đông tây. Hễ ông ấy đi đến đâu thì nơi đó đất đai cằn cỗi, ngũ cốc mất mùa, nhân dân đói khát, người chết đầy đường, không chút an vui.

Người dân nghe xong, trong lòng lo sợ, thưa:

- Bạch Đại sư phải tính sao đây?

Ni-kiền-tử bảo:

- Sa-môn Cù-đàm, ưa thích nơi núi rừng có suối chảy, nước trong. Giả sử ngoài thành có những thứ ấy, nên phá bỏ đi. Các ngươi hãy cùng nhau ra ngoài thành đốn chặt cây cối, lấp hết ao hồ, sông suối làm cho hôi thối, đóng chặt cửa thành, mỗi người phải có cây gậy để phòng thân, phải xây tường bảo vệ, tự lo phòng thủ. Nếu ông ấy đến, hãy đuổi

đi. Chúng ta cũng phải dùng các phép thuật làm cho Sa-môn Cù-đàm kia quay trở về.

Dân chúng trong thành vâng lời làm theo.

Lúc ấy, Đức Phật đi đến thành ấp kia, nhìn thấy các việc như thế, liền khởi tâm từ bi thương xót họ. Tất cả cây cối mọc trở lại như cũ không thể kể xiết. Sông suối, ao hồ, nước trong xanh, tràn ngập như lưu ly trong suốt, sinh ra các loại hoa phủ đầy trên mặt nước, tường thành biến thành lưu ly xanh biếc. Dân chúng trong thành đều thấy hết thảy Đức Phật và đại chúng. Cửa tự mở ra, tường cũng không thể ngăn được, cây gậy phòng thân biến thành các loại hoa. Trưởng giả Lư Chí làm thượng thủ và người dân ở đó đều cùng nhau đi đến chỗ ta. Đức Phật liền nói các pháp yếu cho họ nghe, khiến tất cả mọi người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

(Trích kinh Niết-bàn quyển 4)

9. ĐỨC PHẬT HÓA LÀM SA-MÔN ĐỘ NĂM VỊ TỲ-KHEO:

Xưa, tại một ngọn núi cách thành nước Ba-la-nại bốn trăm năm mươi dặm, có năm vị Sa-môn tu đạo. Sáng sớm, năm vị này xuống núi, vào nhân gian khất thực; khất thực xong, trở về đến núi thì trời đã tối; Tới lui mệt nhọc nên không thể tọa thiền, tư duy chánh định. Trải qua nhiều năm như thế, các vị này vẫn không đắc đạo.

Đức Phật thấy vậy, thương xót suy nghĩ: những người này tu hành khổ nhọc mà không có kết quả, nên hóa làm một đạo nhân đi đến chỗ họ, rồi hỏi:

- Các ông ẩn cư tu đạo không mệt nhọc ư?

Các Sa-môn thưa:

- Chúng tôi ở đây cách thành rất xa, tấm thân tứ đại cần phải ăn uống. Hằng ngày phải tới lui, cơ thể mệt nhọc, trải qua nhiều năm vẫn không đắc đạo, là điều đương nhiên, đến chết cũng vậy.

Đạo nhân nói:

- Là người tu đạo lấy giới làm gốc, nhiếp tâm làm hạnh, coi thường hình hài, qúy trọng chân lý, vứt bỏ thân mạng, ăn để nuôi thân, giữ tâm chánh định, trong học chỉ quán, dứt niệm đắc đạo. Nếu chăm chút thân này theo thói thường, sao thoát khổ được? Xin các đạo nhân ngày mai chớ đi, ta sẽ cúng dường.

Năm vị Sa-môn được nghỉ ngơi một ngày, lòng rất vui vẻ, lạ kỳ chưa từng có, tâm lý an định, không còn lo lắng.

Giữa trưa ngày mai, vị hóa thân này đem thức ăn đến, các vị ăn

xong, tâm ý thư thới, yên tỉnh, vị hóa thân nói kệ cho họ nghe xong, hiển hiện thân Phật sáng rỡ

Năm vị Sa-môn này tinh thần phấn khởi, đều tư duy về Giới, liền đắc quả A-La-hán.

(Trích kinh Pháp Cú Thí Dụ quyển 3)

10. ĐỨC PHẬT HIỆN LÀM SA-MÔN HÓA ĐỘ VỢ CHỒNG KEO KIỆT:

Ở nước Xá-vệ có một gia đình nghèo, cả hai vợ chồng đều tham lam keo kiệt, không tin đạo đức.

Đức Phật thương xót những người ngu này nên hiện làm một Sa-môn, đến nhà họ khất thực. Hôm ấy, người chồng đi vắng, người vợ ra mắng chửi:

- Đồ không biết điều.

Vị Sa-môn nói:

- Ta là đạo sĩ, xin ăn cốt để nuôi thân, không nên quở mắng, chỉ xin một bữa thôi.

Người vợ nói:

- Nếu ông chết ngay, cũng không có cơm; huống chi hiện đang khỏe mạnh, lại muốn ta cho, còn gì nữa, chẳng cút sớm đi.

Thế rồi, vị đạo nhân đứng trước mặt bà ta, nhắm mắt nín thở, liền hiện thân chết đứng. Cơ thể sình trương lên, giòi từ mũi miệng bò ra, ruột gan thối rữa, chất bất tịnh chảy tràn.

Thấy vậy, người vợ sợ hãi, thất thanh, bỏ chạy.

Vị đạo nhân cũng bỏ đi, đến ngồi nghỉ dưới cây, cách nhà ấy vài dặm.

Người chồng trở về, giữa đường gặp vợ có vẻ hốt hoảng, lấy làm lạ. Người vợ kể hết việc này cho chồng nghe. Người chồng nổi giận, hỏi:

- Ông ấy ở đâu?

Người vợ đáp:

- Đã đi rồi, có lẽ cũng chưa xa.

Người chồng liền cầm cung mang dao đuổi theo dấu chân, chạy thẳng đến trước mặt đạo nhân, rồi giương cung, rút dao muốn chém ông ta.

Vị đạo nhân mới hóa ra một thành lưu ly nhỏ bao quanh mình mấy vòng.

Người chồng không thể vào được, liền hỏi đạo nhân:

- Sao không mở cửa?

Đạo nhân bảo:

- Muốn ta mở cửa, ông hãy quăng bỏ cung đao xuống.

Người kia suy nghĩ: cứ tạm chiều ý đi, nếu ta vào được thì dùng tay đấm ông ấy.

Người kia quăng bỏ cung đao, cửa vẫn không mở, lại hỏi đạo nhân:

- Đã bỏ cung đao, sao cửa không mở?

Đạo nhân nói:

- Ta bảo ông hãy quăng bỏ cung đao ác ý trong tâm, chớ đâu phải cung đao trong tay.

Thế rồi, người kia thân tâm hốt hoảng, cho rằng đạo nhân là thần Thánh, mới biết tâm ta, liền cúi đầu tự trách hối lỗi, thưa với đạo nhân:

- Vợ con có lỗi, không biết Ngài là bậc chân tu, khiến con khởi tâm xấu ác. Xin Ngài dũ lòng thương xót, đừng bỏ rơi con. Nay con muốn sau này khuyến hóa bà ấy được tu theo Ngài.

Người chồng đứng dậy trở về nhà, người vợ hỏi:

- Sa-môn ở đâu?

Người chồng kể đủ công đức thần biến của Ngài, rồi nói:

- Ngài đang ở đằng kia, bà đi thẳng đến đó sám hối để dứt tội.

Nghe xong, vợ chồng cùng đi đến chỗ đạo nhân, năm vóc gieo xuống đất, sám hối tội lỗi, thưa:

- Con xin được làm đệ tử và xin được biết về thành lưu ly kiên cố, tâm ý Ngài định tĩnh, hoàn toàn không lo sợ là nhờ công đức gì mà được sự thần diệu như thế?

Đạo nhân bảo:

- Ta học rộng không nhàm chán, tôn kính pháp không giải đãi, tinh tấn trì giới, tâm không phóng dật. Nhờ nhân duyên đó nên đắc đạo, tự chứng Niết-bàn.

(Trích kinh Pháp Cú quyển 3).

11. ĐỨC PHẬT HÓA ĐỘ CON NHÀ ĐỒ TỂ VÀ CÁC PHẠM CHÍ ĐỀU ĐƯỢC ĐẮC ĐẠO:

Xưa, có năm trăm Bà-la-môn thường tìm cách để phỉ báng Phật.

Họ bàn với nhau:

- Hãy sai con nhà đồ tể giết vật, rồi thỉnh Phật và chúng Tăng đến thọ trai. Phật sẽ nhận lời, khen ngợi con nhà đồ tể. Chúng ta liền đến

chê bai ông ta.

Đức Phật nhận lời, bảo con nhà đồ tể:

- Quả chín tự rụng, phước đến tự hưởng.

Con nhà đồ tể trở về, dọn bày thức ăn uống.

Đức Phật dẫn các đệ tử đến nhà đàn việt trong làng đồ tể, các phạm chí lớn nhỏ đều vui mừng, cho rằng:

- Hôm nay có cơ hội chê Phật đây. Nếu ông ta tán thán phước đức, thì đem việc sát sanh là việc tạo tội để chê bai; nếu nói chuyện do tội ác thì đem phước đức của ngày hôm nay để vấn nạn. Cả hai điều này, hôm nay đều đã đúng lúc.

Đức Phật đến nơi, ngồi xuống, rửa tay chân, ăn cơm. Ngài quan sát tâm của đại chúng, xem ai là người đáng độ, liền lè lưỡi che mặt, liếm tai, phóng ánh sáng lớn, chiếu khắp cả phòng, lại dùng Phạm Âm nói kệ chú nguyện:

Theo lời Phật dạy
Lấy đạo nuôi thân
Kẻ ngu tật đố
Thấy sanh tâm ác
Làm ác gặp ác
Như gieo giống đắng
Ác tự chuốc tội
Lành tự hưởng phước
Thiện ác thành thục
Không thể thay nhau
Làm lành gặp lành
Như gieo giống ngọt.

Năm trăm Phạm-chí nghe xong, tâm ý khai ngộ, năm vóc gieo xuống đất đảnh lễ Phật, mong được lãnh thọ Thánh giáo, cúi xin Ngài thương xót cho phép làm Sa-môn.

Đức Phật hứa khả. Tất cả đều trở thành Sa-môn. Mọi người lớn nhỏ trong làng thấy Phật biến hóa, ai cũng vui mừng, đều đắc kiến đạo. Cho nên gọi làng ấy là làng Hiền, không còn gọi tên làng đồ tể nữa.

(Trích kinh Pháp Cú Thí Dụ quyển 1).

12. ĐỨC PHẬT HÓA ĐỘ NHỮNG NGƯỜI KHÔNG CÓ TÍN TÂM Ở BỜ SÔNG LỚN:

Phía Đông Nam Xá-vệ có con sông lớn, vừa sâu vừa rộng. Hơn năm trăm gia đình cư ngụ bên bờ sông, không biết làm việc đạo đức,

giúp đời, quen thói ngang tàng, lừa dối, tham lợi phóng túng cho thỏa thích tâm ý.

Biết những gia đình này có phước, đáng được độ, Đức Phật đến ngồi dưới gốc cây bên bờ sông.

Dân làng nhìn thấy Phật hào quang sáng rỡ kỳ lạ, đều kinh ngạc, đi đến kính lễ, hoặc lạy, hoặc chắp tay, thăm hỏi.

Đức Phật bảo họ ngồi, rồi nói pháp cho họ nghe. Mọi người nghe xong, lòng vẫn chưa tin. Đức Phật hóa ra một người từ phía Nam bờ sông đi đến, đi trên mặt nước, chỉ ngập tới mắt cá chân. Người này đến trước Phật, cúi đầu đảnh lễ. Ai thấy cũng kinh ngạc, mới hỏi vị hóa nhân:

- Chúng tôi vốn sinh sống bên bờ sông này, nhưng chưa từng thấy người nào đi trên mặt nước. Vậy ông là ai? Có phép thuật gì mà đi trên nước không chìm?

Vị hóa nhân đáp:

- Tôi là người ngu đần ở phía Nam con sông, vì nghe Phật ở đây và ưa thích đạo đức, nên đến bờ phía Nam; Gặp lúc không qua sông được, mới hỏi người bên bờ: “Nước sâu hay cạn?”. Người kia nói: “Nước chỉ ngang mắt cá.” Tôi tin lời người ấy, liền đi sang đây, không có phép thuật gì khác.

Đức Phật khen:

- Lành thay! Người có lòng tin chân thành có thể vượt qua vực thẳm sanh tử. Con sông mấy dặm, có gì là lạ.

Dân làng nghe xong, sanh lòng tin vững chắc, đều thọ năm giới, trở thành cư sĩ thuần thành.

(Trích kinh Pháp Cú quyển 3)

13. ĐỨC PHẬT HÓA ĐỘ NĂM TRĂM GIẶC CƯỚP XUẤT GIA ĐẮC ĐẠO:

Bấy giờ, hai nước Xá-vệ và Tỳ-xá-ly có hiềm khích, đem quân đánh nhau. Vua nước Xá-vệ suy nghĩ:

- Ta là vua, phải dẹp giặc, an dân. Tại sao lại để bọn giặc hại người, cướp của?

Nhà vua liền ra lệnh cho các tướng sĩ:

- Các khanh hãy đuổi bắt, cầm tù bọn chúng.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo ở Xá-vệ vừa an cư xong, muốn đến Tỳ-xá-ly, nhưng bị lạc đường, rơi vào tay bọn giặc kia. Các Tỳ-kheo hỏi:

- Trưởng giả, ông định đi đâu?

Đáp:

- Về Tỳ-xá-ly.

Tỳ-kheo lại nói:

- Chúng tôi xin được kết bạn cùng đi.

Kẻ kia liền đáp:

- Chúng tôi là giặc cướp, thường băng qua rừng rậm gai góc, đi không chọn đường. Ông là người hiền thiện, sao lại theo chúng tôi?

Các Tỳ-kheo lại nài nỉ:

- Xin dẫn tôi đi cùng.

Các Tỳ-kheo nói chưa đứt lời, đoàn lính đuổi tới, bắt luôn các Tỳ-kheo, dẫn đến chỗ vua, tâu rằng:

Đây là bọn giặc.

Vua phán:

Hãy dẫn Tỳ-kheo đến đây trước.

Vua bảo các Tỳ-kheo:

- Các ông là người xuất gia, tại sao làm giặc cướp?

- Chúng tôi chẳng phải giặc cướp

- Sao cùng đi với giặc?

Tỳ-kheo đem việc trên tâu lên nhà vua, vua liền tha cho đi.

Vua lại hỏi bọn giặc:

- Những vị xuất gia này là bạn các ngươi phải không?

Đáp:

- Đúng là bạn

Vua phán:

- Dẫn giặc đi, gọi các Tỳ-kheo trở lại

Vua hỏi:

- Tỳ-kheo đã nói dối, gạt quan. Bọn giặc nói các ngươi là bạn, sao các ngươi nói không phải?

Tỳ-kheo vẫn đáp như trước.

Vua liền ra lệnh thả Tỳ-kheo ra, còn giặc thì theo luật pháp trị tội. Nhà vua cho năm trăm giặc cướp mang gông, rồi đánh trống, truyền rao sẽ giết họ.

Bọn giặc kêu khóc. Đức Phật biết mà vẫn cố hỏi:

- Sao có nhiều tiếng kêu khóc thế?

Tỳ-kheo thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn, đó là tiếng kêu khóc của năm trăm giặc cướp bị nhà vua ra lệnh giết.

Đức Phật bảo A-nan:

- Ông hãy qua tâu vua; Bệ hạ là vua phải thương dân như con, tại

sao một lúc giết cả năm trăm người?

A-nan vâng lời, liền đến chỗ vua, tâu hết lời Phật dạy.

Vua nói:

- Thưa Tôn giả, trẫm biết việc này: giết một mạng người tội đã nhiều rồi, huống nữa giết tới năm trăm người; nhưng bọn này thường phá hoại xóm làng, cướp bóc nhân dân. Nếu Đức Thế Tôn có thể khiến họ không làm giặc nữa, trẫm sẽ tha cho họ sống.

A-nan trở về bạch lại với Phật.

Đức Phật bảo A-nan: tâu vua cứ thả họ ra, ta sẽ khiến họ từ nay về sau không làm giặc nữa.

A-nan vâng lời Phật dạy, trước hết đến chỗ hành hình, nói với quan coi về việc chém giết:

- Những tội nhân này, Đức Thế Tôn đã cứu rồi, các ông không nên giết họ.

A-nan lại đến chỗ vua, tâu:

- Đức Thế Tôn nói với vua là Ngài có thể khiến họ không làm giặc nữa.

Nhà vua liền tha mạng, nhưng chưa cởi trói, dẫn họ đến trước Đức Phật.

Đức Phật muốn độ những người kia, liền ngồi giữa đất trống. Bọn giặc từ xa trông thấy Phật, dây trói tự mở, đầu mặt lạy chân Phật, rồi đứng sang một bên. Đức Phật quán sát nhân duyên của họ rồi tùy cơ thuyết pháp, nói về việc báo ứng của hạnh nghiệp bố thí, trì giới; nói về pháp Tứ diệu đế khổ, tập, diệt, đạo. Ngay khi đó, họ đắc quả Tu-đà-hoàn.

Đức Phật hỏi:

- Các ông có muốn xuất gia không?

Những người này thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn, trước kia nếu chúng con xuất gia thì đâu gặp phải khổ này. Nay xin Đức Thế Tôn độ cho chúng con được xuất gia.

Đức Phật bảo:

- Lành thay, Tỳ-kheo.

Bấy giờ, năm trăm giặc cướp y phục đang mặc trên người biến thành ba y, tự nhiên có đủ bình bát, oai nghi tề chỉnh giống như cựu Tỳ-kheo trăm tuổi, đều thành bậc A-La-hán.

(Trích luật Tăng-kỳ quyển 19).

14. ĐỨC PHẬT THỔI THUỐC HƯƠNG SƠN VÀO MẮT NĂM TRĂM GIẶC MÙ KHIẾN MẮT HỌ SÁNG LẠI:

Ở nước Kiều-tát-la có năm trăm giặc cướp. Vua Ba-tư-nặc khốn khổ vì sự quấy phá, lộng hành của chúng, nên sai binh lính vây bắt, móc mắt rồi đuổi họ vào khu rừng tối tăm rậm rạp.

Vào thời Phật quá khứ,bọn giặc này vốn đã gieo trồng trồng cội phước. Nay mắt mù phải chịu nhiều đau khổ nên ai cũng niệm: Nam mô Phật-đà.

Lúc ấy, ta đang ở tại tịnh xá Kỳ-hoàn, nghe tiếng họ niệm, liền khởi tâm từ. Bỗng có ngọn gió mát thổi các loại thuốc thơm trong Hương Sơn vào đầy mắt họ, khiến mắt họ sáng trở lại. Bọn giặc mở mắt ra, liền trông thấy Phật đang đứng trước mặt, thuyết pháp cho họ nghe. Bọn giặc nghe pháp xong, liền phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề.

(Trích kinh Đại Niết-bàn quyển 14, kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân quyển 7 phần lớn cũng giống như thế).

15. ĐỨC PHẬT HÓA LÀM CON CỦA BÀ-LA- MÔN CÓ TÁNH CHẤP TRƯỚC KHIẾN CHA MẸ TRỞ LẠI BẢN TÂM:

Ở nước Tỳ-xá-ly, có vị Bà-la-môn chấp chặt tà kiến. Vì không có con cái nên ông ta suy nghĩ: Ta thình lình chết đi, của cải sẽ sung vào của quan, liền đi cầu tự ở các thần núi, thần cây.

Bỗng nhiên người vợ có thai, đủ tháng sinh ra đứa bé trai kháu khỉnh, nên hai ông bà rất đỗi thương yêu. Đến năm mười hai tuổi, cậu bé đi dạo chơi; dọc đường gặp phải voi say giẫm chết. Hai ông bà sầu não, sinh ra điên cuồng, lõa thân chạy khắp nơi.

Đức Phật xót thương, hóa làm đứa con. Hai ông bà chạy đến ôm lấy, hết sức vui mừng, cuồng si liền dứt, trở lại bản tâm. Đức Phật thuyết pháp cho họ nghe. Cả hai đều phát tâm tu hành.

(Trích kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân quyển 4)

16. ĐỨC PHẬT HÓA ĐỘ DÂM NỮ SANH TÂM CHÁN KHỔ:

Đức Phật bảo A-nan:

- Xưa kia, khi ta an cư mùa hạ ở nước Ba-la-nại, có một dâm nữ tên là Diệu Ý vốn có duyên với Phật. Hàng ngày đi khất thực, Đức Phật dẫn Nan-đà đi ngang qua nhà dâm nữ, nhưng người nữ này chẳng hề cung kính ta, chỉ yêu mến một mình Nan-đà.

Bảy ngày trôi qua, người nữ nghĩ bụng:

- Nếu Sa-môn Cù-đàm có thể khiến Nan-đà, A-nan chiều theo ý

ta, ta sẽ cúng dường ông ấy đủ thứ.

Đức Phật bảo A-nan, Nan-đà:

- Kể từ nay, hai ông chớ qua thôn ấy khất thực.

Một mình Đức Phật đến nhà dâm nữ. Ba ngày đầu, Đức Phật phóng ánh sáng sắc vàng, hóa ra các thiên nhân, dâm nữ vẫn không biết. Hôm sau, Đức Phật lại dẫn A-nan, Nan-đà đi đến nhà dâm nữ. Vì dâm nữ kính yêu hai Tỳ-kheo này, nên từ xa lấy hoa rải xuống Đức Phật và hai Tỳ-kheo.

A-nan bảo:

- Ngươi hãy lễ Phật.

Dâm nữ vì yêu mến A-nan nên tức thời lễ Phật. Đức Phật hóa làm ba đồng tử đều mười lăm tuổi, mặt mày khôi ngô. Dâm nữ nhìn thấy rất ưa thích. Dâm nữ cúi đầu kính lễ, thưa với hóa thiếu niên:

- Thưa chàng, nhà thiếp đây chẳng khác gì cõi trời công đức, cũng giàu sang, tự tại, của báu tốt đẹp nhiều. Thiếp nay xin tình nguyện làm nô tỳ quét tước dọn dẹp, hầu hạ chàng. Nếu được chàng đoái thương nhận lời, thỏa nguyện ước của thiếp, thiếp sẽ chu cấp tất cả,không tiếc thứ gì.

Hóa nhân ngồi lên giường, chưa đầy thời gian một bữa ăn dâm nữ đến trước mặt thỏ thẻ:

- Xin chiều theo ý của thiếp đi.

Hóa nhân đồng ý. Một ngày một đêm, dâm nữ không hề mỏi mệt, nhàm chán. Đến ngày thứ hai, tâm ái giảm dần. Sang ngày thứ ba dâm nữ nói:

- Chàng nên dậy ăn uống đi.

Hóa nhân ngồi dậy, còn muốn ân ái nữa. Dâm nữ đâm ra nhàm chán, nói:

- Chàng là người khác thường mới như vậy.

Hóa nhân bảo:

- Theo phép của ông bà ta, hễ gần người nữ phải liên tục mười hai ngày mới thôi.

Dâm nữ nghe nói vậy, như người ăn mắc nghẹn, nôn không ra, nuốt cũng chẳng được. Cơ thể đau đớn như bị giần; đến ngày thứ tư, như bị xe cán; sang ngày thứ năm, như hòn sắt nóng chạy trong cơ thể; tới ngày thứ sáu, khớp xương đau nhức, như tên bắn vào tim. Dâm nữ suy nghĩ:

- Ta nghe con vua Tịnh Phạm thường cứu giúp người khổ. Nay vì sao không đến cứu ta?

Nghĩ như thế rồi, dâm nữ buồn bã tự trách:

- Từ nay cho đến chết, ta thề không tham sắc dục, thà ở chung một nhà với cọp, beo, sư tử, ác thú, chứ không chịu nỗi những sự khổ này.

Trách xong, dâm nữ lại dậy ăn cơm, nhưng đi đứng dính chùm, không biết làm sao.

Hóa nhân nổi giận, mắng:

- Mụ đàn bà tệ ác, làm lở dở công việc của ta. Ta nay dính chùm với ngươi, chi bằng chết sớm còn hơn. Nếu cha mẹ họ hàng đến đây tìm ta, ta biết trốn ở đâu? Ta thà thắt cổ tự tử, chứ không chịu nỗi sự nhục nhã này.

Dâm nữ nói:

- Đồ quái vật, ta chẳng cần đâu, muốn chết thì chết đi.

Hóa nhân lấy dao đâm cổ, máu me dấy dơ thân dâm nữ, ngả ngang ra đất. Dâm nữ không làm gì được, cũng không ngăn khỏi chết. Trải qua hai ngày, thây chết bầm tím, hôi thối; Ngày thứ ba, sình trướng lên; Ngày thứ tư, thi thể nứt nẻ, phân và nước tiểu, trùng giòi, máu mủ dính đầy thân dâm nữ, cô ta chán ghét cực kỳ mà không làm sao rút ra được; Sang ngày thứ năm, da thịt lở loét; Qua ngày thứ sáu, thịt rơi rả hết; Đến ngày thứ bảy, chỉ còn xương hôi dính chặt vào người dâm nữ như keo, như sơn. Cô ta phát nguyện:

- Nếu các thiên thần, tiên nhân, con vua Tịnh Phạm có thể giúp tôi thoát khỏi khổ này. Tôi xin đem tất cả của báu trong ngôi nhà này cúng dường.

Cô ta vừa nghĩ như vậy, Đức Phật liền dẫn A-nan, Nan-đà và trời Đế thích đến trước mặt, bưng lò hương báu, đốt hương vô giá. Phạm Vương đi sau cầm bảo cái lớn. Vô lượng chư Thiên cùng trỗi kỹ nhạc. Đức Phật phóng ánh sáng rực rỡ khắp trời đất. Tất cả đại chúng đều thấy Như Lai đi đến nhà dâm nữ.

Khi ấy, dâm nữ nhìn thấy Phật trong lòng xấu hổ, không biết giấu xương ở đâu, mới lấy bạch điệp và nhiều loại hương gói đống xương hôi thối nhưng mùi hôi vẫn như cũ, không thể che giấu được.

Dâm nữ đến đảnh lễ Đức Thế Tôn, thân che lên bộ xương, xương hôi bỗng nhiên dính trên lưng dâm nữ. Dâm nữ khóc lóc thưa:

- Đại đức Như Lai từ bi vô lượng. Nếu Ngài có thể giúp con thoát khỏi khổ này, con xin làm đệ tử, lòng không thối chuyển.

Nhờ thần lực của Đức Phật, xương hôi biến mất. Dâm nữ vui mừng, làm lễ bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, nay con xin đem tất cả của báu dâng cúng

Phật.

Đức Phật chú nguyện, Phạm Âm vang khắp. Dâm nữ nghe rồi, sanh tâm hoan hỷ, ngay lúc ấy đắc quả Tu-đà-hoàn.

(Trích kinh Quán Phật Tam Muội quyển 7)

17. ĐỨC PHẬT HIỆN NĂM NGÓN TAY HÓA RA NĂM CON SƯ TỬ:

Đức Phật kể lại:

Này thiện nam tử, ta vào thành Vương xá, thứ lớp khất thực. Đề-Bà-đạt-đa xui vua A-xà-thế thả con voi say của Hộ Tài để hại ta và chúng đệ tử. Lúc ấy, ta liền nhập Từ bi quán, duỗi tay ra, tức thì năm ngón tay hóa thành năm con sư tử. Con voi thấy chúng, sinh tâm sợ hãi, văng cức té đái, toàn thân mọp sát đất kính lễ dưới chân ta. Này thiện nam tử, bấy giờ ngón tay ta thật ra không có sư tử chính là do sức thiện căn tu tập từ bi mà điều phục được con voi ấy.

(Trích kinh Đại Niết-bàn quyển bốn mươi)

18. ĐỨC PHẬT DÙNG NGÓN CHÂN LÀM VỠ TẢNG ĐÁ LỚN:

Lại nữa, này thiện nam tử, ta sắp nhập Niết-bàn. Lần đầu tiên đến thành Câu-thi, có năm trăm lực sĩ đang san bằng và quét dọn trên đường. Giữa đường có một tảng đá, họ muốn dời đi, tuy đã dùng hết sức nhưng không thể được. Thương cho họ, bấy giờ ta liền khởi từ tâm. Các lực sĩ kia thấy ta dùng ngón chân cái, nhấc tảng đá lớn này lên, ném vào hư không rồi dùng tay đỡ lấy. Ta đặt tảng đá trong tay, thổi vỡ vụn ra, rồi hợp trở lại khiến tâm cống cao của các lực sĩ ấy không còn. Ta giảng nói tóm tắt các môn pháp yếu, khiến họ đều phát tâm A-nậu-đa-la-tâm-miệu-tam-bồ-đề.

(Trích kinh Niết-bàn, quyển 14)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 6

NHỮNG SỰ KIỆN THỜ XÁ LỢI SAU PHẬT NHẬP NIẾT BÀN

A. XÂY THÁP XÁ LỢI PHẬT

1. Thiên nhơn, Long vương chia xá lợi xây tháp.
2. Vua A-dục xây tám vạn bốn ngàn tháp.
3. Nhơn duyên xây tám vạn bốn ngàn tháp.
4. Vua Phất-sa-mạt-đa-la phá tám vạn bốn ngàn tháp xá lợi Phật.
5. Vua Thiên-ái-đế-tu xây tháp thỉnh xá lợi và cây Bồ-đề.
6. Ca-la-việt cùng bốn người xây tháp, được phước báo bàn tay tuôn mưa bảy báu.
7. Tu-đạt xây tháp thờ tóc, móng của Phật.
8. Thiên nhơn được giáo hoá, dựng tháp thờ tóc, móng của Phật.
9. Thiên nhơn dựng tháp thờ răng và xương khuyết bồn của Phật.
10. Đồng tử đắp cát làm tháp.
11. Di Hầu dùng đất đá làm tháp.
12. Bốn tháp ở cõi trời.
13. Bốn tháp ở nhân gian.
14. Tháp thờ xương của Ma-ha-tát-đỏa.
15. Phật hiện tháp xá lợi khi còn tu đạo Bồ-tát.
16. Vua Cấm-mị xây tháp thờ xá lợi của Phật-Ca-diếp.
17. Trùng tu tháp cũ của Phật Ca-diếp.
18. Vua Đức-chủ xây năm trăm tháp.
19. Tháp báu từ dưới đất nổi lên.
20. Xá lợi của chư Phật trong tháp kim cương.
21. Xây tháp giữa chừng hối hận, đời sau sanh làm cá kình.

1. THIÊN NHƠN, LONG VƯƠNG CHIA XÁ LỢI XÂY THÁP:

Sau khi Phật nhập Niết-bàn, chúng Mạt-na nước Ba-ba (đời Lương gọi là Lực-sĩ), chúng Bạt-ly nước Giá-la-phả, chúng Câu-lợi nước Ma-la-già, chúng Bà-la-môn nước Tì-lưu-đề, chúng Thích-Trụ nước Ca-la-vệ, chúng Ly-xa nước Tỳ-xá-ly, vua A-xà-thế nước Ma-kiệt-đà đều trang bị bốn binh (Trong Thai Kinh chép: vua Ưu-điền, vua Đảnh-sanh, vua Ác sanh A-xà-thế đều có bốn binh: Tối binh mã chủ, Dung nhan binh mã chủ, Xí thịnh binh mã chủ, Kim cang binh mã chủ). Vua A-xà-thế phái Bà-la-môn họ Hương đến tâu vua Lực-sĩ nước Câu-thi:

- Phật là thầy chúng tôi, là người chúng tôi tôn quý. Ngài đã diệt độ trong nước của quý quốc, nên chúng tôi từ xa đến đây xin phần xá lợi về nước xây tháp cúng dường. Nếu được chia phần, cả nước chúng tôi sẽ hết lòng quý trọng gìn giữ.

Vua Lực-sĩ đáp:

- Đức Thế Tôn đã xót thương xứ này mà đến diệt độ tại đây. Sĩ dân nước tôi sẽ tự cúng dường. Quý quốc dù có từ xa nhọc nhằn đến đây cũng không có phần xá lợi.

Vua các nước cùng nhau bàn bạc: "Chúng ta hạ mình năn nỉ nếu không được chia thì quyết liều mình dùng vũ lực chiếm lấy.

Vua Lực-sĩ vẫn không nhường:

- Nếu quý quốc muốn khởi binh, chúng tôi cũng đủ sức đương đầu quyết không để mất xá lợi.

Khi ấy Bà-la-môn họ Hương đứng trước mọi người nói to:

- Đức Thế Tôn đã dày công tu hạnh nhẫn nhục trong vô lượng kiếp. Quý Ngài cũng nên học theo và khen ngợi hạnh ấy. Sao lại có thể kéo binh đánh nhau để tranh giành xá lợi. Đây chẳng phải việc làm thể hiện lòng tôn kính Đức Thế Tôn. Bây giờ chúng ta nên chia xá lợi thành tám phần để nhân dân mỗi nước đều được cúng dường. Quý Ngài cũng là những người thân thọ giới Phật, miệng nói lời Phật dạy thì có nên vì tranh xá lợi mà tàn hại lẫn nhau?

Vua Lực-sĩ xuống giọng:

- Chúng tôi xin cung kính làm theo ý kiến của quý Ngài.

Bà-la-môn họ Hương đại diện chia xá lợi thành tám phần. Khi ấy Thích-đề-hoàn-Nhân hiện làm người đến thưa tám quốc vương:

- Chư Thiên chúng tôi cũng phải có phần. Nếu không sẽ dùng sức tranh đoạt, thắng bại sẽ rõ. Còn như may mắn được chia phần sẽ không làm khó dễ nhau.

Cùng lúc ấy các vị Long vương A-nậu-đạt, Văn-lân, Y-na-bát

cũng đến thưa các quốc vương:

- Long vương chúng tôi cũng phải có phần. Nếu không được chia cũng đủ sức chinh phục nhau.

Ưu-Bà-cát lên tiếng:

- Thôi, thôi, quý Ngài đừng tranh cãi nhau nữa, hãy cùng nhau phân chia.

Bà-la-môn họ Hương liền chia xá lợi thành ba phần, một phần cho chư Thiên, một phần cho Long vương, phần còn lại cho tám vua. Ông ta lấy một cái bình bôi mật vào bên trong để lường xá lợi.

Chư Thiên đem phần của mình về thiên cung xây tháp bảy báu tôn thờ. Long vương cũng đem phần của mình về long cung xây tháp báu tôn thờ.

Vua A-xà-thế đếm lại các phần chia, mỗi phần đều được tám vạn bốn ngàn viên xá lợi. Khi ấy có một sợi râu trên mép Phật không ai dám lấy. Mọi người cùng đồng ý ban cho A-xà-thế. Vì trong thời gian cầu xin xá lợi, vua là người chí thành, vất vả nhất. Được cho thêm phần, vua A-xà-thế vui mừng khôn tả, trỗi nhạc vang lừng.

Trên đường trở về nước, A-xà-thế gặp Long vương Nan-đầu-hòa chặn lại:

- Phật để lại xá lợi hãy cho tôi một phần.

A-xà-thế lắc đầu:

- Không được.

Long vương dọa:

- Ta là Nan-đầu-hòa có thể nhấc nước của vua lên, ném xa hơn tám vạn dặm, nát nhừ như cát bụi.

Vua A-xà-thế sợ quá đem sợi râu của Phật trao cho Long vương.

Long vương vui mừng trở về dưới núi Tu-di xây tháp thủy tinh lưu ly cao hơn tám vạn bốn ngàn dặm tôn thờ.

Sau này, vua A-xà-thế băng hà, vua A-dục thống nhất các nước Ấn Độ. Một hôm có vị đại thần tâu với A-dục:

- Trước đây Long vương Nan-đầu-hòa áp đảo tiên vương A-xà-thế lấy đi sợi râu của Phật.

A-dục nghe xong liền ra lịnh cho quỷ thần vương làm võng sắt, chiếu sắt đặt xuống nước dưới núi Tu-di để vây bắt Long vương. Long vương sợ quá cùng nhau bàn kế: “Vua A-dục là người tôn thờ Phật, chúng ta hãy rình khi ông ta ngủ say sẽ dời cung điện ông ấy xuống đây. Ta đến tháp gặp mặt và kể rành rõ sự việc, chắc ông ấy sẽ hết giận”. Bàn xong, Nan-đầu-hòa sai đồ chúng đi dời cung điện của A-dục.

Tỉnh dậy A-dục không biết mình đang ở đâu. Chợt thấy tháp thủy tinh cao tám vạn bốn ngàn dặm, vua thấy lòng buồn vui lẩn lộn. Lúc ấy Nan-đầu-hòa xuất hiện lên tiếng chối:

- Ngày ấy tự vua A-xà-thế đem râu Phật cho ta, không phải ta đoạt lấy. Xưa kia Đức Thế Tôn có giao ước với ta:”Sau khi ta nhập Niết-bàn, đến thời mạt pháp sắp hết, tất cả kinh, luật, y, bát đều đem cất vào tháp này. Đến khi Phật Di-Lặc giáng thế sẽ lấy ra”.

Vua A-dục nghe xong hết giận. Long vương đưa cung điện của vua về chốn cũ.

Khi chia xá lợi Phật xong, Bà-la-môn họ Hương lên tiếng:

- Cho tôi xin bình đựng xá lợi này (Bồ-tát thai kinh ghi chữ bồn) để đem về làng Đầu-na-la xây tháp thờ.

Vua Lực-sĩ đem bình cho ông ấy. Bà-la-môn họ Hương đem bình và những viên xá lợi dính trong bình (do bôi mật) cùng xây tháp báu tôn thờ.

Cư sĩ Bà-la-môn Ba-la-diên-na đến xin than trà tỳ Phật đem về nước xây tháp tôn thờ. Vị đạo sĩ ở Hoành quốc cũng đến xin tro về nước xây tháp thờ. Vua Lực-sĩ đều bằng lòng. Lại có người xây tháp báu nơi trà tỳ Phật.

Hết thảy tro, than và đất nơi trà tỳ Phật là bốn mươi chín hộc, được xây bốn mươi chín tháp báu tôn thờ. Mỗi tháp đều được trang trí tràng phan rực rỡ, biểu thị cho sự trường tồn của giáo pháp.

(Trích bài tựa Nê Hoàn Thập Tụng Luật, kinh Bồ-tát Xử Thai và kinhA-Dục Vương).

2. VUA A-DỤC XÂY TÁM VẠN BỐN NGÀN THÁP:

Vua A-dục trang bị đầy đủ bốn binh kéo đến bảy cửa tháp lấy xá lợi của Phật, chỉ còn tháp của Long vương chưa lấy. Long vương mời vua vào cung tâu:

- Tháp này là nơi tôi cúng dường Phật, xin Ngài vị tình tôi mà để lại.

A-dục bằng lòng, kéo quân về nước, cho thợ làm tám vạn bốn ngàn hộp báu, phân xá lợi ra mỗi hộp. Vua còn cho làm tám vạn bốn ngàn bình báu cùng tràng phan bảo cái. Sau đó vua giao cho Dạ-xoa xây tháp từ đất liền cho đến biển cả, khắp cõi Diêm-phù-đề.

Trước tiên vua đến thưa với Ngài Da-xá:

- Con muốn trong một niệm, trong một ngày đều hoàn thành tám vạn bốn ngàn ngôi tháp.

Ngài Da-xá vô cùng hoan hỷ, hết lời khen ngợi vua A-dục.

Về sau A-dục cùng Long vương so công đức. Hai bên gần bằng nhau, nhưng Long vương có phần trội hơn. Từ đó A-dục thường thỉnh chúng Tăng cúng dường gieo thêm công đức. Sau một thời gian hai bên lại so sánh thì đã ngang bằng nhau. Vua A-dục chuyển sang tu tập. Khi biết công đức đã nhiều, vua liền kéo binh đánh Long vương. Vua mới đến giữa đường, Long vương cùng quyến thuộc đều ra nghinh đón, đồng thời đem tháp xá lợi dâng vua.

Ngoài ra, vua A-dục còn xây tháp kỉ niệm nơi Phật thành đạo, thuyết pháp giáo hóa... (Trích kinh A-Dục Vương quyển một và kinh Tạp Thí Du quyển thượng).

Trên lãnh thổ của vua A-dục có hết thảy một ngàn hai trăm ngôi chùa. Vua cho dệt một ngàn hai trăm tràng phan bằng sợi vàng cùng hoa bằng vàng ngàn cánh và muốn tự tay mình treo lên tất cả chùa. Nhưng mới bắt đầu làm thì vua lâm bịnh nặng. Vì sợ ý nguyện không thành, vua lo buồn, nước mắt đầm đìa.

Có vị Sa-môn đến thăm bảo:

- Vua đã tạo vô lượng công đức, đáng lẽ phải vui, tại sao lại buồn. Chỉ cần nhà vua nhất tâm, ta sẽ gíúp cho được kết quả như nguyện.

Nói xong Sa-môn dùng thần lực dời một ngàn hai trăm ngôi chùa đến trước vua. Vùa nhìn thấy vua liền khỏi bịnh, trong lòng muốn treo tràng phan. Hễ những sát-sa-đê (?) đến tay vua thì tràng phan được treo như ý muốn.

Vua khỏi bịnh, sống thêm hai mươi lăm năm (Theo kinh Ca Diếp và kinh Tạp Thí Dụ). Suốt hai mươi năm lại miệt mài gieo trồng công đức. Đến lúc lâm chung, lòng vua luôn hướng về Tam bảo, không có gì nuối tiếc cho đến khi tâm tư nhẹ nhàng vào cõi an vui giải thoát.

(Trích kinh Tạp A-hàm, quyển 25).

3. NHÂN DUYÊN XÂY TÁM VẠN BỐN NGÀN THÁP:

Một hôm Ngài A-nan bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Trong quá khứ Thế Tôn đã gieo nhân gì mà sau khi nhập Niết-bàn được xây tám vạn bốn ngàn tháp báu tôn thờ?

Phật bảo:

- Trong quá khứ có vị vua tên Ba-tắc-kỳ cai quản tám vạn bốn ngàn nước ở cõi Diêm-phù-đề. Khi ấy có Phật ra đời hiệu Phất Sa. Vua và dân chúng đều tôn kính cúng dường Phật cùng chúng tăng.

Một hôm, vua nghĩ: "Những người dân nơi xa xôi hẻo lánh ở các

nước nhỏ vùng biên cương không có điều kiện tu phước". Sau đó vua quyết định triệu tập các họa sĩ vẽ tượng Phật để đem đến các nước vùng xa, cho tất cả dân chúng đều được cúng dường. Nhưng khi các họa sĩ nhìn tướng hảo của Phật, hễ vừa vẽ được nét này thì quên các nét khác, vẽ hoài cũng không xong. Thấy thế, vua Ba-tấc-kỳ tự tay pha màu và vẽ một bức làm mẫu. Các họa sĩ theo bức vẽ ấy vẽ ra tám vạn bốn ngàn bức. Vẽ xong vua cho phân bố tượng đến khắp tám vạn bốn ngàn nước nhỏ. Vua cùng dân chúng các nước ấy đều có nhân duyên được tôn kính cúng dường Phật.

Phật kết thúc:

- Vua Ba-tấc-kỳ nay chính là ta. Nhờ công đức ấy mà nay thân ta có ba mươi hai tướng đẹp. Sau khi nhập Niết-bàn lại có người xây tám vạn bốn ngàn tháp cúng dường xá lợi.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển bốn)

4. VUA PHẤT-SA-MẬT-ĐA-LA PHÁ TÁM VẠN BỐN NGÀN THÁP XÁ LỢI PHẬT:

Vua A-dục băng hà. Quần thần muốn lập thái tử nối ngôi. Đại thần A-thố-la-địa thưa:

- Trước đây tiên vương A-dục có nguyện đem mười vạn ức tiền vàng làm việc công đức, còn thiếu bốn ức, vì thái tử khóa kho không cho lấy. Để được như nguyện, tiên vương đã đem cõi Diêm-phù-đề này dâng cúng Tam bảo. Nay cõi nước này đều thuộc Tam bảo sao lại lập thái tử làm vua?

Quần thần lập tức đem đủ bốn ức tiền vàng cúng chùa. Sau đó mới lập thái tử nối ngôi. Đó là đời vua thứ tư tên Phất-sa-mật-đa-la. Một hôm, vua hỏi quần thần:

- Ta nên làm những việc gì để danh tiếng, sự nghiệp được bền lâu?

Có đại thần tâu:

- Tiên vương A-dục xây dựng tám vạn bốn ngàn tháp tôn thờ xá lợi Đức Như Lai. Nay bệ hạ nên trùng tu tháp cúng dường thì tiếng tăm, công đức sẽ lưu truyền mãi mãi.

Vua thoái thác:

- Tiên vương là người có oai đức lớn mới có htể làm đước việc như thế. Ta không làm được, hãy nghĩ đến việc khác.

Vị đại thần khác tâu:

- Trên đời có hai việc làm được lưu danh muôn thuở. Đó là việc

thiện và việc ác. Tiên vương đã xây tháp, nay bệ hạ nên phá tháp, cả hai việc đó đều trở nên bất hũ.

Vua nghe theo, lập tức kéo binh đi phá chùa viện. Trước tiên vua đến chùa Kê Tước. Trước cửa chùa có tượng sư tử bằng đá. Vua vừa đến sư tử liền rống lên. Vua sợ hãi trở về. Cứ như thế đến lần thứ ba, vua gọi các vị Tỳ-kheo ra hỏi:

- Trong hai việc phá tháp xá lợi Phật và phá phòng chúng Tăng, việc nào là thiện?

Tỳ-kheo đáp:

- Cả hai vệc đều không nên làm. Nhưng nếu không thể bỏ qua thì phá phòng tăng, chớ nên phá tháp.

Vua liền ra lịnh giết hại chúng Tăng, phá hoại chùa tháp. Khi đến nước Ba-già-la vua bảo:

- Ai lấy được đầu của Sa-môn ta sẽ thưởng ngàn vàng.

Trong nước có vị La-hán nghe tin này liền hóa ra nhiều đầu Tỳ-kheo rồi gọi dân chúng đến lấy đầu đi lãnh thưởng, làm cho kho báu của vua cạn kiệt. Về sau, vua biết việc này do La-hán làm, vô cùng tức giận, kéo quân đến giết La-hán. La-hán nhập diệt tận dịnh, vua chẳng hại được. Vì sức của diệt tận định có khả năng bảo vệ thân thể không bị tổn thương.

Cứ như thế, vua Phất-sa-mật-đa-la lần hồi đã kéo quân đến một cửa tháp bên cạnh tháp thờ răng Phật. La-hán liền đến nhờ vị thần ở đây giúp đỡ.

Vị thần thưa:

- Lúc trước có thần Trùng Hành đến cầu hôn con gái của con, nhưng con không đồng ý. Nay vì bảo vệ Phật pháp, con sẽ gả con gái cho ông ấy.

Khi trao con gái cho Trùng Hành, vị thần kia ra điều kiện:

- Ông hãy tiêu diệt vị vua này, chớ để ông ta phá hoại chánh pháp.

Nhận lời, thần Trùng Hành đến vùng biển phía Nam sắp đặt những ngọn núi lớn rồi xô ụp xuống vua và bốn binh. Tất cả không ai sống sót. Mọi người đều reo lên:

- Vui quá! Vui quá! Con cháu Khổng Tước từ nay không còn.

(Trích kinh Tạp A-hàm quyển 25)

5. VUA THIÊN-ÁI-ĐẾ-TU XÂY THÁP THỈNH XÁ LỢI VÀ CÂY BỒ-ĐỀ:

Vào một mùa hạ, sau khi nhận bốn món cúng dường trong ba tháng của vua Thiên-ái-đế-tu nước Sư-tử xong, nhóm Tỳ-kheo Ma-sẩn-đà đến từ giã vua:

- Tâu Đại vương Trước đây, nương dưới sự chăm sóc của Sư phụ, chúng tôi sớm tối hầu hạ, lễ bái cúng dường. Xa Sư phụ đã lâu, nay chúng tôi muốn trở về.

Nhà vua thưa:

- Lâu nay con nương Pháp sư được thọ Tam quy, ngũ giới. Trong bốn thứ cúng dường có gì không vừa lòng khiến các Ngài đòi trở về? Trước đây, Ngài viện lí do Phật nhập Niết-bàn, nay lại nói muốn trở về thăm.

- Thật sự Phật đã nhập Niết-bàn, vẫn còn để lại xá lợi.

- Thưa Pháp sư! Nay con muốn xây tháp thờ xá lợi, xin quý Ngài chọn cho con một nơi thích hợp.

Được các vị Tỳ-kheo chỉ dẫn, vua Thiên-ái-đế-tu liền đến gặp Sa-di Tu-ma-na, thưa:

- Thưa Ngài! Tôi phải làm thế nào để có được xá lợi của Phật?

- Tâu đại vương! Đại vương chỉ cần cho dọn dẹp đường sá sạch đẹp, đốt hương, rải hoa. Đại vương cùng quyến thuộc đều thọ tám giới, rồi cùng nhau đến vườn Na-già chí thành cầu nguyện.

Vua lập tức làm theo.

Sa-di Tu-ma-na trở về gặp ông nội là vua A-dục thưa việc vua Thiên-ái-đế-tu muốn xây tháp và xin được ban xá lợi.

Vua A-dục bảo:

- Con nên đến cõi trời Đao-lợi thưa với Đế thích. Đế thích có hai lọai xá lợi. Một là chiếc răng phải chắc là Đế thích giữ lại cúng dường. Hai là xương khuyết bồn phải chắc chắn Đế thích sẽ cho con đem về.

Nói xong vua A-dục mở hộp lấy xá lợi đặt vào trong bát trao cho Sa-di. Xá lợi tỏa ánh sáng trắng đầy cả bát giống như ánh sáng của chơn châu.

Sa-di từ giã vua, đến cung của Đế thích xin xương khuyết bồn phải. Nghe Sa-di trình bày, Đế thích hoan hỷ nhận lời, mở hộp lấy xá lợi trao cho Sa-di. Sa-di trở về, đem xá lợi vua A-dục cho, trao cho vua Thiên-ái-đế-tu.

Nhận xá lợi vua liền nghĩ: "Xá lợi của Đức Như-Lai ta nên đội lên đầu". Đang nghĩ, chú voi của vua bỗng quỳ sụp xuống, chiếc dù trắng

cũng tự hạ, hộp xá lợi bay lên đảnh vua. Toàn thân nhà vua cảm thấy khoan lạc như được uống cam lộ. Khi ấy trời mưa lất phất, mặt đất rung động.

Vua thưa Ma-sẩn-đa:

- Thưa Pháp sư! Tôi phải sắp xếp như thế nào?

- Đại vương hãy xuống voi, đặt hộp xá lợi lên đầu nó. Nó sẽ cất lên âm thanh cúng dường xá lợi. Trời, rồng, quỷ thần đều rất vui mừng. Khi ấy chúng ta vào thành, nhân dân vui mừng cúng dường xá lợi. Sau đó di vòng theo cửa phía Nam chọn đất xây tháp. Xá lợi của chư Phật trong ba đời cũng xây tháp trong vườn này.

Vua theo lời Tỳ-kheo, lập tức cho dọn dẹp gai góc... Trước tiên cho khởi công xây nền tháp cao đến đầu voi. Vua lại đến thưa Ma-sẩn-đa:

- Thưa pháp sư! Hình dáng của tháp nên xây thế nào?

- Đại vương nên xây như hình một đống lúa.

- Ồ! Hay quá! Thưa pháp sư.

Vua lập tức cho xây ngôi tháp nhỏ để thờ xá lợi. Ngày đặt xá lợi vào tháp, dân chúng cả nước đều tụ tập. Xá lợi từ trên đầu voi bay lên hư không cao bảy cây Đa-la, hiện các thần biến: năm màu rực rỡ lung linh, có lúc tuôn nước, có lúc phun lửa. Khi đem xá lợi đặt vào tháp, trời đất đều rung động. Thấy sự thần biến như thế, A-thố-la phu nhân của vua xin Ma-sẩn-đà xuất gia. Ma-sẩn-đà bảo:

- Tôi không được phép độ người nữ xuất gia. Nhưng Tỳ-kheo-ni Tăng-già-mật-đa em gái tôi có thể độ cho phu nhân. Hiện nay em tôi đang ở nước Ba-tra-lợi-phất, đại vương có thể cho người đến đón cô ấy và xin rước cây Bồ-đề về trồng.

Vua liền phái A-phiêu-xoa, một người cháu gọi vua bằng cậu, lên đường.

Ma-sẩn-đà dùng thần thông đưa anh ta xuống thuyền, chỉ trong một ngày đã đến nơi. A-phiêu-xoa vào gặp vua A-dục tâu những điều Ma-sẩn-đà dạy.

Nghe xong vua A-dục bảo:

- Con ta Ma-sẩn-đà cùng cháu Tu-ma-na đều bỏ ta đi tu. Sau khi họ đi rồi, ta buồn nhớ không lúc nào nguôi, lòng đau như bị cắt đi tay chân. Nhưng mỗi khi nhìn thấy Tỳ-kheo-ni con ta, niềm đau trong ta cũng nguôi ngoai. Nay cô ấy đi nữa, chắc ta chết mất.

Nói xong vua A-dục quay sang bảo Tỳ-kheo-ni:

- Cô đừng đi nhé!

- Thưa phụ vương! Sự việc này khó lòng từ chối được. Hiện phu nhân đang đợi con đến để xuất gia.

Vua đồng ý và hứa cho cây Bồ-đề không thể dùng dao rựa chặt.

Mục-kiền-liên-tử-đế-tu tâu:

- Lúc còn tại thế, Đức Thế-Tôn có căn dặn năm điều:

1. Khi vua A-dục đem cây Bồ-đề cho nước Sư-tử không dùng dao rựa chặt. Cành cây phía Nam sẽ tự gãy ra, rơi xuống chậu bằng vàng.

2. Nhánh Bồ-đề ấy sẽ bay lên hư không, vượt qua các tầng mây và ở trên đó.

3. Sau ba ngày nhánh cây tự hạ xuống trong chậu vàng. Lá cây vàng óng, xum xuê tươi tốt, trái ra đều khắp các cành.

4. Vua nước Sư-tử muốn có được xá lợi của ta, trước hết phải làm các việc thần biến.

5. Nếu ai muốn có hình tướng của ta hãy đến nước Sư-tử sẽ được thấy ta như khi ta còn tại thế.

Vua A-dục nghe xong vui mừng lập nguyện:

- Nếu Phật đã hứa cho lấy cành Bồ-đề thì hãy khiến cho tất cả cành trên cây đều hướng về phía Nam. Nếu Phật đã hứa đến nước Sư-tử thì cành cây tự rơi xuống cắm vào chậu vàng, cây Bồ-đề trở lại như cũ.

Nguyện xong, vua cho đem đất thơm để đầy chậu vàng. Xế chiều ngày mười lăm tháng tám, vua cho thợ vẽ vào chỗ cong của cành cây. Vừa vẽ xong mười nét thì nét thứ nhất ra rễ, nét sau cùng đứt ra. Rễ cái dài bốn tấc, lại sanh ra rễ con. Cành cây đâm chồi, ra lá xum xuê như võng lưới. Cành lớn cao mười khuỷu tay, mọc ra năm cành nhỏ, mỗi cành cao bốn khuỷu tay. Mỗi cành nhỏ lại kết một trái. Từ năm cành ấy lại đâm ra cả ngàn cành nhỏ nữa.

Vua A-dục thấy sự thần biến ấy vui mừng khôn xiết, hướng về phía cây reo lớn. Chúng Tăng cũng xướng họa theo. Tiểu vương, quần thần cùng mọi người cho đến địa thần cũng kinh ngạc reo lớn. Tiếng reo ấy thấu suốt hư không, lên đến cõi Phạm thiên.

Cành Bồ-đề từ trên cây rơi xuống chậu vàng đã có một trăm rễ. Mười rễ cái mọc thẳng xuống đâm thủng đáy chậu, chín mươi rễ con mọc ra quanh chậu. Qua một ngày đêm, cành cây cứ thế lớn lên thêm. Khi ấy mặt đất rung động sáu cách. Trên không trung chư Thiên trỗi nhạc. Núi, rừng, cây cối lay động như dáng người đang vui múa. Thiên nhơn vỗ tay, Dạ xoa sung sướng reo cười, A-tu-la vương ca tụng tán thán, Phạm vương hân hoan. Bỗng sấm chớp vang rần hư không, thú

bốn chân vừa chạy vừa kêu, muôn chim chao liệng cất tiếng hót vang.

Trái Bồ đế phát ra ánh sáng sáu màu, chiếu khắp cõi Ta-bà, lên đến cõi Phạm thiên. Cùng khi ấy, cây Bồ-đề bay lên hư không, ở trên đó bảy ngày. Mọi người chỉ nhìn thấy ánh sáng, không nhìn thấy cây đâu cả.

Vua A-dục vội rời tòa cúng dường cây Bồ-đề. Trải qua bảy ngày, cây Bồ-đề lại phóng ánh sáng, chiếu khắp thế giới Ta-bà, lên đến cõi Phạm thiên. Sau đó cây thu ánh sáng, khắp các cành lá đều ra trái, hạ xuống chậu vàng. Bầu trời trở lại trong xanh. Thấy vậy, vua A-dục vui mừng đem cõi Diêm-phù-lợi cúng dường cây Bồ-đề nhỏ suốt bảy ngày. Sau đó vua lại phong cây Bồ đế làm vua cõi Diêm-phù-lợi bảy ngày nữa.

Ngày mười lăm tháng chín, chúng Tăng bố tát. Từ nơi sinh ra, cây Bồ-đề bay đến dưới cây Sa-la ở phía Đông cửa thành nước Ba-tra-lợi-phất, cành lá xum xuê tươi tốt. Vua A-dục thấy vậy vui mừng, lại phong cây Bồ-đề làm vua cõi Diêm-phù-lợi.

Khi ấy vua A-dục bảo Tăng-già-mật-đa:

- Bây giờ cô có thể lên đường.

- Phải đấy! Thưa phụ vương. Con xin từ giã!

Vua A-dục liền sắp xếp cho tám bộ quỷ thần theo bảo vệ cây Bồ-đề. Ngoài ra còn có tám vị đại thần, tám vị Bà-la-môn, tám vị cư sĩ, tám vị Câu-ba-già, tám vị Lộc-la-xa, tám vị Ca-lăng-già cùng đi theo. Vua lại cho tám bồn vàng, tám bồn bạc để đựng nước tưới cây. Mọi người đều làm theo lời căn dặn của vua.

Khi ấy vua cùng mọi người nhiễu quanh cây Bồ-đề rồi tiễn lên đường. Thiên nhơn, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la ngày đêm cúng dường. Lúc đến Đa-ma-phiêu, vua tự vác cây Bồ-đề lội xuống nước ngập đến tận cổ, rồi mới đắt cây lên thuyền cho Tỳ-kheo-ni. Vua gọi:

- Này A-phiêu-xoa! Cây Bồ-đề này ở nước ta, ta đã ba lần phong cho cây làm vua cõi Diêm-phù-lợi. Ta lại đích thân vác cây lội xuống nước ngập đến tận cổ để đặt lên thuyền. Ta dặn ngươi, khi cây Bồ-đề về đến nước Sư-tử, ngươi nên bảo vua của ngươi lội xuống nước ngập đến cổ rước cây Bồ-đề, vác lên bờ và cúng dường mọi thứ như ta đã cúng dường.

Vua dạy xong, mọi người cho thuyền rời bến. Nơi vùng biển thuyền đi qua, trong khoảng một do tuần không hề có một gợn sóng.

Thuyền đã ra khơi, vua nghĩ: "Cây Bồ-đề của Phật nay đã rời khỏi nước ta". Nghĩ đến đó, vua không cầm được nước mắt, cứ đứng trông

theo mãi. Khi ấy trên mặt biển đủ loại hoa nổi lên theo sau thuyền cúng dường. Trên hư không chư Thiên rãi hoa, trỗi nhạc cúng dường. Thủy thần cũng cúng dường như thế.

Những sự việc ấy dần dần thấu đến cung Long vương. Long vương lập tức xuất hiện, muốn đoạt lấy cây Bồ-đề. Tỳ-kheo-ni liền vận thần thông hóa làm chim chúa Cánh vàng. Long vương sợ hãi đảnh lễ thưa:

- Nay tôi muốn thỉnh cây Bồ-đề cùng đại đức về long cung cúng dường trong bảy ngày.

Tỳ-kheo-ni nhận lời, cùng cây Bồ-đề và đại chúng theo Long vương xuống long cung. Long vương nhường vương vị của mình cho cây Bồ-đề. Sau bảy ngày cúng dường, Long vương đích thân tiễn cây Bồ-đề cùng đại chúng đến bến Câu-na-vệ xứ Diêm-phù.

Từ khi cây Bồ-đề rời bến, vua A-dục đứng trên bờ trông theo cho đến khi không còn nhìn thấy cây nữa mới than khóc trở về.

Tại nước Sư-tử, vua Thiên-ái-đế-tu đang cho sửa sang đường sá bằng phẳng như bàn tay từ trong thành dẫn đến bãi Câu-na-vệ.

Tỳ-kheo-ni Tăng-già-mật-đa dùng thần lực khiến cho vua đang ở trong cung thành nhìn ra xa thấy cây Bồ-đề đã về đến.

Vua vội ra bến Câu-na-vệ, lội xuống nước ngập đến tận cổ đón cây Bồ-đề. Khi ấy cây Bồ-đề phóng ánh sáng sáu màu. Vua nhìn thấy vui mừng liền đội cây lên bờ. Mười sáu dòng họ lớn, kì cựu trong nước đều theo vua ra đón. Cây lên đến bờ, vua đem nước Sư-tử cúng dường cây trong ba ngày. Mười sáu dòng họ lớn biết đây là việc nước của vua. Nên đến ngày thứ tư, họ vác cây Bồ-đề lần lượt đi qua nước A-thố-la-đà. Nhân dân cả nước vui mừng lễ bái cúng dường.

Quá trưa ngày mười bốn tháng mười, cây Bồ-đề theo cửa phía Bắc vào giữa thành, rồi đi ra cửa phía Nam cách năm trăm cung. Đây là chỗ mà chư Phật trong quá khứ đều vào Tam muội. Cây Bồ-đề của Phật Câu-na-vệ tên Ma-ha-diệu-sa-bà. Cây Bồ-đề của Phật Câu-na-hàm tên Ưu-đàm-bát. Cây Bồ-đề của Phật Ca-diếp tên Câu-ni-đà.

Ở nước Già-di, Sa-di Tu-ma-na đang tiến hành đắp nền, cũng đã tính toán sắp đặt phòng ốc, nơi trồng cây Bồ-đề, nơi tôn trí phòng của vua... tất cả đều ngay thẳng. Mười sáu dòng họ lớn thấy vậy đều khâm phục, cùng nhau nhiễu quanh nền đất phòng vua. Khi vừa đặt cây vào vị trí. Cây liền bay lên hư không cao tám mươi khuỷu tay, phóng hào quang sáu màu chiếu khắp nước Sư-tử, lên đến cõi Phạm thiên. Mọi người thấy sự biến hóa đó vui mừng khôn tả. Cả vạn người cùng một lúc đồng niệm Phật, lần lượt xuất gia, đắc quả A-La-hán.

Mặt trời chưa tắt cây Bồ-đề vẫn còn trên hư không. Mặt trời lặn, sao Lâu, sao Tuệ và cây Bồ-đề đều hạ xuống. Mặt đất rung động. Tỳ-kheo Ma-sẩn-đà, Tỳ-kheo-ni Tăng-già-mật-đa, vua cùng dân chúng đều tụ tập dưới cây Bồ-đề. Trên cành phía Bắc có một trái chín rơi xuống để cúng dường Ma-sẩn-đà. Ma-sẩn-đà đem hạt bảo vua trồng. Vua liền gieo hạt vào chậu vàng, đem đất tốt lấp lại, lấy hương thơm rãi lên trên. Trong phút chốc, hạt ấy mọc lên tám cây. Mỗi cây đều cao bốn khuỷu tay, vua nhìn thấy, kinh ngạc, ngợi khen, đem dù trắng che cho cây và phong cho cây nhỏ làm vua. Sau đó vua cho đem tám cây Bồ-đề nhỏ lần lượt trồng ở bến Câu-na-vệ xứ Diêm-phù, thôn Bà-la-môn Bạc-câu-la, Thực-môn, vườn thờ tháp, chùa Ma-hê-thủ-la, ngọn núi giữa Chi-đế-da, thôn Lâu-hê-na, thôn Võng-la.

Bốn trái trên cây cũng lần lượt chín, rơi xuống, gieo lên ba mươi hai cây đều được trồng trong vườn Do-tuần... cứ như thế lần hồi trồng khắp nước Sư-tử. Từ khi có cây Bồ-đề, trong nước luôn an ổn không có các tai ương hiểm họa.

Phu nhân A-thố-la cùng ngàn người nữ đến xin xuất gia với Tăng-già-mật-đa, làm Tỳ-kheo-ni, lần lượt đắc quả A-La-hán. A-phiêu-xoa và năm trăm người cùng xuất gia với Ma-sẩn-đà và lần lượt đắc A-La-hán.

Một ngày nọ, vua cùng Ma-sẩn-đà đến đảnh lễ cây Bồ-đề. Khi qua Thiết Điện, nhân dân đem hoa dâng vua.Vua cúng lại cho Ma-sẩn-đà. Ma-sẩn-đà lại đem hoa cúng dường Thiết Điện. Hoa vừa rơi xuống, mặt đất rung động. Vua liền hỏi:

- Thưa pháp sư! Vì sao mặt đất bỗng nhiên rung động?

- Này đại vương! Tương lai chúng Tăng sẽ thuyết giới tại điện này, nên mặt đất hiện điềm như thế.

Hai người lại đến vườn Am-la. Có người đem trái Am-la thơm ngon dâng vua. Vua lại dâng cúng Ma-sẩn-đà. Ma-sẩn-đà dùng xong đưa hạt bảo vua trồng. Vua liền đem trồng, dùng nước tưới lên đất, mặt đất đều rung động. Vua hỏi:

- Thưa pháp sư! Vì sao mặt đất lại rung động?

- Này đại vương! Tương lai chúng Tăng sẽ vân tập tại đây, nên có điềm này.

Vua liền rãi hoa, đảnh lễ giả từ. Đến xứ Chi-đề-na có người đem hoa Chiêm-bặc dâng vua. Vua lại dâng cho Ma-sẩn-đà. Mặt đất lại rung động. Vua hỏi:

- Thưa đại đức! Vì sao mặt đất lại rung động?

- Này đại vương! Tương lai nơi đây sẽ xây đại tháp của Phật, nên có điềm lành này.

- Nay con sẽ xây tháp.

- Đại vương không cần xây, đại vương dã làm nhiều việc rồi. Tương lai, vương tôn Mộc-xoa-ca-ma-ni-a-Bà-da sẽ xây đại tháp.

- Thưa đại đức! Da- cháu của ta có được gieo phước này không?

- Không, thưa đại vương.

Vua Thiên-ái-đế-tu liền cho khắc dòng chữ:"Tương lai, cháu của ta là Mộc-xoa-ca-ma-ni-a-Bà-da xây đại tháp của Phật tại đây" lên trụ đá cao hai trượng.

(Trích luật Thiện Kiến, luận Tỳ Bà Sa quyển ba).

6. CA-LA-VIỆT CÙNG BỐN NGƯỜI XÂY THÁP, ĐƯỢC PHƯỚC BÁO BÀN TAY TUÔN MƯA BẢY BÁU:

Ngày xưa trong nước vua A-dục có một người tên Ca-la-việt. Anh ta đã thỉnh hai mươi ngàn vị Tỳ-kheo cúng dường suốt một năm. Việc này truyền đến tai vua. Vua cho triệu anh ta vào cung hỏi:

- Trẫm nghe nói nhà khanh rất giàu có, của cải gồm những thứ gì?

- Tâu bệ hạ! Thật sự nhà thần không có tài sản gì cả.

Vua không tin, giữ Ca-la-việt lại, cho người đến xét nhà. Sứ giả đến nơi, thấy bảy lớp nhà cửa phòng nhà đều bằng bảy báu, đẹp hơn hoàng cung, phụ nữ cũng đẹp hơn cung nữ. Nhưng không thấy lúa gạo, gấm vóc, tiền bạc của báu đâu cả. Sứ trở về tâu vua. Vua vẫn chưa hiểu ra. Ca-la-việt bỗng mĩm cười. Vua hỏi:

- Khanh cười gì thế?

- Tâu bệ hạ! Có lẽ chưa thấy nên bệ hạ chưa thể tin được.

Nói xong Ca-la-việt đưa tay chỉ về phía Đông, bảy báu rơi xuống như mưa, chỉ về phía Nam, bảy báu cũng rơi xuống không thể tính đếm được. Vua cho Ca-la-việt về, rồi lập tức nghiêm giá đến Tinh xá gần hoàng cung. Gặp các vị Tỳ-kheo, vua cung kính đảnh lễ, hỏi vị thượng tòa:

- Bạch đại đức! Đời trước Ca-la-việt tạo phước gì mà đời này tự nhiên nghĩ đến của báo liền có?

Vị thượng tòa vào cảnh Tam muội, quan sát tâm niệm của chúng sanh trong khoảng bốn trăm do tuần, Ngài liền thấy đời trước của Ca-la-việt. Vào thời Phật Duy-vệ có bốn người cùng tạo chùa tháp. Trong đó có một người dụng ý rất ân cần tha thiết. Sau khi chùa tháp hoàn thành,

người kia đem bảy báu vàng, bạc... cùng các thứ hoa đẹp trộn lẫn vào nhau rồi đem lên tầng tháp thứ ba rải khắp bốn phía. Và cầu nguyện đời sau được phước báu không dứt. Người đó nay chính là Ca-la-việt.

Vua nghe xong, tu tạo vô lượng công đức.

(Trích kinh Thí Dụ quyển một)

7. TU-ĐẠT XÂY THÁP THỜ TÓC, MÓNG CỦA PHẬT:

Đức Thế Tôn đi du hóa lâu ngày ở các nước, trưởng giả Tu-đạt luôn nhớ thương trông chờ, nên đến bạch Phật:

- Xin đức Thế Tôn để lại cho con một ít vật riêng để thường được cúng dường.

Phật liền lấy tóc và móng cho trưởng giả. Trưởng giả xin Phật cho dựng tháp tôn thờ. Được Phật đồng ý, trưởng giả trở về Xá-vệ dựng tháp tôn thờ với cột trụ chạm trổ đủ màu.

(Trích luật Thập Tụng, Thiện Tụng quyển một)

8. TIÊN NHƠN ĐƯỢC GIÁO HÓA, DỰNG THÁP THỜ TÓC, MÓNG CỦA PHẬT:

Phật đến nước Nguyệt-chi thu phục nữ La-sát ở phíaTây. Trong hang đá hồi ấy Đức Phật tá túc đến nay vẫn còn hình bóng của Ngài. Một hôm có người vào bên trong xem thì không thấy nhưng ra khỏi cửa hang liền thấy một luồng sáng như hình của Phật.

Có hôm Phật đến núi của tiên nhân Lệ-bạt-đà ở nước Kế-tân, đứng trên hư không hàng phục vị tiên này.

Tiên nhân thưa:

- Bạch Thế Tôn, con thích ở núi này, xin Phật cho con một ít tóc và móng để xây tháp cúng dường.

Nay tháp ấy vẫn còn ở núi này. Ngoài tháp còn có chùa Ly việt, còn gọi là chùa Lệ-bạt-đà.

(Trích luận Đại Trí quyển mười hai)

9. THIÊN NHƠN DỰNG THÁP THỜ RĂNG VÀ XƯƠNG KHUYẾT BỒN CỦA PHẬT:

Thỉnh được chiếc răng phải và xương khuyết bồn phải của Phật, tiên nhân xây tháp tôn thờ tại châu Sư-tử cõi trời Đao-lợi. Nay tháp vẫn còn nơi cung của Đế thích.

(Trích Thiện Kiến Tỳ-Bà-Sa quyển hai)

10. ĐỒNG TỬ ĐẮP CÁT LÀM THÁP:

Lúc Phật đến nước Ba-la-nại, ở đây có năm trăm đồng tử kết bạn với nhau. Một hôm chúng cùng đến chơi ở bờ sông. Cả nhóm đắp cát làm tháp, đứa nào cũng tranh nhau: "Tháp của mình đẹp nhất, các cậu hãy bắt chước cách của mình".

Năm trăm đồng tử này tuy có tâm lành, nhưng vì phước đời trước mỏng, nên hôm ấy trời bỗng đổ mưa lớn. Trong phút chốc nước sông dâng cao, năm trăm dồng tử đều bị chết chìm. Hay tin, cha mẹ chúng gào khóc, cùng nhau kíêm tìm thi thể để an táng nhưng chẳng ai thấy đâu cả. Họ đến gặp Phật, Phật dạy:

Các vị chớ buồn than oán trách, chỉ vì quí vị không biết việc đời trước. Những đồng tử này phải trả túc nghiệp như thế. Nay hết thảy đều được sanh lên cung trời Đâu Suất rồi.

Nói xong Phật phóng hào quang khiến cho những người này thấy được con của mình đang ở cõi trời Đâu suất. Cùng lúc ấy năm trăm đồng tử đều xuống chỗ Phật rải hoa cúng dường, được Phật ngợi khen:

- Hay thay! Các đồng tử nhờ đắp cát làm tháp mà được sanh lên trời, được gặp Phật Di-lặc.

Khi ấy mỗi đồng tử đều an ủi cha mẹ chớ âu sầu, hãy nổ lực tinh tấn tu tập. Sau đó chúng nhiễu quanh Phật ba vòng, đảnh lễ rồi bay về trời.

(Trích kinh Ngũ Bách Ấu Đồng và kinh Bổn Sanh quyển bốn)

11. DI HẦU DÙNG ĐẤT ĐÁ LÀM THÁP:

Phật ở nước La-duyệt-kì sai La-hán Tu-mạn đem tóc và móng của Phật đến ngọn núi phía Nam nước Kế-trân dựng một ngôi tháp tôn thờ. Trong chùa này có năm trăm vị La-hán thường chung sống, sớm hôm đốt hương nhiễu pháp lễ bái. Khi ấy có năm trăm chú khỉ nhìn thấy các Ngài cúng dường như thế mới dẫn nhau đến bên một khe suối sâu, lấy bùn đất xây tháp Phật. Chúng dựng một thân cây làm chùa rồi treo lên một tràng phan cũ rách, ngày đêm cùng lễ bái. Một hôm, nước lũ dâng lên tràn ngập, năm trăm chú khỉ đều bị chết trôi, thần thức sanh lên cung trời Đao Lợi liền dùng thiên nhãn thấy được đời trước của mình, nên cùng nhau đem hoa hương đến rải trên thi hài cũ, đồng thời trổi kỹ nhạc và đi nhiễu quanh thi hài bảy vòng. Các vị Trời từ xa trông thấy cũng rải hoa tấu nhạc, nhiễu quanh thi hài các chú khỉ. Khi ấy có năm trăm Bà-la-môn ngoại đạo tà kiến đến hỏi thiên nhơn:

- Tại sao quý vị lại hạ mình cúng dường những xác khỉ này?

Thiên nhơn đáp:

- Đây là thân cũ của chúng tôi. Trước đây còn ở thế gian, chúng tôi chơi đùa, bắt chước các vị Sa-môn làm tháp. Nhờ đó mà nay được quả báo sanh lên cõi trời. Các vị là những kẻ tà kiến, dù trải qua trăm kiếp siêng năng khổ nhọc cũng không được gì cả. Chi bằng hãy cùng nhau đến núi Kỳ-xà-quật lễ bái cúng dường thì phước ấy thật vô cùng.

Năm trăm Bà-la-môn nghe xong vui mừng cùng nhau đến chỗ Phật năm vóc đảnh lễ sát đất, rải hoa cúng dường.

(Trích kinh Pháp Cú Thí Dụ quyển một)

12. BỐN THÁP Ở CÕI TRỜI:

Trên cõi trời Đao-lợi, trong vườn Chiếu-minh phía Đông thành có tháp thờ tóc Phật. Trong vườn Thô-sáp phía Nam thành có tháp thờ móng Phật. Trong vườn Hoan-hỷ phíaTây thành có tháp thờ bát Phật. Trong vườn Giá-ngự phía Bắc thành có tháp thờ răng Phật.

(Trích Tập Kinh Sao, luận Trí Độ ghi: Đế thích đem tóc và y báu của Phật dựng hai tháp thờ ở ngoài cửa thành phía Đông.)

13. BỐN THÁP Ở NHÂN GIAN:

Tháp Phật đản sanh được xây ở nước Ca-duy-la-vệ, là một nước nằm ở trung tâm trời đất. Tháp Phật thành đạo được xây dưới cây Nguyên-cát ở đạo tràng Thiện-thắng nước Ma-kiệt-đà. Tháp Chuyển pháp luân xây trong vườn Lộc-dã nơi ở của tiên nhơn thuộc nước Ba-la-nại. Tháp Bát Niết-bàn xây giữa những cây Tú lâm song thọ lãnh thổ của vua Lực-sĩ nước Câu-thi-la.

(Trích Tập Kinh Sao)

14. THÁP THỜ XƯƠNG CỦA MA-HA-TÁT-ĐỎA:

Thuở xưa có vị vương tử tên Ma-ha-tát-đỏa. Một hôm vương tử vào rừng du ngoạn, gặp một con hổ mẹ mới sanh bảy chú hổ con, đã nhiều ngày không được ăn uống, nên đói sắp chết. Vương tử liền cởi y phục, lấy cây trúc đâm vào cổ mình rồi lao từ trên cao xuống, nằm sóng soài trước mặt hổ mẹ. Hổ mẹ từ từ liếm máu rối ăn luôn thi thể vương tử.

Hôm ấy đại vương và người trong nội cung hay tin thái tử không trở về, lập tức cho người đi tìm. Sứ giả trở về tâu lại sự việc. Vua ra lệnh thâu lượm số xương còn lại của vương tử đem về xây tháp bảy báu tôn thờ.

(Trích kinh Kim Quang Minh quyển bốn)

15. PHẬT HIỆN THÁP XÁ LỢI KHI CÒN TU ĐẠO BỒ-TÁT:

Một hôm có một toà tháp bảy báu từ dưới đất nổi lên. Đức Thế Tôn rời toà đảnh lễ tháp. Thấy vậy, vị thọ thần ở Bồ-đề đạo tràng thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai là bậc tối thắng, tối tôn vì sao lại lễ tháp này?

Phật bảo:

- Vì trong tháp này có toàn thân xá lợi của ta khi còn tu hạnh Bồ-tát, nhờ thân này mà ta sớm thành Phật đạo.

Phật lại bảo Ngài A-nan mở cửa tháp đem xá lợi cho đại chúng xem. Ngài A-nan mở tháp rồi mở hộp báu, hiện ra xá lợi màu trắng hồng.

Phật bảo:

- Đó chính là sự kết tinh do huân tu giới-định-tuệ. Khó khăn lắm mới có thể thành tựu phước điền tối thượng này.

Đại chúng nghe xong đều vui mừng cung kính đảnh lễ.

(Trích kinh Kim Quang Minh quyển bốn)

16. VUA CẤM MỊ XÂY THÁP THỜ XÁ LỢI PHẬT CA-DIẾP:

Thời Phật Ca-diếp có vua tên Cấm-mị. Sau khi Phật nhập Niết-bàn, vua liền đem vàng bạc xây tháp rộng nửa do tuần, cao một do tuần tôn thờ xá lợi. Vàng bạc chất làm hào đến nay vẫn còn trong lòng đất. Lúc ấy đức Ca-diếp Như Lai ra khỏi tháp cho đại chúng nhìn thấy toàn thân xá lợi của Phật vẫn nghiêm trang không hư rã.

(Trích luật Sa-di Tắc quyển ba mươi)

17. TRÙNG TU THÁP CŨ CỦA PHẬT CA DIẾP:

Phật Ca-diếp vào Niết-bàn, sau khi trà tỳ, xá lợi của Phật được dân chúng xây tháp bảy báu tôn thờ, hết lòng cung kính cúng dường. Trải qua nhiều đời không có người sửa sang, tháp tự hư hoại. Vùng ấy có ấp Nghĩa Hiệp dân số chín mươi ba ngàn người, vua Bình-sa là trưởng ấp. Một hôm vị trưởng ấp bảo mọi người:

- Quý vị mỗi người hãy tự nổ lực, cùng nhau tạo phước đức. Vì Phật ra đời thật khó gặp, được thân người cũng thật khó. Tuy được làm người nhưng có người lại sanh vào vùng biên địa, có người sanh vào nhà tà kiến. Chúng ta thì sao? Nếu chúng ta say đắm dục lạc ở đời chi bằng vui thích sửa sang chùa tháp cũ.

Mọi người nghe lời cùng nhau sửa tháp và cùng phát nguyện:

"Nếu có phước đức thì hồi hướng không bị rơi vào tam đồ bát nạn, cùng được sanh lên cõi trời, gặp Phật Thích Ca, trong hội thuyết pháp đầu tiên được độ thoát, ngôi vua là cao nhất".

Khi dân chúng ấp ấy mạng chung đều được sanh lên cõi trời Đao-lợi. Trải qua nhiều đời, đến khi đức Phật Thích Ca ra đời, chín mươi ba ngàn người này đều sanh vào nước Ma-kiệt-đà, vua là Bình-sa.

(Trích kinh Phổ Diệu quyển chín)

18. VUA ĐỨC CHỦ XÂY NĂM TRĂM THÁP:

Thuở xưa có vị Chuyển luân vương tên Đức-chủ đã từng xây năm trăm tháp, cao năm trăm do tuần trong một ngày.

(Trích luận Đại Trí quyển năm mươi bảy)

19. THÁP BÁU TỪ DƯỚI ĐẤT NỔI LÊN:

Một hôm, ở trước Phật có tháp bảy báu cao năm trăm do tuần, rộng hai trăm năm mươi do tuần từ dưới đất nổi lên, đứng trên hư không.

Tháp gồm năm ngàn lan can, vạn ức phòng nhà được trang trí rực rỡ bằng nhiều vật báu. Vô số chuỗi anh lạc rũ xuống, vạn ức linh báu treo đầy trên tháp. Hương thơm của gỗ Đa-ma-la-bạt-chiên-đàn từ bốn cửa tháp thoảng ra cùng khắp thế giới. Tất cả tràng phan bảo cái đều được làm bằng hợp chất bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, chơn châu, hổ phách, cao đến cung trời Tứ-thiên-vương.

Khi ấy cõi trời ba ba rưới hoa Mạn-đà-la cúng dường tháp báu, tám bộ chúng cũng đem tất cả hương hoa, anh lạc, tràng phan, bảo cái, kỷ nhạc đến cúng dường. Bỗng trong tháp vang ra tiếng khen lớn: "Hay thay! Phật Thích-ca-mâu-ni có thể đem trí tuệ bình đẳng cùng pháp giáo hóa Bồ-tát dạy cho đại chúng". Bốn chúng nghe từ trong tháp phát ra lời nói như thế đều được pháp hỷ, lấy làm lạ chưa từng có.

Trong tháp báu này có toàn thân của Phật Đa-bảo thời quá khứ, ở nước Bảo-tịnh cách đây vô lượng ngàn muôn thế giới về phương Đông. Lúc Phật Đa-bảo còn tu hạnh Bồ-tát có phát thệ nguyện lớn: "Nếu ta thành Phật thì sau khi diệt độ, trong cõi nước ở mười phương có nơi nào nói kinh Pháp Hoa, tháp của ta vì nghe kinh sẽ hiện ra trước chỗ đó làm chứng minh. Nếu có người nói kinh Pháp Hoa, toàn thân xá lợi của ta ở trong tháp sẽ khen: Hay thay! Hay thay!"

Bồ-tát Đại-nhạo-thuyết bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con muốn được thấy toàn thân xá lợi của Phật Đa-bảo.

Phật bảo:

- Phật Đa-bảo có nguyện sâu nặng: "Khi tháp của ta vì nghe kinh pháp hiện ra trước các Đức Phật, Đức Phật nào muốn đem thân ta chỉ cho đại chúng xem thì các Đức Phật phân thân của vị Phật ấy ở trong mười phương đều nhóm về một chỗ, sau đó thân ta sẽ hiện ra".

- Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng muốn nhìn thấy những vị Phật phân thân của Đức Thế Tôn.

Khi ấy nơi bạch hào của Phật phóng ra một luồng sáng. Cùng lúc, các Đức Phật ở mười phương đều bảo các vị Bồ-tát: "Này thiện nam tử! Nay ta phải qua cõi Ta-bà, cõi nước của Phật Thích-ca-mâu-ni để cúng dường tháp báu của Phật Đa-bảo".

Khi ấy cõi Ta-bà liền biến thành thanh tịnh, đất bằng lưu ly, cây báu trang nghiêm, vàng rồng làm dây ngăn tám đường, không có các tụ lạc thôn xóm, thành ấp, biển cả, sông ngòi, núi non, rừng rậm. Trời người đều dời đến nước khác, khắp nơi đốt hương báu lớn.

Mỗi Đức Phật ở mười phương đều đem theo một vị Bồ-tát làm thị giả, qua thế giới Ta-bà, đến dưới cây báu. Dưới mỗi cây báu đều có tòa sư tử cao năm trăm do tuần. Chư Phật mười phương đều đã đến ngồi ở tám phương và đều muốn mở tháp báu. Đức Phật Thích-ca-mâu-ni liền rời tòa, bay lên đứng trên hư không. Tất cả bốn chúng cũng đều đứng dậy chắp tay một lòng nhìn Phật. Phật đưa tay phải mở cửa tháp báu vang ra tiếng lớn như mở ổ khóa cửa thành lớn. Tất cả chúng hội đều nhìn thấy Phật Đa-bảo ngồi tòa sư tử trong tháp báu, toàn thân không rã như đang nhập định. Rồi lại nghe Phât ấy nói: "Hay thay! Hay thay! "Phật Thích-ca-mâu-ni sắp nói kinh Pháp Hoa, ta vì nghe kinh này mà đến đây".

Bốn chúng... thấy Đức Phật đã diệt độ cách đây vô lượng ngàn muôn ức kiếp nói lời như thế đều vui mừng đem hoa báu cõi trời tung rải trên Phật Đa-bảo và Phật Thích-ca-mâu-ni.

Đức Phật Đa-bảo ở trong tháp báu chia nửa tòa cho Phật Thích-ca-mâu-ni ngồi. Đức Phật Thích-ca liền ngồi lên nửa tòa ấy và dùng thần thông tiếp hàng đại chúng cùng lên hư không.

(Trích kinh Diệu Pháp Liên Hoa quyển bốn)

20. XÁ LỢI CHƯ PHẬT TRONG THÁP KIM CƯƠNG:

Phật bảo đại chúng:

- Ta nhớ thuở xưa khi còn tu tạo công đức, bỏ thân này thọ thân khác nhiều vô số. Nay ta sẽ nói về sự hình thành của một thân: Quả đất

này dày tám mươi bốn muôn ức dặm. Kế đến là lớp gió, lớp nước, lớp lửa, lớp cát, lớp kim cang, mỗi lớp đều dày tám mươi bốn muôn ức dặm. Toàn thân xá lợi và xá lợi nhỏ của chư Phật đều ở trong tháp kim cang của lớp kim cang này. Tháp kim cang cũng dày tám mươi bốn muôn ức dặm, còn gọi là tháp Diệu Hương. Phật hiệu Bất Trụ, đầy đủ mười hiệu, hiện đang thuyết pháp.

(Trích kinh Bồ-tát Xứ Thai quyển hai)

21. XÂY THÁP GIỮA CHỪNG HỐI HẬN, ĐỜI SAU LÀM CÁ KÌNH:

Ngày xưa có vị Sa-môn gia đình giàu có phát tâm dùng gỗ chiên đàn và bảy báu xây dựng chùa tháp. Lúc đang làm thì có năm trăm vị sa-môn từ phương xa đến. Năm trăm vị hiền giả trong nước đều đem y phục ca sa cúng dường năm trăm vị Sa-môn ấy.

Thấy vậy, dân chúng đều đến thưa với chủ chùa: "Những người từ xa đến phải đi ngay, chúng tôi sẽ đuổi họ. A-xà-lê thường trụ sẽ làm chủ chùa".

Sa-môn ấy suy nghĩ: "Công đức của ta chất cao như núi Tu-di, không thể tính kể, vậy mà dân chúng không giúp đỡ ta xây dựng chùa tháp để cúng dường tất cả những người nghèo khó hay giàu sang khắp xa gần" nghĩ xong liền châm lửa đốt chùa tháp.

Sau khi chết đi Sa-môn ấy bị đoạ vào địa ngục, súc sanh, mỗi nơi chín mươi kiếp. Sau đó làm cá kình ở trong biển, thân dài bốn mươi dặm, mắt lớn như mặt trời, mặt trăng, răng dài hai mươi ngàn dặm trắng toát như núi Tuyết, lưỡi rộng bốn mươi ngàn dặm đỏ như núi lửa, miệng rộng năm mươi ngàn dặm.

Một hôm có năm trăm người vào biển tìm châu báu, đây chính là những người đã cúng dường y cho năm trăm vị Sa-môn. Vì nhân duyên đời trước, lúc ấy cá kình há miệng ra uống nước khiến cho thuyền của những người kia bị hút đi thật nhanh. Mọi người trên thuyền khiếp sợ, cùng nhau niệm Nam-mô-Phật. Cá kình nghe âm thanh ấy liền ngậm miệng lại lắng nghe, mặt nước trở lại bình thường. Cá kình lại nghe trên thuyền có tiếng tụng kinh, nước mắt tuôn trào và nghĩ đã từ lâu không được nghe âm thanh này. Từ hôm đó, cá kình không buồn ăn uống. Qua bảy ngày, nó chết trong biển, xác nổi lên bờ, thần thức sanh vào một gia đình theo chánh pháp. Vừa sanh ra, cậu bé đã biết nói và biết được đời trước của mình. Năm lên tám, cậu bé xuất gia tu tập, đắc quả A-La-hán, liền đến bờ biển kia, thấy xương thân cũ của mình chất cao như núi. La-

hán ngậm ngùi quán sát đầu lâu suốt bảy ngày.

Chỉ vì đốt chùa tháp, vị Sa-môn ấy phải đọa đường ác trong một trăm tám mươi kiếp.

(Trích kinh Thí Dụ quyển bốn)

B. TẠO HÌNH TƯỢNG PHẬT

1. Vua Ưu-điền tạc tượng Phật bằng gỗ Ngưu-đầu-chiên-đàn.
2. Vua Ưu-điền đúc tượng Phật bằng vàng.
3. Vua Ba-tư-nặc đúc tượng Phật bằng vàng.
4. Vua Ba-tư-nặc tạc tượng Phật bằng gỗ Ngưu-đầu-chiên-đàn.
5. Vua Thiện Dung tạc tượng Phật bằng đá.
6. Hình bóng của Phật.

1. VUA ƯU-ĐIỀN TẠC TƯỢNG PHẬT BẰNG GỖ NGƯU-ĐẦU-CHIÊN-ĐÀN:

Bốn bộ chúng lười biếng nghe pháp, Trời Đế-thích nhân đó thỉnh Phật lên cung trời Đao-lợi thuyết pháp cho hoàng hậu Ma-da trong ba tháng an cư. Đức Như Lai muốn mọi người sanh lòng khát ngưỡng nên không đem theo thị giả, lặng lẽ ra đi.

Một hôm vua Ba-tư-nặc nước Xá-vệ và vua Ưu-điền nước Câu-dực đến hỏi Ngài A-nan Phật đang ở đâu. Ngài A-nan cũng không biết. Hai vua nhớ trông Như Lai đến phát bệnh. Vua Ưu-điền liền ra lệnh cho các thợ mộc khéo trong nước dùng gỗ Ngưu-đầu-chiên-đàn tạc tượng Đức Như Lai cao năm thước (Theo Tăng Nhất A-Hàm quyển mười chín).

Một hôm vua Ưu-điền đến bạch Phật:

- Bạch Đức Như Lai! Sau khi Như Lai diệt độ có người tạc tượng Ngài để cung kính cúng dường sẽ được phước gì?

- Nếu có người tạc tượng Phật thì đời đời sanh ra nơi nào cũng được thân hình hoàn hảo, sau khi chết được sanh lên cõi trời Phạm thiên thứ bảy. Về sau lại sanh lên cõi trời tốt đẹp hơn, thân hình xinh đẹp không ai sánh bằng. Nếu ở cõi Diêm-phù-đề thì thường sanh vào gia đình hào kiệt, sức mạnh xuất chúng, được mọi người yêu kính, giàu có vô cùng, hoặc sanh vào nhà đế vương, công hầu, hiền thiện, hoặc sanh làm Chuyển luân Thánh vương bay đi khắp trời đất, hoặc sanh vào gia đình có truyền thống đạo đức hiếu để, sau khi chết không sa vào ba đường ác.

(Trích kinh Tạc Tượng Nhân Duyên)

2. VUA ƯU-ĐIỀN ĐÚC TƯỢNG PHẬT BẰNG VÀNG:

Trong thời gian Phật lên cung trời Đao-lợi, vua Ưu-điền nhớ Phật không nguôi, liền lấy vàng đúc tượng Phật. Hôm hay tin Phật trở về, vua cho voi chở tượng ra đón, pho tượng trông giống như Phật vậy. Từ xa, vua trông thấy Phật dạo bước trên hư không, có hoa sen đỡ chân và

phóng luồng ánh sáng lớn.

Phật bảo với pho tượng:

- Đời sau ông sẽ làm Phật sự lớn. Sau khi diệt độ ta phó chúc hàng đệ tử lại cho ông. Nếu có chúng sanh nào tạo hình tượng Phật, tôn kính cúng dường thì ở đời tương lai người đó chắc chắn sẽ được Niệm Phật thanh tịnh tam muội.

Phật lại bảo Ngài A-nan:

- Con hãy truyền lời dạy của ta đến hàng đệ tử. Sau khi ta diệt độ, người nào dùng những màu sắc tươi đẹp tạo hình tượng Phật đầy đủ tướng tốt cùng vô lượng hóa Phật, dùng viên pha lê đặt nơi tướng bạch hào của ta, khiến cho người nhìn thấy sanh lòng hoan hỷ. Người này có thể diệt được tội sanh tử trong trăm ức na do tha hằng hà sa kiếp.

(Trích kinh Quán Phật Tam Muội quyển sáu)

3. VUA BA-TƯ-NẶC ĐÚC TƯỢNG PHẬT BẰNG VÀNG:

Một hôm hay tin vua Ưu-điền đúc tượng Như Lai để cúng dường, vua Ba-tư-nặc liền triệu tập thợ khéo dùng vàng tử ma đúc tượng Như lai cao hơn năm thước. Lúc này trong cõi Diêm-phù-đề mới có hai tượng Phật.

(Trích Tăng Nhất A-hàm quyển mười chín)

4. VUA BA-TƯ-NẶC TẠC TƯỢNG PHẬT BẰNG GỖ NGƯU ĐẦU CHIÊN ĐÀN:

Đức Phật lên cung trời Đao-lợi thuyết pháp cho hoàng hậu Ma-da suốt chín mươi ngày. Vua Ba-tư-nặc nhớ mong, muốn được gặp Phật, liền cho thợ dùng gỗ Ngưu-đầu-chiên-đàn tạc tượng Như Lai rồi đặt lên tòa của Ngài.

Sau chín mươi ngày Phật trở về tinh xá, tượng cũng ra đón. Phật bảo tượng: "Ông hãy trở lại chỗ ngồi, sau này ta vào Niết-bàn, ông có thể làm khuôn phép cho bốn bộ chúng". Tượng liền trở về chỗ ngồi.

Đây là pho tượng có sớm nhất trong tất cả các tượng, là khuôn mẫu cho người đời sau.

Sau đó Phật đến ở tinh xá nhỏ bên cạnh tinh xá Kỳ-hoàn, cách tượng hai mươi bộ (33m).

Tinh xá Kỳ-hoàn gồm bảy tầng lầu, các vua tranh nhau xây dựng cúng dường mãi. Một hôm có chú chuột cắn bấc đèn làm cháy tràng phan bảo cái rồi lan ra thiêu rụi cả tinh xá. Các quốc vương và dân chúng đều rất đau buồn, nghĩ tượng chiên đàn đã bị cháy. Nhưng chừng

bốn, năm ngày sau có người mở cửa phía Đông tinh xá nhỏ thì thấy tượng đang ở đó. Mọi người vô cùng vui mừng, chung nhau sửa sang tinh xá. Làm đến tầng thứ hai thì dời tượng về chỗ cũ.

(Trích Ngoại Quốc Đồ Ký)

5. VUA THIỆN DUNG TẠC TƯỢNG PHẬT BẰNG ĐÁ:

Một hôm, vua Thiện Dung (Còn gọi là Vi-đà-thủ-kỳ em vua A-dục) vào núi săn bắn, gặp các vị Phạm chí lõa hình. Có người ăn lá cây, có người hớp gió uống khí, có người nằm trên gai góc. Tự hành hạ mình để cầu được quả thần tiên. Thiện Dung lên tiếng hỏi:

- Quý Ngài làm như thế mà không có kết quả sao?

Phạm chí đáp:

- Vì ở đây có bầy hươu, mỗi khi tôi trông thấy chúng giao hợp với nhau thì tâm dao động không thể kiềm chế được.

Thiện Dung vội bảo:

- Quý vị ăn mặc thiếu thốn cực khổ, thân thể suy yếu như thế mà còn tâm dâm dục, huống gì hàng Sa-môn Thích-tử ăn uống đầy đủ thức ngon vật lạ, y phục tuỳ thời, trang điểm hương hoa. Há không còn tâm dâm dục ư!

Vua A-dục nghe em mình nói như thế thì rất buồn bã lo lắng: “Ta chỉ có một đứa em, nay bỗng nhiên phát sanh nhận thức sai lầm, sợ rằng nó sẽ lún sâu vào những nhận thức ấy. Ta phải giúp nó trừ bỏ sai lầm này”.

Nghĩ rồi, vua ngầm ra lệnh ban kỹ nữ cho Thiện Dung vui chơi hưởng lạc. Sau đó đích thân đến bảo Thiện Dung:

- Sao ngươi dám tự ý đùa cợt vui chơi với cung nữ của ta?

Vua nóng giận muốn giết chết Thiện Dung. Đại thần khuyên:

- Bệ hạ chỉ có một đứa em lại thiếu người nối dõi, xin hãy gia hạn thêm bảy ngày rồi chúng thần sẽ làm theo lệnh.

Nhà vua im lặng đồng ý, rồi bảo quần thần cho Thiện Dung mặc áo, đội mão của mình vào cung vui chơi với cung nữ. Qua bảy ngày, vua cho người đến hỏi Thiện Dung:

- Mấy ngày qua được tự do thoải mái, Ngài có cảm thấy vui sướng không?

Thiện Dung đáp:

- Không thấy không nghe thì vui nỗi gì!

Vua đến hỏi:

- Nhà ngươi cũng vui chơi như ta tại sao nói không thấy không

nghe?

- Thưa vương huynh! Một người khi biết mình sắp chết, tuy thân mạng vẫn còn nhưng chẳng khác nào như đã chết. Nên đâu còn lòng dạ nào say mê năm món dục.

- Nay ngươi chỉ có một thân này đã lo lắng trăm mối, chỉ sợ chết một thân này nên không còn thích thú dục lạc. Huống gì bậc Sa-môn lo nghĩ đến sanh tử trong ba đời. Thân này chết đi lại thọ thân khác, trăm ngàn ức kiếp chịu vô lượng khổ đau hoạn nạn. Tuy có lúc được làm người nhưng lại làm nô bộc cho người khác, cơm áo chật vật thiếu thốn. Nghĩ đến những khổ đau cay đắng này cho nên quý Ngài mới xuất gia tu tập với mục đích cầu được giải thoát, cứu độ chúng sanh. Nếu như quý Ngài không siêng năng tinh cần thì sẽ chịu khổ trong vô số kiếp. Nên ngươi chớ nói như thế.

Thiện Dung nghe xong vỡ lẽ mọi chuyện, tâu vua:

- Nay được nghe vương huynh chỉ dạy em mới tỉnh ngộ, biết được sanh, già, bịnh, chết thật đáng chán xa lo sợ. Ưu buồn khổ đau xoay chuyển vô cùng, vậy xin vương huynh cho phép em xuất gia tu tập.

Vua vui mừng bảo:

- Việc em xin thật đúng lúc.

Thế rồi Thiện Dung xuất gia, vâng giữ giới cấm, ngày đêm tinh cần, không bao lâu đắc quả A-La-hán (Theo kinh Cầu Ly Lao Ngục).

Truyện A-dục vương ghi: “Vua A-dục nghe tin em mình đắc đạo, trong lòng vô cùng vui mừng, cung kính cúi đầu đảnh lễ thỉnh cúng dường suốt đời. Nhưng Tỳ-kheo Thiện Dung đã thệ nguyện ở chốn núi rừng sống hết cuộc đời còn lại, nên vua A-dục liền sai quỷ thần tạo núi cao mấy chục trượng ngay trong nội thành, cấm tuyệt mọi người không được lui tới. Thiện Dung mới nhận lời vua, bán y phục, của cải tạc một bức tượng Phật bằng đá cao một trượng sáu đem vào núi dựng khám tôn thờ.

6. HÌNH BÓNG PHẬT:

Có vị Long vương thỉnh Phật ở mãi trong cung của mình: “Nếu Ngài không ở con sẽ khởi lòng ác thì Ngài không do đâu mà đắc đạo”.

Các vị Phạm-thiên-vương cũng ân cần khuyến thỉnh: “Xin Phật hãy vì lợi ích của tất cả chúng sanh, chớ ở luôn nơi đây”.

Khi ấy Long vương đem cung điện bảy báu dâng Phật. Phật bảo: “Không cần, chỉ đem hang đá của La-sát cho ta là được rồi”.

Phật thâu thần túc, một mình vào thất đá, tự trải tọa cụ ngồi kiết

già. La-sát nữ cùng Long vương tạo năm thất đá dâng cúng bốn vị đại đệ tử và Ngài A-nan.

Trong thất đá, nhận lời thỉnh của vua ở thành Na-tiên-ha và các vua nước khác, Phật vận thần thông ngồi toà hoa sen biến khắp hư không, khiến cho nơi nào cũng được nhìn thấy.

Long vương thấy thế, phát thệ nguyện lớn: "Nguyện cho con ở đời sau thành Phật được như vậy"

Phật nhận lời thỉnh của Long vương ở lại bảy ngày, sau đó thâu thần túc ra khỏi hang đá cùng chúng Tỳ-kheo du hóa khắp nơi, Long vương cũng đi theo. Đến khi Phật trở về nước, Long vương khóc ròng, bạch Phật:

- Xin Đức Thế Tôn đừng bỏ con!

Đức Phật an ủi:

- Ta sẽ ở lại hang động của con thêm một ngàn năm trăm năm nữa.

Long vương cùng quyến thuộc vui mừng chắp tay thỉnh Phật vào hang. Phật ngồi trong hang hiện mười tám thứ thần biến, bay vọt vào hang đá, khiến cho hang đá trong suốt như gương. Phật ngồi bên trong mà bóng hiện bên ngoài. Đứng từ xa thì thấy lại gần thì không thấy. Lúc ấy có trăm ngàn chư Thiên cúng dường bóng Phật, bóng Phật cũng thuyết pháp. Hang đá này cao một trượng tám mét, sâu hai mươi bốn bộ (33m), màu đá trong suốt.

(Theo kinh Quán Phật Tam Muội quyển sáu)

C. CHÁNH PHÁP DIỆT TẬN

Phật dạy: "Ta đem chánh pháp giao lại cho Trời người, pháp của ta ngàn đời không thay đổi".

Phật lại bảo với Đế thích Tứ thiên vương:

- Sau khi ta vào Niết-bàn, các ông mỗi người hãy ở mỗi nơi hộ trì chánh pháp. Qua một ngàn năm sau, cõi Diêm-phù-đề có nhiều tai ương họa hoạn: mưa to gió lớn, nhân dân đói khổ, vật chất ít dần, thức ăn không còn mùi vị, trân bảo biến mất. Phương tây có vua Bát-la-bà, phương bắc có vua Da-Bà-na, phương Nam có vua Thích-ca, phương Đông có vua Đâu-sa-la. Họ và quyến thuộc thường giết hại chư Tỳ-kheo, phá hoại chùa tháp, bốn phương đều loạn lạc.

Bấy giờ chúng Tỳ-kheo tập trung về nước chính giữa là Câu-thiểm-di, vua tên Ma-nhân-đà-la-tây-na. Hoàng hậu của vua sanh một hoàng tử có cánh tay đỏ như máu, thân như áo giáp, có sức mạnh phi thường. Cũng trong ngày ấy, vợ của năm trăm đại thần đều sanh con trai có cánh tay và thân hình giống như hoàng tử. Một hôm trời bỗng tuôn một trận mưa máu, vua thấy điềm xấu lo sợ, đến hỏi thầy tướng. Thầy tướng tâu:

- Nay bệ hạ vừa sanh được một hoàng tử. Sau này hoàng tử sẽ làm vua cõi Diêm-phù-đề có nhiều người giết hại, nên đặt tên cho thái tử là Nan-đương.

Năm tháng dần trôi, hoàng tử đã trưởng thành. Bốn ông vua ác từ bốn phương kéo đến xâm chiếm. Vua Ma-nhân-đà-la-tây-na rất lo sợ, bỗng có vị thiên thần đến bảo: "Đại vương hãy lập Nan-đương lên ngôi, Nan-đương đủ sức đánh bại bốn ông vua ác này".

Theo lời thiên thần, vua liền tập hợp năm trăm đại thần làm lễ quán đảnh truyền ngôi cho hoàng tử. Truyền ngôi xong, vua lập tức ra lệnh thái tử xuất binh diệt trừ những vua ác. Con của các vị đại thần cũng đội mũ mặc áo giáp theo vua đi diệt giặc. Bốn vua ác đều bị tiêu diệt, Nan-đương lên làm vua cõi Diêm-phù-đề trị vì nước Câu-thiểm-di.

Phật lại bảo với Tứ đại thiên vương:

- Sau này ở ấp Ba-liên-phất có Bà-la-môn tên A-kỳ-ni-đạt-đa thông đạt kinh luận Tỳ đà. Bà-la-môn này cưới vợ, vợ ông ta lúc mang thai lại thích tranh luận với người khác. Bà-la-môn đem chuyện này hỏi thầy tướng. Thầy tướng bảo đứa bé trong thai sẽ là một người thông đạt tất cả kinh luận. Quả nhiên, đứa bé sanh ra thông hiểu tất cả kinh luận và giỏi về y dược, làm thầy của năm trăm học trò. Ở trong pháp của ta

đứa bé ấy xuất gia học đạo, thông đạt tam tạng kinh điển, giỏi thuyết pháp, khéo biện tài, thu phục nhiều quyến thuộc.

Trong ấp này lại có vị thương chủ lớn tên Tu-đà-na, vợ ông ta lúc mang thai tánh tình ngay thẳng nhu hoà, đi đứng khoan thai định tĩnh. Vị thương chủ cũng đem chuyện này đến hỏi thầy tướng. Thầy tướng bảo đứa trẻ trong thai rất hiền lành. Đủ tháng, đứa bé được sanh ra và được đặt tên là Tu-la-đà. Tu-la-đà lớn lên theo pháp ta xuất gia, tinh tấn tu học, chứng quả A-La-hán. Song Tu-la-đà lại là người ít học, tu hạnh thiểu dục tri túc, sống rày đây mai đó, hay đến núi Kiền-đà-ma-la thuyết pháp cho vua Nan-đương nghe. Hôm vua Ma-nhân-đà-la-tây-na qua đời, Nan-đương ôm thi thể phụ vương khóc than thảm thiết. Khi ấy vị Tỳ-kheo thông tam tạng thuyết pháp cho Nan-đương nghe, khiến Nan-đương vơi bớt nỗi đau buồn, sanh lòng kính tin Phật pháp nên phát nguyện: “Từ nay về sau con sẽ cúng dường chúng Tăng khiến cho quý vị được an vui vừa ý không còn lo sợ”. Nan-đương lại hỏi:

- Thưa Ngài, trước đây bốn vua ác đã phá hoại Phật pháp trong bao nhiêu năm?

- Trong mười hai năm.

- Vậy thì nay quý Ngài hãy đem giáo pháp giáo hoá cho chúng sanh, con sẽ cúng dường đầy đủ cho năm chúng trong suốt mười hai năm.

Ngày vua Nan-đương thiết lễ cúng dường, trời tuôn mưa thơm, khắp cõi Diêm-phù-đề lúa mạ đều tươi tốt. Nhân dân ở các nơi khác đều đem lễ vật đến nước Câu-thiểm-di cúng dường chúng Tăng. Nhưng cũng từ đó chư Tỳ-kheo, buông lung ba nghiệp, hý luận qua ngày, tham đắm lợi dưỡng, thích se sua quần áo đẹp, khác xa cách thức của người xuất gia. Tuy mang hình dáng Tỳ-kheo nhưng lại là giặc trong giáo pháp. Họ phá cờ chánh pháp, dựng phan ác ma, tắt đuốc chánh pháp, đốt lửa phiền não, làm khô biển chánh pháp, phá cầu chánh pháp, đánh chìm thuyền chánh pháp, nhổ cây chánh pháp.

Khi ấy chư Thiên, Long vương, Quỷ thần đều có ý xấu với chư Tỳ-kheo. Họ chán ghét, xa lánh, không ủng hộ chư Tỳ-kheo nữa. Một hôm họ cùng nhau gào khóc: “Bảy ngày sau Phật pháp sẽ diệt tận, đến ngày thuyết giới chư Tỳ-kheo chỉ thích tranh đấu, chánh pháp của Đức Như Lai do đây mà diệt mất”. Các vị Ưu-Bà-tắc nghe chư Thiên nói thế liền đến khuyên chư Tỳ-kheo đến ngày mười lăm nói giới.

A-La-hán Tu-la-đà ở núi Kiền-đà-ma-la nhập định quán sát ở cõi Diêm-phù-đề xem nơi nào hôm nay có chúng Tăng để đến thuyết giới.

Ngài chỉ thấy ở nước Câu-thiểm-di có chúng Tăng nhóm họp thuyết giới nên đến nước ấy. Trong nước có cả trăm ngàn người nhóm họp nhưng chỉ có A-La-hán và một vị tam tạng tên Đệ-tử từ nơi khác đến họp. Đây là lần chúng Tăng nhóm họp sau cùng trong chánh pháp của Như Lai.

Khi ấy vị Duy na kiểm chúng xong liền thưa vị Tam tạng:

- Chúng Tăng đã vân tập đầy dủ, xin Ngài hãy thuyết giới cho đại chúng.

Vị Thượng tòa tam tạng kia đáp:

- Đệ tử của Như Lai ở cõi Diêm-phù-đề đã vân tập cả trăm ngàn người. Trong chúng đây ta là người đứng đầu, thông đạt tam tạng, còn không học giới huống gì người khác. Vậy nay ta nói giới cho ai nghe đây!

A-La-hán Tu-la-đà đến trước vị thượng tòa thưa:

- Xin thượng toà chỉ thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa như lúc Phật còn tại thế. Vì tất cả những học pháp mà các vị đại Tỳ-kheo như Ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đã học nay tôi cũng học hết. Tuy đức Như Lai đã diệt độ hơn cả ngàn năm nhưng tất cả giới luật Ngài chế ra tôi đều giữ trọn.

Vị thượng tòa nghe Tu-la-đà nói thế có ý không bằng lòng. An-già-đà đệ tử của ông ta đùng đùng nổi dậy, đứng phắt dậy, chửi mắng A-La-hán:

"Ông là hạng Tỳ-kheo thấp kém ngu si mà dám hủy nhục thầy ta", nói rồi vị ấy cầm dao giết chết A-La-hán.

Lúc ấy, quỷ Đại-đề-mộc-pháp-nghĩ rằng: "Trên thế gian chỉ có một vị A-La-hán này nay lại bị đệ tử của Tỳ-kheo ác hại chết rồi". Nghĩ xong vị ấy cầm chày kim cang đập vào đầu tự sát.

Đệ tử của vị A-La-hán thấy thầy mình bị giết thì cũng tức giận không kiềm chế được liền giết chết Tam tạng. Lúc ấy trời, người cùng nhau than khóc: "Ôi đau buồn thay! Chánh pháp của đức Như Lai nay đã diệt mất". Quả đất chấn động sáu cách, vô lượng chúng sanh không nơi nương tựa, than khóc thảm thiết. Vua Nan-đương nghe chư Tỳ-kheo giết hại A-La-hán và Tam tạng pháp sư thì buồn đau hãi hùng: "Bọn tà kiến này tranh nhau phá hoại chùa tháp, giết hại Tỳ-kheo. Từ đây Phật pháp sẽ bị tiêu diệt nhanh chóng". (Theo kinh Tạp A-hàm).

Phật lại bảo A-nan:

- Sau khi ta Niết-bàn, lúc chánh pháp sắp diệt, đời ác ngũ trược, ma đạo hưng thạnh, các Sa-môn quỷ phá hoại đạo ta. Chúng mặc y phục

thế tục, ca sa năm màu sặc sỡ, uống rượu, ăn thịt, giết hại chúng sanh, tham đắm mùi vị, không có lòng từ, lại còn ganh ghét lẫn nhau.

Lúc ấy có vị Bồ-tát tinh tấn tu đức, tôn trọng mọi người, được mọi người tôn kính, Ngài đem giáo pháp giáo hoá khắp nơi, thương người nghèo, trọng người già, giúp đỡ dưỡng nuôi người khốn khó, thường ban kinh tượng dạy họ tôn thờ, gieo trồng phước đức. Ngài có tánh hiền lành, không làm tổn hại người khác, cứu giúp chúng sanh không tiếc thân mình, nhẫn nhục nhân hoà.

Những người như thế sẽ bị bọn Tỳ-kheo quỷ quái kia ganh ghét, chê bai nói xấu, đuổi đi nơi khác không cho chung sống. Từ đó về sau không có người tu đạo đức, chùa miếu hoang tàn, không người tu sửa dần dần mục nát. Bọn Sa-môn quỷ kia chỉ tham tích chứa của cải, không tạo phước đức, lại buôn bán nô tỳ, cấy cày trồng trọt, đốt núi phá rừng, giết hại chúng sanh, không có chút lòng từ. Họ không còn đạo đức, Tỳ-kheo làm nô bộc, Tỳ-kheo-ni làm nô ty, dâm dật hỗn loạn không phân trai gái. Đạo ta suy yếu cũng do bọn này. Lại có người vì trốn tránh sự truy bắt của quan huyện, nương vào đạo ta xin làm Tỳ-kheo, không tu giới luật, mỗi nữa tháng và cuối tháng giả danh giảng giới, uể oải lười biếng không muốn lắng nghe, bỏ bớt trước sau không chịu đọc hết. Kinh cũng không tụng, nếu có người tụng thì không rành câu cú, nói càn nói bướng, không chịu hỏi người trí, cống cao cầu danh, xem bói tướng thiên văn, mong được giàu sang, cầu người cúng dường. Sau khi bọn Tỳ-kheo quỷ này chết đi thần thức đoạ vào địa ngục Vô gián. Phạm tội ngũ nghịch họ phải lần lượt đoạ vào ngạ quỷ, súc sanh trong hằng sa kiếp, tội hết được làm người nhưng lại sanh vào nơi biên địa, không có Tam bảo.

Lúc chánh pháp sắp diệt, người nữ siêng năng tu tạo công đức, người nam biếng nhác, không chịu nghe pháp... Họ không có tín tâm mắt thấy Sa-môn như thấy phân đất. Từ đây pháp luân chìm mất, chư Thiên buồn khóc, mưa nắng thất thường, lúa đậu mất mùa, tai nạn, dịch bệnh xảy ra khắp nơi, người chết la liệt. Đời sống nhân dân khổ cực, quan huyện ra tay bóc lột, không tu đạo lý chỉ nghĩ đến việc ăn chơi phá hoại. Người ác ngày càng nhiều, người thiện ngày càng ít. Ngày tháng qua mau, mạng người ngắn ngủi, mới bốn mươi tuổi tóc đã bạc dần như người sáu mươi. Người nam tuổi thọ ngắn, người nữ sống lâu đến bảy, tám, chín, hoặc đến cả trăm tuổi.

Lúc ấy nước lớn dâng lên không có ngày rút. Người đời không tin cho là việc thường, cho nên tất cả chúng sanh không kể giàu nghèo

đều bị chìm đắm, trôi dạt trong biển nước, làm mồi cho cá tranh. Các vị Tỳ-kheo Bồ-tát bị Tỳ-kheo quỷ đuổi đi không cho dự vào hàng tăng chúng. Các vị Bồ-tát ấy mới tìm vào núi sâu, tu tạo phước đức, vui với đời sống thanh bần đạm bạc. Từ đó tuổi thọ của họ kéo dài, được chư Thiên hộ vệ. Đến khi đức Nguyệt Quang ra đời, họ đều được gặp, cùng nhau chấn hưng đạo pháp trong năm mươi hai năm. Sau đó kinh điển lần lượt bị tiêu diệt, đầu tiên là kinh Thủ Lăng Nghiêm, Bát Nhã Tam Muội, rồi đến mười hai bộ kinh, tất cả đều không còn thấy văn tự nữa. Ca sa của Sa-môn tự nhiên biến thành màu trắng. Sau khi Thánh vương bỏ đi, pháp của ta diệt tận. Cũng giống như ngọn đèn trước khi sắp tắt vụt sáng bừng lên rồi tắt lịm. Lúc pháp của ta sắp diệt cũng giống như thế. Từ đó về sau khó lập lại nề nếp kĩ cương. Cứ như thế sau một thời gian rất lâu, đức Phật Di-lặc giáng sanh ở nhân gian. Thiên hạ sống đời thái bình, khí độc tiêu trừ, mưa hòa gió thuận, lúa đậu được mùa, cây cối xanh tươi. Thân người cao đến tám trượng, đều sống tám vạn bốn ngàn tuổi. Số chúng sanh được độ không thể kể xiết.

(Trích kinh Pháp Diệt Tận)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 7

1. Khởi nguyên dòng họ thích
2. Vua Tịnh-phạn băng hà
3. Hoàng hậu Ma-da sanh lên trời Đao lợi
4. Đại Ái Đạo xuất gia
5. La-hầu-la trong thai mẹ sáu năm
6. La-hầu-la xuất gia
7. La-hầu-la thọ giới đắc đạo
8. Nan-đà xuất gia
9. Đề bà đạt đa xuất gia
10. A-na-luật xuất gia
11. Bạt đề xuất gia
12. Vua Tỳ-lưu-ly diệt dòng họ Thích
13. Năm trăm thể nữ dòng họ Thích xuất gia
14. Nhân duyên kiếp trước của Đức Phật; nô bộc Xa-nặc; ngựa Kiền-trắc

1. KHỞI NGUYÊN DÒNG HỌ THÍCH:

Trong quá khứ có một vị vua tên là Uất-ma[1], nhà vua có bốn hoàng tử với thứ phi. Hoàng tử đầu tên là Chiêu-mục, thứ hai tên là Thông-mục, thứ ba tên là Điều-phục-tượng và thứ tư tên là Ni-lâu[2]. Cả bốn vị hoàng tử đều thông minh uy vũ và có oai đức lớn. Lúc ấy hoàng hậu cũng sanh một hoàng nam tên là Trường Sanh, tính tình ương ngạnh, hình thể xấu xí thô bạo, bị người khinh khi.

Hoàng hậu thấy vậy nên tâu với nhà vua rằng: “Tâu đại vương; bốn vị hoàng tử con của thứ phi thì tuấn tú oai vệ còn con của thần thiếp

1) *Trong kinh Trường A Hàm ghi là Cổ Ma Cái, nhưng đây thuộc tiếng địa phương cho nên không đúng.*

2) *Kinh Trường A Hàm ghi khác: 1. Diện Quang, 2.Tượng Thực, 3.Lộ Thực, 4.trang nghiêm.*

ngu đần và xấu xí, sau này việc nối ngôi ắt sẽ xảy ra sự tranh giành cướp đoạt lẫn nhau.

Nay để cho yên ổn đại vương nên đuổi bốn vị hoàng tử kia ra khỏi đất nước thì thiếp đây mới an lòng".

Nhà vua bảo: "Bốn vị hoàng tử con ta là những đứa con nhân từ hiếu thảo, chúng đâu có lầm lỗi gì, tại sao phải bị đuổi đi?"

Hoàng hậu tâu: "Tâu đại vương, lòng thiếp thật sự canh cánh lo cho nước nhà, bốn hoàng tử quả là những người con có tài năng oai hùng, dân chúng đều ngưỡng mộ. Nhưng khi bè đảng kết cấu tất đưa đến tranh giành quyền lực mà tàn hại lẫn nhau, vận nước e rằng sẽ vào tay người khác, xin đại vương tính liệu việc ấy".

Nhà vua nói: " Lời của Hoàng hậu nói cũng phải".

Vua liền cho gọi bốn Hoàng tử vào và ra lệnh: " Các con có lỗi với ta, nay ta không nỡ nhìn thấy các con phải chết, vì vậy các con hãy nhanh chóng rời khỏi nước nhà, hãy tự mình cố gắng mà tìm kế sanh nhai, chớ nên dòm ngó mà tự mình để lại mối hận thù sau này".

Bốn vị Hoàng tử vâng Thánh chỉ, tức thời chuẩn bị soạn hành lý lên đường. Lúc ấy Thứ phi mẹ của bốn hoàng tử cùng với các công chúa hoàng tỷ hoàng muội nghe tin đều xin được đi theo. Các lực sĩ cùng phần đông nhân dân cũng xin đi theo. Nhà vua đều cho phép họ cùng đi theo.

Đoàn người đi đến chân núi Tuyết Sơn thì dừng chân trong một rừng, mẹ của bốn Hoàng tử là Cung phi mà cũng tự tay nhanh chóng sửa sang nơi ở. Chỉ trong vòng vài năm mà dân chúng quy tụ về nương náu rất đông đúc và đã trở thành một cường quốc vô cùng giàu mạnh sầm uất.

Vài năm sau, vì thương nhớ muốn gặp lại con, nhà vua bèn sai sứ giả đến báo tin và triệu về, nhưng các hoàng tử đều từ chối. Nhà vua nhiều phen khen ngợi: "Con ta là những người có tài năng, có thể tự mình tạo lập cơ nghiệp". Nhân đó nhà vua ban sắc lệnh ban cho họ là thuộc dòng họ Thích. Dòng họ Thích có từ đó[3] . Tổ-ni-lâu sanh ra Ô-đầu-la. Cao tổ Ô-đầu-la làm vua nước Ca-tỳ-la-vệ và sanh ra Cù-đầu-la. Tằng tổ Cù-đầu-la sanh ra Thi-hưu-la[4] , tổ Thi-hưu-la sanh bốn vị

---

3) *Kinh Trường A Hàm nói: "Trực Thọ Lâm", lại nói "Thích Lâm", nhân ở trong rừng này nân lấy trên rừng làm họ. Lại nói nhà vua nghe được, bốn vị Hoàng tử sinh con để cháu rất đoan chánh, gọi đây là thật là Thích tử. Trong kinh Thụy Ứng ghi, do tài năng của các Hoàng tử.*

4) *Đại Trí Độ Luận ghi: "Sư Tử Dĩnh"*

hoàng tử mà người con trưởng là vua Tịnh Phạn[5].

2. VUA TỊNH PHẠN BĂNG HÀ:

Khi vua Tịnh Phạn lâm trọng bệnh, cơ thể rã rời, hơi thở mệt nhọc, mọi phương pháp điều trị đều vô hiệu hoá. Ba người em của vua Tịnh Phạn cùng với quần thần đều nói: “Đại vương là một người không làm các việc ác, gieo trồng các phước đức không chán mỏi, luôn chăm lo cho thiên hạ được yên ổn, vậy cớ sao mà đại vương sầu não đến thế?”

Vua Tịnh Phạn đáp: “Tiếc rằng ta không gặp được Tất-đạt, Nan-đà, A-nan-đà và La- hầu-la.vv. để giải niềm mong nhớ”. Nói xong nhà vua lệ trào như mưa.

Lúc bấy giờ Phật đang ngụ tại thành Vương-xá cách thành Ca-tỳ-la-vệ khoảng năm mươi do tuần. Vua cha đã quá suy yếu sợ không về thấy mặt kịp, đức Phật biết được tâm niệm của phụ vương nên Ngài liền bảo Nan-đà, La-hầu-la.vv. tức tốc vận thần túc bay về. Trong chốc lát đoàn người đã có mặt tại thành Ca-tỳ-la-vệ, đức Phật liền phóng hào quang lớn, từ xa nhân dân trong thấy đều khóc nức nở và nói rằng: “Ôi nếu Đại vương băng hà bỏ nước Xá-di này thì chắc chắn nước sẽ mất thôi!”

Nhân dân hướng về phía đức Phật mà khóc lóc vật vã. Ngài dạy: “Vô thường biệt ly là luật xưa nay, sanh tử là khổ chỉ có chánh đạo mới đem lại niềm vui chân thật”.

Ánh hào quang của đức Thế Tôn chiếu sáng rực rỡ, soi khắp cung thành. Ngài cũng phóng quang chiếu đến giường bệnh của phụ vương.

Vua Tịnh phạn liền hỏi: “ Ánh sáng gì vậy? Sao mà chạm đến thân ta thì mọi khổ đau đều tan biến, có phải Tất-đạt đã về phóng hào quang đó không?”

Có người bên ngoài chạy vào tâu: “Ôi Đại vương! Đức Phật và Nan-đà, La-hầu-la cùng mọi người cưỡi hư không đã về tới rồi!”.

Nhà vua mừng quá bỗng nhiên ngồi phắt dậy không còn biết đến đau đớn gì cả.

Lúc đức Phật vào, vua Tịnh Phạn thưa: “Mong đức Như Lai lấy tay sờ lên thân cho ta, giờ đây thân ta như ép dầu, đau nhức không thể chịu nổi, nhưng gặp được Thế Tôn thì khổ não của ta đã hết”.

Phật bảo Nan-đà: “Này Nan-đà! Ông hãy xem thân thể của phụ vương ngày trước đẹp đẽ và uy nghiêm tiếng tăm vang khắp, nhưng hôm nay bịnh nặng sức khoẻ đã mòn mỏi, gầy guộc không thể nhận ra!

---

5) *Lại có tên là Vua Tịnh Khẩu (theo luật Di Sa Tắc)*

Sức lực vóc dáng và tiếng tăm kia giờ ở nơi nào?”.

Vua cha một lòng chắp tay cung kính.

Đức Phật bảo: “Phụ vương đừng lo buồn nữa, phước đức của người đã đầy đủ”. Ngài liền dùng tay sờ lên trán của vua cha và nói: “Phụ vương là một người giữ giới hạnh thanh tịnh, đã xa lìa tâm cấu nhiễm, chỉ mong phụ vương hãy vui vẻ không nên buồn khổ, hãy lắng lòng tư duy, nhớ nghĩ pháp nghĩa của kinh, ở trong vô thường mà được cái chân thường, để gieo trồng được thiện căn, phụ vương nên vui vẻ”.

Vua Tịnh Phạn thưa: “Bạch đức Thế Tôn, xin Ngài cùng với Nan-đà, A-nan, La- hầu-la phá trừ lưới ma cho ta.

Thấy nhà vua đã vui vẻ, đức Phật liền thuyết kinh Lượng Ba-la-bổn Sanh làm cho nhà vua thấu hiểu và chứng được quả vị A-na-hàm. Phụ vương nắm tay đức Phật để lên ngực của mình. Đức Phật tiếp tục thuyết pháp, nhà vua chứng quả A-La-hán. Nhà vua xả báo thân. Hoàng tộc họ Thích vì thương nhớ mà khóc nức nở.

Bấy giờ đức Phật dùng nước hương thơm tắm gội nhục thân của phụ hoàng, dùng lụa bông để tẩm liệm. Tang lễ đươc tổ chức, cung điện trang nghiêm bằng bảy báu, các bên treo lưới trân châu rũ xuống rất uy nghiêm.

Đức Phật nâng linh cữu đặt lên toà sư tử, rải hoa đốt hương cúng dường. Khi chuẩn bị cung tiễn linh cữu của nhà vua, đức Thế Tôn và Nan-đà nâng ở phía đầu, còn A-nan và La-hầu-la nâng phía dưới chân linh cữu.

Nan-đà bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn, tưởng nhớ đến công ơn sanh dưỡng xin Ngài cho phép con được tự tay khiêng linh cữu”.

Đức Phật cũng vì những chúng sanh ở đời vị lai bất hiếu không báo đáp ân đức dưỡng dục của cha mẹ nên Ngài muốn chính mình khiêng linh cữu. Lúc ấy cả đại thiên thế giới đều chấn động, tất cả các núi đồi nhấp nhô như sóng lớn nâng thuyền, sáu tầng trời cõi Dục và vô số quyến thuộc đều đến thọ tang.

Trời Tứ thiên vương dẫn trăm ngàn ức chúng quỷ thần đến chia buồn, tất cả đều buồn bã.

Tứ thiên vương bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn, chúng con là đệ tử của Ngài, theo Ngài nghe pháp chứng quả Tu-đà-hoàn. Việc này hãy để chúng con lo”.

Đức Phật liền nhận lời thỉnh cầu của bốn thiên vương. Họ liền hoá thân làm người thường, dùng tay nâng linh cữu lên vai. Hào quang của Phật toả ra như tựa như muôn mặt trời chiếu. Ngài bưng lư hương

đi trước mọi người. Khi đến nơi an táng, cả ngàn vị A La-hán từ núi Linh Thứu cưỡi hư không bay đến, đảnh lễ chân đức Phật, xin Ngài dạy việc.

Đức Phật bảo: "Các vị hãy đến bờ biển lớn lấy các cây Ngưu đầu chiên đàn, các loại có hương thơm về đây".

Chỉ trong khoảnh khắc khảy móng tay thì các vị đã đem về đến các loại cây có hương thơm. Đại chúng cùng nhau chất cây lại để đốt lửa hoả táng. Đại chúng nhìn ngọn lửa bốc lên mà lòng buồn vô hạn.

Phật dạy: "Định luật khổ, không, vô thường, tất cả đều như huyễn hoá". Công việc hoả thiêu đã xong, đức Phật dùng sữa để dập tắt lửa, thâu lượm hài cốt để vào trong bình bằng kim cang, xây tháp thờ phụng.

Lúc ấy đại chúng hỏi Phật: "Bạch đức Thế Tôn, thần thức của đại vương sanh về xứ nào?".

Phật bảo: "Thần thức của Phụ vương ta sanh về cõi trời Tịnh cư".

(Trích kinh Tịnh Phạn Vương Nê Hoàn)

3. HOÀNG HẬU MA DA SANH LÊN CÕI TRỜI ĐAO LỢI:

Đức Phật lên cõi trời Đao-lợi, ở nơi vườn Hoan-hỉ. Ngài ngự dưới cây Ba-lợi-chất-đa la, an cư ba tháng. Khi ấy, từ trong lỗ chân lông của Ngài ánh sáng phóng ra chiếu khắp cả đại thiên, tất cả thiên tử cùng thiên giới thấy vậy không biết là nhân duyên gì?

Đức Phật bảo Bồ-tát Văn Thù rằng: "Ông đến báo với mẹ của ta là ta ở đây, xin mẹ đến nơi này".

Bồ-tát Văn Thù đến báo cho Hoàng hậu Ma-da biết. Sữa của Hoàng hậu tự chảy ra. Hoàng hậu nói: "Nếu như là Tất-đạt thì sữa sẽ chảy vào miệng của con ta".

Nói xong hai dòng sữa tự chảy ra, từ xa chảy đến tận miệng của đức Phật. hoàng hậu Ma da rất vui mừng. Khắp cả nước đều chấn động. Các loài hoa quả quý đẹp tuy trái mùa nhưng đồng nở và chín.

Hoàng hậu Ma-da nói với Bồ-tát Văn Thù: "Bạch Ngài, vì tình mẫu tử gặp nhau nên thật chưa bao giờ con được vui sướng như hôm nay".

Nói xong cả hai đều đến chỗ Phật. Ngài từ xa trông thấy Mẫu hậu thì nói rằng: "Mẫu hậu đã từng nếm đủ khổ vui rồi, nay hãy quay về tu tập chánh đạo để cầu giải thoát.

Hoàng hậu Ma-da lắng lòng năm vóc sát đất, chánh niệm, diệt trừ kiết sử. Đức Phật liền thuyết pháp cho Hoàng hậu nghe, bà biết được

túc mạng, nhờ vậy mà đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

Hoàng hậu bạch Phật: " Bạch đức Thế Tôn, ngục sanh tử nay con đã phá vỡ".

Thế rồi cả đại chúng đều nói, nguyện cho hết thảy chúng sanh đều được giải thoát.

Đức Phật ở lại hoá độ khắp chốn thiên cung, Ngài đã đem lại nhiều lợi ích lớn cho mọi người. Bấy giờ ba tháng an cư sắp hoàn tất, đức Phật bảo với Cưu-ma-la: "Ông nay nên xuống cõi Diêm-phù-đề, báo cho mọi người biết, không bao lâu nữa Như Lai sẽ vào Vô dư Niết-bàn".

Lúc bấy giờ đại chúng nghe tin ấy, vô cùng buồn bã và tự nói: "Ta chẳng sớm biết được việc đức Như Lai không lâu nữa sẽ nhập Niết-bàn, thế là từ nay đôi mắt của thế gian sắp hư hoại mất rồi, sao mà khổ như vậy!"

Vua Trời Đế-thích liền sai thiên chúng cùng với quỷ thần dựng ba thềm báu làm đường để đức Phật đi xuống, Hoàng hậu Ma-da rơi lệ đứng đó mà tiễn biệt đức Phật và Thánh chúng.

Đức Như Lai theo thềm bước xuống, chư Thiên cùng phạm vương cầm bảo cái theo che, trời Tứ thiên vương đứng hầu hai bên. Khắp bốn chúng đều ca ngợi và tán thán. Nhạc trời được trổi khắp cả chốn thiên cung, hoa hương được đốt rải, từ từ tiễn chân đức Thế Tôn trở xuống cõi Diêm-phù.

(Trích kinh Phật Thăng Đao Lợi Thiên Vị Mẫu Thuyết Pháp, lại trích luật Thiện-kiến-tỳ-Bà-sa)

4. ĐẠI ÁI ĐẠO XUẤT GIA:

Khi Đức Thế Tôn trở về thành Ca-tỳ-la-vệ, bà Ma-ha Ba-xà-bà đề[6] thuộc dòng họ Cù-đàm-di, ba lần đến cầu xin xuất gia, nhưng Đức Phật không chấp thuận nên đành phải lui ra đứng ở ngoài cửa, bà mang y phục thô xấu, chân không mang giày, đứng khóc nức nở.

A-nan thấy vậy liền hỏi: "Tại sao Di mẫu khóc?"

Bà trả lời: "Bởi vì đức Phật không cho người nữ xuất gia nên tôi mới đau buồn như thế".

Tôn giả A nan an ủi bà rồi vào bạch đức Phật: "Bạch đức thế Tôn, con nghe Phật dạy, nếu người nữ tinh tấn tu hành thì có thể chứng được bốn quả vị giải thoát, nay Đại-Ái-đạo thành tâm cầu xin xuất gia, tại sao đức Thế Tôn lại không cho phép?".

---

6) *còn gọi là Đại Ái Đạo*

Phật dạy: "Này A-nan, không nên đâu! Người nữ xuất gia bước vào ngôi nhà chánh pháp của ta để làm Sa-môn, khác nào một ngôi nhà người nữ nhiều mà người nam ít thì nhà đó sẽ suy yếu. Người nữ xuất gia phạm hạnh thanh tịnh không được lâu dài. Lại như khi cỏ tạp lẫn lộn vào trong ruộng lúa hoa màu, ruộng lúa tốt tươi ấy sẽ sớm bị hư hoại. Người nữ vào trong chánh pháp của ta tu hành thì cũng như vậy".

Tôn giả A-nan bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn, Di mẫu có nhiều ý tốt, lúc đức Thế Tôn mới sinh ra thì chính tay bà đã nuôi dưỡng cho Người lớn khôn".

Phật dạy: "Này A-nan, Ta biết Di mẫu có nhiều thiện ý, có ân tình với ta, ta cũng mang ơn Di mẫu rất nhiều. Bà đã nhờ ta mà được quy y Tam bảo, thông hiểu Tứ Thánh đế, thành tựu năm căn, thọ trì năm giới. Dù cho có người huỷ hoại thân thể để cúng dường ta thì công đức đó cũng không sánh được. Còn giả như người nữ muốn xuất gia làm Sa-môn thì không được vượt quá tám phép kính, trọn đời tuân giữ. Giống như người muốn ngăn dòng nước thì phải sửa đắp đê điều cho kỹ chớ để rịn thoát. Nếu làm được những điều đó mới có thể thu nhận vào trong giáo pháp của ta".

A-nan liền ra nói cho Đại-Ái-đạo nghe những lời của đức Thế Tôn, Ái-đạo liền vui vẻ chấp nhận và cuối cùng cũng được xuất gia làm đại Tỳ-kheo-ni. Bà tinh tấn tu tập giữ gìn giới luật nên sớm chứng được quả A-La-hán. Sau đó Tỳ-kheo-ni Đại-Ái-đạo cùng với ni chúng đi đến chỗ của tôn giả A-nan đảnh lễ, có những vị tu tập đã lâu chứng được sơ quả, bạch hỏi Tôn giả những nghi vấn trong Bát kỉnh pháp.

A-nan bạch lên đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn, tại sao Tỳ-kheo-ni tuy tuổi đã già nhưng phải đảnh lễ Tỳ-kheo dù cho người đó còn ít tuổi?"

Phật dạy A-nan: "Hãy thôi đi! đừng nói việc này nữa. Nếu như không cho người nữ xuất gia thì tất cả bậc hiền giả ngoại đạo cùng các học phái khác đều đem tứ sự cúng dường Tam bảo, trải tóc lên đất cúi mình thỉnh cầu ta bước qua, chánh pháp của ta cũng sẽ trụ được một ngàn năm, vì độ người nữ xuất gia nên nay chỉ còn năm trăm năm mà thôi!"

Tỳ-kheo-ni Đại-Ái-đạo cùng ni chúng nghe lời Phật dạy hoan hỉ phụng hành.

(Trích kinh Phật Thăng Đao Lợi Thiên Vị Mẫu Thuyết Pháp)

Bấy giờ Đại-Ái-đạo đang cư ngụ tại tinh xá trong khu vườn của nhà vua, muốn xả báo thân. Bà nói: "Tôi không nhẫn được khi nhìn

thấy đức Như Lai và các bậc A-La-hán diệt độ, cho nên tôi vào Niết-bàn trước”.

Đức Phật biết rõ tâm tư của bà liền bảo với A-nan, nhưng A-nan nghe tin ấy thân thể nhủn ra, tâm tư bế tắc, không còn biết gì nữa.

Đức Phật nói: “Ông đem năm phần pháp thân, tứ nhiếp pháp, Bát chánh đạo bỏ đi chăng?”

A-nan bạch Phật: “Thưa không, bạch đức Thế Tôn. Nhưng khi đức Thế Tôn đản sanh được bảy ngày sau thì Thái hậu đã mất, Di mẫu là bậc mẹ hiền có ân đức với Thế Tôn”.

Đức Phật đáp: “Ông cho rằng ân đức nuôi dưỡng của Di mẫu đối với ta rất sâu nặng khó đáp đền ư? Nhưng ta đã nói cho ông rõ rồi, nhờ ta mà Di mẫu biết trở về nương tựa Tam bảo, nghe đươc pháp Tứ đế (khổ, tập, diệt, đạo) tuệ nhãn được bừng sáng, quét sạch các kiết sử, được dự vào hàng Thánh, ân đức đó còn sâu nặng hơn núi Tu-di”.

Lúc ấy, bà Đại-Ái-đạo cùng với năm trăm Tỳ-kheo-ni đến chỗ đức Phật bạch rõ ý trên. Bà đảnh lễ, xoa chân đức Thế Tôn mà nói: “Từ nay con không còn thấy được bậc tối chánh giác nữa rồi!”.

Cả đại chúng Tỳ-kheo-ni nhiễu quanh đức Thế tôn ba vòng rồi trở về tinh xá. Đại-Ái-đạo cùng với năm trăm Tỳ-kheo-ni hiện mười tám thần biến, hào quang rạng chiếu cả mấy tầng trời, đồng thời xả báo thân vào Niết-bàn.

Đức Phật bảo A-nan: “Con nên vào trong thành, đến cung điện của cư sĩ Da-du-dà-la nói rõ Di mẫu cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni đã vào Niết-bàn”.

Vâng lời đức Thế Tôn, sáng sớm Tôn giả A-nan vào thành, đến cung điện của Da-du-đà-la thuật lại mọi việc. Nghe xong Da-du-đà-la rất đau lòng, nàng đã khóc lóc vật vã. Nàng nói: “Thế là kể từ hôm nay con không còn chiêm ngưỡng được thần thông của người, ôi đau đớn biết dường nào!”

Tôn giả A nan khuyên: “Đức Thế Tôn dạy, trời đất tuy là lâu dài nhưng đã có cái mở đầu thì ắt phải có cái kết thúc, ba cõi là vô thường khác nào mộng ảo, khi sống thì cầu không chết, khi hợp thì chẳng mong lìa, điều ấy trọn không thể được”.

Da-du nghe lời khuyên ấy mà vơi bớt được Phần-nào đau buồn.

Tôn giả A-nan lại đi đến nhà của các cư sĩ Phạm-chí bảo với họ: “Đức Thế Tôn dạy, các hiền giả nên làm đủ năm trăm cổ quan tài để cúng dường cho năm trăm vị Tỳ-kheo-ni”.

Các cư sĩ Phạm-chí vâng lời, khi họ làm xong thì liền chở đến tinh

xá. Lúc ấy cửa tinh xá đang đóng bít, họ liền đi vào, định đi đến giảng đường thì gặp một vị Sa-di ni. Sa-di bảo: "Thầy tôi đang nhập định, cẩn thận chớ kinh động".

Các Phạm-chí cư sĩ thưa: "Đại-Ái-đạo và chư ni đã vào Niết-bàn rồi chứ không phải nhập định".

Sa-di nghe vậy liền té quỵ ngất xỉu, hồi lâu mới tỉnh dậy khóc lóc nức nở và nói rằng: "Giờ đây ai là người dạy dỗ chúng tôi đây? Lời giáo huấn của bậc Thánh nay đã hết rồi!".

Các Phạm-chí thưa cùng Sa-di: "Thưa Sa-di, ân ái tuy họp nhưng rốt cuộc cũng phải chia lìa, Sa-di nên bền chí nỗ lực tu tập mà sớm bước lên quả vị Ứng-chơn".

Khi trà tỳ xong, thu lượm xá lợi rồi đem đến chỗ đức Phật. Phật bảo A nan: "Con hãy hướng về phía Đông chấp tay quỳ gối bên hữu rồi hô to: "Những người có lòng tin chân thật, nghiệp đã trong sạch, đủ ba thần sáu trí đều đến đây! Năm trăm Tỳ-kheo-ni đã diệt độ, các vị phải đến pháp hội".

Bốn phương tụ họp đông đủ, mỗi phương có hai trăm năm mươi La-hán bay đến. Đức Phật bảo A-nan đem bình bát đựng xá lợi đến. A-nan giao bình xá lợi cho đức Phật bưng. Ngài bảo các Tỳ-kheo cùng các cư sĩ: "Bản thân ô uế này vốn ngu muội, thô bạo và hung ác, ganh tị mưu mô, làm băng hoại đạo đức. Người nhổ được tận gốc rễ ngu si, là bậc trượng phu, chứng quả A-La-hán. Thần thức dời đổi vốn chẳng thật, có gì là bền chắc đâu? Các ông hãy nên tạo lập tháp miếu để cúng dường".

Tất cả mọi người đều vâng theo Thánh giáo[7]. Bấy giờ bốn chúng, trời, người, rồng, quỷ thần đều tạo lập tháp miếu cúng dường.

(Trích kinh Phật Mẫu Niết-bàn)

5. LA-HẦU-LA Ở TRONG THAI MẸ SÁU NĂM:

Đức Phật khi còn là Thái tử Tất-đạt-đa, Ngài có cưới hai người vợ, đó là Cù-di và Da-du-đà-la. Cù-di là thần nữ nên không hề mang thai, Da-du-đà la thì đến đêm Bồ-tát vượt thành xuất gia mới biết mình

---

7 *Trong kinh tạp A Hàm ghi: Phật bảo ông A nan cùng với La-hầu-la, các ông hãy để nhục thân của Di mẩu cho ta tự cử hành nghi thức. Thích đề hoàn nhân cùng với Tỳ Sa-môn nói: Xin đức Thế Tôn chớ nhọc nhằn, chúng con xin được cúng dường. Phật bảo các ông hãy thôi đi. Đức Phật cùng Nan-đà vận chuyển cây chiên đàn cùng gỗ thơm đến , rồi đặt kim quang của Di mẫu lên hỏa táng. Phật dạy: Có bốn người đáng phải xây tháp cúng dường: 1-Phật, 2-Bích chi Phật, 3-A La-hán, 4-Chuyển Luân Thánh Vương. Các vị này đều dùng mười điều thiện để giáo hoá chúng sanh.*

đã có thai. Sáu năm Bồ-tát tu tập khổ hạnh thì sáu năm đó Da du-da-la vẫn chưa sanh con. Trong dòng họ thích thấy thế sanh nghi bèn chất vấn nàng rằng: Từ khi Bồ-tát vượt thành xuất gia đến nay đã lâu, thế mà tại sao nàng lại mang thai?”

Da-du-đà-la đáp: “ Tôi không có lỗi gì, con tôi mang thai thật là huyết thống của Thái tử”.

Họ hỏi: “Vậy sao đã lâu như thế mà vẫn chưa sanh?”

Da du đáp: “Điều ấy tôi cũng không rõ”.

Cả dòng họ Thích họp để bàn luận, nhà vua định theo phép nước mà trị tội. Cù-di biết được liền tâu vua: “Tâu đại vương, con thường ở chung với phu nhân Da-du, con có thể chứng minh là phu nhân vô tội. Đại vương đợi đến lúc phu nhân sanh con xem có giống cha không, lúc ấy trị tội cũng chưa muộn”. Nhà vua nghe tâu như thế bèn hoãn việc trị tội.

Khi Bồ-tát tu khổ hạnh đã mãn, ngay trong đêm thành đạo thì phu nhân Da-du sanh La-hầu-la. Vua Tịnh Phạn nhìn thấy đứa trẻ giống cha nên vì thương cháu mà quên đi nỗi buồn. Vua Tịnh Phạn bảo với quần thần: “Con ta tuy đã ra đi nhưng nay để lại đứa cháu giống hệt cha nó”.

Da-du đà la trót đã mang tiếng xấu, muốn giải trừ. Khi đức Thế Tôn trở về thành Ca-tỳ-la-vệ để hoá độ dòng họ Thích, vua Tịnh Phạn cùng Da-du thường thỉnh Phật vào trong cung thọ trai. Lúc ấy Da-du-đà-la cầm một viên thuốc hoan hỉ một trăm vị, cùng với La-hầu-la dâng lên cho Phật. đức Phật dùng thần lực, biến thành năm trăm vị A-La-hán, hình tướng đều giống Phật. Khi ấy La-hầu-la mới lên bảy, cầm viên thuốc đi thẳng đến trước dâng lên đức Phật. Bấy giờ đức Phật thâu nhiếp thần lực lại thành một vị Tỳ-kheo. Nhìn vào trong bát của mọi người đều trống rỗng, chỉ có bát của đức Phật đầy cả thuốc hoan hỉ.

Bấy giờ Da-du-đa-la thưa: “Bạch đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì mà con mang thai sáu năm mới sanh?”

Đức Phật đáp: “Trong thời quá khứ, La-hầu-la từng làm một vị quốc vương. lúc ấy có một vị tiên nhân đã chứng được năm thần thông, vị ấy tâu với đức vua rằng: “Đại vương dùng pháp luật để trị những kẻ gian tặc, xin Ngài hãy trị tội của tôi, tôi là người uống trộm nước của Ngài, sử dụng Dương chi của Ngài, đó là những vật không cho mà lấy”.

Đức vua đáp: “ta vừa lên ngôi thì đã ra lệnh lấy nước và dương chi đem ban cho tất cả mọi người, ngươi đâu có tội”.

Vị tiên nhân đáp: "Tuy đại vương đã cho nhưng tâm của tôi còn cố chấp mê muội, nay xin đại vương cứ trị tội để sau này không còn tái phạm nữa".

Vua đáp: "Nếu quả ngươi muốn như vậy thì ngươi hãy đợi ta giây lát, ta vào trong cung đã".

Nói xong, vua vào cung suốt sáu ngày mới ra. Vị tiên nhân vì đợi vua nên vô cùng đói khát. Ông nói: "Ta cho rằng đại vương đang dùng cách này để trị tội của ta".

Vua đến nơi, vị tiên nhân bèn từ giã nhà vua rồi biến mất. Nhân đó trong năm trăm đời, La-hầu-la phải ở suốt trong thai mẹ sáu năm mới sinh.

(Trích luận Đại Trí Độ phẩm mười bảy)

6. LA-HẦU-LA XUẤT GIA:

Bấy giờ Phật bảo tôn giả Mục-kiền-liên: "Ông hãy đến thành Ca-tỳ-la-vệ thay ta thăm hỏi sức khoẻ của Phụ vương, các Chú cùng Di mẫu của ta. Đồng thời ngươi an ủi và khuyên lơn mẹ của La-hầu-la, hãy dứt bỏ tình thương yêu nhỏ nhoi mà cho La-hầu-la xuất gia làm Sa-di, học Thánh đạo. Dù cho tình mẫu tử thương yêu vui vầy bên nhau, nhưng tình ấy cũng chỉ trong chốc lát mà thôi, đến lúc chết rồi rơi vào trong địa ngục thì chẳng còn nhận ra nhau nữa. Khi nào La-hầu-la đắc đạo sẽ quay về độ mẹ, dứt hẳn con đường sanh tử như ta hôm nay".

Tôn giả Mục-kiền-liên theo lời Phật dạy, đến thành Ca-tỳ-la, vào cung định trình bày ý của đức Phật cho Da-du-đà-la nghe. Bấy giờ nghe đức Phật sai người đến, nàng vội vã đưa La-hầu-la lên trên lầu cao, sai các quan thái giám đóng chặt cửa lầu và canh giữ con cẩn thận. Tôn giả Mục-kiền-liên bay lên lầu, Da-du-đà-la bất đắc dĩ mới làm lễ và thưa: "Thưa tôn giả, đức Thế Tôn có được bình an chăng? Ngài muốn điều gì mà sai tôn giả đến đây?"

Tôn giả nói: "Thái tử La-hầu-la nay đã lên chín, phu nhân nên cho xuất gia để tu học Thánh đạo".

Mục-kiền-liên trình bày rõ ý của đức Phật cho Da-du nghe. Da-du nói: "Đức Thích Ca Như Lai khi còn làm Thái tử, Ngài cưới ta làm vợ, ta tôn thờ Thái tử như tôn thờ các vị thiên thần. Vậy mà chưa đầy ba năm, Thái tử lại bỏ năm thứ dục lạc mà trốn khỏi cung thành, đến vương điền. Ngài tự hẹn, bao giờ chứng được đạo quả thì sẽ trở về thăm. Thế nhưng, khi chứng đạo rồi, về nước Ngài không hề gặp người thân, quên mất ân tình cũ, làm ngơ như kẻ qua đường, khiến tôi càng cô quạnh chốn phòng

không. Thế mà nay lại muốn đoạt lấy đứa con yêu quýcủa tôi để làm quyến thuộc của mình, sao mà tàn nhẫn đến thế? Thái tử chứng đạo, tự nói là đạo từ bi, nhưng nay lại chia rẽ tình mẹ con tôi, thử hỏi có từ bi chăng? Xin tôn giả chuyển lời của tôi thưa lại với đức Thế Tôn".

Tôn giả Mục-kiền-liên cáo từ rồi đi đến thăm vua Tịnh Phạn, nói rõ việc trên cho nhà vua nghe. Vua liền bảo phu nhân Ba-xà ba-đề: "Nay đức Thế Tôn sai người đến để đưa La-hầu-la theo học Thánh đạo, mẹ nó là người nữ ngu si, vì quá thương yêu con nên không buông bỏ được, phu nhân đến đó khuyên giải để cho nó tỉnh ngộ".

Phu nhân Ba-xà-ba-đề tới lui khuyên bảo đến ba lần mà Da-du vẫn không chịu nghe. Da-du thưa với phu nhân: "Thưa mẹ, khi con còn ở nhà cha mẹ con, các vị vương tử của tám nước cùng tranh nhau đến cầu hôn, nhưng không được cha mẹ con chấp thuận. Bởi vì tài nghệ của thái tử Tất Đạt hơn hẳn mọi người, cho nên cha mẹ mới gả con cho thái tử. Nếu như Thái tử không muốn ở đời thì ân cần khổ nhục để cưới cho được con làm chi? Phàm làm người ở đời, người ta cưới vợ cốt để thương yêu, sinh con đẻ cháu, nối tiếp dòng dõi mới hợp lẽ. Ngược lại Thái tử bỏ đi, nay quay về đòi La-hầu-la, làm như thế là dứt hẳn người kế vị của đất nước, như vậy có được chăng?"

Phu nhân Ba-xà ba-đề nghe những lời ấy xong, đành phải im lặng.

Bấy giờ đức Phật bèn hoá ra một người từ trên không trung nói vọng xuống:" Này Da-du-đà-la, nàng còn nhớ lời thề năm xưa không? Năm xưa còn làm một vị Bồ-tát, ta dùng năm trăm tiền để mua năm đoá hoa sen của nàng, dâng lên đức Phật Định Quang. Nàng đã gửi thêm hai bông để cúng dường và phát nguyện: "Đời đời sanh ra ở đâu cũng thường cùng với ta làm vợ chồng. Ta đã bảo nàng, ta đang thực hành hạnh Bồ-tát, bố thí tất cả. Nàng đã lập thề nguyện, đời đời sanh vào nơi nào thì nước thành, vợ con cho đến bản thân đều tuỳ ý chồng bố thí. Vậy nay cớ sao nàng lại thương tiếc mà giữ lấy La-hầu-la thế?"

Da-du nghe lời ấy xong đột nhiên bừng tỉnh nhớ lại những việc cũ như mới vừa xảy ra. Tình thương con đã lắng xuống, nàng cho người mời tôn giả Mục-kiền-liên vào để sám hối. Da-du nắm tay con ân cần dặn dò rồi rơi lệ chia tay.

La-hầu-la thưa mẹ: "Xin mẹ chớ buồn, con đến vấn an đức Thế Tôn xong, con sẽ trở về hầu hạ mẹ. Tịnh Phạn vương biết viêc, Ngài bảo với các nhà giàu trong thành: "Các khanh mỗi người cho mỗi đứa con theo cháu ta xuất gia học đạo".

Lúc ấy lập tức có năm mươi người cùng theo La-hầu-la đến chỗ đức Phật, tất cả đều cúi đầu đảnh lễ Ngài. Đức Phật sai tôn giả Mục-kiền-liên thế phát cho La-hầu-la cùng năm mươi đồng tử. Ngài lại bảo Xá-lợi -Phất làm Hoà thượng, Đại Mục-kiền-liên làm A-xà-lê để truyền trao mười giới Sa-di cho họ.

Một hôm, đức Phật thuyết cho các Sa-di nghe về tội báo đời trước của bọn Phiến-đề -la. Tất cả nghe xong vô cùng buồn bã, cùng nhau bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn, Ngài là bậc hoà thượng trí đức lớn, nhận sự cúng dường tối thượng. Chúng con còn nhỏ, ngu si chẳng có đức hạnh, ăn thức ăn ngon của người bố thí, sợ rằng đời sau sẽ chịu khổ như bọn ông Phiến-đề-la, vì vậy mà chúng con thật sự rất buồn, cúi mong đức Thế Tôn thương xót cho chúng con được hoàn tục để mong thoát khỏi tội lỗi”.

Đức Phật bảo: “Ví như hai người đói khát, chợt gặp lúc người của nhà vua dọn thức ăn ngon lên. Vì tham ăn nên quá no, người có trí thì biết uống thuốc vào để nôn ra, biết kiêng cữ và điều tiết, nghỉ ngơi nên bịnh tật được thuyên giảm, cuối cùng bảo vệ được sức khoẻ của mình. Còn người vô trí kia, sát sanh cúng tế để cầu cứu mạng, bị thức ăn cũ hành hạ, thân tâm đau đớn như thế, khi chết sanh vào địa ngục. Nay các con sợ vướng vào tội lỗi mà trở về nhà, như thế là người không có trí. Các con có duyên lành mới găp được ta, ta cho thuốc để cứu chữa, chắc chắn không còn sợ chết”.

La-hầu-la nghe những lời ấy xong, tâm ý được mở mang, cuối cùng ở lại với tăng đoàn. Một thời gian sau, khi đức Phật trở về hoàng cung, có người đã nghi vấn: “Tại sao Thái tử bỏ cung điện suốt mười hai năm, vậy từ đâu mà Da-du-đà-la sanh con?”.

Đức Phật bảo với phụ vương rằng: “Da-du-đà-la là người tiết hạnh trong sạch, hoàn toàn không có tội lỗi”.

Ngài liền hoá ra chúng Tỳ-kheo tướng mạo đều giống như đức Phật, lúc ấy La-hầu-la đã lên bảy, đức Phật hỏi La-hầu-la: “Ai là cha của con?”

Bấy giờ La-hầu-la đến trước đức Phật cúi đầu đảnh lễ Ngài và đem chiếc vòng làm tin[8] của mẹ trao cho đức Thế Tôn.

(Trích kinh Vị Tằng Hữu quyển thượng. Luật Di Sa Tắc ghi: Đức Phật về hoàng cung, La-hầu-la từ xa trông thấy liền xuống lầu theo Ngài xin gia tài còn lại. Đức Phật liền bảo Xá-lợi-phất độ làm Sa-di.)

---

8) *Chiếc vòng khi thái tử trao cho Da-du-đà trong dịp lần đầu gặp nhau*

7. LA-HẦU-LA THỌ GIỚI VÀ ĐẮC ĐẠO:

Trước đây, khi La-hầu-la còn là Sa-di chưa chứng được đạo quả, tánh tình bướng bỉnh, lời nói thiếu chân thật. Một hôm, đức Phật bảo La-hầu-la: "Con đến ở tại Tinh xá Hiền-đề, nên giữ gìn lời nói, bảo vệ tâm ý, siêng năng tu học kinh giới.

La-hầu-la vâng lời, đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ra đi. Đến Tinh xá Hiền-đề được ba tháng, La-hầu-la biết hỗ thẹn, ngày đêm tinh tấn sám hối. Một hôm, đức Như Lai đến thăm, La-hầu-la vui mừng nghinh đón, đảnh lễ sát chân đức Thế Tôn, rồi trải tọa cụ, tiếp cất túi bát cho đức Phật. Lúc ấy, Ngài ngồi trên giường bảo La-hầu-la: "Này La-hầu-la con hãy rửa chậu lấy nước cho ta rửa chân".

Rửa chân xong, đức Phật bảo với La-hầu-la: "Này La-hầu-la, nước này có thể dùng để ăn uống tắm gội hay súc miệng được không?"

La-hầu-la bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn, nước này vốn trong sạch, nay đã rửa chân, bị bụi dơ bẩn, không thể đem dùng lại được".

Phật dạy La-hầu-la: "Con cũng như vậy, tuy là con của ta, là cháu của quốc vương, đã bỏ vinh hoa phước lộc của thế gian mà xuất gia làm Sa-môn. Thế mà con không chịu nhớ nghĩ tinh tấn tu tập, nhiếp tâm giữ ý, để cho ba món độc dơ bẩn quấy nhiễu tâm hồn. Như vậy có khác gì nước dơ trong chậu này không còn dùng được!"

Đức Phật lại hỏi: "Chậu tắm này tuy là không có gì, nhưng có thể đem đựng thức ăn được không? "

La-hầu-la bạch Phật: "Chậu này không thể dùng đựng thức ăn được. Tại sao như vậy? Bởi chậu này đã mang tên là chậu để tắm rửa, đã từng đựng những đồ bất tịnh".

Phật bảo La-hầu-la: "Con cũng như thế, tuy làm bậc Sa-môn mà lời nói không thành thật, tâm tánh lại ngoan cố, không chịu tinh tấn tu tập. con từng bị tiếng xấu, giống như cái chậu tắm rửa này, không thể đựng thức ăn được."

Đức Phật dùng ngón chân, hất ngược chiếc chậu, chậu liền lăn tròn mấy vòng mới dừng lại

Phật lại bảo La-hầu-la: "Này La-hầu-la, con có tiếc cái chậu này không? Có sợ nó bể không?"

La-hầu-la bạch Phật: "Dụng cụ để rửa chân không đáng là bao, trong lòng con có tiếc nhưng không ân cần lắm".

Phật dạy La-hầu-la: "Con cũng như vậy, tuy làm Sa-môn nhưng không giữ gìn thân miệng, buông ra những lời thô tháo, ác độc, làm tổn thương đến nhiều người. Vì vậy mà mọi người không yêu mến, bậc

hiền Thánh không thương tiếc gì con, một khi mạng chung phải bị trôi lăn trong ba đường, chết đi sống lại thật vô cùng đau khổ. Các bậc hiền Thánh không thương tiếc con, như con nói không thương tiếc cái chậu này vậy".

La-hầu-la nghe lời ấy của đức Phật, lòng hỗ thẹn và sợ hãi.

Phật bảo La-hầu-la: "Này La-hầu-la, con hãy lắng nghe! Ví như ngày xưa, một ông vua nọ có một con voi lớn, sức mạnh phi thường, giỏi việc chiến đấu. Bấy giơ nhà vuà khởi binh chinh phạt nước phản nghịch. Nhà vua đem voi xuất binh, dùng sự uy vũ để hàng phục. Khi ra trận, voi chỉ giấu vòi mà bảo vệ không dùng nó để chiến đấu. Tướng cưỡi voi thấy vậy rất vui mừng, biết nó bảo vệ chiếc vòi. Tại sao nó phải bảo vệ vòi? Bởi vòi của nó rất mềm mại. Một khi trúng tên vào vòi thì nó sẽ chết ngay tức khắc. Con nay cũng nên bảo vệ miệng lưỡi của mình, giống như con voi lớn bảo vệ vòi của nó không dùng chiến đấu vậy."

La-hầu-la nghe những lời thiết tha dạy bảo của Đức Phật, lòng cảm động, tự gắng sức tu tập nên sớm chứng được đạo quả A-La-hán.

(Trích kinh Thí Dụ quyển mười)

8. NAN-ĐÀ XUẤT GIA:

Tôn-đà-la Nan-đà là em trai cùng cha khác mẹ với đức Phật. Nan-đà có thân cao một trượng năm thước bốn tấc. Khi đức Phật cùng với Tôn giả A-nan đang trụ ở thành Ca-tỳ-la-vệ, một hôm đức Phật vào thành khất thực, Nan-đà đứng trên lầu cao nhìn thấy liền xuống lầu đảnh lễ Ngài và hỏi: "Bạch đức Thế Tôn, Ngài đáng làm một bậc chuyển luân Thánh vương, vì sao lại hạ mình ôm bát đi xin ăn?"

Nan-đà nói xong liền đón lấy bát của đức Phật đem vào để đầy thức ăn ngon, còn Phật thì trở về vườn Ni-câu-luật bảo với các thị giả: "Khi nào Nan-đà ôm bát của ta ra, các vị chớ nhận, hãy để cho ông ta tự mang đến".

Khi Nan-đà đưa đến chỗ đức Phật thì người vợ của ông chạy theo dặn dò: "Thiếp đợi chàng về mới cùng ăn cơm". Đến nơi, Nan-đà trao bát cho đức Phật và thúc giục Ngài nhận lấy.

Phật bảo: "Em đã đến đây rồi thì nên xuất gia đi!". Sau khi xuất gia cho Nan-đà xong, đức Phật dùng thần lực đóng chặt cửa tinh xá. Từ đó về sau, thỉnh thoảng mới phân công cho làm trị nhật.

Nan-đà mừng và nghĩ kế: "Ta nhân lúc rảnh việc tìm cơ hội trốn về nhà".

Lúc ấy Nan-đà làm tất cả các việc rất cẩn thận không có lầm lỗi xảy ra. Nhưng bị thiên thần theo dõi, Nan-đà múc nước đầy thì tự nhiên bị đổ hết, nơi đất sạch thì cỏ lại mọc lên mơn mởn, đã đóng chặt cửa nhưng tự nhiên lại mở. Nan-đà thầm nghĩ: "Nếu có mất mát thì nhà ta đủ sức bồi thường".

Nghĩ xong chàng cởi ba pháp y ra và mặc y phục của thế gian, lén theo đường tắt để trốn đức Phật trở về nhà. Đi chưa bao xa thì lại gặp đức Phật, chàng liền chạy đến sau gốc cây lớn lánh thân, để đức Phật không nhìn thấy. Nhưng lạ thay cây lại đứng sau lưng của mình. Đức Phật liền dùng thần lực, nhổ cây treo lửng trên hư không, Nan-đà lại núp dưới gốc cây.

Đức Phật hỏi: "Nan-đà, sao em lại đến đây?"

Chàng xấu hổ im lặng.

Đức Phật hỏi đi hỏi lại ba lần: "Em muốn đi đâu?"

Chàng đáp: "Em muốn về nhà để gặp vợ em".

Phật dạy: "Phàm là người học đạo, tâm lại buộc nơi tham dục, không nghĩ đời sau mang hoạ đốt thân. Nay ta sẽ đưa em lên trời dạo chơi, em hãy nhiếp tâm đừng sợ sệt". Nói xong Ngài dẫn Nan-đà lên trời, chàng nhìn thấy một cung điện được trang nghiêm bằng bảy báu, các ngọc nữ vây quanh nhiều không thể tính kể, nhưng họ đều không có chồng.

Nan-đà hỏi Phật: "Bạch đức Thế Tôn, đây là cõi trời nào mà mọi người đều không có chồng?"

Đức Phật đáp: "Em tự đến đó hỏi họ xem".

Nan-đà liền đến hỏi các ngọc nữ, ngọc nữ đáp: "Nan-đà em của đức Phật nếu tinh tấn tu tập, hành trì giới luật thì chàng sẽ sinh lên đây làm chồng chúng em".

Nan-đà đến bạch rõ đức Phật, Phật dạy: "Em hãy nhanh chóng tu tập phạm hạnh thì không lâu sẽ sanh lên đó".

Đức Phật lại dùng thần lực, tiếp tục đưa Nan-đà xuống địa ngục. Đi dọc theo núi Thiết vi, gặp một con khỉ chột mắt. Phật hỏi Nan-đà: "Này Nan-đà, Tôn-đà-lợi vợ của em so với con khỉ này thì như thế nào?"

Chàng đáp: "Tôn-đà-lợi ư! So với các cô gái khác thì nàng là một người đẹp tuyệt vời, làm sao mà đem so sánh với con khỉ này được?"

Đức Phật lại hỏi: "Vậy thì đem so với các thiên nữ cũng đẹp gấp trăm ngàn lần chứ?"

Khi đến địa ngục, chàng thấy các hình thức tra tấn khổ sở. Trong

đó có một cái vạc lửa, bọn ngục tốt vây quanh, lửa cháy ngùn ngụt nhưng không thấy tội nhân. Nan-đà lại bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn, sao ở đây chỉ có vạc lửa mà không có tội nhân?"

Đức Phật đáp: "Em nên đến hỏi họ xem!"

Chàng liền đến hỏi ngục tốt, họ đáp: "Nan-đà, con Cam-lồ-phạn vương vì tính dâm dục quá nặng, cậy giàu sang mà khinh khi kẻ nghèo hèn, khi chết sẽ sanh vào đây".

Nan-đà nghe vậy thì thất kinh, vội vã bạch đức Phật, mong xa lìa địa ngục. Vì thế, đức Phật thuyết pháp nhiệm mầu cho Nan-đà nghe, cuối cùng tôn giả đã chứng được đạo quả.

(Trích kinh Đồng Tử Vấn Phật Khất Thực, lại trích kinh Xuất Diệu quyển mười sáu)

9. ĐIỀU ĐẠT XUẤT GIA:

Bạch Phạn vương[9] có hai người con là A-nan và Điều-đạt. A-nan cao một trượng năm thước ba tấc, Điều-đạt cao một trượng năm thước bốn tấc[10]. Một hôm Bạch Phạn Vương đến thăm đức Thế Tôn, thấy quyến thuộc của Ngài Ca-diếp dung mạo xấu xí, liền về nhóm họp thân tộc lại để bàn luận. Lúc ấy mọi người cùng nói hùa theo: "Ngày xưa nếu đức Phật không xuất gia thì sẽ làm bậc Thánh vương, thống nhiếp cả bốn châu thiên hạ, những người theo hầu ắt phải xinh đẹp. Thế mà nay, đệ tử của Ngài không được đẹp lắm. Nếu người muốn hành đạo thì mong sao có tướng mạo vẹn toàn, tăng số đầy đủ để làm rạng rỡ đức Thế Tôn chứ! Mọi người đều cùng nói: "Phải lắm".

Điều-đạt nói [11]: "Các vương tử em tôi, nay bỏ vinh hoa ở đời mà xuất gia học đạo, đáng lẽ phải sửa sang cách ăn mặc cho tuyệt thế. Voi ngựa xe cộ giá trị phải ngàn vàng!

Đến ngày ước hẹn, phục sức đẹp đẽ đi ra ngoài, người xem chen chật cả đường. Bỗng chốc mũ của Điều-đạt rơi xuống đất. Ngựa của Cù-hoà-di cưỡi cũng ngã quay chổng bốn vó, cất tiếng hí inh ỏi.

Lúc bấy giờ có thầy tướng xem quẻ nói: "Trong đây, những người khác đều đắc đạo, riêng hai người thì không được tốt".

Khi đó bọn họ cùng đi đến chỗ của đức Phật cầu xin xuất gia. Biết được tâm ý họ, Phật kiên quyết hàng phục. Vì vậy, ai cũng vui mừng nhận sự giáo hoá của Ngài.

---

9) *là em thứ hai của vua tịnh phạn*

10) *là em thứ hai của vua tịnh phạn*

11) Lại có tên là Đề-ba-đạt-đa, đời Lương gọi là Thiên-chấp

(Trích kinh Trung Bổn Khởi quyển thượng, lại trích kinh Thập Nhị Du)

10. A NA LUẬT XUẤT GIA:

Hộc Phạn vương[12] có hai người con là Ma-ha-nam và A-na-luật. A-na-luật là người được mẹ yêu mến. Một hôm, Ma-ha-nam nói: "Dòng họ Thích chúng ta có rất nhiều người theo đức Phật tu tập Thánh đạo, còn nhà chúng ta thì chưa có ai cả! Giờ đây, hai anh em chúng ta, một người lo xây dựng cơ nghiệp giữa thế gian còn một người nên cầu xin đức Phật cho xuất gia học đạo.

A-na-luật thấy việc nhà phiền toái nên xin mẹ theo Phật xuất gia.

Mẹ chàng nói: "Nếu như Bạt đề xuất gia thì mẹ đây cũng bằng lòng cho con được xuất gia.

A-na-luật năn nỉ mãi, cuối cùng hai người mẹ đồng ý, nhưng rồi Bạt-đề bảo khoan đi, chúng ta cùng ở lại thêm bảy năm nữa để hưởng thụ năm thú vui ở đời đã.

A-na-luật nói: "Thân mạng con người thật vô thường, khó mà giữ được lâu dài".

Bạt-đề lại thương lượng chúng ta cùng ở nhà thêm một năm nữa, nhưng A-na-luật không chấp nhận, rốt cuộc đành phải hẹn bảy ngày sau.

Bảy ngày đã trôi qua, tám người trong dòng họ Thích cùng với người hầu là Ưu-ba-ly, mọi người đều chuẩn bị voi báu đẹp đẽ cưỡi ra khỏi cửa thành. Lúc ấy, họ đều thay y phục, cả voi ngựa đều trao lại cho Ưu-ba-ly và dặn: "Từ lâu, ngươi nương chúng tôi để sinh sống, nay chúng tôi xuất gia, y phục voi ngựa này cho ngươi hết, ngươi lo tìm kế sinh nhai".

Lúc ấy, Ưu-ba-ly treo y phục lên trên cây và nghĩ rằng: "Những thứ của cải này ai muốn lấy ta cho".

Thế rồi, Ưu-ba-ly chạy theo mọi người, đi đến chỗ của đức Phật cầu xin xuất gia. Các vương tử xin đức Phật thế độ cho Ưu-ba-ly trước để trừ bỏ được lòng kiêu mạn của họ, kế đến là thế độ cho A-na-luật.

(Trích luật Tứ Phần quyển ba. Luận Đại Trí Độ, kinh Thập Nhị Du phần lớn đều giống)

11. BẠT ĐỀ XUẤT GIA:

Cam lộ Phạn vương[13] có hai người con là Đề-bà và Bạt-đề. Bạt-đề

12) Em thứ ba của vua Tịnh phạn

13) Cam lộ Phạn vương là em thứ tư của vua Tịnh Phạn

được mẹ thương yêu. Một hôm chàng xin mẹ xuất gia tu tập, mẹ chàng nói: "Nếu như A-na-luật xuất gia thì mẹ cũng cho phép con được xuất gia". Sau đó quả nhiên việc ấy xảy ra, cả hai cùng đến chỗ đức Phật cầu xin xuất gia. Họ cùng nhau bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn, nay cha mẹ của chúng con đã cho phép, xin đức Thế Tôn thương xót tiếp độ".

Một hôm, Bạt-đề ngồi trên gò mả ở dưới gốc cây để thiền quán, đến hơn nửa đêm thì bỗng hô to mấy tiếng: "Vui quá, Vui quá". Có vị Tỳ-kheo ngồi bên cạnh nghe bèn bạch hỏi đức Phật. Đức Phật liền cho gọi Bạt-đề đến hỏi: "Con hô to " vui quá!" Vậy con có niềm vui gì thế?"

Bạt-đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn, ngày xưa con còn ở nhà, khi đi, ở, ra, vào đều phải dùng dao gậy để bảo vệ thân thể, thế mà vẫn còn lo sợ. Nay con một mình ở trong chốn mồ mả mà không sợ sệt chút nào. Xuất gia thật là vui quá.

Phật bảo: "hay lắm"

(Trích luật Đàm Vô Đức. Luận Đại Trí Độ và Kinh Thập Nhị Du phần lớn giống nhau)

12. VUA LƯU LY DIỆT DÒNG HỌ THÍCH:

Vua Ba-tư-nặc vừa mới lên ngôi liền nghĩ rằng: "Trước hết ta nên cưới con gái của dòng họ Thích".

Thế rồi ông ta liền bảo với vị quan: "Khanh hãy đem danh tánh của ta đến thành Ca-tỳ-la-vệ, xin cầu hôn con gái ở nước ấy".

Nghe việc này, trong dòng họ Thích liền tập hợp bà con lại số khoảng năm trăm người để cùng nhau bàn luận, tất cả mọi người đều tỏ vẻ giận dữ. Họ nói: "Dòng họ nhà ta là dòng tộc cao quý, cớ sao lại kết thân với con của một kẻ nô tỳ!" Lúc đó, có người nói nên đồng ý việc này,nhưng cũng có kẻ nói là không nên.

Bấy giờ Ma-ha-nam bảo với mọi người trong dòng họ Thích: "Vua Ba-tư-nặc kia rất bạo ác, nếu không gả thì ông ta sẽ xâm chiếm bờ cõi của nước ta".

Lúc bấy giờ người nô tỳ của Ma-ha-nam có một người con gái, dung nhan xinh đẹp, họ cho cô gái tắm rửa, thay y phục tốt đẹp, ngồi xe quý rồi đích thân Ma-ha-nam mang sang cho vua Ba-tư-nặc và nói: "Đây là con gái của tôi, có thể cùng Ngài thành thân được".

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc rất vui mừng, liền phong cho cô gái này làm đệ nhất phu nhân. Không bao lâu thì có thai, sanh ra một hoàng nam thật tuấn tú khôi ngô, đời ít ai sánh kịp. Nhà vua triệu tập các thầy

tướng đến để đặt tên cho con. Các thầy xem tướng nói: “Khi bệ hạ đến xin cầu hôn với phu nhân, trong dòng họ Thích cùng nhau bàn luận, có người thì chấp thuận nhưng cũng có người không chấp thuận, vì sự tranh cãi đó mà nay đặt tên cho thái tử là Lưu-ly[14].

Năm thái tử lên tám, vua Ba-tư-nặc bảo với Lưu-ly: “Con hãy đến thành Ca-tỳ-la-vệ để học các môn bắn cung và võ nhé”. Thái tử Lưu-ly vâng lời nhà vua, cưỡi xe voi lớn cùng với tuỳ tùng đến tư dinh của Ma-ha-nam. Nơi đây tập hợp cả thảy năm trăm đồng tử để cùng nhau học tập.

Ma-ha-nam xây dựng một ngôi giảng đường lớn giống như thiên cung. Ông nói với mọi người: “Chúng ta trước nên thỉnh Phật và chúng Tăng về đây để cúng dường thì được phước vô lượng”. Ông cho trải toạ cụ và treo các phan lọng, rải nước thơm lên đất, xông các thứ danh hương lên trong giảng đường.

Bấy giờ Thái tử Lưu-ly đến giảng đường leo lên toà Sư tử ngồi, mọi người trong dòng họ Thích thấy vậy mới hô to lên: “Ngươi là con của kẻ nô tỳ”. Họ vừa nói vừa kéo Lưu-ly ra khỏi cửa và đánh té xuống đất.

Thái tử Lưu-ly ngoái lại nói với Phạm-chí khổ hạnh: “Nay dòng họ Thích huỷ nhục ta quá đáng, sau này ta nối ngôi vua thì ông nhớ nhắc ta việc này”.

Khi vua Ba-tư-nặc băng hà,Thái tử Lưu-ly lên kế vị. Lúc ấy vị Phạm-chí nhắc lại chuyện xưa cho vua nghe. Nhà vua ra lệnh tập trung bốn bộ binh để chinh phạt dòng họ Thích. Nhà vua kéo quân đến thành Ca-tỳ-la-vệ thì gặp đức Phật đang ngồi kiết già dưới cội cây khô trước mặt. Thái tử từ xa trông thấy liền xuống xe đi đến đảnh lễ đức Thế Tôn.

Thái tử bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn, vùng này có rất nhiều cây tươi tốt sao Ngài không ngồi mà lại ngồi dưới bóng cây khô này?”

Đức Thế Tôn trả lời: “Bóng mát của thân tộc cố nhiên là mát hơn người ngoài”.

Nhà vua nói: “Hôm nay, Đức Thế Tôn cố vì người thân trong dòng tộc ma chịu khổ, vậy thì ta không nên đánh”.

Phạm-chí lại đem mối thù xưa tâu lên nhà vua, vua lại khởi binh chinh phạt.

Bấy giờ, tôn giả Mục-kiền-liên bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn, nay vua Lưu-ly đem quân đánh dòng họ Thích, con muốn gom bốn bộ

14) Lưu Ly: trong kinh tăng nhất A-hàm phần thứ 19 ghi. Chuyện vua Tỳ-thê-lặc phần nhiều giống vậy.

quân của dòng họ Thích dời đi nơi khác, hoặc dời lên hư không, hoặc an trí trong biển lớn, hoặc đặt vào trong núi Thiết vi, hoặc đưa qua các nước lớn phương khác, hoặc dùng lồng sắt che thành lại, làm như vậy có được không?"

Đức Phật đáp: "Ông là người có trí đức mới muốn làm như thế nhưng không có nơi nào yên ổn được đâu. Người dân ở nước Xá-di có bảy điều mà họ không thể trốn đi đâu được. Bảy điều ấy là: sanh, già, bệnh, chết, tội, phước, nhân duyên. Tuy lòng họ muốn trốn thoát nhưng rốt cùng họ không thể thoát được nghiệp báo quá khứ mà họ gây tạo".

Tuy Phật dạy như thế nhưng tôn giả Mục-kiền-liên vẫn không đành lòng. Tôn giả dùng bình bát, chọn lấy bốn năm ngàn người quen biết thâu hết vào trong bát, rồi đem lên hư không gần với các tinh tú.

Dòng họ Thích lúc ấy cũng tập hợp bốn bộ binh mã, tiến ra cách thành một do tuần để nghinh chiến. Trong một do tuần họ bắn tên về phía trước, quân lính của vua Lưu-ly, có người thì bị trúng vào tai, có người bị trúng vào đầu, cũng có người bị đâm vào búi tóc. Cung tên, binh khí, cờ xí tất cả phương tiện chiến đấu của vua Lưu-ly đã bị hư hỏng nặng nề, nhưng vẫn không làm tổn thương đến một mạng người nào.

Lúc ấy, vua Lưu-ly hết sức lo sợ, nhà vua bảo với quần thần: "các khanh hãy nhìn rõ những mũi tên này từ đâu bắn tới? Nếu như dòng họ Thích thật sự muốn tấn công ta thì quân ta sẽ chết dưới tay của họ".

Nhà vua bèn hạ lệnh rút quân về nước Xá-vệ. Vị Phạm-chí hiếu khổ hạnh lại tâu vua: "Tâu đại vương, người chớ nên sợ hãi. Dòng họ Thích trì giới đến cả côn trùng còn không giết hại huống gì mạng người! Chúng ta hãy tiến lên!" Nhà vua liền nghe theo.

Vua Lưu-ly tiến đánh, quả nhiên quân của dòng họ Thích phải rút vào thành.

Vua Lưu-ly bảo: "Các ngươi hãy mở cửa thành, nếu không thì ta sẽ giết hết".

Lúc ấy trong thành Ca-tỳ-la-vệ có một đồng tử, tuổi mới mười lăm, tên là Xà-ma. Chàng một mình lên thành nghinh chiến, giết chết rất nhiều người. quân giặc bị bắn nên bỏ chạy toán loạn, có kẻ thì nấp vào trong hang đất. Khi ấy những người trong dòng họ Thích trách mắng đồng tử: "Ngươi đã làm nhục dòng họ nhà ta, trong đây ai mà không biết chống trả, nhưng vì dòng họ nhà ta tu tập các thiện pháp, những loài côn trùng còn không giết huống gì là mạng người! quân ta chỉ cần một người thôi cũng đủ địch lại vạn người của họ, có thể dẹp tan

quân của họ. Thế nhưng, vì sát hại sanh mạng của con người thì chết sẽ đọa vào địa ngục, còn như sanh vào loài người thì thọ mạng ngắn ngủi, ngươi hãy rời khỏi thành, không cho ngươi ở đây nữa".

Xà-ma liền ra đi khỏi nước. Bấy giờ vua Lưu-ly tiến đến trước cổng thành, không ngờ khi ấy có ma-ba-tuần hoá làm một người trong dòng họ Thích và hô to: "hãy mau mở cửa thành". Người dòng họ Thích mở cửa thì vua Lưu-ly lại quát lớn: "Tất cả mọi người trong Thích tộc đều phải chết dưới đế giày của ta! Nói xong nhà vua cho voi dữ tiến vào dày xéo, chà đạp chết mọi người.

Lúc ấy, vua Ma-ha-nam tuyển chọn năm trăm người con gái của dòng họ Thích đem đến chỗ vua Lưu-ly và cầu xin hoãn đánh.

Nhà vua liền nhận lời.

Ma-ha-nam nói: "Nay tôi lặn xuống nước, tuỳ theo tôi nổi lên nhanh hay chậm, trong thời gian ấy xin nhà vua cho phép mọi người trong Thích tộc được chạy trốn, khi nào tôi nổi lên thì Ngài cứ giết họ".

Lưu-ly bảo: "Hay lắm!".

Ma-ha-nam lặn xuống nước sâu, lấy tóc của mình cột vào trong rễ cây mà kết liễu đời mình. Lúc ấy mọi người dòng họ Thích trong thành chen nhau chạy ra bốn cửa thành. Vua Lưu-ly thấy Ma-ha-nam lặn xuống nước lâu quá nên bảo với quần thần: "Ông cụ Ma-ha-nam sao đến giờ vẫn chưa trồi lên!" Vua liền sai người lặn xuống nước kéo lên thì lúc ấy Ma-ha-nam đã chết rồi.

Bấy giờ nhà vua lấy làm hối hận mà nói: "Ông ngoại ta đã qua đời rồi! Một con người do thương yêu dòng họ mà chọn lấy cái chết cho mọi người được sống. Nếu ta sớm biết việc này thì ta quyết không đánh".

Số người vua Lưu-ly giết lên đến chín ngàn chín trăm chí mươi chín vạn, máu đổ thành sông, chảy quanh thành Ca-tỳ-la-vệ.

Sau khi quân lính kéo đi rồi, tôn giả Mục-kiền-liên bạch với đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn, nhờ thần lực của Ngài mà con đã bảo vệ được bốn năm ngàn người".

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-kiền-liên: "ông hãy đến xem lại thử đi!"

Mục-kiền-liên liền lấy bình bát xuống xem thì quả nhiên mọi người đều đã chết.

Bấy giờ, vua Lưu-ly đến khu vườn Ni-câu-lưu nói với năm trăm người con gái dòng họ Thích rằng: "Ta là chồng của các khanh đây, các khanh đừng nên lo buồn nữa".

Nói xong liền nắm lấy tay của một cô gái.

Cô gái liền phản ứng: "Nay ta vì cớ gì mà phải gá nghĩa với con của một kẻ nô tỳ!"

Vua Lưu-ly nổi giận, cắt hết tay chân của các cô gái vứt xuống hầm sâu. Thế rồi cả năm trăm cô gái dòng họ Thích chưởi mắng vua Lưu-ly: "Ai đem chúng ta mà gả cho con của một kẻ nô tỳ?"

Nhà vua ra lệnh, chiếu theo pháp luật như trước mà xử tội của năm trăm cô gái này.

Vua Lưu-ly kéo quân lính về nước Xá-vệ, lúc ấy Thái tử Kỳ-đà đang ở trong thâm cung vui chơi với các cô kỹ nữ. Nhà vua nghe tiếng liền quay xa giá đến gặp Kỳ-đà. Kỳ-đà ra khỏi cửa để gặp vua và mở lời: "Lành thay đại vương! Đại vương có thể tạm dừng lại không!

Lưu-ly nói: "Thái tử há không nghe ta đánh nhau với dòng họ Thích sao? Hay vì quá vui chơi với các kỹ nữ mà không đến giúp ta!

Thái tử Kỳ-đà đáp: "Việc đại vương đi giết dòng họ Thích tôi đây có nghe nhưng tôi không đi giúp là vì tôi không nỡ giết hại chúng sanh".

Lưu-ly nghe vậy liền rút dao chém Thái tử Kỳ-đà. Thái tử chết, đức Thế Tôn thấy thần thức ông ta sanh lên cõi trời ba mươi ba. Năm trăm cô gái dòng họ Thích do quy y Tam bảo, xưng niệm danh hiệu của đức Phật nên đã sanh lại trong dòng họ Thích, xuất gia học đạo, chứng quả vô sanh.

Họ đã chịu đau khổ ngần ấy mà không hề nhớ nghĩ hận thù.

Bấy giờ, đức Phật cùng chư vị Tỳ-kheo đến thành Ca-tỳ-la-vệ, các người nữ từ xa trông thấy ai nấy đều xấu hổ. Đức Thế Tôn ngoái lại nói với Thích-đề-hoàn nhân: "Những người nữ này họ cảm thấy xấu hổ". Thích-đề-hoàn nhân liền lấy y trời trùm lên người họ.

Phật lại bảo với Tỳ-Sa-môn: "Những cô gái này đã đói khát lâu ngày rồi!" Ngài vừa nói xong thì đầy đủ các món ăn của trời được bày ra, tất cả đều được no đủ. Ngài thuyết cho họ nghe pháp Tứ đế, các cô gái dòng họ Thích đều rũ bỏ trần cấu, đắc pháp nhãn thanh tịnh, họ đều mạng chung sanh lên cõi Trời.

Đức Phật đến cửa phía Đông, nhìn thấy trong thành khói lửa mịt mù, Ngài bảo các Tỳ-kheo rằng: "Khi xưa ta thuyết pháp cho hàng Tỳ-kheo ở trong này, thế nhưng nay đã trở thành một bãi đất trống, không có con người sinh sống. Từ nay, chúng ta không có dịp để trở lại nơi đây nữa".

Đức Phật trở lại nước Xá-vệ, ở trong khu vườn Cấp-cô-độc, Ngài

bảo các Tỳ-kheo: "Vua Lưu Ly cùng toàn bộ binh lính sau bảy ngày nữa sẽ chết".

Nhà vua nghe được kinh hãi. Phạm-chí khổ hạnh tâu vua: "Xin nhà vua chớ lo toan, trong ngoài bình yên cả".

Vua Lưu Ly cho người đếm từng ngày, đến sáng thứ bảy không có chuyện gì xảy ra nên rất vui mừng. Nhà vua cùng với ba quân, các thể nữ đi đến bờ sông A-di-la, họ cùng nhau bày soạn yến tiệc. Chẳng mấy chốc, trời liền nổ sấm ầm ầm, mây đen cuồn cuộn nổi lên, gió lớn kéo đến trút mưa dữ dội, cuốn trôi tất cả xuống dòng sông. Trong chốc lát vua cùng quân lính chìm chết chẳng còn ai. Vua Lưu Ly sau khi chết đọa vào địa ngục A-tỳ, lại bị lửa trời thiêu đốt, cháy cả cung thành.

Các Tỳ-kheo liền bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn, dòng họ Thích vì nhân duyên gì mà chịu khổ đau như vậy?".

Phật dạy: "Ngày xưa ở trong thành La-phiệt có một làng ngư dân cư ngụ, lúc ấy gặp mất mùa đói kém, nhân dân ăn những thứ rễ của cỏ cây, một đấu vàng mới đổi được một đấu gạo. Trong làng này có một cái ao lớn, rất nhiều cá tôm, người dân đến đó đánh cá lên ăn. Trong ao có hai giống cá là Câu-tỏa[15] và Đa-thiệt, hai loại cá này cùng bảo với nhau: " Ta là loài cá sống trong nước không sống được trên cạn, con người ở đây thì đến bắt ta ăn thịt".Trong thôn có một đứa trẻ, tuổi vừa lên tám, tuy nó không bắt cá nhưng thấy mọi người bắt thì sanh tâm vui vẻ.

Ngư dân trong làng ở thành La-phiệt nay chính là dòng họ Thích. Cá Câu-toả nay chính là vua Lưu Ly, cá Đa-thiệt là Phạm-chí khổ hạnh. Còn chú bé lên tám kia nay chính là ta. Tội bắt cá ăn thịt, trong vô số kiếp họ bị đọa vào trong địa ngục, chịu nhiều khổ sở đến nay vẫn còn. Vì vui mừng khi thấy người khác bắt cá, nên ta nay phải chịu bệnh nhức đầu, như đội đá trên đầu nặng tợ núi Tu-di.[16]

Lúc ấy mọi người nghe đức Phật thuyết pháp vô thường, họ đều chứng quả Tu-đà-hoàn.

(Trích kinh Thích Ca Tất Tội, lại trích Trường A-hàm, kinh Pháp Cú Thí Dụ)

13. NĂM TRĂM THỂ NỮ MUỐN XUẤT GIA THỈNH HAI THẦY:

Bấy giờ có một cô gái trong dòng họ Thích nói với năm trăm cô

15) Kinh Hưng Khởi Hạnh ghi: Phu

16) Kinh Thích Ca tất tội phần lớn đồng, có khác chút ít. Ở đây lược bớt không đưa vào

gái khác cùng họ rằng: “Tôi thường nghe Phật dạy: nếu người nào trong lúc lâm vào hoạn nạn nguy kịch mà biết chí thành niệm Phật cho đến quy y, thì người đó sẽ được bình an”.

Lúc ấy cả năm trăm người nữ cùng chí tâm xưng niệm danh hiệu đức Phật. Họ niệm to: “Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật, ôi khổ quá! Đau đớn quá!”

Bấy giờ trên hư không do sức từ mẫn của Như Lai nên mây đại từ nổi lên, mưa đại bi trút xuống, nhờ vậy mà các cô gái được tay chân lành lặn trở lại như cũ. Các cô thầm nghĩ: “Làm sao chúng ta có thể báo đáp được từ ân của đức Thế Tôn?” Họ liền cùng nhau cầm y mang bát đến tinh xá ở trong khu vườn của nhà vua để cầu xin xuất gia.

Bấy giờ có nhóm lục quần Tỳ-kheo-ni trông thấy các cô dòng họ Thích trẻ tuổi, nhan sắc xinh đẹp, vội nói cho họ nghe năm thú vui dục lạc ở đời. Bọn lục quần nói: “Các cô hãy đợi khi tuổi đã quá thì, khi đó xuất gia, như vậy không thích sao? Nếu quý vị hoàn tục thì trao y bát lại cho chúng tôi”.

Các cô nghe xong lòng buồn bã mà than thở rằng: “Thưa quý vị, giống như thức ăn ngon lạ mà đem hoà với thuốc độc. Cũng thế, năm dục ở đời gây ra nhiều tội lỗi. Điều ấy chúng tôi đã biết rõ, cớ sao quý vị lại khen ngợi chúng tốt đẹp mà mê hoặc chúng tôi?”

Nói xong lời ấy, các cô đều cất tiếng khóc to. Lúc ấy, bỗng có Tỳ-kheo Liên-hoa-sắc đi đến hỏi sự tình. Các cô đáp: “Chúng con muốn được xuất gia nhưng chẳng được chấp thuận”. Liên- hoa-sắc liền độ họ làm đệ tử”.

Khi ấy các cô dòng họ Thích buồn vui lẫn lộn, mới trình bày rõ sự việc dòng họ ly tan, thân tàn ma dại, cúi mong hoà thượng hiểu và thương xót cho.

Liên-hoa-sắc đáp: “Cái khổ của các cô đâu có thấm gì! Khi xưa tôi còn ở nhà, nhà tôi ở nước Xá-vệ, cha mẹ gả tôi cho người phương Bắc. Theo phong tục nước ấy, khi người vợ gần sanh thì phải trở về quê ngoại để sanh nở. Đến ngày khai hoa trổ nhụy, vợ chồng tôi lên xe trở về quê ngoại. Trên đường đi gặp một con sông, thuỷ triều đang dâng quá mạnh, trên đường thì vắng người đi lại, lại có nhiều giặc cướp. Khi đến bờ sông, chúng tôi không thể qua được, đành phải ở lại đêm bên bờ. Màn đêm buông phủ thì tôi chuyển bụng, sanh ra một bé trai. Lúc ấy có một con rắn lớn ngửi được mùi hôi của huyết tanh liền bò đến chỗ của tôi. Trước tiên, nó phun nọc độc giết chết đứa nô bộc. Tôi cố gọi chồng tôi dậy nhưng chàng không đáp. rắn lại bò đến phun nọc độc giết chết

chồng tôi, lần lượt chúng giết hết trâu ngựa của tôi.

Đến khi trời sáng, thi thể của chồng tôi đã thối rã. Ôi! Quá buồn đau và sợ hãi, tôi cất tiếng khóc. Trải qua mấy hôm tôi ở lại bên bờ sông này. Đến khi nước rút, tôi để đứa con lớn ở lại bên bờ, còn tay tôi choàng đứa con mới sanh lên lưng, bọc quần áo mới sanh thì cắn trên miệng, rồi bắt đầu lội xuống nước để qua sông. Tôi lội qua được nửa dòng quay lại nhìn đứa con lớn thì thấy bị cọp tha đi. Lúc ấy tôi hét lên một tiếng thì bọc quần áo trên miệng bị rơi xuống sông, cháu bé trên tay cũng bị tuột chìm ngỉm. Tôi dùng tay mò kiếm nhưng rốt cuộc cũng không tìm thấy. Ôi! Thế là hết. Đứa mang trên lưng thì bị buông tay rơi xuống nước, đứa trên bờ lại bị cọp tha, lòng tôi tan nát, miệng trào máu tươi. Qua đến bờ thì đã kiệt sức.

Bấy giờ có một đoàn người đi đến, trong đó có một vị trưởng giả quen biết với cha mẹ tôi. Hỏi thăm tin tức, vị ấy đáp: “Đêm hôm qua nhà cô bị hoả hoạn, cha mẹ cô đều đã chết hết”. Tôi nghe vậy thì ngất xỉu hồi lâu mới tỉnh lại. Trong lúc đó, lại có năm trăm tên cướp xuất hiện, chúng giết hết đoàn người, còn tôi thì bọn chúng bắt tôi theo làm vợ. Chúng thường sai tôi giữ cửa. Nếu trong lúc có việc khẩn cấp, bị người đuổi thì phải mở hết tất cả các cửa nhà để chúng tháo chạy.

Về sau, chúng chận đường cướp nhưng bị tài chủ phát hiện báo với nhà vua và trong thôn xóm, nên chúng phải chạy về nhà. Khi ấy tôi đang sanh con, chúng nhiều lần gọi tôi mở cửa nhưng không ai mở, buộc phải leo tường vào.

Chúng hỏi tôi: “Tại sao không ra mở cửa”.

Tôi đáp: “Tôi đang sanh”.

Chúng bảo: “Mày vì đứa con mà làm nguy hại đến ta thì ta để nó làm gì?”

Nói xong, chúng rút dao chém đứt tay chân của con và bắt tôi phải ăn thịt con. Tôi quá lo sợ nên phải đành nhắm mắt mà nuốt, chúng mới nguôi được cơn giận.

Chồng tôi tiếp tục đi cướp bóc, bị nhà vua bắt được và đem ra xử chém ngang lưng, còn tôi thì bị chôn sống. Có người vì tham chuỗi ngọc quý trên người của tôi nên mới quật mộ lên để lấy và đem tôi đi. Đi chẳng bao xa thì bị quân lính nhà vua bắt được, họ cho là bè đảng của bọn cướp nên bắt đem chôn sống tất cả.Vì lấp đất không kỷ nên nữa đêm cọp lại moi lên ăn thịt, nhân đó tôi mới được thoát.

Tôi mê man không còn biết chi là phương hướng, cứ thẳng đường mà tiến tới. Trên đường gặp nhiều người, tôi hỏi: “Các vị ở đâu, có thể

giúp tôi trừ bỏ sự thống khổ này không?

Lúc ấy các vị trưởng giả, Bà-la-môn thấy tôi như vậy động lòng thương xót mà nói: "Tôi đã nghe pháp của đức Phật Thích Ca Mâu Ni được nhiều an ổn, không còn các sầu não".

Tôi nghe như thế lòng rất vui mừng liền tìm đến bà Ái-đạo kiều-đàm-di xin xuất gia làm Tỳ-kheo-ni, nhờ thứ tự tu tập mà chứng được đạo quả.

Năm trăm thể nữ dòng họ Thích nghe những lời này lòng vô cùng vui mừng hớn hở và đắc được pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ mọi người đến bái yết Kiều-đàm-di. Bà nói: "Biển pháp của Như Lai tất cả đều có dự phần. Song chúng ta là người nữ, đức Như Lai không cho phép xuất gia, chỉ vì chúng ta quá nhiều nghi hoặc, chấp trước khó xả. Ngu si ái nhiễm, che lấp tâm tánh, bị nước ái dục nhận chìm không có khả năng ngóc đầu lên nổi; biếng nhác ỷ lại, đời này không thể trang nghiêm Bồ-đề, không chứng được Thánh quả ba thừa.

Tôn giả A-nan vì ta mà cầu xin đức Phật: "Sắc thân của Thế Tôn cho đến thành Phật hôm nay đều do Di mẫu cho bú mớm nuôi dưỡng".

Đức Phật dạy: "Nếu cho người nữ xuất gia thì Phật Pháp sẽ sớm đoạn diệt".

Tôn giả A-nan lại cầu xin: "Bạch đức Thế Tôn, chư Phật trong quá khứ đều có đủ bốn bộ chúng, nhưng nay chỉ có Ngài là chưa đủ".

Phật bảo A-nan: "Nếu như Kiều-đàm-di mẫu vì mến mộ Phật Pháp, phát đại tinh tấn, tu tập thanh tịnh tám pháp kính thì ta sẽ cho phép được vào trong hàng ngũ Phật pháp".

Nhờ vậy mà ta mới được xuất gia, huân tu đại bi. Vì hết thảy người nữ về sau mà ta ân cần cầu xin đức Thế Tôn: "Bạch đức Thế Tôn, các thiện nữ về đời sau, vì lòng tin chơn thật, mến mộ Phật pháp, cúi mong đức Thế Tôn cho phép họ được xuất gia tu tập".

Đức Phật bảo ta: "Nếu có người nữ từng bước tu tập, hộ trì Phật pháp, giữ giới đa văn, từ Ba quy Năm giới cho đến Cụ túc, hỗ trợ tuyên dương đạo pháp, được như vậy thì cho phép họ xuất gia".

Quý vị hãy thường nhớ nghĩ ân đức của A-nan, cung kính cúng dường ngày đêm sáu thời để tâm đừng quên lãng.

(Trích Kinh Báo Ân quyển năm)

14. NHÂN DUYÊN ĐỜI TRƯỚC CỦA ĐỨC PHẬT VỚI XA NẶC VÀ NGỰA KIỀN TRẮC:

Một hôm tôn giả Xá-lợi-phất bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn,

đời trước của Xa-nặc đã tạo được những công đức gì mà đưa Bồ-tát vào trong núi tu tập chứng quả chánh giác ngày nay?"

Phật dạy: "Xa-nặc không phải chỉ riêng đời này có công đức như thế ấy. Khi xưa ta tu hạnh Bồ-tát tại nước Thi-la-biên-luy, ở nước ấy có vua Tu-đàm-ma-đề nghe người thế gian nói: "Có kẻ tu đạo mà được lên trời, có người cúng tế mà được lên Trời".

Nhà vua là người thường muốn lên trời nhưng không biết phải làm cách nào? Trong nước thì lại có hơn bốn vạn người theo đạo Bà-la-môn. Trong ấy có vị Bà-la-môn tên là Đại-tôn, nhà vua đến thỉnh ý của ông ta.

Bà-la-môn Đại-tôn hỏi: "Nhà vua muốn thân sống được bay lên trời hay chết được sanh lên trời?"

Vua đáp: "Ta muốn thân sống mà được bay lên trời".

Bà-la-môn Đại-tôn nói: "Đại vương nên làm việc tế cúng".

Nhà vua nghe như thế vui mừng, đem trân bảo quý báu cúng cho Bà-la-môn Đại-tôn.

Đại-tôn đề nghị chọn lấy gái trai xinh đẹp ở trong nước mỗi bên một trăm người, những súc vật như Ngựa Voi mỗi loài cũng một trăm con. Trước tiên là cho bốn vị Bà-la-môn ăn cơm nước xong, sau đó mới giết người và súc vật để tế trời. khi lấy máu của chúng xong, dâng lên cho Bà-la-môn, để họ làm thềm thang lên trời.

Lại nữa, phải lấy cho được máu của thần nữ Chân-đà-la ở trong núi Hương đem hoà với máu của người và vật ở trên để làm thềm

Vua vui vẻ nói: "Sao ngươi không nói sớm cho ta biết?"

Vua bèn ra lệnh khắp trong nước, ai có thể bắt được thần nữ Chân-đà-la không?"

Lúc ấy có một người đến tâu với nhà vua: "Tâu đại vương, trong núi thứ bảy có hai vị có thể bắt được, đó là Xà-lê và Ưu-lê, họ đều biết chỗ ở của thần nữ Chân-đà-la".

Nhà vua bảo: "Hãy mau gọi họ đến đây".

Khi họ đến, nhà vua hết sức vui mừng, sai dọn rượu thịt, thức ăn ngon để tiếp đãi, mặc tình cho họ vui chơi bảy ngày bảy đêm, còn trọng thưởng cho họ rất hậu.

Nhà vua bảo Xà-lê và Ưu-lê rằng: "nếu các ngươi có thể bắt thần nữ Chân-đà-la đến để giúp ta được lên trời thì ta sẽ giao đất nước này lại cho các ngươi cai quản.

Cả hai người nhận lời vội dốc sức đi tìm thần nữ Chân-đà-la. Hai tháng trôi qua, họ đã vượt qua tám lớp núi, đến được núi Hương sơn, lúc

ấy họ gặp một hồ nước lớn, đồng thời họ thấy Thích đề hoàn nhân cùng với vô số chư Thiên kỹ nữ ra khỏi thành dạo chơi và đến hồ đó tắm gội. Tắm xong, tất cả đều bay lên trời.

Bấy giờ bên cạnh hồ nước có một vị Bà-la-môn, vị này đã chứng được tứ thiền, đang hành đạo ở bàn già. Xà-lê và Ưu-lê tiến đến làm lễ và thưa hỏi: "Thưa Ngài, ở đây sao lại có những tiếng ồn ào vui vẻ như thế?"

Ông đáp: "Nữ vương Ma-đầu và hơn một ngàn người nữ ở trong thành này đang dạo chơi, tắm rửa rồi sẽ đến chỗ ta làm lễ. Hai vị nên đi nơi khác".

Xà-lê và Ưu lê liền từ tạ. Khi đến chỗ khuất họ cùng bàn với nhau rằng: "Từ nơi vị đại thần Thánh này để tìm thần nữ, có lẽ được đấy".

Cả hai vị đều thầm nghĩ nên dùng cỏ kết lại rồi thả vào lấp kín mặt nước khiến cho vị Bà-la-môn kia không cử động được. Lúc ấy, cỏ đè lên thiên nữ khiến cho không bay được. Họ kết cỏ niệm thần chú xong, thả xuống hồ. Lúc ấy, Thích đề hoàn nhân cùng các vị thiên nữ khác đều bay lên được, chỉ còn nữ vương Ma-na-ha-la bị lấp ở trong, không bay lên được. Họ liền tiến tới trói nữ vương lại và dắt về cho vua. Nhà vua mời họ vào, thiết đãi yến tiệc, tặng thưởng công lao.

Bấy giờ thái tử Na-la-thi làm vua ở nước khác, nhà vua có thái tử tên là Tu-la. Trước đây chính là cháu của Na-la-thi. Tu-la có lòng đại bi, thực hành Bồ-tát đạo. Nhà vua cho gọi Thái tử đến, Thái tử nhìn thấy cô gái liền muốn cưới làm vợ.

Vua nói: "thay vì làm vợ của con, nay ta lấy máu của cô ta để làm bậc thang lên trời".

Bồ-tát nói: "Nếu như không cưới cho con thì con sẽ chết". Nhà vua sợ Thái tử chết nên đem cô gái ban cho.

Hơn bốn tháng trôi qua, Bà-la-môn đến tâu vua: "Tâu đại vương, trước đây đã bắt được thần nữ Chân-đà-la, nay nên giết cùng với những người khác và súc vật để lấy máu. Trước tiên, đại vương cho đào hố vuông tám thước để đựng máu của họ đợi ngày tế lễ".

Nhà vua nói: "tốt lắm"

Khi ấy Bồ-tát nghe được liền hỏi nhà vua sẽ làm gì?

Bà-la-môn đáp: "Dùng làm tế lễ để được bay lên trời".

Bồ-tát nói: "Nếu như giết người và súc vật thì khi chết sẽ đọa vào địa ngục, làm gì có chuyện được bay lên trời".

Bà-la-môn nói: "Tuổi thái tử còn nhỏ, không phải việc của Ngài".

Bồ-tát nói: “Ta đã biết hết nhân duyên của ông”.

Bà-la-môn nói: “Ngài biết những chuyện gì nào?”

Bồ-tát liền nói hết những việc hành pháp của ông ta, Bà-la-môn xấu hổ vội bỏ đi. Bồ-tát liền nói kinh cho vua nghe: “Muốn lên trời thì phải giữ gìn năm giới, tu tập mười thiện nghiệp, lập đàn bố thí, hiếu dưỡng cha mẹ, cúng dường các bậc Sa-môn, lòng từ mẫn với muôn loài chúng sanh bé nhỏ, tuỳ theo nhu cầu ăn uống mà cung cấp đầy đủ cho nó sống. Nếu làm được điều ấy thì có thể được lên trời”.

Nhà vua nghe xong liền thực hành theo lời của Bồ-tát dạy. Vua đem vàng bạc châu báu trong kho giao cho thái tử, mặc tình bố thí suốt cả bảy ngày. Bố thí xong, thái tử cùng với vợ làm lễ nhà vua và trở về nước cũ.

Sau đó trời đổ mưa vàng bạc châu báu. Suốt một năm, Bồ-tát ở với vợ mà không lo việc nước. Quần thần tâu vua, phải giết Chân-đà-la thì Thái tử mới lo việc nước. Nhà vua nghe lời tâu của đại thần nhưng không thể giết Chân-đà-la. Người ra sắc lệnh bắt Thái tử trói lại.

Lúc ấy Chân-đà-la bay đi, khi ngang qua chỗ Xà-lê và Ưu-lê, Chân-đà-la nói với họ: “Thái tử đến đây tìm tôi thì làm phiền quý vị trao vật này lại cho Thái tử. Chân-là-la liền để lại chiếc nhẫn làm tin, trao cho hai vị đạo nhân rồi đi.

Bấy giờ nhà vua thả Thái tử ra, Thái tử không thấy Chân-đà-la đâu, ông té xuống đất và nói: “Giờ biết tìm cô ta ở nơi nào?”

Lúc ấy có một vị thần nói với Thái tử: “Đừng nên khóc nữa, ta sẽ mách bảo cho Ngài biết, hiện giờ cô ta đang ở trong núi thứ bảy, thái tử hãy mau tìm đến đó”.

Nghe nói thế, Thái tử liền mang áo châu báu, vai mang cung tên, lưng đeo đao kiếm để lên đường tìm người. đêm đến áo châu toả sáng cả bốn mươi dặm. Thái tử rời khỏi nước đến sáng hôm sau thì tới núi thứ bảy. Nhìn đằng trước có hai người, Thái tử đến hỏi: “Hai vị ở đây có thấy thần nữ Chân-đà-la không?”

Hai người liền đáp: “chúng tôi có gặp, nàng đã nhờ tôi trao lại chiếc nhẫn làm tin cho Thái tử”.

Cả ba cùng nhau đi về phía trước, leo lên núi hương sơn thứ tám lại trông thấy vị Bà-la-môn chứng tứ thiền trước kia, họ bước tới làm lễ.

Lúc ấy trời Đế thích hoá làm một chú vượn đáng sợ, quấy động cả núi rừng. Bồ-tát thấy thế sợ quá, Bà-la-môn nói với Bồ-tát: “đây là việc thường tình như vậy”. Vượn thấy người không chịu xuống.

Bà-la-môn nói: "Ngươi hãy xuống đây"

Vượn liền leo xuống cây và mang theo trái cây dâng lên, Bà-la-môn nhận lấy rồi trao cho ba người cùng ăn.

Bà-la-môn bảo vượn: "Ngươi hãy dẫn ba vị này đến chỗ thiên nữ".

Vượn nói: "Họ là ai mà biểu tôi phải dẫn lên trời?"

Bà-la-môn đáp: "Đây là Thái tử con của vua, họ đều là những vị Bồ-tát làm sứ mệnh đem Phật pháp hoá độ thiên nhân cho đến các loại côn trùng".

Vượn liền nói: "Tốt lắm!".

Vượn dẫn ba người bay lên trời, trên đường ngang qua trú xứ của năm trăm vị Bích-chi-Phật. ba người bảo vượn trở lại lấy hoa cúng dường các Bích-chi-Phật và chư vị Bồ-tát, họ cùng nhau phát nguyện.

Lúc ấy Bồ-tát phát nguyện: "Nguyện cho con sớm chứng được quả Phật".

Vượn phát nguyện: "Con nguyện được làm ngựa cho đức Phật".

Xà lê phát nguyện: " Con nguyện được làm kẻ hầu của đức Phật".

Ưu lê phát nguyện: "Con nguyện chứng được quả vị A-La-hán".

Phát nguyện xong, mọi người cùng đi đến chỗ thiên nữ Chân-đà-la. Đến nơi vượn làm lễ và lui ra, Bồ-tát cùng với Xà-lê và Ưu-lê đều ngồi ở ngoài cửa. Bấy giờ có một tỳ nữ thanh y lấy nước, Bồ-tát hỏi: "Lấy nước này để làm gì?"

Đáp: "Nước này để cho thiên nữ Chân-đà-la tắm gội".

Bồ-tát liền tháo chiếc nhẫn thả vào trong nước rồi để cho thanh y bưng vào. Khi ấy thiên nữ Chân-đà-la đang tắm, nhìn vào thấy chiếc nhẫn trong chậu nước thì ngừng lại. Lát sau, Chân-đà-la vào thưa cùng cha mẹ rằng: "Chồng con đang ở ngoài cửa".

Cha mẹ thiên nữ nghe vậy thì rất vui mừng. Người cha tên là Đầu-mạc vội ra gặp Bồ-tát. Họ chào nhau xong, Xà-lê và Ưu lê xin cáo từ. Nhà vua mời Thái tử Bồ-tát vào thành cùng nhau vấn an sức khoẻ rồi lấy nước rửa tay cho Bồ-tát. Sau khi tiếp đãi xong, nhà vua đem con gái mình cùng với hơn một ngàn nữ hầu giao phó cho Bồ-tát.

Thế là đã bảy năm lưu lại nơi chốn thiên cung này. Một hôm, Bồ-tát tâu vua: "Tâu đại vương, đã lâu thần không gặp được cha mẹ, hôm nay thần xin trở về hoàng cung thăm lại mọi người".

Vua đáp: "Khanh hãy khoan đi đã".

Bảy hôm sau có một con quỷ đến tâu với nhà vua: "Trước đây

nghe đại vương mất con gái, nay lại trở về mang thêm một chàng rễ quý nữa”.

Vua trả lời: “Con gái của trẩm đáng như vậy, chồng của nó cao quý lắm. Chồng của nó là vương tử nước kia, ở đây đã lâu, nay muốn trở về, phiền khanh tiễn đưa Thái tử”.

Quỷ vương vâng lệnh, họ lấy bảy thứ báu trong cả nước làm thành bảy tầng lầu. Quỷ đặt lầu trong lòng bàn tay, đưa Thái tử trở về nước cũ. Xong xuôi, qủy vương xin cáo từ.

Bồ-tát đến trước cha mẹ đảnh lễ vấn an sức khoẻ. Nhà vua thấy Thái tử trở về liền đem các kho báu vàng bạc giao cho Thái tử. Nhà vua ra chiếu, nhân dân khắp nơi muốn có vàng bạc gạo thóc thì đến cửa đông của hoàng cung, tùy ý mà lấy. Về sau vua mạng chung liền sanh lên cõi trời.

Này các Tỳ-kheo, Thái tử lúc ấy, nay chính là ta. Vị Bà-la-môn chứng tứ thiền nay là Xá-lợi-phất. Xà-lê nay là Xa-nặc. Ưu-lê nguyện làm A-La-hán nay là Mục-kiền-liên. Vị Thiên-đế-thích hoá làm vượn rồi nguyện làm ngựa nay là ngựa Kiền-trắc. Cha ta lúc ấy, nay là Duyệt-đầu-đàn phụ vương ta. Mẹ ta lúc ấy, nay là Ma-da mẫu hậu của ta. Chân-đà-la nay là Cù-di.

(Trích kinh Xa-nặc)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 8

1. Tát đà ba luân vì muốn nghe pháp mà bán tim, máu, tủy.
2. Dược vương đời nay bỏ tay, đời trước thiêu thân.
3. Tịnh Tạng Tịnh Nhãn giáo hóa cha mẹ của mình.
4. Sằn-đề-hòa bị vua cắt thân thể.
5. Vô ngôn thọ lời dạy của chư Thiên theo nghĩa tư duy chứng được tứ thiền.
6. Bồ-tát Thường Bi đi về phương Đồng cầu pháp.
7. Bồ-tát Thiện Tín đi về phương Đồng cầu nữa bài kệ.
8. Nhất Thiết Thế Gian Hiện vì vợ thầy yêu mến mà làm việc trái đạo lý.
9. Diệm quang thự hành hạnh kiết tường, gặp người nữ trở về lập gia nghiệp.
10. Đề-kỳ-la và Na-lại đề xích mích nhau khiến trời tối năm ngày.
11. Bồ-tát Nhạo Pháp xẫ bỏ trang sức quý báu đổi lấy một bài kệ.
12. Vì muốn nghe nửa bài kệ mà xả thân.
13. Tu nhẫn nhục bị cắt thân thể mà không buồn khổ.
14. Bán thân cúng dường Phật, nghe một bài kệ kinh Niết-bàn bị cắt thịt mà không đau đớn.
15. Vì nghe kinh Pháp Hoa, mặt đất rung chuyển nứt ra, Bồ-tát vọt lên không trung.
16. Hái hoa dâng vua, gặp Phật cúng dường.
17. Thọ trì giới cấm phát nguyện ngăn trừ.
18. Sơ phát tâm Bồ-đề liền vượt hơn Tiểu thừa.
19. Ba đứa trẻ cúng dường Phật. Hai đứa phát tâm Tiểu thừa, một đứa phát tâm Đại thừa.
20. Tuổi trẻ bị quỷ dục làm mê hoặc.

1. TÁT-ĐÀ-BA-LUÂN VÌ MUỐN NGHE PHÁP MÀ BÁN TIM, MÁU, TỦY:

Vào thời Đức Phật Đại-Lôi-Âm, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân hành Bồ-tát đạo, vì muốn cầu Bát-nhã-ba-la-mật nên không cần danh lợi chẳng tiết thân mạng. Bấy giờ trên không trung có tiếng dạy bảo Ngài.

Ngài tự nghĩ: "Ta phải cầu Bát-nhã-ba-la-mật ở đâu?". Nghĩ đến đây Ngài buồn bã khóc lóc suốt bảy ngày, chịu sự đói khát, nóng lạnh khiến cho sức lực cùng kiệt.

Khi ấy có tiếng Đức Phật từ trên không trung vọng xuống rằng;

Này thiện nam tử! Thời quá khứ có Đức Phật hành Bồ-tát đạo, cầu nghe Bát-nhã-ba-la-mật, dụng siêng năng tinh tấn, ưa mến pháp để cúng dường Bát-nhã-ba-la-mật cũng như ông ngày nay vậy.

Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đang ngồi trên tòa thuyết Bát-nhã-ba-la-mật. Nếu có người thọ trì đọc tụng, như lời dạy mà thực hành thì sẽ chứng đạo vô thượng Bồ-đề. Ông từ hôm nay bất luận ngày đêm tinh tấn, không bao lâu sẽ được Bát-nhã-ba-la-mật.

Bồ-tát tự nghĩ: "Ta nghèo cùng không có vật gì để cúng dường Bát-nhã-ba-la-mật và pháp sư, chẳng lẽ đến đó bằng tay không? Ta nên bán thân được chút ít tiền để cúng dường Bát-nhã-ba-la-mật và pháp sư. Ta nhiều đời mất vô lượng thân mạng, từ vô thủy đến nay chìm đắm trong sanh tử hoặc chết hoặc bán thân, hoặ vì tham dục mà phải ở trong địa ngục chịu nhiều đau khổ. Ta chưa từng vì pháp thanh tịnh và cúng dường pháp sư mà mất thân mạng".

Nghĩ xong Ngài liền đi vào chợ thành, lớn tiếng rao rằng: "Ai muốn cần người! Ai muốn cần người!".

Bấy giờ ác quỷ nghĩ rằng: " Tát-đà-ba-luân vì yêu mến pháp muốn bán thân mình. Ta nay sẽ phá hạnh nguyện của ông ta".

Ác quỷ liền ngăn che người dân trong thành không cho nghe tiếng rao của Ngài.

Bán thân không ai mua Ngài vô cùng buồn bã. Lúc ấy Thích-đề-hoàn-nhơn hóa làm một Bà-la-mônđến trước Ngài nói rằng:

- Ta cần tim, máu, tủy của người để tế trời, ông có thể bán không?

Bồ-tát đáp:

- Ta nay được lợi ích lớn.

Ngài liền cầm dao đâm vào cánh tay trái cho máu chảy ra, rồi cắt thịt vế phải. Khi Ngài định đập xương lấy tủy thì có một người con gái của trưởng giả ở trên lầu cao, từ xa trông thấy liền hỏi vọng xuống:

Vì lý do gì mà ông lại moi tim chích máu, đập xương lấy tủy của mình khốnn khổ đến như vậy?

Ngài đáp:

Vì muốn chúng sanh tài vật để cúng dường Bát-nhã-ba-la-mật và Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, nên mới bán những thứ này cho Bà-la-môn-kia.

Làm như vậy được công đức gì?

Người này khéo học Bát-nhã-ba-la-mật và phương tiện lực. Ta học pháp này có thể được đạo vô thượng, làm chổ nương tựa cho chúng sanh, được thân sắc vàng, đầy đủ các công đức, đem công đức này ban cho tất cả chúng sanh đều được lợi ích.

Công dức này thật là vi diệu khó gặp, đáng phải xả thân như số cát sông Hằng. Ngài cần gì con sẽ cung cấp đầy đủ, con cũng muốn đến chổ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt để gieo trồng căn lành.

Lúc ấy Thích-đề-hoàn-nhơn hoàn lại, khen rằng:

Lành thay! Thiện nam tử! Chư Phật đời quá khứ hành Bồ-tát đạo cũng cầu Bát-nhã-ba-la-mật như vậy. Thật ra tôi không cần đến máu, tủy của Ngài, chỉ đến đây để thư Ngài thôi. Ngài cần gì tôi sẽ cung cấp cho.

Bồ-tát đáp: Tôi chỉ muốn thân thể bình phục lại như cũ.

Khi thân thể Ngài được bình phục, đến nhà con gái trưởng giả. Cha mẹ cô ta cung cấp đầy đủ các thứ: hoa quý thơm, châu anh lạc, hương thơm, ttràng phan bảo cái, y phục, bảy báu, kỷ nhạc. Con gái trưởng giả cùng với người hầu theo Ngài đến cúng dường kinh và Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Bồ-tát Đàm-vô-kiệt thuyết Bát-nhã-ba-la-mật và phương tiện lực.

Lúc ấy Tát-đà-ba-luân tìm nước rưới đất mà không có, liền cắt thân mình lấy máu rưới đất, để bụi không bám áo pháp sư.

(Trích kinh Đại Phẩm quyển 30).

2. DƯỢC VƯƠNG ĐỜI NAY BỎ TAY, ĐỜI TRƯỚC THIÊU THÂN:

Bồ-tát Tỳ-kheo-Vương-Hoa bạch Phật:

Bạch Đức Thế Tôn! Ngài Dược Vương du hóa cõi Ta Bà này như thế nào? Ngài đã lam trăm vạn ức na-do-tha những hạnh khổ khó làm. Cúi xin Đức Thế Tôn giảng sơ lược cho chúng con được nghe.

Vào-hằng-ha-sa kiếp trong đời quá khứ có Đức Phật hiệu là Nhựt-Nguyệt-Tịnh-Minh-Đức, trong cõi nước ấy không có người nữ. Bồ-tát Hỷ Kiến đối với giáo pháp của Phật này tinh tấn tu hành nhất tâm cầu

thành Phật. Trải qua hai vạn năm, Ngài chứng được Hiện Nhứt thiết sắc thân tam muội, đều nhờ thần lực kinh Pháp Hoa, trên không trung rưới mưa hoa mạn-đà-la cùng hương Hải-ngạn-chiên-đàn. Bồ-tát dùng thiên y cuốn thân,tưới dầu thơm mà tự đốt thân. Ánh sáng đó chiếu khắptám mươi ức hằng hà sa thế giới. Đây là chơn tinh tấn chơn pháp cúng dường.

Than Ngài cháy một ngàn hai trăm năm sau mới tắt. Khi ấy tất cả chúng sanh thấy Bồ-tát Hỷ Kiến cúng dường pháp xong, liền hóa sanh vào nhà của vua Tịnh Đức ở nước này. Bồ-tát nói kệ cho phụ hoàng nghe:

Khi xưa con kinh hành
Đã được thân tam muội
Thực hành hạnh bố thí
Bỏ thân thể đáng yêu.

Rồi Ngài tâu với phụ vương:

Đức Phật Nhựt-Nguyệt-Tịnh-Minh-Đức hiện vẫn còn ở đời, con sẽ đến đó để cúng dường vị Phật này.

Ngài liền ngồi trên tòa cao bảy báu, bay lên hư không, đến chổ Đức Phật chấp tay tán thán Đức Phật:

Dung nhan rất đẹp lạ
Ánh sáng chiếu mười phương
Con đã từng cúng dường
Nay lại về gần gũi.

Phật bảo Bồ-tát Hỷ Kiến:

- Giờ diệt tận của ta đã đến! Ngay trong đên nay ta sẽ nhập Niết-bàn. Ta phó chúc cho ông nên đem xá lợi ban phát khắp nơi, để chúng sanh xây tháp cúng dường.

Bồ-tát Hỷ Kiến dùng củi Hải-thử-ngạn-chiên-đàn, chất lên để trà tỳ.

Sau đó Ngài thu lấy xá lợi đựng trong tám vạn bốn ngàn bình báu, xây tám vạn bốn ngàn tháp để cúng dường. Tuy cúng dường như vậy nhưng lòng Bồ-tát chưa thấy đủ, liền ở trước tám vạn bốn ngàn tháp đốt cánh tay trăm phước trang nghiêm, lửa cháy suốt bảy vạn hai ngàn năm để cúng dường Phật. Vô số chúng Thanh văn, vô lượng người phát tâm bồ-đề điều được Hiện Nhất thiết sắc thân tam muội. Các Bồ-tát, trời,người v.v... thấy Bồ-tát không có tay nên âu sầu buồn bã nói:

Bồ-tát Nhất-thiết-chúng-sanh Hỷ-Kiến là bậc thầy giáo hóa chúng ta,nay Ngài không đủ tay.

Bồ-tát ở trong đại chúng phát lời thệ rằng:

Tôi bỏ hai tay ắt sẽ được thành Phật, nếu đúng thật như thế thì khiến tay tôi trở lại như cũ.

Bấy giờ ba ngàn thế giới có sáu loại chấn động, trời mưa hoa báu, tức thời hai tay của Bồ-tát bình phục như cũ.

Phật bảo Bồ-tát Tú Vương Hoa:

- Bồ-tát Hỷ Kiến thuở đó nay chính là Dược Vương Bồ-tát. Nếu có người phát tâm muốn được đạo vô thượng bồ-đề, nếu đốt một ngón tay nhẫn đến một ngón chân cúng dường Phật, còn hơn đem vợ con, đất nước cho đến ba ngàn cõi nước, núi rừng, ao suối, các vật trân báu mà cúng dường Phật, Bồ-tát, Bích Chi và cúng dường-La-hán.

(Trích kinh Pháp Hoa quyển 6).

3. TỊNH TẠNG TỊNH NHÃN GIÁO HÓA CHA MẸ MÌNH:

Vào thời quá khứ có Đức Phật hiệu Vân-Lôi-Âm-Vương-Hoa-Trí. Bấy giờ có vị vua tên Diệu-Trang-Nghiêm, phu nhân của vua là Tịnh Đức. Họ có hai người con tên Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn.

Hai vị thái tử này có thần lự lớn và có phước đức trí tuệ, chuyên tu Bồ-tát đạo. Đức Phật vì thương xót chúng sanh và muốn giáo hóa vua Diệu-Trang-Nghiêm nên thuyết kinh Pháp Hoa này.

Lúc bấy giờ hai vị thái tử thưa với phu nhân:

- Xin mẹ hãy đến chổ của Đức Phật Vân-Lôi-Âm-Vương-Hoa-Trí, chúng con cũng đi theo để cúng dường, lễ bái hầu hạ Ngài.

Phu nhân đáp:

- Cha các con tin theo ngoại đạo, chấp trước pháp Bà-la-môn. Các con nên đến thưa với cha để cùng đi.

Phu nhân lại nói:

- Các con nên thương phụ vương mà biến hiện thần thông để giáo hóa ông ấy.

Bấy giờ hai vị thái tử bay lên hư không cao bằng bảy cây Đa-la, hiện mười tám món thần biến. Vua thấy thần lực của các con, tâm rất vui mừng, chấp tay hướng về phía các con nói:

- Thầy các con là ai?

Hai vị thái tử thưa:

- Thầy chúng con là Phật Vân-Lôi-Âm-Vương-Hoa-Trí, hiện nay Ngài đang ngồi trên pháp tòa, dưới cội Bồ-đề bảy báu thuyết kinh Pháp Hoa.

Ta nay muốn gặp Ngài!

Hai vị thái tư từ trên không trung bay xuống thưa với phu nhân:

- Phụ vương nay đã tin hiểu, phát tâm Bồ-đề. Các con đã vì phụ vương làm Phật sự rồi, xin mẫu hậu chấp nhận cho chúng con theo Đức Phật kia xuất gia tu học.

Phu nhân đáp:

- Ta chấp nhận cho các con xuất gia, vì Phật rất khó gặp.

Bấy giờ hai thái tử thưa với cha mẹ rằng:

- Ngay bây giờ chúng con đến chổ Đức Phật để thân cận cúng dường.

Vua Diệu-Trang-Nghiêm dẫn quần thần, quyến thuộc, phu nhân và thể nữ nơi hậu cung, cùng với hai thái tửdắt theo bốn vạn hai ngàn người cùng đi đến chỗ Phật.

Đức Phật thuyết pháp dạy bảo khiến họ được lợi ích. Vua rất vui mừng. Bấy giờ. Vua và phu nhân liền cỡi chuỗi châu anh lạc nơi cổ để rải trên Đức Phật. Từ trên không ttrung hóa thành bốn đài báu. Trong mỗi đài có tòa báu lớn dùng một trăm ngàn vạn thiên y để trải. Trên mỗi tòa báu đều có Đức Phật ngồi kiết già, phóng hào quang rực rỡ.

Đức Phật Vân-Lôi-Âm-Vương-Hoa-Trí bảo bốn chúng rằng:

- Các ông có thấy vua Diệu-Trang-Nghiêm đứng chấp tay trước mặt ta không? Vị vua này ở trong giáo pháp ta sẽ làm Tỳ-kheo tinh tấn tu tập trợ duyên giáo pháp của Phật. Vào kiếp Đại-Cao-vương, ở nước Đại Quang ông sẽ được làm Phật hiệu là Ca-sa-la-thọ-vương.

Vua liền nhường ngôi lại cho em rồi cùng phu nhân, hai người con và các quyến thuộc xuất gia tu học giáo pháp của Phật. Sau khi xuất gia, trong suốt tám vạn bốn ngàn năm. Vua thường tinh tấn tu hành kinh Diệu Pháp Liên Hoa, sau đó chứng đắc Nhất thiết công đức trang mghiêm tam muội. Vua liền bay lên hư không cao bằng bảy cây Đa-la.

Vua Diệu-Trang-Nghiêm thuở xưa nay chính là Bồ-tát Hoa Đức. Phu nhân Tịnh Đức chính là Bồ-tát Quang- Chiếu-Trang-Nghiêm-tướng. Hai vị thái tử nay chính là Bồ-tát Dược Vương và Dược Thượng.

(Trích kinh Pháp Hoa quyển 7).

4. SẰN-ĐỀ-HÒA Ở TRONG NÚI, GẶP QUỐC VƯƠNG, BỊ CẮT THÂN THỂ:

Thuở xưa Bồ-tát lúc còn làm vị phạm chí tên Sằn-đề-hòa, bấy giờ Ngài thường ngồi dưới gốc cây trong núi rừng, ăn trái cây uống nước suối, mọi nhơ bẩn bên trong đều tiêu sạch, chứng lục thông đạt trí biết tất cả. Tiếng tăm Ngài vang khắp thiên hạ. Thánh phàm bàn tính ủng

hộ nước của Ngài. Vì thế trong nước Ngài ở mưa thuận gió hòa, ngũ cốc được mùa, không có tai họa tật dịch. Vua nước này tên là Ca-lê. Một hôm nhà vua vào rừng săn bắn, lúc đuổi theo dấu chân nai, thì ngang qua trước mặt Bồ-tát, vua liền dừng lại hỏi xem Bồ-tát có thấy nai chạy qua không. Nhưng Bồ-tát im lặng vua quát:

- Gả ăn mày đáng chết kia! Ta là bậc tôn quý của một nước, tại sao ta hỏi ngươi không trả lời, mà giả vờ cúi đầu. Quyền thế của ta có thể giết chết ngươi đấy!

Bồ-tát nói:

- Tôi xin nghe Ngài đây.

- Ngươi là ai?

Tôi là người nhẫn nhục.

Vua tức giận rút kiếm ra chém đứt cánh tay phải của Ngài.

Bồ-tát nghĩ: " Chí ta cầu đạo vô thượng không tranh chấp với đời, mà vua này còn chém ta, huống gì là dân chúng? nguyện ta thành Phật sẽ độ người này trước, khộn để chúng sanh bắt chước ông ta làm ác".

Vua lại hỏi:

- Ông là ai?

Bồ-tát đáp:

- Tôi là người nhẫn nhục.

Vua lại cắt cánh tay trái của Bồ-tát cho đến hai chân, tai, mũi, máu chảy như suối, đau đớn vô cùng. Trời đất chấn động mặt trời mặt trăng không sáng. Tứ thiên vương đều đến đồng thanh nói:

- Vua này thật tàn ác, rồi nói với đạo sĩ rằng:

- Chúng tôi sẽ giết chết vị vua này cùng với vợ con của hắn và tiêu diệt cả nước để nêu rõ tội ác của hắn ta.

Đạo sĩ đáp:

- Sao lại nói như thế! Tai họa này là do ta đời trước không vâng lời Phật dạy,làm hại ông ấy. Bởi làm ác nên họa theo ta như bóng theo hình.

Dân chúng thấy biến cố xảy ra, liền chạy đến nhận tội, đồng thanh nói:

- Đạo sĩ ở đây, cầu cho đất nước khỏi tai họa thế mà ngu quân không hiểu phải trái, không biết cư xử, làm ác với bậc Thánh, nguyện xin Thánh nhân đừng đem chúng tôi tâu lên thượng đế.

Bồ-tát đáp:

- Vua hung ác làm khổ thân ta, mà lòng ta vẫn thương như mẹ hiền thương con đỏ, chứ dân chúng có tội gì mà phải lo ngại!

Bồ-tát có người em tu ở núi khác. Người em dùng thiên nhãn thấy Trời rồng hội họp bàn về vua ác, không ai không căm giận. Sợ anh mình tổn đức, liền dùng thần túc đến chổ người anh. Người em lấy tay,chân, tai, mũi bị chặt đứt nối lại như cũ, thân thể Bồ-tát bình phục trở lai như trước.

Bồ-tát nói:

- Lòng thương rộng lớn của ta nay đã tỏ rõ.

Thần trời, thần đất đều vui buồn lẫn lộn, cúi đầu ca ngợi, cùng khuyên nhau, thọ giới rồi lui ra.

Sằn-đề-hòa chính là thân ta,người em là Di Lặc, nhà vua là Câu Lân.

(Trích Độ Vô Cực Tập quyển 5).

5. VÔ NGÔN THỌ NHẬN LỜI DẠY CỦA CHƯ THIÊN, THEO NGHĨA TƯ DUY, CHỨNG ĐƯỢC TỨ THỀN:

Lúc bấy giờ, tại nhà tướng quân Sư Tử ở thành Vương xá sanh được một người con trai. Trong lúc sinh đứa bé, chư Thiên trên không trung nói rằng:

- Đồng tử! Thường nên niệm pháp, tư duy pháp, phàm nói ra điều gì chớ nói chuyện thế gian. Thường nên nói pháp xuất thế, luôn giữ khẩu nghiệp, cẩn thận trong từng lời nói. Đối với việc thế gian chớ khởi các giác quan. Nên theo nghĩa của văn không chấp vào văn tự.

Lúc ấy, đứa trẻ nghe những lời này, khong khóc không có dáng vẻ của trẻ con. Cho đến bảy ngày sau sắc mặt của đứa bé lúc nào cũng vui tươi, người thấy rất vui vẽ, nhìn hoài không chán. Có người nói với cha mẹ đứa bé:

Đứa bé này là điềm chẳng lành, không nên nuôi dưỡng!

Cha mẹ đứa bé đáp:

- Đứa bé này tuy không nói được, nhưng các căn đầy đủ; nên biết hẳn là có phước đức chớ chẳng phải là điềm chẳng lành.

Vì thế họ đặt tên đứa bé là Vô Ngôn. Vô Ngôn dần dần lớn lên bằng đứa bétám tuổi. ai nấy cũng vui mừng, cũng thích nhìn. Những nơi nào có thuyết pháp, chuyển pháp luân đứa bé đều thích đến nghe rồi thọ trì nhưng miệng không nói được.

Lúc bấy giờ, Vô Ngôn cùng với cha mẹ và bà con họ hàng cùng đến bảo phường giữa hai cõi Sắc giới và Dục giới. Họ thấy Phật và chư Bồ- tát mười phương, sanh tâm vui mừng. Xá-lợi-phất bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Con của tướng quân Sư Tử vì tạo nghiệp gì, thân căn đầy đủ

mà không nói được?”

Phật đáp: “Không nên khinh thường đứa bé này. Vì sao? Vì người này là bậc đại Bồ-tát, đã từng ở nơi vô lượng Đức Phật, trồng nhiều căn lành, không thối chuyển đạo Bồ-đề. Lúc đứa bé được sanh ra có nhiều chư Thiên đến dạy bảo như trước. Đứa bé theo lời chư thiên dạy bảo, im lặng tư duy, chứng được tứ thiền. Bồ- tát hiện thân như vậy có khả năng điều phục vô lượng chúng sanh”. Phật dùng sáuc thần thông khiến tám bộ bốn chúng, ai cũng thấy trên tay phải Phật có hoa sen giống như bánh xe, thơm tho đẹp đẽ, mọi người đều thích nhìn. Trên mỗi đài hoa có một vị Bồ-tát thân tướng trang nghiêm, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẽ đẹp đang ngồi kiết già. Vô Ngôn thấy sức thần thông của Đức Phật, cúi đầu chấp tay xưng Nam mô Phật-đà. Trong các đài hoa, tất cả Bồ-tát đồng thanh nói như vầy...Hằng hà sa thế giới trong mười phương có sáu lần chấn động. Trên hư không ch thiên dùng hương thơm trổi các thứ kỷ nhạc cúng dường chư Phật. Lúc ấy Vô Ngôn và chư Bồ-tát bay lên hư không cao bằng bảy cây Đa-la, nói kệ tán thán Phật.

(Trích kinh Đại Tập quyển 17).

6. BỒ-TÁT THƯỜNG BI ĐI VỀ PHƯƠNG ĐÔNG CẦU PHÁP:

Thuở xưa, tiền thân Phật là Bồ-tát Thường Bi. Tình trạng Phật - Pháp - Tăng lúc bấy giờ như đời uế trược, người ta lại bỏ chánh theo tà, ưa dối ham lợi giống như thiêu thân thích lửa. Tứ vô lượng tâm, lục ba la mật là ngôi nhà an vui mãi mãi mà người đời phá bỏ Phật Pháp đi đến nguy hoạ kia, để tự huỷ hoại đời mình. Vì vậy Bồ-tát thường buồn bã khóc than.

Xưa có Phật hiệu là Cảnh Pháp Vô Uế diệt độ chưa bao lâu, mà kinh pháp không còn ở thế gian. Một hôm Bồ-tát Thường Bi nằm mộng thấy Phật thuyết pháp cho mình nghe, Bồ-tát nghe xong, lòng dơ trừ sach, nhập vào định thanh tịnh, liền bỏ vợ con vào núi ở chổ vắng lặng tu tập, ăn trái cây, uống nước suối để sống. Một hôm Bồ-tát đang khóc than “con không gặp được Phật - pháp - Tăng, không biết được chổ cao tột của Đạo lớn”. Khi tiếng than vừa dứt, liền có vị Trời hiện xuống nói.

Kẻ sĩ sáng suốt chính là Ngài! Thôi đừng khóc than nữa! Phật có đại pháp gọi là trí sáng, sáng suốt vô cực. Chư Phật ba đời đều nhờ đây mà thành tựu. Ngài nên tìm để học tập văn này, nhớ hiểu nghĩa của nó, vâng giữ và hành trì ắt sẽ gặp Phật.

Bồ-tát Thường Bi ngưỡng mặt lên hỏi:

- Tôi sẽ nghe pháp tôn quý này từ ai? Phải dùng phương tiện gì và

đến nước nào? vị thầy ấy tên họ là gì?

- Từ đây Ngài đi về phương Đông, khi đi đường nhớ nghĩ sắc, thọ, tưởng, hành, thức; ý dứt các chí nguyện. Nếu Ngài giữ lòng không trái với lời dạy của tôi, thì sẽ thấy sách Thánh trí tuệ vô cực.

- Vâng! tôi xin giữ trọn.

- Hãy siêng năng nhớ lấy.

Nói xong vị Trời bỗng nhiên biến mất.

Bồ-tát theo lời dạy đi về phương Đông tìm pháp. Đi được và ngày Bồ-tát dừng lại nghĩ “phước đời trước của ta cạn mỏng. Vua tôi mù tối, không có Phật. Trí tuệ vô cực là vị thầy trừ sạch tối tăm cách đây vài dặm”. Lòng chí thành của Bồ-tát cảm đến chư Phật ở thượng phương. Phật bay đến trước mặt của Bồ-tát, chư Thiên theo hầu hai bên đều cùng khen ngợi Bồ-tát.

- Hay thay! Hay thay! Ở đời ít có Bồ-tát được thấy Phật.

Bồ-tát vui buồn lẫn lộn cúi đầu thưa:

- Xin Phật thương xót con, thuyết kinh cho con.

Đức Phật thuyết kệ:

Ba cõi đều không
Hễ có ắt không
Vạn vật như huyễn
Vừa sanh liền diệt
Giống như sóng nước
Nhìn đời như vậy
Nhớ nghĩ đừng quên.

Rồi Ngài nói:

Từ đây đi về phương Đông hai vạn dặm, có nước tên Kiền-đà-việt là thành của các Bồ-tát. Người trong nước ấy đều là những bậc thượng sĩ, không có người thường. Nếu nói công đức của các Bồ-tát thì dù trãi bao kiếp số có thể hết nhưng công đức của Bồ-tát vẫn còn. Ở đó có Bồ-tát tên Pháp Lai. Trong các Bồ-tát Ngài như trăng sao, đem các kinh điển, cặn kẻ dạy người. Các Bồ-tát có người trọng, người đọc, người viết. Người biết bản kinh nầy là thầy ông, ông hãy đến đó thầy sẽ thuyết kinh cho ông.

Bồ-tát Thường Bi từ chánh định dậy, ngoái nhìn trái phải không thấy chư Phật, lòng buồn rơi lệ nói:

Ánh sáng linh thiêng của chư Phật từ đâu đến, nay lại biến mất rồi!

(Trích Độ vô cực tập quyển 7)

7. BỒ-TÁT THIỆN TÍN ĐI VỀ PHƯƠNG ĐÔNG CẦU NỮA BÀI KỆ:

Lúc bấy giờ ở đời không có Phật pháp, Bồ-tát Thiện Tín đi tìm cầu chánh pháp. Trong không trung có tiếng nói rằng:

- Từ đây đi về phương Đông một vạn do tuần có nước của vua Thiện Trụ. Xưa có Như Lai xuất hiện ở đời nay diệt độ đã lâu, lúc thời tượng pháp suy vi có một người nữ sinh ra trong dòng họ thấp hèn, hình dáng xấu xí, đến nổi không ai xấu bằng, hình như cô ấy có thể nhớ nữa câu của một bài kệ, nếu Ngài muốn tìm học có thể đến hỏi xem! Nhưng đến nhà cô ấy phải trãi qua một đầm lầy rộng một vạn dặm. Mọi người đi qua đều bị chìm, cho đến chim bay cũng không qua, một sợi lông cũng không thể nổi được. Ông nay thân thể bệnh hoạn, tay chân rã rời làm sao đến đó được.

Bồ-tát nghe xong rất vui mừng liền đi về phương Đông, đến chỗ đầm lầy, Ngài không nghĩ đến thân mạng, đi ngay vào đầm lầy. Nhưng khi chân Bồ-tát vừa chạm đất, trong đầm lầy bổng nhiên hiện ra một con đường thẳng trắng toát, Bồ-tát đi trên con đường ấy, không gặp chướng ngại gì.

Đến nước kia, Bồ-tát đi vào thành vua Thiện Trụ, buồn khóc, tự trách tội lỗi của mình không được thấy Phật.

Sau đó Bồ-tát đến nhà cô gái hèn hạ xấu xí kia. Khi gặp cô gái, Bồ-tát cung kính tưởng chừng như gặp Phật. Ngài chiêm ngưỡng, lễ bái, nhiễu quanh tán thán, xin cô gái làm thầy mình, xót thương chỉ dạy Phật Pháp để được niềm tin vững chắc.

Cô gái đáp: Pháp vi diệu của chư Phật vô lượng vô biên, nhưng con chỉ nhớ một bài kệ, nếu Ngài muốn nghe con sẽ đọc, liền đọc: Chớ làm các điều ác, hãy làm các việc lành.

Bồ-tát nghe lời này rồi, thân tâm thanh tịnh, các căn vắng lặng, tự nhiên được điều phục. Từ đó Bồ-tát thường đọc tụng, tư duy nghĩa lý, thấu suốt yếu chỉ, chứng đắc thần thông. Bồ-tát bay về nước mình giảng nói nữa bài kệ này khắp nơi, đem công đức ấy cầu nguyện chánh pháp vững bền, tín tâm bất hoại.

Chúng ma bắt đầu hàng phục, quy y Tam bảo. Vì những người chưa có niềm tin này, nên Bồ-tát thường ở trong sinh tử để chỉ bày cho họ, khiến họ nghe theo và phụng trì.

(Trích Bồ-tát Quyết Định Yếu Hạnh quyển 1)

8. NHẤT THIẾT THẾ GIAN HIỆN VÌ VỢ THẦY YÊU MẾN MÀ LÀM VIỆC TRÁI ĐẠO LÝ:

Làng Tát na nằm cách phía Bắc thành Xá-vệ không xa lắm. Trong làng ấy có một cô gái Bà-la-môn nghèo cùng tên là Bạt đà la. Cô ta sinh được một thằng con trai tên là Nhất Thiết Thế Gian Hiện. Đứa bé sớm mồ côi cha, năm lên mười hai tuổi nó trở thành một thanh niên khôi ngô tuấn tú, lại thông minh, biện tài vô ngại.

Ở thôn Phả la ha tư có một Bà-la-môn sống ở đây đã lâu tên là Ma ni Bạt đà la. Ông ta thông suốt bốn bộ Tỳ đà. Nhất Thiết Thế Gian Hiện đến theo học với ông ta, luôn khiêm nhường cung kính, hết lòng phụng dưỡng thầy, các căn vắng lặng, những gì nghe qua đều nắm vững.

Thầy Bà-la-môn được lệnh vua triệu liền bảo Nhất Thiết Thế Gian Hiện ở lại giữ nhà, rồi ra đi. Vợ của Bà-la-môn tuổi còn trẻ lại xinh đẹp, đem lòng yêu thương Nhất Thiết Thế Gian Hiện, cô ta quên cả lễ nghi cấm kỵ, mà đến cầm áo anh. Lúc ấy Thế Gian Hiện nói:

- Tôi kính cô như mẹ tôi, tại sao cô làm việc trái đạo lý như thế?

Vợ Bà-la-môn cảm thấy sợ hãi và xấu hổ liền thả áo tránh xa. Dục vọng không được thoả mãn cô ta liền khóc rồi nghĩ: "ta bổng nhiên bị hắn cự tuyệt, không chìu theo ý mình, kiên quyết không chịu theo ta, ta phải đoạn mạng hắn mới được". Nghĩ rồi vợ Bà-la-môn lấy móng tay tự cào khắp người, lấy dây tự cột chân rồi nằm lăn ra đất.

Người chồng trở về thấy vợ như vậy liền lấy dao cắt dây, lớn tiếng hỏi nguyên nhân.

Vợ đáp:

- Việc này chính là do Nhất Thiết Thế Gian Hiện lăng nhục, cưỡng bức thiếp nên làm như vậy.

- Người chồng suy nghĩ "ngày sinh Nhất Thiết Thế Gian Hiện, tất cả dao kiếm của các nhà Sát đế lợi đều tự tuột ra khỏi vỏ. Tất cả những vật nhọn đều co lại, rơi xuống đất. Lúc ấy các gia đình Sát đế lợi đều rất sợ hãi. Ngày sinh anh ta có tướng như vậy, nên biết người này có đứclực lớn.

Nghĩ rồi Bà-la-môn nói với Thế Gian Hiện:

- Ngươi là người ác, làm nhục thầy mình. Ngươi nay chẳng còn là Bà-la-môn chân chánh nữa, ngươi phải giết một ngàn người mới trừ hết tội lỗi.

Thế Gian Hiện bẩm tánh vốn kính trọng vâng lời thầy, liền thưa:

- Than ôi! thầy bảo giết một ngàn người việc đó chẳng thích hợp với con

- Ngươi là người ác, không thích làm Bà-la-môn sanh về cõi trời sao?

- Thưa thầy con vâng lời.

Thế Gian Hiện ra đi giết một ngàn người rồi trở về lễ dưới chân thầy.

Thầy Bà-la-môn thấy vậy sanh tâm hiếm có nghĩ "hắn là người đại ác nên không chết, lại nghĩ: "nay nên làm cách nào khiến nó phải chết". Liền nói với Thế Gian Hiện ngươi nên giết một ngàn người mỗi người lấy một ngón tay, xâu thành vòng đội đầu, rồi hãy trở về, sau đó sẽ thành Bà-la-môn.

Vì nhân duyên này Thế Gian Hiện có tên là Ương Quật Ma La. Anh ta thưa:

- Hay thay! Con sẽ làm theo lời dạy của thầy.

Thế rồi anh lại đi giết một ngàn người khác, đã được chín mươi chín người chỉ còn thiếu một người. Lúc bấy giờ mẹ của Ương Quật Ma La nhớ con, sợ con đói khát. Bà làm bốn loại thức ăn ngon đem đến cho con. Anh ta thấy mẹ liền nghĩ:"phải khiến cho mẹ ta được sanh lên trời". liền cầm dao muốn giết mẹ.

Lúc bấy giờ Phật tại rừng cây A thâu ca cách nước Xá-vệ thiếu một trượng đầy mười do diên. Phật dùng nhất thiết trí biết được việc này, liền đi hùng dũng như voi chúa đến chỗ Ương Quật Ma La. Vừa thấy Phật anh ta cầm kiếm đi nhanh đến, nghĩ rằng: "ta nay phải giết vị Sa-môn này". Thế Tôn thị hiện tránh xa xa. Ương Quật Ma La nói kệ:

Dừng lại đại Sa-môn
Thái tử của Bạch Tịnh
Ta là Ương Quật Ma
Phải lấy ngón tay người

Thế Tôn nói kệ:

Dừng lại Ương Quật Ma
Ông nên giữ tịnh giới
Ta là bậc chánh giác
Sẽ cho ông kiếm huệ.

Lúc ấy mẹ Ương Quật Ma La thấy Phật và con mình cứ nói qua lại mãi, tâm bà tự nhiên được điều phục, nghĩ đến thân mình nên nói kệ:

Của báu mất lâu, nay được trả
Mắt trần bị hoại nay sáng trong
Thương thay! con tôi tâm mê loạn
Luôn lấy máu người tự tô thân

Kiếm dao sắc bén thường trong tay
Giết nhiều người, thây chất thành đống
Phải khiến con hư nghe theo mình
Cúi đầu kính lễ bậc Chánh giác
Người đời nghe được chuyện thế này
Con ta như vậy, ta đáng tránh!

(Trích kinh Ương Quật Ma La quyển 1)

9. DIỆM QUANG THỰC HÀNH NGUYỆN KIẾT TƯỜNG, GẶP NGƯỜI NỮ, TRỞ VỀ LẬP GIA NGHIỆP:

Vô số kiếp vào thời quá khứ, lúc bấy giờ có một Học chí tên là Diệm Quang ông ta thường ở chốn núi rừng, thực hành nguyện kiết tường, trải qua bốn trăm hai mươi vạn năm tu hành không trở ngại. Một Học chí vào nước Sa kiệt, lúc ấy có một người con gái, nhà thợ gốm thấy Học chí khôi ngô tuấn tú, ý muốn tôn sùng, liền tụ đến với Học chí. Nhưng học chí nói: “Ta không thích dục lạc” Người nữ đáp: “Nếu không được điều này tôi sẽ tự phá huỷ đời mình”. Lúc ấy học chí Diệm Quang nghĩ “Ta giữ gìn cấm giới, nay nếu phá giới thì chẳng phải là hạnh kiết tường”. Nghĩ xong học chí bỏ đi. Vừa đi cách xa chừng bảy bước Học chí liền sanh lòng thương hại nghĩ: “Huỷ hoại cấm giới thì tội đọa địa ngục. Thà khiến cho người nữ này được an ổn, còn ta chịu thống khổ ở địa ngục!” Nghĩ xong Học chí trở lại, theo điều mong ước của người nữ. Học chí trở về lập gia nghiệp, được mười hai năm, sau khi mạng chung được sanh lên cõi trời Phạm thiên.

Phật bảo: Học chí Diệm Quang lúc ấy chính là thân ta, người con gái nhà thợ gốm là Cù Di vậy.

(Trích kinh Huệ Thượng Bồ-tát)

10. ĐỀ-KỲ-LA VÀ NA-LẠI ĐỀ KỲ XÍCH MÍCH NHAU KHIẾN TRỜI TỐI NĂM NGÀY:

Xưa có hai vị Bồ-tát chí hạnh thanh cao, trong không còn tham dục, ngoài sáng như vàng ròng. Hai vị đục đá làm thất để tu tập thiền định. Họ măc áo vá chằm, nằm chiếu cỏ, ăn trái cây uống nước suối, tâm họ thanh tịnh vô vi, rỗng suốt như hư không, đắc tứ thiền ngũ thông. Phạm thiên, Đế thích, Tiên Thánh, chư Thiên, rồng, quỷ thần đều kính lễ. Hai Ngài ở chốn núi đầm hơn sáu mươi năm, thường thương xót chúng sanh, cung kính Tam bảo. Hai vị ấy tên là Đề-kỳ-la và Na-lại đề kỳ.

Một đêm nọ, Đề-kỳ-la tụng kinh xong, mệt mỏi nằm lăn ra ngủ.

Lúc ấy Na-lại cũng đi tụng kinh, sơ ý đạp nhầm đầu Kỳ Đề La. Đề-kỳ-la thức dậy nói:

Ai đạp vào đầu ta, sáng mai lúc mặt trời mọc, thì đầu kẻ ấy sẽ bị vỡ làm bảy mãnh Na-lại đáp:

Tôi sơ ý đạp nhầm đầu ông, sao ông nở nguyền rủa nặng như thế, phàm những đồ đạc còn có lúc va chạm, huống chi con người cùng ở chung với nhau, từ năm này sang năm khác mà không có lầm lở sao? Lời ông nói thường đúng, ngày mai lúc mặt trời mọc đầu tôi sẽ bị vỡ Vậy tôi sẽ ngăn không cho mặt trời mọc.

Thế là, năm ngày mặt trời không mọc, cả nước tối om, đèn đuốc thắp liên tục, các quan không đi làm việc, vua quan hoảng hốt. Vua liền triệu tập quần thần và cho mời các vị đạo sĩ đến để bàn luận.

Vua hỏi: Mặt trời không mọc, lỗi này do đâu? Trong các đạo sĩ có vị chứng ngũ thông tâu rằng:

Hai vị đạo sĩ ở trong núi có chút xích mích, nên ngăn không cho mặt trời mọc.

Vua nói: Vậy phải làm sao?

Bệ hạ nên dẫn quần thần dân chúng không kể lớn nhỏ đi đến chổ hai vị, đảnh lễ xin họ hoà giải, thì họ sẽ thương xót mà làm hoà.

Vua liền xuống chiếu theo lời đạo sĩ nói. Tất cả mọi người đi đến chỗ hai vị, dập đầu đảnh lễ. Vua thưa:

Nước giàu dân yên là nhờ đượm nhuần ơn của hai Ngài, mà nay hai Ngài bất hoà, nhất định cả nước sẽ mất đi chỗ trông nhờ. Lỗi này ở ta, chớ dân chúng có tội tình gì? Xin hai Ngài thương xót, tha cho.

Na-lại nói:

- Vua nên thuyết phục vị kia,nếu vị kia hoá giải lời nguyền thì tôi sẽ thả mặt trời ra.

Vua đến chỗ Đề-kỳ-la thuật lại ý của Na-lạ. Đề-kỳ-la nói:

Ngay bây giờ, hãy bảo ông ta lấy bùn bôi lên đầu, rồi thả mặt trời ra.

Sáng mai lúc mặt trời mọc, đầu bùn vở làm bảy mãnh, nhưng Na-lại không bị gì cả. Vua tôi, dân chúng không ai không vui mừng. Hai đạo sĩ trình bày cặn kẻ cách trị nước cho vua nghe, hãy nên lấy tứ vô lượng tâm để khuyên dạy dân chúng, vâng giữ năm giớ hành mười điều thiện. Vua cùng thần dân hết thảy điều thọ giới.

Vua trở về hoàng cung xuống chiếu."không kể kẻ sang người hèn phải lấy kinh ngũ giới, thập thiện làm chính sách của đất nước".

Từ đó về sau, lòng của vua được nhuần đến cỏ cây quần thần vừa

trung thực vừa thanh liêm. Phật bảo các Tỳ-kheo.

Na Lạ chính là thân ta còn Đề-kỳ-la là Di-Lặc vậy.

(Trích Độ vô cực tập quyển7)

11. BỒ-TÁT NHẠO PHÁP XẢ BỎ TRANG SỨC QUÝ BÁU ĐỔI MỘT BÀI KỆ:

Vào thời quá khứ có Bồ-tát tên là Nhạo Pháp, sinh trong dòng dõi vua chúa. Bồ-tát khi nghe những điều thiện đều ghi lại đọc tụng. Vì muốn cầu pháp nên Bồ-tát đi khắp nơi. Ngày nọ, Bồ-tát gặp một người đứng bên cạnh hố sâu. Ông ta nói:

- Ngài đến đây, tôi sẽ nói cho nghe bài kệ của Phật thuyết.

Bồ-tát đáp:

- Ông hãy nói cho tôi nghe đi.

Ngài phải cho tôi áo quý, ma ni, anh lạc, sau đó tôi mới nói.

Bồ-tát liền nhận lời. Nhưng lòng tham của người kia không đáy, nên ông ta lại nói:

Sau khi Ngài nghe xong bài kệ, phải nhảy xuống hố sâu này. Nếu Ngài bằng lòng thì hãy thề trước, tôi mới nói.

- Than ôi! Này Nhân giả! ông muốn tôi nhảy xuống hố sâu này, thì ông được lợi ích gì?

- Tôi chẳng có lợi ích gì cả, chỉ sợ Ngài bỏ những vật báu này rồi, sau khi được nghe kệ Phật, biết đâu trong lòng lại sanh hối hận, ỷ vào thế lực mà đoạt lại?

- Ông chớ nói như vậy! vật báu ta cho ông rồi sẽ không bao giờ hối hận. Nhưng ta cũng sẽ nhảy xuống hố.

Người ấy nghe Ngài nói như vậy mới chịu nói bài kệ.

Nghe xong, Bồ-tát liền cởi y báu, ma ni, anh lạc trao cho người kia, rồi thề rằng “Nếu ta thực tâm xả bỏ những thứ này, sẽ khiến cho thân ta từ trên cao rơi xuống hố sâu không bị tổn thương”.

Thề xong, Ngài nhảy xuống hố. Nhưng khi thân chưa chạm đất thì Tứ thiên vương bay đến, từ từ đỡ Ngài đặt nhẹ xuống, thưa:

- Hy hữu thay! Này vương tử! Ngài làm được những việc như thế là muốn cầu pháp gì?

Bồ-tát đáp:

- Ta làm việc này là muốn được làm Phật, phát bốn lời nguyện rộng lớn.

Người ấy nghe xong liền sanh lòng tin, thưa với Bồ-tát:

- Con xin trả lại y báu và ma ni anh lạc cho Ngài.

Bồ-tát đáp:

- Giống như người đã nhổ ra lẽ nào lại nuốt lại.

Nếu Ngài không nhận vật báu thì xin Ngài nhận sự sám hối của con. Sau này được thành Phật xin Ngài hãy cứu độ con.

Vương tử Nhạo Pháp tức là Xá-lợi-phất người thuyết bấy giờ là Hoà-gia-lợi vậy.

(Trích kinh Nhu Thủ Vô Thượng Thanh Tịnh Phân Vệ phần thượng, kiểm lại thì không giống nhau).

12. VÌ MUỐN NGHE NỮA BÀI KỆ MÀ XẢ THÂN:

Này Thiện nam tử! Vào thời quá khứ lúc Đức Phật chưa ra đời, bấy giờ ta làm một vị Bà-la-môn tu hạnh Bồ-tát, thông suốt tất cả kinh luận ngoại đạo, tu hạnh tịch diệt,đầy đủ các oai nghi. Tâm ta thanh tịnh không bị các vật bên ngoài làm phá hoại, lửa sân dập tắt, thọ trì bốn pháp thường, lạc, ngã, tịnh. Ta đi khắp các nơi để tìm cầu kinh Đại thừa, nhưng cho đến tên kinh phương đẳng cũng không được nghe.

Ta ở trong núi Tuyết, chuyên tâm thiền định, trãi qua nhiều năm, làm những hạnh khổ khó làm. Bấy giờ Thích đề hoàn nhơn biến ra thân hình ghê sợ như La-sát, bay đến núi Tuyết, đứng gần chổ Bồ-tát. Lúc đó trong lòng La-sát rất tự đắc, nghĩ là không ai thắng được mình, liền dùng biện tài và âm thanh thanh như của mình nói ra nữa bài kệ của chư Phật đời quá khứ đã nói:

Các hành vô thường
Là pháp sanh diệt.

Nói xong, La-sát đứng yên, dung mạo thật đáng sợ, đảo mắt quan sát bốn phía.

Bồ-tát nghe nữa bài kệ trong lòng rất vui mừng, liền đứng dậy, lấy tay vén tóc, ngoái nhìn khắp nơi rồi nói:

- Ai đã nói bài kệ này?

Nhưng nhìn xung quanh không thấy một người nào cả, chỉ thấy La-sát, Bồ-tát liền nói:

- Ai mở cửa giải thoát này? Ai có thể phát ra âm thanh chấn động của chư Phật? Ai ở trong sanh tử triền miên mà riêng mình được giác ngộ, nói được lời như vậy? Ai có thể ở nơi đây dẫn dắt những chúng sanh đói khát trong vòng sanh tử đến được đạo vô thượng, vô lượng chúng sanh đang chìm đắm trong biển sanh tử, ai có thể ở trong đó làm người thuyền trưởng? Các chúng sanh thường bị các bịnh phiền não trói buộc, ai có thể ở trong đó làm vị lương y? Ai đã nói nữa bài kệ này khai

ngộ tâm tôi giống như nữa tháng hoa sen dần dần nở.

Bây giờ ta lại nghĩ "chẳng lẽ La-sát này nói nữa bài kệ ấy ư? Nhưng lại sanh nghi, chẳng phải là lời của La-sát. Vì sao? Vì người này dung mạo xấu xí, nếu có ai được nghe bài kệ này thì tất cả sự sợ hãi, xấu xí đều tiêu diệt, người có hình dạng xấu xí như thế này, lại có thể nói ra bài kệ như vậy sao?

Này thiện nam tử! Bây giờ ta lại nghĩ: "La-sát này hoặc có thể được gặp chư Phật trong đời quá khứ và được nghe các Ngài thuyết nữa bài kệ này?"

Nghĩ xong ta liền đến chỗ La-sát nói:

- Lành thay! Này đại sĩ! Ông đã nghe được nữa bài kệ lìa sợ hãi vào thời quá khứ, ở đâu?

La-sát đáp:

- Thưa đại Bà-la-môn, ông nay không nên hỏi tôi điều này. Vì sao? Vì tôi đã trãi qua nhiều ngày không được ăn uống gì cả, đi khắp nơi tìm không được. Tôi đang đói khát khổ sở, tâm tư tán loạn, nói ra sẽ sai lầm, không đúng với điều tôi đã biết.

Nếu thuyết cho tôi nghe trọn bài kệ xong, tôi nguyện suốt đời làm đệ tử Ngài. Những điều Ngài nói, danh từ không cùng, nghĩa cũng bất tận, vì cớ gì mà không muốn nói? Phàm tài thí có lúc cạn, nhưng nhân duyên pháp thí thì không thể cùng tận. Pháp thí vô tận, được nhiều lợi ích.

- Ông thật là quá đáng! Chỉ lo cho thân mình mà không nghĩ đến sự đói khát của ta. Ta đang đói, quả thật không thể nói ra được.

- Vậy Ngài muốn ăn gì?

- Ông chớ hỏi, vì nếu ta nói ra khiến nhiều người phải sợ hãi.

- Ở đây vắng vẻ không có ai cả, còn tôi thì không sợ Ngài, sao lại không nói?

- Cái ta ăn chỉ có thịt nóng của người, cái mà ta uống chỉ là máu nóng của người. Trên đời người tuy đông nhưng họ đều có phước đức nên được chư Thiên bảo vệ, ta không thể giết được.

- Nếu Ngài nói cho tôi nữa bài kệ còn lại, tôi sẽ đem thân này cúng dường Ngài. Tôi dã sử có chết đi thì thân này cũng thành vô dụng, sẽ làm mồi cho cọp, sói, chim, quạ... mà không được tí phước đức nào. Tôi vì cầu pháp Phật, xã bỏ thân mạng không bền chắc đổi lấy thân bền chắc.

- Ai sẽ tin được ông vì tám chữ mà bỏ đi thân thể đáng yêu!

- Như cho người ta bình sành mà được bình bảy báu. Ta bỏ thân

không bền chắc để được thân kim cang. Đại phạm thiên vương, Thích Đề hoàn và Tứ Thiên vương làm chứng cho việc này. Lại có các Bồ-tát chứng thiên nhãn, vì muốn lợi ích chúng sanh, tu hạnh lục độ cũng có thể chứng biết, cho đến mười phương chư Phật cũng làm chứng cho.

La-sát liền nói:

Sanh diệt diệt rồi
Tịch diệt là vui.

La-sát lại nói: "Ngài đã nghe xong trọn vẹn ý nghĩa của bài kệ rồi, Ngài đã được mãn nguyện. Nếu muốn lợi ích chúng sanh thì ngay bây giờ hãy thí thân cho tôi".

Lúc bấy giờ, ta suy nghĩ cặn kẽ bài kệ này, sau đó hễ nơi nào có đá, tường, cây, đường ta điều viết bài kệ này vào đó. Xong Bồ-tát cột chặc quần áo, sợ sau khi chết bị lộ thân ra, rồi leo lên cây cao nhảy xuống. Khi thân ta chưa chạm đất thì giữa hư không trổi lên các âm thanh cho đến A-ca-ni-sất.

Bây giờ La-sát hiện lại nguyên hình đỡ ta đặt xuống chỗ bằng phẳng. Nhờ nhân duyên này mà được phước đức tối thượng, trãi qua hai mươi kiếp ta thành vô thượng Bồ-đề trước Phật Di Lặc.

(Trích kinh Đại Niết-bàn quyển 13)

13. TU NHẪN NHỤC BỊ CẮT THÂN THỂ MÀ KHÔNG BUỒN KHỔ:

Hỏi: Thân thể Bồ-tát chẳng phải là cây, đá vì sao chúng sanh đến cắt xẻo mà tâm không lay chuyển?

Đáp:

- Có người nói: Bồ-tát từ lâu đã tu nhẫn nhục nên không khổ não. Như tiên nhân nhẫn nhục bị cắt xẻo chân tay, mà máu biến thành sửa.

Có người nói: Bồ-tát trong vô lượng kiếp đến nay, vì tu tâm đại từ dù có ai đến cắt xẻo cũng không buồn phiền. Thí như cây cỏ không có tâm tức giận.

Có người nói: Bồ-tát tu Bát nhã ba la mật đời sau được quả báo bát nhã ba la mật. Vì tâm Bồ-tát rỗng không nên biết tất cả đều không. Vì thế khi thân bị cắt xẻo tâm cũng không động. Đối với ngoại cảnh mà không động thì trong tâm cũng như vậy. Vì quả báo bát nhã ba la mật đối với các pháp không phân biệt.

Có người nói: thân Bồ-tát chẳng phải là thân sanh tử, mà là thân pháp tánh vượt khỏi ba cõi, vì trụ ở trong quả báo tâm Thánh vô lậu. Thân như cây đá mà thương xót chúng cắt xẻo mình. Bồ-tát này có thể

sanh tâm như vậy. Khi bị cắt xẻo, cướp đoạt những thứ bên trong lẫn bên ngoài cơ thể mà tâm vị ấy bất động. Đây là pháp hy hữu của Bồ-tát.

Ta dùng Phật nhãn thấy mười phương như trong hằng hà sa thế giới, Bồ-tát đi vào trong địa ngục lửa liền dập tắt, nước nóng thành mát, dùng ba việc để giáo hoá chúng sanh. Ở trong vô lượng A tăng kỳ kiếp Bồ-tát hành sâu tâm từ bố thí ngoại vật, vẫn chưa lấy làm đủ, đem thân bố thí cũng chưa lấy làm đủ. Như Bồ-tát Dược Vương dùng trân bảo cúng dường chư Phật, ý chưa thoả mãn, liền dùng thân làm đèn cúng dường cũng chưa nghĩ là đủ. Ngoại vật tuy nhiều nhưng không cho đó là báo ơn. Vì sao? Vì đó chẳng phải là cái đáng quý. Cúng dường thân này mới là cái đáng quý cho nên mới đem thân này bố thí.

(Trích luận Đại Trí Độ quyển 80)

14. BÁN THÂN CÚNG DƯỜNG PHẬT, NGHE MỘT BÀI KỆ KINH NIẾT-BÀN, BỊ CẮT THỊT MÀ KHÔNG ĐAU ĐỚN:

Ta nhớ trong vô lượng kiếp vào thời quá khứ. Bây giờ có Đức Phật hiệu Thích Ca Văn, xuất hiện nơi thế giới Ta bà, thuyết kinh Niết-bàn cho đại chúng. Bây giờ ta ở chỗ bạn lành, được nghe thuyết pháp, trong lòng vui mừng, muốn thiết lễ cúng dường Phật, nhưng nhà nghèo chẳng có vật gì, nên đi khắp nơi bán thân mong kiếm được chút ít tiền. Lúc đi giữa đường, ta gặp một người. Ông ta nói:

Tôi muốn mua người, nhưng với gia sản của tôi sợ người ta không kham nổi. Ta lại có bịnh ngặt nghèo, thầy thuốc bảo mỗi ngày phải dùng ba lạng thịt người. Nếu mỗi ngày ông có thể cung cấp cho ta ba lạng thịt thì ta sẽ trả cho ông năm đồng tiền vàng.

Ta nghe xong, lòng rất vui mừng, liền nói:

- Ông hãy làm ơn đưa trước tiền công cho tôi bảy ngày, đợi tôi lo liệu việc xong, tôi sẽ trở lại

- Bảy ngày à! Không được! Ta làm sao dám tin ông. Ta chỉ đưa tiền một ngày thôi.

Ta nhận tiền trở lại chỗ Phật đê đầu đảnh lễ và dâng tiền lên cúng dường Phật, sau đó thành tâm lắng nghe kinh này. Ta bấy giờ vì ngu si chậm lụt, tuy được nghe kinh nhưng chỉ nhớ một bài kệ. Cúng dường xong, ta đi đến nhà người bịnh kia. Ta lúc ấy tuy mỗi ngày đều cắt thịt cho người ta, nhưng vì nhớ đến bài kệ nên không cảm thấy đau đớn. Trãi qua một tháng thì bịnh của người kia được khỏi hẳn, thân của ta cũng bình phục như cũ.

Khi ta thấy thân được toàn vẹn, liền phát tâm vô thượng Bồ-đề. Sức mạnh của một bài kệ còn có thể như vậy huống gì là thọ trì đọc tụng trọn bộ kinh thấy kinh này có lợi ích như vậy, lại càng phát tâm hơn, nguyện sau này thành Phật hiệu là Thích Ca Văn.

(Trích kinh Đại Niết-bàn quyển 20)

15. VÌ NGHE KINH PHÁP HOA, MẶT ĐẤT RUNG CHUYỂN NỨT RA, BỒ-TÁT VỌT LÊN KHÔNG TRUNG:

Bấy giờ Đức Như Lai thuyết kinh Pháp Hoa, các Bồ-tát ở phương khác xin hộ trì. Đức Phật nói:

Thôi đi! Đã có vô lượng vô số Bồ-tát ở phương dưới hộ trì.

Nhân đó mặt đất chấn động nứt ra, đồng thời Bồ-tát từ dưới đất vọt lên trụ giữa hư không. Họ đều đến tháp bảy báu, chổ của Đức Đa Bảo Như Lai và Đức Thích Ca Văn, đảnh lễ hai vị Thế Tôn.

(Trích kinh Pháp Hoa quyển 5)

16. HÁI HOA DÂNG VUA, GẶP PHẬT CÚNG DƯỜNG:

Thuở xưa có lần Đức Thế Tôn đi đến xứ La-duyệt-kỳ. Bấy giờ vua nước ấy thường sai mấy mươi người đi hái hoa đẹp. Một hôm, sau một ngày các quý nhân và thể nữ ra ngoài thành hái hoa, lúc sắp trở về thì từ xa trong thấy Đức Thế Tôn tướng hảo uy nghiêm, rực rỡ giống như mặt trăng giữa các vì sao, như mặt trời chiếu khắp thiên hạ, có các đệ tử vây quanh. Họ liền đến chỗ Phật cúi đầu đảnh lễ và nghĩ rằng: “thân người khó giữ, khó gặp Phật ra đời, khó được nghe kinh Pháp. Nay được gặp Phật giống như người bệnh gặp thầy thuốc. Chúng ta nghèo khổ, lại phải chịu kiếp tôi tớ trong nhà quan, thường mất tự do. Vua lại quá nghiêm khắc, nếu người chủ dâng hoa muộn sẽ bị giết. Nhưng Thánh chúng khó gặp, ngàn đời mới có. Thà bỏ thân mạng, lấy hoa dâng Phật và rải lên Thánh chúng, vì thích nghe pháp, muốn quan sát cặn kẻ trí tuệ vô cùng của Phật. Chúng ta từ vô lượng kiếp bị người làm hại không thể tính kể, nhưng chưa từng vì pháp mà xả bỏ thân mạng, nay chúng ta đem hoa cúng dường Tam bảo, giả sử có bị giết, cũng không đoạ vào đường khổ, được sanh vào chổ an vui”.

Nghĩ rồi, người chủ bảo mọi người lấy hoa cúng dường Phật và Thánh chúng, nhất tâm quy y, đảnh lễ Đức Phật.

Phật biết tâm niệm của những người này, liền phát tâm từ rộng lớn thương xót họ, nên thuyết pháp đại an lạc: Lục Ba la mật, Tứ Vô lượng tâm, tứ ân, tam giải thoát môn. Những người hái hoa nghe xong

đều phát tâm Bồ-đề, tâm hiểu được huệ Phật, lòng không thối chuyển. Đức Phật thọ ký cho người chủ hái hoa đời sau sẽ thành Phật, hiệu là Diệu Hoa, đầy đủ mười hiệu. Những người chung quanh nghe đều vui mừng, xin lãnh thọ đại pháp, cúng dường Tam bảo.

Bấy giờ người chủ hái hoa trở về nhà từ biệt cha mẹ, vợ con nói rằng:

- Mạng ta hôm nay đã hết, vì sẽ bị vua giết. Cha mẹ ngạc nhiên hỏi:

- Con có lỗi gì?

Nhà vua rất khắc khe, hôm nay con về không đúng giờ, lại không có hoa, ắt sẽ nguy đến tánh mạng. Cho nên con về từ biệt.

Cha mẹ nghe xong rất đau buồn, không biết phải làm sao? Nhưng khi họ đến mở tráp hoa ra thì thấy đầy tráp hoa đẹp, đủ các mùi hương xông khắp bốn phương. cha mẹ liền bảo:

- Con có thể đem đến dâng vua.

Người con đáp có người thấy con đem hoa cúng Phật, ắt đã tâu lên vua rồi, lại còn về trể giờ, e rằng không toàn mạng.

Hôm ấy người chủ dâng hoa đến trễ, vua rất tức giận vì không có hoa, nên ra lệnh quân lính tìm bắt. Quân lính vâng lệnh bắt trói ông ta đem về cung. Tội nặng đáng bỏ chợ, nhưng người chủ hái hoa không lộ vẻ sợ sệt. Vua lấy làm lạ hỏi:

- Tội ngươi quá lắm, bị bắt trói đến đây để giết, vì sao không lộ vẻ sợ hãi?

Người chủ hái hoa đáp:

- Con người có sanh ắt có tử, vật có thành ắt có hoại. Tôi từ vô số kiếp vì phi pháp mà còn không tiếc thân mạng. Sáng nay hái hoa, gặp Đức Thế Tôn nên tôi lấy hoa cúng dường, đảnh lễ quy y. Vẫn biết trái với lệnh vua sẽ chết, nhưng thà chết mà có phước còn hơn là sống mà không tạo phước. Nhưng khi trở về nhà nhìn lại thì tráp hoa vẫn đầy như cũ. Đó là nhờ ân huệ trùm khắp của Phật.

Vua nghe xong liền đến hỏi Đức Phật. Phật cũng đáp y như vậy, rồi Đức Phật dạy:

- Tâm của người này muốn độ khắp mười phương, không tiếc thân mạng, nên đem các thứ hoa cúng dường Phật, nhưng tâm không hề mong cầu quả báo. Vì thế được Phật thọ ký đời sau ông ta sẽ được thành Phật hiệu là Diệu Hoa.

Nhà vua nghe xong, vui mừng sai cõi trói cho ông ta, hối hận và tự trách mình về những việc đã qua. Ta vì ngu si không biết nên trói

Bồ-tát.

Phật nói: Lành thay! Lành thay! Người có tội mà biết tự hối cải thì giống như người không tội.

(Trích kinh Thái Hoa Vi Vương Thượng Phật Thọ Quyết Hiệu Diệu Hoa)

17. THỌ TRÌ GIỚI CẤM PHÁT NGUYỆN NGĂN TRỪ:

Này thiện nam tử! Bồ-tát thọ trì giới cấm phải nên phát nguyện như vầy: Thà nhảy vào hầm lửa, quyết không huỷ phạm giới cấm cùng người nữ làm hạnh bất tịnh, của ở đời chư Phật đã chế ra. Thà lấy sắt nóng quấn thân, quyết không đem thân phá giới mà thọ thân y phục của đàn việt tín tâm. Thà nuốt hoàn sắt nóng, quyết không dùng miệng phá giới mà ăn uống thức ăn của đàn việt tín tâm. Thà nằm trên giường sắt nóng, quyết không đem thân phá giới màthọ nhận giường nằm, toạ cụ của đàn việt tín tâm. Thà chịu ba trăm mũi nhọn đâm vào thân mình, quyết không đem tâm phá giới mà thọ thuốc men của đàn việt tín tâm. Thà nhảy vào vạc sắt nóng, quyết không đem thân phá giới mà thọ nhận phòng nhà của đàn việt tín tâm. Thà lấy sắt đập nát thân này từ đầu đến chân ra thành bụi nhỏ, quyết không đem thân phạm giới thọ nhận sự cung kính, lễ bái của hàng Bà-la-môn và cư sĩ. Thà dùng que sắt nóng chọc vào hai mắt, quyết không đem tâm nhiểm ô nhìn sắc đẹp. Thà lấy dùi sắt đâm khắp thân thể, quyết không đem tâm ô nhiễm mà nghe những âm thanh hay. Thà dùng dao bén cắt mũi mình, quyết không dùng tâm ô nhiễm mà tham ngửi các mùi thơm. Thà dùng dao bén cắt lưỡi mình, quyết không đem tâm ô nhiểm tham đắm các sự xúc chạm. Vì sao? Vì những việc làm như thế sẽ khiến cho hành giả đoạ vào địa ngục, ngã quỷ, súc sanh. Đại Bồ-tát Ca Diếp hộ trì giới cấm, đều đem thân cho tất cả chúng sanh. Nhờ nhân duyên này sẽ khiến cho tất cả chúng sanh giữ gìn các điều cấm, được giới thanh tịnh.

Này thiện nam tử! Bồ-tát lúc giữ giới như vậy sẽ trụ ở bất động địa, vững như núi tu di, dù gió mạnh cũng không lay động. Bồ-tát trụ trong địa này không bị sắc, thanh, hương, vị... nhiểu loạn, không đọa địa ngục, ngã quỷ, súc sanh, không lùi lại địa vị Thanh văn, Bích chi Phật, không bị các tà kiến khác dẫn dắt.

(Trích kinh Đại Niết-bàn quyển 11)

18. SƠ PHÁT TÂM BỒ-ĐỀ LIỀN VƯỢT HƠN TIỂU THỪA:

Bồ-tát phát tâm có hai hạng: hành các Ba la mật và chỉ phát tâm

rỗng không. Người hàng đạo Bồ-tát tuy việc chưa xong nhưng có thể vượt lên tất cả như chim ca la tần già tuy còn ở trong trứng cũng có thể phát ra âm thanh hay hơn các loài chim khác. Như một vị thầy La-hán đã đắc lục thông, sai đệ tử Sa-di gánh y bát. Sa-di nghĩ:" Nên dùng Phật thừa nhập Niết-bàn. Người này biết được suy nghĩ của đệ tử mình, bèn lấy lại y bát tự gánh, rồi dục Sa-di đi trước. Vị Sa-di lại nghĩ: "Đạo Phật rất khó, ở lâu trong sanh tử thọ vô lượng khổ, hãy dùng Tiểu thừa sớm nhập Niết-bàn". Vị thầy lại đưa túi y bát lại cho Sa-di gánh và bảo đi sau. Cứ như vậy đến ba lần. Vị Sa-di bạch thầy:

Thầy đã lớn tuổi mà giống như trẻ con!

Vị thầy đáp:

- Sơ phát tâm làm Phật của ông rất quý, đáng làm thầy ta, các vị Bích chi Phật còn phải cúng dường, huống chi là La-hán, nên ta nhường ông đi trước. Sau tâm ông lui sụt, muốn thọ nhân pháp Tiểu thừa, mà chưa đạt được nên còn cách ta rất xa, cho nên ta bảo ông đi sau.

Vị Sa-di hốt nhiên giác ngộ, liền trụ trong Đại thừa.

(Trích Luận Đại Trí Độ quyển 78)

19. BA ĐỨA TRẺ CÚNG DƯỜNG PHẬT. HAI ĐỨA PHÁT TÂM TIỂU THỪA. MỘT ĐỨA PHÁT TÂM ĐẠI THỪA:

Vô số kiếp về thời quá khứ có Đức Phật hiệu là Nhất Thiết Độ. Một hôm Đức Phật cùng các Thánh chúng đi khất thực gặp ba đứa trẻ con nhà tôn quý, ăn mặc sang trọng, đang đùa giởn. Một đứa trông thấy Phật cùng các Bồ-tát uy nghi rực rỡ, liền chỉ và nói:

- Chúng ta nên cúng dường cho vị này!

Hai đứa trẻ kia hỏi:

- Không có hoa hương, vậy nên dùng vật gì để cúng dường?

Một đứa trẻ tháo bạch ngọc trên đầu cầm nơi tay, rồi bảo hai đứa trẻ kia: nên cúng dường Phật.

Hai đứa trẻ kia cũng bắt chước tháo bạch ngọc trên đầu cầm nơi tay, rồi cả ba đứa trẻ cùng đi đến chổ Phật.

Đứa trẻ quay sang hỏi hai bạn:

Các bạn đem công đức này để cầu xin điều gì?

Đứa thứ nhất đáp:

- Tôi xin được như vị Tỳ-kheo đi bên trái Phật.

Chúng hỏi lại đứa bé kia:

- Còn bạn muốn xin điều gì?

- Tôi muốn được như Phật.

Tám ngàn thiên tử đều khen: "Lành thay! Nếu đúng như lời nguyện thì tất cả chúng sanh đều được nhờ ơn".

Ba đứa trẻ cùng đến trước Phật, lấy bạch ngọc rãi lên Ngài. Ngọc của hai đứa trẻ phát nguyện Thanh văn đều rơi trên vai Phật, chỉ có ngọc của đứa trẻ phát tâm Bồ-đề dính trên đầu Phật. Ngọc này kết thành lưới hoa bao trùm khắp Phật.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

- Đứa trẻ cầu thành Phật chính là ta, đứa trẻ cầu ở bên phải Phật chính là ông, đứa trẻ cầu ở bên trái Phật là Mục-kiền-liên. Này Xá-lợi-phất! Các ông vốn sợ sanh tử không phát tâm Bồ-đề, muốn sớm vào Niết-bàn, hãy xem đứa trẻ phát tâm Bồ-đề này.

(Trích kinh A Xà Thế Vương)

20. TUỔI TRẺ BỊ QUỶ DỤC LÀM MÊ HOẶC:

Bồ-tát thuở xưa khi còn làm chúng sanh, lúc mười sáu tuổi học rộng, thông đạt chỗ sâu xa của kinh điển nên đã ca ngợi:

- Chỉ có kinh Phật là chơn thật mầu nhiệm bậc nhất, ta nên giữ gìn chổ chơn thật của kinh này để được an lạc.

Khi cha mẹ muốn cưới vợ cho anh ta, anh ta buồn bã thưa:

- Tai hoạ lớn không gì qua sắc, một khi sắc dục đến thì đạo đức bị tiêu mất, nếu ta không trốn đi sẽ bị sói nuốt mất.

Thế rồi, anh ta bèn trốn sang nước khác, làm thuê nuôi thân. Bấy giờ, nước ấy có một gia đình điền chủ giàu có, nhưng không có con nối dõi. Họ nhặt được một bé gái rất xinh đẹp, nên vui mừng đem về nhận làm con. Khi cô gái đến tuổi lấy chồng, ông lão chọn hết khắp nước cũng không được một người vừa ý. Khi gặp Bồ-tát ông liền vui mừng bảo:

- Này chàng trai! Nhà ta có đủ tài sản, ta sẽ gã con gái cho ngươi để làm người nối dõi nhà ta!

Người nữ có thần đức nên đã mê hoặc được tâm của Bồ-tát. Cưới vợ không bao lâu, một hôm Bồ-tát chợt tỉnh ra và nói:

Phật đã dạy rõ ràng, nên thấy sắc là lửa, người là con thiêu thân. Thiêu thân vì tham màu sắc của lửa nên bị đốt cháy. Ông lão này đã dùng lửa sắc dục đốt cháy thân ta, mối tài lợi móc vào miệng ta. Những thứ nhơ uế này sẽ làm mất đi công đức của ta.

Ngay trong đêm đó, Bồ-tát lặng lẽ trốn đi xa hơn trăm dặm mới dừng lại, vào một ngôi đình vắng để nghĩ ngơi. Người giữ đình hỏi:

- Ông là ai?

- Tôi muốn xin ngủ nhờ.

Nhưng khi vào bên trong Bồ-tát nhìn có một người nữ nằm, dáng mạo giống như vợ mình. Bị người nữ này mê hoặc, Ngài lại sống chung với người ấy năm năm, tâm chợt tỉnh ngộ nói:

- Dâm là trùng độc làm hại thân mạng.

Ngài lại vội vã âm thầm bỏ đi, lại gặp người đàn bà khác, cùng ăn ở với nhau mười năm, mới tỉnh ngộ nói:

- Tai hoạ của ta rất nặng, quyết chạy trốn mà không khỏi.

Ngài liền phát lời thề sâu nặng "Quyết không bao giờ ngủ đêm".

Rồi Ngài lại bỏ trốn, xa thấy nhà lớn liền lánh đi đường nhỏ. Người giữ cửa thành hỏi:

- Người nào mà đi trong đêm thế?

- Tôi đi đến tụ lạc ở đằng trước

- Có lệnh cấm không cho người ngoài vào.

Ngài lại nghe có tiếng kêu phía trước, nhìn lại thì trông thấy người đàn bà trước kia. Bà ta nói:

- Từ vô số kiếp đã thề làm vợ chồng ông đi sao khỏi!

Bồ-tát nghĩ: "gốc dục khó trừ đến như thế ư?". Ngài liền khởi bốn tâm vô lượng, diệt các sự nhơ uế trong ba cõi thì những cấu uế còn sót lại không dứt hết sao?

Người vợ quỷ liền biến mất, Ngài thấy mình đang đứng trước cảnh giới của chư Phật, được nghe thuyết định vô tướng và được trao cho giới pháp Sa-môn, làm Bồ-tát Vô Thắng, độ khắp tất cả chúng sanh không ngằn mé.

(Trích Độ Cực Tập quyển 8)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 9

BỒ TÁT GIÁO HÓA NGOẠI ĐẠO

1. Ngài Văn-thù biến cô gái đẹp thành xấu xí
2. Ngài Văn-thù hiện thần thông giáo hóa
3. Bồ-tát Phổ Hiền phát nguyện ủng hộ năm hạng Pháp sư
4. Bồ-tát Tịnh Tinh Tấn cảm hóa Công Đức Tài
5. Tay của Thọ-đề-ma-nạp hiện ra voi lớn
6. Bồ-tát Phổ Thí cứu giúp người nghèo
7. Bồ-tát Trọng Thắng Vương bị Ngài A-nan chê bai
8. Bồ-tát Đại-tát-ca-bà tự sát để cứu người
9. Bồ-tát ngồi thiền trong núi suốt đời
10. Đức Phật vào biển tìm châu, cứu giúp người nghèo
11. Bồ-tát tự sát để cứu khách buôn
12. Đức Phật hiện tướng lưỡi rộng dài
13. Cậu bé chăn trâu truyền bá Đại thừa

1. Ngài VĂN THÙ HÓA THÀNH CÔ GÁI XẤU XÍ:

Cô gái Thượng-kim-quang-thủ và con trưởng giả Úy-văn, cùng ở nơi vườn Du-quán rải hoa, đốt hương, trỗi nhạc tưng bừng. Nhà của con trưởng giả nhìn thấy khung cảnh ấy lấy làm ưng ý.

Ngài Văn-thù-sư-lợi (xưa gọi là Nhu-thủ) hóa làm cô gái này, ngay lúc đó liền mạng chung. Nhan sắc trở nên xấu xí, máu mủ từ nơi mắt, tai, mũi, miệng chảy ra. Thân thể lở loét, không ai dám nhìn lâu. Ruồi xanh bay đến, bu quanh để ăn.

Bấy giờ, người con trưởng giả thấy thân thể cô gái biến hoại như thế, sợ hãi không yên, muốn cầu quy y Tam bảo để giải thoát khổ nạn, nhưng không biết làm sao. Oai thần đồng chân của Ngài Văn-thù-sư-lợi khiến cây cối trong vườn tự nhiên phát ra những lời tán tụng. Người con trưởng giả nghe thế, vui mừng hớn hở, phát khởi thiện tâm, lấy áo bọc

kín tử thi, bỏ vào rừng cây rồi đi.

Để hóa độ người con trưởng giả, Đức Thế Tôn từ nơi thân phóng quang. Ánh sáng chiếu khắp cõi nước Ma-kiệt. Thấy Như Lai oai thần vĩ đại, người con trưởng giả trong lòng vui vẻ.

Khi ấy, Trời Đế-thích đứng ngay trước mặt người con trưởng giả, khen ngợi:

- Cậu bé có duyên lành, có phước lớn mới gặp được Phật.

Người con trưởng giả nghe lời ca ngợi khuyến khích như thế, liền theo Đế-thích đến chỗ Phật. Trời Đế-thích đưa hoa và bảo người con trưởng giả:

- Hãy lấy hoa này rải trên thân Đức Như Lai.

Rải hoa xong, người con trưởng giả cúi đầu làm lễ rồi đứng lên bạch Phật:

- Nay con xin tự quy y Phật, Pháp và Thánh chúng. Người con gái phóng túng tên là Thượng-kim quang-thủ đã cùng với con vui chơi trong vườn Du-quán. Hôm nay dung mạo cô ta trở nên xấu xí rồi chết, bỏ tất cả thân bằng quyến thuộc. Con rất sợ hãi, quốc vương sẽ không tra hỏi con về việc này chứ?

Đức Phật bảo:

- Hãy thôi đi!

Thượng-kim-quang-thủ thấy người con trưởng giả đã được giáo hóa, phát tâm xuất gia, liền đem kỹ nhạc đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ, rồi đứng qua một bên.

Ngài Văn-thù-sư-lợi hỏi người con trưởng giả:

- Biết cô gái này không?

- Thưa, biết ạ.

- Biết thế nào?

Người con trưởng giả kể lại cho Ngài nghe rồi nói kệ:

Sắc như bọt nước tụ
Đau khổ trong khoảnh khắc
Vọng tưởng như ngựa hoang.
Con hiểu rõ như thế.

Đức Phật bảo Ngài A-nan:

- Vào thời xa xưa, Văn-thù-sư-lợi đã khuyến hóa cô gái này phát khởi đạo tâm. Đời trước cô gái này cũng đã được ta giáo hóa. Hơn chín mươi hai vạn kiếp sau, Thượng-kim-quang-thủ sẽ được thành Phật, hiệu là Bảo Quang Minh. Người con trưởng giả sẽ làm Bồ-tát, hiệu là Đức-quang-diệu; về sao cũng sẽ thành Phật, hiệu là Trì Kiểm. Trước khi diệt

độ, ta đã thọ ký như vậy.

(Trích kinh Đại Tịnh Pháp Môn)

2. NGÀI VĂN THÙ HIỆN THẦN THÔNG GIÁO HÓA:

Có hai trăm vị thiên tử phát tâm Bồ-đề nhưng chưa kiên cố, sắp phải đọa lạc. Mỗi người tự nghĩ:

- Phật pháp khó gặp, nay chúng ta nhất định sẽ không tu hạnh Bồ-tát nữa, chi bằng chấp nhận quả vị A-La-hán, Bích-chi-Phật rồi nhập Niết-bàn.

Đức Phật biết những người này có thể thành tựu Bồ-tát đạo, nhưng họ đã thối tâm. Đức Phật hóa ra một người đàn-việt bưng bát đựng đầy thức ăn trăm vị, đến làm lễ dâng lên Đức Phật. Đức Phật liền thọ nhận.

Ngài Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, con sẽ cố báo ân.

Ngài Xá-lợi-phất nghi ngờ liền hỏi Phật. Phật ném bát xuống đất. Bát ấy chìm xuống, qua hơn bảy mươi hai hật cõi ấy hiệu là Quang Minh Vương, hiện còn ở đời.

Bát ấy lơ lửng giữa hư không trong cõi nước Phật kia, không ai lấy được. Bát bay qua cõi nước Phật nào, các thị giả hỏi Đức Phật ấy và đều được trả lời:

- Phương trên có Phật hiệu là Thích Ca Văn. Bát từ nơi ấy đến để cứu hộ hàng Bồ-tát thối tâm Bồ-đề.

Phật Thích Ca bảo Ngài Xá-lợi-phất đi tìm bát ấy về. Nương oai thần Phật, Ngài Xá-lợi-phất tự dùng trí tuệ và hàng vạn Tam-muội đi qua hàng ngàn cõi nước Phật, nhưng không tìm thấy bát. Ngài xuất định, trở về bạch Phật:

- Con tìm bát nhưng không thấy đâu cả.

Phật lại sai Ngài Mục-kiền-liên. Ngài Mục-kiền-liên cũng không tìm thấy bát. Rồi Ngài Tu-bồ-đề, cho đến năm trăm vị Tôn-giả, ngay cả bồ-tát Di Lặc vẫn không cách nào tìm thấy được. Phật lại bảo Ngài Văn-thù-sư-lợi đi tìm bát. Ngài Văn-thù liền nhập định, ngay tại chỗ ngồi, lấy ngón tay phải chỉ xuống đất, đi qua bảy mươi hai hằng hà sa cõi nước Phật. Các cõi nước ấy đều bị chấn động và ai cũng thấy biết.

Mỗi sợi lông trên cánh tay của Ngài Văn-thù đều có trăm ngàn ức ánh sáng và hoa sen. Bồ-tát ngồi trên hoa sen, tán thán công đức của Phật Thích Ca và các Bồ-tát, Thanh-văn cho đến các cõi nước Phật.

Bấy giờ, Phật Thích Ca Văn từ dưới chân phóng quang. Ánh sáng

chiếu khắp bảy mươi hai hằng-sa cõi nước phương dưới. Ai thấy ánh sáng này cũng đều được tam-muội Ma-tỉ-đê. Ngài Văn-thù-sư-lợi dùng tay phải lấy bát, rồi cùng với vô số Bồ-tát làm lễ dâng bát lên Đức Phật.

Đức Phật bảo Ngài Xá-lợi-phất:

- Nay ta sẽ nói cho các ông nghe về những chuyện trong quá khứ. Xưa vào thời Đức Phật Dũng Mạc Năng Thắng, có vị Tỳ-kheo tên Huệ Vương cầm bát đi vào nước Duy Trí khất thực, được thức ăn trăm vị. Bấy giờ, con của vị tôn giả này là Ly Cấu Vương đang được nhũ mẫu bế đứng trên cửa thành. Đứa bé trông thấy Tỳ-kheo liền tuột khỏi tay nhũ mẫu, chạy đến xin thức ăn. Vị Tỳ-kheo liền cho nó bánh mật. Đứa bé ăn bánh, thấy ngon, liền đi theo vị Tỳ-kheo, không để ý đến nhũ mẫu.

Đứa bé theo vị Tỳ-kheo đến chỗ Đức Phật Dũng Mạc Năng Thắng, lễ Phật xong ngồi qua một bên. Vị Tỳ-kheo lấy thức ăn trong chiếc bát đang cầm nơi tay, đưa cho đứa bé dâng lên Đức Phật. Đứa bé vâng theo lời dạy.

Đức Phật thọ trai xong, biến ra tám vạn bốn ngàn Tỳ-kheo và một hai ngàn Bồ-tát. Ai nấy cũng no đủ mà thức ăn trong tay đứa bé vẫn không giảm bớt. Đức Phật dùng oai thần khiến đứa bé vui mừng. Nhân đó, đứa bé thọ năm giới với vị Tỳ-kheo, phát tâm Bồ-đề.

Cha mẹ đứa bé bảo con mình đảnh lễ Phật. Đứa bé thưa với cha:

- Con nay đã vào hàng Bồ-tát, xin được làm Sa-môn.

Cha mẹ đứa bé đồng ý và phát tâm theo con mình.

Đức Phật bảo:

- Tỳ-kheo Huệ Vương chính là Văn-thù-sư-lợi, đứa bé lúc ấy chính là thân ta, còn các Ứng thân của ta nhiều không tính kể. A-tăng-kỳ cõi Phật đều là nơi hành đạo của Văn-thù-sư-lợi. Chúng ta đều thấm nhuần ân đức của Ngài.

Hai trăm thiên tử ngay lúc đó tự nghĩ:

- Đức Phật Thích Ca Văn nhờ Ngài Văn-thù-sư-lợi mà phát tâm tu hành cho đến thành Phật, chúng ta sao lại lười biếng?

Nhờ nghĩ như vậy, các thiên tử đều được tâm kiên cố

(Trích kinh A-xà-thế Vương quyển thượng)

3. BỒ-TÁT PHỔ HIỀN PHÁT NGUYỆN ỦNG HỘ NĂM HẠNG PHÁP SƯ:

Bồ-tát Phổ Hiền dùng thần thông tự tại, oai đức danh tiếng của mình cùng vô số Bồ-tát từ phương Đông đi đến. Tất cả cõi nước các

Ngài đi qua đều chấn động, mưa hoa sen báu, trỗi các kỹ nhạc. Lại có vô số tám bộ chúng quỷ thần... đồng vây quanh và đảnh lễ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bạch rằng:

- Con ở nước của Đức Bảo Oai Đức Thượng Vương Phật, xa nghe thế giới Ta-bà này nói kinh Pháp Hoa nên cùng đến nghe và thọ trì. Cúi mong Đức Thế Tôn thuyết pháp cho chúng con.

Đức Phật bảo Ngài Phổ Hiền:

- Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào thành tựu bốn pháp, thì sau khi Như Lai diệt độ sẽ có được kinh Pháp Hoa này.

Bồ-tát Phổ Hiền bạch Phật:

- Nếu có người khi đi, khi đứng đều đọc tụng, suy nghĩ kinh này; nếu có người quên mất một câu, một bài kệ trong kinh, thì các vị Đại Bồ-tát đều đến chỗ người đó, hiện thân cúng dường, bảo vệ, nhắc nhở người đó, khiến họ đọc tụng thông thuộc như xưa. Nếu người nhìn thấy thân con thì vui mừng, càng thêm tinh tấn. Do thấy thân con, người ấy liền được tam-muội và đà-la-ni. Nếu vào đời ác sau, trong hàng bốn chúng, có người tìm cầu, có người thọ trì, có người đọc tụng, có người biên chép, muốn tu tập kinh Pháp Hoa này thì nội trong hai mươi mốt ngày nên nhất tâm tinh tấn. Đủ hai mươi mốt ngày, con sẽ hiện thân đến trước mặt người ấy, thuyết pháp cho họ nghe.

(Trích kinh Diệu Pháp Liên Hoa quyển 7).

4. BỒ-TÁT TỊNH TINH TẤN CẢM HÓA CÔNG ĐỨC TÀI:

Vào kiếp xa xưa, thuở Đức Phật Quảng Quang Minh (Kinh Bồ-tát Hạnh ghi là Ly Cấu Quang), con của một vị quốc vương tên Tài Công Đức (Kinh Bồ-tát Hạnh ghi là Nghiệp Thủ). Năm lên 16 tuổi, cậu bé cậy mình xinh đẹp nên sanh tâm kiêu mạn. Từ nhỏ cậu bé đã không cung kính lễ bái Phật. Đức Phật suy nghĩ xem ai có thể giáo hóa cậu bé. Trong tám vạn bốn ngàn Bồ-tát, chỉ có Bồ-tát Tịnh Tinh Tấn nhận lãnh nhiệm vụ này. Ngay khi đó, đại thiên thế giới chấn động sáu lần.

Vị Bồ-tát đến đứng nơi cửa nhà vua. Vương tử trông thấy Bồ-tát liền dùng lời ác chê bai, phỉ báng, lấy đất ném vào mặt Ngài, lấy dao, gậy, ngói đá ném vào thân Ngài. Bấy giờ, Bồ-tát không giận dữ, cũng không bỏ đi, lòng không chán mỏi. Trải qua một ngày năm, Bồ-tát vẫn chịu khổ như thế; qua 20.000 năm mới đến cửa thứ hai; còn chưa đầy bảy ngày nữa là tám vạn bốn ngàn năm, mới đến được cửa thứ bảy. Lúc ấy, vương tử nhìn thấy Bồ-tát này liền hỏi:

- Hôm nay, Đạo sĩ đến đây muốn cầu việc gì?

Hỏi xong, vương tử khởi tâm không thể nghĩ bàn về Bồ-tát:

- Tại sao người này phải chịu khổ sở trải qua thời gian lâu dài như thế mà lòng không chán nản?

Khi ấy, Bồ-tát biết tâm vương tử đã được điều phục, mới nói kệ và bảo đến gặp Phật.

Vương tử liền bỏ vương vị, xuất gia tu hành theo Phật pháp, nghe pháp rồi như pháp hành trì, đắc Vô sanh nhẫn.

Đức Phật bảo:

- Tịnh Tinh Tấn lúc ấy chính là thân ta, còn Tài Công Đức tức là Di-lặc.

(Trích kinh Đại Tập quyển 26, lại trích kinh Điều Phục Vương Tử Đạo Tâm. Kinh Bồ-tát Hạnh phần lớn đều giống như vậy)

5. TAY CỦA THỌ-ĐỀ-MA-NẠP HIỆN RA VOI LỚN:

Đối trước Đức Phật Bảo Tạng, Thọ-đề-ma-nạp quỳ gối phải sát đất, chắp tay bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, nay con phát tâm Vô thượng Bồ-đề, thành tựu căn lành. Nếu pháp Tam thừa mà con nguyện cầu đã được tự lợi, xin cho voi trắng lớn tự nhiên hiện ra trên hai tay con.

Do sức oai thần của Đức Phật, trong hai tay của ông ta hiện ra voi lớn, lông toàn màu trắng, bảy thân phần đều chạm đất.

Nhìn thấy sự việc này, Đức Phật bảo:

- Long tượng các ngươi, bây giờ hãy bay lên hư không nhưng đừng bay xa quá, rưới mưa nước thơm tám công đức xuống khắp cõi này để làm cho tất cả chúng sanh ở đây đều giác ngộ. Nếu có chúng sanh nào được thấm một giọt nước mưa, ngửi được mùi hương sẽ đoạn trừ năm triền cái: dâm dục, sân nhuế, thùy miên, điều hý và nghi.

Bấy giờ, voi lớn bay lên hư không nhanh như người lực sĩ tài giỏi bắn tên.

Hai voi lớn này làm xong mọi việc, trở về đứng trước Ma-nạp. Thọ-đề thấy thế, lòng rất vui mừng.

(Trích kinh Thọ-đề-ma-nạp Phát Bồ-đề Thệ Nguyện).

6. BỒ-TÁT PHỔ THÍ CỨU GIÚP NGƯỜI NGHÈO:

Xưa có Bồ-tát thuộc dòng Bà-la-môn, vừa lọt lòng mẹ liền nói:

- Chúng sanh chịu nhiều tai họa, ta phải cứu giúp họ. Họ không sáng suốt, không có phép tắc, ta sẽ trừ sự đui điếc cho họ, khiến họ thấy nghe được chánh pháp của Phật.

Họ hàng kinh sợ nói:

- Chưa nghe đứa bé nào nói những lời như vậy. Đây chẳng lẽ là hồn linh của trời, rồng, quỷ thần ư?

Họ liền bói quẻ.

Cậu bé trả lời:

- Tôi là bậc Thượng Thánh hóa sanh, vốn có cái biết sáng suốt rộng rãi, chẳng phải là bọn yêu tinh kia đâu, hãy dè dặt chớ nghi ngờ.

Nói xong, cậu bé im lặng

Cha mẹ bảo:

- Con ta có cái chí rộng lớn, thấm nhuần sánh bằng trời đất, chẳng lẽ là phàm phu ư?

Nên đặt tên cho cậu bé là Phổ Thí.

Năm lên mười, cậu bé làu thông tất cả kinh sách Phật và các học thuật đang lưu hành ở thế gian. Cậu từ giã cha mẹ để cứu giúp, bố thí những người nghèo thiếu.

Cha mẹ nói:

- Ta nổi tiếng là giàu có nhất, con có thể mặc tình bố thí!

Phổ Thí thưa:

- Không đủ đâu. Xin cho con làm Sa-môn, ban cho con pháp phục, bình bát, tích trượng, con sẽ dùng những thứ này cứu giúp chúng sanh.

Cha mẹ ưng thuận. Phổ Thí đi khắp nơi giáo hóa, qua một nước lớn. Trong nước có một nhà giàu có cũng hiểu biết về kinh sách, nhìn thấy dung nghi đẹp đẽ, tính tình dễ chịu của Phổ Thí, trong sáng như thiên kim, có biểu hiện của bậc thượng Thánh, sẽ được làm vua trên trời.

Người nhà giàu nói với Phổ Thí:

- Tôi có đứa bé gái quê mùa, xin cho làm kẻ hầu hạ Ngài.

Phổ Thí đáp:

- Rất tốt. Hãy đợi tôi trở về.

Phổ Thí liền đáp thuyền vượt biển, lên bờ vào núi, đến chỗ không có người, xa trông thấy một thành bằng bạc. Trong cung có rắn độc, quấn quanh thành bảy vòng, thân nó lớn trăm vòng, ngóc đầu nhìn Phổ Thí. Phổ Thí nghĩ rằng:

- Con rắn này có tâm hại người, ta phải khởi lòng từ.

Nọc độc rắn liền diệt, nó gục đầu xuống ngủ. Phổ Thí bước lên đầu nó vào thành. Vị thiên thần trong thành thấy Phổ Thí, vui mừng nói:

- Từ lâu khâm phục đức hạnh của Ngài, nay Ngài đến đây, thật

đúng với lòng mong ước của tôi.

Thiên thần mời Phổ Thí ở lại ba mươi ngày.

Phổ Thí đem mọi việc giao phó cho cận thần, đích thân thọ nhận sự cúng dường. Đến hết thời hạn cúng dường, thiên thần đem viên trân châu minh nguyệt tặng cho Phổ Thí. Viên minh châu này chiếu sáng tới bốn vạn dặm, lòng chủ nhân ước muốn điều gì thì các thứ báu đều hiện đầy đủ. Thiên thần lại thưa:

Nếu sau này Ngài thành Phật, tôi xin được làm đệ tử.

Phổ Thí đáp:

- Được.

Phổ Thí lại lên đường, thấy một thành bằng vàng ròng, có con rắn độc quấn quanh thành mười bốn vòng, thân to lớn gấp bội con rắn trước, ngóc đầu cao mấy trượng. Phổ Thí lại nhập từ định, rắn gục đầu xuống. Phổ Thí bước lên đầu rắn vào thành. Vị thiên nhân trong thành thấy Phổ Thí liền vui vẻ nói:

- Từ lâu khâm phục đức sáng của Ngài. Ngài đi đến đây thật là quý. Xin thỉnh Ngài lưu lại một trăm tám mươi ngày để tôi cúng dường.

Thời hạn đã hết, Phổ Thí từ giã lên đường. Vị thiên nhân tặng cho Phổ Thí một viên thần châu. Ánh sáng chiếu tới hai mươi vạn dặm, lòng chủ nhân ước muốn điều gì thì các thứ báu đều hiện đầy đủ. Thiên nhân thưa:

- Nếu Ngài đắc đạo, tôi xin được làm đệ tử có thần túc đệ nhất.

Phổ Thí tiếp tục lên đường, thấy một thành lưu ly. Có một con rắn độc, thân quấn quanh thành hai mươi mốt vòng, ngóc đầu lên, cặp mắt lộ vẻ giận dữ, đang giữ cửa thành ấy.

Phổ Thí lại nhập Từ định, nguyện cứu giúp chúng sanh. Nọc độc tiêu đi, rắn gục đầu xuống. Phổ Thí bước lên đầu rắn vào thành. Có vị thiên nhân vui mừng, nói lời như trước, mời Phổ Thí ở lại ba thời (270 ngày) và xin cúng dường theo như ý nguyện.

Kỳ hạn đã hết, Phổ Thí từ giã lên đường. Vị thiên nhân tặng cho Phổ thí một viên thần châu, ánh sáng chiếu xa một triệu sáu trăm ngàn dặm. Viên thần châu ở đâu thì ở đó có các thứ báu, đầy cả trong vùng ánh sáng kia, tuỳ theo ý muốn, không có điều mong cầu nào mà không được toại nguyện. Thiên nhân thưa:

- Nếu Ngài thành bậc Chánh Giác, tôi xin được làm đệ tử có trí sáng nhất.

Phổ Thí nói:

- Chắn chắn ông sẽ được như chí nguyện người.

Phổ Thí được ba viên thần châu, trở về chỗ cũ. Các long thần ở biển đều hội họp bàn rằng:

- Biển lớn của chúng ta, chỉ cần ba viên thần châu này là giàu sang mà vị đạo sĩ kia đã có đủ. Vậy chúng ta thà mất hết các châu báu khác, chứ không để mất ba viên thần châu này.

Vị thần biển hóa làm một thường dân, đứng trước mặt Phổ Thí, nói:

- Nghe Ngài được của báu bậc nhất thế gian, tôi có thể được xem chăng?

Phổ Thí lấy ra đưa cho coi.

Vị hải thần vươn đoạt lấy ba viên thần châu.

Phổ Thí nghĩ:

- Ta trải qua nhiều hiểm trở, vượt biển lớn mới được của báu này, muốn dùng nó để cứu giúp người nghèo khổ, lại bị vị thần này thấy rồi đoạt lấy hay sao?

Phổ Thí nói với vị thần:

- Ngươi hãy trả những viên thần châu lại cho ta, bằng không ta sẽ làm cạn nước biển của ngươi.

Vị hải thần nói:

- Biển lớn sâu rộng, ai có thể tát cạn được? Trời đất chấn động chỉ tạo thành gió thôi.

Phổ Thí nói:

- Xưa ta ở trước Đức Phật Đĩnh Quang, nguyện được đạo lực lật úp các biển, tay nâng núi Tu-di, làm chấn động trời đất, dời các cõi nước. Đức Phật theo chí nguyện của ta. Ta nay được toại nguyện. Ngày nay, sức yêu ma nhỏ bé như tơ tóc của ngươi đâu có thể ngăn trở được sức mạnh chơn chánh của ta.

Phổ Thí liền đứng ngang bằng hai chân, tát nước biển ra ngoài núi Thiết Vi.

Có vị Trời Biến Tịnh nghĩ:

- Xưa ta ở trước Đức Phật Đĩnh Quang nghe chí nguyện của người này, ắt sẽ thành Phật cứu độ chúng sanh.

Vị Trời ấy liền bay xuống giúp tát nước giúp Phổ Thí. Nước biển mười phần cạn hết tám phần.

Vị hải thần sợ hãi nói:

- Nước biển này cạn, sẽ làm hỏng chỗ ở của ta

Vị hải thần liền trả lại ba viên thần châu cho Phổ Thí.

Dọc đường bố thí, những nước nào Phổ Thí đi qua đều không còn dân nghèo. Các vị vua ở khắp nơi đều sửa đổi chính sách, lấy Ngũ giới, Thập thiện làm phép trị nước, mở cửa ngục, thả tù nhân. Ân đức của Ngài thấm nhuần tất cả chúng sanh, đều được thành Phật.

Đức Phật bảo:

- Phổ Thí chính là thân ta. Cha ta chính là vua Bạch Tịch. Mẹ ta là bà Xá-diệu. Người con gái đạo sĩ nay là Cầu-di. Vị thiên nhân trong thành bằng bạc nay là A-nan. Vị thiên nhân trong thành bằng vàng là Mục-kiền-liên. Vị thiên nhân trong thành lưu ly là Xá-lợi-phất.

(Trích Độ Vô Cực Tập quyển 1, lại trích kinh Hiền Ngu)

7. BỒ-TÁT TRỌNG THẮNG VƯƠNG BỊ NGÀI A-NAN CHÊ BAI:

Ngài A-nan bạch Phật:

- Con nhớ xa xưa khi vào thành Xá-vệ thấy Bồ-tát Trọng Thắng Vương nằm cùng giường với người nữ. Con cho là Bồ-tát đã phạm giới, không khác người đời. Người tu phạm hạnh đối với giáo pháp Như Lai, không khởi lên thấy, nghe, tưởng niệm.

Ngài A-nan nói xong, ba ngàn đại thiên thế giới chấn động sáu lần.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Trọng Thắng Vương bay lên hư không, cách đất bốn trượng chín thước, bảo A-nan rằng:

- Người phạm cấm giới há có thể bay lên đứng giữa hư không được chăng?

Ngài A-nan đến trước Phật cúi mình, hối lỗi, thưa:

- Làm sao thấy hết được chỗ khiếm khuyết của bậc Đại Long?

Đức Phật bảo A-nan:

- Người nữ kia vào thời quá khứ đã trăm đời kết hôn với Trọng Thắng Vương. Tình cảm nhiều đời vẫn còn, tham đắm vẻ đẹp của Trọng Thắng. Cô ta đã phát lời thề:

- Nếu Trọng Thắng Vương làm ta thỏa nguyện, ta sẽ nghe theo lời dạy của ông ấy.

Bấy giờ, Trọng Thắng Vương biết tâm niệm cô gái, sáng sớm, ăn mặc chỉnh tề đến nhà cô ta, nói kệ rằng:

Ta ngu si tham dục
Bị chư Phật chê bai
Khéo diệt trừ ân ái
Được làm Phật cao cả.

Bấy giờ, cô gái vui mừng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, gieo mình xuống đất, quy y Tam bảo, tự trách và sám hối tội lỗi, làm bài kệ khen ngợi Trọng Thắng Vương:

Con đã lìa các dục
Được Thế Tôn ngợi khen
Tiết chế lòng ân ái
Cầu Phật đạo vô thượng
Những tâm tưởng trước đây
Nay thú tội sám hối
Thương xót các chúng sanh
Đều phát khởi đạo tâm.

Lúc ấy, Trọng Thắng Vương thọ ký cho cô gái chuyển thân nữ thành thân nam, chín mươi chín kiếp sau sẽ được thành Phật hiệu Ly Vô Số Bách Thiên Sở Thọ Như Lai.

(Trích kinh Tuệ Thượng Bồ-tát quyển thượng)

8. BỒ-TÁT ĐẠI-TÁT-CA-BÀ TỰ SÁT ĐỂ CỨU NGƯỜI:

Khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni làm Bồ-tát tên là Đại-tát-tha-bà, đang lúc qua biển lớn, bị gió dữ làm hư thuyền, Ngài bảo những người buôn:

- Hãy nắm lấy tóc, tay, chân của ta thì sẽ giúp các ngươi vượt qua biển.

Khi mọi người nắm xong, Ngài lấy dao tự sát. Phép của biển lớn không chứa tử thi, nên ngay lúc đó gió thổi dạt tất cả vào bờ.

(Trích luận Đại Trí Độ quyển 4)

9. BỒ-TÁT NGỒI THIỀN TRONG NÚI SUỐT ĐỜI:

Bồ-tát ngồi thiền trong núi, tư duy về từ tâm bất động. Biết chim đang sanh nở trên đầu, sợ trứng rớt xuống đất, Bồ-tát không dám động thân hay đi nơi khác, cứ ngồi yên bất động. Đến khi chim con mọc cánh nhưng chưa thể bay được, rốt cuộc Bồ-tát cũng không thể bỏ đi. Tự biết như thế, Bồ-tát nói kệ:

Giải quyết được việc này
Là thầy của trời người
Không làm chúng sợ hãi
Đức ấy không gì hơn
Cho nên Đức Thế Tôn
Là vị Thánh bậc nhất

Xưa ở nơi đạo tràng
Công đức đều đầy đủ.

(Trích kinh Tăng-già La-sát quyển thượng)

10. ĐỨC PHẬT VÀO BIỂN TÌM CHÂU, CỨU GIÚP NGƯỜI NGHÈO:

Đức Phật kể lại:

Từ vô số kiếp đến nay, ta tinh tấn cầu đạo, lúc mới phát tâm chẳng biếng lười, nên được chứng quả trước Phật Di Lặc chín kiếp.

Ta nhớ thuở quá khứ, do thấy người dân trong nước nghèo khó, nên khởi lòng thương xót, muốn vào biển tìm ngọc như ý. Ta tập hợp mọi người lại, đợi gió giương buồm, đến biển, xin ngọc như ý trên đầu Long vương. Long vương nghe ta muốn cứu giúp người nghèo, liền cho ta viên ngọc. Bấy giờ, các khách buôn tìm được nhiều của báu, lên thuyền trở về. Các rồng và quỷ thần trong biển này đều bàn với nhau:

- Ngọc như ý này là của báu quý nhất trong biển, người thế gian không thể có được. Vì sao Long vương không nghĩ đến biển mà lại làm lợi ích cho cõi Diêm-phù- đề? Thật là đáng tiếc. Phải tính cách lấy lại viên ngọc này, không để cho mất.

Bấy giờ các rồng, quỷ thần ngày đêm vây quanh thuyền, muốn lấy lại viên ngọc. Nhưng do đức độ của ta và sức thần của ngọc như ý nên chúng không thể thực hiện được.

Vượt qua biển cả, ta vui mừng đứng trên bờ, cúi đầu, ra sức chú nguyện cho thần biển, lấy viên ngọc cột vào cổ.

Lúc ấy, Long thần ở biển tìm cách làm cho viên ngọc rơi xuống biển.

Ta rất hài lòng đối với việc vào biển, đi thuyền, vượt bao khó khăn gian khổ mới được viên ngọc này để cứu giúp người nghèo khó.

Bấy giờ, thần biển lại khiến ngọc rơi xuống biển, ra lệnh cho người hầu bên cạnh mang một chiếc bình lại để hút nước biển đến tận đáy; Nếu không được ngọc, sẽ không ngưng nghỉ. Thần biển ra sức hút nước biển không tiếc mạng sống. Nước tự nhiên cuốn hết vào bình. Thấy vậy, các long thần trong biển sợ hãi, nghĩ rằng: Uy lực và sự quyết tâm của những người này, thế gian không thể có được. Nước không bao lâu sẽ cạn hết. Thế là, Thần biển liền đem ngọc đến từ tạ Đạo sư, rồi trở về.

Mọi người nói với nhau:

- Bây giờ, chúng ta thử nghĩ, nếu không nhờ sự quyết tâm thì

không thể nào được ngọc. Khắp cả đất trời, không ai hơn ông ta được.

Có ngọc trong tay, ta mang về nước, làm mưa bảy báu, tất cả thiên hạ đều được an ổn.

Người vượt biển tìm ngọc bấy giờ chính là thân ta.

(Trích Sanh kinh quyển1)

11. BỒ-TÁT TỰ SÁT ĐỂ CỨU KHÁCH BUÔN:

Xưa có Bồ-tát cùng năm trăm lái buôn vào biển, tìm châu báo. Vào biển mấy tháng, của báu tìm được chở nặng cả thuyền. Khi sắp trở về bản xứ, giữa đường gặp cơn bão, sấm chớp rung trời, thần nước tụ tập lại vây kín bốn phía như thành, trong mắt tóe lửa, sóng vỗ đẫm núi, mọi người kêu khóc:

- Chúng ta chết mất!

Sợ hãi biến sắc, họ ngửa mặt lên trời kêu cứu. Bồ-tát buồn bã, nghĩ ra một kế:

- Ta cầu thành Phật, chỉ vì chúng sanh. Điều thần biển ghét chính là tử thi, liều mình cứu người là sự nghiệp cao cả của Bồ-tát. Ta không lấy máu mình đổ xuống biển, thì thần biển làm dữ, thuyền nhân rốt cuộc không được vào bờ.

Bồ-tát bảo mọi người:

- Các ngươi đan tay nhau lại, nắm lấy thân ta.

Mọi người vâng lời. Bồ-tát rút dao tự đâm chết mình. Thần biển ghét quá, đẩy thuyền vào bờ, mọi người đều được cứu mạng. Thuyền nhân ôm lấy tử thi, gào khóc:

- Đây hẳn là Bồ-tát, chẳng phải người bình thường.

Rồi họ lăn lộn kêu trời:

- Thà để chúng tôi mất mạng nơi này, chứ đừng giết bậc đức trọng.

Lời nói chân thành cảm đến chư Thiên. Thấy Bồ-tát lòng từ rộng lớn, Đế thích xuống nói:

- Đây là Bồ-tát có đức cao tột, sẽ làm đấng Thánh hùng, nay ta cứu sống lại.

Đế-thích bèn lấy thuốc thần đổ vào miệng, và thoa khắp thi thể. Bồ-tát sống lại, bỗng nhiên ngồi dậy, thăm hỏi mọi người. Đế thích đem danh báu cho họ đầy thuyền gấp nghìn lúc trước. Mọi người trở về quê cũ, họ hàng gặp nhau, không ai không vui mừng. Bồ-tát cứu giúp người nghèo thiếu, cho khắp chúng sanh, giảng giải kinh Phật, khai hóa người ngu tối. Vị quốc vương cảm phục đức hạnh Bồ-tát, xin được Ngài hóa

độ. Vua nhân, tôi trung, cả nước trì giới, nhà có con hiếu, nước giàu, họa hết, dân chúng yên vui, chết sanh lên trời, mãi lìa các khổ. Bồ-tát nhiều kiếp tinh tấn không ngừng cho đến khi thành Phật.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Người giết mình cứu người chính là thân ta, trời Đế thích là Di Lặc, năm trăm lái buôn nay là năm trăm A-La-hán đang ngồi trong đây.

(Trích kinh Sát Thân Cứu Cổ Nhân, lại trích Độ Vô Cực Tập)

12. ĐỨC PHẬT HIỆN TƯỚNG LƯỠI RỘNG DÀI:

Lúc bấy giờ, các vị đại Bồ-tát như số vi trần trong ngàn thế giới từ dưới đất vọt lên, một lòng chắp tay, chiêm ngưỡng dung nhan của Phật mà bạch Phật rằng:

- Sau khi Phật diệt độ, ở các cõi nước Đức Thế Tôn phân thân diệt độ, chúng con sẽ rộng nói kinh này. Chúng con cũng muốn được pháp lớn thanh tịnh này để thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép cúng dường Đức Phật.

Lúc đó, Đức Thế Tôn ở trước vô lượng trăm ngàn vạn ức vị Bồ-tát cựu trụ ở thế giới ta-bà như Ngài Văn-thù-sư-lợi...và các Thanh-văn, tất cả chúng nhân, phi nhân...bày tướng lưỡi rộng dài lên đến trời Phạm Thế, tất cả lỗ chân lông phóng ra vô lượng tia sáng đủ màu, thảy đều chiếu khắp các cõi nước ở mười phương. Các Đức Phật ngồi trên tòa sư tử dưới cây báu cũng lại như thế.

(Trích kinh Pháp Hoa quyển 6)

13. CẬU BÉ CHĂN TRÂU TRUYỀN BÁ ĐẠI THỪA:

Xưa có vị Tỳ-kheo tinh tấn trì giới không hề hủy phạm, ở trong tinh xá, thường tụng kinh Bát-nhã-ba-la-mật. Hễ ai nghe được tiếng tụng kinh của Tỳ-kheo này thảy đều hoan hỷ.

Có một cậu bé bảy tuổi chăn trâu ở ngoài thành, xa nghe tiếng tụng kinh, nương theo tiếng ấy tìm đến chùa, vừa nghe liền hiểu. Cậu bé vui mừng, hỏi vị Tỳ-kheo, nhưng không có được câu trả lời vừa ý. Trái lại, cậu bé nói nghĩa Bát-nhã rất vi diệu, xưa nay ít được nghe.

Vị Tỳ-kheo nghe xong, khen ngợi cậu bé, cho là bậc có trí tuệ, không phải người bình thường.

Bấy giờ, cậu bé trở lại chỗ thả trâu, phát hiện có một con nghé chạy lạc vào núi. Lần theo dấu chân trâu, cậu bé bị hổ sát hại, rồi thác sanh làm con của đệ nhất phu nhân nhà trưởng giả. Trong thời gian

mang thai, phu nhân có thể nói Bát-nhã-ba-la-mật từ sáng đến chiều, không hề ngưng nghỉ.

Gia đình trưởng giả vốn không tin Phật pháp, cho là phu nhân mắc bệnh ma, ăn nói bậy bạ. Xem bói, hỏi thăm khắp nơi, không ai biết được. Hai bên nội ngoại trong nhà đều lo buồn.

Lúc ấy, vị Tỳ-kheo vào thành khất thực, ngang qua nhà trưởng giả nghe tiếng tụng kinh, lòng rất vui mừng, liền hỏi trưởng giả:

- Trong nhà ai nói kinh cao sâu, âm thanh vi diệu vậy?

Trưởng giả đáp:

- Vợ tôi mắc bệnh ma, ngày đêm nói bậy liên hồi không dứt.

Vị Tỳ-kheo bảo:

- Không phải bệnh ma đâu, chỉ là nói kinh, nghĩa lý rất sâu xa. Ta nghi rằng thai nhi phu nhân đang mang là đệ tử Phật.

Trưởng giả vỡ lẽ, mới mời vị Tỳ-kheo ở lại thọ trai.

Khi đủ ngày đủ tháng, phu nhân sanh ra một bé trai khác thường lại không có nước ối. Đứa bé vừa được sanh ra, liền chắp tay, quỳ gối, nói kinh Bát-nhã-ba-la-mật, còn phu nhân sanh xong, trở lại như xưa; Giống như nằm mộng, thức giấc, không còn nhớ gì nữa. Trưởng giả mời chư Tăng vân tập, thấy đứa bé nói kinh rất lưu loát.

Bấy giờ, chúng Tăng ai cũng một lòng quán xét đứa bé. Trưởng giả hỏi:

- Đứa bé này là ai?

Tỳ-kheo đáp:

- Đúng là đệ tử Phật. Hãy thận trọng, chớ có nghi sợ, nhớ nuôi dưỡng cho tốt. Lớn lên, đứa bé này sẽ làm Thầy của trời người. Chúng ta đều phải theo thọ giáo.

Khi lên bảy, đức bé đã biết hết các lẽ vi diệu và trí độ vô cực cao siêu. Các Tỳ-kheo đều theo thọ học. Những chỗ sai lầm,thiếu xót trong kinh, đứa bé đều san định đầy đủ, hoàn chỉnh. Mỗi khi đứa bé đi đâu, đều có mục đích là giáo hóa mọi người phát tâm Đại thừa. năm trăm người lớn nhỏ, nội, ngoại trong nhà trưởng giả đều theo đứa bé tu học, phát tâm Đại thừa và làm Phật sự. Số người trong thành quách chợ búa được đứa bé chỉ dạy và phát tâm vô thượng, tổng cộng tám vạn bốn ngàn người. Số người xin làm đệ tử là năm trăm người. Các Tỳ-kheo nghe đứa bé giảng giải, tâm ý đều khai mở, chí cầu Đại thừa, đắc pháp nhãn tịnh.

Đức Phật bảo A-nan:

- Đứa bé ấy chính là thân ta, còn vị Tỳ-kheo là Phật Ca-diếp.

(Trích kinh Tiểu Nhi Văn Pháp Tức Giải)

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 10

1. Đế-thích độ bạn đời trước.
2. Nhờ công đức bố thí dâm nữ được chuyển thân tu tập đắc đạo.
3. Vua Tát-Bà-đạt cắt thịt mình cứu chim bồ câu.
4. Văn Thù hoá làm thiếu niên giáo hoá nàng Thượng-kim-quang-thủ.
5. Bồ-tát Nhất-thiết-diệu-kiến hiếu thảo với cha mẹ.
6. Chư Bồ-tát thọ thân sai khác độ chúng sanh.
7. Tiên nhơn Bà-tẩu độ sáu trăm hai mươi vạn thương buôn.
8. Chuyển-luân vương phát nguyện bố-thí.
9. Vua đem mắt cho người bệnh.
10. Vua trị tội Phạm chí.
11. Vua bố thí đất nước vợ con.
12. Vua cứu giúp người nguy khốn.
13. Thái tử Liên Hoa đem tuỷ cho người bệnh.
14. Thái tử đem máu cho người bệnh.

1. ĐẾ THÍCH ĐỘ BẠN ĐỜI TRƯỚC:

Lúc Đức Phật làm Đế thích vẫn tinh tấn tu tập, tâm thường nghĩ đến các pháp khổ không, vô thường, ngồi thì tư duy, đi thì giáo hóa, thương người ngu, mến người trí.

Một hôm, Ngài nhìn thấy người bạn đời trước của mình thọ thân người nữ, làm vợ một người giàu có. Bà ấy không nhận thức được lý vô thường, đam mê tài sắc, thường ở chốn chợ búa ăn chơi. Thấy vậy, Đế Thích hóa làm một người lái buôn đến chốn chợ búa ấy.

Thấy vị lái buôn đến, người phụ nữ mời ngồi, vị lái buôn nhìn bà chằm chằm rồi cười, khiến bà vô cùng kinh ngạc. Bên cạnh người phụ nữ có một đứa bé đang vỗ trống con đùa giỡn. Vị lái buôn lại cười.

Có một người cha bệnh, người con đem trâu đi tế thần để cầu nguyện, vị lái buôn lại cười.

Có một phụ nữ bế đứa con, đứa con quào rách mặt mẹ, máu chảy đến tận cổ. Lái buôn lại cười.

Thấy vậy, phụ nữ-vợ của người nhà giàu kia hỏi:

- Tại sao ông nhìn tôi và đứa bé đùa giỡn rồi cười mãi như thế?

Vị lái buôn bảo:

- Chị và tôi vốn là bạn tốt của nhau nay chị quên rồi sao?

Người phụ nữ nghe xong không khỏi kinh ngạc, tâm tư buồn bã.

Vị lái buôn bảo:

- Sở dĩ tôi cười đứa bé, vì đứa bé đời trước vốn là cha của chị. Nay đầu thai làm con chị. Cha con trong một đời còn không nhận ra nhau huống chi qua nhiều đời. Đứa bé vỗ trống trong một đời phải làm thân trâu, trâu chết trở lại làm con của chủ. Gia đình lấy da trâu bịt trống, nay đứa trẻ đánh vào đó mà không biết là đang đánh vào thân cũ của mình.

Còn người con đem trâu tế thần để cầu cho cha mình lành bệnh cũng như uống thuốc độc mà cầu mong khoẻ mạnh. Người cha sau khi chết sẽ làm thân trâu, nhiều đời bị đồ tể giết hại mổ xẻ. Nay con trâu tế thần này đã được làm người.

Đứa bé quào vào má mẹ nó đời trước vốn là vợ lẽ, mẹ là vợ cả. Do sự đố kỵ ganh ghét trong tình cảm của phụ nữ nên hai người thường gây gỗ xô xát nhau đến nỗi người vợ lẽ phải ngậm hận trọn đời. Sau khi chết cô đầu thai làm con của vợ cả.Vì vậy, nay nó quào rách cả mặt mà người mẹ không hề oán giận.

Ôi! tâm vô thường xưa ghét nay thương có gì cố định. Người thân trong một đời còn không biết huống chi nhiều kiếp.

Kinh nói: "Vì sắc thân ngăn che nên không thấy được đạo lớn. Người chuyên nghe những lời sai quấy thế gian thì không thể nghe được những lời chỉ dạy của Đức Phật".Tôi cười là vì vậy. Sự vẻ vang ở đời như ánh chớp vụt lên rồi tắt lịm. Chị cần phải hiểu rõ lý vô thường của cuộc đời, hãy tôn quý tu tập phép lục độ chớ như người ngu si. Bây giờ tôi về, mai sẽ đến nhà chị. Nói xong, vị lái buôn biến mất.

Phụ nữ buồn bã trở về, tâm tư luôn trông ngóng vị lái buôn kia.

Ngày hôm sau quả thật có một người mặt mũi xấu xí, áo quần rách rưới đứng trước nhà người phụ nữ và bảo:

Bạn của ta ở trong nhà này hãy gọi họ giúp ta.

Người giữ cửa vào thưa với bà chủ. Bà liền ra và nói:

Ông không phải bạn của ta.

Đế thích cười, bảo:

- Tôi chỉ mới thay đổi hình dáng và y phục mà chị còn nhận không ra, huống chi là qua đời khác. Chị hãy dốc lòng phụng thờ Tam bảo, vì Phật khó được gặp, Tỳ-kheo đức hạnh cao cũng khó được cúng dường; Sinh mạng của con người chỉ ở trong hơi thở, chớ say mê theo thú vui của cuộc đời.

Biết được việc ấy,cả nước vui mừng tán thán người người tu tập hạnh tốt đẹp của lục độ.

Phật nói với Thu Lộ Tử: người phụ nữ đó nay chính là Di Lặc. Thiên Đế Thích ấy nay chính là thân ta.

(Trích kinh Di Lặc Vi Nữ Nhân)

2. NHỜ CÔNG ĐỨC BỐ THÍ, DÂM NỮ ĐƯỢC CHUYỂN THÂN TU TẬP ĐẮC ĐẠO:

Thuở xưa, nước Ưu ba-la-việt lúa đậu được mùa, dân chúng đông đúc, vua đang trị vì là Bà La. Trong nước ấy có một dâm nữ nhan sắc mặn mà.Một hôm đi qua một căn nhà,cô gặp một phụ nữ vừa sanh một bé trai và định ăn thịt con mình. Dâm nữ hỏi lý do:

Chị đáp:

- Tôi đói quá.

- Chị đợi một lát, tôi sẽ tìm thức ăn cho.

- Tôi đói quá rồi! cô chưa bước ra khỏi cửa, tôi đã chết mất. Làm sao đợi tôi được!

Dâm nữ nghĩ:

- Nếu mình bế đứa bé đi thì mẹ nó chết còn để lại thì nó sẽ bị ăn thịt. Mình phải làm sao cứu cả hai mới được. Nghĩ rồi dâm nữ tự cắt hai vú của mình đưa cho người sản phụ ăn, ăn xong cô hỏi:

- Chị đã no chưa?

- Cám ơn cô, tôi đã no!

Dâm nữ trở về nhà lúc đó có một chàng trai đến tìm cô. Thấy cô như vậy liền hỏi:

- Ai đã cắt vú của cô?

Dâm nữ kể lại sự tình, anh nghe xong rất cảm động, lửa lòng lắng dịu. Anh hỏi:

- Chị có thể chứng minh lòng chí thành này được không?

Dâm nữ nói:

- Nếu tôi thật lòng cứu người thì khiến hai vú tôi bình phục như cũ

Vừa nói xong hai vú cô liền bình phục

Khi ấy Thích-Đề-hoàn-nhân nhìn thấy phước đức bố thí của dâm nữ này,sợ cô chiếm đoạt ngôi vị của mình nên hóa làm một ba- la- môn đến nhà dâm nữ.

Thấy Bà-la-môn đến dâm nữ lấy bát vàng đựng đầy cơm đem dâng cho ông nhưng ông từ chối không nhận.

Dâm nữ hỏi:

- Tại sao?

Bà-la-môn đáp:

- Tôi không cần cơm. Nghe nói cô đã đem hai vú mình để cứu một sản phụ, có thật vậy không?

- Thật vậy.

- Lúc đó cô có hối hận không?

- Nếu tôi thật lòng bố thí cứu người thì khiến tôi chuyển thân thành nam.

Vừa nói xong dâm nữ liền chuyển thân.

Lúc ấy vua Ưu-ba-la-việt, trị nước đã năm mươi năm, băng hà mà không người kế vị. Quần thần nghe nói dâm nữ đã chuyển thân thành nam, nên nghĩ:

Bây giờ nên lập người này làm vua. Nghĩ rồi họ cùng nhau đến đón người ấy. Sau khi lên ngôi,vua thích bố thí. Hễ ai cần gì thì vua ban cho thứ ấy. Ngoài ra Ngài còn dạy dân chúng giữ gìn và tu tập bát quan trai giới. Dưới sự cai trị của vua, nhân dân yên vui tuổi thọ kéo dài. Một hôm vua nghĩ: "ta tuy tu hạnh bố thí nhưng chưa bố thí thân, đem thân bố thí mới là việc khó". Nghĩ xong, vua lấy váng sữa hương thơm bôi vào thân mình rồi đi vào một ngon núi hoang vắng,nằm trên một phiến đá cao vót. Lúc ấy cả trăm loài chim muôn bay đến mổ ăn. Sau khi mạng chung vua sanh vào nhà Bà-la-môn thân hình xinh đẹp. Đến tuổi trưởng thành đồng tử lén ra chợ tận mắt nhìn thấy người buôn bán, nghèo khổ, xin ăn thì thương xót nghĩ rằng:"nếu có thể giúp cho những người này giàu có sung sướng thì họ sẽ không phải buôn bán vất vả thế này,

Thế rồi đồng tử trở về xin phép cha mẹ xuất gia làm Sa-môn.

- Cha mẹ không đồng ý, đồng tử nhịn ăn. Đến ngày thứ năm những người thân trong gia tộc đều can ngăn nhưng đồng tử vẫn không chịu nghe theo, họ đành quay sang khuyên cha mẹ đồng tử nên cho đồng tử đi học đạo.

Cha mẹ nhìn nhau buồn cảm rơi lệ đành phải cho phép.

Đồng tử vui vẻ lo lắng dưỡng nuôi cha mẹ suốt sáu, bảy ngày rồi

nhiễu quanh ba vòng đảnh lễ từ giã.

Đi đến một khu rừng rậm, đồng tử gặp hai đạo nhân đã đắc ngũ thông ngồi ngoài đất trống tu tập. Họ vì dân chúng mà chuyên tu khổ hạnh. Đồng tử cũng đến gốc cây ngồi tọa thiền tu tập khổ hạnh và đắc ngũ thông. Càng ngày đồng tử càng tinh tấn hơn hai vị đạo nhân kia. Theo qui tắc của các vị đạo nhân: Trái cây rụng xuống thì lượm ăn chứ không hái.

Hôm nọ các vị đạo nhân cùng đi lượm trái cây rừng, họ gặp một con hổ đang mang thai. Đạo nhân đồng tử nói với hai vị kia:

Con hổ này sắp sanh rồi, đã mấy ngày đói khát sợ rằng sau khi sanh nó sẽ ăn thịt con nó. Ai có thể đem thân mình cứu nó?

Đạo nhân Di Lặc liền bảo:

Tôi sẽ đem thân cho nó ăn.

Ba người đi kiếm trái cây trở về thì thấy hổ đã sanh con. Nó rất đói và muốn ăn thịt con mình.

Đạo nhân đồng tử nhắc hai vị kia:

Hổ đã sanh con rồi,nó rất đói, muốn ăn thịt con, ai có thể đem thân cứu nó thì hãy cùng tôi đến chổ của nó.

Nghe tiếng động, hổ mở mắt há miệng nhìn về phía hai vị đạo nhân kia. Hai vị sợ quá bay tuốt lên hư không. Vị đạo nhân kia nói:

Lòng chí thành của bạn là như thế ư? Đã hứa đem thân cứu hổ bay giờ cớ gì lại bay tuốt lên đây? Đạo nhân kia buồn bã rơi lệ rồi đi.

Nhìn quanh bốn phía không thấy ai, đạo nhân đồng tử liền cầm dao đâm vào cánh tay bảy nhác cho máu chảy vào miệng hổ, sau đó tự gieo mình xuống đất cho hổ ăn.

Phật bảo A-nan:

Dâm nữ chuyển thành thân nam, được làm vua và đồng tử con Bà-la-môn xả thân cứu hổ thuở ấy nay chính là thân ta. Hai vị đạo nhân kia nay chính là hai vị Bồ-tát Ca-diếp và Di-lăc. Trong sáu mươi kiếp ta luôn tinh tấn đem thân bố thí nên thành Phật trước Di -lặc chín kiếp.

(Trích kinh Tiền Thế Tam Chuyển)

3. VUA TÁT-BÀ ĐẠT CẮT THỊT MÌNH CỨU CHIM BỒ CÂU:

Thuở xưa Bồ-tát Thích-ca làm vua một nước lớn hiệu là Tát-Bà-đạt. Ngài luôn thương xót người khốn khó, bố thí theo chỗ mong cầu của chúng sanh. Trời, rồng, quỷ thần đều nói:

- Ngôi vị tối cao của Thiên đế vốn chẳng phải người bình thường có thể đạt được. Vị vua này có đạo hạnh cao, lại có từ bi, trí tuệ, phước

đức đầy đủ, sau khi chết ắt sẽ làm Đế-thích.

Đế-thích sợ vua chiếm đoạt ngôi vị của mình cho nên tìm đến để thử. Một hôm Đế-thích bảo Biên vương:

- Nay vị vua ở cõi người kia có lòng từ thấm nhuần muôn vật, phước đức cao vời vợi, sợ rằng vua ấy có ý cầu đoạt ngôi vị thiên đế của ta.

Bàn xong, Đế-thích hoá làm chim ưng, Biên vương hoá làm chim bồ câu. Bồ câu bay đến dưới chân vua Tát-Bà-đạt sợ hãi cầu cứu:

- Xin đại vương thương xót cứu mạng!

Vua an ủi:

- Chớ sợ, ta sẽ bảo vệ mạng sống của ngươi.

Sau đó chim ưng tìm đến và nói:

- Bồ câu là thức ăn của ta, nó đã bay đến đây, vua hãy trả nó cho ta.

Vua bảo:

- Bồ câu đến đây xin ta cứu mạng, ta đã hứa thì phải giữ lời, nếu như ngươi muốn lấy thịt thì ta đổi cho gấp trăm lần.

- Ta chỉ dùng thịt bồ câu chứ không dùng những thứ thịt khác.

Vua hỏi:

- Dùng vật gì để đổi bồ câu ngươi mới bằng lòng vui vẻ bay đi?

- Nếu vua có lòng cứu giúp chúng sanh thì cắt thịt mình đổi thịt bồ câu ta mới bằng lòng.

Nghe vậy, vua rất vui liền cắt thịt đùi của mình cân cho bằng thịt bồ câu, nhưng vua cắt hết thịt trên thân mình mà vẫn chưa cân bằng bồ câu. Lúc đó thân thể vô cùng đau nhức nhưng vua dùng lòng từ nhẫn chịu và bảo cận thần:

- Ngươi hãy giết ta lấy tủy cân cho bằng chim bồ câu. Ta thờ Phật, giữ trọng giới, tuy có đau đớn nhưng chỉ như một làn gió nhẹ đâu đủ sức làm lay động núi thái sơn!

Bấy giờ chim ưng thấy được tấm lòng của vua, cả hai đều biến lại thân cũ, đê đầu sát đất thưa:

- Đại vương mong cầu điều gì mà chấp nhận khổ não như thế?

- Ta không mong cầu ngôi vị Đế-thích hay Phi hành hoàng đế. Vì thấy chúng sanh chìm đắm trong vô minh, không biết Tam bảo, buông lung làm ác, mặc tình gây tội sau phải đoạ vào địa ngục vô gián nên ta thương xót, nguyện thành Phật để cứu vớt khiến cho họ được giải thoát.

Đế-thích sợ hãi thưa:

- Kẻ ngu này nghĩ đại vương muốn chiếm đoạt ngôi vị của mình nên cố tình đến quấy nhiễu như thế, không biết làm thế nào để chuộc tội.

Vua bảo:

- Ta luôn có tâm nguyện bố thí giúp người ngươi hãy làm cho những vết thương trên thân thể ta bình phục lại.

Đế-thích sai thiên y đem thần dược đến xoa vào thân vua, vết thương liền khỏi, sắc diện đẹp đẽ hơn trước.

Đế-thích cúi đầu nhiễu quanh vua ba vòng, vui vẻ từ giã.

(Trích kinh Độ Vô Cực Tập quyển một)

4. ***VĂN THÙ HOÁ LÀM THIẾU NIÊN GIÁO HÓA NÀNG THƯỢNG KIM QUANG THỦ:***

Phật đi du hoá ở thành Vương-xá, lúc đó có một dâm nữ tên Thượng-kim-quang-thủ dung nhan xinh đẹp, màu da vàng óng. Quốc vương, đại thần, trưởng giả... đều say đắm và theo đuổi cô. Hễ cô đi đến đâu mọi người lớn nhỏ đều đi theo ngắm nhìn.

Một ngày Niết-bàn nọ, Thượng-kim-quang-thủ cùng Uý-văn, con của trưởng giả đến chợ sắm đồ. Vì muốn đãi cô gái cho nên Uý-văn mua sắm một bữa ăn thật ngon rồi hai người cùng đến công viên chơi.

Lúc đó, Ngài Văn-thù ra khỏi thất, khởi lòng đại từ thương xót quần sanh, Ngài quán sát xem hôm nay ai có duyên được giáo hoá và nhìn thấy Thượng-kim-quang-thủ cùng Uý-văn đang ngồi trên xe đến công viên chơi là người đáng được giáo hoá.

Thế rồi trong phút chốc Văn-thù-sư-lợi hóa làm một thiếu niên đẹp trai hơn cả thiên tử, ai nhìn thấy cũng đều ưa thích. Thiếu niên mặc y phục thật đẹp, những hạt châu trên áo chiếu sáng khắp bốn mươi dặm, rồi đứng đợi nơi con đường dâm nữ sắp đi qua. Xe ngựa và y phục của hai vị ấy so với y phục của Văn-thù-sư-lợi thì chỉ như một vệt đen bên cạnh viên minh châu sáng.

Thượng-kim-quang-thủ nhìn thấy Văn-thù-sư-lợi dung mạo thanh tú giống như thiên tử, ánh sáng trên thân và màu sắc sặc sở của y phục khó ai sánh kịp nên khởi tâm tham, nghĩ: “Ta sẽ bỏ Uý-văn để đến vui chơi với thiếu niên kia ắt sẽ được y phục tốt đẹp”. Cô đang miên man suy nghĩ như thế, Văn-thù-sư-lợi vận oai thần cắt đứt dòng tư tưởng của cô.

Lúc ấy thiên vương hoá làm người nam đến bảo cô rằng:

- Thôi đi! Thôi đi! Chị đừng dấy tâm đi chơi với thanh niên ấy, vì

người ấy không có tâm thích sắc dục.

Cô hỏi:

- Tại sao?

Thiên vương đáp:

- Vì người ấy chính là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Ngài hay đáp ứng mong muốn của mọi người. Hễ ai cần điều gì thì Ngài cho điều ấy không trái ý họ.

Cô nghĩ, nếu Ngài biết được điều mong ước của ta ắt sẽ cho ta y phục đẹp. Nghĩ rồi cô xuống xe thưa với Ngài Văn-thù:

- Xin Ngài cho con bộ y phục này.

- Chị à! Nếu chị có thể phát tâm vô thượng chánh chơn đạo thì tôi sẽ cho bộ y phục này.

Cô gái đồng ý, liền phát tâm vô thượng Bồ-đề vâng giữ năm giới.

(Trích kinh Đại Tịnh Pháp Môn Phẩm)

5. BỒ-TÁT NHẤT THIẾT DIỆU KIẾN HIẾU THẢO VỚI CHA MẸ:

Thuở xưa ở nước Ca-di có hai vợ chồng trưởng giạ mù không có con. Họ muốn vào núi, ở nơi thanh vắng tu tập hạnh thanh tịnh để cầu vô thượng Bồ-đề.

Bấy giờ, Bồ-tát Nhất-Thiết-Diệu-Kiến nghĩ: "Hai người này đã phát tâm vi diệu mà mắt mù loà, nếu họ vào núi ắt sẽ gặp nhiều khó khăn nguy hiểm" nghĩ rồi Bồ-tát mạng chung, nguyện sanh làm con hai vợ chồng trưởng giả mù tên là Thiểm. Thiểm là một người con rất nhân từ hiếu thảo, tu thập thiện, sớm hôm hầu hạ dưỡng nuôi cha mẹ như người đời tôn thờ Thượng đế. Năm lên mười tuổi, Thiểm quỳ thưa cha mẹ:

- Trước đây, cha mẹ đã phát tâm Đại thừa vào núi sâu cầu quả không tịch vô thượng chánh giác há vì con mà cắt đứt bổn nguyện ư? Người ở thế gian vô thường trăm thứ đổi thay. Mạng người không phải là vàng đá, chết sống không hẹn ngày, xin cha mẹ hãy thực hiện bổn nguyện vào núi tu tập, chớ để thời gian luống qua, con sẽ dưỡng nuôi cha mẹ không để thiếu sót.

Cha mẹ đồng ý, Thiểm đem hết tài sản trong gia đình bố thí cho tất cả người nghèo trong cả nước rồi theo cha mẹ vào núi.

Đến nơi, Thiểm lấy cỏ bồ làm nhà, làm giường, làm mền, luôn giữ nhiệt độ thích hợp không nóng không lạnh. Họ vào núi được một

năm thì rau trái nơi đây ngày càng nhiều và ngon, ăn vào vừa thơm vừa ngọt. Nước suối tuôn chảy vừa trong vừa mát. Trong ao có hoa sen năm màu chiếu sáng. Cây chiên đàn... toả hương thơm ngát. Các loài chim hót líu lo như âm nhạc. Sư tử, gấu, beo, cọp, sói, thú độc... trở nên hiền lành, chúng ăn rau ăn quả, không lo sợ gì cả. Thiểm rất hiếu thảo, từ bi, dẫm lên đất còn sợ đất đau. Thiên thần, sơn thần thường biến làm người sớm tối đến thăm hỏi an ủi. Một hôm, Thiểm mặc áo da hươu, mang bình đi lấy nước. Các loài chim, hươu nai cùng đến uống nước, hai bên đều không cản trở nhau.

Khi ấy, vua nước Ca-di vào núi săn bắn, thấy bầy chim, hươu bên dòng nước liền giương cung bắn. Mũi tên bay lạc trúng vào ngực Thiểm. Bị trúng tên độc, Thiểm hét lên:

- Ai đã đem một mũi tên bắn chết ba đạo nhân rồi.

Vua nghe tiếng hét liền xuống ngựa chạy đến trước Thiểm. Thiểm bảo vua:

- Voi chết vì ngà, tê giác chết vì sừng, chim trả chết vì bộ lông, hươu nai chết vì da thịt. Còn tôi nay thật ra vì lý do gì mà phải chết thế này?

Vua hỏi:

- Khanh là ai, sao lại mặc áo da hươu chẳng khác nào cầm thú?

- Thần là dân trong nước của bệ hạ cùng cha mẹ mù vào đây học đạo, đã hơn hai nươi năm, chưa hề bị hổ sói, trùng độc làm hại. Nay thần lại bị vua bắn chết.

Ngay lúc ấy gió lớn nổi lên quật ngã cây cối, muôn chim cất tiếng buồn bã, sư tử, gấu, beo... đều kêu gào. Ánh mặt trời vụt tắt, nước suối khô cạn, hoa cỏ héo úa, sấm chớp vang rền.

Ở nhà, cha mẹ Thiểm kinh sợ bảo nhau:

- Thiểm nó đi lấy nước sao lâu qúa không thấy về, sợ rằng nó bị trùng độc làm hại. Sao chim thú kêu hót không như ngày thường, bốn bề gió lớn nổi lên, cây cối nghiêng ngã, ắt có tai nạn rồi.

Khi ấy, vua vô cùng sợ hãi hối hận tự trách: "Việc làm của ta là vô ý, ta vốn muốn bắn hươu nhưng mũi tên đi lạc bắn trúng đạo nhân. Tội của ta thật lớn, vì tham chút thịt mà phải chịu tai hoạ nặng. Nay ta đem hết của cai trân báu trong kho của cả nước cùng cung điện, kỷ nữ,thành quách, thôn xóm để cứu mạng sống người này". Nghĩ rồi, vua liền đến rút mũi tên nơi ngực Thiểm, nhưng mũi tên cắm sâu qúa không thể rút ra được. Lúc ấy chim thú đều kéo đến vây quanh Thiểm kêu hót dậy trời. Vua càng thêm hoảng hốt sợ hãi, ba trăm sáu mươi khớp xương

đều rung động.

Thiểm an ủi vua:

- Chẳng phải lỗi của bệ hạ đâu, đây là do tội đời trước nên nay thần phải chuốc lấy tai họa này. Thần không tiếc thân mạng mình, chỉ thương cha mẹ mù loà, tuổi cao sức yếu. Một ngày không có thần bên cạnh, không có người chăm sóc chắc cha mẹ thần cũng không sống nỗi. Vì nghĩ đến đó mà thần đau buồn chứ chẳng phải do chất độc hành hạ.

Vua liền quỳ sám hối Thiểm:

- Thà ta vào địa ngục chịu tội trăm kiếp để khanh được sống. Nếu như khanh mất đi, ta sẽ không trở về hoàng cung mà ở trong núi này dưỡng nuôi cha mẹ khanh như lúc khanh còn sống, xin khanh chớ quá lo nghĩ. Chư Thiên, long thần đều làm chứng, ta sẽ không quên lời thệ này.

Thiểm nghe lời thệ của vua vui vẻ lên tiếng:

- Tuy bị trúng độc nhưng trong lòng thần rất vui mừng, dù chết cũng không ân hận. Vì cha mẹ thần mà làm nhọc đến bệ ha, tuy vậy, bệ hạ nhờ nuôi dưỡng bậc đạo nhân nầy tội hiện tại tiêu trừ, tương lai được phước vô lượng.

Vua giục Thiểm:

- Bây giờ còn sống, ngươi hãy mau chỉ nơi ở của cha mẹ khanh cho ta biết.

- Từ đây đi bộ không xa, bệ hạ sẽ nhìn thấy một túp lều cỏ, cha mẹ thần đang ở đó. Bệ hạ thu dọn lên đường được rồi, chớ để cha mẹ thần lo sợ. Bệ hạ hãy khéo léo giải thích cho cha mẹ hiểu được lòng dạ thần, hãy thay thế thần tạ tội cùng cha mẹ. Vô thường đã đến với thần xin gặp lại cha mẹ ở kiếp sau. Chết đi thần không tiếc thân mạng mình, chỉ thương cha mẹ mù tuổi cao sức yếu, một ngày không có thần thì không biết nương cậy vào ai. Vì thế thần rất đau lòng. Trúng phải mũi tên độc chết là kết quả dĩ nhiên. Xưa gây tội đến thế thì nay không thể tránh khỏi. Con xin sám hối cùng cha mẹ. Tất cả tội ác con đã gây ra trong vô số kiếp, nay đã trả xong. Tội hết phước sanh nguyện đời đời được gặp cha mẹ, xin cha mẹ hãy giữ gìn sức khoẻ, chớ có lo buồn. Trời thần sẽ thường đến ủng hộ cha mẹ khiến tai hoạ đều được tiêu trừ.

Vua liền dẫn vài người đến chỗ cha mẹ Thiểm. Sau khi vua đi Thiểm qua đời. Chim thú kêu gào nhiễu quanh thi thể. Đưa miệng liếm máu trên ngực Thiểm. Cha mẹ Thiểm ở nhà nghe tiếng kêu gào ấy càng thêm lo sợ.

Vua đi quá nhanh làm cây cỏ lay động. cha mẹ Thiểm biết có

người lạ đến, kinh sợ hỏi:

- Người này là ai? Chẳng phải bước đi của con ta.

Vua lên tiếng:

- Ta là vua nước Ca-di nghe tiếng đạo nhân ở trong núi này học đạo nên đến cúng dường.

- Muôn tâu bệ hạ! Thật là phúc đức. Bệ hạ không quản nhọc mệt mình rồng, lặn lội đường xá xa xôi đến chốn hoang dã này. Chẳng hay bệ hạ có được an ổn chăng? Phu nhân, thái tử cùng trăm quan ở hoàng cung và nhân dân trong nước an vui khoẻ mạnh cả chứ? Mưa hoà gió thuận, lúa đậu được mùa, nước khác không đến xâm lăng chứ ạ?

- Nhờ ân của đạo nhân, tất cả đều được bình an. Chẳng hay đạo nhaân vào chốn núi rừng này khổ công tu tập, có chim thú nào làm hại chăng? Mùa nóng, mùa lạnh ở đây vẫn được an ổn chứ ?

- Nhờ ơn dày của bệ hạ chúng thần vẫn an ổn. Thần có đứa con hiếu tên Thiểm. Nó thường đi hái trái, lấy nước lo lắng cho chúng thần đầy đủ. Ở đây mưa hoà gió thuận không có gì thiếu thốn. Ăn thì sẵn có rau trái, nằm ngồi thì đã có chiếu cỏ. Thiểm nó đi lấy nước chắc sắp về rồi.

Vua nghe những lời ấy lòng đau như cắt, nước mắt đầm đìa:

- Tội ác của ta thật là quá lớn, ta vào núi săn bắn, thấy bên dòng suối có bầy hươu liền giương cung bắn, chẳng may mũi tên đi lạc trúng vào Thiểm, cho nên ta đến đây cho đạo nhân hay.

Cha mẹ Thiểm nghe xong toàn thân ngã xuống như núi thái sơn sụp đổ chấn động mặt đất. vua liền đến đỡ họ dậy, cả hai ông bà ngưỡng mặt lên trời than khóc:

- Con tôi hiếu thảo, từ bi, dẫm lên đất còn sợ đất đau. Nó có tội gì mà bị bắn chết. Lúc nãy nghe gió thổi, cây cối ngã nghiêng, chim thú kêu gào, tôi nghi ngờ là con tôi chết.

Nói đến đó cả hai ông bà đều gào khóc, một hồi lâu người chồng bảo:

- Thôi bà ơi chớ khóc nữa, người ta có sanh ắt có chết ai tránh khỏi được. Nay hãy hỏi vua Thiểm bị bắn ở đâu, còn sống hay đã chết.

Vua liền thuật lại lời Thiểm dặn. Hai ông bà nghe xong vô cùng cảm động thương xót:

- Chúng tôi một ngày không có nó bên cạnh thì cũng sẽ chết, xin bệ hạ hãy dẫn chúng tôi đến thăm thi thể nó.

Vua liền dẫn họ đến nơi Thiểm nằm. Người cha vội ôm chân con, người mẹ ôm đầu con kêu trời than khóc. Người mẹ liền đưa lưỡi liếm

vào vết thương nơi ngực Thiểm, cầu nguyện: "Xin chất độc hãy thấm vào miệng tôi, tôi nay già rồi, mắt lại mù loà, cho tôi được thế mạng cho nó. Tôi chết để nó sống, tôi không hề ân hận. Nếu như nó là người con chí hiếu, có trời đất chứng minh thì khiến cho mũi tên bật ra, Thiểm được sống lại.

Lúc ấy chỗ ngồi của thiên vương cõi trời thứ hai Đao-lợi rung động, thiên vương nhìn xuống, thấy hai vị đạo nhân ôm xác con gào khóc. Nghe tiếng gào khóc ấy, cung điện của chư Thiên và trời Đâu-thuật thứ tư đều rung động. Trong phút chốc, Thích phạm Tứ thiên vương từ cõi trời thứ tư bay xuống đem thần dược rót vào miệng Thiểm. Nước vào miệng, mũi tên tự bật ra, Thiểm sống trở lại.

Cha mẹ Thiểm kinh ngạc vui mừng, thấy cảnh Thiểm chết đi sống lại, hai mắt họ mở ra. Chim thú đều hân hoan, gió ngừng, mây tan, mặt trời chiếu sáng, nước suối lại chảy, hoa cỏ cây cối năm màu lung linh tươi tốt hơn trước.

Vua thấy vậy vui mừng không thể kể xiết, cúi mình đảnh lễ Đế-thích rồi quay sang đảnh lễ cha mẹ Thiễm và Thiểm. Vua nguyện đem tài sản cả nước cúng dường đạo nhân. Thiểm tâu:

- Nếu muốn báo ân, bệ hạ nên trở về an ủi, khuyên bảo dân chúng giữ gìn năm giới. Bệ hạ đừng săn bắn làm hại muông thú nữa. Người giết hại sinh mạng đời này thân thể không được an ổn, sau khi mạng chung sẽ bị đọa vào địa ngục. Người ta sống ở đời, ân ái chỉ là tạm bợ, biệt ly mới lâu dài, không ai có thể sống mãi ở đời. Bệ hạ nhờ đời trước có tạo công đức, nay mới được làm vua, chớ vì tự mãn mà buông lung phóng túng.

Vua tỏ lòng hối hận, hứa từ nay về sau sẽ vâng theo lời chỉ dạy của Thiểm. Mấy trăm người đi theo vua đều rất vui mừng, xin thọ trì ngũ giới.

Vua hồi cung, ra lệnh trong nước ai có cha mê mù như Thiểm đềi phải nuôi dưỡng, không được để cho họ thiếu thốn, ai vi phạm sẽ bị xử tội nặng. Bởi thế, nhân dân trong nước đều đem câu chuyện Thiểm chết đi sống lại cùng dạy nhau tu tập. Những người tu tập ngũ giới, thập thiện sau khi chết đều được sanh lên cõi trời, không rơi vào ba đường ác.

Đức Phật bảo Ngài A-nan:

- Thiểm thuở ấy chính là thân ta, người cha mù nay là phụ vương Duyệt-đầu, người mẹ mù là phu nhân Ma-da, vua nước Ca-di chính là A-nan, Thiên-đế-thích chính là Di-lặc.

Công hạnh khiến ta mau thành Phật đều là nhờ ân hiếu thảo dưỡng

nuôi cha mẹ của ta. Ta từ cõi chết sống trở lại và làm cảm động trời, rồng, quỉ, thần là do ân đức của cha mẹ và lòng hiếu thảo mà được như thế. Ta nay được thành Phật và cứu độ chúng sanh đều nhờ ân đức hiếu dưỡng cha mẹ vậy.

(Trích kinh Thiểm)

6. CHƯ BỒ-TÁT THỌ THÂN SAI KHÁC ĐỘ CHÚNG SANH:

Lúc bấy giờ Bồ-tát Khoáng-dã làm thân quỷ, Bồ-tát Tán-chi hiện làm thân hươu Bồ- tát Huệ-cư hiện làm thân khỉ, Bồ-tát Ly-ái hiện làm thân dê đen, bố tát Tận-lậu hiện làm thân ngỗng chúa. Tất cả năm trăm vị Bồ-tát đều hiện đủ các thứ thân như thế. Những thân ấy đều toả ra ánh sáng trí tuệ. Mỗi vị Bồ-tát đều cầm đèn sáng muốn đến cúng dường mười phương chư Phật.

Khi ấy Bồ-tát Nghi-tâm quán sát và biết năm trăm vị ấy đều là Bồ-tát, liền hỏi quỷ Khoáng-dã:

- Thưa hiền giả! Vì sao các Ngài lại hiện thân như vậy cúng dường chư Phật?

- Thưa hiền giả! Vào thời quá khứ cách đây chín mươi mốt kiếp có Phật ra đời hiệu là Tỳ-Bà-thi. Lúc ấy chúng tôi là anh em cùng cha mẹ, cùng thọ trì ngũ giới, phát tâm Bồ-đề. Vì muốn cứu độ tất cả chúng sanh, chúng tôi đều cúng dường Phật Thi-khí, Phật Tỳ-xá-phù, Phật Cưu-lưu-tôn.

Đại sĩ Tán-chi ở trước Phật ấy lập thệ nguyện: "Con nguyện ở đời vị lai làm thân quỷ thần để giáo hoá chúng sanh. Nếu có loài quỷ nào quá xấu xa độc ác, con sẽ giảng Tam thừa để điều phục. Sau đó thân con mới thành tựu quả vị Bồ-đề". Ở thế giới này còn có một vạn hai ngàn đại quỷ phát nguyện lớn giáo hoá chúng sanh. Còn tôi phát đại nguyện: "Nếu có ác quỷ nào muốn phá hoại chánh pháp tôi sẽ trị tội nó". Cho nên tôi thọ thân quỷ như vầy là để giáo hoá khiến cho chúng sanh dự vào hàng Tam thừa. Nếu như có chúng sanh xa rời pháp lành, thân, khẩu, ý tạo nghiệp bất thiện thì sẽ bị đoạ vào ba đường ác. Hoặc có chúng sanh tạo nghiệp thiện ác lẫn lộn phải thọ thân quỷ. Ác quỷ ngày càng nhiều, thiện quỷ ngày càng ít. Tôi muốn điều phục họ cho nên thọ thân này. Đồng thời cũng khiến cho hàng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà-la từ bỏ tâm ác.

- Thưa hiền giả! Có thần chú Kim cang chuỳ có thể khiến cho tất cả ác quỷ không thể gây tội ác với bốn giai cấp ấy. Ngoài ra còn khiến cho chim thú sanh tâm lành xa lìa tất cả xấu xa sợ hãi. Tôi phát thệ

nguyện lớn muốn nói chú ấy.

(Trích kinh Đại Tập Quyển hai mươi mốt)

7. BÀ TẨU LÀM THÂN TIÊN NHƠN ĐỘ SÁU TRĂM HAI MƯƠI VẠN THƯƠNG BUÔN:

Thuở xưa, khi Phật ở cõi trời Đâu-suất. Tiên nhơn Bà-tẩu ở cõi Diêm-phù-đề thường làm thương chủ cùng sáu trăm hai mươi vạn thương buôn vào biển tìm châu báu. Một hôm họ đang ở trên thuyền lớn sắp trở về nước thì gặp nạn cá Ma-kiệt, quỷ Dạ-xoa, sóng to, gió lớn. Ngay khi ấy sáu trăm hai mươi vạn thương buôn mỗi người đều hứa cúng cho Trời Ma-hê-thủ-la một con vật. Vừa hứa xong, họ thoát khỏi bốn nạn. Về đến nước mình, mỗi người đều chuẩn bị một con dê muốn đến đền tế trời.

Bà-tẩu thấy vậy thầm nghĩ: “Nay ta làm sao để khuyên những thương buôn này không làm việc ác đây? Chắc phải dùng phương tiện thôi”. Nghĩ rồi tiên nhơn liền hoá làm một vị Sa-môn xuất gia và một vị Bà-la-môn tại gia.

Khi ấy Bà-la-môn đến trước mọi người nói lớn:

- Thương chủ cùng sáu trăm hai mươi vạn thương buôn muốn đến đền tế trời.

Cùng lúc ấy, vị Sa-môn đang đi trên đường từ xa trông thấy Bà-la-môn liền đến hỏi:

- Ngài cùng đại chúng muốn đến đâu vậy?

- Chúng tôi đến đền tế trời cấu đại lợi.

- Tôi nhìn thấy quý vị muốn cầu đại suy chứ đâu phải đại lợi.

Hai bên cứ tranh cãi, không ai nhường ai. Khi ấy mọi người hỏi Bà-la-môn:

- Người này là ai mà có hình dáng như thế?

- Người này gọi là Sa-môn.

- Sa-môn là sao?

- Sa-môn là người cho rằng giết sinh vật tế trời là mang tội lớn.

Mọi người liền nói:

- Vị Sa-môn ngu si này cần gì phải nói như thế. Chúng ta hãy mau đến đền tế trời để cầu đại lợi.

Bà-la-môn liền bảo:

- Thầy của chúng ta không có gì mà không thông suốt. Hiện nay thầy đang ở tại đền tế trời, chúng ta cùng đến hỏi Ngài.

Mọi người đều cho là hay và cùng nhau đến chỗ đại tiên. Đến nơi,

Sa-môn liền hỏi:

- Giết mạng sống tế trời sẽ được sanh lên trời hay đoạ vào địa ngục?

- Hỏi sao mà ngu thế Sa-môn, giết sinh mạng chắc chắn sẽ bị đoạ vào địa ngục.

Bà-tẩu phản đối:

- Không đúng.

Sa-môn bảo:

- Nếu như không tin đoạ vào địa ngục thì ngươi hãy chứng minh đi.

Khi ấy Bà-tẩu lập tức vùi thân rơi xuống địa ngục A-tỳ. Mọi người nhìn thấy sợ hãi gào thét:

- Đáng sợ quá! Thật có việc như thế sao? Thương chủ là người thông minh trí tuệ mà nay đã biến mất, huống gì chúng ta làm sao tránh khỏi cảnh địa ngục.

Khi ấy mỗi người đều thả dê ra, mặc tình cho chúng chạy khắp. Họ kéo nhau vào núi gặp tiên nhơn xin thọ học giáo pháp của tiên. Qua hai mươi mốt năm, họ lần lượt mạng chung và đều được sanh vào cõi Diêm-phù-đề.

Phật bảo:

- Lúc ta ở cõi trời Đâu-suất hạ sanh vào cung vua cha Bạch-tịnh ở cõi Diêm-phù-đề, sáu trăm hai mươi vạn người ấy đều thọ thân người sanh vào nước Xá-vệ. Lúc trước, khi mới đến nước Xá-vệ, ta đã hàng phục khiến họ xuất gia, phát tâm Bồ-đề. Họ chính là những thương buôn thuở xưa. Bà-tẩu tiên nhơn có sức oai thần lớn hoá ra những người như thế đi đến chỗ ta.

(Trích kinh Phương Đẳng Đà La Ni quyển 1)

8. CHUYỂN LUÂN VƯƠNG PHÁT NGUYỆN BỐ THÍ:

Thuở xưa, Bồ-tát Lô-Bà-la vì nguyện lực nên sanh ao cõi Diêm-phù-đề ở phương Đông làm Chuyển luân Thánh vương, chủ Tứ thiên hạ, hiệu là Hư-không-tịnh. Ngài dạy chúng sanh tu tập mười điều thiện và pháp Tam thừa.

Thuở ấy, vua bố thí cho tất cả chúng sanh không có tâm phân biệt. Người đến xin rất đông mà của báu vẫn không thiếu. Vua hỏi đại thần:

- Trân bảo này từ đâu ra?

Đại thần đáp:

- Tâu bệ hạ, Long vương tuy có nhưng chỉ để cúng dường Thánh vương. Đời ngũ trược chúng sanh phiền não sâu dày. Khi con người thọ đến một trăm tuổi thì Thánh vương chắc chắn thàng tựu quả vị Vô thượng Bồ-đề. Vì bổn nguyện thị hiện làm Đại Long vương, hiện ra vô số kho báu. Ở các thế giới ác khắp nơi trong Tứ thiên hạ, trong mỗi thiên hạ bảy lần thọ thân. Trong mỗi thân thị hiện vô lượng trăm ngàn vạn ức na do tha kho tàng trân báu. Như thế lần lượt biến khắp mười phương.

Lúc đời ác ngũ trược, có trăm ngàn vạn ức chư Thiên ở trên hư không rải hoa khen ngợi Thánh vương là người có thể đáp ứng theo tâm nguyện của chúng sanh. Mọi người nghe chư Thiên gọi vua Hư-không-tịnh là Nhất-thiết-thí liền kéo đến xin phu nhân, thể nữ, con cái... vua đều đem cho hết.

Một hôm có cậu bé ăn xin, thọ trì giới chó tên Thanh Quang Minh đến xin vua cõi Diêm-phù-đề. Vua vui vẻ đồng ý, làm lễ nhường ngôi cho cậu bé. Nhưng nhà vua vẫn được dân chúng tôn trọng như vua, cuộc sống sinh hoạt cũng như trước. Vua lại phát nguyện: "Nếu ta được thành Phật sẽ thọ ký cho vua này cùng được Nhất sanh bổ xứ".

Lúc ấy Bà-la-môn Lô-chí đến xin hai chân của vua, Bà-la-môn Nha xin hai mắt, Bà-la-môn Tịnh-kiên-lao đến xin hai tai, Tưởng Ni-kiền-tử xin nam căn, Bà-la-môn Mật-vị xin hai tay, vua lần lượt cắt cho hết.

Thấy vậy, các tiểu vuương và các quan đại thần đều mắng:

- Người đâu mà ngu quá! Sao lại tự cắt thân thể của mình cho người khác, đã vậy thì xem còn chỗ nào cắt luôn đi rồi quẳng ra đồng trống cho trùng bọ, chim thú đến ăn.

Vua liền phát nguyện: "Nếu điều mong ước của ta thành hiện thực hãy khiến cho thân này trở thành một núi thịt to". Tất cả chúng sanh uống máu ăn thịt đều đến đây mặc tình ăn uống mà thân ta ngày càng lớn. Vì nguyện lực ta xả bỏ lưỡi, mong đời sau được tướng lưỡi rộng dài.

Khi ấy, vua mạng chung ở cõi Diêm-phù-đề, vì nguyện lực xưa cho nên làm Long vương tên Thị-hiện-bảo-tàng. Đồng thời trong đời này vua thị hiện trăm ngàn ức na do tha các kho báu và ra thông báo tất cả trân báu, vật lạ cho đến ma-ni-châu, ai muốn gì thì mặc tình đến lấy. Vua tiếp tục tu thập thiện, phát tâm vô thượng Bồ-đề. Bảy lần thọ thân như thế đều sống lâu đến bảy vạn bảy ngàn ức na do tha trăm ngàn tuổi, vô lượng trân báu cũng nhiều như vậy.

(Trích kinh Đương Lai Tuyển Trạch Chư Ác Thế Giới)

9. VUA ĐEM MẮT CHO NGƯỜI BỊNH:

Phật bảo Ngài A-nan:

- Thuở xưa ở nhân gian có một vị vua tên Nhật-nguyệt-minh, tướng mạo đẹp đẽ, oai phong lẫm liệt.

Một hôm trên đường ra khỏi cung, vua gặp một người mù nghèo khổ đói khát đang xin ăn, biết có vua đến người ấy đến trước vua tâu:

- Tâu bệ hạ, chỉ có bệ hạ là người tôn quý, bình yên vui sướng, riêng thần nghèo khổ lại thêm mù loà.

Vua thấy vậy xót thương hỏi:

- Có loại thuốc nào trị lành bịnh cho khanh không?

- Chỉ có đôi mắt của bệ hạ mới trị lành mắt của thần.

Vua liền đưa tay móc hai mắt của mình đưa cho người mù mà lòng vẫn bình thản không hề hối hận.

Vua Nhật-nguyệt-minh chính là thân ta. Núi Tu-di có thể biết nặng bao nhiêu còn đôi mắt cuả ta đem bố thí không thể nào cân đếm được.

(Trích kinh Di Lặc Sở Vấn Bổn Nguyện)

10. VUA TRỊ TỘI PHẠM CHÍ:

Thuở xưa Bồ-tát làm vua một nước lớn, quy y Tam bảo, vâng giữ mười điều thiện, không sử dụng binh khí, không xây tù ngục. Nước ấy mưa hoà gió thuận, lúa đậu được mùa, nhân dân giàu có. Những sách vở tà giáo, cả nước không hề ngó đến, pháp lục độ thì tranh nhau đọc tụng.

Lúc ấy có một vị Phạm chí giữ gìn tiết tháo, nên vào chốn núi rừng thanh vắng tịnh tu, không liên hệ gì đến cuộc sống của người đời. Một đêm khát nước, đi tìm nước uống, Phạm chí uống nhầm nước trong ao trồng sen của dân nước này. Uống xong ông mới biết, nên đến quan thưa là mình đã phạm tội, xin vua dùng luật pháp trị.

Vua bảo:

- Đó là nước thiên nhiên không phải là một vật cụ thể, có gì là tội đâu.

- Tâu bệ hạ! Thần không xin mà uống há không phải là tội sao, xin bệ hạ hãy trị tội thần.

- Nay công việc của ta quá nhiều, khanh hãy ngồi trong vườn chờ ta.

Thái tử liền dẫn ông ta vào sâu trong vườn. Vua vì công việc quá bận rộn nên quên mất Phạm chí đến ngày thứ sáu mới sực nhớ liền hỏi

Phạm chí đang ở đâu, mau gọi ông ta đến đây.

Suốt sáu ngày, Phạm chí giữ giới nên chịu đói khát, thân thể gầy yếu, đứng lên liền loạng choạng té xuống.

Vua nhìn thấy, nước mắt tuôn rơi, nói:

- Tội của ta thật nặng.

Hoàng hậu thấy vậy thì cười.

Vua sai người tắm rửa cho Phạm chí, cho sắp đặt tiệc ngon rồi đích thân vua cúng dường, đảnh lễ sám hối.

- Từ hôm nay trở đi, trải qua vô lượng kiếp sanh tử, đến khi sắp được thành Phật sẽ không ăn sáu năm.

Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

- Vua thuở ấy chính là thân ta, phu nhân là Câu-di, thái tử là La-vân. Vua thuở xưa bỏ quên đạo sĩ khiến ông ấy phải đói khát trong sáu ngày, nay thọ tội sáu năm chịu đói khổ. Nhờ sau sáu ngày vua đích thân cúng dường Phạm chí nên qua hết sáu năm cơ cực liền được thành Phật. Câu-di cười ông ta cho nên nay phải mang thai La-vân suốt sáu năm. Thái tử vì dẫn Phạm chí vào sâu trong vườn cho nên sáu năm phải ở trong chỗ tối tăm.

(Trích kinh Tác Vương)

11. VUA ĐEM ĐẤT NƯỚC, VỢ CON BỐ THÍ:

Thuở xưa, Bồ-tát làm vua một nước lớn, đem lòng từ trị dân. Hàng tháng đi tuần thú, gặp người nghèo thiếu, goá bụa, bịnh tật vua đều ban cho thuốc men, cơm cháo.

Mỗi lần đi như vậy, vua đều ra lệnh cho xe đi sau chở đầy những thứ áo quần, thuốc men cần thiết, gặp người chết vua cho người chôn cất. Từ đó danh tiếng của nhà vua vang khắp mười phương.

Trời Đế-thích thấy đức hạnh của vua, sợ vua sẽ chiếm đoạt ngôi vị của mình, nên muốn đến phá. Thế rồi Đế-thích liền hoá làm một Phạm chí già đến xin vua một ngàn tiền vàng. Vua liền cho.

Đế-thích lại thưa:

- Tôi ở nơi vắng vẻ sợ sẽ bị người lấy trộm, xin vua cho tôi gởi.

- Nước ta không có ăn trộm.

Ông ta không nghe, cứ xin gởi mãi, vua liền nhận.

Đế-thích lại hoá làm một Phạm chí khác đến cửa cung, vua liền ra đón. Phạm chí khen:

- Danh tiếng của đại vương lan khắp tám phương, đức hạnh thật hiếm có. Tôi vốn sanh ra trong hàng dân hèn, rất thích được mến mộ tôn

vinh, nên muốn xin nước của Ngài.

Vua vui mừng đem nước cho ông ta rồi cùng vợ con lên xe nhỏ ra đi.

Đế-thích lại hoá làm Phạm chí khác đến xin xe. Vua liền đem xe cho rồi cùng vợ con đi bộ, đêm đến vào núi nghỉ. Lúc ấy có vị đạo sĩ chứng ngũ thông bạn của vua bỗng nhớ đến đức hạnh của vua, thấy vua bị mất nước nên tịnh tâm quán sát thì thấy Đế-thích vì tham lam ganh ghét, chiếm đoạt đất nước khiến cho vua phải suy yếu nhọc nhằn như thế.

Đạo sĩ dùng thần túc bay ngay đến chỗ vua, hỏi:

- Ngài vì cầu việc gì mà phải chịu nhọc nhằn như thế?

- Điều ta mong cầu ông đã biết rồi còn gì.

Đạo sĩ liền hoá làm một chiếc xe kéo tiển vua lên đường. Đế-thích liền hoá làm Phạm chí đến xin xe. Khi còn chừng vài dặm nữa mới đến nước kia, Đế-thích lại hoá làm vị Phạm chí đầu tiên đến đòi tiền.

Vua nói:

- Tôi đem đất nước cho người khác nên quên mất tiền của Ngài.

Khi ấy, vua liền đem vợ con cầm được một ngàn tiền vàng trả cho Phạm chí. Vợ vua phải làm người hầu cho con gái chủ nhà. Một hôm, cô gái đi tắm liền cởi những đồ trang sức trân báu trên thân ra máng lên trên giá. Khi ấy Đế-thích lại hoá làm chim ưng bay đến gắp lấy quần áo cùng các vật báu của cô gái bay mất. Cô gái cho là người hầu lấy trộm bèn trình quan bắt nhốt vào ngục. Con của vua cùng con chủ nhà nằm ngủ, Đế-thích lẻn vào giết chết con chủ nhà. Gia đình chủ lại bắt đứa bé nhốt vào ngục. Hai mẹ con đều bị giam giữ, đói khổ tiều tụy, than thở không ai cứu nên chỉ biết suốt ngày âm thầm khóc than, về sau bị xử tội đem bỏ vào chợ.

Vua đi làm thuê được một ngàn tiền vàng liền đến chuộc vợ con. Khi đi ngang qua chợ, thấy vợ con bị xử tội vua liền niệm chư Phật sám hối tội của mình: "Đời trước ta đã gây tội ác đến thế này sao?" Vua liền tĩnh tâm nhập định, biết tất cả đều là việc làm của Đế-thích. Khi ấy trong không trung có tiếng bảo:

- Sao không mau giết ông ta đi?

- Tôi nghe nói Đế-thích là người chuyên cứu giúp chúng sanh, thương yêu chúng sanh như con đỏ, hơn cả mẹ hiền. Những loài mang dòng máu đỏ trong thân không loài nào không mong được cứu giúp. Ông ta vì không làm ác mới được làm Đế-thích.

Đế-thích vì gây tội lớn, khi tội chín muồi phải sanh vào núi Thái.

Trời, rồng, quỷ thần đều cho là việc tốt.

Khi ấy vị vua bản xứ liền tha tội cho vợ con của vua. Hai vua gặp nhau, tìm hỏi nguyên nhân. Nghe xong, hết thảy dân chúng không ai ngăn được nước mắt. Vua bản xứ liền chia nước mình ra để hai bên cùng cai trị. Thần dân nước cũ tìm đến chỗ vua ở, cả nước đều tôn kính thỉnh vua trở về. Nhân dân hai nước bên buồn bên vui.

Phật bảo: Vị vua ấy chính là thân ta, người vợ là Câu-di, Đế-thích là Điều-đạt, vị đạo sĩ trong núi là Xá-lợi-phất, vua nước kia là Ngài Di-lặc.

(Trích Độ Vô Cực Tập quyển 1)

12. VUA CỨU GIÚP NGƯỜI NGUY KHỐN:

Một hôm, Phật ở nước Xá-vệ, bảo các vị Tỳ-kheo:

- Thuở xưa, Bồ-tát Phổ-minh là vua một nước lớn, lòng từ của vua toả sáng, bao trùm khắp nơi, mười phương đều khen ngợi. Dân chúng mong cho vua được an vui như người con hiếu mong cho cha mẹ được an ổn. Nước bên cạnh có vua tên A-quần dùng pháp luật trị nước. Vua có sức mạnh như sư tử, có thể rượt bắt chim ưng.

Một hôm, đầu bếp của A-quần cần thịt, sáng sớm chạy ra chợ kiếm. Trên đường đi, anh ta gặp một thi thể mới chết liền đem về làm món ngon, mùi vị hơn cả thịt súc vật. Ngày sau anh ta nấu món ngon khác thì không bằng như hôm trước. Vua khiển trách quan thái giám. Đầu bếp trở về thành thật cúi đầu thú tội. Vua bẽn lẽn bảo: "Thịt người ngon lắm sao?". Sau đó vua ngầm sai đầu bếp dùng thịt người làm món ăn hàng ngày cho vua. Thế mới nói: Người thích mùi vị đậm đà thì lòng nhân mõng, người mà lòng nhân mõng thì tâm lang sói trỗi dậy. Hễ lang sói thích mùi vị thịt thì cướp đi mạng sống của sinh vật, cho nên thiên hạ thù ghét nó.

Đầu bếp vâng lệnh lén lút đi giết người làm thức ăn cung cấp cho vua. Thần dân biết được gào khóc, đồng lòng lên tiếng đuổi A-quần đi. A-quần chạy vào núi, chuyên rình những ông vua khác đi ra ngoài thì thình lình bắt lấy. Giống như chim ưng, chim săn chộp bắt chim yến, chim sẻ. Cứ thế, A-quần đã bắt được chín mươi chín vị vua.

Một hôm, vua Phổ-minh ra ngoài quan sát cuộc sống khổ vui của dân chúng. Trên đường đi, vua gặp một vị Phạm chí, Phạm chí khuyên vua chớ đi ra ngoài. Vua bảo là người thường ra lệnh nên ta phải đi không thể trái lời hứa. Nói rồi vua lên đường và bị A-quần bắt giữ.

Vua nói với A-quần:

- Tôi không sợ chết, chỉ hối hận là đã hủy bỏ lời hứa của mình.

- Đó là chuyện gì?

Vua đem hết việc của mình nói với A-quần:

- Trên đường đi có vị đạo sĩ gặp tôi, xin được một lần gặp mặt và nghe những lời chỉ dạy của tôi. Hãy cho tôi thực hiện lời hứa của mình thì có chết cũng không hối hận.

A-quần liền thả vua ra, cho vua tạm trở về. Vua gặp đạo sĩ, đem tiền bạc cho ông ta rồi mĩm cười trở về chỗ A-quần. A-quần hỏi:

- Nay mạng sống sắp mất rồi, có gì vui mà cười?

- Lời dạy của Đức Thế Tôn, chúng sanh trong ba cõi khó được nghe. Nay tôi chỉ nhớ lời Phật nên đất nước và sinh mạng này có gì đáng tiếc đâu.

A-quần nói:

- Xin cho tôi được nghe lời dạy của Đức Thế Tôn.

Vua liền đem những lời dạy của Phật dạy cho A-quần. A-quần nghe xong kinh ngạc vui mừng nói:

- Cao cả thay Thế Tôn! Đã trình này bốn pháp vô thường. Nếu như hôm nay không nghe được những lời này chắc chắn con sẽ mãi mãi làm việc sai trái.

Nói xong A-quần liền thả một trăm vị vua ra, cho mỗi vị trở về nước của mình. A-quần hối hận lỗi của mình, từ đó suốt ngày ở dưới gốc cây tụng bốn bài kệ vô thường. Sau khi mạng chung, A-quần sanh làm thái tử. Thái tử cưới vợ, không sanh được con trai, nhà vua rất lo buồn liền chiêu mộ người nữ trong nước về cung để giúp thái tử sanh con trai. Nhưng sau đó thái tử trở nên buông lung hoang dâm vô độ. Vua đem hình phạt xé xác treo ở ngã tư đường, ra lệnh cho những người đi đường, gọt đầu làm nhục thái tử, vừa đúng chín mươi chín người thì thái tử chết. Sau khi chết, thần thức A-quần lên xuống mãi trong ba cõi, cho đến khi Phật ra đời thì sanh vào nước Xá-vệ.

Cha mất sớm, A-quần sống với mẹ, thờ đạo Phạm chí. Tính tình của anh ta chân thật, lời nói đáng tin, sức mạnh hơn cả voi, được thầy yêu, bạn mến, khắp xa gần đều khen là người hiền. Thầy mỗi khi chu du khắp nơi thì gởi gắm nhà cửa cho anh ta. Vợ của thầy đem lòng yêu thương A-quần, đầu tiên bà chỉ nắm tay, sau đó dùng những lời khiêu gợi để dụ dỗ. A-quần thưa: "Hễ người lớn trong thế gian, người nam con xem như cha, người nữ con xem như mẹ hà huống gì sư mẫu. Thà sư mẫu bảo con đốt thân chứ con không thể làm việc trái đạo như vậy". Vì vậy sư mẫu ghét anh ta nên tìm cách làm hại.

Đến khi chồng về bà ta bảo:

- Ông khen A-quần là người hiền, đáng là người chăm lo cho ông chăng. Bà ta nói xấu A-quần đủ điều, vu cáo y như thật khiến cho Phạm chí cũng phải tin.

Nghe xong vị thầy gọi A-quần đến hỏi có muốn làm tiên không, A-quần thưa có. Vị thầy liền dạy A-quần giết đủ một trăm người chặt lấy ngón tay của họ thì được làm thần tiên. A-quần vâng theo lời thầy, xách kiếm ra đi, hễ gặp người thì giết. Chẳng mấy chốc đã được chín mươi chín ngón tay người. Dân chúng hoảng sợ trốn chạy náo động cả nước. Khi gặp được mẹ, A-quần vui mừng reo lên:

- A! Giết mẹ nữa là đủ số, hôm nay ta được làm tiên rồi.

Khi ấy Phật nghĩ, tà đạo làm cho con người ta mê mờ mất hết lý trí khiến cho nhiều người bị chém giết. Nghĩ xong, Phật liền hoá làm một vị Sa-môn đi trước mặt A-quần. A-quần reo lên:

- Người này nữa là đủ số!

Anh ta liền đuổi theo Phật nhưng không kịp liền hét lên:

- Sa-môn kia hãy đứng lại!

- Ta đã đứng lại rồi chỉ có ngươi chưa đứng lại thôi.

Nghe lời Phật nói A-quần tỉnh ngộ, có cái gì đó bừng vỡ như áng mây tan, lập tức gieo mình xuống đất đảnh lễ Phật sám hối, rồi chắp tay theo Phật về tinh xá làm Sa-môn. Phật nhắc cho A-quần hạnh tu đời xưa, hiện bốn pháp vô thường khiến A-quần đắc quả A-La-hán.

Vua muốn bắt A-quần trị tội nhưng nghe A-quần đã đắc quả A-La-hán thì vui mừng bạch Phật xin được gặp vị ấy một lần. Phật bảo:

- Bậc thượng đức hiền nhân có thể mở một con mắt thì thấy được nhau.

Vua thưa đến ba lần, A-quần lên tiếng:

- Mắt của ta sáng trong, mắt của xạ thủ tuyệt chiêu cũng không sánh được.

Vua cúi đầu thưa:

- Ngày mai con thiết buổi tiệc ngon xin thỉnh Ngài một lần hạ cố.

- Thiết lễ ở nhà xí thì ta đến, còn ở cung điện thì thôi.

Vua đồng ý, trở về cung, cho người tách nhà xí ra đào hết phân đất ở dưới lên, dùng gỗ thị, gỗ long não làm cột kèo, nấu nước thơm rưới lên đất. Dùng các loại hương chiên đàn, tô hợp, uất kim trộn lại làm đất. Lấy chiên đàn cùng các loại len dạ, lụa màu làm toà làm chiếu. Xung quanh đều cho chạm trổ, điêu khắc các vật báu rất đẹp. Khung cảnh trở nên rực rỡ, sáng chói hơn cả cung điện.

Sáng hôm sau, vua đích thân bưng lư hương ra đón. A-quần ngồi lên toà, vua vén y lên đến gối, đích thân cúng dường đến mãn tiệc. Thọ trai xong A-quần thuyết kinh và hỏi vua:

- Với sự dơ bẩn của nhà xí trong ngày hôm trước thì có thể dọn cơm lên đó được không?

- Dạ không thể được.

- Còn như hôm nay thì được không?

- Dạ được.

- Lúc chưa gặp Phật, lòng dạ ta dơ hơn cả chuồng xí kia. Nhưng nhờ phước đời trước, ta sanh ra gặp Phật ở đời, được tắm gội sạch sẽ, không còn những mùi hôi thối. Trong ngoài trong sạch như trân châu ở cõi trời.

Thọ trai xong, A-quần muốn đi qua chợ. Khi qua đây, Ngài nghe chuyện có một phụ nữ sanh con ngược, mạng sống chỉ còn trong hơi thở. Ngài vội trở về thưa Phật. Phật bảo Ngài đến giúp đỡ sản phụ kia. A-quần vâng lời đem ân đức của Phật dạy cho phụ nữ kia khiến cho mẹ tròn con vuông.

Phật bảo A-quần:

- Người ngày đầu tiên vào đạo gọi là mới sanh. Người không gặp được Tam bảo, chưa thọ trọng giới giống như thai nhi còn trong bụng mẹ, tuy có tai mắt nhưng không thể thấy nghe, gọi là chưa sanh.

A-quần nghe xong tâm khai ngộ liền đắc quả A-La-hán.

Phật bảo các vị tỳ- kheo:

Vua Phổ-minh thuở xưa chính là thân ta. Đời trước ta trao bốn bài kệ vô thường cho A-quần, nhờ đó cứu sống một trăm vị vua, nên đời nay được đắc đạo, không thọ các tội lỗi. Đời trước A-quần từng làm Tỳ-kheo vác một đấu gạo đến cúng chùa, dâng lên Phật một con dao, vui mừng khen ngợi đức Thế Tôn, đảnh lễ ra về. Nhờ phước vác gạo mà được sức mạnh phi thường, dâng lên Phật một con dao nên được vô lượng của báu, vui mừng nên được tướng mạo đoan chánh, khen ngợi Thế Tôn nên được làm vua, ra về đảnh lễ nên được mọi người tôn trọng. Chín mươi chín người gọt đầu A-quần cho đến chết, vì oán cừu cố sát đời trước cho nên nay bị chặt tay. Người sau cùng muốn gọt đầu thì thấy A-quần đã chết, nên đời nay khiến A-quần gặp vị Sa-môn, tâm từ phát sanh. Người đến sau cùng muốn gọt đầu A-quần chính là mẹ A-quần đời nay. Vì lúc đầu có tâm ác với A-quần, cho nên nay A-quần cũng có tâm ác với bà như thế. Gặp Sa-môn đã có lòng từ cho nên gặp Phật liền phát sanh lòng hiếu. Hễ gieo hạt thuần thì gặt quả thuần, gieo hạt

tạp thì gặt quả tạp. Thiện ác đã tạo thì hoạ phước sẽ theo sau như bóng theo hình, vang theo tiếng. Tất cả đều có nguyên nhân, chẳng phải tự nhiên.

(Trích kinh Di-Lặc Sở Vấn Bổn Nguyện)

13. THÁI TỬ LIÊN HOA ĐEM TỦY CHO NGƯỜI BỊNH:

Phật bảo A-nan:

- Vào thời quá khứ có vị thái tử tên Liên-hoa-vương đoan chánh xinh đẹp, oai thần cao cả. Một hôm, trên đường đi dạo, thái tử gặp một người bị bịnh cùi thì thương xót hỏi:

- Thuốc gì có thể trị lành bịnh của ngươi?

Người bịnh thưa:

- Nếu lấy được tuỷ của vua bôi vào thì bịnh của tôi sẽ lành.

Nghe xong, thái tử đập xương mình ra lấy tuỷ trao cho người bịnh với tâm vui mừng không hề hối hận.

Thái tử lúc ấy là thân ta. Nước trong bốn biển lớn có thể đong lường được, tuỷ trong thân ta đem bố thí không thể tính kể.

(Trích kinh Di-Lặc Sở Vấn Bổn Nguyện)

14. THÁI TỬ ĐEM MÁU CHO NGƯỜI BỊNH:

Phật bảo A-nan:

- Thuở xưa khi ta cầu đạo, trãi qua vô lượng cực khổ. Trong một đời ta làm thái tử tên Hiện-chúng, tướng mạo đoan chánh đẹp dẽ. Một hôm trong vườn thượng uyển đi ra, thái tử gặp mợt người bịnh nặng, liền hỏi:

- Dùng thuốc gì có thể trị lành bịnh của khanh?

- Thưa thái tử, chỉ có máu của vua mới trị lành bịnh của tôi.

Nghe xong, thái tử liền lấy dao bén chích vào thân mình cho máu chảy ra, đem cho người bịnh với lòng chân thành không hề hối hận.

Thái tử thuở ấy chính là thân ta. Này A-nan! Nước trong bốn biển lớn còn có thể đong đếm, máu trong thân ta đem bố thí không thể tính được. Ta làm vậy để cầu quả vị chánh giác.

(Trích kinh Di Lặc Sở Vấn Bổn Nguyện).

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 11

1. Đời trước cúng dường bốn vị tiên nhơn, đời sau làm vua.
2. Làm thân chú bác nhưng ý không đồng nên lập hạnh sai khác.
3. Làm núi thịt để bố thí chúng sanh.
4. Làm thân ưu bà tắc cứu ba ba, rắn và cáo.
5. Làm thân sư tử kết bạn với khỉ.
6. Làm thân voi trắng thị hiện lợi ích chúng sanh.
7. Xưa làm thân rồng khuyên bạn nhẫn nhục.
8. Làm thân gấu cứu người lạc đường.
9. Làm thân nai chúa chịu chết thay cho nai mẹ mang thai.
10. Làm thân nai chúa oai đức, rơi vào lưới được thợ săn thả ra.
11. Làm thân nai chín màu để cứu người chết đuối.
12. Làm thân nhạn chúa thợ săn bắt và được tha, xin báo ân đất nước.
13. Làm thân chim oanh vũ dập tắt lửa núi để báo ân.
14. Làm thân chim sẻ chúa nhổ xương miệng cọp.
15. Làm thân cá lớn cứu nạn đói khát.
16. Làm thân ba ba chúa hóa độ đồng loại và những nguời lái buôn.

1. ĐỜI TRƯỚC CÚNG DƯỜNG BỐN VỊ TIÊN NHÂN, ĐỜI SAU LÀM VUA:

Trong vô số kiếp xưa, có năm vị tiên nhân ẩn cư trong rừng núi. Trong đó có bốn người làm chủ, một người làm thị giả, chuyên cung cấp, hầu hạ chưa từng sơ sót. Người này thường hái trái cây múc nước cung cấp đúng giờ giấc. Một hôm đi hái trái cây, quá mệt mỏi, ông ta đã ngủ say không về đúng giờ. Mặt trời đã xế bóng, bốn vị tiên nhơn không có thức ăn, trong lòng bực tức mới nguyền rủa.Vị thị giả nghe được liền quay lại, ngồi dưới gốc cây, tự trách mình: “Ta đã hầu hạ bao năm rồi mà nay cúng dường trái giờ ăn của bốn vị tiên nhân, thế là mất

đi quy cách của đạo giáo, mất đi sự cung kính". Nghĩ vậy, cảm thương mà chết.

Khi sanh ra, thị giả thường mang giày bằng bảy báu. Một hôm ông ta ngồi chơi gác chân lên, chiếc giày liền rơi xuống nước, mất một chiếc.

Sau khi mạng chung, ông ta sanh vào một nhà ngoại đạo làm Hung-chú-tử. Năm hơn mười tuổi, Hung-chu-tử cùng bọn trẻ chơi đùa ở bên đường. Khi ấy có vị Phạm-chí đi qua, ngắm nhìn bọn trẻ lem luốc, thấy Hung-chú-tử dung mạo kỳ lạ khác người, đáng làm bậc đế vương.

Phạm-chí bảo Hung-chú-tử: "Ngươi có tướng làm vua chớ nên chơi với bọn chúng".

Chú bé đáp:"Tôi là kẻ Hung-chú-tử, làm sao có tướng đế vương?"

Phạm-chí nói: "Theo như kinh điển mà ta đã học, thì dung nghi và thân thể của ngươi rất phù hợp với sấm thư, ngươi sẽ làm đế vương. Khi vua của nước này băng hà, chắc chắn người kế vị sẽ là ngươi.

Hung-chú-tử đáp: "Nếu như đúng với lời của ông thì ta sẽ nhớ và đền ơn ông thật nhiều!"

Phạm-chí nói xong vội sang nước khác. Sau đó chẳng bao lâu, nhà vua băng hà nhưng không có người kế vị, vì thế quần thần chia nhau đi tìm hiền sĩ để làm người kế vị. Sứ giả đi tìm khắp nơi trong nước. Một hôm, trên đường đi tìm, sứ giả từ xa trông thấy một cậu bé có tư chất khác thường liền cấp báo với quần thần, chuẩn bị xa giá nghinh đón.

Khi nhìn thấy Hung-chú-tử, trăm quan đều vui mừng phấn khởi, bèn rước về cung. Hung-chú-tử được tắm bằng nước hương thơm, mặc triều phục, đội mão báu,mang kiếm lên cung điện, quay mặt về phía Nam xưng đế. Từ khi Hung-chú-tử lên làm vua, đất nước được an ổn, nhân dân vui vẻ.

Bấy giờ vị Phạm-chí xem thiên văn, quan sát địa lý, biết được Hung-chú-tử đã lên ngôi. Ông liền đến cung điện xin yết kiến nhà vua. Khi gặp vua, ông nhìn chằm chằm vào nhà vua và nhắc lại: "Xin nhà vua nghĩ xét lại lời hứa cũ!".

Nhà vua nói: Đúng thế! Ngươi sẽ được thỏa nguyện.

Phạm-chí thưa: "Tôi chỉ xin hai điều; thứ nhất là việc ăn uống, đi lại, nằm ngồi, y phục đều phải giống như vua. Thứ hai là xin được tham dự bàn việc quốc chánh. Khi vua quyết định một việc gì thì phải có sự đồng ý của tôi, không được tự quyết.

Nhà vua nói: "Được thôi!".

Vua dùng chánh pháp trị nước, không gây oan uổng cho muôn dân. Thế nhưng Phạm-chí kia kiêu mạn, xem nhẹ bậc trọng thần, nên quần thần vô cùng oán hận, cùng nhau can gián nhà vua.

Quần thần tâu: "Thưa đại vương, Ngài là bậc quân vương cao cả, xin Ngài nên luận bàn việc nước với các bậc lão thần, chớ riêng tin kẻ đạo sĩ kia. Nếu như tin dùng thì làm cho hắn càng xem thường vương pháp, lấn lướt các quan. Khi các nước lân cận nghe được tin này, họ không những cười nhạo chúng ta mà còn xảy ra cái họa cướp nước".

Nhà vua nói: "Ngày trước, ta cùng hắn có lời thề ước, lẽ nào có thể bỏ đi được sao?"

Quần thần can gián: "Nếu vậy, khi Ngài ăn cơm chớ nên ăn chung với hắn, như thế mới sửa đổi được hắn".

Nhà vua nghe theo lời can gián của quần thần, "chờ khi Phạm-chí đi khỏi cung, vua liền ăn cơm trước".

Phạm-chí biết được điều ấy, tức giận, trách nhà vua rằng: "Đại vương vốn đã thề ăn chung, tại sao nay lại một mình ăn trước như thế?"

Phạm-chí bèn mắng: "Ngươi là kẻ Hung-chú-tử".

Nhà vua ra lệnh, chỉ cấp lương thực, đồ dùng rồi đuổi Phạm-chí ra khỏi nước.

Đường xa, Phạm-chí một mình rảo bước, chịu đựng tiết trời nóng lạnh nên vô cùng mệt mỏi, thân hình tiều tụy, lần bước qua nước khác. Ông đến nhà của một vị Phạm-chí bạn, ngày xưa từng lui tới.

Vị Phạm-chí kia hỏi: "Ông từ đâu đến đây, tụng tập theo phái nào, học theo kinh điển gì, có nhớ hết chăng?"

Ông đáp: "Tôi từ phương xa đến, vì đói lạnh ngặt nghèo nên quên hết những gì đã học được".

Phạm-chí kia thầm nghĩ: "Người này chẳng tài cán chi, nên để ông ta làm ruộng".

Nghĩ xong, Phạm-chí kia liền cấp cho ông ta một người đầy tớ và những nông cụ làm ruộng.

Trong việc cày cấy, làm rất khổ nhọc, ông sai khiến người đầy tớ kia, ban đất cho bằng phẳng, sai dịch khắp nơi. Người đầy tớ buồn bã, muốn mượn dòng nước để kết liễu đời mình. Thế nhưng, khi đến bên bờ sông thì nhặt được một chiếc giày bảy báu, lòng thầm nghĩ: Phạm-chí bắt ta làm việc quá cực khổ, ta phải tuân theo, nay đem chiếc giày này dâng cho ông, có lẽ ông sẽ khoan thứ cho ta.

Nghĩ vậy xong liền mang chiếc giày về trao cho Phạm-chí. Ông ta

vô cùng mừng rỡ và nghĩ rằng: “Chiếc giày bảy báu này rất có giá trị, nếu dâng lên nhà vua thì những lỗi lầm của ta sẽ được xoá bỏ”.

Phạm-chí liền mang chiếc giày về nước cũ dâng lên nhà vua, đồng thời tha thiết tỏ bày ăn năn những lỗi lầm trước kia, cầu xin nhà vua ân xá cho mình.

Nhà vua bảo: “Được rồi”.

Nhà vua đưa Phạm-chí vào trong màn khuất, cho ngồi tòa riêng rồi họp các quần thần và phán: “Các khanh có thấy vị Phạm-chí trước kia không?”

Quần thần tâu: “Thưa đại vương, không thấy”.

Vua nói: “Giả sử các khanh thấy thì sẽ làm gì?”

Tất cả đều lên tiếng: “Nếu thấy Phạm-chí kia thì phải dùng năm thứ độc để trị tội ông ta”.

Nhà vua liền đưa chiếc giày bảy báu ra cho quần thần xem, rồi bảo Phạm-chí bước ra cho họ gặp mặt.

Vua nói: “Phạm-chí đem chiếc giày bảy báu này để đổi lấy chức cũ”.

Quần thần đáp: “Tội của Phạm-chí sánh với núi cao và biển sâu, nay chỉ đem một chiếc giày, làm sao bù đắp cho đủ? Nếu được cả đôi thì tội ấy mới có thể tha.

Nhà vua đồng ý với quần thần, lại đuổi Phạm-chí đi và bảo tìm thêm một chiếc giày nữa. Phạm-chí buồn bã,trở lại chỗ cũ, hỏi người đầy tớ: “Chiếc giày ấy trước đây ngươi nhặt được ở đâu?”

Người đầy tớ thuật lại việc cũ, rồi dẫn ông ta đến chỗ lượm giày. Hai người đến bên cạnh dòng nước nhưng tìm mãi cũng chẳng biết được nơi lượm giày cũ. Đứa đầy tớ bỏ đi.

Phạm-chí nghĩ: “Chiếc giày chắc chắn là theo dòng nước phía trên trôi xuống”.

Thế là, ông ta lội ngược dòng lên phía trên, gặp được một đoá hoa sen trôi theo dòng nước lớn, bị cá ngậm vào trong miệng. Hoa sen ấy có hơn ngàn cánh. Phạm-chí nghĩ: “Tuy không tìm được chiếc giày nữa nhưng nay lấy đoá hoa này dâng lên nhà vua, biết đâu nhà vua sẽ tha tội và ân sủng như trước”.

Ông ta vừa cầm lấy đoá hoa thì trông thấy bốn vị tiên nhân ngồi dưới gốc cây.

Các tiên nhân hỏi: “Ông từ đâu đến?”

Phạm-chí đáp: “Tôi đắc tội với vua, tuy đã dâng một chiếc giày báu nhưng vẫn không được tha thứ. Cho nên lội ngược dòng đến đây tìm

nhưng vẫn chưa được”.

Tiên nhân bảo: “Ông là người có học thức nên biết việc mà tiến thoái. Vua nước ấy là đệ tử ta, trước đây ngươi được nhà vua sủng ái, cho ăn chung mâm, cùng bàn luận việc nước. Tại sao trong một sớm ngươi lại mắng chưởi nhà vua là Hung-chú-tử? Tội của ngươi đáng giết. Nay nếu chẳng gặp nhau, tỏ bày mọi sự dưới cây thì làm sao biết được thân trước kia của nhà vua là thị giả của chúng tôi, vì gác chân nên đánh rơi chiếc giày báu xuống nước”.

Phạm-chí cầm chiếc cầm chiếc giày, cúi đầu cảm tạ. Về đến bổn quốc, Phạm-chí đem chiếc giày còn lại dâng lên vua. Nhà vua được giày rất vui mừng, các đại thần cũng tha tội cho ông, ông lại được nhà vua sủng ái như trước.

Phật dạy: “Vị vua trước kia nay chính là ta, bốn vị tiên nhân là đức Phật Câu-lưu-tần, Phật Câu-na-hàm-mâu-ni, Phật Ca-diếp, đức Phật Di-lặc. Phạm-chí lúc ấy, nay chính là Điều-đạt.

(Trích kinh Ngũ Tiên Nhân)

2. LÀM THÂN CHÚ BÁC NHƯNG Ý KHÔNG ĐỒNG LẬP HẠNH CŨNG SAI KHÁC:

Ngày xưa có hai vị Bồ-tát là hai anh em chú bác, mỗi người mang theo của cải trong nước, đi sang nước khác tu theo đạo lõa thể.

Người em nói: “Nay chúng ta đi vào nước người thì phải theo phong tục của họ mà xử sự cho thích hợp. Người có trí thường nói: Phải nên khiêm tốn, giấu đi cái hiểu biết của mình, giả vờ như một kẻ ngu đần”.

Người anh nói: “Lễ nghi không được thiếu, đức hạnh không thể lùi, há lại lõa thể, làm mất đi cái lễ nghi của ta xưa nay hay sao?”

Người em nói: “Các bậc tiên Thánh thà mất thân chứ không thể mất hạnh, từ lúc đầu thì quở trách nhưng rồi thì cũng phải khen ngợi cái vĩ đại của đạo quyền biến”.

Nói vậy xong, cả hai đều đến nơi trú xứ của đạo lõa thể.

Người anh nói: “Trước hết em thử vào trong đó để xem xét thực hư như thế nào rồi ra báo cho ta biết.

Người em nói: “Em xin vâng lời của anh”.

Thế là một tuần trôi qua, người em cho người ra báo cho anh biết tình hình.

Người anh nói: “Nếu như vậy thì ta phải theo cái nghi thức của kẻ phàm tục”.

Bỗng nhiên người anh lại nói: "Nay ta bỏ loài người mà lại theo loài súc vật, hành động đó há là bậc quân tử ư? Em có theo thì cứ theo nhưng ta thì không".

Theo tục lệ của nước này, vào đêm ba mươi mỗi tháng, họ quay quần bên nhau, cùng vui đùa, dùng dầu mè thoa lên đầu, dùng phấn trắng vẻ lên thân, dùng các thứ xương kết thành chuỗi và đeo lên cổ, dùng hai viên đá đánh vào nhau để làm nhạc cụ, nam nữ nắm tay nhau vui chơi ca hát.

Bồ-tát cũng theo tục lệ ấy, mọi người trong nước đó đều rất hân hoan,vua thương dân kính.Vị vua nước đó đem hết của cải gấp cả mười lần ban cho Bồ-tát.

Đến lượt người anh đánh xe vào nước, ông ta bảo dùng pháp nghiêm trị, liền trái với lòng dân. Nhà vua nổi giận, dân chúng xem thường. Người anh không những bị đoạt lấy của cải mà còn bị đánh đập chê trách, nhờ người em xin cho mới được buông tha.

Bấy giờ cả hai anh em cùng nhau trở về bổn quốc, mọi người ra tiễn chân người em chật cả đường, còn người anh thì bị mắng nhiếc tới tấp. Quá xấu hổ, người anh nổi giận nói: "Vì sao họ lại thân thiện với em mà thù ghét ta? Em thì được ban ân huệ còn ta bị tịch thu, há chẳng phải do lời gièm pha hay sao?"

Cuối cùng người anh thốt lên lời thề: "Từ nay về sau, chúng ta sanh ra đời nào cũng thù oán mà tàn hại lẫn nhau, ta không tha cho ngươi đâu".

Người em Bồ-tát rơi lệ buồn bã, thề rằng: "Nguyện cho tôi, hễ sanh ra đời nào cũng được gặp Phật, nghe pháp, gần gũi và hầu hạ các bậc Sa-môn, bốn ân trùm khắp, thấm nhuần tất cả chúng sanh. Từ đây về sau, dù anh có làm hại em, nhưng em vẫn đối xử với anh như chính mình, luôn luôn không trái lời nguyện này".

Bấy giờ Phật dạy: "Này các Tỳ-kheo, người em lúc bấy giờ nay chính là ta, người anh là Điều-đạt.

(Trích kinh Khổng Tước Vương và kinh Vô Cực Tập quyển năm)

3. LÀM NÚI THỊT ĐỂ CỨU CHÚNG SANH:

Vô lượng A-tăng-kỳ kiếp quá khứ, bấy giờ cõi này tên Vô-cấu-Tu-di, thọ mạng của con người là một trăm tuổi. Lúc ấy có vị Phật ra đời hiệu là Hương-Liên-Hoa. Nhằm thời kì tượng pháp của đức Phật đó, ta làm vị Chuyển luân Thánh vương, hiệu là Nan-trở-hoại, có một ngàn đứa con, thế lực rất lớn mạnh, thống nhiếp cả cõi Diêm-phù-đề. Ta đều

khuyến hoá chúng khiến phát tâm vô thượng Bồ-đề, muốn cho chúng ở trong thời kỳ tượng pháp được xuất gia tu đạo Bồ-đề, làm cho giáo pháp của Phật để lại thêm rạng rỡ. Chỉ có sáu đứa con không chịu phát tâm Bồ-đề xuất gia tu hành, ta phải dùng lời khéo léo để khuyên nhủ nhưng chúng một mực không chịu xuất gia. Ta đã nhiều lần gạn hỏi, khuyên chúng phát tâm vô thượng.

Bấy giờ sáu người con đáp: "Nay nếu phụ vương có thể cho chúng con cai trị cõi Diêm-phù-đề, sau đó chúng con sẽ phát tâm vô thượng chánh giác".

Ta nghe xong lời ấy, lòng vui vẻ thầm nghĩ: "Ta đã cảm hoá người ở Diêm-phù-đề rồi, nay ta sẽ chia cõi Diêm-phù-đề này làm sáu phần cho sáu vị hoàng tử con ta, để chúng nó phát tâm vô thượng Bồ-đề, sau đó ta sẽ xuất gia tu đạo".

Nhà vua liền đem cõi Diêm-phù-đề chia làm sáu phần, ban cho sáu hoàng tử. Phân chia xong, Ngài đi xuất gia.

Bấy giờ sáu vị vương tử trở mặt, dấy binh chinh phạt lẫn nhau. Khi ấy trong toàn cõi Diêm-phù-đề lúa mạ không lên, mưa gió thất thường, cây cối khô héo, không thể đơm hoa kết trái được. Dân chúng bị đói khát. Các loài chim thú cũng lâm vào cảnh đói kém, thân chúng rực lửa. Lúc đó ta xả bỏ thân này để lấy da thịt, xương máu bố thí cho chúng sanh khiến họ được no đủ.

Bấy giờ, ta gieo mình xuống, do nguyện lực xả thân nên thân ta lập tức biến thành núi thịt, cao một do tuần, ngang dọc đều bằng nhau. Khi ấy nhân dân trong nước cùng các loài chim muông cầm thú bắt đầu tụ lại ăn thịt uống máu. Do bổn nguyện nên thịt máu của thân ta ngày càng nhiều thêm và rộng lớn hơn, cao đến cả ngàn do tuần, ngang dọc bằng nhau cũng một ngàn do tuần. Các bên của núi thịt tự nhiên mọc ra đầu người có đầy đủ lông, tóc, mắt,tai, mũi, miệng, môi lưỡi. Trong mỗi đầu người lại cất tiếng nói: "Hỡi các loài chúng sanh, tuỳ ý các vị cứ lấy thịt dùng thoả thích, cứ uống máu ăn thịt cho đến lấy cả tai mắt mũi lưỡi răng vv, để ăn cho được đầy đủ. Sau đó, tất cả quý vị hãy phát tâm vô thượng Bồ-đề, hoặc phát tâm Thanh văn, Bích chi Phật, hoặc cầu lên trời hay giàu sang trong cõi người.

Vì bổn nguyện nên thân ta không hề vơi bớt, đến hàng vạn năm trong cõi Diêm-phù-đề, khiến cho mọi người, các loài quỷ thần, chim muông cầm thú đều được no đủ.

Các ông nên biết, ta ở trong vạn kiếp xa xưa đã xả bỏ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thân máu thịt để cung cấp cho vô lượng vô biên chúng

sanh, khiến cho họ được no đủ, ngay cả một niệm cũng không hề sanh tâm hối tiếc. Như vậy lần lượt, rộng khắp mười phương thế giới chư Phật như cát sông Hằng v.v... bỏ thân máu thịt để bố thí cho chúng sanh khiến tất cả được no đủ, đó là bố thí Ba-la-mật.

(Trích kinh Bi Hoa quyển chín, kinh Quá Khứ Hương Liên Hoa Phật Thế Giới phần nhiều giống nhau nhưng không nói Bồ-tát)

4. HIỆN THÂN ƯU BÀ TẮC GIÀU CÓ CỨU BA BA, RẮN VÀ CÁO:

Xưa kia có vị Bồ-tát hiện thân làm một Ưu-Bà-tắc giàu có, của cải được tích trữ cả muôn ức, thường phụng thờ Tam bảo, thương yêu chúng sanh.

Một hôm Bồ-tát dạo chơi, đi ngang qua chợ, thấy một con ba ba bị bày bán, Bồ-tát động lòng thương liền hỏi giá bao nhiêu?

Người bán hàng nghĩ Bồ-tát này có đức từ rộng lớn, thương yêu cứu vớt chúng sanh, của cải nhiều vô số, giá đắt rẻ đối với ông ta đâu thành vấn đề.

Chủ rùa liền đáp: "giá một trăm vạn tiền", ông mua được thì tốt, nếu không thì tôi sẽ đem nó ăn thịt".

Bồ-tát cầm ba ba và nói: "Được! Ta mua".

Bồ-tát đem ba ba về nhà săn sóc vết thương cho nó, rồi đem thả vào nước. Nhìn nó bơi lội, Bồ-tát cảm khái, phát nguyện rằng: "Nguyện cho các loài chúng sanh, từ ngạ quỷ ở núi Thái cho đến kẻ bị giam cầm trong tù ngục của nhà vua, sớm thoát khỏi khổ não, tất cả đều được thân an mạng toàn như ngươi ngày nay.

Bồ-tát cúi lạy mười phương và chấp tay nguyện rằng: "Chúng sanh loạn lạc, chịu khổ đau vô lượng, nay ta nguyện làm đất, nếu hạn hán thì làm cho được thấm mát, vì lũ lụt mà đóng bè khô, kẻ đói được ăn, người khát được uống, lạnh được áo mặc, nóng được mát mẻ; vì người bệnh mà làm thầy thuốc, nơi tối tăm mà làm ánh sáng. Nếu khi cõi đời dơ bẩn điên đảo thì ta nguyện làm Phật cứu độ chúng sanh".

Mười phương chư Phật khi nghe Bồ-tát phát nguyện như thế, các Ngài đều khen ngợi và tán thán rằng: "Lành thay! Chắc chắn người sẽ được như nguyện".

Cuối đêm ấy, ba ba bò vào cắn cửa phòng của Bồ-tát, Ngài nghe nơi cửa có tiếng động lạ liền sai người mở cửa xem thì thấy ba ba. Người ấy trở vào thưa, Bồ-tát liền cho ba ba vào.

Bấy giờ ba ba bò vào, nói bằng tiếng người: "Con chịu ân sâu,

mạng sống được vẹn toàn nhưng không có gì để đáp tạ. Nay con là vật sống dưới nước, biết lượng nước rất lớn, trận hồng thủy sắp xảy ra, chắc chắn sẽ dẫn đến sự nguy hại lớn, xin Ngài hãy chuẩn bị thuyền bè, lúc đó con sẽ đến rước đi”.

Bồ-tát đáp: “Tốt lắm!”

Sáng sớm, Bồ-tát vào cung bẩm báo sự việc cho vua.

Nghe xong, vua nói: “Bồ-tát là người từ trước đến nay có tiếng tăm, nay ta tin lời nói của Ngài”.

Nhà vua cho dời nơi ở từ thấp lên cao.

Tới giờ, ba ba đến đón Bồ-tát và nói: “Trận hồng thủy đã xảy ra, Ngài hãy mau lên thuyền, đi đến chỗ của con thì chắc chắn sẽ được an toàn”.

Thuyền chèo theo con ba ba, giữa đường gặp con rắn bơi lên thuyền, Bồ-tát nói: “hãy vớt nó lên”.

Ba ba nói: “Hay lắm”

Bồ-tát nhìn thấy chú Cáo đang bị trôi thì nói: “Vớt nó”.

Ba ba nói: “Tốt lắm”.

Bồ-tát liền thấy một người đang bị trôi, người ấy tự vả vào má mà kêu to: “Trời thương, xin cứu mạng tôi”.

Bồ-tát thấy thế liền kêu hãy vớt họ, nhưng ba ba lại nói: “Cẩn thận chớ vớt, lòng người gian dối, ít khi giữ trọn chữ tín, vong ân bội nghĩa, chạy theo thế lực, ưa chuộng cái xấu xa ác độc”.

Bồ-tát nói: “Loài côn trùng ta còn cứu hết, cớ sao lại bỏ không cứu người? Như thế há là nhân từ ư? Ta không thể làm như vậy được!” Thế là Bồ-tát liền cứu ông ta lên thuyền.

Bấy giờ, đã đến nơi, ba ba nói: “Vui thay! Chúng ta đã đến chỗ cạn rồi”. ba ba liền nói lời từ tạ: “Giờ đây ân nghĩa đã trả xong, con xin lui bước”.

Bồ-tát nói: “Khi nào ta thành tựu đạo quả Như Lai vô sở trước chí chân đẳng chánh giác thì chúng ta chắc chắn sẽ còn gặp nhau”.

Ba ba đáp: “Hay lắm!” Nói xong liền từ tạ ra đi. rắn và Cáo cũng từ tạ mỗi con đi mỗi đường.

Bấy giờ Cáo đào hang làm chỗ ở, bỗng nhiên gặp được một trăm cân vàng tía của người xưa cất giấu, vui mừng nói: “Ta sẽ đem số vàng này đến để báo đáp ân đức cứu mạng của Bồ-tát”

Cáo liền chạy đến thưa với Bồ-tát: “Con là vật nhỏ mọn, sống ở trong hang, chịu ân cứu mạng của Bồ-tát. Nay con đào hang ở, gặp được một ngàn cân vàng. Hang này chẳng phải là nơi khai khẩn, cũng chẳng

phải là nhà ở hay là trộm cướp. Con thành tâm đem nó tới đây xin dâng lên cho Ngài.

Bồ-tát suy nghĩ kỹ: "Nếu không lấy thì đối với người nghèo khó thật uổng phí vô ích, ta nên lấy để bố thí, cứu giúp chúng sanh, như thế chẳng tốt hay sao? Bồ-tát liền nhận số vàng này.

Bấy giờ gã bị trôi được Bồ-tát vớt lên thuyền nhìn thấy vàng thì nói: "Ông chia cho tôi một nửa", Bồ-tát liền chia cho hắn mười cân.

Hắn lại nói: "Ông đào đất cướp vàng, tội ấy phải như thế nào? Nếu không chia phân nửa thì tôi sẽ báo quan".

Bồ-tát nói: "Dân nghèo khốn khổ, ta muốn đem nó chia cho bình đẳng, nay ông muốn đoạt lấy há chẳng phải riêng tư đó ư?"

Gã chết trôi ấy liền báo với quan. Bấy giờ Bồ-tát bị bắt nhưng không có cách nào để phân trần, chỉ biết hướng về Tam bảo, ăn năn tự trách, lòng thương mong cho chúng sanh sớm xa lìa tám nạn khổ, đừng một ai có sự oán kết như mình hôm nay.

Lúc Bồ-tát bị bắt, rắn và Cáo cùng nhau họp bàn, chúng nói: "Việc này phải làm sao đây?"

Rắn nói: "Tôi sẽ cứu Bồ-tát".

Rắn liền ngậm một viên thuốc hay, bò vào trong lao ngục, thấy Bồ-tát gầy guộc và buồn bã nên thưa với Bồ-tát: "Ngài hãy mang theo viên thuốc bên mình, con sẽ vào cắn Thái tử, nọc độc rất mạnh, chẳng có ai cứu chữa được. Khi ấy Ngài đem viên thuốc này vào cung cho uống, lập tức khỏi ngay".

Bấy giờ, Bồ-tát im lặng, rắn làm y như lời đã nói, cắn Thái tử. Thái tử bị rắn cắn sắp chết, nhà vua bèn ra lệnh: "Ai có thể cứu chữa được cho Thái tử thì ta sẽ phong cho người đó làm tướng quốc". Thế là, lệnh vua được bố cáo cho mọi người tham gia điều trị.

Lúc ấy Bồ-tát nghe Thánh chỉ liền mang thuốc vào trị cho Thái tử, trong chốc lát thì Thái tử khỏi ngay.

Nhà vua vô cùng vui mừng liền hỏi nguồn gốc, Bồ-tát thuật hết câu chuyện cho nhà vua nghe. Nghe xong, nhà vua tự giận, trách lỗi của mình, liền ra lệnh bắt gã chết trôi kia xử tội chết, đồng thời ân xá tội nhân trong toàn nước và phong cho Bồ-tát làm tướng quốc.

Một hôm, Bồ-tát vào cung, nhà vua mời ngồi chơi đàm đạo. Vua hỏi: "Hiền giả thuyết sách gì, học theo đạo nào mà làm hai việc nhân từ bố thí cứu giúp chúng sanh?

Bồ-tát trả lời: "Tâu đại vương, tôi thuyết kinh Phật, thờ phụng Phật đạo.

Nhà vua hỏi: “Đức Phật có phép gì mầu nhiệm không?”

Bồ-tát đáp: “Có, tâu đại vương. Đức Phật thuyết bốn pháp; khổ, không, vô thường,vô ngã. Nếu mọi người thường nhớ nghĩ bốn pháp ấy thì sẽ được phước đức dồi dào”.

Nhà vua nói: “Hay lắm! Xin hiền giả nói cho ta hiểu”.

Bồ-tát liền thuyết bốn pháp yếu ấy cho nhà vua được rõ. Thuyết xong, vua nói: “Lành thay! Phật dạy vô thường lòng ta đã tin nhận, thân chúng ta đây còn không bảo tồn được, huống gì mà nói đến đất nước? Chỉ tiếc cho tiên vương ta, không nghe được giáo pháp khổ, không, vô thường vô ngã của bậc vô thượng chánh đẳng chánh giác đã dạy”.

Nhà vua liền lấy hết của cải được chất chứa ở trong kho đem ra bố thí cho những người nghèo thiếu. Lòng nghĩ thương những người đã goá vợ lỡ thì, những kẻ mồ côi cha mẹ như con đẻ của mình. Con dân trong cả nước đều vui vẻ mỉm cười, vừa đi vừa ngước mặt lên trời tỏ lời khen ngợi: “Bồ-tát thuần hoá đã đến nơi này”. Bốn phương đều khen ngợi đức hạnh của Bồ-tát. Từ đó nhân dân tiến đến đời sống thái bình.

Phật dạy các Tỳ-kheo: “Vị Bồ-tát xưa, nay chính là thân ta, quốc vương nước kia nay là Bồ-tát Di-lặc, ba ba nay là A-nan, cáo nay là Xá-lợi-phất, rắn nay là Mục-kiền-liên, còn gã chết trôi được ta cứu nay là Điều-đạt vậy.

(Trích kinh Bố Thí Độ Vô Cực.)

5. HIỆN THÂN SƯ TỬ KẾT BẠN THÂN VỚI KHỈ:

Thuở xưa, Bồ-tát hiện thân làm Sư tử, cùng kết bạn thân với khỉ ở trong rừng. Một hôm, khỉ đem hai đứa con của mình gửi sư tử chăm sóc dùm.

Bấy giờ có con chim ó đói bay đi kiếm ăn, gặp lúc sư tử đang ngủ, chim ó liền bắt hai chú khỉ con bay lên đậu trên cây cao. Đến khi tỉnh dậy, sư tử không thấy khỉ con đâu cả, chợt nhìn lên cây thì trong thấy chim ó đang bắt giữ.

Sư tử nói với chim rằng: “Ta nhận lời của khỉ gửi gắm hai đứa con, nhưng bảo vệ nó không cẩn thận nên bị ngươi bắt đem đi. Nay ta đã phụ lòng tin của khỉ, cầu xin ngươi hãy trả khỉ con lại, ta sẽ thuận theo điều kiện của ngươi. Ta là vua trong các loài thú, ngươi là chúa trong các loài chim, địa vị quý trọng cùng với thế lực chúng ta ngang nhau, vì vậy xin ngươi hãy trả khỉ con lại cho ta!”

Chim ó nói: “Ngươi chẳng biết thời, giờ này ta đang đói, đâu cần luận bàn đến chuyện giống hay khác nhau về địa vị và quyền thế để

làm gì?"

Sư tử biết chim ó không bằng lòng nên tự dùng vuốt nhọn móc lấy thịt ở vế đùi của mình đổi lấy khỉ con.

Lại nữa, về thời quá khứ, dân chúng mang nhiều thứ bịnh như: liệt, da vàng trắng. Bấy giờ, Bồ-tát hiện thân vào trong loài cá đỏ, cá tự lấy thịt mình đem bố thí cho những người bệnh nhằm cứu chữa cho họ.

Lại nữa, trong thời quá khứ, Bồ-tát làm thân chim ở trong rừng. Hôm nọ chim thấy một người lội vào nước sâu, nơi ấy chẳng phải là nơi người lội vào được, vì thế chẳng may bị vướng vào lưới của thủy thần không cách nào gỡ ra được.

Bấy giờ, chim liền bay đến núi hương lấy một cành cây cỏ thuốc mắc vào lưới, lưới ấy lập tức tự đứt rã, người ấy liền thoát khỏi lưới.

Cứ như thế, trong vô lượng kiếp, sanh ra đời nào Bồ-tát cũng cứu được rất nhiều chúng sanh. Đây gọi là Kinh Bổn Sanh.

(Trích luận Đại Trí Độ quyển ba mươi ba)

6. HIỆN THÂN VOI TRẮNG LÀM LỢI ÍCH CHÚNG SANH:

Một hôm tôn giả Tu-bồ-đề hỏi đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn, Bồ-tát thiện căn đã thuần thục, tại sao còn sanh vào loài voi ngựa?"

Đức Phật trả lời: "Bồ-tát thật sự có phước đức, đã thành tựu thiện căn, vì lợi ích chúng sanh mà hiện thân súc sanh, không phải vì nghiệp báo. Bồ-tát ở trong loài súc sanh, lòng từ thương xót kẻ oán tặc. Việc ấy những bậc A-La-hán và Bích-chi Phật không thể làm được. khi những kẻ oán tặc đến làm hại thì những vị đã chứng A-La-hán và Bích-chi Phật, tuy không hại lại nhưng tâm không thể thương yêu, cúng dường cung cấp cho họ".

Giống như có vị Bồ-tát thị hiện một con voi trắng sáu ngà bị thợ săn bắn vào bụng. Lúc đó, Voi Bồ-tát dùng vòi quấn thợ săn, bảo vệ không cho những con voi khác làm hại.

Voi Bồ-tát nói với vợ mình: "Ngươi là vợ của Bồ-tát, tại sao ngươi sanh tâm làm hại, cái tội phiền não ấy là của thợ săn chứ không phải của ngươi. Muốn chứng được quả vị vô thượng Bồ-đề thì phải diệt trừ cái phiền não ấy. Giống như quỷ nhập vào người, người thầy trì chú để trị quỷ chứ không trị người".

Bấy giờ Bồ-tát ôn tồn hỏi thợ săn: "Vì sao ông lại bắn tôi?"

Thợ săn đáp: "Ta muốn lấy được ngà của ngươi".

Tức thời, Voi liền kẹp vào đá nhổ ngà cho thợ săn, máu thịt của voi Bồ-tát ứa ra nhưng cảm thấy không chút đau đớn mà còn cung cấp

lương thực, chỉ đường tắt cho thợ săn đi.

Bồ-tát thực hành từ bi như thế nhưng hàng A-La-hán và Bích-chi Phật không thể làm được.

Bấy giờ tôn giả Tu-bồ-đề bạch hỏi Đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn, tại sao Bồ-tát không dùng thân người để nói pháp cho họ nghe mà lại làm thân súc sanh?"

Đức phật đáp: "Có khi chúng sanh nhìn thấy thân người thì họ không chịu tin nhận, nhưng thấy thân súc sanh thuyết pháp thì lại phát khởi được lòng tin và ưa thích, chịu sự giáo hóa của họ. Bồ-tát vì muốn đầy đủ lòng đại bi, muốn thực hành việc ấy thật sự, nên chúng sanh nhìn thấy họ thì có được niềm vui, kính phục họ và khiến cho chứng được đạo quả".

(Trích luận Đại Trí Độ quyển ba mươi ba)

7. BỒ-TÁT XƯA LÀM THÂN RỒNG KHUYÊN BẠN TU NHẪN NHỤC:

Ngày xưa, Bồ-tát cùng A-nan chịu tội xong, cả hai người đều thị hiện vào thân rồng.

Một hôm rồng nói với rồng bạn: "Chỉ có ta và ngươi ở trong biển, không có nơi nào trong này mà chúng ta không biết đến. Nay làm sao chúng ta lên được đất liền để dạo chơi đây?"

Rồng bạn nói: "Người đất liền khởi tâm ác, lỡ gặp phải thì khó mà thoát thân được".

Rồng kia lại nói: "Chúng ta hãy hóa làm con rắn nhỏ, nếu như trên đường không gặp ai thì chúng ta theo đường cái dạo chơi. Nếu gặp người thì chúng ta chạy trốn, có gì đâu mà phải sợ!"

Vậy là cả hai con rồng bằng lòng cùng nhau lên đất liền dạo chơi. Khi ra khỏi nước chưa bao xa, trên đường đi chúng gặp một con rắn hổ mang có nọc độc, lúc nhìn thấy hai con rắn nhỏ, hổ mang khởi niệm hung ác, phun nọc độc ra định giết chết.

Thế nhưng hai con rắn do rồng hóa, một con muốn giết chết rắn hổ mang, còn con rắn kia thì từ mẫn, nhẫn nhục và khuyên bảo bạn đừng nên: "là bậc cao sĩ thì nên tha thứ cho chúng sanh ngu muội, hãy nhẫn những điều không thể nhẫn. Ấy là lời khuyên của bậc Thánh nhân".

Rắn bạn liền nói kệ:

Tham dục làm người điên
Phá họai lòng nhân nghĩa
Kẻ ganh ghét muốn hại

Nhẫn nhục là yên ổn.

Rắn bạn nói kệ nhẫn xong, rắn kia nghe được cung kính nhận lãnh, không còn làm hại đến rắn hổ mang nữa.

Bấy giờ rắn bạn rủ rắn kia: “Chúng ta hãy trở về biển thôi!”

Cả hai cùng đưa nhau đi vũ lộng oai thần, chấn động cả đất trời, mây đen giăng phủ, mưa đổ ầm ầm như trút nước. Người và quỷ thần đều kinh hãi, khi đó rắn hổ mang mới hốt hoảng, nằm đờ như chết, không ăn cả bảy ngày sắp chết.

Rắn bạn xưa nay là A-nan, rồng khuyên nhẫn nhục nay là thân ta. rắn hổ mang có nọc độc nay là Điều-đạt

(Trích Kinh Độ Vô Cực quyển năm)

8. HIỆN THÂN GẤU CỨU NGƯỜI LẠC ĐƯỜNG:

Ngày xưa có một người vào rừng đốn củi, quá mệt mỏi nên ông ta quên cả đường về, gặp lúc trời đổ mưa to, vừa tối vừa đói lạnh, các loài côn trùng độc thú muốn đến hại. Người này liền bỏ chạy, nấp vào một hang đá, trong hang đá có một chú gấu lớn đang trú ngụ, gấu thấy người đốn củi chạy đến lộ vẻ hốt hoảng.

Gấu bảo: “Ông chớ sợ hãi, trong đây ấm áp, hãy nghỉ tạm nơi này”.

Bấy giờ trời mưa suốt bảy ngày, trong thời gian ấy, gấu thường hái trái ngon, nước ngọt để cung cấp cho người đốn củi. Bảy ngày trôi qua, mưa đã tạnh, gấu liền dẫn người đốn củi đi và chỉ cho ông ta con đường tắt trở về. Trước khi từ biệt, gấu dặn dò người đốn củi: “Tôi đây mang nhiều tội lỗi oan trái, nếu ông về gặp ai hỏi thì đừng nói có gặp tôi nhé!”

Người đốn củi nói: “Vâng! Tôi hứa sẽ không nói”.

Trên đường về, người đốn củi gặp một người thợ săn, thợ săn hỏi liền hỏi: “Ông từ đâu đến có gặp con thú nào không?”

Người đốn củi đáp: “Tôi có gặp một con gấu lớn, nó là ân nhân cứu mạng nên tôi không chỉ cho ông đâu”.

Người thợ săn nói: “Ông là loài người thì nên làm thân quyến với loài người, có gì mà tiếc con gấu? Nay ông tuy bị lạc đường được gấu cứu, nhưng biết khi nào chuyện đó xảy ra lại với ông? Ông hãy chỉ cho ta, giết được nó, ta sẽ chia cho ông phần thịt nhiều”.

Bấy giờ lòng dạ của người đốn củi này thay đổi, hắn dẫn thợ săn đến chỗ của gấu, thợ săn bắn chết gấu và chia nhiều thịt cho người đốn củi. Người này vừa nhúng tay vào để lấy thịt thì bỗng nhiên hai cánh tay

của ông ta rơi xuống đất.

Thợ săn thấy vậy liền nói: “Ông có tội gì vậy?”

Người đốn củi đáp: “Khi ta lâm họan nạn thì gấu nhìn ta như cha nhìn con, nay ta lại vong ân hẳn là quả báo tội lỗi”.

Thợ săn kinh hãi nên không dám ăn thịt của gấu, hắn đem về cúng dường cho chúng Tăng.

Bấy giờ, trong Tăng đoàn có vị thượng tọa đã chứng quả A-La-hán, được sáu thần thông nói với đại chúng rằng: “Con gấu này là một vị Bồ-tát, tương lai sẽ thành Phật, chớ nên ăn thịt nó”. Chúng Tăng liền đem xây tháp cúng dường,

Bấy giờ nhà vua nghe được chuyện này liền truyền chỉ khắp cả nước: “Kẻ vong ân kia không cho ở lại trong nước”. Nhà vua còn dùng các thứ nhân duyên để khen ngợi người biết ân.

(Trích Chư Kinh Trung Yếu Sự)

9. HIỆN THÂN NAI CHÚA CHẾT THAY CHO NAI MẸ ĐANG MANG THAI:

Thuở xưa khi đức Phật còn làm Bồ-tát, ở nước Ba-la-nại, các vị tiên nhân ở vườn Lộc-dã và các tiên nhân đã chứng năm thần thông đều đến khu vườn này du học, nơi đây không phải là nơi của những kẻ phàm phu.

Một hôm, vua nước này đi săn bắn, gặp một đàn nai cả ngàn con bị sa vào lưới vua, lúc ấy vua cho quân lính vây quanh một vòng. Đàn nai kinh hãi,có con thì không kêu la mà xông thẳng vào làn tên, có con thì chui xuống đất để giấu mình.

Đức Thích Ca Như Lai lúc bấy giờ làm một vị Bồ-tát hiện thân Nai chúa, lãnh đạo đàn nai. Lúc ấy nai chúa nói với đàn nai: “Các con hãy bình tĩnh, chớ nên sợ hãi, ta sẽ tìm cách đến cầu xin nhà vua, chắc chắn sẽ được cứu mạng, các con không hề gì đâu!”

Nai chúa đi đến quỳ xuống cầu xin nhà vua. Từ xa nhà vua trông thấy, bèn hạ lệnh cho quân sĩ không được bắn nai”.

Nai chúa thưa: “Nay xem ý của nhà vua, muốn giết cả đàn nai ngàn con để nấu hết trong một ngày. Thế nhưng thời tiết hiện giờ quá nóng bức, thịt không thể để lâu được, cúi xin nhà vua thương xót, một ngày giết một con để cung cấp thịt cho nhà bếp. Tự chúng tôi đến chịu chết chứ không phiền nhà vua phải sai người đến bắt, nếu được vậy thì việc cung cấp thịt cho nhà vua không ngừng mà đàn nai chúng tôi ngày càng gia tăng.

Nhà vua hỏi: “Ngươi là nai chúa trong đàn nai này phải không?”

Nai đáp: “Tâu đại vương, thật đúng như vậy”.

Nhà vua hỏi nai chúa: “Ngươi đã suy xét kỹ chưa?”

Nai chúa đáp: “Đã suy xét kỹ rồi, tâu đại vương”.

Nhà vua liền thả đàn nai và thu quân trở vào thành.

Bấy giờ, nai chúa Bồ-tát cai quản đàn nai năm trăm con và nai Điều-đạt cũng quản lý năm trăm con. Cứ mỗi ngày sai mỗi con đi đến chỗ nhà vua để cung cấp thịt cho nhà bếp.

Một hôm, đến phiên nai Điều-đạt sai nai của mình quản lý đi đến cung cấp thịt cho nhà vua. Hôm đó nhằm phiên của một nai mẹ đang mang thai vài tháng phải đến cấp thịt cho nhà vua.

Nai mẹ đến xin chủ của mình: “Nay tôi sắp sanh mà gặp phải phiên đi cung cấp thịt cho nhà vua, nhưng phiên con tôi thì chưa đến, xin Ngài cho phiên kế tôi đi trước, tôi sẽ đi sau”.

Nai Điều-đạt nổi giận mắng: “Tại sao không đi mau, ai chịu thay ngươi chết trước nào?”

Nai mẹ khóc la thảm thiết, đến trình bày cho nai Bồ-tát nghe mọi việc và cầu xin nai chúa thương tình để cho nai mẹ đi phiên sau.

Nai Bồ-tát hỏi: “Chủ ngươi có chịu nghe lời của ngươi trình bày không?

Nai mẹ đáp: “Chủ tôi không bằng lòng”.

Nai Bồ-tát an ủi: “Ngươi đừng sợ, nay ta sẽ thế ngươi đi nạp thịt cho bếp nhà vua”.

Nai chúa Bồ-tát liền triệu tập đàn nai cả ngàn con lại, ân cần dặn dò và khuyên nhủ: “Các con chớ lười biếng, kiêu mạn và cũng đừng nên xâm phạm vào lúa má mùa màng của nhà vua”.

Nai Điều-đạt giận mắng nai mẹ: “Nay đã đến phiên ngươi tại sao ngươi từ chối?”

Nai Bồ-tát bảo nai Điều-đạt: “Hãy thôi đi, đừng nói như vậy, nai mẹ thành thật xin chịu chết lần sau là vì thương xót bào thai nên chưa muốn chết. Bây giờ ta sẽ thay thế để cứu mạng thai nhi”.

Đàn nai đều thưa: “Chúng tôi xin chịu chết thay cho đại vương, đại vương còn sống thì chúng tôi còn ăn cỏ uống nước, để sinh sống, tự do đi lại, không lo sợ điều gì”. Nai chúa không đồng ý, vẫn đi đến nhà bếp của vua, đàn nai cũng chạy theo đến cung vua. Nai chúa tự xin nạp mình.

Đầu bếp thấy nai chúa liền đến tâu vua: “Tâu đại vương, nai chúa đến phiên vào bếp cấp thịt nhưng không rõ ý của đại vương có cho giết

hay không?"

Nhà vua ra lệnh: "Mau đưa nai chúa đến đây!".

Vua hỏi nai chúa: "Đàn nai ngàn con nay đã hết rồi sao, tại sao ngươi lại đến đây?"

Nai chúa tâu vua: "đàn nai ngàn con ít ỏi nay đã trở thành to lớn, số lượng mỗi ngày mỗi tăng, không hề giảm bớt".

Đồng thời nai chúa trình bày rõ sự việc cho vua nghe. Nghe xong nhà vua khẩn thiết tự trách mình, hối hận vì tự mình không thấu đáo.

Vua nói: "Ta vì muốn ăn thịt của thú vật mà không phân biệt được điều phải quấy, đến nỗi phải giết chúng sanh một cách oan uổng như vậy".

Nhà vua bảo các đại thần rao khắp trong nước: "Nếu có một ai bấn giết loài nai thì người ấy sẽ bị tru lục".

Nhà vua liền thả nai chúa trở về, đồng thời ra lệnh cho cả nước không được ăn thịt nai. Nếu kẻ nào ăn thịt nai sẽ bị bêu đầu. Nhân đó đặt tên vườn này là vườn Lộc-dã.

(Trích kinh Xuất Diệu quyển chín)

10. HIỆN THÂN NAI CHÚA UY ĐỨC MẮC LƯỚI ĐƯỢC THỢ SĂN THẢ RA:

Đức Phật dạy: "Vào thời quá khứ, dưới chân dãy núi Tuyết có một con nai chúa tên là Uy-đức. Nai chúa lãnh đạo đàn nai năm trăm con.

Một hôm có thợ săn đặt thóc giăng lưới, nai chúa đi trước dẫn đường, chân phải của nai bị vướng vào lưới. Khi ấy nai chúa nghĩ rằng: "Nếu như ta lộ vẻ mắc lưới thì đàn nai không dám ăn lúa. Vì vậy phải đợi cho đàn nai ăn hết lúa rồi nai chúa mới lộ vẻ bị mắc lưới. Ăn xong, đàn nai đều bỏ đi, chỉ có một con nai cái ở lại và nói kệ rằng:

Đại vương nên biết
Khi thợ săn đến
Hãy tìm phương tiện
Thoát ra lưới này.

Bấy giờ nai chúa cũng dùng kệ đáp:

Ta cố tìm cách
Nhưng sức đã kiệt
Dây lưới xiết dần
Không thể thoát nổi.

Nai cái nhìn thấy thợ săn đã đến liền nói kệ:

Ngươi dùng dao sắc

Giết chết ta trước
Sau đó xin thả
Nai chúa ta ra.

Thợ săn nghe nói sanh tâm thương xót, dùng kệ đáp rằng:

Ta trọn chẳng giết ngươi
Cũng chẳng giết nai chúa
Thả ngươi và nai chúa
Cứ mặc tình ra đi.

Thợ săn liền tháo lưới cho nai chúa.

Phật dạy: nai chúa ngày xưa nay chính là ta, đàn nai năm trăm con, nay chính là chúng Tỳ-kheo năm trăm người.

(Trích luật Thập Tụng, Tạp Tụng quyển 1)

11. HIỆN THÂN NAI CHÍN MÀU CỨU NGƯỜI CHẾT ĐUỐI:

Thuở xưa Bồ-tát hiện thân nai, lông gồm chín màu, sừng trắng như tuyết. Nai thường kết bạn với một con chim.

Một hôm nai đang ăn cỏ bên bờ sông Hằng thì gặp một người đang bị dòng nước cuốn trôi, thoạt nổi thoạt chìm, người ấy ngẩng đầu kêu cứu: “Thần núi thần sông, chư Thiên, Long thần sao không thương tôi”.

Nai nghe tiếng kêu cứu liền nhảy xuống nước bảo: “Ông hãy cưỡi lên lưng của tôi và nắm lấy sừng tôi, tôi sẽ đưa ông lên bờ.

Khi đã lên bờ, kẻ chết đuối kia nhảy xuống khỏi lưng nai rồi đi quanh nai ba vòng, khấu đầu cảm tạ, xin làm thân nô bộc để nai sai khiến.

Nai liền nói: “Ta không cần ngươi làm nô bộc cho ta, việc đã xong thì đường ai nấy đi. Còn như ngươi muốn báo đáp ân cứu mạng thì xin chớ nói ta ở đây, vì người tham cặp sừng của ta ắt họ sẽ tìm đến giết ta”.

Bấy giờ, hoàng hậu của vua nước này, đêm nằm mộng thấy thân nai chín màu thì giả bệnh không dậy nổi.

Nhà vua hỏi nguyên do thì hoàng hậu đáp: “Đêm qua thiếp nằm mộng thấy con nai có bộ lông chín màu, sừng trắng như tuyết, ý thiếp muốn được tấm da con nai này để làm nệm ngồi, còn đôi sừng của nó làm cán phất trần. Xin đại vương tìm gấp hai vật, nếu không thì thiếp sẽ chết”.

Nhà vua yết bảng khắp trong cả nước, nếu ai bắt được con nai kia thì vua sẻ chia nước để trị và ban cho chén vàng đựng đầy lúa bạc, chén

bạc đựng đầy lúa vàng.

Kẻ chết nước trước kia nghe như vậy, muốn chọn lấy cái giàu sang nên nghĩ rằng: “Nai là loài súc sanh, chết sống ăn thua gì?”

Bấy giờ gã liền đến tâu vua và báo cho vua biết nơi ở của nai. Nhà vua rất vui mừng nói: “Nếu ông có thể lấy được bộ da và cặp sừng của nai đem về đây thì ta sẽ đền ơn ngươi một nửa đất nước.

Bất chợt trên mặt của gã kia nổi lên các thứ ung nhọt.

Gã nói: “Tâu đại vương, con nai này tuy là súc sanh nhưng nó có nhiều oai thần, đại vương cho nhiều binh lính đi bắt mới được”.

Nhà vua liền kéo binh lính rất đông đi đến bên bờ sông Hằng. Lúc ấy chú chim bạn của nai đang đậu ở trên cành cây, nhìn thấy binh lính nhà vua kéo đến chim liền gọi nai: “bạn ơi hãy thức dậy! nhà vua đến kìa”.

Nai vẫn ngủ say chưa tỉnh. Chim liền bay xuống mổ vào tai của nai, giật mình dậy thì nai kinh hãi, nhình quanh bốn phía nhưng không còn đường chạy nữa, đành phải đi đến bên xe của nhà vua.

Quần thần vây quanh muốn bắn nhưng nhà vua ra lệnh: “Đừng bắn! Con này phi thường hẳn là thiên thần đây”.

Nai nói: “Tâu đại vương, xin đừng bắn tôi, trước đây tôi từng cứu sống một người ở trong nước của đại vương”.

Nai lại quỳ xuống hỏi vua: “Tâu đại vương, ai nói cho đại vương biết là tôi đang ở đây?”

Nhà vua liền chỉ: “Là người mặt bị ung nhọt đứng bên cạnh xe”.

Nai ngẩng đầu lên nhìn thấy mặt của người này thì dòng nước mắt trào ra không thể ngăn được.

Nai nói: “Người này trước đây bị chết chìm trong nước, tôi đã không tiếc thân mạng của mình mà lao đầu vào dòng nước cứu cho thoát chết. Khi về, ông ta hứa là không nói cho ai biết, không ngờ gã lại phản bội. Chi bằng trước đây để cho gã trôi nổi trong dòng nước như khúc gỗ cho rồi”.

Vẻ mặt nhà vua thẹn thùng và nhiều lần hỏi gã ấy: “Ngươi chịu ân cứu mạng của nai tại sao lại phản bội muốn giết chết nai?”

Thế là, nhà vua ra lệnh cho cả nước: “Nếu người nào rượt đuổi con nai này thì sẽ bị tru di năm họ”.

Bấy giờ, đàn nai cả ngàn con đều trở lại nương náu nai chúa, ăn cỏ uống nước không xâm phạm lúa mạ, mưa thuận gió hòa, mùa màng được nhiều, người không tật bịnh, thiên hạ thái bình.

Phật dạy: “Nai chín màu bấy giờ nay là thân ta vậy, chim bạn của

nai nay là A-nan, quốc vương xưa nay là Duyệt-đầu-đàn phụ vương ta. Phu nhân của vua nay là Tôn-đà-lợi. Người chết đuối kia nay là Điều-đạt. Ta tuy có tâm tốt đối với gã ấy nhưng gả lại muốn hại ta. A-nan là người có thiện chí.

(Trích Kinh Cửu Sắc Nai)

12. HIỆN THÂN NHẠN CHÚA THỢ SĂN BẮT, ĐƯỢC THẢ, BÁO ÂN ĐẤT NƯỚC:

Vào thời quá khứ, bên cạnh thành Ba-la-nại có một ao nước, tên Vũ thành, trong ao có nhiều cá, rùa, ngỗng, chim nhạn và vịt... cùng sinh sống. Trong số đó có nhạn chúa tên là Trị quốc, lãnh đạo đàn nhạn cả năm trăm con.

Một hôm, có người thợ săn giăng lưới để bẫy đàn nhạn. Khi đó nhạn chúa đi trước dẫn đường, không may chân phải vướng vào lưới. Nhạn chúa thầm nghĩ: "Nếu như ta lộ vẻ chân bị mắc lưới thì đàn nhạn không thể ăn thóc được". Vì thế, nhạn chúa đợi đàn nhạn ăn xong mới cho biết mình đã bị vướng lưới. Bấy giờ đàn nhạn bay đi hết, chỉ còn chú nhạn tên là Tô-ma không nỡ bỏ nhạn chúa ra đi.

Nhạn chúa bảo nhạn Tô-ma: "Nay ta giao chức trưởng đàn lại cho ngươi, ngươi hãy bay về lãnh đạo đàn nhạn đi!"

Nhạn đại thần Tô-ma đáp: "Tâu đại vương, tôi không thể làm như thế được"

Nhạn chúa lại hỏi: "Tại sao ngươi không làm như thế?"

Chim nhạn Tô-ma đại thần dùng kệ đáp rằng:

Tôi nguyện theo Ngài
Sống chết không đổi
Thà chết cùng chúa
Hơn sống lìa nhau
Đại vương nên biết
Thợ săn đã đến
Người hãy tìm cách
Thoát khỏi lưới này.

Bấy giờ nhạn chúa cũng đáp kệ rằng:

Ta tìm phương tiện
Nhưng nay sức kiệt
Lưới càng thắt chặt
Không thể thoát thân.

Bấy giờ thợ săn đã đến, nhạn đại thần Tô-ma nói kệ rằng:

Lông thịt của đại vương
Cùng với ta không khác
Ngươi dùng dao giết ta
Thả chúa đừng hại đến.

Lúc ấy thợ săn nói với chim nhạn đại thần: “Ta không giết các ngươi đâu, giờ ta sẽ thả các ngươi cứ tùy ý mà bay đi”.

Bấy giờ thợ săn mở lưới cho nhạn chúa. Hai nhạn nói với nhau: “Người thợ săn này thật hiếm có, đã tha chết cho chúng ta, vậy chúng ta nên đem của cải đến báo đền ân đức đó”.

Thợ săn nghe vậy liền hỏi: “Các ngươi là loài súc sanh, đâu có vật gì để báo đáp ân của ta?”

Khi ấy, cả hai nhạn đều nói: “Vị vua cai trị nước Ba-la-nại này tên là Phạm-đức, giờ ông hãy đem chúng tôi đến dâng cho nhà vua, ta sẽ tìm cách đáp đền ân của ông”.

Thợ săn đặt hai chú nhạn lên vai, đi vào trong thành. Trên đường đi, mọi người thấy chim nhạn đẹp đẽ nên họ rất muốn mua nó. Thế là, thợ săn được nhiều người cho tiền, có người cho năm đồng, lại có người cho mười đồng, hai mươi đồng. Họ đều bảo: “Đừng nên giết nó”.

Trên đường vào cung, thợ săn thu nhận được rất nhiều tài vật. Khi đến cửa cung, thợ săn liền đặt nhạn xuống đất, nhạn nói với người giữ cửa: “Ngươi vào tâu với vua Phạn Đức, nhạn chúa Trị quốc nay đang ở ngoài cửa”.

Quan giữ cửa vội vào tâu vua. Nhà vua liền triệu vào, sai người bố trí giường vàng cho nhạn chúa. Lúc đó nhạn đại thần Tô-ma cũng đi theo, vào cung cùng chào hỏi nhà vua. Nhạn chúa thăng tòa nói kệ vấn an rằng:

Thân Ngài an ổn không
Đất nước giàu có chứ?
Trị nước như pháp chăng
Lòng bình đẳng trị chứ?

Vua Phạn Đức cũng dùng kệ đáp:

Tôi thường tự an ổn
Đúng pháp trị nhân dân
Đất nước luôn giàu có
Bình đẳng không thiên lệch.

Hai bên cùng nhau hỏi thăm xong, nhạn chúa thuyết cho vua nghe một trăm bài kệ. Nhà vua nghe kệ, lòng tự nghĩ: “Nhạn chúa này rất thông suốt”.

Bấy giờ nhà vua thấy nhạn đại thần Tô-ma im lặng liền hỏi: "Tại sao khanh im lặng không nói lời nào?"

Nhạn đại thần đáp: "Bệ hạ là vua của loài người, làm chủ của một đất nước, còn nhạn chúa đây là vua của nước Pha trạch, hai vua cùng nhau nói chuyện, hạ thần đâu dám xen vào".

Nhà vua nói: "Ta có một khu vườn, hai vị có chịu ở đó không?"

Nhạn chúa nói: "Tâu đại vương, không thể được".

Vua hỏi: "Tại sao không được?"

Nhạn nói: "Bởi vì, khi nhà vua ngủ, không nhớ đến chúng tôi, sai người giết nhạn ăn thịt. Nếu như người giết không tìm thấy chim nhạn khác thì họ sẽ giết chúng tôi mang vào nhà bếp làm thức ăn cho nhà vua".

Trở lại chuyện đàn nhạn, khi nhạn chúa đi vào cung vua thì cả đàn nhạn ở ao Vũ thành đều bay theo vào cung, nháo nhát kêu la áo não, chúng rủ cánh làm cho nước bay nhớp cả cung điện.

Nhà vua hỏi: "Đàn nhạn này là sao?"

Nhạn chúa đáp: "Đó là quyến thuộc của tôi".

Vua hỏi: "Vậy ngươi có muốn đi chăng?"

Nhạn chúa đáp: "Vâng, Tôi muốn đi".

Vua hỏi: "Giờ đây ngươi muốn những thứ gì?"

Nhạn đáp: "Tôi bị thợ săn bắt được, nhưng lại được tha mạng, đối với chúng tôi, ông ta đã làm được một việc rất hiếm có. Nếu như ban đầu ông ta giết một con, sau đó lại tuần tự giết con nữa, cứ như vậy thì ai có thể ngăn chặn được hành động của ông ta!

Nhà vua hỏi: "Giờ nhà ngươi muốn lấy gì để đền đáp ân tha mạng ấy?"

Cả hai nhạn đều nói: "Xin nhà vua cho ông ta các thứ vàng bạc, xa cừ, mã-não và cơm áo". Nói xong cả hai nhạn đều bay lên hư không.

Phật dạy: "nhạn chúa lúc bấy giờ nay chính là thân ta. Đàn nhạn năm trăm con nay là năm trăm Tỳ-kheo. Thợ săn nay là voi giữ tài sản. Vua Phạn đức nay là vua Tịnh phạn, còn nhạn đại thần Tô-ma nay chính là A-nan vậy

(Trích luật Thập Tụng, Tạp Tụng quyển một)

13. HIỆN THÂN OANH VŨ CHỮA LỬA BÁO ÂN:

Thuở xưa, Bồ-tát hiện thân oanh vũ, thường ngày đậu ở trên cây. Một hôm, gió thổi mạnh làm cho cây cọ xát vào nhau, tức thời lửa phát ra. Lửa cháy mạnh dần, lan đến ngọn núi.

Bấy giờ chim oanh vũ suy nghĩ: “Giống như chim bỏ nơi ở cũ, mà còn có lòng quay trở lại muốn báo ân, huống gì ta suốt ngày đêm ở đây mà không thể dập được lửa”.

Nghĩ xong, nhạn liền bay xuống biển, dùng đôi cánh của mình lấy nước biển rồi bay đến núi rưới lên, dập tắt ngọn lửa đang cháy, đồng thời dùng miệng phun nước khắp nơi.

Bấy giờ có một vị thiện thần, cảm được sự khổ nhọc của chim oanh vũ nên đến giúp chim dập tắt lửa.

(Trích kinh Tăng-già-la-sát quyển thượng)

14. HIỆN THÂN CHIM SẺ NHỔ XƯƠNG MIỆNG CỌP:

Thuở xưa, Bồ-tát hiện thân chim Sẻ chúa, lòng từ cứu chúng sanh như bảo vệ vết thương trên thân mình.

Bấy giờ có một con cọp vì ăn thịt loài thú nên bị mắc xương, đau đớn khốn cùng, sắp phải bỏ mạng. Chim sẻ thấy thế nên ngày nào cũng bay vào miệng cọp để gắp lấy xương ra, vì vậy miệng của khổng tước bị lở loét, thân hình tiều tụy.

Khi chim sẻ lấy hết xương trong miệng cọp rồi liền bay lên đậu trên cây lớn và nói kinh Phật cho cọp nghe: “Này con cọp, sát hại sanh vật là hành động bạo ngược, việc ác đó chẳng gì sánh bằng”.

Cọp nghe chim sẻ nhắc nhở liền nổi giận: “Mày vừa ra khỏi miệng tao, sao dám lắm lời thế?”

Chim sẻ thấy không thể cảm hóa được cọp liền vụt bay đi mất.

Đức Phật dạy: “Chim sẻ trước kia nay chính là ta, còn con cọp kia nay chính là Điều-đạt.

(Trích kinh Tước Vương)

15. HIỆN THÂN CÁ LỚN CỨU NẠN ĐÓI KHÁT:

Thuở xưa, Bồ-tát hiện thân một người nghèo khổ. Một hôm, Bồ-tát cùng với các vị thương buôn đi qua nước khác. Trên biển, Bồ-tát nhìn thấy cá lớn nuốt cá bé, tâm liền nghĩ: “Ta hãy đem thân mình thay cho cá nhỏ để chúng được sống trong chốc lát”.

Thế rồi, Bồ-tát liền lao đầu xuống nước, cá lớn được no còn cá nhỏ được sống.

Bồ-tát chết, thần thức hóa sanh làm một con cá kình lớn, thân dài mấy dặm.

Lúc ấy, sát bờ biển có một quốc gia, gặp trời hạn hán, nhân dân đói khát, ăn nuốt lẫn nhau. Biết việc ấy, cá kình chúa liền bơi đến nước

ấy để cho mọi người ăn thịt mình mà bảo tồn được mạng sống của họ. Mấy tháng trời, cá kình bị cắt thịt ăn nhưng vẫn còn sống.

Bấy giờ có một vị thiên thần bay xuống hỏi: "Người vì tình thương mà chịu nỗi khổ sở đó ư? Sao không chết để xả bỏ cái đau đớn ấy?"

Cá đáp: "Nếu tôi chết, thần thức sẽ rời khỏi xác, chẳng bao lâu thân xác tôi bị thối rữa và sau đó dân chúng sẽ đói khát, trở lại ăn nuốt lẫn nhau. Tôi không nỡ nhìn thấy lại cảnh tượng ấy."

Vị thiện thần nói: "Ngươi chắc chắn sẽ thành Phật cứu độ chúng sanh khổ".

Bấy giờ có người cắt đầu nên cá liền chết, thần thức sanh làm một vị vương tử, trí tuệ sáng suốt như bậc Thánh lớn, bốn ân rộng khắp, lòng từ thấm nhuần, rộng độ muôn loài. Vương tử vì thương dân nghèo khổ nên nghẹn ngào, thốt chẳng nên lời. Song đất nước vẫn còn bị hạn hán, cho nên vương tử chánh niệm tỉnh giác, nghiêm trì trai giới, món ngon vật lạ cũng đều từ chối.

Vương tử cúi đầu sám hối tội lỗi: "Dân chúng làm ác, lỗi ấy do tôi, nay xin xả bỏ tấm thân này để cầu trời mưa cho dân chúng được thấm nhuần".

Vì quá xót thương nhân dân đói khát nên ngày nào vương tử cũng than khóc, khác nào người con chí hiếu gặp phải tang cha hiền. Do lòng thành khẩn nên tiếng tăm của vương tử được bay xa.

Bấy giờ, đức Phật cùng năm trăm vị Tỳ-kheo đi đến nước ấy. Vương tử nghe tin, lòng vui mừng khôn xiết, liền ra nghinh đón, đảnh lễ sát đất, khóc lóc bày tỏ: "Con vì tâm hạnh nhơ uế, không phù hợp với lời dạy của Tam bảo bốn ân, gây nên khổ sở cho dân chúng, đất nước phải lâm vào cảnh khô hạn nhiều năm, lê dân đói khát, đau thương oan uổng. Nay cúi xin Ngài thương xót, cứu giúp cho nhân dân thoát khỏi mối họa, mọi tội lỗi con xin gánh chịu".

Đức Phật nói: "Ông là bậc quân vương có nhân đức, thương yêu ban bố cho muôn dân, đức ấy sánh bằng trời Đế thích. Hết thảy chư Phật đều rõ biết và sẽ khiến cho ông được phước, chớ nên đau lòng quá!"

Nhà vua liền ra sắc lệnh cho dân chúng trồng lúa, mọi nhà đều tu tập, lúa sẽ được tốt tươi.

Bấy giờ nhà vua bảo: "Hãy đợi lúa chín".

Quả thật năm ấy lúa được mùa, phủ đầy cả nước, hạt luá rất lớn, đong được vài đấu. Hạt gạo thơm dẽo, cả nước đều vui mừng, ca ngợi công đức của nhà vua. Khắp nhân dân giữ gìn giới pháp, quy y Tam bảo.

Sau khi mạng chung, thần thức của vua cùng các thần dân được sanh lên trời. Vị Bồ-tát nghèo lúc đó nay chính là thân ta.

(Trích kinh Lục Độ Tập quyển một)

16. HIỆN THÂN BA BA CHÚA CẢM HÓA ĐỒNG LOẠI CỨU SỐNG THƯƠNG BUÔN:

Thuở xưa, Bồ-tát từng hiện thân ba ba chúa, sinh sống trong biển lớn, cảm hóa được đồng loại. Con cháu và thần dân của ba ba chúa đều tu nhân tích đức. Riêng nhà vua tự mình vâng giữ và thực hành bốn tâm vô lượng (từ, bi, hỉ, xả), thương xót chúng sanh như mẹ thương con.

Biển cả rộng lớn, bờ mé xa thẳm, đến nỗi chẳng có ai vượt qua được.

Bấy giờ ba ba chúa nổi lên trên mặt biển, bơi vào bờ nằm nghỉ, lưng ba ba rất chắc, lâu ngày khô ráo giống như đất liền. Lúc ấy, có đoàn người thương buôn từ nơi xa đi đến dừng nghỉ trên lưng ba ba. Họ cùng nhau chẻ củi nấu nướng, tất cả trâu ngựa xe cộ, đá quý đều an trí trên ấy.

Vì vừa bị đốt nóng, vừa bị chất nặng nên ba ba muốn lặn xuống nước nhưng sợ dìm chết đoàn thương buôn. Do đó ba ba đành phải cố gắng nhẫn chịu sự đau đớn, nhưng đến lúc nhẫn không nỗi liền lội vào vùng nước cạn để tìm cách dập tắt lửa độc mà không làm nguy hại đến đoàn người thương buôn.

Mọi người trên lưng ba ba lo sợ, cho là thủy triều chợt dâng lên, họ khóc la cầu cứu chư Thiên: "Trời Đế thích, Phạm vương, Tứ thiên vương, mặt trời mặt trăng, thần minh, xin các Ngài hãy dùng uy đức để thấy và cứu giúp chúng con".

Lòng ba ba trào dâng niềm thương cảm, vì vậy mà nói với mọi người: "Các người hãy cẩn thận chớ kinh sợ như thế, tôi vì bị lửa đốt nóng quá nên mới lội vào trong nước để dập tắt cho đỡ nóng. Giờ này thì yên ổn rồi, không bị nguy hiểm đâu!

Nhóm thương buôn nghe vậy biết có hi vọng sống sót. Lúc ấy mọi người đều phát nguyện niệm: "Nam mô Phật".

Bấy giờ ba ba khởi tâm đại bi và chở đoàn thương buôn vào bờ. Mọi người đều được thoát nạn, họ rất vui vẻ, từ xa lạy tạ, ngợi khen công đức và xem ba ba chúa là chiếc cầu cho nhiều người đi qua. Hành vi ấy là chiếc thuyền vượt qua ba cõi. Nếu như thành Phật thì sẽ cứu chúng sanh thoát khỏi hiểm nguy sanh tử.

Ba ba chúa đáp lại: "Lành thay! Lành thay! Nguyện sẽ được như

lời các ông nói”. Thế rồi mỗi bên từ biệt ra đi.

Phật dạy: “ba ba chúa lúc bấy giờ nay chính là thân ta, năm trăm vị thương buôn là năm trăm đệ tử của ta như Xá-lợi-phất.v.v...

(Trích Sanh Kinh quyển 4)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 12

1. Tỳ-kheo Vô Cấu ở trong núi, người nữ trú mưa nơi chổ ở của Ngài. Các vị tiên cho Ngài là dơ uế, Ngài bay lên hư không để chứng minh

2. Huệ vương dùng thức ăn ngon giáo hóa người vào đạo

3. Hằng da bán thân mua thức ăn cúng dường Ngài thượng thủ

4. Tu ma đề lúc đầu làm người nữ tám tuổi, chuyển làm thân nam xuất gia thuyết pháp

5. Ma ha lư tụng kinh Đại thừa được bậc Thánh chỉ dạy

6. Thiện huệ mộng thấy năm điều thỉnh Phật giải thiích

7. Người nữ trên lầu cao thấy Phật biến thành nam tử, xuất gia đươc lợi ích

8. Người nữ ở trong thai nghe pháp, chuyển thành thân nam, xuất gia học đạo

9. Sa-môn từ cẩu chuyển thân làm người lập nguyện bất thối chuyển

1. TỲ-KHEO VÔ CẤU Ở TRONG NÚI, NGƯỜI NỮ TRÚ MƯA NƠI CHỔ Ở CỦA NGÀI. CÁC VỊ TIÊN CHO NGÀI LÀ DƠ UẾ, NGÀI BAY LÊN HƯ KHÔNG ĐỂ CHỨNG MINH:

Vào thời Phật-câu-lâu-tần ở đời quá khứ có vị Tỳ-kheo tên là Vô Cấu, tịnh tu ở trong hang núi vắng vẻ. Cách đó không xa có vị tiên nhơn ở. Hôm nọ một người nữ đi qua đường gặp trận mưa to,bèn vào trú nhờ trong hang Tỳ-kheo, khi mưa tạnh thì bỏ đi. Bấy giờ năm vị tiên trong thấy cô gái từ đó đi ra, bèn nói:

- Vị Tỳ-kheo kheo ấy gian dối xấu xa.

Tỳ-kheo Vô Cấu nghe vậy, liền bay vọt lên hư không, cách đất bốn trượng chín. Các vị tiên trông thấy nói:

- Như kinh điển của ta ghi chép, những người nhiễm dục trần thì không thể bay lên được.

Họ liền gieo năm vóc sát đất, cúi đầu sám hối. Nếu vị Tỳ-kheo không hiện thần thông thì năm vị tiên ấy sẽ đọa vào địa ngục. Tỳ-kheo Vô Cấu thuở đó nay chính là Bồ-tát Di Lặc.

(Trích kinh Huệ Thượng Bồ-tát quyển 9).

2. HUỆ VƯƠNG DÙNG THỨC ĂN NGON GIÁO HÓA NGƯỜI VÀO ĐẠO:

Vào thời Đức Phật Mạc-năng-thắng ở đời quá khứ có vị Tỳ-kheo tên làHuệ Vương. Một buổi sáng Ngài đi khất thực được nhiều thứ thức ăn ngon. Lúc ấy trên đường có con của trưởng giả tên Ly-cấu-tý đang được nhũ mẫu bế, khi trông thấy vị Tỳ-kheo từ xa, đứa bé liền tuột xuống đất, chạy theo vị Tỳ-kheo kheo xin thức ăn, Tỳ-kheo cho nó một miếng mật, ăn vào thấy ngon ngọt nó liền đi theo sau vị Tỳ-kheo muốn ăn thêm, vị Tỳ-kheo lại cho nó, cứ như thế đi lần hồi đến chổ Phật. Huệ Vương đảnh lễ Phật, rồi lấy thức ăn đi khất thực được trao cho đứa bé, bảo nó dâng lên Đức Phật, để đứa bé phát đạo tâm. Đức Phật thọ nhận nhưng bát của Phật đã đầy mà thức ăn vẫn không vơi bớt. Kế đến đứa bé đem dâng cúng cho tám vạn bốn ngàn thinh văn, mười hai ức Bồ-tát Phật và Thánh chúng thảy đều no đủ. Cúng dường như thế suốt bảy ngày mà thức ăn vẫn còn nguyên như trước. Đứa bé vui mừng nói kệ tán thán Phật và phát tâm vô thượng Bồ-đề.

Khi cha mẹ đứa bé tìm con, có người chỉ đến chổ Phật lúc họ đến nơi đứa bé chào hỏi, nói kệ tán thán cha mẹ. Lúc ấy đứa bé giáo hóa cha mẹ cùng năm trăm người, đều khiến cho họ phát tâm cầu pháp vô thượng chơn chánh. Nghe xong họ đều từ bỏ gia đình làm Sa-môn, hành đạo Bồ-tát cho đến khi thành Phật.

Huệ Vương bấy giờ chính là Bạt-thủ-đồng-chơn, Ly-cấu-chính-là thân ta vậy.

(Trích kinh Vãng Cổ Tháo Hành).

3. HẰNG DA BÁN THÂN MUA THỨC ĂN CÚNG DƯỜNG NGÀI THƯỢNG THỦ:

Bấy giờ có vị Bồ-tát làm một khất sĩ tên là Thượng Thủ. Khi Ngài vào thành khất thực gặp Tỳ-kheo Hằng Da. Hằng Da hỏi:

- Ông từ đâu đến:

Vị khất sĩ đáp:

- Tôi từ trong chơn thật đến.

- Sao gọi là chơn thật?

- Vì hình tướng tịch tịnh, cho nên gọi là chơn thật.
- Phải cầu pháp chơn thật ở đâu?
- Nên cầu ở trong lục Ba-la-mật.

Nghe xong Hằng Da vui mừng đảnh lễ Ngài Thượng Thủ, rồi thưa:

- Nên lấy gì để cúng dường Thầy?
- Nên dùng tu-đà-vị (thức ăn ngon).

Hằng Da liền đi đến chợ rao rằng: "Tôi muốn bán thân, có ai mua không?

Lúc ấy có một cư sĩ tên Tỳ-nô-luật nói:

- Tôi muốn mua, vậy ông cần gì mà phải bán thân như vậy?

Hằng Da đáp:

- Tôi cần Tu-đà-na-la (tiền).
- Cần bao nhiêu?
- Cần năm sâu.

Cư sĩ lấy năm tiền mua đạo nhân này để làm đầy tớ. Hằng Da nói với cư sĩ:

- Thân tôi nay thuộc về ông, nhưng xin ông cho tôi nghỉ bảy ngày, vì tôi muốn cúng dường Tỳ-kheo Thượng Thủ.
- Tôi sẽ đưa ông về để biết nhà của tôi, rồi hãy trở lại!

Lúc ấy, Hằng Da đến thấy nhà cư sĩ xong liền vội vã lặn lội trở lại. Giữa đường gặp Tỳ-kheo Thượng Thủ đi khất thực mà chưa có. Ông liền đưa Ngài Thượng Thủ đến chợ, mua trăm thứ thức ăn ngon, rồi đưa đến chùa Tứ Vương, xếp đặt sàng tòa, đốt hương rãi hoa, bày các thức ăn cúng dường Tỳ-kheo Thượng Thủ.

(Trích kinh Phương Đẳng Đà-la-ni quyển 1).

4. TU MA ĐỀ LÚC ĐẦU LÀM NGƯỜI NỮ TÁM TUỔI, CHUYỂN LÀM THÂN NAM, XUẤT GIA THUYẾT PHÁP:

Tu-ma-đề bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Ngài dạy Bồ-tát có bốn mươi việc, con sẽ vâng làm đầy đủ.

Lúc ấy trưởng lảo Mục Liên hỏi:

- Bốn mươi việc nầy Đại sĩ đã thực hành, vậy ông có thể làm người nữ tám tuổi được không?
- Tu-ma-đề đáp:
- Thật có thể làm được, nếu Ngài không tin thì tôi sẽ khiến cho ba ngàn đại thiên quốc độ đều chấn động sáu lần, trời mưa hoa, các loại

Âm nhạc không trổi tự kêu.

Tức thời Tu-ma-đề biến thành người nữ như lời nói. Bé gái nói: để chứng minh lòng chí thành của tôi nếu sau nầy tôi được thành Phật không là điều hư vọng, thì bây giờ trong hội chúng nầy ai cũng được thân sắc vàng. Ngay lúc ấy thân của mỗi người trong đại chúng đều ánh lên màu sắc như vàng ròng.

Mục Liên bạch Phật người này sơ phát tâm làm Bồ-tát, con nên kính lễ. Vì sao? Vì đứa bé gái tám tuổi còn cảm ứng được như vậy, huống chi là bậc đại Bồ-tát?

Văn Thù Sư Lợi hỏi hoá thân người nữ:

- Vì sao không chuyển thân người nữ?

Tu -ma-đề đáp:

- Việc đó không làm đựơc. Vì sao? Vì pháp không có nam nữ. Nay tôi sẽ dứt trừ điều nghi cho Tôn giả.

Tu -ma-đề lại nói:

- Tôi không bao lâu nữa sẽ thành chánh giác, nay phải biến thành thân người nam.

Vừa nói dứt lời, ông liền biến thành thân nam đúng như lời nói, tóc trên đầu tự rụng, ca-sa khoác lên thân thành vị Sa-môn.

Ông lại nói:

- Khi ta thành Phật sẽ khiến trong quốc độ ta không có ba việc: Ma, địa ngục và người nữ. Nếu tôi chí thành thì thân tôi sẽ như vị Sa-môn ba mươi tuổi.

Ngay lúc đó liền trở thành người ở độ tuổi ba mươi.

Ông lại thưa với Ngài Văn-thù-sư-lợi:

- Khi tôi đươc làm Phật sẽ khiến cho người trong nước tôi thân dều sắc vàng, đất đai, thành quách có cây bảy báu; hoa báu ao báu vừa đủ để mọi người đều chung hưởng.

Ông lại nói:

- Các người ở trong hội này cũng dược thân sắc vàng.

Tức thời chúng hội đều được thân sắc vàng.

Lúc ấy thần Trì-địa từ dưới đất vọt lên, hoá làm thân trời ba lần cất tiếng khen ngợi công đức của Tu-ma-đề.

Không bao lâu, Tu-ma-đề được thành Phật.

(Trích kinh Phật Thuyết Tu-ma-đề Bồ-tát).

5. MA HA LƯ TỤNG KINH ĐẠI THỪA ĐƯỢC BẬC THÁNH CHỈ DẠY:

Tỳ-kheo Ma-ha-lư thường tụng kinh Đại thừa nên vua trải tóc cho Tỳ-kheo đi qua. Có một Tỳ-kheo khác nói với vua:

Tỳ-kheo Ma-ha-lư này ít tụng kinh Đại thừa, vì sao cúng dường như vậy vua đáp:

Ta đêm nay muốn thấy Tỳ-kheo này.

Vua liền đến chổ Tỳ-kheo, trông thấy Tỳ-kheo đang tụng kinh Pháp Hoa ở trong hang, có một người thân sáng chói cỡi voi trắng chắp tay cúng dường. Khi vua đến gần bên thì vị ấy liền biến mất. Vua hỏi:

Thưa đại đức khi tôi đến gần tại dao người có ánh sáng rực rỡ lại biến mất đâu rồi?

Tỳ-kheo đáp:Vị ấy chính là Bồ-tát Biến-kiết (chính là Ngài Phổ Hiền trong kinh Pháp Hoa) đến dạy bảo tôi tụng kinh này.

(Trích luận Đại Trí Độ quyển 9)

6. THIỆN HUỆ MỘNG THẤY NĂM ĐIỀU, THỈNH PHẬT GIẢI THÍCH:

Thiện Huệ bạch Phật Phổ Quang:

- Bạch Thế Tôn, con ngày xưa ở trong núi sâu một hôm thấy năm điều mộng.

1. Thấy mình nằm trong biển lớn.
2. Thấy mình gối đầu lên núi Tu-di.
3. Thấy tất cả chúng sanh ở trong biển đi vào trong thân con.
4. Thấy tay mình cầm mặt trời.
5. Thấy tay mình cầm mặt trăng.

Cúi xin Đức Thế Tôn giải thích cho con được rõ. Phật đáp:

1. Thấy mình nằm trong biển lớn tức là thân ông lúc đó còn nằm ở trong biển lớn sanh tử.
2. Thấy mình gối đầu núi Tu Di tức là đã ra khỏi sanh tử, được tướng Niết-bàn.
3. Thấy tất cả chúng sanh ở trong biển lớn nhập vào thân ông tức là ông ở trong sanh tử làm nơi nương tựa cho tất cả chúng sanh.
4. Thấy tay mình cầm mặt trời tức là ánh sáng trí tuệ chiếu khắp pháp giới.
5. Thấy tay mình cầm mặt trăng, tức là nhờ pháp phương tiện vào trong sanh tử, dùng pháp thanh lương dẫn dắt chúng sanh.

(Trích kinh Quá Khứ Hiện Tại Nhân Quả quyển 1).

7. NGƯỜI NỮ Ở TRÊN LẦU CAO THẤY PHẬT, BIẾN THÀNH NAM TỬ, XUẤT GIA ĐƯỢC LỢI ÍCH:

Trưởng giả tu phước có một người con gái tên là Long Thí. Năm lên mười bốn tuổi khi cô ta ta tắm gội, thoa hương, mặt áo đẹp vừa xong, thì Phật cùng với các Tỳ-kheo, từ long trắng giữa chặ mày phóng ra ánh sáng soi suốt bảy lớp cửa, khiến cho nhà cửa đều sáng trưng. Người nữ thấy ánh sáng rự rỡ hơn cả mặt trời mặt trăng, biết đây là việc khác thường, liền đi lên tầng lầu thứ bảy, nhìn về phía Đông thấy Phật đứng ở ngoài cửa. Cô ta rất vui mừng, tự nghĩ: "Nay ta được cúng dường Phật và đệ tử của Ngài, để phát tâm thực hiện hạnh nguyện Bồ-tát, khiến cho ta sau này đắc đạo như Phật". Ma thấy người nữ phát tâm Bồ-đề thì không vui, liền hoá làm cha của cô ta, bảo rằng: "Ý của con quá lớn mà đạo Phật khó thành, đời nay may mắn có Phật chi bằng cầu La-hán, vả lại độ người hay vào Niết-bàn đều như nhau.

Long Thí đáp:

- Không phải như cha nói, trí Phật rộng lớn độ người không cùng tận còn trí của La-hán chỉ nhỏ như hạt bụi mà thôi. Có người chí cao nào mà thích Tiểu thừa đâu.

Ta chưa từng nghe người nữ làm Chuyển luân vương, huống gì làm Phật? Chi bằng cầu La-hán sớm được vào Niết-bàn.

Con cũng nghe người nữ không được làm Chuyển luân vương, không được làm Phật. Nhưng con sẽ tinh tấn tu tập để chuyển thân nữ thành thân nam. Con từng nghe! Người thực hành hạnh Bồ-tát trong thiên hạ muôn kiếp không mõi mệt, sau sẽ được thành Phật.

Ma thấy ý chí của người nữ không thay đổi, càng thêm lo buồn, vội bảo:

Nếu người thực hành hạnh Bồ-tát thì không tham đắm thế gian, không mến tiết thân mạng. nay con tinh tấn hãy nhảy trên lầu cao xuống, sau đó sẽ thành Phật.

Long Thí nghĩ: "Ta nay dược gặp Phật, muốn hành đạo Bồ-tát, cha lại dạy dùng thân tinh tấn sẽ được thành Phật. Thì sao ta nay lại tiết chi tấm thân giả tạm này"! Nghĩ rồi cô ta liền đứng bên cạnh lan can hướng về Phật chấp tay nói: "Con xin quy y Phật, xin Phật dùng nhất thiết trí" biết được điều mong cầu của con, con xin bỏ thân mạng chớ không bỏ hạnh Bồ-tát, nguyện đem thân này cúng dường Phật, như rãi hoa cúng dường. Nói xong Long Thí liền nhảy xuống lầu, thân chưa chạm đất đã hoá thành thân nam.

Phật mỉm cười ánh sáng năm màu từ miệng phát ra chiếu khắp

một cõi Phật, lại chiếu quanh thân Phật ba vòng, rồi tụ lại trên đỉnh đầu.

Phật bảo: Các ông có thấy người nữ từ trên cao gieo mình xuống đất, hoá thành người nam không? Người nữ này đời trước đã phụng thờ mười ngàn vị Phật, sau sẽ cúng dường hằng hà sa Phật tương lai, đến bảy ức sáu ngàn vạn kiếp sẽ được làm Phật, hiệu là Danh Thượng. Đức Phật ấy thọ mạng một kiếp, sau khi nhập Niết-bàn, đạo pháp hưng thạnh nữa kiếp mới diệt.

Lúc ấy, Long Thí ở trước Phật thưa với cha mẹ:

Xin cha mẹ cho con được xuất gia làm Sa-môn.

Cha mẹ liền bằng lòng. Tất cả quyến thuộc đều phát tâm vô thượng Bồ-đề.

(Trích kinh Long Thí Nữ).

8. NGƯỜI NỮ Ở TRONG THAI NGHE PHÁP, CHUYỂN THÀNH THÂN NAM, XUẤT GIA HỌC ĐẠO:

Đức Phật ở tại La-duyệt-kỳ thuyết pháp cho Bồ-tát và tứ chúng nghe. Trong hội chúng có vợ Ca-la đang mang thai, ngồi nghe. Thai nhi cũng chấp tay nghe kinh. Phật muốn cho hội chúng thấy việc này, liền phóng ánh sáng rực rỡ đến chỗ vợ Ca-la ngồi. Mọi người đều thấy bé gái trong thai chấp tay nghe kinh giống như nhìn vào trong kính.

Phật dùng tám thứ Âm thanh hỏi bé gái trong thai:

Con vì sao chấp tay nghe kinh.

Bé gái nương oai thần của Phật liền đáp:

Bạch Thế Tôn! Vì người thế gian làm mười điều ác, con muốn khiến họ làm mười đều thiện. Lại vì người đời sanh tử không ngừng, không hiếu thuận cha mẹ, không cúng dường Sa-môn, đạo sĩ Bà-la-môn. Cho nên con chấp tay nghe kinh.

Bé gái nói xong lời này, liền từ hông phải mẹ sinh ra giống như thái tử Tất-đạt-đa xưa kia. Đất sáu lần chấn động, trong hư không tự nhiên có nhạc trời, trời mưa các thứ hoa, có hoa sen ngàn cánh, lớn như bánh xe dùng vật báu làm cọng trong suốt như lưu ly. Bé gái liền ngồi trên hoa sen. Đế Thích đem y trời khoác lên bé gái. Nhưng cô ta nói:

Ông là La-hán tôi là Bồ-tát. Ông chẳng phải đồng bạn của tôi. Tôi tự có y.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn đứa bé này từ nước nào đến? Mà lại được cúng dường y vậy?

Phật đáp:

- Đứa bé này, từ nước Thanh Tịnh ở cõi Phật Đông Nam. Nước đó cách đây mười vạn cõi Phật.

Y nước này tự nhiên ở trong không trung bay đến. Người nữ thấy y đến liền mặc vào, chứng được ngũ thông. Người dân trong nước đó cũng chứng được ngũ thông. Đứa bé mặc y xong, từ trên hoa sen bước xuống, đi đến chỗ Phật, khi vừa cất bước thì đất sáu lần chấn động. Đứa bé cung kính lễ Phật, ba lần xưng Nam mô Phật, rồi quỳ xuống bạch Phật rằng:

Trong hội này phần lớn có các người vợ của Ca-la, xin Phật thuyết kinh cho họ, khiến họ được thân nam.

Phật đáp:

Ta không làm cho họ trở thành nam hay nữ, tất cả đều do việc làm của họ mà ra.

Phật bảo:

Có một việc sẽ mau chóng thành thân nam. Đó là phát tâm hành Bồ-tát đạo. Lại phải quan sát thân người nữ giống như từng bộ phận máy móc, các xương khớp nương nhau chỉ có gân da che đậy bên ngoài. Người nữ thường sợ hãi người khác như rắn rít, cóc nhái ban ngày không dám ra.

Bấy giờ bảy mươi lăm người vợ Ca-la ở trong pháp hội nghe Phật thuyết kinh rất vui mừng, cung kính đảnh lễ Phật, phát thệ rằng: " Bạch Thế Tôn! chúng con nguyện phát tâm Bồ-đề làm thân nam, nếu không được vậy, quyết không rời khỏi chỗ này.

Bấy giờ có bảy mươi lăm người Ca-la-việt từ nước Xá-vệ đến chỗ Phật trông thấy các người vợ của họ đều quỳ trước Phật, họ nghĩ chúng ta đã mất vợ rồi! Liền hỏi Ngài Xá-lợi-phất:

Những người nữ này là vợ của chúng tôi. Tại sao lại ở đây?

Xá-lợi-phất đáp:

Họ muốn làm Tỳ-kheo-ni, các ông có bằng lòng không?

Họ đáp:

Vậy, hãy cho chúng tôi làm Tỳ-kheo trước.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

Bảy mươi lăm người Ca-la-việt đều muốn làm Tỳ-kheo.

Phật gọi: Các thiện nam tử hãy đến đây! Râu tóc họ liền tự rụng, ca-sa khoác vào thân, tay ôm bình bát, trở thành Tỳ-kheo, đến trước Phật đãnh lễ.

Bấy giờ, vợ của bảy mươi lăm người ấy, liền cởi chuỗi ngọc rải

trên đất Phật. Các chuổi ngọc đó ở trong không trung tự nhiên kết thành một màn châu anh lạc. Trong màn ấy có toà bảy báu, Phật ngự trên tòa, có vô số Bồ-tát. Các người vợ thấy sự biến hóa này đều rất vui mừng, liền nương sức oai thần của Phật bay lên hư không. Tự nhiên có mưa hoa rải trên Đức Phật. Họ từ trên không trung hạ xuống biến thành thân nam, đến trước Phật bạch rằng: Chúng con nguyện làm Tỳ-kheo.

Phật bảo Bồ-tát Di Lặc hãy truyền giới cho họ. Bồ-tát Di Lặc liền truyền giới, họ trở thành Tỳ-kheo.

Đứa bé gái khi nãy tự nhiên có lọng bằng bảy thứ hoa, gọng như hoa sen, liền cầm đến đưa cho mẹ và nói:

- Phật là bậc thầy độ khắp trời người. Mẹ hãy đem lọng hoa này dâng lên đức Phật. Nếu như Đức Phật che lọng đó thì đời sau mẹ sẽ được thiên hạ che lại.

Bé gái lại nói:

Nay mẹ nên phát tâm Bồ-đề.

Người mẹ đáp:

- Khi con còn ở trong thai, ta mộng thấy Phật Pháp Tăng. Lòng ta không khởi tham sân si, thân thể an ổn, biết đức con trong bụng là đại Bồ-tát nên mới được an ổn như vậy.

Bấy giờ người mẹ phát tâm Bồ-đề, đem lọng hoa dâng lên Đức Phật. Đất sáu lần chấn động. Phật bảo Xá-lợi-phất:

- Tinh tú trên bầu trời còn có thể đếm được, còn người nữ này độ cha mẹ tứ quá khứ cho đến vị lai không thể kể xiết.

(Trích kinh Thai Trung Nữ Thính)

9. SA-MÔN TỪ CẨU CHUYỂN THÂN LÀM NGƯỜI LẬP NGUYỆN BẤT THỐI CHUYỂN

Xưa kia ở một nước nọ, lúa gạo khan hiếm, nhân dân đói khổ. Bấy giờ có một vị Sa-môn, vào thành khất thực nhưng không được gì, lần lược đến trước cửa nhà trưởng giả giàu có, nhưng chỉ được thức ăn dỡ. Khi sắp ra khỏi thành ngay cửa gặp người đồ tể ôm con chó trở về nhà định giết. Anh ta trông thấy Sa-môn vui mừng đến trước mặt làm lễ. Sa-môn chú nguyện cho anh ta được sống lâu. Sa-môn biết con chó sắp bị giết ăn thịt, liền hỏi:

Ông ôm cái gì vậy?

Tôi đâu có ôm gì đâu!

Tôi đã biết tội sát sanh là điều rất ác. Tôi xin đem thức ăn của tôi để đổi lấy con chó này nếu nó được sống thì ông sẽ được phước vô

lượng.

Người thợ săn ấy không đồng ý, Sa-môn hết lời thuyết phục nhưng ông ta vẫn không đồng ý. Sa-môn nói:

Nếu ông không chịu thì hãy cho tôi xem nó một chút. Người thợ săn liền đưa con chó ra. Vị sa môn cho chó ăn, dùng tay xoa lên mình nó, rơi lệ mà chú nguyện:

"Tội của ngươi rất nặng nên mới bị làm thân chó, không được tự do lại bị người giết ăn thịt. Ta nguyện cho ngươi đời đời kiếp kiếp tội diệt phước sanh, bỏ thân chó làm thân người. Ở đâu cũng gặp Phật pháp".

Con chó được cho ăn liền phát sanh tâm lành, lòng rất vui mừng. Sau đó người đồ tể ôm chó về nhà làm thịt. Con chó bị giết liền sanh vào nhà trưởng giả giàu có, vừa lọt lòng mẹ đã có tâm từ.

Một hôm vị Sa-môn đi khất thực lần lượt đến nhà trưởng giả. Con của trưởng giả thấy vị Sa-môn liền nhớ việc đời trước đến trước mặt Ngài cúi đầu đảnh lễ, xin được cúng dường thức ăn ngon, rồi xin với cha mẹ theo làm đệ tử của Sa-môn, để thọ trì kinh giới. Cha mẹ vì rất thương con nên không chấp nhận. Họ bảo:

- Gia đình ta chỉ có mình con là con trai, để nối dõi tông đường, làm chủ gia đình, vì sao lại bỏ ta mà đi. Đứa trẻ khóc lóc không chịu ăn cơm, và nói:

- Nếu không cho thì con sẽ nhịn đói cho đến chết.

Cha mẹ thấy vậy liền cho con đi theo vị Sa-môn để học đạo.

Đứa bé được cạo tóc đắp y, đọc tụng kinh điển hiểu sâu nghĩa lý của kinh, đắc tam muội được bất thối chuyển, giáo hoá chúng sanh phát tâm Bồ-đề.

Sa-môn biết được túc mạng, phát tâm Bồ-đề, được bất thối chuyển, huống chi có người cúng dường Tam-bảo phúng tụng kinh Đại thừa.

(Trích kinh Độ Thoát Cẩu Tử)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 13

1. Hai vợ chồng Ngài Ca-diếp xuất gia đắc đạo.
2. Ngài Ca-diếp khất thực nhà nghèo.
3. Ngài Ca-diếp kết tập Tam tạng.
4. Ngài Ca-diếp vào núi Kê Túc đợi Phật Di Lặc ra đời.
5. Bốn vị đại Thanh văn không nhập Niết-bàn cho đến khi Phật pháp diệt tận.
6. Tân-đầu-lô bị đuổi đến Câu-da-ni
7. Hai nhân duyên khiến năm người Kiều-trần, Câu-lân.v.v... được đắc đạo trước tiên.
8. Ba anh em Ca-diếp được Đức Phật hóa độ mà ngộ đạo.
9. Nhờ cắt phần ăn của mình cúng dường Sa-môn, cậu bé được sanh lên trời.
10. Ngài Tu-bồ-đề từ lúc mới sanh cho đến khi xuất gia.
11. Vì khởi dục tâm đối với Ngài A-na-luật, thiếu niên biến thành người nữ.
12. A-na-luật hóa độ dâm nữ sanh khởi chánh tín.
13. Lấy tên khều đèn cúng Phật, kẻ cướp được phước báu vô lượng
14. A-na-luật cúng dường thức ăn cho vị Duyên-giác mà bảy đời đắc đạo.
15. Nhóm A-na-luật hóa độ chị em trưởng giả Bạt-đề.

1. HAI VỢ CHỒNG Ngài CA DIẾP XUẤT GIA ĐẮC ĐẠO:

Cha Ngài Ca-diếp tên là Ni-câu-luật-đà, người nước Ma-kiệt, thuộc dòng dõi Bà-la-môn. Nhờ phước đức đời trước, nên đời này ông được giàu sang, có nhiều châu báu lạ kỳ nhất nước. So với quốc vương, của cải ông chỉ kém một phần ngàn thôi.

Vợ chồng ông hiếm hoi, không có con cái. Cạnh nhà có vị thần đại thọ. Bấy giờ, vì muốn có con, hai vợ chồng giết bò dê để cúng tế, nhiều

năm vẫn không toại nguyện. Cho nên, ông ta nổi giận, mới ra hạn bảy ngày, nếu không có hiệu nghiệm, sẽ đốn cây, quăng ra giữa đường, rồi lấy lửa đốt.

Nghe nói vậy, vị thần kinh sợ, báo tin lên Thiên vương. Thiên vương bảo thần hãy tâu lên trời Đế thích. Đế thích dùng thiên nhãn xem xét cõi Dục, thấy chưa có ai xứng đáng làm con của vị Bà-la-môn kia, liền báo cho Phạm vương biết. Phạm vương quan sát khắp nơi, thấy có một Phạm thiên sắp mạng chung, mới bảo Phạm thiên ấy:

- Ngươi nên sanh xuống cõi Diêm-phù-đề, làm con của Ni-câu-luật-đà.

Phạm thiên thưa:

- Người Bà-la-môn phần nhiều theo tà kiến. Nếu có sanh xuống đó, tôi cũng không chịu làm con ông ta.

Phạm vương bảo:

-Vị Bà-la-môn kia đời trước có phước đức rất lớn, nên chúng sanh cõi Dục không ai xứng đáng làm con ông ta được. Nếu ngươi sanh xuống đó, ta sẽ sắc cho trời Đế thích ủng hộ ngươi, không để ngươi lạc vào tà kiến.

Phạm thiên vâng lời.

Đế thích liền báo cho thọ thần. Thọ thần về nói trưởng giả chớ nổi giận, bảy ngày sau sẽ có con. Đúng bảy ngày người vợ mang thai, mười tháng mới sinh. Đức bé sinh ra thân màu vàng ròng sáng rỡ.

Thầy tướng bói rằng:

- Cậu bé này nhờ phước đời trước nên có uy đức lớn, có chí xuất trần, không ham việc đời. Nếu sau này xuất gia, cậu bé sẽ chứng Thánh đạo.

Nghe vậy, cha mẹ cậu bé rất lo buồn, sợ con mình xuất gia, nên khi con được mười lăm tuổi, hai ông bà định cưới vợ cho con.

Hiểu ý cha mẹ, Ca-diếp thưa:

- Chí con thích thanh tịnh, cha mẹ đừng cưới vợ cho con.

Cha mẹ không chấp thuận.

Ca-diếp lại thưa:

- Nếu vậy thì không được cưới người con gái tầm thường, mà phải là người có nước da màu vàng tía, xinh đẹp không ai sánh bằng, con mới ưng chịu.

Ca-diếp nghĩ rằng việc đó không thể nào có được.

Cha mẹ cho người đi khắp nước tìm kiếm người con gái như thế. Các Bà-la-môn liền lập kế, đúc một thần nữ bằng vàng, dung mạo đẹp

đẽ, sáng rỡ kì diệu, như tượng thiên nữ, đem đi khắp các nước rao to rằng:

- Con gái nhà ai thấy thần vàng này, lễ lạy cúng dường, về sau xuất giá sẽ gặp chồng giỏi có thân màu vàng ròng, tướng mạo đẹp đẽ, trí tuệ bậc nhất.

Các cô gái trong thôn xóm thành ấp, nghe lời rao này rất đỗi vui mừng, đều ra tiếp đón lễ lạy cúng dường. Riêng có một cô gái, thân màu vàng ròng, vô cùng xinh đẹp, cứ ở yên trong phòng, không chịu ra đón chào. Những cô gái kia can rằng:

- Hễ ai thấy thần vàng đều được như ý nguyện. Sao chỉ có mình chị không ra đón chào?

Cô ta đáp:

- Chí tôi thích vắng lặng, không ham muốn gì khác.

Các cô kia lại nói:

- Đành rằng như thế nhưng chị ra xem thử đi, có mất mát gì đâu.

Nói xong, các cô ây liền dẫn cô ta ra xem. Ánh sáng thân cô còn sáng hơn thần vàng.

Các Bà-la-môn trở về thưa với trưởng giả. Trưởng giả nhờ người mai mối đến nhà cô gái kia nói rõ ý mình. Cha mẹ cô trước đây đã nghe danh của Ca-diếp cũng đồng ý. Cả hai bên đều ưng thuận.

Nghe tin này, cô ta rất lo lắng, vì cha mẹ ép bức nên khó làm theo ý mình.

Khi cô ta về nhà Ca-diếp, hai người bàn với nhau là mỗi người có thể làm theo chí nguyện của mình, tuy là vợ chồng nhưng hoàn toàn không có ân ái, rồi cũng thề ước mỗi người ngủ riêng một giường, không được xúc chạm nhau.

Bấy giờ, hai người làm theo lời thề ước. Cha mẹ Ca-diếp biết con mình tuy ở cùng phòng với vợ mà ngủ khác giường. Người cha liền sai người dẹp bớt một giường. Thế là, hai người phải nằm chung giường. Người vợ lại thề với chồng:

- Khi tôi ngủ thì chàng đi kinh hành.

Một hôm, khi người vợ đang ngủ, cánh tay thòng xuống đất, có con rắn độc to lớn muốn bò đến cắn. Ca-diếp trông thấy, động lòng thương xót, lấy y nhấc tay nàng để lên giường. Ngay lúc ấy, nàng chợt thức giấc, liền nổi giận, nói với Ca-diếp:

- Trước đây, tôi đã ra điều kiện, sao chàng lại vi phạm.

Ca-diếp trả lời:

- Vì cánh tay nàng thòng xuống đất, rắn độc sắp cắn, nên tôi cứu

nàng chứ không cố ý xúc chạm. Nói xong, Ca-diếp chỉ cho vợ thấy con rắn, người vợ mới vỡ lẽ. Thế là hai vợ chồng bàn với nhau:

- Tại sao chúng ta không xuất gia tu hành?

Cả hai liền giã từ cha mẹ, vào núi xuất gia tu hành.

Bấy giờ, có vị Bà-la-môn dẫn năm trăm đệ tử vào ở núi ấy, gặp vợ chồng Ca-diếp liền đi theo. Thấy vậy, Ca-diếp bỏ vợ, đem năm trăm lạng vàng đổi lấy y điệp-nạp, sống riêng trong một khu rừng.

Vợ Ngài ở lại với Bà-la-môn, xin được làm đệ tử. năm trăm đệ tử của Bà-la-môn thấy cô ta hình dáng xinh đẹp, ngày nào cũng hành dâm. Cô ta cảm thấy bực dọc, không chịu đựng nổi, mới thưa với Thầy. Thầy liền lấy giới luật khuyên ngăn đệ tử tiết chế lòng dục.

Về sau, Ngài Ca-diếp gặp Phật ra đời, nghe thuyết pháp và được hóa độ, đắc quả A-La-hán. Ngài nghe tin vợ mình còn ở bên Phạm chí, liền đưa nàng đến gặp Phật. Đức Phật thuyết pháp cho bà nghe, bà đắc quả A-La-hán, tóc trên đầu tự rụng, pháp phục tự quấn trên thân, thành Tỳ-kheo-ni, đi giáo hóa khắp nơi.

Gặp lúc vua Ba-tư-nặc đi dự đại hội, các Tỳ-kheo-ni được vào trong cung giáo hóa các phu nhân và dạy họ giữ một ngày trai. Tối đến, nhà vua trở về cung, triệu các phu nhân, không một ai chịu đến, đều nói là trì trai. Nhà vua nổi giận, bảo sứ hỏi ai dạy các phu nhân trì trai.

Sứ tâu:

- Tỳ-kheo-ni ấy.

Nhà vua ra lệnh Tỳ-kheo-ni phải chịu hành dâm 90 ngày thay cho các phu nhân.

Đây đều là nhân duyên đã thề nguyện trước kia, nên tuy đắc quả A-La-hán, vẫn không tránh khỏi.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ quyển 4)

2. NGÀI CA DIẾP KHẤT THỰC NHÀ NGHÈO:

Ngài Ca-diếp thường tránh nhà giàu, chỉ khất thực nhà nghèo. Một hôm, vào thành Vương-xá, Ngài gặp một bà lão vô cùng nghèo khó, sống cô độc một mình, không có bà con thân thích, ở chốn hang cùng ngõ hẻm trên đống phân lớn, xung quanh toàn là phẫn tiểu và khoét thành hang để ở. Mỗi khi ốm đau bệnh hoạn, bà thường nằm trong đó, không có cơm ăn áo mặc, chỉ dùng tấm phên nhỏ che thân, mạng sống gần kiệt.

Có một tớ gái của trưởng giả đem đổ nước cơm hôi thối không chịu nổi. Bà lão theo xin, rồi lấy hủ bể đựng những thứ ấy.

Ngài Ca-diếp thương xót đến xin bà một ít. Bà lão nói kệ:

- Nước cơm hôi lắm.

Ca-diếp từ bi, nài nỉ xin cho được. Bà lão vui vẻ lấy đưa cho. Sợ bà lão không tin là Ngài có thể ăn được thứ ấy, Ngài liền thị hiện thần thông uống hết bát nước cơm trước mặt bà. Bà lão rất vui mừng, từ xa chăm chú nhìn Ngài. Ngài Ca-diếp hỏi:

- Bây giờ, bà muốn cái gì?

Lúc ấy, bà lão chán cảnh khổ ở đời, nghe trên trời sung sướng nên muốn được sanh lên trời. Vài ngày sau, bà mạng chung, sanh lên cung trời Đao-lợi thứ hai, liền nhớ đến ân đức của Ngài Ca-diếp, muốn tìm gặp Ngài để cúng dường.

Nghe việc này, Thích-đề-hoàn-nhân cùng với thiên hậu đem thức ăn trăm vị đựng đầy trong bình nhỏ, đi xuống căn nhà dột nát, thay đổi hình dáng giống như người già nghèo khổ dệt chiếu.

Ngài Ca-diếp đi khất thực trông thấy họ rồi đến xin. Hai vợ chồng thưa:

- Chúng con nay nghèo khổ, tự cắt bớt phần mình cúng dường hiền giả để chúng con được phước.

Ngài Ca-diếp đặt bát xuống. Họ mở nắp bình ra, mùi thơm xông khắp thành. Ngài Ca-diếp nghi ngờ, mới nhập định. Trong chốc lát, hai vợ chồng trở lại thân cũ, vui mừng, rồi bay đi.

(Trích kinh Ma-ha Ca-diếp Độ Bần Mẫu)

3. NGÀI CA DIẾP KẾT TẬP TAM TẠNG:

Chư Thiên lễ chân Ngài Ca-diếp, nói kệ tán thán:

Đại đức biết chăng
Thuyền pháp sắp vỡ
Thành pháp sắp đổ
Biển pháp sắp cạn
Cờ pháp sắp ngã
Đèn pháp sắp tắt
Người nói pháp sắp đi
Người hành đạo ít dần
Người ác thêm nhiều
Nên dùng đại từ
Gầy dựng Phật pháp.

Tâm Ngài Ca-diếp như biển lớn, trong suốt không gợn sóng. Lát sau Ngài đáp:

- Chẳng bao lâu nữa, thế gian sẽ ngu tối, không biết gì cả. Rồi Ngài suy nghĩ: Nay ta làm thế nào để khiến cho Phật pháp cửu trụ ba A-tăng-kỳ kiếp? Chỉ có cách kết tập Tam tạng mới có thể làm cho Phật pháp trụ lâu ở đời, người đời sau có thể thọ trì. Đức Phật đời đời khổ nhọc, thương xót chúng sanh, muốn họ học được pháp này nên đã giảng nói rõ ràng. Chúng ta cũng phải có trách nhiệm khai hóa chúng sanh.

Ngài liền lên đỉnh núi Tu-di, đánh chuông, gõ kiền chùy, nói kệ rằng:

Các đệ tử Phật
Nếu nghĩ đến Phật
Nên báo ân Phật
Chớ nhập Niết-bàn.

Tiếng kiền chùy này và lời kệ của Ngài Ca-diếp vang khắp ba ngàn đại thiên thế giới thảy đều nghe biết. Những đệ tử Phật đã có thần lực đều vân tập đến chỗ Ngài Ca-diếp. Ngài Ca-diếp dùng thiên ngữ bảo:

- Đức Phật nhập Niết-bàn, các đệ tử biết pháp cũng diệt độ theo, nên Phật pháp sắp diệt, chúng sanh đời sau rất đáng thương xót, vì mất đi mắt trí tuệ, ngu si tối tăm. Chúng ta nên thay Phật giáo hóa, đợi kết tập pháp tạng xong, thì tùy ý diệt độ.

Ngài Ca-diếp chọn được một ngàn người, chỉ trừ tôn giả A-nan chưa đắc quả A-La-hán.

Vua Tần-Bà-sa-la từ lúc biết đạo thường ra lệnh trong cung cúng dường thức ăn cho một ngày người. Vua A-xà-thế cũng không bỏ lệ này.

Ngài Ca-diếp suy nghĩ: Nếu để một ngày vị này đi khất thực, sẽ gặp ngoại đạo cưỡng ép vấn nạn, làm hỏng pháp sự. Cho nên, Ngài đến thành Vương-xá tâu lên vua việc này.

Nhà vua nhận lời cung cấp thức ăn, mỗi ngày đem đến tận nơi.

Trong ba tháng an cư, Ngài Ca-diếp quán thấy chỉ có A-nan là người chưa hết phiền não. Ngài liền kể sáu tội đột-kiết-la mà A-nan đã phạm, phải sám hối trước tất cả chúng Tăng.

A-nan vâng lời, cởi giày, trịch bày vai phải, quỳ gối chắp tay sám hối.

Ở giữa tăng chúng, Ngài Ca-diếp đứng dậy, kéo tay A-nan ra ngoài, nói:

- Ông phải dứt hết lậu hoặc. Nếu chưa hết kiết sử, ông chớ đến đây.

Nói xong, Ngài Ca-diếp đóng cửa lại, hỏi các vị A-La-hán:

Ai có thể kết tập được pháp tạng Tỳ-ni?

Trưởng giả A-nê-lư-đậu thưa:

- Xá-lợi-phất là vị Phật thứ hai. Kiều-phạm-ba-đề tánh tình điềm đạm hòa nhã, đang tu thiền định có thể thông suốt tạng Tỳ-ni, hiện nay đang ở vườn Thi-lợi-sa-thọ trên trời.

Ngài Ca-diếp sai Tỳ-kheo hạ tòa lên đó truyền đạt ý của mình: Các vị A-La-hán dứt sạch lậu hoặc đều tập hợp ở cõi Diêm-phù-đề, vì Tăng chúng có pháp sự lớn, nay xin Tôn giả mau về dự.

Kiều-phạm-ba-đề sanh tâm nghi ngờ, hỏi rằng:

Có đấu tranh phá tăng ư? Phật đã diệt độ ư?

Tỳ-kheo thưa:

- Đức Đại sư đã diệt độ

Hỏi:

- Hòa thượng Xá-lợi-phất của tôi nay ở đâu?

Thưa:

- Đã nhập Niết-bàn trước Đức Phật

Kiều-phạm-ba-đề hỏi:

- Mục-liên, A-nan, La-hầu nay đang làm gì?

Thưa:

- Mục-liên đã diệt độ. A-nan do còn phiền não kiết sử, sầu khổ khóc lóc, không nói nên lời. La-hầu đã đắc A-La-hán, không còn sầu khổ.

Kiều-phạm-ba-đề nói:

- Đức Đại sư và Hòa thượng của tôi đều đã diệt độ, nay tôi không thể trở xuống.

Nói xong, Tôn giả Kiều-phạm-ba-đề liền nhập Niết-bàn.

Tôn giả A-nan suy nghĩ: Pháp tu nào cũng đòi hỏi dứt sạch lậu hoặc. Nếu tọa thiền, kinh hành mà định lực yếu, thì không bao giờ đắc đạo.

Đêm sau, quá mệt, muốn nằm xuống nghỉ, đầu chưa chạm gối, bỗng nhiên Tôn giả chứng ngộ, thành bậc đại A-La-hán.

Đêm ấy, A-nan đến tăng đường gõ cửa gọi Ngài Đại Ca-diếp. Ngài Đại Ca-diếp hỏi:

- Sao ông lại đến đây?

Thưa:

- Con đã dứt sạch lậu hoặc trong đêm nay.

Ngài Ca-diếp nói:

- Ta không mở cửa cho ông đâu. Ông cứ theo lỗ khóa cửa mà vào.

A-nan liền theo lỗ khóa cửa vào sám hối. Ngài Đại Ca-diếp không quở trách nữa, lấy tay xoa đầu A-nan, nói:

- Ta cố ý làm như thế để cho ông đắc đạo, mà ông không hờn giận, thì ta cũng như thế.

Ngài Đại Ca-diếp bảo A-nan:

- Từ lúc Đức Phật chuyển pháp luân cho đến nhập đại Niết-bàn, tập hợp thành bốn bộ A-hàm: Tăng-nhất A-hàm, Trung A-hàm, Trường A-hàm, Tương ưng A-hàm. Đây gọi là pháp tạng Tu-đố-lộ.

Các vị A-La-hán lại hỏi:

- Ai có thể kết tập rõ ràng pháp tạng Tỳ-ni?

Cả đại hội đều nói:

- Trưởng lão Ưu-ba-li là người Trì luật đệ nhất trong năm trăm A-La-hán. Nay chúng ta hãy thỉnh tôn giả.

Tôn giả Ưu-ba-li nhận lời, ngồi tòa sư tử, nói rõ: Đức Phật nói Tỳ-ni, kiết giới ở chỗ nào.

Bấy giờ, con của trưởng giả Ca-lan-đà là Tu-đề-đà lần đầu tiên phạm giới dâm dục, mới kết đại tội.

Các vị A-La-hán nghĩ:

- Ai có thể kết tập rõ ràng tạng A-tỳ-đàm?

Mọi người suy nghĩ: Trưởng giả A-nan là người hiểu nghĩa Tu-đa-la đệ nhất trong năm trăm A-La-hán. Nay chúng ta hãy thỉnh Tôn giả.

A-nan nhận lời, nói: Đức Phật ở thành Xá-Bà-đề thuyết pháp Ngũ bố, Ngũ tội, Ngũ trừ, Ngũ diệt. Do nhân duyên đó nên đời này thân tâm chịu vô lượng khổ, lại đọa vào ác đạo. Đây gọi là tạng A-tỳ-đàmtrước.

(Trích luận Đại Trí Độ quyển 2)

4. NGÀI CA DIẾP VÀO NÚI KÊ TÚC ĐỢI PHẬT DI LẶC RA ĐỜI:

Ngài Ca-diếp kết tập pháp tạng xong, vào núi Kê Túc. Núi vỡ làm ba. Ở trong đó, Ngài kết cỏ trải trên đất, rồi suy nghĩ tự nhũ: Trước đây, Đức Như Lai đem y phấn tảo đổi cái y xấu của ta. Ta sẽ vì pháp tạng của Phật Di Lặc mà ở nơi đây.

Nhân đó, Ngài nói kệ:

Ta nhờ sức thần thông
Sẽ giữ được thân này
Dùng y phấn tảo che

Đến Di Lặc ra đời
Ta vì Đức Phật ấy
Giáo hóa các đệ tử.

Nói rồi, Ngài liền phát ba lời nguyện trong định:

1/ Như ta nhập Niết-bàn, dùng ba ngọn núi bọc thân như đứa con ở trong bụng mẹ mà thân thể không bị hư hoại.

2/ Nếu vua A-xà-thế đến, núi sẽ mở ra vì trước đã ước hẹn gặp nhau. Nếu A-xà-thế không gặp ta, sẽ ói máu nóng mà chết.

3/ A-nan đến, núi sẽ mở ra, Đức Di Lặc cùng với 960.000.000 đệ tử đến đây, thâu nhặt thân ta để chỉ dạy đồ chúng, khiến cho tất cả đều học theo công đức trì giới của ta.

(Trích kinh A Dục Vương quyển 7)

5. BỐN VỊ ĐẠI THANH VĂN KHÔNG NHẬP NIẾT-BÀN CHO ĐẾN KHI PHẬT PHÁP DIỆT TẬN:

Đức Phật kể lại:

Đức Phật Di Lặc cũng đem pháp Tam thừa dạy cho đệ tử của ta. Ngài Đại Ca-diếp sẽ giúp Phật Di Lặc trong việc giáo hóa. Ngài cùng với các Tỳ-kheo Quân-đồ-bát-thán, Tân-đầu-lô, La-vân là bốn đại Thanh-văn hẹn ước với nhau không nhập Niết-bàn để cho Phật pháp không mất, đợi đến khi Phật Di Lặc xuất hiện mới nhập Niết-bàn.

Lúc ấy, Ngài Đại Ca-diếp ở trong núi thuộc thôn Tỳ-đề nước Ma-kiệt. Đức Phật Di Lặc cùng với mấy ngàn người đến nơi ấy. Các quỷ thần.v.v... mở cửa động đá khiến mọi người thấy hang ngồi thiền của Ngài Ca-diếp. Bấy giờ, Đức Phật Di Lặc đưa ngón tay phải chỉ vào Ngài Ca-diếp và nói cho dân chúng biết:

- Lâu xa về thuở quá khứ, có đệ tử Đức Phật Thích Ca tên là Ca-diếp, tu hạnh đầu-đà đệ nhất, nay vẫn còn ở đây.

Đức Phật Di Lặc lấy y Tăng-già-lê đắp lên thân Ngài Ca-diếp. Thân thể Ngài bỗng chốc phát ra ánh sáng. Vì lòng kính trọng, Đức Phật Di Lặc lấy các loại hoa cúng dường Ngài Ca-diếp.

(Trích kinh Di Lặc Hạ Sanh)

6. TÂN-ĐẦU-LÔ BỊ ĐUỔI ĐẾN CÂU-DA-NI

Trong thành Vương-xá, có cư-sĩ Thọ-đề gia nhập vào đoàn người đi biển. Khi trở về, ông được hưởng phần gỗ Chiên-đàn làm thành bát, bỏ vào đãy, treo trên cọc gỗ cao, rồi nói:

- Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào lấy được bát xuống mà không cần

dùng đến thang hay gậy thì được nhận chiếc bát ấy.

Các Ngài Phú-lâu-na v.v... đều nói:

- Ông ấy muốn xem thử thần lực.

Rồi các Ngài lắc đầu bỏ đi.

Tân-đầu-lô họ Phả-la-đọa đi đến chỗ Thọ-đề. Thọ-đề nói:

- Hay lắm! Hãy đến đây, Phả-la-đọa. Ông có thể lấy được chiếc bát mà không cần dùng đến thang hay gậy không?

Tân-đầu-lô nhập định, duỗi tay lấy bát. Cư sĩ Thọ-đề đựng đầy cơm trong bát, trao cho Tân-đầu-lô. Ăn xong, Tân-đầu-lô đem bát đi. Có một vị Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hỏi:

- Ngài được bát này từ đâu?

Tân-đầu-lô kể lại sự việc trên. Tỳ-kheo thiểu dục quở trách Tân-đầu-lô:

- Ông thọ nhận vật của ngoại đạo lõa hình, sao được gọi là Tỳ-kheo? Ở trước người chưa thọ đại-giới mà hiện Thánh pháp hơn người.

Sau khi quở trách, vị Tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật nhóm tăng, hỏi Tân-đầu-lô:

- Ngươi thật có làm việc đó không?

Thưa:

- Thật có.

Đức Phật bảo Phả-la-đọa:

- Nay ta tẩn xuất ngươi, trọn đời không được ở cõi Diêm-phù-đề.

Tân-đầu-lô vâng lời Phật dạy, trở về phòng, trả lại giường chõng, ngọa cụ cho tăng, chỉ giữ lấy y bát, không còn ở Diêm-phù-đề nữa, mà hiện về Câu-da-ni giáo hóa bốn chúng, làm nhiều Phật sự.

(Trích bài tụng thứ sáu trong luật Thập Tụng quyển 2; Tăng-kỳ, Di-sa-tắc, Tứ-phần, phần nhiều giống nhau.)

7. HAI NHÂN DUYÊN KHIẾN NĂM NGƯỜI KIỀU-TRẦN, CÂU-LÂN V.V... ĐƯỢC ĐẮC ĐẠO TRƯỚC TIÊN:

Khi Đức Phật ở Tăng già-lam Ni-câu-lô-đà, nước Ca-tỳ-la, những người dòng họ Thích, muốn hỏi Đức Phật: Kiều Trần Như v.v... đời trước có nhân duyên gì, mà khi Như Lai xuất hiện ở đời, vừa đánh trống pháp, các vị ấy đã được nghe cam lộ trước tiên; Pháp vừa ban xuống, các vị liền được thấm nhuần ân huệ. Rồi họ cùng nhau khen ngợi không ngớt.

Nghe vậy, các Tỳ-kheo đem việc này bạch lên Đức Phật. Đức Phật bảo:

- Chẳng phải riêng ngày nay ta độ năm người ấy, mà từ lâu xa về trước, ta cũng đã cứu độ họ. Có lần ta lấy thân mình làm thuyền để cứu họ khỏi bị chết chìm, bảo toàn được mạng sống. Nay ta thành Phật, ta cũng cứu độ họ trước tiên.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

- Việc ấy thế nào?

Đức Phật kể lại:

- Vào thuở quá khứ, ở cõi Diêm-phù-đề, có vua nước Ba-la-nại tên Phạm-ma-đạt. Bấy giờ có vị Tát-bạc tên Lặc-na-xà-da dạo chơi ngoài rừng thấy một người khóc lóc thảm thiết, lấy dây cột vào cây, đút đầu vô thòng lọng tự sát. Tát-bạc liền đến hỏi: Ông vì sao như thế? Và bảo tháo dây ra.

Ông ta thưa: Tôi nghèo cùng mắc nợ, người chủ nợ đến cưỡng đoạt, ngày đêm hối thúc. Trời đất mênh mông mà không có chỗ dung thân, nên tìm đến cái chết để tránh nỗi khổ này.

Tát-bạc liền bảo ông ta: Ông hãy nói rõ, mắc nợ bao nhiêu, tôi sẽ trả thay cho.

Nghe vậy ông ta nín khóc, vui mừng hớn hở, đi theo Tát-bạc đến chợ, tuyên bố với mọi người: Tôi muốn trả nợ.

Bấy giờ, các chủ nợ chen nhau đến đông vô số. Tát-bạc đem hết của cải ra trả vẫn chưa hết nợ. Vợ con Tát-bạc phải lâm vào cảnh nghèo cùng rách rưới, xin ăn để sống qua ngày.

Khi ấy, các người buôn khuyên Tát-bạc theo họ ra biển. Tát-bạc nói: Tôi nay nghèo khổ, chẳng còn gì cả, làm sao theo các ông được. Các người buôn nói: Bọn tôi cả thảy năm trăm người, hùn tiền để làm thuyền và mua sắm các thứ. Họ hùn được ba ngàn lượng vàng. Tát-bạc lấy một ngày lượng làm thuyền, một ngày lượng mua thức ăn, một ngày lượng còn lại chi tiêu trên thuyền, số dư ra thì cho vợ con.

Họ làm một chiếc thuyền lớn, ngay nơi bờ biển. Thuyền vừa làm xong liền ra khơi. Ở giữa biển, bỗng gặp gió dữ, thuyền bị vỡ tan tành. Mọi người không biết bám víu vào đâu. Trong đó, có năm người nói với Tát-bạc: Chúng tôi theo anh đến đây, nay sắp chết chìm, nguy hiểm ập đến, xin được cứu mạng.

Tát-bạc nói: Tôi nghe biển cả không chứa tử thi. Bây giờ, các anh hãy nắm lấy tôi. Tôi sẽ giết mình để cứu các anh, nguyện cầu thành Phật. Sau khi thành Phật, tôi sẽ dùng thuyền pháp vô thượng cứu độ các anh thoát khỏi sanh tử.

Nói xong, Tát-bạc lấy dao cắt cổ chết. Thần biển liền nổi gió, thổi

tử thi tấp vào bờ. Năm người vượt qua biển cả được toàn mạng sống.

Tỳ-kheo nên biết: Lặc-na-xà-da lúc ấy chính là thân ta ngày nay. Năm người kia là bọn ông Câu-lân v.v...

(Nhân duyên thứ nhất trích kinh Hiền Ngu quyển 10)

Lúc Đức Phật đang ở trong vườn Trúc tại La-duyệt-kỳ, tôn giả A-nan hỏi Phật:

- Năm người bọn ông Kiều Trần Như vì nhân duyên gì mà khi trống pháp vừa nổi lên, liền được nghe trước nhất.

Đức Phật bảo:

- Vào đời trước, họ ăn nuốt thịt ta để được an ổn. Vì thế ngày nay, họ được pháp thực trước nhất cho đến khi giải thoát.

Trong kiếp quá khứ ở cõi Diêm-phù-đề này có một đại quốc vương tên Thiết-đầu-la-kiện-ninh thống lãnh tám vạn bốn ngàn nước ở cõi này. Bỗng có hỏa tinh xuất hiện, thầy tướng tâu nhà vua: Sắp hạn hán. Trời sẽ không mưa suốt mười hai năm.

Nhà vua rất lo buồn, tính số dân hiện tại, đếm số trong kho, mỗi người một ngày được một thăng còn chưa đủ, nên số người chết rất nhiều. Nhà vua suy nghĩ: phải làm cách nào để cứu sống nhân dân, mới lập lời thề:

- Nay người dân trong nước đói kém, không có thức ăn. Tôi xin bỏ thân mạng làm loài cá lớn, để lấy thịt này cứu giúp mọi người.

Vua leo lên cây, gieo mình xuống đất liền chết, hóa thành con cá ở giữa sông lớn. Thân cá to lớn, dài năm trăm do-tuần.

Lúc ấy, có năm người thợ mộc. Mỗi người đều mang theo búa rìu, đi tới bờ sông định chặt cây rừng. Con cá nói: Các ông cần thức ăn, hãy đến lấy thịt tôi mang về ăn cho no. Sau này thành Phật, tôi sẽ lấy pháp thực cứu độ các ông. Các ông hãy báo cho những người ở trong nước biết, hễ ai cần cứ đến lấy ăn.

Năm người thợ mộc vui vẻ, nói lại cho những người trong nước nghe, lần lượt báo khắp nhân dân khắp cõi Diêm-phù-đề. Mọi người tập hợp đến ăn thịt cá, thịt bên này hết, cá lật qua bên kia. Hễ thịt hết lại sanh thịt mới. Cứ thế xoay chuyển, cá đã đem thịt của mình cứu giúp mọi người liên tục mười hai năm. Những người ăn thịt cá đều khởi tâm từ, khi chết được sanh lên trời.

Vua Thiết-đầu-la-kiện-ninh lúc ấy chính là thân ta. Năm người thợ mộc là bọn ông Kiều Trần Như. Người dân ăn thịt cá nay là tám mươi ngàn chư Thiên và các đệ tử được cứu độ.

(Nhân duyên thứ hai trích kinh Hiền Ngu quyển 4)

8. BA ANH EM CA DIẾP ĐƯỢC ĐỨC PHẬT HÓA ĐỘ MÀ NGỘ ĐẠO:

Ở Uất-bính-la-bà có vị Phạm chí tên Bính-la-diếp và năm trăm Phạm chí búi tóc đều gọi tôn giả Ương-già nước Ma-kiệt là A-La-hán.

Đức Phật đến chỗ Ca-diếp, rồi nói:

- Tôi muốn ngủ nhờ một đêm.

Thưa:

- Sẵn lòng. Nhưng ở thất này có con rồng độc, sợ nó hại ông thôi.

Đức Phật nói:

- Không sao!

Ca-diếp nói:

- Tùy ý ông.

Đức Phật liền vào thất đá ngồi kiết già, thân ngay ngắn, ý chánh niệm. Nhìn thấy Đức Phật, rồng phun khói, Phật cũng phun khói. Rồng lại phóng lửa, Phật cũng phóng lửa. Bấy giờ, trong thất đá, khói lửa nổi lên. Từ xa trông thấy, Ca-diếp đáng thương cho Cù-đàm bị rồng hại. Thật ra, Đức Phật đã hàng phục được rồng, nhốt nó vào trong bát.

Sáng sớm hôm sau, Đức Phật đem bát qua chỗ Ca-diếp, bảo:

- Rồng độc hiện ở trong bát này.

Ca-diếp suy nghĩ: Cù-đàm tuy đã đắc A-La-hán, có đại thần lực, vẫn chưa bằng ta, liền bạch Phật:

- Ông hãy ở lại đây, tôi cung cấp thức ăn.

Đức Phật nói:

- Nếu ông có thể tự mình cúng dường đúng giờ mỗi ngày, ta sẽ nhận lời.

Ca-diếp nói:

- Tôi sẽ tự đem thức ăn đến cho ông.

Thọ trai xong, Đức Phật vào thất đá nghỉ. Đêm ấy, Đức Phật nhập hỏa quang tam-muội, chiếu sáng thất đá kia.

Ca-diếp cùng đồ chúng nhiễu quanh, bạch Phật:

- Nay đã đến giờ, ông hãy về ăn. Thưa Sa-môn, tối hôm qua, vì sao trong đây có lửa lớn như thế?

Đức Phật bảo ca-diếp:

- Tối hôm qua, ta nhập hỏa quang tam-muội, khiến thất đá này bỗng nhiên sáng rực.

Ca-diếp khen ngợi uy đức lớn lao của Phật, nhưng vẫn cho là chưa bằng mình đã đắc A-La-hán.

Thọ trai xong, Đức Phật vào rừng ngủ.

Hôm sau, Ca-diếp lại rước Phật về dùng cơm. Đức Phật bảo:

- Ông cứ đi trước, ta sẽ qua sau.

Trước tiên, Đức Phật đến cây Diêm-phù-đề, hái quả cây này, ngồi nơi tòa của Ca-diếp. Ca-diếp về sau Đức Phật, nói :

- Vì sao ông đến trước?

Đức Phật nói:

- Quả này màu đẹp, mùi thơm, ông nên ăn thử.

Ca-diếp suy nghĩ:

- Vị Sa-môn này có đại thần túc, nhưng vẫn chưa bằng ta đã đắc A-La-hán.

Thọ trai xong, Đức Phật trở về ngồi nơi rừng cũ, phóng ra các loại thần lực nhằm nhiếp phục Ca-diếp. Trời Tứ thiên vương, Thích đề hoàn nhân v.v... đều mang đồ vật đến cúng dường Phật. Ca-diếp và năm trăm đệ tử ném bỏ đồ thờ lửa, tịnh y, bình tắm xuống sông Ni-liên-thiền, rồi đến chỗ Phật. Đức Phật lần lượt thuyết pháp cho năm trăm người nghe. Ngay tại chỗ ngồi, họ liền sạch các trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh, bạch với Đức Phật:

- Chúng con muốn được xuất gia.

Đức Phật bảo:

- Thiện lai Tỳ-kheo, gấp tu phạm hạnh, dứt trừ gốc khổ.

Đức Phật liền cho họ thọ giới cụ túc.

Em kế của Ca-diếp tên là Na-đề, sống ở hạ lưu sông Ni-liên-thiền, có 300 đệ tử. Em út của Ca-diếp tên là Già-da, sống ở núi Tượng-đầu, có hai trăm đệ tử. Hai người em thấy anh theo Phật, đều đến hỏi:

- Theo vị Sa-môn này tu học phạm hạnh là tốt hơn ư?

Ca-diếp đáp:

- Thắng diệu bậc nhất.

Hai người em của Ca-diếp dẫn đồ chúng của mình đến chỗ Đức Phật. Đức Phật thuyết pháp cho họ nghe. Ngay tại chỗ ngồi, tất cả đều ngộ đạo, đắc quả nhãn tịnh. Họ bạch với Phật:

- Chúng con muốn được tu học phạm hạnh trong Phật pháp.

Đức Phật bảo:

Thiện lai Tỳ-kheo, gấp tu phạm hạnh, dứt trừ gốc khổ.

(Trích phần 2 Luật Tứ Phần quyển 9)

9. NHỜ CẮT PHẦN ĂN CỦA MÌNH CÚNG DƯỜNG SA-MÔN, CẬU BÉ ĐƯỢC SANH LÊN TRỜI:

Ở nước Xá-vệ, có trưởng giả tên Câu-lưu, không có con cái, đến thọ thần cầu con. Ở giữa không trung, có vị thiên nhân nói rằng:

- Trưởng giả quá nhiều phước, không ai có thể sanh vào, nên ông không có con. Có vị thiên vương thọ mạng đã hết, sẽ sanh vào nhà ông.

Sau đó, vợ chồng trưởng giả sinh ra đứa bé, đặt tên là Tu-bồ-đề, thông minh tuấn tú, nhân từ bác ái.

Tu-bồ-đề thưa với cha mẹ:

- Nay con muốn thỉnh Phật cúng dường.

Cha mẹ bằng lòng. Tu-bồ-đề liền đến thỉnh Phật, thiết lễ cúng dường. Tu-bồ-đề lại xin cha mẹ được làm Sa-môn. Cha mẹ cho phép.

Tu-bồ-đề theo Đức Như Lai về khu tịnh xá Kỳ-hoàn, làm Sa-môn. Đến khi đắc A-duy-nhan, thần thông đầy đủ, Tu-bồ-đề tùy cơ giáo hóa, hiện làm A-La-hán trong số các đệ tử Phật.

A-nan hỏi đức Phật:

- Ông Tu-bồ-đề này vốn tu công đức gì?

Đức Phật bảo:

- Từ vô số kiếp, ông ấy làm con nhà nghèo, gặp một Tỳ-kheo vào thành khất thực khắp nơi mà không được. Khi ấy, cậu bé thấy bát không, làm lễ thưa:

- Xin tôn giả theo về nhà con, con sẽ cúng dường.

Vị Tỳ-kheo theo cậu bé về nhà. Cậu bé nhịn phần ăn của mình cúng dường Tỳ-kheo. Thọ trai xong, Tỳ-kheo thị hiện bay đi. Cậu bé vui mừng, liền phát đạo tâm. Nhờ công đức này, chín mươi mốt kiếp sau, cậu bé được sanh lên trời. Đời này, cậu bé sinh xuống làm con trưởng giả.

Cậu bé lúc ấy nay chính là Tu-bồ-đề. Chỉ một lần bố thí, phước đức đã nhiều đến thế, huống nữa là bố thí nhiều lần.

(Trích kinh Phước Báo)

10. NGÀI TU-BỒ-ĐỀ TỪ LÚC MỚI SANH CHO ĐẾN KHI XUẤT GIA:

Xưa ở nước Xá-vệ có vị đại trưởng giả tên là Cưu-lưu, vô cùng giàu có, nhưng không có con. Ông đã cầu tất cả các vị thần vẫn không được toại ý. Ở giữa hư không, có vị thiên nhân bảo:

- Ông sẽ được đứa con phước báo. Có vị thiên vương sắp mạng

chung sẽ sanh vào nhà ông.

Trưởng giả rất vui mừng. Sau đó bảy ngày, đệ nhất phu nhân biết mình mang thai. Khi đủ tháng, phu nhân sanh ra một đứa bé trai, đặt tên là Tu-bồ-đề, tướng mạo sáng suốt, biện tài bậc nhất, bác ái đa văn, kẻ sang người hèn đều tôn kính. Những điều nghe thấy, những công việc làm của Tu-bồ-đề dần dần đem lại pháp lạc giúp ích mọi người. Vì ganh ghét và muốn hại Tu-bồ-đề, các chú, bác của Tu-bồ-đề nói với người mẹ:

- Thằng này không chịu học hành, lo việc nhà cửa, chỉ ham chơi, lêu lỏng vô độ.

Người mẹ nói:

- Thằng này có phước đức, không giống người đời.

Có lần, Tu-bồ-đề đòi ăn, người mẹ bảo tớ gái rửa bát không.

Đứa tớ gái thưa:

- Không có bát.

Tu-bồ-đề cầm bát lên nhìn vào đó, tự nhiên thấy có cơm trăm vị thơm ngon. Mọi người cùng ăn đều cảm thấy an lạc. Chú, bác mới biết Tu-bồ-đề chẳng phải người thường. Họ phát tâm thỉnh Phật, Bồ-tát và đại chúng cúng dường. Sau khi cúng dường. Tu-bồ-đề xin cha mẹ được làm Sa-môn. Cha liền chấp nhận. Tu-bồ-đề theo Phật trở về tinh xá Kỳ-hoàn, làm Sa-môn. Cơ duyên đầy đủ, tôn giả đắc A-duy-nhan, là bậc A-La-hán trong hàng đệ tử Phật.

(Trích quyển 1 trong 10 quyển của kinh Thí Dụ)

11. VÌ KHỞI DỤC TÂM ĐỐI VỚI Ngài A-NA-LUẬT, THIẾU NIÊN BIẾN THÀNH NGƯỜI NỮ:

A-na-luật đã đắc quả A-La-hán, có dung mạo đẹp đẽ như người nữ. Khi đang đi một mình giữa đồng cỏ, có một thiếu niên thấy Ngài, cho là người nữ, tà tâm nổi lên, muốn đến ôm lấy. Khi biết Ngài là người nam, thiếu niên thấy thân mình biến thành người nữ. Cậu ta cảm thấy xấu hổ, uất ức, tự bỏ vào núi sâu, không dám trở về. Trải qua mấy năm, vợ con ở nhà không biết cậu ấy sinh sống ở đâu, cho là đã chết.

A-na-luật đi khất thực ghé vào nhà này, người vợ khóc lóc, kể lại sự việc chồng mình đi không trở về, cầu xin Ngài ban cho phước lực để người chồng sống lại. A-na-luật im lặng, không đáp. Thương cho người vợ, Ngài vào núi tìm gặp người chồng. Người chồng liền hối lỗi tự trách, thân thể trở lại người nam, liền về nhà, vợ chồng gặp nhau.

(Trích kinh Thí Dụ quyển hạ)

12. A-NA-LUẬT HÓA ĐỘ DÂM NỮ SANH KHỞI CHÁNH TÍN:

Lúc Đức Phật ở vườn Kỳ Thọ, bấy giờ A-na-luật đến nước Câu-tát-la. Trên đường không có một trú xứ Tỳ-kheo nào, chỉ thấy một ngôi nhà của người dâm nữ trẻ tuổi làm chỗ cho khách dừng chân. A-na-luật đến nói:

- Chị à, tôi muốn nghỉ nhờ một đêm.

Dâm nữ nhận lời.

Bấy giờ, có một cư sĩ trưởng giả cũng muốn nghỉ lại đây. Vì nhà chật, dâm nữ mời A-na-luật vào phòng trong. Khi ấy, Tôn giả ngồi kiết già, buộc niệm phía trước. Đốt đèn xong, đầu hôm, dâm nữ đến nói với tôn giả A-na-luật:

- Gần đây, các trưởng giả dòng Bà-la-môn có nhiều của báu đều đến hỏi tôi làm vợ, tôi nói với họ: Các ông xấu xí, tôi không thể làm vợ các ông. Nay tôi thấy tôn giả tướng mạo tuấn tú, có thể làm chồng tôi.

Lúc đó, A-na-luật im lặng không đáp.

Đến cuối đêm, dâm nữ cũng đến nói như vậy. Vì Tôn giả vẫn im lặng, dâm nữ cởi bỏ y phục, đến gần, định ôm lấy. A-na-luật liền dùng thần túc, bay lên hư không. Thấy vậy, dâm nữ sanh lòng xấu hổ, vội mặc áo, chắp tay sám hối Tôn giả ba lần. Xin Tôn giả ngồi lại chỗ cũ.

Khi ấy, A-na-luật trở về chỗ ngồi cũ, dâm nữ lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên. A-na-luật nói cho dâm nữ nghe các pháp môn vi diệu, quở trách dâm dục là bất tịnh, khen ngợi hạnh ly dục. Ngay tại chỗ ngồi, dâm nữ dứt các trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh. Sau khi chứng quả Tu-đà-hoàn, dâm nữ xin được phép làm Ưu-Bà-di, thọ năm giới, làm đệ tử Phật, xin Tôn giả nhận sự cúng dường. Tôn giả im lặng nhận lời. Sau khi dâm nữ cúng dường đủ loại thức ăn, Tôn giả thuyết pháp khiến dâm nữ vui vẻ.

(Trích phần đầu quyển 8 của Luật Tứ Phần)

13. LẤY TÊN KHỀU ĐÈN CÚNG PHẬT, KẺ CƯỚP ĐƯỢC PHƯỚC BÁU VÔ LƯỢNG:

Ngài A-nan hỏi Phật:

- Thiên nhãn của A-na-luật có khác gì thiên nhãn của Phật?

Đức Phật bảo A-nan:

- Thiên nhãn của Như Lai, các bậc A-La-hán, Bích-chi Phật không thể biết được, huống chi Tỳ-kheo còn sanh tử như ngươi. Sao có thể biết ta, Như Lai, thấy suốt từ phía Đông này cách hằng sa cõi nước. Hằng là

gọi ao Giang-hà-nậu cho đến biển lớn, rộng bốn mươi dặm, chính giữa là bức tường bằng cát, vuông vức đến tận đáy, chứa một trăm hai mươi hộc cát. Cứ qua một cõi rải một hột cát, rải hết số cát ấy, ta đều thấy rõ tất cả các loài người, vật, những nơi tối tăm, các loài ngu muội, chúng sanh bé nhỏ, trong chừng ấy cõi nước, khắp cả mười phương cũng đều như vậy. Thiên nhãn của A-na-luật sao có thể so sánh với thiên nhãn của ta được?

A-nan hỏi Phật:

- Do đời trước có nhân duyên gì mà A-na-luật có thiên nhãn như vậy?

Đức Phật bảo:

- Ngày xưa, sau khi Đức Phật Duy-vệ diệt độ, có một kẻ cướp trên đường ngang qua tháp Phật, muốn trộm lấy đồ vật trong chùa miếu. Bấy giờ, ngọn đèn trước Phật gần tắt, tối tăm, không thấy gì cả. Kẻ cướp dùng mũi tên khêu tim ngọn đèn, khiến đèn sáng lên. Trông thấy tượng Phật uy nghi rực rỡ, kẻ cướp trố mắt lên, lông tóc dựng đứng. Tự nghĩ thầm: Mọi người còn đem của báu cúng dường cầu phước, sao ta lại trộm lấy? Rồi kẻ cướp liền bỏ đi. Các tội ác trong chín mươi mốt kiếp dần dần tiêu diệt. Phước lành ngày càng tăng. Kẻ cướp lúc ấy chính là A-na-luật, nhờ phước khêu tỏ ngọn đèn mà thường sanh về cõi lành, đến khi gặp Phật, xuất gia đắc đạo, được thiên nhãn đệ nhất, huống chi lòng thành đem các trân bảo cúng dường. Thắp đèn cúng Phật được phước báu khó lường.

(Trích kinh Thí Dụ quyển 2)

14. A-NA-LUẬT CÚNG DƯỜNG THỨC ĂN CHO VỊ DUYÊN GIÁC MÀ BẢY ĐỜI ĐẮC ĐẠO:

Khi Đức Phật ở trong vườn Lộc-dã, A-na-luật nói với các Tỳ-kheo:

- Nhớ thuở quá khứ, tôi là người nghèo cùng ở Ba-la-nại này, làm nghề gánh thuê để tự nuôi sống. Gặp lúc ngũ cốc khan hiếm, đói kém khổ sở, người chết rất nhiều, khất thực khó được. Có vị Bích-chi Phật tên Phi-lật-tra cũng ở chỗ này. Vị ấy dậy sớm, đi khất thực. Lúc ấy, tôi cũng dậy sớm, định đi gánh thuê, gặp Bích-chi Phật. Khi trở về, tôi cũng gặp vị ấy, mới suy nghĩ: Sáng sớm trở dậy, tôi đã thấy vị này, bây giờ còn thấy ở ngoài đường, chắc là chưa xin được gì. Thấy vị này đi theo sau tôi về nhà, tôi suy nghĩ, muốn cúng dường vị ấy. Tôi liền đem phần ăn của mình đến cho vị ấy, và thưa: Đây là phần của tôi, cúi xin Ngài

thương xót mà nhận lấy thức ăn này. Vị Bích-chi Phật xớt vào bát phân nửa, rồi bảo: ngươi hãy ăn phân nửa, ta chừng này đủ rồi. Tôi thưa: Bạch tôn giả, tôi có nhà cửa, ăn lúc nào cũng được. Xin Ngài khởi từ tâm, nhận hết thức ăn cúng dường này. Vị Bích-chi vì lòng từ mẫn nhận hết phần ăn. Còn tôi, nhờ sự cúng dường này, được bảy đời sanh lên trời, làm thiên vương, bảy lần sanh xuống nhân gian cũng làm vua. Đời này, sinh vào dòng họ Thích, của cải giàu có vô lượng, xả bỏ tất cả để xuất gia, học đạo, chứng quả.

(Trích kinh Trung A-hàm quyển 20)

15. NHÓM A-NA-LUẬT HÓA ĐỘ CHỊ EM TRƯỞNG GIẢ BẠT-ĐỀ:

A-na-luật, Đại-ca-diếp, Mục-liên, Tân-đầu-lô cùng bàn luận:

- Nay trong thành Vương-xá có những người không tin ưa Tam bảo, chúng ta nên làm cho họ tin ưa.

Bàn xong, các tôn giả quán khắp gần xa, chỉ thấy chị em trưởng giả Bạt-đề không tin Tam bảo. Ba vị Thanh văn: A-na-luật, Đại-ca-diếp, Mục-liên nói:

- Có thể giáo hóa Bạt-đề.

Khi ấy, nhà trưởng giả kia có bảy lớp cửa, ba nhóm kỹ nhạc. Mỗi khi ăn, bảy cửa đều đóng lại, mỗi bữa là một nhóm kỹ nhạc.

Tới bữa ăn, tôn giả A-na-luật đến trước xin. Trưởng giả hỏi:

- Ông từ lối nào vào?

Đáp:

- Từ cửa vào.

Trưởng giả hỏi, người giữ cửa thưa:

- Cửa vẫn đóng như cũ, không thấy ai vào cả.

Trưởng giả liền lấy một miếng bánh mè để vào bát tôn giả. Tôn giả được bánh, liền đi.

Hôm sau, đến giờ ăn, tôn giả Ca-diếp lại tới xin, sự việc cũng như vậy. Tôn giả được một miếng cá ở trong bát. Chị của trưởng giả thắc mắc:

- Đáng lẽ Tỳ-kheo không thể vào, sao vẫn đến khất thực được?

Trưởng giả đáp:

- Em cũng nghĩ vậy.

Người chị nói:

- Vị Tỳ-kheo đến trước tên A-na-luật, con dòng họ Thích, bỏ cung điện ba mùa, thú vui năm dục, xuất gia học đạo. Vị Tỳ-kheo đến sau là

Tất-ba-la-diên, con của dòng họ Ma-nạp nổi tiếng, bỏ chín trăm chín mươi ruộng vườn, nhà cửa, trâu cày, xuất gia học đạo, vì thương em mà đến đây khất thực.

Nghe xong, trưởng giả khởi tâm kính phục.

Lúc ấy, Mục-liên bay lên hư không thuyết pháp, chỉ dạy những điều lợi lạc, khiến trưởng giả ngay tại chỗ ngồi, xa lìa trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh, chứng quả Tu-đà-hoàn, thọ trì tam quy ngũ giới.

Ba vị Thanh-văn nói với trưởng giả Tân-đầu-lô:

- Chúng tôi đã giáo hóa được Bạt-đề khiến ông ta kính tin Phật pháp. Nay tất nhiên tôn giả đi giáo hóa bà chị ông ấy.

Sáng sớm, Tân-đầu-lô mang bát đến nhà trưởng giả. Bấy giờ, chị trưởng giả đang làm bánh, bỗng thấy tôn giả đến xin, liền nói:

- Tôi không cho ông đâu, cứ nhìn vào bát cũng chẳng được gì.

Tân-đầu-lô liền bốc khói nơi thân. Bà ta nói:

- Cả người ông bốc ra khói, tôi cũng không cho.

Tân-đầu-lô liền bốc lửa cả thân. Bà ta nói:

- Cả thân ông bốc lửa, tôi cũng không cho.

Tân-đầu-lô mới bay lượn giữa hư không. Bà ta nói:

- Bay lượn giữa hư không, tôi cũng không cho.

Tân-đầu-lô lộn ngược mình giữa không trung. Bà ta nói:

- Lộn ngược giữa không trung tôi cũng không cho.

Tân-đầu-lô suy nghĩ: Đức Thế Tôn không cho phép chúng ta cưỡng ép người để xin, rồi tự bỏ đi.

Cách thành Vương-xá không xa, có một tảng đá lớn, Tân-đầu-lô ngồi trên đó, bay vào thành Vương-xá với tảng đá dính nơi thân. Thấy vậy, những người trong thành đều kinh hãi. Sợ tảng đá rớt xuống đất, ai nấy đều bỏ chạy. Bay đến phía trên nhà chị trưởng giả, Tân-đầu-lô ngừng lại. Thấy thế, bà ta rất sợ hãi, nói:

- Ông chịu làm theo ý tôi, đưa tảng đá về chỗ cũ, tôi sẽ cho ăn.

Tân-đầu-lô đưa tảng đá về chỗ cũ, đến đứng trước mặt bà ta. Bà ta suy nghĩ: Ta không thể cho ông ta bánh lớn, phải làm bánh nhỏ để cho.

Tôn giả liền làm bánh nhỏ thành bánh to. Như thế ba lần, lần sau bánh lại to hơn lần trước.

Bà ta suy nghĩ: Ta muốn làm bánh nhỏ mà đều trở thành to. Bây giờ ta cứ cho đại một cái. Bà liền lấy một cái đưa cho. Mấy cái bánh dính với nhau và dính luôn trong cái chảo làm bánh. Lấy tay gỡ chảo bánh ra, tay cũng dính luôn vào. Bà ta nói Tân-đầu-lô:

- Nếu ông muốn lấy hết bánh, tôi cũng cho hết, không tiếc gì cả. Ông cần tôi làm gì mà cái tay tôi dính lại thế

Tôn giả nói:

- Tôi không cần bánh, không cần chảo, cũng không cần bà. Bốn người chúng tôi cùng bàn nhau, độ hai chị em bà. Ba tôn giả kia đã hóa độ em bà, còn tôi hóa độ bà, cho nên mới làm như thế.

Bà ta hỏi:

- Nay ông muốn tôi phải làm gì?

Tôn giả bảo:

- Chị em bà hãy mang bánh này theo tôi đến cúng dường Đức Phật và một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo.

Cúng dường xong, tất cả đều no đủ mà bánh vẫn chưa hết.

Hai chị em trưởng giả đem bánh đến bạch Phật:

- Số bánh ít ỏi này, cúng dường Phật và Tăng đều no đủ, vẫn chưa hết. Nay con phải đem bánh này để đâu?

Bà ta đem bánh để vào nước không có trùng.

Đức Phật bảo:

- Hãy đem để nơi đất mà cỏ không mọc được, hoặc trong nước không có trùng. Nước sôi có tiếng kêu xèo xèo như thả miếng sắt nóng vào chỗ ít nước. Bà liền sợ hãi, trở lại chỗ Phật. Đức Phật thuyết pháp cho bà nghe, bà đắc pháp nhãn tịnh, thọ tam quy ngũ giới làm đệ tử Phật.

Các trưởng lão đem việc này bạch Phật. Đức Phật quở trách các Tỳ-kheo: Từ nay không được phép thị hiện thần thông.

(Trích luật Di-sa-tắc quyển 30)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 14

1. Xá-lợi-phất thối tâm Đại thừa hướng Tiểu thừa.
2. Cuộc đời Ngài Xá-lợi-phất từ sanh đến xuất gia đắc đạo.
3. Xá-lợi-phất thỉnh Phật chế giới.
4. Người tưới vườn tắm cho Ngài Xá-lợi-phất được sanh thiên.
5. Xá-lợi-phất giáo hoá trăn người.
6. Sự vi diệu của định lực Kim Cang.
7. Xá-lợi-phất cố chấp khó cầu thỉnh.
8. Xá-lợi-phất nhập Niết-bàn trước Phật.
9. Xá-lợi-phất và Mục-kiền-lir6n thi thố thần thông.
10. Ngài Mục-kiền-liên hóa cầu báu đòn Phật qua sông.
11. Mục-kiền-liên làm lễ vu lan cứu mẹ.
12. Mục-kiền-liên bị ma quấy phá.
13. Ngài Mục-kiền-kiên khuyên em bố thí và chỉ cho thấy quả báu.
14. Mục-kiền-liên hàng phục các Bồ-tát khinh mạn.
15. Mục-kiền-liên hàng phục các Phạm chí.
16. Mục-kiền-lên giáo hóa chư quỷ thần.
17. Mục-kiền-liên hàng phục Long vương.
18. Mục-kiền-liên dời ao vô nhiệt hiện chim cánh vàng.
19. Mục-kiền-liên ba lần nhìn không đúng.
20. Mục-kiền-liên lòng thật việc sai.

1. XÁ-LỢI-PHẤT THỐI TÂM ĐẠI THỪA HƯỚNG TIỂU THỪA:

Trong sáu mươi kiếp tu hạnh Bồ- tát, Ngài Xá-lợi-phất muốn thực hành hạnh bố thí ba-la-mật. Bấy giờ có một người đến xin mắt của Ngài. Xá-lợi-phất bảo:

- Mắt không dùng được, ông xin làm gì? Nếu cần thân ta và tài vật thì ta sẽ cho.

- Tôi chỉ muốn xin mắt của Ngài.

- Xá-lợi-phất liền móc một con mắt đưa cho ông.

- Người kia lấy mắt quăng xuống đất rồi giẩm lên.

Xá-lợi-phất nói: Những người như thế này thật khó độ, chi bằng tự mình điều phục để sớm thoát sanh tử. Thế rồi Ngài hướng tâm về Tiểu thừa.

(Trích luận Trí Độ quyển 12)

2. CUỘC ĐỜI NGÀI XÁ-LỢI-PHẤT TỪ SANH ĐẾN XUẤT GIA ĐẮC ĐẠO:

Ở nước nam Thiên Trúc có một vị Bà-la-môn tên Đề- xá, là một vị luận sư nổi tiếng. Vợ ông mang thai, mộng thấy một người thân mặc áo giáp tay cầm chuỳ kim cang đập phá hết các núi rồi đứng một bên.

Đề-xá nghe vợ kể lại, bảo:

- Bà sẽ sanh một đứa con trai có tài luận nghị hơn các vị luận sư khác nhưng nó không làm tròn bổn phận của một người đệ tử.

Người mẹ sau khi mang thai thì trở nên thông minh, có đủ khả năng luận nghị với người khác.

Em của bà là Câu- hy- la mỗi lần cùng với bà luận nghị đều bị thua. ông biết đứa bé chị mình đang mang thai sẽ là người có trí tuệ lớn, cho nên ông bỏ nhà đi học đạo, học đến nỗi không rảnh để cắt móng tay nên người bấy giờ gọi ông là phạm chí Trường Trảo.

Người chị sau khi sanh con được bảy ngày, đặt tên Ưu-ba-đề-xá. Người bấy giờ vì quan niệm do mẹ sanh ra cho nên hợp với tên me gọi là Xá- lợi-phất.

Mới tám tuổi Xá-lợi-phất đã tụng thuộc lòng mười tám bộ kinh, thông hiểu hết tất cả các sách vở. Bấy giờ ở nước Ma-già- đà có hai anh em Long vương tên Kiết- lợi và Bà- dà- la luôn tuôn mưa xuống làm cho đất nước lúc nào cũng đầy đủ. Dân chúng vì cảm ơn ấy cho nên vào tháng trọng xuân, tất cả đều tụ tập đến chỗ rồng ở để thiết hội lớn, trỗi nhạc vui chơi cho đến sáng ngày mai mới dứt. Từ xưa đến nay tập tục này không hề thay đổi. Trong hội người ta sắp đặt bốn toà cao dành cho: vua, thái tử, đại thần và các luận sư. Khi ấy Xá-lợi-phất mới tám tuổi, Ngài quan sát sắc thái chí hướng của những người đang dự hội thì thấy không ai bằng mình. Liền thăng tòa luận sư ngồi kiết già.

Mọi người đều nghi hoặc lạ lùng, có người cho là trẻ con ngu si vô trí; có người cho là cậu bé trí tuệ hơn người. Tuy họ đều khen sự thần dị của Ngài nhưng cũng cảm thấy hổ then vì Ngài tuổi nhỏ, không thể

cùng nói chuyện nên họ đều sai các đệ tử nhỏ tuổi của mình lên hỏi.

Bị hỏi, Ngài Xá-lợi-phất trả lời rất trôi chảy, từ ngữ nghĩa lý tuyệt vời sâu sắc.

Khi ấy, các vị luận sư đều khen chưa từng có. Tất cả kẻ ngu người trí đều khuất phục.

Vua rất vui mừng liền ra lệnh các quan hữu ty phong cho Xá-lợi-phất một tụ lạc để cung cấp cho Ngài, người lớn trẻ nhỏ trong nước đều rất vui mừng.

Bấy giờ có con của Kiết-chiêm- sư- tử tên Câu- luật đà, họ Đại mục-kiền- liên là bạn thân với Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất tài cao hơn người, kiến thức khó ai bì. Mục kiền- liên ngay thẳng phóng khoáng, trí tuệ hơn người. Cả hai tài trí ngang nhau, cử chỉ hành động hẳn đều như nhau. họ hứa kết bạn trọn đời. Về sau cả hai đều không thích cuộc sống thế tục nên xuất gia học đạo, làm đệ tử của phạm chí San- xà- dạ.

Một hôm hai người hỏi thầy

- Kết quả của việc cầu đạo là gì?

- Từ khi ta cầu đạo trải qua nhiều năm không biết có đạo quả hay không. Ta chẳng phải là người cầu đạo ư? Mà cũng không đạt kết quả gì.

Ngày nọ thầy bị bệnh, Xá-lợi-phất đứng phía đầu, Mục- kiền- liên đứng dưới chân khóc than sợ thầy chết. Thầy thương xót họ và cười. Cả hai hỏi thầy có ý gì mà cười. Thầy trả lời:

Người đời không có sự hiểu biết bị ân ái trói buộc. Ta thấy vua nước Kim Địa chết, đại phu nhân của vua tự nhảy vào lửa để mong được ở chung một chổ. Nhưng hai vị này hành động và quả báo khác nhau cho nên chỗ sanh về hoàn toàn cách biệt.

Lúc ấy, Xá-lợi-phất cùng Mục-Kiền-liên ghi lại những lời dạy của thầy, vì muốn kiểm chứng đúng sai.

Về sau có một thương buôn từ nước Kim Địa xa xôi đến nước Ma-gìa-đà. Hai Ngài đến hỏi thì quả đúng như lời thầy nói. Họ mới an ủi, than rằng:

- Chúng ta chẳng phải người cầu đạo sao? Hay là thầy có điều giấu chúng ta?

Hai người cùng thệ nguyện: "Nếu ai gặp được vị cam lộ trước phải cho nhau cùng nếm".

Đức Phật sau khi độ cho một ngàn đệ tử của anh em Ca- diếp xong lần lượt đến thành Xá- vệ.

Khi ấy, tỳ- kheo A-thuyết-thị (một trong năm người) đắp y ôm bát

vào thành khất thực.

Xá-lợi-phất nhìn thấy dung mạo trầm lặng khác thường của Ngài liền đến hỏi:

- Thầy của Ngài là ai?

- Thái tử dòng họ Thích. Vì nhàm chán sự khổ của già bệnh chết nên xuất gia học đạo, đắc quả vô thượng Bồ- đề. Đó là thầy tôi.

- Ngài có thể nói lại lời dạy của thầy Ngài cho tôi nghe được không?

- Tôi tuổi nhỏ, hiểu biết cạn cợt đâu thể nói những lời cao cả của bậc Chí chơn Như-lai.

- Xin Ngài nói nghĩa quan trọng cốt yếu thôi.

- Ngài A- thuyết-thị nói:

"Các pháp từ duyên sanh
Cũng từ nhân duyên diệt".

Nghe xong Ngài Xá-lợi-phất đắc sơ quả (kinh Xuất Diệu, Mục ghi đắc quả Vô Trước) rồi liền đem kệ ấy nói cho Mục-kiền-liên. Nghe - Kiền-liên cũng đắc sơ quả. Sau đó mỗi người đều dẫn hai trăm năm mươi đệ tử đến chỗ Phật.

Từ xa, đức Phật nhìn thấy họ, liền chỉ Xá-lợi-phất và nói: Đó là người trí tuệ bậc nhất trong hàng đệ tử của ta. Ngài lại chỉ Mục-kiền-liên nói: Đây là người thần thông đệ nhất. Nay họ dẫn đệ tử đến đây xin xuất gia.

Gặp Phật, Ngài Mục- kiền-liên và Xá-lợi-phất thưa:

- Bạch Thế- tôn! Chúng tôi xin theo Phật pháp xuất gia.

Phật bảo: Thiện lai Tỳ- kheo! Lập tức râu tóc của họ tự rụng, thân mặc pháp phục, y bát đầy đủ, thành tựu giới thể.

Nữa tháng sau vì nghe Phật thuyết pháp cho phạm chí Trường Trảo nên Xá-lợi-phất đắc quả A-la- hán.

(Trích luận Đại Trí Độ quyển 11)

3. XÁ-LỢI-PHẤT THỈNH PHẬT CHẾ GIỚI:

Phật ở thành xá- vệ, Ngài Xá-lợi-phất thỉnh Phật chế giới, chư tỳ- kheo thưa:

- Tại sao chưa có lỗi mà xin chế giới?

Phật bảo:

- Xá-lợi-phất không chỉ ở đời này khi chúng Tăng chưa có lỗi đã xinta chế giới mà trong quá khứ cũng đã như vậy.

Tại một thôn nọ, nhân dân cư sĩ chưa có phạm lỗi lầm, Xá-lợi-

phất cũng đã từng thỉnh ta chế các hình phạt.

Lúc ấy có vua Tịnh Xưng ở thành Ba-la-nại, nước Ca-thi. Vua Tịnh Xưng dùng giáo pháp cai trị giáo hoá dân chúng, lại tu hạnh bố thí, trì giới, thoát khỏi các ân ái của cuộc đời. Dân chúng giàu có hạnh phúc an vui,khắp trong thôn xóm nhà nào cũng rộn tiếng gà gáy. Cả nước đều tôn kính nhau, họ thường làm các nhạc cụ vui chơi.

Khi ấy vị thần tên Đào-lợi có nhiều kế sách, tâu vua:

Ngày nay nước nhà tự nhiên giàu có an vui, dân chúng đều tôn kính nhau, xin bệ hạ hãy lập ra các hình phạt chớ để dân chúng tự do quá mà sanh lỗi lầm.

Vua bảo: Khanh là vị đại thần thông minh có trí tuệ thì phải hiểu. Nay trong nước có nhiều tầng lớp, không thể chế hình phạt cho hết được. Nếu chế thì những người khác sanh hiềm khích. Đại thần như một lần bị quở trách.

Vua vì muốn khai mở tâm ý đại thần nên nói kệ:

Người buông lung giận dữ
Lòng thương điều phục họ
Dùng chánh pháp dạy dân
Khiến họ không oán ghét.

Đại thần cảm động vui mừng cũng nói kệ:

Bệ hạ bậc tối thắng
Cai trị lâu ở đời
Dùng đạo trị chúng sanh
Lòng từ rộng vô biên.

Phật bảo Tịnh Xưng tức là thân ta, đại thần là Xá-lợi-phất vậy (Trích luật Tăng Kỳ quyển 1)

4. NGƯỜI TƯỚI VƯỜN TẮM CHO NGÀI XÁ-LỢI-PHẤT ĐƯỢC SANH THIÊN:

Vào một mùa hạ nọ, khí hậu nóng bức, Ngài Xá-lợi-phất đến vườn Am-la. Trong vườn có một người đang múc nước giếng tưới cây. Người này không có lòng tin nhiều với Phật nhưng vừa nhìn thấy Ngài Xá-lợi-phất thì liền phát một chút lòng tin, và gọi:

- Xin đại đức hãy đến đây cởi y ngồi dưới gốc cây tôi múc nước tưới cây thì tưới lên Ngài luôn, cả hai đều có lợi.

Ngài Xá-lợi-phất nhận lời người kia ngồi dưới gốc cây. Tắm xong Ngài cảm thấy thân thể mát mẽ thoải mái dễ chịu, tùy ý du hành.

Đêm đó, người tưới cây mạng chung, được sanh lên cõi trời Đao

Lợi có oai lực lớn, lần lượt được làm Thích-đề-hoàn-nhân. Liền tự nghĩ rằng: "Do nhân duyên gì ta được sanh lên đây"?

Sau đó Thích-đề-hoàn-nhân tự quán túc mạng của mình, biết được nhờ chútlòng tin cạn mõng người khách tưới cây múc nước dội tắm cho ngai Xá- lợi-phất mà được như hôm nay. Nếu lòng tin của ta sâu dày, biết chắc chắn có quả báo thì ta sẽ sắp đặt bồn tắm để cúng dường Ngài. Ta tự biết công đức của mình tuy ít nhưng nhờ gặp ruộng tốt nên mới được quả báo nhiều như thế.

Nghĩ rồi người kia liền đến chô Ngài Xá-lợi-phất rãi hoa cúng dường. Xá-lợi-phất nhân lòng tin trong sạch của ông ta mà thuyết pháp yếu khiến cho đắc quả Tu-đà-hoàn.

(Trích kinh Tạp Tạng)

5. XÁ-LỢI-PHẤT GIÁO HOÁ TRĂN NGƯỜI:

Ngày xưa, một hôm ở nước Xá-vệ có một trận mưa máu. Vua cùng quần thần rất kinh sợ lạ lùng, liền triệu tập các nhà đạo thuật và các nhà chiêm tinh đến đoán xem lành dử.

Nhà chiêm tinh tâu:

Sách xưa có ghi:

- Nếu có tai hoạ mưa máu xảy ra thì sẽ có một người sanh một con trăn hình người, là một con vật rất độc hại. Bệ hạ cho người suy tìm trong nước để rõ tai hoạ.

- Làm sao phân biệt để biết được?.

- Trăn người này rất khó nhận biết. Vua hãy ra lệnh trong nước có đứa trẻ nào mới sannh đều đem đến đây, sau đó lấy một cái chậu bảo những đứa trẻ ấy nhổ nước bọt vào đó. Nếu đứa bé nào nhổ nước bọt ra liền hoá thành lửa thì đứa trẻ đó là trăn hình người.

Mọi người bàn nhau:

- Nay không thể ở nhân gian được nữa.

Thế rồi họ cùng nhau ẩn thân nơi thanh vắng không người qua lại. Trong nước hễ có người chết thì đem vào đây.

Về sau trăn hình người xuất hiện nhả chất độc giết người. Những người bị giết có tới bảy mươi hai vạn. Sau đó có một con sư tử xuất hiện cất tiếng gầm vang, người và vật trong khoảng bốn mươi dặm đều kinh sợ. Từ đó nó đi khắp nơi gây nhiều tai hoạ, không ai có thể ngăn cản được.

Bấy giờ vua liền kêu gọi trong nước, người nào có thể diệt trừ được sư tử sẽ thưởng cho ngàn cân vàng và phong một huyện lớn. Song

không có một người nào nhận lời. Các quan tâu vua:

- Chỉ có trăn hình người mới có thể diệt trừ được sư tử.

Vua ra lệnh cho sứ giả đến gọi trăn người. Trăn người nhận lời. Gặp lúc sư tử đang đến, trăn người đến trước sư tử phun khí độc, sư tử chết ngay. Đất nước trở lại cảnh thanh bình. Về sau trăn người tuổi cao bị bệnh sắp chết. Phật thươmg xót trăn người vì đã gây tội nặng một khi đã rơi vào đường ác thì không có ngày ra, mới bảo Xá-lợi-phất:

- Ông hãy giáo hoá giúp cho trăn người thoát khỏi tội nặng.

Ngài Xá-lợi-phất lập tức đến trước trăn người. Trăn rất giận, nghĩ: “Ta còn chưa chết đã bị người coi thường, không thưa hỏi mà đi tắt trước mặt ta”.

Nghĩ rồi, nó liền phun nọc độc để hại Ngài Xá-lợi-phất.

Xá-lợi-phất vì lòng từ bi nhường nhịn trăn người, sắc mặt binh thản vui vẻ, một cọng lông cũng không động.

Trăn người phun độc khí ba lần vẫn không làm hại được Ngài nên biết là bậc đáng tôn kính. Hiểu ra, tâm thiện phát sanh, nó liền nhìn tới nhìn lui Ngài Xá-lợi-phất bảy lần từ đầu đến chân.

Xá-lợi-phất trở về tinh xá, do Ngài hút chất độc của trăn người cả ngày hôm ấy nên trời đất liền chấn động. Hễ việc cực thiện thì có thể làm cho trời đất chấn động; việc cực ác cũng vậy.

Lúc bấy giờ vua Ma-kiệt đến chỗ Phật cúi đầu thưa:

- Trăn người sau khi mạng chung sẽ sanh vào đường nào?

- Sẽ sanh vào cõi trời thứ nhất.

Vua nghe Phật nói rất kinh lạ, thưa:

- Người gây ra tội lớn làm sao được sanh lên cõi trời.

- Vì gặp Ngài Xá-lợi-phất, nó nhìn từ đầu xuống chân, với lòng từ nên được phước sanh lên cõi trời thứ nhất. Phước hết sanh lên cõi trời thứ hai. Cứ như vậy lên xuống bảy lần thì sẽ đắc quả Bích- chi- Phật và chứng Niết- bàn.

- Làm cho bảy mươi hai ngàn người chết mà không đền tội sao?

- Trăn người khi đắc quả Bích- chi- Phật, thân có màu vàng tử ma. Một hôm Ngài ngồi dước gốc cây bên đường thiền định thì có một đội quân lớn hơn bày ngàn người đi qua. Thấy Ngài họ cho là người vàng liền lấy búa đập Ngài ra chia đều cho nhau. khi định cầm thì thấy đó là thịt. Tất cả vội để lại rồi bỏ đi. nhân đó Ngài nhập niết- bàn.

Tội đời này chính lúc ấy đã trả xong.

Phật bảo:

Người có tội chất như núi, nếu gặp được bậc thiện tri thức thì cũng

tiêu diệt và có thể đắt đạo.

(Trích kinh Thí Dụ quyển 9)

6. XÁ-LỢI-PHẤT ĐẮC ĐỊNH KIM CANG:

Phật ở trong vườn trúc Già-lan-đà thành La-duyệt, tôn giả Xá-lợi-phất nhập kim cang tam muội ở trong núi Kỳ-xà-quật (tạp A-hàm nói: Tân-thế-tu-phát). Lúc đó Tỳ-Sa-môn Thiên vương sai hai quỷ Già-la và Ưu-Bà-già-la đến chỗ vua Tỳ-lưu-lặc-xoa để bàn luận việc của trời người. Đang bay qua hư không, từ xa, hai quỷ nhìn thấy Ngài Xá-lơi-phất ngồi kiết già thiền định,tâm ý vắng lặng. Quỷ Già-la bèn nói với quỷ kia:

- Ta sẽ dùng nắm tay đánh vào đầu vị Sa-môn này.

Quỷ Ưu-Bà-già-la ngăn:

- Ông chớ khởi tâm đánh vào đầu vị Sa-môn ấy. Bởi vì Sa-môn ấy rất có thần đức và uy lực, là người thông minh trí tuệ bậc nhất trong hàng đệ tử của đức Thế-tôn. Nếu không nghe lời ta, ông sẽ ở trong đêm dài chịu vô lượng tội khổ. Nhưng quỷ Già-la vẫn cứ khăng khăng nói:

- Ta sẽ dùng nắm tay đánh vào đầu vị Sa-môn này.

Quỷ Ưu-Bà-già-la bảo:

- Nếu vậy thì ông ở lại đây, tôi đi.

- Ông sợ Sa-môn đó ư?

- Thật sự tôi rất sợ. Nếu ông dùng nắm tay đánh vào đầu ông ta thì quả đất sẽ nứt làm đôi, sẽ có mưa to gió lớn, mặt đất chấn động, chư Thiên kinh sợ và Tứ-thiên-vương sẽ biết. Như vậy chúng ta không yên thân đâu.

Ác quỷ nói:

- Mặc kệ, ta cứ đánh ông ta.

Thiện quỷ nghe vậy liền bỏ đi. Khi đó ác quỷ liền đánh vào đầu Ngài Xá-lợi-phất. Ngay lúc đó trời đất chấn động, bốn bề mưa gió ập đến, mặt đất nứt làm đôi, ác quỷ rơi vào địa ngục (Tạp-a-hàm ghi, Xá-lợi-phất nói: thiêu ta, nấu ta, quỷ Già-la-sẩn rơi vào địa ngục)

Xá-lợi-phất xuất định, sửa lại y phục đi đến vườn trúc đảnh lễ dưới chân đức Thế-tôn rồi đứng qua một bên.

- Đức Phật hỏi thăm Xá- lợi-phất:

- Trong người ông có bệnh gì không?

- Bạch đức Thế-tôn, con vẫn khoẻ nhưng đầu bị đau.

Lúc nãy có quỷ già-la dùng tay đánh vào đầu ông. Quỷ này có sức cực mạnh, nếu nó dùng tay dộng vào núi Tu-di thì núi cũng vỡ làm đôi.

Nhưng bây giờ nó chịu tội báo đã gây, đọa vào địa ngục A-tỳ rồi.

Đức Thế-tôn quay sang nói với chư Tỳ-kheo:

- Thật tuyệt diệu! Thật đặc thù! Định lực Kim Cang. Xá-lợi-phất do nhập vào định này mà không bị tổn thương. Ngay lúc ấy, cho dù Xá-lợi- phất có bị núi Tu-di đổ xuống đầu cũng không thể tổn một sợi lông. Chư Tỳ-kheo lắng nghe:

Ở trong hiền kiếp có Đức Phật Câu-lâu-di, Phật ấy có hai Thanh văn lớn là Đẳng Thọ và Đại Trí.

Đẳng Thọ là người có thần thông đệ nhất; Đại trí là người trí tuệ đệ nhất. Giống như hai đệ tử Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên của ta ngày nay.

Thuở ấy hai Tỳ-kheo Đẳng Thọ và đại Trí đều đắc kim cang tam muội. Một hôm, Đẳng Thọ ngồi nhập định ở nơi vắng vẽ, lúc ấy những người chăn trâu, dê, người đốn củi, hái rau gặp Ngài họ nói với nhau: "Sa-môn này đã chết rồi".

Thế rồi họ liền chất cây cối lên người Đẳng Thọ, châm lửa đốt rồi bỏ đi.

Đẳng Thọ xuất định, sửa lại y phục, vào thôn khất thực. Những người đốn củi gặp lại Ngài họ nói với nhau: "Vị Tỳ-kheo này hôm qua đã chết rồi, chúng ta đã thiêu ông ấy sao hôm nay lại sống lại", và họ gọi Ngài là Hoàn Hoạt (sống lại). Tỳ-kheo đắc định Kim cang thì lửa, nước, đao kiếm không thể làm tổn thương họ được. Uy lực của Kim cang tam muội là như thế. Ngày nay Xá-lợi-phất đắc tam muội này thì có thể qua lại trong hai tam muội: Không không tam muội và Kim cang tam muội.

(Trích kinh Tăng Nhất A-hàm quyển 30)

7. XÁ-LỢI-PHẤT CỐ CHẤP KHÓ CẦU THỈNH:

Xá-lợi-phất... nhận lời thỉnh của lục quần Tỳ-kheo-ni thọ lãnh nhiều món ăn ngon, Còn các Tỳ-kheo hạ toà và Sa-di thì trong sáu mươi ngày phải ăn cơm với cặn mè và rau luộc. Đức Phật hỏi La-hầu-la:

- Chúng Tăng ăn uống có no đủ không?

La-hầu-la thuật lại mọi chuyện. Phật hỏi:

- Có ai là bậc thượng tòa không?

- Bạch thế tôn, có Ngài Xá-lợi-phất.

Phật bảo Xá-lợi-phất đã ăn đồ bất tịnh.

Nghe vậy, Xá-lợi-phất ói hết tất cả thức ăn ra và thệ nguyện suốt đời không nhận lời thỉnh của người ngoài, chỉ đi khất thực. Về sau,

những nhà giàu sang thiết trai cúng dường, họ muốn mời Ngài Xá-lợi-phất nên đến thưa Phật xin Phật bảo Ngài trở lại nhận lời thỉnh của người ngoài.

Phật bảo:

- Chớ cầu xin vô ích. Vì ông ấy rất cố chấp.

Thuở xưa, có một quốc vương bị rắn độc cắn, vị thầy hay trị rắn độc trì chú Già la gọi rắn đến. Trước hết ông ta đốt một đống lửa rồi nói với rắn rằng:

- Ngươi thà nhảy vào lửa hay hút nọc độc ra.

rắn suy nghĩ: Ta đã nhả chất độc ra, không bao giờ hút lại. Nghĩ rồi nó lao mình vào lửa

rắn độc thuở đó nay chính là Xá-lợi-phất vậy.

(Trích bài Tựa luật Thập Tụng, phần Hạ; lại trích luật Di-sa-tắc quyển 31, luật Tăng Kỳ quyển bốn mươi.)

8. XÁ-LỢI-PHẤT NHẬP NIẾT-BÀN TRƯỚC PHẬT

Phật hỏi A-nan:

- Người đắc tứ thần túc có thể sống thêm một kiếp nữa, bây giờ như-lai sẽ sống thêm bao lâu nữa? Phật hỏi ba lần như thế nhưng lúc đó A-nan bị ma ám nên im lặng.

Phật bảo A-nan:

- Ông hãy đến một nơi yên tỉnh để tư duy.

A-nan liền đi vào rừng, lúc đó ma Ba-tuần đến thỉnh Phật:

- Bạch đức Thế-tôn, Ngài ở đời giáo hoá độ người đã hoàn tất. Chúng sanh nhờ ơn Ngài được thoát sanh tử nhiều như cát sông Hằng. Nay tuổi của Ngài cũng đã gia rồi, có thể nhập Niết-bàn.

Phật nhận lời thỉnh của ma và bảo: Ba tháng sau ta sẽ vào Niết-bàn. ma Ba-tuần nghe vậy rất vui mừng từ giã.

A-nan nằm mộng thấy tàn cây cổ thụ che khắp hư không, tất cả quần sanh đều nương nhờ bóng mát. Bổng một cơn gio lốc nổi lên nhổ cây bay đến nước của vua lực sĩ và biến mất. Tất cả chúng sanh không ai mà không buồn thương.

A-nan giựt mình tỉnh giấc, sợ hãi lo lắng, suy ngẫm về điều mộng: “Không lẽ Đức Thế-tôn sắp Niết-bàn.”

Thế rồi Ngài vội chạy về bạch Phật:

- Bạch Thế-tôn, con đã nằm mộng thấy những sự việc ... như thế. Không lẽ Thế-tôn sắp Niết-bàn?

Phật bảo: Đúng như lời ông nói, ba tháng nữa Như-lai sẽ vào Niết-

bàn. Lúc trước Ta đã nói với con, nếu người đắc tứ thần túc có thể kéo dài mạng sống thêm một kiếp nữa. Ta đã đắc tứ thần túc, tu thiện trọn vẹn. Ta đã hỏi con ba lần như thế nhưng con vẫn im lặng. Lúc nãy Ma ba-tuần đã đến thỉnh ta nhập Niết-bàn, ta đã nhận lời rồi.

A-nan nghe vậy vô cùng buồn bã, không tự kiềm chế được. Ngài lần lượt truyền tin này cho các đệ tử của Phật biết.

Nghe tin, chư vị rất đau buồn, họ cấp tốc đến chỗ Phật.

Phật dạy:

" Trên đời này có ai sống mãi. Ta vì các con đã làm xong việc đáng làm, những gì đáng nói ta đã nói hết. Các con hãy tinh cần tinh tấn hành trì, lo buồn làm chi".

Xá-lợi-phất nghe tin Phật sắp niết- bàn vô cùng đau sót, không đủ can đảm nhìn Thế-tôn Niết-bàn nên Ngài xin Phật nhập Niết-bàn trước.

- Bạch thế-tôn con muốn vào Niết-bàn, xin Thế-tôn cho phép. Xá-lợi-phất thưa ba lần như thế.

Phật bảo:

Nên biết rằng, hễ đến thời thì tất cả chư hiền Thánh đều phải nhập diệt.

Xá-lợi-phất sửa y phục ba nghiệp thanh tịnh chí thành đảnh lễ từ tạ Đức Thế-tôn. Ngài dắt theo Sa-di Quân Đề đi về nơi quê hương của mình ở La-dượt-kỳ, rồi bảo Sa-di:

- Con hãy vào trong thành đến thôn xóm thông báo cho quốc vương đại thần, những người quen biết cũ cùng những vị cư sĩ đến đây để ta từ biệt.

Sa-di Quân Đềvào thành thông báo:

- Hoà thượng Xá-lợi-phất sắp vào Niết-bàn, những ai muốn gặp thì hãy đến ngay.

Nghe tin này vua A-xà-thế, các quan thần và những người quen biết xưa đều cấp tốc tập trung đến.

Xá-lợi-phất tuỳ bệnh của mỗi người mà cho thuốc. Trong chúng hội có người đắc sơ quả đến tam quả; có người xuất gia đắc quả A-La-hán; có người quyết tâm cầu Phật đạo. Mọi người nghe Ngài thuyết pháp rồi đảnh lễ ra đi.

Đến quá nửa đêm, Ngài ngồi ngay thẳng, chánh niệm nhập vào sơ thiền. Xả sơ thiền Ngài nhập nhị thiền và cứ như thế lần lượt nhập vào diệt tận định. Xả diệt tận định, Ngài vào Niết-bàn. Lúc ấy thiên Đế-thích và thiên chúng đến khen ngợi cúng dường.

Đế-thích lại bảo Tỳ-thủ-yết-ma đem tất cả trân báu, trang trí một chiếc xe cao, đưa thi thể Ngài đến một nơi bằng phẳng, bảo chúng Dạ-xoa đến bờ biển lấy gỗ ngưu-đầu-chiên-đàn chất thành một đống lớn, đặt thi thể Xá-lợi-phất vào rồi rưới tô dầu lên làm lễ trà-tỳ.

Sau khi lửa tắt Quân Đề gom tất cả xá-lợi, đựng trong bình bát và ôm ba y của thầy đem về chỗ Phật.

A-nan thấy thế vô cùng đau buồn, than: "Bậc đại tướng pháp luân đã vào Niết-bàn, con nương nhờ vào đâu"?

Phật bảo:

Tuy Xá-lợi-phất đã nhập diệt nhưng ngũ phần pháp than của Ngài thì không.

Thuở xưa, trong một kiếp nọ Xá-lợi-phất cũng không cam lòng nhìn thấy ta chết nên đã chết trước ta.

A-nan bạch Phật:

- Không biết ngày xưa việc Ngài Xá-lợi-phất ra đi trước Thế-tôn như thế nào?

Vào thuở xưa, thật xưa ở Diêm-phù-đề có một quốc vuương tên Chiên-đà-Bà-la-tỳ (đời Lương gọi là Nguyệt Quang) ở thành Bạt-kỳ-bà (đời Lương gọi là Hiền Thọ).Vua có một vạn phu nhân và thể nữ, đệ nhất phu nhân tên Tu-ma-đàn (đời lương gọi hoa thị); năm trăm thái tử, thái tử lớn nhất tên Thi-la-bạt-đà (đời Lương gọi Giới Mạt) và một vạn đại thần, đại thần thứ nhất tên Ma-chiên-đà (đời Lương gọi là Đại Nguyệt). Thành ấy rộng bốn trăm do tuần, xung quanh thành có một trăm hai mươi cửa. Vua bảo đại thần Chiên Đàn lập hội bố thí theo chỗ mong cầu của mọi người, đồng thời vua hạ sắc lệnh bảo tám vạn bốn ngàn nước nhỏ mở kho bố thí.

Nghe lời vua, họ dựng phan bằng vàng, đánh trống vàng rao khắp nơi cho mọi người biết tấm lòng nhân từ của vua ban bố theo điều mong muốn của mọi người.

Lúc ấy tất cả những Sa-môn, Bà-la-môn, những người sang hèn, bần cùng, giàu có, người già neo đơn xa gần trong nước, người mạnh dắt kẻ yếu cùng nhau tập hợp đến rất đông. Mọi người đều được tài vật vừa ý mình, nhân dân ở cõi Diêm-phù-đề đều nhờ ân vua. Danh thơm tiếng tốt của vua vang xa. Tỳ-ma-tư-na là vua một nước nhỏ nghe những lời khen tốt đẹp này liền sanh tâm ganh tỵ ngủ không yên, Ông suy nghĩ:

- Nếu không trừ diệt Nguyệt Quang thì danh tiếng ta không lưu truyền. Ta tìm cách mời các đạo sĩ, chiêu mộ mọi người đến giúp

- Bệ hạ có điều gì lo lắng thì cứ nói cho chúng tôi biết.

- Vua Nguyệt Quang kia danh tiếng vang xa hơn ta.

Trong hội có Bà-la-môn hỏi vua: lại quá thấp kém xấu xa, ta muốn diệt trừ ông ấy thì phải làm cách nào?

Bà-la-môn đáp:

- Vua Nguyệt Quang lòng từ thấm nhuần muôn vật, cứu giúp những người bần cùng nguy khốn giống như cha mẹ của nhân dân, chúng tôi có lòng dạ nào mà dám theo mưu ác này.Thà rằng tự giết thân mạng chứ không làm việc đó. Nói xong họ bỏ ra về, không màng đến vật cúng dường của vua.

Mưu kế không thành, vua vô cùng buồn bã, bèn ra lệnh khắp mọi nơi:

- Ai có thể vì ta mà lấy được đầu Nguyệt Quang, ta sẽ ta sẽ chia cho một nửa đất nước và gã con gái cho.

Lúc đó có một Bà-la-môn tên Lao Độ Sai ở bên sườn nui& đến đáp ứng lời kêu gọi của vua. Vua rất vui mừng và nói:

- Nếu khanh làm thành công thì ta không trái lời hứa. Ngày nào khanh sẽ đi?

- Trước lúc đi còn phải chuẩn bị lương thực, bảy ngày sau thần sẽ lên đường. Lúc ấy Bà-la-môn đọc chú tự hộ thân.

Đến ngày thứ bảy, Bà-la-môn đến từ tạ vua, vua cấp cho một số vật cần dùng rồi tiễn ông lên đường.

Lúc đó, vua của nước Nguyệt Quang dự đoán sẽ có một sự thay đổi lạ lùng.

Vua của tám vạn bốn ngàn nước nhỏ đều mộng thấy cây phan lớn bằng vàng gảy hết, trống vàng bể nát ra. Đại thần Đại Nguyệt mộng thấy quỷ đoạt lấy mão vàng của vua. Thế nên mọi người đều rất lo buồn không yên lòng.

- Khi đó, vị thần ở cửa thành biết Bà-la-môn muốn xin đầu vua nên ngăn không cho ông ta vào. Bà-la-môn đi quanh thành mấy vòng mà không thể vào được.

Trời Thủ-đà-la biết vua Nguyệt Quang sẽ đem đầu mình bố thí cho đàn việt để họ được vừa lòng nên báo mộng với vua:

- Ngài thệ nguyện bố thí không trái ý mọi người. Người đến xin đang ở trước cửa, không biết đường vào; muốn làm thí chủ thì sự việc không như vậy.

Vua tỉnh giấc, rất ngạc nhiên liền bảo đại thần Đại Nguyệt:

- Ngươi ra ngoài cửa bảo với người giữ cửa cứ để cho họ vào.

Đại thần Đại Nguyệt đến cửa thành, thần giữ cửa thành hiện nguyên hình nói với Đại Nguyệt:

- Có Bà-la-môn từ nước kia đến, có lòng ác muốn xin đầu vua. Thế nên ta không cho vào.

Đại thần bảo:

- Ấy là tai hoạ lớn, nhưng vua đã dạy thì không được trái lời. Biết làm sao?

Thần bảo:

- Làm năm trăm đầu bằng bảy báu để đổi đầu vua.

Đại thần liền cho thợ làm.

Khi ấy Bà-la-môn đi đường tắt đến trước điện vua, lớn tiếng nói:

- Tôi ở nơi xa xôi nghe công đức bố thí không trái ý của nhà vua cho nên lặn lội đến đây muốn có được điều mong cầu.

Vua nghe rất vui mừng đón tiếp, làm lễ chào hỏi ông đi đường có mệt mỏi lắm không và mong cầu điều gì.

Bà-la-môn đáp:

- Tất cả ngoại vật tuy dùng bố thí nhưng không phải là điều mong muốn của tôi. Tôi từ xa lặn lội đến đây chỉ xin cái đầu của vua. Nếu không trái ý, xin vua hãy cho tôi.

Vua nghe lời ấy vô cùng vui mừng.

Bà-la-môn hỏi:

- Bệ hạ đã hứa cho thì khi nào sẽ đưa?

- Bảy ngày sau.

Lúc ấy đại thần Đại Nguyệt ôm đầu thất bảo đến cho Bà-la-môn và nói:

- Đầu của vua đây. Xương, thịt, máu, huyết đều là những thứ bất tịnh, ông đòi làm chi. Nay ta đem cái đầu bằng thất bảo này để đổi đầu của nhà vua. Ông hãy cầm lấy để tiêu dùng, đủ giàu có trọn đời.

- Tôi không dùng vật này, chỉ muốn được đầu nhà vua. Đó là sự mong cầu của tôi.

Lúc ấy đại thần Đại Nguyệt giảng giải rất nhiều nhưng Bà-la-môn vẫn không đổi ý. Đại Nguyệt rất giận tim vở ra bảy mãnh rồi chết. Trước đó vua có nói:

- Đại thần đã cỡi voi chạy tám vạn bốn ngàn dặm thông báo cho khắp tất cả các nước:

- Bảy ngày sau Đại vương Nguyệt Quang sẽ đem đầu mình cho Bà-la-môn. Nếu ai muốn gặp vua thì hãy đến gấp.

Nghe vậy, tám vạn bốn ngàn vua nhỏ đều cấp tốc đến khuyên can

vua Nguyệt Quang:

- Nhân dân ở Diêm-phù-đề đều mong nhờ ân đức của Bệ hạ, hôm nay vì một người mà Bệ hạ bỏ dân chúng. Xin Bệ hạ thương xót chớ đem đầu của mình bố thí.

Một vạn đại thần quỳ sát đất ngăn cản:

- Xin đại vương thương xót chúng thần, đừng bố thí đầu.

Hai vạn phu nhân tha thiết nài nĩ:

- Đại vương đừng bỏ chúng tôi, xin Đại vương che chở chúng tôi. Nếu Đại vương lấy đầu đem bố thí thì chúng tôi biết nương nhờ vào ai?

Năm trăm thái tử cũng khóc lóc van xin:

- Chúng con nhỏ dại sẽ nương vào đâu? Xin Đại vương thương xót chúng con, đừng bồ thí đầu... Phụ vương hãy nuôi nấng cho chúng con được khôn lớn nên người.

Vua nói với tất cả mọi người:

- Đã từ lâu xa đến nay trải qua nhiều kiếp, sanh tử do đây mà tồn tại. Nếu ở trong tam đồ mà cắt đứt đầu của mình thì tuy thân chết nhưng có thể sống lại. Như thế vô số lần cũng không được phước báo. Nếu sanh vào cõi người, tránh xa tài sắc, vì tham nhuế, ngu si nên giết nhiều thân mình, chưa từng làm phước mà đã bỏ thân mạng này thì các ngươi mới trách ta. Thân của ta đây là hội nhiều thứ bất tịnh, phải vứt bỏ không thể để lâu. Bỏ cái đầu dơ uế này để đổi cái đầu đại trí. Sao lại không đồng ý?

Ta bố thí cái đầu này cho Bà-la-môn, nguyện cầu thành Phật đạo, cứu các ngươi thoát khổ. Nay tấm lòng bố thí của ta sắp được trọn vẹn, các ngươi cẩn thận, chớ ngăn tâm vô thượng đạo của ta.

Tất cả vua quan thần dân, phu nhân thái tử nghe vua nói vậy đều im lặng không thốt được một lời.

Lúc ấy Đại vương nói với Bà-la-môn:

- Bây giờ đã đến lúc ngươi lấy đầu ta.

- Xung quanh Đại vương có rất nhiều vương thần dân chúng, tôi chỉ có một mình, sức yếu thế đơn,không dám ở đây chặt đầu Đại vương.

Vua bảo các tiểu vương thái tử và thần dân:

- Nếu các ngươi thật lòng yêu thương, kính trọng ta thì cẩn thận chớ làm tổn thương vị Bà-la-môn này.

Nói xong vua cùng Bà-la-môn đi ra vườn sau. Bà-la-môn lại hỏi vua:

- Thân bệ hạ khỏe đẹp, sức lực dõng mãnh, nếu tôi bổ vào, Bệ hạ

đau nhứt sẽ đổi ý. Ngài hãy buộc chặt tóc vào cây, tôi mới có thể chặt được.

Vua nói với Bà-la-môn:

- Ngươi chặt đầu ta rơi vào trong tay ta rồi sau đó lấy đi. Ta bố thí đầu cốt để cầu đạo vô thượng chánh chơn, nguyện cứu độ quần sanh.

Bà-la-môn vừa đưa dao lên, thần cây rất buồn, nghĩ bụng:

- Người như thế này, sao lại muốn giết. Nghĩ rồi liền đánh Bà-la-môn một chưởng làm cho đầu rơi một nơi, tay chân rớt một ngã; dao rớt xuống đất, không thể cựa quậy được.

Lúc đó Đại vương ngước lên nói với thần cây:

- Ở gốc cây này, tôi đã từng đem chín trăm chín mươi chín cái đầu của mình để bố thí. Nay đem cho một cái đầu này nữa là đủ một ngàn. Thế là hạnh nguyện của tôi được trọn vẹn. Ông chớ ngăn tâm vô thượng của tôi.

Thần cây nghe vua nói vậy liền làm cho thân thể Bà-la-môn bình phục. Ông đứng dậy cầm dao chặt đầu vua. Đầu rơi vào tay vua.

Lúc ấy trời đất chuyển động sáu cách, các cung điện của chư Thiên đều dao động ai ai cũng sợ hãi, không biết lý do gì thế nên họ quan sát, thấy Bồ-tát vì tất cả chúng sanh nên cắt đầu bố thí. Thế rồi họ bay xuống chỗ Nguyệt Quang, cảm động việc làm lạ lùng của vua, lệ tuôn như mưa. Nhân đó họ cùng khen ngợi:

Đại vương Nguyệt Quang
Đem đầu bố thí,
Đàn Ba-la-mật
Nay đã tròn đầy.

Tiếng tốt đồn xa khắp nơi, vua tỳ-ma-tiện nghe được vừa vui mừng vừa kinh ngạc vở tim ra rồi chết.

Lúc Bà-la-môn đem đầu vua đi, các vua nhỏ, thần dân phu nhân, thái tử thấy đầu vua mình liền ngã lăn ra đất khóc than đến ngất xỉu.

Bà-la-môn chê đầu vua thối quăng xuống đất, giậm lên rồi bỏ đi.

Có người mắng Bà-la-môn:

- Ngươi độc ác quá lắm vậy. Đã không dùng thì xin làm gì?

Trên đường đi Bà-la-môn bị người chê trách và không cho thức ăn. Ông bị đói khát khốn khổ đến tột cùng.

Đi được nửa đường, có người báo tin vua Tỳ-ma-tiện đã băng hà, ông thất vọng đến ê chề và đau khổ tột độ rồi mạng chung. Vua ác và Bà-la-môn đều đoạ vào địa ngục A-tỳ con những thần dân khác tư duy về ân đức của vua rồi cảm động mà chết đều được sanh thiên.

Này A-nan! Vua Nguyệt Quang thuở ấy nay chính là thân ta. Vua Tỳ-ma-tiện nay là ma Ba Tuần. Đại thần Đại nguyệt nay là Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất thuở xa xưa không đủ can đảm nhìn thấy ta chết nên đã chết trước ta, ngày nay cũng như vậy nên nhập Niết-bàn trước ta.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 5 và kinh Phương Tiện Báo ân giống nhiều, khác ít)

9. XÁ-LỢI-PHẤT VÀ MỤC-KIỀN-LIÊN THI THỐ THẦN LỰC:

Vào ngày mười lăm Đức Thế-tôn thuyết giới tại vườn Cấp-cô-độc, thành Xá-vệ. Khi ấy chư Tỳ-kheo tăng cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni (luận Đại Trí ghi năm trăm vị đại A-La-hán) từ Kỳ Hoàn vận thần túc đến ao A-nậu-đạt, Long vương A-nậu-đạt đến chỗ đức Thế-tôn đầu mặt lễ chân Phật, ngồi một bên chiêm ngưỡng đức Thế-tôn cùng chúng Tỳ-kheo rồi bạch Phật.

Bạch đức Thế-tôn! Con nhìn thấy trong đại chúng ai cũng có mặt chỉ riêng Ngài Xá-lợi-phất không có.

Phật bảo Ngài Mục-kiền-liên:

- Ông hãy mau đến chỗ Xá-lợi-phất bảo là ta gọi ông ấy.

Ngài Mục-kiền-liên vâng lời đến thành Xá-vệ bảo Xá-lợi-phất:

- Đức Thế-tôn gọi Tôn giả đến, có Long vương A-nậu-đạt muốn gặp Tôn giả.

Xá-lợi-phất liền tháo sợi dây kỳ-chi (dây buộc lưng) ra đặt trước mặt Ngài Mục-kiền-liên và bảo:

- Tôn giả có thần thông, hãy đem sợi dây này cột lên cây Diêm-phù-đề.

Mục-kiền-liên cầm sợi dây nhưng không thể dỡ lên được. Ngài cố hết sức nhấc lên khiến cho mặt đất rung động. Ngài Xá-lợi-phất lại sợ Mục-kiền-liên đem đi không được xa nên lấy sợi dây buộc vào núi Tu-di. Ngài Mục-kiền-liên lại lấy dây lên làm cho núi lay động. Cuối cùng Xá-lợi-phất đem dây buộc vào toà của đức Như-lai. Ngài Mục-kiền-liên không thể lay động được, liền bỏ dây trở về chổ Phật.Từ xa Mục-kiền-liên đã trông thấy Xá-lợi-phất đang ngồi kiết già, thân hình ngay thẳng, tâm tư chánh niệm.

Ngài Mục-kiền-liên đến trước Thế-tôn đầu mặt lễ chân Phật, thưa:

- Bạch thế-tôn con đã mất hết thần thông rồi chăng? Tại sao từ tinh xá Kỳ Hoàn con vận thần thông trước lại đến sau, còn Xá-lợi-phất

đi sau lại đến trước ngồi ở đây rồi? Thế-tôn nói là con thần thông đệ nhất, tại sao lại đến sau.

Phật bảo:

Ông chớ thối chí. Xá-lợi-phất có trí tuệ lớn, trở về thành Xá-vệ, chúng Tăng cũng sanh nghi. Trong đại chúng đây có nhiều Tỳ-kheo không có tâm cung kính ông cho nên nói Xá-lợi-phất có thần thông hơn ông. Nay ông nên hiện oai lực của mình cho đại chúng ở đây biết.

Ngài Mục-kiền-liên vâng lời, liền rời khỏi toà đến núi Tu-di, một chân đạp lên đỉnh núi, một chân gác lên cõi trời Phạm thiên. Ngài lại đưa chân đá vào núi tu-di khiến cho quả đất chấn đông sáu lần, đồng thời dùng tiếng Phạm thiên nói kệ:

Ở trước ngôi Tam bảo
Hãy mau tìm phương tiện,
Để thoát dòng sanh tử
Như voi ăn lá tre.
Nếu ở trong Phật pháp
Tu các nghiệp vô dục
Trừ hết những trần lao
Cũng dứt hết gốc khổ.

Khi ấy chúng Tỳ-kheo đều khen là việc chưa từng có, đồng thời Ngài Mục-kiền-liên nói kệ có sáu mươi Tỳ-kheo nhân đó đoạn trừ phiền não, tâm tư khai ngộ.

(Trích kinh Tăng Nhất A-hàm quyển 27)

10. NGÀI MỤC-LIÊN HOÁ CẦU BÁU ĐÓN PHẬT QUA SÔNG:

Dân chúng thành Xá-vệ khuyến hoá nhau mở đại hội lớn cúng dường chín mươi hạng người xuất gia. ngoài ra còn thỉnh vua Ba-tư-nặc, thái tử, quần thần, chủ các tụ lạc, các vị trưởng giả lớn tuổi cùng những người tri thức...

Trước đó một ngày, họ tập họp trên bờ sông A-kỳ. Thượng toà Mục-kiền-liên đến trước, Ngài vận thần lực làm cho nước sông nổi sóng, bọt nước tràn ngập lên bờ. Các ngoại đạo tranh nhau buộc thuyền, khi họ vừa muốn qua trước để giành toà đầu thì nước chảy mạnh khiến cho thuyền của họ trôi ngược trở lại, vất vả trên sông đến cuối đêm thì thuyền bị vở, họ rơi hết xuống sông, lạnh cóng rồi leo lên bờ ngồi xoạc chân hướng về phía mặt trời.

Khi ấy có người đến Tinh xá Kỳ Hoàn thỉnh chúng Tăng. Lúc Phật

đang đợi, có vị Tỳ-kheo trẻ lo lắng:

"Đức Thế-tôn đi trể e rằng ngoại đạo đã giành mất toà đầu"

Đức Phật biết giờ đã đến nên tuần tự nghiêm trang đến bến sông.

Thấy Phật đến các ngoại đạo bảo nhau:

Chúng ta không thể qua sông, không biết những Sa-môn này sẽ làm cách gì?

Khi ấy Ngài Mục-kiền-liên hoá ra một chiếc cầu báu trang trí đủ thứ hoa hương kỷ nhạc. Thấy vậy các ngoại đạo đều bảo:

- Sa-môn đến sau, chúng ta sẽ qua trước.

Vừa nói, họ vừa kéo nhau lên cầu, nhưng vừa bước họ đều bị rơi xuống sông, mình mẩy áo quần đều ướt nhẹp và bị cuốn trôi theo dòng nước. Đức Phật dùng thần lực khiến cho không ai chết cả.

Sau đó Phật cùng đại chúng nghiêm trang tuần tự qua cầu. Hễ các Ngài qua đến đâu thì cầu báu biến mất đến đó. Ngài Mục-kiền-liên thu thần lực, mặt sông trở lại như cũ, khiến cho các ngoại đạo đều được qua sông.

Phật nói kệ:

Người đến được bến này
Đã qua sông sanh tử.
Nước mạnh không cuốn trôi
Đó gọi là người trí.

(Trích luật Tăng Kỳ quyển 6)

11. LÀM LỄ VU LAN CỨU MẸ:

Mới đắc đạo, Ngài Mục-kiền-liên muốn độ cha mẹ để báo ân sanh thành dưỡng dục. Ngài dùng thần lực nhìn thấy mẹ mình sau khi mất sanh vào ngạ quỷ, không được ăn uống, thân thể chỉ còn da bọc xương.

Mục-kiền-liên thương xót liền lấy một bát cơm đầy đem dâng cho mẹ. Người mẹ bưng bát cơm, thức ăn chưa đưa đến miệng đã hoá thành than đỏ. Mục-kiền-liên vội trở về thưa lên Phật.

Phật bảo:

- Tội của mẹ ông rất nặng, sức một mình ông chẳng thể làm gì được, cần Phải nhờ oai thần của chúng Tăng mới cứu mẹ ông thoát cảnh địa ngục. Đến ngày rằm tháng bảy ông nên sắm đủ thức ăn trăm món, trái cây năm màu, cùng lọ nước, bồn, chậu, nhang dầu, đèn đuốc, giường nằm toa cụ, hết thảy thức ăn ngon lạ ở đời cúng dường chúng Tăng mới

có thể cứu khổ nạn cho cha mẹ trong bảy đời. Vì trong ngày ấy các bậc Thánh đắc lục thông, Thanh văn, Duyên Giác, Bồ-tát đều thị hiện hình dáng Tỳ-kheo trong đại chúng. Quý vị ấy đều giữ giới đức thanh tịnh và nhất tâm thọ bát.

Người nào cúng dường chúng Tăng này thì cha mẹ bảy đời cùng bà con thân thuộc năm họ đều được ra khỏi ba đường ác, đúng thời được giải thoát, y áo thức ăn tự nhiên thọ dụng.

Phật dạy đại chúng, hãy nên thiền định nhất tâm chú nguyện cho cha mẹ bảy đời của gia đình thí chủ rồi sau mới nhận sự cúng dường.

(Trích kinh Vu Lan)

12. MỤC-KIỀN-LIÊN BỊ MA QUẤY PHÁ:

Ngài Mục-kiền-liên ban đêm đi ra ngoài, quỷ xấu hoá làm một bóng đen chui vào bụng Ngài. Ngài nghĩ bụng: "Bụng của ta sao lai kêu lụp bụp như người đói". Thế rồi Ngài nhập định quan sát, thấy có quỷ trong bụng liền bảo: "Này quỷ xấu, hãy ra mau, chớ phá quấy đức Như-lai và đệ tử của Ngài". Quỷ sợ hãi chui ra hiện thân đứng trước Ngài Mục-kiền-liên.

(Trích kinh Tệ Quỷ Thức Mục Liên)

13. NGÀI MỤC-KIỀN-LIÊN KHUYÊN EM BỐ THÍ VÀ CHỈ CHO THẤY QUẢ BÁO:

Ngài Mục-kiền-liên có một người em ruột giàu có, trong kho chứa đầy vàng bạc châu báu, người ăn kẻ ở không thể đếm hết.

Môt hôm Mục-kiền-liên bảo em:

- Ta nghe nói em rất keo kiệt, không thích bố thí. Đức Thế-tôn thường nói rõ, người phàm phu nhờ bố thí mà được phước báu vô số.

Người em nghe lời mở kho bố thí, đồng thời xây một kho mới để mong nhận quả báo mới.

Chưa được mười ngày, của báu đều hết, các kho cũ trống rổng mà kho mới chưa có chi thu vào.

Người em buồn bã đến tìm Ngài Mục-kiền-liên.

- Trước đây anh khuyên bảo em bố thí sẽ được quả báo lớn. Em không dám trái lời, đem hết của cải ra bố thí. Tất cả người nghèo khổ trước đây đều có phần. Của cải hàng hoá đều đã hết sạch mà kho mới không thấy có món gì chất vào. Không lẽ em bị anh gạt ư?

Mục-kiền-liên vội bảo:

- Thôi đi, đừng nói những lời như thế. Chớ để cho những kẻ dị học

tà kiến nghe được những lời nói vụng về này. Nếu làm cho phước đức có hình tướng thì cả hư không này cũng không dung chứa hết. Nay ta tạm dùng phương tiện chỉ cho em thấy quả báo mầu nhiệm của mình. Nếu em muốn thấy thì đi theo ta.

Ngài Mục-kiền-liên dùng thần lực nắm tay em bay lên cõi trời thứ sáu. Ở đây có cung điện làm bằng bảy thứ báu, trước sau đều có ao tắm, gió thơm lan toả khắp nơi, kho báu đầy ngập không thể tính đếm, ngọc nữ trông coi cả ngàn vạn người. Nhưng ở cung điện này chỉ có người nữ, không có người nam làm chủ.

Người em liền hỏi Ngài Mục-kiền-liên:

- Đây là cung điện gì mà cao đẹp như thế? Lại không có người nam, chỉ toàn là nữ.

Mục-kiền-liên bảo:

- Em hãy đến hỏi thử.

- Người em nghe lời đến hỏi thiên nữ:

Đây là cung gì?

Thiên nữ đáp:

- Ngài Mục-kiền-liên, đệ tử thần thông đệ nhất của đức Phật Thích-ca ở nước Ca-tỳ cõi Diêm-phù-đề có một người em trai rất giàu có lại ưa thích bố thí, cứu giúp hết thảy những người nghèo thiếu khốn khó. Sau khi mạng chung người ấy sẽ sanh về đây, làm chồng chúng tôi.

Người em nghe xong rất vui mừng, tâm thiện phát sanh, trở về chỗ Mục-kiền-liên hổ thẹn sám hối. Sau đó trở lại thế gian bố thí cùng khắp, không biết mệt mỏi.

(Trích kinh Mục-Kiền-Liên Đệ Bố Thí Vong Tức Báo)

14. MỤC-KIỀN-LIÊN HÀNG PHỤC CÁC BỒ-TÁT KHINH MẠN:

Ở phương tây có một thế giới tên Quang Minh, Phật tên Quang Minh Vương hiện đang thuyết pháp. Ngài Mục-kiền-liên nương oai lực của Phật Thích-ca đến cõi ấy để lắng nghe lời Phật dạy.

Thân Phật cõi ấy cao bốn ngàn dặm, thân các Bồ-tát cao hai ngàn dặm, bát đựng thức ăn của chư Bồ-tát cao một dặm. Ngài Mục-kiền-liên đi quanh miệng bát. Khi ấy các vị Bồ-tát nhìn thấy, bạch Phật:

- Bạch Thế-tôn, con trùng này từ đâu đến, lại mặc y phục của Sa-môn?

Phật cõi ấy bảo:

- Này các Hiền giả, cẩn thận chớ khởi tâm coi thường vị Hiền giả này. Vì đây là vị Thanh văn thần thông đệ nhất trong hàng đệ tử của Đức Phật Thích-ca, tên là Mục-kiền-liên,

Khi ấy Phật Quang Minh bảo với Mục-kiền-liên. Chư Bồ-tát và Thanh-văn ở cõi ta thấy thân ông nhỏ nên coi thường. Hiền giả nên nương oai đức của Phật Thích-ca hiện sức oai thần.

Ngài Mục-kiền-liên cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu bên phải bảy vòng rồi ở trước Phật thưa:

- Bạch Thế-tôn! Nay con muốn ngồi kiết già không biết đất ở đây có dung chứa được không?

Phật bảo:

- Tuỳ ý thích của hiền giả.

Khi ấy Ngài Mục-kiền-liên vọt lên hư không cao trăm ngàn ức nhận, trên thành báu ở cõi kia, Ngài hoá làm một chiếc giường và ngồi kiết già trên ấy. Trên toà ngồi ấy có treo vô số bảo châu. Mỗi hạt châu phát ra trăm ngàn tia sáng đều có hoa sen, trong mỗi hoa sen đều có Đức Phật Thích-ca đang ngồi. Tiếng nói của những Phật ấy giống như tiếng Nói của Phật Thích-ca vậy. Những lời kinh phát ra trong trẻo vang vọng không hề sai khác.

Mục-kiền-liên hiện thần thông vòng đến trước Phật. Khi ấy các vị Bồ-tát khen là chưa từng có và bạch Phật:

- Ngài Mục-kiền-liên vì nhân duyên gì lại đến thế giới này?

Phật bảo:

- Vì Mục-kiền-liên muốn thử âm thanh của Đức Phật Thích-ca vang được bao xa, cho nên đến đây.

Khi ấy Phật Quang Minh Vương bảo Mục-kiền-liên:

- Hiền giả không nên thử âm thanh vang vọng của như-lai, vì âm vang của Đức Như-lai không có xa gần nhưng lại rộng xa vô lượng không thể lấy gì ví dụ cho được.

Mục-kiền-liên nghe xong đảnh lễ sám hối.

Đúng vậy, thưa Thế-tôn, con thật ngu si, âm thanh của Phật vang xa vô lượng mà con hồ đồ khởi tâm muốn biết giới hạng của nó. Hiền giả tuy ở xa nhưng vẫn đến được cõi Phật này.

- Mục-kiền-liên vội thưa:

Bạch Thế-tôn! Con từ cõi rất xa đến đây thân thể vô cùng mệt mỏi, không thể trở về cõi mình được nữa.

- Hiền giả đã dùng thần lực gì đến thế giới này?

- Đó là nhờ oai lực của Đức Thích-ca mà có được như thế.

- Nếu vậy hiền giả hãy hướng về đảnh lễ đức Thích-ca thì tự nhiên sẽ được về cõi ấy. Còn giả sử như thật sự Hiền giả dùng thần lực của mình muốn về cõi ấy thì đi suốt một kiếp cũng không thể đến được.

Mục-kiền-liên vội quỳ xuống chấp tay hướng về phương Đông, nương nhờ Phật Thích-ca, lập tức về đến nơi.

(Trích Mật Tích Kim Cang Lực quyển 3)

15. MỤC-KIỀN-LIÊN HÀNG PHỤC PHẠM CHÍ:

Phật bảo Mục-kiền-liên, ở một nơi xa cách đây tám ngàn cảnh giới có một nước lớn. Người dân ở đây quen sống buông lung không thấy tam-bảo. Vua và thần dân phụng thờ Phạm chí. Trong đó có năm trăm người đều đắc ngũ thông, có thể dời núi, lấp biển, phân thân biến hóa. Trong nước có một ngọn núi lớn chắn ngang đường đi của dân. Cả nước rất lo sợ. Vua nói với các Phạm chí, họ nghe rồi đều đến ngồi xung quanh ngọn núi ấy. Mọi người đều dùng thần lực của mình làm cho ngọn núi lung lây sắp dời đi.

Phật bảo Mục-kiền-liên:

Ông hãy đến nước kia, dùng thần lực làm thông con đường để giúp đỡ và giáo hóa hàng Phạm chí và vua dân nước ấy khiến cho họ tránh xa ba đường ác mãi mãi hưởng phước lành. Mục-kiền-liên liền phóng ánh sáng ngăn hết ánh sáng của mặt trời, mặt trăng rồi treo mình trên hư không ngay trên ngọn núi ấy, làm cho nó bất động.

Núi này đã được nâng lên, ai đã đè nó xuống? Mặt trời không có ánh sáng, nay phải làm sao?

Ở giữa ánh sáng, họ nhìn thấy các đệ tử hỏi:

- Ai dơ bẩn khiến cho núi này không lay động được?

Rồi họ ngước nhìn lên,thấy một Sa-môn ở trên núi.

Phạm chí buộc miệng nói:

Chính là do đệ tử của Cù-đàm làm ra.

Phạm chí kêu lên:

- Vua bảo chúng tôi vì dân mà trừ hoạn này, ông cớ gì lại đè xuống.

Mục-kiền-liên đáp:

- Ta tự treo lên hư không thì ai đè núi các ông.

Phạm chí ba lần dùng hết đạo lực muốn dời núi đi, nhưng núi lại lún xuống ba lần và trở thành đất bằng.

Tất cả Phạm chí nhìn nhau, bảo:

- Nếu có người đạo đức sâu dày lại thông minh trí tuệ là thầy của

ta. Nói xong tất cả đều đứng dậy, chỉnh sửa y phục cung kính đảnh lễ thưa với Mục-kiền-liên:

- Chúng tôi xin làm đệ tử của Ngài, hãy chỉ ra tánh linh và khai thị cho chúng tôi.

Mục-kiền-liên nói:

- Các ông muốn bỏ hết những điều mê mờ, ấy là tốt rồi. Tôi có bậc Tôn sư hiệu Vô Thượng chánh chơn, là bậc Nhất Thiết Trí. Các ông nên cùng nhau đến gặp Ngài.

- Đạo lực giáo Nhất Thiết Trí. Các ông nên cùng nhau đến gặp Ngài.

Phạm chí nói:

Đạo lực giáo hóa của Phật hơn cả Ngài sao?

Mục-kiền-liên đáp:

Đức Phật như núi Tu-di, chúng ta chỉ như hạt cải thôi. Các ông hãy đi theo ta.

Tức thì các Phạm chí liền đi đến chỗ Phật, trình bày các sự việc, trong ngoài đều thanh tịnh, nguyện xin Đức Thế-tôn gột rửa hết trần cấu để chúng con được chơn tịnh.

Chư Phạm chí thấy Phật liền tâm khai ý giải trở thành Sa-môn.

(Trích kinh Phật Thuyết Chí Tâm)

16. MỤC-KIỀN-LIÊN-GIÁO HÓA CHƯ QUỶ THẦN:

Một hôm Ngài Mục-kiền-liên đi đến núi Tuyết, giáo hoá các vị quỷ thần cùng rồng, Dạ-xoa, Duyệt-xoa, A-tu-la, Kiền-đà-la... Lúc ấy có một vị thần Kiền-đà-la ở trong cung bảy báu, có thân hình đoan chánh và thông minh kỳ đặc hơn các vị thần khác. Nhưng ông lại mang thân người đầu chó. Ngài Mục-kiền-liên thấy lạ mới hỏi:

- Sao ngươi lại có thân hình như thế?

- Vào thời Phật Duy Vệ, tôi là một đại trưởng giả,thích cúng dường chư Tỳ-kheo, Phạm chí và giúp đỡ người nghèo khổ. Nhưng vì tánh tình nóng nảy xấu xa, thường dùng những lời thô ác mắng nhiếc không kể già trẻ. Một hôm nhìn thấy môt đứa đang ăn cơm, tôi không vừa ý, liền nói:

- Ăn thô tháo còn hơn chó đói nữa.

Vì lời nói đó cho nên nay làm thân người, đầu chó, nhưng nhờ thích bố thí cúng dường nên hưởng phước báo như thế này.

(Trích Chư Kinh Yết Sự)

17. MỤC-KIỀN-LIÊN HÀNG PHỤC LONG VƯƠNG:

Phật dạy trưởng lão A-na-bân-chỉ nên tu hạnh bố thí. Trưởng giả liền quỳ gối chắp tay bạch Phật:

- Xin Phật cùng chúng Tăng ngày mai giáng thần đến nhà con. Con muốn cúng dường một bữa cơm đạm bạc. Phật im lặng nhận lời. sau đó bảo với chư Tỳ-kheo:

- Sáng sớm ngày mai bay lên hư không, đến giữa trưa hạ xuống nhà nhà của Bàn chỉ thọ trai.

Sáng hôm sau Phật cùng đại chúng trong phút chốc bay lên hư không, có một vị La-hán tên là Hoàng Chiên chỉnh trang y phục ở trên hư không đảnh lễ và bạch Phật rằng:

- Con đã vài lần lên hư không, nhưng chưa lần nào tăm tối như hôm nay.

Phật nói:

- Có hai Long vương đang nổi giận nhả ra hơi mù cho nên mới tăm tối như thế. Lại có La-hán tên là Thọ Bỉ bạch Phật:

- Con muốn ngăn chặn Long vương.

Phật bảo:

- Long vương có Đại uy thần lớn. Ông đến đó ắt sẽ khiến cho Long vương nổi giận sanh tâm ác phun ra nước làm cho nhân dân cùng các loài côn trùng đều bị chết chìm.

Mục-kiền-liên bạch Phật:

- Con muốn đến để khuyên ngăn Long vương.

Phật vui vẻ khen ngợi chấp thuận. Mục-kiền-liên đến chỗ Long vương, Long vương thấy Ngài đến thì miệng liền phun khói rồi lại phun lửa bao vây Ngài. Ngài cũng dùng thần lực hoá làm lửa bao vây Long vương ba vòng. Ngài lại biến thân chui vào mắt Long vương, từ mắt này chui qua mắt kia. Cứ như thế lần lượt chui vào tai, mũi miệng của Long vương. Long vương cho là Mục-kiền-liên đang ở trong bụng mình.

Mục-kiền-liên lại biến hoá vây Long vương mười bốn vòng rồi chỉ dạy. Rồng rất sợ hãi quẫy đuôi trong biển chấn động cả núi Tu-di.

Từ xa Phật bảo Mục-kiền-liên:

- Con rồng này còn phun nước làm chết nhiều người, ông hãy cẩn thận.

Mục-kiền-liên bạch Phật:

- Con có thần thông của tứ thiền thường tin tưởng sử dụng, con có thể nắm lấy núi Tu-di cùng hai Long vương ném đến phương khác, lại có thể dùng tay đập nát núi Tu-di và Long vương mà mọi người không

hề hay biết.

Hai rồng nghe Mục-kiền-liên nói liền chịu khuất phục. Mục-kiền-liên trở lại thân Sa-môn, rồng hoá thành người, cúi đầu đảnh lễ sám hối Ngài Mục-kiền-liên:

- Chúng con ngu si không biết thần lực của tôn giả làm xúc phạm đến Ngài, xin thương xót tha tội.

Hai rồng sám hối xong đến trước Phật xin thọ năm giới cúi đầu đảnh lễ từ giã.

(Trích kinh Hàng Long)

18. MỤC-KIỀN-LIÊN DỜI AO VÔ NHIỆT HIỆN CHIM CÁNH VÀNG:

Lúc ấy A-nậu-đạt cùng quyến thuộc thỉnh Phật vào ao lớn Vô Nhiệt cúng dường trong ba tháng, đồng thời thỉnh chư Bồ-tát thần thông quả biện và hàng đệ tử cúng dường trong nửa tháng.

Được nhận lời rồng vui vẻ nổi mây sấm, tuôn mưa khắp thiên hạ. Trong phút chốc Long vương trở về Long cung gọi năm trăm trưởng tử là Thiện Nha, Thiện Thí...

- Này năm trăm trưởng tử! Nay ta bình đẳng thỉnh Phật, các vị Bồ-tát, các vị Thanh-văn cùng chúng đệ tử cúng dường suốt nửa tháng. Các con hãy đồng lòng cùng nhau cung kính đức Thế-tôn, luôn nghĩ đến vô thường, nên giữ tư cách điềm đạm, khiêm nhường, tôn kính đến hầu đức Thế-tôn và tạm gác lại những mong muốn, vui chơi của mình, bỏ tâm tham lam giận dữ, xa lìa sắc, thanh, hương, vị, xúc. Vì sao? Vì đức Thế-tôn là bậc vô dục, ung dung tự tại, hiền từ hoà nhã. các con hãy quán sát cho rõ ràng, tuỳ thuận vâng theo lời chỉ dạy của Phật.Trong nửa tháng, các con không được vào cung, phải từ bỏ thói quen dâm dật, sân hận, ngu si. Vì khi đức Như-lai tuyên giảng giáo pháp chắc chắn có các vị Bồ-tát đầy đủ thần thông cùng các bậc Thích- Phạm hộ trì thế gian từ phương khác đến đầy cả hội này. Các con hãy siêng năng cúng dường, cẩn thận chớ nên lười biếng để đại chúng nhìn thấy vui mừng.

Khi ấy, trong ao Vô Nhiệt dưới chân núi Tuyết, Long vương hoá ra toà Lưu Ly bóng đẹp rộng bảy trăm do tuần. Xung quanh cho bài trí tám vạn bốn ngàn hàng cây đủ các thứ báu. Trong các giảng đường có tám vạn bốn ngàn toà sư tử cao rộng, có hai ngàn Long nữ xinh đẹp vô cùng, miệng toả hương thơm, tay cầm đủ các loại hoa cùng hương bột, hương thoa. Các Long nữ cùng nhau trổi kỹ nhạc để ca ngợi công đức của Phật và làm cho chúng hội vui vẻ. Trong hư không, các thứ tràng phan tơ lụa

rực rỡ buông xuống, chuông báu cùng hoà lên những Âm điệu hay hơn cả tiếng nhạc. Trăm món ăn ngon đều được sắp bày đầy đủ. Xong đâu đó, Long vương cùng quyến thuộc từ xa cung đón đức thế-tôn. Khi ấy Phật cùng tám vạn bốn ngàn Bồ-tát, trên hai ngàn vị đệ tử đều dùng thần thông bay đến cung vua Vô Nhiệt. Ngài Mục-kiền-liên nương thần lực của Phật dời ao Vô Nhiệt rời khỏi mặt đất bảy trượng rồi hoá thành Kim-sí điểu vương vàng óng đứng trên Long cung bảo vua, Như-lai đã đến. Quyến thuộc của Long vương sợ hãi lông vảy dựng đứng chạy tìm chổ trốn. Long vương an ủi:

"Các ngươi yên tâm chớ có sợ hãi, đó chỉ là do hiền giả Mục-kiền-liên hoá ra thôi. Các ngươi hãy trổi kỹ nhạc chúc mừng và sắp đặt toà sư tử rộng lớn để cung nghinh bậc Chánh Giác cùng hàng đệ tử."

Long vương cùng quyến thuộc tự tay sửa soạn sắp đặt đủ loại thức ăn ngon hơn cả các loại cao lương mỹ vị ở thế gian, ngoài ra còn có thức ăn ở cõi trời để cúng dường Phật cùng chúng Tăng. Thọ trai rửa bát xong, Phật thuyết pháp, tất cả chúng hội đều hoan hỷ.

(Trích kinh Hoằng Đạo Quảng Hiển Tam Muội quyển 3)

19. MỤC-KIỀN-LIÊN BA LẦN NHÌN KHÔNG ĐÚNG:

Phật ở tại thành Xá-vệ, Bấy giờ có các vị Tỳ-kheo tụ tập một chỗ cùng nhau bàn luận.

Có vị hỏi:

- Giảng đường Thiện Pháp có cột kèo gì không?

- Có cột, Ngài Mục-kiền-liên đáp.

Tỳ-kheo Vô Tuế lại nói không có cột. Mọi người liền sai một vị Tỳ-kheo có thần thông đến xem, vị ấy trở về bảo không có cột. Mọi người liền bảo với Mục-kiền-liên:

- Ngài không biết tại sao lại nói có cột. Đó là lời vọng ngữ đáng bị đuổi đi.

Nói rồi họ liền tập hợp tăng chúng. Khi ấy Phật dùng thần túc từ trên không trung đi đến, biết chuyện nhưng vẫn cố hỏi chư Tỳ-kheo:

- Các ông đang làm gì?

- Bạch Thế Tôn Ngài Mục-kiền-liên ngay đến việc không có cột cũng nói là có. Đó là lời không thật, nên chúng con muốn nhóm chúng yết ma tẩn xuất.

Phật hỏi Tỳ-kheo Vô Tuế.

Tại sao ông biết là không có cột.

Con đã từng một lần ngồi thiền trong giảng đường Thiện Pháp.

Phật bảo Mục-kiền-liên:

- Tại sao ông lại không đến xem, ông hãy quan sát cho thật kĩ rồi mới nói. Mục-kiền-liên chân thật nên không phạm giới.

(Trích luật Tăng Kỳ quyển 29)

20. MỤC-KIỀN-LIÊN LÒNG THẬT VIỆC SAI:

Có người hỏi Ngài Mục-kiền-liên:

- Nước ao A-phù từ đâu chảy đến?

Mục-kiền-liên đáp:

Nước ao này từ ao A-nậu-đạt chảy đến.

Chư Tỳ-kheo nói:

- Nước trong ao A-nậu-đạt có tám công đức ngon ngọt, còn nước ở đây nóng sôi, mặn đắng, tại sao nói là từ đó. Này Mục-kiền-liên! Ông đã nói những lời suông, là người có lỗi. Nói những lời vọng ngữ như thế đáng bị tẩn xuất.

Chư Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Phật bảo:

- Chư Tỳ-kheo! Các ông chớ nói Mục-kiền-liên có lỗi. vì sao? Vì ao A-nậu-đạt ở cách đây rất xa. Đúng là nước ấy có tám công đức ngon ngọt, nhưng vì từ đó chảy đến đây phải qua năm trăm địa ngục nhỏ. Vì vậy nên nước trở nên mặn đắng và nóng. Nếu các ông hỏi tại sao nước này mặn và đắng thì Mục-kiền-liên sẽ tùy câu hỏi mà trả lời.

Lại có một thời gian trời nắng hạn, Mục-kiền-liên nhập định thấy bảy ngày sau trời sẽ mưa lớn, nước đầy ngập các ao rãnh. Nghe tin ấy, dân chúng cả nước rất vui mừng, bỏ hết chuyện đồng áng đi trốn nắng.

Đến ngày thứ bảy chư Tỳ-kheo bảo với Mục-kiền-liên:

Ông nói bảy ngày nữa trời sẽ mưa lớn ngập hết ao lớn, hôm nay gió còn không có huống chi là mưa. Ông nói những lời suông cố ý dối gạt mọi người, đáng bị diệt tẩn.

Nghe vậy, Phật bảo chư Tỳ-kheo:

Mục-kiền-liên thấy việc trước mà không thấy việc sau. Như lai thấy cả việc trước lẫn việc sau. Ngày thứ bảy đúng là có mưa to, nhưng vì có La-hầu A-tu-la vương đem cơn mưa ấy trút vào biển. Mục-kiền-liên tuỳ theo suy nghĩ của mình mà nói cho nên không có tội.

(Trích luật Thập Tụng quyển 4)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 15

1. Ưu-ba-ly cạo tóc cho Phật chứng dược tứ thiền
2. Ca-chiên-diên độ bà lão bán nghèo sanh lên trời
3. Nhân duyên Nan-đà đắc đạo
4. Nan-đà có ba mươi hai tướng giống đức Phật
5. Tất-lăng-già-Bà-sai dùng thần túc cảm hoá nàng chăn trâu
6. Bạt-đà-la chia vật cho hai trưởng lão, Phật nói bổn duyên
7. Ca lưu đà di giáo hoá phi thời đến nỗi mất mạng
8. A-nan và Phật đời trước làm bạn thân
9. A-nan làm thị giả và thọ trì kinh điển
10. Đức Phật giải mộng
11. A-nan bị mẹ chiên đà la dùng thần chú bắt giữ
12. Phật thọ ký đời sau của con bò cho sữa
13. A-nan cảm hoá vua Ba-tư-nặc cúng dường
14. A-nan thử Tỳ-kheo Sơn-hướng, vấn nạn vua A-dục

1. ƯU BA LY CẠO TÓC CHO PHẬT CHỨNG TỨ THIỀN:

Thuở nọ đức Phật ở thành Xá-vệ, không ai dám cạo tóc cho Ngài, chỉ có một đồng tử Ưu-ba-ly dám làm việc đó. Lúc ấy cha mẹ của đồng tử đến trước Phật chấp tay thưa: "Bạch Thế Tôn, con của con có thể cạo tóc cho Ngài". Nhưng vì thân của Ưu-ba-ly quá khom nên cha mẹ dạy cậu đứng thẳng người một tí, song chớ đứng thẳng quá làm sao cho hơi thở phát ra không thô tháo.

Ưu-ba-ly bạch Phật: "Con có thể đứng thẳng cạo tóc cho Ngài".

Cha mẹ bảo: "Con đừng nên đứng thẳng quá".

Phật nói: "Ngươi khéo cạo tóc cho ta nhưng hơi thở vào còn quá thô".

Cha mẹ cậu bảo: "Con chớ hít vào thô quá khiến Phật bất an".

Phật dạy: "Con cạo tóc khéo nhưng hơi thở ra còn quá thô".

Cha mẹ lại nhắc: "Con chớ thở ra quá thô khiến Phật bất an".

Bấy giờ Ưu-ba-ly nhờ chú tâm theo dõi hơi thở ra vào mà chứng nhập được thiền thứ tư.

Đức Phật bảo A-nan: “nay Ưu ba ly đã vào thiền thứ tư, ông hãy đỡ lấy con dao trên tay cậu ta”.

A-nan vâng lời, đỡ lấy con dao và dùng dụng cụ đựng tóc cũ an trí tóc của Thế Tôn.

Đức Phật dạy: “Con không nên dùng bình cũ đựng tóc”.

Bấy giờ có vương tử Cù-ba-ly kéo quân chinh phạt nước khác, ông ta đến xin râu tóc của đức Phật, Ngài liền bằng lòng. Vương tử nhận được râu tóc nhưng không biết an trí nơi nào.

Phật dạy: “Ông hãy đặt những thứ đó vào trong tháp báu, tháp vàng, tháp bạc, dùng lụa màu, Y Lam-bà, Y Đầu-la gói lại”.

Vương tử lại hỏi: “Con không biết đem đi bằng cách nào?”

Phật dạy: “Ông hãy dùng voi ngựa, xe cộ, hoặc liễn nhà vua, hoặc kiệu để chở đi, hoặc đội trên đầu, hoặc vác trên vai”.

Lúc đó vương tử đem tóc của Thế Tôn đi theo, nên chinh phạt được thắng lợi. Khi trở về nước, vương tử liền xây tháp thờ tóc Phật. Đó là tháp khi đức Thế Tôn còn tại thế.

Về sau các Tỳ-kheo đi đâu cũng mang theo vật đựng tóc của đức Phật trước đây để dùng.

Phật dạy: “Các ông không nên đội bình đựng tóc trên đầu, cũng không nên mang tháp đến nơi đại tiểu tiện”.

Do cung kính nên các Tỳ-kheo không dám ngủ chung với tháp mà đặt tháp nơi phòng khác.

Phật dạy: “Hãy dặt trên trụ cao, hoặc để ở cạnh đầu”.

(Trích luật Tứ Phần quyển ba)

2. CA CHIÊN DIÊN ĐỘ BÀ LÃO BÁN NGHÈO SANH LÊN TRỜI:

Ngày xưa ở nước A-bàn-đề có một trưởng giả giàu có, của cải nhiều vô số nhưng tham lam bỏn xẻn, lại thêm độc ác, không chút từ tâm. Trong nhà có nuôi một người tớ gái, sớm khuya bị chủ sai làm việc không được nghỉ, hễ có chút sơ suất liền bị ăn roi vọt. Áo mặc không đủ ấm, cơm chẳng đủ no, thân hình già yếu tiều tuỵ, bà muốn chết mà không được.

Một hôm bà cụ vừa xách bình ra bờ sông lấy nước, lại nhớ đến nỗi khổ đó nên cất tiếng khóc to. Lúc ấy tôn giả Ca-chiên-diên đi đến hỏi thăm bà: “tại sao cụ lại khóc?”

Bà cụ nghẹn ngào đáp: "thưa Tôn giả, tôi đã già rồi nhưng thường bị chủ sai làm công việc khổ nhọc, lại thêm nghèo khốn, cơm áo không đủ, muốn chết cũng chẳng được".

Tôn giả hỏi: "Nếu như bà nghèo quá, tại sao bà không bán cái nghèo đi?"

Bà cụ hỏi lại: "Thưa tôn giả, cái nghèo có thể bán được ư? Ai sẽ mua đây?"

Tôn giả đáp: "Thật đấy, cái nghèo có thể bán được".

Tôn giả nhắc đi nhắc lại ba lần như thế bà cụ mới đồng ý.

Tôn giả bảo: "Bà muốn bán cái nghèo thì phải nghe theo lời tôi".

Bà đáp: "Thưa vâng"

Tôn giả bảo: "Trước hết bà nên tắm gội".

Khi bà tắm gội xong, tôn giả lại bảo: "Bà hãy nên bố thí"

Bà cụ nói: "Thưa tôn giả, tôi quá nghèo khổ, hiện giờ tôi hoàn toàn không có thứ gì để bố thí, chỉ có cái bình này là vật của chủ nhà thì lấy gì mà bố thí đây?"

Tôn giả liền trao bát cho cụ bà và bảo: "Bà hãy mang bát này đi lấy một ít nước sạch".

Bà cụ nghe theo, đi lấy nước về dâng cho tôn giả. Ngài nhận lấy bát nước và chú nguyện cho bà, sau đó dạy bà thọ trai. Tôn giả giảng cho bà nghe các công đức niệm Phật. Ngài hỏi: "Nay bà có chỗ ở không?"

Bà đáp: "Thưa không, bạch Tôn giả. Nếu lúc xay giã thì con nằm bên cối xay, nấu ăn hay làm các công việc thì tuỳ theo những chỗ đó mà nằm nghỉ. Lúc không làm việc thì ngủ ở đống phân".

Tôn giả Ca-chiên-diên nói: "Khi bị sai khiến làm việc, bà hãy làm với tâm cung kính, cẩn thận chớ sanh lòng oán ghét. Sau đó chờ chủ và mọi người đi ngủ, bà hãy lặng lẽ mở cửa hông, tìm nơi kín đáo, trải cỏ sạch mà ngồi tư duy, quán niệm đức Phật, chớ sanh niệm ác".

Bấy giờ bà lão vâng làm theo lời Tôn giả, vào cuối đêm ấy bà qua đời, thần thức sanh lên cõi trời Đao-lợi. Sáng ra, trưởng giả phát hiện bà đã chết, mới sai người dùng cỏ cột chân kéo thi thể bỏ trong rừng lạnh.

Cùng lúc ấy có vị thiên tử và năm trăm thiên nữ làm quyến thuộc, vì phước trời đã hết nên mạng chung. Bà cụ nghèo kia sanh lên trời và được thế vào nơi ấy.

Theo phép sanh lên trời, nếu người có căn tánh lanh lợi thì sẽ biết được duyên nghiệp đời trước của mình, còn người căn tánh chậm lụt thì

họ chỉ biết hưởng thú vui của cõi trời mà thôi.

Bấy giờ bà cụ này sanh lên trời cùng vui chơi với năm trăm thiên nữ mà không biết được nhân duyên gì mình được sanh lên đây.

Khi ấy Tôn giả Xá-lợi-phất đang ở cung trời Đao-lợi, Ngài biết được nhân duyên sanh lên trời của vị thiên tử này, nên đến hỏi: "Này thiên tử! Ông nhờ phước đức gì mà được sanh lên cõi trời này vậy?"

Thiên tử đáp: "Bạch Tôn giả, con không biết".

Lúc ấy vị thiên tử nhờ nương vào đạo nhãn của Tôn giả Xá-lợi-phất, thấy thân cũ của mình, nhờ tôn giả Ca-chiên-diên mà được sanh lên trời.

Bấy giờ vị thiên tử này lập tức dẫn năm trăm thiên nữ đi xuống rừng lạnh để rải hoa, đốt hương cúng dường tử thi, ánh sáng chiếu rực rỡ. Khi ấy trưởng giả kia nhìn thấy cảnh lạ lùng đó liền sai người hầu đến rừng xem xét. Họ nhìn thấy chư Thiên cúng dường tử thi, vội hỏi: "Đây là thi thể của kẻ nô tỳ hôi hám, khi bà ta còn sống mọi người không muốn nhìn thấy mặt, huống gì nay đã chết, tại sao chư Thiên lại cúng dường?"

Bấy giờ thiên tử bèn thuật rõ nguồn gốc của mình cho họ nghe.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển bảy)

3. NHÂN DUYÊN NAN-ĐÀ ĐẮC ĐẠO:

Bấy giờ đức Phật ngự ở thành Tỳ-xá-ly. Một hôm, có Nại nữ xinh đẹp, ngồi xe báu lộng lẫy đến chỗ Phật. Cô ta xuống xe ân cần thăm hỏi đức Như Lai. Lúc đó Nan-đà đi kinh hành cách Phật không xa, Nại nữ liền đi tới chỗ Nan-đà, lấy tay sờ vào chân Tôn giả và nói: "Thưa tôn giả, tôi là nại nữ đây".

Ngay lúc đó, Nan-đà xúc động liền xuất tinh, nước tinh chảy xuống làm bẩn tay cô ta. Nại nử lập tức đảnh lễ, đến thưa với Phật: "Bạch Thế Tôn, người như vậy mà Ngài cho ở trong chúng sao?"

Phật đáp: "Người như thế nên cho ở trong chúng, vì sao? Bởi Nan-đà không bao lâu nữa sẽ thành tựu quả vô lậu".

Nại nữ im lặng, bỏ đi. Nại nữ đi chưa xa, Phật bảo A-nan: "Ông hãy nhóm họp tất cả đại chúng Tỳ-kheo đến tại giảng đường".

Khi đại chúng đã nhóm họp xong, đức Phật bảo: "Ta xét thấy trong chúng Tỳ-kheo, ai cũng phải có đủ quần áo lót để bó thân thể, đó là pháp các Tỳ-kheo cần phải học".

Phật hỏi Nan-đà: "Này Nan-đà, tại sao ông lại để xảy ra trạng thái như vậy?"

Nan-đà trong lòng hỗ thẹn thưa: "Bạch đức Thế Tôn, xin người hãy nói pháp cho con nghe. Sau khi nghe xong, con sẽ vào chốn thanh vắng để quán sát pháp như thật, an vui tu tập".

Phật dạy: "Ông hãy quán thân này, tuỳ theo sở hành của nó mà quán sát từ đầu đến chân, cho đến tóc lông móng răng... bao nhiêu thứ không sạch chứa đầy dẫy trong thân ông. Hãy quán sát đúng như thật, xem nó là bất tịnh hay không bất tịnh? Hãy quán sát những thứ xấu xa đó, xem nó ở chỗ nào và từ đâu đến?"

Lúc ấy, Nan-đà nghe xong lời dạy ấy liền đảnh lễ Phật rồi lui ra. Sau đó, Nan-đà tìm đến nơi thanh vắng, ngồi quán sát thân thể này từ đầu đến chân, biết bao nhiêu thứ bất tịnh. Ông thấy rõ từng chi phần, biết cả nguồn gốc nhóm họp và sanh ra nó. Ông nghĩ: "giờ ta phải xa lìa nó thì không còn tâm dâm dục".

Nan-đà nói kệ:

Dâm dục ta đã biết
Ngươi từ ý tưởng sanh
Nếu ta không nghĩ đến
Thì làm sao có ngươi?

Bấy giờ Nan-đà ở chỗ thanh vắng tu tập và chứng đắc A-La-hán.
(Trích kinh Tăng Nhất A Hàm quyển chín, chương mười ba)

4. NAN-ĐÀ CÓ BA MƯƠI HAI TƯỚNG GIỐNG NHƯ ĐỨC PHẬT:

Vào buổi sớm, khi Phật vừa đắc đạo, toàn thân phóng ánh sáng chiếu khắp đại thiên. Các hàng người, trời, rồng, Bồ-tát trong mười phương đều đến nghe Phật nói pháp. Tất cả vô cùng vui sướng, tuỳ theo bổn hạnh của mình mà mỗi người đều chứng đạo quả. Riêng Nan-đà em Phật không chịu nghe theo, làm trái lời Phật dạy nhưng lại muốn tu hành. Nan-đà có ba mươi hai tướng đẹp. Ở trong hàng đệ tử, ông ôm bát đắp y Chân-việt, hình dáng giống như đức Phật. Vì thế, các Tỳ-kheo, những người chưa chứng đạo nhãn từ xa trông thấy Nan-đà, họ đều làm lễ.

Phật bảo Nan-đà: "Từ nay về sau, ông không được đắp y Chân-việt nữa, phải đắp Ca-sa màu đen. Vì sao? Bởi ông làm trái với giáo pháp của ta mà nhận sự đảnh lễ của các Tỳ-kheo, ông sẽ rơi vào địa ngục".

(Trích kinh Thập Phần Thí Dụ quyển 4)

5. TẤT-LĂNG-GIÀ-BÀ SAI DÙNG THẦN TÚC CẢM HOÁ CÔ GÁI CHĂN BÒ:

Bấy giờ, tôn giả Tất-lăng-già-Bà-sai ở thành Vương xá. Một hôm đến giờ tôn giả theo thứ lớp đi khất thực, ngang qua nhà cô gái chăn bò. Nhìn thấy cô gái đang khóc ở trong nhà, tôn giả liền hỏi: "Vì sao cô khóc?"

Cô đáp: "Thưa tôn giả, hôm nay là ngày lễ, mọi người đều hội họp vui chơi, riêng con không có xiêm y đẹp nên không được tham dự".

Lúc đó, tôn giả liền hoá ra các thứ y phục, đồ trang sức châu báu, anh lạc, vàng bạc cho cô gái rồi bỏ đi. Sau khi trang điểm xong, cô gái lên đường dự hội. Mọi người trông thấy liền hỏi: "Ở đâu cô có y phục này?"

Cô gái nói rõ nguyên nhân. Thế là tiếng đồn đến tai quốc vương, nhà vua cho gọi cô gái chăn bò và mời Tỳ-kheo Tất-lăng-già-Bà-sai đến. Vua hỏi tôn giả: "Ở đâu mà tôn giả có được những thứ y phục bằng vàng tốt đẹp, chẳng phải những thứ hiện có ở thế gian".

Tôn giả liền cầm cây gậy đánh vào tường và gõ lên giường, tất cả đều hoá thành màu vàng óng. Tôn giả nói: "Những thứ gì mà cô gái thuộc giai cấp Thủ-đà-la này có được là đây vậy".

Nhà vua nói: "thưa Tôn giả, Ngài có đại thần túc, xin mọi người hãy ra về.

(Trích luật Tăng Kỳ quyển 29)

6. BẠT NAN-ĐÀ PHÂN CHIA VẬT DỤNG:

Bấy giờ, đức Thế Tôn trụ tại nước Kiều-tất-la, an cư với nhiều Tỳ-kheo. Các bạch y cư sĩ thấy chúng Tăng đông, nên cùng nhau xây dựng Tinh xá và sắm y cúng dường. Năm sau, đức Phật trở về an cư ở tinh xá Kỳ Hoàn. Nơi đó chỉ còn hai vị Tỳ-kheo trưởng lão, các cư sĩ thầm nghĩ: "Năm nay chúng ta sẽ cúng dường như năm trước để các vị được y còn chúng ta được nhiều phước đức".

Thế là, nhiều người đem y và vật thực cúng dường hai vị trưởng lão. Hai vị thầm nghĩ: "Phần y và phẩm vật nhiều quá, nếu chúng ta chia nhau thì không biết có phạm tội gì không?"

Rốt cuộc họ không dám chia. Bấy giờ tôn giả Bạt-nan-dà đi du hóa khắp nơi, xem xét vật cúng dường nhiều hay ít. Hai vị trưởng lão từ xa trông thấy Bạt-nan-đà đến vội dứng dậy nghinh đón, mời ngồi và thăm hỏi.

Lúc đó Bạt-nan-đà hỏi: "Mùa an cư này chúng Tăng có được vật

cúng dường không?"

Hai vị trưởng lão đáp: "thưa có".

Bạt-nan-đà hỏi: "Đã chia chưa?"

Đáp: "Dạ chưa".

Hỏi: "Tại sao chưa chia?"

Trưởng lão đáp: "Vì y và phẩm vật nhiều quá mà chúng tôi thì ít người. Nếu chia không biết sẽ phạm tội gì?"

Bạt-nan-đà nói: "Các vị chưa chia thì tốt".

Hai vị trưởng lão thưa: "Tôn giả có thể chia được không?"

Đáp: "được".

Bạt-nan-đà lại bảo: "Trong việc này chúng ta phải tác pháp yết ma, không nên chia ngang".

Bấy giờ hai vị trưởng lão đem tất cả y vật đặt trước Bạt-nan-đà. Bạt-nan-đà đem y chia thành ba phần và bảo: "Hai vị mỗi người một bên, riêng tôi ngồi đống giữa".

Bạt-nan-đà lại bảo: "Các vị trưởng lão hãy nhứt tâm nghe yết ma, hai vị một phần y gọi là ba, tôi hai phần y gọi là ba, yết ma như vậy có thành không?"

Đáp: "Thành".

Bạt-nan-đà lại bảo: "Hai vị hãy gói y lại rồi vác đi".

Hai vị trưởng lão nói: "Phần y này chúng tôi chưa chia, làm sao đem đi?"

Bạt-nan-đà bảo: "Nếu nay ta chia giúp các ông thì lựa một y tốt ở trong đó dành cho người biết pháp rồi sau đó sẽ chia ra".

Trưởng lão đáp: "Chiếc y tốt này dành cho Tôn giả".

Bạt-nan-đà liền đem chiếc y tốt để sang một bên còn các y khác chia thành hai phần cho hai trưởng lão. Chia xong, Bạt-nan-đà gói y và phẩm vật lại vác về Tinh xá Kì Hoàn. Các Tỳ-kheo đi kinh hành từ xa trông thấy Bạt-nan-đà đến, họ bảo nhau: "Bạt-nan-đà không biết xấu hổ, có thấy nghe nghi tội, người nhiều ham muốn không chán đã đến kìa. Đợi Bạt-nan-đà đến gần, mọi người liền hỏi: "Này Bạt-nan-đà, người từ đâu về mà được nhiều thứ y vật như thế?"

Bạt-nan-đà trình bày cho mọi người nghe sự việc trên. Trong đó có vị Tỳ-kheo hành hạnh đầu đà, ít tham muốn biết đủ. Khi vị này nghe được việc ấy thì cảm thấy không bằng lòng, trách mắng Bạt-nan-đà đủ điều: "Tại sao ông mang danh Tỳ-kheo mà lại cố đoạt lấy vật của hai trưởng lão?"

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đem sự việc bạch Phật, Ngài cũng trách

mắng Bạt-nan-đà đủ điều và nói với các Tỳ-kheo: "Ông Bạt-nan-đà chẳng phải chỉ trong đời này đoạt lấy đồ vật của hai vị trưởng lão kia mà trong đời quá khứ đã từng làm như thế, bên một khúc sông có hai con rái cá thường bơi ở giữa dòng. Một hôm, hai chú rái cá này bắt được một con cá chép nhưng không biết chia sao cho đồng. Lúc ấy, Dã can ra sông uống nước. Dã can trông thấy hai chú rái cá liền hỏi: "Này các cậu đang làm gì thế?"

Rái cá nói: "Ông ơi! Chúng tôi bắt được con cá lớn này nhưng không biết phải chia sao cho đồng, ông có thể chia dùm được không?"

Dã can liền đáp: "Được, việc phân chia phải căn cứ trên sách vở chứ không thể làm bừa được."

Bấy giờ Dã can chia cá thành ba phần, phần đầu, phần đuôi và phần giữa nhiều mỡ và thịt. Chia xong, Dã can hỏi: "Trong hai cậu đây, ai thích bơi gần bờ?"

"Tôi đây"! Rái này đáp

Dã can lại hỏi: "Ai thích lội vào nước sâu".

"Tôi đây"! Rái kia đáp

Bấy giờ Dã can bảo: "Các cậu nên lắng lòng nghe, trong kinh sách ghi: "Ai đi gần bờ thì sẽ được phần đuôi, ai thích lội vào nước sâu thì sẽ cho phần đầu, còn lại phần giữa dành cho người biết cách chia".

Xong xuôi, Dã can liền ngậm phần giữa con cá chép về nhà, vợ dã can thấy chồng mang cá về thì hỏi: "Cá chép này ở đâu mà có?"

Dã can đáp: "Có kẻ ngu si, không biết xử việc nên ta dối gạt mà có được".

Phật dạy: "Này các Tỳ-kheo, hai con rái cá trước kia nay là hai vị Tỳ-kheo trưởng lão, còn Dã can chính là Bạt-nan-đà".

(Trích luật Thập Tụng, phần Thiện Tụng quyển ba, luật Tăng Kì cũng giống như vậy)

7. TAI HẠI CỦA SỰ GIÁO HOÁ PHI THỜI:

Bấy giờ đức Phật ở nước Xá-vệ. Lúc đó tôn giả Ca-lưu-đà-di đã chứng được quả A-La-hán, tôn giả thầm nghĩ: "Trước đây ta còn ở trong bọn Lục quần Tỳ-kheo, thường làm vẩn đục tâm niệm các vị cư sĩ ở nước Xá-vệ. Giờ ta nên quay lại giáo hoá cho họ được thanh tịnh".

Tôn giả liền trở về, độ được gần một ngàn nhà cư sĩ. Có nhà, chồng đắc đạo, hoặc có nhà thì vợ đắc đạo, số nhiều chẳng thể tính kể.

Bấy giờ, ở thành Xá-vệ có nhà Bà-la-môn. Nhà này đáng dùng thân Thanh-văn để độ, Tôn giả Ca-lưu-đà-di thầm nghĩ: "Nay ta hãy

đến độ nhà Bà-la-môn này”.

Lúc ấy, trong thành Xá-vệ tổng cộng có một ngàn nhà. Sáng sớm, tôn giả ôm bát vào thành khất thực. Khi đến nhà Bà-la-môn này thì người chồng đi vắng, vợ ông ta đóng cửa chiên bánh. Tôn giả nhập định, dùng thần lực đi qua lớp cửa rồi mới ra hiệu. Người vợ của Bà-la-môn quay đầu ra nhìn thấy tôn giả, nhưng cửa vẫn còn đóng. Bà nghĩ: “Sa-môn này vào ngả nào đây? Chắc là vì tham bánh của ta nên cố lẻn vào xin, ta nhất định không cho. Giả sử ông ấy làm cho mắt lồi ra, ta cũng không cho”.

Tôn giả dùng thần lực làm cho hai mắt lồi ra. Bà suy nghĩ: “Dù cho mắt ông ta lồi ra như cái chén thì ta cũng không cho”.

Tôn giả liền dùng thần lực làm y như thế. Bà ta lại nghĩ: “Dù cho ông ta đứng chổng đầu xuống đất thì ta cũng không cho”.

Tôn giả cũng vận thần lực làm y như vậy. Bà lại nghĩ: “Dù ông ta có chết đi, ta cũng chẳng cho đâu!”

Tôn giả liền dùng thần lực nhập diệt thọ tưởng định, bặt các nguồn tâm tưởng, không còn hay biết gì nữa. Lúc đó, vợ của vị Bà-la-môn dùng sức kéo xô Ngài nhưng thân cũng chẳng nhúc nhích. Bà ta sợ quá liền nghĩ: “Sa-môn thường vào cung vua Ba-tư-nặc là thầy của Mạt-lợi phu nhân, nếu như họ nghe tin có Sa-môn chết ở nhà ta thì hẳn chúng ta sẽ bị nguy to,và ước ao: “Nếu ông sống lại thì ta sẽ cho một cái bánh”.

Tôn giả Ca-lưu-đà-di liền xuất định, thân thể linh hoạt như thường. Lúc đó, nhìn thấy bánh của mình nướng vừa đẹp lại vừa ngon, bà ta cảm thấy tiếc, không muốn cho. Bà liền lấy cái chão ở bên cạnh, làm lại một chiếc bánh nhỏ hơn. Thế nhưng, khi bà bỏ lên chiên thì chiếc bánh lại càng to đẹp hơn. Thấy vậy, bà liền lấy chiếc bánh nướng trước kia cho Ngài, nhưng vừa cầm lấy một chiếc thì những chiếc khác dính vào nhau.

Tôn giả nói: “Tuỳ ý, chị muốn cho bao nhiêu cũng được”.

Bà liền cầm bốn chiếc bánh đưa cho tôn giả, nhưng tôn giả không lấy và nói: “Tôi không cần bánh này. Nếu chị muốn cúng thì mang đến Tinh xá Kì hoàn cúng dường cho chúng Tăng.

Người phụ nữ này do đời trước đã gieo trồng căn lành nên tự nghĩ: “Vị Tỳ-kheo này thật sự không tham bánh, chỉ vì xót thương ta nên đến khất thực”.

Thế là bà mang hết cả rổ bánh đi vào Tinh xá Kỳ hoàn, cúng dường cho chúng Tăng. Sau khi cúng xong, bà đến ngồi trước mặt tôn giả Ca-lưu-đà-di. Bấy giờ tôn giả quán nhân duyên đời trước của bà,

rồi thuyết pháp cho bà nghe. Nghe xong, bà xa lìa trần cấu chứng được pháp nhãn thanh tịnh, bà xin quy y Tam bảo, làm vị Ưu-Bà-di.

Bấy giờ, bà trở về nhà, cùng lúc người chồng cũng vừa về đến. Bà đem mọi sự kể cho chồng nghe và nói: "Giờ tôi đã chứng được quả Tu-đà-hoàn, ông hãy đến đó".

Nghe vợ nói, Bà-la-môn này lập tức đến chỗ tôn giả Ca-lưu-đà-di. Nghe được pháp mầu, ông ta cũng chứng được đạo nhãn thanh tịnh, làm vị Ưu-Bà-tắc.

Từ đó, cả hai vợ chồng thường dốc hết sức lực và tài của cúng dường cho tôn giả. Đến lúc ông bà mạng chung vẫn còn dặn dò đứa con phải cúng dường y như trước. Người con vâng lời, như pháp cúng dường.

Ít lâu sau, vợ của người con ở nhà dệt vải còn chồng đi làm. Một hôm, người vợ trông thấy tên đầu đảng cướp khôi ngô tuấn tú. Cô ta liền gọi người hầu đến và nói: "Ngươi hãy gọi ông ta đến đây cùng vui vẻ với ta". Lúc đó, tôn giả Ca-lưu-đà-di đến nhà cô khất thực và nói pháp cho cô nghe về lỗi dâm dục, quở trách về tội phá giới. Cô sanh lòng nghi, sợ Ngài biết việc xấu này sẽ nói lại với chồng, mới tìm cách giả bệnh, mời tôn giả ở lại. Tôn giả ở lại nói pháp, cô cố giữ tôn giả đến mặt trời lặn. Lúc đó Tôn giả đứng dậy đi tới đống phân, tên đầu đảng cướp rút dao bén chặt đầu tôn giả rồi vùi thi thể trong đống phân. Đến giờ thuyết giới, chúng Tăng phát thẻ dư một chiếc. Ai nấy lần lượt hỏi thăm. Đức Phật bảo: "Ca-lưu-đà-di đã nhập Niết-bàn rồi".

Đêm trôi qua, trời vừa sáng, đức Phật cùng chúng Tăng vào thành Xá-vệ, đến chỗ đống phân. Đức Phật vận thần lực khiến cho tử thi bay vọt lên hư không. Các Tỳ-kheo đón lấy thi thể đặt lên giường, mang ra ngoại thành hoả thiêu, xây tháp cúng dường.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc hay tin Tôn giả Ca-lưu-đà-di chết trong nhà Bà-la-môn, lập tức ra lệnh giết sạch bảy đời của họ và mười nhà xung quanh, đồng thời lấy hết tài sản của vùng đó, bắt năm trăm tên cướp chặt hết tay chân, đem bỏ vào trong hầm ở Kỳ-hoàn. Các Tỳ-kheo đi khất thực nghe việc ấy, mới về bạch Phật. Ngài dạy: "Tội lỗi đó đều do phi thời vào thôn xóm".

(Trích luật Thập Tụng, luật Tam Tụng quyển bốn)

8. A NAN VÀ PHẬT ĐỜI TRƯỚC LÀ BẠN THÂN:

Bấy giờ đức Phật du hoá ở nước Ba-la-nại. Một hôm Ngài ngồi dưới cội cây, hoan hỉ mỉm cười, phóng ra hào quang năm sắc. Thấy vậy,

Tôn giả A-nan quỳ xuống hỏi nguyên do. Phật bảo: "Thuở xưa, vào thời Phật Ca-diếp, nơi này có Tinh xá, trong đó có hai ngàn vị Sa-môn, đức Phật Ca-diếp thường giảng chánh pháp cho họ nghe". A-nan liền trải giường dây, rồi quỳ xuống thỉnh: " Mời đức Thế Tôn ngồi để vùng đất này có phước, được hai vị Phật xuất hiện.

Sau khi Phật an toạ xong, Ngài đưa tay chỉ ở phía xa: "Ở kia có huyện lớn, tên là Duy-lăng. Thuở đó có một người thợ gốm tên Hoan-dự, là người nhân từ, nhiều lần đến chỗ đức Phật, nghe Ngài thuyết pháp. Tuy ông ta là thợ gốm, nhưng chưa từng đào đất vì sợ tổn hại trùng kiến. Ông chỉ lấy đất rơi rải ở bờ đê và nơi bị chuột đào hư hoại đem hoà vào nhau làm bình để đổi gạo cơm, nhiều hay ít tuỳ theo người trao đổi chứ ông ta chưa hề tranh giá cả. Thức ăn đổi được, ông đem về phụng dưỡng cha mẹ. Cha mẹ ông đã già yếu, thiếu thốn lại mù loà. Lòng hiếu thảo của Hoan-dự thật khó sánh.

Vào một buổi sớm, dức Phật Ca-diếp đắp y mang bát vào thành, đến nhà Hoan-dự hỏi cha mẹ ông: "Hiếu tử đi đâu rồi?"

Ông bà đáp: "Đệ tử Phật vừa đi ra ngoài. Nhà có cơm canh ngon, xin được cúng dường Ngài".

Đức Phật dùng bát sớt lấy cơm canh, ngồi xuống ăn xong rồi từ giã ra đi. Khi người con trở về, nhìn thấy cơm canh có phần vơi bớt, mới hỏi: "Mẹ ơi, ai đã lấy thức ăn này vậy?"

Cha mẹ đáp: "Đức Phật đến nhà ta khất thực, Ngài tự lấy cơm canh, ăn xong và đã đi rồi".

Hoan-dự bồi hồi, buồn vui lẫn lộn, than thở: "Đức Phật là đấng Như Lai vô sở trước chánh đẳng chánh giác, bậc thầy của trời người. Chư Thiên, vua chúa cúng dường thức ăn ngon, nhưng vẫn còn sợ không dám dâng lên đức Thế Tôn. Ta ở nơi nghèo hèn, thức ăn không ngon nhưng Ngài lại xót thương sự nghèo hèn của ta nên tự đến lấy thức ăn.

Nỗi buồn vui kết tụ, Hoan-dự dập đầu xuống đất, tưởng nhớ ân đức Phật độ khắp nơi như thế, ông ta vui mừng đến nỗi quên ăn cả nửa tháng. Cha mẹ nhân đó cũng vui mừng, quên ăn bảy ngày. Hơn một tháng sau, đức Phật lại đến nhà Hoan-dự. Nhưng ông ta cũng không có ở nhà, Ngài lại lấy thức ăn, ăn xong mới đi. khi Hoan-dự trở về nhà, cha mẹ kể lại việc ấy, cha mẹ và chàng vì quá vui mừng nên quên ăn số ngày như trước. Bấy giờ rồng làm mưa, ngày đêm không dứt, làm cho Tinh xá bị hư dột.

Phật bảo các Sa-môn: "Hoan-dự mới làm nhà, các ông hãy đến xin ngói của ông ta về lợp Tinh xá.

Các vị Sa-môn đến, Hoan-dự lại vắng nhà, cha mẹ chàng hỏi: "Ai dở ngói nhà tôi vậy?"

Sa-môn đáp: "Tinh xá của Phật bị hư dột, Ngài bảo chúng tôi đến lấy ngói của nhà này để sửa lại tinh xá".

Cha mẹ Hoan-dự đáp: "Tốt quá, con tôi phước đức nhiều nên mới được như vậy".

Rồi họ cúi đầu vui vẻ, thưa: "Xin các vị cứ lấy nhiều đi để cho tôi được phước vô lượng".

Các vị Sa-môn vừa đi khỏi, Hoan-dự về đến trông thấy sự việc, mới hỏi: "Ai dở ngói nhà mình vậy?"

Cha mẹ chàng đáp: "Tinh xá của đức Phật bị mưa dột, Ngài sai các vị Sa-môn đến, lấy ngói về lợp lại".

Hoan-dự hướng về tinh xá Phật, cúi đầu sát đất, nói: "Thế Tôn trí tuệ vô lượng, đế vương, chư hầu xây cung điện bảy báu cúng dường nhưng Ngài không ở, lại lấy thứ ngói xấu xí này, chỉ vì muốn ban phước cho con".

Lòng ông ta vui mừng khoan khoái, quên ăn, quên uống như trước.

Bấy giờ đức Phật dẫn năm trăm vị Sa-môn vào vương quốc. Nhà vua nước này tên là Chỉ-duy, đích thân nghinh đón Phật. Nhà vua xuống xe, chỉnh đốn oai phong, làm lễ chào hỏi.

Sau khi nghe Phật thuyết kinh xong, nhà vua thỉnh cầu: "Xin đức Thế Tôn cùng các vị Sa-môn hạ cố đến hoàng cung dùng bữa cơm đạm bạc".

Đức Phật im lặng nhận lời. Sau khi đã chuẩn bị xong các thức ăn ngon, nhà vua sai người đến thỉnh Phật. Ông ta rửa tay, đích thân dâng thức ăn cúng dường và đảnh lễ Ngài.

Thọ trai xong, nhà vua đến ngồi trước Phật. Ngài dạy: "Xưa kia, nhà vua đã phụng sự Tam bảo, ngày nay nhận được phước ấy, sanh vào cõi người, bỏ thân nữ làm nam, được ngôi vị cao quý ở thế gian. Thông thường phép làm vua, phải lấy lời dạy của Thánh nhân để chế ngự tâm mình, đem lòng khoan dung, chăm sóc cho dân chúng. Lời uỷ mị là ngọn lửa thiêu đốt quốc gia, đại vương nên cẩn thận".

Nhà vua cúi đầu nhận lời dạy bảo. Vua còn thỉnh Phật ở lại suốt ba tháng để ông ta đem giường bảy báu, mùng màn, mền nệm, thuốc men dâng cúng hết các thứ báu ở trong nước, nhưng Phật chưa chấp nhận. Nhà vua thầm nghĩ: "Sự cúng dường tối thượng đó còn ai hơn ta!"

Đức Phật biết ông ta có tâm cống cao, Ngài bảo: "Có người hơn

nhà vua, sự cúng dường của ông ta thật là vô lượng”.

Vua hỏi: “Xin Thế Tôn cho con được nghe tên người đó”;

Phật bảo: “Ở huyện Duy-lăng có người con hiếu thảo, tên Hoan-dự, thờ phụng Tam bảo, cúng dường chư Phật, lãnh thọ chánh pháp của ta. Ông ta có lòng khoan dung, nhìn người bình đẳng, dưỡng nuôi vạn vật, tâm thành trong sạch, việc làm chân thật, không giữ của báu, chuyên làm đồ gốm, bán nuôi cha mẹ, không tranh giá cả, nhẫn nhục từ bi, lấy đạo làm tâm, vui sách Thánh hiền, không dám cưới vợ, sợ vợ bất hiếu, hỗn với cha mẹ. Mỗi lần Hoan-dự đi đến chỗ Phật, lắng lòng nghe pháp, trình bày nỗi khổ, đó là vì thương cha mẹ mù loà, không được thấy Phật. Nhắc đến điều ấy thì ông ta rơi lệ. Phật lấy thức ăn của cha mẹ ông, lại đến tháo ngói, thế mà cả nhà không chút oán hận, lại còn vui vẻ, quên cả đói khát đến hơn nửa tháng. Đó mới là người chí nhân chí hiếu, công đức khó sánh. Giờ đây Như Lai phải đi giáo hoá khắp trong thiên hạ, không thể nhận lời cầu thỉnh của vua”.

Nghe lời ấy xong, nhà vua thầm giận. Đức Phật lại nói: “Luận về công đức, người kia trong sạch, lại có tín tâm, hạnh hiếu khó bì, chăm sóc chu đáo, chưa từng bất hiếu, nghĩ nhớ ân đức cha mẹ nuôi dưỡng, hạnh ấy ai bằng! Chẳng phải là điều mà mọi người sánh kịp”. Nhà vua khen ngợi: “Hay thay! Hoan-dự chí hiếu, được Phật tán dương công đức tốt đẹp đến mức như thế. Giờ đây Trẫm sẽ cung cấp lương thực để giúp ông ta dưỡng nuôi cha mẹ”.

Sau khi nói kinh xong, đức Phật từ giã, lên đường giáo hoá. Nhà vua sai sứ chở theo năm trăm xe lương thực, dầu xoa, đề hồ, thạch mật và các thứ châu báu đến nhà Hoan-dự. Với sự khiêm cung chân thành, sứ giả nói: “Đức Thế Tôn nhiều lần ngợi khen hiền giả là người chí hiếu, hạnh từ vang khắp. Nay, đại vương lòng hoan hỉ, sai tôi kính đem quà đến biếu, xin hiền giả hãy nhận những vật này để phụng dưỡng cha mẹ và cúng dường đức Phật”.

Hoan-dự đáp: “Cảm ơn đại vương đã có lòng thương tưởng giúp đỡ tôi”.

Bấy giờ sứ giả trở về cung, thuật rõ ý của Hoan-dự cho nhà vua nghe.

Lúc đó con của Phạm chí ở cùng huyện tên là Hoa-kết, trước nay cùng Hoan-dự kết làm bạn thân. Hai người đã nhiều kiếp kết thân, hướng dẫn thành tựu cho nhau, lâu đời càng sâu đậm.

Một hôm cả hai cùng tắm trong dòng sông lớn, từ xa trông thấy cội cây to, Hoan-dự chỉ: “Như Lai Ca-diếp hiện đang ở đó, chúng ta

cùng nhau đến yết kiến Ngài, Phật đạo khó gặp, lẽ nào ta không mong mỏi sao?"

Hoan-dự lại bùi ngùi nói: "Ở đời khó gặp Phật, như loài hoa Ưu-đàm, trải qua nhiều kiếp mới nở một lần, há lại bỏ qua!"

Hoan-dự liền kéo áo bạn, đến chỗ đức Phật. Hoan-dự cúi đầu đảnh lễ còn Hoa-kết chỉ vái chào rồi ngồi xuống. Hoan-dự thưa: "Hoa-kết là bạn thân của con, mê lầm chưa tỉnh, xin Ngài hãy giải trừ mối nghi cho bạn ấy".

Đức Ca-diếp tuỳ theo bịnh mà nói pháp, Hoa-kết tỏ ngộ, kính tin Tam bảo. Cả hai đều hoan hỉ cúi đầu từ giã đức Phật. Trên đường về, Hoa kết nói: "Thế gian may mắn có Phật, diệt trừ xấu xa. Sao bạn không xuất gia làm Sa-môn?"

Hoan-dự đáp: "Cha mẹ tôi tuổi đã xế chiều, lại còn mù loà, trông cậy vào tôi để sống qua ngày. Vì vậy tôi không thể xuất gia".

Hoa-kết nói: "Tôi sẽ làm Sa-môn".

Hoan-dự liền đem sự việc thưa với Phật, Ngài thâu nhận và truyền trao giới pháp cho Hoa-kết. Nhiều năm về sau, Hoa-kết thác sanh lên cõi trời thứ tư. Từ cõi trời hạ sanh xuống cõi người, tu chứng thành Phật.

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Hoa-kết bấy giờ nay chính là thân ta, Hoan-dự là A-nan. A-nan là người bạn tốt, đưa ta đến chỗ đức Phật Ca-diếp nghe kinh, khiến cho ta được thành Phật. Thông thường, người bạn tốt là nền tảng của muôn phước, hiện đời giúp ta thoát khỏi lao ngục của nhà vua, khi chết đóng được cánh cửa Tam đồ, lên trời đắc đạo. Những việc đó đều do sự giúp đỡ của bạn hiền.

(Trích kinh Hoan-dự)

9. A NAN LÀM THỊ GIẢ VÀ THỌ TRÌ KINH ĐIỂN:

Phật bảo Ngài Văn Thù: "Từ khi ta thành Phật đến nay đã hơn ba mươi năm, hiện giờ trong chúng đây, ai có thể thọ trì mười hai bộ kinh và hầu hạ ta, không để mảy may sơ suất, bản thân của người đó không đánh mất điều lợi".

Năm trăm vị A-La-hán đều thưa: "Chúng con có thể làm".

Nhưng Phật từ chối: "Các ông không thể làm được".

Tôn giả Mục-liên quán thấy ý Như Lai hướng về A-nan nên Tôn giả nhiều lần khuyên A-nan nhận lời. A-nan nói: "Thân tôi dơ bẩn lại yếu đuối, không kham nỗi việc hầu hạ. Nếu đức Như Lai đồng ý ba điều thỉnh cầu của tôi, tôi sẽ vâng theo việc chúng Tăng giao phó:

Khi Như Lai ban cho y cũ, tôi được phép không nhận.

Khi Như Lai nhận lời đàn việt thỉnh thọ trai riêng, cho phép tôi không đi theo.

Cho phép tôi được ra vào chỗ của đức Phật không hạn chế giờ giấc".

Ngài Văn thù nói: "Hay lắm! A-nan dự đoán sẽ có sự ganh tỵ xảy ra nên xin như thế".

Hơn hai mươi năm qua, A-nan hầu Phật đầy đủ tám pháp, không thể nghĩ bàn, đó là:

1. Không nhận lời thỉnh thọ trai riêng.
2. không nhận y phục cũ.
3. Đến đúng giờ giấc.
4. Tuy A-nan có đầy phiền não nhưng theo Phật ra vào những nhà giàu sang, chỗ vua chúa, thấy các người nữ không hề sanh dục tâm.
5. Phật tuyên giảng mười hai bộ kinh, A-nan vừa nghe qua không hề hỏi lại, như nước rót từ bình này sang bình kia.
6. Biết được tâm trí của người khác như Phật nhập định.
7. Chưa được Nguyện-trí nhưng có thể hiểu biết người hiện đời đắc tứ quả có Hậu- đắc-trí.
8. Lời mật nghĩa đều có thể hiểu biết.

Cho nên Phật thường khen ngợi ông ta là Đa văn. Đồng thời, A-nan có đầy đủ tám pháp có thể thọ trì mười hai bộ kinh.

1. Tín căn kiên cố.
2. Tâm rất dũng mãnh.
3. Thân không bệnh hoạn.
4. Thường siêng năng tinh tấn.
5. Trí nhớ rất tốt.
6. Tâm không kiêu mạn.
7. Thành tựu định ý.
8. Nhờ nghe pháp sanh được trí tuệ

(Trích kinh Bồ-tát Tùng Đâu Suất Thiên Hạ.)

(Kinh Hiền Ngu ghi: A-nan xưa kia làm vị trưởng giả, đức Thích Ca làm Sa-di theo thầy tụng kinh. Vì phải khất thực nên công phu không trọn. Trưởng giả thương tình vẫn cung cấp y thực đầy đủ. Do đó nhiều đời theo hầu cận người mình giúp đỡ.)

10. ĐỨC PHẬT GIẢI BẢY ĐIỀU MỘNG:

Đức Phật đang ở trong vườn Kỳ-thọ, Tôn giả A-nan ở nơi khác

mộng thấy bảy việc, vì quá lo sợ nên tôn giả đến bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn, hôm qua con nằm mộng thấy bảy điều như sau:

1. Tất cả sông ngòi biển cả đều bị lửa cháy.

2. Mặt trời sắp lặn làm tối tăm cả cõi Diêm-phù-đề, con thấy đầu mình đội núi Tu-di.

3. Chúng Tỳ-kheo nhốn nháo trong nhà xí, bỗng thấy có một người vượt qua đầu các Tỳ-kheo thoát ra ngoài.

4. Con thấy các Tỳ-kheo pháp y không đầy đủ, chỉ còn dây buộc Ca-sa, tay cầm ngọn đuốc lớn, vui vẻ đi vào đường tà, y phục bị gai góc xé rách nát.

5. Con lại thấy cây Chiên-đàn cao lớn, xum xuê, những con heo từ nơi chỗ nhơ uế chui lên, lau liếm vào thân cây Chiên-đàn.

6. Con lại thấy có ba chú voi con, khi lớn lên chúng dẫm đạp cỏ ngon, quấy động làm dơ nước sạch. Voi lớn thấy vậy buồn phiền bèn bỏ đi, đến nơi có cỏ ngon nước sạch. Voi con vì ham vui đùa không hay biết, vẫn ở chỗ cũ cho đến lúc hết cỏ và nước, chúng trở nên đói khát, khổ cực. Vì vậy, chúng cạp vào gốc cây, cuối cùng đói quá mà chết.

7. Con lại thấy sư tử chúa tên là Xí-tát đã qua đời, đầu mọc lông trắng như buộc đồ trang sức, ruồi nhặng bu quanh, muông thú không dám đến gần. Trong thân sư tử tự nhiên sanh giòi, giòi lại ăn thịt của sư tử.

Vì nằm mộng thấy như thế nên sáng nay con đến đây thưa với Phật.

Phật giải mộng:

1. Điềm mộng thấy ở trong nước mà có lửa bốc lên, đó là Tỳ-kheo đời sau vi phạm giới pháp của ta, làm những việc thị phi trái với giới luật, lợi dụng để tín thí cúng dường lại còn khởi sự tranh đấu lẫn nhau.

2. Điềm mộng thấy mặt trời sắp lặn, cõi đời tối tăm, đầu ông lại đội núi Tu-di, đó là trong vòng chín mươi ngày nữa ta sẽ vào Niết-bàn. Sau đó chúng Tỳ-kheo, trời, người, rồng sẽ theo ông thọ học kinh điển

3. Mộng thấy Tỳ-kheo đắp pháp y không đúng theo pháp thường chế, chỉ buộc Ca-sa, lăn lộn trong nhà xí, rồi có người leo qua đầu, thoát ra vùng đất sạch. Đó là sau khi ta nhập Niết-bàn, Phật pháp sắp diệt sẽ có các Tỳ-kheo mở đại hội thuyết kinh. Trong khi Phật pháp thâm diệu mà không lo tu tập, họ lại lo gần gũi hàng cư sĩ để tìm cầu, tiền tài, sắc đẹp, khiến cho cư sĩ chê trách và không còn niềm tin nữa. Bấy giờ, hàng Tỳ-kheo gánh lấy ác quả còn cư sĩ thì được phước.

4. Điềm mộng thấy Tỳ-kheo thân mặc Ca-sa, tay cầm đuốc lửa,

vui chơi trong đường tà, vào nơi gai góc bị xé rách y phục. Đó là sau ta nhập Niết-bàn sẽ có Tỳ-kheo không mang pháp y, lại mặc y phục của thế gian. Họ chỉ dùng Ca-sa buộc dưới nách, bỏ giới luật mà vui theo thế gian, nuôi chứa vợ con. Khất thực khi có thì vui vẻ, khi không thì sầu khổ.

5. Mộng thấy cây chiên đàn lớn, xum xuê tươi tốt, có đàn heo từ nơi bẩn thỉu chui ra, lau liếm vào thân cây. Đó là sau khi ta vào Niết-bàn sẽ có Tỳ-kheo không vâng theo giới pháp, rượu thịt mê man, uống ăn trái thời. Lúc đó có kẻ thông minh khéo biết thì lại khởi tâm phỉ báng, mắng nhiếc bậc A-La-hán.

6. Mộng thấy ba chú voi con cùng nhau húc voi lớn, dẫm đạp cỏ non, quấy đục nước sạch, voi lớn buồn phiền nên tránh đi, đến nơi có cỏ non nước sạch. Các chú voi con vì mãi vui chơi không biết, cỏ nước hết sạch đành chịu chết đói. Đó là sau khi ta vào Niết-bàn, có Tỳ-kheo trưởng lão hiểu rõ kinh điển, giáo giới cho Tỳ-kheo nhỏ tuổi, vì họ mà chỉ bày tội phước nhưng bọn họ không chịu nghe theo, khi chết phải đoạ vào địa ngục.

7. Điềm mộng thấy sư tử tên là Xí-tát đã chết, đầu mọc lông trắng như buộc đồ trang sức, ruồi nhằng, chim thú không dám lại gần. Trong thân sư tử sanh giòi, giòi lại ăn thịt của sư tử. Đó là khi ta còn tại thế giảng rộng kinh pháp, sau khi ta vào Niết-bàn sẽ không có ngoại đạo nào có khả năng phá hoại chánh pháp ấy, chỉ do hàng đệ tử mới có thể phá hoại được mà thôi.

Những điều ông mộng thấy hôm nay chỉ là những điềm xấu trong tương lai sẽ xuất hiện.

(Trích Kinh Thất Mộng Thập Thiện)

11. A-NAN BỊ MẸ CHIÊN ĐÀ LA DÙNG THẦN CHÚ BẮT GIỮ:

Một hôm, trên đường đi, Tôn giả A-nan quá khát nước, lúc đó có cô gái thuộc dòng Chiên-đà-la tên Bát-cát-đề đang múc nước. Tôn giả đến xin nước, cô gái đáp: "Tôi thuộc dòng Ma-đăng-già".

Tôn giả nói: "Tôi không hỏi điều đó, chỉ xin cô nước uống thôi!"

Cô gái đáp: "Ngài thuộc dòng cao quý, đệ tử bậc nhất của Sa-môn Cù-đàm, được vua Ba-tư-nặc cung kính, là bậc thầy của Mạt-lợi-phu nhân. Còn tôi là kẻ thấp hèn, đâu dám đem nước cho Ngài".

Tôn giả lại xin: "Tôi không hỏi điều ấy mà! Chỉ xin cô nước uống thôi".

Cô gái bằng lòng. Trước hết, cô ta lấy tay khoát nước rưới lên chân của tôn giả rồi tiếp tục rưới lên tay của Ngài, khi đó cô gái liền phát khởi tâm dâm dục. Tôn giả uống nước xong đi ngay. Cô gái trở về thưa với cha mẹ: "Mẹ ơi, xin cho con được lấy Sa-môn A-nan làm chồng".

Bà mẹ đáp: "A-nan là con của chuyển luân Thánh vương, thuộc họ thích, dòng Sát-đế-lợi, đấy là hàng cao quý, được trời người tôn kính. Còn dòng họ ta hèn mọn, làm sao cưới dược ông ấy làm chồng?"

Cô gái hù doạ mẹ: "Nếu không lấy được ông ta, con sẽ uống thuốc độc hoặc dùng dao tự sát, hoặc sẽ thắt cổ chết".

Bà mẹ bảo: "Thôi được, ta có thần chú Ma-đăng-già, có thể làm cho mặt trời lẫn mặt trăng rơi xuống đất, cũng có thể khiến cho thiên vương Đế-thích xuống trần gian, huống gì là Sa-môn? Mẹ sẽ khiến cho A-nan đến, trừ khi ông ta đã chết hoặc không có khả năng hành dâm, hay được Cù-đàm bảo vệ thì ta mới không thể bắt được ông ấy".

Cô gái liền đi tắm rửa, trang điểm, mặc y phục màu trắng, trải các toạ cụ, thấp thỏm đón chờ A-nan.

Bấy giờ, bà mẹ lấy phân bò bôi lên đất, dùng lụa năm màu kết thành sợi, đựng đầy bốn bình nước, bốn bát nước bột mì, lấy bốn con dao lớn cắm trên phân bò, bốn góc đặt bốn mũi tên, đốt tám ngọn đèn, dùng bốn đầu lâu người chết bôi các mùi thơm lên đó, lấy hoa rải trên đất, đốt một đấu hương, nhiễu quanh ba vòng, rồi quỳ xuống hướng về phía Đông tụng chú Ma-đăng-già.

Lúc đó Tôn giả A-nan đang ở trong rừng Kỳ-hoàn, tâm ý hoảng hốt vì bị ma chú trói buộc giống như cá bị mắc câu, nên Ngài theo ma lực thần chú đến nhà Chiên-đà-la.

Bà mẹ liền gọi con gái "A-nan đến rồi đấy".

Lúc đó cô gái bước đến, ôm lấy A-nan, dìu ngồi lên giường, kéo áo ra, vuốt ve A-nan, giống như lực sĩ tay nắm sợi lông dài, kéo con dê nhỏ bước theo. A-nan nhìn thấy mười phương đều tối tăm, giống như mặt trời mặt trăng đều bị thần chú che khuất. A-nan có thần lực của bậc đại nhân, đáng với sức mạnh của mười vị đại lực sĩ, thế mà cũng không thể cử động được. Bấy giờ A-nan cố gắng vận dụng niệm lực Thánh đạo, thầm gọi: "Con đang nguy khốn, Thế Tôn đại từ, sao không thương xót con."

Lập tức Phật biết được tâm A-nan, Ngài liền nói kệ:

Phật tôn quý nhất trên đời
Thế gian nhất định không người vượt qua

Phật tôn quý nhất Sa-Bà
Phước điền vô thượng vượt xa mọi đường
Pháp môn cao cả không lường
Không gì có thể sánh hơn pháp này
Trời người đều phải nương đây
Đoạn trừ kiết sử, lìa dây não phiền
Tăng là đoàn thể Thánh hiền
Tối cao trong các phước điền thế gian
Không ai có thể sánh bằng
Tuyệt vời bậc nhất giữa hàng nhân thiên.

Tôn giả A-nan theo thật nghĩa này tức khắc thoát khỏi nhà của Chiên-đà-la. Khi Thế tôn vừa nói kệ xong, tất cả thần chú trong nhà họ tiêu tan, các thứ khí cụ đao tên đều bị bẻ gãy, bình nước chú tan vỡ, đèn tắt, đầu lâu nát vụn. Hắc phong nổi lên, xoay vần che phủ không thấy mặt nhau, chú thuật của Chiên-đà-la không còn linh nghiệm nữa. Bà mẹ liền bảo con gái mình: "Đây chắc chắn do thần lực của Sa-môn Cù-đàm, mới khiến cho các món khí cụ này phải vỡ nát, thần chú hết linh nghiệm".

Tôn giả A-nan thầm nghĩ: "Đó là lực từ của đức Thế Tôn".

Tôn giả thoát khỏi ma chú, giống như tượng chúa sáu mươi tuổi sung sức, điên cuồng hung ác, thân to ngà dài, thoát được móc sắt, lao ra khỏi thành, đến nơi hoang vắng, lúc này A-nan cũng thế, khi đức Thế tôn nói kệ xong, Tôn giả thoát được ma chú, trở về tinh xá Kỳ hoàn. Bấy giờ cô gái đó đuổi theo Tôn giả đến cửa Kỳ hoàn, liên tục gọi lớn "A-nan là chồng tôi! A-nan là chồng tôi!" cô ta tiếp tục chạy theo bén gót tôn giả. A-nan thưa rõ với Phật. Phật bảo: "Trong các pháp của ta, không thấy có những điều huyễn hoặc như vậy".

Rốt cuộc cô gái đành bỏ về. Nhưng cô ta bị tâm dâm trói buộc, không quên được A-nan. Một hôm, theo thường lệ, A-nan đắp y, mang bát vào thành Xá-vệ khất thực, cô gái này cũng chạy theo sau Ngài và bảo với các trưởng giả: "A-nan là chồng tôi! A-nan là chồng tôi!"

Tôn giả quay về bạch Phật, Phật bảo: "Ông nên đến bảo cô ta, hãy xem nhau như tình chị em. Vì sao? Bởi cô gái này sẽ trở thành Tỳ-kheo-ni.

Bấy giờ cô gái đến Tinh xá bạch Phật: "Xin đức Thế Tôn hãy trả chồng cho tôi!"

Phật bảo: "Nếu cô cần A-nan thì hãy ở trong pháp ta làm Tỳ-kheo-ni, ta sẽ trả A-nan".

Cô ta vui vẻ trở về, từ giã song thân. Cha mẹ cô hoan hỉ, họ vốn đã gieo trồng căn lành nên sẽ đắc đạo. Cô gái và cha mẹ cùng đến chỗ đức Phật. Ngài giảng rõ pháp cho họ nghe, dùng vô số phương tiện để diễn bày nghĩa của các pháp, nhu nhuyến, bố thí, giới luật, sự bất tịnh của dâm dục, sự tăng trưởng các kiết sử phiền não, công đức xuất gia, các phẩm đạo. Ngài lại giảng bốn Thánh đế.

Bấy giờ cô gái này ngay đó tỏ ngộ được Thánh đế. Cha mẹ cô đắc quả A-na-hàm. Cô ta cũng đắc quả Tu-đà-hoàn, giống như áo lụa trắng tinh dễ nhuộm màu. Lúc ấy cha mẹ cô quy y Tam bảo, làm vị ưu-Bà-tắc, họ liền đảnh lễ Phật và A-nan, sám hối tội ngu si của mình. Cô gái xin làm Tỳ-kheo-ni, nương theo Thế Tôn tu hành phạm hạnh. Phật bảo tôn giả A-nan: “Ông hãy bảo hai vị Tỳ-kheo-ni đưa cô gái Bát-cát-đề này đến chỗ Cù-đàm-di, cho cô ấy xuất gia và truyền giới cụ túc”.

Đại-ái-đạo hỏi tôn giả A-nan: “Thưa tôn giả, tại sao đức Thế Tôn lại chấp nhận cho cô gái Chiên-đà-la này vào trong giáo pháp?”

Tôn giả trình bày rõ với Cù-đàm-di, sau đó bà liền cho cô gái cạo tóc thọ giới. Không bao lâu chứng được quả A-La-hán.

(Trích kinh Giới Nhân Duyên quyển ba, kinh Ma Đăng Già Nữ)

12. PHẬT THỌ KÍ ĐỜI VỊ LAI CỦA CON BÒ CHO SỮA:

Bấy giờ Phật ở nước Xá-vệ. Một hôm Ngài có chút cảm mới bảo A-nan: “Ông hãy đến nhà Bà-la-môn xin sữa bò”.

Tôn giả vâng lời đi xin sữa. Khi đến nơi, Bà-la-môn nói: “Sữa ở trong con bò, Ngài hãy đến tự vắt lấy”.

Tôn giả liền đến chỗ con bò. Con bò này thường hay đá đạp nên không ai dám đến gần. A-nan thầm nghĩ: “Ta theo pháp hầu thầy, bất đắc dĩ mới vắt sữa bò”.

Lúc đó trời Đế thích hoá làm vị Bà-la-môn, khoác chăn đứng cạnh con bò. Tôn giả xin vắt sữa. Bà-la-môn đáp: “Vâng!”

Tôn giả dùng tay phải xoa vú bò mà nói: “Phật bị cảm nhẹ, ngươi hãy cho ta sữa để Phật dùng. Khi Phật hết bịnh ngươi sẽ được phước nhiều không kể xiết”.

Bò đáp: “Tôn giả lấy tay xoa vú thì làm sao sữa chảy nhiều được? Tôn giả hãy nắm hai cái vú của tôi vắt lấy sữa, hai vú còn lại để cho con tôi bú, từ sáng đến giờ nó chưa ăn uống gì cả”.

Chú bê con đứng cạnh mẹ, khi nghe nói đến tiếng Phật liền thưa: “Mẹ hãy đem hết phần sữa của con dâng cho Phật. Vì Ngài là bậc thầy cao cả của trời người, rất khó được gặp. Con sẽ tự ăn cỏ, uống nước là

được rồi. Thuở xưa con làm người, nghe theo bạn ác, không tin kinh Phật, khiến cho con phải làm thân trâu ngựa suốt mười sáu kiếp. Đến nay, con mới lại được nghe tiếng Phật. Giờ mẹ hãy đem hết phần sữa của con dâng cho đức Phật, để Tôn giả được đầy bình mang về, khiến cho con đời sau có trí tuệ, tu hành đắc đạo".

Tôn giả ôm bình sữa về. Phật hỏi: "Hai mẹ con bò nói gì?"

Tôn giả thuật lại mọi chuyện. Đức Phật nói: "Đời sau, khi Phật Di-lặc xuất thế, con bò mẹ sẽ làm Sa-môn, chứng quả A-La-hán. Còn bò con, sau khi chết sanh làm người, sẽ treo lụa rải hoa, đốt hương cúng dường ta, thọ trì kinh giới suốt hai mươi kiếp, cuối cùng chứng quả A-La-hán, làm Phật độ thoát muôn dân.

(Trích kinh Độc Tử)

13. A-NAN GIÁO HOÁ VUA BA TƯ NẶC:

Bấy giờ ở nước Xá-vệ gặp năm mất mùa đói khát, các Tỳ-kheo đều muốn tản đi nơi khác để làm lễ Tự tứ. Tôn giả A-nan nói: "Nếu các vị đến nước khác để làm lễ Tự tứ thì vô số người ở đây mất đi nguồn gốc gieo trồng công đức. Giả sử có Như Lai ở lại đây thì nhiều nơi trong nước Xá-vệ được an ổn".

Vua Ba-tư-nặc nghe tin, liền đến xin cúng dường Phật và chúng Tăng ba tháng.

Phật bảo: "Vào thời quá khứ, quốc vương Ba-la-nại tên là Phạm-đạt, có uy đức lớn, danh tiếng vang khắp mọi nơi. Bấy giờ trong nước dân chúng đói khát, người xin ăn rất nhiều. Nhà vua thương xót bố thí, nhân dân khắp nơi kéo về đông như mây tụ. Vì trời đã lâu không mưa, gạo thóc càng khan hiếm, nhân dân đói quá, người ăn xin ngày càng đông, khiến cho kho lẫm của vua trống rổng. Các đại thần xin vua ngưng bố thí, vua bảo: "Nếu ngưng như vậy thì trái với bổn tâm của ta, ta nỡ nào làm thế!"

Bấy giờ, các vị quan bố cáo khắp nơi: "Người nào dám đi xin ăn sẽ bị đuổi hết ra khỏi đô thị".

Những người xin ăn nghe vậy buồn bã. Một hôm, có vị phạm chí vào cung xin gặp nhà vua, vua hỏi là ai,các đại thần thưa: "Người này từ phương xa đến".

Nhà vua cho triệu phạm chí vào, vua hỏi: "Ai bảo ông đến đây?"

Phạm chí đáp: "Cái bụng sai tôi đến".

Lúc ấy nhà vua thương xót dùng kệ đáp:

Bố thí ngàn bê con

Cùng với trăm bò mẹ.

Phạm chí ấy nay chính là A-nan.

(Trích Sanh Kinh quyển ba, kinh Phúc Sử phần lớn giống như vậy)

14. A NAN THỬ TỲ-KHEO SƠN HƯỚNG VÀ HỎI VUA A DỤC:

Bấy giờ A-nan cùng với hai vị Tỳ-kheo đến nước vua A-dục. Tỳ-kheo Sơn-hướng đang ở trong rừng tùng, hoa thơm tự bay đến, linh reo như tiếng gọi. Lúc ấy Tỳ-kheo Sơn-hướng không biết duyên cớ gì nên hướng về bốn phương làm lễ rồi quay vào trong trai đường tụng kinh.

Tôn giả A-nan cùng hai Tỳ-kheo hoá làm một người ăn xin, lại dẫn theo ba trăm người ăn xin khác cùng đến xin ăn. Tỳ-kheo Sơn-hướng liền nấu cơm cho mọi người dùng. Khi họ ăn cơm xong thì lại đòi áo mặc, Tỳ-kheo liền chạy mượn áo cho họ, thế nhưng họ không chịu mặc lại bỏ đi.

Cứ như thế, Tỳ-kheo Sơn-hướng sớm tối cung dưỡng cho họ, nhưng họ không may đều mang bệnh. Tỳ-kheo lại sớm tối đốt hương cúng dường cầu phước, làm thuốc chữa bệnh cho họ. Thế nhưng, chẳng bao lâu thì cả ba trăm người ăn xin này đều qua đời. Tỳ-kheo lại đi xin áo quan, tắm rửa tẩm liệm chohọ.

Bấy giờ, vua A-dục nghe được tin liền sai người đến mai táng. Vài ngày sau đó, tôn giả A-nan cùng hai vị Tỳ-kheo hóa làm ba người thư sinh, ăn mặc nghiêm trang, họ cùng nhau đi đến rừng tùng. Tỳ-kheo Sơn-hướng liền đi ra giảng đường, trải toà đón tiếp họ.

Ba thư sinh ấy hỏi Sơn-hướng: "Ông phụng thờ Phật đạo là muốn cầu gì?"

Sơn-hướng đáp: "Phật đạo là đạo thần kì, trong cõi trời đất này chỉ có thần đạo cuả Phật là cao cả, tôi phụng thờ Phật đạo là muốn đem Phật đạo cứu độ mọi người và mọi loài chúng sanh chứ không cầu gì khác."

Ba thư sinh nói: "Phật đạo chẳng phải là đạo thần kì, bất quá là như hư không mà thôi! Trong nhân gian, rất ít người theo, sao ônglại ngu si, chạy theo người khác mà phụng sự Phật đạo vậy?"

Sơn-hướng đáp: "Lời của các ông nói là sai lầm, Phật đạo là đạo tối cao, chẳng phải chỗ mọi người thấy được. Sự biến hóa phi thường, chẳng phải điều mà mọi người biết được, vì họ ngu si nên chẳng biết đến. Nói Phật như hư không là tội của các ông".

Ba thư sinh nghe lời ấy liền nổi giận: "Ông phụng thờ Phật đạo chẳng phải là trái nghịch với lòng người hay sao? Chi bằng ông theo ta làm nô tỳ, có được không?"

Sơn-hướng đáp: "được thôi!"

Ba thư sinh nói: "Nếu ông làm nô tỳ mà không giỏi giang, trung thành thì ta sẽ bắt ông vác phân, ông phải một mình vác đủ một trăm tảng phân, nếu không thì ta sẽ chặt đầu ông".

Sơn hướng đi vác phân, nhưng không thể vác đủ số lượng nên phải đành lui về tạ tội với các thư sinh: "Sức lực của ta đã kiệt không thể vác nổi nửa, nay xin nhận chịu tội như trước đã hứa".

Ba thư sinh liền nổi giận, họ lấy dây trói Sơn-hướng lại rồi quất ba trăm roi. Đánh xong, bỗng nhiên họ biến đi đâu mất. Bấy giờ Tôn giả A-nan lại hóa làm vị Ưu-Bà-tắc, vị ấy đến bảo Sơn-hướng: "Ba thư sinh kia là kẻ vô đạo, sao ông không báo cho vua biết để trị tội chúng nó?"

Sơn-hướng nói: "Đây là lỗi của tôi mới đến nỗi như vậy, người phụng thờ Phật đạo thì chẳng yêu tiếc điều gì, nếu xin đầu thì cho đầu, xin thân cho thân, nay tôi chỉ vác phân mà bị roi vọt, như vậy thì đâu có đáng gì".

Tôn giả A-nan cùng hai vị Tỳ-kheo hóa làm vua A-dục. Nhà vua bảo Sơn-hướng: "Phụng thờ Phật đạo chắc chắn chẳng có ích lợi gì đâu, khổ nhọc mà thêm uổng công vô ích mà thôi. Con người sống trên đời chỉ trong khoảnh khắc là hết đời, cần gì phải khổ nhọc, siêng năng phụng thờ kinh điển ấy. Giờ ta muốn cùng ông bàn bạc một điều, ông phải nghe theo, nếu không thì ta sẽ giết".

Sơn-hướng hỏi: "Đại vương muốn bàn việc gì?"

Vua nói: "Ta có đứa con yêu quý, tài giỏi hơn người, nhan sắc xinh đẹp, tay như con ong. Ta rất thích đạo nhân vì là người hiền hoà, ta muốn gả con gái cho ông, vì thế mà đến đây hỏi ý kiến, chắc ông sẽ vâng theo".

Sơn-hướng đáp: "Tôi biết ý tốt của đại vương, nhưng tôi phụng thờ Phật pháp đã nhiều năm nhưng công đức chưa thành tựu, ngược lại muốn con gái của đại vương, như thế là làm sỉ nhục Phật đạo, tội ấy rất lớn. Nếu đại vương có giết, tôi bằng lòng chịu chết". Nhà vua liền sai người dẫn Sơn-hướng ra chợ chém đầu. Sơn-hướng vào lễ Phật để ra đi, nhưng khi quay lại vái chào nhà vua thì mới hay là Tôn giả A-nan.

Bấy giờ Tỳ-kheo Sơn-hướng bước tới đảnh lễ sát chân, Tôn giả đở ông ta dậy. Sơn-hướng thỉnh Tôn giả an tọa và cùng hỏi thăm nhau.

Tôn giả hỏi Tỳ-kheo Sơn-hướng: "Công đức của ông đã thành

tựu, ông sẽ đắc đạo, ta cố ý đến đây để thử ông, xem xét ý chí của ông đấy”.

Tỳ-kheo Sơn-hướng bước xuống tòa thưa: “Con là kẻ vô tri, thọ nhận ân đức của Phật, được ở trong Phật pháp mà không thể làm cho tốt đẹp để nhọc lòng Tôn giả phải lo lắng”.

Tôn giả A-nan đem giáo pháp truyền dạy cho Tỳ-kheo Sơn-hướng, cả hai cùng lên lầu cao tụng kinh giảng nghĩa, khiến cho Sơn-hướng được an lạc vui vẻ.

Bấy giờ vua A-dục đi đến đảnh lễ Tôn giả A-nan, Tôn giả hỏi: “Đại vương, kinh Phật có bao nhiêu quyển?”

Vua đáp: “Kinh Phật rất nhiều không thể tính kể, hiện nay có mười hai bộ kinh gồm tám vạn bốn ngàn quyển”.

Tôn giả A-nan lại hỏi: “Đại vương đã thọ trì được bao nhiêu quyển?”

Vua đáp: “Thưa tôn giả, con đã tụng được một vạn hai nghìn quyển kinh Tam-muội, mười hai nghìn quyển kinh Bát-nhã-ba-la-mật”.

Tôn giả lại hỏi: “Đại vương tụng đọc kinh đã nhiều, vậy có biết trời đất cách nhau mấy dặm không?”

Vua đáp: “Kinh đại phẩm Tam-muội ghi, trời đất cách nhau tám mươi mốt vạn dặm”.

Tôn giả A-nan lại hỏi: “Đất có mấy loại?”

Vua đáp: “Kinh Bát-nhã-ba-la-mật ghi, đất có tám mươi mốt thành, trong thành có con người sinh sống. Ở thành phía Bắc, người cao mười trượng. Người ở thành trung tâm cao tám trượng. Người ở thành phía Nam cao ba trượng”.

Tôn giả lại hỏi: “Đại vương có biết kiếp trước của mình là ai không?”

Vua đáp: “Con không thể biết số kiếp lâu xa, chỉ biết việc gần; đó là con đã từng vào địa ngục, từng lên trời, từng siêng năng khổ nhọc, cũng có lúc làm nô tỳ, làm súc sanh, đã vào trong lửa đỏ, có khi làm việc thiện, theo người làm thiện. Khi được làm vua, đã thấy được những việc khổ nhọc nên không dám làm ác”.

Tôn giả A-nan lại bảo: “Đại vương trước đây đã từng làm Tỳ-kheo tên là Đề-đầu-la, là đệ tử của Phật Đề-hòa-yết. Còn Sơn-hướng là Tỳ-kheo Tu-bạt, đệ tử của Phật Thích-ca-văn. Từ khi đức Thích-Ca vào Niết-bàn đến nay, ta một mình cô quạnh, thọ trì Phật pháp không được kiên cố, vì vậy đã gây nên những tội lỗi này, trải qua nhiều năm chẳng có biết nhau.

Xưa kia ta cùng Sơn-hướng sanh trong một gia đình trung lưu, ta là anh, Sơn-hướng là em, anh em thường yêu thương lẫn nhau, ra vào quấn quýt. Kiếp sau, sanh ra anh em chẳng còn biết nhau. ta làm quốc vương, đời sau của Sơn-hướng ta cũng không biết. Cứ như thế, nhiều lần đổi thay, sanh thân giả tạm, kiếp số không thể tính kể, nay ta biết mình đã thoát khỏi sanh tử. Tôn giả A-nan liền thọ kí đạo quả A-La-hán cho vua A-dục

(Trích kinh A-nan Biến Hiện)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 16

1. Long vương nỗi trận cuồng phong nhưng không động chéo y của Mạc-điền-địa, Ngài biến núi lửa thành hoa trời.
2. Xá-na-Bà-tư biến sấm chớp, đao gậy thành hoa Ưu-bát-la.
3. Ưu-ba-cấp-đa xuất gia, hàng ma.
4. Ưu-ba-cấp-đa không giáo hoá người phạm tội trọng khiến cho đệ tử diệt trừ tâm kiêu mạn.
5. Ưu-ba-cấp-đa phó chúc pháp tạng, vào Niết-bàn.
6. Ưu-ba-cấp-đa độ hổ đói.
7. La-tuần-du khất thực không được, ăn đất vào Niết-bàn.
8. La-tuần-du khất thực không được, Đức Phật phân chi chúng Tăng thành năm bộ.
9. Đồng Tử Ca Diếp con của Tỳ-kheo-ni tám tuổi đắc đạo.
10. Mạt xiển đề hàn phục rồng dử.
11. Ma-sẩn-đà giáo hoá vua thiên ái đế tu.
12. Phần-na trước kia làm ngươi hà tiện, về sau gặp Phật đắc đạo.
13. Khi Trời Nóng Ma-ha-Ca-diếp hiện gió mát mưa phùn.
14. La-hán Nguyện Túc Chuyên Giáo Hóa Ngạ Quỷ.
15. Sa yết hàng phục Rồng dữ.

1. LONG VƯƠNG NỖI TRẬN CUỒNG PHONG NHƯNG KHÔNG ĐỘNG CHÉO Y CỦA MẠC-ĐIỀN-ĐỊA, Ngài BIẾN NÚI LỬA THÀNH HOA TRỜI:

La-hán Mạc-điền-địa được Ngài A Nan phó chúc pho pháp tạng, bảo Ngài đến nước Kế Tân. Khi đến nước đó trước tên Ngài hàng phục Long vương, nhập tam muội khiến cho nước đó có sáu thứ chấn động, đến cả cung điện Long vương cũng bị rung chuyển. Long vương bèn đến chổ Mạc-điền-địa. Ngài nhập từ- bi tam-muội, Long vương nổi gió thổi Ngài, nhưng chéo y cũng không lay động. Long vương nỗi sấm chớp

hiện đao gậy và nhấc núi lửalên muốn đè chết Ngài. Ngài liền dùng thần lực biến núi lửa thành hoa trời. Ngay lúc đó trong không trung có tiếng nói rằng:

Núi Tuyết gặp mặt trời
Nóng chảy chẳng còn chi
Như vào "Từ-tam-muội"
Lửa dữ thành hoa trời.

(Trích kinh A Dục Vương quyển 7)

2. XÁ-NA-BÀ-TƯ BIẾN SẤM CHỚP, ĐAO GẬY THÀNH HOA ƯU-BÁT-LA:

Sau khi Xá-na-Bà-tư được A Nan phó chúc xong, Ngài liền đến nước Ma-thâu-la, giữa đường gặp chùa Bẩn-đà-ba-na (Trung Quốc dịch Tòng Lâm)

Xa-na-Bà-tư vào chùa tá túc qua đêm. Trong chùa có hai vị Tỳ-kheo lớn tuổi đang bàn luận với nhau. Một vị cho rằng: "Không phạm giới là đệ nhất"

Vị kia lại cho: "Trạch pháp là đệ nhất"

Hai vị bảo Xá-na-Bà-tư nói lên ý của mình. Ngài nói: "Nghĩa của các ông bàn luận, không giống điều tôi nói".

Này Trưởng Lão! Vào đời quá khứ ở nước Ba-la-nại có một thương chủ cùng với năm trăm thương buôn muốn vào trong biển lớn. Họ gặp một vị Bích chi Phật đang bị bịnh, thương chủ đích thân trị liệu. Khi bịnh Ngài giảm dần ông ta lấy y xá-na giặc sạch, làm mềm mại, để cúng dường Ngài. Ngài nhận y, hiện mười tám thứ thần biến, sau đó nhập Niết-bàn. Vị thương chủ bấy giờ chính là ta. Thế nên hôm nay ta gặp bậc thầy tối thắng, khiến cho ta đắt đạo.

Xá-na-Bà-tư lần hồi đến nước Ma-thâu-la. Ở núi Ưu-lưu-mạn-đà có hai anh em Long vương cùng với năm trăm con rồng nhỏ. Bấy giờ Xá-na-Bà-tư liền nghĩ: "nếu ta không hàng phục được chúng thì không thể giáo hóa" Ngài liền dùng thần lực làm cho quả núi rung động. Hai vị Long vương nổi giận, liền nỗi mưa to gió lớn và phun lửa. Xá-na-ba-tư liền nhập từ bi tam muội, khiến cho mưa, gió, lửa không thể chạm vào thân Ngài. Ngài biến những thứ ấy thành hoa Ưu-bát-la và rơi xuống đất. Hai vị Long vương lại nổi sấm chớp và các thứ đao gậy. Ngài dùng thần lực biến chúng thành hoa trời. Khi ấy trong không trung có tiếng nói kệ:

Mưa to và gió lớn

Không thể nào hại được
Sấm sét cùng đao gậy
Điều biến thành hoa trời
Giống như núi Tuyết kia
Khi mặt trời chiếu đến
Thảy đều bị tan ngay
Chẳng còn một chút gì
Ngài nhập "từ tam muội"
Lửa không thể đốt thân
Đao gậy dù độc hại
Cũng chẳng thể đến gần.

Lúc bấy giờ hai vị Long vương đến chổ Xá-na-Bà-tư, hỏi rằng:

- Ngài muốn gì mà làm như vậy?

Xá-na-Bà-tư đáp:

- Ta muốn xây một ngôi chùa ở đây, các ông có bằng lòng không?

- Không thể được.

- Thế Tôn đã nói: "sau khi ta Niết-bàn một ttrăm năm, ở núi Đại-đề-hồ là nơi tốt nhất,nên cất chùa ở đó, đặt tên Na-đá-Bà-đá.

- Thế Tôn đã nói vậy ư?

- Đúng vậy!

- Nếu Thế Tôn đã nói như thế thì chúng tôi xin vâng theo.

(Trích kinh A Dục Vương quyển 7).

3. ƯU-BA-CẤP-ĐA XUẤT GIA, HÀNG MA

Xá-na-Bà-tư cất chùa ở núi Đại Đề Hồ, Ngài dùng sức phương tiện giáo hoá Cấp Đa khiến cho ông tinh tấn.

Bấy giờ Xá-na-Bà-tư một mình đến nhà Cấp-đa khuyên ông xuất gia.

Cấp đa hỏi:

- Thưa Thánh nhân vì sao Ngài chỉ có một mình không có đệ tử. Tôi muốn ở nhà thọ hưởng năm món dục lạc không muốn xuất gia, nếu tôi sinh con, tôi sẽ cho nó theo Ngài.

Về sau Cấp-đa sanh một đứa con trai đặt tên A-ba-cấp-đa (đời Lương dịch Chánh Hộ) khi đứa trẻ vừa lớn, Xá-na-Bà-tư đến nhà Cấp Đa nói:

- Trước kia ông có hứa nếu sanh con sẽ cho ta. Nay đứa trẻ đã lớn, hãy cho nó theo ta xuất gia.

Cấp-đa đáp:

- Tôi nay chỉ có một đứa con nếu như sanh được đứa thứ hai thì sẽ cho theo Ngài.

Đến khi đứa thứ hai ra đời, tên là Đà-na-cấp-đa (Trung Quốc dịch Bảo Hộ), Xá-Na-lại đến xin nhưng Cấp-đa cũng hứa như lần trước. Đến đứa thứ ba ra đời, tên là Ưu -ba-cấp-đa, Xá-na-Bà-tư lại đến xin.

Ông ta nói:

- Tôi có ý định muốn cho Ưu-ba-cấp-đa buôn bán, nếu như gia đình tôi làm ăn phát đạt hay suy sụp, thì sẽ không cho nó xuất gia. Còn như gia cảnh vẫn bình thường thì sẽ cho nó xuất gia.

Bấy giờ quỷ vương xúi dục người trong nước Ma-thâu-la kéo nhau đến mua hàng, khiến cho ông ta được lợi lớn. Bấy giờ Ưu-ba-cấp-đa đang bán hương thì Ngài Xá-na-Bà-tư đến nói:

- Các pháp đều từ nơi tâm ông mà ra, thế nào là thiện? Thế nào là ác?

Ưu-ba-cấp-đa đáp:

- Con không biết.

- Nếu tâm ông tương ưng với tham-sân-si thì gọi đó là ác, ngược lại gọi đó là thiện.

Lúc ấy Ngài lấy đất trắng, đất đen mỗi thứ vo lại thành những viên tròn rồi đưa cho ông ta và nói: "mỗi khi tâm ác khởi lên thì ông lấy một viên đen, khi tâm thiện khởi lên thì ông lấy một viên trắng".

Ưu-ba-cấp-đa làm theo như lời Ngài dạy. Nhưng tâm ông chỉ khởi toàn những điều ác, vì vậy đến một viên trắng cũng không có. Dần dần về sau ông có sự tiến bộ được hai phần viên đen một phần viên trắng, nhờ tư duy tiến lên, được một nữa viên đen một nữa viên trắng. Về sau ông chỉ khởi niệm thiện nên được toàn viên trắng.

Bấy giờ nước Ma-thâu-la có một dâm nữ tên Bà-sa-đạt-đa (đời Lương dịch Chủ Đức). Người hầu của cô ta đến chổ Ưu-ba-cấp-đa mua được rất nhiều hương. Cô chủ hỏi:

- Em mua ở đâu mà được nhiều hương như thế? Không phải là ăn trộm của người ta chứ?

- Em mua ở chổ thương buôn Ưu-ba-cấp -đa. Ông ấy dung mạo tuấn tú lời nói thanh tao.

Cô chủ nghe xong khởi lòng ham muốn, lại sai tỳ nữ của mình đến chổ Ưu-ba-cấp-đa, nói rằng:

- Cô chủ của tôi muốn cùng với ông vui hưởng dục lạc.

Ưu-ba-cấp-đa đáp:

- Ta chưa thấy mặt chủ của cô, làm sao có thể nhận lời!

Cô chủ sai tỳ nữ đến ba lần như vậy, nhưng Ưu-ba-cấp-đa vẫn khăng khăng từ chối.

Bấy giờ cô ta lại mời một trưởng giả tử đến để cùng cô ta vui chơi. Ngay lúc đó có một thương chủ từ Bắc-thiên-trúc đến, ông ta đem theo năm trăm con ngựa và rất nhiều hàng hoá đến nước Ma-thâu-la, hỏi người ở đó rằng: "Ở nước này nơi nào có người nữ đẹp nhất".

Có người đáp: "Ở đây có một người đẹp tuyệt trần tên là Bà-ta-Bà-đạt-đa".

Thương chủ đem vàng bạc và các thứ hàng hoá đến chổ dâm nữ. Dâm nữ vì tham của nên giết chết chết trưởng giả tử rồi đem chôn nơi chổ không sạch, rồi cùng với thương chủ kia vui hưởng khoái lạc.

Bạn thân của trưởng giả tử tìm được hài cốt của ông ta, bèn tâu lên vua. Vua ra lệnh: "Ngươi nên bắt Bà-sa-đạt-đa, cắt tay, chân, tai, mũi rồi quẳng cô ta ra ngoài đồng trống.

Người kia làm theo lệnh vua.

Ưu-ba-cấp-đa nghĩ: "ta trước kia không thích cùng với người nữ này hưởng ngũ dục nhưng nay muốn đến quán sát cô ta khi không còn tay, chân, tai, mũi". Ngài đến đó và nói kệ. Bà-sa-đạt-đa nghe những lời ấy rất sợ sanh tử, nhưng khi nghe đến công đức của Phật liền chuyển tâm ưa thích Niết-bàn, dùng kệ đáp lại. Ưu-ba-cấp-đa nói Tứ-đế, cô ta quán thân mình sanh tâm nhàm chán cõi Dục, đắc quả A-na-hàm rồi đắc Tu-đà-hoàn. Khi Ưu-ba-cấp-đa bỏ đi chưa được bao lâu thì cô ta mạng chung, sanh lên cõi trời.

Bây giờ trưởng lão Xá-na-Bà-tư đến nói với thương chủ Cấp-đa:

- Ông nên cho Ưu-ba-cấp-đa theo ta xuất gia.

- Tôi trước có lời nguyện, muốn nó làm nghề buôn bán, nếu không phát đạt hay thua lỗ, mới cho xuất gia.

Xá-na-Bà-tư dùng thần lực khiến cho Ưu-ba-cấp-đa buôn bán không phát đạt, không thua lỗ.

Lúc ấy anh ta nghĩ: "Ta buôn bán, nay nay tính ra không lời cũng không lỗ.

Xá-na-Bà-tư đến chổ thương chủ cấp-đa nói:

-Nay đứa con của ông được Đức Phật thọ ký: "Sau khi ta vào Niết-bàn một trăm năm, người này sẽ làm Phật sự". ông nên cho nó theo ta xuất gia.

Thương chủ Cấp-đa liền bằng lòng.

Xá-na-Bà-tư dẫn Ưu -ba-cấp-đa đến chùa Na-đá-Bà-đá cho xuất gia, đến lúc thọ giới cụ túc bạch tứ yết ma. Ưu -ba-cấp-đa diệt trừ tất

cả kiết sử đắc quả A-La-hán. Bấy giờ Xá-na-Bà-tư bảo:

- Này thiện nam tử! như lời Phật thọ ký: "Sau khi ta vào Niết-bàn một trăm năm có Tỳ-kheo tên Ưu-ba-cấp-đa sẽ làm Phật sự, về sau thành Phật hiệu là Vô Tướng, thuyết pháp giáo hoá chúng sanh.

Lúc ấy, ma vương làm mưa chân châu xuống chổ đại chúng khiến cho tâm họ tán loạn, không thể kiến đạo. Ưu-ba-cấp-đa quán chiếu, biết việc này do ma vương làm. Đến ngày thứ hai, người đến đông gấp bội. Ma vương lại làm mưa vàng khiến tâm mọi người tán loạn. Đến ngày thứ ba, người đến càng đông hơn... Ma vương làm mưa vàng ngọc và trỗi các thứ nhạc trời. Bấy giờ, trong những người chưa lìa được lòng tham dục thấy sắc nghe tiếng, tâm họ tán loạn, không muốn nghe pháp. Lúc ấy. Ma vương lay tràng hoa tròng lên đầu Ưu-ba-cấp-đa. Ngài nghĩ: "Ai đã làm việc này?" Khi biết được việc này do Ma vương làm. Ngài lại nghĩ Thế Tôn vì sao không giáo hoá nó, nay ta sẽ giáo hoá. Phật đã thọ ký cho ta về sau sẽ thành Phật, hiệu là Vô Tướng, giáo hoá chúng sanh".

Ưu-ba-cấp-đa lấy ba xác chết: xác rắn, xác chó và xác người, rồi dùng sức thần thông biến ba xác chết thành một tràng hoa, đến chổ Ma vương choàng vào cổ nó. Lúc ấy. Ma vương lên cõi trời Ma-hê-thủ-la rồi đến cõi trời Ba Mươi Ba của Đế Thích, đến chồ Tứ Thiên Vương, nhờ cỡi xác chết ra nhưng không ai làm được. Ma vương lại đến chổ Đại-phạm-thiên-vương. Đại-phạm-thiên-vương nói:

- Ông ơi đã là do thần lực của đệ tử. Phật làm thì không ai có thể cởi ra được. Như bờ biển lớn nước không thể phá vỡ.

- Ma vương nói:

- Vậy tôi phải làm thế sao? bây giờ tôi phải quy y với ai?

Đại phạm thiên vương nói:

- Ông hãy mau đến quy y với Ngài Ưu-ba-cấp-đa, như người té xuống đất thì phải chỏi đất mà đứng dậy.

Bấy giờ, Ma vương mới biết thân lực của đệ tử Phật không ai bằng, liền nói kệ khen Phật. Ma vương bỏ tâm kiêu mạn, tự nói lỗi trước kia của mình.

(Trích kinh A Dục Vương quyển 8)

4. ƯU-BA-CẤP-ĐA KHÔNG GIÁO HOÁ NGƯỜI PHẠM TỘI TRỌNG KHIẾN CHO ĐỆ TỬ DIỆT TRỪ TÂM KIÊU MẠN:

Ở nước Nam Thiên Trúc có một người lén tư tình với vợ người khác, nên thường đến nhà họ. Mẹ ông ta ngăn cản, ông ta giết chết mẹ của mình đi đến nước khác, vì không thoả mãn dục vọng, nên lòng âu

sầu buồn bã, liền đi xuất gia. Ông ta thông đạt Tam-tạng, thành tựu đa văn, cùng với các đệ tử mình đến chổ Ưu -ba-cấp-đa ở chùa Na-đá-ba-đá nước Ma-thâu-la.

Ưu-ba-cấp-đa biết người giết mẹ mình thì không thể đắc đạo quả, nên không hỏi han gì cả. Tỳ-kheo nàysinh tâm hổ thện liền bỏ đi xa. Có một người đệ tử của Ưu-ba-cấp-đa chưa đắc đạo nghĩ: “Thầy mình kém trí, thấy Tỳ-kheo tâm ám độn thì thuyết pháp nay Tỳ-kheo này thông minh trí tuệ, thông đạt tam tạng có nhiều đệ tử lại không thuyết pháp cho ông nghe. Bấy giờ, Ưu-ba-cấp-đa biết đệ tử mình đang tức giận, lại biết người này thời cơ dã đến, phải có thầy ta giáo hoá hàng phục mới được.

Lúc ấy Xá-na-Bà-tư ở nước Kế Tân quán sát biết được đệ tử mình đã làm Phật sự gì, nên biết được đệ tử của Ưu-ba-cấp-đa đang giận dữ lại xé thâynhững, người này đáng được ta giaó hoá. Ngài liền dùng thần lực đến chùa Na-đá-Bà-đá với hình dạng râu tóc bù xù, áo quần xốc xếch. Năm trăm đệ tử của Ưu-ba-cấp-đa nói:

- Ông già điên này từ đâu đến đây?

Ngài không trả lời, đi đến ngồi trên giường Ưu-ba-cấp-đa. Các đệ tử kéo Ngài ra. Nhưng Ngài ngồi vững như núi Tu Di không thể lay động được. Họ muốn chưởi mắng nhưng nói không ra lời, bèn đến thưa với Thầy của mình. Ưu-ba-cấp-đa đáp:

- Ngoài thầy ta ra không ai có thể ngồi trên giường của ta được.

Ưu-ba-cấp-đa trở về chùa, dùng những thứ tốt đẹp nhứt để cúng dường thầy mình, rồi đặt một cái ghế nhỏ ngồi bên cạnh thầy. Các Đệ tử nghĩ: “ Tỳ-kheo này dù là thầy của thầy ta nhưng trí tuệ cũng chẳng bằng thầy ta. Xá-na-Bà-tư biết được tâm ý họ, liền đưa cánh tay phải lên từ ngón tay chảy ra những dòng sữa. Ngài bảo Ưu -ba-cấp-đa:

- Đây là Tam-muội-gì?

- Con không biết xin thầy chỉ bảo.

- Tam muội này tên là Long Tầng Thân.

Kế đó Ngài lại nhập các thứ tam muội. Ưu -ba-cấp-đa đều thưa: “con không biết”.

Ngài nói:

- Khi ta vào Niết-bàn, tất cả pháp tam muội này đều mất.

Các đệ tử Ưu-ba-cấp-đa nghe như vậy nghĩ: “ trí tuệ của Tỳ-kheo này hơn thầy ta” liền diệt tâm kiêu mạn. Xá-na-Bà-tư giáo hoá những đệ tử kia đều đắc quả A-la-hán.

(Trích kinh A-dục-vương quyển 9)

5. ƯU BA CẤP ĐA PHÓ CHÚC PHÁP TẠNG, VÀO NIẾT-BÀN:

Ưu-ba-cấp-đa lúc sắp vào Niết-bàn, phó chúc pháp tạng cho đệ tử được độ sau cùng là Khích-vi-khavà nói rằng: "Này thiện nam tử! Đức Thế Tôn phó chúc pháp tạng cho Ngài Ma-ha-ca-diếp, Ngài. Ma-ha-ca-diếp phó chúc cho Ngài A-Nan. Ngài Anan phó chúc cho Ngài Mạc-điền -địa, Ngài-Mạc-điền địa phó chúc cho thầy ta là Xá-na-Bà-tư, thầy ta phó chúc cho ta,nay ta sắp vào Niết-bàn nên phó chúc lại cho ông, và hãy báo cho khắp cõi Diêm-phù-đề biết ta sắp vào Niết-bàn".

Được tin báo La-hán khắp mười phương, Tỳ-kheo phàm phu nhiều vô số cùng một lúc vân tập đến chổ Ngài. Ngài liền hiện đủ mười tám món thần biến rồi vào Niết-bàn. Những đệ tử của Ngài đắc tứ quả cùng lấy củi chất vào trong thạch thất để trà tỳ và xây tháp cúng dường nhục thân Ngài. Ngay lúc ấy cũng có một ngàn vị La-hán cùng nhập Niết-bàn.

Về sau, Khích-vi-kha giữ gìn pháp tạng, đệ tử được Ngài giáo hoá đắc tứ quả hai mươi tám người.

(Trích kinh A-dục-vương quyển 10).

6. ƯU-BA-CẤP-ĐA ĐỘ HỔ ĐÓI:

Thuở xưa, có vị La-hán tên là Ưu-ba-cấp-đa ở chùa Na-đá-Bà-đá bên núi Đại-đề -hồ nước Ma-thâu-la. Cách chùa không xa, có một con hổ đang sinh con, chưa thể tự tìm thức ăn được, đói đến sắp chết. Ngài Ưu-ba-cấp-đa thấy vậy, khởi tâm từ khiến nó được no đủ.

Một trăm đệ tử của Ngài chưa đắc đạo nói:

- Sao thầy lại cho loài hung dữ đó ăn.

Ưu -ba-cấp-đa đáp:

- Vì đây là nhân giải thoát!

Lúc hổ mẹ sắp chết Ưu-ba-cấp-đa nói với hổ:

Tất cả hành vô thường
Tất cả pháp vô ngã
Chỉ Niết-bàn tịch tịnh
Ngươi nên tin lời ta
Nhàm chán kiếp súc sanh.
Sớm làm người tu tập.

Hổ mẹ nghe lời dạy của Ưu-ba-cấp-đa sanh tâm kính tin rồi chết. Sau khi chết, nó sanh làm người ở nước Ma-thâu-la. Năm lên bảy tuổi nó được Ưu-ba-cấp-đa độ cho xuất gia, sau bảy năm tu tập được đắc quả

A-La-hán, liền dùng thần lực hái rất nhiều hoa cúng dường Ưu-ba-cấp-đa và đi nhiễu quanh Ngài.

Năm trăm đệ tử của Ngài chưa đắc đạo thưa:

- Đồng tử này tuổi còn nhỏ tại sao có được công đức thần thông như thế?

Ưu-ba-cấp-đa đáp:

- Đồng tử này chính là hổ đói năm xưa đấy!

Nhân đó Ưu-ba-cấp-đa thuyết pháp. Năm trăm đệ tử của Ngài samh lòng hổ thẹn, đoạn trừ phiền não và đắc quả A-La-hán.

(Trích kinh A-dục Vương quyển 9).

7. LA-TUẦN-DU KHẤT THỰC KHÔNG ĐƯỢC, ĂN ĐẤT VÀO NIẾT-BÀN:

Đức Phật ở núi Kê Túc. Lúc bấy giờ, có vị Bà-la-môn sanh được một người con liền mời thầy đến xem tướng, thầy tướng nói:

- Đứa bé này không có tướng tốt, nên đặt tên là A-bảo.

Cha mẹ đứa bé nghe vậy tuy vẫn nuôi dưỡng mà chẳng chút thương yêu.

Đến năm mười hai tuổi, đứa bé tự sống được, nhưng bị cha mẹ đuổi ra khỏi nhà. Sau khi bị đuổi đứa bé lang thang khắp nơi xin ăn, lần đến Tinh xá Kỳ Hoàn. Phật dùng tâm từ nghĩ đến nỗi khổ của nó, liền bảo A-nan gọi nó vào hỏi:

- Con muốn xuất gia không?

Đứa bé mừng rỡ xin được xuất gia. Đức Phật lấy tay xoa đầu, tóc tự rụng, áo đang mặt biến thành ca-sa, và đặt tên là La-tuần-du.

Bấy giờ, chúng Tăng chia nhau đi khất thực, nhưng nhóm có La-tuần-du đều ôm bát không trở về. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo phải chia bớt phần mình cho họ. Ngày nào cũng vậy, Mục-kiền-liên nghĩ: “ Tỳ-kheo này không có phước đức, nhưng tại sao những vị khác cũng bị ảnh hưởng? Nếu có ta đi cùng chắc sẽ được cúng dường đầy đủ. Đức Phật biết được ý nghĩ của Mục-kiền-liên liên bảo Xá-lợi-phất cùng đi khất thực với Phật, còn Mục-kiền-liên cùng đi với La-tuần-du. Mỗi bên đi mỗi đường. Đức Phật bảo Mục-kiền-liên: “những nơi ta đến thì ông đừng đến”.

Mục-kiền-liên và La-tuần-du đi khất thực, hễ hai người muốn đến nhà nào thì thấy Đức Phật và Xá-lợi-phất đứng ngay trước cửa nhà đó. Cứ như vậy, trải qua rất nhiền nơi mà vẫn không có được chút thức ăn nào. Mục-kiền-liên nghĩ chắc hôm nay mình phải nhịn đói.

La-tuần-du vô cùng đói khát, dừng nghĩ bên bờ sông Hằng. Mục-kiền-liên đến chổ Phật. Phật xem trong bát hãy còn chút thức ăn liền đưa cho Mục-kiền-liên. Mục-kiền-liên nghĩ: “ Ta nay đói đến nỗi muốn nuốt cả núi Tu Di còn chưa thấy no, huống gì chút thức ăn này làm sao no được!”.

Phật biết tâm niệm Mục-kiền-liên liền nói:

- Ông cứ ăn đi đừng lo không đủ!

Mục-kiền-liên liền ăn. Ngài ăn đã quá no mà thức ăn ttrong bát vẫn còn. Xá-lợi-phất nghĩ: “La-tuần-du chưa được ăn chắc sẽ đói lắm. Ngài liền bạch Phật xin phần cơm đem đến cho La-tuần-du. Đức Phật nói:

- Không phải ta tiếc gì, nhưng do nghiệp đời trước nên nay La-tuần-du phải chịu quả báo như vậy. Nếu không tin ông hãy thử đem thức ăn này đến cho ông ấy đi!

Xá-lợi-phất liền đem thức ăn đến cho La-tuần-du. La-tuần-du vội vã lấy ăn, bát liền rơi xuống đất lún sâu trăm trượng. Xá-lợi-phất dùng thần lực thâu bát về đưa lại cho La-tuần-du. La-tuần-du định lấy ăn thì bát lật đổ, tất cả thức ăn đều rơi xuống nước.

La-tuần-du trở về nhập định tư duy: “Tại sao mỗi khi ta khất thực với các Tỳ-kheo thì tất cả đều ôm bát không trở về, nay Xá-lợi-phất đem thức ăn thừa của Phật đến cho ta mà cũng bị đổ đi. Đây là tội báo đời trước mình phải nhận lấy”. Ngài lại tiếp tục tư duy giải trừ tội cấu đắc quả A-La-hán, ăn đất rồi nhập Niết-bàn.

La-tuần-du sở dĩ bị quả báo như thế là do kiếp trước đời Phật Duy Vệ ông là người tham lam không chịu bố thí. Mỗi bữa ăn ông đều trải áo xuống đất sợ cơm rơi ra ngoài. Một hôm có vị Sa-môn đi khất thực ngang. La-tuần-du gọi Sa-môn đến và nói:

- Ta nên lấy gì cho ông đây!

Liền cúi xuống bốc một nắm đất đưa cho vị Sa-môn.

Vị Sa-môn chú nguyện: “người này thật quá ngu si ta sẽ sớm độ ông ấy được giải thoát”.

Vì nhân duyên ấy thế nên trải qua nhiều kiếp sanh tử đến nay La-tuần-du luôn chịu đói khát, đến khi đắc đạo phải ăn đất rồi mới nhập Niết-bàn.

La-tuần-du chính là người cho đất vị Sa-môn thuở trướ; còn vị Sa-môn là Ngài Xá-lợi-phất. Tội phước báo ứng, La-tuần-du tuy nay đã đắc đạo nhưng vẫn trả quả báo cũ. Người đời ngu si cho rằng làm ác không tội, thì chuyện của La-tuần-du là một bằng chứng cụ thể vậy.

(Trích kinh La-tuần-du).

8. LA-TUẦN-DU KHẤT THỰC KHÔNG ĐƯỢC, ĐỨC PHẬT PHÂN CHIA CHÚNG TĂNG THÀNH NĂM BỘ:

Thời Phật tại thế chúng Tăng thường dùng vải quấn tử thi để may y phục. Về sau do nhân duyên Tỳ-kheo La-tuần-du khất thực không được Phật biết duyên nghiệp của ông ấy liền chia chúng Tăng thành năm bộ, trang phục cũng thành năm loại, và dạy. La-tuần-du mỗi ngày phải theo mỗi bộ khất thực.

Căn cứ theo đặc điểm của mỗi bộ mà Đức Phật quy định màu sắc y phục có khác nhau: Bộ Tát-hòa-đa thông đạt đạo lý dùng pháp độ sanh nên mặc ca-sa màu đen; bộ ca-diếp-duy tinh tấn dõng mãnh thường nhiếp hộ chúng sanh nên mặc ca-sa màu mộc lan; bộ Di-sa-tắc chuyên thiền định tư duy để xướng lý Ưu-ba-cấp-đa huyền nên mặc ca sa-màu xanh; bộ Ma-ha-tăng -kỳ rộng học các kinh diễn thuyết nghĩa lý nên mặc ca-sa màu vàng. từ dó về sau khất thực mới được cúng dường. Là vì sao? Vì La-tuần-du đời trước không có chút phước đức.

A-nan bạch Phật.

Bạch Đức Thế Tôn! La-tuần-du không chút phước đức sao được làm Sa-môn?

Phật đáp:

- Đời trước La-tuần-du là con một người hiền nhưng có tính tật đố. Mỗi khi thấy Sa-môn khất thực ngang ông liền đóng cửa lại và nói: “ chủ nhà đã đi vắng”. Hễ vị Sa-môn đến nhà nào thì ông bày những người trong nhà đó đóng cửa và cũng nói như vậy. Vì thế nên nay ông khất thực không được. Lại do thấy người khác cúng dường thức ăn cho Sa-môn liền khởi tâm thích làm Sa-môn. Nên nay được làm Sa-môn, tuy được Sa-môn nhưng luôn bị đói khát.

(Trích kinh Di Giáo Tam Muội quyển hạ)

9. ĐỒNG TỬ CA DIẾP CON CỦA TỲ-KHEO-NI TÁM TUỔI ĐẮC ĐẠO:

Phật ở thôn Xá-vệ. Lúc ấy trong thành có hai chị em đi xuất gia, một người đang mang thai. Các Tỳ-kheo-ni thấy bụng Tỳ-kheo-ni ấy càng ngày càng to, liền đuổi đi. Vì vậy cô ta đến bạch Phật. Phật bảo:

Nếu như mang thai từ lúc còn ở nhà thì không tội.

Sau đó Tỳ-kheo-ni sinh được đứa bé trai. Đặt tên là Ca Diếp. Năm lên tám tuổi Ca Diếp xuất gia, chứng quả A-la-hán.

Một hôm, Tỳ-kheo trẻ tuổi cùng mười sáu Tỳ-kheo khác, mỗi người cầm một cái gàu tắm đến sông A-kỳ-la tắm rửa. Họ lặn xuống,

trồi lên, tát nước nhau, lội qua sông, vui đùa trên mặt nước.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc chưa tin Phật pháp đứng trên lầu thấy vậy càng không kính tin, liền nói với Mạc-lợi phu nhân:

- Bà hãy nhìn xem các đại sĩ phước điền của bà làm như vậy đó!

Mạc-lợi phu nhân dù rất tin Phật pháp nhưng cũng không dám nhìn, liền nói với vua:

- Có lẽ những vị ấy còn nhỏ tuổi xuất gia, mới thọ cụ túc chưa thuần giới luật, hoặc do Phật chưa chế giới này nên mới như vậy.

Đồng tử Ca diếp do thiên nhĩ thông, nghe được lời vua liền nói với các bạn:

- Vua không chút tin Phật pháp còn Mạc-lợi phu nhân thì không vui. Nay tôi sẽ làm cho nhà vua phát tâm hoan hỷ.

Tất cả liền nói: "Hay thay! Hay thay!"

Thế rồi, mỗi người cầm một cái gàu múc đầy nước để trước mặt, ngồi kiết già thành một hàng, lướt trên hư không bay ngang qua cung điện của vua. Mạc-lợi phu nhân đang ngồi bổng thấy bóng người ngồi kiết già chiếu xuống đất, liền ngước lên xem thì thấy những vị Tỳ-kheo ấy ngồi kiết già thành hàng, trước mặt họ có một gàu nước, bay trên hư không giống như đàn nhạn. Thấy vậy Bà rất vui mừng tâu vua:

- Thiếp đã nhìn thấy oai đức các phước điền của thiếp rồi.

Vua cũng thấy như thế hết sức vui mừng nói:

- Hay thay! Hay thay! Ta được thiện lợi! Mong những Tỳ-kheo này mãi mãi là ruộng phước cuả cả nước.

Đức Phật biết được việc nầy liền chế giới không cho làm như vậy nữa.

(Trích luật Tăng Kỳquyển 9, 10, văn ở Thập Tụng cũng giống nhau).

10. MẠT XIỂN ĐỀ HÀNG PHỤC RỒNG DỮ:

Ở nước Kế Tân, lúc vừa mới trổ bông thì bị Long vương A-la Bà-lâu làm mưa bão khiến cho lúa chết hết cả. Năm vị Tỳ-kheo gồm đại đức Mạc xiển đề... từ nước Ba-tra-lợi-phất bay đến núi Tuyết dừng lại trong ao của Long vương A-la-Bà-lâu, rồi đi đứng nằm ngồi trên mặt nước.

Quyến thuộc của Long vương thấy vậy, vào tâu lại với Long vương. Long vương nổi trận lôi đình, dùng mọi thần lực làm mưa bão sấm chớp... núi rừng nghiêng ngã cây cối gãy đổ tả tơi. Rồng còn phun ra khói lửa, làm mưa đá trút đổ xuống... nhằm làm cho đại đức Mạt-

xiên-đề kinh sợ. Long vương lại kêu gọi binh lính kéo đến nhưng Mạt-xiển-đề không chút nao núng.

Mạt-xiển-đề nói:

- Ngươi mời tất cả chư Thiên và loài người đến để uy hiếp ta, hoặc lấy núi Tu-di và các núi khác ném vào người la... Ta cũng không sợ chút nào.

Ngài thuyếp pháp hoá độ Long vương làm nó dần dần tin phục. Long vương nghe pháp xong xin thọ tam quy giới và cùng với quyến thuộc xin làm đệ tử của Ngài. Các loài quỷ như: Dạ-xoa, Càn-thát bà, Cưu-bàn Trà nghe pháp đều tin phục cũng xin làm đệ tử của Ngài. Tất cả các loài đều tỏ được đạo mầu

Mạt-xiển-đề bảo loài rồng và loài quỷ:

Các ngươi từ nay về sau chớ có sân hận làm hại người làm chết ca lúa thóc, phải khởi lòng từ để được an vui.

Tất cả bọn chúng cúi đầu đảnh lễ nghi nhận lời chỉ giáo của Ngài và bày tòa bảy báu thỉnh Ngài ngồi. Long vương đứng hầu bên quạt cho Ngài. Dân chúng trong nước Kế-tân Kiền-đà-lặc-xoa biết được việc này cung kính Ngài hết mực. Tất cả đều nghe pháp và có rất nhiều ngườichứng đắc đạo quả.

(Trích luật Thiện-kiến, Tỳ-Bà-sa quyển hai)

11. MA-SẨN -ĐÀ GIÁO HOÁ VUA THIÊN ÁI ĐẾ TU:

Vào thời vua A-dục Đức Phật đã vào Niết-bàn khoảng hơn hai trăm năm. Lúc này Tỳ-kheo Ma-sẩn-đà đi đến nước Sư Tử. Gặp lúc vua đi săn, có vị thần cây muốn vô gặp mặt Ma-sẩn-đà nên hoá làm một con nai nhởn nhơ ăn cỏ ở gần vua. Vua định giương cung bắn nhưng lại nghĩ ; “Ta phải nhắm kỹ hơn mới được”. Nai bèn quay lại, nhắm đường Xà-đa-Bà-la mà chạy. Vua đuổi sát theo sau, nhưng gần đến chỗ Ma-sẩn-đà nai liền biến mất.

Ma-sẩn-đà liền nghĩ:” ta sẽ dùng thần lực để vua chỉ thấy mình ta”. Nghĩ rồi Ma- sẩn - đà liền gọi tên vua: Đế Tu hãy đến đây.

Vua mghe gọi tên mình liền nghĩ: Dân chúng trong nước này ai dám gọi tên ta? Đây là kẻ nào vậy? Hay là người mặc áo bá nạp màu đỏ đã gọi tên ta?

Vua nghi ngờ không biết người ấy là ai? là người hay là quỷ.

Ma- sẩn -đà đáp: Ta là sa- môn dòng họ thích, vì thương vua nên lặng lội từ Diêm Phù Lợi cố ý đến đây.

Lúc bấy giờ vua Thiên ái- đế-tu cùng với vua A-dục thường quan

hệ thư từ qua lại thân hữu với nhau, dâng tặng nhau các vật trân bảo.

Ma-sẩn-đà nói vơi vua Thiên-ái-đế-tu: ta có ba món báu dâng cho vua mà những báu vật của Ngài ở thế gian không sánh được.

Ngài thuyết ba pháp quy y.cho vua nghe vua thọ Tam quy làm Ưu -bà-tắc. Ngài còn dạy nhân quả báo ứng cho nhà vua.

Tại chỗ săn bắn, vua nhớ đến trong thư, vua A-dục vương có nhắc đến vị Tỳ-kheo này, liền bỏ cung tên đến chào hỏi vị Sa-môn. Ngài thuyết pháp, vua vàtất cả những người tuỳ tùng đều thọ tam quy. Vua yêu cầu Ma-sẩn-đà thuyết pháp. Ma-sẩn-đà gọi Sa-di Tu-ma-na, nói:

- Ta nay sẽ thuyết pháp, ông có thể xướng chuyển pháp luân được không?

Sa-di đáp: Con sẽ xướng khiến âm thanh vang đến đâu - khiến âm thanh vang khắp nước Sư-tử

Lúc ấy Tu-ma -na nhập Tứ thiền, sau đó xuất thiền chuyển pháp luân. Nhân dân trong nước Sư- ử đều nghe được, trời thần trong hư không đến hội họp. Sa-di xướng ba lần xong, pháp sư Ma-sẩn-đà thuyết pháp. Vô số trời người đều được tỏ ngộ.

(Trích luật Thiện-kiến, Tỳ-Bà-sa quyển hai)

12. PHẦN-NA TRƯỚC KIA LÀM NGƯỜI HÀ TIỆN, VỀ SAU GẶP PHẬT ĐẮC ĐẠO:

Người dân nước Na Lợi ở gần bờ biển Nam hải chuyên làm nghề tìm trân châu, chiên đàn. Có hai anh em nhà nọ, cha mẹ đều qua đời nên muốn chia gia tài. Nhà họ có một đứa đầy tớ tên là Phần -na. Người này tuổi tuy nhỏ nhưng rất thông minh, lại giỏi buôn bán. Vào biển đi buôn không việc gì chẳng biết.

Một hôm hai anh em bàn với nhau, chúng ta sẽ chia tài sản bằng cách: một phần là tất cả tài sản, một phần là được đứa ở Phần-na.

Thế là họ bốc thăm, người em được Phần-na. Anh ta liền dắt vợ con và đứa ở ra khỏi nhà.

Thời buổi bấy giờ làm ăn rất khó khăn, tuy được đứa ở giỏi, nhưng vẫn sợ không sống nổi, vì thế họ rất lo buồn. Phần-na thấy vậy thưa với chủ:

Xin ông đừng lo buồn, con sẽ tìm cách, chẳng bao lâu nữa ông sẽ giàu có hơn anh của ông.

Ông chủ đáp: nếu được như vậy ta sẽ trả tự do cho ngươi.

Vợ của người em có một ít nữ trang bằng châu báu, liền đưa cho Phần-na làm vốn.

Bấy giờ, lúc nước triều lên, người dân trong thành thường đến ven sông để kiếm củi. Lúc ấy Phần-na cầm hạt châu ra ngoài thành, gặp một đứa ăn xin đang gánh củi. Trong bó củi đó có cây Ngưu-đầu-chiên -đàn-hương, có thể trị được bệnh nặng. Loài cây này rất quý hiếm, một cây đáng giá ngàn vàng. Phần-na biết được, liền lấy hai đồng tiền vàng mua bó củi đem về chặt thành một ngàn khúc.

Một hôm có trưởng giả bị mắc bệnh nặng, cần có hai lạng gỗ ngưu- đầu-chiên-đàn-hương hoà chung với thuốc nhưng tìm mãi không ra. Phần-na đem Ngưu-đầu-chiên-đàn-hương đến bán được hai nghìn lượng vàng. Đến khi bán hết Ngưu-đầu-chiên-đàn-hương thì nhà người em giàu hơn nhà người anh gấp mười lần.

Người em rất cảm động và biết ơn Phần Na nên giữ lời hứa thả tự do cho nó, muốn đi đâu tuỳ ý. Phần-na từ biệt chủ lên đường học đạo. Nó đến nước Xá-vệ gặp Phật quỳ xuống đảnh lễ thưa: “Con sinh ra trong dòng hà tiện nhưng tâm ưa thích đạo đức, xin Đức Thế tôn từ bi tế độ con.

Phật nói: Thiện lai! tóc trên đầu Phần-na tự nhiên rơi xuống, áo đang mặc biến thành ca-sa, trở thành Sa-môn, nghe Phật thuyết pháp liền đắc quả A-la- hán.

Phần-na nghĩ: Ta nay đắc lục thông, sống chết tự tại, đều nhờ ơn chủ. Nay ta sẽ độ ông ta và giáo hóa người trong nước đó”.

Thế rồi Tôn giả Phần-na trở về nước, đến nhà chủ cũ. Người chủ vui mừng mời ngồi, đãi thức ăn. Ngài ăn xong, rữa tay rồi bay lên hư không hiện các thứ thần biến, từ thân xuất ra nước và lửa, toả ánh sáng chiếu khắp thân. Ngài nói với chủ: Thần phước này đều nhờ phước của ông trả tự do, tôi mới đến chỗ Phật học đạo và được như ngày nay.

Ông chủ nói: Ôi! sự biến hoá lỳ diệu thay! Tôi muốn gặp Thế tôn, mong được Ngài giáo hoá.

Phần Na đáp: Ông nên chí thành chuẩn bị thức ăn. Phật là bậc thông đạt ba trí, ắt sẽ tự đến.

Người chủ nghe theo lời Phần-na, thức suốt đêm để chuẩn bị thức ăn, rồi hướng về nước Xá- vệ, thắp hương quỳ gối chắp tay thỉnh Phật: “Cúi xin Đức Thế Tôn độ hết tất cả”. Phật biết được tâm niệm của người này liền cùng với năm trăm vị la- hán dùng thần túc bay đến nhà ông ta. Vua dân trong nước thấy đều kinh ngạc liền đến chỗ Phật, năm vóc sát đất đảnh lễ Phật và ngồi vào chỗ của mình. Phật và Thánh chúng thọ trai xong, Phật thuyết pháp cho chủ nhân và vua quan. Tất cả đều lãnh hội xin thọ ngũ giới làm đệ tử của Ngài. Ông chủ ở trước Phật

tán thán Phần-na: “Lúc ở nhà thì siêng năng, xuất gia thì đắc đạo, thần đức cao vời, cả nước đều nhờ Ngài mà được tế độ. Ta nay nên lấy gì để đền đáp công ơn ấy “.

Lúc ấy thế Tôn khen ngợi Phần-na, nói kệ:

Tâm đã ngừng nghỉ
Ngôn hành cũng dừng
Từ đó giải thoát
Trở về vắng lặng
Xả dục không chấp
Ra khỏi ba cõi
Vọng tâm đã dứt
Gọi là Thượng nhân
Dù ở tụ lạc
Hay nơi hoang dã
Sống chỗ đất bằng
Hay vùng núi cao
Làm điều chơn chánh
Không tạo lỗi lầm
Là nơi nương tựa
Cho cả chúng sanh
Thích nơi vắng lặng
Người đời khó làm
Hay thay! Tuyệt dục
Không còn ham muốn.

Người chủ và vua nghe xong càng thêm vui mừng, xin được cúng dường suốt bảy ngày, và họ đều đắc quả Tu-đà-hoàn.

(Trích kinh Pháp Cú quyển 1)

13. KHI TRỜI NÓNG, MA-HA-CA-DIẾP HIỆN GIÓ MÁT MƯA PHÙN:

Đức Phật cùng với chúng Tỳ-kheo ở trong rừng Am-la nơi tụ lạc Am-la Bấy giờ có trưởng giả Chất-đa-la thưa với vị thượng tòa.

- Xin các tôn giả ở tại rừng này nhận sự cúng dường của con.

Các thượng tòa nhận lời, hằng ngày các Ngài đắp y, ôm bát đến nhà trưởng giả. Trưởng giả tự tay mình cúng dường nhiều thức ăn ngon. Thọ thực xong các thượng tòa thuyết pháp cho trưởng giả. Trưởng giả nghe pháp vô cùng hoan hỷ. Các thượng tòa ở đây thường được cúng dường thức ăn ngon.

Vào một ngày cuối xuân, thời tiết nóng bức người đi lại rất khó khăn. Lúc ấy có vị hạ tòa tên Ma-ha-ca-diếp thưa với các thượng tòa:

- Ngày nay quá nóng! Con muốn nổi mây làm mưa, thổi gió mát.

Vị thượng tòa đáp:

- Được vậy thì tốt quá!

Ngài Ma-ha-ca-diếp liền nhập tam muội như vào chánh thọ ngay lúc ấy mây nỗi lên mưa phùn rơi xuống, gió mát nhè nhẹ từ bốn phương thổi đến cửa Tinh Xá. Rồi Ngài thâu thần trở vào phòng mình.

Lúc ấy trưởng giả nghĩ:

- Tỳ-kheo hạ tòa nhỏ nhất mà có được thần thông như vậy, huống gì các bậc thượng tòa, trung tòa.

Trưởng giả đảnh lễ chư Tỳ-kheo, rồi đến phòng Ma-ha-ca-diếp lễ dưới chân Ngài thưa:

- Thưa tôn giả! Con muốn được thấy Ngài biến hiện thần thông.

Ngài Ma-ha-ca-diếp nói:

- Tôn giả chớ nên như thế!

Ba lần thỉnh không được trưởng giả lại thỉnh lần nữa.

Ngài Ma-ha-ca-diếp nói:

- Ông hãy ra ngoài gom củi khô thành đống, lấy một tấm da phủ lên trên.

Trưởng giả làm y như lời Ngài dạy, rồi trở vào thưa với Ngài.

Bấy giờ Ngài Ma-ha-ca-diếp liền nhập hỏa quang tam muội, phát ra lửa, xuyên qua lổ hỏng cánh cửa, thiêu rụi đống củi nhưng tấm dạ không cháy.

Ngài nói với tôn giả:

- Ông đã thấy chưa?

Trưởng giả đáp:

- Con đã thấy rồi! Thật là kỳ lạ!

- Ông nên biết những điều này đều lấy không phóng dật làm gốc, nhờ không phóng dật nên đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, nhẫn đến các quả vị khác.

- Thưa Ngài tôn giả! Xin Ngài ở luôn trong rừng này, con xin suốt đời cúng dường tứ sự đầy đủ.

Ngài Ma-ha-ca-diếp do có nhân duyên phải đi, nên không nhận lời thỉnh cầu của trưởng giả. Trưởng giả nghe pháp xong làm lễ rồi lui ra.

(Trích kinh Chất-đa-la Trưởng Giả)

14. LA-HÁN NGUYỆN TÚC CHUYÊN GIÁO HÓA NGẠ QUỶ

Một hôm, La-hán Nguyện Túc gặp con quỷ xấu xí ai thấy cũng sợ hãi lông tóc dựng ngược. Thân nó phát ra lửa, nóng như một đóng lửa lớn, dòi, trùng,máu,mủ trong miệng tuôn ra ràn rụa, mùi hôi xông lên không ai dám đến gần. Có lúc miệng khạc ra lửa xa vài mươi trượng; có lúc mắt, tai, mũi, lưỡi, tay, chân đều phóng ra lửa mấy mươi trượng, môi thòng xuống giống như mỏ heo rừng. Thân cao to đến một do tuần. Tay cào cấu vào mình, kêu la gào khóc, chạy như điên cuồng.

Lúc ấy La-hán Nguyện Túc hỏi:

- Đời trước ngươi tạo tội gì mà nay chịu khổ như vậy?

- Đời trước tôi làm Sa-môn luyến tiếc phòng xá, thân giữ oai nghi nhưng miệng lại nói lời thô ác. Nếu thấy Tỳ-kheo trì giới tinh tấn thì mắng chưởi, nhìn họ bằng cặp mắt ác cảm, ỷ vào dòng họ giàu sang cho rằng không chết nên tạo vô số tội ác. Thà dùng dao cắt lưỡi từ kiếp này đến kiếp khác chớ không nên một lần phỉ báng Tỳ-kheo tinh tấn. Nếu trở lại cõi Diêm Phù Đề Ngài hãy đem thân hình tôi để răn dạy Tỳ-kheo, cố giữ gìn khẩu nghiệp chớ nói năng bừa bãi. Nếu gặp Tỳ-kheo giữ giới nên ngợi khen công đức của họ. Từ khi tôi thọ thân ngạ quỷ đến nay, trải qua mấy ngàn trăm vạn năm chịu sự khổ não như vậy. Sau khi tôi chết lại đọa vào địa ngục. Nói xong quỷ kêu khóc thảm thiết ngã xuống đất như Thái Sơn sụp đổ, trời nghiêng đất lỡ. Đây là do khẩu nghiệp tạo tội nên bị như vậy. Người giữ gìn khẩu nghiệp phước báu vô lượng.

Lúc Đức Phật Ca Diếp ra đời thuyết pháp giáo hóa cùng khắp, rồi vào vô dư Niết-bàn sau khi Ngài Niết-bàn thì có Tỳ-kheo Tam Tạng Huỳnh Nhan chúng Tăng thưa với Ngài Huỳnh Nhan rằng: “Tất cả tạp sử không làm cho Ngài xao động, xin Ngài hãy thuyết pháp cho đoàn hậu học”.

Tỳ-kheo Tam Tạng trong lòng khinh miệt nhưng vẫn theo lời thỉnh của tăng chúng mà thuyết pháp. Khi thăng tòa ông giảng kinh nghĩa và kêu những người theo học là:

Hãy mau tới đây tên voi.
Kế gọi là tên ngựa ngựa.
Thứ ba là tên lạc đà.
Thứ tư là tên lừa.
Thứ năm là tên heo.
Thứ sáu là tên dê.
Thứ bảy là tên yết kỳ.

Thứ tám là tên sư tử.
Thứ chín là tên hổ.
Thứ mười là tên chim.
Thứ mười một là tên gấu.

Cứ như vậy nói hết loài chim đến loài thú, không thể tính kể.

Tam Tạng Huỳnh Nhan miệng thốt ra vô số lời ác, tuy giảng kinh nhưng không tránh khỏi tội lỗi. Sau khi chết đọa vào địa ngục mấy ngàn vạn kiếp chịu vô lượng khổ mà tội cũng chưa hết. Đến khi ra khỏi địa ngục sanh vào loài ở dưới nước. Làm một con vật thân hình to lớn có một trăm cái đầu. Các loài khác thấy đều tránh xa.

(Trích kinh Hộ Khẩu)

15. SA YẾT HÀNG PHỤC RỒNG DỮ:

Đức Phật tại nước Xá-vệ, bấy giờ có một người nghèo ở nước Na-da làm nghề thợ cạo đến khi lúa chín được họ trả cho một hộc. Giữa đường về nhà bổng gặp lại người ban cũ hai người bèn rũ nhau đi uống rượu, khi trở lại thì lúa đâu mất tìm khắp nơi không thấy, trong lòng nỗi giận thề rằng: "sau khi ta chết sẽ sanh làm rồng lớn phá hoại nước nầy. Quả thật như vậy, đến khi mạng chung sanh làm loài rồng lớn khiến cho nước ấy mưa gió trái mùa. Đức Phật nghĩ đến sự đói khát của dân chúng nên bảo Tỳ-kheo Sa yết đến giáo hóa rồng ấy. Rồng thấy Tỳ-kheo liền khởi tâm ác xuống giết hết người trong nước ấy và Tỳ-kheo Sa yết. Sa yết hóa bình bát che khắp cả nước rồng liền làm mưa muốn cho cả nước ngập chết hết. Tỳ-kheo Sa yết nương oai thần của Đức Phật khiến cho rồng thấy cả nước đều được an ổn như cũ. Rồng lại nỗi giận lại làm tuyết lớn, Tỳ-kheo Sa yết dùng tay gom về một nơi thâu vào bình bát, rồi đi vào nhà rồng, rồng đi ra, Tỳ-kheo đi ra, rồng đi vào Tỳ-kheo đi vào cứ như vậy mãi cuối cùng rồng phải quỳ xuống thưa rằng: "Ngài là thần gì mà làm tôi khổ sở như vậy"?

Tỳ-kheo đáp:

- Ta là đệ tử của Phật.

Rồng nói:

- Tôi muốn đi theo Ngài để quy Phật.

Tỳ-kheo Sa yết liền lấy thùng vuông đựng rồng vào trong ấy. Mọi người thấy Tỳ-kheo bắt được rồng đều rất vui mừng. Hỏi:

- Đại nhân là thần gì mà trừ được hoạn nạn của cả nước vậy?

- Ta là đệ tử Phật.

- Phật có thể gặp được không?

- Được.

Ta phải trở về bây giờ đã quá giờ khất thực rồi, nghe vậy có người cúng dường cơm có người cúng dường rượu. Tỳ-kheo ngồi dưới gốc cây thọ thực, say nằm lăn ra đó, rồng, ca Sa, bình bát mỗi thứ một nơi. Bấy giờ Đức Phật mĩm cười phóng ra ánh sáng năm màu. A-nan thỉnh Phật Phật nhân đây mà nói bốn việc:

1. A-La-hán không nhập tam muội thì không biết hết các sự việc.

2. Không phải lúc nào cũng có được thần thông.

3. Khuyên ép người cúng dường.

4. Trong thân còn có trùng.

A-la-hán do bốn việc nầy mà không bằng Phật. Bấy giờ có vị Bồ-tát nghe sự việc nầy lòng thêm kiên cố. Đức Phật bảo Ngài Mục-kiền-liên đến chổ Tỳ-kheo Sa yết thâu nhiếp rồng về. Đức Phật thuyết pháp cho rồng nghe về túc nghiệp của nó, trong lòng cởi mở oán thù xin thọ năm giới, hành mười điều thiện, đắc quả Tu-đà-hoàn.

A-nan bạch Phật về nhân duyên nầy. Phật đáp:

- A-la-hán không đói khác nhân ba sự việc mà thấy say:

1. Ý Đức Phật muốn giáo hóa Bồ-tát.

2. Không muốn trái ý những người cúng dường.

3. Sợ đệ tử Đức Phật chưa đắc đạo uống nhiều rượu mà phạm lỗi. Vì hiện sự việc này nhắc nhở hang đệ tử Phật giữ gìn giới luật. Tỳ-kheo Sa yết tuy uống rượu nhưng không say.

(Trích kinh Sa yết Tỳ-kheo Công Đức)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 17

1. Tăng Đại bỏ vợ xuất gia, bị giặc giết hại mà đắc đạo.
2. Nhờ đời trước cúng bình nước, đời nay vợ chồng Kim Thiên được giếng như ý.
3. Nhờ Tỳ-kheo-ni khai ngộ, A-Bà-đà đắc đạo, hóa độ thương chủ.
4. Tu-la-đà tinh tấn đắc đạo.
5. Nhân bệnh, Sai-ma nói pháp, tâm được giải thoát.
6. Do sáu lần thối định, Câu-đề hại thân để giữ lấy quả chứng.
7. Ma-ha-lô hối lỗi xển pháp được đắc đạo.
8. Bàn-đặc tối dạ.
9. Châu-lợi-bàn-đặc dùng thần lực trao bát cho Phật.
10. Ương-quật-man hung ác, gặp Phật xuất gia, đắc quả A-La-hán.
11. Một số vị A-La-hán vẫn còn tập khí.
12. Anh em tranh của, thỉnh Phật giải quyết, liền đắc Tứ quả.
13. Thường cung cấp ẩm thực, y phục cho chúng Tăng mà đắc đạo.
14. Sau khi gặp La-sát, cậu bé xuất gia, đắc đạo.
15. Người thoát nạn gặp Phật xuất gia, đắc đạo.
16. Hai anh em tu thiện không giống nhau.
17. Năm trăm người mù gặp Phật được sáng mắt và ngộ đạo.
18. Đức Phật hóa độ đứa bé Chiên-đà-la.
19. Thợ săn bỏ nhà học đạo.

1. TĂNG ĐẠI BỎ VỢ XUẤT GIA, BỊ GIẶC GIẾT HẠI MÀ ĐẮC ĐẠO:

Ở nước Xá-vệ, có người tên Lệ, gia đình giàu có, tuổi đã già mà không người nối dõi, cầu đảo khắp thiên thần mặt trời, mặt trăng, vẫn không được. Ông ta tự nghĩ: Cầu xin cũng vô ích, rồi đây của báu sẽ

tiêu tán, sản nghiệp không bền lâu, bệnh tật ập tới, tai họa liên miên, tôi tớ chết mất, lục súc không sinh sản, bị yêu nghiệt thần sư mê hoặc, lẽ ra có phước mà tai họa cứ tái diễn. Cũng như người mù nuốt chất độc cho là thuốc hay, đưa đến sự tổn hại, làm mất mạng. Ta đã giết hại sinh vật để cầu cúng, sẽ bị đọa địa ngục, mà cứ trông ngóng phước trời, há chẳng phải là nhầm lẫn ư? Đời có Đức Phật, bậc Thánh cao tột, tu học thành tiên gọi là Ứng chơn, sạch như lưu ly, một lòng tinh tấn mới được gặp Ngài. Người theo đạo này chỉ cần giữ yên tĩnh. Không lòng ham muốn, lấy đó làm vui, hiện đời an lạc, sau khi chết được sanh lên trời. Vì vậy, ta thường cúng dường Phật, Pháp, Tăng. Một năm sau, người vợ sinh ra đứa bé trai, đặt tên là Phật Đại. Sau đó lại sinh một bé trai nữa, đặt tên là Tăng Đại.

Ông Lệ dùng Thánh đạo dạy dỗ hai đứa con mình. Tăng Đại bẩm tính từ hòa, hiếu thuận, thương yêu muôn loài, biết phụng trì giới luật Phật pháp, gần gũi Sa-môn, thanh tịnh tri túc, được cha mẹ thương yêu. Lúc ông Lệ lâm bệnh, nằm trên giường, liền gọi người con trưởng đến, khóc than căn dặn:

- Hễ sinh thì có tử, người giữ giới thì yên vui, người phạm giới thì khốn khổ. Tăng Đại tuy có lòng nhân từ, hiếu thuận, thanh bạch nhưng còn nhỏ dại, nên mới làm nhọc đến con.

Nói xong, ông nhắm mắt lìa trần.

Sau đó, người em nhiều lần thưa với anh ý nguyện muốn làm Sa-môn của mình. Theo phép nước ấy, muốn làm Sa-môn thì phải có vợ. Phật Đại liền cưới vợ cho em, tìm được người con gái nhà hiền lành tên là Khoái Kiến, mặt mày sáng rỡ, xinh đẹp ít ai bì kịp. Ngày rước dâu về nhà, người anh mời hết khách khứa, tộc họ đến chung vui. Trước mặt mọi người, người anh hỏi em:

- Hôm nay, em có còn chịu làm Sa-môn không?

Tăng Đại thưa:

- Đó chính là nguyện ước từ lâu của em.

Người anh nói đùa:

- Hãy làm theo chí nguyện của mình.

Người em trong lòng vui sướng, vái chào anh rồi đi vào núi, gặp một vị Sa-môn trẻ tuổi, khôi ngô tuấn tú, ngồi một mình dưới gốc cây. Người em hỏi:

- Thưa hiền giả, do nhân duyên gì Ngài tu học làm Sa-môn?

Vị kia đã đắc quả A-La-hán, dự biết được những việc từ vô số kiếp trong quá khứ, vị lai, nên bảo Tăng Đại:

- Đức Phật dạy: người đam mê dâm dật như cầm đuốc đi ngược gió, sức nóng lan dần, mà không chịu bỏ đuốc xuống, nên lửa đốt phỏng tay. Giống như chim quạ ngậm miếng thịt, bị chim ưng, chim cắt bay theo đoạt lấy. Quạ không chịu nhả miếng thịt ra, tai họa sẽ ập đến thân mạng. Do đó, ta tu học làm Sa-môn. Lại như mật dính vào dao bén. Trẻ em ham ngọt, lấy lưỡi liếm vào, sẽ bị cái họa đứt lưỡi. Người dâm dật cứ buông lung tâm ý, không biết sau này sẽ bị cái họa cháy thân. Như con thiêu thân ham ánh lửa, bay sà vào đèn, thân bị thiêu đốt, nào có được gì. Người bị dâm dật mê hoặc không phân biệt được thiện ác, thân cận kẻ ngu, xa lánh người hiền, ngày càng mờ mịt, nước mất nhà tan, chết đọa địa ngục, tạo ác thành tội, hối hận sao kịp? (Thí dụ rất nhiều, không thể chép ra).

Sau khi nghe những thí dụ trên, Tăng Đại cúi đầu đảnh lễ, nguyện dứt trừ uế trược trong đời, thực hành hạnh thanh tịnh, vâng giữ giới của bậc Sa-môn, cho đó là phước báu.

Vị Sa-môn bảo:

- Hãy nán đợi.

Tăng Đại thưa:

- Ý con muốn vào núi tu thiền định.

Vị Sa-môn bảo:

- Người ở chốn núi rừng phải biết coi tinh tú, biết rõ ngày giờ, thường cất chứa nước, lửa, bột, mật. Sở dĩ như vậy là vì, bọn giặc cướp hay xin những thứ ấy. Từ nửa đêm về sáng, chúng hỏi xin phải cho, làm trái ý muốn của chúng sẽ bị chúng giết.

Tăng Đại thưa:

- Vâng, con kính vâng theo lời chỉ giáo của Ngài.

Sau đó Tăng Đại vào núi.

Trong khi đó, ở nhà, người anh suy nghĩ:

- Em ta làm Sa-môn, chẳng hề đoái hoài tới vợ. Khoái Kiến xinh đẹp, khiến ta yêu thích.

Nghĩ vậy, Phật Đại đứng dậy, lên dây đàn, đi đến chỗ Khoái Kiến, hát khúc ca dâm dật:

Lo cây Uất Kim mọc đồng hoang
Để lâu chẳng hái hoa tàn rụng
Sắc hoa chỉ đẹp khi còn mới
Cùng vui với ta hỡi hoa kia!

Nghe vậy, Khoái Kiến cảm thấy như bị mê hôn trận, hát khúc ca đáp lại:

Cao tột Thầy ta, thiên nhân tôn
Môn đồ thanh khiết gọi Sa-môn
Quán chân là Thánh, dâm súc vật
Ta quyết vâng giữ giới tinh nghiêm
Chẳng chút tà dâm, chẳng hai chồng
Như thế mới thật là đáng sống.

Phật Đại lại dùng lời ủy mị hát khúc ca buồn thảm:

Ta thương em nhờ mối vấn danh
Đi xem bói toán được giờ lành
Lòng lo chỉ sợ em không đáp
Nhìn thấy dáng em dạ mang mang
Nay chẳng chung vui e uổng phí
Lòng ta chân thật em chớ nghi.

Hoảng sợ quá, Khoái Kiến hát đáp lại:

Lời Phật dạy bảo ông nên nhớ
Trên dưới tôn ty phải rõ ràng
Thím tức là mẹ, dượng tức cha
Ta quen giữ giới càng miên mật
Chánh dâm được sánh bằng Chân, Thánh
Ôi Chao, chuột bọ chính ông rồi!

Nghe những lời này, lòng người anh thêm đam mê. Khoái Kiến thấy khó lay chuyển ý của anh ta, nàng lại hát:

Làm người phải biết việc thiêng liêng
Hai việc người đời phải lánh kiêng
Bất hiếu, dâm loạn phạm giới Phật
Khác hẳn bậc hiền với chư Thiên.

Phật Đại ca rằng:

Nhan sắc em rực rỡ hiển nhiên
Cho dù mỹ nữ khắp chư Thiên
Không sao so sánh cùng em được
Lòng ta ngây ngất, núi cũng nghiêng.

Khoái Kiến tự nghĩ:

- Ông này muốn làm ta mê loạn, điên cuồng, đến nỗi lún sâu vào tội lỗi. Bây giờ, ta nói những thứ nước ối bất tịnh trong thân để ông ta từ bỏ ý niệm đó đi.

Khoái Kiến lại nói:

Thân này xinh đẹp của ta đây
Nào phải để ông mặc ý say

Đầu lâu do chín xương hợp lại
Bấy nhiêu đủ biết bất tịnh thay!

Phật Đại tự nghĩ: Nàng cứ nghĩ đến chồng mà không thuận theo ý ta. Ta giết em ta, nàng sẽ thuộc về ta.

Nói xong, Phật Đại đi chiêu mộ mấy tên giặc cướp, bảo với chúng:

- Các ngươi nên biết, thằng nô bộc ta nuôi trong nhà đã trốn vào núi làm Sa-môn.

Bọn giặc nói:

- Biết thằng đó rồi.

Phật Đại liền lấy vàng bạc đưa cho chúng, bảo mau giết tên nô bộc, cắt lấy đầu, lấy pháp phục đang mặc trên thân, giày dép mang dưới chân, đem đủ về đây, ta sẽ trọng thưởng vàng bạc cho các ngươi.

Bọn giặc vui mừng nói:

- Vâng, chúng tôi sẽ lấy đủ mang về.

Bọn giặc liền đi vào núi, đến chỗ người em, gọi bảo:

- Này Sa-môn, ngươi mau ra đây!

Người em bước ra, hỏi:

- Các ông muốn xin gì? Đêm đã quá khuya, tôi có nước, lửa, bột, mật, các ông có thể dùng tạm.

Bọn giặc nói:

- Chẳng cần nước, lửa, cũng chẳng cần bột, mật. Ta chỉ muốn lấy đầu ngươi mang về mà thôi.

Nghe vậy, người em vô cùng hoảng sợ, khóc lóc nói rằng:

- Tôi chẳng phải con của trưởng giả hay chư hầu, bỏ tục xuất gia, đâu có đua tranh với đời, tu hành còn nông cạn, chưa đắc quả Câu-hạng, giết tôi nào có ích gì?

Bọn giặc nói:

- Bọn ta đến đây chỉ vì cái đầu của ngươi.

Người em nói với bọn giặc:

- Các ông có muốn của báu, tôi sẽ viết thư nói anh tôi đưa cho các ông.

Bọn giặc nói:

- Chính anh của ngươi sai ta đến giết ngươi đấy.

Người em nghĩ:

- Ta nay đành chết thôi. Tất cả đều do người vợ này.

Trước đây, vị Sa-môn có cản ta: người có lòng dục như cầm đuốc đi ngược gió. Nếu không quăng bỏ, lửa sẽ cháy tay. Ngày nay, quả thật

như lời thầy dạy.

Người em khóc lóc, xin giặc cho sống thêm một năm.

Bọn giặc bảo nhau:

- Mau chặt lấy đầu mang đi.

Người em lại nói:

- Xin chớ giết liền. Trước hết, hãy cắt một miếng thịt đùi, để trước mặt tôi.

Bọn giặc cắt một miếng đùi để trước mặt người em.

Trong khi người em chịu cảnh khổ này, chư Thiên đến bên cạnh bảo:

- Cẩn thận, chớ lo sợ. Hãy giữ vững tâm mình. Kiếp trước, Ngài làm súc sinh, bị nhà đồ tể giết thịt cân bán, chẳng phải chỉ một đời. Địa ngục, ngạ quỷ, Ngài đều phải trải qua. Từ đó đến nay, chưa có nỗi khổ nào bằng nỗi khổ này.

Tăng Đại thưa với thiên nhân:

- Xin báo cho Thầy tôi biết.

Thiên nhân liền nói với vị Thầy:

- Giặc muốn giết Tăng Đại. Đệ tử Ngài khóc lóc, muốn được gặp Ngài.

Sư bay đến đó thuyết pháp cho Tăng Đại nghe:

Trời, đất, Tu-di còn phải diệt.
Biển lớn lâu ngày phải khô cạn
Bảy thái dương kia còn lúc lặn
Ngọn gió Duy lam ở dưới trời
Gió thổi núi lay, rồi cũng hết
Thân ông bé nhỏ đáng gì đâu.

Hãy nên niệm Phật. Đức Phật thường dạy: có thịnh ắt có suy, hợp rồi ly tán, ngôi vị cao sang khó giữ, thân này cũng như vậy.

Nghe xong, Tăng Đại liền đắc quả Tu-đà-hoàn.

Giặc cắt thêm một bắp vế nữa. Tăng Đại nhớ lại lời Thầy dạy, đắc quả Tư-đà-hàm.

Giặc cắt cánh tay trái. Tăng Đại nhớ lời Thầy dạy, đắc quả A-na-hàm.

Giặc cắt cánh tay phải. Tăng Đại nhớ lời Thầy dạy, đắc quả A-La-hán, không đọa vào ba đường ác, sanh tử tự tại, không còn lo sợ gì.

Tăng Đại nói:

- Đem cho tôi miếng vỏ cây.

Giặc lột vỏ cây đưa cho Tăng Đại. Tăng Đại dùng miệng lấy

nhánh cây làm bút, lấy máu mình viết lên vỏ cây:

Cuộc sống của anh vẫn an vui
Cha mẹ còn sống gởi gấm anh
Anh chẳng lo tròn, trái lời dạy
Vì mê nữ sắc, nỡ hại nhau
Trái lời cha mẹ con bất hiếu
Giết hại mạng người kẻ bất nhân
Sát hại loài vật, tội chẳng nhỏ
Giết A-La-hán tội ngũ nghịch
Em về cõi tịnh, vĩnh biệt nhau
Mong anh gắng sức thờ chánh đạo.

Viết xong, Tăng Đại giương cổ ra dài hai thước, nói với kẻ giặc:

- Ông hãy chặt đầu ta đi, cũng giống như chém bùn. Ta chỉ sợ các ông đọa vào địa ngục.

Bọn giặc liền chặt lấy đầu Tăng Đại trước, rồi lấy y, gậy, giày, bát mang về cho người anh. Người anh mang vàng bạc trọng thưởng cho bọn giặc, rồi lấy đầu em gắn lên thân giả, lấy áo người em mặc vào, đem gậy, bát và giày để ở bên cạnh, rồi bảo Khoái Kiến:

- Chồng em về kìa, mau ra chào hỏi.

Khoái Kiến hết sức mừng rỡ, chạy đến chỗ đó, thấy người kia ngồi nhắm mắt cho là đang tư duy về đạo. Người vợ không dám gọi, lo đi sửa soạn các món ăn ngon, đợi khi xả thiền, chồng nàng sẽ ăn cơm. Đến trưa, chồng nàng vẫn không tỉnh dậy, người vợ tới trước mặt nói:

- Bây giờ đã trưa rồi, sợ e quá thời.

Lạ thay, chồng nàng chẳng trả lời. Nàng kéo áo xuống, đầu lìa khỏi thân, mỗi thứ một ngã. Người vợ té nhào xuống, rồi vùng dậy la lên:

- Ông cứ ngồi mãi, tôi nghĩ đã bị bọn giặc hại rồi. Cô ta đau xót, uất hận, kêu trời, ruột gan tan nát, hộc máu chết liền.

Cô ta giới hạnh thanh bạch, khó làm ô uế như hư không, tâm ngay thẳng như bậc Thánh, khó lay động như đất, đức hạnh thanh khiết cao tột khó bì như thiên nhân. Lúc cô ta chưa chết, chư Thiên đã bảo nhau: Tiếp đón hồn linh cô ta về cõi trời Đao-lợi. Cho nên, chỉ trong chốc lát, cô được hưởng vinh hoa bất tận ở cõi trời.

Trong khi đó, người anh vào thiền thất, nhìn thấy em mình đầu một nơi, thân một ngã, còn vợ người em thì ói máu chết, liền than:

- Chao ôi! Ta trái ý trời, tạo nỗi thảm khốc đến như thế này.

Người anh đến hỏi bọn giặc:

- Trước khi chết, em ta có trăn trối gì không?

Bọn giặc đưa thư cho người anh xem, thấy lời lẽ trắc ẩn. Xem xong, ngũ tạng người anh tắc nghẽn, khóc lóc, lăn lộn ra đất, nghĩ:

Ta đã trái lời ân cần dạy bảo của cha mẹ, khiến cho cốt nhục tương tàn, lại giết bậc A-La-hán, phải chịu sự chia cách, chết sẽ đọa địa ngục.

Vua và thần dân đều kêu khóc, ca ngợi đức trong sạch của người em. Họ tẩm liệm, an táng người em, bốn xe tiễn đưa, và lập tháp phụng thờ. Trời rồng quỷ thần đứng đầy cả không trung, rải hoa đốt hương, nghẹn ngào thương tiếc. Sau đó, mọi người an táng riêng Khoái Kiến. Người trong nước đều xót thương và ca ngợi đức hạnh của cô ta.

(Trích kinh Phật Đại Tăng Đại)

2. NHỜ ĐỜI TRƯỚC CÚNG DƯỜNG BÌNH NƯỚC, ĐỜI NAY VỢ CHỒNG KIM THIÊN ĐƯỢC GIẾNG NHƯ Ý:

Ở nước Xá-vệ có một trưởng giả, gia đình giàu có, sanh được đứa bé trai thân màu vàng ròng. Thầy tướng bói qua thấy có tướng lạ, liền đặt tên cho đứa bé là Tu-việt-na-đề-bà (đời Lương dịch là Kim Thiên).

Ngày đứa bé lọt lòng mẹ, trong nhà tự nhiên xuất hiện một giếng nước, dài rộng tám thước, dùng nước đó thì con người được như ý. Tất cả những thứ cần thiết đều hiện ra theo ý muốn.

Lớn lên, đứa bé thông thạo các nghệ thuật, tài năng. Trưởng giả rất thương yêu, chưa bao giờ làm trái ý con mình. Vì ông nghĩ:

- Con ta dung mạo tuấn tú, không ai sánh bằng, phải tìm kiếm, lựa chọn cô gái nổi tiếng, thân sắc vàng kỳ diệu như con ta, mới đến cầu hôn.

Trưởng giả nhờ những người buôn bán đi tìm khắp nơi.

Lúc ấy, ở nước Diêm-bà có đại trưởng giả mới sinh cô bé tên Tu-bạt-na-ba-Bà-tô (đời Lương dịch là Quang Minh) thân màu vàng ròng, xinh đẹp hơn người.

Ngày cô bé lọt lòng mẹ, tự nhiên cũng có giếng nước tám thước. Trong giếng hiện ra những thứ làm vừa lòng người.

Bấy giờ, trưởng giả kia cũng suy nghĩ:

- Con gái ta xinh đẹp, phải gặp được bậc hiền như con gái ta, ta mới gả cho.

Khi ấy, danh tiếng cô gái vang khắp nước Xá-vệ. Danh tiếng của Kim Thiên lại vang sang nhà cô gái. Hai vị trưởng giả đều vui mừng

tiến đến hôn nhân.

Sau khi cưới vợ, trở về Xá-vệ, gia đình Kim Thiên thiết lễ trọng hậu, thỉnh Phật và Tăng đến cúng dường.

Hôm ấy, Đức Phật nhận lời mời, rồi rộng nói diệu pháp cho trưởng giả và vợ chồng Kim Thiên nghe. Họ đều đắc quả Tu-đà-hoàn.

Sau khi Đức Phật trở về tinh xá, vợ chồng Kim Thiên thưa với cha mẹ xin phép được xuất gia. Cha mẹ chấp thuận.

Vợ chồng Kim Thiên đi đến chỗ Phật. Đức Phật bảo:

- Thiện lai Tỳ-kheo!

Hai vị tóc râu tự rụng, pháp y đắp trên thân, liền thành Sa-môn, dần dần được giáo hóa, chứng quả A-La-hán.

Đức Phật bảo:

- Vào thuở quá khứ, sau khi Đức Phật Tỳ-Bà-thi diệt độ, truyền pháp lại cho đời. Có các Tỳ-kheo du hành đến một thôn xóm để giáo hóa. Tất cả nhân dân, hào kiệt, hiền tài, trưởng giả thấy chúng Tăng đến, đều tranh nhau cúng dường. Khi ấy, có hai vợ chồng nghèo cùng khốn khổ, mỗi người tự nghĩ: Lúc cha ta còn sống, của báu chất đầy. Ngày nay, thân ta vô cùng nghèo khó. Sao khổ đến mức này? Khi đó, nhà tuy giàu có mà không được gặp tăng chúng; nay được gặp, thì không có tiền cúng dường. Nghĩ vậy, cả hai đều khóc. Thấy chồng khóc, người vợ nói với chồng: Nay anh nên về nhà cũ, tìm xem còn tiền bạc của báu trong kho cũ không để cúng dường. Người chồng nghe lời vợ, tìm đến trong kho cũ được một đồng tiền vàng.

Lúc ấy, người vợ có một cái gương sáng. Hai vợ chồng đồng lòng bố thí. Họ mua một chiếc bình mới đựng đầy nước sạch, bỏ đồng tiền vàng vào trong bình nước, lấy cái gương đậy lên, đem đến chỗ chúng Tăng, thành tâm cúng dường. Chúng Tăng thọ nhận, có vị lấy nước đó rửa bát, lại có vị lấy nước đó uống. Khi ấy, hai vợ chồng vui mừng, rồi bị bệnh qua đời, sanh lên cõi trời Đao-lợi. Người nghèo bấy giờ chính là vợ chồng Kim Thiên.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 5)

3. NHỜ TỲ-KHEO-NI KHAI NGỘ, A-BÀ-ĐÀ ĐẮC ĐA, HÓA ĐỘ THƯƠNG CHỦ:

Có vị thương chủ tên Thiên Hộ thường ưa bố thí, có lòng tin Phật, đi đến nước Lục-cầu-na. Trước tiên, ông muốn vào biển, nếu an ổn trở về thì sẽ mở đại hội năm năm ở trong Phật pháp. Trời người trong nước ai cũng nghe biết tin ấy.

Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo-ni đã chứng A-La-hán cũng đến nước ấy, xem xét nghĩ suy, biết Thiên Hộ được an ổn trở về mở đại hội năm năm, sẽ thỉnh 1tám ngàn vị Tỳ-kheo đều là bậc A-La-hán, bậc hữu học thì nhiều gấp bội, hàng phàm phu thì vô số. Tỳ-kheo-ni nhìn thấy trong số đó, có vị Thượng tòa tên A-Bà-đà còn là phàm phu nhưng rất tinh tấn. Bà ta vào Tăng-già-lam theo thứ bậc làm lễ thưa với Thượng tòa:

- Đại đức thật không đoan nghiêm.

Vị Thượng tòa tự suy nghĩ: Vì sao cho ta là không đoan nghiêm? Ông ta liền tự quan sát thân mình thấy râu tóc dài, liền gọi vị Tỳ-kheo trẻ tuổi cạo râu tóc cho mình.

Tỳ-kheo-ni vẫn nói là không đoan nghiêm, nên Thượng tòa lại gọi Tỳ-kheo trẻ tuổi giặt giũ y phục.

Tỳ-kheo-ni lại đến Tăng-già-lam, cố nói là không đoan nghiêm, Thượng tòa nổi giận nói:

- Ta đã cạo hết râu tóc, giặt sạch y phục, vì sao cứ cho ta là không đoan nghiêm?

Tỳ-kheo-ni nói:

- Phật pháp lấy việc đắc bốn quả làm trang nghiêm. Đại đức có nghe thương chủ Thiên hộ phát nguyện mở đại hội năm năm làm chấn động như tiếng sư tử rống không?

Đáp:

- Có nghe.

- Đại đức là phàm phu mà làm vị Thượng tòa bậc nhất, thọ nhận sự cúng dường đầu tiên trong chúng A-La-hán, vậy có trang nghiêm không?

Nghe thế, Đại đức hiểu rõ, khóc lóc, áo não. Tỳ-kheo-ni hỏi:

- Vì sao lại khóc?

Đáp:

- Đại tỷ! Tôi nay đã già, không thể nhận lãnh việc đó.

Tỳ-kheo-ni nói:

- Trong chánh pháp của Đức Như lai, việc ngộ đạo không liên quan đến thời gian. Đại đức nên sang chùa Na-đa-Bà-đa, gặp Tỳ-kheo Ưu-ba-cấp-đa. Đức Phật đã thọ ký cho vị Tỳ-kheo này là bậc giáo hóa đệ nhất trong hàng đệ tử Phật.

Vị Tỳ-kheo trưởng lão đi đến đó, Ngài Ưu-ba-cấp-đa ra đón tiếp và bảo:

- Đại đức hãy rửa chân, nghỉ ngơi.

Thưa:

- Tôi chưa rửa chân đâu, xin được gặp Ngài Ưu-ba-cấp-đa.

Đệ tử của Ngài Ưu-ba-cấp-đa nói:

Thưa Đại đức! Đây là Ngài Ưu-ba-cấp-đa ra đón Đại đức.

Vị Tỳ-kheo trưởng lão vô cùng vui mừng, liền đi rửa chân. Ngài Ưu-ba-cấp-đa hóa độ trưởng lão, tìm người đàn-việt giúp trưởng lão trong việc tắm gội, ăn uống, cúng dường các thứ.

Ngài Ưu-ba-cấp-đa nói với vị Duy-na:

- Nay có hai vị Tỳ-kheo giải thoát vào nơi tọa thiền, cho đến 1tám ngàn A-La-hán cũng vào chỗ ấy.

Lúc đó, Tỳ-kheo trưởng lão vào ngồi chỗ thiện tọa thứ nhất. Ngài Ưu-ba-cấp-đa và 1tám ngàn A-La-hán đều nhập hỏa quang tam-muội. Thấy vậy, Tỳ-kheo trưởng lão sanh tâm vui mừng. Ngài Ưu-ba-cấp-đa thuyết pháp giáo hóa ông ta. Tỳ-kheo trưởng lão nỗ lực tư duy, đắc quả A-La-hán.

Tỳ-kheo truởng lão trở về nước mình. Tỳ-kheo-ni A-La-hán đến Tăng-già-lam lễ lạy thưa:

- Hôm nay, Đại đức đã được trang nghiêm.

Đáp:

- Nhờ Đại-tỷ giúp sức đó.

Đến kỳ đại hội năm năm, Thiên Hộ hỏi vị Thượng tòa:

- Đức Thế Tôn thuyết rất nhiều pháp, pháp Thượng tòa nói cũng không sai khác.

Thượng tòa nói:

Vào kiếp chín mươi mốt trong đời quá khứ, chúng ta là thương chủ vào biển tìm của báu, thề ước là khi được đầy thuyền sẽ về Diêm-phù-đề. Khi ấy, gặp gió lớn thổi thuyền tấp vào biển cát, chúng ta nhóm cát làm tháp, xem đó là vật báu cúng dường Phật Tỳ-Bà-thi, nên được chư Thiên chỉ cho đường về, bảo:

- Bảy ngày sau sẽ có nước dâng cao đưa thuyền đến cõi Diêm-phù-đề. Đúng bảy ngày, quả đúng như lời chư Thiên nói. Nhờ nhân duyên cúng nhường tháp cát này, trải qua chín mươi mốt kiếp không bị đọa vào ác đạo, nay đắc quả A-La-hán. Bây giờ, ông nên cúng dường tất cả những người đã quy y Tam-bảo. Ta sẽ giảng nói chú nguyện sanh tử khổ vô cùng. Ông hãy nên xuất gia.

Thiên Hộ vâng lời chỉ dạy, xuất gia làm Sa-môn, chứng quả A-La-hán.

(Trích kinh A-dục-vương quyển 9)

4. TU-LA-ĐÀ TINH TẤN ĐẮC ĐẠO:

Ở nước Ba-liên-phất có vị thương chủ tên Tu-đà-na. Một chúng sanh mang thân trung ấm nhập vào thai vợ thương chủ khiến bà tánh tình chất trực, ôn hòa, không có ý tưởng sai quấy. Thương chủ đem việc này hỏi một vị Sư. Sư bảo:

- Bà ta mang thai người con hiền lành.

Sau đó, bà sinh ra đứa bé trai, đặt tên Tu-la-đà. Lớn lên, Tu-la-đà xin xuất gia. Cha mẹ cho phép. Tu-la-đà tinh tấn tu hành, chứng quả A-La-hán.

(Trích kinh A-hàm quyển 25)

5. NHÂN BỆNH, SAI-MA NÓI PHÁP, TÂM ĐƯỢC GIẢI THOÁT:

Tỳ-kheo Sai-ma thân bị bệnh nặng, chịu nhiều đau đớn. Tỳ-kheo Đà-bà săn sóc bệnh cho Tỳ-kheo kia. Các vị Thượng tọa khuyên Tỳ-kheo Đà-bà nên thuyết pháp năm thọ ấm cho người bệnh nghe.

Tỳ-kheo Đà-bà phải lui tới hai lần.

- Đâu phiền ông chạy tới chạy lui như vậy. Ông hãy đưa giùm cây gậy để tôi tự chống đi.

Tỳ-kheo Sai-ma đi đến chỗ vị Thượng tọa. Vị Thượng tọa kia từ xa trông thấy Sai-ma chống gậy đi tới, liền tự trải tòa, bảo Sai-ma đến ngồi. Lại nói cho Sai-ma nghe các cuộc đàm luận xa xưa. Tỳ-kheo Sai-ma lại nói pháp. Ngay lúc ấy, vị Thượng tòa kia xa lìa trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh, còn Tỳ-kheo Sai-ma không khởi các lậu, tâm được giải thoát.

(Trích kinh Sai-ma Tỳ-kheo Dụ Trọng Bệnh)

6. DO SÁU LẦN THỐI ĐỊNH, CÂU-ĐỀ HẠI THÂN ĐỂ GIỮ LẤY QUẢ CHỨNG:

Xưa, Đức Phật ở nước Xá-vệ, có đệ tử Câu-đề sáu lần lui sụt trong quả vị A-La-hán. Đến lần thứ bảy, vị này tự biết mình đã chứng đắc nhưng vẫn sợ thối chyển nữa. Ông liền tìm kiếm bén, tự sát hại mình.

Bấy giờ, ma Ba-tuần tìm xem thần thức Tỳ-kheo sanh về đâu mà không thể biết được, nên đến hỏi Phật. Đức Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo Câu-đề đã diệt độ rồi, thần thức ở nơi hợp thể không và không.

Nghe vậy, con ma tệ ác kia khởi tâm độc hại, toàn thân ma tự rớt xuống ao tắm hoa sen xanh. Nước ao sôi trào cho đến khô cạn.

Do sự việc trên, các Tỳ-kheo đều nỗ lực tinh tấn, sợ bị lui sụt.

(Trích kinh Thuyết Câu-đề Tỳ-kheo)

7. MA-HA-LÔ HỐI LỖI XẺN PHÁP ĐƯỢC ĐẮC ĐẠO:

Xưa có một nước tên Đa-ma-la. Cách thành nước này bảy dặm, có một tịnh-xá với năm trăm vị Sa-môn ở trong đó tụng kinh tu hành.

Có một Tỳ-kheo trưởng lão tên Ma-ha-lô là người ngu tối. năm trăm vị Sa-môn thay nhau chỉ dạy ông ta. Suốt mấy năm liền, một bài kệ ông cũng không thuộc nên mọi người đều coi thường ông, không cho hội họp chung, thường bắt giữ tinh-xá, sai khiến quét dọn.

Một hôm, Quốc vương thỉnh các vị Sa-môn vào cung cúng dường. Ma-ha-lô tự nghĩ: Ta sống ở đời, ngu muội thế này, một bài kệ cũng không biết, bị người coi rẻ, sống để làm gì.

Nghĩ rồi, ông cầm sợi dây đi vào vườn sau, đến dưới gốc cây đại thọ, định thắt cổ chết. Đức Phật dùng đạo nhãn, từ xa thấy thế, hóa làm thọ thần hiện nữa thân, quở trách ông:

-Chao ôi, Tỳ-kheo! Cớ sao làm như vậy?

Ma-ha-lô liền thuật hết nỗi khổ sở. Hóa thần lại quở:

- Chớ làm như thế! Nên nghe ta nói:

Thời Phật Ca-diếp xưa kia, ông là Sa-môn tam tạng, có năm trăm đệ tử, tự cho mình có nhiều trí tuệ mà xem thường mọi người, lẫn tiếc nghĩa kinh chẳng hề dạy bảo. Vì thế, ông đời đời sanh ra với căn tánh ám độn. Ông chỉ nên tự trách, cớ sao lại tự khinh mình?

Thế Tôn liền hiện nguyên hình sáng rỡ, nói kệ cho ông nghe. Ma-ha-lô cúi đầu dưới chân Phật, suy ngẫm nghĩa kệ, liền vào định, ngay trước Phật đắc quả A-La-hán, tự nhớ việc trong vô số kiếp về quá khứ, ba tạng kinh điển đều thuộc nằm lòng. Đức Phật bảo:

- Ông đắp y, mang bát đến cung vua thọ thực và ngồi trên năm trăm Sa-môn kia, vì họ là đệ tử đời trước của ông. Ông hãy thuyết pháp khiến họ đắc đạo và làm cho Quốc vương tin sâu tội phước.

Ma-ha-lô vâng lời Phật dạy, vào Vương cung, ngồi chỗ của hàng Thượng tọa. Mọi người bực tức, quái lạ về việc này nhưng đều thuận theo nhà vua không dám đuổi đi, nghĩ là ông ta ngu tối, không hiểu biết gì mà ngán ngẫm cho ông ta. Vua liền ngừng ăn, tự tay dâng nước. Ma-ha-lô thọ trai và thuyết pháp, âm thanh như sấm sét, ngôn từ như mưa tuôn. Các Sa-môn ngồi tòa trên đều kinh sợ tự hối lỗi, đều đắc quả A-La-hán. Ma-ha-lô thuyếp pháp cho vua, nhà vua tỏ ngộ được mọi lẽ. Quần thần bá quan đều đắc quả Tu-đà-hoàn.

(Trích kinh Pháp Cú Thí dụ quyển 1)

8. BÀN-ĐẶC TỐI DẠ:

Người anh của Châu-lợi-bàn-đặc nói:

- Em không trì giới được thì về nhà đi.

Nghe nói vậy, Bàn-đặc đi đến Kỳ-hoàn đứng khóc. Đức Phật hỏi:

- Vì sao con buồn?

Bàn-đặc kể lại lời người anh nói. Đức Phật bảo:

- Con chớ lo! Ta thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác đâu phải nhờ anh của mình.

Nói xong, Ngài nắm tay Bàn-đặc dẫn đến tịnh thất, dạy ông ta đọc chổi, quét. Bàn-đặc đọc quét thì quên chổi, đọc chổi thì quên quét. Trải qua vài ngày, "chổi quét" lại đổi thành "trừ cấu". Bàn-đặc suy nghĩ:

- Nếu trừ được tro, đất, ngói, đá tức thanh tịnh. Kiết phược là cấu, có thể diệt trừ được bằng trí tuệ. Ta nay dùng chổi trí tuệ quét trừ các kiết phược.

(Trích Tăng Nhất A-hàm quyển 1)

9. CHÂU-LỢI BÀN-ĐẶC DÙNG THẦN LỰC TRAO BÁT CHO PHẬT:

Thuở Đức Phật ở nước Xá-vệ, có một Tỳ-kheo tên Bàn-đặc, lúc mới xuất gia, bẩm tánh ngu dốt. Đức Phật bảo năm trăm A-La-hán mỗi ngày thay nhau dạy ông ta. Suốt ba năm, một bài kệ ông cũng không thuộc. Bốn chúng trong nước đều biết ông ta ngu dốt. Đức Phật thương xót liền gọi ông ta đến, truyền cho một bài kệ:

Giữ miệng nhiếp ý thân chớ phạm
Hành giả như thế độ được đời.

Bàn-đặc cảm được từ ân của Phật, lòng vui mừng, miệng đọc mãi bài kệ. Đức Phật bảo:

- Con nay tuổi đã già mới thuộc được một bài kệ. Mọi người đều biết việc đó, không đáng lấy làm lạ. Bây giờ ta sẽ giải thích ý nghĩa bài kệ cho con. Con hãy lắng nghe, thân có ba, miệng có bốn, ý có ba, hãy quán sát sự sanh diệt của chúng đã khiến ba cõi năm đường luân chuyển không dừng. Chúng ta do đây được lên trời, cũng do đây đọa xuống vực sâu, hoặc đắc đạo, chứng Niết-bàn tự tại:

Đức Phật giảng nói, phân biệt vô lượng diệu pháp cho ông ta nghe. Quả nhiên, tâm ông khai mở, đắc quả A-La-hán.

Bấy giờ, năm trăm Tỳ-kheo-ni ở nơi một tịnh xá khác. Đức Phật bảo một Tỳ-kheo đến thuyết pháp cho các Tỳ-kheo-ni nghe. Ngày hôm

sau, đến phiên Bàn-đặc phải đến thuyết pháp. Nghe tin này, các Tỳ-kheo-ni định chế giễu ông ta. Họ bàn bạc với nhau:

- Ngày mai, ông ta đến, chúng ta sẽ nói ngược lại bài kệ của ông ta, khiến ông ấy xấu hổ, không nói được một lời.

Hôm sau, Bàn-đặc qua đến, chư ni lớn nhỏ đều ra làm lễ, họ nhìn nhau mà tủm tỉm cười. Sau khi an tọa, thì dùng cơm; dùng cơm xong thì rửa tay súc miệng, chư ni mới thỉnh Bàn-đặc thuyết pháp. Bàn-đặc liền lên tòa cao, tự thấy mình thấp kém nên nói:

Đức bạc tài hèn
Chưa đáng Sa-môn
Ngu si vốn sẵn
Sở học không nhiều
Chỉ biết một kệ
Hiểu nghĩa thô sơ
Xin chư tịnh đức
Nghe tôi diễn nói.

Các Tỳ-kheo-ni trẻ tuổi muốn nói ngược bài kệ mà không thể mở miệng được. Họ sợ hãi tự trách, cúi đầu hối lỗi. Bàn-đặc liền nói y như Phật thuyết, mỗi mỗi rõ ràng:

- Do thân, khẩu, ý mà có tội hay được phước, lên trời hay đắc đạo. Hãy lắng đọng tinh thần, cắt đứt suy tưởng, nhập vào thiền định.

Nghe Bàn-đặc nói vậy, chư ni lấy làm kỳ lạ, hết sức vui mừng, đều đắc quả A-La-hán.

Hôm sau, vua Ba-tư-nặc thỉnh Phật và chúng Tăng dự hội ở điện. Muốn thể hiện oai thần của Bàn-đặc, Đức Phật liền đưa bát bảo Bàn-đặc cầm đi theo sau. Lính gác cửa biết ông nên giữ lại, không cho vào, rồi nói:

- Ông là Sa-môn, một bài kệ cũng không thuộc, vì sao lại nhận lời mời? Tôi là người thế tục, mà còn thuộc kệ, huống chi Sa-môn không có trí tuệ, cúng cho ông cũng vô ích. Ông không được vào cửa.

Bàn-đặc đứng ngoài cửa. Bấy giờ, Đức Phật đã ngồi trên điện, rửa tay xong. Bàn-đặc nâng bát, duỗi cánh tay, từ xa trao bát cho Phật. Nhà vua, quần thần, phu nhân, thái tử, cả bốn chúng trong đại hội đều thấy cánh tay đưa vào mà không thấy người, nên thấy làm lạ, hỏi Phật:

- Đó là cánh tay của ai?

Đức Phật hỏi:

- Đó là cánh tay của Tỳ-kheo Bàn-đặc mới đắc đạo ngày gần đây. Trước kia, ta bảo ông ấy cầm bát, lính gác cổng không cho vào, nên ông

ta duỗi cánh tay trao bát cho ta.

Nhà vua liền mời vào, oai thần của Bàn-đặc gấp bội ngày thường. Nhà vua bạch Phật ;

- Trẫm nghe tôn giả Bàn-đặc bản tánh ngu đần, vừa thuộc một bài kệ mà đắc đạo, vì sao nhanh thế?

Đức Phật bảo nhà vua:

- Không cần học nhiều, chỉ cần thực hành mới là điều quý. Hiền giả Bàn-đặc hiểu nghĩa một bài kệ, đã thâm nhập tinh hoa, thông suốt nghĩa lý, thân miệng ý vắng lặng như thiên kim. Còn người học nhiều mà không hành, chỉ luống chôn vùi trong thức tưởng, đâu có ích gì!

Thế rồi, Đức Phật nói kệ:

Tuy tụng ngàn chương
Nghĩa câu không đúng
Chẳng bằng một điều
Nghe xong, ý diệt
Tuy tụng ngàn lời
Vô nghĩa ích chi
Đâu bằng một nghĩa
Nghe, làm đều được
Tuy thường tụng kinh
Chẳng hiểu ích gì
Rõ một câu pháp
Hành mới đắc đạo.

hai trăm vị Tỳ-kheo cùng nghe bài kệ này đều đắc quả A-La-hán. Nhà vua, quần thần, phu nhân, thái tử, ai cũng vui mừng.

(Trích kinh Pháp Cú quyển 1)

10. ƯƠNG-QUẬT-MAN HUNG ÁC, GẶP PHẬT XUẤT GIA, ĐẮC QUẢ A-LA-HÁN:

Đức Phật ở thành Xá-vệ, vườn Kỳ thọ Cấp cô độc. Lúc bấy giờ, có nhiều Tỳ-kheo đến giờ đắp y, mang bát vào thành Xá-vệ khất thực, nghe bên ngoài cửa cung vua Ba-tư-nặc có đông dân chúng tụ tập, nắm tay nhau kêu khóc vang trời. Các Tỳ-kheo hỏi nguyên do, mọi người kể lại:

- Ở nước này có tên giặc hung ác, tên Ương-quật-man, bạo ngược, không chút nhân từ, khiến cho thôn xóm nhà cửa không được yên ổn, giết hại người dân, cắt mỗi người một ngón tay để làm vòng hoa. Vì vậy nên ông ta có tên là Ương-quật-man. Bây giờ, chỉ xin nhà vua hàng

phục người này.

Khất thực xong, các Tỳ-kheo đi đến chỗ Đức Thế Tôn, thưa rõ sự việc. Đức Phật đi tới đó. Bấy giờ, có nhiều người hoặc gánh cỏ, vác củi, hoặc cày ruộng, hoặc đang đi trên đường cũng đi đến chỗ Đức Thế Tôn. Họ bạch Phật rằng:

- Sa-môn chớ đi trên con đường này, vì con đường này có Ương-quật-man giết hại người dân, không chút lòng từ. Những người sống trong thành quách, thôn xóm đều bị ông ta giết hại. Sau khi giết chết, ông ta cắt lấy các ngón tay xâu thành vòng hoa, e rằng ông ấy sẽ đến quấy nhiễu Đức Thế Tôn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tiến về phía trước, Ương-quật-man từ xa trông thấy Đức Thế Tôn đi đến, liền nghĩ:

- Vị Sa-môn này đi một mình, không có bạn bè, ta sẽ giết ông này.

Ương-quật-man liền rút kiếm đang đeo bên hông chạy đến chỗ Phật. Từ xa trông thấy, Đức Phật quay trở lui. Ương-quật-man đuổi theo sau Phật, ráng hết sức để theo kịp Đức Thế Tôn, nhưng không thể kịp. Ông ta suy nghĩ:

- Ta có thể đuổi kịp voi, kịp ngựa, kịp xe, kịp trâu bò hung dữ và cũng kịp cả người. Nhưng vị Sa-môn này không đi nhanh, mà sao ta cố hết sức vẫn không đuổi kịp.

Ương-quật-man từ xa nói vói tới Đức Thế Tôn:

- Dừng lại, này Sa-môn!

Đức Thế tôn bảo:

- Ta đã dừng lại từ lâu, còn ngươi không chịu dừng.

Ương-quật-man suy nghĩ: Ta đã làm điều ác.

Nghĩ vậy, ông ta liền bỏ kiếm xuống, năm vóc sát đất, quy y theo Phật, xin làm Sa-môn, thọ giới cụ túc.

Đức Phật bảo: Thiện lai Tỳ-kheo. Râu tóc ông ta tự rụng giống như cạo đầu, chiếc áo đang mặc biến thành ca-sa. Nghe Phật thuyết pháp, ông ta đắc quả A-La-hán.

Lúc bấy giờ, vua Ba-tư-nặc tập hợp bốn binh chủng, kéo quân ra thành Xá-vệ để giết tên Ương-quật-man kia.

Trước tiên, nhà vua đi đến Đức Phật, trình bày mọi việc. Đức Phật bảo:

- Nếu bây giờ nhà vua trông thấy Ương-quật-man đã cạo bỏ râu tóc, đắp ba pháp y, dùng lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, thì nhà vua sẽ xử trí thế nào?

Nhà vua đáp:

- Nếu gặp nhu thế, trẫm sẽ chào hỏi, kính lễ, không có tâm giết hại. Nhưng kẻ hung ác kia không có lòng từ, đâu thể tu theo hạnh Sa-môn được.

Lúc đó, cách Phật không xa, Ương-quật-man đang ngồi kiết già, thân thẳng, ý chánh, giữ niệm trước mặt. Đức Phật đưa tay chỉ về phía Ương-quật-man, vua Ba-tư-nặc sợ hãi, lông tóc dựng đứng.

Đức Phật bảo:

- Nhà vua chớ sợ, hãy đi đến đó để nói chuyện với ông ấy.

Vua Ba-tư-nặc đi đến chỗ Ương-quật-man, cúi đầu, làm lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên.

Nhà vua hỏi Ương-quật-man:

- Tôn giả Ương-quật-man, nay ông tên gì?

Ương-quật-man trả lời:

- Thưa Đại vương, tôi tên Già-cụ, mẹ tôi tên Man-đa-da-ni.

Nhà vua bảo:

- Ông khéo tinh tấn tu hành. Nay trẫm xin trọn đời cúng dường tôn giả Già-cụ đủ bốn món: ẩm thực, y phục, thuốc thang, giường nằm, không hề lẫn tiếc. Trẫm sẽ ủng hộ tôn giả đúng như luật pháp.

Nói xong, vua Ba-tư-nặc đầu mặt lễ lạy chân tôn giả, rồi đi nhiễu ba vòng.

Sau đó, nhà vua đi đến chỗ Đức Thế Tôn, bạch rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn, người không hàng phục được đã được Đức Thế Tôn hàng phục.

(Trích Tăng Nhất A-hàm quyển 19)

11. MỘT SỐ VỊ A-LA-HÁN VẪN CÒN TẬP KHÍ:

Có người tuy đã đoạn trừ tất cả phiền não, nhưng trong thân và miệng cũng còn hiện tướng phiền não, khiến kẻ phàm tục nhìn thấy họ, hay nghe họ nói liền khởi tâm không thanh tịnh.

Như A-La-hán Mật-Bà-hòa-trá năm trăm đời làm khỉ, đời này tuy đắc đạo nhưng vẫn leo trèo cây cối, khiến kẻ ngu trông thấy sanh tâm khinh thường.

Lại như A-La-hán Tất-lăng-già-Bà-ta năm trăm đời sanh vào nhà Bà-la-môn quen tánh khinh miệt, đời nay tuy đắc đạo, nhưng vẫn nói với thần sông Hằng:

- Tiểu tỳ! Đừng chảy nữa!

Thần sông Hằng tức giận, đến phân trần với Phật. Đức Phật bảo

Tôn giả sám hối, nhưng Tôn giả vẫn cứ gọi thần sông Hằng là "Tiểu tỳ".

Đức Phật không có những việc như vầy: Chẳng hạn, có một Bà-la-môn ác khẩu. Một hôm, ông ta đem năm trăm việc xấu mắng chửi Phật. Đức Phật không hề oán giận khiến Bà-la-môn sanh lòng hoan hỷ. Lại có lần, Bà-la-môn ấy đem năm trăm việc tốt tán thán Phật. Đức Phật cũng không lộ vẻ vui thích. Nên biết, đối với Đức Phật, tập khí phiền não đã dứt sạch, nên Ngài xem tốt xấu như nhau.

(Trích luận Đại Trí Độ, quyển 84)

12. ANH EM TRANH CỦA, THỈNH PHẬT GIẢI QUYẾT, LIỀN ĐẮC TỨ QUẢ:

Thuở Đức Phật ở trong vườn Trúc, thành La-duyệt-kỳ, có bốn anh em con nhà Bà-la-môn, cha mẹ mất sớm, cùng nhau tranh tài sản. Gặp Tôn giả Xá-lợi-phất, họ vui mừng thưa:

- Xin Tôn giả nói giúp việc này để chúng con không còn tranh giành nữa.

Ngài Xá-lợi-phất bảo:

- Hay lắm! Ta có Đức Phật Đại Sư là bậc tối tôn trong ba cõi. Các ngươi hãy teo ta đến chỗ Phật, ắt sẽ được hòa giải.

Họ theo Tôn giả trở về. Trông thấy bốn người từ xa, Đức Phật mỉm cười, phóng ra ánh sáng năm sắc. Họ đảnh lễ, bạch Phật:

- Chúng con ngu si, xin Phật giải thích để chúng con không còn tranh chấp.

Đức Phật kể chuyện:

Xưa có vị quốc vương hiệu là Duy-lâu, thân thể mắc bệnh, rước thầy đến xem, cho thuốc, biết rằng thuốc này phải pha với sữa sư tử. Nhà vua tập hợp mọi người, bảo:

- Nếu ai lấy được sữa sư tử, trẫm sẽ cắt đất phong tước và gả con gái út làm vợ.

Khi ấy, một người nghèo tâu vua là có thể làm được. Nhà vua liền ưng thuận. Người kia khéo suy tính, trước tiên tìm đến chỗ sư tử, ông dắt dê và mang theo mấy hộc rượu bồ-đào đến ngọn núi ấy, rình sư tử đi ra, liền dắt dê và đem rượu bồ-đào để vào hang. Sư tử thấy rượu thịt liền ăn uống say túy lúy, nằm mê man. Ông ta đến vắt lấy sữa, vui mừng trở về. Chưa về tới nước mình, đêm đến ông ta nghỉ lại trong thôn xóm. Có một vị A-La-hán cũng nghỉ lại nơi đây. Do đuổi theo sư tử, trải qua nhiều con đường nguy hiểm, thân thể quá mệt mỏi, nên ông ta ngủ say

như chết.

Vị Đạo nhân thấy sáu thức trong cơ thể ông ấy tranh công với nhau.

Thần chân bảo:

- Nhờ ta đi đến đấy mới được sữa đem về.

Thần tay lại nói:

- Nhờ tay ta vắt lấy sữa.

Thần mắt bảo:

- Nhờ ta trông thấy.

Thần tai nói:

- Nhờ ta nghe vua cần sữa, mới bảo chúng bay lấy mang về.

Thần lưỡi liền nói:

- Chúng mày khỏi phải tranh nhau, công này là của ta. Nay sự sống sót là do ta quyết định.

Ông ta mang sữa đến chỗ vua, tâu rằng:

- Nay đã lấy được sữa sư tử, đang còn để bên ngoài.

Vua phán:

- Phải hay không phải, cứ đem vào đây.

Nhà vua vừa thấy sữa, lưỡi liền nói:

- Đây không phải sữa sư tử mà là sữa lừa.

Nghe lưỡi nói thế, vua nổi giận, quát:

- Ta bảo ngươi lấy sữa sư tử, sao lại lấy sữa lừa?

Nhà vua định giết chết ông ta. Ngay khi ấy, vị Đạo nhân ngủ chung hôm nọ liền dùng thần túc bay ngay đến chỗ vua, tâu:

- Đây đúng là sữa sư tử. Lúc tôi ngủ chung với ông ấy trong xóm, thấy sáu thức trong cơ thể ông ấy tranh công với nhau. Lưỡi nói: Ta sẽ phản chúng mày. Nay sự việc quả là như vậy. Nhà vua cứ lấy sữa này hòa với thuốc, uống vào, sẽ lành bệnh.

Tin theo lời của vị A-La-hán, nhà vua hòa sữa với thuốc, uống vào, khỏi bệnh. Sau đó, nhà vua gả con gái cho ông ta, lại phong tước như đã giao ước trước đây.

Vị Đạo nhân tâu vua:

- Ngay các thức trong thân một người còn phản nhau dữ dội đến thế, huống chi đối với người khác ư?

Bấy giờ, người lấy sữa nhờ ơn Đạo nhân, xin làm Sa-môn, ngộ đạo, đắc quả A-La-hán. Nhà vua cũng vui mừng, thọ trì năm giới, đắc quả Tu-đà-hoàn.

Nghe tin ấy, cả bốn anh em đều tỉnh ngộ, xin Phật được làm Tỳ-

kheo. Đức Phật im lặng, đưa tay xoa đầu bốn người, tóc liền rụng, cà-sa đắp trên thân, kiết sử dứt sạch, trần cấu đoạn trừ.

Ngài A-nan hỏi Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Bốn người này vốn có công đức gì mà nay nghe kinh liền tỏ ngộ, sớm đắc quả A-La-hán?

Đức Phật bảo:

- Xưa kia, thời Đức Phật Ma phụ, Xá-lợi-phất là Tỳ-kheo thì bốn người này là khách buôn. Họ cùng đem một chiếc y dâng lên Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất chú nguyện: Mong cho các ông đời sau sớm được độ thoát. Thế nên đời này, họ gặp Xá-lợi-phất và được giải thoát.

(Trích kinh Duy-lâu Vương Sư Tử Nhũ Thí Dụ)

13. THƯỜNG CUNG CẤP ẨM THỰC, Y PHỤC CHO CHÚNG TĂNG MÀ ĐẮC ĐẠO:

Có một nam tử xuất gia trong chánh pháp thường làm cấp sự. Các Tỳ-kheo đi đến chùa vị này, bảo ông ta làm cấp sự cho mình. Một thời gian sau, quá mệt mỏi, ông suy nghĩ: Ai có thể thuyết pháp giáo hóa mình?

Bấy giờ, nghe nói có Ngài Ưu-ba-cấp-đa ở nước Ma-du-la được Đức Phật thọ ký, có thể là người bậc nhất trong hàng đệ tử sau này, nên ông đến chắp tay đảnh lễ thưa:

- Bạch Đại đức! Xin Ngài làm Phật sự lớn là thuyết pháp cho con.

Ưu-ba-cấp-đa nói:

- Nếu ngươi vâng lời ta dạy thì ta mới thuyết pháp cho nghe.

Thưa:

- Con xin vâng lời ạ!

Hỏi:

- Chùa Na-đa-Bà-đa có bao nhiêu tăng chúng?

Thưa:

- A-La-hán có một tám ngàn vị, bậc hữu học đông gấp bội, hàng phàm phu tinh tấn thì vô số.

Bảo:

- Ngươi phải làm cấp sự cho bấy nhiêu vị.

Khi đó, vị Tỳ-kheo kia làm cấp sự cho tất cả chúng Tăng khiến hết thảy đều chuyên tu đạo nghiệp. Tỳ-kheo cấp sự dậy sớm, đắp y, mang bát vào nước Ma-du-la. Có một trưởng giả sáng sớm cũng đi ra. Hai người gặp nhau, trưởng giả suy nghĩ: Chưa bao giờ ta được nhìn

thấy một vị như vầy. Thế rồi, trưởng giả cúi đầu, đảnh lễ dưới chân vị Tỳ-kheo, hỏi;

- Bạch Đại đức! Tôn giả từ đâu lại? Và đến đây có việc gì?

Đáp:

- Tôi đến từ phía Đông nước này. Hôm trước, vì muốn nghe pháp, tôi đến chỗ Ngài Ưu-ba-cấp-đa, nhưng Ngài bảo tôi phải làm cấp sự cho chúng Tăng. Nay tôi không biết người nước Ma-du-la, ai tinh tấn, ai không tinh tấn để làm cấp sự cho chư tăng?

Trưởng giả nói:

- Ngài đừng lo nghĩ về việc đó. Tôi sẽ thay Ngài cấp sự cho chúng Tăng. Mọi thứ ẩm thực, y phục, thuốc thang, tôi đều cung cấp cho Tỳ-kheo.

Tỳ-kheo lại nói:

- Tôi với trưởng giả cùng lấy thức ăn v.v... cúng dường chúng Tăng.

Trong ba tháng an cư, nhờ sự cúng dường này, vị Tỳ-kheo chứng đắc đạo quả.

14. SAU KHI GẶP LA-SÁT, CẬU BÉ XUẤT GIA, ĐẮC ĐẠO:

Tại nước Ma-du-la, có một nam tử thưa với cha mẹ chí nguyện xuất gia của mình. Sau khi được cha mẹ chấp thuận, cậu đi đến chỗ Ngài Ưu-ba-cấp-đa, cung kính đảnh lễ thưa:

- Bạch Đại đức, con có được làm Tỳ-kheo không?

Ngài Ưu-ba-cấp-đa thấy cậu ta còn bị ái dục trói buộc nơi thân, nên bảo:

- Tốt lắm! Ta sẽ cho ngươi xuất gia.

Cậu bé vui mừng, cúi đầu đảnh lễ chân Ngài và xin được tạm thời trở về nhà. Giữa đường, cậu suy nghĩ: Nếu ta về đến nhà, có lẽ bị giữ chân lại. Tối đến, đang ở giữa đường, cậu nghỉ nhờ nơi miếu thờ thần (Luận Đại Trí ghi là: nhà trống). Ngài Ưu-ba-cấp-đa hóa làm hai con quỉ la-sát, một con vác thây chết, một con đi tay không, đều vào trong miếu, bảo nhau: Chúng ta được tử thi, tranh cãi mãi mà chưa dứt khoát, nay hỏi cậu bé này, xem ai là người vác tử thi đến.

Cậu bé suy nghĩ:

- Ta không được vọng ngữ, phải nói đúng như thật.

Con quỉ đi tay không liền kéo cánh tay cậu bé đưa vào mệnh định ăn, con quỉ mang tử thi can ngăn, nhờ vậy cậu bé thoát chết. Sự việc kéo dài rất lâu, đến khi mặt trời mọc mới xong.

Hai ngày sau trở về, cậu bé đến chỗ Ngài Ưu-ba-cấp-đa, xuất gia làm Sa-môn, tinh tấn tu học, chứng quả A-La-hán.

(Trích kinh A Dục Vương quyển 9, lại trích luận Đại Trí Độ quyển 12)

15. NGƯỜI THOÁT NẠN GẶP PHẬT XUẤT GIA, ĐẮC ĐẠO:

Xưa có nhiều người ở bên bờ sông bị nước lớn cuốn trôi, người dân không thể cứu được, trong vạn người chỉ cứu sống được một người. Người được cứu sống ở giữa biển nước mênh mông này đi đến chỗ Phật, xin làm Sa-môn. Đức Phật chấp thuận. Đối với đạo, trong thâm tâm vị này không nghĩ rằng mình đã thoát khỏi khổ ách, nên Đức Phật thuyết pháp cho ông ta nghe, khuyên gắng tu hành.

Lúc ấy, vị Tỳ-kheo kia sanh lòng hổ thẹn, rõ biết tất cả vạn vật đều vô thường, tâm ý khai ngô, vắng lặng không tịch, liền ở trước Phật thành A-La-hán.

(Trích kinh Thuyết Pháp Vị Sa-môn)

16. HAI ANH EM TU THIỆN KHÔNG GIỐNG NHAU:

Vào thời Đức Phật Ca-diếp, có hai anh em đều làm Sa-môn. Người anh giữ giới tọa thiền, một lòng tu huệ, nhưng không bố thí. Người em bố thí tu phước, nhưng thích phá giới.

Đến thời Đức Phật Thích Ca, người anh xuất gia làm Sa-môn, đắc quả A-La-hán, áo thường không đủ ấm, cơm thường không đủ no. Người em sinh vào loài voi, làm con voi có sức mạnh phi thường, có thể đánh lùi oán địch. Nhà vua thương yêu voi, trang sức trên thân nó các thứ vàng bạc, châu báu, an lạc và phong cho ấp mấy trăm hộ và cung cấp những thứ cần dùng.

Bấy giờ, Tỳ-kheo anh gặp thời đói khổ, đi khất thực bảy ngày không được, cuối cùng được một ít thức ăn thô để sống qua ngày. Tỳ-kheo biết con voi này là em mình đời trước, nên đi đến chỗ voi, lấy tay nắm tai voi rồi nói:

- Xưa kia, ta và ngươi đều có tội.

Voi suy nghĩ lời Tỳ-kheo nói, liền nhớ túc mạng, thấy được nhân duyên đời trước nên buồn bã bỏ ăn. Người giữ voi sợ hãi, đến tâu vua là voi không ăn uống gì cả, chẳng hiểu vì sao.

Nhà vua hỏi người giữ voi:

- Hổm rày, có ai đụng đến voi không?

Người giữ voi thưa:

- Không có ai khác, chỉ có một Sa-môn đi đến bên voi, giây lát rồi bỏ đi.

Nhà vua sai người tìm được vị Sa-môn. Vua hỏi:

- Sa-môn đến bên voi quí của trẫm nói gì vậy?

Sa-môn đáp:

- Thần nói với voi: Ta và ngươi đều có tội.

Sau khi Sa-môn kể lại sự việc trước đây, nhà vua hiểu ra vấn đề, cho thả ngay Sa-môn trở về chỗ cũ.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ quyển 4)

17. NĂM TRĂM NGƯỜI MÙ GẶP PHẬT ĐƯỢC SÁNG MẮT VÀ NGỘ ĐẠO:

Tại nước Tỳ-xá-ly có năm trăm người mù xin ăn để sống qua ngày. Bấy giờ, Đức Phật ra đời, người nào gặp được dù già yếu, tàn tật, trăm bệnh đều được chữa lành. Nghèo thì được cơm áo; sầu não, khổ ách đều được giải khỏi. Những người mù cùng bàn với nhau:

- Chúng ta chất chứa tội lỗi, chịu nhiều khổ sở, tai hại, nếu gặp Phật nhất định được cứu giúp. Chúng ta mỗi người cố xin cho được một thỏi tiền vàng mới đủ để thuê người dẫn đến chỗ Phật.

Trải qua một thời gian, mỗi người xin được một thỏi tiền. Họ nói với những người xung quanh:

- Ai dẫn chúng tôi đến Xá-vệ sẽ được trả công là năm trăm tiền vàng.

Lúc ấy, có một người đi đến. Họ góp tiền đưa cho người này. Người này bảo những người mù:

- Các ông lần lượt dắt nhau, tôi đi trước dẫn đường.

Gần đến nước Ma-kiệt, người này bỏ các người mù ở giữa đầm trống. Những người mù không biết là mình đang ở nước nào, nắm tay nhau đi, giẫm đạp làm hư hại lúa mạ nơi ruộng ấy. Chủ ruộng thấy thế, nổi cơn thịnh nộ, la hét, đánh đập. Họ van xin, nói hết sự thật, trưởng giả động lòng, sai một người nô bộc dẫn họ đến Xá-vệ.

Vừa đến nước đó, lại nghe Đức Thế Tôn đi đến nước Ma-kiệt-đề, người nô bộc dẫn họ đến nước Ma-kiệt. Vì kính ngưỡng Đức Phật, họ tha thiết muốn được gặp. Cho nên, tuy mắt họ mù nhưng tâm đã thấy, họ hoan hỷ phát tâm tìm gặp Phật quên cả mệt mỏi.

Vừa đến nước Ma-kiệt, họ lại nghe Đức Thế Tôn trở lại Xá-vệ. Cứ như vậy, họ đã đuổi tìm Thế Tôn cả thảy bảy lần.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn quan sát thấy những người mù này thiện

căn đã thuần thục, liền dừng lại để đợi họ đến. Hào quang của Phật vừa chiếu vào thân họ, ngay lúc đó, hai mắt họ liền được sáng tỏ, thấy bốn chúng vây quanh Đức Phật, thân Ngài rực rỡ như núi vàng tía. Họ đến trước Phật, năm vóc sát đất làm lễ, cùng bạch Phật:

- Cúi xin Đức Thế Tôn rủ lòng thương xót, cho chúng con được tu đạo.

Đức Phật bảo:

- Thiện lai Tỳ-kheo.

Râu tóc họ tự rụng, pháp y đắp trên thân. Đức Phật lại thuyết pháp, họ đắc quả A-La-hán.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 6)

18. ĐỨC PHẬT HÓA ĐỘ ĐỨC BÉ CHIÊN-ĐÀ-LA:

Tại thành Xá-vệ, có một đứa bé Chiên-đà-la (kinh Hiền Ngu gọi là Chiên-đề) làm nghề hốt phân. Bấy giờ, Đức Thế Tôn vào thành khất thực, theo thứ tự đến nhà kia. Đứa bé hốt phân liền tránh sang hẻm khác. Đức Như Lai đi về phía đức bé. Đứa bé tự nghĩ: Ta gánh phân dơ, hôm nay không biết tại sao lại được gặp Đức Thế Tôn.

Nghĩ vậy, đứa bé đi đến một cái đầm. Từ xa, Đức Phật gọi tới:

- Ta vì con mà đến đây.

Đứa bé thưa:

- Con không dám đến gần Đức Thế Tôn. Không biết Ngài có điều gì dạy bảo, thương xót kẻ có tội này?

Đức Thế Tôn bảo:

- Ta muốn độ con làm Sa-môn.

Đứa bé hỏi:

- Địa ngục, súc sanh cũng được tu đạo sao?

Đức Phật bảo:

- Ta nay ra đời chính vì cái khổ của người có tội.

Nói xong, Ngài nắm tay đứa bé bay lên hư không, đến bên sông Hằng, tắm gội cho nó, rồi trở về Kỳ-hoàn, bảo các Tỳ-kheo độ làm Sa-môn. Đứa bé siêng năng tinh tấn ngày càng tiến bộ, chưa đầy mười ngày đã đắc Tứ quả từ Tu-đà-hoàn đến A-La-hán, thấu suốt lục thông, ẩn hiện tự tại. Vị này đến ngồi giữa tảng đá vuông lớn vá chiếc nạp y cũ.

Nhà vua nghe Phật độ đứa bé Chiên-đà-la, nghĩ rằng: Đức Phật xuất thân từ dòng họ Thích cao quý. Đệ tử của Ngài đều thuộc dòng dõi Bà-la-môn. Khi những vị này vào cung thất thọ nhận sự cúng dường của

tín thí, mọi người năm vóc sát đất, đảnh lễ dưới chân. Nay nghe Như Lai độ kẻ Chiên-đà-la, làm sao lễ kính chúng Tăng? Ta phải đến trách cứ Như Lai.

Đi chưa được bao lâu, nhà vua thấy vị Tỳ-kheo ngồi bên tảng đá vuông lớn, có năm trăm vị Trời cõi Tịnh cư đang nhiễu quanh lễ bái, nhà vua đến thưa:

- Xin phiền Tôn giả vào thưa: có vua Ba-tư-nặc muốn gặp Thế Tôn.

Nghe xong, vị Tỳ-kheo liền ẩn vào đá, từ tinh xá đi ra, thưa với Phật, Đức Phật bảo:

- Ta biết rồi.

Vị Tỳ-kheo lại từ trong tảng đá hiện ra, nói với nhà vua:

- Đức Như Lai có dạy: Trước hết hỏi vị Tỳ-kheo vì sao vào được tảng đá cứng này, ẩn hiện tự do.

Nhà vua đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Ngài, rồi ngồi qua một bên, hỏi:

- Tỳ-kheo hồi nãy tên gì mà có thần lực như thế?

Đức Phật bảo:

- Đó là người hốt phân.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn do nhân duyên này liền nói hai câu kệ:

Như ruộng đất, hố sâu ô uế
Vẫn nở sen tỏa ngát hương thơm.

Đức Phật lại hỏi:

- Thế nào, này Đại vương, những người có mắt muốn hái lấy hoa này không?

Nhà vua bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, hoa ấy rất thơm sạch nên lấy để trang sức thân ô uế.

Xét thấy từ trong thai mẹ sanh hoa công đức. Nhà vua bạch Phật:

- Người ấy sớm được lợi lành, không thể nghĩ bàn. Bắt đầu từ nay, con xin thỉnh vị Tỳ-kheo này cúng dường tứ sự.

(Trích kinh Chiên-đà-la Nhi)

19. THỢ SĂN BỎ NHÀ HỌC ĐẠO:

Xưa, Đức Phật ở trong hang đá ở phía Bắc thành, nơi vườn Cam-lê nước Ma-kiệt. Có rất nhiều thợ săn vào núi săn bắn, giăng lưới cùng khắp, giết vô số nai. Lần sau trở lại núi, bấy giờ có một con nai mắc bẫy kêu gào lớn tiếng.

Nghe tiếng nai kêu, các thợ săn đều chạy đến, tự lọt vào bẫy của mình, thật đáng thương xót. Tuy họ chưa chết ngay nhưng bị thương rất nặng, đau đớn khôn xiết. Họ dìu nhau gắng gượng về nhà để tìm thuốc cao đắp vết thương, nhưng chẳng may một số đã chết dọc đường, nên người nhà chỉ rước tử thi đem chôn cất, rồi trở về Da-tuần-chi.

Đối với những người còn sống sót, khi vết thương đã được chữa khỏi, họ chán ghét nghề săn bắn. Nhờ đời trước gieo trồng căn lành, nay cơ duyên đã đến, họ liền bỏ nhà, xuất gia học đạo, làm Sa-môn. Lúc ấy, họ cùng với vô số trăm ngàn chúng sanh nhiễu quanh Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn thuyết pháp cho họ nghe. Bấy giờ, vì muốn những người kia diệt hết ác nghiệp, tu đạo công đức, Đức Thế Tôn dạy bảo khiến họ xa lìa sanh tử, thường tu thiện nghiệp. Ở giữa đại chúng, Đức Phật nói kệ:

Như người làm tên bắn
Trở lại hại thân mình
Mũi tên ái cũng thế
Làm thương tổn chúng sanh.

Khi đó, những thợ săn kia tuy làm Sa-môn mà vẫn chưa thông hiểu bài kệ, nên thưa với Phật:

- Ngày nay, Đức Như Lai đã chứng minh cho chúng con đã từng làm thợ săn, lòng tự hổ thẹn, biết được lỗi xưa. Chúng con xin ở nơi vắng vẻ, tu tập chỉ quán, nhất tâm bất loạn.

Thế rồi, những vị này cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, tu phạm hạnh vô thượng, tự thân chứng đắc và được an vui. Họ như thật tự biết: Sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau. Bấy giờ, các vị Tỳ-kheo này đều đắc quả A-La-hán, lục thông đầy đủ, không còn chướng ngại. Vì vậy, họ nói kệ rằng:

Người có trí hiểu biết
Hễ ái ắt có khổ
Không dục cũng không tưởng
Tỳ-kheo nên ghi nhớ.

(Trích kinh Lạp Sư Xả Gia Học Đạo)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 18

1. Trùng tánh gặp nạn xuất gia đắc đạo.
2. Thập nhị nhĩ ức tinh tấn quá mức.
3. Lại-tra bị cha bắt hoàn tục.
4. Tiền sẳn trong tay.
5. Công đức hái hoa cúng dường.
6. Phước báu cúng dường tăng.
7. Tỳ-kheo thiểu dục tri túc, nghe pháp đắc đạo.
8. Tỳ-kheo khéo xây dựng do thiền định đắc đạo.
9. Giặc cướp làm Tỳ-kheo gặp Phật ngộ đạo.
10. Tỳ-kheo tham ăn quán sát đắc đạo.
11. Tỳ-kheo xin ăn hiện thần lực vào cung kỳ-đà.
12. Bốn Tỳ-kheo bàn về khổ đế găp Phật đắc đạo.
13. Bốn Tỳ-kheo bàn về niềm vui, Phật cho là khổ, tâm ngộ đắc đạo.
14. Tỳ-kheo cứu mẫu thân thoát khỏi địa ngục.
15. Tỳ-kheo vâng lời thầy đắc đạo.
16. Tỳ-kheo quán xương trắng đắc đạo.
17. Tỳ-kheo tự tứ thọ lạp đắc đạo.
18. Phật độ Tỳ-kheo ham ngủ chứng đạo.
19. Tỳ-kheo ham ngủ thấy hiện hầm sâu, lo sợ mà đắc đạo.
20. Tỳ-kheo ăn nhiều đắc quả a-La-hán.
21. Tỳ-kheo bệnh lâu ngày được Phật chăm sóc.
22. Nhờ sợ nên đắc đạo.
23. Tỳ-kheo gây tiếng xấu muốn tự sát được thiên thần giúp, tinh tấn đắc đạo.
24. Tỳ-kheo giết mẹ, được bồ-tát hoá độ, xuất gia đắc đạo.
25. Tỳ-kheo già sắp tự vẫn được Phật kể hạnh xưa và cho xuất gia.
26. Thấy chuyện nhân quả, sợ mà đắc đạo.
27. Hạnh nào quả nấy.

28. Sa-môn không dứt trừ tham tưởng, nhờ đức Phật hoá độ, đắc quả A-La-hán.

29. Sa-môn bôi tay bẩn vào cột, làm vỡ trụ.

30. Sa-môn đi tiểu không khảy móng tay, nước tiểu bắn vào mặt quỷ.

31. Sa-môn mở cửa, năm ngón tay phát ra lửa.

1. TRÙNG TÁNH GẶP NẠN XUẤT GIA ĐẮC ĐẠO:

Xưa ở nước Xá-vệ có vị trưởng giả giàu sang, của tiền vô số nhưng không có con nối dõi, lòng thường lo lắng cúng tế cầu tự, hết sức thành tâm. Thế rồi vợ ông sanh được một bé trai khôi ngôi hiếm thấy- cha mẹ đều yêu quý. Một hôm, gặp hội yến, mọi người đều tụ tập đến bên dòngsông lớn ăn uống vui chơi. Cha mẹ dẫn đứa bé đến hội yến, vì thương con nên người cha bế đứa con nhảy múa. Người cha nhảy múa xong thì người mẹ lại vác đứa con đùa giỡn vui vẻ. Khi đến bờ sông thì đầu óc họ bị xây xẩm, giữ con không chặt, xảy tay nên đứa nhỏ rơi xuống nước, quơ tìm mãi mà không được. Cha mẹ thương con buồn bã khôn nguôi. Song đứa bé có phước đức nên không chết, nó trôi theo dòng nước và bị một con cá lớn nuốt vào bụng. Tuy ở trong bụng cá nhưng đứa trẻ vẫn còn sống. Bấy giờ, trong thôn cuối nguồn có một nhà giàu cũng không có con trai, họ tìm đủ cách khẩn cầu con nhưng không được. Nhà giàu này thường sai một đứa tớ bắt cá ăn. Hôm ấy nó bắt được con cá này, lúc mổ bụng ra gặp đứa bé, nó vội đem dâng cho chủ nhà. Ông ta xem qua, lòng hoan hỷ, nói:

- Nhà ta trước nay tế thần cầu tự, do lòng chân thành mong mỏi nên được trời báo ứng ban cho đứa con.

Ông liền bế đứa trẻ về nuôi dưỡng, khuấy sữa cho nó uống. Cha mẹ ở xóm trên đầu nguồn nghe tin trưởng giả ở xóm dưới mổ bụng cá được đứa bé, họ vội đến nơi nằng nặc đòi lại đứa con:

- Đây là con tôi. Tôi bị mất nó ở trong dòng sông này, nay ông cứu được xin hãy trả lại cho tôi.

Trưởng giả này đáp:

- Trước đây nhà tôi tế tự cầu con nên được thần báo ứng ban cho một đứa con. Đứa con ông mất rốt cuộc ở đâu. Hai bên cứ tranh nhau không kết thúc bèn kéo nhau đến nhờ vua phân sử.

Bấy giờ hai nhà bên nào cũng viện lý lẽ biện hộ. Cha mẹ đứa bé nhất quyết nói đây là đứa con mình, vào thời gian đó đã lở xảy tay, làm rơi mất đứa con mình trong dòng sông này. Còn trưởng giả nghèo khó

nọ cũng khăng khăng:

Tôi ở tại dòng sông này được đứa con từ trong bụng cá. Đây là con tôi, chẳng phải là con của ông sanh ra.

Nghe họ tranh cãi, vua chẳng biết đầu đuôi ra sao, liền bảo hai nhà tường trình rõ sự việc, rồi bảo:

- Hai khanh đều nói đứa bé là con mình. Nếu bây giờ xử cho một bên được con thì không hợp lý. Thôi hai khanh hãy cùng nuôi dưỡng, đến khi nó trưởng thành, mỗi bên đều cưới vợ cho nó, gầy dựng gia nghiệp, ở hai chỗ khác nhau. Nếu người vợ bên nào sanh con thì đứa con đó sẽ thuộc về nhà ấy.

Bấy giờ, hai trưởng giả vâng lời dạy của vua. Đến khi đứa bé trưởng thành, hai nhà đều cưới vợ cho nó, mọi thứ cần dùng đều cung cấp đầy đủ. Một hôm, đứa trẻ thưa với cha mẹ hai bên:

- Từ khi con sinh ra đến giờ gặp biết bao gian khổ, trôi theo dòng nước bị cá nuốt suýt chết lại được cứu thoát, nay chí con muốn xuất gia. Xin cha mẹ hãy cho con được toại nguyện.

Lúc đó cha mẹ hai bên đều thương con, không nỡ chối từ nên họ đều đồng ý.

Người này đến chỗ Phật cầu xin được vào đạo.

Đức Phật bảo:

- Thiện lai Tỳ-kheo!

Thế là tóc ông tự rụng và trở thành Sa-môn, pháp tự là Trùng Tánh.

Đức Phật thuyết pháp cho ông nghe, ông dứt sạch các khổ và chứng quả A-La-hán.

Đức Phật kể:

Thời quá khứ xa xôi có đức Phật, hiệu Tỳ-Bà-thi. Một hôm đại chúng đang vâng tập nghe Ngài thuyết pháp. Trong hội chúng có vị trưởng giả, đến lắng nghe Phật giảng rộng về phước đức của trì giới, bố thí pháp, ông ta sanh lòng kính tin, quy y Tam bảo thọ giới không sát sanh lại đem một đồng tiền cúng dường Đức Phật. Do điều đó nên đời đời ông ta được phước đức và châu báu đầy đủ. Vị trưởng giả ấy, nay chính là Tỳ-kheo Trùng Tánh. Vì ông ta cúng dường môt đồng tiền nên chín mươi mốt kiếp thường giàu có, đến nay được cha mẹ hai nhà cung cấp mọi thứ cần dùng. Nhờ giữ giới không sát sanh nên rơi xuống nước bị cá nuốt mà không chết; nhờ quy y Tam bảo nên được chứng quả A-La-hán.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 9)

2. THẬP NHỊ NHĨ ỨC TINH TẤN QUÁ MỨC:

Phật ngự ở nước Chiêm Bà bên cạnh ao Lôi Thinh, bấy giờ tôn giả Thập Nhị Nhĩ Ức ở chỗ vắng vẻ, tự tu theo chánh pháp không bỏ hạnh đầu đà, kinh hành suốt ngày đêm, đến nỗi bàn chân rướm máu. Tuy thường tự khích lệ mình nhưng vẫn không đoạn tận được dục tâm. Vì vậy, ông suy nghĩ: Về tinh tấn khổ hạnh, ta đứng đầu nhưng hiện giờ dục tâm vẫn chưa đoạn tận. Hơn nữa, gia nghiệp của ta có nhiều của báu, chi bằng ta xả pháp phục trở về nhà làm cư sĩ đem tiền của bố thí khắp nơi, có lẽ hay hơn.

Biết được tâm của ông, Đức Phật liền đến nơi đó và hỏi:

- Nghe nói, ông ở nhà rất giỏi về đánh đàn. Nếu dây đàn quá căng, âm thanh không đều thì có nghe được không?

- Thưa không, bạch Thế-tôn.

- Nếu dây đàn quá chùng thì âm thanh phát ra có nghe được không?

- Thưa không, bạch Thế-tôn!

- Nếu dây đàn không căng cũng không chùng thì âm thanh có nghe được không?

- Thưa được, Thế-tôn.

Phật bảo:

- Người tinh tấn quá giống như lên dây đàn, còn biếng nhác thì sẽ rơi vào tà kiến. Nếu khéo giữ mức trung bình, tức là thượng hạnh. Như thế không bao lâu sẽ thành tựu vô lậu.

Nghe xong, Nhĩ Ức Hai Mươi trở về bên cạnh ao Lôi Thinh tư duy lời Phật dạy, ông chứng được quả A-La-hán.

(Trích kinh Tăng Nhất A-hàm quyển 8)

3. LẠI-TRA BỊ CHA BẮT BUỘC HOÀN TỤC:

Bà-la-môn Lại-tra đến xin Phật xuất gia. Phật bảo:

Trước hết ông nên từ giã cha mẹ.

Lại-tra về nhà xin, nhưng cha mẹ không đồng ý. Ông liền nằm lăn dưới đất nhiều ngày không ăn cơm. Cha mẹ khuyên lơn cách nào ông cũng im lặng. Cuối cùng cha mẹ thương con nên đồng ý. Lại-tra xuất gia thọ giới cụ túc và chứng quả A-La-hán.

Mười năm sau, tôn giả trở lại quê nhà, tuần tự đi khất thực. Người cha không biết Ngài là con nên mắng nhiếc không cho. Đứa tớ lấy một bát đầy thức ăn thiu đem cho Ngài. Xong nó vội trở vào báo cho chủ hay: thiếu gia đã về. Người cha vội vã chạy ra xem và hỏi:

- Con đã về sao không đến nhà mình?

Tôn giả đáp:

- Con đã đến rồi nhưng lại bị cha mắng.

Người cha kéo Ngài vào nhà, dọn các món ăn hảo hạng và bảo:

- Nhà ta có voi chở đầy vàng bạc chất ở trong nhà, tài sản vô số hơn hẳn mọi người, con hãy nên hoàn tục đi.

Lúc đó, người mẹ lại cho cô vợ mới trang điểm lộng lẫy đến chỗ tôn giả. Quyến thuộc cùng họp lại khuyên dỗ nhưng tôn giả thưa:

- Con chỉ muốn xin thức ăn, cớ gì bị quấy nhiễu như thế?

(Trích kinh Trung A-hàm quyển 28)

4. TIỀN SẴN TRONG TAY:

Bấy giờ trong thành Xá-vệ có vị đại trưởng giả, vợ ông sanh một đứa con trai tên Kim Tài thật khôi ngô tuấn tú, nhưng bàn tay nó luôn nắm lại. Cha mẹ lo sợ liền mở tay nó ra thì thấy trong đó có hai đồng tiền vàng. Họ vui mừng lấy hai đồng tiền ấy, thì những đồng tiền khác tiếp tục xuất hiện. Cứ như thế lấy đầy cả kho mà tiền vẫn còn. Khi trưởng thành, Kim Tài xin cha mẹ đi xuất gia, họ liền chấp nhận.

Kim Tài đến chỗ Phật, Phật cho ông cạo tóc xuất gia, đắp y ca-sa. Năm đủ tuổi thọ giới, Kim Tài đến trước đàn chúng Tăng theo thứ tự làm lễ. Mỗi khi hai bàn tay ông đặt xuống đất đều có hai đồng tiền vàng. Thọ giới xong, Kim Tài tinh tấn tu tập, chứng được quả A-La-hán.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

- Bạch Thế-tôn, Tỳ-kheo Kim Tài này đời trước tạo phước gì mà đời nay trong tay luôn nắm tiền vàng.

Phật bảo:

- Chín mươi mốt kiếp trước, vào thời đức Phật Tỳ-Bà-thi, Ngài cùng chúng Tăng đi du hóa khắp nơi trong nước. Bấy giờ các vị trưởng giả thiết lễ cúng dường Phật và chúng Tăng. Lúc đó có một người nghèo nhặt củi bán được hai đồng. Nhìn thấy Phật, ông vui mừng liền đem hai đồng cúng dường Phật và chúng Tăng. Do việc làm ấy nên trong suốt chín mươi mốt kiếp, tay ông ta luôn nắm tiền vàng, của báu tự nhiên có. Người nghèo thuở ấy, nay chính là Tỳ-kheo Kim Tài.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 2)

5. CÔNG ĐỨC HÁI HOA CÚNG DƯỜNG:

Lúc đó, ở nước xá-vệ có vị trưởng giả giàu sang sanh được đứa con trai, mặt mũi rất khôi ngô. Ngày đứa trẻ chào đời, trời mưa đủ loại

hoa đầy cả nhà, cho nên đặt tên nó là Phất-Bà-đề (đời Lương dịch là Hoa Thiên). Khi lớn khôn, một hôm Hoa thiên đến chỗ Phật, lòng thầm nghĩ:

- Ta chào đời gặp được bậc Thánh tôn quý.

Nghĩ thế Hoa Thiên đến trước Phật thưa:

Kính xin đức Thế-tôn và chúng Tăng, ngày mai hạ cố đến tệ xá của con dùng bữa cơm đạm bạc.

Đức Phật nhận lời, Hoa Thiên trở về thì giường báu được hoá ra khắp hết, trong nhà trang hoàng lộng lẫy. Đức Phật và chúng Tăng đến, ngồi vào chỗ của mình. Do phước đức của Hoa Thiên nên thức ăn tự hiện. Thọ trai xong, Phật giảng kỹ pháp yếu cho Hoa Thiên nghe. Nghe xong, Hoa Thiên và cả nhà đều chứng quả Tu-đà-hoàn. Hoa Thiên liền xin cha mẹ xuất gia. Song thân đồng ý ngay.

Bấy giờ Phật nói:

- Thiện lai Tỳ-kheo!

Thế là, râu tóc Hoa Thiên tự rụng, mình khoác ca-sa. Hoa Thiên tu tập theo lời Phật dạy, chẳng bao lâu đắc quả A-La-hán.

A-nan bạch Phật:

Bạch Thế-tôn, Hoa Thiên nhờ phước đức gì, nay được như thế?

Phật dạy:

Vào thời Phật Tỳ-Bà-thi thuyết pháp độ chúng sanh. Bấy giờ các nhà giàu đều cúng dường. Lúc ấy có một người nghèo nhìn thấy chúng Tăng, lòng ông vui mừng, liền đến nơi đầm vắng hái các loại hoa rải cúng dường đại chúng.

Người nghèo thuở đó nay là Tỳ-kheo Hoa Thiên. Do công đức rải hoa nên suốt chín mươi mốt kiếp được thân hình xinh đẹp, trong tay cầm thứ gì đều được như ý.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 2)

6. PHƯỚC ĐỨC CÚNG DƯỜNG:

Thuở xưa có vị trưởng giả ở nước Xá-vệ sanh một đứa con trai. Lúc đứa bé chào đời, bảy báu rơi như mưa, đầy cả nhà ông. Thầy tướng số nhìn thấy đứa bé liền bảo:

- Đứa bé này có tướng đặc biệt.

Do lúc sinh ra ứng hiện điềm lành nên đặt tên là Lặc-na-đề-bà (đời Lương dịch là Bảo Thiên). Đứa bé càng lớn càng uyên bác tinh thông kinh sách. Nghe đến Phật, Thần Thánh trong lòng nó luôn mong mỏi. Một hôm Bảo Thiên từ giã song thân, đến chỗ Phật, thưa:

- Bạch Thế-tôn, con muốn xuất gia.

Đức Phật bảo:

- Thiện lai Tỳ-kheo. Tóc Bảo Thiên tự rụng, mình đắp ca-sa, Phật giảng pháp cho ông nghe. Nghe xong, Bảo Thiên đắc quả A-La-hán.

- Do phước đức gì mà Bảo Thiên chào đời có mưa bảy báu?

- Đó là vào thời Đức Phật Tỳ-Bà-thi, các vị cư sĩ cùng nhau thỉnh chúng Tăng cúng dường các thứ. Lúc ấy có một người nghèo tuy trong lòng vui thích nhưng không có chi để cúng dường. Ông ta cầm một hòn đá trắng cứ nghĩ là viên châu, đem dâng lên cúng dường chúng Tăng và phát đại thệ nguyện.

Phật kết luận:

- Người nghèo đó nay là Tỳ-kheo Bảo thiên. Nhờ phước đức cúng dường ấy nên trong suốt chín mươi mốt kiếp luôn dược tiền của dồi dào, y phục tự nhiên có đủ. Đời nay gặp ta, chứng đắc đạo quả.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 2)

7. TỲ-KHEO THIỂU DỤC TRI TÚC, NGHE PHÁP ĐẮC ĐẠO:

Bấy giờ ở Nam Ấn độ có một thanh niên xuất gia trong Phật pháp, luôn thiểu dục tri túc, không thích vinh hoa, không dùng dầu xoa thân, không tắm gội nước nóng, không ăn bơ, thường lo sợ sanh tử nên sức khỏe kiệt quệ, không chứng được Thánh đạo. Lúc đó, Tỳ-kheo suy nghĩ:

- Chỉ có tôn giả Ưu-ba-cấp-đa mới có thể thuyết pháp cho ta nghe.

Tỳ-kheo liền tìm đến nước Ma-thâu-la, chắp tay đảnh lễ tôn giả Ưu -ba-cấp-đa. Tôn giả thấy Tỳ-kheo vì lo sợ sanh tử nên thường không thích đều thô ác, không màng vinh hoa.

Tôn giả bảo:

- Chỉ cần ông nghe lời ta dạy, ta sẽ nói pháp cho ông nghe.

- Thưa vâng, Tỳ-kheo đáp.

Tôn giả Ưu-ba-cấp-đa bảo các đàn việt sắp đặt các món ăn và nước tắm cúng dường cho chúng Tăng, Ngài lại bảo một vị Sa-di tuổi nhỏ lấy nước nóng tắm gội cho vị Tỳ-kheo này, dùng dầu xoa thân ông ta và đem các món ăn ngon cúng dường. Vị Tỳ-kheo được ăn ngon, vài hôm thì cơ thể tăng khí lực nên vừa nghe tôn-giả Cấp-đa thuyết pháp vi diệu, ông tinh tấn tư duy và chứng được quả A-La-hán.

(Trích kinh A-Dục Vương quyển 9)

8. TỲ-KHEO KHÉO TAY, TƯ DUY CHỨNG ĐẠO:

Thuở nọ có một thanh niên khéo tay, xuất gia trong Phật pháp. Mỗi khi ông đến tinh xá nào, chúng Tăng đều nhờ ông xây cất tinh xá, phòng ốc không ngày nào được nghỉ ngơi. Quá mỏi mệt, ông suy nghĩ:

- Ta phải toạ thiền tư duy, xưa Phật còn tại thế vẫn dạy các Tỳ-kheo toạ thiền tư duy, không được buông lung.

Tỳ-kheo liền đến chỗ Tôn giả Ưu-ba-cấp-đa đảnh lễ rồi chắp tay thưa:

- Đức Phật đã Niết-bàn, đại đức đang làm Phật sự, xin hãy nói pháp cho con nghe.

Nhìn thấy ông ta sợ sanh tử nhưng nhân duyên chưa đủ, lại giỏi xây dựng, thân thể mệt mỏi, không thể tu hành nên Tôn giả bảo:

- Nếu ông vâng theo lời ta, ta sẽ thuyết pháp cho ông nghe.

Tỳ-kheo đáp: Thưa vâng.

Tôn giả bảo:

- Nơi nào chưa có chùa, ông hãy đến đó xây cất. Xưa kia Phật đã từng bảo, đó là công đức thanh tịnh.

Tỳ-kheo thưa:

- Bạch đại đức! Khi ở nước Ma-thâu-la, con không biết ai tinh tấn, ai không tinh tấn?

Tôn giả hỏi:

- Sáng sớm ông có thể đắp y mang bát vào thành không?

- Dạ được!

Sáng hôm sau, Tỳ-kheo vào thành, gặp một vị trưởng giả đi ra. Vị này chưa từng gặp Tỳ-kheo bao giờ, nhưng hôm nay trông thấy Ngài liền đảnh lễ, hỏi:

- Bạch đại đức, có phải Ngài từ phương xa đến không?

- Tôi từ phương Đông đến.

- Ngài đến có việc gì?

Tỳ-kheo kể rõ mọi chuyện, trưởng giả bảo:

- Bạch đại đức, Ngài không cần suy tư, tôi sẽ giúp Ngài lo mọi chuyện.

Bấy giờ Tỳ-kheo cùng trưởng giả cầm dây đo đất tìm chỗ cất chùa. Dây chưa chạm đất, Tỳ-kheo suy nghĩ: “Đây là những việc làm công đức”. Ông liền trừ được tất cả những phiền não, chứng quả A-La-hán.

(Trích kinh A-Dục Vương quyển 9)

9. GIẶC CƯỚP GIẢ LÀM TỲ-KHEO, GẶP PHẬT NGỘ ĐẠO:

Thuở nọ, Phật ở nước Xá-vệ, bấy giờ tại nước Câu-tát-la, vua Ba-tư-nặc ra lệnh cho cai ngục đưa những kẻ phạm tội trộm cướp, chiếu theo luật dẫn đến chợ chém đầu. Khi ấy trong bọn chúng có một tên trộm trốn thoát, ngoài giả mặc Pháp phục, lén làm Sa-môn nhưng trong lòng không suy nghĩ, lại cho rằng mình đã mãi xa lìa nạn ách, không còn lo sợ. Hắn đến chỗ vắng vẻ, nhưng không tư duy đạo lý, không tụng tập kinh giới, luật nghi thiền tụng. Vì vậy, hắn không chứng quả, cũng không gắng cầu chứng quả. Đức Phật bảo người ấy tuy đã thoát nạn giặc cướp sanh tử nhưng còn nỗi lo sợ khác. Đó là thân ngũ ấm xí thạnh xoay vần trong năm cõi, không được giải thoát, bị các kiết sử kiến chấp tổn hại sẽ rơi vào con đường ngạ quỷ súc sanh.

Bấy giờ Tỳ-kheo kia ở nơi chỗ thanh vắng, xét lại mình, thầm trách bản thân và hiểu ra được vạn vật đều vô thường, sống chẳng bao lâu, cuối cùng rồi cũng chết, thịnh suy biến đổi. Điều ấy đã có lâu rồi.

Ông đến trước Phật sám hối trách tâm, sau đó chứng quả A-La-hán.

(Trích kinh Thuyết Thiết Vi Sa-môn)

10. TỲ-KHEO THAM ĂN, QUÁN SÁT ĐẮC ĐẠO:

Bấy giờ ở nước Ma-thâu-la có một thanh niên đến chỗ Ngài Ưu-ba-cấp-đa xin xuất gia. Vì Tỳ-kheo tham ăn nên không thể đắc đạo.

Tôn giả Ưu-ba-cấp-đa bảo:

- Sáng mai ta sẽ ăn cơm với ông.

Đến giờ ăn, tôn giả lấy một cái bát đựng đầy cháo, rồi lại lấy một cái bát không, đặt trước mặt ông ta và bảo: Ông hãy ăn hết bát cháo này!

Ngài lại nói, ông hãy đợi cháo nguội một chút rồi ăn.

Nhưng vị Tỳ-kheo này vì quá tham ăn nên không thể đợi được. Ông ta liền thổi cháo cho mau nguội rồi thưa với tôn giả:

- Cháo đã nguội rồi, xin mời Ngài cùng ăn.

Tôn giả bảo:

- Cháo sữa tuy nguội nhưng tâm ông còn nóng, ông hãy làm cho nó nguội đi. Hãy lấy pháp quán bất tịnh làm nước để dập tắt tâm nóng nảy đó. Nhìn thấy thức ăn hãy tưởng như thuốc uống.

Tỳ-kheo ăn xong liền mửa ra đầy cái bát không.

Tôn giả Cấp-đa hỏi:

- Ông có thể ăn lại được không?

- Đã bất tịnh rồi, làm sao ăn lại được nữa.

Tôn giả lại bảo:

- Ông hãy quán tất cả pháp như nước mắt, đờm giãi.

Tôn giả thuyết pháp cho ông nghe. Ông tinh tấn tư duy quán sát và chứng quả A-La-hán.

(Trích kinh A-Dục Vương quyển 9)

11. TỲ-KHEO ĂN XIN HIỆN THẦN LỰC VÀO CUNG KỲ-ĐÀ:

Thái tử Kỳ-đà sai người đưa thư thỉnh Phật và chư tăng ngày mai đến thọ trai nhưng không thỉnh Tỳ-kheo ăn mày. Hôm sau, Tỳ-kheo ăn mày vừa đến liền theo Phật và chúng Tăng vào cung thọ trai. Ông dùng thần lực hoá ra các Tỳ-kheo đến cõi Uất-đàn-việt ở phía Bắc, lấy thức ăn tự nhiên, mỗi vị giữ oai nghi bay lên hư không rồi hạ xuống vào cung thái tử, ngồi theo thứ tự.Thấy việc ấy, thái tử tán thán việc chưa từng có và hỏi Phật:

Bạch Thế-tôn! Những bậc Thánh tăng này từ đâu đến?

Phật bảo:

- Đó là năm trăm Tỳ-kheo ăn mày.

Nghe xong, thái tử hết sức hỗ thẹn.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 5)

1*2. BỐN TỲ-KHEO BÀN VỀ KHỔ ĐẾ, GẶP PHẬT ĐẮC ĐẠO:*

Phật ở tinh xá Kỳ-hoàn, bấy giờ có bốn Tỳ-kheo ngồi ở gốc cây hỏi nhau:

- Trong thế gian cái gì là khổ nhất?

- Người thứ nhất đáp: Cái khổ ở thế gian không gì hơn dâm dục.

- Người thứ hai nói: Khổ nhất ở thế gian không gì qua đói khát.

- Người thứ ba tiếp lời, khổ trong thiên hạ không gì hơn sân hận.

- Người thứ tư đáp: Khổ trong thiên hạ không gì hơn sợ hãi.

Rồi họ cùng nhau tranh luận nghĩa của khổ không ngừng nghỉ.

- Biết họ đang tranh luận, Phật đến nơi và hỏi. Họ liền trình bày tất cả sự việc. Phật dạy:

- Những điều các ông tranh luận, không tận cùng được nghĩa của khổ. Thật sự, khổ trong thiên hạ không gì hơn là có thân. Những thứ đói khát, nóng lạnh, sân giận, kinh sợ, oán thù tai họa đều phát xuất từ nơi thân. Thân là cội nguồn của các khổ, là bình chứa tai họa, làm cho tâm mệt mỏi, lo âu ngàn mối. Động vật trong ba cõi, cướp bóc tàn hại lẫn nhau, ta người trói buộc, sanh tử không dừng. Tất cả mọi thứ đều do tâm

gây ra. Nếu các ông muốn lìa khổ của thế gian thì phải cầu giải thoát, nhiếp tâm, giữ gìn chánh niệm, phải tránh vô tưởng mới đắc Niết-bàn. Đây là niềm vui tột đỉnh.

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

- Thời xa xưa lâu lắm, trong vô số kiếp, có vị Tỳ-kheo chứng ngũ thông, tên Tinh Tấn Lực đang ngồi dưới cây, nơi chỗ vắng vẻ tu đạo. Khi ấy, bốn loại chim thú ở xung quanh Ngài đều được an ổn. Đó là: bồ câu, quạ, rắn, nai. Ban ngày chúng đi kiếm ăn, đêm về ngủ lại. Đêm đầu tiên, chúng hỏi nhau:

- Trong thế gian cái gì khổ nhất?

Quạ nói:

- Lúc đói khát, thân gầy yếu, mắt mờ, thần thức không sáng suốt, lao mình vào võng lưới mà chẳng thấy dao nhọn. Chúng ta mất mạng đều do đói. Tóm lại đói khát là khổ.

Bồ câu tiếp lời:

- Lửa sắc dục hừng hực không còn chỗ suy nghĩ, nguy thân mất mạng đều do nó.

rắn độc bảo:

- Tâm sân giận bộc phát thì quen lạ gì cũng có thể giết. Giết người và hại luôn cả chính mình.

Nai nói:

- Tôi ở rừng vắng, tâm thường hồi hợp, lo sợ thợ săn và các loài cọp sói. Hễ thoáng nghe tiếng động là lập tức chạy vào bờ hầm. Mẹ con sợ đến nỗi gan mật không còn. Tóm lại, kinh sợ là khổ.

Nghe vậy, thầy Tinh Tấn lực nói:

- Những điều các ngươi bàn chưa rốt ráo, không tận cùng gốc khổ. Khổ lớn nhất trong thiên hạ không gì hơn có thân. Đó là đồ chứa khổ buồn lo vô lượng. Ta cũng vì vậy mà xuất gia tu đạo, bặt đứt ý tưởng, không tham bốn đại, muốn trừ gốc khổ, chỉ ở Niết-bàn nẽo Niết-bàn vắng lặng không hình tướng, buồn lo đã hết. Đó là sự an lạc tột cùng.

Bốn thú nghe xong tâm liền tỉnh ngộ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo chứng ngũ thông lúc ấy chính là ta, còn bốn thú là bốn người hôm nay vậy. Đời trước đã nghe nghĩa lý của khổ, cớ sao ngày nay lại luận bàn nữa.

Các Tỳ-kheo nghe xong, hỗ thẹn trách mình và ngay trước Phật, họ chứng quả A-La-hán.

(Trích kinh Pháp Cú Thí Dụ)

13. BỐN TỲ-KHEO BÀN VỀ NIỀM VUI, PHẬT CHO LÀ KHỔ, TÂM NGỘ ĐẮC ĐẠO:

Thuở xưa Phật ở tinh xá nước xá-vệ, lúc ấy có bốn Tỳ-kheo tân học đến tọa thiền ở dưới gốc cây Nại, hoa cây nại đẹp rực rỡ, lại thơm. Nhân đó, họ bảo nhau:

- Thế gian muôn việc, cái gì đáng vui?

Một người bảo:

- Vào giữa mùa xuân trăm hoa đua nở, được dạo nơi đồng vắng. Đó là vui nhất.

Người thứ hai nói:

- Bà con tụ họp cùng nâng chén giao hòa, trỗi âm nhạc múa ca. Đây là vui nhất.

Người thứ ba tiếp lời:

- Chứa nhiều của báu, muốn gì khắc được, ngựa xe ăn mặc khác hơn mọi người, vào ra rỡ ràng, khiến người đi đường phải chăm chú nhìn. Đó là vui nhất.

Người thứ tư bảo:

- Được thê thiếp xinh đẹp, trang phục rực rỡ, xông hương ngào ngạt, mặc sức yêu thương. Đây là vui nhất.

- Biết những vị này có thể độ, Phật đến thuyết pháp.

Đây mới là khổ nhất. Xưa có vị vua tên Phổ An cùng với bốn vị vua nước láng giềng kết làm bạn thân. Một hôm, ông mời bốn vị vua này dự yến, cứ mỗi nửa tháng một lần ăn uống vui chơi. Đến ngày chia tay, vua Phổ An hỏi:

- Người ở thế gian lấy gì làm vui?

Bốn vua đều nói:

- Chúng tôi cùng Ngài đâu ai xa lạ gì, xin hãy nói đi.

Vua Phổ An nói cho họ nghe nguyên nhân của khổ. Bốn vua nghe xong lòng vui vẻ, tin hiểu. Phật bảo:

- Vua Phổ An bấy giờ là thân ta. Bốn vị vua nay là bốn Tỳ-kheo. Trước đây đã tranh luận rồi, nay còn không hiểu. Sanh tử kéo dài bao giờ mới dứt. Bốn vị Tỳ-kheo lại nghe nghĩa này hổ thẹn sám hối, tâm bừng tỏ ngộ chứng quả A-La-hán.

(Trích kinh Pháp Cú Thí Dụ quyển 4)

14. TỲ-KHEO CỨU MẪU THÂN KHỎI ĐỊA NGỤC:

Thuở xưa có một người, từ giã song thân xuất gia học đạo, chứng quả A-La-hán. Ân tình trong các cõi đã hết, ông đi du hoá độ người. Một

hôm, quán thấy mẹ mình trong địa ngục, Ngài liền tìm phương tiện cứu thoát mẫu thân; lại thấy bên cạnh có vị vua hại cha đoạt nước, hơn bảy ngày nữa ông ta sẽ chết, chịu tội chung với mẹ ông. Thế là, ban đêm Tỳ-kheo đến chỗ vua hiện nửa thân mình trên vách. Vua trông thấy kinh sợ liền rút gươm chém đầu, đầu rơi xuống đất, Tỳ-kheo vẫn không nhúc nhích. Nhà vua chợt hiểu ra, cúi đầu sám hối. Tỳ-kheo bảo:

- Đại vương giết cha đoạt nước, phải không?

- Đúng vậy.

- Hơn bảy ngày nữa bệ hạ sẽ mạng chung, đoạ vào địa ngục nên tôi đến báo cho Ngài biết.

Nhà vua tha thiết cầu xin cứu mạng. Tỳ-kheo nói:

- Bây giờ làm công đức lớn sợ không còn kịp nữa, đại vương chỉ cần niệm Nam mô Phật liên tục bảy ngày sẽ được thoát tội.

Nhà vua liền nhất tâm niệm Nam mô Phật liên tục trong bảy ngày, lúc mạng chung thần thức vua vẫn nhớ vào cửa ngục cho nên xưng Nam mô Phật, cửa ngục liền mở, mọi người trong đó đều được thoát ra. Tỳ-kheo nói pháp cho mọi người nghe. Mẹ Ngài, nhà vua cùng tất cả mọi người đều được độ thoát.

(Trích kinh Thí Dụ quyển 10, 12.)

15. TỲ-KHEO VÂNG LỜI THẦY ĐẮC ĐẠO:

Thuở xưa ở vùng nam Thiên Trúc, có một thanh niên tuy xuất gia trong Phật pháp nhưng thân bị ái nhiễm ràng buộc. Ông ta thường lấy dầu xoa thân, lại dùng nước nóng tắm gội hay chứa các loại thức ăn, vì vậy ông không đắc đạo. Sau đó, ông đến chỗ Ngài Ưu-ba-cấp-đa ở nước Ma-thâu-la, đảnh lễ Ngài và thưa:

- Thưa tôn giả, con muốn nghe pháp yếu.

Tôn giả thấy ông bị ái nhiễm ràng buộc nên bảo:

- Nếu ông chịu làm theo lời dạy, ta sẽ nói pháp cho ông nghe.

Tôn giả Ưu-ba-cấp-đa đưa ông vào núi, Ngài dùng thần thông hoá ra một cây to rồi bảo:

- Ông hãy leo lên cây to này!

- Tỳ-kheo liền leo lên. Đứng dưới gốc cây, tôn giả hoá ra một cái hầm to, sâu rộng cả ngàn khuỷu tay, rồi bảo:

- Ông hãy thả hai chân xuống.

Tỳ-kheo làm theo. Tôn giả bảo:

- Ông hãy buông một tay đi.

Tỳ-kheo vâng lời. Tôn giả lại bảo:

- Ông hãy buông một tay nữa.

Tỳ-kheo đáp:

- Nếu buông hai tay thì con sẽ rớt xuống hầm, chết sao?

- Trước đây chúng ta đã giao ước với nhau, mọi việc ông đều nghe theo, sao bây giờ không chịu?

Ngay đó tâm yêu tiếc thân đã dứt, Tỳ-kheo buông tay rơi xuống nhưng không thấy hầm hố đâu cả.

Tôn giả thuyết pháp yếu, Tỳ-kheo tinh tấn tư duy chứng đắc quả A-La-hán.

16. TỲ-KHEO QUÁN XƯƠNG TRẮNG ĐẮC ĐẠO:

Tại nước Ma Thâu La, có một thanh niên theo tôn giả Ưu-ba-cấp-đa xuất gia. Một hôm anh ta nghe Ngài giảng về pháp quán bất tịnh... liền tu theo pháp môn này và cho là mình đã đoạn trừ hết phiền não.

Thấy vậy, Tôn giả bảo:

- Ông hãy tinh tấn chớ sanh ý tưởng biếng nhác.

Tỳ-kheo đáp:

- Con đã chứng quả A-La-hán rồi.

Tôn giả hỏi:

- Vậy ông có thấy cô gái nấu rượu (đời Lương dịch là Địa Trì) ở nước Càn Đà La không? Cô gái này tự nói đắc đạo cũng giống như ông. Phiền não chưa đoạn mà tự nói đoạn rồi. Đó là tăng thượng mạn. Bây giờ ông hãy quán xem cô gái này đã đắcđạo chưa?

- Con chưa hề thấy. Con muốn đến nước đó.

Tôn giả liền cho phép ông đi.

Tỳ-kheo đến nước Càn Đà La, vào chùa Thổ Thạch nghỉ ngơi. Sáng sớm Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào xóm khất thực. Lúc đó cô gái nấu rượu lấy thức ăn muốn cúng dường cho Ngài. Tỳ-kheo thấy cô gái, tâm ái dục nổi lên, liền tự lấy bánh sữa đưa cho cô. Cô gái nhìn ông ta, tâm dâm dục cũng nổi lên, cô cười toe toét. Tỳ-kheo liền nhập vào phép quán bất tịnh, quán thân thể này chỉ là một đống xương trắng và chứng quả A-La-hán.

(Trích kinh A Dục Vương quyển 10)

17. TỲ-KHEO TỰ TỨ THỌ LẠP ĐẮC ĐẠO:

Thuở nọ, Phật an cư ba tháng ở nước Xá-vệ, đến ngày mừng tuổi hạ, Ngài bảo tôn giả A-nan đánh kiền chùy. Tiếng kiền chùy vang khắp nước chư Phật, tất cả ngạ quỷ, súc sanh và những tội nhân đang chịu

khổ trong địa ngục nghe âm thanh này, đều thoát khỏi khổ đau. Lúc đó Phật bảo:

- Tỳ-kheo các ông, hãy bắt đầu phát thẻ xá-la, mỗi người tự bày tỏ lỗi lầm của mình cho người đối diện nghe; phải thanh tịnh thân, khẩu, ý trừ sạch hết tất cả tâm tưởng xấu.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy... thực hành xong, họ trở về chỗ ngồi của mình. Với lòng từ mẫn, Đức Phật hướng về các Tỳ-kheo chấp tay, nói:

- Tuy ta là bậc vô thượng chí chân không phạm lỗi gì nhưng cũng phải thực hành để hướng dẫn mọi người.

Với tất cả lòng yêu thương, Phật lần lượt sám hối đại chúng, rồi Ngài trở về nơi nệm cỏ. Phật vừa ngồi xuống, tất cả Thánh cúng cũng làm như vậy rồi họ trở về chỗ cũ.

Lúc ấy một vạn Tỳ-kheo đắc sơ quả, tám ngàn Tỳ-kheo chứng đắc A-La-hán.

(Trích kinh Minh Tự Tứ Thọ Lạp Sự Xuất Tân Tuế).

18. PHẬT ĐỘ TỲ-KHEO HAM NGỦ CHỨNG ĐẠO:

Thuở xưa Phật ở tinh xá Kỳ Thọ, Ngài bảo các Tỳ-kheo siêng năng tu tập loại trừ các ấm cái.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo ăn no rồi vào thất đóng cửa ngủ, ung dung thoải mái, không hề quán vô thường, không kể ngày đêm. Đức Phật quán xét, thấy mạng sống ông chỉ còn bảy ngày nữa nên Ngài thương xót, vào thất khai thị, nói pháp mầu cho ông nghe. Nghe xong, Tỳ-kheo bừng tỉnh, cúi đầu làm lễ đức Phật.

Phật bảo:

- Vào thời Phật Duy Vệ, ông đã từng xuất gia nhưng vì tham lợi dưỡng, yêu mến thân mà không chịu nghĩ đến kinh kệ, giới luật, cứ mãi ăn ngủ, chẳng quán vô thường. Đến khi chết, thần thức sanh vào loài sâu, mọt... chui rúc trong thân cây. Mỗi loại sống suốt năm vạn năm. Bốn loài sâu ấy đều lớn lên trong bóng tối, yêu tiếc thân mạng, thích ở nơi kín đáo làm nhà, không ưa ánh sáng. Khi ngủ thì cả trăm năm mới thức dậy, mãi cuộn mình trong kén, không muốn thoát ra. Nay tội đã hết, được làm Sa-môn, tại sao vẫn còn ham ngủ không biết chán?

Tỳ-kheo nghe Phật quở trách dứt hẳn năm cái, chứng quả A-La-Hán.

(Trích kinh Pháp Cú Thí Dụ quyển 3)

19. TỲ-KHEO ĐANG NGỦ THẤY HIỆN HẦM SÂU, LO SỢ MÀ ĐẮC ĐẠO:

Ở nước Ma-thâu-la có một thanh niên theo tôn giả Ưu-ba-cấp-đa xuất gia. Ông ta thường ham ngủ. Có lúc ngủ trong giờ nghe pháp, cho đến ngủ luôn khi tọa thiền dưới gốc cây. Thấy vậy, tôn giả Cấp-đa vận thần thông hóa ra những cái hầm to lớn, sâu một ngàn khuỷu tay vây quanh ông ta. Khi thức dậy, Tỳ-kheo trông thấy hầm sâu, lòng hoảng sợ. Tôn giả lại hoá ra một con đường để ông đi qua, Tỳ-kheo liền theo đó đi ra ngoài đến chỗ tôn giả Cấp-đa. Tôn giả bảo ông đi trở lại con đường đó.

Tỳ-kheo đáp:

- Ở đó có hầm sâu.

Hầm sâu này đâu có bao lớn, hầm sâu sanh tử mới là to. Ấy là sanh, lão, bệnh, tử, lo buồn khổ não. Nếu người không thông tứ đế thì sẽ rơi vào trong đó.

Tỳ-kheo nghe xong liền trở lại cội cây ngồi kiết già, tâm cứ sợ rơi xuống hầm sâu nên không dám ngủ. Vì lo sợ nên ông tinh tấn tư duy, trừ các phiền não và chứng đắc A-La-hán.

(Trích kinh A-Dục Vương quyển 9)

20. TỲ-KHEO ĂN NHIỀU ĐẮC QUẢ A-LA-HÁN:

Thuở xưa, có một con voi cái tên Ma Trà từng chở xá-lợi của Phật đến nước Kế Tân, nhờ căn lành ấy nên sau khi chết, nó được làm người, xuất gia tu tập chứng quả A-La-hán. Tỳ-kheo này do ăn một hộc cơm được bát- Niết- bàn, nên ông bảo các Tỳ-kheo-ni:

- Các vị hãy nhóm họp lại đây, tôi sẽ nói pháp thù thắng mà tôi đã chứng cho các vị nghe.

Các Tỳ-kheo-ni không tin lời ông. Ông lại bảo:

- Các vị hãy tin tôi, đời trước tôi là một con voi cái, bỏ thân voi kia liền được thân này, có thể ăn một hộc năm đấu cho đến nhiều hơn nữa. Như thế, tuy là ăn nhiều nhưng lại dễ no. Từng nghe vua Ba Tư Nặc một lần ăn hai hộc cơm là vì nhân duyên công đức của ông ta. Giống như một hạt gạo, một cây mía ngày một sinh sôi nảy nở. Ông đã ăn biết bao nhiêu cơm cho nên thân thể càng béo phì to lớn.

Một hôm, vua đến chỗ Phật, Phật hỏi:

- Thân hình đại vương to lớn như vậy, ông có mệt không?

Vua Ba-tư-nặc sanh lòng hỗ thẹn liền nói rõ với Phật.

Phật nói kệ:

Người nên có chánh niệm,
Ăn uống vừa biết đủ.
Như thế không gặp khổ
Dễ tiêu lại sống lâu.

Vua Ba-tư-nặc nghe Phật dạy, từ đó ông bớt ăn. Về sau, ông chỉ ăn một hộc cơm.

(Trích A Tỳ Đàm Tỳ Bà Sa quyển 22)

21.TỲ-KHEO BỆNH LÂU NGÀY ĐƯỢC PHẬT CHĂM SÓC:

Thuở nọ, đức Phật ở nước Xá-vệ, có vị trưởng giả đến thỉnh Phật và chúng Tăng thọ trai. Tất cả chúng Tăng đều đi, riêng Phật ở lại tinh xá, sai người đến lấy thức ăn. Tại sao Phật không đi thọ trai, điều này có hai nguyên nhân:

1. Ngài muốn ở lại thuyết pháp cho chư Thiên nghe.
2. Để chăm sóc bệnh nhân.

Khi tất cả các Tỳ-kheo đều đi thọ trai, đức thế-tôn mới lấy chìa khoá đến mở cửa phòng, Ngài trông thấy một Tỳ-kheo bị bệnh nằm liệt giường, không thể trở mình đại tiểu tiện.

Thế-tôn ân cần hỏi:

- Ông bị bệnh sao vậy?

Tỳ-kheo khẽ đáp:

- Con tâm tánh ngu muội thường biếng nhác, trước đây con không khuyên người chăm sóc bệnh nhân cho nên bây giờ không ai chăm sóc con, con cảm thấy thật cô đơn, không có người nhờ cậy.

Thế-tôn thương xót đỡ ông ta ngồi dậy, Ngài đích thân dọn các thứ bất tịnh, giặt giũ toạ cụ, lấy nước lau mình, thay áo cho Tỳ-kheo. Đổi tọa cụ mới xong, Ngài đưa ông trở lại giường, vừa xoa bóp cho Tỳ-kheo Phật vừa khuyên nhủ:

- Ông hãy gắng cầu pháp tăng thượng. Nếu không, sau khi chết sẽ khổ sở hơn nữa.

Đức Thế-tôn nhẹ tay xoa bóp cho Tỳ-kheo và thuyết pháp khích lệ, khiến ông phấn chấn lên. Khi tăng chúng thọ trai về, Ngài bảo:

- Tỳ-kheo các ông không có cha mẹ, anh em, cũng không có chị em dòng họ thì phải biết chăm sóc cho nhau mới hợp lẽ. Pháp của ta dạy trên dưới phải hòa đồng. Kể từ hôm nay đệ tử hầu thầy như chăm sóc cha mẹ đến chết không bỏ, còn thầy phải chăm sóc đệ tử như con, tuỳ thời lo lắng, không được bỏ phế. Có như thế tình cảm thầy trò mới khăng khít, được vật gì phải bình đẳng chia nhau. Nếu không có thì phải

đi khắp nơi khất thực. Người chăm sóc bệnh nhân chính là chăm sóc ta, công đức có được cũng không hề sai khác.

Bấy giờ Tỳ-kheo bệnh chuyên tâm tư duy, khoảnh khắc xả báo thân, vào vô dư Niết-bàn.

(Trích kinh Phật Khán Tỳ-kheo Bệnh Bất Thọ Trưởng Giả Thỉnh)

22. NHỜ SỢ NÊN ĐẮC ĐẠO:

Thuở ấy, ở nước Ma-thâu-la có một thanh niên theo tôn giả Ưu-ba-cấp-đa xuất gia. Xuất gia xong, ông ta thích ngủ. Thấy vậy, tôn giả hóa ra một con quỷ có bảy đầu, tay nắm lấy cành cây, treo mình lơ lửng trên không. Tỳ-kheo trông thấy hết hồn, sợ quá nên chạy về chỗ của mình. tôn giả bảo:

- Ông hãy trở lại ngồi thiền đi.

Tỳ-kheo thưa:

- Bạch hòa thượng, ở trong rừng đó có con quỷ bảy đầu đang ở trước mặt con, tay nắm cành cây treo lơ lững trên không trung. Thật đáng sợ.

Tôn giả nói:

- Con quỷ đó không đáng sợ, ham ngủ mới đáng sợ. Nếu ông bị con quỷ đó giết, ắt hẳn không rơi vào sanh tử. Nhưng nếu bị ngủ nghỉ sát hại thì sanh tử vô cùng tận.

Tỳ-kheo trở về chỗ ngồi thiền lại thấy con quỷ ấy. Vì lo sợ quỷ nên ông không dám ngủ, tinh tấn tư duy và đắc quả A-La-hán.

(Trích kinh A Dục Vương quyển 10)

23. TỲ-KHEO BỊ CHUYỆN XẤU ĐƯỢC THIÊN THẦN GIÚP ĐỠ:

Bấy giờ Phật đang cư ngụ ở nước Xá-vệ, khi ấy có một Tỳ-kheo sống riêng trong rừng tại Cấu-tát-la. Vị Tỳ-kheo này thường đùa cợt cùng với vợ con của trưởng giả, gây nên tiếng xấu nên ông ta nghĩ mình nên tự sát thôi.

Trong rừng có vị thiên thần biết được ý định của Tỳ-kheo, ông liền hoá ra con gái của trưởng giả, đi đến bảo với Tỳ-kheo rằng: "Nay người đời bỗng nhiên đồn tiếng xấu cho Ngài với tôi, họ nói tôi với ông gần gũi với nhau, rồi làm những chuyện sai trái. Đã lỡ mang tiếng với đời rồi thì ông nên hoàn tục để cùng ta chung sống hưởng thú vui".

Vị Tỳ-kheo đáp: "Chính vì gây nên tiếng xấu này nên tôi nay phải

tự sát".

Nghe vậy, vị thần liền hiện ra nguyên hình và nói kệ khuyên Tỳ-kheo:

Tuy nhiều tiếng xấu
Phải nên nhẫn chịu
Đừng tự hại mình
Cũng đừng phiền não.

Tỳ-kheo nghe vậy mới tỏ ngộ, đoạn trừ phiền não, chứng quả A-La-hán.

(Trích kinh Tỳ-kheo Tị Nữ Ác Danh Dục Tự Sát)

24. NGƯỜI PHẠM TỘI NGHỊCH ĐƯỢC GIÁO HOÁ:

Có một người lỡ tay giết mẹ mình, sau đó đến ngồi dưới gốc cây buồn khóc sầu thảm, than van chẳng biết làm sao, tự trách mình tạo nên tội đại nghịch, đi giết mẹ mình, đáng đoạ vào địa ngục.

Đáng lẽ người ấy phải bị vương pháp gia hình, nhưng vì được Bồ-tát Phổ-thủ quán thấy nhân duyên đã đến, người ấy phải được độ. Bồ-tát liền hoá làm một dị nhân, dắt cha mẹ của mình đi đến chỗ người giết mẹ, rồi dừng lại bên đường cách đó không xa.

Cha mẹ bảo người con ấy: "Đây là đường chính".

Người con lại bảo không phải. Người con tỏ vẻ giận dữ, rồi giết chết cha mẹ mình. Giết xong, ông ta lại kêu khóc nhưng không thể giải cứu, hoá thân Bồ-tát liền tìm đến chỗ người giết mẹ để thú tội: "Tôi giết cha mẹ, phải đọa địa ngục, giờ tôi không biết phải làm sao đây?"

Người giết mẹ kia nghe xong thì liền nghĩ: "Ta chỉ giết mẹ, còn người kia lại giết cả cha lẫn mẹ. Anh ta thật là ngu si, không tội nào bằng. Ta nay, tuy là đã lỡ gây nên nghịch tội nhưng vẫn còn đỡ hơn anh ta. Biết tội anh ta phải chịu, ta cảm thấy tội mình nhẹ hơn".

Hoá thân Bồ-tát buồn bã, ông nói sẽ tìm đến gặp Phật, nếu không có ai cứu mình thì chỉ có đức Phật có thể tìm cách cứu cho; nếu mình lo sợ thì Ngài có thể khuyên giải, ta sẽ vâng làm theo lời Phật dạy. Nói xong, hoá thân Bồ-tát vừa khóc vừa đi, người giết mẹ kia cũng lẽo đẽo theo sau và ông nghĩ rằng: "Nếu người kia biết sám hối tội lỗi thì ta cũng làm thế. Tội ta còn nhẹ, tội anh ta rất nặng".

Hóa thân đi đến chỗ Phật, cúi đầu sát đất bạch: "Bạch đức Thế Tôn, con đã tạo tội nghịch rất nặng, giết hại cả song thân".

Phật bảo với hoá thân Bồ-tát: "Tốt lắm! Tốt lắm! Ngươi thật là chí thành, không có nói dối, lời nói hợp với việc làm. Ngươi đến trước

Như Lai mà nói lời chí thành, miệng không hai lưỡi, cũng không làm tổn thương đến mình. Vậy ngươi nên quán xét tâm mình xem nên lấy cái tâm nào? khi ngươi giết cha mẹ, ngươi dùng tâm quá khứ, tâm vị lai hay tâm hiện tại? Nếu như dùng tâm quá khứ thì nó đã qua rồi, nếu dùng tâm hiện tại thì nó đã đi mất, đâu có mặt mày, chẳng rõ ở đâu. Nếu dùng tâm vị lai thì tâm ấy chưa đến, không có chỗ bám víu, chưa thấy trở đi, cũng chẳng qua lại. Ngươi nên biết đó! Tâm cũng chẳng ở trong thân, cũng chẳng ở ngoài thân, không ở ngoại cảnh, không trụ hai bên, không ở chặng giữa". (văn nhiều lược bớt)

Nghe vậy, hoá thân Bồ-tát tán thán: "Thật chưa từng có! Như Lai đã thành bậc tối chánh giác, biết rõ pháp giới không có người làm, không có người nhận, không có sinh ra, không có chết đi, không có nơi y cứ. Nay xin đức Thế Tôn cho con được xuất gia. Nhờ Ngài, con được làm Sa-môn, thọ giới cụ túc".

Phật dạy: "Thiện lai Tỳ-kheo!"

Tức thời hóa thân Bồ-tát biến thành Sa-môn. Sa-môn lại bạch Phật: "Con đã chứng thần thông, giờ cho con nhập Niết-bàn".

Nhờ oai thần của đức Phật nên hoá thân Bồ-tát diệt độ ngay trên không trung, cách mặt đất bốn trượng chín thước. Trong thân phát ra lửa rồi dùng lửa thiêu thân. Nghịch tử kia thấy thế lòng tự nghĩ thầm: "Người kia vừa làm Sa-môn, Sa-môn liền được diệt độ, ta hãy bắt chước người ấy".

Nghĩ thế, ông liền đi đến chỗ Phật đảnh lễ sát đất và tự thú tội của mình: "Bạch đức Thế Tôn, con cũng đã tạo nghịch tội, con đã giết mẹ của con".

Phật dạy: "Tốt lắm, con đã chí thành không dối trá, lời nói hợp với việc làm".

Ngay lúc ấy thì các lỗ chân lông của người ấy bị lửa nóng của địa ngục thiêu đốt, đau đớn vô cùng, không biết phải làm sao tự cứu mình, ông liền bạch Phật: "Nay con bị lửa thiêu đốt thế này, chỉ có đức Phật là bậc Thiên trung thiên mới cứu con được".

Thế Tôn liền đưa cánh tay sắc vàng xoa lên đảnh đầu người ấy lửa liền tắt ngay. Người ấy nhìn thân Phật, thấy các tướng hảo của Ngài thì nỗi đau trong thân liền dứt và được an ổn. Ông ta đến trước đức Phật bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn, xin Ngài cho con xuất gia làm Sa-môn".

Đức Phật nhận lời, và cho xuất gia. Ngài nói pháp Tứ đế cho ông ta nghe, ông liền xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. phụng hành

theo lời Phật dạy, không bao lâu ông chứng quả Bất-hoàn.

Sau khi chứng quả A-La-hán xong, ông đến xin Phật nhập Niết-bàn. Đức Phật cho phép, ông liền bay lên không trung cách mặt đất bốn trượng chín thước, dùng lửa Tam miệu tam bồ đà da. Tam Muội do thân phát ra để thiêu thân.

Trăm ngàn thiên nhân ở các cõi trời cùng nhau đến cúng dường. Tôn giả Xá-lợi-phất lại bạch Phât: “Ân đức Như Lai thí pháp khiến cho kẻ phạm tội nghịch cũng được độ. Chỉ có Như Lai và các vị đại Bồ-tát mới thấu rõ tận căn nguyên rồi theo đó mà cứu độ. Đây là điều chẳng phải hàng Thanh văn hay Duyên Giác làm được”.

Phật dạy: “Quả đúng như thế!”

(Trích kinh Tâm Bổn Tịnh)

25. ÔNG GIÀ TỰ VẪN ĐƯỢC PHẬT CỨU:

Bấy giờ, trong nước Xá-vệ có một lão nghèo, thọ đến hai trăm tuổi, lông mày mọc rậm dài, tai dài quá đầu, răng như vỏ sò, tay dài quá gối. Nhìn bên ngoài thì thấy lão có tướng tốt nhưng ông lại nghèo nàn và khổ sở, cơm không có ăn, áo không có mặc, chân bước khập khiểng muốn tìm gặp Phật thế nhưng người giữ cửa không cho vào. Ông ta liền lớn tiếng nói rằng: “Tôi tuy nghèo nhưng cũng là dân ở xứ này, ngàn năm may mắn lắm mới được gặp Phật để hỏi về tội phước, mong thoát khỏi cái kiếp nghèo nàn này. Tôi nghe đức Thế Tôn có lòng nhân từ ban rải khắp muôn loài, ai cũng được nhờ ơn tế độ. Riêng tôi, quý vị không cho gặp Phật lại còn nói oan cho Phật”.

Đức Phật nghe ông lão trách mắng như thế liền gọi ông ta vào. Ông lão bò dần vào chỗ Phật, đảnh lễ Ngài, lòng nửa buồn nửa vui, kể hết cái nghèo khó của mình và xin được hầu cận đức Phật mười năm. Ông bạch rằng: “Bạch đức Thế Tôn, nay sức con đã yếu, việc đi lại khó khăn, chỉ sợ lúc chết làm nhơ uế cửa Phật, như vậy tội càng thêm nặng. Xin đức Thế Tôn thương xót, không phụ bổn nguyện của con. Được thế, dù có chết con cũng không ân hận. Nguyện cho con nhận ân đức của Thế Tôn ban được trọn vẹn”.

Phật dạy, “Con người sanh ra ai cũng có nhân duyên, nay ta sẽ nói nhân duyên cho ông được rõ. Trong đời trước, ngươi là một vị thái tử con vua Minh Tuệ, đất nước đó rất hùng mạnh, giàu có vô cùng. Trên được cha mẹ yêu quý, dưới được thần dân cung kính. Do vậy, ngươi sanh lòng phóng túng, khinh khi mọi người, tự cao tự đại, mặc tình vơ vét tài sản của nhân dân, số đến trăm ngàn. Nhân dân nghèo nàn là do

bị ngươi vơ vét, ngươi chỉ biết góp chứa nhưng không hề bố thí.

Bấy giờ có vị Sa-môn nghèo tên là Tịnh Chí từ nơi xa đến. Ông cố ý gặp ngươi để cầu xin pháp y, nhưng ngươi một mực không tiếp. Vì ngươi không muốn gặp Tịnh Chí nên đã không cho pháp y mà lại không cho ăn uống gì cả, uổng công Sa-môn ngồi đợi trước cổng mà ngươi không cho. Bảy ngày bảy đêm nhịn đói, mạng sống chỉ còn chút hơi thở. Thấy thế, ngươi lại hết sức vui mừng, rủ người đến xem rồi lấy làm vui thích.

Các quần thần can ngươi: "Vị Sa-môn ấy hiền từ đáng kính, đạo đức hoàn mỹ, lạnh mà không lạnh, đói mà không đói. Sở dĩ Sa-môn đến đây khất thực là vì thương chúng ta mà đến gieo phước mà thôi. Nay thái tử không thí cho ông ta sao còn nỡ xua người ta đến đổi cùng cực vậy. Xin Ngài ra lệnh đuổi ông ấy đi, chớ làm tội người ta".

Thái tử nói: "Đây là người nào mà lại dối xưng là đạo sĩ, ta thử làm khó ông ta một tý chứ không để cho ông ta chết đâu. Bây giờ thả ông ta đi đừng làm phiền ta nữa".

Nói xong liền ra lệnh đuổi ông ta ra khỏi nước, cách biên giới hơn mười dặm, bỗng gặp bọn cướp đói muốn giết vị Sa-môn để ăn thịt. Sa-môn nói: "Tôi là Sa-môn nghèo đói, tấm thân chỉ còn da bọc lấy xương, thịt tanh không đáng cho quý vị dùng, có giết cũng uổng mà thôi không giúp gì cho quý vị đâu".

Bọn giặc đáp: "Ta bị cái đói hoành hành đã nhiều ngày rồi, chỉ biết cạp đất mà ăn thôi. Ngươi tuy gầy yếu nhưng cũng còn chút thịt, ta không thả ngươi đâu nên chờ chết đi!"

Trước đó, thái tử hay tin Sa-môn sắp bị bọn cướp giết thì đuổi theo nghĩ: "Ta đã không cho ông ta cơm áo, giờ để giặc cướp giết ông ta ư?"

Bọn giặc thấy thái tử đến, họ đều cúi đầu tạ tội. Thái tử liền ra lệnh thả Sa-môn đi.

Vị Sa-môn lúc bấy giờ là Di-lặc. Vì lẽ ấy mà ngày nay ngươi phải chịu quả báo nghèo nàn, do ngươi tham lam keo kiệt. Còn ngươi sống lâu là vì ngươi đã cứu mạng Sa-môn. Tội phước mỗi mỗi đều phân minh như bóng theo hình".

Ông lão nói: "Việc đã qua như thế, ngày nay xin chấm dứt. Mong Ngài cho tấm thân già sắp chết này được xuất gia làm Sa-môn, đời đời kiếp kiếp về sau được hầu cận đức Thế Tôn".

Phật dạy: "Lành thay!"

Đúng lúc đó thì râu tóc của lão rụng hết, pháp y mang vào thân,

tăng thêm sứ lực, tai mắt minh mẫn, nhập vào Tam muội, dùng kệ ngợi khen đức Phật:

Xưa ta là cùng tử
Chẳng có lòng nhân nghĩa
Ỷ giàu tự buông lung
Lúc làm đại quốc vương
Tự do không tội phước
Cho mạng sống lâu bền
Uổng ngộ lầm sinh tử
Nay chịu tai ương này
Từ tội lại được giúp
Nay gặp đức Thế Tôn
Giải thoát hết tội cũ
Sắp chết vào cửa pháp
Dứt hẳn tâm xan tham
Hưởng bền căn trí tuệ
Đời đời không xa Phật
Vạn kiếp mãi như vậy.

Nói kệ xong, ông lễ Phật rồi lui ra.

(Trích kinh Bần Cùng Lão Ông)

26. THẤY CHUYỆN NHÂN QUẢ NÊN CHỨNG ĐẠO:

Ở nước Ma-thâu-la có một cậu bé xuất gia với tổ Ưu-ba-cấp-đa. Tổ thuyết pháp cho nghe, vị Tỳ-kheo ấy tinh tấn thiền định nên chứng quả Tu-đà-hoàn. Tâm ông không còn phóng dật, thoát khỏi đường ác, còn sanh lên xuống trời người bảy lần, hưởng mọi thú vui hai cõi, sắp nhập Niết-bàn. Tổ biết ý Tỳ-kheo này nên cùng ông ta vào nước Ma-thâu-la, thứ lớp khất thực. Khi vừa đến nhà của người Chiên-đà-la, trong nhà này có người con đắc quả Tu-đà-hoàn đang bị bệnh nặng, toàn thân bị dòi ăn, hơi thở hôi thối. Khi ấy tổ bảo người đệ tử: "Ngươi hãy quan sát đứa trẻ này, nó đã đắc quả Tu-đà-hoàn mà còn chịu quả khổ như thế"

Tổ liền nói kệ:

Sanh làm Chiên-đà-la
Đắm vui trong tam giới
Bị trùng độc ăn thân
Vì thích được tự tại
Sanh tử không có thật

Giống như rừng chuối kia.

Vị Tỳ-kheo kia hỏi tổ: "Sao đã chứng quả Tu-đà-hoàn mà còn chịu cái khổ này?

Tổ bảo:

"Người này đời trước xuất gia. Khi chúng Tăng đang toạ thiền, ông ta làm Duy-na. Có một vị La-hán bị bệnh độc, gãi kêu thành tiếng. Vị Duy-na bảo: "Trùng độc ăn ông, gãi kêu to tiếng quá!

Nói xong, ông liền kéo tay vị La-hán ra ngoài và nói: "Ông hãy vào trong nhà Chiên-đà-la đi".

Vị La-hán bảo: "Ông nên tinh tấn, chớ để luân hồi sanh tử mãi khổ đấy!"

Duy-na liền sám hối vị La-hán, sám hối xong ông ta chứng quả Tu-đà-hoàn. Thế nhưng, ông ta cũng không chịu tinh tấn tu tập, nay đứa bé này. Vì tội đuổi bậc La-hán nên đời nay phải thọ sanh trong nhà Chiên-đà-la chiụ quả báo".

Vị Tỳ-kheo nghe tổ nói thế thì sanh tâm sợ hãi, liền siêng năng tinh tấn tu tập nên chưng quả A-La-hán.

(Trích kinh A-dục Vương quyển mười)

27. HẠNH NÀO QUẢ NẤY:

Ngày xưa, có hai vị Tỳ-kheo đều trì giới, có trí tuệ, chứng quả Tu-đà-hoàn. Một vị chuyên đi xin thức ăn để cúng dường cho Tỳ-kheo tăng và những người nghèo khó. Còn vị kia thì chuyên ngồi thiền tự giữ tâm mình. Vị ngồi thiền bảo với Tỳ-kheo đi xin: "Sao huynh không ngồi thiền để giữ tâm ý mà tự dưng chịu cần khổ như thế?"

Vị kia đáp:

"Hiền giả, đức Phật có dạy: Làm Tỳ-kheo cũng nên bố thí, nếu không đời sau chịu cảnh nghèo nàn".

Về sau, cả hai vị Tỳ-kheo đều chứng quả A-La-hán

Vị Tỳ-kheo bố thí đời trước nay là con cư sĩ Bà-la-môn, do đời trước đi xin để bố thí cho nên nay được trông nom đồ vật của tăng, tự giữ y phục, thức ăn, ngày ngày cung cấp cho họ. Còn Tỳ-kheo đời trước chỉ tự giữ tâm ý kia, nay làm con của người đầy tớ gái, lại làm Sa-môn khất thực mà người ta không cho, thường chịu nhiều đói khát. Cho nên phải trì giới bố thí, không nên tự giữ.

(Trích kinh Thí Dụ quyển ba)

28. SA-MÔN VỌNG TƯỞNG ĐƯỢC PHẬT HOÁ ĐỘ:

Lúc đức Phật còn tại thế, có một đạo nhân ngồi dưới gốc cây ở bên bờ sông để tu tập. Thế nhưng ông không trừ được vọng tưởng, tâm ý tán loạn không thể nhiếp phục, thường nghĩ đến sáu món dục. Tuy thân ngồi yên một chỗ nhưng tâm ý thì bay đi khắp nơi, chưa hề dừng nghỉ. Vì thế, suốt mười hai năm trời mà không chứng đạo quả.

Bấy giờ đức Phật quán thấy vị này cơ duyên đã đến, Ngài sẽ độ cho ông ta. Phật liền hoá làm một vị Sa-môn đi đến chỗ của vị đạo nhân, cùng đạo nhân ngủ qua đêm ở dưới gốc cây. Trong khoảnh khắc, trăng lên sáng tỏ, có con rùa từ dưới sông bò lên gốc cây, lại có con rái cá đói đang tìm kiếm thức ăn. Khi hai con vật gặp nhau thì chú rái cá muốn bắt rùa ăn thịt, thế nhưng rùa rút đầu, đuôi và chân vào trong chiếc mai của mình, vì vậy rái cá không thể ăn được. Đợi rái cá bỏ đi, rùa mới thò đầu và chân ra, bò về nơi cũ nên được thoát nạn.

Bấy giờ hoá thân Sa-môn bảo với đạo nhân rằng: "Ta nghĩ người đời không bằng con rùa này, bởi nó có áo giáp để bảo vệ thân mạng của mình, khiến cho rái cá không thể hại được.

Người đời vô tri, tâm phóng túng theo lục tình, khiến cho thiên ma theo dõi để tìm cơ hội làm hại. Do không rõ sanh tử nên chịu luân chuyển trong các nẽo chuốc lấy khổ não. Nói xong, đức Phật dùng kệ khuyên bảo, khuyến tấn đạo nhân. Nghe lời Phật dạy xong, ông ta liền cắt đứt tham dục, chứng quả A-La-hán, lúc đó mới biết vị hoá thân Bà-la-môn chính là đức Phật, ông kính cẩn sửa sang y phục và đảnh lễ Thế tôn.

(Trích kinh Pháp Cú Thí Dụ quyển hai)

29. SA-MÔN LÀM VỠ TRỤ:

Có vị Sa-môn làm Ma-ba-lợi trông coi cơm nước cho các Tỳ-kheo. Lúc ông phân sữa thì bị dính vào tay, ông lấy tay bôi vào trụ, cột trụ ấy liền vỡ ra.

(Trích kinh Thí Dụ)

30. ĐI ĐẠI TIỆN KHÔNG KHẢY MÓNG TAY LÀM NƯỚC BẮN VÀO MẶT QUỶ:

Có Sa-môn đi tiểu tiện mà không khảy móng tay làm nước tiểu bắn vào mặt của quỷ. Quỷ giận quá, muốn giết vị Sa-môn này, nhưng vì vị này là người trì giới, quỷ theo dõi tìm lỗi để hại ông nhưng không tìm được. Về sau, Sa-môn làm Ma-ba-lợi, có người đem đồ vật cúng dường

cho vị tăng này, lúc ấy ông thọ nhận và chứng quả A-La-hán ngay trên toà ngồi.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ quyển một)

31. SA-MÔN MỞ CỬA, NĂM NGÓN TAY PHÁT RA LỬA:

Có hai vị Sa-môn, lúc đầu cùng nhau học đạo và ở chung phòng. Một vị nghĩ: "Sa-môn kia tánh xấu, ta không thể ở chung". Ông liền bỏ đi qua nước khác.

Về sau, vị này trở về lại xem người kia đã đắc đạo hay chưa. Trời tối, vị này đến phòng, Sa-môn kia mở cửa và mời ngồi. Khi ông ta đưa tay mở cửa thì năm đầu ngón tay phát ra lửa. Vị Sa-môn khách hết sức kinh hãi, khen Sa-môn kia đã chứng đạo.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ quyển một)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 19

1. Y-LỢI-SA XAN THAM ĐƯỢC TRỜI ĐẾ THÍCH CẢM HOÁ:

Xưa có Bà-la-môn tên Y-lợi-sa, gia đình giàu có, của cải nhiều vô số nhưng lại tham lam keo kiệt, không dám tiêu xài. Bấy giờ, bên cạnh nhà ông có gia đình của một ông lão nghèo nàn, nhưng đời sống

lại thoải mái, tiệc tùng liên miên, khách khứa lui tới rất đông đảo. Bà-la-môn này thầm nghĩ: "Nhà ta giàu có, tiền của vô số nhưng đời sống lại thua lão già này"

Nghĩ xong, ông ta liền giết con gà và nấu một nồi cơm rồi đem lên xe, chở đến nơi vắng vẻ. Khi đến nơi, ông ta vừa xuống xe muốn dọn ra ăn, bỗng đâu trời Đế thích hóa làm con chó chạy đến. Bà-la-môn nhìn quanh, thấy con chó, ông liền bảo: "Nếu mày treo ngược mình lên trên không trung được thì ta sẽ cho ngươi ăn".

Chó liền treo mình ngược lên không trung. Thấy thế, ông ta hốt hoảng và gượng nói: "Nếu như mày làm cho con mắt rớt xuống đất thì tao sẽ cho mày ăn".

Mắt chó lập tức lồi ra, rớt xuống đất. Thấy thế, ông ta hoảng bỏ chạy.

Bấy giờ trời Đế thích hóa làm thân của Bà-la-môn, đánh xe trở về nhà. Ông ta bảo với người gác cửa: "Bên ngoài, nếu có kẻ nào đến xưng là ta thì ngươi hãy đánh đuổi họ ra, đừng cho vào nhà".

Chiều xuống, Bà-la-môn lần về nhà. Y theo lời chủ dặn, vừa thấy ông ta vào người gác cổng liền đánh đập, mắng nhiếc và đuổi đi.

Lúc ấy, trong nhà, trời Đế thích lấy tất cả của cải đem bố thí khắp nơi, còn Bà-la-môn kia cũng chẳng được về nhà mình mà tài sản trong nhà đã cạn, vì vậy ông ta phát điên lên.

Thấy vậy, Trời Đế-thích hóa ra một người đi đến hỏi thăm ông ta: "Này ông! Tại sao ông lại buồn như thế?"

Bà-la môn than thở: "Tài sản của tôi đã mất hết rồi, làm sao không buồn được?"

Đế-thích nói: "Thông thường, những thứ trân bảo khiến cho người ta phải chịu nhiều phiền muộn. Tài sản ấy là của chung năm nhà,(1) không có chắc chắn gì, đâu chỉ một mình ông mà cất chứa cho nhiều, không chịu bố thí? Như thế, sau khi chết ắt phải làm thân ngạ quỷ, thường gặp cảnh đói lạnh. Nếu thoát kiếp ngạ quỷ, được làm người thì sanh vào hạng thấp hèn. Vì ông không hiểu lý vô thường nên giàu có mà keo kiệt, tham muốn của cải lại không dám tiêu xài. Vậy thì ông mong muốn điều gì?"

Nhân đó, Trời Đế-thích nói pháp Tứ Thánh đế cho ông ta nghe, nhờ vậy mà ông tỉnh ngộ.

Bấy giờ, Trời Đế-thích biến mất, Bà-la-môn trở về nhà. Ông ta tỏ ra hối hận những việc làm trước kia của mình, nên hết lòng bố thí, cuối cùng ông ta được đạo quả giải thoát.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ quyển năm)

2. PHƯỚC BÁO CỦA VIỆC QUÉT DỌN TINH XÁ:

Ngày xưa, bên cạnh Tinh xá Kỳ-hoàn có một gia đình nghèo sinh sống. Người ấy rất muốn cúng dường đức Phật và chúng Tăng, nhưng vì nhà nghèo qúa nên chẳng biết lấy gì để dâng cúng.

Bấy giờ, người ấy vào quét dọn trong tinh xá Kỳ-hoàn, làm việc với tâm rất thành kính, không biết mệt mỏi.

Lúc ấy, có vị trưởng giả,ở bên cạnh nhà nghèo này. Một hôm dạo chơi, ông ta thấy thấp thoáng trong cái ao lớn có mấy chục gian nhà bảy báu, liền đến hỏi: "Ai xây cung điện này mà đẹp tuyệt vời như thế?"

Người này đáp: "Cung điện này, do có bậc hiền giả nghèo khó, không có đồ cúng dường nên đã phát tâm quét dọn tinh xá của Phật. Phước báo ấy đáng được sanh vào đây, nên xây cung điện nàylà để dành cho người ấy".

Trưởng giả nghe vậy, cảm thấy vui vẻ, thầm nghĩ: "Ta sẽ tìm cách chiếm đoạt ngôi nhà ấy".

Ông liền đi tìm người quét tinh xá và nói: "Ngươi có những vật quý báu hãy cho ta nhé! ta sẽ cho ngươi năm trăm lượng vàng"

Người ấy đáp: "Xưa nay tôi nghèo khốn, làm gì có vật quý?"

Trưởng giả nói: "Chỉ cần ngươi hứa cho ta là được rồi!"

Người ấy đáp: "được thôi".

Vị trưởng giả liền đem cho người ấy năm trăm lượng vàng. Hiền giả nghèo này nhận được vàng liền đem bố thí khắp nơi, và được đức Phật giảng pháp cho nghe, vị ấy liền đắc đạo.

(Trích Chư Kinh Trung Yếu Sự)

3. CÔNG ĐỨC XUẤT GIA:

Một thời Phật đang cư trú tại thành Tỳ-xá-ly. Đến giờ khất thực, Ngài đắp y ôm bát cùng với A-nan vào thành. Lúc ấy, trong thành Tỳ-xá-ly có vị cư sĩ tên là Tỳ-la-tư-na đang mở tiệc đãi khách, cùng nhau vui chơi thỏa thích năm món dục lạc suốt bảy ngày. Ông ta dặn dò người gác cửa đóng cửa đừng cho ai vào. Khi ấy, đức Phật và A-nan tuần tự khất thực, gần đến nhà Tỳ-la-tư-na. Nghe tiếng ca hát vọng ra, Ngài hỏi Tôn giả A-nan, Tôn giả liền đem việc ấy bạch Phật, Ngài bảo: "Vị trưởng giả này, sau bảy ngày sẽ chết, thần thức sanh vào địa ngục khóc la. Tại sao? Bởi căn lành ông ta tạo trước đây, giờ đã hết, lại không gieo tạo phước mới, cho nên chết sanh vào địa ngục".

Tôn giả A-nan bạch Phật: "Thế tôn có cách nào giúp cho cư sĩ kia qua bảy ngày mà không chết chăng?"

Phật bảo: "Chẳng còn cách nào khiến cho ông ta thoát chết cả, chỉ có thể cứu ông ta thoát khỏi địa ngục thôi. Nếu vị trưởng giả này chịu cạo tóc xuất gia học đạo, mặc ba pháp y, phát lòng tin kiên cố nơi đạo pháp mới mong thoát khỏi địa ngục".

Tôn giả thưa: "Vậy thì để con vào khuyên ông ta xuất gia"

Bấy giờ các nhà thuộc dòng họ Thích ở trong thành Tỳ-xá-ly, thường cùng Tôn giả A-Nan đàm đạo. Vì vậy, khi Tôn giả đến nhà họ, Ngài sai người vào báo tin. Giả sử trong nhà, mọi người còn ngủ nghỉ hay bận các công việc khác, khi nghe Ngài đến thì cho người rước thẳng vào. Vì sao? Bởi Tôn giả có lời nói dịu dàng, không làm tổn hại đến ai.

Bấy giờ, Tôn giả đến nhà vị trưởng giả ấy, Ngài bảo người gác cổng: "Ông hãy vào báo tin cho chủ biết, có ta đến thăm".

Người gác cổng lập tức vào báo tin. Lúc ấy, trưởng giả kia liền bỏ cuộc vui, chạy ra đón tiếp đảnh lễ, thưa với Tôn giả: "Thỉnh Ngài vào trong nhà để ban phúc lành cho gia quyến chúng con".

Tôn giả đáp: "Đức Như Lai đã thấy rõ, không hề dối gạt, Ngài xác nhận, chỉ trong vòng bảy ngày nữa trưởng giả sẽ mạng chung, thần thức sanh vào địa ngục khóc la".

Trưởng giả nghe tin ấy hoảng hốt, khóc lóc thảm thiết, thưa với A-nan: "Tôn giả có cách nào cứu giúp con thoát chết".

Tôn giả bảo: "Không có biện pháp nào để giúp ông thoát chết, chỉ có cách cứu ông thoát khỏi địa ngục thôi".

Trưởng giả liền hỏi phương cách. Tôn giả đáp: "Nếu ông chịu xuất gia tu tập thì sẽ thoát khỏi địa ngục".

Bấy giờ trưởng giả thầm nghĩ: "Để ta giao phó việc nhà xong, ta sẽ đến chỗ của đức Phật xin xuất gia học đạo".

Nghĩ xong, trưởng giả thưa: "Bảy ngày hẳn còn dài. Hôm nay, Tôn giả hãy cho con ở lại vui chơi thỏa thích rồi sáng mai con sẽ đến".

Hôm sau đến giờ, Tôn giả đắp y, tôm bát vào thành khất thực, Ngài ghé qua nhà, nhắc nhở trưởng giả: "Một ngày đã trôi qua, chỉ còn sáu hôm nữa thôi, giờ đây ông hãy xuất gia đi!"

Trưởng giả đáp: "Con sẽ đến sau".

Cứ thế, ông ta xin nán đi nán lại để hưởng thú vui năm món dục. Hôm sau, cũng như vậy, tôn giả đến nhà thúc giục, nhưng trưởng giả cứ hẹn lần, không thể dứt khoát được.

Thế là hằng ngày, Tôn giả vẫn đến khuyên ông ta. Hết ngày thứ sáu, đến sáng ngày thứ bảy, tôn giả đến nhắc lại, ông mới chịu giao phó

nhà cửa, từ giã vợ con thân quyến, rồi theo A-nan đi đến chỗ Phật.

Phật bảo tôn giả A-nan cạo tóc và trao giới Cụ túc cho ông ta. Thọ giới xong, vừa qua ngày thứ bảy, ông ta qua đời, thần thức sanh vào cõi trời Tứ thiên vương.

Tôn giả A-nan hỏi Phật: “Bạch Thế tôn, Tỳ-kheo ấy chết sanh vào cõi nào?”

Phật dạy: “Tỳ-kheo Tỳ-la-tư-na sau khi mạng chung, thần thức sanh về cõi trời Tứ thiên vương. Ở cõi ấy, khi kiếp số đã mãn thì sanh qua tầng trời thứ ba mươi ba. Cứ thế, xoay vần trong cõi nhân thiên trải qua chín kiếp, việc thọ sanh lên xuống đó sẽ chấm dứt. Thân sau cùng của ông ta sẽ sanh làm người, cạo tóc xuất gia học đạo, có lòng tin kiên cố nên chứng quả vị Bích-chi-Phật, hiệu là Tỳ-la-tư-na. Tại sao? Bởi ông ta đã thọ giới Cụ túc, do tinh tấn tu hành, nên sau khi mạng chung được như thế. Này A-nan, đó là quả báo Phạm hạnh phát sanh phước đức”.

(Trích kinh Tỳ-la-tư-na Cư Sĩ Ngũ Dục Ngu Lạc)

4. BẠT CỪ XIN LÔNG CHIM VÀ HẠT CHÂU CỦA RỒNG

Bấy giờ, đức Thế tôn đang cư trú ở tinh xá Khoáng dã trong thành Vương-xá, lúc đó có năm trăm vị Tỳ-kheo đều xin vật liệu xây cất nhà ở. Vì xin nhiều quá nên mỗi khi người chủ bán hàng thấy Tỳ-kheo đến, họ liền đóng cửa tiệm lại về nhà lánh mặt. Tỳ-kheo biết được liền đi tắt ngỏ khác để chận đường họ, rồi nói quả báo, phước đức, khiến cho họ phải phát lòng tin, thậm chí còn vò đầu cưỡng ép họ: “Này ông, ông nên làm việc bố thí, vì sao? Vì phước đức của sự bố thí sẽ khiến cho ông khoẻ mạnh và sống lâu, lại thêm nhiều công đức, hưởng được quả báo tốt đẹp”.

Chủ bán hàng nghe lời đó phát sanh lòng tin, đem cúng cho một ít. Về sau, chủ bán hàng gặp Tôn giả Xá-lợi-phất, họ đem sự việc than phiền với Tôn giả. Nghe xong, Tôn giả thuyết pháp khiến cho họ vui vẻ. Sau đó, Tôn giả trở về tinh xá, bạch lại Phật.

Phật bảo: “Những Tỳ-kheo doanh sự ấy không chỉ mới đời này. Vào thời quá khứ có Tỳ-kheo tên Bạt-cừ, ông này chuyên tu trong rừng vắng, ở đó có loài chim Thích-huân-đa cư ngụ, sớm tối chúng làm náo động, khiến cho Bạt-cừ bực bội.

Bấy giờ, Tỳ-kheo này trở về chỗ đức Phật, đảnh lễ rồi đứng qua một bên. Đức Phật ấy ân cần hỏi thăm: “Ông ở trong rừng tu tập có yên ổn không”.

Bạt-cừ đáp: "Con tu tập ở trong rừng luôn được yên ổn, khoẻ mạnh và an lạc. Chỉ có điều là có loài chim Thích-huân-đa thường kêu réo inh ỏi, làm náo loạn khiến cho con không nhiếp tâm được".

Phật hỏi: "Ông có muốn tất cả chúng nó đừng đến nữa không".

Ông ta đáp: "Bạch Thế tôn, con rất muốn".

Vậy thì lúc chúng nó về tổ, ông hãy đến xin chúng mỗi con một chiếc lông".

Bạt-cừ vâng lời, cứ theo xin mỗi con chim một chiếc lông, mỗi con đều cho một chiếc, ngày nào ông cũng làm như vậy. Thế là đàn chim phải dời tổ đi nơi khác, nhưng mới dời đi một đêm mà tìm không được nơi an ổn nên chúng phải quay lại chỗ cũ.

Bạt-cừ lại theo chúng xin lông, đàn chim họp nhau lại nói: "Sa-môn này cứ theo xin lông chúng ta hoài, sợ không bao lâu chúng ta sẽ trụi lũi, không thể nào bay được. Nay ông ấy thường ở trong rừng này, chúng ta nên tìm nơi khác ở". Thế rồi đàn chim đành phải tìm đến nơi khác.

Các Tỳ-kheo đem sự việc bạch Phật.

Phật dạy: "Tỳ-kheo ấy không chỉ ngày nay mới kém cỏi, phá rối tiếng chim đáng ghét kia. Vào thời quá khứ, trong rừng nọ có con voi lớn cư ngụ. Một hôm, có trận cuồng phong nổi dậy, quật ngã gốc cổ thụ, voi ấy nghe tiếng cây đổ thì kinh hoảng bỏ chạy. Khi tâm vừa bớt sợ hãi, nó đến núp dưới một cội cây khác, cây ấy cũng ngã tiếp, nó lại bỏ chạy. Bấy giờ, có vị Trời nhìn thấy long tượng kinh hãi bỏ chạy như thế, thầm nghĩ: "Con voi này chạy thục mạng như điên cuồng". Ông ta liền nói kệ:

Gió cuồng thổi ngã cây
Voi sợ chạy mất hồn
Nếu cây đổ khắp nơi
Voi sẽ trốn vào đâu?

Phật dạy: "Long tượng lúc bấy giờ là Tỳ-kheo Bạt-cừ".

Phật lại nói tiếp: "Này các Tỳ-kheo, trong thời quá khứ, có năm trăm vị tiên, ẩn tu trong núi Tuyết. Trong số đó có một vị tiên nhân thích sống riêng nơi có dòng suối đẹp, hoa quả tốt tươi. Cách chỗ đó không xa, có dòng nước Tát-la, nơi rồng trú ngụ. Bấy giờ, rồng thấy vị tiên nhân này oai nghi điềm đạm, sanh lòng cảm mến, mới đến gần làm bạn. Trong lúc vị tiên nhân này đang ngồi kiết già thì con rồng đến quấn vào thân vị ấy bảy vòng, dùng đầu của mình che lên đảnh tiên nhân. Ngày nào rồng cũng đến làm như thế, chỉ trừ giờ ăn mà thôi. Tiên nhân vì

rồng quấn thân, ngày đêm cứ ngồi mãi không được nghỉ ngơi, thân thể ngày càng tiều tuỵ, lại sanh bệnh lở loét.

Bấy giờ, có người ở trong vùng muốn đến cúng dường vị tiên nhân. Khi đến, nhìn thấy thân thể của tiên nhân bị ung nhọt lở loét lại thêm gầy ốm, ông ta hỏi: "Tại sao Ngài bị như thế?"

Tiên nhân trình bày cặn kẽ sự việc.

Cư sĩ lại hỏi: "Ngài có muốn rồng đừng đến nữa không?"

Tiên nhân đáp: "Muốn chứ".

Người ấy nói: "Trên cổ của rồng có hạt châu anh lạc, Ngài nên xin nó hạt châu ấy. Loài rồng có tánh bỏn xẻn, chắc chắn không cho đâu".

Khi rồng đến, tiên nhân liền theo xin hạt châu. Rồng nghe tiên nhân xin châu, trong lòng không vui, lặng lẽ bỏ đi. Sáng hôm sau, tiên nhân nói kệ bảo rồng:

Châu ma ni sáng tuyệt
Anh lạc trang nghiêm thân
Nếu rồng chịu bố thí
Ta cùng kết bạn thân

Rồng nói kệ đáp:

Sợ mất châu ma ni
Như cầm gậy đuổi chó
Châu quý vật khó tìm
Càng không thể cho ai
Món ngon và các báu
Có được từ ma ni
Thế nên không thể thí
Thôi đừng tha thiết xin
Xin hoài tình thân dứt
Từ nay giã biệt nhau.

Bấy giờ vị Trời ở trên hư không nói kệ:

Sở dĩ sanh chán ghét
Đều do quá tham cầu
Phạm chí tướng tham hiện
Rồng liền ẩn hang sâu.

Phật dạy: "Này các Tỳ-kheo doanh sự, rồng là loài súc sanh, còn ghét chuyện xin nhiều, huống gì là loài người? Tỳ-kheo các ông, chớ nên xây cất nhiều quá, rồi đi xin khắp nơi không biết chán, khiến cho cư sĩ Bà-la-môn tín tâm kia, phải khổ sở cúng dường.

(Trích luật Tăng Kỳ quyển bảy, luật Di Sa Tắc quyển ba)

5. NHÂN DUYÊN DA XÁ PHẠM GIỚI DÂM:

Bấy giờ, đức Thế tôn cùng với năm trăm vị Tỳ-kheo du hóa đến nước Bạt-kỳ, cư ngụ trong thành Tỳ-xá-ly. Nước đó gặp năm mất mùa, dân chúng đói khát, người chết la liệt. Vì vậy, chúng Tỳ-kheo đi khất thực vô cùng khó khăn.

Lúc đó trong thành, nhà trưởng giả tên là Da-xá giàu có. Da-xá từ lâu đã đi xuất gia, hôm nay về lại quê hương, gặp lúc khất thực khó khăn, nên ông ta nhiều lần trở về nhà khất thực.

Mẹ ông bảo: "Thật khổ cho con tôi! Nhà ta của cải vô số, con mặc tình sử dụng. Vợ con còn đó, hãy về chung sống cùng nó, con cứ tự tiện lấy của cải mà cúng dường Tam bảo".

Tuy bà ta nhiều lần khuyên nhủ nhưng Da-xá không nghe theo. Bà lại bảo: "Nếu con không thích hưởng thú vui ở đời thì mẹ chỉ xin con để lại cho mẹ một đứa cháu nối dòng, lỡ sau này mẹ có chết đi thì của cải nhà ta không bị vua quan tịch thu"

Da-xá đáp: "Nếu mẹ muốn có người nối dõi, con xin vâng lời".

Bà mẹ vội vã vào trong báo tin cho con dâu, chị ta nói: "Thưa mẹ, vậy thì tốt quá"

Thế rồi chị ta trang điểm để cùng Da-xá hội ngộ. Chỉ trong một lần cùng nhau hoan lạc, chị đã mang thai. Về sau, chị sanh ra một bé trai, nhân việc trên đặt tên cho con là Tục-chủng. Người đời không chỉ gọi chú bé này như thế, mà tất cả các thứ tài sản trong nhà cũng gọi là Tục-chủng.

Da-xá hay tin, trong lòng hết sức hỗ thẹn, liền đem việc bạch Tôn giả Xá-lợi-Phất. sau đó cả hai vị cùng đi đến chỗ của đức Phật. Da-xá bạch rõ mọi chuyện lên đức Phật.

Phật dạy: "Này Da-xá! Trong chúng Tăng chưa hề xảy ra việc này, ông là kẻ ngu si, đã mở ra cánh cửa đại tội".

Phật lại nói: "Không chỉ hôm nay ngươi ở trong giáo pháp của ta gây nên những tội lỗi như thế. Trong thời quá khứ, ông sanh vào cõi trời Quang-Âm, bấy giờ thế giới này mới hình thành, có một người tánh tình thô tháo, tham đắm dục lạc. Ban đầu dạo chơi xuống đây, người ấy nếm thử mùi vị của qủa đất này, lại cùng với các chúng sanh khác kết giao qua lại, sanh lòng nhiễm trước, khiến cho thân thể nặng nề, khởi sanh dục vọng nên mất thần thông và ánh sáng của người trời, không còn bay lên được nữa. Từ đó mới có ngày tháng. Chúng sanh thô tháo ấy nay chính là ông.

Lại nữa, mẹ ông không phải ngày nay mới dụ dỗ con mình, trong

quá khứ đã từng dụ dỗ các Tỳ-kheo như vậy. Bấy giờ có vua tên là Đại-danh-xưng, ở thành Ba-la-nại nước Câu-thi. Vua này thường lấy việc bố thí, trì giới để cảm hóa muôn dân. Một hôm, đệ nhất phu nhân của vua ngắm sao trời, trông thấy một con nai chúa sắc vàng, từ hướng Nam bay vụt lên hư không rồi biến mất.

Phu nhân thầm nghĩ: "Ước gì ta có được bộ da nai chúa ấy để làm mền đắp, dù có chết cũng không hối tiếc, còn không được thế thì làm phu nhân của nhà vua để làm gì?

Bà ta liền cởi bỏ tất cả những thứ trang sức anh lạc quý báu, mặc những áo quần cũ rách, vào phòng nằm rũ rượi.

Khi bãi triều trở vào cung, tìm phu nhân nhưng không nhìn thấy đâu cả, nhà vua mới hỏi người hầu

Người hầu đáp: "Phu nhân đang nằm rũ rượi ở trong phòng".

Nhà vua vội đến hỏi: "Ai đã xúc phạm aí khanh vậy?"

Bà im lặng không đáp, nhà vua sai người hỏi nhưng bà cũng không chịu nói lời nào. Nhà vua mới sai người hầu cận thân tín của phu nhân tìm cách thuyết phục bà. Cuối cùng bà đáp: "Không ai xúc phạm ta cả, chỉ vì có tâm sự riêng không nói được mà thôi. Vừa rồi, trông thấy một con nai chúa có bộ lông sắc vàng, ta rất muốn được bộ lông của nó để làm mền đắp".

Vị hầu cận ra tâu lại với nhà vua, vua bảo với quần thần: "Trong các khanh, ai có thể bắt được con nai ấy?"

Thế rồi, nhà vua cho triệu tập tất cả thợ săn lại bảo với họ: "Các ngươi hãy mau tìm cho được con nai sắc vàng kia".

Các thợ săn đều tâu: "Đại vương, con nai này chúng tôi thật chưa từng nghe đến tên nó huống gì là thấy!"

Nhà vua nổi giận, truyền lệnh giam họ vào ngục. Trong số đó có một thợ săn tên là Nại-xà, sức lực rất mạnh, đuổi kịp cả muôn thú, chim đang bay trên không, ông ta bắn trăm phát đều trúng. Ông ta suy nghĩ, mình vô tội mà bị giam cầm, bèn thưa với vua: "Tâu đại vương, có người nào nhìn thấy con nai ấy không?"

Vua đáp: "Ông nên đích thân hỏi phu nhân".

Phu nhân đáp: "Ta đứng ở trên lầu cao trông thấy nó từ phương Nam bay lên hư không rồi biến mất về phía Bắc".

Thợ săn này khéo xem tướng của loài cầm thú. Ông ta biết được con nai đó cư ngụ ở phương Nam, đi kiếm ăn ở phương Bắc. Vì vậy, ông đi về phương bắc tìm nó.

Bấy giờ thợ săn mang cung tên lần về phương Bắc, đến núi Tuyết

sơn gặp nơi các vị tiên nhân ẩn tu. Ông ta cất giấu những dụng cụ săn bắn, rồi đến gặp các vị tiên nhân, làm lễ chào hỏi. Họ mời ông ta ngồi, đem trái cây thiết đãi. Thợ săn hỏi: "Quý vị ẩn tu nơi đây đã bao lâu rồi?"

Các tiên nhân đáp: "Đã được vài năm".

Thợ săn lại hỏi: "Có bao giờ các vị thấy việc gì lạ không?"

Đáp: "Ở phía Nam núi này có cây tên Ni-câu-luật to lớn, thường ngày có con nai chúa sắc vàng bay đến ăn lá ở trên cây".

Vị tiên nhân chỉ đường cho ông ta. Đến nơi, thợ săn nhìn thấy có cây cổ thụ cành lá sum xuê, tàng cây che mát cả vùng. Trong chốc lát, ông trông thấy con Nai giống như nhạn chúa, từ hư không bay đến, dừng lại trên cây để ăn lá. Khi ăn no, nai liền bay đi.

Thợ săn trở về cung tâu với nhà vua: "Con nai đó không thể dùng lưới, tên mà bắt được, và cũng không có cách nào khác.

Vua bảo: "Khanh hãy đến thưa với phu nhân".

Phu nhân bảo: "Ngươi hãy lấy mật bôi lên lá, sau đó giăng lưới khắp dưới gốc cây. Khi đánh hơi được mùi mật, nai ăn lá dần đến gốc cây và sẽ rơi vào lưới, ngươi hãy bắt sống mang về".

Thợ săn theo lời, từ xa, biết được sự việc, tiên nhân than thở: "Ôi tai hoạ thảm khốc thay! Con nai ấy tuy có thể bay lên hư không nhưng không cách nào thoát khỏi bàn tay kẻ ác.

Tiên nhân nói kệ:

Ác nhất nơi thế gian
Không gì bằng hương vị
Dối gạt được người đời
Cho đến thú rừng hoang
Nai vì mê hương thơm
Phải chịu khổ đau này

Thợ săn dùng mật bôi lên lá cây. Nai đến ăn, sa vào lưới, bị thợ săn bắt đem về.

Nhà vua nghe tin, cho người đốt hương đón tiếp nai. Phu nhân trông thấy vội chạy đến ôm chầm lấy nai chúa. Vì phu nhân khởi tâm ô nhiễm khiến cho sắc lông vàng của nai chúa biến mất. Nhà vua hỏi phu nhân: "Sắc lông vàng của nai chúa này đột nhiên biến mất, phải làm sao đây?"

Phu nhân nói: "Bây giờ con nai nay này là đồ vô dụng rồi, thôi hãy thả nó đi".

Phật dạy: "Nai chúa sắc vàng ấy chính là Da-xá. Vị phu nhân là

mẹ của Da-xá, từng chịu nhiều đau khổ, tham đắm đến ngày nay".

(Trích luật Tăng Kỳ quyển một)

6. PHẬT NÓI TÚC NGHIỆP CỦA NAN ĐỀ:

Lúc bấy giờ, đức Phật cư trú ở thành Xá-vệ, trong chúng có Tỳ-kheo Nan-đề đi đứng nằm ngồi thường trong thiền định, trải qua bảy năm sau đó tâm bị loạn động, định lực bị mất, vì vậy ông một mình ngồi cội cây để tu tập thiền định, mong tìm lại được định lực trước kia. Nào ngờ, việc tu tập của ông bị ma vương dò xét để tìm cách phá hoại. Bấy giờ ma vương hóa làm một cô gái xinh đẹp không ai sánh bằng, nàng ta đi đến trước mặt Nan-đề bảo rằng: "Tỳ-kheo! Hãy cùng em hoan lạc đi".

Nan-đề bảo: "Này ác ma! Hãy mau biến đi, mau cút khỏi đây!"

Nan-đề tuy miệng nói nhưng mắt lại không dám nhìn cô ta. Một lần, hai lần, ba lần ông ta đều đuổi như thế. Cô gái liền thoát bỏ y phục, khỏa thân, đứng trước mặt Nan-đề. Nan-đề nhìn thấy tấm thân nỏn nà của cô thì lửa lòng rạo rực. Khi ấy, cô gái liền lùi bước, Nan-đề lại gọi: "Cô ơi! hãy nán lại tý đã!"

Cô gái nhanh chóng lẻn vào trong hào ở Kỳ-hoàn rồi ẩn mất. Bên cạnh hào có thây ngựa mới chết, Nan-đề vì lửa dâm dục quá mạnh liền hành dâm với thây ngựa.

Khi lửa dục lắng xuống, Nan-đề mới nghĩ lại biết mình đã làm việc xấu, liền cởi bỏ ba pháp y, đi đến Tinh xá Kỳ hoàn thưa chuyện với các Tỳ-kheo là mình đã phạm trọng tội. Các Tỳ-kheo hỏi nguyên do, Nan-đề kể rõ sự việc cho họ nghe.

Sau khi nghe xong, các vị đến bạch lên đức Phật: "Bạch đức Thế tôn, Nan-đề lâu nay tu hành thanh tịnh, tại sao lại bị nữ sắc mê hoặc?"

Phật dạy: "Nan-đề không chỉ hôm nay mới bị nữ sắc mê hoặc, trong qúa khứ đã từng như thế rồi. Vào thời quá khứ, ở phía Nam nước A-bàn-đề có người họ Ca-diếp theo ngoại đạo xuất gia. Ông ta rất thông minh, học thức uyên bác, thường giúp vua trị nước và chấp pháp trị những kẽ gian tặc. Ngoại đạo này thầm nghĩ: "Ta là người đã xuất gia tại sao lại cùng nhà vua tham dự việc triều chính?"

Nghĩ thế, ông ta liền đến tâu với nhà vua: "Tâu đại vương, nay tôi muốn xuất gia".

Vua hỏi: "Quốc sư lâu nay đã xuất gia, sao giờ lại nói tôi muốn xuất gia?"

Ông đáp: "Tâu đại vương, hiện giờ tôi tham dự các loại hình pháp

này thì làm sao gọi là xuất gia được? Nay tôi muốn xuất gia theo đạo Tiên”.

Nhà vua trả lời: “Việc ấy được thôi”.

Ngoại đạo Ca-diếp liền đến ngọn núi Bích-nham, kiến tạo Tinh-xá, tu tập theo pháp Tiên, ông chứng được năm thần thông.

Một hôm, nhân lúc đi tiểu tiện, chất bất tịnh lưu xuất ra ngoài. Lúc ấy, có một con nai cái đến đến uống nước tiểu này. Uống xong, nai này liếm trở lại bộ phận sinh dục của mình. Vì vậy, ít lâu sau nai cái thụ thai, sanh ra một chú bé. Vị tiên nhân này nhân lúc đi ngang qua thấy nai mà sanh ra người thì lấy làm lạ. Ông ta thầm nghĩ: “Tại sao loài súc sanh lại sanh ra con người?”

Ông liền nhập định, quán sát mới biết đứa bé ấy là con của mình. Vì vậy ông ta đem về nuôi nấng. Chú bé này do nai mẹ sanh ra, trên thân có những nét vằn vện giống như nai mẹ, cho nên ông ta đặt tên nó là Lộc-ban.

Tiên nhơn suy nghĩ: “Kẻ làm băng hoại đạo đức không gì bằng nữ sắc”.

Nghĩ thế, ông đem những phương pháp tu thiền định và thần thông dạy cho Lộc-ban.

Ông nói kệ:

Hết thảy loài chúng sanh
Không ai mà không chết
Tùy theo nghiệp mình tạo
Tự chuốc lấy quả báo
Người thiện sanh lên Trời
Làm ác đọa địa ngục
Hành đạo tu phạm hạnh
Hết lậu chứng Niết-bàn.

Dặn dò những lời ấy xong, ông ta liền xả bỏ báo thân. Thế là đồng tử Lộc-ban theo lời dạy, tinh tấn tu hành phạm hạnh, chứng được năm thần thông. Một hôm, Thích-đề-hoàn-nhân cưỡi Long tượng trắng đi châu du thiên hạ, xem có ai hiếu thảo với cha mẹ, cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, thường tu tập bố thí, trì giới phạm hạnh không? Quán sát khắp nơi, Thích-đề-hoàn-nhân trông thấy có một tiên nhân đồng tử tu tập phạm hạnh. Ông thầm nghĩ: “Nếu vị tiên nhân đồng tử này muốn cầu ngôi vị Đế thích hay Phạm-vương đều quá dễ dàng, vậy ta phải sớm phá hoại phạm hạnh của đồng tử này”.

Bấy giờ, Đế-thích nghĩ cách, ông cho đánh trống pháp, tập hợp

hàng trăm ngàn thiên tử đến. Ông bảo: "Trong cõi Diêm-phù-đề có một đồng tử tiên nhân tên Lộc-ban, là người có công đức lớn, nay ta muốn phá hoại đức hạnh của ông ta".

Các thiên tử nghe những lời ấy tỏ vẽ bất bình, họ thầm nghĩ: "Chúng ta phá hoại người như thế thì chúng trời sẽ bị giảm, ngược lại tăng thêm chúng A-tu-la".

Có một thiên tử hỏi: "Giờ ai sẽ đảm đương công việc ấy".

Có người đáp: "Đó là việc của thiên nữ làm".

Đế-thích liền triệu các thiên nữ đến, chỉ trong phút chốc cả trăm ngàn thiên nữ đều tập trung đầy đủ. Trong đó có thiên nữ tên A-lam-phù, cô ta có đầu tóc đủ bốn màu; xanh, vàng, đỏ, trắng, cho nên gọi là Tạp sắc. Đế-thích sai thiên nữ này xuống cõi Diêm-phù-đề để phá phạm hạnh của đồng tử Lộc-ban.

Tiên nữ thưa: "Tôi xưa nay đã phá hoại rất nhiều người, khiến cho họ mất phạm hạnh, thần thông. Nay xin Ngài hãy sai thiên nữ khác, xinh đẹp hơn để làm cho người ta yêu thích".

Trong chúng trời, Đế-thích nhiều lần khuyên dụ, cuối cùng không từ chối được, vị thiên nữ này phải xuống cõi Diêm-phù-đề để phá hoại tiên nhân Đồng-tử.

Phật dạy: "Này các Tỳ-kheo, vị tiên nhân đồng tử xưa đâu phải ai khác, nay chính là Nan-đề tu tập thiền định. Thiên nữ A-lam-phù nay là vị đã đến phá hoại Nan-đề vậy".

(Trích luật Tăng Kỳ quyển một)

7. XIỂN ĐÀ PHẢN CHỦ:

Bấy giờ, đức Phật đang cư trú ở nước Câu-xá-di, khi ấy có trưởng lão Xiển-đà tánh tình ương ngạnh, khó dạy. Các Tỳ-kheo nhiều lần khuyên can nhưng ông không chịu sửa đổi. Vì vậy, các Tỳ-kheo đem chuyện bạch Phật.

Phật dạy: "Vào thời quá khứ có một vị trưởng giả, trong nhà có nuôi một người đầy tớ tên A-ma-do. Người tớ này tánh tình hung ác, rất khó dạy dỗ.

Một hôm, trưởng giả này cùng các vị trưởng giả khác dạo chơi trong vườn hoa, họ cho những người hầu đứng đợi ngoài cổng vườn. Bấy giờ, A-ma-do đi đến, vô cớ đánh những người hầu ấy. Những người bị đánh chạy đến mách với chủ của mình. Các Bà-la-môn liền ra trách mắng A-ma-do, nhưng nó chẳng những không nghe mà còn nói: "Tôi không thèm nghe lời của các ông đâu, chỉ có chủ của tôi quở trách tôi

mới nghe thôi!”

Nói rồi, hắn lại tiếp tục đánh những người hầu kia, các Bà-la-môn liền báo với chủ của nó. Chủ của A-ma-do có thiên nhãn, quan sát chỗ chúng đang đánh nhau, thấy ở dưới lòng đất có chôn cất vàng bạc, chỗ ấy không tốt, cho nên mới sanh ra chuyện đó. ông ta vội đến quở trách A-ma-do, khi ấy hắn mới chịu dừng tay.

Phật bảo: “Này các Tỳ-kheo, vị trưởng giả lúc ấy đâu phải ai xa lạ, nay chính là ta đây, còn A-ma-do ấy nay chính là Tỳ-kheo Xiển-đà”.

Phật dạy: “Lại nữa, vào thời quá khứ, có vị Bà-la-môn tên Phất-lô-hê học rộng, làm quốc sư thường dạy dỗ cho các đồng tử. Trong nhà ông có nuôi một người đầy tớ tên Ca-la-ha thường để sai hầu hạ các đồng tử. Đứa tớ này căn tánh lanh lợi, nghe dạy tới đâu đều ghi nhớ đến đó. Một hôm, hắn và các đồng tử gây lộn với nhau nên tự bỏ đi nước khác.

Khi đến nước khác, hắn lại dối xưng mình là con của Bà-la-môn Phất-lô-hê, tên Da-nhã-đạt-đa. Một hôm, gặp vị Bà-la-môn làm quốc sư của nước đó, nó thưa: “Tôi là con của Bà-la-môn Phất-lô-hê, cha tôi là quốc sư nước Ba-la-nại. Từ xa tôi đến đây là muốn theo quốc sư học giáo pháp của Bà-la-môn”.

Vị quốc sư ấy đáp: “Được thôi”.

Đứa tớ này thông minh, vốn đã từng nghe pháp, nay được nghe lại càng nhớ rõ. Vì vậy, hắn được vị quốc sư yêu mến và sai dạy năm trăm đồng tử. Ông ta bảo: “Ngươi hãy thay ta dạy dỗ năm trăm đồng tử còn ta phải vào cung”.

Nhà của quốc sư không có con trai, chỉ có một người con gái yêu quý, ông ta thầm nghĩ: “Mình nên đem con gái gả cho Da-nhã-đạt-đa và bắt nó ở rể, xem như con trong nhà”.

Nghĩ vậy, ông ta bảo: “Này! Da-nhã-đạt-đa, nay ngươi không cần phải trở về quê hương, ta sẽ gả con gái cho ngươi”.

Da-nhã-đạt-đa đáp: “Con xin vâng lời”.

Thế là hắn cùng chung sống với cô gái, cùng sinh hoạt như con cái trong gia đình, nhà này càng ngày càng giàu có. Thế nhưng hắn có tật xấu, mỗi khi ăn uống không vừa lòng thường hay giận dỗi, người vợ hết mực hầu chồng, luôn tìm cách để biết được nguồn gốc và sở thích cuả hắn, tiện bề hầu hạ nhưng cũng không được.

Bấy giờ Bà-la-môn Phất-lô-hê nghe tin hắn đang ở nơi đó mới thầm nghĩ: “Tên Ca-la-ha này trốn sang nước khác, nay ta nên qua bắt

nó về”.

Ông ta liền lên đường đi đến nước này. Lúc ấy Da-nhã-đạt-đa đang du ngoạn với các đồng tử học trò của mình trong khu vườn. Trên đường về, hắn nhìn thấy người chủ cũ thì hoảng sợ. Hắn bảo các đồng tử: “Các con hãy về trước đi, mỗi người lo bài vở của mình nhé!”

Khi các học trò đi rồi, Ca-la-ha liền đến trước chủ cũ, cúi đầu đảnh lễ thưa: “Khi đến nước này, con nói với mọi người Ngài là cha của con. Nay con thờ Bà-la-môn quốc sư nước này làm thầy để học kinh điển, ông ta đã gả con gái cho con. Giờ đây, xin Ngài đừng nên làm lộ chân tướng của con, con sẽ làm nô tỳ hầu hạ Ngài”.

Vị Bà-la-môn chủ cũ khéo tùy thuận việc đời liền bảo: “Ngươi thật sự là con ta, cớ gì phải nói là phương tiện, hãy sớm lo liệu đi”.

Ca-la-ha liền đưa ông về nhà bảo với mọi người: “Cha ta đã đến”.

Người vợ vô cùng vui mừng, vội làm các món ăn ngon thiết đãi. Khi dâng thức ăn xong, nhân lúc rảnh, cô đảnh lễ cha chồng và thưa: “Con hầu hạ chồng con, nhưng mỗi khi dâng thức ăn thường không được vừa ý. Xin cha chỉ cho con biết, khi còn ở nhà anh ấy thường ăn những món gì? Con sẽ theo đó để tiện bề hầu hạ”.

Bà-la-môn Phất-lô-hê nghe nói vậy, rất giận. Ông thầm nghĩ: “Con ơi là con, mày làm khổ con gái người ta rồi”.

Ông lại bảo con dâu: “Khi nào cha sắp đi, cha sẽ dạy cho con một bài kệ, lúc ăn cơm con đọc bài kệ này, chồng con sẽ không còn nói gì nữa”.

Đã đến ngày Phất-lô-hê trở về nước, lúc sắp đi, ông ta nói cho con dâu một bài kệ:

Một mình nơi xứ lạ
Lừa dối khắp mọi người
Xưa thường ăn món dở
Cớ gì nay lại chê?

Ông lại nói: “Giờ ta cho con bài kệ này, nếu lúc chồng con ăn món dở mà nổi giận thì hãy đến bên cạnh đọc nhỏ cho nó nghe”.

Dạy cô gái xong, Bà-la-môn trở về bổn quốc. Da-nhã-đạt-đa tiễn chủ đi rồi, mỗi khi đến giờ ăn lại nổi giận. Người vợ ghé bên tai đọc thử bài kệ ấy. Chồng nghe xong, tỏ vẻ không vui, thầm nghĩ: “Chà! Cái ông già quái quỹ này đã nói việc xấu của ta”.

Từ đó về sau, hắn thường nói lời hòa nhã, vì sợ vợ đem nói chuyện mình cho người khác biết.

Phật dạy: “Này các Tỳ-kheo, vị Bà-la-môn Phất-lô-hê trong thành Ba-la-nại bấy giờ nay chính là ta, người đầy tớ Ca-la-ha nay là Tỳ-kheo Xiển-đà. Lúc ấy ông ta đã từng cậy thế lực ta để lấn lướt người khác, tật xấu ấy ngày nay cũng không chịu chừa bỏ”.

(Trích luật Tăng Kỳ quyển tám)

8. HAI VỊ MA HA LA KẾT LÀM THÔNG GIA:

Bấy giờ, ở thành Xá-vệ có hai vị Ma-ha-la đều bỏ vợ con xuất gia tu hành. Sau bao ngày du hóa nhân gian, cả hai trở về thành Xá-vệ, cùng chung ở một phòng. Bấy giờ, cả hai nghĩ muốn về nhà thăm lại vợ con, nghĩ xong họ liền trở về nhà. Khi về đến, vợ trông thấy liền nổi giận, nói: “Ông là người bạc tình bạc nghĩa, vô cớ bỏ nhà ra đi học đạo, con gái nhà ta tuổi đã lớn mà vẫn chưa gả được. Giờ ông cần gì mà lại về đây, hãy mau đi khuất mắt, chứ không tôi bẻ chân ông đấy!”.

Bị vợ mắng, tiểu Ma-ha-la buồn bã bỏ về phòng. Cùng lúc ấy, đại Ma-ha-la cũng bị vợ đuổi đi. Khi trở về, thấy tiểu Ma-ha-la như thế, ông hỏi: “Sao bạn buồn vậy?”

Tiểu Ma-ha-la đáp: “Ông hỏi làm gì?”.

Đại Ma-ha-la lại nói: “Chúng ta cùng nhau ở chung phòng, việc xấu hay tốt mà không cho nhau biết, không nói cho nhau nghe thì nên nói với ai?”

Tiểu Ma-ha-la liền kể mọi việc cho ông ta nghe. Nghe xong, Đại Ma-ha-la nói: “Việc này có gì đáng buồn đâu? Nhà tôi cũng vậy thôi! Vậy thì cho con gái của bạn kết hôn với con trai tôi nhé!”

Tiểu Ma-ha-la đáp: “Được vậy thì qúy hoá quá!”

Tiểu Ma-ha-la vội vã trở về nhà báo cho vợ biết: “Tôi đã chọn chồng cho con gái mình rồi”.

Người vợ bảo: “Vậy thì quý qúa!”

Đại Ma-ha-la cũng trở về nhà bảo vợ: “Tôi đã chọn vợ cho con trai mình rồi”.

Vợ hỏi: “Người nào thế?”

Ông bảo: “Là con gái của tiểu Ma-ha-la”.

Bấy giờ, hai vị Ma-ha-la đã trở thành thông gia, ai cũng vui vẻ như kẻ nghèo gặp được của báu, lại càng kính yêu nhau hơn.

Phật dạy: “Này các Tỳ-kheo, hai vị Ma-ha-la đó không chỉ đời này mới làm như thế. Vào thời quá khứ, ở nước Ca-thi có một Bà-la-môn, chất đậu Ba-sa, nấu mãi không chín, đem bán cũng chẳng ai thèm mua.

Lại có một nhà Bà-la-môn khác, nhà có nuôi một con lừa, vì nó qúa cứng đầu nên đem bán cũng chẳng ai mua.

Bấy giờ chủ đậu thầm nghĩ: "Ta nên đem số đậu này đổi lấy con lừa kia".

Nghĩ vậy xong, ông liền đi đến thương lượng với chủ lừa. Chủ lừa nghĩ: "Ta nên đem con lừa cứng đầu này đổi lấy số đậu kia".

Chủ lừa đồng ý đem lừa đổi đậu. Thế là cả hai người vui vẻ, trao đổi lẫn nhau.

Chủ đậu nói kệ:

Pháp Bà-la-môn khéo bán mua
Đậu cất đã qua mười sáu mùa
Nấu đã hết củi đậu không chín
Lớn nhỏ nhà ông Răng cũng thua.

Chủ lừa cũng đáp kệ:

Bà-la-môn ơi vui điều chi
Nó tuy dáng đẹp chẳng ai bì
Vác nặng đường xa ông nên biết
Duì nung lửa đốt cũng chẳng đi.

Chủ đậu nói kệ đáp:

Ta dùng gậy ngàn thu
Chùy bốn tấc đánh đầu
Hàng phục lừa ngang bướng
Có gì phải lo âu.

Bấy giờ lừa lên tiếng:

Hai chân trước đứng yên
Hai chân sau đá liền
Răng hàm trên ông gãy
Biết trước chớ than phiền.

Chủ đậu nói kệ đáp:

Ruồi muỗi trùng độc bám
Chỉ dùng đuôi bảo vệ
Ta chặt đuôi và cẳng
Cho mày nếm khổ đau

Lừa đáp lại:

Tổ tiên tôi xưa nay
Thường sống theo tánh này
Giờ tôi y như thế
Dù chết chẳng đổi thay.

Bấy giờ chủ đậu biết nó ngang bướng, không thể dùng lời gay gắt nên ông ta chuyển sang khen ngợi:

Tiếng kêu thật tuyệt vời
Mặt trắng như tuyết rơi
Cưới vợ cho con nhé!
Cùng nhau dạo khắp nơi.

Lừa nghe những lời ngọt ngào liền đáp:

Sức con đội tám đấu
Sáu trăm dặm một ngày
Bà-la-môn nên biết
Được vợ thích lắm thay.

Phật dạy: "Hai người chủ lúc bấy giờ nay chính là hai vị Ma-ha-la. Con lừa là con của Ma-ha-la, đã từng đem lòng dối gạt khiến cho cư sĩ Bà-la-môn phải đem tài của cung cấp".

(Trích luật Tăng Kỳ quyển bảy)

9. QUẢ BÁO CỦA SỰ GANH TỴ:

Phật bảo tôn giả Xá-lợi-phất: "Thuở xưa, vào thời đức Phật hiệu là Tận-Thắng, lúc ấy có hai vị Tỳ-kheo tên là Vô-Thắng và Thường-hoan. Tỳ-kheo Vô-Thắng đã chứng được lục thông còn Thường-hoan vẫn chưa dứt trừ hết kiết sử. Lúc đó có trưởng giả tên Đại-Ái, vợ tên là Thiện-Ấu xinh đẹp tuyệt vời. Họ là đàn việt của hai vị Tỳ-kheo này. Thế nhưng, Thiện-Ấu thường cúng dường cho Vô-Thắng rất chu đáo còn Thường-hoan thì rất ít. Vì vậy, Thường-hoan đem lòng ganh tỵ và phỉ báng Vô-Thắng. Ông ta vu khống Tỳ-kheo Vô-Thắng tư thông với Thiện-Ấu, do ân ái với nhau nên được cúng dường trọng hậu".

Phật bảo Xá-lợi-phất: "Ông biết Thường-hoan là ai không? Chính là ta đấy! Còn nàng Thiện-Ấu là cô gái Bà-la-môn tên Chiên-sa.

Lúc đó vì Ta hủy báng A-La-hán Vô-Thắng nên bị đoạ vào địa ngục trong vô số kiếp. Nay tuy đã thành Phật nhưng vẫn còn dư báo, bị đồng nữ Cát-thiệt độn gỗ vào bụng giả mang thai đến phá hoại ta".

Cô ta bảo: "Tại sao Sa-môn không nói việc nhà lại đi lo chuyện người khác? Giờ ông một mình vui sướng mà không hề biết đến nỗi khổ của tôi. Trước vì cùng ông chung chăn gối nên nay đã mang thai, gần đến ngày khai hoa. Bây giờ tôi cần có những thứ sữa dầu để nuôi nấng đứa bé, ông phải lo hết cho tôi".

Bấy giờ đại chúng cúi đầu im lặng, Thích-đề-hoàn-nhân đang đứng hầu quạt cho đức Phật đứng ở phía sau, hóa làm con chuột chui

vào trong áo cô ta, cắn khúc gỗ rơi xuống đất. Khi ấy, bốn chúng đệ tử và lục sư ngoại đạo hết sức phấn khởi, cười vui mừng rỡ. Họ đều mắng trách cô gái kia: "Ngươi là kẻ tử tội, dám phỉ báng bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Quả đất này vô tri mới có thể dung chứa được tội ác của ngươi.

Bấy giờ, mặt đất liền nứt ra, lửa bốc ngùn ngụt, cô gái lập tức bị rơi vào địa ngục. Đại chúng chứng kiến việc ấy, vua A-xà-thế kinh sợ dựng tóc gáy, liền đứng dậy thưa với Phật: "Bạch đức Thế tôn, cô gái này hiện giờ đang ở cõi nào?"

Phật dạy: "Đại vương! Cô gái đó đã rơi vào địa ngục Tỳ-nê-lê".

Nhà vua lại hỏi: "Bạch Thế tôn, cô gái này không sát sanh, không trộm cắp, chỉ mang tội vọng ngữ, cớ sao phải rơi vào địa ngục?"

Phật dạy: "Đại vương, Pháp ta đã nói có ba loại; thượng, trung, hạ. Thân, khẩu, ý hành".

Vua lại hỏi: "Như thế thì loại nào nặng nhất, loại nào trung bình, loại nào là thấp?"

Phật dạy: "Đại vương, trong các tội, ý hành quan trọng nhất, khẩu hành bậc trung, thân hành là bậc hạ".

(Trích kinh Hưng Khởi Hạnh quyển hạ)

10. CÔNG ĐỨC TRÌ GIỚI:

Lúc bấy giờ, tại nước Kiều-tát-la có hai vị Tỳ-kheo, một người hay phạm giới, còn một người chuyên trì giới. Một hôm, cả hai cùng đến vấn an đức Phật. Trên đường đi gặp vũng nước có trùng, Tỳ-kheo phạm giới bảo: "Chúng ta cùng uống nước đi!"

Tỳ-kheo trì giới bảo: "Trong nước có trùng, làm sao uống được?"

Vị phạm giới nói: "Nếu không uống chúng ta sẽ chết mất, như thế sẽ không được thấy Phật, nghe pháp và gặp chúng Tăng".

Vị trì giới bảo: "Dù có chết tôi cũng không uống".

Lúc đó, vị phạm giới liền uống, còn vị kia vì kiên quyết không uống nên bị chết khát. Sau khi chết, thần thức của ông lập tức tái sanh vào tầng trời thứ ba mươi ba, được thân trời đẹp đẽ. Sau đó, ông xuống đảnh lễ Phật trước vị Tỳ-kheo kia. Đảnh lễ xong, ông đứng sang một bên. Phật giảng các pháp cho ông ta nghe, nên chứng được pháp nhãn tịnh, ông vội đảnh lễ Phật và thưa: "Con xin quy y Tam bảo, trọn đời làm vị Ưu-Bà-tắc.

Nói pháp xong, đức Phật im lặng, vị Trời lễ Phật rồi bỗng nhiên biến mất.

Bấy giờ vị Tỳ-kheo uống nước cũng vừa đến, gặp lúc đại chúng đang vây quanh Phật, nghe pháp. Nhìn thấy vị Tỳ-kheo đến, Phật liền vén Uất-đa-la-tăng, để lộ cánh tay sắc vàng và bảo: “Ngươi là kẻ ngu si, vì muốn thấy nhục thân ta mà phạm giới, chẳng bằng người trì giới kia đã thấy pháp thân ta”.

Đức Phật liền nói kệ:

Tâm không khéo quán sát
Thấy thời không thấu suốt
Ngu như con thiêu thân
Tự đâm đầu vào lửa
Để rồi bị chết cháy
Mong thấy ta làm gì
Sắc thân đồ bất tịnh
Ngươi muốn thấy mà chi
Bên trong đầy máu thịt
Ngoài da mỏng bao bọc
Kia dù khát thiêu đốt
Hết lòng tôn kính giới
Thà chết giữ giáo pháp
Thấy ta ngươi chẳng bằng.

Phật nói kệ xong bảo với các Tỳ-kheo: “Từ nay, nếu ai không có đãy lọc nước thì không cho phép đi du hóa, người nào không tuân giữ là phạm giới. Nếu nơi có dòng nước sạch hoặc sông lớn, hoặc suối trong, từ chùa này sang chùa kia trong khoảng hai mươi dặm thì không phạm”.

(Trích luật Thập Tụng, phần Tạp Tụng quyển ba)

11. THỌ MẠNG CỦA NGẠ QUỶ:

Bấy giờ ở nước Ca-la có một ngạ quỷ đang đứng dựa cổng thành. Tỳ-kheo Mãn-nguyện hỏi nó: “Ngươi làm gì mà đứng đây?”

Ngạ quỷ hỏi: “Bộ Ngài thấy tôi sao?”

Tỳ-kheo đáp: “Thấy chứ!”

Quỷ nói: “Chồng tôi vào thành đến giờ vẫn chưa thấy về, cho nên tôi đứng đây đợi ông ấy”.

Tỳ-kheo hỏi: “Chồng ngươi vào thành làm gì thế?”

Quỷ đáp: “Hiện giờ trong thành có vị đại trưởng giả mang bệnh ung thư lâu ngày, khối u đã vỡ, máu mủ tràn lan, chồng tôi đến lấy, cả hai cùng ăn để cứu mạng ông ấy”.

Tỳ-kheo hỏi: "Chồng ngươi vào thành bao lâu rồi?"

Quỷ đưa tay chỉ thành phố gần bờ sông rồi bảo: "Từ khi chồng tôi đi, thành phố ở bên sông này thành hoại cho đến nay là lần thứ bảy rồi. Chồng tôi vào thành đã ngần ấy thời gian".

Như thế đó, ngạ quỷ sống bao lâu không thể đếm được và cũng không giới hạn".

(Trích kinh Quần Ngưu Thiên Đầu)

12. TỲ-KHEO GẶP NẠN CƯỚP:

Thuở xưa, có năm trăm vị Tỳ-kheo đi ngang qua đầm lớn, gặp bọn giặc cướp. Chúng lột hết y phục của các Tỳ-kheo, dùng dây cỏ trói họ lại rồi bỏ đi.

Các vị Tỳ-kheo này muốn bứt cỏ đứng dậy nhưng lại sợ phạm giới. Họ thầm nghĩ: "Thà bỏ thân mạng, quyết không phạm giới".

Bốn ngày trôi qua, nhân lúc nhà vua đi săn gặp cảnh tượng đó liền xuống ngựa đảnh lễ, hỏi nguyên do.

Các vị kể lại, nhà vua liền cởi trói cho họ và mời về cung cúng dường.

(Trích Kinh Thí Dụ quyển sáu)

13. TỲ-KHEO SỢ QUỶ:

Thuở xưa, có một ngôi chùa trên núi, trong căn phòng nọ, quỷ dữ thường đến quấy rối, chọc phá chúng Tăng. Vì vậy, gian phòng ấy chẳng ai dám ở cả.

Một hôm, có vị khách Tăng từ nơi khác đến, Duy na liền sắp xếp cho ông ta ở trong gian phòng ấy và bảo: "Trong gian phòng này có con quỷ dữ hay hiện ra quấy phá người".

Vị khách Tăng cho mình là người có đạo lực trì giới nên nói: "Một con quỷ nhỏ làm gì được ai, tôi có thể hàng phục nó".

Thế là vị khách tăng vào phòng. Hoàng hôn dần buông phủ, chợt đâu có một vị khách tăng khác cũng đến xin cư trú. Vị duy na cũng phân cho ông ta đến trú chung với vị khách trước, đồng thời cho ông ta biết ở trong phòng đó có quỷ. Người này quả quyết: "Tôi sẽ hàng phục nó".

Bấy giờ, ở gian phòng kia vị khách Tăng đến trước đã đóng cửa tỉnh tọa đợi quỷ tới. Vị khách Tăng đến sau, vì trời quá tối, ông ta đập cửa đòi vào. Nghe tiếng đập cửa, vị tăng bên trong cho là quỷ nên không chịu mở. Thế là người bên ngoài hết sức đẩy cửa vào, người bên trong thì ráng sức đẩy ra. Vị tăng bên ngoài mạnh hơn, ông đẩy bay cửa

xông vào. Vị tăng bên trong liền đánh ra, cả hai cùng đánh trả tơi bời. Đến khi trời hừng sáng, hai người thấy mặt nhau hóa ra là bạn đồng học cũ. Bấy giờ họ vô cùng xấu hỗ, mở miệng xin lỗi lẫn nhau. Chúng Tăng biết được, xúm lại ôm bụng cười cái chuyện quái gở ấy.

(Trích luận Đại Trí Độ quyển chín mươi mốt)

14. TỲ-KHEO BỊ NẠN VUA ĐƯỢC SƠN THẦN CỨU:

Bấy giờ, đức Phật ở nước Xá-vệ, có một vị Tỳ-kheo tham thiền trong thất đất, bên vách đá. Lâu ngày, râu tóc, móng tay của ông đều ra dài, y phục lại rách nát.

Một hôm, vua Ưu-điền ra thành dạo chơi, mang theo mỹ nhân đi đến chân núi. Lúc ấy có một mỹ nhân ngoảnh đầu nhìn thấy một ngôi thất đất, trong đó có người, râu tóc dài thườn thượt, áo quần lại rách nát, hình thù như quỷ. Thấy thế, cô ta kinh hoảng thét lên: "Tâu bệ hạ, trong đây có quỷ!"

Nhà vua hỏi vói lại: "Nó ở đâu?"

Mỹ nhân đáp: "Ở trong nhà đất nơi cửa đá kia".

Nhà vua rút gươm xông vào thì thấy Tỳ-kheo, ông hỏi: "Ngươi là ai?"

Tỳ-kheo đáp: "Tôi là Sa-môn".

Nhà vua lại hỏi: "Sa-môn phái nào?"

Tỳ-kheo đáp: "Là đệ tử của Phật Thích Ca".

Vua hỏi: "Là bậc A-La-hán chăng?"

Ông đáp: "Thưa không phải".

Vua hỏi: "Ngươi đã chứng Tứ thiền chưa?"

Ông đáp: "Thưa chưa".

Vua hỏi: "Ông đã chứng tam thiền Nhị thiền hay chưa?"

Ông đáp: "thưa chưa".

Vua hỏi: "Đã chứng Sơ thiền chưa?"

Ông đáp: "Tôi thật đã chứng Sơ thiền".

Nhà vua chưa nguôi cơn giận, liền bảo với mọi người: "Kẻ huỳnh môn này có tâm dâm, là vị Sa-môn phàm tục, không có đạo hạnh chân chánh. Tại sao lại nhìn mỹ nhân của ta?"

Nhà vua ra lệnh cho các tùy tùng hãy mau giết chết Sa-môn này. Cận vệ liền thi hành. Đang lúc ấy, vị sơn thần thầm nghĩ: "Vị Tỳ-kheo này không có lỗi mà phải chết oan. Ta phải tìm cách cứu ông ta thoát khỏi nguy hiểm"

Sơn thần liền hoá ra con heo khổng lồ, chạy tới gần bên vua. Bọn

cận vệ nhìn thấy liền gọi: "Đại vương có con heo lớn đang đến gần Ngài kìa".

Nhà vua vội bỏ chuyện của Tỳ-kheo, rút gươm đuổi theo chú heo. Tỳ-kheo nhìn thấy nhà vua và binh lính đã chạy xa, ông liền đi khỏi ngôi thất ấy.

(Trích kinh Nghĩa Túc quyển thượng)

15. CÔNG ĐỨC TRÌ KINH:

Xưa có Tỳ-kheo chuyên tụng kinh A-Di-Đà và kinh Đại-Bát-Nhã-ba-la-mật, khi sắp mạng chung, ông gọi đệ tử đến bảo: "Phật A-Di-Đà và đại chúng đang đến".

Nói xong, vị ấy cử động thân đảnh lễ, trong chốc lát thì viên tịch. Sau khi qua đời, vị đệ tử đem nhục thể của thầy hỏa táng thì còn nguyên cái lưỡi không bị cháy.

(Trích luận Đại Trí Độ quyển chín)

16. PHẬT CẤM TỲ-KHEO Ở MỘT MÌNH NƠI VẮNG VẺ:

Bấy giờ, tại nước Kiều-tát-la, có vị Tỳ-kheo một mình tu trong rừng vắng. Khu rừng này thường có nữ phi nhân xuất hiện, vị phi nhân này cứ theo rủ Tỳ-kheo hành dâm, nhưng Tỳ-kheo trả lời: "Cô chớ nói như thế, tôi là người cắt đứt chuyện dâm dục".

Cô ta nói: "Nếu như không chịu thì tôi sẽ phá hết lợi dưỡng và làm cho ông phải đau khổ".

Tỳ-kheo đáp: "Cô ưa làm gì tùy cô".

Đêm xuống, Tỳ-kheo nằm nghỉ, quỷ cái kia dùng y quấn ông lại rồi đem bỏ vào trong cung vua, để nằm bên cạnh phu nhân. Khi thức giấc, vua thấy Tỳ-kheo liền hỏi: "Ông là ai?"

Tỳ-kheo đáp: "Tôi là Sa-môn".

Vua hỏi: "Sa-môn phái nào?"

Tỳ-kheo đáp: "Sa-môn thích tử".

Vua hỏi: "Vậy tại sao ngươi lại vào đây?"

Tỳ-kheo trình bày rõ sự tình, nhà vua nói: "Tại vì ngươi ở trong rừng vắng vẻ nên mới bị quỷ phá, thôi ngươi hãy về đi, ta hiểu biết Phật pháp nên không chất vấn ngươi đâu".

Tỳ-kheo thoát nạn, trở về bạch rõ sự việc lên đức Phật. Nhân đó Phật cấm: "Tỳ-kheo không được ở trong rừng vắng".

Lại nữa, cũng ở nước Kiều-tát-la, có vị Tỳ-kheo khác ở nơi vắng vẻ thường bị quỷ Tỳ-xá-già đến mời gọi: "Tỳ-kheo, hãy hành dâm với

tôi”.

Tỳ-kheo đáp: “Cô đừng nói như thế, tôi là người cắt đứt chuyện dâm dục”.

Quỷ nói: “Nếu không cùng tôi hoan lạc thì tôi sẽ phá tất cả lợi dưỡng và làm cho ông phải chịu đau khổ”.

Tỳ-kheo bảo: “Tùy cô”.

Đêm đến, Tỳ-kheo đang ngủ, quỷ lấy y quấn ông lại, đem bỏ vào trong bồn rượu của quán rượu. Sáng ra, gia chủ phát hiện mới hỏi: “Ông là ai?”

Tỳ-kheo đáp: “Tôi là Sa-môn”.

Chủ hỏi: “Sa-môn nào?”

Ông đáp: “Sa-môn Thích tử”.

Chủ hỏi: “Tại sao Ông ở đây?”

Tỳ-kheo kể rõ sự việc, chủ quán bảo: “Thôi Ông đi đi”.

Nhân sự việc ấy, đức Phật chế giới: “Tỳ-kheo không được ở trong rừng sâu, nơi hoang vắng, chỗ đáng sợ, nơi chốn không người”.

(Trích luật Thập Tụng, Thiện Tụng quyển hai)

17. TỲ-KHEO THẤT CHÍ TÂM SANH CUỒNG LOẠN:

Ngày xưa, có Tỳ-kheo đi khắp nơi khất thực, tình cờ vào nhà dâm nữ. Khi thấy Sa-môn vào nhà, dâm nữ vui mừng hớn hở, vội ra chào hỏi nghinh tiếp, đảnh lễ mời ngồi.

Dâm nữ hỏi: “Nhân giả từ đâu đến đây?”

Tỳ-kheo đáp: “Tôi chủ yếu đi khất thực nên tuần tự đến đây”.

Dâm nữ liền sửa soạn những món tươi ngon, sắp đầy vào bát của Tỳ-kheo. Thọ nhận thức ăn xong, Tỳ-kheo từ biệt. Do được thức ăn ngon nên Tỳ-kheo rất vui mừng, không kiềm chế được lòng mình, cứ vài ngày tìm đến chỗ cũ khất thực.

Cô gái thầm nghĩ: “Chắc Tỳ-kheo này giữ giới pháp không ai bằng, ta nên sửa soạn món ăn ngon lạ béo tươi để dâng cho ông ta”.

Thế là Tỳ-kheo cứ theo đường cũ mà khất thực, nhưng vị này học vấn chưa sáng, hạnh giải không thông, các căn còn ám độn chưa hàng phục được nên khi thấy cô gái có nhan sắc thì động lòng tà, tâm mong muốn phát khởi. Thêm vào đó, khi nghe cô gái thốt ra những lời êm ái, dịu dàng thì lòng mong ước được cận kề.

Bấy giờ Tỳ-kheo nghe thấy những cữ chỉ, lời nói dâm loạn mê hoặc nên không thể kiềm chế được lòng mình, mê mẫn không còn biết gì nữa.

Những lời Thế Tôn từng dạy như Tỳ-kheo khi nhìn thấy nữ sắc thì nên quán người già thì giống như mẹ, trung niên thì như chị, còn nhỏ xem nhu em út, như con cái của mình. Quán bên trong thân, tất cả đều là những thứ dơ bẩn, chẳng có gì đáng yêu thích cả. Nhìn thấy bên ngoài thì đẹp như chiếc bình được chạm trổ nhưng bên trong lại chứa những thứ bất tịnh. Quán tấm thân này là vô thường giả hợp, vốn không phải thật có. Nhưng lúc ấy Tỳ-kheo này chẳng biết quán cái gì mà chỉ quán sắc đẹp nên tâm dục bấn loạn.

Ông bảo với dâm nữ:

Nàng trẻ trung thân hình thanh nhã
Nét đoan trang xinh đẹp tuyệt vời
Xin nàng hạ cố theo ta nhé
Mong chở che ai đến suốt đời.

Dâm nữ đáp:

Thiết nghĩ thân ông không sản nghiệp
Đã tu sao khởi ý lôi thôi
Ông làm việc ấy không biết thẹn
Thế thì cút xéo khỏi nhà tôi.

Vậy là ông ta bị đuổi, tìm về đến Tinh xá Kỳ-hoàn kể lại cho các Tỳ-kheo nghe. Tỳ-kheo đem chuyện bạch rõ lên đức Phật. Phật dạy: "Vị Tỳ-kheo này, đời trước từng làm kiếp ba ba sống trong nước, cô gái kia làm thân vượn. Hai bên có ý thích nhau nhưng không có kết quả mà lại dối mình, họ không vào trong chánh pháp được, lại còn tăng thêm phiền não. Nay cũng như thế, nguyện lực chẳng theo tâm, trái lại chuốc lấy sự nhục nhã".

Đức Phật lại dạy tiếp: "Vào thời quá khứ có con ba ba sống bên cạnh dòng sông, cây cối um tùm. Trong khu rừng ấy có con vượn cũng đang sống trên cội cây đó.

Một hôm, ba ba trôi theo dòng nước, từ xa trông thấy chú vượn trên cội cây. Vì muốn kết làm bạn nên ba ba tiến đến hỏi han làm quen. Cứ thế, ngày nào chúng cũng gặp nhau, ba ba nhìn vượn không chán rồi khởi tâm ái nhiễm. Do vậy, ba ba bèn nói lời tỏ tình nên bị vượn mắng đuổi. Con vượn nay chính là dâm nữ, còn con ba ba nay là Tỳ-kheo khất thực này

(Trích kinh Thuyết Tỳ-kheo Phân Vệ)

18. SA-MÔN TRÂN TRỌNG CỨU MẸ THOÁT KIẾP NGẠ QUỶ:

Ngày xưa có vị cư sĩ tên Ưu-đa-la, có lòng tin Phật, vui nơi chánh pháp, gần gũi chúng Tăng. Ông thường trì mỗi tháng sáu ngày trai, giữ gìn tám giới pháp, bỏ ác làm lành, bảo vệ mạng sống của quần sanh. Vì vậy, ông được mệnh danh là Trân Trọng. Những thứ vinh hoa phú qúy ông không màng đến, gái đẹp quốc bảo không hề làm loạn chí, rượu thịt không thấm môi, tín tâm kiên cố, hiếu thảo với cha mẹ, quá giờ không ăn, chuyên tâm học đạo, hương hoa phấn sáp thân không hề chạm, tay không cầm binh khí gậy gộc, sợ băng hoại đạo đức, xa kẻ ngu si, thân cận bậc hiền, lấy sự huyền diệu của Phật pháp để hướng dẫn mẹ. Thế nhưng, mẹ ông tin theo tà kiến, tham lam bỏn xẻn không chịu bố thí, nên ông thường lấy chánh pháp để khuyến dụ mẹ mình.

Sau khi mẹ lâm chung, ông xuất gia làm Sa-môn, tâm hành tịch diệt, tỉnh tọa dưới gốc cây, quán sát mười phương, thường tự suy nghĩ: “Từ ngày mẹ lâm chung đến nay đã hơn hai mươi năm rồi nhưng không biết hiện giờ sa đọa vào chốn nào. Nay ta phải tìm xem người đang ở đâu”.

Vì lòng mong muốn báo ơn sanh dưỡng nên chỉ trong chốc lát có một ngạ quỷ, thân hình lem luốc, nhìn thấy đáng sợ, tóc dài quấn thân, chân lê sát đất, lui tới rên la không ai cứu vớt, lết dần đến chỗ ông thưa: “Tôi kết bè với bọn ác, làm bạn với kẻ ngu, đã hai mươi năm không thấy Sa-môn, nay mới gặp Ngài. Tôi đang đói khát sắp chết, xin Ngài thương xót, cho tôi nước gạo để cứu lấy mạng sống nhỏ nhoi này”.

Sa-môn đáp: “Nước ngọt trong biển cả, há không đủ uống hay sao?”

Ngạ quỷ đáp: “Vừa muốn uống thì nước hóa ra mủ máu, hôi tanh vô cùng. Cơm ăn thì hóa thành than đỏ, thiêu cháy lưỡi miệng. Lại bị quỷ khóa chặt dây xiềng vào cổ, dùng gậy sắt nung đỏ để đánh đập. Không biết mang tội nặng gì mà nay phải đến nỗi này?”

Sa-môn đáp: “Lúc xưa ngươi làm người, trái lời Phật dạy, cùng kẻ ngu si kết thành bè đảng, theo điều sai quấy, lấy họa làm phước, bỏn xẻn không thí, tham lam qúa đỗi nên mắc phải quả báo này”.

Ngạ quỷ nức nỡ khóc: “Thật đúng như thế!”

Lại nữa: “Trước kia làm người, ta có một đứa con trai, là một vị Phật tử tại gia, thường thờ phụng Tam bảo, giữ gìn giới pháp, thực hành mười thiện nghiệp, trì sáu ngày trai, giữ tám giới pháp chưa hề thiếu sót, lại còn hiếu thảo vơí cha mẹ, lấy trí thờ Phật, noi gương đức hạnh

cao qúy của Sa-môn như bóng theo hình. Nó còn thường khuyên ta bố thí, cúng dường Thánh chúng, nhưng vì không có trí tuệ chơn chánh nên tin những lời dụ dỗ của bọn ngu ác, nay phải chuốc lấy cái tai họa này, nguy hại khó lường".

Nói lời ấy xong, ngạ quỷ nước mắt đầm đìa, tha thiết cầu xin: "Sa-môn thương xót cứu vớt thân tôi".

Sa-môn hỏi: "Nay muốn chuyển được nghiệp ngạ quỷ này thì phải dùng đức gì đây?"

Ngạ quỷ đáp: "Ngài hãy lấy bình đựng nước, trong để nhành dương, dùng pháp phục chú nguyện lên và sửa soạn đầy đủ các thức ăn để cúng dường, nhờ Tỳ-kheo tăng đọc tên chú nguyện cho tôi. Như thế không bao lâu khiến ch tôi có ăn có mặc. Giả sử tôi đã xả bỏ báo thân trong loài ngạ quỷ, phước đức của tăng chú nguyện tôi đều hưởng được".

Sa-môn làm theo lời quỷ, lấy bình nước trong, để cành dương, sắm sửa thức ăn pháp y, dâng lên cúng dường, nhờ đại tăng chú nguyện. Bấy giờ trong ao nước lớn mọc một đóa hoa sen, mùi hương bát ngát, lá hạt sum xuê. Thế là, sở nguyện được tùy tâm, năm trăm người bạn thấy thế lấy làm lạ, họ bảo: "Người này chỉ một mình mà có phước đức gì trợ giúp, sớm thoát khỏi tội nặng, sở nguyện được tùy tâm như thế?"

(Trích Kinh Ưu-đa-la Mẫu)

19. RỒNG CÚNG DƯỜNG CHÂU MA NI CHO SA-MÔN:

Thuở xưa, có vị Sa-môn theo đoàn thương buôn qua biển, giữa chừng thuyền bị chao đảo, không tiếp tục đi được, mọi người la lên: "Trong thuyền chắc chắn có người không thanh tịnh, hãy mau xét thẻ đuổi ra".

Sa-môn bị đuổi, tự mình lao đầu xuống biển. Lúc ấy có Long vương dùng hoa sen bảy báu đỡ lấy Sa-môn, rồi đưa về long cung. Sa-môn nhìn thấy lâu đài cung điện, tòa nhà bảy báu. Long vương mời Sa-môn vào rồi cúi đầu đảnh lễ thưa: "Con bị bệnh nhức đầu, nay đã hơn sáu trăm năm rồi, con luôn tìm đạo nhân để chữa trị nhưng đến hôm nay mới gặp được, xin Ngài hãy trị cho con".

Sa-môn đáp: "Tôi không biết y dược thì làm sao chữa trị cho Ngài?"

Long vương nói: "Trong biển này có nhiều thần y nhưng họ không chữa khỏi bệnh của con, chỉ vì chưa nghe được pháp dược".

Sa-môn liền thuyết pháp, chỉ trong chốc lát thì bệnh của Long

vương liền khỏi. Ông vô cùng vui mừng, thiết lễ cúng dường Sa-môn suốt chín mươi ngày. Một hôm, ông thưa: "Lâu nay Ngài vì con mà khổ nhọc, con thật ngại ngùng, giờ đây thuyền ấy đã trở về, con xin tiểnbiệt Ngài".

Long vương chọn ba viên châu ma ni, một viên cúng dường đức Phật, một viên cúng dường chúng Tăng, còn một viên cúng dường Sa-môn. Long vương sai long thần đưa tiễn, chốc lát đến thuyền. Bạn bè thấy vậy vừa sợ vừa mừng, cùng nhau trở về bổn quốc. Mọi người theo Sa-môn đến chỗ Phật, Ngài nói pháp cho họ nghe, tất cả đều phát đạo tâm, độ thoát vô lượng.

(Trích kinh Thí Dụ quyển chín)

20. SA-MÔN ĐỐT CỎ BIẾN THÀNH XƯƠNG TRÂU:

Ngày xưa, khi A-nan làm chấp sự, có một vị Sa-môn chứng quả A-na-hàm. Một hôm, ông ta đang đốt cỏ ở trên núi làm dơ bẩn pháp y. Bấy giờ có người mất trâu, họ kiếm tìm khắp nơi nhưng không có. Người ấy nhìn thấy có đống lửa đang cháy, liền tìm đến đó, nhìn thấy trong đống than lửa đều là xương trâu, bình bát biến thành đầu trâu, pháp y biến thành da trâu. Người ấy liền lấy xương cột lên đầu thầy rồi dẫn đi khắp nơi trong nước để cho mọi người đều trông thấy.

Bấy giờ có vị Sa-di thấy đã đến giờ ngọ nên ra đánh kiền chùy, nhưng không thấy thầy đến. Sa-di liền vào phòng ngồi nhập định, quán thấy thầy mình bị làm nhục. Ông ta vội chạy đến đảnh lễ hỏi: "Sao thầy bị như thế?"

Sa-môn đáp: "Đấy là tội xưa ta đã gieo tạo".

Sa-di nói: "Thầy hãy tạm về ăn cơm".

Cả hai người liền bứt dây vận thần thông bỏ đi. Sa-di chưa đắc đạo, chưa đoạn trừ được tâm sân, nên khi ngoảnh lại, thấy thầy mình bị bọn cư sĩ cùng với mọi người trong nước làm nhục. Sa-di nghĩ nên sai rồng nổi mưa cát đá, chấn động cả cõi nước, khiến cho mọi người kinh hãi. Suy nghĩ vừa dứt, bốn bề mưa cát nổi lên làm cho thành phố, nhà cửa đều sụp đổ.

Vị Sa-môn bảo: "Trong đời quá khứ, có một kiếp ta làm nghề mổ bò nên hôm nay ta bị quả báo này. Còn con, cớ gì mà tạo tội? Con hãy về đi, đừng theo ta nữa. Tội phước như thế, hãy nên cẩn thận.

(Trích kinh Thí Dụ quyển thượng)

21. SA-MÔN KHẤT THỰC BỊ VU KHỐNG:

Ngày xưa có vị Sa-môn đi khất thực, đến nhà buôn bán châu báu, gia chủ đang sửa soạn cơm cúng dường cho vị Sa-môn. Cùng lúc ấy, người nhà đem về một viên minh châu vô giá, để bên cạnh vị Sa-môn.

Bấy giờ có con ngỗng đến nuốt mất viên minh châu nhưng chủ nhà không thấy, nhân đó hỏi Sa-môn, nhưng Sa-môn đáp là không lấy.

Chủ nhà lại hỏi Sa-môn: "Vậy thì nãy giờ thầy có thấy vị nào đến đây không?"

Sa-môn đáp: "Không thấy".

Chủ nhà nổi giận: "Tôi vừa đặt viên minh châu xuống đây, ngoài thầy ra không có ai khác, sao thầy lại chối, vậy thì minh châu biến đi đâu?"

Chủ nhà liền đánh Sa-môn, máu chảy rất nhiều. Sa-môn cố gượng lên nói: "Tôi không có giấu viên minh châu mà!"

Chốc lát sau, chú ngỗng lại ra uống máu của Sa-môn, bị chủ nhà buông gậy đánh trúng, ngỗng liền chết ngay. Ông ta tiếp tục giáng gậy đánh Sa-môn tiếp, Sa-môn liền bảo: "Ông hãy dừng tay, nghe tôi nói đây; viên minh châu ấy bị con ngỗng nuốt".

Chủ nhà đem ngỗng mổ lấy viên minh châu ra và nói với Sa-môn: "Sao thầy không chịu nói sớm để phải đến nỗi như thế!"

Sa-môn đáp: "Tôi giữ giới Phật, không được sát sanh, nếu như tôi nói ra thì ông sẽ giết nó, giờ nó chết rồi, tôi mới dám nói cho ông biết. Giả sử nó còn sống, dù cho ông đánh chết, tôi cũng không nói".

Chủ nhà tự thân sám hối với Sa-môn, nhưng Ngài không giận, sắc mặt không đổi.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ quyển một)

22. SA-MÔN BỊ QUỶ PHÁ:

Ngày xưa có vị Sa-môn thường ở trong núi tu tập. Một hôm, có một con quỷ hoá là người không đầu đi đến. Sa-môn quát to: "Quỷ không đầu thì không biết đau đầu, không mắt tai thì không thấy, không nghe được".

Quỷ lại hóa làm người không có thân. Sa-môn bảo: "Quỷ không có thân thì không biết đau ngứa, không có ngũ tạng thì không biết bệnh hoạn".

Quỷ lại hoá làm người không có tay chân. Sa-môn nói: "Không có tay chân thì không thể di chuyển được, cũng không thể bắt người được".

Quỷ biết Sa-môn thủ chí nên nó biến mất.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ quyển một)

23. SA-MÔN GIÁO HOÁ QUỶ:

Có vị Sa-môn hành đạo, gặp con quỷ ăn thịt người, quỷ vội chạy đến ôm ông ta. Sa-môn nói: "Hôm nay ta và ngươi gặp nhau nhưng lòng hai ta cách xa như trời đất. Lòng ngươi hiếu sát còn ta hiếu sinh, ngươi trái với đạo".

Nghe thế, quỷ liền buông Sa-môn ra và cúi đầu sám hối: "Tôi là kẻ ngu si không bằng Ngài".

(Trích kinh Tạp Thí Dụ quyển một)

24. SA-MÔN ĐỘ THỢ SĂN:

Xưa có vị Sa-môn, ngày đêm tinh tấn hành đạo, không hề biếng nhác, nhưng vì còn mang tấm thân, cần phải ăn uống, nên ông đi khất thực.

Một hôm, ông đến chỗ thợ săn khất thực, tên này bạo ngược, định giương cung bắn, Sa-môn nói: "Hãy khoan, đừng bắn nơi khác, bắn ngay cái bụng của ta đấy".

Nói xong, ông phanh bụng ra rồi bảo thợ săn bắn. Thợ săn thấy cử chỉ ấy rất kì quái nên hạ cung xuống, đi đến hỏi: "Thông thường, người ở đời rất sợ cái chết, còn ông, sao lại bảo tôi bắn bụng?"

Sa-môn đáp: "Cái bụng này muốn ăn, vì vậy không tránh khỏi nguy hiểm, cho nên phải bắn nó".

Thợ săn nói: "Tôi lên đỉnh núi săn bắn, không tránh cọp sói cũng vì cái bụng này. Nay nhờ phước duyên xưa đến, bỗng nhiên được tỉnh ngộ".

Sa-môn liền nói cho ông ta nghe nỗi khổ trong ba đường và niềm vui Niết-bàn. Thợ săn biết tội giết hại chúng sanh rất nặng, liền phát Bồ-đề tâm, thọ lãnh giới pháp.

(Trích kinh Thí Dụ quyển 10)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 20

1. Tuyển Trạch được Phật giáo hóa chứng tam quả.
2. Tu đà hoàn nhân vợ bệnh đắc qủa a-na-hàm.
3. Tỳ-kheo lập thệ nhập định, trải qua thời gian dài, xuất định liền chết.
4. Tỳ-kheo tọa thiền bị rắn độc cắn, chết sanh thiên, gặp Phật đắc đạo.
5. Tỳ-kheo ngăn vua đội khăn, mang giày vào lễ Phật nghe pháp.
6. Tỳ-kheo tu quán bất tịnh, đác quả tu-đà-hoàn.
7. Tỳ-kheo mù nhờ người xỏ kiêm, nghe pháp, đắc đạo.
8. Tỳ-kheo tam tạng mặt y phục cũ rách thường bị đói, mặt y phục đẹp được ăn ngon.
9. Phật nói pháp dục ái, Tỳ-kheo tộc tánh tử chứng pháp hiền Thánh.
10. Bảy người con của Chiên-đà-la trái lệnh vua, bị mất mạng.

1. TUYỂN TRẠCH ĐƯỢC PHẬT GIÁO HÓA CHỨNG TAM QUẢ:

Đức Phật dạy con người có bảy tạng xứ. Đó là phong tạng, sanh tạng, thục tạng, lãnh tạng, nhiệt tạng, kiến tạng, dục tạng. Trong các tạng này dục tạng bền chắc nhất, nó nương vào nước mắt, nước mũi, đàm giải, máu, mủ, gân, cốt, da, thịt, tim, gan, ngũ tạng, ruột, bao tử, phẩn, tiểu...

Bấy giờ, trong hội chúng có cư sĩ tên Tuyển Trạch, vợ ông ta là Diệu Sắc, dung nhan xinh đẹp tính cách đoan nghiêm. Ông ta rất mực yêu thương vợ, nên bị đắm trước phiền não của dục lạc, nghe Phật nói như vậy ông liền bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn xin Ngài chớ nói như vậy. Tại sao tâm dục lại khởi lên nơi phẩn tiểu? Vợ của con xinh đẹp không có các dơ uế. Để

độ ông ta Đức Phật liền hóa ra một người phụ nữ xinh đẹp, sạch sẽ gọn gàng giống như Diệu Sắc. Nàng khoan thai bước vào giữa hội chúng.

Tuyển Trạch tưởng là vợ mình thật liền hỏi:

- Sao nàng lại đến đây?

- Thiếp muốn nghe pháp.

Ông ta liền kéo nàng lại ngồi lên áo của mình. Đức Phật dùng thần lực khiến cho người phụ nữ ấy dây phẩn ra làm dơ bẩn cả áo ông. Tuyển Trạch không chịu nỗi mùi hôi, dùng tay bịt mũi, nhìn xung quanh rồi hỏi: “ai đã làm chuyện này”

Bạt Nan-đà không nhịn được nói:

- Vì sao quay đầu nhìn tôi mà bịt mũi?

- Hôi thối quá!

Đức Phật dùng thần lực khiến cho Bạt Nan-đà và cả hội chúng thấy người phụ nữ ấy làm dơ áo ông ta.

Bạt Nan-đà liền hỏi:

- Hãy nhìn vợ ông đã bị dơ uế rồi kìa!

- Vợ ta sạch sẽ thân không có các dơ uế. Nếu người nào nghi ngờ thì hãy đến mà xem. Rồi lại nói với Bạt Nan-đa:

- Ta cho rằng ông đã làm ra điều này đấy!

Bạt Nan-đà tức giận, đứng dậy nói:

- Ông đáng được gọi là cư sĩ thúi. Vợ ông đã dây bẩn ra đầy cả trên áo ông, ông bị phẩn trây lên đầy người mà không biết xấu hổ, trở lại vu báng người khác. Cư sĩ thúi này đáng bị đuổi ra khỏi chúng. Nói xong lập tức lôi ông ta ra ngoài.

Tuyển Trạch bèn nói với vợ:

- Ta vì yêu thương nàng cho nàng ngồi trên áo, nàng là người lớn mà lại làm như vậy ư?

Người vợ nói: “Ông gần túi phẩn thì phải chịu như vậy thôi!”

Tuyển Trạch bấy giờ liền sanh tâm nhàm chán, muốn lau sạch phân trên áo thì phân lại dính vào người hơn trước. Ông bèn quay qua hỏi Bạt Nan-đà:

- Tôi phải làm cách nào để khỏi bị dơ?

- Chẳng phải chỉ có phẩn này dính thân ông thôi đâu mà còn có các điều tệ hại khác nữa. Về phần ông nếu muốn trừ bỏ các dơ ấy thì hãy tránh bà ta ra, phẩn của vợ ông đã làm cho cả hội chúng đau đầu bực bội.

Ông ta đáp:

- Đệ tử Phật điều rất từ bi sao ông lại ác khẩu như vậy?

- Ông thật đáng trách, ông tự thấy vợ ông là sạch sẽ nên mới vu báng ta chớ gì?

Tuyển Trạch bảo với vợ:

- Nàng hãy trở về trước đi.

Khi bà ta đi rồi, ông liền nói với Bạt Nan-đà:

- Tôi nay thấy rõ người nữ tà vạy nhiều tội lỗi, đầy dẫy sự bất tịnh, tâm vô cùng nhàm chán muốn rời bỏ và xuất gia tu học.

Bạt Nan-đà nói:

- Nay thân thể ông hôi thối như vậy nếu dùng hương thơm thoa vào thân phải đến một năm thì sau đó họa may mới có thể xuất gia được.

- Nếu tôi phải dùng hương thơm thoa thân đến một năm, biết đâu vô thường cướp đi thân mạng hoặc Đức Phật nhập Niết-bàn thì chí nguyện xuất gia của tôi sẽ không thành tựu. Nếu như nay cho tôi xuất gia thì tôi sẽ không ở trong thành ấp xóm làng tăng phòng,Tinh Xá mà sẽ ở nơi vắng vẽ đắp y bá nạp đi khất thực, khi tôi đã ở nơi vắng vẽ thì mùi hôi thối không ảnh hưởng đến người khác nữa.

Đức Phật nghe vậy liền nói:

Lành thay! Ông là Sa-môn tu hành phạm hạnh, lập tức tóc râu của Tuyển Trạch tự rụng aó mặc trên mình biến thành ca sa, tay ôm bình bát giống như vị Tỳ-kheo. Đức Phật thuyết pháp tứ đế ông lìa xa trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh, Đức Phật lại thuyết pháp, ông đắc quả A-na-hàm. Sáng hôm sau ông đắp y ôm bát vào thành vương khất thực, đến đứng trước cửa nhà mình. Bấy giờ Diệu Sắc trông thấy chồng đã cạo tóc làm vị Tỳ-kheo liền nói:

- Vì sao ông lại bỏ nhà đi làm Sa-môn?

- Hôm qua nàng thải ra những thứ bất tịnh làm nhơ uế thân ta.

- Ông là Tỳ-kheo mà lại vu báng người như vậy ư? Tôi từ ngày về làm vợ ông đến nay chưa từng ra khỏi cửa huống chi là đi đến vườn Trúc.

Bấy giờ có một ác quỷ nói với Tuyển Trạch:

- Người mà hôm qua ông thấy không phải là Diệu Sắc, người đó do Sa-môn Cù Đàm biến hóa ra để mê hoặc tâm ông, nay ông nên trở về vui hưởng ngũ dục đi, Sa-môn Cù Đàm dối trá, ông nay chẳng phải làt Tỳ-kheo thật sự. Sa-môn Cù Đàm thường dùng huyển thuật mê hoặc mọi người khiến cho họ xuất gia giống như lừa gạt ông ngày nay vậy.

Tuyển Trạch đã chứng quả biết đó là quỷ liền nói: “ Kẻ ác như ngươi cũng là giả ta và Diệu Sắc cũng đều là giả chỉ có các pháp Đức

Phật thuyết mới là chơn thật thôi”.

Diệu Sắc nghe được pháp này liền xa lià trần cấu, được pháp nhãn tịnh, đoạn trừ tâm nghi hối không nghe theo lời người khác, được pháp vô úy liền nói với Tuyển Trạch: “Hay thay! ông đã tu hành phạm hạnh trong giáo pháp của Phật, tôi cũng sẽ xuất gia tu học”.

(Trích kinh Xuất Hoa Đạo quyển tám)

2. TU ĐÀ HOÀN NHÂN VỢ BỆNH ĐẮC QỦA A-NA-HÀM:

Xưa có một người tánh dâm dật, lúc nào cũng nghĩ đến nữ sắc, muốn luôn nói chuyện với họ ngay trong giấc ngũ.

Một hôm, người vợ bị bệnh, thân thể héo hon. Gia đình họ kết thân với một đạo sĩ trí thức. Người vợ thưa vời với đạo sĩ:

- Thưa đạo sĩ! Con nay bị bệnh ngày một tiều tuỵ, con muốn bàyn tỏ nỗi lòng của mình, được không?

- Con cứ nói đi đừng ngại, nếu là việc bí mật ta sẽ giữ kin cho.

- Thưa đạo sĩ, chồng con đa dục, ngày đêm quấy nhiễu không để con ăn uống ngũ nghĩ, vì vậy nên con sanh bệnh, e rằng không thể khỏi bệnh.

- Nếu khi chồng con gần con thì hãy nói thế này: Pháp Tu-đà-hoàn là thế này ư?

Người vợ làm theo lời đạo sĩ. Người chồng rất hổ thẹn, nghĩ rằng: “Ta là Tu-đà-hoàn không dứt ý dâm dục được, nghĩ vậy, ông liền đến chỗ vắng vẽ thiền định, đác quả A-na-hàm, biết mình đã đắc đạo nên không làm việc dâm dục với người nữ nữa. Người vợ thấy vậy, hỏi chồng:

-Vì sao hôm nay ông bỏ được lòng dục?

- Ta đã thấy rõ cô, thì ta không thể cùng cô qua lại.

- Ông nói đã thấy rõ tôi, vậy tôi có lỗi gì? Tôi luôn luôn trong sạch không huỷ phạm lễ tiết của người phụ nữ, sao lại bí mắng đến nông nỗi này!

Người vợ liền mời họ hàng thân tộc đến, nói:

- Nay chồng tôi bạc bẽo, đoạn nghĩa vợ chồng, lại còn mắng chưởi tôi nữa, nói rằng biết rõ tôi. Giờ trước mặt mọi người, ông hãy nói đi

-Thôi đi đừng nói nữa! Nều cần tôi sẽ chứng minh cho mọi người rõ.

Người chồng vào trong lấy một chiếc bình chạm trỗ rất đẹp, chứa đầy phẩn uế, đậy chặt miệng bình, ngoài bình ướp hương thơm ngào ngạt, đem đến trước mọi người, bảo vợ rằng:

- Cô có thực lòng yêu tôi không? Nếu yêu tôi thì hãy vuốt ve cái bình này như đang âu yếm tôi vậy.

Người vợ liền ôm chặt bình vuốt ve âu yếm không muốn rời, thấy vậy, người chống liền đập vỡ bình. Phân hôi chảy tràn, dòi trùn lúc nhúc. Người chồng nói:

- Bây giờ cô có dám ôm cái bình vỡ này không?

- Tôi thà chết chứ không thể đến gần nó, thà nhảy vào hầm lửa, lao mình xuống vực sâu, từ núi cao nhảy xuống, đầu một nơi chân một ngã, quyết không thể gần nó.

- Cô đã thấy cái bình như vậy, tôi thấy cô còn gớm ghiếc hơn nữa, từ đầu đến chân, phân biệt quan sát có ba mươi sáu thứ bất tịnh, có gì đáng để ta tham luyến, liền nói kệ:

Người dũng nhập định quán
Thân tam nhiễm bụi nhơ
Thấy rồi sanh nhàm chán
Như chiếc bình chạm kia.

(Trích kinh Xuất Diệu quyển 11)

3. TỲ-KHEO LẬP THỆ NHẬP ĐỊNH, TRẢI QUA THỜI GIAN DÀI, XUẤT ĐỊNH LIỀN CHẾT:

Có một Tỳ-kheo đắc Diệt tận định, đến giờ ăn đắp y đến trai đường. Hôm ấy, chùa đánh kiền chuỳ trễ. Vị Tỳ-kheo tinh tấn suy nghĩ: "Sao ta lại để thời gian trôi qua vô ích thế này, không quán được vị lai, biết lúc nào sẽ đánh kiền chuỳ, liền lập thệ nhập diện tận định đến lúc đánh kiền chuỳ mới xuất định"

Bấy giờ chùa ấy gặp nạn, các Tỳ-kheo đều bỏ chùa ra đi. Ba tháng sau, tai nạn qua khỏi, các Tỳ-kheo trở về chùa, đánh kiền chuỳ tập chúng. Lúc ấy vị Tỳ-kheo kia xuất định rồi chết.

Về sau có một Tỳ-kheo khất thực. Trời mới mờ sáng, định đi khất thực lại gặp mưa lớn, vị Tỳ-kheo nghĩ: "Nếu vào trong thôn sẽ phai màu y của ta. Nếu đợi tạnh mưa sẽ uổng phí thời gian. Lúc này vì không quán được vị lai, biết lúc nào mưa mới tạnh, liền nhập định mưa tạnh sẽ xuất định". Có thuyết nói, mưa suốt nửa tháng, có thuyết nói mưa suốt một tháng. Khi mưa tạnh, vị Tỳ-kheo xuất định rồi chết.

(Trích luận Tỳ-Bà-sa quyển bốn)

4. TỲ-KHEO TỌA THIỀN BỊ RẮN ĐỘC CẮN, CHẾT SANH THIÊN, GẶP PHẬT ĐẮC ĐẠO:

Trong vườn Ni-câu-loại nước Ma-đầu-la có vị Tỳ-kheo đang tọa thiền nơi vắng vẽ. Có một con rắn độc nằm khoanh dưới dường của Ngài. vị Tỳ-kheo ngồi thiền ngũ gục, lúc ngửa lên, lúc cuối xuống. rắn độc nghĩ: "Nếu người này thấy ta sợ chắc muốn giết ta, liền ngóc đầu lên mỗ vào vị Tỳ-kheo. Tỳ-kheo mạng chung sanh lên trời Đao Lợi. Chư Thiên ngọc nữ đều đến hầu hạ quanh Ngài. vị Tỳ-kheo bảo: "Các cô chớ đến gần ta, nếu không ta sẽ bị phạm giới".

Các thiên nữ nghĩ: "Vị Trời này đời trước ắt là Sa-môn, được sanh lên đây hưởng phước trời". Các thiên nữ liền đem gương đến soi vào mặt Ngài. Tỳ-kheo thấy mình mặt áo mão trời, mới biết mình đã sanh thiên. Ngài liền đi đến khu vườn, ngồi dưới gốc cây thiền quán tư duy cầu Tam-muội.

Trong ao nước cạnh đó, có một loài chim lạ cùng cất tiếng kêu buồn bã, ai oán, âm thanh hòa quyện vào nhau. Muốn cầu thành đạo mà không được.

Bây giờ, thiên tử từ cõi trời Tam thập tam xuống cõi Diêm-phù-đề, đến chỗ Thế Tôn bạch rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Khi con hưởng hết phước trời sẽ sanh vào địa ngục Thái Sơn, cứ thế mà lưu chuyển, xin Ngài thương xót hóa độ cho con được giải thoát.

Đức Phật thuyết pháp, vị Trời ngay đó xa rời trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh.

(Trích kinh Tỳ-kheo Toạ Thiền Mạng Quá Sanh Thiên).

5. TỲ-KHEO NGĂN VUA ĐỘI KHĂN, MANG GIÀY VÀO LỄ PHẬT NGHE PHÁP:

Đúng theo luật, người vào chùa nghe pháp, lễ Phật đều phải cởi bỏ khăn nón.

Vua nước ấy, đầu bị hói lại có ghẻ, ỷ mình dòng dõi cao quý lấy vải dạ quấn đầu, chân mang giày, vào giảng đường nghe kinh. Vua bảo Tỳ-kheo:

Hãy nói pháp cho ta nghe.

Đức Phật có dạy không được nói pháp cho người mang giày nghe.

Vua tức giận liền cởi giày, rồi bảo Tỳ-kheo:

- Ông hãy mau nói pháp hợp ý ta, nếu không ta sẽ bêu đầu

ngươi.

Đức Phật cấm không được nói pháp cho người không trần đầu nghe.

Vua nỗi giận, ra oai nói:

- Ông muốn làm nhục ta, cố tình bắt ta phải để lộ đầu ra. Nếu ông không giải trừ được những khúc mắt trong tâm ta, ta sẽ chặt thân ông làm ba khúc.

Tỳ-kheo nói kệ:

Ông dùng tâm bất tịnh
Cùng với ý sân giận
Người muốn được nghe pháp
Của bậc đại trí nói
Phải diệt trừ cống cao
Tâm ý thật thanh tịnh
Xa lìa tâm hại người.

Vua nghe xong lộ vẽ hổ thẹn, đứng dậy năm vóc sát đất xin được diệt trừ tội lỗi thân khẩu ý, rồi quỳ gối chắp tay thưa với Tỳ-kheo:

- Không rõ bài kệ này từ kinh khẩu Như Lai nói ra hay là Tôn giả biết được tâm ý của tôi mà nói.

Bài kệ này do Như Lai nói đã lâu rồi.

Vua suy nghĩ: “Hay thay! Bậc đại Thánh chứng tam trí không việc gì mà không thông suốt, mời biết đời sau có kẻ sân hận hại người như ta, từ nay ta sẽ không tạo tội lỗi nữa.”

Vua nghe Tỳ-kheo thuyết pháp liền xa lìa trần cấu đác pháp nhãn tịnh.

(Trích kinh Khật Nhi Phá Ác Tâm)

6. TỲ-KHEO TU QUÁN BẤT TỊNH, ĐÁC QUẢ TU-ĐÀ-HOÀN:

Phật ở nước Xá-vệ. Có một Tỳ-kheo thật kỳ lạ, ngày ngày thường đến các cánh đồng ngoài thành, đi từ ruộng này sang ruộng khác. Người chủ ruộng thấy vậy nỗi giận, nghĩ: “Đạo sĩ gì mà ngày nào cũng đi lại không chịu tu hành”. Liền hỏi vị Tỳ-kheo:

Ông là ai? Vì sao đi ngang đi dọc trong ruộng tôi đầy dấu chân như vậy?

Tôi có việc kiện tụng muốn tìm người làm chứng.

Vị điền chủ này, do kiếp trước có duyên với vị Tỳ-kheo, nên nay được Ngài tế độ. Ông ta đi theo Tỳ-kheo đến nơi gò mã thấy xác chết nằm ngổn ngang, sình trường, hôi thối, chim thú kéo đến ăn, thịt vung

vãi khắp nơi. Có xác bị ăn hết, có xác vẫn còn, giống như chim bị chết cháy, giòi trùng đục khoét hôi hám không thể đến gần, các chim dữ tranh nhau đến ăn thây chết. Tỳ-kheo chỉ cho điền chủ thấy, rồi nói:

Các loài chim thú này là người làm chứng cho tôi.

Đây là chim thú sao có thể làm chứng được? Vậy ông đã cùng tranh cãi với ai.

Tâm ta bị bệnh, rật nhiều lỗi lầm, ta quán các thây chết này những thứ dơ uế hiện ra. Liền trở về phòng quán thân ta từ đầu đến chân giống như thây chết kia. Nhưng tâm ý này lăn xăn đuổi theo những thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc, hư huyễn. Ta nay muốn biết nguồn gốc của tâm này. Khi tâm ông khởi lên đừng để nó dẫn ông vào địa ngục, ngạ quỷ. Ta còn là phám phu chưa thoát khỏi các ráng buộc nhưng giặc tâm này không nghe lời ta, vì thế, nên mỗi ngày ta đến chỗ đồng trống, nói với cái tưởng về sự dơ xấu, bất tịnh, nói với tâm vốn là loạn động, mê lầm, bất định. Nay phải sửa đổi không tạo các nghiệp ác.

Người chủ ruộng nghe vậy, lau nước mắt nghẹn ngào ngào nói không nên lời.

Về sau, vị điền chủ này, vào thời Phật Ca-diếp trong suốt mười ngàn năm tu quán pháp bất tịnh, phân tích từ đầu đến chân có ba mươi sáu thứ dơ uế. Bấy giờ, vị Tỳ-kheo cùng điền chủ ở ngay bải tha ma nơi đồng trống đắc quả Tu-đà-hoàn.

(Trích kinh Tỳ-kheo Cầu Chứng Nhân)

7. TỲ-KHEO MÙ NHỜ NGƯỜI XỎ KIM, NGHE PHÁP, ĐẮC ĐẠO:

Có một Tỳ-kheo mù vá áo, kim bị sút chỉ, ông nói:

Ai thích tạo phước đức thì xỏ kim giúp tôi!

Lúc ấy, Phật đi đến chỗ Tỳ-kheo nói: “Ta là người thích tạo phước đức, ta sẽ xỏ kim dùm ông.”

Tỳ-kheo mù nhận ra tiếng Phật. Vội vàng đứng dậy đảnh lễ, thưa:

Bạch Đức Thế Tôn! Công đức của Ngài đã viên mãn, vì sao Ngài còn thích tạo phước đức.

Ta tuy công đức viên mãn, vì biết rõ những quả của công đức, nên được làm bậc cao nhất trong tất cả chúng sanh. Nhân đó, Tỳ-kheo mù tán thán công đức của Phật. Được nghe pháp, Tỳ-kheo mù đắc pháp nhãn tịnh, đôi mắt liền sáng.

(Trích luận Đại Trí quyển 10)

8. TỲ-KHEO TAM TẠNG MẶT Y PHỤC CŨ RÁCH THƯỜNG BỊ ĐÓI, MẶT Y PHỤC ĐẸP ĐƯỢC ĂN NGON:

Ở nước Kế Tân, có Tỳ-kheo Tam Tạng tu hạnh đầu đà. Một hôm nọ, Ngài đi đến chùa Nhất Vương, nơi đang thuyết hội lớn. Người giữ cửa thấy y phục Ngài rách rưới ngăn không cho vào. Ngài đến nhiều lần như vậy nhưng vẫn không được vào.

Sau đó Ngài mượn y đẹp đi đến hội. Lần này, người giữ cửa không ngăn lại. Ngài vào ngồi trong hội, trong đó bày nhiều thức ăn ngon. Ngài lấy thức ăn bỏ trên áo trước. Mọi người hỏi nguyên do, Ngài đáp:

Tỳ-kheo tôi mặt áo rách, mấy lần đến đây mà không được vào. Nay nhờ áo đẹp này tôi mới được vào, nên có được thức ăn ngon tất nhiên tôi phải cho cái áo trước.

(Trích luận Trí Độ quyển 4)

9. PHẬT NÓI PHÁP DỤC ÁI, TỲ-KHEO TỘC TÁNH TỬ CHỨNG PHÁP HIỀN THÁNH:

Xưa có người tên Tộc Tánh Tử từ bỏ gia đình vợ con cùng quyến thuộc xuất gia làm Sa-môn.Vợ của ông ta đoan trang xinh đẹp, thấy chồng mình bỏ gia đình xuất gia liền tái giá.Tộc Tánh Tử nghe tin vợ mình đã lấy chồng khác, vô cùng buồn bã không muốn tu hành, liền trở về nhà.

Các Tỳ-kheo nghe vậy đến bạcb Phật. Phật gọi Tộc Tánh tử đến dạy ông ta dẹp trừ những dơ uế si ái trần lao, chấm dứt vọng tưởng. Ngay đó Tộc tánh Tử chứng được pháp của Hiền Thánh. Các Tỳ-kheo bạch Phật:“bạch Đức Thế Tôn!Nếu không phải Như lai thì ai có được năng lực như vậy”.

Phật bảo: “Này các Tỳ-kheo!Vị Tỳ-kheo này không phải đời này tâm thường nghĩ tới dục mà ở đời quá khứ tâm ông ta cũng đã như vậy”.

Xưa có một vị quốc vương tên là Phương Tích. Trong cung vua phi tần mỹ nữ không thể tính kể. Các bà luôn tranh cãi không chịu sống hòa thuận với nhau, cuối cùng tất cả đều bỏ cung ra đi. Vua tìm khắp nơi không được buồn bã không biết làm sao. Lúc ấy có một vị tiên nhân chứng đắc ngũ thông, hiện hóa vô lường tên là Vô Lạc. Một hôm vị tiên đang bay trên không trung thấy vua buồn bã liền bay xuống trước vua nói Pháp về tai họa ái dục và công đức ly dục. Vua nghe pháp rồi xuất gia học đạo tu tứ phạm hạnh. Sau khi vua mạng chung được sanh lên cõi trời Phạm Thiên.

Phật bảo các Tỳ-kheo Vua Phương Tích thuở ấy nay chính là Tỳ-kheo này, còn tiên nhân Vô Lạc chính là ta vậy.

(Trích kinh Na-lại)

10. BẢY NGƯỜI CON CỦA CHIÊN ĐÀ LA TRÁI LỆNH VUA, BỊ MẤT MẠNG:

Xưa có gia đình Chiên đà la sanh được bảy người con trai. Sáu người anh đều đắc quả Tu-đà-hòan,chỉ người em út là chưa đắc đạo. Mẹ của họ đã đắc quả A-na-hàm. Bảy anh em đều thọ ngũ giới.

Theo lệ thường của nước này, giai cấp chiên đà la phải làm việc giết người. Bất cứ người dân nào nếu phạm tội giết người, trộm cướp, dâm lòan và các tội nặng khác thì vua đều ra lệnh cho chiên đà la giết họ.

Một hôm vua cho vời người anh cả đến và nói:

- Bọn người này tội đáng chết, ngươi hãy giết họ đi!

- Tâu Bệ hạ! Xin Ngài rộng lòng tha thứ, tiện dân đã thọ ngũ giới, giữ thân nghiệp rất thận trọng ngay cả con kiến cũng không dám giết, thà chết chứ không phạm giới.

Vua nỗi giận hạ lệnh lôi anh ta ra chợ giết. Anh ta lại tâu vua

- Thân này vốn là dân của vua, còn tâm này thì là của tôi. Bệ hạ muốn giết thì cứ giết, chứ tôi không thể vâng lời

Vua ra lệnh bêu đầu người anh cả, rồi cho vời các người em đến. Năm người em đều tâu:

- Tiện dân đã thọ năm giới không dám giết người !

Vua vô cùng tức giận ra lệnh giết tất cả, rồi cho vời người em út đến.

Lúc bấy giờ hai mẹ con chiên đà la cùng đi đến cung vua.Vua thấy bà mẹ càng giận dữ hơn nói:

- Sáu người con trước bị giết sao bà không đến, giờ đứa này bà lại đến?

Người mẹ tâu:

- Xin bệ hạ nghe tiện dân nói. Vì sáu người con trước đã đắc quả Tu-đà-hoàn. Giả sử đại vương có nghiền chúng nó nát như tro bụi, chúng nó vẫn không khởi tâm ác. Đứa út này còn là phàm phu, tuy biết tu thiện nhưng chưa ngộ đạo. Vì thế tôi lo nó sợ pháp vua mà tiếc thân mạng, phạm giới sát sanh, sau này chết sẻ đọa vào ngục Thái sơn. Vì thương con nên tôi đến đây.

- Sáu người trước đều đã đắc quả Tu-đà-hòan cả rồi sao? Vua

hỏi

- Tâu bệ hạ! Đúng vậy!
- Vậy bà đã đắc quả gì?
- Tiện dân đã đắc quả A-na-hàm!

Vua nghe xong gieo mình xuống đất, than thở tự trách:”Ta đã phạm tội lớn lỡ giết sáu vị Tu-đà-hoàn”.

Vua vô cùng buồn bã, tâm trí bất an đích thân mình chuẩn bị hương, dầu, củi để trà tỳ sáu người trước, và xây tháp cúng dường.

Mỗi ngày ba lần vua sám hối, mong tội tiêu diệt, rồi xuất tiền của cấp cho mẹ của họ. Đến các ngày trai vua cũng sám hối mong tội tiêu diệt để khỏi đọa địa ngục

(Trích kinh Từ Nhân Bất Sát)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 21

(THÁNH VĂN LÀM VIỆC ÁC, TĂNG BỘ 20)

1. NHÂN DUYÊN KẾT OÁN GIỮA ĐIỀU-ĐẠT VÀ ĐỨC PHẬT:

Bấy giờ, Điều-đạt có ý nghĩ xấu muốn phá hại phỉ báng Đức Như Lai, tự cho mình đã đắc đạo. Mọi người quở trách ông ta. Trời, rồng, quỷ thần, Đế thích, Phạm vương, Tứ Thiên vương đều khuyên bảo Điều-đạt:

- Ngươi muốn phá hại Phật, chẳng khác gì lấy tay ném mặt Trời, mặt trăng.

Nghe vậy, Điều-đạt vẫn không đổi ý. Các Tỳ-kheo đem việc ấy bạch Phật:

- Bạch Đức Thế tôn! Vì sao Điều-đạt có tâm hiềm hận, sâu nặng như thế?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Điều-đạt đối với ta không chỉ riêng đời này mà nhiều đời đã như thế. Vào thời quá khứ, có một nữ Phạm chí xinh đẹp vô cùng không ai sánh kịp. Theo phép thơi ấy thì các Phạm chí, giả sử muốn đem con gái ban cho người nào thông thuộc kinh điển thì phải thỉnh năm trăm bạn đồng học cúng dường ba tháng để xem xét kiến giải của họ. Lúc ấy, trong năm trăm người, có một người hiểu biết rộng nhưng đã lớn tuổi, gầy yếu, mặt xấu, mắt lờ. Nhìn thấy người này, cha mẹ cô gái đều buồn bã và chính bản thân cô cũng vậy. Cô tự nghĩ: đâu thể làm vợ một người xấu xí như quỷ thế này, phải tính sao đây?

Khi ấy, từ xa có một Phạm chí trẻ tuổi, tướng mạo đĩnh đạc, thông minh trí tuệ, nghe tin nhà nữ Phạm chí kia thỉnh các bạn đồng học để chọn người gả con gái của mình. Phạm chí trẻ tuổi này đi đến đó vấn nạn các Phạm chí kia. Tất cả đều không đối đáp được vì trí tuệ của năm trăm người ấy không sao bì kịp. Thấy Phạm chí này, cha mẹ và cô gái đều rất vui mừng, và nghĩ rằng: Nay mình đã tìm được chàng rễ tài giỏi như ý nguyện.

Thế rồi, Phạm chí lớn tuổi đến thương lượng với Phạm chí trẻ tuổi: Tôi nay đã già, gia đình kia từ lâu hứa gả con gái họ cho tôi, thì cô ấy là vợ tôi. Bây giờ, tôi giao cho cậu tất cả những gì mà tôi có được để cậu nhường cho tôi cô ấy. Cậu hãy thương xót tuổi già mà đừng làm tôi đau khổ.

Phạm chí trẻ tuổi đáp: Chúng ta không nên vì tình riêng mà vượt qua phép tắc. Tôi phải cưới cô ấy thôi.

Ba tháng trôi qua, cô gái được gả cho Phạm chí trẻ tuổi. Phạm chí già cho rằng, Phạm chí trẻ đã làm nhục mình để được vợ, nên đem lòng độc ác, đời đời kết oán với người kia, không hóa giải được.

Phạm chí trẻ tuổi thường tu hạnh từ, còn Phạm chí già thường kết lòng độc hại.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Phạm chí già lúc ấy, nay là Điều-đạt, Phạm chí trẻ chính là ta, còn người nữ đó là Cù-di.

(Trích Sanh kinh quyển 1)

2. ĐIỀU ĐẠT MUỐN HẠI PHẬT VÀ HÀNG ĐỆ TỬ CỦA Ngài:

Điều-đạt và vua A-xà-thế cùng nhau bàn tính việc hại Phật và hàng đệ tử của Ngài. Khi ấy, nhà vua ra lệnh dân trong nước không được cúng dường Phật.

Bấy giờ, tôn giả Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo-ni Bà-hòa-đề v.v... dẫn các

đệ tử của mình đi đến các nước khác, chỉ có Đức Phật và năm trăm A-la-hán còn ở lại núi Kỳ-xà-quật. Điều-đạt đến tâu vua rằng:

- Các đệ tử Phật nay đã giải tán hết rồi, chỉ còn năm trăm người ở lại bên Phật. Xin bệ hạ ngày mai thỉnh Phật vào thành, tôi sẽ cho năm trăm con voi lớn uống rượu say, xua nó giẫm đạp họ chết hết. Sau đó, tôi sẽ làm Phật hóa độ mọi người.

Nghe vậy, nhà vua vui mừng, liền đi thỉnh Phật. Đức Phật biết được âm mưu của Điều-đạt, vẫn đáp:

- Tốt lắm!

Nhà vua trở về báo cho Điều-đạt biết. Hôm sau, đến giờ thọ trai, Đức Phật và các vị A-la-hán đến cửa thành. Bấy giờ, bầy voi say liền rống lên, cất vòi, húc ngã tường thành, quật ngã cây cối, xông về phía trước. Người trong thành đều run sợ. Khi đó, năm trăm A-la-hán bay lên Hư không, chỉ có tôn giả A-nan ở lại bên Phật. Bầy voi say giăng hàng ngang xông đến chỗ Phật. Đức Phật đưa 5 ngón tay hiện ra 5 con sư tử cùng rống lên làm chấn động cả đất Trời. Bầy voi say phục xuống đất, không dám ngóc đầu lên, ngay đó tỉnh rượu, rơi lệ, hối lỗi. Vua và thần dân ai nấy đều kính phục. Đức Thế tôn và các vị A-la-hán từ từ bước vào cung điện nhà vua, thọ trai xong và chú nguyện. Sau đó, nhà vua bạch Phật:

- Trẫm vì bẩm tính ngu tối, nghe theo lời gièm pha của Điều-đạt, nên tạo tội nghịch ác, cúi mong Đức Thế tôn rũ lòng từ bi, tha thứ cho sự ngu muội của trẫm.

Đức Phật bảo vua A-xà-thế và các Tỳ-kheo:

- Ở đời có tám điều khiến người đời khởi tâm phỉ báng, tất cả do ham tiếng khen mà dẫn đến trọng tội. Tám điều ấy là: lợi (điều làm thỏa mãn), suy (điều không vừa ý), hủy (lời chê sau lưng), dự (lời khen sau lưng), xưng (lời khen trước mặt), cơ (lời chê trước mặt), khổ (đau khổ, buồn phiền), lạc (vui mừng, sung sướng). Từ xưa đến nay, không ai không bị tám điều này mê hoặc.

Đức Phật liền nói kệ (văn nhiều nên không ghi hết)

Đức Phật lại bảo:

- Xưa có vị Quốc vương thích ăn thịt chim nhạn, thường bảo thợ săn giăng lưới bắt chim để mỗi ngày dâng lên vua một con. Một hôm, có một con nhạn chúa dẫn năm trăm con nhạn đáp xuống kiếm ăn. Chẳng may nhạn chúa sa lưới, bị thợ săn bắt được. Bấy giờ, cả bầy nhạn sợ hãi bay vụt lên, nhưng quanh quẩn mãi không chịu đi. Bỗng có một con nhạn luôn bám theo nhạn chúa, không kể gì đến cung tên, cất tiếng

kêu la thảm thiết liên tục suốt ngày đêm không dứt. Thấy vậy, thợ săn cảm thương nghĩa tình của chim nhạn, liền thả nhạn chúa trở về với đàn. Cả bầy vui mừng quây quần bên nhạn chúa. Khi đó, thợ săn đem mọi việc tâu lên vua. Nhà vua cảm nghĩa tình của loài nhạn, nên không bắt chúng nữa.

Nhạn chúa lúc ấy chính là ta ngày nay, con chim nhạn kia là A-nan, bầy nhạn năm trăm con nay là năm trăm vị A-la-hán, ông vua ăn thịt chim nhạn nay chính là Đại vương, thợ săn bấy giờ nay là Điều-đạt. Từ trước đến nay, ông ấy luôn có ý hại ta. Ta nhờ sức đại từ mà được thoát nạn, lại không có sự oán hờn, nên được thành Phật.

Nghe vậy, vua và quần thần rất vui mừng.

(Trích kinh Pháp Cú quyển 4)

3. ĐIỀU-ĐẠT HỌC RỘNG VÀ TU THẦN TÚC CHỈ VÌ LỢI DƯỠNG:

Xưa có Tỳ-kheo tên là Điều-đạt thông minh học rộng. Trong mười hai năm, tôn giả tọa thiền nhập định, tâm không dao động. Điều-đạt hành 12 hạnh đầu-đà không hề thiếu sót, khởi quán bất tịnh, quán niệm hơi thở. Các pháp bậc nhất của thế gian, nhẫn đến các pháp đảnh v.v... mỗi mỗi đều thông suốt. Kinh Phật đã thuộc tới hàng vạn quyển, nhiều đến nỗi voi chở không hết. Sau đó, tâm ý thay đổi lui sụt, dần dần ông ta sanh ra ác niệm, đắm trước lợi dưỡng thế gian, chỉ mong người cúng dường,. Điều-đạt đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài, rồi đứng qua một bên, bạch với Phật rằng:

- Cúi mong Đức Thế tôn dạy pháp thần túc cho con. Nghe xong, con sẽ cố gắng tu trì. Khi được thần túc, con sẽ dạo đến phương khác, giáo hóa khắp nơi.

Đức Thế tôn bảo:

- Nay ông chớ nghĩ đến pháp thần túc, sao không học bốn pháp: vô thường, khổ, không, vô ngã?

Khi ấy, Tỳ-kheo Điều-đạt liền nghĩ: sở dĩ Đức Như Lai không dạy pháp thần túc cho ta là vì sợ có người hơn mình mà xấu hổ. Điều-đạt bèn từ biệt Đức Như Lai, đi đến chỗ Ngài Xá-lợi-phất cầu học pháp thần túc. Lúc đó, Ngài Xá-lợi-phất bảo Điều-đạt:

- Nay ông chớ nghĩ đến pháp thần túc, sao không học bốn pháp: vô thường, khổ, không, vô ngã?

Điều-đạt suy nghĩ: Xá-lợi-phất này được xem là trí tuệ bậc nhất, nhưng ta xét thấy trí tuệ của ông ấy cũng như lửa đom đóm so với ánh

sáng của mặt Trời, mặt trăng. Ta tụng đọc kinh điển không ai sánh bằng, còn chưa hiểu được pháp thần túc, huống nữa Xá-lợi-phất lại có thể hiểu được ư? Thế rồi, Điều-đạt từ biệt Xá-lợi-phất, đi đến chỗ Ngài Mục-kiền-liên cầu học pháp thần túc. Ngài Mục-liên bảo:

- Hãy thôi đi Điều-đạt! Người mới học đạo, trước nên học bốn pháp: vô thường, khổ, không, vô ngã, lại nên tinh tấn tu pháp Tứ thiền. Như thế mới được pháp thần túc.

Điều-đạt nổi giận, tự nghĩ: Mục-liên này tự khoe thần túc của mình không ai sánh bằng. Sở dĩ ông ấy không dạy cho ta là vì sợ không bằng ta. Nếu ta được thần túc thì ông ấy mất danh dự. Nay ta đã đi khắp nơi học thần túc mà không ai chịu dạy cho ta, chỉ còn A-nan là em ta, là người học rộng nghe nhiều, đức hạnh đầy đủ. Nay ta sẽ đến đó học hỏi.

Điều-đạt nói với A-nan:

- Anh nghe em hiểu rành pháp thần túc, hãy nói cho anh nghe. Khi được thần túc rồi, anh sẽ đến phương khác, giáo hóa khắp nơi.

Bấy giờ, A-nan nói pháp thần túc cho Điều-đạt nghe.

Nghe xong, Điều-đạt đến chỗ vắng vẻ, một lòng nhiếp niệm, từ thô vào tế, rồi từ tế trở về thô, dùng tâm nâng thân, rồi dùng thân nâng tâm, thân tâm hợp nhau, lần lần rời khỏi mặt đất. Ban đầu, cách mặt đất khoảng bằng hạt mè, rồi chuyển thành khoảng cách như hạt đào, dần dần rời khỏi mặt đất. Từ đất lên ngang giường, từ giường lên tới mái nhà, từ mái nhà lên đến Hư không. Ở trong Hư không, hiện ra 18 pháp thần biến, lên xuống tự do. Điều-đạt hóa làm một đứa bé dáng vẻ xinh đẹp, trên đầu có năm chỏm, mặt đẹp như hoa đào, ngồi trên đùi thái tử A-xà-thế, hoặc cười, hoặc khóc, giống như đứa trẻ. Nhưng thái tử vẫn biết đó là Điều-đạt, suốt ngày đùa giỡn, không biết nhàm chán, hoặc kêu la khạc nhổ, hoặc nhấc bổng thân mình, chuyền tay từ trái sang phải.

Thái tử suy nghĩ: Thần túc của Điều-đạt hơn cả Cù-đàm kia, có thể biến hóa ra vô số. Mỗi ngày, A-xà-thế cung cấp cho Điều-đạt năm trăm phần thức ăn, đúng thời cúng dường không để thiếu thốn.

Khi ấy, chúng Tỳ-kheo thấy A-xà-thế cung cấp cho Điều-đạt, liền bạch đầy đủ với Đức Phật. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Các ông chớ tham sự cúng dường như Điều-đạt. Điều-đạt đã tự chôn vùi mình, lại chôn vùi người khác. Cả hai đều mắc tội đọa. Ví như cây chuối, người ngu mong cầu lõi chắc thì không thể có được. Tre lau cũng như vậy. Như la mang thai, thì mẹ con đều mất mạng.

Xưa có bầy chim Thứu còn non nớt. Chim Thứu mẹ bảo chim non rằng: Nếu các con muốn học bay liệng giữa Hư không, khi nhìn thấy đất bằng cái mÂm, thì cẩn thận chớ bay lên nữa. Nếu bay quá cao, các con sẽ bị gió mạnh làm tổn hại, đầu một nơi thân một ngã. Lúc ấy, chim non không nghe theo lời chim mẹ dặn, bay cao quá nên bị gió cuốn đi làm nát thân mất mạng. Tỳ-kheo các ông chớ khởi ý này.

Các Tỳ-kheo nên biết: Giống như bầy rùa, rùa mẹ bảo với con mình rằng: Các con hãy tự bảo hộ, chớ đến chỗ đó. Nơi ấy có người thợ săn sẵn sàng bắt các con xẻ thành năm đoạn. Bấy giờ, rùa con không nghe lời rùa mẹ dặn, liền đi đến nơi đó, vui đùa với nhau, bị thợ săn bắt được. Có một vài con được an ổn trở về nhà. Rùa mẹ hỏi: các con từ đâu về? Rùa con trả lời: Các con cùng nhau đi đến chỗ đó xem, nhưng không thấy thợ săn, chỉ thấy sợi dây dài đuổi theo sau chúng con. Rùa mẹ bảo: Sợi dây này đuổi theo các con từ xưa đến nay. Tổ tiên, cha mẹ các con đều do sợi dây này mà mất mạng.

Các Tỳ-kheo nên biết: Giống như con chồn độc, ngày đêm rình kiếm phân nhơ, nuôi những con thú khác để lấy phân ăn, rồi ăn luôn phân của chính nó thải ra. Tỳ-kheo Điều-đạt tham sự cúng dường cũng lại như vậy.

Thuở xưa, phong tục của nước Đại-nguyệt-chi thường lấy cháo sữa để cho heo ăn. Bấy giờ, ngựa thuộc nhà quan nói với ngựa mẹ rằng: Chúng con đã hết lòng phục vụ nhà vua, không kể xa gần, đều hoàn tất nhiệm vụ, nhưng ăn thì toàn cỏ khô, uống chỉ có nước đọng. Ngựa mẹ nói với con mình: Các con chớ ham muốn loại cháo sữa kia. Chẳng bao lâu, các con sẽ thấy hậu quả trước mắt. Sắp đến Tết, mọi nhà đều trói heo lại, thả vào vạc nước sôi, bầy heo kêu la inh ỏi. Ngựa mẹ bảo con rằng: Các con còn nhớ tới món cháo sữa nữa không. Muốn nghiệm biết lời mẹ nói thì nên đến đó xem. Bầy ngựa con đến đó xem, biết được mới vỡ lẽ ra: vỗ béo để làm thức ăn cho nhà vua. Vì ậy, lúc ăn cỏ gặp lúa mạch, chúng cũng chẳng dám ăn.

Đức Phật nói kệ:

Chuối trổ buồng rồi chết
Tre lau cũng như vậy
La chết do mang thai
Kẻ sĩ mất vì tham.

(Trích kinh Xuất Diệu quyển 10)

4. ĐIỀU-ĐẠT VÀ CÂU-GIÀ-LỢI KHEN NGỢI LẪN NHAU:

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Điều-đạt là người hung hiểm, lại thường khen ngợi bừa bãi. Một hôm Tỳ-kheo Câu-già-lợi khen ngợi Điều-đạt, Điều-đạt cũng khen ngợi Câu-già-lợi. Hai người chỉ nói những lời nhảm nhí, không có ý nghĩa. Nghe vậy, các Tỳ-kheo bạch với Đức Phật. Đức Phật quán biết Tỳ-kheo Câu-già-lợi từ xa xưa đã tu theo chánh điển, vâng giữ giới luật, xuất gia vì lòng tin, nhưng thường khen ngợi Điều-đạt, Điều-đạt cũng khen ngợi Câu-già-lợi, điều trái cho là phải, điều phải cho là trái. Đức Phật bảo:

- Chẳng những đời này bọn ông ấy ngu si mà đời trước cũng như vậy.

Vào thời quá khứ, có kẻ huỳnh môn qua đời bỏ thân nơi cây khô. Khi ấy, chồn hoang, chim, quạ kéo đến ăn thịt, lại khen ngợi nhau. Chim nói:

Thân ông như sư tử
Đầu óc như tiên nhân
Thịt ngon dường nai chúa
Như hoa đẹp, thơm thay!

Chồn hoang đáp lại:

Ông ở nơi cây này
Có trí tuệ bậc nhất
Chiếu sáng khắp mười phương
Như vàng tía tụ hội.

Hai bên cứ đối đáp qua lại. Lúc đó, vị đại tiên nhân nói: Chúng bay chỉ khen ngợi nhau bằng những lời rỗng tuếch, không thật. Này các Tỳ-kheo, chồn hoang lúc ấy chính là Điều-đạt, con chim kia là Câu-già-lợi, vị tiên nhân tức là Bồ-tát.

(Trích kinh Phật Thuyết Dã Hồ)

5. ĐIỀU-ĐẠT GIÀNH CHÚNG TĂNG KHÔNG ĐƯỢC, LẠI MẤT CẢ QUYẾN THUỘC:

Điều-đạt đến chỗ Phật, đảnh lễ chân Ngài, rồi đứng qua một bên, bạch rằng:

- Con xem thấy Đức Như Lai nhan sắc thay đổi, các căn suy yếu, đã qua thời trai trẻ, già cả ốm gầy. Cúi mong Đức Như Lai đóng cửa tịnh thất, vui với thiền định, còn bốn bộ chúng đây xin giao lại cho con. Con sẽ dạy bảo giống như Ngài không khác. Con sẽ tuỳ thời cúng dường tứ sự cho Ngài, không để thiếu thốn.

Đức Phật bảo:

- Thôi đi, kẻ ngu si không nghĩ đến cái họa sau này. Đối với Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, ta còn chưa giao, huống nữa kẻ tệ ác lười biếng như ngươi đâu đáng để giao phó cả hàng Thánh chúng này.

Sẵn lòng ganh ghét, nay nghe Đức Thế tôn nói vậy, Điều-đạt càng thêm tức giận:

- Như Lai ca ngợi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên mà lại xem thường đứa đệ tử này. Ta sẽ tìm cách hủy diệt cả thầy lẫn trò để chúng sanh cõi nước này không còn thấy hình, nghe tiếng những người này nữa.

Khi ấy, Điều-đạt liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lễ dưới chân Phật rồi lui ra. Như ý đã định, Điều-đạt đi khắp nơi, dùng lời hoa mỹ, trá ngụy, dối gạt làm mê kẻ phàm tục, dẫn dụ được mấy mươi người. Đến đâu, Điều-đạt cũng khuyên bảo bằng những lời như thế.

Một hôm, Đức Phật đang thuyết pháp cho đại chúng nghe, Điều-đạt bảo đệ tử của mình:

- Các ngươi chớ nghe Cù-đàm nói vì đó không phải là chánh pháp. Ta có rất nhiều kinh sâu nghĩa mầu, sẽ chỉ dạy cho.

Tuy nói như thế, nhưng thật ra Điều-đạt chỉ tìm cách hủy hoại Thánh chúng.

Biết được Âm mưu của Điều-đạt, Đức Phật bảo:

- Hãy thôi đi, Điều-đạt! Cẩn thận, chớ sanh tâm phá hoại, làm loạn chúng Tăng, sau sẽ chịu lấy quả báo khổ đau khó lường.

Điều-đạt vẫn cố chấp, không hề đổi ý, cho mình là đúng.

Đức Phật quán xét nhân duyên quá khứ, biết Điều-đạt không thể hồi tâm. Ngài kể lại:

Thuở xưa, Điều-đạt dẫn năm trăm đệ tử, Như Lai khi còn là Bồ-tát cũng dẫn theo năm trăm đệ tử cùng dạo chơi trên núi Bảo Tích. Môn-đồ của Bồ-tát nhân từ, nhu hòa, được dạy bảo theo chánh pháp, tu trì cấm giới, ra vào đi đứng có thứ lớp. Trái lại, đồ chúng của Điều-đạt ăn nói thô lỗ, lời lẽ chỉ làm cho người sân giận. Điều-đạt nói với đệ tử như oán thù tranh cãi. Đệ tử của Điều-đạt buồn chán, đều bỏ theo Bồ-tát.

Bồ-tát cho rằng:

- Ta có một ngàn đệ tử, phước đức đầy đủ, hơn hẳn người đời, không ai bì kịp.

Điều-đạt tức giận, liền phát lời thề:

- Nay người này dẫn dụ đệ tử của ta, phá hoại môn-đồ của ta. Dù

có thành Phật, ta cũng phá hoại đồ chúng của ông ấy.

Quả như ngày nay không khác, Như Lai quán biết Điều-đạt chắc chắn phá hoại hàng Thánh chúng không còn nghi ngờ. Như Lai liền từ tòa đứng dậy, đành bỏ chúng đi.

Có năm việc không thể phá hoại, làm loạn chúng Tăng.

1. Khi Như Lai còn tại tiền, oai thần của Như Lai không bỏ thệ nguyện ban đầu.

2. Sau khi Như Lai diệt độ, giả sử có người nói: tôi nay thành Phật, đạt tới bậc tối Chánh giác, phải nên hỏi vị ấy: vào thời Phật Thích Ca, ông làm gì vậy.

3. Khi chưa có điều ác xảy ra.

4. Các Tỳ-kheo không tranh giành lợi dưỡng.

5. Hàng đệ tử có trí tuệ, thần túc sống hòa hợp với nhau.

Đức Như Lai dùng Túc mạng trí quán biết chắc chắn Điều-đạt sẽ phá hoại, làm loạn chúng Tăng, nên bỏ đi. Điều-đạt ở lại nói pháp cho chúng Tăng nghe. Nhìn vào đại chúng, Điều-đạt nói:

- Nếu những người nào thờ ta làm Thầy thì phải vâng lời ta dạy, tu tập theo năm pháp (Năm pháp này văn nhiều, không chép ra đây). Nếu tu học năm pháp này, các Tỳ-kheo sẽ sớm được giải thoát, dứt sạch hữu lậu, thành tựu vô lậu, đâu cần nhờ vào tám pháp trực hạnh của Cù-đàm.

Quay sang Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, Điều-đạt nói:

- Ta đạt được lợi ích lớn, thành bậc Như Lai tối tôn trong ba cõi. Bây giờ, ta bị đau lưng, muốn được nghĩ ngơi. Hai ông thay ta thuyết pháp cho đại chúng.

Điều-đạt nằm nghiêng bên phải sát đất, vừa mới thiu thiu, Thiên thần bắt Điều-đạt lật nghiêng bên trái sát đất. Thiên thần ghét những lời dối trá của Điều-đạt nên khiến tiếng ngáy vang to, mùi hôi xông khắp.

Mục-kiền-liên dùng sức thần túc bay lên Hư không, biến hóa mười tám cách: ngồi, nằm, kinh hành v.v... ẩn hiện tự tại.

Xá-lợi-phất bảo mọi người trong chúng hội:

- Thân Như Lai phước đức vô lượng, đầy đủ Nhất thiết chủng trí, thông đạt các pháp không có ngằn mé. Pháp của Như Lai là hiện tại được quả báo an lạc vô vi, là pháp tu của người trí, chẳng phải pháp hành của kẻ ngu. Thánh chúng của Như Lai đều thành tựu năm phần pháp thân, đáng được tôn kính, phụng thờ, cúng dường, là phước điền vô lượng của chúng sanh.

Nghe Xá-lợi-phất nói, các Tỳ-kheo suy nghĩ: Chúng ta ngu si, không biết lẽ chân, bỏ quả lấy hoa, quên gốc theo ngọn. Bây giờ, thọ lãnh được những lời dạy bảo của hai tôn giả này thật là hiếm có, chúng ta thà bỏ Điều-đạt mà nhập vào hội chúng của Như Lai, không sướng hơn sao?

Biết được tâm niệm của mọi người, Xá-lợi-phất liền đứng dậy. Khi ấy, năm trăm Tỳ-kheo đi theo tôn giả, còn Mục-kiền-liên đi sau cùng.

Lòng giận nổi lên, Tỳ-kheo Cù-ba-ly dùng chân phải đạp Điều-đạt, nói:

- Điều-đạt tệ ác, sao ông ngủ say thế? Hai tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên dẫn đệ tử của ông đi hết rồi!

Tỉnh dậy, Điều-đạt lo buồn khôn xiết.

(Trích kinh Điều-đạt Vấn Phật Nhan Sắc, luật Di-sa-tắc đại khái cũng giống như vậy).

6. CHỒN HOANG - TIỀN THÂN CỦA ĐIỀU ĐẠT:

Thuở xưa, có một vị ma-nạp (đời Lương dịch là tiên nhân) ẩn cư trong núi rừng, đọc tụng kinh sách của hàng Sát-đế-lợi. Có một con chồn hoang thường ở bên cạnh để nghe vị này tụng kinh. Một thời gian sau, trong lòng có chỗ giải ngộ, chồn ta suy nghĩ: Ta hiểu được những lời lẽ trong các sách này xứng đáng làm vua trong các loài thú.

Đi giữa đường, bỗng gặp một con chồn hoang gầy yếu, nó toan muốn giết con chồn này. Chồn hỏi:

- Vì sao giết tôi?

Đáp:

- Ta là vua trong các loài thú, vì ngươi không phục ta.

- Xin đừng giết tôi, tôi sẽ phục tùng.

Khi ấy, hai con chồn cùng đi với nhau, lại gặp một con chồn khác. Hai bên cũng hỏi đáp như trên. Cứ như thế, chồn ta lần lượt hàng phục được hết thảy loài chồn.

Tiếp tục, chồn ta liền đem bầy chồn hàng phục hết thảy loài voi, lại đem bầy voi hàng phục hết thảy loài hổ, rồi đem bầy hổ hàng phục hết thảy loài sư tử. Đến giờ phút này, chồn ta nghiễm nhiên có quyền uy, làm vua trong các loài thú. Chồn ta suy nghĩ: Ta đã là vua trong các loài thú, chẳng lẽ lấy thú làm vợ?

Suy nghĩ xong, chồn ta bèn cưỡi voi trắng, bảo các bầy thú bao vây nước Ca-di tới mấy trăm ngàn vòng.

Thấy vậy, vị quốc vương sai sứ đi hỏi nguyên do. Chồn ta đáp:

- Ta là vua trong các loài thú, muốn cưới con gái nhà vua. Nếu không bằng lòng, ta sẽ hủy diệt nước này.

Sứ trở về tâu vua. Nhà vua triệu tập quần thần lại bàn tính việc này. Trong đó, chỉ có một đại thần không đồng ý, số còn lại đều nói là: Nên gả. Bởi vì họ nghĩ: cả nước chỉ có một con tuấn mã để cậy nhờ. Chúng ta có tuấn mã, bên kia có sư tử. Tuấn mã đánh hơi sư tử sẽ hoảng sợ nằm phục sát đất, nhất định không thể thắng được. Vậy chúng ta tiếc gì một cô gái mà để cả nước diệt vong?

Khi ấy, vị đại thần tài giỏi kia đưa ra kế sách sâu xa, tâu với vua:

- Thần xét từ xưa tới nay chưa từng nghe nhà vua gả con gái mình cho loài thú thấp hèn bao giờ. Thần tuy ngu tối, nhưng sẽ giết được con chồn này, khiến bầy thú tan rã.

Nhà vua hỏi đại thần cách thức thế nào, đại thần tâu:

- Chỉ cần nhà vua sai sứ định ngày đánh với nó, và yêu cầu bên kia một điều là: cho sư tử đánh trước rống sau, thì bên kia cho rằng: chúng ta sợ hãi, nên chúng sẽ bảo sư tử rống trước đánh sau.

Đến ngày khai chiến, nhà vua bảo mọi người trong thành đều phải bịt tai. Nhà vua nghe theo kế hoạch, sau đó xuất quân. Khi sắp giao chiến, quả thật chồn ta bảo sư tử rống trước. Nghe tiếng rống, tim chồn vỡ thành bảy mảnh, liền từ trên lưng voi rớt xuống đất. Cả bầy thú chạy tán loạn.

Sau đó, Đức Phật nói kệ:

Chồn hoang đầy kiêu mạn
Mong quyến thuộc đông nhiều
Đi đến thành Ca-di
Tự xưng là vua thú
Người kiêu mạn cũng thế
Hiện thống lãnh mọi người
Ở nước Ma-kiệt-đà
Tự xưng là pháp chủ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Vua nước Ca-di bấy giờ chính là ta, vị đại thần tài giỏi là Xá-lợi-phất, vua chồn hoang là Điều-đạt.

(Trích chuyện chồn hoang mong làm vua, lại trích luật Di-sa-tắc quyển 4)

7. MUỐN HẠI CÙ-DI, ĐIỀU-ĐẠT ĐỌA ĐỊA NGỤC:

Tại thành La-duyệt, Điều-đạt rắp tâm mưu hại Phật. Về sau, sự việc bại lộ. Mười sáu nước lớn đều biết Điều-đạt sát hại Như Lai. Bấy giờ, vua A-xà-thế bảo Điều-đạt:

- Ngươi hãy ra khỏi nước, không được ở đây.

Nghe vậy, Điều-đạt lo lắng, oán kết trong lòng, bèn trở về nước mình, đường đột vào cung Bồ-tát, nói với Cù-di:

- Ta muốn cưới cô làm vợ chánh, xin hỏi Thánh nữ có bằng lòng không?

Cù-di nói:

- Ngươi hãy đưa tay phải ra trước, ta muốn nắm lấy.

Điều-đạt đưa tay ra, Cù-di bấu mạnh, tức thì, xương cổ tay của Điều-đạt bị nát ra, năm ngón tay chảy máu, ngất đi hồi lâu mới tỉnh. Điều-đạt đi thẳng vào cung, ngồi trên giường Bồ-tát. Người trong cung thấy vậy, tóm lấy, ném xuống giường, làm xương chậu bên trái của Điều-đạt bị thương. Không thể đi được, Điều-đạt lên kiệu về cung của mình. Các Thích tử đều chê trách, đến bảo:

- Ngươi nay hãy đến sám hối Phật.

Nghe nói vậy, Điều-đạt giở trò xảo trá, bí mật làm móng tay sắt, thoa chất độc vào. Bên ngoài có vẻ nhu hòa, nhưng trong tâm đầy sân hận, Điều-đạt nhớ lại lời Phật. Sa-môn Cù-đàm thường nói như vầy: Thân không bị thương thì chất độc không có cách gì làm hại được. Không tội ác nào mà ta không dám làm, nay ta sẽ giả vờ đến sám hối, dùng móng tay cào nát bàn chân ông ta, chất độc thấm vào máu, tự ông ta phải chết.

Lên kiệu cùng mọi người đến chỗ Thế tôn, còn cách ba mươi bảy nhận, Điều-đạt bảo tùy tùng:

- Hãy để ta xuống, ta muốn đi bộ.

Ngay khi Điều-đạt bước xuống đất, tự nhiên lửa bốc cháy bao quanh thân, Điều-đạt đọa vào địa ngục.

(Trích kinh Điều-đạt Sanh Thân Nhập Địa Ngục)

8. ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA XƯA LÀM DÃ CAN PHÁ VỠ BÌNH, MẤT MẠNG:

Lúc Đức Phật ở thành Vương-xá, Đề-bà-đạt-đa muốn phá hòa hợp tăng. Các Tỳ-kheo can gián ba lần, Điều-đạt vẫn không từ bỏ ý định. Đức Phật bảo:

- Vào thời quá khứ, ở nước Ba-la-nại, có vị Bà-la-môn đào một

cái giếng ở giữa đồng trống để làm việc nghĩa, cung cấp nước cho người đi đường. Lúc Trời sắp tối, có bầy dã can đến uống hết nước. Dã can chúa không uống nước trong lòng đất, liền chui đầu vào cái vò để uống. Uống xong, nó nhấc chiếc vò lên cao rồi đập vỡ ra. Với ý tốt, bầy dã can đến can ngăn dã can chúa, nhưng nó không nghe theo. Cứ thế, nó phá vỡ cả thảy mười bốn chiếc vò.

Khi ấy, vị Bà-la-môn rình thấy dã can phá phách, liền làm một cái vò bằng gỗ bền chắc khó vỡ, chui đầu vào thì dễ, rúc đầu ra thì khó, đem đặt bên cạnh giếng rồi cầm gậy đứng rình. Bầy dã can kéo đến, cũng như lần trước dã can chúa uống nước xong, đập vò nhưng không vỡ được. Thấy vậy, ngay lúc đó, vị Bà-la-môn cầm gậy đi ra, đánh chết dã can.

Này các Tỳ-kheo, dã can chúa lúc đó chính là Đề-bà-đạt-đa ngày nay, bầy dã can kia nay chính là các Tỳ-kheo can gián Đề-bà-đạt-đa.

(Trích luật Tăng-kỳ quyển 8)

9. ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA XƯA LÀM KHỈ VỚT MẶT TRĂNG TRONG GIẾNG:

Lúc Đức Phật ở thành Vương-xá, các Tỳ-kheo vì Đề-bà-đạt-đa mà làm pháp yết-ma. Nhóm lục quần Tỳ-kheo liền đến gặp và nói chuyện với Đề-bà-đạt-đa. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Trong thời quá khứ, ở chỗ vắng vẻ, có năm trăm con khỉ đi vào rừng. Khi đến cây Ni-câu-luật, chúng thấy bóng mặt trăng chiếu xuống đáy giếng ở bên cội cây. Nhìn thấy ánh trăng, khỉ chúa nói với các bạn: Nay mặt trăng đã rơi xuống giếng, bọn ta phải cùng nhau vớt nó lên, đừng để cho thế gian này phải chịu cảnh đêm dài tăm tối. Chúng cùng bàn kế để vớt mặt trăng lên. Lúc đó, khỉ chúa bảo: ta đã nghĩ ra cách rồi. Ta sẽ nắm nhánh cây, các ngươi nắm lấy đuôi ta, lần lượt nắm đuôi nhau thành một xâu khỉ thì có thể vớt được mặt trăng. Nghe theo lời khỉ chúa, cả bầy khỉ lần lượt nắm lấy đuôi nhau, chỉ còn cách một chút nữa là tới mặt nước. Khi ấy, cả bầy khỉ quá nặng, cành cây yếu gãy, khiến tất cả đều rớt xuống giếng.

Này các Tỳ-kheo, khỉ chúa bấy giờ chính là Đề-bà-đạt-đa ngày nay, còn bầy khỉ kia nay là nhóm lục quần Tỳ-kheo.

(Trích luật Tăng-kỳ quyển 8)

10. ĐỜI TRƯỚC, ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA GIẾT SƯ TỬ SẮC VÀNG:

Đức Phật bảo A-nan:

- Nếu có chúng sanh nào khởi một tâm ác đối với ba đời chư Phật, hoặc Bích-chi, hoặc A-la-hán và các Sa-môn đắp y hoại sắc v.v... thì chịu vô lượng tội. Vì sao? Vì y hoại sắc là hình thức tiêu biểu cho bậc hiền Thánh. Nếu ai phát tâm cung kính người đắp y hoại sắc sẽ được phước báu khó lường. Ta nhờ lòng tin cung kính những vị này nên được thành Phật.

Tôn giả A-nan hỏi Phật:

- Việc cung kính thuở ấy thế nào?

Đức Phật bảo:

- Thuở xưa, cách đây vô lượng kiếp, ở cõi Diêm-phù-đề này có vị vua của một nước lớn (Kinh Báo Ân ghi là nước Ba-la-nại) tên là Đề-tì, thống lãnh bốn vạn bốn ngàn vua nước nhỏ. Lúc đó, ở đời không có Phật pháp. Có vị Bích-chi Phật tọa thiền, tu hành trong núi. Các loài dã thú đều đến hầu cận. Trong đó, có một sư tử tên ca-la (đời Lương gọi là Kiên Thệ), toàn thân màu vàng kim rực rỡ, chỉ ăn hoa quả, rau cỏ, không làm hại đến các loài khác.

Một hôm, có người thợ săn cạo tóc, đắp ca-sa, đeo cung tên bên trong, đi xuống đầm, thấy sư tử đang nằm ngủ (Kinh Báo Ân ghi là liếm chân Tỳ-kheo), liền lấy tên độc bắn nó. Sư tử giật mình tỉnh giấc, định đuổi theo giết thợ săn. Nhưng thấy ông ta đắp y ca-sa, sư tử tự nhủ: chiếc y hoại sắc này là tướng tiêu biểu cho người hiền thiện. Nếu ta hại người ấy tức là ta có ác tâm đối với các bậc hiền Thánh. Nghĩ vậy, sư tử từ bỏ ý định. Thuốc độc ngấm vào cơ thể, biết mạng sống không còn bao lâu nữa, sư tử liền đọc chú: "Da la bà xa sa bà ha". Vừa nói chú rồi, Trời đất chấn động mạnh, tuy bầu Trời không có mây nhưng tuôn mưa máu. Chư thiên sợ hãi, liền dùng thiên nhãn xem thấy người thợ săn giết sư tử, họ rãi hoa Trời làm mưa cúng dường xác chết. Khi ấy, thợ săn lột da sư tử dâng lên vua Đề-tì. Nhà vua nhớ lại trong kinh có chép: loài có da sắc vàng hẳn là bồ-tát. Nhà vua hỏi thợ săn: Khi sư tử chết, có điềm lành gì ứng hiện? Thợ săn kể lại sự việc trên. Nghe xong, nhà vua vui buồn lẫn lộn, lòng tin thêm mãnh liệt, liền triệu tập các đại thần, những bậc tài giỏi kỳ cựu để giải rõ ý nghĩa này.

Khi ấy, giữa rừng trống, có một vị tiên nhân tự xưng là Xa-ma giải thích ý nghĩa câu chú cho nhà vua nghe. "Da la" nghĩa là chỉ người cạo đầu, đắp y hoại sắc sẽ mau chóng giải thoát sanh tử. "Bà xa sa" là tướng của bậc hiền Thánh gần với Niết-bàn. "Bà ha" nghĩa là sẽ được tất cả

Trời người kính ngưỡng.

Sau khi nghe tiên nhân giải thích, vua Đề-tì rất vui mừng, liền triệu các quốc vương tập trung tại chỗ này, làm xe bảy báu để giăng da sư tử nhằm biểu thị mọi người đều tỏ lòng quý kính, rồi đốt hương, rải hoa cúng dường. Sau đó, nhà vua lấy vàng làm áo quan, phủ kín da sư tử làm thành bảo tháp.

Sư tử thuở ấy do khởi thiện tâm đối với người đắp y hoại sắc nên vô số kiếp làm Chuyển luân Thánh vương.

Đức Phật bảo A-nan: Sư tử bấy giờ chính là ta, vị quốc vương kia nay là Di-lặc, tiên nhân là Xá-lợi-phất, còn người thợ săn trước kia chính là Đề-bà-đạt-đa ngày nay.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 13)

11. BỐN TỲ-KHEO ĐỀ-XÁ V.V... CHỊU TỘI TỪ NHẸ TỚI NẶNG:

Đức Phật ở vườn Kỳ Thọ Cấp-cô-độc trong thành Xá-vệ, bảo các Tỳ-kheo:

- Có bốn địa ngục lớn: Một là địa ngục Đề-xá người thọ tội trong ngục này thân phát ra lửa bốc cao hai mươi khuỷu tay; Hai là địa ngục Cù-ba-lê, người thọ tội trong ngục này thân phát ra lửa bốc cao ba mươi khuỷu tay; Ba là địa ngục Điều-đạt người thọ tội trong ngục này thân phát ra lửa bốc cao bốn mươi khuỷu tay; Bốn là địa ngục Mạt-khư-lê người thọ tội trong ngục này thân phát ra lửa bốc cao sáu mươi khuỷu tay.

Đại địa ngục Đề-xá. Nếu có người muốn ông ta cầu an ổn, dùng nước trong hai mươi biển lớn rưới lên thân ông ta, thì nước biển ấy hết mà lửa vẫn không tắt. Giống như nấu đồng chảy, nếu có người dùng hai mươi giọt nước biển rưới vào đồng chảy thì nước kia mau hết. Tỳ-kheo Đề-xá bị lửa thiêu đốt không dứt. Nếu có người muốn ông ta được an ổn, lấy nước trong hai mươi biển lớn, rưới lên thân ông ta thì nước kia mau hết. Tỳ-kheo Đề-xá là người ngu, bắt các Tỳ-kheo phải nhịn đói một ngày. Việc này khiến cho Tỳ-kheo Đề-xá đọa vào địa ngục lớn.

Đại địa ngục Cù-ba-ly. Nếu có người muốn Tỳ-kheo này được an ổn, dùng nước biển lớn rưới lên thân Tỳ-kheo, thì nước biển kia mau hết. Thí như nấu đồng chảy trong hai ngày, nếu có người dùng ba mươi giọt nước biển rưới vào đồng chảy, thì nước kia hết sạch. Tỳ-kheo Cù-ba-ly là người ngu! Nếu có người muốn Tỳ-kheo được an ổn, dùng nước

trong ba mươi biển lớn, rưới lên thân Tỳ-kheo, thì nước biển kia mau hết. Tỳ-kheo Cù-ba-ly là người ngu, phỉ báng hai Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Sau khi thân hoại mạng chung, ông ta phải sinh vào ba đường ác, đọa địa ngục Bát-đầu-ma. Như vậy, Tỳ-kheo Cù-ba-ly đọa vào địa ngục lớn.

Đại địa ngục Điều-đạt. Nếu có người muốn Tỳ-kheo này được an ổn, liền dùng nước trong bốn mươi biển lớn rưới lên thân Tỳ-kheo, thì nước biển kia mau hết mà lửa vẫn không tắt. Thí như nấu nước đồng chảy trong ba ngày. Nếu có người dùng bốn mươi giọt nước biển rưới vào đồng chảy, thì nước kia hết sạch, chẳng còn giọt nào.Tỳ-kheo Điều-đạt là người ngu. Nếu có người muốn ông ta được an ổn, dùng nước trong bốn mươi biển lớn, rưới lên thân ông ta, thì nước biển kia mau hết mà lửa vẫn không tắt. Sở dĩ như vậy là do kẻ ngu Điều-đạt muốn hại Đức Như Lai, giết Tỳ-kheo-ni đã chứng quả A-la-hán, phá hòa hợp tăng. Sau khi mạng chung, ông ấy phải sinh vào ba đường ác, đọa địa ngục A-tỳ. Tỳ-kheo Điều-đạt bị rơi vào đại địa ngục, thân phát ra lửa bốc cao bốn mươi khuỷu tay.

Đại địa ngục Mạt-khư-lê. Nếu có người muốn ông ta được an ổn, dùng nước trong sáu mươi biển lớn rưới vào thân ông ta, thì nước biển kia mau hết mà lửa vẫn không tắt. Thí như nấu đồng chảy trong bốn ngày. Nếu có người lấy sáu mươi giọt nước rưới lên đồng chảy thì nước ấy hết sạch. Tỳ-kheo Mạt-khư-lê cũng lại như vậy. Nếu có người dùng nước trong sáu mươi biển lớn rưới lên thân ông ta, nước biển kia mau hết mà lửa vẫn không tắt. Sở dĩ như vậy là do kẻ ngu Mạt-khư-lê này dạy cho một trăm người Câu-lê khiến họ làm theo tà kiến.

(Trích kinh Tứ Nê Lê)

12. TỲ-KHEO THIỆN TINH PHẢN NGHỊCH NHƯ LAI:

Đức Phật kể lại:

Một lần, ta ở thành Vương-xá. Tỳ-kheo Thiện Tinh làm thị giả cho ta. Vào đầu hôm, ta thuyết pháp yếu cho Trời Đế thích, theo phép thì đệ tử phải ngủ sau thầy. Vì ta ngồi lâu, Thiện Tinh khởi lên ác niệm.

Khi ấy, các trẻ em ở thành Vương-xá hễ khóc thì không nín. Cha mẹ chúng bảo: Nếu không nín, ta sẽ giao mày cho quỷ Bạc-câu-la.

Khi ấy, Thiện Tinh chống cự lại nên bị quỷ bắt, rồi đến nói với ta: Hãy mau vào thiền thất, quỷ Bạc-câu-la đến đấy!

Đế-thích thưa: Bạch Thế tôn, những người như vậy cũng được dự vào Phật pháp sao?

Ta bảo: Vì họ cũng có Phật tánh, sẽ được Vô thượng bồ-đề. Ta tuy thuyết pháp cho Thiện Tinh nhưng ông ta hoàn toàn không có lòng tin nhận. Ta ở thành Thi-bà-phú-la nước Ca-thi, Thiện Tinh làm thị giả cho ta. Ta vào thành khất thực, vô lượng chúng sanh thành kính khát ngưỡng, muốn thấy dấu chân của ta. Thiện Tinh đi sau xóa sạch dấu vẫn không xóa được, lại còn khiến chúng sanh khởi tâm bất thiện đối với ông ta. Khi ta vào thành, gặp một vị Ni-kiền-tử trong quán rượu uốn người, ngồi xổm trên đất, ăn hèm uống rượu.

Thấy thế, Thiện Tinh nói: Nếu thế gian có A-la-hán, thì người này là tối thắng. Vì sao? vì người này nói không có nhân quả.

Ta bảo: này kẻ ngu si, ngươi chẳng từng nghe nói: A-la-hán là người không uống rượu, không hại người, không dối gạt, không dâm dật. Người giết hại cha mẹ, ăn hèm uống rượu như thế, làm sao gọi là A-la-hán? Khi chết, người này nhất định sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ. Bậc A-la-hán vĩnh viễn xa lìa ba đường ác, vì sao gọi là A-la-hán?

Thiện Tinh thưa: Tính chất của tứ đại vẫn có thể thay đổi, nếu bảo người ấy nhất định phải đọa địa ngục thì không đúng.

Ta bảo: Này kẻ ngu si, ngươi chưa từng nghe chư Phật Như Lai nói lời chân thật, không có hai lời. Tuy ta thuyết pháp cho ngươi, nhưng ngươi không có lòng tin nhận.

Này các Thiện nam tử, một thời ta và Thiện Tinh ở thành Vương-xá, có một Ni-kiền-tử tên Khổ-đắc. Ông ta thường nói: Chúng sanh phiền não không có nhân duyên, chúng sanh giải thoát cũng không có nhân duyên.

Thiện Tinh nói: Nếu thế gian có bậc A-la-hán thì Khổ Đắc là tối thượng.

Ta bảo: Này kẻ ngu si, Ni-kiền-tử Khổ Đắc thật chẳng phải A-la-hán, không thể hiểu rõ đạo quả A-la-hán.

Thiện Tinh lại hỏi: Vì sao A-la-hán lại sanh đố kỵ với A-la-hán?

Ta bảo: Này kẻ ngu si, ta không đố kỵ với A-la-hán, chỉ tự ngươi khởi ác tà kiến mà thôi. Nếu nói Khổ Đắc là A-la-hán, thì bảy ngày sau ông ấy sẽ bị cái họa ăn đồ ăn cách đêm đau bụng mà chết, đọa vào loài quỷ ăn đờm giãi. Những người đồng học sẽ đem tử thi ông ấy để vào rừng băng giá.

Thiện Tinh liền nói với Ni-kiền-tử: Thưa trưởng giả, hãy khéo suy nghĩ tìm mọi cách để khiến Thế tôn rơi vào vọng ngữ.

Khổ Đắc tuyệt thực, từ ngày đầu tiên đến ngày thứ sáu, hết ngày thứ bảy thì ăn mật đen, lại uống nước lạnh, đau bụng mà chết mang

thân ngạ quỷ ăn đờm giải. Bạn bè đem tử thi ông ấy để trong rừng băng giá.

Vào rừng băng giá, đến bên tử thi, thấy thân Khổ Đắc, Thiện Tinh hỏi: Đại đức chết rồi sao?

Khổ Đắc đáp: Tôi đã chết rồi.

- Vì sao mà chết?
- Do đau bụng mà chết.
- Ai đưa tử thi Đại đức ra đây?
- Các bạn đồng học.
- Đem ra để ở đâu?
- Này kẻ ngu si, ngươi không biết đây là rừng băng giá sao?
- Mang thân gì?
- Tôi mang thân ngạ quỷ chuyên ăn đờm giải.

Đối trước Đức Thế tôn, Thiện Tinh thưa: bạch Thế tôn, Ni-kiền-tử Khổ Đắc sanh lên cõi Trời ba mươi ba.

Ta bảo: Này kẻ ngu si, A-la-hán không có chỗ thọ sanh. Vì sao nói Khổ Đắc sanh lên cõi Trời ba mươi ba?

Đức Như Lai và tôn giả Ca-diếp đến chỗ Thiện Tinh. Từ xa trông thấy, Thiện Tinh khởi tâm tà ác, đang sống mà rơi xuống địa ngục A-tỳ. Ví như người rớt xuống hầm xí, có thiện tri thức dùng tay mò bới, nếu vớ được tóc thì nắm kéo lên, còn như lâu quá tìm không thấy thì mới đành bỏ ý định. Cũng vậy, ta tìm một chút thiện căn của Thiện Tinh để cứu giúp, dù chỉ bằng mảy lông mà tìm cả ngày cũng không thấy. Cho nên ta không cứu được ông ấy khỏi địa ngục.

(Trích kinh Đại Niết-bàn quyển 37)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 22

(PHẦN SAU CHI SA MÔN VÔ HỌC)

1. Sa di Song Phước, Song Đức gặp Phật, đắc đạo.
2. Tu-đà lớn lên trong mộ, gặp Phật đắc đạo
3. Sa-di Quân Đề.
4. Sa-di cứu kiến,kéo dài mạng sống, tinh tấn tu hành, đắc đạo.
5. Không có ác tâm, Sa-di đẩy thầy chết, tinh tần tu hành, đắc đạo.
6. Chuyện của một Sa-di chết sớm.
7. Sa-di Thuần Đầu hàng phục ngoại đạo.
8. Sa-di và năm người mẹ.
9. Sa-di xả bỏ thân yêu quý để giữ giới.
10. Sa-di đắm Long nữ sanh vào loài rồng.

1. SA DI SONG ĐỨC, SONG PHƯỚC GẶP PHẬT ĐẮC ĐẠO:

Thôn Sơn Dân cách nước Xá-vệ năm trăm dặm có khoảng năm mươi, sáu mươi ngôi nhà. Trong đó có một ngôi nhà nghèo, người vợ mang thai mười tháng sanh đôi hai cậu con trai. Cả hai đều xinh đẹp, cha mẹ rất yêu quý, đặt tên là Song Phước, Song Đức. Khi được gần hai tháng tuổi, một hôm người cha đi chăn trâu về nhà nằm nghĩ trên gường. Người mẹ đi nhặt củi chưa về, hai đứa trẻ mới cùng nhau than trách. Một đứa nói:

- Đời trước tôi sắp đắc đạo, lúc đang ngồi thiền thì vọng tưởng nổi lên. Tôi cho mạng sống là thường tồn nên mới rơi vào vòng sanh tử trải qua vô lượng kiếp không thể tính được. Nay sanh vào nhà bần cùng này, mền áo chỉ là cỏ, ăn uống toàn những thứ tồi tệ như cắt ruột gan, cứ như thế kéo dài làm sao mà sống nổi. Kết quả này là do đời trước mê đắm sự giàu sang, buôn lung thân tâm mà phải chịu nhiều khổ đau từ ấy đến nay. Nếu nay còn lẩn quẩn trong buồn khổ nữa thì biết nương tựa vào

đâu. Đứa bé kia tiếp: tôi cũng thế, một hôm gặp một khó khăn nhỏ, tôi chỉ siêng năng được một lác, không có sự chuyên cần nên nay trải qua nhiều số kiếp gặp nhiều đau khổ tai nạn. Kết quả này do mình làm, chẳng phải do cha mẹ tạo ra. Chúng ta hãy cùng nhau chấp nhận.

Người cha nghe được những lời ấy rất lấy làm quái lạ cho hai đứa trẻnày là quỷ và nghĩ nên giết chúng đi lúc chúng còn nhỏ. Ông kinh sợ chạy ra ruộng gom củi lại muốn thiêu hai đứa bé. Người vợ thấy vậy liền hỏi:

- Ông chất củi để làm gì?

Người chồng liền kể lại việc đã nghe thấy.

Người vợ nghe xong vô cùng buồn khổ. Sáng hôm sau, hai vợ chồng đi làm rồi trở về lén nghe. Hai đứa bé vẩn nói những lời oán trách như trước.

Khi ấy Phật dùng thiên nhản trông thấy, liền đến thôn kia phóng hào quang tỏa sáng cả thôn, Trời đất chấn động, núi sông cây cối đều toả ra sắc vàng óng ánh.

Phật đến nhà hai đứa bé song sanh. Chúng thấy hào quang của Phật vui mừng khôn xiết. Hai vợ chồng càng kinh hãi, mỗi người bồng một đứa bé đi đến chỗ Phật thưa rằng:

- Bạch Phật, hai đứa bé này sanh ra đến nay mới gần hai tháng tuổi mà nói với nhau những điều kỳ lạ, chúng con sợ nó gây ra tai hoạ, nên đốt lửa muốn thiêu chúng, không biết chúng là những loài yêu quỷ nào. Xin Ngài giải thích cho chúng con.

Hai đứa bé thấy Phật, vô cùng vui mừng. Phật nhìn chúng cười lớn, trong miệng toả ra hào quang ngũ sắc chiếu khắp Trời đất. Phật bảo:

- Hai đứa trẻ này chẳng phải là yêu quỷ mà là những đứa con phước đức.

Vào thời Phật Ca-diếp chúng đã từng làm Sa-môn, thuở nhỏ từng làm bạn của nhau, cùng chí nguyện xuất gia. Sau khi xuất gia, mỗi người đều tinh tấn tu học. Lúc sắp đắc đạo, liền khởi lên tư tưởng sai lạc, rồi cùng thối chísa vào các thú vui vinh hoa phú quý của cuộc đời. Nhờ phước đức ấy, sau khi chết, chúng được sanh lên cõi Trời, hết phước sanh xuống lại cõi nhân gian làm khanh hầu quốc vương. Chỉ trong phút chốc nghĩ sai liền thối tâm Bồ-đề, đã không đạt được Niết-bàn lại rơi vào dòng sanh tử như thế. Trải qua nhiều số kiếp, chún thường có sự ràng buộc với nhau nên cùng sanh ra và gặp ta ở đời. Nay tuy mới ra đời nhưng chúng đã từng cúng dường Phật, nên có phước được cứu độ

và tuy còn nhỏ đã biết được đời trước của mình. Nay ta đến đây là để cứu chúng. Nếu như ta không cứu thì chúng đã chết oan trong ngọn lửa rồi, Phật liền nói kệ:

Thánh nhân dứt tham dục
Hào quang tự toả sáng.
Dù gặp cảnh khổ, vui
Vẫn mặc nhiên đón nhận.
Bậc hiền không vướng trần
Không mong chi con cái,
Cùng tài sản quốc gia.
Chỉ giữ giới tu tuệ
Không mong chi giàu sang.
Người trí biết phương tiện
Như cây sống trên sống trên cát.
Bạn lữ chớ ép nhau
Tuỳ thuận mà khuyên nhắc.

Hai đứa trẻ được thấy Phật, được nghe kệ, thân hình bổng lớn lên hư đứa bé tám tuổi liền xin làm sa di, đắc quả A-la-hán. Người lớn trẻ nhỏ trong thôn thấy hào quang của Phật lại tận mắt thấy đứa bé lớn lên, đều rất vui mừng và cùng đắc quả Tu-đà-hoàn. Cha mẹ đứa bé nghi được mở cũng đắc pháp nhãn tịnh.

(Theo kinh Pháp cú quyển 10)

2. TU-ĐÀ DA LỚN LÊN TRONG MỘ GẶP PHẬT ĐẮC ĐẠO:

Có vị quốc vương tên là Chiên Đà Việt thờ đạo Bà-la-môn, đồng thời dùng đạo này để trị nước. Vua rất sủng ái vị tiểu phu nhân khiến cho những vị phu nhân khác ganh ghét. Họ đem vàng bạc tặng cho vị Bà-la-môn và xúi ông ta tâu vua: nếu tiểu phu nhân sanh con ắt sẽ gây tai họa cho đất nước. Vua nghe xong không vui mới hỏi Bà-la-môn:

- Vậy thì phải làm sao?
- Chỉ có cách là giết cả hai.
- Sinh mạng rất quý trọng sao có thể giết.
- Nếu vua không ra lệnh giết thì nước mất, mạng vua cũng không còn. Nge vậy, vua đành phải giết oan luôn cả đứa con.

Sau đó đứa bé được sanh ra ở trong mộ, nửa phần trên thân thể của mẹ nó không bị hư hoại và tiết ra chất nước giống như sữa, đứa bé bú chất sữa ấy để nuôi sống thân. Ba năm sau, ngôi mộ ấy sụp đổ, đứa bé thoát được ra ngoài, ban ngày đùa giỡn với chim thú, tối đến thì trở

về trong mộ. Dến năm lên sáu tuổi, đức Phật thương đứa bé sống cực khổ với bày chim thú nên hóa làm một vị Sa-môn đến hỏi cậu bé:

- Con là con cái nhà ai? Sống ở đâu?

- Con không có nhà, chỉ ở trong ngôi mộ này, xin đạo nhân cho con đi theo.

- Muốn theo ta làm gì?

- Dù thế nào con cũng xin theo đạo nhân, cuộc đời con ra sao đều do Ngài quyết định.

Phật liền dẫn đứa bé về Tinh xá Kỳ-hoàn, nhìn thấy các vị Tỳ-kheo uy nghi tề chỉnh, lòng đứa bé rất vui mừng, liền bạch Phật:

- Bạch Thế tôn, con muốn làm Tỳ-kheo.

Phật xoa đầu cậu bé, tóc liền rụng, thân khoác ca-savà được gọi là Tu-đà.

Tu-đà tu học tinh tấn tuân thủ giới luật, sau bảy ngày liền đắc quả A-la-hán. Một hôm Phật bảo Tu-đà đến giáo hoá vua Chiên Đà Việt. Tu-đà vâng lời ra đi.

Khi dến nơi, vua thưa:

- Ta rất lo buồn, không biết phải làm sao?

- Nhà vua buồn chuyện

- Nay ta tuổi đã cao, sau khi chết đi không có người nối dõi.

Nghe vua nói, Tu-đà không trả lời mà chỉ mĩm cườimột mình.

Thấy vậy vua nỗi giận bảo:

- Ta cùng Ngài nói chuyện, tại sao Ngài lại cười?

Vua muốn giết Tu-đà. Biết được thế, Tu-đà ltền nhẹ nhàng bay lên Hư không, phân thân biến hoá liên tục.

Vua thấy thần thông biến hóa của Tu-đà liền hối hận thưa:

- Ta thật ngu si, không phân biệt đựợc nương nhờ. Tu-đà liền hạ xuống bảo vua rằng:

- Nếu nhà vua tự quy y thì rất tốt và nên quy y Phật. Vì Phật là thầy tôi, là bậc tôn quý trong ba cõi, thường giáo hóa cứu độ chúng sanh. Trong chốc lác, Tu-đà dẩn vua đến chỗ Phật. vua liền xin quy y Tam bảo,vâng giữ năm giới làm ưu-bà-tắc. Phất kể lại cho vua nghe mọi việc và nói Tu-đà chính là con vua.

Nghe Phật nói, vua vô cùng kinh sợ.

Phật bảo:

- Vào thời dức Phật Câu Tiên Ni có vị quốc vương tên phất Xả Đạt, dân chúng trong nước đều cúng dường Tam bảo. Khi ấy có một người dân hèn nghèo khổ, anh ta giữ mấy trăm con trâu cho một nhà

giàu trong nước. Hôm nọ anh ta nhìn thấy vua và mọi người cúng dường Tỳ-kheo, liền hỏi:

- Quý vị làm gì thế?

- Chúng tôi cúng dường Tam bảo để đời sau được phước báo, cuộc sống giàu sang hạnh phúc. Nghe vậy, anh ta nghĩ: ta nghèo quá, chỉ nấu sửa bò làm pho mai đem dâng cúng các vị Tỳ-kheo thôi.

Nghĩ rồi, anh ta liền nấu sữa làm pho mai đem đến cúng dường, các vị Tỳ-kheo liền chú nguyện khiến ông đời được phước báo. Từ đóvề sau sanh ra trong đời nào ông cũng được hưởng phước; khi làm Chư thiên; lúc làm vương hầu. Trong một đời nọ ông làm vua, một hôm đi săn gặp con trâu cái đẹp đang mang thai, vua liền giết nó. phu nhân bảo: chớ giết con nó. Khi ấy người chủ trâu mổ bụng lấy bê ra nuôi và sân giân rủa: “vua sẽ bị như con trâu này”. Sau thần hồn vua sanh llàm con của Ngài chính là Tu-đà, chưa sanh ra đời mẹ đã bị vua giết. Mẹ của Tu-đà chíng là phu nhân thuở ấy. Bà-la-môn là chủ trâu.

Việc Tu-đà sanh ra trong mộ, nhờ thân thể của mẹ không hư hoại, có sữa bú để lớn lên là nhờ đời trước cúng dường phô mai cho chúng Tỳ-kheo.

Vua nghe xong tỏ ngộ đắc quả Tu-đà-hoàn.

(Theo kinh Chiên Đà Việt Quốc vương)

3. SA-DI QUÂN ĐỀ:

Phật ở nước Xá-vệ, khi ấy tôn giả Xá-lợi-phất thường ngày đêm ba lần dùng thiên nhãn xem ai đáng được độ thì liền đến độ. Bấy giờ có đoàn khách buôn muốn đến nước kia (kinh Báo Ân ghi: giữa nước Xá-vệ và Ma Đề có năm trăm khách buôn)

Ngày lên đường, đoàn khách buôn dẫn theo một con chó (kinh Báo Ân ghi chó trắng). Đi được nữa đường họ dừng lại nghĩ ngơi, chó ta thừa cơ ăn vụng thịt. Phát hiện, họ liền xúm nhau đánh, bẻ chân rồi quăng nó ra đồng trống rồi bỏ đi.

Qua thiên nhãn tôn giả Xá-lợi-phất thấy chú chó đang lăn lộn trên đất, đói khổ sắp chết, Ngài liền bay đến lấy cơm cho nó ăn. Được cứu sống mạng thừa, chú chó rất vui mừng, Ngài Xá-lợi-phất giảng pháp cho nó nghe, nghe xong, nó liền qua đời thần thức sanh vào gia đình Bà-la-môn trong nước Xá-vệ.

Một hôm thấy Ngài Xá-lợi-phất đi khất thực một mình, Bà-la-môn liền hỏi:

- Sao Ngài lại đi một mình, không có Sa-di theo.

- Tôi không có Sa-di, nghe nói ông có một đứa con trai nên đến xin.

- Tôi chỉ có một đứa tên Quân Đề, tuổi còn nhỏ, chưa sai bảo được, đợi đến lúc nó lớn tôi sẽ cho Ngài.

Ngài Xá-lợi-phất ghi nhớ việc đó. Đến lúc đứa bé được bảy tuổi Ngài lại đến xin. Vị Bà-la-môn cho con xuất gia. Ngài Xá-lợi-phất dẫn đứa bé về Kỳ-hoàn, từ từ dạy dỗ, nói pháp tâm ý đứa bé được mở, đắc quả A-la-hán (kinh Báo Ân nói: Phật bảo thiện lai! tóc tự rơi xuống ca sa đắp thân).

Sa-di Quân Đề vừa mới đắc đạo tự dùng trí tuệ quán sát đời quá khứ, thấy thân đới trước là một con chó, nhờ ân đức hoà thượng nay được thân người, được đạo quả trong lòng rất vui mừng, nghĩ rằng: Ta nhờ ân thầy được thoát các khổ não, nay sẽ mãi mãi làm Sa-di để trọn đời hầu hạ thầy.

Lại nữa vào thời Phật Ca-diếp có các Tỳ-kheo nhóm họp một chỗ, trong đó có vị Tỳ-kheo trẻ có âm thanh trong trẻo, giỏi việc tán tụng. Lại có vị Tỳ-kheo già âm thanh khàn dục không thể tán tụng được chỉ thường tự ngâm nga những điều thích thú. Ngài là người đã chứng quả a-la-hán. Bấy giờ vị Tỳ-kheo trẻ chê vị Tỳ-kheo già rằng:"trưởng lảo này tiếng như chó sủa". Vị Tỳ-kheo liền hỏi Tỳ-kheo trẻ:

- Ông có biết ta chăng?

Tỳ-kheo trẻ đáp:

Tôi biết trưởng lão quá, trưỡng lão là bậc Tỳ-kheo thượng tòa thời Phật Ca-diếp.

Tỳ-kheo già nói:

Ta nay đã đắc quả A-la-hán

Vị Tỳ-kheo trẻ kinh sợ tự trách và sám hối. Do đó mà năm trăm đời thường bị làm thân chó. Nhưng nhờ xuất gia giữ gìn tịnh giới nên nay ta được gặp thầy, nương thầy mà được giải thoát.

(Theo kinh Hiền Ngu quyển 12)

4. SA-DI CỨU KIẾN, KÉO DÀI MẠNG SỐNG TINH TẤN TU HÀNH, ĐẮC ĐẠO:

Ngày xưa trong một khu rừng tươi tốt cách thành phố một nước nhỏ không xa có năm vị đạo sĩ đang học. Lại có một Tỳ-kheo đắc ngũ thông và một Sa-di tám tuổi cùng ở trong núi, mỗi người đều một mực tu hành. Vị thầy biết dược chú Sa-di trong vòng bảy ngày nữa sẽ chết, mới nghĩ: "nếu Sa-di chết ở đây thì cha mẹ nó sẽ cho ta là chăm sóc không

chu đáo khiến cho nó chết, sanh lòng oán giận.”

Vị thầy liền bảo Sa-di: “cha mẹ con đang nhớ con, con có thể về nhà đến sáng ngày thứ tám hãy trở lại”.

Sa-di được thầy cho phép, vui mừng đảnh lễ ra đi. Trên đường đi, chú gặp mưa lớn, nước chảy lan tràn, nơi bờ đất có một hang kiến bị nước tràn vào. Sa-di nghĩ: “mình là đệ tử của Phật, một là phải có tâm từ, hai là phải cứu mạng sống”. Nghĩ rồi, Sa-di lấy đất đắp bờ, tháo đường cho nước chảy hướng khác. Sau đó Sa-di về nhà, qua bảy ngày chẳng có việc gì xảy ra.

Sáng sớm ngày thứ tám, Sa-di trở lại núi. Từ xa, vị thầy trông thấy Sa-di, vô cùng kinh ngạc. Vì Sa-di kia dáng lý sau bảy ngày đã chết, nay vì vhân duyên gì mà còn sống hay là quỷ thần hiện đến.? Nghĩ rồi vị thầy nhập tam muội quan sát, thấy việc Sa-di cứu kiến nên hiện đời được kéo dài tuổi thọ.

Sa-di đến bên thầy cúi đầu đảnh lễ và ngồi một bên. Thầy hỏi:

- Con đã làm một công đức lớn, có tự hay biết không?

Thưa thầy, bảy ngày qua con ở nhà không làm công đức gì cả.

Vị thầy bảo:

- Mạng sống của con đã hết, vừa qua vì con cứu đàn kiến nên hiện đời tuổi thọ tăng lên tám mươi tuổi.

Sa-di nghe thầy nói xong rất vui mừng và tin có quả báu, từ đó về sau tinh tấn tu tập, đắc quả A-la-hán.

(Theo kinh Phước Báu quyển 10 và kinh Thí dụ)

5. KHÔNG CÓ ÁC TÂM, SA DI ĐẨY THẦY CHẾT, TINH TẤN TU TẬP ĐẮC ĐẠO:

Ở nước xá Vệ có một ông già vợ chết sớm sống một mình nuôi con trong cảnh nghèo khổ. Ông hiểu cuộc đời vô thường nên theo Phật xuất gia, đứa con nhỏ cũng theo làm Sa-di. Một hôm hai cha con đi khất thực ở xa, gần tối phải trở về. Người cha đi chậm, người con sợ về tối gặp thú dữ nên vội vàng dìu cha đẩy đi nhanh. Vì nắm, không chắc người con đẩy cha té chết. Người con một mình trở về chỗ Phật. Chư Tỳ-kheo biết việc, quở trách Sa-di rồi đem chuyện đó bạch Phật. Phật bảo: “vị thầy tuy chết nhưng không do ác ý của Sa-di.” Rồi Phật hỏi Sa-di: “Con giết thầy con phải không?” Sa-di đáp: “Bạch Phật, con thật có xô thầy nhưng không phải do ác ý.” Phật bảo: “Ta biết con không có ý ác. Ở thời quá khứ cũng lại như vậy, không có ác ý mà hai cha con giết hại lẫn nhau. Ngày xưa có hai cha con cùng ở một chỗ, người cha bịnh nặng,

khi ông mằn ngủ có nhiều ruồi nhặng luôn đến bu vào người làm ông bực bôi. Ông bảo con đuổi ruồi để được ngủ yên. Lúc đó đứa con luôn nhanh tay xua đuổi, nhưng ruồi cứ bay đến mãi, đứa con nổi giận lấy cây gậy lớn rình ruồi để giết. (luật Thập Tụng nói lấy đá lớn đè ruồi). Khi ấy nhiều ruồi nhặng tranh nhau bu vào trán người cha. Đứa con lấy gậy đập mạnh xuống, người cha liền chết. Người cha đó nay là Sa-di, đứa con bấy giờ là Tỳ-kheo chết. Vì không có ác tâm ác ý, cũng chẳng phải cố giết". Sa-di nghe rồi tinh tấn tu tập, sau đắc quả A-la-hán.

(Theo kinh hiền Ngu quyển 10)

6. CHUYỆN CỦA MỘT SA-DI CHẾT SỚM:

Phật du hoá đến vườn Cấp-cô-độc thành Xá-vệ, khi Tỳ-kheo kia có một người đệ tử tính tình rất ôn hoà, nhỏ nhẹ, mong học theo bậc hiền nhân. Người đệ tử này luôn siêng năng, hết lòng hầu thầy, cung kính nghe lời không trái ý, nhưng tuổi thọ quá ngắn, còn nhỏ đã qua đời, đượec sanh lên cõi Trời Đao lợi. Vị ấy quan sát khắp cõi Trời, chỉ thấy lửa lớn, nên nghĩ, ở đây bổn nguyện của mình không được như ý, cách xa thầy lành bạn tốt, chạy theo bạn xấu. Cách xa cả bậc hoà thượng chí tôn, các vị A Xà Lê, quý vị tu tập phạm hạnh, bốn chúng đệ tử, ngay cả bậc Nhất thiết trí Như Lai cũng cách xa, trong vô lượng kiếp khó gặp khó thấy. Nay Ngài đang giảng giải kinh điển sâu sắc vi diệu ở thế gian nhưng lại cho rằng mình chưa từng nói một lời. Ngài thường an ủi giảng dạy về pháp duyên khởi khiến cho mọi người hiểu được vạn vật đều có nhân duyên và giải toả được những điều chưa được thấy nghe trong vô lượng kiếp. Lúc ấy ta được kinh này, bỏ nhà đi tu, đang tinh tấn tu tập, chưa đuợc cứu cánh mà nay lại rơi vào đời sống buông lung.

Nghĩ rồi vị ấy liền đến chỗ Thế tôn cúi đầu đảnh lễ. Phật biết được tâm ông ấy chân thật, thiết tha với đạo nên giảng giải bốn chân lý khổ, tập, diệt, đạo. Vị ấy nhe xong liền đắc đạo.

Đệ tử mất, Tỳ-kheo Dị buồn nhớ khóc như mưa. Phật gọi ông ấy đến hỏi:

- Vì sao ông lại buồn bã như thế?

- Đệ tử của con đã mất rồi.

- Đệ tử mất sao lạ phải buồn khổ như vậy.

Sa-di, đệ tử của con rất hiền lành, tu tập chưa đắc đạo đã chết sớm, cho nên con mới buồn bã như vậy.

- Thôi, ông chớ buồn, Sa-di ấy đã đạt được cứu cánh, sanh lên cõi Trời, nửa đêm nay sẽ đạt được Thánh đế.

Tỳ-kheo ấy nghe xong không còn khóc nữa.

(Theo kinh Đệ Tử Quá Mạng)

7. SA DI THUẦN ĐẦU HÀNG PHỤC NGOẠI ĐẠO:

Ngài Xá-lợi-phất có một vị Sa-di tên Thuần Đầu, mới sáu tuổi đã đắc sáu pháp thần thông. Một hôm Thuần Đầu bay lên Hư không đến suối A-nậu. Khi ấy có vị Phạm chí đắc năm thần thông tên Tu Bạc cũng đến suối này.

Lúc ấy quỷ Thanh Y giữ suối dùng ngói đá ném đuổi Phạm chí không cho đến gần suối thần. Khi Sa-di đến thì cả mấy trăm quỷ Thanh Y đều ra đón. Có con đỡ lấy y, có con bưng nước rửa tay chân, có con dùng khăn sạch lau đầu mặt, có con dùng nước ấm thơm tắm cho Sa di.

Thấy vậy Phạm chí hét lên:

- Ta đã đắc ngũ thông, oai đức vô lượng, sức lực có thể dời núi đắp bể có thể xoay chuyển Trời đất như xoay chuyển hạt châu trong lòng bàn tay. Từ khi học đạo đến nay đã hơn một trăm hai mươi năm rồi, nhọc thân mệt trí. Có khi thờ Ngũ Minh ở giữa bốn bề lửa đỏ bên trên mặt Trời chiếu xuống, có khi nằm trên tro phân, có khi nằm trên gai gốc, chỗ hiểm trở, không có đạo nào mà ta không học, sao lại xua đuổi không cho ta đến suối. Còn tên nhóc bảy tám tuổi kia miệng còn hôi sữa, thân thể dơ bẩn kia lại quá được kính trọng như vậy.

Qủy Thanh Y bảo:

- Vị học sĩ này tuy tuổi còn nhỏ nhưng đã ra khỏi ba cõi, đã đạt được địa vị bát đia Thánh Hiền. Vì ông không được như thế nên chúng tôi không cung kính.

Lại có một vị Bà-la-môn tên Duyệt Xoa dựng một ngôi chùa cũng gọi tên Duyệt Xoa đồng thời ông thường cúng dường dầu cho chùa để đốt đèn. Khi ấy có một vị Bà-la-môn từ phương xa đến chùa kia.

Lại nghe có một vị Phạm chí tên Duyệt Xoa tài cao, đức sáng rất tin Phật pháp cũng dựng một ngôi miếu và cùng Bà-la-môn Duyệt Xoa gặp nhau.

Khi ấy có một vị Sa-di đến lấy dầu về tấp đèn. Nhiều vị Phạm chí bảo Bà-la-môn Duyệt Xoa:

Quả là ông đảnh lễ kẻ nhuộm áo kia.

Họ nói chưa dứt lời thì Sa-di đến, vị Phạm chí Duyệt Xoa liền đến đảnh lễ. Các vị Phạm chí kia bảo:

Ông là người xuất thân từ trong bốn dòng họ, tài nghệ hơn người,

thông suốt thiên văn địa lý,có oai linh về thần chú, không việc gì không thành. Còn vị Sa-môn này xuất thân từ các dòng họ thấp hèn, tại sao lại trái với pháp của mình, đi đảnh lễ Sa-môn này?

Còn Phạm chí Khanh là người tu tập rất thanh tịnh, tự rèn luyện năng lực của tự thân, đoán biết những chuyện bí ẩn, tu tập tạo phước không nguyện nào mà không thành. Chữ nghĩa văn chương không có gì không thông suốt. Hạnh của Phật ít ỏi có gì đáng quý đâu. Tại sao ông bỏ gốc theo ngọn, đó là lỗi của chúng ta. Vì chúng tôi từng nghe nói Sa-môn là kẻ nghèo hèn, lắm điều dối trá, mê hoặc người đời. Việc làm của họ tạm bợ, chỉ vinh quang trong một đời, không thể đạt được phước của Phạm chí. Giả sử có gặp nhau thì chỉ cần đưa tay lên chào là đủ. Tại sao lại năm vóc cung kính đảnh lễ sát đất như vậy. Chúng tôi tận mắt thấy việc làm của ông đã là kỳ quái, huống chi các bậc thầy của chúng ta. Sao có thể tha thứ tội cho ông được?

Bà-la-môn Dược Xoa bảo các vị Bà-la-môn:

Các vị hãy lắng lòng nghe lời ta nói
Hiền Thánh đức khó lường
Theo con dường Bát Chánh
Đạt đến đạo Vô thượng
Là Sa-môn phạm hạnh
Như Lai từng nói thế
Nay vị Sa-di này
Hình dáng tuy còn nhỏ
Nhưng đã là Thánh hiền
Cho nên ta quy y
Phạm chí sao lại cười.

Vị Sa-di này đã đạt được các quả vị: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, có thể thoát khỏi sự ràng buộc của phiền não, năm uẩn, sáu nhập trong cõi dục. Đó gọi là người có khả năng thấu rõ nguồn gốc của phiền não. Người nhập định, toạ thiền thường ở nơi yên tĩnh chuyên chú nhất tâm, người ấy đếm hơi thở ra vào, giữ ý không tán loạn thì không những người ấy thoát khỏi sự trói buộc của ma mà còn khống chế lại ma. Người nhập định có thể sai khiến quỉ thần như ý muốn. Cho nên phải tỉm phương tiện để thoát khỏi sự trói buộc của ma.

(Theo kinh Xuất Diệu quyển 5)

8. SA DI VÀ NĂM NGƯỜI MẸ:

Thuở xưa có một cậu bé mới bảy tuổi đã mến mộ Phật pháp, xuất

gia làm Sa-di theo thầy là một vị A-la-hán vào núi học đạo, tinh tấn tu tập. Năm lên tám tuổi Sa-di đã đắc tứ thông:

1. Mắt thấy khắp cả.
2. Tai nghe thấu suốt.
3. Có thể biến hoá, đi trên Hư không.
4. Biết được đời trước.

Một hôm Sa-di ngồi tư duy thấy đời trước đã từng lần lượt làm con của năm người mẹ, nên cười một mình. Vị thầy thấy vậy hỏi:

- Con cười cái gì?

Sa-di đáp:

- Con đâu dám cười thầy. Con tự thấy một mình con mà có năm người mẹ, họ đêm ngày buồn thương than khóc và nói: “nhớ con không nguôi”. Một mình con mà làm khổ năm nhà, vì vậy mà con cười.

Lúc con làm con của người mẹ thứ nhất thì lối xóm cũng có một đứa trẻ chào đời cùng lúc với con. Sau khi con chết, mẹ con nhìn thấy đứa trẻ kia ra vào chơi giỡn liền nói: “giá con tôi còn sống, nó cũng như thằng bé kia”. Nói rồi lại càng buồn nhớ con nhiều hơn.

Khi con làm con của người mẹ thứ hai, sanh ra chưa được bao lâu con đã mất. Mẹ con mỗi lần thấy có người có người cho con nhỏ bú lại càng buồn nhớ con, khóc than thảm thiết.

Sau đó con sanh làm con của một người mẹ nữa, không bao lâu con cũng mất. Mẹ con mỗi lần sắp ăn cơm lại nhớ đến con không ngăn được nước mắt: “ nếu con ta còn sẽ ăn cơm với ta, nhưng nó lại bỏ ta mà đi rồi”.

Con lại làm con của người mẹ thứ tư, không bao lâu con lại chết. khi những người cùng tuổi với con lấy vợ lấy chồng, mẹ con lại nhớ đến con: “nếu con ta không chết nay ta sẽ cưới vợ cho nó”.

Đến đời này con làm con của người mẹ thứ năm. Nay mẹ con vẫn còn. Khi con bỏ nhà đi học đạo, ngày nào mẹ con cũng than khóc: “con tôi mất rồi, nay không biết nó đang ở đâu, đói lạnh sống chết thế nào, chắc không còn ngày gặp lại nó”. Nói xong lại càng thêm đau khổ buồn thương.

Nay mỗi lần năm người mẹ gặp nhau đều nói: “con của tôi mất rồi”. Và đều than khóc nhớ đến một mình con, cho nên con cười. Người thế gian không biết có đời sau, chỉ nói chết rồi là hết. Nào biết người làm thiện được phước, người làm ác gặt lấy tai ương! Nên người ở thế gian phải biết thích thiện sợ ác. Nếu không sợ điều ác thì đời sau chịu những khổ đau, sanh vào đường ác, có hối hận cũng không kịp.

Bản thân con vì chán ghét cuộc sống thế gian nên từ bỏ thân thích đi học đạo. Con thấy những nỗi khổ đau tột cùng trong chốn địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh mà sợ thay cho họ. Nay con được nương nhờ ân đức của thầy thọ học kinh giới của Phật, được độ thoát. Con nhớ đến năm người mẹ, họ chưa được độ thoát nên vẫn còn buồn nhớ đến con.

(Theo kinh Ngũ Mẫu Tử Nhân)

9. SA DI XẢ BỎ THÂN YÊU QUÝ ĐỂ GIỮ GIỚI:

Thuở xưa trong nước An Đà có một vị Tỳ-kheo ít muốn biết đủ, mỗi ngày đều có một vị Ưu Bà tắc kính tin Tam bảo, phát nguyện trọn đời cúng dường cho Ngài.

Lại có một vị trưởng giả sanh được một đứa con trai, ông muốn cho con xuất gia nên đi tìm bậc minh sư. Một hôm ông dẫn cậu bé đến gặp Tỳ-kheo này và thưa:

Con muốn đứa con này xuất gia, xin đại đức thâu nhận giáo hóa cho.

Vị Tỳ-kheo dùng đạo nhãn quan sát, thấy đứa bé này xuất gia có khả năng giữ giới thanh tịnh, liền nhận lời cho cậu làm Sa-di.

Ngày nọ có một cư sĩ bạn thân mời vị ưu bà tắt kia ngày mai đến nhà dự tiệt. Sáng sớm ông ta lẫm bẩm:

- Nay ta đi dự tiệc, ai sẽ giữ nhà?

Người con gái nghe cha nói liền thưa:

- Xin cha mẹ cùng những người hầu đi dự tiệc. Một mình con có thể giữ nhà.

- Vậy thì tốt, người cha bảo.

Cả nhà đều ra đi, cô gái đóng cửa một mình ở trong nhà. Hôm ấy vị Ưu bà tắt vì vội vã đi dự tiệc nên quên sai người đem thức ăn cúng dường Tỳ-kheo.

Trời đã xế bóng, vị Tỳ-kheo nghĩ: “Bây giờ quá ngọ rồi, người đời bận nhiều việc, chắc là quên rồi”. Nghĩ xong vị ấy liền sai Sa-di đến nhà cư sĩ lấy cơm.

Sa-di giữ oai nghi như lời Phật dạy đến nhà cư sĩ và gỏ cửa.

- Ai đó, cô gái hỏi.

- Tôi đến lấy cơm cho thầy, Sa-di đáp.

Cô gái lập tức ra mở cửa. Vốn là một cô gái xinh đẹp, tuổi vừa mười sáu, lửa tình đang bóc cháy, cô đến trước Sa-di yểu điệu lẳng lơ khêu gợi.

Vị Sa-di nghĩ: “cô gái này bị bệnh động kinh chăng? Hay không lẽ

cô ấy muốn thoả mãn dục tình, phá mất phạm hạnh của ta chăng”.

Nghĩ rồi Sa-di liền giữ dung nghi oai nghiêm, nét mặt không hề thay đổi. Cô gái tiến đến gieo mình sát đất đảnh lễ Sa-di và thưa:

Con có điều hằng mong, nay muốn được thố lộ với Ngài. gia đình con của cải trân báu chất đầy kho, chẳng khác nào kho báu của Tỳ Sa-môn Thiên vương, nhưng không có người kế thừa làm chủ. Ngài có thể hạ mình thương xót làm chủ nhà này, con sẽ làm người ăn kẻ để hầu hạ Ngài, khiến cho mong ước của con được thoả mãn.

Sa-di nghĩ: “Ta thà chết chứ không chứ không phạm giới. Nhớ thuở xưa có vị Tỳ-kheo lạc đến nhà dâm nữ, vị ấy thà nhảy vào hầm lửa chứ không phạm giới dâm. Có các vị Tỳ-kheo bị cướp trấn lột đồ đạc rồi lấy giây cỏ trói lại, dù phải bị phơi mình giữa nắng gió, bị côn trùng cắn nhưng vì giữ giới, các Ngài không nở bứt cỏ để thoát. Như có vị Tỳ-kheo nhìn thấy con vịt nuốt hạt châu, vì giữ giới nên tra khảo đau khổ vẫn không nói. Một hôm thuyền bị hư giữa biển, vì giữ giới, vị Tỳ-kheo nhỏ đã trao tấm ván cho Tỳ-kheo trưởng lão, còn mình nhận lấy cái chết. Những vị đó chính là đệ tử của Phật, có khả năng giữ giới còn ta chẳng phải đệ tử Phật hay sao mà không thể giữ giới. Đức Thế tôn Như Lai chỉ là thầy của những vị kia, chẳng phải là thầy của ta sao?”

Nghĩ rồi Sa-di kiếm cớ bảo:

- Cho tôi vào một phòng riêng, đóng chặt cửa để làm những việc cần làm, rồi sẽ làm thoả mãn ước mong của cô.

Nghe vậy cô gái liền đóng cửa, Sa-di vào phòng đóng chặc cửa, lấy ra con dao cạo tóc, cởi y treo lên giá, quỳ gối chấp tay hướng về nơi Phật nhập Niết-bàn ở thành Câu Thi Na, lập nguyện: “Nay con không bỏ Phật, không bỏ pháp, không bỏ chúng Tăng cũng không bỏ giới. Vì giữ giới, con bỏ thân này, sanh lại đời sau được xuất gia giữ giới thanh tịnh dứt hết phiền não cho đến đắc đạo”. Nguyện xong Sa-di đâm dao vào cổ tự vẫn.

Khi ấy cô gái đợi lâu quá cảm thấy kỳ lạ liền đến cửa nhìn, thấy Sa-di đã chết, cô sợ tái mặt, dục tâm dứt hẳn, thay vào đó là sự lo lắng đau buồn làm cô chết giấc.

Dự tiệc trở về thấy con như thế, cư sĩ liền hỏi lý do. Cô gái thành thật kể lại sự việc xảy ra. Người cha vội vàng vào phòng, thấy trên thân Sa-di máu ra đỏ như chiên đàn, ông sụp lạy khen ngợi: “Sa-di này dám bỏ cả thân mạng để giữ gìn giới Phật đã chế.”

Thuở ấy luật pháp nước kia có quy định, nếu trong nhà cư sĩ có Sa-môn chết nhà ấy sẽ bị phạt tiền. Nên vị Ưu bà Tất kia liền lấy một

ngàn tiền vàng đặt trên mâm đồng đem đến cung vua tâu:

- Tâu đại vương! Thần có tội đáng bị khiển trách xử phạt nên đến gặp đại vương, xin đại vương nhận lấy.

Vua bảo:

- Khanh ở trong nước của trẫm, hết lòng kính tin Tam bảo, lời nói việc làm chưa hề sai trái. Con người của khanh như thế thì có lỗi gì mà đòi nộp phạt.

Vị Ưu bà tất liền tâu hết sự việc lên vua, đồng thời không ngớt lời chê trách con gái mình, khen ngợi Sa-di. Vua nghe xong kinh ngạc sợ hãi bảo:

Sa-di vì giữ giới tự ý bỏ thân mạng, đâu phải lỗi của khanh. Hãy đem số tiền này về, trẫm cũng đích thân đến nhà khanh cúng dường vị Sa-di ấy.

Đến nơi, thấy Sa-di, vua liền đến trước đảnh lễ, rồi dùng nhiều vật báu trang trí một chiếc xe cao, chở thi thể Sa-di đến một khoảng đất bằng phẳng, chất nhiều gỗ thơm cúng dường trà tỳ Sa-di. Đồng thời vua ra lệnh cho cô gái kia trang điểm thật đẹp, đứng lên một nơi cao để mọi người trong hội nhìn thấy. Vua chỉ cô gái bảo với mọi người:

- Cô gái này nhan sắc tuyệt đẹp như thế, người chưa ly dục ai nhìn mà không say đắm. Vậy mà vị Sa-di này chưa đắc đạo, vì hiểu được thân này là sanh tử nên dám bỏ để giữ giới, quả là một việc làm kỳ lạ hiếm có.

Sau đó vua cho người đến thỉnh thầy của Sa-di đến thuyết giáo pháp vi diệu cho đại chúng nghe. Những hưới trong hội thấy nghe việc này có người xin xuất gia, có người phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

(Theo kinh Hiền Ngu quyển 7)

10. SA DI ĐẮM LONG NỮ SANH VÀO LOÀI RỒNG:

Thuở xưa có vị A-la-hán cùng vị Sa-di tu tập trong núi. Mỗi ngày Sa-di liền đến nhà thí chủ khất thực. Một hôm, lúc đi qua một đoạn đê gập ghềnh nguy hiểm, Sa-di trược chân té ngã, cơm đổ dính đầy bùn đất. Sa-di vội nhặt phần cơm sạch bỏ vào bát thầy, còn cơm dơ thì rữa sạch rồi ăn. Cứ như vậy nhiều ngày, vị thầy hỏi:

Sao con lại mất đi hương vị của cơm.

Sa-di đáp:

Lúc con đi khất thực Trời hãy còn trong xanh nhưng khi về thì Trời lại đổ mưa, lúc con đi qua đoạn đê thì tược chân té, cơm bị đổ.

Vị thầy im lặng suy ngẫm, biết có rồng quấy phá Sa-di, liền đến

cầm gậy dộng mạnh lên đê. Rồng hoá thành một ông lão đến cúi đầu đảnh lễ.

Vị La hán hỏi:

- Tại sao ngươi lại quấy phá Sa-di của ta.

- Vì con thật lòng ưa thích dung mạo của Sa-di. Từ nay về sau Ngài hãy đến nhà con thọ thực.

La hán nhận lời mỗi ngày đều đến thọ thực. Về sau Sa-di phát hiện trong bát của thầy có vài ba hạt cơm chẳng phải là cơm của thế gian, mới đem đến hỏi thầy. Thầy im lặng không đáp. Một hôm Sa-di lén vào phòng thầy, chui xuống gường, hai tay nắm chặt chân gường. Khi vị thầy nhập thần xuống long cung, chiếc gường bay theo, mang cả Sa-di đến long cung: Long vương cùng vợ con quyến thuộc đều đảnh lễ La hán rồi quay sang đảnh lễ Sa-di. Khi ấy vị La hán mới biết có Sa-di đi theo liền gọi ra bảo: "đây chẳng phải là người nữ chỉ là súc sanh. Con đã làm Sa-di, tuy chưa đắc đạo nhưng chắc chắn sẽ được sanh lên cõi Trời Đao Lợi, mọi thứ trên đó đều đẹp hơn đây gấy trăm nghìn lần. Con chớ say đắm ở đây".

Sa-di thưa:

- Long cung này ở thế gian ít có.

Rồng có ba cái khổ:

1. Tuy ăn trăm vị ngon nhưng vừa vào miệng liền biến thành tôm ếch.

2. Phụ nữ ở đây xinh đẹp không ai bằng nhưng khi làm vợ chồng, muốn giao hợp cả hai phải biến thành thân rắn.

3. Trên thân rồng có vảy ngược, cát đá lọt vào trong đó đau nhói dến cả tim. Nên ở đây rất khổ. Tại sao con lại theo ta, con chưa đắc đạo, không nên để con nhìn thấy loài quỷ thần và việc ở trong cung vua.

Sa-di không nghe lời thầy, ngày đêm nghĩ nhớ đến những cô gái ở trong cung, không chịu ăn uống nên sanh bệnh rồi chết, thần hồn sanh làm con của rồng. Trong Trí Độ luận ghi: "Sau khi trở về, Sa-di dốc lòng bố thí, trì giới mong sớm được làm rồng". Do quá mong cầu, dưới chân Sa-di tuôn nước. Sau đó Sa-di đến bên ao lớn, chỗ trước kia thầy vào Long Cung, lấy ca-sa trùm đầu lăn xuống nước, chết đi biến thành rồng lớn giết chết rồng cũ, máu nhuộm đỏ cả ao.

(Theo kinh Ca-diếp Cật Nan Đà và Đại Trí Luận quyển 17)

11. SA DI THÍCH PHÔ MAI.

Có một Sa-di thích váng sữa (phô mai). Mỗi lần những vị đàn việt cúng dường phô mai, Sa-di chỉ được một phần nhỏ nên lòng rất ham thích không rời xa. Sau khi mạng chung Sa-di sanh trong bình còn dính phô mai. Thầy của Sa-di là một vị A-la-hán, khi chúng Tăng chia phô mai, Ngài dặn:

Hãy nhẹ tay, chớ làm tổn thương vị Sa-di thích phô mai này.

Mọi người lại hỏi:

- Vì sao lại nói là Sa-di thích phô mai?

- Đây vốn là Sa-di của ta, chỉ vì ham thích phô mai dư thừa mà sanh vào trong bình này.

Thế rồi mỗi lần vị thầy được phần phô mai, con trùng trong bình lại bò ra, vị thầy bảo:

- Này người thích phô mai, sao lại bò ra đây?

Nói rồi đem phô mai cho nó ăn.

(Theo Đại trí độ quyển 17)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 23

1. BẠT ĐÀ LA ĐẮC ĐẠO:

Bấy giờ, Đức Phật trú tại thành La-duyệt, có Tỳ-kheo-ni tên Bạt-đà-la. Một hôm, cô ra ngoài khuôn viên Tỳ-kheo, tọa thiền dưới gốc cây. Khi nhập định, quán thấy kiếp xưa của mình liền mỉm cười. Các Tỳ-kheo trông thấy, hỏi nguyên do.

Cô đáp: Tôi đã quán thấy thân cũ của mình trong chín mươi mốt kiếp về trước. Vào thời Đức Phật Tỳ-bà-thi có một đồng tử tên Bạt-la-ma-đề-bà giàu có, của cải nhiều vô số. Một hôm, đồng tử này cầm cây dù báu đi ra ngoài, cùng lúc ấy có người vợ của vị trưởng giả xinh đẹp tuyệt vời, đi ngang qua đồng tử, đa số dân chúng đều ngắm nhìn cô ta.

Đồng tử thầm nghĩ: Ta đang che dù bằng các thứ báu, cũng đi ngang qua con đường này, thế mà không ai để ý, họ chỉ lo nhìn cô ấy. Giờ đây, ta phải tìm cách để khiến cho mọi người chú ý đến ta.

Nghĩ thế, đồng tử cầm dù báu đi sang xứ khác, đến chỗ Đức Phật Tỳ-bà-thi đứng phía sau Phật, ông cầm dù che cho Ngài suốt bảy ngày đêm rồi phát nguyện: Con nguyện, với công đức cúng dường Đức Thế tôn hôm nay, mong đời sau con được trở thành một giai nhân tuyệt sắc, khiến cho người nào trông thấy con cũng đều ngơ ngẩn.

Sau đó, đồng tử qua đời, tái sanh làm thân thiên nữ ở tầng Trời thứ ba mươi ba, hưởng được năm điều thù thắng:

1. Sống lâu.
2. Sắc đẹp tuyệt vời.
3. Niềm vui tột bực.
4. Thần túc vô song.
5. Công đức ngày càng tăng.

Vì vậy, bất cứ vị Trời nào khi trông thấy Thiên nữ này, họ thầm hi vọng được sánh đôi cùng cô ta. Tất cả các vị Trời trong cõi thứ ba mươi ba cùng nhau tranh giành. Khi thân Trời đã mãn, thiên nữ sanh vào cõi người, làm con gái của Bà-la-môn Nhã-đạt-đa, cô có nhan sắc xinh đẹp mặn mà. Cứ thế, qua lại trong cõi Trời và cõi người, cô luôn luôn xinh đẹp, gặp các Đức Phật cô đều cúng dường, cầu mong làm người nữ.

Sau đó, cô sanh vào nhà Bà-la-môn, thân thế thuộc hạng thấp hèn, phải làm tớ gái cho đồng tử Nguyệt Quang, tên là Cơ-la. Vợ của đồng tử tên Ma-nô-ha-la, nhan sắc lộng lẫy. Một hôm, bà bảo Cơ-la: Mày ra ngoài cửa đợi, nếu thấy có vị Sa-môn, Bà-la-môn nào đến thì mời họ vào đây, ta muốn cúng dường.

Cơ-la vừa vâng lời bước ra, cô gặp một vị Bích chi Phật đang đứng khất thực ở trước cửa. Cô liền thỉnh Ngài vào và thưa: phu nhân tôi muốn cúng dường.

Thấy tướng mạo của vị Bích chi Phật xấu xí, phu nhân bảo Cơ-la: Hãy mời Sa-môn này ra khỏi đây, ta không cúng dường đâu!

Cơ-la năn nỉ: Xin phu nhân hãy mở lòng từ, đừng chê hình tướng của Sa-môn, nếu được vậy thì công đức cúng dường không đếm xuể.

phu nhân một mực nói: Ngươi mau đuổi Sa-môn này ra, ta quyết không cúng dường đâu.

Cơ-la thưa: Nếu bà không cúng dường thì tôi sẽ cúng phần ăn hôm nay của tôi cho ông ta, bà đừng tiếc nhé!

Phu nhân liền trao phần ăn cho Cơ-la, cô đem phần ăn đặt vào bát của Phật. Thọ trai xong, Ngài bay lên Hư không. Cơ-la trông thấy thế, lòng vui mừng hớn hở, cô phát nguyện: Nguyện với công đức cúng dường này, con sẽ không rơi vào đường ác, khiến cho con đời sau, sanh

ra luôn được gặp những bậc Thánh như Ngài, thuyết pháp cho con nghe mau được giải thoát.

Bấy giờ, vua Phạm-ma-đạt-đa ở thành Ba-la-nại trông thấy Đức Phật bay lên Hư không, nhà vua bảo quần thần: Nơi đó có cúng dường.

Cùng lúc, trưởng giả Nguyệt Quang đang họp với năm trăm vị thương gia ở hội trường lớn. Từ xa trong thấy Đức Bích chi Phật ôm bát bay lên Hư không, có vị thương gia nói: Vị Thánh này chắc đang thọ trai ở nhà ông.

Bấy giờ, phu nhân của Đại Nguyệt Quang bảo Cơ-la: Phần công đức đó ngươi hãy cho lại ta, xem như ta đã cúng dường, ta sẽ trao phần thức ăn khác cho ngươi.

Cơ-la không chịu. Bà ta lại dỗ dành: Nếu ngươi chịu, ta sẽ cho ngươi hai phần ăn.

Cơ-la một mực không chịu.

phu nhân năn nỉ: Ta sẽ cho ngươi ba phần, năm phần, mười phần, hai mươi phần cho đến trăm ngàn phần.

Cơ-la đáp: Tôi không đổi đâu.

Phu nhân hăm doạ: Nếu ngươi không đồng ý ta sẽ cắt tai mũi và tay chân của ngươi.

Nhưng Cơ-la kiên quyết không chịu đổi.

phu nhân liền dùng gậy đánh cô ta. Bà đánh xong thì trưởng giả Nguyệt Quang về tới. Trông thấy Cơ-la bị đánh vỡ đầu, áo quần tơi tả, cô đang khóc lóc thảm thiết, trưởng giả hỏi đầu đuôi cớ sự. Cơ-la trình bày mọi việc. Ông liền phế bỏ phu nhân xuống làm nô tỳ, đưa Cơ-la lên làm đệ nhất phu nhân. Ông cho năm trăm thể nữ hầu hạ và lấy trăm ngàn châu báu để trang điểm cho cô ta.

Vua Phạm-ma-đạt-đa nghe tin người tớ gái của trưởng giả Nguyệt quang dâng thức ăn cho vị Bích Chi Phật ấy, liền lấy trăm ngàn lượng châu báu thưởng cho Cơ-la, lại đem ruộng nương ban cho trưởng giả Nguyệt Quang.

Bạt-đà-la kết luận: Vua Phạm-ma-đạt-đa lúc ấy nay là Ca-tỳ-la-ma-xà-la. Đồng tử Nguyệt Quang nay là Đại-ca-diếp. Cơ-la chính là tôi. Nay gặp Phật, được chứng quả A-la-hán

(Trích kinh Bạt-đà-la Tỳ-kheo-ni)

2. PHƯỚC BÁO CÚNG DƯỜNG ÁO CỦA THÚC LY:

Tại nước Xá-vệ, có một người con gái con của trưởng giả, tướng mạo rất xinh đẹp. Khi chào đời, toàn thân cô được bao bọc bằng vải

lụa trắng mềm mại. Cha mẹ lấy làm lạ, nhưng thầy tướng số bảo rất tốt, nên đặt tên cho cô ta là Thúc-ly (đời Lương dịch là Bạch). Thúc-ly trưởng thành thì mảnh lụa cũng lớn theo. Vì có nhan sắc xinh đẹp nên bao nhiêu người xa gần trong nước đều tranh nhau đến cầu hôn, nhưng Thúc-ly không đồng ý, chỉ xin cha mẹ cho phép được xuất gia. Song thân vì thương con nên không nỡ trái ý, họ liền tìm vải lụa tốt để may năm y áo cho con.

Thúc-ly thưa:

Tấm y hiện con đang mặc là đủ rồi không cần phải may nữa. Xin cha mẹ cho phép con đến chỗ Đức Phật.

Thúc ly đến đảnh lễ Đức Phật, cầu xin xuất gia.

Phật bảo:

Lành thay! Tức thời tóc cô ta tự rụng, mãnh lụa trắng đang mặc hoá làm ca sa. Đức Phật chuyển qua bà Đại-ái-đạo giáo giới cho cô ta làm Tỳ-kheo-ni. Nhờ sự tinh tấn tu tập nên chẳng bao lâu cô chứng quả A-la-hán.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn, Thúc-ly do có công đức gì mà khi sanh ra thì có lụa quấn thân, xuất gia chóng được đạo quả?

Phật dạy: Trong quá khứ, vào thời Đức Phật Tỳ-bà-thi, có một vương quốc, phần đông vua quan, dân chúng đều thiết trai cúng dường Đức Phật. Bấy giờ có một người phụ nữ tên là Đàn-nị-già, nhà quá nghèo khó, chỉ có một tấm vải mà hai vợ chồng cùng mang chung. Nếu chồng đi ra ngoài thì người vợ phải khoả thân mà ở nhà, ngược lại vợ ra ngoài thì chồng cũng thế. Một hôm có một vị Tỳ-kheo đi hoá duyên đến nhà họ, Ngài trong thấy cô liền khuyên:

Phật hiện đời khó gặp, thân người khó được, cô nên nghe chánh pháp và phát tâm cúng dường.

Người vợ vào nhà thưa lại với chồng mình:

Bên ngoài có vị Sa-môn, ông ta khuyên chúng ta nên gặp Phật, nghe pháp, bố thí cúng dường.

Chồng nói:

Nhà mình nghèo quá, dù có lòng mong muốn như thế nhưng lấy gì để cúng dường đây?

Vợ nói: Thôi thì ta đem tấm vải này cúng dường vậy.

Người chồng băn khoăn:

Hai vợ chồng mình cùng dùng chung một tấm vải dể ra vào tìm cách mưu sinh. Giờ đây nếu dem cúng dường thì chắc là hai ta phải chết

thôi!

Vợ khuyên chồng:

Anh ơi! Con người có sanh ắt phải có chết, không bố thí cũng sẽ chết, bố thí rồi dầu cho có chết đi đời sau chúng ta còn hi vọng, không bố thí mà chết thì đời sau càng nguy khốn hơn.

Người chồng vui vẻ nói:

Được! Chúng ta chấp nhận lấy cái chết, hãy đem bố thí đi!

Người vợ quay ra nói với Sa-môn:

Bạch Đại đức, xin Ngài hãy chú nguyện cho con.

Tỳ-kheo đáp: Nếu cô muốn cúng dường thì hãy ra đây đối mặt dâng cúng để tôi chú nguyện cho cô.

Cô thưa:

Con chỉ có một tấm vải này che thân, ngoài ra không còn miếng nào khác, vì thân người nữ hèn mọn nhơ bẩn không tiện cưỡi ra ở đó.

Thế rồi cô ta trở vào trong, xa xa cúi xuống cưỡi tấm vải trên thân rồi vói tay đưa ra cho vị Tỳ-kheo. Khi chú nguyện xong, Tỳ-kheo đem tấm vải về trình lên Đức Phật biết. Ngài tự tay nhận lấy mảnh vải nhơ nhớp ấy. Bấy giờ, nhà vua cùng hội chúng tông thấy, lòng dạ hẹp hòi, khởi tâm chê trách Đức Phật sao lại đi nhận lấy miếng vải dơ xấu ấy.

Biết được ý nghĩ của hội chúng, Ngài liền tuyên bố trước mọi người:

Ta quán sát trong hội chúng đây, người đại bố thí thanh tịnh không ai bằng chính là người bố thí tấm vải này.

Đại chúng nghe qua ai cũng cảm thấy ngạc nhiên. Hiểu ra, phu nhân nhà vua vui vẻ, liền cưỡi chiếc áo ngoài bằng trân bảo anh lạc mà mình đang khoác trên người để tặng cho Đàn-nị-già. Nhà vua cũng hoan hỉ, cưỡi chiếc áo cẩm bào của mình sai người đem tặng cho chồng cô ta và bảo họ đến dự hội.

Phật bảo A-nan: Cô gái Đàn-nị-già nghèo khổ lúc ấy nay chính là Tỳ-kheo-ni Thúc-ly. Bấy giờ, do lòng thanh tịnh, nên suốt kiếp sanh ra nơi nào cô cũng thường có tấm lụa quấn thân, không thiếu thốn thứ gì.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 7)

3. BẠT ĐÀ CA TỲ LA GẶP NẠN VUA:

Vua Ba-tư-nặc nước Kiều-tất-la nghe tin Bạt-đà-ca-tỳ-la xuất gia, ông liền cho người mời vào cung. Nhà vua cùng ở chung với cô trong suốt bốn tháng an cư. Nhà vua còn vào trong khu vườn căn dặn người gác cổng:

Ngươi hãy canh cửa cho kỹ đừng để Tỳ-kheo-ni đó ra ngoài.

Người gác cổng thầm nghĩ:

Hẳn là vị Tỳ-kheo-ni này thích ở đây, cô ta sẽ không bỏ đi.

Một hôm người gác cổng có việc đi vắng, Tỳ-kheo-ni liền mặc áo phu nhân chạy ra cổng, theo đường tắt đến Kỳ-hoàn để nghe Phật thuyết pháp. Đức Phật thoáng thấy cô ta, Ngài liền gọi:

Thiện lai! Bạt-đà-ca-tỳ-la! Chiếc áo phu nhân trên người liền rớt xuông, tóc tai tự rụng, trên mình khoác áo ca sa làm Tỳ-kheo-ni. Cô đến cúi đầu đảnh lễ Đức Phật, Ngài liền thuyết pháp tứ như ý túc cho cô nghe, cô chứng được thần túc thông.

Nhà vua nghe Bạt-đà-ca-tỳ-la bỏ trốn, ông sai binh lính đến bao vây chúng Tỳ-kheo và các phòng của Tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-ca-tỳ-la liền bay lên Hư không, nhà vua ngước mặt lên nhìn thì phát sanh lòng sợ hãi và hối hận:

Tại sao ta lại làm ô nhiễm Tỳ-kheo-ni A-la-hán như thế!

Lòng xấu hỗ, nhà vua quỳ xuống sám hối cô ta. Trong chúng Tỳ-kheo-ni biết chuyện của cô liền đuổi cô ra khỏi chúng.

Cô nói:

- Tôi không có tâm ái dục.

Các Tỳ-kheo-ni nói:

Bốn tháng an cư, cô ở chung với vua trong cung, sao cô lại nói tôi không có tâm ái dục?

Họ bèn đem việc bạch lên Đức Phật, Ngài đã biết nhưng cố tình hỏi:

- Này Tỳ-kheo-ni! Lúc xảy ra chuyện cô có cảm nhận một chút khoái lạc nào không?

Cô đáp:

Bạch Thế tôn, làm sao con cảm nhận được, con cảm thấy lúc ấy như sắt nóng áp vào thân vậy.

Phật bảo:

- Nếu tâm không có chút khoái cảm thì không có tội.

(Trích luật Thập Tụng và Thiện Tụng thứ mười hai)

4. HOA SẮC BỊ BÀ-LA-MÔN CƯỠNG BỨC:

Bấy giờ, Đức Phật ở tại thành Xá-vệ, một hôm trong ấp Ưu-thiện-na có một cư sĩ trẻ tuổi ra ngoài dạo chơi. Đang trên đường trông thấy một cô gái tên là Liên-hoa-sắc, nhan sắc xinh đẹp như hoa lá mùa xuân, vóc người đầy đặn. Đôi lời hỏi han, hai bên đem lòng ái mộ. Thế là hai

người cưới nhau.

Không bao lâu người vợ mang thai, người chồng đích thân đưa vợ mình về ngoại để sanh nở. Đến ngày khai hoa, người vợ sanh ra một người con gái. Vì vợ mình mới sanh nở nên không thể gần gũi việc gối chăn, người chồng liền tư thông với mẹ vợ.

Liên hoa biết chuyện, lòng bất mãn muốn bỏ đi. Thế nhưng cắt đứt đạo vợ chồng thì sợ liên lụy tới cha mẹ, phần thì xót thương con dại nên cô đành nuốt chịu cơn tủi nhục mà trở về nhà chồng, nuôi con được tám tháng rồi bỏ đi.

Cô đến nước Ba-la-nại, vì đói khát mệt lã nên cô ngồi cạnh dòng sông. Bấy giờ có một vị trưởng giả đi dạo chơi trông thấy, ông đem lòng yêu mến liền hỏi:

Cha mẹ, dòng họ nàng ở đâu, hiện giờ nàng thuộc về ai, sao một mình nàng ngồi tại đây?

Liên-hoa đáp:

- Tôi là con gái họ đó... giờ thì không thuộc về ai cả.

Trưởng giả lại hỏi:

- Nếu không thuộc về ai thì nàng có chịu làm chánh thất của ta không?

Cô đáp:

- Con gái thì phải có chồng, sao mà không được!

Trưởng giả liền đưa cô về nhà cưới làm vợ chánh. Liên hoa sắc sắp xếp việc nhà trên dưới đều vui vẻ. Vợ chồng yêu quý nhau được tám năm. Một hôm trưởng giả bảo với vợ:

- Ta có số tiền cho vay ở ấp Ưu-thiện-na, đến nay đã tám năm rồi mà chưa thu lãi. Tính ra số lời cũng khá nhiều. Nay tôi phải tạm xa nhà một thời gian để đi lấy tiền.

Người vợ nói:

- Phong tục của ấp đó người nữ rất phóng túng, nay ông đến đó ắt sẽ làm mất tiết tháo của bậc trượng phu.

Chồng nói:

- Tôi tuy ngu muội nhưng cũng không đến nỗi loạn như thế.

Vợ nói:

- Nếu như vậy thì ông cứ đi nhưng ông phải thề một câu?

Chồng nói:

- Được, nếu trái lời thề thì tôi sẽ mất mạng.

Thế rồi ông từ giã vợ để đế ấp Ưu-thiện-na. Vì phải thu lãi nhiều nơi nên ở đó suốt cả một năm tròn. Lòng nhớ chuyện gối chăn ngày

càng sâu đậm, ông liền nghĩ:

Nếu ta tà dâm mới trái với lời thề, còn nếu lấy vợ lẽ thì không đến nỗi là bội tín.

Thế là ông cho người dò la, gặp một cô gái có nhan sắc thanh nhã, xinh đẹp trông rất đàng hoàng, lòng ông ta càng yêu mến, liền đến cầu hôn. Người cha thấy trưởng giả giàu có, thông thái nên vui vẻ gả con.

Việc thu tiền lãi đã xong, trưởng giả đưa vợ bé về quê và sắp xếp cho cô ta ở chỗ riêng rồi mới về nhà. Thế là từ đó, ông tối đi sớm về khác hẳn lúc xưa. Lấy làm lạ, Liên-hoa Âm thầm dò hỏi. Kẻ hầu đáp:

- Ông nhà nay có vợ lẻ.

Tối đến, đợi chồng về, Liên-hoa liền hỏi:

- Ông có vợ mới sao lại giấu không cho tôi gặp mặt?

Chồng đáp:

- Tôi sợ nàng giận nên mới sắp xếp cho cô ta ở bên ngoài.

Liên-hoa nói:

Có thần minh chứng giám, tôi không phải là người có sự đố kị hẹp hòi như thế đâu, ông hãy đưa cô ấy về đây để cùng nhau lo liệu việc nhà.

Trưởng giả nghe vợ nói thế liền đem vợ bé về. Ngờ đâu, người ấy chính là con gái của Liên-hoa nhưng hai mẹ con lại không biết nhau. Nhân lúc cô bé gội đầu, Liên-hoa để ý, nhìn tướng mạo mới nghi ngờ. Bà liền hỏi thăm quê quán và họ hàng cha mẹ, cô bé đáp rõ lai lịch của mình. Biết là con gái của mình, Liên hoa kinh hoàng, chết lịm cả người. Cô than thở:

Trước đây ta cùng mẹ chung chồng, bây giờ lại cùng chồng với con gái, sanh tử mê lầm cho đến mức này, nếu không cắt đứt ái dục, xuất gia học đạo thì sự điên đảo như thế biết bao giờ mới chấm dứt.

Liên-hoa liền giao phó việc nhà rồi âm thầm ra đi. Khi đến cổng Tinh xá Kỳhoàn thì đói khát mệt lã, bà ngồi nghỉ dưới gốc cây. Lúc ấy, đại chúng đang vây quanh Đức Thế tôn để nghe thuyết pháp. Liên-hoa trông thấy đại chúng đang ngồi thì cho đó là lễ hội, đến đó sẽ có thức ăn. Nghĩ thế, cô ta lần bước vào Tinh xá, gặp Đức Thế tôn đang thuyết pháp. Nghe pháp âm, Liên-hoa-sắc liền tỏ ngộ, không còn biết đến đói khát nữa.

Bấy giờ, Đức Phật quán sát khắp hội chúng xem ai đáng được độ. Thấy Liên-hoa sắc sắp chứng quả nên Ngài thuyết pháp Tứ đế. Nghe xong, ngay chỗ ngồi, Liên-hoa-sắc xa lìa trần cấu, chứng được pháp nhãn thanh tịnh.

Sau khi chứng quả, Liên-hoa-sắc đảnh lễ Đức Phật. Ngài thuyết pháp xong, mọi người đều ra về, riêng Liên-hoa-sắc đảnh lễ và bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế tôn, cho con được xuất gia tu học theo Phật pháp.

Đức Phật chấp thuận và bảo Tỳ-kheo-ni Bà-xà-ba-đề cho cô xuất gia, thọ giới cụ túc. Sau khi thọ giới xong, Liên-hoa tinh tấn tu tập nên chứng được đạo quả A-la-hán, đầy đủ tám pháp giải thoát, nhan sắc càng rạng rỡ, xinh đẹp hơn xưa.

Một hôm, cô vào thành khất thực, có vị Bà-la-môn trông thấy, khởi lòng ái nhiễm và nảy sinh ý nghĩ:

Tỳ-kheo-ni này hiện giờ ta không thể bắt được, ta phải đến chỗ của cô ấy tìm cách chiếm đoạt.

Hôm sau, Liên-hoa-sắc lại đi khất thực, Bà-la-môn nọ lẻn vào núp dưới giường cô ta. Hôm ấy, vì thuyết pháp suốt đêm nên quá mệt mỏi, cô trở về phòng mình nằm ngữa, ngủ say sưa. Bà-la-môn từ dưới gầm giường chui ra cưỡng bức cô, nhưng không được, Tỳ-kheo-ni vụt bay lên Hư không. Ngay lúc ấy, Bà-la-môn chết sanh vào đại địa ngục.

(Trích luật Di-sa-tắc quyển năm)

5. PHẬT HÓA THÂN ĐỘ DÂM NỮ LIÊN HOA:

Bấy giờ Đức Phật đang ngụ tại núi Kỳ-xà-quật thuộc nước La-duyệt-kỳ, nơi ấy có một dâm nữ tên là Liên-hoa phát khởi tâm lành muốn dứt bỏ trần duyên, xuất gia làm Tỳ-kheo-ni. Cô liền lên núi, đi đến chỗ của Phật đang cư trú.

Trên đường đi, cô gặp một dòng suối chảy, nhân lúc vốc nước uống và rửa tay chân, cô nhìn thấy gương mặt và hình dáng của mình hiện trong nước còn quá xinh xắn. Cô thầm nghĩ:

Nay ta đang còn tuổi xuân xanh, tại sao không hưởng thụ những thú vui của thế gian cho thỏa thích mà lại bỏ đi làm Sa-môn?

Nghĩ thế, cô bèn quay trở về nhà.

Biết Liên-hoa đã đến lúc đáng được độ, Đức Phật liền hóa ra một cô gái xinh đẹp tuyệt thế, hơn cả nhan sắc của Liên-hoa, đang ngược chiều đi đến. Khi Liên-hoa trông thấy đem lòng kính phục trước nhan sắc của cô ta.

Liên-hoa hỏi:

- Em từ đâu đến, chồng em và kẻ hầu hạ đâu, tại sao em lại đi một mình?

Hóa nhân đáp:

- Em từ trong thành ra và bây giờ muốn trở về nhà. Gặp nhau đây, tuy chúng ta không hề quen biết nhưng có thể cùng đi trở lại phía trên dòng suối.

Liên-hoa nói:

Hay lắm!

Thế là cả hai cùng đi về phía dòng suối, sau khi bày tỏ nỗi niềm hóa nhân liền gối đầu lên đùi của Liên-hoa đánh giấc. Trong chốc lát, bỗng nhiên hóa nhân tắt thở, thi thể lại trương phình thối rữa, bụng vỡ ra giòi bò lúc nhúc, răng thì mẻ, tóc lại rụng, cơ thể rã nát.

Thấy thế, Liên hoa hết sức hoảng sợ.

Cô nghĩ:

Sao người xinh đẹp này chỉ trong phút chốc vô thường lại cướp mất mạng sống. Người này còn như thế huống gì ta đây, há có thể sống lâu được hay sao? Ta nên đến chỗ Phật tinh tấn tu học mới được.

Liên-hoa đến chỗ Đức Phật, nàng đảnh lễ và bạch rõ câu chuyện vừa qua.

Phật dạy:

Người nữ có bốn việc không thể giữ gìn.

1. Thời thanh xuân rồi cũng phải già.
2. Mạnh khỏe rồi cũng chết.
3. Họ hàng vui vẻ rồi cũng phải chia lìa
4. Tài sản, của báu dành dụm rồi cũng phải phân tán.

Nghe pháp xong, tâm tư được thư thái, Liên-hoa chứng quả A-la-hán.

(Trích kinh Liên Hoa Nữ)

6. NĂM TRĂM BÀ LA MÔN NỮ NGHE PHÁP NGỘ ĐẠO

Trong biển, veà phía Đông Nam của nước Xá-vệ có một cái đài, trên đài có mọc loại cây, trổ hương thơm, mùi gỗ rất tinh khiết. Nơi đây có năm trăm con gái Bà-la-môn theo ngoại đạo, họ có lòng tinh tấn tu tập nhưng lại không biết đến Phật pháp.

Một hôm, các cô bảo nhau:

Chúng ta sanh làm thân nữ, từ khi thơ ấu cho đến già nua thường có ba việc không được tự do. Ba việc ấy là: tuổi thọ ngắn ngủi, thân hình như huyễn hoá, seõ phải chịu tử vong. Chi bằng nay ta cùng nhau đến đài hoa kia để hái hoa thơm và tinh tấn trì trai, hàng phục Phạm thiên phải đáp ứng như lời cầu nguyện của chúng ta. nguyện sanh làm Phạm thiên, sống lâu không chết, lại thêm được tự do không điều gì

ràng buộc, xa lìa chốn tội lỗi, không còn phải buồn lo nữa.

Thế rồi các cô cùng đua nhau đến đài hoa, hái hoa thơm dâng cúng Phạm-thiên, hết lòng trì trai để mong cảm được Tôn thần.

Bấy giờ Đức Phật thấy được lòng thành khẩn của các cô đến lúc phải được hoá độ. Ngài cùng đại chúng bay thẳng lên hư không, đến dài hoa ngồi dưới cội cây. Các cô thấy vậy vô cùng vui mừng bảo nhau:

Đó là phạm thiên, họ chúc mừng nhau là sở nguyện của chúng ta đã thành tựu.

Bấy giờ có mộtvị trời bảo các cô:

Đây chẳng phải phạm thiên, mà là đấng Tối Tôn trong ba cõi, cứu độ cho vô lượng chúng sanh, Ngài được xưng là Phật.

Nghe vậy các cô bạch Phật:

Bạch đức Thế Tôn, chúng con là những người nhơ uế, nay sanh làm thân nữ, vì mong cầu được tự do nên nguyện sanh làm Phạm-thiên.

Đức Phật bảo:

Các cô thông minh mới phát được lời nguyện này. Thế gian có hai việc, quả báo roõ ràng, làm thiện được phước, làm ác gặp hoạ. Cái khổ thế gian, niềm vui cõi trời. Phiền não hữu vi và tịch diệt vô vi, có được mấy ai chọn lựa tìm cầu sự chân thật ấy? Lành thay! Các cô lại có được chí khí đó.

Đức Phật liền nói kệ:

Ai hay chọn đất
Bỏ gương lấy trời
Nói một câu pháp
Như chọn hoa lành
Biết đời hư giả
Pháp huyễn nhân duyên
Trừ quỷ nở hoa
Không còn tử sanh.

Nghe xong bài kệ ấy, các cô nguyện tu học chánh pháp, cầu xin xuất gia làm tỳ kheo-ni, tức thời tóc tự rụng, pháp y đầy đủ, tinh tấn tu tập thiền định, chứng quả Alahán

(Trích kinh Pháp Cú Thí Dụ quyển 3)

7. KHÔNG THUYẾT PHÁP CHO NGƯỜI KIÊU MẠN

Ưu-đà-di qua nước Kiều-taùt-la, đến nhà Bà-la-môn Ni Tỳ-nữu-ca-chiên-diên, oi trong vườnYểm-la. Khi ấy có các đệ tử của Bà-la-moân Ni vào trong vườn Yểm-la để kiếm củi, họ gặp Ưu-đà-di đang

ngồi tónh toạ dưới goác cây, dung mạo tuấn tú, các căn điều tịnh, tâm ý an nhiên, rõ ràng thành tựu đệ nhất điều phục. Họ liền đến chào hỏi Ưu-đà-di rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ Ưu-đà-di thuyết pháp cho họ nghe, khuyên nhủ khích lệ xong, Tôn giả ngồi im lặng. Các thiếu niên kia nghe pháp lòng tràn đầy hoan hỉ, họ vội gánh củi về thưa với Bà-la-môn Ni:

Trong khu vườn Yểm-la có một vị Sa-môn thuộc phái Cù-đàm thuyết pháp rất hay.

Bà-la-môn Ni bảo:

Các con hãy đến thỉnh Sa-môn ngày mai đến đây thọ trai.

Các đệ tử vâng lời đến thỉnh, tôn giả nhận lời. Họ về thưa với chủ là tôn giả đã nhận lời.

Sáng hôm sau, Tôn giả đắp y, ôm bát đến nhà Bà-la-môn Ni. Từ xa trông thấy Tôn giả, họ trải toạ cụ đón tiếp Ngài vào. Bà tự tay dọn các thức ăn ngon để dâng cúng cho Tôn giả. Thọ trai xong, Tôn giả rửa bát, súc miệng rồi trở lại chỗ ngồi. Khi ấy, Bà-la-môn Ni mang giày, dùng khăn trùm đầu, trải riêng toà cao hơn để ngồi, lộ vẻ ta đây và bảo Tôn giả:

Tôi có điều muốn hỏi, không biết Ngài có rảnh để trả lời không?

Tôn giả đáp:

Đại tỷ! Hôm nay chẳng phải lúc.

Ngày hôm sau, các đệ tử của Bà-la-môn lại vào vườn kiếm củi, nghe Ưu-đà-di thuyết pháp rồi quay về bạch lại với thầy. Bà ta lại sai đệ tử đến thỉnh Ngài về thọ trai như trước.

Khi mời nói pháp thì Tôn giả lại nói:

Chẳng phải thời.

Các đệ tử của bà thưa:

Thầy ngồi không cung kính như vậy thì Sa-môn kia làm sao nói pháp.

Bà-la-môn nói:

Nếu như vậy thì ta phải thỉnh Ngài lần nữa.

Đệ tử vâng lời, lại thỉnh Tôn giả đến cúng dường như trước. Thấy Tôn giả thọ thực xong, Bà-la-môn Ni liền tháo giày, đắp y trang nghiêm, ngồi giường thấp hơn và cung kính bạch:

Bạch Tôn giả, nay con có điều muốn hỏi, chẳng hay Tôn giả có nhận lời giải đáp không?

Tôn giả đáp:

- Cô cứ hỏi đi, ta sẽ trả lời cho.

Bà thưa:

Thưa Tôn giả, tại sao nói khổ vui do mình tạo? Lại nói khổ vui do người khác gây ra? Khổ vui do mình và người khác gây tạo? Khổ vui chẳng do mình và người khác gây tạo?

Này đại tỷ, Ưu-đà-di đáp:

- A-la-hán nói khổ vui là dị sanh.

Bà hỏi:

- Thưa Tôn giả, nghĩa ấy thế nào?

Tôn giả đáp:

- Tất cả khổ vui đều do nhân Duyên sanh.

Tôn giả nói:

- Giờ Tôi hỏi lại, cô cứ theo sự hiểu biết của mình mà tự nhiên trả lời.

Cô có mắt không?

Bà đáp:

- Có, thưa Tôn giả.

Hỏi:

Có cảnh sắc không?

Đáp:

- Có, thưa Tôn giả.

Hỏi:

- Khi mắt tiếp xúc với cảnh sắc, nhãn thức sanh khởi thì bên trong có cảm nhận được khổ hay vui? Hoặc không khổ không vui chăng?

Bà đáp:

- Đúng vậy, thưa Tôn giả.

Tôn giả Ưu-đà-di nói:

Đây là A-la-hán nói, tất cả khổ vui đều do nhân duyên sanh ra.

Lúc Tôn giả Ưu-đà-di nói pháp này rồi Bà-la-môn Ni xa lìa trần cấu, chứng pháp nhãn thanh tịnh. Bà từ chỗ ngồi đứng dậy chấp tay cung kính bạch:

Bạch tôn giả, nhờ Ngài mà con nay đã thấu rõ Phật pháp. Kể từ đây con xin quy y Phật Pháp Tăng, trọn đời nương tựa Tam bảo.

(Trích kinh Ưu-đà-di Tọa Thọ Tịch Tịnh Điều Phục)

8. SAI MA LIÊN HOA BỊ KẺ ÁC HÃM HẠI:

Thuở xưa, trong vườn Câu-tát thuộc thành Xá-vệ có nhóm người dâm loạn phóng dật, chuyên làm chuyện hung ác. Bấy giờ các Tỳkheo-ni trong vườn đang ngồi dưới cội cây tu tập thiền định, tâm không hề

xao lãng. Trong chúng có Tỳ-kheo-ni Sai-ma là người có trí bậc nhất, Liên-hoa-tiên là người có thần túc bậc nhất. Tất cả đều có uy đức cao vời vợi.

Lúc đó, tiết Trời hơi nóng bức, có Tỳ-kheo-ni xuống tắm gội ở bờ sông. Bọn hung ác kia từ xa trông thấy Tỳ-kheo-ni liền khởi tâm bất thiện, lòng dục dấy khởi, muốn đến cưỡng bức. Lúc Tỳ-kheo-ni cởi bỏ y phục lội xuống nước tắm gội, bọn cướp ở trên bờ đem giấu y phục của cô ở nơi khác rồi muốn kéo cô lại để cưỡng bức. Vì xót thương họ nên Tỳ-kheo-ni liền móc đôi mắt của mình đặt ở trong lòng bàn tay để cho bọn ho thấy.

Cô nói:

Các ông yêu mến tôi phải chăng chỉ thích cái thân hình vẻ đẹp bên ngoài, giờ đây đã mù lòa còn gì là đẹp đâu?

Cô lại phơi bày lục phủ ngũ tạng và tay chân, mỗi thứ một bên cho họ thấy, rồi hỏi bọn họ:

Các ông thấy yêu thích tôi ở chỗ nào?

Thấy thế, bọn bất lương kia bỗng nhiên kinh hãi, nhận biết được đời là vô thường, ba cõi như bọt nước, thân mình hóa thành xương xẩu máu me bất tịnh, không còn gì để tham tiếc cả. Vì vậy chúng lấy y phục hoàn trả lại cho cô và cúi đầu sám hối những hành động nghịch ngợm vô liêm sỉ, nguyện bỏ tất cả những xấu xa tội lỗi. Họ quỳ xuống chấp tay xin thọ năm giới. Tỳ-kheo-ni dẫn họ đến chỗ Phật, bọn họ cúi đầu sát đất tự trách lỗi của mình.

(Trích Sanh Kinh quyển bốn và Tỳ Ni)

9. PHẬT ĐỘ BÀ TỲ ĐỂ LA:

Trong nhà trưởng giả Tu-đạt có một bà già làm nô tỳ tên Tỳ-để-la. Bà là một người rất siêng năng, nên được giao phó giữ gìn gia nghiệp, coi sóc tất cả các kho cất chứa của cải. Trưởng giả thường hay cúng dường Tam bảo, cung cấp tứ sự, thuốc men cũng như tất cả các vật cần dùng khác cho Đức Phật và chúng Tăng. Thế nhưng bà tham lam, chê trách Tam bảo.

Bà nói:

Trưởng giả nhà ta sao quá ngu si mê muội, bị huyễn thuật của Sa-môn cầu không biết chán kia, có đạo nào như vậy không?

Bà nói xong liền buông lời nguyền độc ác:

Ta nguyện không bao giờ nghe lại tên Phật Pháp Tăng.

Nghe thế, Mạt-lợi phu nhân liền nói:

Tại sao Tu đạt giống như hoa sen đẹp mà lại bị bốn con rắn độc vây quanh.

Bà liền bảo Tu-đạt:

Ông hãy gọi vợ của ông đến đây.

Vợ của trưởng giả Tu đạt đến, Mạt-lợi phu nhân bảo:

- Bà tớ già của nhà ngươi ác khẩu phỉ báng Tam bảo, sao ngươi không đuổi bà đi?

Vợ trưởng giả Tu-đạt đáp:

Thưa phu nhân, Đức Phật ra đời, nhiều nơi được thấm nhuần lợi ích huống gì bà tớ già ấy?

Nghe lời ấy phu nhân lấy làm hoan hỉ nói:

Tôi muốn thỉnh Phật, bà hãy bảo người tớ già ấy đến đây.

Sáng hôm sau Đức Phật đến, Trưởng giả Tu-đạt sai người tớ già mang một chiếc bình đựng đầy vàng và châu Ma-ni để trợ giúp nhà vua cúng dường Đức Phật và chúng Tăng.

Người tớ già trông thấy Đức Phật vào cửa thì lòng không vui, bà ta muốn lùi lại, theo lỗ chó mà chui ra ngoài. Bà lại đóng lỗ chó lại và bích hết tất cả các lỗ xung quanh, chỉ còn lỗ giữa chưa đống kịp. Bà già lại dùng quạt che mặt để đừng thấy Ngài, nhưng trước mặt bà luôn luôn có Phật, chiếc quạt của bà biến thành tấm gương trong suốt, nên bà quay đầu bốn phía thì nơi nào cũng thấy hình bóng của Đức Phật. Bà cúi đầu sát đất nhưng mười ngón tay đều biến thành hình Phật. Bà tớ già thấy Phật bằng tất cả các thí dụ. Túng thế, bà vội chạy vào nhà trốn vào trong lồng củi, lấy lụa trắng trùm đầu sợ thấy Đức Phật. Phật nhìn thấy suốt tám mươi vạn kiếp bà không phát khởi được thiện tâm nhưng có thể trừ được tội sanh tử, đồng thời Ngài cũng thấy rõ các thân khác của bà.

Phật nói:

- Bà tớ già này tội nặng, lại không có duyên với ta, Nhưng bà có nhân duyên lớn với La-hầu-la. Này La-hầu-la nay ông hãy hoá độ bà ấy.

Tôn giả La-hầu-la nương oai thần của Phật, nhập định như ý, hoá thân làm Chuyển luân Thánh vương. Một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo hóa làm một ngàn người con của Chuyển luân vương. Tôn giả A-nan làm quan Điển tạng, Nan-đà làm quan Chủ binh, bảy báu và bốn bộ binh đều đầy đủ. Bấy giờ Kim-luân-bảo vương ngự trên đài sen ở giữa Hư không bay thẳng đến nhà trưởng giả Tu-đạt. Khi ấy, có Dạ-xoa xướng lên:

- Thánh vương ra đời diệt trừ kẻ ác, tuyên dương thiện pháp.

Nghe lời ấy bà tớ già lòng rất khoan khoái nói:

- Thánh vương ra đời được châu Như ý, không cần mong cầu gì nữa, đây là điều đáng tuyên dương.

Bấy giờ, Thánh vương gióng chuông, đánh trống, cởi xe đại báu đến nhà Tu-đạt.

Bà ta trông thấy hết sức vui mừng, nói:

Thánh vương ra đời nhiều nơi được lợi ích, biết phân biệt thiện ác, hẳn sẽ không làm những điều tội lỗi. Còn Sa-môn kia thì chuyên mê hoặc lòng người.

Bà từ trong lồng củi chui ra, thành kính làm lễ, Thánh vương bèn sai vị quan chủ kho báu đến bảo bà:

- Đại tỷ có phước đời trước ứng hiện, vua là tướng Thánh vương, hôm nay Ngài muốn đem đại tỷ về làm ngọc nữ báu.

Bà tớ già thưa:

- Thân tôi hèn mọn giống như phẩn uế mà được Thánh vương hỏi thăm, lòng đã vui khôn xiết, đâu dám nhận làm ngọc nữ quý báu. Nếu người thương tưởng, xin hãy bảo với chủ phóng thích tôi khỏi kiếp đầy tớ thì ân đức ấy đã quá nhiều rồi.

Thánh vương lại bảo Tu-đạt:

- Bà lão nhà khanh có tướng quý cao sang tuyệt vời, giờ ta muốn đem bà về làm ngọc nữ báu của ta.

Tu-đạt đáp:

- Thần xin vâng lời của đại vương.

Nghe được phóng thích, bà lão vô cùng hân hoan. Thánh vương liền lấy châu Như ý soi mặt, khiến cho bà thấy mặt mình như ngọc nữ quý báu, lòng bội phần hoan hỉ.

Bà nói:

- Mấy ông Sa-môn cao giọng lắm lời, nói mình là người có đạo nhưng không chút hiệu nghiệm. Thánh vương ra đời làm lợi ích nhiều nơi, khiến cho kẻ già nua xấu xí này giống như ngọc nữ báu.

Nói xong, bà cúi đầu đảnh lễ Thánh vương. Lúc đó quan Điển tạng vâng lệnh vua, giảng pháp Thập thiện. Bà nghe pháp lòng rất vui mừng tán thán:

- Lời Thánh vương đã nói nghĩa nào cũng hay.

Bà đảnh lễ nhà vua và sám hối tội lỗi của mình. Biết tâm bà đã được điều phục, La-hầu-la hiện lại nguyên hình. Bà tớ già vừa ngẩng đầu lên thấy một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo liền nói:

Phật pháp thanh tịnh, chẳng bỏ chúng sanh, như con đây là kẻ xấu

ác mà còn hoá độ.

Nói xong bà xin thọ năm giới. La-hầu-la nói cho bà nghe pháp Tamquy. Bà vừa thọ giới lại nghe pháp này, trong khoảnh khắc chưa kịp ngẩng đầu thì đã chứng quả Tu-đà-hoàn. La-hầu-la liền đưa bà đến rừng Kỳ-đà yết kiến Đức Phật. Nhìn thấy Phật, bà hoan hỉ chấp tay làm lễ sám hối và cầu xin xuất gia.

Phật bảo Tôn giả La-hầu-la đưa bà lão đến chỗ Kiều-đàm-di. Đang trên đường đi, Tôn giả lại nói pháp khổ, không, vô thường, vô ngã. Nghe xong, tóc bà tự rụng biến thành Tỳ-kheo-ni đầy đủ Tam minh, Lục thông, bát giải thoát. Hay tin, Vua Ba-tư-nặc và Mạt-lợi phu nhân hết sức vui mừng, bạch Phật:

Bạch Thế tôn, như bà lão này đời trước có tội gì, lại do phước lành nào mà chứng được A-la-hán.

Phật dạy:

- Này đại vương trong kiếp quá khứ có Đức Phật hiệu là Bửu-Cái-ĐăngVương, vào thời tượng pháp sau khi Đức Phật đó diệt độ, lúc ấy có vua Tạp-bảo-hoa-quang. Vị vua này có người con tên Khoái-kiến xin cha cho phép xuất gia. Vua cha liền chấp thuận. Vương tử đi đến chỗ chúng Tăng để cấu xin xuất gia. Lúc đó có vị Tỳ-kheo thông minh đa trí, thấu rõ thật tướng, nhận ông làm đệ tử. Lại có Tỳ-kheo tên Đức-hoa-quang, khéo thuyết pháp yếu để dẫn dắt hàng sơ học... khéo nói pháp yếu, thấu suốt bực sơ học. Tỳ-kheo vương tử tuy đã xuất gia nhưng lòng vẫn còn kiêu mạn. Nghe Hoà thượng giảng pháp mầu nhiệm thậm thâm, nghĩa Không Đại thừa của Bát-nhã ba-la-mật, vương tử hiểu lầm cho là tà thuyết. Sau khi Hoà thượng diệt độ, vương tử nói:

Đại hoà thượng của ta không hề có trí tuệ, chỉ biết tán thán việc rỗng không của hư vô. Ta nguyện đời sau chẳng thích nhìn thấy ông ta. Còn A-xà-lê có trí tuệ biện tài, ta nguyện đời này làm thiện tri thức.

Tỳ-kheo vương tử nói xong, ông ta ở trong chánh pháp lại nói phi pháp, phi pháp nói chánh pháp, rồi đem dạy cho hàng đệ tử thực hành theo tà kiến. Tuy trì giới, đầy đủ oai nghi, nhưng do hiểu biết sai lầm nên sau khi mạng chung nhanh như tên bắn, ông ta rơi vào địa ngục. Suốt tám mươi mốt kiếp thường chịu đau khổ tột cùng. Khi thoát khỏi địa ngục, ông sanh làm kẻ nghèo hèn, điếc ngu tăm tối, làm kẻ nô tỳ phải bị người sai khiến.

Hoà thượng bấy giờ nay chính là ta. A-xà-lê lúc bấy giờ nay là La-hầu-la. Tỳ-kheo vương tử chính là bà lão này.

(Trích kinh Quán Phật Tam Muội quyển sáu)

10. MẤT CON PHÁT CUỒNG:

Thuở xưa có Bà-la-môn sanh sáu người con trai nhưng chúng nối tiếp nhau lìa đời. Người mẹ quá thương con nên phát cuồng. Bà loã hình, xoã tóc chạy rông ngoài đường. Vừa thấy Đức Thế tôn, bà chợt nhớ lại bổn tâm, xấu hỗ vội ngồi xổm xuống đất. Phật bảo Tôn giả A-nan:

- Ông hãy lấy Uất-đa-la-tăng cho bà ta khoác vào để nghe pháp.

Tôn giả A-nan trao y cho bà. Bà đến trước Phật cúi đầu đảnh lễ. Ngài thuyết pháp khai thị cho bà có được niềm vui. Bà thọ tam quy trở thành vị Ưu-bà-tắc, rồi vui vẻ quay về.

Sau đó người con thứ bảy của bà lại qua đời. Bà không hề than khóc. Người chồng dùng kệ hỏi bà:

Sáu con lần lượt chết
Bà nhớ thương sầu não
Ngày đêm chẳng uống ăn
Dẫn đến phát điên cuồng
Nay con thứ bảy mất
Sao lại không buồn khổ?

Bà đáp:

Cháu con vô lượng số
Nhân duyên hoà hợp sanh
Đêm dài đã đi qua
Tôi và ông cũng thế
Dù chúng sanh nơi nào
Chỉ thêm tổn hại nhau
Nếu biết sống quan trọng
Đáng gì phải buồn lo
Tôi đã biết xa lìa
Cho nên không sầu não

Chồng hỏi:

Pháp ấy chưa hề nghe
Nay mới nghe bà nói
Bà nghe pháp ở đâu
Mà chẳng buồn nhớ con?

Vợ đáp:

Nay nhờ bậc Chánh giác
Tôi trọn lìa khổ não
Ngài nói pháp Tứ đế
An ổn hướng Niết-bàn

Chánh pháp tôi hiểu rồi
Quên nỗi buồn nhớ con.

Chồng nói:

Giờ tôi cũng sẽ đến
Vườn Am la di hi
Cậy nhờ Đức Thế tôn
Giải trừ nỗi nhớ con

Vợ bảo:

Ông xem bậc Chánh giác
Nhu hoà thân sắc vàng
Điều phục kẻ ương ngạnh
Độ khắp cả quần sanh.

Người chồng đến yết kiến Phật, Ngài nói kệ:

Pháp khổ tập diệt đạo
Trừ khổ hướng Niết-bàn
Được vậy liền thấy pháp
Chứng thành bậc Thánh văn.

Người chồng nghe pháp xong, tâm được thông suốt. Ông theo Phật xuất gia, một mình nơi vắng vẻ tu tập thiền định và chứng quả A-la-hán. Người vợ và cháu gái Đà-bàn-lê cũng xuất gia, dứt trừ tận cùng bờ bến khổ.

(Trích kinh Xuất Ly, A-hàm quyển ba)

11. CON GÁI CỦA CÔ ĐỘC MẪU XUẤT GIA:

Ngày xưa, tại thành Xá-vệ này có một bà mẹ sống cô độc, có được một người con gái. Khi con lên mười bảy, nhan sắc xinh đẹp, nhưng vì nghèo khó, áo không đủ che thân, hàng ngày bà đi xin ăn để nuôi con. Con gái bà hiền thục lại thông minh, thông suốt các kinh thư. Cô là người biết lễ nghi, không ra khỏi chốn phòng khuê. Nhà ở cạnh cung thành, cô ước muốn được làm Hoàng hậu và được phụng thờ Phật pháp.

Một hôm, vua đi dạo chơi, gặp một con quạ đang kêu ở trên nhà của cô gái nghèo này. Nhà vua liền giương cung bắn quạ, quạ trúng phải tên nên bay vào nhà cô ta để núp. Kẻ hầu của vua đuổi theo đến nhà nhưng cô gái không ra diện kiến, chỉ nhổ mũi tên cho quạ bay đi và ném tên ra ngoài. Những người hầu của vua trông thấy ngón tay của cô, họ biết đây chẳng phải là kẻ tầm thường.

Trong năm ấy, hoàng hậu qua đời, nhà vua muốn tìm người kế

ngôi Hoàng hậu nhưng không có người nào cho vừa ý. Vì vậy nhà vua ra thông cáo khắp thiên hạ để tìm người kế ngôi. Bấy giờ, những người hầu nhớ lại ngày trước nhà vua bắn quạ nên họ tâu với vua:

Tâu Bệ hạ, lúc trước Ngài bắn tên vào nhà một cô gái nghèo, tuổi vừa mười bảy, tuy hạ thần không thấy được hình dáng của cô ta nhưng có nhìn được ngón tay và nghe được giọng nói của cô dường như là bậc quý nhân.

Nghe tâu như vậy, nhà vua liền sai sứ đến thăm dò để triệu cả hai mẹ con vào cung, đồng thời sai thầy tướng đến để xem xét. Khi đến nơi, họ liền đi thẳng vào nhà. Trong nhà, người mẹ đi vắng chỉ còn lại một mình nàng. Sứ giả nhiều lần mời cô ra để diện kiến nhưng cô không chịu ra. Sứ giả bèn lên giọng:

Cô gái nhà nghèo này ra đây!

Nàng liền lên tiếng:

- Giàu hay nghèo đều là con người cả, ông là ai lại đường đột đến nhà tôi? Hãy mau mời ông ra khỏi đây ngay!

Sứ giả đáp:

- Nhà vua sai tôi đến đây, cô thuộc hàng hạ tiện sao dám đuổi tôi?

Cô đáp:

- Nhà vua có việc gì mà triệu tôi đến? Nếu bắt tôi làm nô tì thì nhà tôi đâu phạm vào pháp vua, còn nếu muốn tôi làm vợ thì bọn ông là sứ giả của tôi, sao các ông lại dám buông lời khinh chê nhà nghèo? Cậy vào thế lực mà đi bức hiếp người nữ thế sao? Người nữ tuy yếu đuối nhưng tôi tự có túc mạng, không dễ bị uy vũ khuất phục đâu! Các ông nên trở về tâu lại với vua như thế.

Bọn sứ giả đuối lý bèn trở về tâu lại với vua. Nhà vua liền ra lệnh cho trăm quan sửa soạn xa giá, đầy đủ lễ nghi, dẫn theo năm trăm thể nữ đến nghinh đón nàng. Sứ giả chuẩn bị bò, dê, heo, rượu làm sính lễ. Đồng thời trang bị xe hoa, treo rèm lụa cho năm con ngựa kéo, mười vạn binh tinh ntuệ đi trước dẫn đường, theo sau là hàng ngàn cổ xe, mười ngàn con ngựa quý, mười hai vạn người hộ tống, chuông trống rền vang khắp Trời, người xem kéo đến nhà cô rất đông đảo.

Đến nơi, sứ giả xuống xe, vào trước thông báo. Nàng nghe vậy cung kính đáp tạ:

- Cảm ơn sứ giả, trăm quan cũng như binh lính và nhân dân. Các vị đường xa nhọc nhằn hạ cố đến, tôi là con nhà thấp hèn, đâu phải dòng sang quý mà làm phiền các quan và binh lính, lại còn hạ thấp uy

thế của nhà vua. Kẻ hèn mọn ngu muội này chỉ nhờ chút phước đức xưa nên được nhà vua chiếu cố, tự biết mình xấu xí. Nếu xét đức hạnh thì tôi không đủ lễ nghi của người con gái. Xét về Dung mạo, tôi không có sắc đẹp như hoa Đào, hoa Ưu đàm. Xét về âm thanh, không được trầm bổng dễ nghe. Lại không có trí sáng của bậc đại Thánh, không hiểu biết sâu rộng như bậc Thánh. Thân không được sáng tươi vàng chói mềm mại. Hơi thở không thơm tho như mùi gỗ chiên đàn. Lời nói không được dịu dàng hòa nhã, thanh tao, trung hậu, nhân từ. Việc làm không biết tiến thoái cao thấp. Dối gạt lệnh vua, uổng nhọc công người xem, sứ giả và trăm quan ai cũng đều mệt mỏi.

Nàng lại bảo với các thể nữ:

- Các em bạc phước, đọa làm thân nô tỳ, từ nay về sau chúng ta cùng nhau theo hầu vua, mỗi người nên chánh tâm, tu tập chánh hạnh, đừng để phạm vào nghi thức của nhà vua.

Năm trăm thể nữ đều vâng lời. Cô lại dặn dò hai trăm năm mươi thanh y:

- Con người vốn không có sự sang hèn, đạo ở chỗ tôn kính. Các em đều là những người hiền lành, chỗ khác biệt xưa nay chỉ là giai cấp thấp hèn, các em không nên tự ti mà hãy cố gắng tu tập thiện pháp.

Tất cả mọi người đều vâng theo lời ấy.

Bấy giờ trăm quan tiến dâng lễ của vua bao gồm: Một ngàn thỏi vàng ròng, hai ngàn thỏi bạch ngân, ngọc anh lạc, thuỷ tinh, lưu ly, minh nguyệt thần châu, san hô hỗ phách, ngàn đôi bạch tố, ngàn tấm lụa mềm, võng lụa gấm điều xanh tía, áo đầy đủ các màu, ngàn thứ hương chiên đàn.

Trăm quan dâng y Bách lĩnh cho phu nhân trang điểm. Nhận các thứ, trang điểm xong, cô bước ra làm lễ lên ngôi. Trăm quan trông thấy ai cũng vui mừng đều tung hô muôn năm đất nước hẳn thái bình, vì có được bậc mẫu nghi của muôn dân trăm họ. Thể nữ thanh y gần gũi thân tình bên nàng như con có được mẹ hiền. Nàng vén y lên xe, xe liền đứng yên, ngựa được thuần phục. Bầu Trời quang đãng, trăm chim kéo đến đông như mây tụ, quấn quýt bên xe cất tiếng hót buồn thương đưa tiễn. Trăm quan thần dân đều nói:

Đây chính là người cõi Trời giáng xuống, đất nước chắc chắn được bình yên.

Khi nàng đến cung vua, cửa tự nhiên mở ra. Năm trăm người hầu xuống xe vào cung. Trong cung tự nhiên phát ra hào quang năm sắc. Trên điện từ trong ra ngoài đều bừng sáng. Nàng vào cung làm lễ nhà

vua. Nhìn thấy nàng, nhà vua kinh ngạc sững sờ vội bước xuống ngai vàng để đáp lễ. Ngay bệ rồng, nàng cứ phủ phục lạy vua, nhà vua quỳ mọp đáp lễ. Sau đó ông truyền lệnh đưa nàng vào cung.

Hoàng hậu sống hiền hoà nhu thuận, không làm tổn thương đến người khác. Nhà vua hết mực cung kính. Nàng nói năng từ tốn. Tuy ít trò chuyện nhưng lời thốt ra đều hợp với nghĩa khiến cho trong ngoài ai cũng kính phục. Hoàng hậu ở trong cung suốt bảy ngày bảy đêm nhưng không hề dính lưng xuống chiếu, mãi vui chơi với các phu nhân và thể nữ. Nhà vua rất muốn gặp nàng nhưng lòng nàng trinh trắng, thích yên tịnh, không muốn gặp gỡ trò chuyện với nhà vua.

Vua nói:

Nghĩa gia thất, đạo vợ chồng lấy việc ân ái làm thân mật. Phu nhân vào cung đã bảy ngày bảy đêm mà không cho ta gặp mặt là ý như thế nào? Nàng cho đó là đúng pháp hay sao?

Phu nhân sai thể nữ đáp lời vua. Bình sinh, nàng có hai điều nguyện, nay đã thành tựu được một nhưng vẫn còn một tâm nguyện chưa xong nên không thể cùng vua tương kiến. Vua hỏi:

- Vậy thì phu nhân đã được những gì còn những gì chưa được?

Phu nhân đáp: Thuở nhỏ thiếp có lời nguyện, được chồng làm quốc vương và phụng thờ Phật Thánh.

Vua bảo:

- Vậy nàng hãy cho ta gặp mặt một lần rồi sau đó sẽ đến gặp Phật.

Phu nhân đáp:

- Không được, thiếp chưa gặp được Phật quyết không thể gặp mặt bệ hạ.

Nhà vua nổi giận:

- Nàng vốn nghèo hèn, thuộc hạng ăn xin, sao dám trái ý trẫm?

Phu nhân đáp:

- Người vợ thuộc quyền chồng, mọi việc đều phải nghe theo, nhưng thiếp có lời thề xưa không thể trái. Bệ hạ tuy là bậc tôn quý nhưng không được ép uổng người cô thế.

Vua nói:

- Ta là chủ của muôn dân, ai phạm tội sẽ giết cần gì hỏi đúng sai!

Phu nhân đáp:

- Bệ hạ là cha mẹ của muôn dân, xử đoán phải dùng đạo lý, sao được tự ý vui hay giận. Điều đó kẻ phàm phu còn không làm huống gì

bậc quân vương?

Vua nói:

- Nàng thuận theo ý ta thì được toàn mạng còn ngược lại sẽ chết.

Phu nhân nói:

Người nữ cũng có tâm hẹp hòi, nếu bệ hạ thuận theo thì thiếp mới cho gặp mặt, còn không thì thiếp chẳng cho gặp mặt.

Vua hỏi:

- Vậy thì làm sao thỉnh Phật?

Nàng đáp:

- Phật ở tại nước ta, bệ hạ thỉnh thì Ngài sẽ đến.

Nhà vua phân vân:

- Trẫm sợ trăm quan sẽ chê cười.

Nàng nói:

- Bệ hạ thỉnh Phật vào cung, Ngài lên điện trăm quan sẽ vui mừng, đời đời được hưởng phước, họ không chê cười bệ hạ đâu.

Nhà vua nói:

- Hay lắm.

Ông liền ra lệnh cho nhà bếp sửa soạn thức ăn mười vạn người, rồi sai thị nữ báo với Hoàng hậu hãy thỉnh Phật đến. Nhà vua đã chuẩn bị xong vật thực để cúng dường.

Hoàng hậu đáp:

- Làm vợ là phải vâng theo lời chồng, nhưng việc thỉnh Phật, Đại vương nên đích thân xa giá, tạm thời hạ mình, tỏ lòng thành kính đến yết kiến Đức Phật.

Vua bảo:

Nếu ta thỉnh Phật thì tự ta đi, còn nàng thỉnh Phật thì nàng nên đích thân đi chứ ta không đi đâu.

Hoàng hậu nói:

Đại vương là người chồng tôn quý của thiếp, uy thế của người nữ không bằng một ít lời nói của bệ hạ, xin Ngài hãy hạ bớt quyền uy, tạm đến yết kiến Đức Phật. Chẳng lẽ thiếp không phải là người nhà của Đại vương hay sao? Hay là chưa có nghĩa vợ chồng gia thất cho nên có sự khác biệt giữa thiếp và Đại vương hay sao?

Vua đáp:

- Vợ chồng chưa thành thân thì chưa phân biệt đạo nghĩa. Đây là tại ý nàng vậy.

Phu nhân im lặng, nét mặt sáng rỡ khác thường. Vì sợ muốn tự sát hoặc bỏ đi nên nhà vua hạ lệnh cho thị vệ canh phòng nghiêm ngặt,

đội vệ binh đống chặt ở cửa cung, trong ngoài tuần tra cẩn mật đến nỗi chim bay cũng không thoát. Trong cung thể nữ luôn phiên hầu hạ, khiến cho mũi kim cũng không chịu buông xuống. Biết ý nhà vua không đến thỉnh Phật và không tin mình, nàng liền biến mất ngay trên điện, mọi người không thấy tăm hơi đâu cả. Khi ấy, một ngàn thể nữ cùng bảy mươi mốt vị phu nhân đều kinh sợ, bảo nhau tìm kiếm khắp nơi nhưng tìm mãi vẫn không thấy. Nhà vua vô cùng hổ thẹn, rưng rưng nước mắt đứng lên nói:

- Giờ đây làm sao? Ta đã cứng rắn quá đến nỗi xảy ra chuyện để rồi hối tiếc. Bây giờ tìm cách nào để nàng quay trở lại.

Đệ nhị phu nhân thưa:

- Hoàng hậu chẳng phải hạng tầm thường như chúng tôi. Đại vương nên chiều ý người, không nên trái nghịch, vì buồn vui mà nặng lời với Hoàng hậu, bởi đây là người từ trên Trời hạ sanh xuống. Giờ đây, Đại vương đã làm cho Hoàng hậu bỏ đi, bảy mươi mốt người chúng tôi biết nương cậy vào ai đây?

Các thể nữ thanh y đều gào khóc như khóc người chết, các công khanh nam nữ cũng đều buồn thảm thở than: Giờ đây nước chúng ta sẽ nương cậy vào ai đây? Chim chóc kêu áo não, đất Trời lay động, nhà vua vì quá thương cảm mà muốn ngất đi, ông hướng lên Trời thở vắn than dài, lệ tuôn như mưa, dân chúng không ai chịu làm ăn, thành thị thôn quê đều vắng vẻ, họ cứ tụm năm tụm mười lại mà khóc lóc. Suốt bảy ngày bảy đêm, nhà vua nằm bất động không chịu ăn uống.

Bấy giờ, đệ nhị phu nhân tâu vua:

- Đại vương hãy tạm đến bái yết Đức Phật và thỉnh Ngài đến đây.

Nhà vua liền đến, cúi đầu làm lễ thưa:

- Con là Hà ca đạt lưu, vua nước A-tỳ-la-nại. Vì ngày đêm quá bận rộn việc nước nhà, không đến yết kiến Ngài được. Nhà vua nói như vậy ba lần rồi đảnh lễ.

Phật bảo:

- Việc nước nhọc nhằn, biết bao phiền phức, tổn đến tinh thần, chẳng hay quan dân trong nước có được bình an không?

Vua đáp:

Nhờ thấm nhuần ân của Ngài mà được bình an cả, giờ đây cúi xin Ngài hạ cố đến cung điện của chúng con.

Đức Phật nhận lời. Trong chốc lát, Đức Phật ngự trên điện của nhà vua. Bấy giờ, Hoàng hậu cùng với bảy mươi mốt vị cung phi, ba

ngàn năm trăm thể nữ đều ra đảnh lễ Đức Phật. Ban đầu nhà vua chưa nhìn thấy Hoàng hậu và các cung nữ, chỉ có Đức Phật nhìn thấy thôi. Nhà vua lễ Phật nhưng lòng buồn bã.

Đức Phật bảo:

- Hoàng hậu mà Đại vương muốn tìm nay ở đây.

Trông thấy Hoàng hậu nhà vua vô cùng vui vẻ, các cung tần, thể nữ cũng rất hân hoan. Nhà vua liền bày thức ăn lên để cúng Phật. Thọ trai xong, Ngài theo lòng mong cầu của mọi người mà chú nguyện cho tất cả.

Nhà vua bạch Phật:

- Hoàng hậu vốn là con của một người mẹ góa, thuộc hạng cùng đinh, nay lại được làm Hoàng hậu, là bậc tôn quý trên mọi người, bậc mẫu nghi của muôn dân. Nàng lại có lòng nhân đức hiền từ, lời nói dịu dàng không làm tổn hại đến ai, lại có thể biến hóa ẩn hình mà cả quỷ thần rồng đều không biết ở đâu, đó là do tội phước gì mà có như vậy?

Phật dạy:

- Hoàng hậu xưa là Đại-ca-la-việt, là một gia đình giàu có, của cải rất nhiều nhưng lòng keo kiệt, không chịu bố thí, cho nên đời này gặp cảnh nghèo khó. Tánh tình ông ta lại háu sắc, thích giao hoan với người nữ, cho nên đời này phải mang thân nữ. Bên cạnh đó, Ca-la-việt còn thích ngao du với các vị tu hành, học hỏi kinh sách nên đời nay có được trí tuệ. Trong quá khứ, Ông còn gặp được năm trăm Đức Phật, nay lại gặp ta. Xưa Hoàng hậu cùng Đại vương kết làm thiện trí thức nên nay được thành chồng vợ. Lại trong đời quá khứ, Hoàng hậu từng cúng dường năm trăm Đức Phật nhưng vì tâm không kiên định, hay mê hoặc người đời nên nay rơi vào thân nữ. Trong ba mươi chín kiếp về sau, Hoàng hậu sẽ thành Phật. Đại vương cũng sẽ bảy lần sanh lên xuống Trời người. Khi Đại vương còn ở cõi Trời, Hòang hậu làm thiên nữ, hầu hạ Đại vương thường được vừa ý. Cả hai người phát nguyện cùng chết một lượt, đời đời theo nhau và được giải thoát. Đại vương tự hào vì chế ngự được những tâm ý vui buồn, hết thảy không còn sanh khởi.

Nghe những lời ấy, nhà vua rất vui mừng liền chứng được trí A-duy-việt. Đức Phật trao cho nhà vua nhận giữ năm giới, các cung phi mỹ nữ, quan dân lớn nhỏ trong cả nước đều vâng giữ năm giới. Còn Hoàng hậu đến trước thọ giữ mười giới, một năm ba lần trì trai một tháng sáu ngày trai giới. Hoàng hậu và ba ngàn năm trăm bảy mươi mốt cung phi mỹ nữ đều cùng nhau tu tập thiện pháp. Nhà vua dùng chánh pháp cai trị, khiến cho đất nước được thái bình. Ngoài ra còn dùng bảy báu, tạo

lập chùa chiền tháp miếu để tu tạo phước đức. Vua quan tôn trọng lẫn nhau không phân biệt kẻ trong người ngoài. Dân chúng đều sống đến tuổi già mới mãn phần.

Giữa chốn phồn hoa, Hòang hậu đã nhận ra cuộc đời là vô thường, con người cứ lặn hụp mãi trong đêm dài ân ái, vô minh uế trược, sống không được danh hiền, chết lại làm quỷ nhơ nhớp. Chán ngán trần thế, Hoàng hậu lại thở vắn than dài, rồi quyết định thay đổi y phục, hình dáng xấu xí, tóc tai rối bời, đến tâu với nhà vua:

Tâu Đại vương, hết thảy sự sự vật vật trong vũ trụ không ra ngoài lẽ vô thường chi phối, rồi không ai thoát khỏi cái tử vong. Đại vương sở dĩ yêu quý thiếp là vì thiếp còn trẻ, nhan sắc mặn mà, da dẻ tươi thắm, hơi thở thơm tho. Thế nhưng những thứ đó cũng không ra ngoài lẽ vô thường, rồi chúng cũng tàn lụi. Vợ chồng hội ngộ với nhau kể ra cũng chẳng lạ lùng gì, tất cả đều là bất tịnh, ân ái như vậy rồi cũng già chết. Từ xưa đến nay cái già chết ấy không có kỳ hạn, vậy thì ai là người thay thiếp chống đở đây? Giờ thiếp đang lo sợ tai hại của cái chết, không thể nào thoát được, dù cho giàu sang hay nghèo hèn rồi cũng phải cùng chung một số phận, đều phải trương phình hôi thối, bất tịnh, nếu còn yêu tiếc nó thì có ích gì? Đại vương thử nghĩ, nam nữ đến với nhau có gì đáng lạ đâu. Điều thiếp nói là chân thật, chẳng phải là việc chưa từng xảy ra đâu!

Nhà vua nói:

- Khanh là người Trời, lời nói không bao giờ sai, mọi sự đều là như thế, nhưng tất cả già trẻ trai gái trong nước đều nương cậy vào khanh, mong khanh chiếu cố suy nghĩ lại.

Hoàng hậu thưa:

Thiếp là phận nữ nhơn không được quyền tự quyết nên tâu với Đại vương, xin hãy chấp thuận cho thiếp được tròn bổn nguyện xưa.

Vua bảo:

Nay Trẫm đã già, tuy có nhiều cung phi mỹ nữ trẻ trung, nhưng không người nào vừa ý trẫm cả, khanh hãy hầu trẫm thêm vài năm nữa, sau khi Trẫm băng hà sẽ đem mọi chuyện giao phó lại. Giờ Thái tử còn thơ bé, sao khanh nỡ bỏ ra đi! Và nếu đi thì khanh đi đâu?

Hoàng hậu thưa:

- Thiếp thấy sanh tử vô thường, chán sự đổi dời, muốn theo Phật xuất gia làm Sa-môn.

Vua nói:

- Khanh là mẫu nghi của một nước, ngôi vị cao tột, các cung phi,

thể nữ lớn nhỏ trong cung đều nương cậy vào khanh, sao khanh lại nghĩ ra phương cách ấy? Nếu kẻ sĩ phu xa gần nghe được tin này thì sẽ chê cười như bọn Sa-môn kia đó sao? Khanh là hàng nữ nhân, nếu đã quyết định thì nên suy nghĩ lại.

Hoàng hậu đáp:

- Mười phương chư Phật đều xuất thân từ hình tướng Sa-môn, vua Phất-ca-sa đã bỏ chín mươi chín vị phu nhân, tám mươi chín ngàn thể nữ để cầu làm Sa-môn. Trước sau không ít trai gái xin làm Sa-môn, đâu phải một mình thiếp đâu? Đại vương vì ân ái, tham muốn sắc đẹp, yêu mến thân hình của thiếp. Nhưng tấm thân đều là máu mủ xấu xa dơ bẩn, người nữ khó cùng ân ái. Người qua lại với hàng nữ nhân không thể không rơi vào tội lỗi. Thân thể nữ nhân nóng bức như nước sôi thiêu đốt con người khiến cho rơi vào trọng tội, muôn đời khó thoát được. Đời trước thiếp cũng là đàn ông, chỉ vì thích cùng với nữ nhân giao hoan, ân ái quá nhiều nên phai bỏ thân nam chịu làm thân nữ. Hàng nữ nhân đáng sợ, Đại vương há không biết sao? Nếu lòng Đại vương không khi nào xa rời người nữ thì ở đây hơn ba ngàn cung phi mỹ nữ cũng đủ cho Đại vương hoan lạc rồi. Đại vương hãy mau quyết định đừng nên sầu khổ. Thiếp đây dù có chết cũng quyết làm Sa-môn, Đại vương phải nên khích lệ chứ sao lại ngăn cản!

Vua nói:

- Nếu khanh đã quyết như vậy thì trẫm cần gì là quốc gia nữa?

Hoàng hậu đáp:

- Đại vương nên biết, sự vô thường là cái mong muốn cao tột của con người không? Ngôi vị quốc vương, trăm quan, cung phi mỹ nữ, châu báu cung thành đau phải riêng của Đại vương, những thứ của Ngài như thân thể, xương cốt, đầu não, ngũ tạng rồi sẽ tan rã, có chỗ nào đáng yêu tiếc đâu?

Vua nói:

Nếu giờ ta chấp nhận cho khanh xuất gia sợ rằng các cung phi thể nữ sẽ bỏ đi theo khanh hết.

Hoàng hậu thưa:

- Mỗi người đều có phước lực túc mạng của chính mình, chẳng phải ai cũng vậy đâu! Dù có tăng thêm hình phạt giao gậy thì việc cũng như thế thôi quyết không ngăn chặn được. Việc chính thức là thiếp mong mình được tròn nguyện. Đại vương hãy lấy ân tình, thương yêu và an ủi họ thì họ sẽ thân cận, chăm sóc Đại vương.

Vua nói:

- Những người đó mến mộ đức hạnh của khanh, một mình ta làm sao có thể khéo chăm sóc cho trọn được? Ta chỉ nhờ cậy vào khanh làm chánh hậu phụ ta nhiếp chính, giờ khanh lại bỏ ta mà đi, những người nữ đó có cầm dao giết chết, hoạ may họ mới sợ ta.

Hoàng hậu nói:

- Không phải vậy đâu thưa Đại vương, người nữ chủ yếu là nương tựa vào người đàn ông, Đại vương hãy lưu ý gần gủi thì họ sẽ được an lòng.

Nhà vua nói:

- Nay ta trong cậy vào khanh đó.

Hoàng hậu liền gọi tất cả hoàng phi thể nữ đến để khuyên lơn họ:

- Các vị hãy thường gần gủi chăm sóc, tôn kính Đại vương, không nên xem thường. Giờ đây tôi xin giã biệt các vị, mỗi người hãy cố gắng nỗ lực, sớm tối siêng năng, tinh tấn thực hành kinh pháp. Tôi nguyện sớm được chứng được đạo quả sẽ trở về độ các vị.

- Các cung phi thể nữ nghe thế, họ đồng nhau khóc to, tiếng khóc vang đến cõi Trời Đaolợi. Đế thích liền hạ xuống trao Ca sa cho Hoàng hậu, tự nhiên tóc tự rụng, thân mang Ca-sa, Hoàng hậu trở thành Tỳ-kheo-ni.

Thấy thế, cung phi thể nữ vô cùng hoan hỉ. Đế thích lại trao đủ Ca-sa và bình bát cho Hoàng hậu. Nhà vua thấy thế không một chút hiềm giận mà còn hớn hở cười to, nói:

- Các Hiền giả, công đức vòi vọi há chẳng vui sao? Ngay lúc ấy nhà vua nhận được dấu tích của đạo. Liền trở vào nội cung, lòng vô cùng thư thái, nhà vua cho triệu Thái tử vào giao đất nước cho Thái tử.

Nhà vua nguyện:

- Tôi nay phát nguyện làm Sa-môn, có ai chứng tri cho tôi không?

Đế thích liền thế phát, khoác Ca-sa cho nhà vua, y bát tự đầy đủ. Nhà vua đi theo Phật.

Bấy giờ, mười hai vị tiểu vương giao nước cho Thái tử, theo vua làm Sa-môn, họ tu tập cùng lúc chứng quả A-la-hán.

Đức Phật kết luận:

Này chư vị, A-ca-đạt-lưu xưa, nay chính là ta. Hoàng hậu lúc ấy, nay chính là Cù-di.

(Trích kinh Bần Nữ Vị Quốc Vương phu nhân)

12. THI LỢI MA QUÊN ĐÓI VÌ CHÚNG TĂNG:

Bấy giờ Đức Thế tôn đang ngự tại Tỳ-thiện-ly, Ngài bảo với các Tỳ-kheo:

Ta nghe trong chúng Tỳ-kheo-ni là người có phước đức bậc nhất phải không?

Chúng Tăng bạch Ngài:

Bạch Thế tôn, lúc này mọi dân chúng đói khát, Tỳ-kheo khất thực không có. Khi Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-ma vào thành khất thực gặp Tỳ-kheo liền hỏi:

Tôn giả khất thực có được gì không?

Tỳ-kheo liền đưa bát không cho cô ta xem. Thấy thế, Thi-lợi-ma liền lấy cơm trong bát của mình đưa cho Tỳ-kheo. Khi được thức ăn, Tỳ-kheo quay về Tinh xá, san xẻ thức ăn cho các Tỳ-kheo khác cùng ăn. Thấy có cơm, các Tỳ-kheo hỏi:

Trưởng lão khất thực ở đâu mà có được thức ăn ngon như thế?

Vị trưởng lão kia trả lời:

Thức ăn này là do Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-ma ở Tinh xá bên cạnh cúng dường.

Nghe vậy, mỗi ngày đến giờ đi khất thực, các Tỳ-kheo lại ôm bát đến xin Thi-lợi-ma. Cứ như thế, Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-ma lại lần lượt khất thực cúng dường đủ hết năm trăm vị Tỳ-kheo rồi sau đó mới dến lượt khất thực cho mình. Thế nhưng, đến lượt mình thì Trời đã quá ngọ, cô không thể khất thực được nữa đành phải ôm bát không trở về.

Sáng ngày hôm sau, đến giờ khất thực, các Tỳ-kheo lại đắp y, ôm bát đến đứng trước cổng Tinh xá của Tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni trong thấy liền vào báo với Thi-lợi-ma:

Các Tỳ-kheo đang ở ngoài cổng đợi cô đấy!

Nghe vậy, Thi-lợi-ma sai các đệ tử:

Các con hãy lấy y bát đến đây, thầy sẽ đi khất thực để cúng dường các bậc tôn đức Tăng. Như mọi lần trước, Tỳ-kheo Thi-lợi-ma lần lượt khất thực cúng dường đủ năm trăm vị Tăng, rồi sau đó mới khất thực cho mình. Nhưng đến lúc Trời đã quá ngọ, không còn khất thực được nữa nên cô ta đành ôm bát không trở về.

Đến ngày thứ ba cũng lại như thế, cô cũng lần lượt khất thực cúng dường cho năm trăm vị Tăng, nhưng còn sót một vị chưa có thức ăn. Thế rồi Tỳ-kheo này đi theo Thi-lợi-ma vào trong nhà nọ, vì ba ngày không được ăn gì, thân thể kiệt sức, vừa bước vào nhà nọ thì cô ta bị ngã quỵ bất tỉnh.

(Trích Luật Tăng Kỳ quyển 21)

13. BẠO CHÍ ĐỜI TRƯỚC LÀM VỢ CỦA BA BA:

Tỳ-kheo-ni Bạo Chí luôn mang tâm niệm xấu phỉ báng Đức Phật và chúng Tăng. Phật bảo:

Tỳ-kheo-ni Bạo chí không chỉ trong đời này mới làm như thế. Trong vô số kiếp về quá khứ, trong rừng sâu có một con khỉ chúa đang cư trú, ăn trái cây, uống nước suối để sống. Nó thường nghĩ đến việc cứu độ cho tất cả loài người các loài côn trùng nhỏ bé, khiến cho họ được an vui, ra khỏi trầm luân khổ đau. Nó kết bạn với con Ba ba, Ba ba nay thường đến chỗ khỉ ăn uống, luận bàn nghĩa lý chánh pháp. Vợ Ba ba thấy vậy cho là dâm đảng mới hỏi:

Ông đi đâu vậy?

Ba ba đáp:

- Tôi với khỉ cùng kết làm bạn thân, anh ấy rất thông minh, có trí tuệ và hiểu rỏ đạo lý.

Thế nhưng cô vợ vẫn không tin, cho nên cô giả vờ bệnh nặng nằm mẹp dưới đất, chữa trị không thuyên giảm. Cô bảo chồng:

- Bệnh của tôi rất nặng, nếu có được lá gan khỉ bạn thân của mình thì mới có thể cứu sống tôi.

Chồng đáp:

- Tôi đã kí thác thân mạng, làm sao mà nở lấy gan của anh ấy để cứu sống nàng được?

Vợ nói:

Vợ chồng cùng chung thân thể mà chẳng nghĩ cách cứu nhau, trái lại vì khỉ chồng kính trọng vợ. Thế rồi Ba ba chồng đến mời khỉ đến dùng cơm chung.

Khỉ đáp:

- Nhà tôi ở đất liền còn anh thì sống trong nước làm sao tôi có thể theo anh đi được?

Ba ba nói:

- Tôi sẽ cõng anh đi.

Khỉ nghe lời nên để Ba ba cõng. Khi ra giữa dòng Ba ba mới bảo:

- Vợ tôi bị bệnh nặng cần phải có lá gan của anh mới trị khỏi.

Khỉ nói: Sao anh không nói sớm, gan của tôi lỡ treo trên cây không mang theo đến đây. Anh hãy đưa tôi về lấy lá gan rồi chúng ta quay lại nhé.

Thế là Ba ba đưa khỉ trở lại chỗ cũ, khỉ nhảy lên cây vui mừng nhảy nhót. Thấy vậy Ba ba hỏi:

Anh hãy lấy lá gan xuống đây rồi cùng đi đến nhà tôi, sao anh lại trốn ở trên đó?

Khỉ đáp:Trong thiên hạ không ai ngu bằng mày, mày cùng tao kết bạn thân, đồng sanh cộng tử, thế mà ngược lại ngươi muốn hại ta sao?

Đức Phật kết luận: Vợ Ba ba xưa nay chính là bạo chí, Ba ba là Điều đạt còn khỉ chúa chính là ta vậy.

(Trích kinh Ba Ba Di Hầu)

14. BẠO CHÍ PHỈ BÁNG PHẬT:

Phật du hoá đến nước Xá-vệ-kỳ, vua Ba-tư-nặc thỉnh Phật và chúng Tăng vào cung cúng dường ngọ trai. Vừa đến cung vua, Tỳ-kheo-ni Bạo Chí lấy bát gổ buộc vào bụng để cho nó lớn như người có thai, nhân lúc Phật đi đến cô liền lôi kéo y của Phật rồi la lối om sòm:

- Ông là chồng tôi, tôi đã mang thai với ông sao ông không chịu cung cấp cơm áo? Việc này ông tính sao đây?

Lúc đó toàn thể đại chúng gồm cả Trời, Người, Đế thích, Phạm vương, Tứ Thiên vương cùng với thiên chúng quỷ thần và nhân dân trong nước ai cũng kinh hoàng. Họ nghĩ:

Phật là đấng tôn quý trong ba cõi, tâm Ngài trong sạch hơn mani, ánh sáng trí tuệ còn vượt quá cả mạt Trời mặt trăng, ba cõi chẳng ai sánh bằng Ngài, hàng phục chín mươi sáu tà thuyết đưa họ về quy thuận, đức cao vòi vọi không gì sánh hơn. Hư không hữu tình không thể bợn nhơ thì tâm Phật còn trong sạch hơn thế, không có kẻ ngang hàng với Ngài. Tỳ-kheo-ni này là đệ tử của Phật, tại sao lại mang tâm niệm ác muốn huỷ báng Như Lai?

Thấy rõ tâm của chúng hội đồng thời muốn giải quyết những nghi ngờ, Phật liền nhìn lên trên không trung, lúc ấy Trời Đế thích kịp thời hạ xuống, hoá làm con chuột cắn đứt dây buộc bát gỗ nên bát liền rơi xuốn đất. Trong hội chúng nhìn thấy việc ấy, trong lòng ai cũng bực vui lẫn lộn, nhà vua không kiềm chế được tức giận nói:

Tỳ-kheo-ni này bỏ nhà lánh duyên trần để làm đệ tử Phật, thế mà đã không khen ngợi công đức vô cùng của Như Lai, ngược lại còn ganh ghét phỉ báng bậc đại Thánh vương. Nhà vua lập tức sai thị vệ đào hầm muốn chôn sống Bạo Chí. Bấy gờ Đức Phật giải thích chuyện xưa cho mọi người biết, can ngăn nhà vua chớ làm như thế.

Phật nói: Đây là do túc nghiệp của ta, chẳng phải hoạ riêng của cô ấy. Vào thời qúa khứ có một vị khách thương buôn, bán rất nhiều viên châu đẹp, viên nào cũng tròn sáng long lanh. Bấy giờ có một cô

gái muốn mua hết số châu đem ra chợ bán, đang lúc trả giá không ngờ có một chàng trai đi đến nâng giá lên gấp đôi rồi mua hết số châu mang đi. Cô gái kia mua không được lòng rất oán hận, cô theo xin chàng trai nhường lại số châu nhưng chàng không chịu khiến cho cô ta giận giữ:

Ta trước đã mua số châu, ông liền đến chiếm đoạt riêng, ta đã theo năn nĩ nhưng ông không chịu nhường. Ông sỉ nhục ta, nguyện ta sanh nơi nào cũng theo ông để báo trả mối thù này.

Chàng trai mua châu lúc áy chính là ta, còn cô gái nọ nay chính là Bạo Chí, đây là do nhân duyên xưa, chẳng phải mới đời này.

(Trích kinh Phẩm Sanh quyển 1)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 24

1. Quá trình hình thành thế giới loài người
2. Sự tích Chuyển luân Thánh vương có được bánh xe vàng
3. Chuyển luân Thánh vương
4. Kim luân vương đăng quang đốt cánh tay làm đuốc
5. Kim luân vương của vua Cái Sự
6. Chuyển luân Thánh vương khoét thân làm đuốc vì nữa bài kệ
7. Kim luân vương Ma Điều bỏ vương vị xuất gia học đạo
8. Kim luân vương Vô Tránh Niệm thỉnh Phật pháp tăng
9. Kim luân vương Kiên Cố mất bánh xe, xuất gia học đạo
10. Kim luân vương Văn-Đà-Kiệt đi khắp bốn châu thiên hạ
11. Kim luân vương Đảnh Sanh ái biệt ly khổ
12. Tích truyện vua A dục xây tháp thờ Xá-lợi.

1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH THẾ GIỚI LOÀI NGƯỜI:

Lúc thế giới sắp thành, nước dâng cao tràn ngập cõi Trời Nhị thiền, gió thổi bọt sóng khởi lên kết hợp lại tạo thành thế giới.

Lúc này, các vị Trời Quang Âm đã hết phước sanh làm người ở thế giới mới tạo thành này. Thuở ấy, thân con người phát ra ánh sáng và có thần thông bay đi khắp nợi, thân thể mỗi người đều như nhau nên không có sự phân biệt giữa nam và nữ. Đất có hương vị đặt biệt giống như đề hồ, màu như sanh tô, ngon ngọt như mật. Loài người lần đầu tiên ăn thử liền sanh tâm tham đắm. Hễ người nào ăn nhiều thì thân hình thô xấu, người ăn ít thì thân thể mịn màn đẹp đẽ. Từ đó sanh ra sự phân biệt giữa tướng đẹp và tướng xấu. Về sau vị đất dần mất sanh ra một lớp mỏng trên mặt ngon ngọt như bánh lòai người ăn thứ đất ấy lâu ngày xem thường nên lớp đất ấy biến mất sanh ra một lớp đất khác (Trong kinh Tăng Nhất A-hàm gọi là đất màu mỡ). Loài người tiếp tục ăn thứ đất ấy, tùy theo người ăn nhiều ít mà sanh ra nhiều pháp ác khác nhau. Đất lại sanh ra lúa gạo, loài người ăn lúa gạo và tướng nam nữ xuất

hiện, rồi bắt đầu lập vua cai trị. Lúc bấy giờ nhân dân rất giàu có an vui không có các thứ bệnh khổ. Mặt đất tự nhiên mọc lên loại cỏ cao bằng đuôi chim khổng tước, cỏ lớn dần rồi mọc lan ra khắp nơi.

Thuở ấy, thế giới có tám vạn nước. Trong các tụ lạc của người dân tiếng gà gáy vang lên từ khắp mọi nơi. Các vua đều dùng Phật pháp cai trị dân, thương dân như con, thường khuyên dân tu hành Thập thiện.Về sau đức của vua mỏng dần. Khi tuổi thọ loài người giảm xuống từ một vạn đến một trăm tuổi thì vua băng. Thái tử Trân Bảo con vua lên nối ngôi tiếp tục sự nghiệp của cha mình.

(Trích kinh Trường A-hàm quyển 22)

2. SỰ TÍCH CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG CÓ ĐƯỢC BÁNH XE VÀNG:

Thuở xưa, Trời Đế thích thường sai Tứ Thiên vương, trong một tháng phải dành sáu ngày dạo đi khắp nơi trong nhân gian, quán sát tất cả việc làm thiện ác của con người.

Tứ Thiên vương cùng sứ giả của Thái tử bay xuống nhân gian, thấy có một vị vua trị dân bằng pháp Thập thiện và Tứ vô lượng tâm,thương xót lo lắng cho dân còn hơn cha mẹ. Tứ Thiên vương liền đem việc ấy tâu lên Trời Đế thích. Trời Đế thích vui mừng sai Tỳ-thủ-yết-la đem bánh xe vàng trao cho Tỳ Sa-môn Thiên vương. Tỳ Sa-môn Thiên vương trao cho Phi Hành Dạ-xoa nói rằng: “ngươi hãy cầm bánh xe vàng này chể trên đầu vua cho đến khi vua mất, không được bỏ nữa chừng”.

Phi hành Dạ-xoa nghe lời luôn cầm giữ bánh xe vàng đi theo vua không lúc nào rời đến khi vua mất Phi Hành Dạ-xoa liền trả lai cho Tỳ Sa-môn Thiên vương. Tỳ Sa-môn Thiên vương đem trả lại cho Tỳ-thủ-yết-la. Tỳ-thủ-yết-la liền cất lại trong kho báu (Trích từ quyển sáu kinh Tạp Thí Dụ).

Vua ở địa vị Đạo Chủng tánh phước cao đức dày cưỡi xe vàng cai trị bốn châu thiên hạ; Vua ở địa vị Tánh Chủng Tánh cưỡi xe bạc cai trị ba châu thiên hạ; Vua ở địa vị Tập chủng tánh cưỡi xe đồng cai trị hai châu thiên hạ; Vua ở địa vị do tu tập thập thiện trở lên cưỡi xe sắt cai trị một châu thiên hạ.

(Trích kinh Nhân Vương Bát Nhã)

3. CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG:

Chuyển luân Thánh vương thành tựu bảy báu và bốn thần đức:

Bảy báu là:

1. Xe vàng
2. Voi trắng
3. Ngựa xanh
4. Thần châu
5. Ngọc nữ
6. Cư sĩ
7. Chủ binh

Lúc Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở cõi Diêm-phù-đề, các người thuộc dòng Sát-đế-lợi lấy nước rưới trên đảnh vua.Vào một đêm trăng tròn,sau khi tắm gội bằng nước thơm, Ngài ngự trên điện cao vui chơi ca hát. Bỗng nhiên có xe vàng hiện đến trước mặt vua. Bánh xe có ngàn căm được làm bằng vàng cõi Trời mà thế gian không có được,ánh sáng rực rỡ tỏa chiếu khắp nơi... Đường kính bánh xe bằng một trượng tư.Vua thấy vậy tự nghĩ: “Ta từ lâu đã nghe các bậc tôn túc kỳ cựu nói về xe báu này, có phải là chiếc xe này chăng? Ta phải thử xem có đúng như vậy không”.

Vua liền triệu tập bốn binh chủng, đích thân Ngài đến trước xe báu quỳ xuống để lộ tay phải, sờ xe báu và nói: “Ngươi hãy theo đúng pháp mà chạy về hướng Đông chớ trái với thông lệ.” Xe liền chạy về phương Đông, vua cùng bốn binh đi theo sau. Trước xe báu có bốn vị thần dẫn đường, xe báu dừng chỗ nào thì vua dừng lại ở đó.

Các nước nhỏ ở phương Đông lấy bát vàng đựng thóc bạc, bát bạc đựng thóc vàng đi đến chỗ vua cúi đầu thưa: “Lành thay! Tâu đại vương! Nay đất đai ơ phương Đông này giàu có an vui, rất nhiều châu báu, dân cư đông đúc. Xin đại vương ở đây trị vì” Vua đáp:

- Các ông hãy lấy chánh pháp trị dân, chớ có tâm thiên lệch, đừng để trong nước xảy ra những việc phi pháp. Các ngươi nên giữ giới không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không nói lời độc ác, không nói thêm bớt, không tham lam, không ganh ghét và không tà kiến, và dạy dân chúng cũng làm y như vậy. Như thế tức là ta đã trị vì.

Lúc ấy, các tiểu vương cùng nhà vua theo xe đi khắp các nước ở phía Đông, Nam, Tây, Bắc. Xe đến nơi nào các quốc vương nơi ấy đều đem những nơi đất đai rộng rãi cống hiến cho nhà vua. Xe báu đi quanh xem xét đo lường, Đông Tây đo được hai mươi do tuần, Nam Bắc đo được bảy do tuần. Nơi đất ấy, các Thiên thần tạo ra thành quách. Thành này có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màng lưới, bảy hàng cây báu, các loài chim cùng nhau hót líu lo. Ở trong thành xây dựng các

cung điện gồm có bảy lớp tường do bảy báu hợp thành. Lúc ấy, xe báu ngự giữa Hư không ngay trên cung điện.

Sáng hôm sau, vua ngự trên điện, bỗng có một con voi trắng hiện ra trước mặt vua. Lông nó toàn màu trắng, bảy chổ đều bằng phẳng, có thể bay được, trên đầu có nhiều màu, sáu ngà nhọn hoắt, giữa các ngà toàn vàng ròng. Vua thấy vậy tự nghĩ: "Con voi này hiền lành, nếu khéo điều phục thì có thể cưỡi được". Vua liền thử điều phục, Sáng` sớm hôm sau vua cưỡi voi báu ra khỏi thành đi khắp bốn biển. Đến giờ ăn mới trở về.

Một hôm, vua ngự trên cung điện, ngựa báu bổng nhiên hiện đến trước mặt. Thân nó màu xanh, đầu và đuôi màu đỏ có thể bay được. Vua thấy vậy tự nghĩ: "ngựa báu này hiền lành, nếu khéo điều phục thì có thể cưỡi được". Vua liền điều phục thử thì đều được cả. Sáng sớm hôm sau Ngài cưỡi ngựa ra khỏi thành, đi khắp bốn biển, đến giờ ăn thì trở về.

Một hôm khác, vua đang ngự trên điện rồng, thần châu bỗng nhiên hiện đến trước mặt. thần châu một màu trong suốt không có tỳ vết. Vua thấy vậy tự nghĩ: "Viên châu này rất đẹp, nếu có ánh sáng nó có thể chiếu khắp cung điện". Vua muốn thử châu, liền triệu tập bốn binh chủng, lấy châu báu để trên một tràng cao, rồi giữa đêm tối đem tràng này ra khỏi thành. Ánh sáng của viên châu toả sáng một do tuần. Người trong thành đều thức dậy làm việc, vì họ tưởng Trời đã sáng.

Lại một hôm khác, ngọc nữ báu, nhan sắc xinh đẹp dung mạo đoan trang bổng nhiên xuất hiện. Mùa đông thì thân thể ấm áp, mùa hạ thì thân thể mát mẽ, thân toả ra mùi hương chiên đàn, miệng toát ra mùi thơm hoa ưu bát la, nói năng nhỏ nhẹ cử chỉ dịu dàng, đứng ngồi đoan trang. Lúc ấy, tâm vua không đắm trước, huống gì gần gũi!

Lại một hôm khác nữa cư sĩ báu bổng nhiên xuất hiện, trong kho báu cư sĩ của cải vô lượng. Vị cư sĩ này nhờ phước đức đời trước nên mắt có thể nhìn thấy suốt những vật tiềm tàng trong lòng đất, vật có chủ, vật vô chủ đều biết được. Nếu là vật có chủ thì giữ gìn dùm họ, vật không có chủ thì lấy dâng lên vua sử dụng. Lúc ấy cư sĩ báu đến tâu vua: "Tâu đại vương thần sẽ cung cấp tất cả mọi thứ cho đại vương, xin Ngài chớ lo lắng!"

Nhà vua muốn thử tài cư sĩ báu, liền ra lệnh chuẩn bị thuyền bè để dạo chơi. Vua nói với cư sĩ:

- Ta cần vàng bạc, ngươi mau cung cấp cho ta.

- Tâu đại vương xin Ngài đợi tôi một lát.

Khi thuyền gần đến bờ, nhà vua liền giục: Ta cần dùng ngay! Cư sĩ báu thò tay phải xúông nước, bình báu trong nước theo tay trồi lên như sâu bọ bám vào cây. Vua thấy vậy nói với cư sĩ: “thôi đi! thôi đi! Ta không cần đâu ta chỉ thử ngươi thôi”. Cư sĩ liền ném vật báu xuống nước.

Lần cuối cùng, chủ binh báu xuất hiện. Vị nầy mưu trí, hùng mạnh, thao lược tài giỏi, đến chổ vua tâu:

- Tâu đại vương, đại vương không cần phải lo việc chinh phạt, hạ thần có thể đảm trách nhiệm này.

Lúc đó, vua muốn thử tài chủ binh báu, liền triệu tập bốn binh chủng, ra lệnh:

- Ngươi hãy sử dụng binh đi! Nếu binh chưa triệu tập thì làm cho triệu tập. Nếu đã triệu tập thì làm cho giải tán. Nếu chưa nghiêm thì làm cho nghiêm, nếu nghiêm rồi thì làm cho giải tán. Nếu chưa đi thì bảo đi, nếu đã đi rồi thì bảo đứng lại.

Chủ binh báu làm theo lệnh vua, vua thấy vậy vui mừng nói:

- Ta nay thật sự trở thành Chuyển luân Thánh vương có bốn thần đức không ai có thể sánh kịp:

1. Sống lâu.
2. Thân thể khoẻ mạnh.
3. Dung mạo đoan chánh.
4. Kho báu đầy tràn.

Bên kia bờ biển lớn lại có rất nhiều ao như: ao Bát-đầu-ma, ao Câu -vật-đầu, ao Phân-đà-lợi. Qua các ao nầy là đất trống, trong khoảng đất trống lại có biển lớn gọi là Uất Thiền Na. Dưới biển này có một con đường của Chuyển luân Thánh vương, rộng hai mươi do tuần, bên đường có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy hàng cây. tất cả đều do bảy báu làm thành.

Khi vua Chuyển luân Thánh Vương xuất hiện ở cõi Diêm-phù-đề thì nước rút hết, con đường lộ ra. Vua muốn đi đến hậu viên, liền ra lệnh người đánh xe:

- Ngươi khéo đánh xe cho ta đi nhé! Vì sao? Vì ta muốn ngắm cảnh sống thanh bình của nhân dân trong nước.

Nhân dân trong nước thấy vua, yêu cầu người đánh xe đi chậm lại để họ ngắm nhìn uy nghi của Chuyển luân Thánh vương.

Vua thương dân như cha mẹ thương con, dân cũng kính vua như con kính cha nên đem tất cả châu báu dâng lên vua, xin vua nhận lấy. Lúc ấy vua bảo: “Thôi đi các ngươi! Ta có nhiều của báu rồi, các ngươi

cứ giữ lại mà dùng".

Khi vua trị vì cõi Diêm-phù-đề, đất đai bỗng nhiên không có các thứ hầm hố gai gốc, cũng không có các thứ như muỗi mòng sâu bọ. Đá các ngói gạch tự nhiên ẩn mất, vàng bạc châu báu lại hiện trên mặt đất. Quanh năm thời tiết điều hoà, đất đai mịn màng sạch sẽ, bóng loáng như có thoa dầu. Từ trong đất xuất hiện ra những dòng suối trong mát, không bao giờ khô cạn. Cây báu sum xuê, đơm hoa kết trái. Đất sanh ra các loại cỏ mềm, bốn mùa xanh mượt. Gạo không có cám trấu mùi vị thơm ngon. Cây hương trĩu quả, khi chín toả mùi thơm ngát. Lại có cây y phục, hoa quả đầy cành, khi trái chin nứt ra đầy đủ các loại y phục. Lại có cây trang nghiêm, khi trái chín nứt ra đầy đủ các loại trang sức. Lại có cây vòng hoa, khi trái chín nứt ra đủ các loại vòng hoa. Lại có cây đồ dùng, khi trái chín thì nứt ra đầy đủ đồ dùng. Lại có loại cây khi trái chín nứt ra đầy đủ các loại quả. Lại có cây nhạc khí, khi trái chín nứt ra đầy đủ các nhạc cụ.

Vào một đêm khuya, A-nậu-đạt Long vương âm thầm cưỡi mây đi khắp cõi Diêm-phù-đề, làm mưa lớn trắng xóa như sữa bò, nước có tám vị thấm nhuần khắp nơi. Mặt đất mát dịu, không có những vũng nước đọng cũng không có sình lầy. Đêm khuya, bầu Trời trong suốt, không chút mây mù. Biển thổi những luồng gió mát nhẹ nhàng làm cho con người cảm thấy an lạc.

Chuyển luân Thánh vương tu thập thiện, dùng chánh pháp trị nước nên không có người chống đối. Lúc bấy giờ người dân cũng theo vua tu hành thập thiện.

Trải qua thời gian khá lâu, sức vua yếu dần, không thể cai trị thiên hạ. Giống như một người ăn đã no mà cố ăn mãi thì không thể chịu được. Sau cơn bệnh nặng vua đã qua đời, sanh lên Trời Phạm thiên. Khi vua băng tất cả những thứ như: xe vàng, voi trắng, ngựa xanh, châu sáng đều biến mất. Ngọc nữ báu, cư sĩ báu và binh chủng báu cùng với người dân trong nước xướng kỹ nhạc, lấy nước thơm tắm gội và dùng kiếp bối cùng năm trăm tấm vải quấn vào thi thể vua, rồi đặt vào kim quan, lấy dầu thơm rưới lên, sau đó đặt vào trong thiết quan, cuối cùng đặt vào một cái quách bằng gỗ chất củi thơm lên trên rồi làm lễ trà tỳ.

Nhân dân trong nước xây tháp bằng bảy báu, chạm trổ nhiều màu, ở ngã tư đường, diện tích tháp bằng một do tuần.

Ngọc nữ báu, cư sĩ báu, chủng binh báu và toàn thể dân trong nước đều đến cúng dường tháp, mở hội bố thí, người đói cho ăn, người lạnh cho mặt. Tất cả các thứ như: voi, ngựa, xe báu nếu ai cần thì cũng

ban phát cho đầy đủ.

(Trích kinh Lâu Thán và kinh Trường A-hàm quyển 1)

4. KIM LUÂN VƯƠNG ĐĂNG QUANG ĐỐT CÁNH TAY LÀM ĐUỐC:

Vào thời quá khứ cách đây vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, cõi này có tên là Nhật Nguyệt Lôi cũng là cõi ngũ trược. Thuở ấy, ta làm Chuyển luân vương hiệu Đăng Quang Minh cai trị cõi Diêm-phù-đề, giáo hoá vô lượng vô số người tu theo pháp thiện.

Một hôm nọ, gặp người bị trói, ta liền hỏi cận thần, người ấy phạm tội gì. Cận thần nóirằng, người này chuyên làm ruộng thường đóng thuế chỉ một phần sáu lúa gạo, tuân theo pháp nước nên bị trói. Nghe xong ta ra lệnh mở trói tha tội cho người ấy. Vị cận thần lại nói rằng, tài sản của các con và các quyến thuộc nơi hậu cung của vua đều cưỡng lấy từ người khác, không người nào tự nguyện dâng vua. Ta nghe vậy buồn rầu, phân đất làm năm trăm phần, chia đều cho các con, rồi bỏ đi xuất gia.

Ta một mình lặng lẽ vào rừng Uất-đầu-ma, bên bờ biển Nam Hải, đói ăn quả rừng, khát uống nước suối. Trải qua thời gian tinh tấn tu tập ta chứng được ngũ thông.

Lúc bấy giờ, có năm trăm thương buôn vào biển tìm châu báu. Trong đó có một vị tên là Mãn Nguyệt, tìm được đủ số, liền dẫn tuỳ tùng trở về. Rồng thấy vậy sanh tâm ganh ghét nỗi giận muốn hại người thương buôn ấy. Lại có một con rồng khác tên là Mã Kiên, vốn là một đại Bồ Tát do có lời nguyện mà sanh làm loài rồng, rồng này khởi tâm từ bi muốn cứu các người thương buôn và giúp họ trở về đất liền được an ổn, xong việc rồng mới trở về. Lại có một con La sát hung ác bám sát và tìm cách hãm hại đoàn người buôn. Hôm ấy, La sát thổi ra một luồn gió độc làm những người thương buôn mê muội không biết đường về. Họ sợ hãi khóc lóc cầu cứu tất cả những vị Trời, thần, và réo gọi tên cha mẹ vợ con quyến thuộc. Lúc ấy, ta dùng nhĩ thông nghe được lời khẩn cầu này liền tìm đến chỗ họ dịu dàng an ủi và trấn an họ chớ có sợ hãi, ta sẽ giúp cho trở về đất liền được an ổn.

Ta liền lấy vải trắng tẩm dầu quấn lên cánh tay rồi châm lửa đốt làm đuốc soi đường cho họ và nói, trước kia ta ở trong rừng Uất-đầu-ma, suốt ba mươi năm tu hành Tứ vô lượng tâm. Vì thương chúng sanh mà ta phải chịu đựng biết bao cực khổ, ăn qủa rừng, uống nước suối, giáo hoá khắp muôn loài từ các vị thần cho đến các loài rồng, Dạ-xoa số đông

đến tám muôn bốn ngàn. Tất cả bọn họ đều không thối chuyển nơi đạo quả Vô thượng chánh đẳng Chánh giác, nhờ những căn lành này, nay mới biết được nỗi khổ của các ông mà tình nguyện đốt tay làm đuốc soi đường, để các ông được bình an trở về.

Khi cánh tay ta cháy đến bảy ngày bảy đêm thì những người thương buôn cũng vừa về đến đất liền. Khi ấy, ta phát nguyện, nếu sau này ta đắc quả Vô thượng chánh đẳng Chánh giác thì ở cõi Diêm-phù-đề này nếu như không có châu báu thì ta nguyện làm thương buôn. Mỗi ngày ta làm mưa báu bảy lần, rồi vào biển ấy lấy châu như ý. Ngày nào ta cũng làm mưa đủ các loại báu rơi khắp nơi trên thế giới này. Ta cứ làm mưa như thế suốt đến vô lượng vô biên kiếp trong mười phương thế giới

Này các vị! Những lời nguyện của ta khi xưa đến nay đều đã thành tựu. Suốt trong số kiếp nhiều như cát sông Hằng, ta thường hiện tướng thương buôn, làm mưa các thứ báu cứ một ngày bảy lần, ngày nào cũng vậy để cho người dân có được đầy đủ rồi ta mới giáo hoá họ trụ trong Tam Thừa.

(Trích kinh Quá Khứ Hương Liên Hoa Phật Thế Giới)

5. KIM LUÂN VƯƠNG CỦA VUA CÁI SỰ:

Vào thời quá khứ, ở cõi Diêm -phù-đề có bốn con sông do hai vị vua cai trị. Một vị tên là Ba-la-đề-bà (Đời Lương dịch là Phạm thiên) chiếm cứ ba sông, nhân dân rất đông nhưng lại nhu nhược yếu đuối.

Vị thứ hai tên là Phạt xà-kiến-đề (Đời Lương dịch là Kim-cang-tụ) chỉ cai trị một con sông, nhân dân rất ít nhưng lại rất hùng mạnh..

Một hôm, vua Kim-cang-tụ đang ngự trên cung điện nghĩ rằng: “Quân ta hùng mạnh, nhưng chỉ có một con sông thì thật là ít ỏi. Vua Phạm-thiên quân lính kém cỏi mà lại chiếm cứ ba sông. Ta sẽ sai sứ đi yêu cầu vua Phạm thiên nhường ta bớt một sông, nếu bằng lòng thì ta sẽ cùng họ kết nghĩa thâm giao, nếu ta có vật báu thì ta sẽ cống hiến cho, nếu gặp hoạn nạn thì ta sẽ giúp đỡ, còn nếu không bằng lòng thì ta sẽ xuất quân chiếm đoạt”

Vua nghĩ xong liền sai sứ sang nước vua Phạm thiên tấu trình mọi việc.

Vua Phạm-thiên nói:

- Đất nước ta giàu có, nhân dân đông đúc. Tất cả đều do phụ vương ta truyền lại, chứ nào dùng vũ lực để chiếm đoạt của ai. Vì thế nên ta quyết không nhường lại cho ai cả. Ngươi hãy về tâu lại với vua của ngươi rằng. “ Đất nước này do phụ vương ta truyền lại, ta quyết giữ

gìn, nếu quý quốc có kéo quân đến đánh, ta cũng chẳng sợ.”

Sứ giả trở về tâu lại với vua. Vua liền hội họp quần thần kéo quân sang đánh nước vua Phạm thiên.

Sau mấy trận giao tranh quyết liệt, quân của Phạm thiên thua bỏ chạy tán loạn, quân của vua Kim-cang-tụ thừa thắng xông lên đuổi quân Phạm thiên chạy tới kinh thành. Người trong thành ai nấy đều hoảng sợ không dám ra ngoài

Bấy giờ tất cả bá quan văn võ cùng đến trước vua tâu rằng:

- Tâu bệ hạ! Quân giặc quá mạnh, quân ta lại quá yếu, Bệ hạ tiếc chi một sông mà để đến đỗi phải thất bại như thế. Chúng thần e rằng chẳng bao lâu nữa sẽ mất luôn cả ba sông. Xin bệ hạ hãy xét lại mà nhường cho nước ấy một sông, rồi cùng họ kết tình thâm hữu để muôn dân được hưởng thái bình.

Vua nghe xong thấy có lý liền cắt một sông, và đem con gái mình dâng lên vua Kim-cang-tụ.

Kể từ đó tình thâm hữu giữa hai nước ngày càng khắng khít. Hai bên thường dâng tặng các vật báu cho nhau và sẵn sàng giúp đỡ nhau trong lúc khó khăn hoạn nạn.

Chẳng bao lâu, phu nhân của vua Kim Cang Tụ mang thai. Từ ngày mang thai đến khi sanh nỡ lúc nào cũng có lọng bảy báu che đầu. Tròn mười tháng phu nhân hạ sanh thái tử, thân sắc vàng óng ánh, tóc xanh mượt mà, ánh sáng toả khắp cả cõi nước thật là kỳ lạ. Đứa bé vừa ra đời đã có lộng báu che đầu, thấy vậy vua triệu tập các thầy tướng số đến xem tướng thái tử. Các thầy tướng số đều tâu:

- Tâu bệ hạ! Tướng phước đức của thái tử trên đời có một không hai, nghe vậy vua cùng quần thần hết sức vui mừng liền đặt tên cho thái tử là Sát-la-dà-lợi (đời Lương dịch là Cái Sự).

Đến lúc thái tử trưởng thành vua và Hoàng hậu lần lược qua đời, thái tử lên ngôi trị vì thiên hạ.

Một hôm vua ra ngoài thành xem xét cuộc sống nhân dân, thấy mọi người cấy cày cực nhọc Ngài hỏi cận thần:

- Họ đang làm gì vậy?

- Nước lấy dân làm gốc, dân lấy lúa thóc làm sự sống, nếu họ không làm như thế thì mạng sống không còn, một khi mạng sống người dân không còn thì nước cũng diệt vong.

Vua nghe xong liền phát nguyện:

- Nếu như ta đủ phước làm vua thì khiến cho nhân dân trong nước đều tự nhiên có lúa gạo ăn. Vua vừa nói xong thì tự nhiên nhà nhà đều

co lúa gạo ai muốn thứ gì thì co ngay thứ đó.

Đến lần thứ hai đi dạo vua thấy mọi người gánh nước giả gạo làm lụng vất vả Ngài hỏi quần thần:

- Họ đang làm gì vậy?

Tâu bệ hạ nhờ ân đức của Ngài mà dân chúng có được lúa gạo, nhưng phải nấu chín mới ăn được vì vậy họ phải làm tất cả các việc như: xay, giả, nấu, nướng...

Vua lại phát nguyện: nếu như ta đủ phước làm vua thì khiến cho người dân trong nước muốn ăn món gì thì tự nhiên có sẵn món ấy.

Vua nói xong thì quả nhiên được như ý muốn.

Đến lần đi dạo thứ ba.Vua thấy người dệt vải may áo quần, liền hỏi cận thần:

- Họ đang làm gì vậy?

- Tâu bệ hạ! Họ dệt vải may áo quần.

Nghe xong vua phát nguyện: "Nếu ta đủ phước làm vua thì hãy khiến cho tất cả các cây cối tự nhiên hiện ra đầy đủ các loại y phục."

Vừa phát nguyện xong, các loài cây đều theo ý thích của mỗi ngườ mà hiện ra các loại y phục tốt đẹp lạ thường, đủ các màu sắc xanh, đỏ, trắng, vàng, mịn màng mềm mại.

Lần đi dạo thứ tư, vua gặp những người làm nhạc cụ. Vua hỏi cận thần:

- Những người này làm gì vậy?

- Tâu Bệ hạ!Họ làm nhạc cụ.

Vua liền phát nguyện: "Nếu ta đủ phước làm vua thì hãy khiến cho cây cối theo ý thích của mỗi người mà hiện ra các thứ âm nhạc"

Vua vừa phát nguyện xong thì cây cối liền hiện ra các thứ âm nhạc

Nghe tin vua các nước lân cận và thần dân của họ đều đến chúc mừng. Gặp phải giờ vua ăn, vua mời họ cùng ăn. được thưởng thức những món ăn của vua, các quan đều nói thức ăn của chúng thần quá đạm bạc nay được vua ban cho thức ăn thượng hạng, những món này chúng thần chưa từng nếm qua.

Vua nói các khanh cùng thần dân muốn được thức ăn như ta thì nên ăn đúng giờ ta ăn, sẽ được thức ăn ngon như thế. Vua liền ra lệnh cho quan quân đến giờ vua ăn hãy nỗi trống lên để cho thần dân trong nước biết giờ vua ăn. Từ đó về về sau đến về sau đến giờ vua ăn thì tiếng trống lại vang lên khắp nơi. Tất cả nhân dân trong nước vừa nghe tiếng trống liền nghĩ đến ăn, tức thời đủ loại thức ăn ngon hiện ra trước

mặt.

Bấy giờ vua nước Phạm thiên sai sứ đến nước vua Cái Sự tâu rằng: phụ vương của vua lúc còn sống vua của tôi đã nhường một con sông cho phụ thân của Ngài, nay phụ thân của Ngài đã qua đời, xin hãy trả lại cho quốc vương tôi.

Vua Cái Sự đáp:

- Lãnh thổ của ta không phải dùng vũ lực cưỡng bức vua ngươi mà có được. Nhưng ta làm vua là muốn cho dân chúng không còn lầm than khổ nhọc. Ngươi hãy tạm gác lại việc đó, sau này ta sẽ bàn bạc với vua ngươi.

Thế rồi, sứ giả trở về tâu lại, vua Phạm thiên đồng ý hẹn ngày gặp mặt.

Đúng kỳ hẹn hai vua dẫn quân đến bên bờ sông, hai vua đi thuyền ra giữa dòng sông, vua Phạm thiên lần đầu tiên gặp vua Cái Sự, thấy thân vua sắc vàng tía, tóc màu xanh bóng mượt như lưu ly, đôi mắt dài rộng trông đời hiếm có liền sanh lòng cung kính, tưởng là đấng Phạm thiên. Hai người gặp nhau chào hỏi rồi ngồi đối diện cùng nhau bàn quốc sự.

Vua Cái Sự nói: nhân dân trong nước của tôi muốn ăn gì có nấy, cũng không phải nộp thuế, phạt tiền hay làm lao dịch. Vua Cái Sự nói đến đây thì tiếng trống báo ăn nỗi lên. Vua Phạm thiên nghe tiến trống hoảng hốt sợ hãi, tưởng là trống báo hiệu giết mình, liền quỳ xuống xin ta tội. Vua Cái Sự đứng dậy đỡ ông ngồi xuống và nói:

- Xin Ngài đừng sợ hãi! Trong nước của tôi hễ đến giờ ăn thì nỗi trống, để người dân ăn đúng giờ thì sẽ được thức ăn ngon. Vua Phạm thiên nói:

- Tôi xin dâng Ngài tất cả phần đất còn lại, mong Ngài hãy thương tôi và thần dân trong nước mà nhận lấy, để người dân trong nước tôi được thấm nhuần ân đức Ngài.

Từ đó, vua Cái Sự cai trị cõi Diêm-phù-đề, muôn dân đều được hưởng hạnh phúc thái bình.

Ngày vua lên ngôi, tất cả các quan văn võ đều nghiêm trang đứng hầu hai ben điện. Đúng lúc mặt Trời mọc có bánh xe vang tư ophương động bay đến. Sau đó bảy thứ báu đều lần lượt hiện đến trước vua.

Từ khi vua cai trị, tất cả chúng sanh trong bốn châu thiên hạ nhờ ân đức vua mà họ muốn gì được nấy. Vua dạy họ tu thập thiện để mai sau được sanh lên cõi Trời.

Phật bảo A-nan, vua Cái Sự thuở ấy chính là ta, vua Phạt Xà Kiến

Đề la phụ vương ta, phu nhân của vua Kim Cang tụ là Hoàng hậu Ma-da mẫu hậu của ta vậy.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển tám)

6. CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG KHOÉT THÂN LÀM ĐUỐC VÌ NỮA BÀI KỆ:

Lúc bấy giờ, Chuyển luân Thánh vương vì cầu Phật Pháp, nên hỏi thăm khắp cõi Diêm-phù-đề, nếu người nào thông hiểu Phật Pháp ta sẽ theo người ấy học đạo. Mọi người nghe vậy đều tâu:

- Tâu bệ hạ, ở nước nhỏ kia có một Bà-la-môn rất thông hiểu Phật pháp!

Vua liền ra lệnh thỉnh người ấy vào cung, và nói:

- Khanh hãy giảng pháp cho ta nghe!

Bà-la-môn nói:

- Ngươi ngu quá!Ta đã trải qua thời gian dài gian khổ mới học được Phật Pháp. Ngươi lại muốn nghe một cách dễ dàng như thế ư!

- Vậy Thầy muốn điều chi?

- Nếu vua có thể khoét thân mình đủ một ngàn lỗ, đổ đầy dầu và bỏ tim vào, đốt làm đèn để cúng dường ta thì ta sẽ nói Pháp cho vua nghe!

Vua không nói gì, lặng lẽ đến trước Bà-la-môn nói:

- Hãy đợi một lát ta sẽ làm theo ý của khanh

Nói xong vua vào cung bảo các phu nhân:

- Ta đến từ biệt các khanh. để khoét thân mình làm đèn cúng dường Đại sư.

Các phu nhân thưa:

- Tâu bệ hạ! Thân là cái quan trọng nhất của con người. Tại sao bệ hạ lại làm thế?

- Ta muốn cầu Phật Pháp, vì tất cả chúng sanh trong căn nhà tối tăm này mà thắp lên ngọn đèn trí tuệ xóa tan bóng tối vô minh sanh tử, đoạn trừ mọi ràng buộc cho tất cả chúng sanh và đưa họ đến Niết-bàn. Các khanh đừng làm trái ý ta.

Các phu nhân im lặng buồn bã, nghẹn ngào không nói được lời nào. Vua từ biệt tất cả mọi người rồi trở lại cung điện đến trước đại sư, cưởi chuỗi anh lạc ngồi ngay thẳng phán rằng:

- Ai có thể khoét thân ta thành một ngàn lỗ?

Mọi người đều đáp;

- Tâu Đại vương! Thà chúng tôi khoét đôi mắt mình, chứ không

thể nào làm việc ấy được!

Lúc ấy có một chiên đà la tâm tánh ác độc nghe vậy liền nói với các thái tử:

- Xin các vị chớ buồn bã, tôi đã có cách làm cho Đại vương không được toại nguyện!

Các Thái tử nghe vậy rất vui mừng.Chiên đà la liền đến tâu vua:

- Tâu Đại vương! Đại vương muốn khoét thân mình ư? Hãy để tôi làm việc đó!

- Khanh đúng là bạn đạo cao quý của ta!

Chiên-đà-la lấy dao nhọn khoét thân vua,trong chốc lát đã đủ một ngàn lỗ. Ông ta nghĩ rằng, vua sẽ không chịu nỗi sự đau đớn mà nỗi giận liền ném dao bỏ chạy. Vua ra lệnh cho người đổ đầy dầu và bỏ tim vào các lỗ trên thân, rồi châm lửa đốt cúng dường.

Lúc ấy vị Bà-la-môn nói:

- Đại vương tinh tấn như vậy thì việc gì cũng có thể thành tựu. Vua chịu đựng đau đớn như thế chỉ vì muốn nghe Phật pháp.

Ông ta liền nói cho vua nghe nữa bài kệ:

Có sanh ắt có tử.
Tịch diệt mới là vui.

Vua nói:

- Nếu ai thương ta thì hãy tu tập theo pháp này và thông báo đến muôn dân khắp nơi trong nước được biết, Chuyển luân Thánh vương vì thấy chúng sanh lăn lộn trong biển khổ không biết lúc nào ra khỏi, nên Ngài khởi tâm từ bi, khoét thân làm đèn cầu nữa bài kệ này. Các ngươi nên viết bài kệ này đọc tụng, suy nghĩ nghĩa lý, và theo đó mà tu hành.

Mọi người cùng nhau tán thán:

- Ôi! cao quý thay bậc Đại vương, đã có lòng từ bi thương xót chúng sanh như cha lành, vì chúng sanh mà chịu đựng mọi sự đau khổ. Chúng ta hãy mau đến chép bài kệ lên tất cả mọi thứ như giấy, đá, cây, ngói, gạch, cỏ, lá và những nơi có đông ngươì qua lại, để cho mọi người thấy bài kệ này đều phát đạo tâm.

Vua đốt thân cúng dường Đại sư, ánh sáng ấy chiếu khắp mười phương thế giới. Trong ánh sáng diễn nói bài kệ này. Những người nghe được đều phát đạo tâm. Ánh sáng ấy lại chiếu đến cung Trời Đao -Lợi, che lấp ánh sáng của Chư thiên. Vua Trời Đao Lợi nghĩ rằng: “Tại sao có ánh sáng này?”

Ngài liền dùng thiên nhãn soi khắp thế gian, thấy Chuyển-luân-Thánh-vương vì lòng từ bi thương xót chúng sanh nên khoét thân mình thành ngàn ngọn đèn cúng dường Đại sư. Ta nên đến đó để khuyến khích và hỗ trợ ông ta. Ngài liền bay xuống nhân gian hóa làm một người bình thường đến chỗ vua, hỏi:

- Tâu Đại vương! Ngài khoét thân làm nghìn ngọn đèn, vì cầu nữa bài kệ để làm gì?

- Thiện nam tử! Ta muốn cho tất cả chúng sanh đều phát đạo tâm.

Nghe xong, Đế thích hiện nguyên hình nói:

- Ngài làm như thế để cầu được làm Thiên vương, ma vương hay Phạm vương?

- Ta không cần những thứ ấy, chỉ muốn cầu đạo Bồ-đề cứu khổ chúng sanh, người chưa an làm cho được an,người chưa hiểu làm cho được hiểu, người chưa độ làm cho được độ, người chưa đắc đạo làm cho đắc đạo.

- Ngươi thật là ngớ ngẩn! Người muốn cầu đạo Bồ-đề phải trải qua thời gian dài lâu tu hành khổ hạnh mới có thể thành tựu. Ngươi đã tu tập được bao nhiêu mà dám cầu đạo Vô thượng?.

- Giả sử có bánh xe sắt nóng lăn trên đầu tôi,tôi cũng không vì thế mà thối thất tâm cầu đạo Vô thượng!

- Ta vẫn chưa tin!

Chuyển-luân-Thánh vương liền lập thệ:

- Nếu tôi không thật tâm cầu đạo Vô thượng, dối gạt Đế thích thì ngàn vết thương của ta sẽ không lành. Nếu không như vậy thì nghìn vết thương của tôi sẽ được bình phục.

Vua lập thệ vừa xong, thì thân thể bình phục nguyên vẹn như trước.

Đế thích nói:

- Lành thay, Đại vương! Ngài thật là bậc đại bi. Nếu tinh tấn khổ hạnh như thế thì không bao lâu nữa Ngài sẽ đắc quả Vô thượng Bồ-đề. Khi Ngài đắc đạo xin hãy độ tôi trước.

Nói xong Đế thích liền phóng ánh sáng rực rỡ chiếu khắp thân vua. Ngay lúc ấy trăm nghìn Chư thiên đều phát tâm Bồ-đề. Năm trăm thái tử thấy thân phụ vương bình phục vô cùng vui mừng, liền phát tâm Bồ-đề. Hai vạn phu nhân và trăm ngàn thể nữ đề phát tâm Bồ-đề.

(Trích kinh Đại Phương Tiện Báo Ân quyển 3)

7. KIM LUÂN VƯƠNG MA ĐIỀU BỎ VƯƠNG VỊ XUẤT GIA HỌC ĐẠO:

Thuở xưa có vị vua tên Ma Điều, hiệu là Già-ca-việt cai trị bốn châu thiên hạ. Ngài thường dùng chánh pháp trị dân, thương dân như con đỏ, không bao giờ dùng đến dao gậy mà dân chúng vẫn yên ổn không có việc kiện tụng. Vua có đủ bảy báu.

Vua thường bay đi khắp bốn phương, khi đi có bốn ngàn quân lính theo Ngài nhưng không trang bị gươm giáo. Thấy vậy tất cả mọi người cho đến các loài quỷ thần đều hoan hỷ.

Một hôm vua bảo cận thần:

- Ngươi hãy xem tóc ta đã bạc chưa?

- Tâu bệ hạ! tóc Ngài đã điểm bạc rồi đấy!

Vua liền gọi thải tử đền nói:

- Này thái tử! Tóc ta nay đã bạc, già, chết ngày một cận kề. Nay con hãy thay ta cai trị bốn châu thiên hạ. Đến lúc tuổi già con cũng nên nhàm chán cuộc sống thế gian mà đi cầu đạo.

Sau khi nhường ngôi cho thái tử, vua từ giả mọi người xuất gia học đạo. Họ nghe vua xuất gia khóc rống lên không thể kìm chế được.

Tương truyền về sau con cháu của vua Ma Điều đều nối nhau trị nước. Đến vua thứ một nghìn tám trăm mười bốn xuất gia học đạo thì vua Ma Điều qua đời tái sanh làm người, lại làm vua có tên làNam. Vua cũng dùng chánh pháp trị dân, dạy mọi người trong cung và tất cả thần dân trong nước đều phải giữ gìn tám giới, mỗi tháng ăn chay sáu ngày. Tất cả mọi người đều làm theo lời Ngài dạy. Vua thường cúng dường y phục, thức ăn, thuốc men cho các vị Sa-môn.

Một hôm Trời Đế Thích hiện đến trước vua nói:

- Vua muốn gặp Chư thiên ở cõi Trời Đao Lợi không?

- Đó chính là điều tôi mong muốn.

- Ta sẽ cho xe ngựa một nghìn con tên là Thái-kha-dục-đa đến rước Ngài.

Danh tiếng của vua Nam vang đến cõi Trời Đao Lợi. Tất cả các vị Trời đều cung kính và muốn gặp mặt vua. Khi thấy xe ngựa tất cả đều ngạc nhiên nói: “trên thế gian đâu có loại xe này? Phải chăng đây là xe của vua Trời cho đến đón vua thế gian?

Vua lên xe, xe liền bay lên Hư không. Vua bảo người đánh xe:

- Ngươi hãy đưa ta đến nơi xử phạt những người làm ác và nơi tốt đẹp của những người làm thiện.

Người đánh xe liền đưa vua đến nơi khảo tra những người làm ác

ở địa ngục, rồi lại bay đến những nơi vui sướng ở cõi Trời Đao Lợi. Vua đến cung Đế thích. Đế thích nói: "tất cả các vua cõi Trời đều muốn gặp Ngài, họ thường khen ngợi công đức của Ngài.

Vua Đế thích mời vua Nam ngồi chung toà với mình. Trong chốc lát vua Nam hiện thân giống như người cõi Trời, không còn mùi hôi của thân người thế gian. Đế thích lại cho người xướng nhạc Trời, rải hoa, đốt hương và nói:

- Ngài hãy cùng vui chơi với các kỹ nữ, họ sẽ làm cho Ngài quên đi những nỗi sầu lo.

Vua Nam cũng không sao vui được. Ngài nói với Trời Đế thích:

- Ta muốn trở về, vì ta có bổn nguyện nên không thể vui thích với những thứ ấy được.

Phật bảo các Tỳ-kheo vua Nam lúc đó chính là ta vậy.

(Trích kinh Ma Dị Điều Vương)

8. KIM LUÂN VƯƠNG VÔ TRÁNH NIỆM THỈNH PHẬT PHÁP TĂNG:

Vào thời quá khứ, trong kiếp Thiện Đề ở thế giới Na-đề-lam, có vị Chuyển luân vương tên Vô Tránh Niệm cai trị bốn châu thiên hạ. Đại thần của vua tên Bảo Hải thuộc dòng dõi Phạm chí, giỏi về tướng số. Bấy giờ vợ của ông hạ sanh một nam nhi, khi vừa sanh ra đứa bé đã có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẽ đẹp, trăm phước tạo thành tướng, thân thường phát ra ánh sáng, được trăm ngàn Chư thiên đến cúng dường, nhân đó ông đặt tên Bảo Tạng Lớn lên, Bảo Tạng lánh xa trần tục, cạo bỏ râu tóc, mặt y ca sa, tu tập chứng quả Vô thượng Bồ-đề, đầy đủ mười hiệu. Ngài chuyển pháp luân khiến cho chúng sanh đều được sanh Thiên, nhờ ơn Ngài mà họ được giải thoát. Ngài đã làm lợi ích cho vô số Trời người.

Bấy giờ, Đức Phật Bảo Tạng cùng chúng Thánh văn ở trong rừng Diêm Phù gần thành Châu La- là nơi cai trị của Thánh vương. Vua nghe tin liền dẫn đại chúng đến chổ Phật, đảnh lễ dưới chân Ngài, nhiễu quanh ba vòng rồi ngồi sang một bên. Đức Phật dùng phương tiện thuyết pháp giáo hoá làm cho họ được lợi ích an vui. Vua bạch Phật:

- Cúi xin Đức Như Lai cùng Thánh chúng hãy ở lại đây ba tháng để chúng con được cúng dường y phục, thức ăn, ngoạ cụ và thuốc men.

Đức Phật im lặng nhận lời. Vua đảnh lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi trở về cung. Sau đó Thánh vương hạ lịnh cho các vị vua chư hầu cùng thần dân quyến thuộc lo liệu đầy đủ các thứ. Bấy giờ chủ bảo

thần lấy vàng ròng trãi trên đất rừng Diêm Phù, sau đó xây lầu bảy báu trên đất ấy, tất cả các vật dụng bên trong và các loại cây bên ngoài cũng đều làm bằng bảy báu, trên mỗi cây còn có treo anh lạc, lại rãi các thứ hoa thơm và dùng các thứ tơ lụa mịn màng trải làm toà ngồi xung quanh có treo các thứ phan lụa.

Bấy giờ Kim Luân vương từ trên lầu nhìn ra phía trước thấy có thiên nữ đứng cách đất bảy thước, cầm bảo cái và dùng châu ma ni rải trước mặt Phật, hai vầng ánh sáng từ trong hạt châu toả ra chiếu rực rỡ suốt ngày đêm trong rừng. Thiên nữ còn dùng gỗ ngưu đầu chiên đàn làm giường, bạch tượng làm ghế, trồng các hàng cây báo xung quanh chỗ Phật. ngọc nữ cầm lộng ma ni đứng hầu trước Phật, lại dùng ngưu đầu chiên đàn, nước trầm thơm và trỗi kỹ nhạc để cúng dường, ở bên ngoài khu rừng có bốn đội binh báu nhiễu quanh.

Bấy giờ, Thánh vương đi đến chỗ Phật, đảnh lễ nhiễu quanh bên phải ba vòng rồi tự đi lấy nước rữa tay, rót nước và dâng các món ăn thượng vị lên cúng dường Đức Phật cùng chúng Tăng. Khi Đức Phật và chúng Tăng thọ thực xong, vua lại dâng nước súc miệng, sau đó vua dùng quạt báu để quạt cho Đức Phật và chư tăng. Bấy giờ, một ngàn vương thiên tử cùng tám vạn bốn ngàn vua các nước chư hầu đều cúng dường các vị Thánh văn giống như Chuyển luân Thánh vương đã cúng dường, sau bữa ăn họ cũng làmđủ các việc như: rót nước uống, dâng nước súc miệng v.v...

Có vô lượng chúng vào rừng nghe pháp, Chư thiên rãi hoa trổi nhạc Trời để cúng dường Phật. Thiên y anh lạc và các lộng báu từ trên Hư không sa xuống, bốn vạn Dạ-xoa thanh y lấy ngưu đầu chiên đàn làm các món ăn. Khi đêm xuống, Chuyển luân vương lại thắp lên vô số ức ngọn đèn, rồi đích thân Ngài đặt đèn lên tất cả các nơi trên cơ thể từ đầu, hai vai, hai tay, hai đầu gối, cho đến hai bàn chân đứng suốt cả ngày đêm. Nhờ thần lực của Đức Phật, Thánh vương chẳng những không mỏi mệt mà còn cảm thấy an lạc như nhập vào đệ tam thiền. Vua cứ cúng dường như vậy suốt ba tháng.

Vua lại lại dùng các thứ báu như: vàng ròng diêm phù đàǹ, tám vạn bốn ngàn chuỗi anh lạc, bánh xe vàng, voi trắng, ngựa xanh, ma ni,hoả châu, thần chủ tạng, thần chủ binh, các tiểu vương và các ấp nhỏ ở quanh thành Châu La cùng các món quý báu như: y phục, hoa, bảo cái, tràng hoa anh lạc, xe, gậy, nệm chiếu, mành lưới, vòng vàng diêm phù, chuỗi trân châu, giày dép, giường ghế, chuông, trống, linh, kỹ nhạc, bạch ngọc, vườn rừng, tràng phan, bình nước, đèn đuốc, vườn

rừng, chim thú, nhà xí, thuốc men và các thứ quạt v. v... mỗi thứ tám vạn bốn ngàn cái cúng dường Đức Phật và chúng Tăng.

Cúng dường xong vua bạch Phật, Bạch Đức Thế tôn nhân dân trong nước con có những việc lam không đúng chánh pháp, nay con xin sám hối cúi xin Đức Thế tôn ở lại thêm một thời gian nữa để chúng con được thường xuyên kính lễ. Các vương tử cũng lần lượt đến thỉnh Phật và chúng Tăng xin được cúng dường suốt ba tháng. Đức Như Lai im lặng nhận lời.

Con trưởng của vua tên Bất Tuần cũng cúng dường Đức Phật suốt ba tháng nhưng không có đầy đủ các thứ báu như cha mình. Đại thần Bảo Hải báo khắp thần dân trong cõi Diêm-phù-đề: "người nào co mong cầu điều gì trước tiên hãy quy y Tan Bảo phát tâm Bồ-đề thì sau đó mọi sự mong cầu đều được toại ý". Mọi người đều làm theo lời của Bảo hải thọ Tam quy giới, phát tâm Bồ-đề,nhờ vậy những thứ mong cầu đều được như y. Bấy giớ các vương tử tuỳ theo sở thích của mình ma phát nguyện: hoặc sanh lên cõi Trời Đao Lợi hoặc làm Phạm vương, quỷ vương, chuyên luân Thánh vương hay làm người giàu có cho đến đắc quả Thánh văn. Trước Phật và chúng Tăng tất cả đều thành tâm sám hối những lỗi lầm đã gây ra.

Chuyển luân Thánh vương vì đời quá khứ cúng dường Đức Phật lại do lời nguyện nên đến nay vẫn còn làm Chuyển luân Thánh vương.

(Trích kinh Bi Hoa quyển 2 và kinh Tịch Ý Bồ Tát Vấn Ngụ Trược)

9. KIM LUÂN VƯƠNG KIÊN CỐ MẤT BÁNH XE, XUẤT GIA HỌC ĐẠO:

Vaò thời quá khứ có vua Kiên Cố làm Chuyển luân Thánh vương, thống lãnh bốn châu thiên hạ, thường dùng chánh pháp trị dân. Vua có đủ bảy báu và tứ diệu của nhân gian.

Về sau vua mất bánh xe Trời liền bảo với thái tử Đảnh Lai rằng:

- Ta nghe người xưa nói, nếu Chuyển luân vương mất bánh xe Trời thì không thể sống lâu. Này thái tử! Ta đã hưởng thọ dục lạc của nhân gian, lại muốn cầu dục lạc ở cõi Trời. Vì vậy ta muốn xuất gia học đạo. Nay ta nhường thiên hạ lại cho con, con nên lấy chánh pháp trị dân, khiến cho họ không làm những điều phi pháp. Nếu nhường ngôi cho con thì bánh xe sẽ dời chỗ.

- Vua Kiên Cố xuất gia học đạo được bảy ngày, thì bánh xe Trời tự nhiên bíên mất. Vua Đảnh Lai tâu vơi phụ vương: thưa phụ vương,

con không thể làm vua được? con phải làm sao đây? Vua cha đáp:

- Con nên làm phước thì có thể được bánh xe Trời.

Ngày rằm lúc thuyết giới,vua tắm gội xong rồi lên đường thượng. Bỗng nhiên ở phương Đông có bánh xe Trời bay đến. Bánh xe có ánh sáng rực rỡ, chẳng phải do thợ khéo làm ra. Đến ngày trai vua tắm gội xong lên đường thượng phía đông rồi nói với thái tử:

- Con nên quán hành như pháp đối với vợ con và tất cả thần dân, bất lụân là Sa-môn hay Bà-la-môn, dưới cho đến chim thú. Con nên giữ trai giới các ngày mùng 8, 14, rằm trong một tháng, cúng dường Sa-môn Bà-la-môn và bố thí cho những người nghèo cùng, người già cô quạnh, kẻ xin ăn đầy đủ các thứ: thức ăn, quần áo, vòng hoa, hương thơm, giường toà, nhà cửa để chứng minh cho vệc tu phước. nếu ở trong nước biết được nơi nào có Sa-môn, Bà-la-môn, con nên đến chổ họ tuỳ thời ma thưa hỏi, thế nào là thiện? Thế nào là ác? Thế nào là quả báo lành dữ? Thế nào là nghĩa hiện tại? Thế nào là nghĩa vị lai? Thế nào là làm thiện không làm ác? Con nên theo đó mà thực hành. Nếu trong nước có người nghèo khổ con nên ban tài vật cho họ. Làm như vậy con sẽ được bánh xe. Khi việc làm và hạnh nguyện của con tương ưng thì con sẽ được như ý nguyện.

Ngày rằm lúc thuyết giới, vua tắm gội xong lên đường thượng phía đông, bánh xe Trời bỗng nhiên hiện đến.

Vua Đảnh Lai dùng chánh pháp trị dân, thường bố thí tài vật cho những người trong nước. Ngài được làm Chuyển luân Thánh vương đầy đủ bảy báu và tứ diệu nhân gian. Sao gọi là diệu? Bảy báu như trên, tứ diệu như trên.

Về sau bánh xe Trời cũng dời chỗ. Cho đến lúc bánh xe không còn xuất hiện nữa. Nhưng vua Đảnh Lai không chút lo lắng, lại tham đắm dục lạc, không nghĩ đến sự bại hoại. Vua còn cưỡng bức thiên hạ, nên dân chúng ngày càng giảm dần không tăng. Tiên vương trước kia, trị nước đúng pháp nên dân chúng chỉ tăng không giảm.

Có Bà-la-môn giỏi về chiêm tinh thưa vua rằng:

- Đại vương nên biết! Vì Đại vương cưỡng bức dân nên dân chúng chỉ giảm không tăng. Còn như các Chuyển luân vương quá khứ, thuận với chánh pháp nên dân chúng chỉ tăng không giảm.

- Ta phải làm thế nào đây?

- Trong nước của Thiên vương có người giỏi về toán số và trong các quần thần co người giỏi về chú thuật, họ sẽ biết được luân pháp. Vua nên thực hành tương ưng với luân pháp thì có thể được lại bánh

xe Trời. Vào ngày rằm lúc thuyết giới, vua tắm gội xong rồi lên đường thượng phía đông thì bánh xe Trời sẽ bay đến.

- Bánh xe di chuyển như thế nào để ta cùng đi tương ưng với nó?

- Vua nên thấy đúng như pháp, làm đúng như pháp đốii với vợ con cho đến tài vật bố thí. Ấy là sự vận hành của bánh xe Trời Thiên vương. nếu vua thực hành như thế thì sẽ được bánh xe Trời.

Về sau vua Đảnh Lai tham tiếc của cải không chịu ban phát cho vợ con và bố thí cho những người nghèo khổ. Khiến cho những người nghèo cùng phải đi ăn trộm. họ bị bắt đem đến chổ vua. Vua trừng phạt rồi nói: người chơn chánh là không lấy vật của người khác.

Kẻ trộm đáp:

- Đúng vậy, tâu bệ hạ! Nhưng nếu thảo dân không ăn trộm thì không thể sống được.

Vua liền ban cho họ tiền của và nói:

- Ngươi đi đi! Sau này chớ ăn trộm như thế nữa!

Những người nghèo cùng nghe nói người ăn trộm gặp vua, được vua ban cho tiền của liền nghĩ: " dại gì chúng ta không đi ăn trộm!"

Vì thế kẻ trộm ngày càng đông. Tuổi thọ con người ngày càng giảm dần, từ tám vạn bốn ngàn tuổ đến cuối cùng còn một trăm tuổi.

Về sau vua ra lệnh: " Nếu ở trong nước ta hễ người nào ăn trộm sẽ bị bêu đầu trên cây.

Phật bảo các Tỳ-kheo sau này tuổi thọ con người chỉ còn mười tuổi.

(Trích kinh A-hàm quyển 4)

10. KIM LUÂN VƯƠNG VĂN ĐÀ KIỆT ĐI KHẮP BỐN CHÂU THIÊN HẠ:

Thuở xưa có vua Văn Đà kiệt, Ngài sinh ra từ đỉnh đầu của mẹ. Về sau Ngài làm vua nước Già-ca-việt, trị vì bốn châu thiên hạ, có đủ bảy báu và một ngàn người con.

Trải qua mấy ngàn năm vua tự nghĩ: "ta có bốn châu thiên hạ, nhân dân đông đúc nhưng lúa thóc lại khan hiếm. Ta còn có một ngàn người con khoẻ mạnh thông minh tuấn tú. Phải chi Trời làm mưa vàng bạc bảy ngày bảy đêm thì thật vui thay!

Trời liền làm mưa tiền, vàng, bạc suốt bảy ngày đêm. Vua thấy vậy rất vui mừng.

Nghe dân chúng các nơi được no đủ, vua ra lịnh đem bảy báu và bốn binh chủng, rồi vua cùng mọi người bay đi lần lược đến các nước,

đến nơi nào vua cũng dùng chánh pháp trị dân.

Trải qua vài ngàn năm, vua lại nghĩ: “ta có nước Diêm-phù-đề rộng hai mươi tám vạn dặm, nước Câu-da-ni hai mươi vạn dặm, nước Phất-vu- đãi ba mươi sáu vạn dăm. Ta nghe phương bắc có nước Uất-đơn-việt, nước ấy nhân dân no đủ thiên hạ thái bình. Ta muốn đến đó xem thử. Lại nghe nhân dân nước đó bình đẳng như nhau không có kẻ giàu người nghèo, kẻ mạnh người yếu, kẻ sang người hèn. Ta muốn dân chúng tự nhiên có cơm ăn áo mặc và các trang sức quý báu.

Nghĩ rồi vua liền bay đến nước Uất-đơn-việt. Đất ở đây màu xanh như ngọc bích. Vua bay về phía trước thấý gạo tự nhiên trắng xoá như tuyết. Vua bảo mọi người: “các ngươi nên ăn đi!”

Tiếp tục bay đi nữa, vua thấy các loại cây báu và một trăm loại cây y phục đều có treo vàng, bạc, anh lạc. Vua thấy vậy hỏi cận thần;

- Các khanh có thấy những thứ đó không?

- Vâng tâu bệ hạ! Hạ thần đã thấy từ lúc đến nước nầy.

Dân chúng ở đây rất kính phục vua, mời Ngài ở lại trị vì nước Uất-đơn-việt, nước nầy rộng bốn mươi vạn dặm.

Trải qua mấy ngàn năm vua lại nghĩ: “ ta đã có bốn châu thiên hạ, nay ta muốn lên núi báu Tu di đến cung Đế thích ở cõi Trời Đao Lợi”. Nghĩ rồi vua liền đem bảy báu cùng các quan bay đến núi Tu di, vào cung Đế thích,vua Đế thích từ xa trông thấy liền ra nghinh đón và nói:

- Tôi từ lâu đã nghe công đức của Ngài và rất muốn gặp mặt Ngài. Hôm nay Ngài đến đây thật là quý hoá thay!

Đế thích nói xong, đưa vua đến ngồi chung toà với mình. Vua vừa ngồi xuống liền có liền có các Chư thiên đến hầu hạ. Vua thấy các Ngọc nữ liền nghĩ: “Ta có bốn châu thiên hạ và có mưa báu. Nếu vua Đế thích băng ta muốn thế chỗ ông ta để trị vì cõi Trời cũng như cõi người vậy”. Vua vừa khởi lên ý nghĩ ấy liền rơi xuống cõi Diêm-phù-đề, bị bịnh nặng nằm liệt trên giường. Cận thần tâu vua:

- Tâu bệ hạ! Ngài có được chỗ của Đế thích như Ngài mong muốn không?

Vua đáp: Ta vừa khởi lên ý nghĩ ấy liền bị rơi xuống đất nên lâm phải trọng bịnh thế này.

Vua tự hối lỗi rồi nói:

- Người đời không có gì biết đủ, người biết đủ thật là hiếm cớ.

Phật bảo các Tỳ-kheo, vua Văn -đà-kiệt thuở đó chíng là ta vậy.

(Trích kinh Văn-đà-kiệt-vương)

11. KIM LUÂN VƯƠNG ĐẢNH SANH ÁI BIỆT LY KHỔ

Vào thời quá khứ con người sống lâu vô lượng. Vua Thiện Trụ lúc còn làm thái tử đã trị vì thiên hạ. Đến lúc vua Thiện trụ lên ngôi lên ngôi thì tuổi thọ con người lên tới tám vạn ngàn tuổi. Bấy giờ trên đảnh vua nỗi lên một khối thịt, nó mềm mại như bông đâu la miên, ngày càng to lớn, nhưng vua không cảm thấy đau đớn. Đủ mười tháng khối thịt nứt ra một bé trai khôi ngô tuấn tú nhất trần gian. Vua cha vui mừng liền đặt tên thái tử la Đảnh Sanh. Bấy giờ vua Thiên Trụ truyền ngôi lai cho thái tử, từ biệt mọi người vào núi tu hành. Năm tám vạn tuổi vào ngày rằm vua Đảnh Sanh tắm gội sạch sẽ ở trên lầu cao giữ gìn trai giới. Tức thời ở phương Đông có bánh xe vàng báu bay đến, bánh xe ngàn căm tự nhiên có chẳng phải thợ làm bay đến chổ Ngài. vua nghĩ: " Xưa ta từng nghe có tiên nhân chứng ngũ thông nói rằng: nếu vua Sát-lợi vào ngày rằm tắm gội sạch sẽ ở trên lầu cao giữ gìn trai giới, như có bánh xe vàng bay đến thì nên biết sẽ được làm Chuyển luân Thánh vương". Vua liền lấy tay trái nắm nó, tay phải bưng lư hương, gối phải chấm đất phát nguyện rằng: " bánh xe báu này nếu thật không hư dối giống như lời vua Chuyển luân thời quá khứ thì bánh xe tức thời bay lên Hư không đi khắp mười phương rồi trở lại trong tay trái của ta". Vua phát nguyện xong tức thời bánh xe làm đúng như lời vua. Vua biết mình chính là Chuyển luân Thánh vương.

Sau đó không bao lâu lại có voi báu như hoa sen trắng nằm phục sát đất. Vua thấy vậy nghĩ: " vua Sát Lợi vào ngày rằm tắm gội sạch ở trên lâu cao giữ gìn trai giới, như có voi trắng bay đến thì nên biết sẽ được làm Chuyển luân Thánh vương". Vua thử bưng lư hương gối phải chấm đất mà phát nguyện rằng: "nếu chíng là voi trắng báu không hư dối thì hãy làm như voi trắng của vua Chuyển luân xưa kia vậy". Vua phát nguyện xong, voi liền đi khắp bốn phương từ sáng đến tối, đến tận biển lớn rồi trở về chỗ cu. Vua rất vui nừng lại nói: "Ta nay chắc chắn la Chuyển luân Thánh vương.

Không bao lâu lại có ngựa báu đến, vua lại nguyện như lần trước. Lại có ngọc nữ dung nhan xinh đẹp tuyệt trần đến sờ vào áo vua liền biết thân vua bệnh hay khoẻ cũng biết được tâm vua đang nghĩ gì.

Tự nhiên lại có châu báu ma ni như pha lê một màu trong suốt,lớn như bánh xe chiếu khắp một do tuần. Giả như Trời mưa lớn, giọt lớn bằng trục xe thì châu báu ấy có thể làm lộng lớn che khắp một do tuần ngăn không cho mưa lớn xuyên qua được. Thấy vậy vua cũng nghĩ như trước.

Lại có Chủ Tạng Thần và của cải dồi dào tự nhiên xuất hiện, mắt có thấy được những kho tàng trong lòng đất. Tuỳ theo ý vua mà thần cung cấp đầy đủ các thứ. Vua liền cùng thần vào trong biển lớn, bỗng vua nói với Tạng Thần, ta nay muốn được kho báu trân châu lạ thường. Thần nghe xong liền dùng hai tay khuấy vào nước biển, bấy giờ mười đầu ngón tay hiện ra mười kho báu rồi đem dâng lên nhà vua và tâu:

- Tâu đại vương, đại vương nên tuỳ ý mà dùng, phần còn lại nên ném hết xuống biển.

Vua rất hài lòng.

Lại có chủ thần binh xuất hiện, thân thể khẻo mạnh có tài thâu lược đệ nhất thiên hạ, khéo thuần phục được bốn binh. Binh đã hàng phục thời đủ sức giữ gìn.

Vua bảo các quan:

- Các ngươi nên biết cõi Diêm-phù-đề này, giàu có, an ổn, vui vẽ. Ta nay bảy báu được thành tựu, có đủ ngàn vương tử, bây giờ ta nên làn gì?

- Tâu đại vương! Đông Phất-bà-đề, Tây Câu-da-ni, Bắc Uất-đơn-việt còn chưa quy thuận đức vua, Ngài nên đến đó chinh phục họ.

Bấy giờ, vua cùng bảy báu bay lên Hư không mà đến nước ấy. Nhân dân bốn phương đều vui mừng quy thuận đức vua. Vua lại nói với đại thần:

- Bốn châu thiên hạ của ta được an ổn, vui vẽ, nhân dân đông đúc cả thảy đều qui thuận ta. Ta lại làm gì nữa đây?

- Có Thánh vương ở cõi Trời Tam Thập Tam tuổi thọ dài lâu, cuộc sống an vui. Vua nhờ nương phước Trời nên chưa đến qui phục. Nay Ngài nên đến đó chinh phạt khiến cho họ hàng phục.

Vua lại bay lên hu không đến cõi Trời Đao Lợi. Ngài thấy có cây màu săc xanh biếc liền hỏi đại thần “Đây là cây gì vậy?”

Đại thần tâu:

- Đây là cây Ba-lợi-chất-đa, Chư thiên cõi Trời Đao Lợi vào ba tháng hạ thường tụ hội dưới cây vui chơi hưởng lạc.

Vua lại thấy sắc trắng như mây bạc liền hỏi đại thần: “Đây là cái gì vậy?”

- Đây là Thiện Pháp Đường, Chư thiên ở cõi Trời Đao Lợi thường tụ hợp trong đó bàn luận việc Trời người.

- Bấy giờ vua Thích Đề Hoàn Nhân biết vua Đảnh Sanh ở bên ngoài liền ra mời vào cầm tay dắt lên Thiện Pháp Đường, chia tòa cùng ngồi. Lúc đó hai vua dung mạo như nhau chỉ có nháy mắt là khác nhau

mà thôi. (Kinh Hiền ngu nói: Đời trước cúng dường lấy đậu Tán-phất-sa cúng dường Phật bốn hạt để vào bát tứ Thiên vương một hạt nên được phước báo làm vua Trời)

Vua nghĩ: "Ta nay có thể ở đây làm vua Trời được chứ?"

Trời Đế thích vốn thọ trì đọc tụng Kinh điển Đại thừa và giảng nói cho người khác nghe, khiến họ thông đạt nghĩa lý. Vua Đảnh Sanh vừa khởi ác tâm với Trời Đế thích nên liền rơi xuống cõi Diêm-phù-đề.

Vua nhớ tiếc cõi Trời đau buồn áo não, nên lâm trọng bệnh rồi qua đời.

Đế thích thuở đó chính là Phật Ca-diếp, Chuyển luân Thánh vương chính la ta vậy.

(Trích kinh Niết-bàn quyển 1)

12. TÍCH TRUYỆN VUA A DỤC XÂY THÁP THỜ XÁ-LỢI:

Ở nước Ba-tra-lợi-phất-đa (Tạp-A-Hàm ghi là Sa-liên-phất-ba) có vua hiệu Khổng Tước, tên Tần-đầu-bà-la (Cha của vua tên Nguyệt Hộ) Vua có người con tên A-thâu-kha (Đời Lương dịch là Vô Ưu, còn gọi là A -dục. Kiếp trước A-dục tên là XÀ-da. Lúc nhỏ khi gặp Đức Phật Thích ca vào thành Vương xá, Xà da liền lấy cát bên đường làm thức ăn bỏ vào trong bát cúng dường Phật, và phát nguyện đời sau được làm Kim địa vương để có được điều kiện cúng dường Phật nhiều hơn. Nghe vậy Phật liền thọ ký cho ông đời sau, khoảng một trăm năm sau Phật Niết-bàn, sẽ được sanh vào gia đình họ Khổng Tước ở thành BA-sất-lợi-phất-đa. tên là A-dục, làm vua cai trị bốn châu thiên hạ, xây tám muôn bốn ngàn tháp cúng dường Xá-lợi Phật - Trích kinh A-dục vương.)

Thân thể A-dục lóm đóm như da nai nên không được vua cha yêu mến. Một hôm, vua mời thầy tướng đến xem tướng các hoàng tử, xem ai có khả năng làm vua. Vua gọi mẹ của A-dục đến, bảo bà ta nói với A-dục nên đến sau. Mẹ A-dục về nói lại với A-dục. A-dục thưa mẹ: "Con biết phụ vương không thương con".

Người mẹ nói: "Con cứ đi đi"

Lúc ấy đại thần Thành Hộ thưa A dục :

- Ngài muốn đi bằng phương tiện gì?

A-dục đáp:

- Ngươi nên chọn xe hợp với địa vị của ta!

Thành Hộ liền chọn xe voi tốt nhất để đưa A Dục đến chỗ vua

Đến bữa ăn, mẹ A Dục cho dọn bát đĩa, thức ăn đều ngon hơn

những hoàng tử khác.

Thầy tướng xem qua nói:

- A Dục là người xứng đáng được làm vua nhất!

- Ngươi nói không hợp ý ta thì sẽ bị giết.Ngươi nên xem kỹ lại!

- Tâu bệ hạ!Người đi xe đẹp ăn thức ăn ngon đựng tronng những bát quý hôm nay mới đầy đủ khả năng làm vua. Ngoài người ấy ra thì không ai có đủ khả năng cai trị thiên hạ!

Ít lâu sau, Có nước chư hầu tên Đức-xoa-thi-la muốn tạo phản,vua ra lệnh cho A-dục đem quân đánh dẹp, nhưng lại không cung cấp vũ khí và lương thực. A-dục nghĩ: “Nếu ta đủ phước làm vua thì hãy khiến cho các thứ tự nhiên hiện ra”

Vừa nghĩ xong ,tức thì mặt đất chấn động nứt ra vô số lương thực và vũ khí.

Vua nước Đức-xoa-thi-la nghe A-dục đến liền trang hoàng đường sá để nghinh đón Ngài. Người dân trong nước ấy cũng giành nhau dâng Ngài đủ loại phẩm vật. A-dục tỏ vẻ không vui sai sứ đến cung vua nước bản xứ xin hai người lực sĩ có sức dời non lấp biển.

Lúc ấy Chư thiên lên tiếng rằng.

- Đây là vua Tứ phần Chuyển luân vương cai trị bốn châu thiên hạ các ngươi nên phụng mệnh đừng nghịch ý.

Nghe vậy, tất cả anh hùng hiền sĩ ở khắp mọi nơi kéo đến quy thuận vua A-dục. Các vị Trời từ Hư không bay xuống lấy mão Trời đội lên đầu Ngài.

Cha A-dục hay tin liền sai con cả là hoàng tử Tu-tư-ma kéo quân vây đánh A-dục, nhưng mưu sự không thành, tất cả đều bị thất bại thê thảm.

Cha A-dục đang lúc bệnh nặng, hay tin thất trận, ông tức giận ói máu và chết.

Vua cha chết, A-dục lên nối ngôi và phong Thành Hộ làm quan đứng đầu triều đình, giúp vua trông coi việc nước.

Tu-tư-Ma-hay tin cha chết, A dục lên nối ngôi, liền tức giận kéo quân đến đánh A-dục.

Để ứng phó, vua A-dục cho hai vị lực sĩ và Thành Hộ mỗi người trấn giữ một cửa thành. Riêng cửa hầm phía Đông vua cho đào một hầm lửa, bên trên ngụy trang kín đáo không để khói bay lên.Vua lại dùng gỗ tạc tượng người cưỡi voi giống như mình đang đi với dáng vẻ sợ sệt.

Tu-tư-na thấy tượng gỗ tưởng là A-dục, liền thúc quân tiến lên giết ngay A-dục. Vừa đến cửa thành, tất cả đều bị sa vào hầm lửa mà

chết.

Trong khoảng hai mươi tám vạn dặm, từ người cho đến các loài Rồng Dạ-xoa thãy đều quy phục Ngài. Nhưng có một vùng tên La-ma rộng khoảng ba trăm dặm thuộc quyền cai quản của một con rồng. Vùng này được Xá-lợi Phật xây tháp phụng thờ được rất nhiều công đức. Chỉ riêng làng này không quy thuận vua

Để trừng trị những người không phục, vua chọn một chiên đà la tên Kỳ-lợi-kha chuyên nghiệp giết người và cho xây một ngục rất lớn, ngoài cửa ngục được trang hoàng lộng lẫy để ai thấy cũng thích vào nhưng khi đã vào thì vĩnh viễn không có ngày được ra.

Ở chùa Kê gân đó có một Tỳ-kheo thường tụng kinh nói về những cách thức trừng trị tội nhân trong địa ngục. Kỳ-lợi-kha nghe được liền xin vua tạo lập đũ mọi phương tiện trừng trị tội nhân như vạc dầu sôi, núi đao rừng kiếm v.v... Giống như trong địa ngục vậy.

Có một Tỳ-kheo tên Hải Ý, sáng sớm đấp y mang bát vào thành khất thực, lầm đi vào nhà ngục, bị Kỳ-lợi-kha bắt giữ. Tỳ-kheo khóc lóc van xin.

- Xin Ngài đừng giết tôi, vì tôi chưa được đắc đạo, nếu chết đi thì kiếp sau biết có được làm người hay không? Nếu được làm người nhưng biết có được xuất gia nữa hay không? Nếu Ngài không tha thì xin thương tình cho tôi hoãn lại một tháng!

Kỳ-lợi-kha quát:

- Đây là lệnh vua, tôi không thể làm khác. TA chỉ đồng ý cho ngươi hoãn lại một tuần,đừng xin xỏ thêm nữa! Được gia hạn một tuần,Tỳ-kheo cố gắng tu tập bất kể ngày đêm.

Mấy hôm sau vua ra lệnh giao tất cả tội nhân cho người giữ ngục. Kỳ-lợi-kha bèn đem tất cả tội nhân bỏ vào cối rồi dùng chày giã nát. Tỳ-kheo sợ quá càng tấn tu hơn nữa. Đến đêm thứ bảy, Tỳ-kheo liền chứng quả A-la-hán

Sáng hôm sau, Kỳ-lợi-kha bắt Tỳ-kheo bỏ vào vạc chứa đầy phẩn tiểu hôi thối rồi châm lửa đốt. Kỳ-lợi-kha ra sức đốt mà Tỳ-kheo vẫn không chết, vẫn an nhiên ngồi kiết già theo kiểu hoa sen.

Vua hay tin, ngự giá đến xem thử. Tỳ-kheo liền bay lên Hư không, hiện đủ mười tám món thần biến. Thấy vậy, vua vô cùng hoan hỷ, liền hỏi:

- Thầy cũng là người bình thường, sao có năng lực phi thường như thế? Xin thầy dạy tôi biết với!

Tỳ-kheo đáp:

- Vua nên xây tháp cúng dường Xá-lợi Phật và hành theo giáo pháp của Ngài. Vua phải diệt trừ mọi điều xấu xa và tạo nhiều điều phước đức. Đức Phật là bậc đại từ bi. Ta chính là đệ tử của Ngài. Thuở xưa Đức Phật có thọ ký rằng. Ông sẽđược làm Chuyển luân vương, sẽ xây tám vạn bốn ngàn tháp để cúng dường Xá-lợi của Ngài Và sẽ làm nhiều việc lợi ích cho Phật pháp. Nhưng nay ông đã gây ra quá nhiều tội lỗi, xây ngục giết hại biết bao người vô tội. Tội lỗi ấy ông phải sám hối diệt trừ và phải ban cho mọi người mọi điều không sợ hãi.

Nghe xong, vua chấp tay hướng về Tỳ-kheo xin được sám hối, rồi đích thân mình vào ngục thả tất cả tội nhân.

Vua vào ngục, Kỳ-lợi-kha bắt giữ vua lại:

- Trước kia ngươi ra lệnh ta bắt giữ tất cả những kẻ nào lọt vào đây. Nay ngươi đã vào đây rồi thì không thể ra được!

- Ngươi định giết ta ư?

- Đúng vậy!

- Vậy ta hỏi ngươi, khi ngục này xây xong thì ai là người đầu tiên bước vào?

- Chính tôi!

Vua liền ra lệnh bắt Kỳ-lợi-kha bỏ vào thùng nhựa đốt chết. Vua lại ra lệnh hủy bỏ nhà ngục ấy.

Vua sắm sanh đủ loại phẩm vật như thức ăn hoa hương v.v... Lại dùng ngàn lọ bằng vàng, bạc, lưu ly đựng đầy nước thơm để cúng dường năm bộ Tăng, và xin được thọ tám giới.

Vua lại đích thân bưng lò hương lên điện ở chỗ cao nhất, đọc lời kính thỉnh chúng Tăng ở khắp bốn phương rằng:

- Tất cả hàng đệ tử Phật, hãy thương xót tôi mà đến đây thọ nhận cúng dường!

Vua lại nói kệ:

La hán khắp bốn phương
Xin rũ lòng thương xót
Tôi thiết lễ cúng dường
Thỉnh các Ngài đến thọ.

Tiếp nhận lời thỉnh cầu của vua có ba mươi vạn Hữu học, mười vạn A-la-hán, ba mươi vạn Tỳ-kheo và vô số phàm phu cùng đến chỗ vua.Tất cả đều ngồi trang nghiêm nơi ghế của mình. Vua nhìnquanh thấy chiếc ghế ở bậc cao nhất không ai ngồi liền hỏi:

- Tại sao tòa này không người ngồi?

Trong hội chúng đáp:

- Phật dạy trong hàng đệ tử của Ngài có một người năng lực như sư tử rống tên là Tân-đầu-lô chỉ người ấy mới xứng đáng được ngồi tòa này.

Vua lại hỏi tiếp:

- Trong hội chúng đây, có ai từng thấy Phật nhập Niết-bàn không?

- Chỉ có Tân-đầu-lô là người được thấy!

- Hôm nay được gặp vị ấy không?

- Được chứ! Hôm nay vị ấy nhất định sẽ đến đây!

Vua vui mừng nói kệ khen Tân-đầu-lô rồi chắp tay nhìn mãi lên không trung.

Lát sau, Tân-đầu-lô cùng vô số A-la-hán từ Hư không bay xuống, ngồi đúng vào tòa cao nhất. Tất cả hội chúng cùng đứng dậy vái chào Khi nhìn thấy Tân -đầu -lô giống như một vị Duyên giác với đầu tóc, râu mày, đều một màu trắng sáng rỡ, vua liền quỳ xuống, năm vóc sát đất thành kính đảnh lễ và hôn lên chân Tân-đầu-lô. Vua vừa khóc vừa nói kệ khen Tân-đầu-lô.

Tân-đầu-lô đưa tay vén hai hàng mi trắng lên rồi nói với vua A-dục:

- Ta đã gặp Phật được mấy lần.

Rồi Ngài hết lời khen ngợi công đức của Phật.

A-dục vương hỏi:

- Ngài đã gặp Phật ở đâu?

- Khi Phật cùng năm trăm đệ tử đến an cư trong thành Vương xá. Lúc ấy ta cũng có mặt trong chúng. Sau đó Phật lại đến thành Xá-vệ thịhiện thần lực để hang phục ngoại đạo. Tiếp đến Ngài lên cõi Trời Ba Mươi Ba an cư, nói pháp độ thân mẫu là Hoàng hậu Ma-da. Việc xong Ngài trở về đến nước A-tăng-kha-xa được cô gái Tu-ma-đà-da thỉnh Ngài cùng năm trăm A-la-hán. Cúng dường rồi Phật lại hiện thần thông đến nước Phân-đà-bac-kỳ.

Có lần Ngài dạy tôi chớ nhập Niết- bàn hãy ở lại giữ gìn chánh pháp.

A-dục hỏi:

- Thưa đại đức có bao nhiêu vị La -hán cùng Ngài đến đây?

Tân đầu lô nói kệ đáp:

Cùng theo ta đến đây
Có sáu vạn La-hán
Thảy đều dứt phiền não

Xin vua chớ nghi ngờ
Mà hãy mau chuẩn bị
Sắp bày lễ cúng dường.

Chúng Tăng thọ thực xong, vua nói với Tỳ-kheo Nhứt Thiết Văn:

- Ta sẽ cúng dường chúng Tăng mười vạn lượng vàng và một ngàn chiếc lọ bằng bạc va lưu ly. Xin quý Ngài hãy cầu nguyện cho tôi.

Con vua A Dục tên Cưu-na-la đứng im lặng bên cha bỗng đưa lên hai ngón tay ý muốn nói với các Tỳ-kheo rằng: “Về sau đến khi ta nối ngôi phụ vương ta sẽ cúng dường quý Ngài nhiều hơn phụ vương ta gấp bội”.

Đại chúng hiểu ý cười lớn.

Vua thấy vậy hỏi đại thần Thành Hộ:

- Người làm việc thế nào để chúng Tăng cười vậy?

- Tâu bệ hạ! Thái tử Cưu-na-la muốn cúng dường nhiều gấp đôi bệ hạ!

- Vậy ta sẽ đem ba mươi vạn lượng vàng và ba ngàn chiếc lọ đựng nước thơm để cúng dường chư tăng và ta sẽ cho xây kho chứa bảy báu để tất cả những người trong triều đình học theo gương của ta và thái tử Cưu-na-la mà đem cúng dường chúng Tăng vậy.

(Trích kinh A Dục Vương quyển 1)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 25

(CÁC QUỐC VƯƠNG HÀNH ĐẠO BỒ TÁT)

1. Khoét thân đốt đèn để được nghe pháp.
2. Đóng đinh trên người để được nghe pháp.
3. Vua Đại Quang Minh bố thí đầu mình cho Bà-la-môn.
4. Vua Thi-tỳ cắt thịt mình thay cho chim bồ câu.
5. Vua Tuệ Đăng xả thân bố thí.
6. Vua Đại Lực bố thí không tiếc thân mạng.
7. Vua Từ Lực chích máu thí cho năm quỷ Dạ-xoa.
8. Nhờ bố thí, vua Tu-đà-tu-ma được thoát mạng.
9. Vua Tát-hòa-đàn làm nô bộc cho Bà-la-môn.
10. Vua Cù-lâu-bà xả bỏ vợ con yêu quý để được nghe pháp.
11. Vua Thiện Túc ưa bố thí khiến quỷ vương hồi tâm

1. KHOÉT THÂN ĐỐT ĐÈN ĐỂ ĐƯỢC NGHE PHÁP:

Vào thời quá khứ, ở cõi Diêm-phù-đề có vị vua tên Kiền-xà-ni-bà-lê thống trị tám vạn bốn ngàn tụ lạc. Nhà vua nhân từ, thương yêu tất cả, nhân dân sung sướng, lúa gạo tốt tươi, nhưng nhà vua vẫn chưa toại nguyện. Vì muốn cầu diệu pháp để chính mình và mọi người đều được lợi ích, nhà vua truyền lệnh khắp trong nước:

- Nếu ai có diệu pháp nói cho ta nghe, ý muốn gì, ta sẽ cung cấp đầy đủ.

Có vị Bà-la-môn tên Lao-độ-sai nói:

- Tôi có diệu pháp.

Nhà vua ra đón tiếp, lễ bái, thưa với Bà-la-môn:

- Kính xin Đại sư thuyết diệu pháp cho tôi nghe.

Lao-độ-sai nói:

- Nay đại vương muốn được nghe diệu pháp thì phải khoét trên thân mình một ngàn lỗ, đốt đèn cúng dường ta, thì ta sẽ thuyết pháp cho

nghe.

Nhà vua truyền lệnh khắp cõi Diêm-phù-đề, xin khất bảy ngày sau sẽ khoét thân, đốt đèn cúng dường. Nghe thế, nhân dân buồn rầu, đi đến chỗ vua tâu rằng:

- Kính thưa Đại vương, muôn dân được an lạc là nhờ vua, như con thơ nương náu mẹ hiền. Nếu vua băng hà thì muôn dân trông cậy vào ai? Tại sao chỉ vì một Bà-la-môn này mà vua nỡ bỏ tất cả?

Nhà vua đáp:

- Các ông không nên ngăn cản đạo tâm Vô thượng của ta, ta hi sinh thân này chỉ vì nguyện cầu thành Phật. Sau này thành Phật, ta sẽ độ cho các ông trước.

Khi đó, ai nấy đều buồn bã, khóc lóc, gieo mình xuống đất. Nhà vua liền khoét thân, bày các thớ thịt, để bấc vào, thưa với Bà-la-môn:

- Kính xin Đại vương thương xót thuyết pháp trước, sau sẽ châm lửa, sợ mạng tôi tuyệt thì không kịp nghe pháp.

Lao-độ-sai nói kệ:

Thường rồi phải hết
Cao thì phải rơi
Hợp sẽ có tan
Sinh thì có tử.

Nghe bài kệ này, nhà vua hết sức vui mừng, liền bảo đốt lửa và tự phát thệ rằng:

- Pháp ta tìm cầu là thành Phật. Sau khi thành Phật, tôi sẽ dùng trí tuệ quang minh giác ngộ chúng sanh.

Nói vừa dứt lời, Trời đất chấn động mạnh, lên tới cõi Tịnh cư cũng đều rung chuyển. Thấy nhà vua không màng đến thân mạng, tất cả Chư thiên bay xuống đứng lấp cả Hư không, nước mắt tuôn ra giống như mưa ngập. Trời Đế-thích đến hỏi:

- Nhà vua đau khổ như vậy thì có hối hận gì không?

Nhà vua đáp:

- Không hối hận.

Nhân đó, nhà vua thề rằng: Nếu tâm tôi hoàn toàn không hối hận thì xin thân thể tôi được bình phục như cũ.

Ngay khi ấy, những lỗ trên mình lại được bình phục như cũ.

Này các Tỳ-kheo, ông vua thuở đó chính là ta.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 1)

2. ĐÓNG ĐINH TRÊN NGƯỜI ĐỂ ĐƯỢC NGHE PHÁP:

Vào thuở quá khứ, ở cõi Diêm-phù-đề có vị đại quốc vương tên Tỳ-lăng-kiệt-lê thích nghe diệu pháp.

Bấy giờ, có vị Bà-la-môn tên Lao-độ-sai tới cửa cung nói:

- Tôi có khả năng thuyết pháp. Nếu nhà vua có thể đóng lên thân mình một ngàn cái đinh, tôi sẽ thuyết pháp cho nghe.

Nhà vua nói:

- Trong vòng sanh tử luân hồi, ta đã bỏ vô số thân mạng, có lẽ bị ba độc thiêu đốt mà chết, số xương trắng chất cao hơn núi Tu-di, máu chảy ra nhiều hơn nước năm sông lớn, nước mắt nhiều hơn nước bốn biển, nhưng chỉ luống uổng, chưa từng vì pháp. Nay ta đóng đinh vào mình để cầu thành Phật. Sau này thành Phật, ta dùng kiếm trí tuệ để phá trừ kết sử của các ông. Các ông không nên ngăn cản đạo tâm Vô thượng của ta.

Thấy vua nói khẳng khái như vậy, mọi người đều im lặng. Lúc đó, Lao-độ-sai liền nói kệ:

Tất cả đều vô thường
Hễ sanh ắt có khổ
Các pháp không, vô chủ
Thật chẳng phải của ta.

Bà-la-môn đọc kệ xong, nhà vua đóng đinh vào người và lập thệ rằng:

- Nếu ta mãi mãi không hối hận thì thân thể lại được bình phục như cũ. Vừa dứt lời, thân thể quả nhiên lại được bình phục như cũ.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 1)

3. VUA ĐẠI QUANG MINH BỐ THÍ ĐẦU MÌNH CHO BÀ-LA-MÔN:

Vào thuở quá khứ, ở nước Ba-la-nại có vua Đại Quang Minh nhân từ, thương yêu tất cả, không trái ý người. Cùng thời ấy, có vua nước nhỏ thường mang lòng oán ghét.

Vào ngày trai trong tháng, vua Đại Quang Minh dùng năm trăm con voi lớn chở các thứ châu báu, thức ăn, áo mặc đến một chợ lớn và ngoài bốn cửa thành để bố thí cho mọi người.

Bấy giờ, những nước thù địch và những kẻ oán ghét nghe vua Đại Quang Minh bố thí, tự ý đến lấy trước.

Khi ấy, ông vua nước nhỏ sinh lòng ganh ghét, liền triệu tập quần thần, nói rằng:

- Nếu ai có thể xin được đầu của vua Đại Quang Minh, thì sẽ được thưởng một ngàn cân vàng.

Lúc đó, có một Bà-la-môn nói:

- Tôi làm được việc này.

Nhà vua cung cấp lương thực cho Bà-la-môn.

Khi Bà-la-môn đến ranh giới nước Ba-la-nại, đất liền chấn động sáu lần, chim muông bỏ chạy tứ tán, mặt Trời, mặt trăng bị lu mờ, tinh tú mất vị trí, cầu vòng đỏ, đen, trắng, ngày đêm thường hiện sau băng. Trong nước, tất cả ao hồ, khe suối đều khô cạn.

Lúc Bà-la-môn đến cửa thành, thần giữ cửa bảo người gác cửa rằng:

- Bà-la-môn đại ác này từ phương xa đến, muốn xin đầu đại vương, ngươi chớ cho vào.

Bà-la-môn phải đứng ngoài cửa thành từ một cho đến bảy ngày, không thể vào được. Một hôm, y nói với người giữ cửa:

- Tôi từ xa tới đây, muốn được yết kiến đại vương.

Người giữ cửa liền vào tâu vua.

Nghe vậy, nhà vua tức tốc ra đón tiếp, như con được gặp cha. Vua làm lễ trước rồi hỏi:

- Đường xá xa xôi, nay Ngài mới đến, có mệt nhọc lắm không?

Bà-la-môn đáp:

- Tôi ở phương xa, nghe nhà vua bố thí không trái ý người. Thanh danh của bệ hạ vang xa, trên thấu đến Trời xanh, dưới suốt tận sông Hoàng. Cho nên, tôi từ xa đến, muốn xin bệ hạ một vật.

Nhà vua nói:

- Ta bố thí tất cả, Ngài cần gì, xin cứ tự nhiên.

Bà-la-môn nói:

- Thật như thế sao? Nay tôi đến đây chỉ xin cái đầu của bệ hạ, chớ không cần vật gì khác.

Nghe nói vậy, nhà vua suy nghĩ: Từ vô thủy kiếp đến nay, ta chưa từng vì pháp quên thân, luống uổng chịu sự sanh tử làm mệt nhọc tinh thần. Nay có thân này đã thề cùng chúng sanh, cầu đạo Bồ-đề, nếu không cho thì trái với bản nguyện của ta, và nhờ duyên gì để chứng được đạo quả Vô thượng Bồ-đề.

Tự nghĩ thế rồi, nhà vua nói với Bà-la-môn:

- Được lắm, nhưng hãy chờ ta tìm người phó thác ngôi vua, phu nhân và thái tử, sau bảy ngày ta sẽ dâng đầu cho Ngài.

Bấy giờ, nhà vua vào cung nói với các phu nhân:

- Có Bà-la-môn muốn xin đầu của ta và ta đã hứa cho họ rồi.

Phu nhân và Thái tử nghe xong, gieo mình xuống đất, cất tiếng khóc than, tự nhổ tóc mình, xé rách y phục, rồi tâu vua:

- Tâu Đại vương, vật đáng quý trên đời không có gì bằng thân mình, tại sao hôm nay Đại vương đem bố thí cho người.

Bấy giờ, năm trăm vị đại thần hỏi Bà-la-môn:

- Ông dùng cái đầu máu mủ hôi thối này làm gì?

Bà-la-môn đáp:

- Tôi chỉ xin đầu, còn dùng làm gì không cần phải hỏi.

Các đại thần nói:

- Ngươi vào nước ta, ta hỏi ngươi, ngươi phải trả lời.

Khi ấy, Bà-la-môn cũng muốn nói thật, nhưng trong lòng sợ hãi, sợ bị mất mạng.

Biết ý, các đại thần nói:

- Chúng tôi sẽ vì Đại vương mà tha cho ngươi, ngươi đừng sợ hãi. Này Bà-la-môn nghèo kia, ngươi lấy cái đầu này làm gì? Chúng tôi năm trăm người, mỗi người làm một cái đầu bằng bảy báu để đổi cho ngươi và cho ngươi các thứ cần dùng.

Bà-la-môn nói:

- Tôi không cần.

Bấy giờ, các vị đại thần không được thỏa nguyện, cất tiếng than khóc, tâu lên đại vương:

- Đại vương nỡ lòng nào chỉ vì một Bà-la-môn mà bỏ đất nước, vĩnh viễn xa lìa phu nhân, Thái tử.

Nhà vua nói:

- Nay ta vì tất cả chúng sanh nên xả bỏ thân này.

Vị đệ nhất đại thần thấy nhà vua đã quyết định, liền suy nghĩ: Ta nay làm sao có thể ngồi nhìn Đại vương xả bỏ thân này. Nghĩ thế rồi, vị đại thần vào một căn phòng vắng vẻ, dùng dao tự sát.

Lúc đó, nhà vua đi ra vườn sau, gọi Bà-la-môn đến bảo:

- Ông đến xin đầu ta, ta vì thương xót ông, không làm trái ý. Ta nguyện đời sau được đầu trí tuệ để bố thí cho các ông.

Nói xong, nhà vua đứng dậy, chấp tay, đảnh lễ chư Phật mười phương và nguyện rằng: Kính lạy chư Phật, chư đại Bồ-tát trong mười phương, uy thần ủng hộ, khiến cho con được thành tựu việc này.

Nguyện xong, nhà vua bảo Bà-la-môn tự động cắt đầu mang đi.

Bà-la-môn nói:

- Nhà vua như lực sĩ, nếu khi đau đớn không thể chịu nổi, sinh ra

hối hận mà trở lại giết tôi sao? Nếu vua xét điều đó có lý, sao không tự cột tóc mình vào cành cây?

Vua nghe lời này càng thêm thương cảm, tự nghĩ: Bà-la-môn này già yếu, nếu không cắt được đầu ta sẽ mất lợi ích lớn.

Theo lời thỉnh cầu, nhà vua lấy tóc trói mình vào cây, bảo Bà-la-môn:

- Ông hãy cắt đầu ta, rồi đặt vào tay ta, ta sẽ trao cho ông.

Khi ấy, Bà-la-môn rút dao, tiến tới. Vị thần cây liền lấy tát Bà-la-môn bất tỉnh, ngã lăn ra đất.

Lúc đó, vua Đại Quang Minh bảo thần cây:

- Sao ông không giúp tôi, lại còn làm tôi khó xử.

Nghe vua nói thế, thần cây sanh lòng khổ não. Nhà vua la lớn: Khổ thay! Giữa không trung không một đám mây mà đổ mưa máu, Trời đất chấn động, mặt Trời lu mờ.

Bấy giờ, Bà-la-môn liền cắt đầu vua, đem về nước mình.

Năm trăm thái tử và các quần thần thâu nhặt thi hài, xương cốt còn lại của vua, xây tháp cúng dường.

Đức Phật bảo A-nan: Vị đệ nhất đại thần lúc ấy thấy vua Đại Quang Minh đem đầu bố thí, không chịu đựng nổi, nên đành tự sát, nay chính là Xá-lợi-phất; còn vua Đại Quang Minh chính là ta.

(Trích kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân quyển 4)

4. VUA THI-TỲ CẮT THỊT MÌNH THẾ MẠNG CHIM BỒ CÂU:

Vua Thi-tỳ tinh tấn tu tập, thương yêu tất cả chúng sanh như mẹ thương con.

Lúc đó, ở đời không có Phật, Thích Đề Hoàn Nhân khi sắp mạng chung tự nghĩ:

- Nơi nào có bậc Nhất thiết trí?

Đế-thích đi hỏi khắp nơi vẫn không ai cho biết, nên đành ngồi suy tư lo buồn.

Ngay lúc đó, có ông sư biến hóa là Trời Tỳ-thủ-yết-ma, đến hỏi Đế-thích:

- Thưa Thiên chủ, vì sao Ngài lo buồn?

Đáp:

- Ta buồn vì không tìm được bậc Nhất thiết trí.

Tỳ-thủ-yết-ma bảo:

- Có Bồ-tát bố thí, trì giới, thiền định, trí tuệ không bao lâu nữa sẽ

được làm Phật.

Đế-thích hỏi:

- Ai vậy?

Đáp:

- Đó là vua Thi-tỳ dòng họ Ưu-thi-na.

Đế-thích nói với Tỳ-thủ-yết-ma:

- Nay chúng ta nên đến thử vị này.

Bây giờ, Tỳ-thủ-yết-ma biến thành chim Bồ câu mắt hồng, chân đỏ. Đế-thích biến làm chim Ưng, bay nhanh đuổi theo chim Bồ câu. Chim Bồ câu bay thẳng vào nách vua Thi-tỳ, toàn thân nó run rẩy, mắt nháy liên tục, hơi thở ngắn lại.

Nhìn thấy cảnh này, mọi người cùng bảo nhau:

- Vua này nhân từ, thương yêu tất cả, có thể che chở cho nó. Chim Bồ câu bé nhỏ này đã theo nhà vua cũng như người ta đã được vào nhà.

Lúc ấy, chim Ưng ở trên cây gần đó nói với vua Thi-tỳ:

- Hãy trả chim Bồ câu lại cho tôi, nó là phần của tôi.

Nhà vua bảo chim Ưng:

- Con chim này ta nhận nó trước, chứ không phải ngươi bắt được. Khi ta mới phát tâm đều muốn độ tất cả chúng sanh.

Chim Ưng nói:

- Nhà vua muốn độ tất cả chúng sanh, tôi không phải trong số đó ư? Vì sao riêng tôi không được thương xót mà còn bị nhà vua cướp đoạt thức ăn.

Nhà vua đáp:

- Ngươi cần ăn thứ gì? Ta đã phát nguyện nếu có chúng sanh nào đến với ta, ta sẽ cứu hộ chúng. Ngươi cần ăn thứ gì, ta sẽ cung cấp cho.

Chim Ưng nói:

- Tôi cần thịt tươi của loài thú vừa mới bị giết.

Nhà vua suy nghĩ: Việc này thật khó, ta không thể giết con vật một cách vô cớ. Vì sao ta lại giết con này đem cho con kia ăn. Nghĩ vậy rồi, nhà vua quyết định:

Thịt này của ta đây
Cũng phải già, bệnh, chết
Không bao lâu thối rữa
Nó cần, ta nên cho.

Quyết định xong, nhà vua gọi người đem dao đến, tự cắt thịt đùi

của mình cho chim Ưng.

Chim Ưng nói với nhà vua:

- Nhà vua tuy đã cho ta thịt tươi, nhưng phải cho số thịt ấy nặng bằng chim Bồ câu.

Nhà vua bảo:

- Đem cân đến, rồi để thịt một bên, chim một bên, cắt hết thịt vua mới nặng bằng chim Bồ câu.

Nhà vua tự trách: Ta phải vững tâm, không được mê muội. Ta đã lập nguyện muốn độ thoát tất cả chúng sanh đọa trong biển khổ, vì sao ta lại chểnh mảng muộn phiền, cái khổ này rất ít so với cái khổ địa ngục. Ta là người có trí tuệ, tinh tấn, trì giới, thiền định mà vẫn lo sợ cái khổ này, huống chi những người trong địa ngục không có trí tuệ.

Khi tâm vua đã quyết, Trời đất chấn động sáu cách: Sóng biển dâng cao, cây khô nở hoa, Trời xối mưa thơm và rải các hoa quý. Thiên nữ ca ngợi nhà vua sẽ được thành Phật.

Đế-thích hỏi vua:

- Ngài cắt thịt đau đớn khổ sở, trong lòng không oán hận, không sợ chết hay sao?

Nhà vua nói:

- Ta rất vui, không oán hận cũng không sợ chết.

Đế-thích hỏi:

- Ai sẽ tin Ngài?

Khi ấy, nhà vua lập thề rằng: Nếu ta cắt thịt máu chảy mà không sân, không hận, không hề buồn phiền để cầu thành Phật, xin nguyện khiến cho thân ta liền được bình phục.

Vừa dứt lời, thân thể nhà vua lại được bình phục như cũ.

(Trích Luận Đại Trí quyển 4)

5. VUA TUỆ ĐĂNG XẢ THÂN BỐ THÍ:

Ở nước Xá-vệ có một trú xứ riêng biệt, đất đai bằng phẳng.

Một thời, Đức Phật đến đó ngồi, Phạm thiên, Đế thích và các Tứ Thiên vương, các vua ở cõi người như Bình Sa Vương v.v... đều bạch Phật:

- Chúng con muốn sắp đặt tòa cao cho Thế tôn ngồi.

Đức Phật bảo:

- Thôi đi, ta tự biết thời.

Bấy giờ, các cư sĩ tin theo ngoại đạo đều sắp đặt tòa ngồi giá trị vô cùng. Lại có các cư sĩ tin ưa cúng dường Phật. Từ ngày mồng một

đến ngày rằm hàng tháng, các vua Ma Kiệt, Bình Sa v.v... thiết lễ cúng dường, giữa các tòa ngồi tự nhiên có tòa sư tử bằng bảy báu. Đức Như Lai ngồi trên tòa sư tử và đại chúng vào chỗ của mình.

Hôm ấy, có vị đàn việt tới phiên thiết lễ cúng dường, dâng nhành dương lên Phật. Đức Phật xỉa răng xong, quăng nhành dương ra sau lưng, tức thì ở đó mọc lên một cây lớn, cành lá nhánh rễ tốt tươi rậm rạp. Mọi người thấy thần lực của Phật như thế, vui mừng ngợi khen là điều chưa từng có.

Lúc đó, Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện giảng nói các pháp khiến ai nấy đều vui mừng, vô số trăm ngàn người ngay tại chỗ ngồi xa kìa trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh. Cứ thế, Đức Phật hiện bày các loài thần biến khác nhau đến mười lăm ngày. Mọi người thấy thần lực biến hóa của Phật đều vui mừng. Đức Phật thuyết pháp khiến họ đắc pháp nhãn tịnh.

Mười lăm ngày kế đó, vua Ma Kiệt, Bình Sa thiết trai cúng dường cho Đức Phật và chúng Tăng. Đồng thời, vua Ba la thù đề, vua Ưu đà diên, vua Phạm Thi, vua Ba-tư-nặc, phu nhân Mạt-lợi, trưởng giả Lê-sư-đạt-đa-phú-la-na, tất cả đại chúng đều thiết trai cúng dường. Thọ trai xong, Đức Phật để bát xuống, rửa tay. Vua Bình Sa lấy ghế thấp đặt ngồi trước mặt Phật.

Bấy giờ, Đức Thế tôn không ngồi kiết già mà gác chân lên ghế, đất liền chấn động sáu lần mười tám cách. Khi đó, tướng bánh xe dưới chân Đức Phật sáng rỡ, có một ngàn luân quách, chiếu khắp ba nghìn cõi nước. Vua Ma Kiệt thấy vậy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai hữu, gối hữu quỳ sát đất, bạch rằng:

- Bạch Đức Thế tôn, xưa kia Ngài tạo phước đức gì mà được tướng tốt này?

Đức Phật bảo vua Bình Sa:

- Vào thời quá khứ, nơi cõi Diêm-phù-đề, có vị vua tên Lợi Chúng Sanh. Đất nước giàu có, nhân dân hùng mạnh. Nhà vua thống lãnh tám vạn bốn ngàn thành, năm mươi lăm ức tụ lạc. Thành vua ở tên Tuệ Quang, đệ nhất phu nhân của vua tên Tuệ Sự. Ban đầu không có con cái, phu nhân đi cầu con nối dõi, lễ lạy Chư thiên, và cầu nguyện khắp các thần núi, thần sông. Sau đó, phu nhân mang thai, mới tâu vua rằng: Thần thiếp nay đã có thai.

Nghe vậy, vua cung cấp cho phu nhân các thức ăn, quần áo, thuốc men nhiều gấp bội. Sau đó, phu nhân hạ sinh một bé trai diện mạo khôi ngô tuấn tú. Ngày đứa bé ra đời, có tám vạn bốn ngàn kho tàng dưới

lòng đất tự nhiên vọt lên xếp thành hàng tuỳ theo đồ vật. Nhà vua bảo phu nhân đặt tên con là Tuệ Đăng. Về sau, vua băng hà.

Năm Thái tử lên tám, chín tuổi, phu nhân dạy con học kỹ nghệ, thư toán, cưỡi ngựa. Năm Thái tử mười lăm tuổi, các thần lên tâu: Đại vương đã băng hà, Thái tử nên lên ngôi kế vị.

Thái tử đáp: Đời trước, ta làm vua sáu năm, sau phải đọa địa ngục sáu vạn năm. Vì vậy, ta không thể làm vua được.

Quần thần tâu: Có cách nào khác để Thái tử làm vua được không?

Thái tử nói: Nếu những người trong cõi Diêm-phù-đề này hoặc nam, hoặc nữ, những loài biết nói đều hành thập thiện, ta sẽ làm vua.

Quần thần nghe Thái tử nói như thế, liền ra lệnh cho bốn phương. Bấy giờ, mọi người trong cõi Diêm-phù-đề đều hành thập thiện: không sát sanh v.v.. Quần thần tâu lên Thái tử: Nay Thái tử có thể lên ngôi.

Thái tử liền tự lên ngôi kế vị.

Quần thần lại tâu: Lúc bệ hạ mới sinh ra, có tám vạn bốn ngàn kho tàng ẩn trong lòng đất tự nhiên hiện ra. Nay xin bệ hạ đem nhập vào kho vua.

Vua phán: không nên nhập vào kho.

Vua lại ra lệnh: Chỗ nào có kho tàng nên đem ra ngã tư đường bố thí cho các Sa-môn, Bà-la-môn, những kẻ nghèo khó, côi cút, già nua.

Quần thần vâng lệnh vua, chỗ nào có kho tàng đều đem ra ngã tư đường ở tám vạn bốn ngàn cửa thành và bố thí cho mọi người.

Bấy giờ, Trời Đế thích hóa làm một chàng trai, đến nói với đại thần: Nhà vua bảo tôi làm mười điều ác.

Đại thần tâu lên vua, hỏi vua có ra sắc lệnh này không? Vua bảo: Trước đây, ta ra lệnh loài biết nói trong cõi Diêm-phù-đề đều hành thập thiện, chớ không hề phán như vậy.

Vua liền cưỡi voi báu đến chỗ chàng trai và hỏi: Ngươi nói Tuệ Đăng này dạy ngươi làm mười điều ác ư?

Hóa nhân đáp: Quả đúng như vậy.

Nhà vua lại hỏi: Ngươi có thể hành thập thiện không?

Đáp: Nếu người nào muốn thành tựu Bồ-tát đạo, ta sẽ ăn tươi nuốt sống máu thịt của người ấy. Sau đó, ta mới hành thập thiện.

Nghe nói vậy, vua suy nghĩ: Từ vô thủy đến nay, ta đã trải qua biết bao đau khổ, luân chuyển trong năm nẻo, giết hại càng nhiều. Thế rồi, nhà vua liền cầm dao tự cắt thịt đùi, lấy đồ đựng đầy máu, đưa cho hóa nhân và bảo: Này chàng trai, ngươi hãy ăn thịt uống máu đi, rồi

thực hành thập thiện.

Vị hóa nhân kia liền biến mất, rồi hiện lại thân Đế thích, hỏi vua rằng: Bố thí vì một thiên hạ hay vì bốn thiên hạ?

Vua đáp: Vì cầu đạo Vô thượng, độ những người chưa được độ.

Đế thích lấy cam lồ cõi Trời rưới lên vết thương của vua. Nhà vua được bình phục như cũ, làm lợi ích chúng sanh.

Này các Tỳ-kheo, phụ vương lúc ấy nay là phụ vương của ta, đệ nhất phu nhân nay là thân mẫu của ta, còn vua Tuệ Đăng chính là ta vậy.

(Trích luật Tứ Phần quyển 2)

6. VUA ĐẠI LỰC BỐ THÍ KHÔNG TIẾC THÂN MẠNG:

Vào thời quá khứ, có vị vua tên Đại Lực, thiện căn rất lớn, mở hội bố thí rộng khắp, ai muốn gì được nấy, cần ăn cho ăn, cho đến voi, ngựa, trâu, dê, ruộng vườn, đất đai, tài sản, cũng đều cho cả.

Lúc ấy, tôn giả Mục-liên nói:

- Ông là người bố thí rộng lớn.

Trời Đế thích liền hóa làm Bà-la-môn đến nói với vua:

- Nhà vua bố thí rộng lớn như thế, tôi nay cần một phần thân thể của vua.

Nhà vua suy nghĩ: Vị Bà-la-môn này không cần của cải, nay đến đây muốn phá hạnh nguyện bố thí của ta. Nếu ta không cho vị ấy một phần cơ thể, tức ta đã tự phá việc đại thí của ta.

Nghĩ thế xong, vua bảo Bà-la-môn:

- Tôi cho ông một phần thân thể của tôi đây, hãy cắt lấy mang đi. Thế nhưng, hôm nay còn có rất nhiều người từ khắp nơi tụ về đây xin, tôi muốn ai nấy cũng được đầy đủ.

Bà-la-môn nói:

- Một mình tôi đây còn chưa đủ, nói chi đến người khác.

Nhà vua liền lấy dao tự cắt cánh tay mình đưa cho Bà-la-môn, nhưng không hề hối hận. Một lòng bố thí, xả bỏ tất cả của cải, nên cánh tay lại bình phục như cũ.

Đế thích làm nhân duyên chướng ngại, phước Trời đã hết, phải đọa địa ngục A-tỳ.

Này các Tỳ-kheo, vua Đại Lực chính là thân ta, còn Đế thích nay là Điều-đạt.

(Trích kinh Bồ-tát Tạng quyển hạ)

7. VUA TỪ LỰC CHÍCH MÁU THÍ CHO NĂM QUỶ DẠ-XOA:

Lúc Đức Phật ở nước Xá-vệ, tôn giả A-nan, sau khi thọ trai, vào rừng ngồi thiền suy nghĩ: Đức Như Lai xuất hiện ở đời, đem lại sự an vui cho mọi loài chúng sanh. Còn các ông Kiều Trần Như v.v... nhờ trồng căn lành gì mà khi cửa pháp vừa mở, được vào trước tiên? Tôn giả đem điều thắc mắc này bạch lên Đức Phật. Đức Phật bảo A-nan:

- Nhóm ông Kiều Trần Như v.v... từ kiếp xa xưa trong quá khứ, nơi cõi Diêm-phù-đề này, có vị đại quốc vương tên Di La (đời Lương dịch là Từ Lực) có hai vạn phu nhân và một vạn đại thần. Nhà vua thực hành Bốn tâm vô lượng (từ, bi, hỷ, xả) chưa từng lười mỏi. Nhà vua dạy dân thực hành thập thiện nhờ đó bốn phương ngưỡng mộ, cõi nước an vui. Nhưng có bọn quỷ gây bệnh dịch thường hút máu người. Lúc ấy, nhân dân nhiếp hộ thân, khẩu, ý, chuyên hành thập thiện, bọn quỷ kia không xâm được nên đó khát ốm gầy.

Bấy giờ, năm con quỷ dạ-xoa đi đến tâu vua:

- Chúng tôi sống nhờ vào khí huyết loài người mà được toàn mạng. Từ khi nhà vua dạy dân thực hành thập thiện, chúng tôi đói khát, không còn cách nào để sống. Đại vương rộng lượng há không thương xót chúng tôi sao?

Nghe nói vậy, nhà vua thương cảm, tự chính vào năm chỗ ngay mạch máu trên thân. Năm quỷ dạ-xoa nhờ uống máu, thỏa thích vô cùng. Nhân đó, vua dặn chúng:

- Các ngươi phải nhớ tu thập thiện. Ta nay chích thân lấy máu để giúp các ngươi khỏi đói khát. Sau này ta thành Phật, sẽ dùng máu giới định tuệ của pháp thân diệt trừ ba độc của các ngươi, đưa các ngươi đến cõi Niết-bàn.

Này các Tỳ-kheo, vua Từ Lực bấy giờ chính là ta, còn năm quỷ dạ-xoa là nhóm năm anh em Kiều Trần Như. Ta đời đời lập nguyện sẽ độ họ trước tiên, nên được như thế.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 2)

8. NHỜ BỐ THÍ, VUA TU-ĐÀ-TU-MA ĐƯỢC THOÁT MẠNG:

Xưa, có vua Tu-đà-tu-ma chuyên tâm trì giới, thường nói lời chân thật. một hôm, vào sáng sớm, vua ngồi xe dẫn các thể nữ ra vườn dạo chơi. Khi ra khỏi cửa thành, có một vị Bà-la-môn đến khất thực. Vua nói:

- Được. Tôi kính vâng lời dạy của Như Lai. Đợi khi tôi trở về sẽ cho, còn bây giờ tôi phải đến vườn tắm rửa vui chơi.

Lúc đó, có vua của loài chim hai cánh tên là Lộc Túc, từ trên Hư không bay xuống đám thể nữ bắt vua đem đi. Các thể nữ gào khóc làm kinh động cả nước, trong và ngoài thành ai cũng lo lắng xôn xao. Vua Lộc Túc cắp vua Tu-đà-tu-ma đem về núi, nơi đó có sẵn chín mươi chín vị vua bị bắt trước. Vua Tu-đà-tu-ma khóc như mưa. Lộc Túc hỏi:

- Này Đại Sát-lợi Vương, vì sao ông khóc như trẻ con vậy? Con người có sanh thì có tử, có hợp ắt có chia lìa.

Vua Tu-đà-tu-ma vương đáp:

- Tôi không sợ chết, nhưng buồn vì mình không giữ được lời hứa. Từ khi sanh ra cho đến nay, tôi chưa hề nói dối lần nào. Sáng sớm hôm nay, tôi vừa ra khỏi cửa thì có một vị Bà-la-môn đến khất thực. Lúc đó, tôi hứa khi trở về sẽ bố thí. Không ngờ, đã xảy ra sự việc này, khiến tôi không giữ được lời hứa, tự mình phải chuốc lấy tội lừa dối, thế nên tôi khóc.

Vua Lộc Túc nói:

- Như ông sợ mang tiếng lừa dối, tôi cho phép ông trở về bố thí bảy ngày cho vị Bà-la-môn đó, xong việc phải trở lại ngay. Nếu quá bảy ngày, ông không trở lại, tôi sẽ dùng sức mạnh của đôi cánh đến bắt ông dễ dàng.

Vua Tu-đà-tu-ma được trở về bổn quốc tự do bố thí, lập thái tử lên ngôi, tập hợp nhân dân nói lời xin lỗi: Trí tuệ của tôi không đủ nên trị nước không đúng pháp, xin được dung thứ cho. Như tôi ngày nay, chính thân này cũng không phải của mình, về đây rồi lại đi.

Nhân dân cả nước và những người thân thích đều sụp lạy xin vua ở lại, thưa:

- Mong nhà vua lưu tâm che chở nước này, đừng sợ Lộc Túc quỷ vương. Bây giờ, chúng ta nên thiết lập nhà sắt, binh lính hùng mạnh. Dù Lộc Túc có phép thần cũng không đáng sợ.

Vua bảo:

- Không được như thế, rồi nói kệ:

Nói thật, giới thứ nhất
Nói thật sẽ sinh thiên
Nói thật lớn nhân cách
Nói dối vào địa ngục
Ta nay giữ lời thật
Thà bỏ mạng sống này
Tâm không hề hối hận.

Suy nghĩ như vậy rồi, nhà vua liền đi đến chỗ vua Lộc Túc. Lộc Túc từ xa trông thấy vua rất vui vẻ nói:

- Ông là người nói thật, không để mất lòng tin. Mọi người ai cũng tiếc thân mạng, ông đã thoát chết mà còn đến nộp mạng, tôi tin ông là bậc đại nhân.

Bấy giờ, vua Tu-đà-tu-ma khen ngợi công đức nói thật. Nói thật là phẩm cách làm người, nói dối thì không còn nhân cách. Cứ như thế, Tu-đà-tu-ma vương dùng nhiều lời khen ngợi lời nói thật, quở trách việc nói dối. Nghe xong, Lộc Túc khởi lòng tin thanh tịnh, nói với vua Tu-đà-tu-ma rằng:

- Nay ta thả ông và cũng thả chín mươi chín vị vua kia. Đó là công đức trì giới Ba-la-mật.

(Trích Đại Trí Độ Luận quyển 4)

9. VUA TÁT-HOÀ-ĐÀN LÀM NÔ BỘC CHO BÀ-LA-MÔN:

Xưa có vị quốc vương hiệu Tát-hòa-đàn (đời Lương gọi là Nhất Thiết Thí) luôn giữ hạnh ai đến xin đều được vừa ý. Vì vậy, danh tiếng nhà vua vang khắp tám phương. Ngài Văn Thù Sư Lợi muốn đến thử vua, bèn hóa làm một Bà-la-môn trẻ từ nước khác đi đến cung vua. Nhà vua rất vui mừng liền ra nghinh đón chào hỏi:

- Đạo nhân từ đâu đến?

Bà-la-môn đáp:

- Nghe công đức của vua nên đến bái yết và muốn xin một việc.

Nhà vua nói:

- Tốt lắm! Muốn gì được nấy, có gì khó đâu.

Bà-la-môn nói:

- Muốn vua làm nô bộc và vợ vua làm tì nữ cho tôi.

Nhà vua vui vẻ đáp:

- Tốt lắm! Nay thân ta, tự ta có thể quyết định được, xin thuộc về đạo nhân để sai khiến hầu hạ. Còn phu nhân là con gái của một đại quốc vương, phải đến hỏi lại.

Nhà vua vào cung nói với phu nhân. Khi ấy, phu nhân đi ra, tự thưa với đạo nhân:

- Xin được đem thân hầu hạ đạo nhân.

Bà-la-môn nói:

- Các ngươi hãy theo ta, tất cả đều đi chân đất, không được mang giày, đúng như phép của nô tì.

Vua và phu nhân đều nói:

- Thưa vâng! Xin nghe theo lời chỉ bảo của Ngài.

Bà-la-môn liền dẫn nô tì vượt đường mà đi.

Ngài Văn Thù Sư Lợi lại hóa ra người khác thế vào chỗ vua và phu nhân cai trị nước khiến được như cũ. Phu nhân lâu nay sống nơi thâm cung, chưa hề trải qua cảnh khổ nhọc, lại thêm nặng nề vì mang thai mấy tháng, đi bộ theo đại gia nên toàn thân đau nhức, bàn chân bị rách nát, không thể bước tiếp, mệt lả người nên ở lại sau. Bấy giờ, Bà-la-môn quay lại mắng:

- Ngươi nay làm tì nữ phải đúng như phép của tì nữ, không thể sống theo phong cách trước đây của ngươi.

Phu nhân quì xuống thưa:

- Con không dám biếng trễ, nhưng quá mệt mỏi nên dừng nghỉ chút thôi.

Bà-la-môn quát:

- Hãy mau lại đây! Gấp theo ta đến chợ, ta sẽ bán mỗi người cho mỗi chủ, cách nhau vài dặm.

Lúc đó, có trưởng giả mua được nô bộc sai giữ nghĩa địa, hễ ai đến chôn người chết bắt phải nộp thuế, không được trốn tránh. Còn tì nữ thuộc về đại gia. Vợ của đại gia rất ghen, sớm tối sai làm quần quật, không cho nghỉ ngơi. Vài tháng sau, người tì nữ ấy sanh một đứa bé trai. Phu nhân nổi giận, mắng:

- Ngươi là tì nữ sao được đứa bé này? Mau đem giết đi! Vâng lời đại gia, tì nữ liền giết đứa bé, đem đi chôn cất. Tì nữ đến chỗ nô bộc, hai người gặp nhau, nhưng không nói đến chuyện cực nhọc, chỉ nói vài lời thông thường cũng không ai có lòng oán hận. Trong khoảnh khắc, tựa như chiêm bao! Vua và phu nhân trở về bổn quốc, ngồi trên chánh điện như trước không khác, cùng các quần thần, hậu cung, thể nữ thảy đều như cũ. Thái tử được sanh ra cũng tự nhiên sống lại. Vua và phu nhân tự nghĩ:

- Duyên cớ gì đưa đến như vậy?

Ngài Văn Thù Sư Lợi ở giữa Hư không, ngồi trên hoa sen báu hiện thân sắc tướng khen ngợi:

- Lành thay! Các ngươi bố thí rất mực chí thành.

Vua và phu nhân vui mừng khôn xiết, đến trước làm lễ. Văn Thù Sư Lợi thuyết pháp cho họ nghe. Khi ấy, ba nghìn cõi nước đều chấn động. Tất cả người trong nước đều phát tâm Vô thượng Chánh giác. Vua và phu nhân ngay lúc đó đều đắc vô sanh pháp nhẫn.

Đức Phật bảo A-nan, ông vua lúc đó chính là ta, phu nhân thuở ấy nay là Cù-di, thái tử nay là La Vân.

(Trích kinh Tát Hòa Đàn Vương)

10. VUA CÙ-LÂU-BÀ XẢ BỎ VỢ CON YÊU QUÝ ĐỂ ĐƯỢC NGHE PHÁP:

Thuở xưa, nơi cõi Diêm-phù-đề, có vị đại quốc vương tên Cù-lâu-bà thống lãnh tám vạn bốn ngàn nước nhỏ, bảo hộ nuôi nấng người và loài vật. Một hôm vua suy nghĩ: Ta chỉ đem tiền của giúp cho tất cả, mà không dạy họ đạo đức. Đây chính là lỗi của ta. Nhà vua ra lệnh trong nước, hễ ai nói pháp cho vua nghe, vua sẽ cung cấp đầy đủ những thứ cần dùng. Bấy giờ, vua Tỳ Sa-môn hóa làm quỷ dạ-xoa đi đến cửa cung nói: "Ai muốn nghe pháp ta sẽ nói cho". Nhà vua bước ra nghinh tiếp, làm lễ, triệu tập quần thần đến nghe chánh pháp. Dạ-xoa nói:

- Học pháp rất khó. Nhà vua phải đem vợ con yêu quí đến cho ta ăn.

Nhà vua bảo người đem phu nhân, thái tử cho dạ-xoa ăn. Lúc đó, quần thần khóc lóc, nhà vua vẫn không đổi ý. Dạ-xoa ăn xong, liền nói kệ:

Tất cả hành vô thường
Có sanh thì có khổ
Năm ấm, không, vô tướng
Không ngã và ngã sở.

Được nghe bài kệ, nhà vua vui mừng, không chút hối hận, ra lệnh mọi người đều phải tụng trì.

Lúc ấy, vua Tỳ Sa-môn hiện lại thân cũ. phu nhân, thái tử xinh đẹp như xưa. Vua Tỳ Sa-môn khen vua hạnh ít có. Đức Phật bảo: vua Cù-lâu-bà thuở ấy chính là ta ngày nay.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 1)

11. VUA THIỆN TÚC ƯA BỐ THÍ KHIẾN QUỶ VƯƠNG HỒI TÂM:

Thưở xưa, có một con quỷ ăn thịt người làm vua nhân gian, lấy thịt người làm bữa ăn thường ngày cho nó. Quỷ vương này chinh phạt các nước láng giềng bắt được chín mươi chín vị vua. chín mươi chín vua này tâu lên vua La-sát:

- Ở nước láng giềng kia có một vị vua tên Thiện Túc. Ông ấy thích làm việc bố thí, tu Bồ-tát đạo, ai cầu xin điều gì đều không trái ý. Nếu đại vương bắt được ông ta, bọn tôi cam lòng chịu chết, không hề oán hận.

Bấy giờ vua La-sát liền kéo binh quỷ, đi đến nước kia rình chờ cơ hội thuận tiện, gặp lúc Thiện Túc ra ao tắm dạo chơi, ngắm nhìn bể

tắm.

Khi đó, có một vị Phạm chí từ bỏ gia đình, tìm đường học đạo. Theo phép thời ấy, trước khi ra đi, Phạm chí phải thưa với cha mẹ rằng:

- Nay con xin từ biệt gia đình để theo các bạn học hỏi, chưa biết khi nào trở về. Nếu gia đình có thiếu thốn, cha mẹ hãy đến nhà vua xin vay, con về sẽ trả lại.

Học xong, Phạm chí trở về thấy nhà cửa trống trơn, không còn ai cả, liền hỏi hàng xóm:

- Cha mẹ, anh chị em của tôi, hiện giờ đang ở đâu?

Hàng xóm cho biết:

- Sau khi ông đi học, cha mẹ ông vay nợ của cải của vua, nhưng đến kỳ không trả được, nên đang bị bắt nhốt trong lao ngục.

Phạm chí suy nghĩ: Nhà ta nghèo cùng, sự nghiệp tiêu tán, không còn của cải. Giả như ta đến lao ngục thăm cha mẹ thì không thoát khỏi phép vua cũng bị bắt trói, cùng chịu cảnh khổ. Tốt hơn, bây giờ ta ở ngoài thay hình đổi dạng, lén đi tìm kiếm, cuối cùng sẽ có tài vật để bồi thường cho nhà vua, và cha mẹ ta sẽ được thả ra. Phạm chí lại nghĩ: Bên nước láng giềng có vua Thiện Túc tu hành nhân đức, bố thí rộng khắp. Nay ta đến đó chí tâm cầu xin, hẳn được mãn nguyện đủ để bồi thường của báu cho vua.

Suy nghĩ như vậy, Phạm chí liền đến đất nước kia, theo vua cầu xin. Nhà vua bảo:

- Tốt lắm! Nhưng hãy đợi trong giây lát ta tắm xong, rồi sẽ cho chớ có lo buồn.

Nhà vua đến bể tắm bị bọn quỷ bắt trói. Nhà vua ngoái nhìn, buồn rơi nước mắt. Quỷ vương thấy vậy, hỏi:

- Ta nghe nói nhà vua nhân từ, hòa mục, bác ái, cứu giúp tất cả. Nhưng bây giờ gặp nguy khốn này,sao ông lại buồn rầu như thế?

Nhà vua nói với quỷ vương:

- Đời ta bố thí, chưa từng hối hận. Nhưng vừa rồi, có vị Phạm chí đến xin của báu, ta đã hứa mà chưa cho. Ta buồn là vì thế.

Quỷ vương nói:

- Nhà vua luôn giữ lòng thành tín, xưa nay không đổi. Như nay tôi cho nhà vua về, bố thí xong, vua trở lại mới biết tâm vua thế nào.

Nhà vua được trở về cung, mở kho bố thí thỏa mãn ý mong cầu của người kia. Sau đó, vua liền trở lại chỗ quỷ vương đúng như lời hứa. Quỷ vương hỏi:

- Nhà vua không sợ ta ư? Vì sao còn đến đây để nhận lấy cái

chết?

Thiện Túc nói kệ đáp lại:

Làm phước, không làm ác
Đều do việc làm trước
Trọn không sợ tử vong
Như thuyền vượt sang bờ.

Nghe vậy, quỷ vương sanh lòng hổ thẹn, sửa đổi tâm hạnh, tu tạo thiện căn và nói với vua Thiện Túc:

- Nay tôi được nghe điều vua nói, thật hiếm có trong đời. Tôi sẽ thả chín mươi chín vương kia, từ bỏ ngôi vị. Xin nhà vua hãy thống lãnh tất cả, lấy chánh pháp trị nước, còn tôi dắt bọn quỷ trở về sào huyệt của mình. Chúng ta ước hẹn: Thỉnh thoảng ghé thăm nhau. Hai vua cùng từ biệt, mỗi người trở về chỗ của mình.

Muôn dân vui mừng, cõi nước thái bình, cùng hành thập thiện, không tạo nghiệp ác. Thiện Túc tích đức hành thiện không ngừng, sau được thành Phật.

Ở dưới thọ vương, vua lại nói bài kệ trên.

(Trích kinh Xuất Diệu quyển 16)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 26

(CÁC QUỐC VƯƠNG TU HẠNH BỒ TÁT)

1. Vua Hoà Hắc cải tà quy chánh.
2. Công đức cúng dường ca-sa.
3. Vua Hoà Đạt tu hạnh bố thí.
4. Vua Nhật Nan từ bỏ ngai vàng học đạo.
5. Câu chuyện vua Dự Tiên.
6. Công đức tụng kệ bát-nhã.
7. Vua A Xà Thế dứt nghi ngờ.
8. Vua Đại Quang Minh.
9. Ngoại đạo cùng đệ tử Phật so tài.

1. VUA HOÀ HẮC CẢI TÀ QUY CHÁNH:

Ngày xưa có vua Hoà hắc trị vì mọt nước ở vùng biên cương hẻo lánh. Vì chưa gặp Phật giáo hóa nên cả nước đều tôn thờ ngoại đạo, tin theo những điều sai lầm, giết hại sinh vật, cúng tế quỷ thần. Một hôm mẫu hậu lâm bệnh, vua lập đàn cầu xin các vị thần y suốt nửa năm mà bệnh của mẫu hậu cũng không bớt. Vua lại cho mời hai trăm Bà-la-môn trong nước đến bảo:

- Mẫu hậu của trẫm bệnh nặng đến nay đã lâu, không biết nguyên nhân tại sao.

Các Bà-la-môn đáp:

- Tâu bệ hạ, đó là do tinh tú đảo lộn, âm dương không điều hoà.

- Vậy phải làm cách gì để mẫu hậu trẫm khỏi bệnh.

- Bệ hạ nên cho dọn sạch một khu đất trống ngoài thành để lập đàn cúng tế cầu nguyện bốn núi, mặt Trời, mặt trăng, tinh tú; bắt một trăm súc vật các loạivà một đứa bé đem giết để tế Trời. Bệ hạ đích thân dẫn mẫu hậu ra quỳ lạy cầu xin thì bệnh sẽ khỏi.

Vua liền nghe lời, cho người đi bắt một đứa trẻ và một trăm sinh

vật như voi, ngựa, trâu, dê... rồi từ cửa thành phía đông dẫn chúng đến để giết cúng tế. Trên đường đi, chúng kêu la dậy Trời.

Phật biết được việc, thương xót ông vua ngu muội này, liền dẫn hàng đệ tử đi đến nước ấy. Từ xa, vua Hòa Hắc nhìn thấy vầng hào quang của Phật như ánh dương vừa ló dạng, như mặt trăng tròn vạnh sáng ngời khắp nơi. Gặp Phật, ai ai cũng cung kính, đứa bé và bầy súc sanh cầu xin thoát chết. Vua chắp tay đảnh lễ Phật rồi quỳ xuống thưa:

- Bạch Thế tôn, mẫu hậu của trẫm bệnh nay đã lâu, trẫm đã cho mời nhiều lương y tài giỏi dến chữa trị mà vẩn không khỏi. Nên nay trẫm lập đàn muốn cảm tạ tinh tú, tứ sơn, ngũ nhạc cầu xin cho mẫu hậu mau lành bệnh.

Phật dạy: Muốn có lúa đậu thì phải cày cấy, gieo trồng; muốn được giàu sang thì phải tu hạnh bố thí; muốn dược trường thọ, phải tu hạnh đại từ; muốn có trí tuệ thì phải học hỏi. Trong bốn việc này, hễ làm theo việc nào thì thu gặt kết quả nấy. Cúng tế cầu nguyện một cách mê lầm, lấy tà làm chánh, giết hại sinh vật để mong cầu sự sống là cách xa chánh đạo. Phật nói kệ:

Người muốn thọ trăm tuổi
Hết lòng thờ Trời thần
Giết voi ngựa cúng tế
Chẳng bằng tu hạnh từ.

Phật phóng hào quang chiếu sáng cả đất Trời, chúng sanh trong tam đồ bát nạn đều rất vui mừng. Vua nghe pháp, thấy ánh hào quang của Phật liền đắc quả Tu-đà-hoàn. Mẫu hậu nghe pháp, trong lòng cảm thấy an vui thanh thản nên thân bệnh liền hết hẳn. Hai trăm Phạm chí hổ thẹn làm lễ Sa-môn.

(Trích kinh Từ Nhân Pháp Cú Thí Dụ quyển 2 và Đại thừa Phương Tiện quyển thượng)

Từ đó về sau, vua Hoà Hắc thương yêu dân chúng như con. Đất nước an bình, lúa đậu được mùa. Con người sống đến tám mươi ngàn tuổi, thương yêu che chở chúng sanh như Trời Đế thích. Vua tin kính Tam bảo, thường tu mười điều lành và khuyên dạy dân chúng khắp nơi cùng tu.

Lúc ấy có một người nghèo trộm cắp tài sản, bị chủ bắt được dẫn đến vua. Vua hỏi:

- Tại sao ngươi lấy cắp?

- Tại thần quá nghèo không nuôi nỗi bản thân nên làm việc trái phép tắc.

Vua buồn bã trách mình:

- Dân đói là ta làm cho họ đói; dân lạnh là chính ta tước mất y phục của họ. Ở địa vị ta có khả năng làm cho dân chúng ấm no. Sự khổ hay vui của dân đều là ở nơi ta mà thôi.

Sau đó vua ra lệnh đại xá cho tội nhân, lấy của cải trong kho ban phát cho dân nghèo. Xe, ngựa, thuốc thang mặc tình cho họ chọn lấy. Ngay cả chim thú, tôm cá cũng được vua quan tâm. Từ đó, dân giàu nước mạnh, vua dân dẫn dắt nhau tu tập, không còn nghe đến danh từ mười điều ác. Quỷ thần đều vui mừng ủng hộ nước kia. Lúa đậu được mùa, của cải sung túc, con người hưởng được năm phước: sống lâu, dung nhan ngày càng đẹp, đức độ vang khắp tám phương, không có tật bệnh sức khỏe ngày càng tốt, trong nước an ổn, lòng người an vui.

(Trích kinh Độ Vô Cực Tập quyển 3)

2. CÔNG DỨC CÚNG DƯỜNG CA SA:

Thuở xưa có một vị vua dâng ca sa cúng dường Phật, nhân đó phát tâm Vô thượng Bồ-đề và cầu thành Phật. đến khi Phật nhập Niết-bàn, trà tỳ kim thân, ca sa ấy không cháy.vua thâu nhặt Xá-lợi Phật cùng ca sa xây tháp cúng dường. Đến khi pháp diệt tận, ca sa vẫn còn nguyên chỗ cũ, về sau không có tháp cúng dường, ca sa được cất giữ qua nhiều năm tháng đồng thời mọi người cũng không còn được nghe Phật pháp nữa. Mỗi khi đến ngày tề trai, vua quan cùng đại thần và vô số dân chúng đem hương hoa phang lọng cúng dường ca sa. Cứ như thế, đời này nối tiếp đời sau giữ gìn ca sa chưa từng quên bỏ. Về sau có một vị vua nghĩ rằng: "Tiên vương và ta cùng tôn kính cúng dường ca sa này sẽ được phước gì. Đây là y gì mà chẳng ai biết".

Khi ấy có một người ở xứ Phật đến đây buôn bán sinh sống, tâu vua:

- Vua Duyệt Đầu Đàn ở nước thần sanh được bậc Thánh tên Tất Đạt. Vị ấy xuất gia học đạo hiệu là Phật, thân có ba mươi hai tướng tốt, thường mặc y này.

- Vua nghe xong vui mừng cho người đi thỉnh Phật.

Vị khách buôn tâu:

- Nếu có người thỉnh Phật chỉ cần đốt hương thơm, từ xa đảnh lễ cung thỉnh.

Vua nghe lời đốt hương thỉnh Phật, xin Phật ngày mai thương xót hạ cố đến. Khói hương liền bay đến toả quanh Phật bảy vòng rồi bay lên Hư không biến thành lọng hoa. Phật mĩm cười, hào quang trong

miệng toả ra chiếu khắp vô số cõi. Hào quang bay lên Hư không, hòa quyện với khói hương kia kết thành lọng hoa rồi hạ xuống che trên đảnh Phật.

Ngài A-nan bạch Phật:

- Bạch Phật, khói hương này từ đâu bay đến?

- Phật giải thích đầy đủ cho A-nan nghe. Đúng giờ Phật đến, ba ngàn đại thiên cõi nước đều chấn đông mạnh, cửa thành nước kia đều biến thành vàng, trống, đàn không gỏ cũng tự trỗi nhạc, vòng xuyến của phụ nữ đều rung động, cây khô đã trăm năm bổng tươi lại. Thấy vậy, vua vô cùng kinh sợ, cho goi người đến hỏi:

Đây là điềm tai quái gì mà khiến cả nước có những thay đổi bất thường như thế?

Khách buôn đáp:

- Đức Thế tôn đến nơi nào thì trước tiên sẽ hiện ra những điềm lành ở nơi ấy. Đây cũng đều do công đức của vua mà chiêu cảm như thế.

Vua nghe xong vô cùng vui mừng, thông báo cho thần dân đốt hương đoń Phật. vua đem ca sa dâng cúng Phật và phát nguyện: “cho con được như vị A-la-hán, thị giả của đức Thế tôn”. Khi ấy Phật không sao đở nổi ca sa, ca sa rơi xuống đất, chìm sâu xuống dưới đến vô số cõi Phật, rồi treo lơ lửng trên Hư không”. Bồ-tát các cõi duới bạch Phật mình rằng:

- Ca sa này từ đâu đến và tại sao nó không rơi xuống đất?

Phật bảo:

- Lát nữa sẽ tự biết.

Khi ấy Phật Thích-ca dạy năm trăm đệ tử như Mục-kiền-liên, Xá-lợi-phất... đi đến cõi ấy lấy ca sa. Mỗi người đều dốc hết thần lực của mình mà vẫn không sao lấy được. Phật lại bảo Văn Thù đến lấy nhưng cũng không lấy được.

Phật bảo:

- Ca sa này của vua đời trước dâng cúng cho Phật thuở ấy và phát tâm Vô thượng. Trải qua vô số kiếp, ca sa này truyền đến vua. Nay vua lại dâng cho ta với tâm nguyện muốn làm Thánh văn nên ta không cầm nỗi ca sa này. Vì ý của người trước tôn trọng nên ca sa nhẹ, chí của người sau nhỏ nhen nên ca sa nặng.

Vua nghe Phật dạy liền tự sám hối:

- Con làm vua một nước, tâm niệm hẹp hòi, không muốn ai trong nước có ý mong chiếm ngôi vị của con. Nếu kẻ nào có ý này, con cho là

phản nghịch. Cũng vậy, Phật là đấng Thế tôn nên con không dám mong cầu quả vị Phật.

Nghe Phật dạy xong, vua và thần dân đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Khi ấy ca sa tự nhiên ở dưới đất vọt lên, Vua đỡ lấy ca sa dâng lên Phật, xin Phật thương xót hết thảy chúng sanh trong mười phương mà nhận ca sa này. Phật nhận ca sa, thuyết pháp cho đại chúng. Vua và quần thần dự vào hàng bất thối chuyển.

(Trích kinh Chiết Phục La hán)

3. VUA HÒA ĐẠT TU HẠNH BỐ THÍ:

Vào thời quá khứ có vị vua hiệu Tát-hòa-đạt (đời Lương gọi Nhất Thiết Thí)Thường cúng dường Sa-môn và bố thí theo sự mong cầu của mọi người. Thuở ấy có một Bà-la-môn tử (cậu bé) mồ côi cha từ lúc nhỏ, nương ở với mẹ và chị, gia đình lại quá nghèo khổ. Hôm nọ, mẹ cậu bé bảo:

- Nhà ta nghèo quá, không thể tự nuôi thân, con hãy đến vua Tát-hòa-đạt xin một ít của cải.

Đứa trẻ thưa:

- Hiện giờ con chưa biết gì, phải học hỏi trước rồi sau đó mới đến. Người mẹ không đồng ý.

Thấy vậy, cậu bé phải mượn trước một lượng vàng để chuẩn bị lương thực cho một năm rồi đi học.

Năm sau con trở về, người mẹ ra đón con và gặn hỏi:

- Con đã đến vua Tát-hòa-đạt về đó ư?

Cậu bé đáp:

- Sự học chưa thông, con phải tiếp tục học.

Người mẹ bảo:

- Vàng của con đưa đã dùng hết rồi.

Nghe vậy, cậu ta liền đến nhà chủ nợ mượn thêm một lượng nữa nhưng họ bảo:

- Ngươi chưa trả vàng cho ta, muốn mượn nữa thì phải ghi tên mẹ và chị ngươi vào sổ nợ này, ta sẽ cho mượn. Nếu như đúng thời hạn mà không trả thì cả nhà phải làm nô tỳ.

- Cậu bé vâng lời viết giấy thuế chấp rồi đem vàng về đưa cho mẹ, tiếp tục đi học.

Qua một năm, cậu ta hiểu biết được chút ít, muốn đến vua Tát-hòa-đạt nhưng giữa đường bị chủ nợ bắt đem đến chỗ mẹ và chị đang bị gam cầm. Cậu bé bảo:

- Ông trói tôi trọn đời cũng không lợi ích gì, chi bằng cho tôi đến vua Tát-bà-đạt xin vàng trả lại cho ông.

Nghe vậy, chủ nợ thả cậu bé ra.

Lúc ấy vua nước khác dấy binh bắt vua Tát-bà-đạt. Nghe tin đó, vua suy nghĩ: "mạng người ngắn ngủi bị luật vô thường chi phối. Lúc nhỏ ta thích bố thí, từ nhẫn không làm thương tổn một ai. Bây giờ lại không muốn chống cự lại nước kia". Nghĩ vậy nên vua không chuẩn bị binh mã cũng không tí sợ hãi mà vẫn bình thản nghinh đón đối phương, làm lễ cung kính, chịu phục tùng.

Thấy vậy, chư thần vội tâu vua:

- Tâu bệ hạ, nước khác đã vào bờ cõi nước ta, vì sao bệ hạ không chuẩn bị binh mã để chống cự.

Vua im lặng. Chư thần tâu ba lần như thế.

Vua bảo:

- Không cần chống cự, cứ như lời ta đã nói.

Chư thần vâng lệnh. Vua bảo:

- Tốt lắm! Các ngươi hãy ở yên trong nhà, chớ chộn rộn.

Đến nửa đêm, vua Hòa đạt để ấn lại rồi lẳng lặng bỏ đi.

Vua nước kia vào, nghiễm nhiên ngồi trên ngai vàng và loan tin:

- Ai tìm được Tát-hòa-đạt sẽ được trọng thưởng.

Ra khỏi nước khoảng năm trăm dặm thì vua gặp cậu bé nghèo này, bèn hỏi:

- Khanh định đi đâu?

- Tôi định đến vua Tát-hòa-đạt. Tôi mồ côi cha từ thuở nhỏ, sống với mẹ và chị, nhà lại rất nghèo không thể tự nuôi thân nên tôi phải vay nợ. Bây giờ tôi định đến vua ấy xin một số vàng về trả nợ và cứu giúp gia đình.

Vua bảo:

- Ta chính là Tát-hòa-đạt. Có một vị vua nước khác muốn chiếm nước ta, ta không muốn làm thương tổn ai nên tránh ông ấy.

- Cậu bé sụp quỳ xuống đất khóc nức nở.

Vua liền an ủi, đỡ cậu bé dậy, bảo: Đừng khóc nữa, điều con mong cầu sẽ được đáp ứng.

Cậu bé bảo:

- Nay vua đã mất nước, lấy gì cho tôi?

Vua bảo:

- Vua nước kia rao ai bắt được ta sẽ được trọng thưởng. Ngươi hãy cắt đầu ta đem về dâng vua ấy thì sẽ được như ý. Cậu bé nói kệ:

Ở đời giết cha mẹ
Khi chết đọa địa ngục
Nếu nay lại hại vua
Tội ấy cũng không khác.
Tôi thật không cam lòng
Đối Đại Vương làm ác
Thà khiến thân này chết
Trọn không làm việc đó.

Vua Tát-hòa-đạt lại bảo cậu bé:

- Nếu ngươi không muốn cắt đầu ta thì hãy cắt mũi và tai ta đem về dâng vua ấy.

- Tôi cũng không đành lòng.

- Thế thì ngươi trói ta đem đến cho vua.

Cậu bé bảo:

- Biết đâu vua kia cũng không làm hại vua. Thế rồi hai người cùng trở về, còn khoảng hai mươi dặm nữa là đến chỗ, vua bảo:

- Khanh hãy trói ta đi.

- Cậu bé liền trói vua tát-hòa-đạt đem đến trước cửa cung. Thấy vua, dân chúng trong nước từ già đến trẻ đều khóc ngất như cha mẹ họ mất.

Chư thần vào tâu với vua kia:

- Tâu bệ hạ, vua Tát-hòa-đạt dang ở trước cửa cung.

Vua kia bảo:

- Dẫn ông ta vô đây.

Tất cả thần dân thấy vua mình như vậy liền gào thét khóc than. Vua cướp ngôi kia cũng rơi lệ và hỏi chư thần:

- Cớ gì tất cả các ngươi đều khóc?

- Chúng tôi thấy vua tát-hòa-đạt đã trao giang sơn cho vua lại đem thân bố thí cho cậu bé này mà không hề hối hận. Việc làm ấy khiến chúng tôi hết sức cảm động, nên mới khóc.

- Nghe vậy, vua cướp nước kia vội sụp quỳ xuống đất, không nén được cảm động òa khóc và hỏi cậu bé:

- Ngươi làm sao bắt trói được vị vua này?

Cậu bé trả lời:

-Tôi quá nghèo túng, phải vay nợ người khác. Nghe vua Tát-hòa-đạt giàu lòng bố thí nên từ xa lặng lội đến để xin một ít vàng về trả nợ và nuôi gia đình. Giữa đường gặp nhau, tôi kể hết những khó khăn với vua. Vua bảo đã trao nước cho vua kia rồi nên không còn gì để giúp.

Tôi vô cùng thất vọng, không biết nương nhờ vào đâu. Thấy vậy, vua Hòa đạt bảo tôi cắt đầu của mình đem đến dâng vua nhưng tôi không dám. Vua lại bảo cắt tai, mũi, lưỡi tôi cũng không chịu và cuối cùng tôi và vua cùng đi đến đây. Lúc sắp đến nơi, lại bảo tôi trói vua, đem đến đây. Đầu đuôi câu chuyện là như thế.

Vua cướp nước nghe xong vội sụp quỳ xuống tuôn lệ, bảo quần thần mở trói cho vua Hoà Đạt, tắm rửa sạch sẽ, mặc y phục mới, vua trao lại ấn, trả lại ngai vàng, cho vua Hòa đạt và quỳ xuống chấp tay khen ngợi:

Ta lúc ở nước mình
Xa nghe đức Đại Vương
Nay đã đến tận nơi
Thấy việc, càng tôn kính
Công đức cao vời vợi
Sánh bằng núi và ng ròng
Sức kiên cố như thế
Không ai lay động được
Nay thấy việc vua làm
Ở đời thật hiếm có
Xin đem nước giao lại
Cùng giữ gìn bờ cõi
Nguyện trở về nước mình
Làm thần, lễ cung kính
Không dám kiêu mạn nữa
Thờ vua như thờ Trời.

Phật bảo:

Vua Tát Hoà-đạt thuở ấy nay chính là ta, vua nước kia nay là Xá-lợi-phất, còn Bà-la-môn nay là Điều Đạt. Ta đã tu tập Lục độ Ba-la-mật nên được ba mươi hai tướng tốt, mười lực và đầy đủ các công đức điều nhờ Điều Đạt. Điều Đạt là thiện tri thức cũng là thầy lành của ta.

(Trích kinh Phật Thuyết Nhất Thiết Thí Sở Hành Lục Độ Đàn Ba La Mật)

4. VUA NHẬT NAN TỪ BỎ NGAI VÀNG HỌC ĐẠO:

Thuở xưa ở nước Ma Thiên La có vị vua tên Nhật Nan thông suốt học thuật, đắc thiên nhản thông, thấy được tất cả vật nhỏ nhiệm sâu kín mà mắt thường không thể thấy, thấu hiểu đạo lý vô thường, than rằng: "Thân ta cũng sẽ rả mục thành đống phân dơ, thì giang sơn này làm sao

tồn tại được”?

Hiểu vậy, vua liền bỏ vinh hoa và những thú vui của cuộc đời, khoát lên mình chiếc áo pháp phục, ăn ngày một bữa, vâng giữ giới Sa-môn, ở chốn núi rừng, hơn ba mươi năm ngủ dưới gốc cây cạnh một hố sâu hơn ba mươi trượng.

Hôm nọ có một người thợ săn phi ngựa săn nai, xảy chân rớt xuống hầm. Trong hầm có một con quạ và một con rắn đang bị thương, sợ chết nên kêu cứu thảm thiết.

Nghe tiếng kêu, đạo sĩ động lòng bi mẫn liền lấy đuốc soi, thấy chúng chụm đầu khóc lóc, Ngài liền tới, bảo:

- Các ngươi đừng lo sợ, ta sẽ cứu. Nói rồi đạo sĩ thòng dây dài xuống hầm, bọn chúng đứa ngậm, đứa nắm đều được thoát chết.

Thoát nạn, chúng cảm ơn đạo sĩ: “Ân tuệ vô lượng của Đạo sĩ như ánh dương, chúng tôi nguyện suốt đời đem thân mạng mình cung cấp những chỗ thiếu thốn cho Ngài”.

Đạo sĩ bảo:

- Ta là vua một nước lớn, dân chúng đông đảo, cung báu, thể nữ hơn hẳn các nước khác thì mong gì mà không được, cầu gì mà không có. Thế nhưng ta cho đất nước là oán thù, sáu trần là sáu cây kiếm thường cắt thân ta, là sáu mũi tên thương bắn vào ta. Vì sáu thứ ấy quấy nhiễu nên phải luân chuyển trong tam đồ, chịu nhiều nổi khổ đau không cùng. Ta chán nó nên mới bỏ cả ngai vàng, đất nước, xuất gia làm Sa-môn, mong đắc quả Phật để giáo hóa quần sanh khiến họ quay về bổn nguyên tự tánh. Há chỉ cứu ba mạng này thôi ư? Các ngươi nên trở về quê nhà, gặp người thân của mình khuyên họ thọ trì tam quy để khỏi trái lời Phật dạy.

Thợ săn thưa:

- Ở đời, tôi đã từng gặp người hiền nhưng không có ai như đệ tử Phật. Đã có lòng vị tha lại cứu giúp chúng sanh chẳng màn đến danh lợi. Nếu có dịp, xin đạo sĩ ghé lại nhà tôi để tôi được cúng dường một bữa cơm mọn.

Quạ bảo:

- Tôi tên Bát, nếu đạo sĩ có gì khó khăn hãy gọi tên tôi, tôi sẽ lập tức đến.

Rắn nói:

- Tôi tên Trường, nếu đạo sĩ có gặp hoạn nạn, xin hãy gọi tên tôi, tôi nhất định sẽ đến báo ân. Nói xong, cả ba đều cáo từ.

Một hôm, đạo sĩ đến nhà người thợ săn, từ xa, thợ săn nhìn thấy

liền bảo vợ:

- Kẻ sui xẻo kia đến đấy, bà hãy làm cơm từ từ, cứ để đến quá ngọ, ông ấy sẽ tự ra về.

Nghe lời chồng, gặp đạo sĩ, bà làm ra vẻ thân cận, mời Ngài ở lại dùng bữa trưa nhưng lại nói chuyện không đâu đến quá ngọ.

Trở về núi rừng, đạo sĩ thấy chim gọi Bát.

Quạ bay đến hỏi:

- Ngài từ đâu đến?

- Từ nhà thợ săn về đây.

- Ngài đã ăn gì chưa?

- Vợ người thợ săn làm thức ăn chưa xong đã quá ngọ nên ta trở về.

Quạ nói:

- Người hung ác khó đem lòng từ bi cứu độ. Quên ơn bội nghĩa là tội lớn nhất. Tôi không có thức ăn để cúng dường, xin Ngài hãy yên tâm ngồi nghĩ.

Trong chốc lát quạ bay đến nước Ban Giá, thấy phu nhân của vua nằm ngũ, trên đầu có cài châu minh nguyệt, chim liền đến gắp châu đem về dâng lên đạo sĩ.

Phu nhân thức dậy thấy mất châu, tìm hoài không được liền tâu lên vua.

Vua loan tin đến các thần dân: Ai tìm được minh châu sẽ được thưởng một ngàn cân vàng, một ngàn cân bạc và bò ngựa mỗi thứ một ngàn con. Còn nếu tìm được mà không đem dâng lên vua thì người đó sẽ bị tội diệt tông.

Người thợ săn nhờ ân tuệ của đạo sĩ nên trói đạo sĩ đem dâng lên vua. Vua hỏi:

- Ông nhặt vật này ở đâu?

Đạo sĩ suy nghĩ:

- Nếu nói chủ của nó thì chắc chắn các loài chim trong cả nước bị giết hết. Làm như thế thì chẳng phải là đệ tử của Phật. Thế nên Ngài im lặng chịu cả ngàn đòn roi mà không hề oán giận vua cũng không thù hận người thợ săn mà tự thệ nguyện: “Nguyện tôi được thành Phật để cứu độ tất cả chúng sanh”. Đánh đạo sĩ xong, vua cho người chôn đứng Ngài, lấp đất đến cổ, chỉ chừa lại cái đầu để sáng ngày mai giết. Đạo sĩ liền gọi tên Trường. Rắn nghĩ:

- Mọi người không ai biết tên tôi, chỉ có đạo sĩ. Ngài đã gọi tên, chắc có điều cần đây. Thế rồi rắn lập tức bò đến gặp đạo sĩ và hỏi:

- Tại sao Ngài lại đến nông nỗi này?

- Đạo sĩ kể lại mọi việc cho rắn biết.

Rắn nghe rồi rơi lệ nói:

- Đạo sĩ là người nhân từ giữa đất Trời mà còn gặp tai họa huống chi người vô đạo, gặp hoạn nạn ai sẽ cứu giúp ư? Nói xong rắn lấy thần dược trao cho đạo sĩ và dặn rằng: Tôi sẽ cắn chết thái tử, Ngài hãy đem thuốc này bôi vào vết thương của thái tử thì thái tử lập tức khỏi bệnh.

Đêm ấy rắn bò vào cung cắn thái tử chết. Vua giữ thi hài thái tử lại đến ba ngày và truyền lệnh: Ai cứu sống thái tử thì ta sẽ chia cho nửa giang san để cai trị.

Người loan tin ấy đi ngang qua đạo sĩ. Đạo sĩ bảo:

- Tôi có thể cứu sống thái tử.

Vua nghe vậy rất vui mừng.

Đạo sĩ lấy thần dược thoa vào thân thái tử. Thái tử liền tỉnh dậy và hỏi:

- Tại sao ta lại ở đây?

Người tuỳ tùng kể lại đầu đuôi moi việc.

Thái tử trở về, ai nấy đều rất vui mừng. Vua liền ban cho đạo sĩ một nửa đất nước để cai trị.

Đạo sĩ một mực từ chối.

Lúc ấy vua mới hiểu: Cho một nửa đất nước đạo sĩ còn không chịu nhận há lại đi lấy cắp minh châu ư? Liền hỏi:

Khanh nhặt hạt châu này ở đâu? Vì hạnh cao đến như vậy nên bổng nhiên khanh thoát khỏi họa này.

Đạo sĩ thuật lại sự tình. Vua nghe qua sụt sùi rơi lệ, bảo người thợ săn:

- Ông có công đối với đất nước. Hãy gọi bà con trong chín họ đến đây, ta muốn trọng thưởng.

Tất cả dòng tộc họ hàng của người thợ săn đều kéo đến cửa cung.

Vua bảo:

- Quên ân bội nghĩa là nguồn gốc của tội ác. Rồi ra lệnh giết hết.

Đạo sĩ vào núi học đạo tinh tấn không ngừng. Mạng chung liền sanh lên cõi Trời.

Phật bảo:

Đạo sĩ thuở ấy chính là thân ta, chim quạ là thu Lộ Tử, rắn là A-nan, người thợ săn là Điều Đạt, người vợ cưu mang lòng ác là quyến

thuộc của Điều Đạt vậy.

(Trích kinh Ma Quốc Vương)

5. CÂU CHUYỆN VUA TIÊN DỰ:

Ngày xưa ở cõi Diêm-phù-đề có một đại quốc vương tên Tiên Dự, rất mến mộ Đại thừa, lòng thuần thiện không một bợn san tham, tật đố... miệng thường nói ra những lời hay tiếng đẹp, thân thường tu hạnh bố thí, cứu giúp người nghèo khổ, bảo bọc kẻ đơn côi. Thời ấy không có Phật, Duyên giác, Thánh văn nhưng vua rất chuộng các kinh điển Đại thừa như Phương Đẳng... Hơn mười hai năm vua thờ phụng và cúng dường những thứ cần dùng cho các vị Bà-la-môn. Nhưng khi cúng xong, vua khuyên họ nên phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Bà-la-môn hỏi:

- Đại vương! Tánh Bồ-đề là "không". Kinh điển Đại thừa cũng như thế. Tại sao bệ hạ lại muốn người đồng với không?

Vua nghe Bà-la-môn hủy báng kinh Phương Đẳng nên liền giết ông ta.

Vua dù phạm giới sát nhưng vì bảo hộ, giữ gìn kinh điển Đại thừa nên không đọa địa ngục. Kinh điển có thần lực nhiệm mầu như thế.

(Trích kinh đại Niết-bàn quyển 11)

6. CÔNG ĐỨC TRÌ TỤNG KỆ BÁT NHÃ:

Thuở xưa ở quốc vương Thiên La có một thái tử tên Ban Túc sắp lên ngôi. Ban Túc thọ giáo với ngoại đạo sư La Đà, phải lấy một ngàn đầu vua để tế gia thần, sau đó mới được lên ngôi vua.

Hiện tại Ban Túc đã có trong tay chín trăm chín mươi chín vị vua rồi, chì còn thiếu một người nữa là đủ số. Ông hướng về phía bắc, băng qua cả ngàn dặm bắt được vua Phổ Minh.

Vua Phổ Minh nói:

- Xin cho ta thêm một ngày nữa để ta cúng dường bữa cơm cho Sa-môn và đảnh lễ Tam bảo.

Nghe vậy, vua Ban Túc chấp thuận.

Vua Phổ Minh liền y theo pháp của bảy vị Phật thời quá khứ, một ngày hai thời giảng kinh Bát-nhã Ba-la-mật. Khi giảng xong tám ngàn câu kệ, đệ nhất pháp sư nói kệ cho vua nghe:

Kiếp thiêu đã hết
Trời đất rỗng rang
Tu di biển cả

Đều là tro than.
Trời rồng phước hết
Thảy đều cháy tan
Thân ta còn mất
Đất nước nào còn?
Sanh, già, bệnh, chết
Mãi vẫn không cùng
Sự nguyện trái nhau
Sầu bi làm hại
Càng ham muốn nhiều
Tăng thêm tội lỗi
Ung nhọt khổ thân
Tam giới cũng vậy
Giang san đất nước
Nương nhờ vào đâu?
Có vốn là không
Do duyên thành tựu
Thạnh hẳn phải suy
Thật tức là hư
Chúng sanh ngu xuẩn
Không biết các pháp
Đều như bọt nước
Như vang theo tiếng
Tan vào hư vô
Đất nước cũng vậy
Thần thức không hình
Nương vào tứ đại
Thế mà không biết
Chỉ trau chuốt thân
Cho là vui thích
Thân hình không chủ
Đất nước sá gì?

Nghe kệ xong, vua Phổ Minh và quyến thuộc đắc pháp nhãn không.

Vua chứng các định Hư không, nghe pháp tỏ ngộ rồi trở về nước Thiên La, đến chỗ vua Ban Túc bảo chín trăm chín mươi chín vị vua kia, giờ lâm chung đã đến, quí vị nương theo pháp của bảy vị Phật quá khứ, tụng kệ Bát Nhã Ba-la-mật-đa. Thấy vậy, vua Ban Túc hỏi:

- Ông tụng pháp gì thế?

Vua Phổ Minh liền dâng bài kệ Bát-nhã đáp lời.

Vua Ban Túc nghe pháp ấy đắc "Không tam muội", chín trăm chín mươi chín vị vua kia nghe pháp cũng đắc "Tam không môn định".

Vua Ban Túc rất vui mừng bảo với các vị vua:

- Ta bị tà sư ngoại đạo xúi giục nên tạo nhiều tội ác, chẳng phải lỗi của các ông. Các ông hãy trở về nước mình đi.

Trở về nước mình, mỗi mỗi vua đều thỉnh pháp sư về giảng những câu kệ bát-nhã ba-la-mật-đa tuyệt diệu ấy.

Vua Ban Túc giao phó giang sơn lại cho em rồi xuất gia học đạo chứng đắc vô sanh pháp nhẫn (như trongThập Vương Địa đã nói).

(Trích kinh Nhân Vương Bát Nhã)

7. VUA A XÀ THẾ DỨT NGHI NGỜ:

Vua A Xà Thế thưa Văn Thù Sư Lợi (kinh Phổ Thủ Đồng Chân trích từ Bạch Phổ Thủ Đồng Chân) rằng:

Cúi xin Ngài thương xót, ngày mai hạ mình quang lâm đến cung điện của con thọ trai.

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Nhà vua thì thừa sức để cúng dường nhưng Phật pháp chẳng phải vì cơm áo.

Vua hỏi:

- Như vậy, con phải cúng dường bằng cách nào?

Nếu nhà vua thâm nhập pháp mầu vi diệu thì đó là việc chắc chắn không nhiễm ô, không chấp trước, không nghi ngờ và cũng không sợ khó nhọc lại không nghĩ đến các pháp, không nghĩ đến sự đối đãi có không, đến đi. Vua hãy để tâm ngay hiện tại này đừng nghĩ đến một thứ gì khác. Ngay đó tất cảcó thể thấy thì ta mới thương xót.

Vua hỏi:

- Như lời Ngài nói thì tất cả các pháp đều không có khác. Chỉ vì thân nên thương xót nhận lời.

Ngài Văn Thù bảo:

- Thôi đi! Đạo ta chẳng phải thế. Trong việc ăn uống, vua không nên nghĩ có ta; có ngã; có nhân; có chúng sanh; có thọ giả. Vì nghĩ đến càng thêm luyến tiếc (những lời đối thoại như thế rất nhiều, văn dài không chép).

Vua rất vui mừng hỏi:

- Bạch Tôn giả, có bao nhiêu người?

- Có năm trăm người.

- Con xin thỉnh tất cả về cung điện con để được cúng dường.

Vua trở về cung bảo mọi người sắm sửa trăm món thức ăn ngon lạ dọn lên cung điện thượng. Đồng thời vua cho trang trí các thứ tràng phang, bảo cái, cờ phướng, lọng hoa rồi đem hoa thơm rải trên đất. Vua còn cho sắp đặt năm trăm gường cao và bảo quét dọn sạch sẽ từ cung điện, thành quách đến thành thị, thôn quê rồi cho dân chúng tán hoa cúng dường chư Tỳ-kheo.

Trong khoảnh khắc, Ngài Văn Thù liền đến phương Đông, qua tám vạn hai ngàn cõi Phật, đức Phật cõi ấy hiệu Thường Thánh văn tự Duy tịnh thủ. Các chúng Bồ-tát cõi ấy thường chuyển A duy việt trí pháp luân, ca ngợi Phật, xưng tán pháp, khen ngợi tăng. Ngài Văn Thù bạch Phật cõi ấy:

- Bạch Thế tôn! Xin Ngài cho hết thảy chư Bồ-tát đến nước Sa-ha, nơi cung điện vua A Xà Thế để thọ trai.

Phật cõi ấy bảo:

- Ai muốn đi thì đi (Trích kinh A Xà Thế quyển thượng)

Vua A Xà Thế nghe Ngài văn Thù và hai vạn hai ngàn năm trăm vị bồ tát, trong số đó có năm trăm Tỳ-kheo (kinh Thủ Đồng Chân nói hai vạn hai ngàn bồ-tát và chư Thanh văn) sắp đến nơi, nên nghĩ:

- Ta chỉ chuẩn bị năm trăm phần, nay làm sao cung ứng đủ!

Tức thời, Thiên vương Hưu Tức Tâm cùng Tôn Duyệt Xoa Kim Tỳ đến gặp vua, bảo rằng:

- Chớ lo sợ. Chớ kinh hãi. Đừng cho là khó.

Vua hỏi:

- Sao là không khó?

- Vì Ngài Văn Thù làm Âu hoà Câu xá na, trí tuệ vô cùng. Ngài sẽ đem trí tuệ và công đức đến, bệ hạ cúng dường một bữa ăn cho Ngài; nếu có tất cả mọi người trong ba ngàn đại thiên đến thì cũng lảm cho mọi người no đủ, thức ăn ăn không hết. Lo gì hai vạn ba ngàn người này. Ngài Văn Thù có công đức rất dáng quý, không thể nào nói hết.

Vua mừng rỡ, cho trỗi kỷ nhạc và đích thân ra nghinh đón chư vị vào cung.

Bấy giờ có vị Bồ-tát tên Phổ Thi đã thấy Ngài Văn Thù Sư Lợi bảo bồ-tát Tam ma đà A nâu đà sửa sang nơi ấy cho sạch đẹp để mọi người đến. Bồ-tát vâng lời đến quan sát bốn bề, tức thì làm xong.

Ngài Văn Thù lại bảo Bồ-tát Pháp Lai Tấc Đắc làm tất cả gường toà. Trong khoảnh khắc Bồ-tát liềm làm xong hai vạn ba ngàn gường

toà đẹp đẽ. Chư Bồ-tát và các Thánh văn đến ngồi trên ấy.

Vua thưa Ngài Văn thù:

- Con đã chuẩn bị mọi việc xong xuôi nhưng còn rất hạn chế.xin quý Ngài hãy đợi trong giây lát, con sẽ cung ứng đầy đủ.

Ngài Văn Thù bảo:

- Mọi việc đã xong rồi, ông chớ lo.

Bấy giờ Thiên vương Tỳ Sa-môn cùng tất cả quyến thuộc đến yết kiến chư Bồ-tát. Họ đều cung kính đảnh lễ đứng hai bên, Thích Đề Hoàn Nhân dẫn phu nhânThủ Na và thiên nữ đến rãi hoa cúng dường Ngài Văn Thù, chư Bồ-tát và các Tỳ-kheo. Hoa rơi xuống thân Tỳ-kheo và dính lại ở đó, chư bồ-tát cũng không thể nào gỡ hoa ấy ra được.

Lúc ấy, Phạm thiên liền hóa thành một chàng trai trẻ đẹp, dung mạo đoan nghiêm đứng hầu quạt bên phải Ngài Văn Thù còn những người con của Phạm thiên quạt hầu chư Bồ-tát Tỳ-kheo. Long vương A-nậu-đạt ở giữa Hư không, không thấy Phạm thiên và các con của ông ta nên cầm chuỗi châu rũ xuống như tràng phan trước mặt mỗi mỗi người. Nước bát vị hương tuôn ra từ các hạt châu để cúng dường cho toàn thể chúng hội.

Vua nghĩ:

- Trong hội này không ai đem bình bát, lấy vật gì để ăn?

Ngài văn Thù Sư Lợi đáp:

- Bồ-tát tuy không mang bình bát đi nhưng đến chỗ thọ thực thì bát tự đến tay. Chư bồ-tát nghĩ đến bát thì bát sẽ theo thứ tự bay đến.

Vua A-nậu-đạt tự rửa sạch bát rồi cho nước vào đầy. Các thể nữ của Long vương nâng hai vạn ba nghìn bát dâng lên chư Bồ-tát, mỗi người đều có một bát.

Ngài Văn Thù nói với vua, có thể phân chia khắp cả mà thức ăn không bao giờ hết. Bây giờ đã hết chưa?

- Thưa Ngài chưa hết.

- Sở dĩ chưa hết, vì có nghi ngờ.

Chư bồ-tát ăn xong ném bát lên Hư không. Bát xếp thẳng thành hàng, không rơi xuống đất cũng chẳng dao động.

Vua lại hỏi:

- Vì sao bát trụ giữa Hư không, nó nương vào đâu?

Ngài Văn Thù đáp:

- Chỗ bát trụ cũng giống như điều vua nghi.

Vua hỏi:

- Bát này không có chỗ trụ, không ở dưới đất, không có chỗ nương

tựa cũng không có xứ sở.

Ngài Văn Thù đáp:

- Điều vua nghi ngờ cũng không có chỗ trụ. Các pháp cũng giống như bát, không có chỗ trụ, không có nơi rơi.

Chư Bồ-tát ăn xong, vua đặt giường toà thưa lên Ngài Văn thù, xin Ngài giải nghi.

Ngài Văn Thù đáp:

- Cho dù hằng hà sa chư Phật cũng không thể giải nghi cho nhà vua được.

Nghe vậy, vua rất kinh sợ, từ trên gương té xuống như cây lớn đổ.

Lúc ấy Ngài Ma-ha Ca-diếp bảo vua:

- Xin vua chớ lo sợ, chớ kinh hãi. Vì Ngài Văn Thù đã vào sâu vào phương tiện. Từ từ rồi sẽ hỏi.

Vua nói:

- Hằng hà sa số chư Phật cũng không thể giải nghi cho con.

Ngài Văn Thù bảo:

- Này Nhân giả! nhân duyên tự tâm mình có thể thấy.

Vua hỏi:

- Không dùng tâm sanh diệt, có thể thấy Phật. Không sanh tử và không chấp bỏ là hai việc làm Phật? Điều nghi ngờ của con hằng hà sa chư Phật cũng không thể hoá giải. Vì sao, nếu có người hỏi: có thể lấy bụi trần làm dơ Hư không được không?

Ngài Văn Thù bảo:

- Nếu có người hỏi, có thể tẩy sạch bụi trần trong Hư không được không?

Vua đáp:

- Không thể được.

Ngài Văn Thù nói:

- Phật biết tất cả các pháp đều như Hư không. Vì sao? Vì vượt ra khỏi cội nguồn cũng chẳng thấy các pháp có nguồn cội. Điều nghi ngờ của vua chẳng phải là điều hằng hà sa chư Phật có thể nói.

Lúc ấy vua liền đắc tín nhẫn, vui vẽ hớn hở thưa:

- Hay thay! Hay thay! Nghi đã giải tỏ.

Ngài Văn Thù nói:

- Đây là điều nghi lớn, đã nói các pháp không có cội nguồn thì nghi từ đâu có?

Vua đáp:

- Nhờ ân lớn này mà con hiểu được chút ít. Bây giờ con có mạng chung cũng không lo gì không đến Niết-bàn.

Ngài Văn Thù bảo:

- Điều hy vọng của nhà vua là không có căn nguyên. Vì sao? Vì các pháp vốn là Niết-bàn nên không có chỗ sanh.

Vua đứng dậy cầm tấm lụa quý giá trị ngàn vạn ức đồng, quấn quanh Ngài Văn Thù. Ngài Văn Thù liền biến mất. Tấm lụa quý treo giữa Hư không, chỉ còn nghe được âm thanh chứ không thấy hình Ngài nữa.

Nghe âm thanh cũng như thấy hình, vua lại thấy được điều nghi của mình vì thấy đúng các phápnhư chỗ đã thấy.

Trong hư không lại có tiếng bảo: Vua hãy đem tấm lụa báu dâng cho Bồ-tát Đắc Thượng Nguyện.

Vua dâng tấm lụa báu lên bồ-tát Đắc Thượng Nguyện, Ngài bảo:

- Cầu giải thoát Niết-bàn nên từ đây ta không có chỗ nhận cũng không thọ nhận của cải người phàm. Vì sao? Vì người phàm có việc của thế gian cho nên ta không thọ nhận; cũng không cầu từ quả A-la-hán đến Bích chi Phật. người cho không hai lòng, người nhận cũng vậy. Cho nên nói: chỗ thọ có lỗi là đối với việc giải thoát.

Vua lấy y định khoác lên thân Bồ-tát, bổng bồ-tát biến mất. Không biết Ngài trụ nơi nào mà trên Hư không vẫn còn vang tiếng nói, bảo:

- Vua hãy đem dâng cho các Bồ-tát còn hiện thân.

Cứ như thế, vua lần lượt dâng y cho các vị Bồ-tát họ cũng đều lần lượt biến mất, cho đến tất cả gường toà cũng không còn. Chỉ còn âm thanh vang vọng: hãy đem y dâng cho các vị còn hiện thân; nhẫn đến năm trăm Thánh văn cũng đều như thế.

Vua suy nghĩ tường tận, chư Bồ-tát và chư Tỳ-kheo đều biến mất, y ta phải dâng cho ai!

Nghĩ rồi, vua đem y báu cho vị phu nhân lớn nhất trong cung, phu nhân cũng biến luôn.

Vua liền đắc tam muội: không thấy các sắc, không thấy tướng nữ, tướng nam, không thấy tướng tường nhà, cây cối, thành quách, nhà cửa... Nếu còn những ý niệm khác thì có thân ta, có sắc, có thức. Tất cả vọng niệm đã dừng nên âm thanh không ấy không còn vang vọng nữa. Cũng như chấp vào cái thấy nên sanh tâm nghi ngờ. Nếu còn kiến chấp nghi ngờ thì thấy các pháp cũng giống như vậy.

Vua liền đem y về mặc thì cũng chẳng thấy thân tâm mình nữa (Ở

đây nói quên tướng, văn nhiều không chép)

Ngài Văn Thù hỏi:

- Vua đã từng nghe Phật nói người phạm tội ngũ nghịch phải đoạ vào địa ngục không?

Vua đáp:

- Thưa Tôn giả, con có nghe.

- Nhà vua có tự biết mình sẽ đoạ vào địa ngục không?

- Người gặp pháp cao tột của Phật được sanh Thiên, có đoạ vào địa ngục không? Người có pháp an lạc có đến Niết-bàn không?

Ngài Văn Thù đáp:

- Không.

Vua nói:

- Con biết các pháp đều là không. Vì sao? Vì địa ngục, sự an lạc, cõi Trời thảy đều là không. Các pháp không hư hoại cho nên nhập pháp thân. Pháp thân cũng chăng phải cõi Trời, chẳng phải cõi nhân gian, chẳng phải địa ngục, cầm thú, cũng chẳng phải cây bạch chỉ, cây vải....

Những nghi ngờ chấp trước đã được giải bày, vua liền đắc pháp nhẫn.

Vua nói, tất cả pháp đều trong sạch không một bợn nhơ.

Nói xong, vua liền đắc tín nhẫn.

(Theo kinh A Xà Thế quyển hạ và kinh Phổ Siêu Tam Muội quyển thứ 2)

8. VUA ĐẠI QUANG MINH:

Bấy giờ Ngài A-nan biết rõ tâm niệm của đại chúng, liền đến trước Phật bạch:

- Bạch Thế tôn! Từ nhân duyên nào đức Thế tôn bắt đầu phát tâm Bồ-đề?

- Thuở xưa ở cõi Diêm-phù-đề có một vị đại vương tên Đại Quang-Minh, đầy đủ phước đức trí tuệ. Khi ấy, vua kết tình thân với vua nước láng giềng và cùng tặng nhau những vật báu trong nước. Một hôm vua nước láng giềng săn đượchai con voi trắng như pha lê. Bảy chi chống xuống đất, vua cho đem nhiều vật quý giá trang sức cho bạch tượng và sai người đem tặng vua Quang Minh.

Vua Quang Minh thấy voi trắng thì rất vui mừng, giao cho Tán Xà- người quản tượng. Tán Xà vâng lệnh, không bao lâu voi đã được điều phục, Tán Xà đến tâu vua.

- Voi đã được điều phục rồi, xin vua đến xem thử.

- Vua liền triệu tập quần thần đến xem voi. Mọi người đã tập hợp, vua bắt đầu lên voi, ra thành dạo chơi. Nó vốn là một chú voi mạnh mẽ, cho nên lúc trông thấy bên ao sen có một bầy voi thì nó liền phóng theo một con voi cái chạy tuốt vào rừng sâu. Khi ấy, thân thể vua bị thương chảy máu, tự nghĩ chắc sống không nỗi, liền đưa tay níu cành cây lại, để voi chạy một mình. Sau đó vua từ từ tuột xuống cây, ngồi bệch xuống đất buồn khổ vô cùng.

Người quản tượng cúi đầu tâu:

- Xin bệ hạ chớ buồn, khi lòng dâm lắng xuống nó sẽ chán những thứ cỏ dại, nghĩ đến thức ăn ngon thì sẽ tự trở về.

Vua bảo:

- Ta không cần voi nữa.

Quả nhiên sau đó voi trở về. Người quản tượng tâu vua:

- Voi đã về rồi.

- Ta không cần voi cũng không cần ông.

- Tuy vua không cần thần nhưng hãy xem qua cách điều phục voi của thần.

Vua đồng ý. Người quản tượng liền bảo thợ làm bảy hòn sắt rồi nung thật đỏ và nghĩ rằng khi voi nuốt hòn sắt nung này nhất định sẽ chết. Về sau lúc vua hối hận, Tán Xà tâu vua:

- Tâu đại vương! Voi trắng quý này chỉ có Chuyển luân vương mới có được. Nay nó chỉ có một chút lỗi nhỏ không đáng phải chết.

- Vua giận dữ quát:

- Hãy cút đi.

Tán Xà bảo voi:

- Hãy nuốt những hòn sắt này, nếu không nuốt ta sẽ dùng móc sắt cắt đầu ngươi. Voi mới nghĩ: “không lẽ ta nuốt sắt nóng nảy mà chết”. Nghĩ rồi nó quỳ gối nước mắt ràn rụa hướng đến vua cầu cứu. vua giận dữ lườm lườm nhìn Tán Xà rồi hỏi:

- Tại sao voi không nuốt sắt?

Khi ấy voi lấy hòn sắt đặt vào miệng, nuốt vào bụng, ruột gan cháy rả, hòn sắt tuột ra khỏi cơ thể, rơi xuống đất vẫn còn đỏ. Voi chết liền.

Vua nhìn thấy hối hận, bảo Tán Xà:

- Ông điều phục voi như thế, tại sao lúc ở trong rừng không thể điều phục nó.

Khi đó Tịnh Cư Thiên biết vua sẽ phát tâm Bồ-đề nên khiến cho Tán Xà quỳ xuống tâu vua:

- Thần chỉ có khả năng điều thân, không có khả năng điều tâm, chỉ có Phật mới có khả năng điều tâm.

- Phật thuộc dòng họ nào?

- Thuộc dòng họ thứ hai. Là người đầy đủ trí tuệ và lòng từ bi siêng tu Sáu pháp Ba la mật, đã đầy đủ công đức trí tuệ được gọi là Phật.

Vua nghe xong vô cùng vui mừng vội đi tắm gội, mặc y phục mới, đảnh lễ bốn phương, khởi lòng từ bi với tất cả chúng sanh, đốt hương lập thệ: "nguyện đem tất cả công đức hồi hướng về quả vị Phật, tự điều phục tâm mình và cũng điều phục tâm tất cả chúng sanh. Nếu ở trong địa ngục có việc lợi ích cũng nguyện vào, trọn không bỏ tâm Bồ-đề".

Lập nguyện xong Trời đất chấn động sáu cách. Trong núi non biển lớn, Hư khôngđều tư nhiên trổi nhạc.

Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

Voi trắng lúc ấy nuốt hòn sắt nóng chính là Nan Đà. Tán Xà chính là Xá-lợi-phất. Vua Quang Minh chính là ta. Lúc ấy ta thấy voi trắng được điều phục từ đó mới phát tâm Bồ-đề.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 3)

9. NGOẠI ĐẠO CÙNG ĐỆ TỬ SO TÀI:

Ngày xưa có một vị vua tên Đa Phước, thái tử tên Tăng Phước. Vua thờ lục sư ngoại đạo, thái tử lại kính thờ Phật. lúc ấy ở đời không có Sa-môn, chỉ có một vị bạch y làm thượng thủ. Có năm trăm ngoại đạo ganh ghét danh tiếng đức hạnh của bạch y kia nên tâu lên vua:

- Trong nước có hai đạo khiến cho lòng người không thống nhất. Xin vua cho chúng tôi và vị tín đồ của Phật thi thố tài đức với nhau. Nếu bên nào thua thì sẽ làm đầy tớ cho bên kia.

Vua đồng ý. Hai bên đều chọn ngày giao ước. Mỗi người đều đến trước vua thi thố tài nghệ của mình. Năm trăm ngoại đạo bắn giỏi, mỗi người đều vào rừng bắn một con nai lớn, mũi tên đều xuyên qua mắt trái của con vật, họ mang chúng về so tài.

Vị thượng thủ kia vào núi tinh chuyên niệm Phật, cầu oai lực của Phật giúp cho đạo được rạng rỡ. Khi ấy có con nai ngũ sắc từ dưới đất hiện lên, ông liền rất vui mừng, bắt về nhà.

Ngoại đạo biết được việc đó, lén rình lúc thượng thủ ra ngoài liền đến bảo với vợ ông ta:

Chồng chị đã bỏ nhà, xuất gia làm Sa-môn. Chỉ vì con nai này mà hạnh phúc gia đình chị tan vở.

Người vợ nghe xong giận dữ đem nai cho ngoại đạo. Người chồng trở về không thấy nai liền hỏi vợ. Người vợ bảo:

- Con vật xui xẻo đó tôi đã cho mất rồi.

Người chồng buồn bã, quay trở lại núi chí thành sám hối. Khi ấy có viên ngọc thần minh châu nguyệt bổng từ dưới đất hiện lên, liền lượm đem về. Ông quan sát đợi lúc ngoại đạo kia ra khỏi nhà liền đến trước cửa khoe khoan bán vật lạ.

Vợ ngoại đạo liền nói:

- Nhà tôi cũng có vật lạ, có thể cùng sánh với nhau.

Nói rồi bà chạy vào nhà dẫn nai ngũ sắc ra.

Người kia vội bảo:

- Tôi theo lệnh vua mang được con nai vàng này về nhà, nay chồng bà lấy cắp nó, tội thật khó lường.

Bà ấy nghe xong trả ngay nai cho người kia.

Đến ngày thi, mỗi Phạm chí đều dẫn nai tới. Nai của họ đều bị thương mắt bên trái, vừa dơ, vừa hôi. Vua rất kinh hoàng.

Khi ấy vị thượng thủ kia mang nai thần và châu minh nguyệt vào cung điện. Hai vật bay lên đùa giởn với nhau toả ra ánh sáng rực rỡ. Cả cung điện đều khen ngợi kỳ lạ. Năm trăm Bà-la-môn biết tài nghệ của mình thua kém người kia liền đến làm nô bộc, vợ của họ làm nô tỳ nhưng vị thượng thủ kia nhận họ làm đệ tử và đem giáo lý dạy cho họ.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ quyển 3)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 27

HÀNH ĐẠO THÁNH VĂN PHẦN THƯỢNG, CÁC QUỐC VƯƠNG BỘ 4

1. Vua nước Ba-la-nại chứng quả Bích-chi-Phật.
2. Công đức xây dựng tháp.
3. Vua Ma-ha-kiếp-tân-ninh chứng đạo
4. Công đức hộ trì Tăng bảo
5. Vua Công Đức Trang Nghiêm thỉnh Phật đắc đạo.
6. Vua Lam-Đạt ngộ đạo.
7. Vua Phổ An chứng đạo.
8. Công đức Bố thí
9. Vua Ma-đạt chứng đạo.
10. Vua Càn-đà chứng Tu-đà-hoàn.
11. Vua Phổ-Đạt gặp Phật chứng đạo.

1. VUA NƯỚC BA-LA-NẠI CHỨNG QUẢ BÍCH-CHI:

Vào mùa hè năm ấy, tiết Trời nóng bức, nhà vua nước Ba-la-nại lên lầu cao ngồi trên toà bảy báu để hóng mát. Nhà vua bảo cung nữ dùng hương Ngưu-đầu chiên-đàn xoa thân. Khi cung nữ xoa thân, trên tay đeo quá nhiều vòng ngọc trang sức, cho nên chạm vào thân nhà vua, chúng va vào nhau kêu lẻng kẻng bên tai, khiến cho nhà vua rất bực bội. Nhà vua ra lệnh cởi bỏ các vòng trang sức hết, chỉ đeo một chiếc để đừng nghe tiếng kêu. Trong chốc lát nhà vua chợt tỉnh ra rằng:

Quốc gia quần thần, dân chúng, thể nữ nhiều thì nảy sinh ra nhiều việc, nhiều việc thì gây nên nhiều phiền não.

Nhà vua liền xa lánh dục lạc, ở một mình nơi vắng vẻ để tu tập thiền định nên sớm chứng được quả vị Bích-chi Phật. Vì vậy, râu tóc của ông tự rụng, mình khoác Ca-sa. Từ trên lầu cao, nhà vua tự mình vận dụng thần túc thông bay ra khỏi cung điện rồi đi vào trong núi. Đây

là nhân duyên của Trung phẩm Bích-chi Phật, Có người nguyện thành tựu quả Bích-chi Phật nên thực hành và gieo trồng thiện căn này. Vì lúc ấy thế gian không có Phật xuất thế, người nào có thiện căn thuần thục, vì chán trần thế mà xuất gia và chứng đạo, nên gọi quả vị đó là Bích-chi Phật.

(Trích kinh Tọa Thiền Tam Muội quyển trung)

2. CÔNG ĐỨC XÂY DỰNG THÁP:

Vua nước Nhục Chi muốn cầu Phật đạo nên đã phát tâm xây dựng ba mươi hai ngôi tháp để phụng thờ. Khi việc xây tháp đã gần hoàn mãn, chỉ còn một ngôi thì có kẻ đến sàm tấu, khích động khiến nhà vua thối chí, nhà vua tự nghĩ:

Gặp những kẻ ác như thế này thì làm sao độ được.

Vì thế nhà vua liền hồi tâm, chuyển bỏ sanh tử hướng đến Niết-bàn, ông tiếp tục xây dựng hoàn tất ngôi chùa tháp thứ ba mươi hai để cầu giải thoát. Do nhân duyên ấy nên nhà vua chứng được đạo quả A-la-hán. Ngôi chùa tháp này được đặt tên là Ba-la-đề-mọc-xoa (đời Lương dịch là giải thoát). Từ đó đến nay chưa tròn hai trăm năm, ngôi chuà ấy vẫn còn.

(Trích Tạp Bảo Tạng)

3. NHỜ CHINH PHẠT NƯỚC XÁ-VỆ GẶP PHẬT CHỨNG ĐẠO:

Ở phía Nam nước Xá-vệ do vua Ba-tư-nặc trị vì có một quốc gia tên là Kim Địa. Nhà vua nước ấy tên là Kiếp-tân-ninh, Thái tử tên là Ma-ha Kiếp-tân-ninh. Khi vua cha băng hà, Thái tử lên ngôi. Với bản tính vốn thông minh lại thêm dũng mãnh, ông thống trị cả ba ngàn sáu trăm nước nhỏ, uy phong chấn động khắp nơi, ai cũng phải về quy phục. Nhưng ông không giao tiếp với vùng Trung thổ.

Về sau có một vị thương buôn đem bốn tấm lụa mịn màng đến nước Kim Địa, dâng lên cho nhà vua. Nhà vua hỏi:

- Vật này đẹp quá, ở đâu sản xuất vậy?

Vị thương buôn thưa:

- Vật này là sản phẩm của vùng Trung thổ.
- Nước đó tên là gì?
- Nước ấy tên Duyệt-kỳ, thành Xá-vệ.
- Quốc vương nước đó sao không đến triều kiến ta?
- Vì uy danh của hai nước ngang nhau cho nên vua ấy không

đến.

Nhà vua suy nghĩ:

- Giờ ta phải tăng thêm uy phong khiến cho nước ấy phải thuần phục về ta.

Nghĩ vậy nhà vua liền bảo khách buôn:

- Các vua thuôc vùng Trung thổ vị nào mạnh nhất?

- Vua nước Xá-vệ là mạnh nhất.

Nhà vua liền phái sứ thần mang thư khuyến cáo đến nước Xá-vệ, bức thư với lời lẽ tự đắc bảo vua Ba-tư-nặc:

Uy phong của ta lừng lẫy khắp cả cõi Diêm-phù-đề, Ngài dựa vào đâu mà không cho sứ qua triều cống ta? Nay ta phái sứ đến bảo cho Ngài biết, sau bảy ngày nữa phải đến triều kiến, nếu không thì ta sẽ mang binh đánh nát nước của Ngài.

Nghe xong, vua Ba-tư-nặc hết sức kinh hoàng, vội đến chỗ Phật trình bày mọi chuyện.

Phật dạy:

- Đại vương hãy trở về bảo với sứ giả nước kia rằng: Ta đây không lớn đâu, hãy còn vị vua khác lớn hơn ta.

Nhà vua vâng lời dạy của Phật, trở về bảo với sứ giả nước kia:

- Trên thế gian này còn có bậc đại Thánh vương, Ngài hiện đang ở gần đây, ông hãy đến đó truyền lại mệnh lệnh của quốc vương ông.

Sứ giả liền đến Tinh xá Kỳ-hoàn, lúc đó đức Thế tôn hoá làm Chuyển luân Thánh vương, thân hình bằng bảy báu, thị tùng đều có đủ. Khi bước vào hoá thành ấy nhìn thấy đại Thánh vương, ông hết sức kinh sợ liền lấy thư dâng lên.

Hoá vương tiếp nhận rồi đem chà dưới chân và bảo với sứ giả rằng:

- Ta là bậc đại Thánh vương, đang thống nhiếp cả bốn châu thiên hạ. Vua của ngươi ngang bướng ngu muội, dám chống lại cả ta sao? Ngươi hãy mau trở về nước, truyền lại mệnh lệnh của ta:

- Ngày nào nhận được tin thì phải lập tức đến hầu ta. Đang lúc nằm nghe tin phải ngồi dậy, đang ngồi phải đứng. Kì hẹn bảy ngày không được chậm trễ, nếu dám trái với mệnh lệnh này thì ta sẽ định tội không được xin xỏ.

Sứ giả trở về nước, đem những điều mắt thấy tai nghe, tâu lại với vua nước Kim Địa. Nhà vua nghe rồi phụng chỉ, thầm trách lỗi của mình, liền hội họp các nước nhỏ lại và dẫn đầu họ đi đến triều kiến đại vương. Trước khi lên đường, ông sai sứ giả đến hỏi đại vương:

Vua của thần sắp thống lãnh ba vạn sáu ngàn vị vua, xin tâu đại vương họ phải đến đây hết hay chỉ đi phân nửa thôi?

Đại vương đáp:

- Cho phép phân nửa ở lại.

Thế là vua Kim Địa dẫn tám ngàn tiểu vương cùng đi đến. Khi đến nơi, làm lễ yết kiến đại vương xong, vua Kim Địa thầm nghĩ:

Đại vương tướng mạo thì hơn ta nhưng sức mạnh chưa chắc đã hơn.

Biết được tâm niệm đó, hoá vương liền sai thị vệ đem cung ra trao cho vua Kim Địa, thế nhưng ông ta không nhấc lên nổi. Hoá vương lấy cung lại, dùng ngón tay trương cung lên. Ngài lại đưa cung cho vua Kim Địa rồi bảo ông ta kéo. Vua Kim Địa càng không kéo nỗi. Hoá vương lấy cung gảy một cái thì cả ba ngàn thế giới đều chấn động. Hóa thân lại liên tiếp lắp cung bắn ra. Khi tên từ tay hoá vương bắn ra thì chia thành năm mũi, trên đầu mũi cung đều có phát ra ánh sáng, trên ánh sáng lại có hoa sen lớn như bánh xe, trên mỗi hoa sen lại có một Chuyển luân Thánh vương, đầy đủ bảy báu đồng phát ra ánh sáng chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Chúng sanh trong năm đường đều mong nhờ ánh đại quang minh ấy. Cảnh giới Chư thiên cũng thấy được ánh sáng và được nghe pháp, thân tâm đều thanh tịnh. Vì thế, có vị phát tâm Vô thượng chánh chân, có vị lại trụ vào bất thối địa. Chúng sanh trong cõi người có vị chứng nhất quả, nhị quả, tam quả. Có người xuất gia, ngộ nhập yếu chỉ nên chứng quả A-la-hán. Có người phát tâm Vô thượng Bồ-đề được bất thối địa. Như vậy không thể kể xiết. Chúng sanh trong tam đồ hết khổ được giải thoát, thọ sanh trong cõi Trời người.

Bấy giờ, vua Ma-ha-kiếp-tân-ninh và các tiểu vương thuộc vùng Kim Địa trong thấy thần biến như thế thì phát khởi tâm tin phục, xa lìa trần cấu, chứng pháp nhãn tịnh. Một muôn tám ngàn vị tiểu vương đều đắc quả như nhau. Trong chốc lát, đứcPhật thâu thần lực, trở lại thân cũ, các Tỳ-kheo nhiễu xung quanh Ngài. Thấy thế các tiểu vương thuộc nước Kim Địa cầu xin xuất gia. Tức thời râu tóc họ tự rụng, Ca-sa mặc vào mình, siêng năng tu tập thiền định, khéo tư duy các pháp, tất cả đều chứng quả A-la-hán.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 7)

4. CÔNG ĐỨC HỘ TRÌ PHÁP SƯ:

Trong kiếp quá khứ xa xưa, tại thành Câu-thi này có một vị Phật ra đời, hiệu là Hoan-hỷ Tăng-ích. Ngài trụ thế vô lượng để giáo hóa vô

biên chúng sanh, sau đó mới đến cội Ta-la song thọ vào Niết-bàn. Sau khi Phật ấy vào Niết-bàn rồi nhưng giáo pháp của Ngài còn trụ ở đời vô lượng ức năm. Hơn bốn mươi năm, lúc Phật pháp chưa diệt, có một vị Tỳ-kheo trì giới tên là Giác Đức, có chúng đệ tử quyến thuộc vây quanh. Vị Tỳ-kheo này có khả năng giảng nhiều kinh điển, tiếng như Sư tử hống, Ngài thường ngăn cấm các Tỳ-kheo không được nuôi chứa tôi tớ trâu dê, các vật phi pháp.

Bấy giờ các Tỳ-kheo phá giới nghe những lời ấy đều sanh tâm xấu ác, họ cầm dao gậy đến uy hiếp pháp sư. Khi vua Hữu Đức trị vì nước ấy nghe tin lập tức đến nơi đạo tràng của pháp sư thuyết giảng để bảo vệ giúp Ngài thoát khỏi nguy hiểm. Nhà vua cùng đánh nhau với bọn Tỳ-kheo phá giới rất kịch liệt. Vì kháng cự nên toàn thân nhà vua bị thương nặng. Bấy giờ Pháp sư Giác Đức đến tán thán nhà vua:

Lành thay! Lành thay! Hôm nay nhà vua đúng là người hộ trì chánh pháp, đời sau Ngài sẽ vô lượng pháp khí.

Nghe xong những lời ấy, nhà vua hết sức vui mừng, ngay lúc ấy nhà vua liền băng hà rồi tái sanh vào cõi nước của Phật A-Súc, làm đệ tử đầu tiên của đức Phật ấy. Khi chưa băng hà, những người hầu và dân chúng cùng chiến đấu với nhà vua, tuy có kẻ chiến đấu, có kẻ thấy tuỳ hỷ, nhưng tất cả họ đều phát được tâm Bồ-đề không còn thối chuyển nữa. Khi họ mạng chung cũng được sanh về thế giới của đức Phật A-Súc. Tỳ-kheo Giác Đức sau khi viên tịch cũng được thọ sanh về cõi Phật A-Súc và làm đệ tử thứ hai trong chúng Thánh văn.

Phật dạy: Nếu khi chánh pháp đến thời kỳ hoại diệt thì phải nên thọ trì bảo vệ như thế. Vua Hữu Đức năm xưa nay chính là thân ta, Tỳ-kheo trì giới thuyết pháp chính là đức Phật Ca-Diếp.

(Trích kinh Đại Niết-bàn quyển ba)

5. VUA CÔNG ĐỨC TRANG NGHIÊM THỈNH PHẬT ĐẮC ĐẠO:

Trong quá khứ, thời đức Phật Phổ Minh Vương có vua Công Đức Trang Nghiêm. Một hôm, nhà vua được nghe Phật nói kệ và thấy được sức thần biến của Ngài thì tâm Bồ-đề phát khởi thêm lớn và càng kiên cố. Ông cúi đầu lễ Phật và bạch rằng:

Cúi xin đức Thế tôn và hàng đệ tử đại Bồ-tát hứa khả cho con được cúng dường tất cả y thực ngoạ cụ thuốc men đầy đủ các thứ trong tám vạn bốn ngìn năm.

Đức Phật Phổ Minh Vương và đại chúng đồng hứa khả. Khi được

nhận lời thỉnh cầu, nhà vua vui mừng cáo lui. Trong cung, vương tử Sư tử tấn và hai muôn vương tử đều bỏ địa vị vinh hoa phú quý, xuất gia siêng năng tu tập, tất cả đều được an vui và hướng cầu thiện pháp. Không bao lâu, vương tử Sư tử tấn chứng được ngũ thông kiên cố, không còn thối chuyển. Ông lại nương vào uy lực của đức Thế tôn để đem pháp vị nhiệm mầu giáo hoá chúng sanh, đem lại lợi ích an vui khắp cả ba ngàn đại thiên thế giới. Vì thế có vô lượng chúng sanh phát được tâm nguyện rộng lớn, không còn thối chuyển.

Suốt trong tám muôn bốn ngàn năm, nhà vua cúng dường các phẩm vật thuốc men đầy đủ cho Phật và đại chúng, cùng với các quan đại thần theo chúng hội nghe pháp. Vì vậy ông thầm nghĩ:

Các con của ta đều cạo tóc xuất gia, thường nhận sự cúng dường của người khác mà tự thân không thể thực hành bố thí, cũng chưa hiểu biết Phật pháp hơn người khác. Chẳng thà cho chúng nó hoàn tục, bỏ tài của ra để bố thí, tu tập các công đức giống như ta.

Biết được tâm niệm của vua, Đức Phổ Minh Vương Như Lai liền bảo Bồ-tát Sư tử tấn:

Này thiện nam tử! Bây giờ Ông hãy vận dụng công đức thần thông, tự tại biến hoá của các vị đại Bồ-tát, khiến cho tất cả đại chúng đều được thấy nghe, xoay chuyển tâm mê lầm của họ trở về với chánh kiến.

Bồ-tát Sư tử tấn vâng lời Phật dạy, liền nhập định, biến hiện ra các tướng như thế khiến cho cả đại thiên đều chấn động. Trên Hư không, Trời đổ mưa hoa thơm ngát, tràng phan bảo cái rợp cả bầu Trời, tiếng nhạc reo vang. Nhiều thức ăn ngon lạ, các thứ anh lạc, các thứ y phục cùng nhiều châu báu từ từ hiện xuống đầy cả đại thiên. Chúng sanh nhìn thấy cảnh tượng như thế họ vô cùng vui mừng. Bấy giờ Chư thiên địa thần đến chỗ A-ca-nị-tra, đồng nói lời khen ngợi rằng:

Vị Bồ-tát này đáng gọi là Hư không Tạng, sở dĩ được như thế là nhờ công đức của Ngài mà từ trong Hư không vô số châu báu rơi đầy khắp cả đại thiên.

Đức Phật liền ấn chứng cho vị Bồ-tát này, nhà vua trông thấy như thế vô cùng vui mừng, lòng kiêu mạn không còn nữa, chấp tay bạch Phật:

Thật hi hữu thay! Bạch Đức Thế tôn, Bồ-tát có công đức trí tuệ mới có khả năng như thế. Công đức bố thí của người tại gia chẳng được bao nhiêu, nhưng bậc xuất gia khi vận sức thần thông để bố thí thì công đức ấy lại vô bờ bến. Việc bố thí của người tại gia thật không vừa ý

người khác, vì đã bố thí mà tâm còn tiếc nuối nên phải chuốc lấy khổ não. Người xuất gia bố thí rồi không có lòng hối tiếc nên tâm không còn khởi phiền muộn.

Bấy giờ nhà vua truyền ngôi cho thái tử Cát Ý, với lòng tin chân thật, ông đã cạo bỏ râu tóc bước vào ngôi nhà Phật pháp trở thành bậc xuất gia tu tập. Nhờ thế mà thiện pháp ngày càng tăng trưởng, nhà vua tinh tấn tu tập nên chứng nhập tứ thiền, bốn tâm vô lượng và năm thần thông.

Thái tử Cát Ý lên ngôi, lấy giáo pháp làm giềng mối để trị dân, vì vậy tất cả đều được lợi lạc không một ai có lời oán thán. Nhà vua tu tập chánh pháp, siêng năng cúng dường Đức Thế tôn.

Phật dạy:

Vua Công Đức Trang Nghiêm thuở ấy chính là Đức Phật Câu-lưu-tôn, Bồ-tát Sư Tử Tấn chính là Bồ-tát Hư không Tạng, vua Cát Ý chính là Bồ-tát Di-lặc.

(Trích kinh Công Đức Trang Nghiêm Vương Thỉnh Cúng Dường Phật, Xuất Gia Đắc Đạo)

6. VUA LAM ĐẠT NGỘ ĐẠO:

Ngày xưa, vua Lam Đạt trị vì nước Xá-vệ, nơi đây đất đai trù phú, dân chúng thuần thành, vua tôi, cha con đều lấy đạo làm giềng mối, nên đất nước được thái bình. Nhưng sau khi nhà vua băng hà, vua khác kế vị, chánh pháp càng suy yếu, chính trị hà khắc không công bằng khiến cho trăm họ vô cùng lầm than, không chút an vui, đất nước loạn lạc, tai hoạ nổi lên, mưa gió bất thường, mùa màng thất bát. Ngoài ra còn có nhiều thứ yêu mị, khiến cho đất nước hoang tàn dẫn đến nguy vong. Trước tình hình như thế, nhà vua nghe theo lời năm trăm kẻ tà đạo lập đàn cầu cúng quỷ thần. Từ đó người trên kẻ dưới đua nhau theo học pháp tế đó, giống như ngọn gió luồn qua đám cỏ non.

Dân chúng loạn lạc, đua nhau gian giối, kẻ trên hiếp kẻ dưới, mạnh lấn yếu, sát hại lẫn nhau, cướp đoạt tài sản của người không còn biết gì đến đạo đức, cưỡng bức dâm loạn vợ con của kẻ khác, vua tôi say sưa vô độ. Hơn nữa, hạn hán kéo dài hơn ba năm trường, trên dưới đều mời thầy cầu cúng nhưng Trời vẫn không một giọt mưa. Các pháp sư tâu vua:

- Giờ đây phải mở hội tế lớn, nên bắt bảy người đồng nam, mười con trâu trắng, mười con ngựa trắng để hoả thiêu tế Trời mới cầu mong được mưa xuống.

Nghe thế, nhà vua chuẩn bị đầy đủ các thứ, nhân dân trong nước quá tức giận, họ ùn ùn kéo nhau làm loạn. Đức Phật liền bảo Tôn giả Mục-kiền-liên:

- Nước Lam-đạt hoang tàn, dân chúng khốn khổ, ở đó có ba ức người có duyên với ông. Ông hãy đến đó để hoá độ, chắc chắn họ sẽ được thoát nạn.

Tôn giả Mục-kiền-liên liền đi đến đó, Ngài thuyết pháp khai mở tâm trí cho họ. Nhân dân trong nước ban đầu không chịu quy phục, vì vậy Ngài hoá làm một vị đại quỷ thần, thân cao vài trượng, ngồi ở cổng thành, lớn tiếng gọi nhà vua và các quan cận thần ra ngoài cung. Nhà vua và các quần thần hốt hoảng, sợ có việc không may xảy ra, họ kéo nhau dập đầu van xin đại quỷ thần tha mạng sống.

Vị thần bảo:

- Ngươi hãy mau tìm những bầy tôi bất trung và những người con bất hiếu đem đến đây, ta muốn ăn thịt của chúng.

Nhà vua quay lại dò hỏi rồi đáp là không có.

Vị thần lại bảo:

- Vậy thì nhà ngươi hãy mau tìm những kẻ trộm cướp, dâm dật, nói dối, nói lưỡi hai chiều, nói lời hung ác đến đây, ta muốn ăn thịt chúng.

Nhà vua quay lại hỏi và cũng đáp là không có.

Vị thần lại bảo:

- Vậy thì hãy tìm những kẻ uống rượu say sưa, ta muốn ăn thịt của chúng.

Nhà vua cũng đáp là không có.

Bấy giờ Tôn giả Mục-kiền-liên liền hiện ra thân thật rồi đi đến. Thấy Tôn giả, Nhà vua liền dập đầu vấn an và thỉnh Ngài giúp mình giải thích với vị quỷ tần ấy.

Tôn giả hỏi:

- Vị thần này muốn đòi cái gì?

Nhà vua đáp:

- Ông ấy muốn ăn thịt kẻ ác.

- Vậy trong nước có những kẻ đó không?

- Không có, xin Tôn giả hãy đuổi vị thần ấy đi, tôi sẽ trọn đời quy y Tam bảo.

Tôn giả bảo quỷ thần ấy rằng: Nay dân chúng trong nước này không có những hạng người như ông cần tìm, ông hãy tha tội cho họ. Sau này nếu có kẻ nào phạm tội thì ông đến đây bắt họ ăn thịt.

Vị thần nghe lời Tôn giả đột nhiên biến mất. Thế là vua và thần

dân dập đầu cảm tạ và xin được quy y Tam bảo.

Tôn giả bảo:

- Đại vương muốn quy y Tam bảo trước tiên hãy tự quy y Phật.

Nhà vua hỏi về công đức của Phật, Tôn giả trả lời:

Đức Phật là đấng tối tôn trong ba cõi, Ngài nói pháp cho ba ngàn vị Thánh văn đệ tử nghe.

- Hôm nay Trẫm may mắn được nghe điều kì lạ ấy.

Nói xong, nhà vua thưa:

- Nay con muốn thỉnh Phật cúng dường và xin quy y Tam bảo, được nghe lời Phật dạy và trọn đời tu tâp theo.

- Nếu đại vương làm được việc như thế thì phước đức khó ai sánh kịp, nay đại vương hãy nên chí thành thỉnh Phật.

Nhà vua vâng lời, tắm gội sạch sẽ, giữ gìn trai giới, từ xa hướng về chỗ của Phật cúi đầu đảnh lễ và nói:

- Vì con ngu muội, làm những việc sai trái, khiến cho lòng dân oán hận, không thể tẩy sạch tâm trí để quay về với chánh đạo, nên đất nước phải rơi vào cảnh hoang tàn, lỗi tại con. Cúi mong đức Thế tôn rũ lòng thương xót quang lâm đến nước này để cho muôn dân được phước vô lượng.

Đức Phật và chúng Tỳ-kheo hiện ra trên Hư không, cách thành không quá một trăm dặm, hoa sen năm màu đỡ chân Ngài, Chư thiên mang lọng báu tràng hoa theo hộ vệ khắp cả Hư không, nhạc Trời trỗi lên vang rền cả đại địa.

Nhìn thấy oai thần của Phật toả chiếu rực rỡ khắp Trời đất, nhà vua cùng với quần thần cúi đầu đảnh lễ. Khắp các ngã tư đường, nhà vua cho treo tràng phan cờ xí, quét dọn sạch sẽ. Đức Phật đến và an nhiên ngồi trên toà sư tử, tất cả đều trải bằng vải lụa của cõi Trời, đích thân nhà vua dâng thức ăn lên cúng dường và bưng nước cho Phật. khi ăn xong, đức Phật liền thuyết pháp yếu nói về khổ, không, vô thường cho mọi người nghe. Nhà vua vui mừng, cầu thọ năm giới, xả trừ được mọi kiết sử phiền não, chứng quả Tu-đà-hoàn.

Bấy giờ năm trăm ngoại đạo được vua cúng dường trước đây đều xin làm Tỳ-kheo. Đức Phật đồng ý, râu tóc họ liền rụng, ca sa khoác lên mình. Trong vòng bảy ngày sau họ đều chứng quả A-la-hán. Nhân dân trong chúng hội đều đắc quảTu-đà-hoàn. Có người xin xin quy y Tam bảo, thọ trì năm giới cấm, chuyên cần tu tập mười thiện pháp. Riêng nhà vua, một tháng giữ sáu ngày trai, một năm giữ trai ba tháng. Mọi người lần lượt theo gương nhà vua và lấy đó làm quy chế cho việc tu

hành.

Lúc ấy, tôn giả A-nan bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế tôn, vua quan dân chúng ở nước này cùng với tôn giả Mục-kiền-liên có duyên gì mà nay được như thế?

Phật dạy: Xưa, vào thời Phật Duy vệ, Mục-kiền-liên làm vị Ưu-bà-tắc, nhà nghèo khó nhưng biết giữ giới thanh tịnh. Hôm nọ, vào núi hái hoa, thấy cây Tu-văn có hoa, ông toan trèo lên hái, ngờ đâu trên cây có một tổ Ong, bầy ong khoảng vài ngàn con nghe tiếng kinh động nên bay ra khỏi tổ và đuổi theo. Ông ta thầm nghĩ:

- Nếu ta đắc đạo thì ta sẽ độ cho các ngươi.

Những người hôm nay đắc đạo đều là bầy Ong lúc trước.

(Trích kinh Lam Đạt Vương)

7. VUA PHỔ AN CẢM HOÁ BỐN VUA ĐẮC ĐẠO:

Ngày xưa, có năm vị quốc vương, lãnh thổ gần ranh nên họ cùng nhau kết làm bạn thân và thường xuyên giao lưu qua lại. Vị vua lớn nhất tên là Phổ An, ông thực hành hạnh Bồ-tát còn bốn vị vua nước nhỏ thì theo ngoại đạo. Vua Phổ An thương xót họ mới mời họ đến hoàng cung cùng nhau yến tiệc vui chơi suốt cả bảy ngày bảy đêm. Sau khi xong tiệc, các vị tiểu quốc vương cùng xin phép vua Phổ An hồi cung để lo liệu nước nhà. Vua Phổ An đích thân đưa tiễn các vị tiểu quốc vương, trên đường tiễn chân, vua Phổ An nói với họ, mỗi người chúng ta hãy trình bày sở thích của mình cho nhau nghe.

Một vị thưa:

- Ba tháng mùa xuân cây cối sum xuê, rất tươi đẹp, vì thế tôi rất thích dạo chơi nơi vùng hoang dã.

Vị thứ hai nói:

- Tôi mong muốn mãi mãi được làm vua, ngồi xe ngựa đẹp đẽ, tuỳ tùng dân chúng hầu hạ hai bên, sớm chiều khua chiêng gióng trống, ra vào lui tới đều được mọi người chiêm ngưỡng.

Vị thứ ba tiếp lời:

- Tôi mong có được vợ đẹp con ngoan không ai sánh bằng, cùng nhau mặc sức vui sướng hưởng thụ.

Vị thứ tư nói:

- Mong cho cha mẹ tôi được sống lâu, bạn bè anh em vợ con đông đảo, được ăn ngon mặc đẹp, vui chơi các thứ ca kỉ nhạc.

Khi nói xong, họ đều đề nghị vua Phổ An nói về sở thích của mình.

Ông nói:

- Tôi thích không sanh, không chết không khổ không sầu, không đói khát, không nóng lạnh, còn hay mất đều được tự do.

Bốn vua kia đồng lên tiếng:

- Sở thích của Ngài phải chăng là có bậc minh sư hướng dẫn?

- Đúng thế, thầy của tôi là Phật, Ngài đang ngự tại Tinh xá Kỳ-hoàn cách đây không xa.

Nghe thế, các tiểu vương kia đồng vui mừng và cùng nhau đến yết kiến đức Phật.

Phổ An bạch Phật: Chúng con hôm nay tuy được làm người nhưng tình thức còn ngu si nên chìm đắm trong thú vui của thế gian, không biết đâu là tội phước, xin Ngài dạy cho chúng con về cái khổ giữa thế gian.

Phật dạy:

- Các vị hãy lắng lòng nghe, con người sống trên cõi đời này đều phải chịu các nỗi khổ đau dày xéo thân tâm, nay ta lược nêu tám khổ như sau:

1. Sanh là khổ:

Con người chúng ta khi chết rồi không biết thần thức sanh vào chốn nào, suốt hai mươi mốt ngày tồn tại trong dạng thân Trung ấm, đợi đến lúc có đủ duyên cha mẹ giao cấu liền nhập vào bụng mẹ. Khi thọ thai, tháng đầu tiên dường như váng sữa, đến tháng thứ hai thì váng sữa đó đã đông đặc, ba tháng như huyết đọng, bốn tháng mới thành hình người, năm tháng mới có đầu và hai tay hai chân. Nhờ người mẹ hít thở không khí, châu lưu khắp thân thể, từ đó sáu giác quan mới khai mở. Thai nhi trong bụng mẹ, nằm bên dưới ruột non và bên trên ruột già, vì vậy khi người mẹ ăn thức ăn nóng hay tắm rửa thân thể thì thai nhi giống như đang dầm mình trong nước sôi. Khi mẹ uống một ly nước lạnh, thai nhi cảm thấy như bị giá buốt cắt xé thân thể. Khi mẹ ăn no thì thân con như bị đè ép. Khi mẹ đói khát, bụng sôi ra tiếng thì con cảm thấy như mình bị treo ngược, vô cùng đau đớn. Đến ngày khai hoa nở nhụy, đầu hài nhi xuôi theo cửa mình của mẹ, đau đớn như bị hai tảng đá ép lại rồi thoát ra trên bãi cỏ, thân hài nhi mềm nhũn khi chạm vào có thì cảm thấy như bị gai đâm, như bị đè lên người, như dao kiếm đâm, đau đớn bật lên tiếng khóc. Như thế có khổ hay không?

Mọi người đếu đáp là khổ.

2. Già là khổ:

Sanh ra, cha mẹ nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, có lúc đói thì đói quá mức, no thì lại no quá độ, ăn uống không chừng mực. Đến khi

tuổi già, tóc bạc răng rụng, mắt mờ tai điếc, sức khoẻ của thời thanh xuân đã trôi đi nhường chỗ lại cho xế chiều già yếu, mặt nhăn, mắt xếp, xương đốt rã rời, ngồi đứng rên rỉ, buồn lo khổ não, thần trí suy sụp gần như quên lãng. Nói ra nước mắt đầm đìa, đi đứng phải có người dìu đở. Như thế có khổ hay không?

Mọi người đều đáp là khổ.

3. Bệnh là khổ:

Khi đủ duyên tứ đại hội tụ, làm thành thân người. Thế nhưng một đại không điều hoà thì phát ra vô số bệnh hoạn, như thế bốn đại không điều hoà thì đủ thứ bệnh hoạn. Chất đất trong người không được điều hoà thì toàn thân nhức nhối, chất nước không điều hoà thì toàn thân phù thủng, chất lửa không điều hoà thì toàn thân như bị thiêu đốt, chất gió không được điều hoà thì phong dịch bùng phát, xương cốt đau nhức như bị người dùng gậy đánh đập. Bốn đại không ngừng xoay chuyển, thân tâm rã rời, khí lực cạn kiệt, ngồi đứng không yên, miệng khô môi nứt, gân đứt mũi gãy, tai điếc mắt mờ, phân tiểu tự chảy ra rồi nằm vùi trên ấy. Lòng canh cánh nỗi sầu khổ, thốt lên những lời nghe đau thương, họ hàng ngày đêm kề cận chăm sóc, thức ngon vật lạ nhưng khi vào miệng thì đắng chát. Như thế có phải là khổ không?

Mọi người đều đáp là khổ.

4. Chết là khổ:

Đến giờ sắp chết, vô số bệnh tật cùng lúc bùng phát, bốn đại tan rã, tinh thần không chút yên ổn, gió thổi như bị dao cắt xẻ, toàn thân đau nhói, mồ hôi toát ra như tắm, hai tay quờ quạng, bà con quyến thuộc kề cận, buồn bã khóc lóc. Nhưng không làm gì được, người bệnh vẫn đau đớn đến tận xương tuỷ. Phong đại không còn thì khí lực cũng hết, hoả đại mất đi còn lại thân thể lạnh giá, thần thức lìa thân không còn cảm giác. Mười ngày sau thân thể trương phình hôi hám, chẳng ai dám đến gần. Thi thể được bỏ ngoài đồng trống, chim cú xúm lại ăn thịt uống máu, xương rã mỗi thứ mỗi nơi. Như thế có khổ chăng?

Mọi người đều đáp là khổ.

5. Thương nhau mà xa nhau là khổ:

Quyến thuộc cha con vợ chồng cùng nhau sum họp một mai tan rã, bị người quấy nhiễu, thành ra mỗi người một nẽo, anh em vợ chồng chia lìa kẻ Nam người Bắc, làm thân tôi tớ, đau đớn vô cùng, gọi ai cũng chẳng đáp, mịt mờ không biết ngày nào tao ngộ. Như thế có khổ không?

Mọi người đều công nhận là khổ.

6. Cầu không được là khổ:

Tài sản nhà cửa đem bán mua quan, hy vọng có ngày được tận hưởng phú quý. Sự mong cầu đó gặp may làm được quan quyền nhưng chẳng bao lâu, lòng tham trổi dậy, cướp bóc của dân lành, bị người tố cáo. Việc đến chẳng may bị bắt bớ, nhốt trong xe tù chở đi, buồn khổ vô cùng không biết sống chết ra sao. Như vậy có khổ không?

Mọi người đều đáp là khổ.

7. Ghét nhau mà gặp nhau là khổ:

Người đời bạc bẽo, sống trong ái dục, tranh giành những việc không đâu mà sát hại lẫn nhau, đời đời kiếp kiếp kết oán gây thù, người này trốn tránh người kia, nhưng rốt cuộc cũng phải gặp nhau. Họ mài dao vót tên, chuẩn bị gậy gộc để hại nhau lúc gặp mặt. Hai bên đối mặt không biết thắng bại, tâm tư sợ sệt vô vàn. Đó có phải là khổ không?

Mọi người đều cho là khổ.

8. Khổ vì buồn thương sầu não:

Sống trên đời, có người thọ lâu trăm tuổi, nhưng cũng lắm chi kẻ chết từ trong bụng mẹ. Cho dù sống lâu trăm tuổi nhưng ban đêm chiếm hơn phân nữa ban ngày, năm mươi năm còn lại say sưa, không làm tròn nhân cách của một con người. Mười lăm năm tuổi trẻ thì không biết lễ nghĩa, phóng túng lơi lả. Tám mươi tuổi thì già cả lú lẫn, tai điếc mắt mờ làm cho không còn phép tắc. Thiên hạ loạn lạc, đất đai khô hạn, sương mù lửa cháy, mùa màng thất bát, quyến thuộc mang nhiều bệnh tật, làm ăn thất bại, bị nhà nước tịch thu, không ai cúng tế, hoặc bị tù đày không ngày thoát khỏi. Anh em con cái xa xôi chưa về, gia thế nghèo khổ, cơm không có ăn, áo không đủ mặc. Vụ xuân không có trâu cày, ngày lễ hội lại mang đến những điều buồn bã. Xóm giềng lưu lạc, người nhà chết không thể chôn cất. Như thế có phải là khổ không?

Mọi người đều đáp là khổ.

Bấy giờ năm vua cùng các quần thần, mấy chục ngàn người trong pháp hội nghe đức Phật nói pháp khổ đế, họ đều tỏ ngộ, chứng quả Tu-đà-hoàn. Các vua quán thấy cung điện như nhà xí chẳng còn ưa thích liền trao ngôi lại cho em mà xuất gia tinh tấn tu tập.

(Trích kinh Ngũ Vương)

8. CÔNG ĐỨC BỐ THÍ ĐẮC ĐẠO:

Ở nước Đa muội có một vị vua thuộc dòng Bà-la-môn, ông thường xả bỏ tài của, phụng thờ ngoại đạo. Một hôm, nhà vua phát tâm lành, muốn thiết lễ đại bố thí, theo pháp của Bà-la-môn. Báu vật của vua

nhiều như núi, vì thế nếu có người nào đến xin thì tự họ đến lấy một nắm. Như vậy trải qua nhiều ngày, nhưng kho báu của nhà vua vẫn không vơi cạn.

Bấy giờ, Đức Phật thấy phước báu kiếp trước của nhà vua đã đến lúc đáng được độ, Ngài hoá ra một vị Phạm chí đi đến ấy.

Lúc ấy, nhà vua thấy Phạm chí liền bước ra chào hỏi.

Vua bước ra đón tiếp và thưa:

- Ngài có nhu cầu gì thì cứ nói đừng nên nghi ngại.

Phạm chí đáp: Tôi từ xa đến đây muốn xin châu báu đem về cất nhà.

- Ngài cứ tự nhiên lấy một nắm.

Phạm chí liền lấy châu báu bỏ vào túi mang đi, bước được bảy bước, ông đem châu báu trả lại chỗ cũ.

Vua hỏi:

Tại sao ông không lấy?

Đáp: Bao nhiêu đây chỉ đủ để cất nhà nhưng tôi lại muốn cưới vợ, số châu báu này không đủ cho cả hai việc nên không lấy.

Vua nói:

Vậy thì ông hãy lấy thêm ba nắm nữa đi!

Phạm chí liền lấy thêm nhưng đi được bảy bước thì ông cũng quay lại như trước.

Nhà vua ngạc nhiên hỏi: Tại sao Ngài còn trở lại nữa?

Đáp: Số này vừa đủ để cưới vợ, tôi lại không có ruộng nương, tôi tớ và trâu ngựa. Tính ra, số châu báu này không đủ, do vậy nên tôi trả lại.

Vua nói: Vậy Ngài hãy lấy thêm bảy nắm nữa.

Phạm chí đến lấy và cũng đi ra bảy bước rồi mang trả lại. Nhà vua hỏi, Ngài còn muốn gì nữa.

Đáp: Nếu có con cái thì phải cưới gả, chi tiêu mọi việc, tính ra cũng không đủ nên tôi không lấy.

Vua nói: Vậy thì Ngài hãy lấy tất cả của báu đó để dùng những việc trên.

Phạm chí nhận châu báu rồi bỏ lại.

Nhà vua thấy vậy rất ngạc nhiên, hỏi tại sao?

Đáp: Xưa nay tôi đi xin ăn để sống, nhưng khi nghĩ kĩ lại, mạng sống con người chẳng được bao lâu, vạn vật đều không ngoài lẽ vô thường, sớm còn tối mất. Một khi nhân duyên đến, tội lỗi ngày càng chồng chất gây thêm buồn khổ, vậy thì tích tập của báu có lợi ích gì cho

mình? Ham muốn toan tính chỉ luống uổng nhọc thân, chẳng bằng dừng tâm cầu đạo giải thoát, vì thế tôi không lấy của báu.

Nghe xong nhà vua tỏ ngộ, nguyện vâng theo lời dạy của Phạm chí.

Bấy giờ đức Phật hiện lại nguyên hình, phóng hào quang chiếu thẳng lên Hư không, Ngài nói kệ:

Dù chứa nhiều của báu
Cao ngất tận Trời xanh
Đầy khắp cả thế gian
Chẳng bằng thấy đạo mầu
Điều xấu cho là tốt
Tham mà cho chẳng tham
Lấy khổ làm an lạc
Người ngu mãi như thế.

Nhà vua nhìn thấy hào quang của Đức Phật soi khắp đất Trời, lại nghe được bài kệ ấy ông ta vui mừng khôn tả. Nhà vua cùng quần thần xin thọ năm giới, sau đó nhà vua chứng quả Tu-đà-hoàn.

9. VUA MA ĐẠT CHỨNG ĐẠO:

Thuở xưa, có vị quốc vương tên Ma-đạt, ông xuất quân để tuyển chọn vài triệu dân để làm lính. Lúc ấy có vị Tỳ-kheo đã chứng quả A-la-hán đi vào nước vua Ma-đạt để khất thực. Ông bị quan quân ghi tên vào sổ tuyển chọn đưa vào cung vua. Nhà vua sai vị Tỳ-kheo này giữ ngựa suốt bảy ngày vất vả. Hôm đó, nhà vua đích thân đến xem. Trông thấy nhà vua, Tỳ-kheo này cất mình lên Hư không, hiển hiện thần oai. Nhà vua trông thấy thì kinh sợ, liền dập đầu sám hối.

Ông nói: Trẫm quả thật ngu si, không biết đâu là chân, đâu là giả. Nay ta sẽ cho điều tra trong ngoài, ai bắt Thánh nhân làm những việc này thì ta sẽ trị tội chết.

Tỳ-kheo bảo: Đây chẳng phải lỗi của đại vương và mọi người, mà là do nghiệp quá khứ của tôi. Trong quá khứ, lúc tu tập tôi hầu hạ thầy. Một hôm dọn thức ăn cho thầy, thầy bảo:

Trước tiên phải rửa tay rồi sau đó mới ăn.

Tôi ngu si thầm nghĩ: Thầy cũng chẳng nuôi dưỡng ngựa quan, cớ gì phải rửa tay trước?

Thầy tôi liền bảo: Bây giờ việc nhỏ này mà ông nghĩ như vậy thì sau này việc lớn sẽ còn như thế nào?

Nghe lời thầy nói, tôi cảm thấy buồn bã. Biết ý tôi, thầy nghĩ:

- Ta nay sắp nhập Niết-bàn sao lại còn làm cho người khác đau khổ.

Canh ba đêm ấy, thầy đã nhập Niết-bàn. Từ đó trải qua bao nhiêu kiếp lâu xa, trôi lăn trong sanh tử, nay còn cái dư báo của đời trước nên phải chịu nuôi ngựa bảy ngày.

Thông thường làm những điều thiện hay ác thì có cái kết quả hoạ phước, như bóng theo hình.

Nghe Tỳ-kheo giảng về tội phước, lòng vua tỏ ngộ, vui mừng và xin quy y Tam bảo.

Tỳ-kheo bảo:

- Đại vương hãy quy y với Phật, Ngài là bậc thầy trong ba cõi.

Nhà vua cùng dân chúng đều theo Tỳ-kheo đến chỗ Phật, đảnh lễ Ngài và xin thọ năm giới, làm vị ưu-bà-tắc.

Đức Phật liền hiển hiện oai thần, hào quang chiếu sáng khắp nơi. Ngài lại nói pháp cho họ nghe pháp vô thường, khổ, không. Ngay lúc đó, vua chứng được quả Tu-đà-hoàn. Nhân dân trong nước đều quy y Tam bảo, giữ gìn năm giới cấm và thực hành mười thiện nghiệp. Mỗi tháng họ giữ gìn trai giới, lấy đó làm pháp tu tập hàng ngày.

(Trích kinh Ma Đạt Quốc Vương)

10. VUA CÀN ĐÀ BỎ NGOẠI ĐẠO TU CHÁNH PHÁP ĐẮC QUẢ TU-ĐÀ-HOÀN:

Bấy giờ, quốc vương Càn-đà phụng thờ những Bà-la-môn đang ẩn cư trong núi. Ở đó có nhiều loại cây ăn trái nhưng lại bị tiều phu phá huỷ, Bà-la-môn bèn đến thưa với vua:

- Tiều phu vô cớ mà lại đến phá hoại cây ăn trái, xin nhà vua hãy trị tội ông ta.

Nhà vua nghe theo lời của Bà-la-môn ấy liền ra lệnh giết Tiều phu. Sau đó không bao lâu cũng có một con trâu phạm vào lúa mạ, người chủ liền bắt và đem chặt mất một sừng, máu chảy đầy mặt, đau quá không chịu nỗi nên trâu chạy đến thưa với vua: Tôi quả thật không có tội gì, chỉ ăn một ít lúa mạ của người, thế mà họ bắt chặt sừng của tôi.

Nhà vua vốn hiểu lời của mọi loài nên bảo nó:

- Ta sẽ trị tội chết người đó.

- Dù giết được người ấy nhưng không làm tôi hết đau, nhà vua nên quy định thế nào để sau này chớ nên làm khổ người khác.

Nhà vua nghe lời ấy rất cảm động, nghĩ rằng: Ta thờ vị Bà-la-

môn, ông ta chỉ vì số cây trái mà khiến ta giết chết người, ông ta chẳng bằng con trâu này. Nhà vua liền gọi Bà-la-môn đến hỏi:

- Nay trẫm phụng thờ đạo này có được phước báo gì?

Đáp:

- Có thể tiêu trừ tai nạn, được phước giàu sang sống lâu.

- Có thể thoát khỏi sanh tử không?

Đáp:

- Không thể thoát khỏi sanh tử.

Nhà vua đến chỗ Đức Phật, cúi mình đảnh lễ rồi thưa:

- Con nghe đạo Phật chí tôn, giáo hoá thiên hạ, vô số chúng sanh được độ, xin cho con được lãnh thọ pháp âm để tự sửa mình.

Đức Phật liền truyền trao năm giới và mười thiện pháp cho nhà vua, Ngài lại thuyết pháp ông ta thấu rõ được tất cả vạn vật trong vũ trụ vốn không sanh không tử. Thực hành những hạnh bố thí trì giới hiện đời được phước, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ thì phước đó càng vô lượng, về sau sanh lên cõi Trời cũng được làm vua Thứ-ca-việt. Có thể chứng đạo vô vi cứu độ thế gian. Đức Phật liền hiện ba mươi hai tướng tốt, hào quang toả rạng, nhà vua trông thấy thì vui mừng khôn xiết, tâm trí bừng sáng, chứng quả Tu-đà-hoàn. Còn con trâu bảy ngày sau chết đi liền sanh lên cõi Trời.

(Trích kinh Càn Đức Phật-đà Quốc Vương)

11. VUA PHỔ ĐẠT GẶP PHẬT ĐẮC ĐẠO:

Vua nước Phù-diên, tên Phổ Đạt, luôn siêng năng thực hành giáo pháp của Phật, thường có lòng từ mẫn. Trong nước, dân chúng mê muội, không biết đến Tam bảo. Mỗi lần trai giới, ông đều lên lầu cao quán sát rồi trở lại cúi đầu đảnh lễ, nhân dân trong nước đều ngạc nhiên trước việc làm của vua.

Họ cùng nhau bàn tán:

- Vua là bậc tôn quý của muôn dân, xa gần đều kính bái. Chỉ cần ra lệnh là mọi người đều vâng theo, cầu mong điều gì mà phải hạ mình dập đầu sát đất! Quần thần muốn can nhưng không dám.

Bấy giờ, vua cùng mấy ngàn quan dân ra khỏi hoàng cung, không bao xa thì gặp một đạo nhân, nhà vua xuống xe, bỏ dù cùng mọi người đảnh lễ đạo nhân. Nhà vua muốn mời đạo nhân vào cung để sửa soạn thức ăn cúng dường nhưng bị quần thần can ngăn:

Đại vương là bậc chí tôn, tại sao giữa đường gặp đạo nhân ăn xin này mà hạ mình cúi đầu đảnh lễ? Trong thiên hạ tôn quý nhất là cái

đầu và khuôn mặt, hơn nữa là vua của một nước thì không giống với kẻ tầm thường.

Nhà vua nghe thế liền ra lệnh cho quần thần:

Các ngươi hãy đi tìm đầu của người chết và đầu của súc vật đem về đây.

Thế là quần thần đi khắp nơi kiếm được một số đầu đem về.

Vua bảo:

- Các ngươi hãy đem số đầu lâu ấy ra chợ bán.

Quần thần vâng lời, đem mớ đầu ấy ra bán, các đầu súc vật đều bán hết chỉ còn lại đầu người không bán được.

Vua bảo:

- Đắt rẻ gì các ngươi cứ đem bán cho ta, nếu bán không được thì ta sẽ bỏ tù.

Thế là nhiều ngày họ rao bán nhưng chẳng có người nào mua, đến nỗi cho cũng chẳng ai lấy. Cuối cùng số đầu người còn lại bị trương phình thối rữa.

Nhà vua nổi giận bảo các quần thần:

Các khanh cho rằng đầu người quý nhất không thể huỷ nhục, vậy thì cớ sao đem cho cũng chẳng ai lấy.

Nhà vua liền hạ lệnh chuẩn bị xa giá ra ngoài thành để hỏi mọi chuyện, quần thần rủ nhau rầm rộ, cùng theo vua ra ngoài thành.

Nhà vua bảo họ:

Các khanh có biết khi tiên vương của ta còn sống có một đứa bé thường cầm cây dù không?

Quần thần đều tâu là biết.

Vua nói:

- Thế thì bây giờ đứa nhỏ đó ở đâu?

Đáp: Nó đã chết cách đây mười bảy năm rồi.

- Đứa bé này là người tốt hay người xấu.

Đáp: Chúng thần thường thấy nó hầu hạ tiên vương, trai giới nghiêm túc thành kính, giữ mình không hề nói điều phi pháp.

- Bây giờ nếu gặp lại đứa bé mặc áo quần như trước kia thì các khanh có nhận ra không?

Quần thần đáp:

- Tuy đã lâu không gặp, nhưng thần vẫn còn nhớ.

Nhà vua sai lấy những áo quần của đứa bé trước kia và hỏi:

- Có phải là áo quần này không?

Đáp: Phải.

- Bây giờ giả sử gặp lại đứa bé, các ông có nhận ra không?

Quần thần im lặng hồi lâu rồi nói:

- Thần sợ mình mê muội, nhìn thấy mà không phân biệt được.

Lúc đó, nhìn thấy phía trước có vị đạo nhân đi đến, nhà vua lấy làm vui mừng. Ông đem đầu lâu bán cho đạo nhân nhưng Ngài không lấy.

Vua nói:

- Nay mới rõ cội nguồn của mình, có duyên may gặp gỡ, xin Ngài hãy mở lối cho tôi.

Đạo sĩ liền bảo với quần thần:

- Nhà vua chính là đứa trẻ cầm dù thời tiên vương, thường theo tiên vương thực hành trì giới, tu tập chánh pháp thanh tịnh, giữ tâm không sai phạm các điều ác. Sau đó, ông qua đời sanh làm vương tử, ngày nay được tôn quý đều do ngày xưa giữ gìn trai giới. Quần thần lớn nhỏ đều nói:

- Chúng tôi may mắn được gặp Ngài, xin thương xót kẻ ngu si cho theo làm đệ tử.

Đạo nhân bảo mọi người:

- Tôi còn có bậc thầy của tôi, các vị hãy đến đó thọ giáo.

Quần thần nói:

- Chúng tôi xin được trọn đời lãnh thọ một câu.

- Thầy tôi hiệu là Phật, thân có thể bay đi, trên đầu có hào quang, phân thân biến hoá vạn hình, một mình vượt qua ba cõi không ai có thể sánh bằng, đồ chúng thanh tịnh đều là Sa-môn, những lời Ngài dạy đều độ thoát mọi người không hư dối.

Quần thần liền thưa với đạo nhân:

- Chúng tôi có thể gặp Phật không? Ngài ở cách đây bao xa.

- Hay lắm! Tôi sẽ thưa với Thế tôn, Ngài ở cách đây sáu ngàn dặm.

Đạo nhân liền bay đến thành Xá-vệ, bạch rõ với đức Phật.

Phật dạy:

- Ngày mai ta sẽ đến nước Phù-diên, khi đến sẽ hiển hiện oai thần.

Hôm sau vua và quần thần mang hoa hương ra ngoài thành đón Phật. Nhìn thấy oai linh của Phật, nhà vua xúc động gieo mình sát đất đảnh lễ, bạch Phật.

Bạch Thế tôn, thật là phiền nhọc cho Ngài cùng chư tăng từ xa đến đây.

Nhà vua tận tâm thiết lễ cúng dường, tự tay bưng nước và tự tay dâng thức ăn cúng dường.

Chú nguyện xong, Phật mĩm cười, từ miệng phóng ra hào quang năm sắc.

Tôn giả A-nan hỏi:

- Bạch Thế tôn, tại sao người mĩm cười như thế?

Phật dạy:

Thuở xưa, vào thời Phật Ma-ha Ca-diếp, nhà vua là con của một gia đình giàu có, khi trong nhà cúng dường Tam bảo, người cha sai ông dâng hương cúng dường. Lúc ấy có một kẻ hầu, trong lòng xem thường không cúng dường đức Phật. tội phước chiêu cảm dần dần bị quả báo thành kẻ sai dịch. Vì tu tập chánh pháp không bị thoái tâm nên nay ông được làm vua. Lúc ấy ta phát nguyện, nếu ta chứng đạo sẽ đến độ người này.

Nhà vua hiểu rõ ngọn nguồn, liền chứng quả Tu-đà-hoàn, thần dân đều thọ năm giới và tu thập thiện.

(Trích kinh Phổ Đạt Vương)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 28

1. HOÀNH HƯNG PHÍ ĐIỀU BỊ GIAN THẦN GIẾT CHẾT, HỒN NHẬP VÀO XÁC CŨ LẠI LÀM VUA:

Bình Sa Vương có một đại thần do phạm tội nên bị đày đến Nam Sơn cách nước đó ngàn dặm. Nơi ấy vắng vẽ không lúa gạo, nhưng khi vị đại thần đến thì nước suối ở đây bỗng nhiên tuôn ra, ngũ cốc được mùa. Những người đói rét ở các vùng lân cận đều đến đây ở, chỉ trong vòng mấy năm đã có đến ba bốn ngàn nhà. Người nào mới đến cũng được cấp cho ruộng đất để sinh sống. Ở vùng nầy có ba trưởng lão lớn nhất họ cùng bàn ban với nhau rằng nước không có vua, như thân không đầu. Chúng ta nên đến mời vị đại thần lên làm vua. Vị đại thần nói:

- Nếu chọn ta làm vua thì phải chế lập phép tắc như vua các nước khác, phải có đủ đại thần, văn võ, tướng sĩ, trên dưới triều cống, lập cung thất, tuyển mỹ nữ và nộp thuế lúa, vải đúng theo phép chế định

cho người dân.

- Xin vâng theo lời Ngài.

Rồi nhất nhất theo phép tắc vua chúa lập vị đại thần lên làm vua, lại lập ra văn võ, quần thần trên dưới, đốc súât dân chúng xây thành, cất cung điện, lầu gác. Vì thế nhân dân phải chịu đói khổ không thể kham nỗi nên họ có mưu đồ tạo phản.

Bọn gian thần dẫn vua đi săn, khi ra khỏi kinh thành khoảng ba mươi đến bốn mươi dặm, đến chổ đầm lầy vắng vẽ họ trói vua lại định giết.Vua hỏi cận thần:

- Vì sao mọi người lại muốn giết ta?

- Tâu bệ hạ! Dân chúng vì yêu chuộng sự ấm no an vui mới đề cử Ngài lên làm vua, nhưng nay dân chúnng lại lầm than đói khổ nên có âm mưu tạo phản. Vua nghe thế liền nói: “đó là do các khanh làm ra chớ nào phải do ta. Nay kẻ nào giết oan ta sẽ có Thánh thần chứng biết. Hãy để ta phát một lời nguyện, dẫu có chết cũng không oán hận.”

Sau đó vua phát nguyện: Ta vốn khai hoang vùng đất này, nuôi dưỡng nhân dân, người nào đến đây đều được giàu có an vui. Từ khi các ngưòi cử ta lên làm vua chiếu theo phép tắc của các nước khác để cùng nhau thực hành, nay các ngươi trở lại muốn giết ta. Ta thật sự không có lỗi lầm với người dân ở đây. Nếu ta chết nguyện sẽ làm La sát nhập trở lại thân cũ để báo oán nầy. Bọn cận thần thắc cổ vua chết. Họ bỏ đó rồi đi. Sau ba ngày hồn vua nhập vào thân cũ tự xưng là A-la-ba và trở về cung. La sát giết vua mới, và các thể nữ trong hậu cung cùng các gian thần. Ba vị trưởng lảo kỳ cựu bàn bạc rồi tự trói mình rồi đến trước La sát thú tội: đây là do gian ta gây ra, chớ dân đen nào có tội tình gì. Xin Ngài hãy rộng lòng tha thứ mà trở về trị nước như xưa.

La sát đáp:

- Ta là La sát, muốn ta làm việc như cũ thì bữa ăn của ta phải có thịt người, vậy các khanh phải cung cấp thịt người cho ta.

Biết La sát tính tình nóng nãy, dể nổi giận, không thể can gián được, nên các vị trưởng lảo đành nói: “Nước là của bệ hạ ban cho, nên nên về việc ăn uống chúng tôi xin vâng theo sự sai bảo của Ngài”.

Các vị trưởng lảo ra lịnh cho nhân dân từ đây về sau một nhà phải cống nạp một đứa trẻ để làm thức ăn cho vua La sát. Cứ thế cho đến ba bốn ngàn nhà, đến phiên một gia đình kia là đệ tử của Phật. Cả nhà điều tinh tấn giữ gin năm giới. Khi đến phiên gia đình họ phải cống nạp trẻ con cho triều đình, mọi người trong nhà đều buồn rầu than khóc hướng về núi Kỳ-xà-quật đảnh lể Đức Phật, ăn năn tự trách những lỗi lầm đã

qua. Phật dùng đạo nhãn thấy được sự đau khổ của họ, bèn nói: "đứa trẻ này về sau sẽ độ vô số người"

Ngài liền dùng thần thông bay đến trước cửa cung La sát, hiện ra tướng ánh sáng chiếu khắp trong cung. La Sát trông thấy ánh sáng nghi là có người khác thường nên vội bước ra, vừa trong thấy Phật La sát liền khởi ác tâm trước tiên muốn nuốt ánh sáng của Phật vì đã làm chói mắt nó. Hắn lại dời núi khạc lửa nhưng đều bị Phật hoá thành tro bụi. Đợi cho La sát mõi mệt, Ngài mới hàng phục nó. Sau đó la sát thỉnh Phật lên tòa cung kính đảnh lễ Ngài. Chú tâm nghe Phật thuyết pháp. Nghe xong La sát xin thọ năm giới làm ưu bà tất. La sát lại thúc dục cận thần đem trả đứa bé kia. Người nhà đứa bé nghe tin khóc lóc chạy theo. người đến xem rất đông ai ai cũng động lòng thương xót. Vị quan bế đứa trẻ đến trước La- sát. La sát đở lấy rồi quỳ xuống bạch Phật:

- Bạch Thế tôn người trong nước lần lượt đem trẻ con đến cho con ăn thịt, con nay đã thọ năm giới nên không ăn thịt người nữa, xin đem đứa trẻ này cúng dường Đức Phật để Ngài sai bảo.

Đức Phật nhận lấy đứa trẻ rồi thuyết pháp chú nguyện, La-sát nghe xong vô cùng vui mừng đắc quả Tu-đà-hoàn. Đức Phật đặt đứa trẻ vào trong bát bưng ra khỏi cửa cung, trả lại cho cha mẹ của nó. Ngài bảo:

- Các người hãy chăm sóc nó, chớ có lo buồn nữa.

Mọi người trong thấy Đức Phật đều kinh ngạc tự hỏi: "Đây là vị thần nào? Đứa trẻ này có phước gì mà chỉ mình nó được cưú độ"?

Đức Phật nói kệ:

Nhờ giữ gìn giới đức
Phước báo thường theo ta
Trọn lìa ba đường ác
Đắc pháp, người cao quý
Giữ giới trừ sợ hãi
Phước báo tam giới tôn
Quỷ rồng tà độc hại
Không phạm người trì giới.

Mọi người nghe kệ xong trong lòng vui mừng đều được kiến đạo và trông thấy hào quang sáng chói của Đức Phật, họ đều xin làm đệ tử của Ngài.

(Trích kinh Pháp Cú quyển 5)

2. MẾN PHẬT NGHE PHÁP ĐẮC QUẢ TU-ĐÀ-HOÀN:

Trong nước Xá-vệ có hai người thương buôn. Người thứ nhất nói rằng thân Phật cao một trượng sáu da màu vàng tía rất đẹp, trên đỉnh đầu Phật một nhục kế và có hào quang tỏa sáng chung quanh,Phật giống như một vị vua, các Tỳ-kheo giống như các đại thần, hễ vua nói lên lời gì thì các đại thần liền trùng tuyên lại và làm rõ thêm những lời ấy. Phật đúng là bậc rất đáng tôn quý. Phật biết được tâm niệm của người ấy nên tỏ vẽ sự thân thiện, người ấy rất vui sướng mỗi khi nghĩ đến Phật.

Người thứ hai lại cho rằng Phật như là bò,hàng đệ tử như các cỗ xe, hễ bò đến đâu thì kéo xe đến đó. Phật biết được người này có tâm ác như vậy,về sau ắt sẽ bị quả báu. Ngài vô cùng thương xót.

Một hôm nọ hai người rủ nhau ra ngoài thành, đi khoảng ba mươi dặm thì dừng nghỉ trong một quán rượu nhỏ bên đường. Hai người cùng uống rượu và chuyện trò với nhau. Người có tâm thiện nói: Đó là nhờ Trời Tứ Thiên vương sai Thiên thần đến giúp đỡ chúng ta. Người có tâm ác lại nói: Đó là nhờ quỷ thần trong núi Thái sơn đưa rượu vào bụng chúng ta. Nên khi rượu vào thì toàn thân nóng như thiêu đốt.

Hai người ra khỏi quán đến ở chỗ trống nằm soài ra đất rồi người từ từ ngã lăn vào trong vết bánh xe. Người có tâm ác tự nhiên nằm lọt trong đường xe đi. Đến sáng hôm sau, có một người thương buôn dẫn năm trăm cỗ xe bò đi ngang qua vô tình cán chết người có tâm ác. Người tâm thiện thấy bạn chết liền nghĩ: “ta nay thật là xui xẻo nếu về làng thì sẽ bị nghi ngờ. lại mang tiếng là người bất nghĩa. Ông buồn bã bỏ tất cả tài sản, trốn đến một nước nọ cách nước Xá-vệ khoảng mấy vạn dặm.” Gặp lúc vua nước ấy vừa băng không có con kế vị. Trong sấm thư nước này có ghi rằng: trong nước có một người dân hèn sẽ nối ngôi vua cai trị đất nước. Các quần thần cùng nhau bàn bạc. Một vị nói:

- Đất nước không có vua như người mất đầu, làm sau tồn tại lâu dài được. Chúng ta phải gấp rút tìm người xứng đáng làm vua trị vì trăm họ. Nhưng biết tìm ai đây? Tôi có cách này, Vua chúng ta có một con ngựa thường hay lạy vua. Chúng ta thả ngựa ra, nếu ngựa quỳ trước người nào, thì người ấy sẽ là vua vậy.

Mọi người đều tán thành.

Thế là họ cột con ngựa ấy vào cỗ xe được trang hoàng lộng lẫy,trước xe có treo dãi ấn của vua, rồi cho đứng giữa đường. Mọi người thấy vậy không ai cầm được nước mắt.

Lúc ấy người thương buôn cũng đến xem. Đột nhiên quan Thái sử nói:

- Đằng kia có mây giống như chiếc lộng vàng, chắc nơi ấy sẽ có vua!

Vừa nói xong ngựa thần liền đi thẳng đến quỳ xuống liếm chân người thương buôn. Các quan vui mừng vô cùng đem hương hoa đến tắm gội cho người thương buôn rồi tôn người ấy lên làm vua và tự xưng là bề tôi. Người thương buôn nói:

- Tôi vốn là thương buôn không có đức gì với dân, đâu dám nhận chức thiên tử.

Các quan đều nói:

- Ngài sẵn có đức lớn nên ngựa thần mới quỳ xuống trước mặt Ngài.

Các quan liền thỉnh người lái buôn vào cung tôn làm vua cai trị đất nước.

Ngồi trên bệ rồng cao quý tột bực, vua nghĩ: "Ta đâu có tạo chút phước gì, sao lại được làm vua, chắc đây là nhờ ơn Phật".

Hôm sau lâm triều, Vua hết lời khen ngợi công đức của Phật, rồi dẫn quần thần trở về nước Xá-vệ lễ bái Phật. Vua nói:

- Kẻ hạ tiện này nhờ ơn Phật, nay mới được làm vua. Nơi này xưa nay chưa từng biết đến Phât, ngay cả sách vở cũng không thấy nhắc đến. Nguyện đức Thế tôn từ bi đem chánh Pháp đến nơi này để khai hoá người dân trong nước của con và xin các Thánh chúng hãy đến nơi này an cư ba tháng.

Phật nghe được lời thỉnh cầu của vua liền dạy các Tỳ-kheo ngày mai đến chỗ vua. Tất cả đều phải làm phép biến hoá, để cho người dân thấy được mà phát khởi lòng tin. Chư thiên biết tin Phật đến nước ấy để giáo hoá, liền dẫn nhau đi theo. Họ cùng trỗi lên các thứ âm nhạc ca ngợi công đức Phật, phan lọng rợp Trời, hoa rải khắp nơi, đồng thời ánh sáng rực rỡ chói cả mắt. Đức Phật và các vị A-la-hán đều ngồi trên chánh điện.vua đích thân lo liệu mọi thứ thỉnh Phật thăng tòa thuyết Pháp. Rồi đặt chiếc ghế nhỏ trước Phật để ngồi nghe pháp.

- Con vốn là người hèn hạ không có công đức gì, sao lại được làm vua?

Phật nói:

- Trước kia thấy vua nước Xá-vệ cúng dường Phật. Ngài hoan hỷ nghĩ rằng: Phật giống như một vị vua, các Tỳ-kheo giống như các quan văn võ. Nói vậy, tức Ngài đã gieo được hạt giống lành, nay đúng thời trổ quả như thế đấy. Còn người bạn của Ngài lúc ấy có tâm ác nghĩ:Phật như bò, các Tỳ-kheo như những cỗ xe. Nói vậy tức người ấy đã gieo

nhân xấu, nên bị xe cán chết, đến nay vẫn còn bị xe lửa cán trong núi thái sơn, tự chuốc lấy quả khổ. Ngôi vị hiện tại của Ngài thật sự không phải là khả năng của Ngài có được, mà do kết quả của việc thiện Ngài đã làm trước đó. Làm lành thì phước đến, làm ác thì họa vào. Nhân quả theo nhau như bóng theo hình,chẳng phải do Trời rồng hay quỷ thần ban giáng,cũng không phải do ông bà tổ tiên nào làm ra. Khởi là do tâm thành là do khẩu.

Phật lại nói kệ:

Tâm là gốc muôn pháp
Chuyên làm chủ dẫn dắt
Nếu tâm nghĩ tưởng ác
Nói ra hoặc hành động
Quả khổ ruổi theo sau
Như xe lăn theo vết.
Tâm là gốc muôn pháp
Chuyên làm chủ dẫn dắt
Nếu tâm nghĩ tưởng thiện
Nói ra hoặc hành động
Phước báo sẽ theo sau
Như bóng theo hình vậy.

Này Đại vương! có năm điều ác tội nặng nhất là:

1/ Bất hiếu, bất trung (Giết cha, giết mẹ, giết vua, vì làm cho nước mất nhà tan).

2/ Cố tâm hại bậc A-la-hán, Vì A-la-hán là người đã đắc đạo thay Phật cứu giúp chúng sanh.

3/ Có tâm ác phỉ báng Phật, vì Phật là bậc đã diệt được các tội, phước đức vô lượng, có đầy đủ tướng hảo và mười lực, từ bi thương xót cứu giúp chúng sanh hơn cả cha mẹ.

4/ Nói đâm thọc làm chúng Tăng mất hoà hợp, vì chúng Tăng là đoàn thể Sa-môn hòa hợp tu hành thanh tịnh, lập chí cao vời, thay Phật hoằng truyền Kinh Pháp giáo hóa chúng sanh. Nếu người phá hòa hợp Tăng thì chánh Pháp sẽ bị hủy diệt. Nếu chánh pháp hủy diệt thì chúng sanh mê loạn sa vào ba đường ác.

5/ Trộm cắp và phá hoại chùa miếu, vì những thứ ấy đều do thí chủ có lòng thành dâng cúng Tam bảo.

Năm tội này nặng hơn cả núi Tu di, nếu đã phạm thì không thể sám hối, hãy cẩn thận đừng phạm.

Phật nói Kinh xong vua và quần thần đều chứng quả Tu-đà-hòan.

Tất cả đều xin thọ ngũ giới làm ưu-bà-tắc. Từ đó trong nước của vua bắt đầu có Sa-môn và hàng cư sĩ giữ giới. Vua áp dụng ngũ giới thập thiện vào luật pháp của nước. Nhờ vậy đất nước ngày càng hưng thạnh, được hàng Chư thiên giúp đỡ.

(Trích Kinh Bách Ái)

3. PHƯỚC BÁU CỦA VUA BA-TƯ-NẶC:

Vua Ba-tư-nặc đời trước trồng nhiều công đức nên đời nay được hưởng quả báo tương ưng.

Trong hậu viên của vua tự nhiên mọc lên một loài mía. Nước ngọt từ thân cây chảy ra suốt ngày đêm không dứt. Cũng nơi ấy, lại sanh ra một loài lúa đỏ. Lúa trổ rất nhiều bông, gặt hái hoài không hết. Vua ăn mãi những thứ này không biết chán. Thân thể vua ngày càng mập ra, hơi thở nặng nề, đi lại khó khăn.

Vua đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi qua một bên. Phật nói kệ rằng:

Người chuyên tâm tu tập
Ăn uống vừa biết đủ
Chỉ mong giữ thân mạng.
Để nuôi dưỡng đạo đức.

Vua nghe kệ xong vô cùng vui mừng, từ biệt Phật trở về cung.

Vua thường bảo người dọn cơm đọc bài kệ này để nhắc nhở vua chớ ăn nhiều.

Về sau vua giảm ăn, thân thể liền được nhẹ nhàng, tới lui thoải mái.

(Trích kinh Xuất Diệu quyển 17)

4. VUA BA-TƯ-NẶC THỈNH PHẬT GIẢI MỘNG:

Một đêm nọ vua Ba-tư-nặc ngủ, mộng thấy mười điều:

1- Cây con trổ hoa.

2- Cây con kết trái

3- Trâu mẹ theo bú trâu con.

4- Loài người cắt sợi dây loài dê theo sau ăn.

5- Mười cái nồi chồng lên nhau, nước trong nồi trên, chảy xuống nồi cuối cùng.

6- Ngựa có hai đầu.

7- Máu chảy thành dòng.

8- Nước bốn bên trong,ở giữa đục.

9- Chó tiểu trong chén vàng.

10- Bốn con trâu từ bốn phía, bỗng chạy đến húc vào nhau, rồi trở về chỗ của mình.

Vua sợ hãi, giật mình thức dậy, nghĩ rằng: Phải chăng đây là điềm báo ta sắp mạng chung hay sẽ mất vương vị?

Vua vô cùng lo lắng, liền đến Phật trình bày giấc mộng của mình. Phật bảo:

- Xin Đại vương chớ sợ hãi, mộng này không phải là điềm báo Đại vương sắp mất ngôi vị. Ta sẽ giải thích mười điềm mộng ấy cho Đại vương nghe. Tất cả các điềm mộng của đại vương đều chỉ cho chúng sanh đời sau thích làm việc phi pháp. Thấy cây con nở hoa là điềm báo chúng sanh không hiếu thuận cha mẹ, không kính thờ và cúng dường Sa-môn Bà-la-môn. Thấy cây con kết trái là con gái lấy chồng không bao lâu lại bồng con trở về nhà không chút hổ thẹn. Thấy trâu mẹ theo bú trâu con là mẹ đứng giữ cửa cho con gái làm việc tà hạnh để sinh sống. Thấy người cắt dây dê theo ăn là chúng sanh lấy tài sản của mình để mua vui với người ngoài. Thấy mười cái nồi chồng lên nhau nước từ nồi trên chảy xuống nồi cuối cùng là chúng sanh đời sau, con cái đuổi cha mẹ đoạt lấy nhà cửa. Thấy ngựa có hai đầu là chúnh sanh theo lệnh vua tước đoạt của cải của các Bà-la-môn giàu có, hoặc theo các Bà-la-môn giàu có cướp đoạt các kho báu của vua. Thấy máu chảy thành dòng là đời sau sẽ có vị vua không thích nước mình khởi binh xâm chiếm nước khác, nhưng không thể ép người làm theo ý mình.vì vậy mà rất nhiều người bị vua giết hại. Thấy nước bốn bên trong ở giữa đục là người dân tronng nước thích đấu tranh loạn lạc, còn người dân các nước lân cận không có các việc đấu tranh kiện tụng. Thấy chó tiểu trong chén vàng là chúng sanh sau này ngu si không biết đạo lý. Ta đã trải qua ba a-tăng- kỳ kiếp khổ nhọc mới tìm được kho báu chánh pháp, nhưng lại bị họ phỉ báng còn dùng dao gậy đánh đập, ngói gạch liệng ném. Còn những Sa-môn giảng nói phi pháp lại được ca tụng. Thấy bốn trâu từ bốn phía bỗng chạy đến húc nhau, rồi trở về chỗ của mình là sau này sẽ có mây từ bốn phía nổi lên, sấm nổ vang Trời, lát sau mây lại tan ra Trời không đổ xuống giọt mưa nào. Giấc mộng của đại vương có mười điều cảm ứng như vậy. Không có điềm nào báo rằng vua sẽ mạng chung hay sẽ mất vương vị.

Vua nghe xong vui mừng,đảnh lễ Phật rồi trở về cung.

(Trích kinh Tăng Nhất A-hàm quyển 41)

5. TÌNH THƯƠNG CON CỦA VUA BA-TƯ-NẶC:

Con gái vua Ba-tư-nặc vừa qua đời. Vua vô cùng thương tiếc, quanh quẩn không lời. Tẩn liệm công chúa xong, vua tìm đến Đức Như Lai đê đầu đảnh lễ, rồi ngồi qua một bên.

Đức Phật hỏi:

Tại sao vua buồn bả áo quần lem lấm, mặt mày ủ rủ như vậy?

- Bạch đức Thế tôn! Đứa con gái mà con thương yêu nhứt vừa qua đời, con muốn đem voi, ngựa, xe cho đến tất cả những vật quý giá nhất để đổi lấy mạng sống của con mình. Này đại vướng! Sự đau buồn khổ não đều do ân ái mà ra, sở dĩ như thế là tại sao?.

Này Đại vương! Xưa kia cũng tại thành Vương xá này, trong một gia đình nọ, có một người con vừa qua đời. Người mẹ vì quá thương conđến nỗi điên loạn, không còn lý trí. Bà ta đi khắp nơi cứ hỏi mọi người rằng: "có ai gặp con ta không?"

Đại vương! Lúc đó, ta dùng mọi cách để người ấy tự biết: "Đau buồn khổ não đều do ân ái mà sanh ra". Nên lấy đó mà nay xin đại vương chớ có buồn rầu quá lắm! Tất cả ân ái đều phải chia lìa, phàm vật có sanh ắt sẽ có hoại diệt, cứ như thế Đức Phật giảng rộng các pháp lý cho vua nghe.

Vua lãnh thọ lời dạy của Đức Phật rồi từ biệt ra về.

(Trích kinh Tư-Nặc Vương Nữ Mạng Quá Thỉnh Phật)

6. VUA BA-TƯ-NẶC ĐI SĂN GẶP MẠC LỢI PHU NHÂN:

Bấy giờ trong thành Xá-vệ có một Bà-la-môn rất giàu có tên Da-nhã-đa, nô tỳ tên là Hoàng Đầu, làm việc giữ vườn Mạc La.

Cô ta thường buồn rầu than thở: "chẳng biết đến bao giờ ta mới thoát khỏi kiếp nô tỳ này".

Sáng nào khi đến vườn, cô cũng mang theo một phần cơm khô.

Một hôm, Đức Phật vào thành khất thực Hoàng Đầu trong thấy Đức Thế tôn liền nghĩ: "Ta nên đem phần ăn của mình cúng dường cho vị Sa-môn nầy may ra có thể thoát khỏi kiếp nô tỳ". Nghĩ vậy liền đem thức ăn đến cúng dường Đức Phật. Đức Phật thương xót thọ nhận rồi trở về Tinh xá, còn Hoàng Đầu trở lại vườn Mạc La.

Nhân lúc vua Ba-tư-nặc dẫn binh đi săn, bọn tuỳ tùng chia nhau giăng lưới lùa bầy nai vào. Bấy giờ khí Trời nóng bức, từ xa vua trông thấy một khu vườn liền quay xe đi về hướng khu vườn. Hoàng Đầu từ xa trông thấy một người tướng mạo, cử chỉ khác thường liền ra nghinh đón:

- May mắn thay được gặp đại nhân, mời Ngài ngồi nàng vội cởi chiếc áo khoác bên ngoài, trãi cho vua ngồi, rồi hỏi:

- Không biết Ngài có cần nước rửa chân không?

- Được cám ơn cô! Vậy thì quá tốt!

Hoàng Đầu liền đi lấy nước rửa chân cho vua, rồi hỏi:" Ngài có muốn rửa mặc không?" Vua đồng ý cô liền lấy nước cho vua rửa mặt. Rồi cô lại hỏi: "Ngài có khát không?" rồi cô liền đi đến bên ao lấy lá sen múc nước cho vua uống, rồi nói: "Ngài có muốn nghỉ ngơi một lát không? Vua tỏ vẻ đồng ý, cô liền cưới thêm một chiếc áo khoát, trải lên giường để vua nằm. Thấy vua đã nằm nàng quỳ một bên xoa bóp tay chân cho vua đỡ mệt mõi. Thân thể Hoàng Đầu mềm mại, đẹp đẽ giống như tiên nữ. Vua rất thích liền nghĩ: "Ta chưa từng gặp người con gái nào thông minh như vậy. Không cần chỉ bảo mà vẫn biết cách hầu hạ". Liền hỏi:

- Nàng là con gái nhà ai?

- Tôi là nô tỳ của gia đình Bà-la-môn Da-nhã-đạt. Họ sai tôi canh giữ khu vườn này.

Nói đến đây thì các vị đại thần tìm vua cũng vừa vào đến khu vườn, họ bái chào vua rồi đứng qua một bên. Vua cho người gọi Bà-la-môn Da-nhã-đạt đến. Vua hỏi:

- Cô gái này là nô tỳ của ngươi phải không?

- Tâu bệ hạ! Đúng vậy!

- Ta muốn cưới nàng về làm vợ, ngươi có đồng ý không?

- Nó là nô tỳ sao làm vợ Vua được?

- Không hề chi ngươi cứ tính giá đi!

- Nếu đúng giá thì phải một trăm ngàn lượng vàng, nhưng tôi lẽ nào lại lấy tiền của Bệ hạ. Như Ngài thích thì tôi sẵn sàng dâng hiến cho Ngài.

- Không nên như thế! Ta rước nàng về làm vợ sao lại không trả tiền.

Vua liền xuất một trăm ngàn lượng vàng đưa cho Bà-la-môn và đón Hoàng đầu về cung.

Từ đó về sau, cô gái giữ vườn Mạc Lợi thuở nào nay vào cung được vua yêu mến và phong làm Mạc Lợi phu nhân, vợ vua Ba-tư-nặc. Sau đó không lâu trong số năm trăm cung phi mỹ nữ, vua lập nàng làm đệ nhất phu nhân, được cùng vua ngự trên điện cao nàng nghĩ: "Ta nhờ phước báo gì mà vừa thoát kiếp nô tỳ, lại được tôn làm đệ nhất phu nhân sung sướng tột bực thế này!". Nàng lại nghĩ: "Chẳng phải trước

kia ta đã cúng dường phần cơm khô cho vị Sa-môn. Nhờ vậy mà được thoát liếp nô tỳ, hưởng phước giàu sang sung sướng".

(Trích phần đầu luật Tứ Phần quyển 13)

7. SỰ TÍCH TẮM PHẬT:

Thuở xưa có Đức Phật hiệu là Thuỷ Vô, có vị vua tên là Hảo Tín. Vua rất mến mộ Phật pháp, lại thích ngắm nhìn thân tướng tốt đẹp của Như Lai. Ngay trong ngự uyển vua cho trồng cây Ni-câu-loại. Dưới gốc cây làm toà bằng gỗ chiên đàn, thỉnh Phật ngồi thyết pháp.

Đến khi Đức Phật nhập Niết-bàn. Vua không còn gặp Phật. Ngài buồn bã nhớ đến Phật liền đặt tên cây Ni-câu-loại là cây Phật, để mỗi lúc thấy cây cũng như thấy Phật vậy. Ngày nào vua cũng đến ngồi dưới gốc cây, để nhớ lại lời Phật dạy.

Hoàng hậu thấy vậy ganh ghét bèn thuê các vị Bà-la-môn đến trù yếm cây Phật ấy.

Vào đêm mùng bảy tháng tư Bà-la-môn vào trong núi Nam lấy nộc độc của rắn bôi lên cây, cây bị nhiễm độc mà chết. Vua buồn bã khóc than thảm thiết. Đến nữa đêm mồng tám tháng tư khi sao mai vừa xuất hiện, vua lấy nước hương của các loài hoa tưới lên cây, cây sống lại. Vua liền phát nguyện: "Nay xin chư Phật trong mười phương khi ra đời, đắc đạo hay nhập Niết-bàn cũng vào ngày này.

Từ đó về sau, chư Phật ra đời đều nhằm ngày mồng tám tháng tư. Thế nên, ngày ấy chính là ngày tắm Phật vậy.

(Trích kinh Túc Nguyện Quả Báo)

8. KỲ VỰC DƯỢC VƯƠNG THỈNH PHẬT VÀ TĂNG:

Kỳ Vực Dược Vương thỉnh Phật và chúng Tăng đến nhà thọ trai, chỉ trừ Bàn Đặc là không thỉnh.

Bàn Đặc học trong bốn tháng mà không thuộc hai chữ "chổi quét".

Như Lai và chúng Tăng đến nhà Kỳ Vực, gia chủ bưng nước rửa chân đến nhưng Như Lai không nhận. Kỳ Vực bạch Phật:

- Bạch Đức Thế tôn vì sao Ngài không nhận nước?

- Nay trong chúng Tăng này không có Tỳ-kheo Bàn Đặc, vì thế ta không nhận nước.

- Bàn Đặc là người ngu si, còn thua những kẻ chăn bò không xứng đáng thọ lảnh của cúng dường.

- Nếu ông không thỉnh Bàn Đặc thì ta không nhận nước.

Kỳ Vực nghe Phật nói thế, liền sai người gọi Bàn Đặc đến.

Phật bảo A-nan: “ngươi hãy trao bát của ta cho Bàn Đặc, để Bàn Đặc có thể ngồi từ xa mà dâng bát cho ta”.

Sau khi Bàn Đặc ngồi từ xa dùng thần thông dâng bát cho Đức Phật. Kỳ Vực thấy vậy hối hận nghĩ: “Than ôi! Ta quá sai lầm đã huỷ nhục bậc Hiền Thánh nay ta đã phạm khẩu nghiệp”.Vì vậy ông khởi tâm cung kính Tỳ-kheo Bàn Đặc hơn năm trăm vị Tỳ-kheo kia.

Thọ trai xong, Đức Phật giảng: Vào thời quá khứ, Kỳ Vực là người buôn ngựa. Một hôm, ông ta lùa một nghìn con ngựa đi đến nước khác, giữa đường có một con ngựa sanh con, ông ta cho ngựa con ấy rồi tiếp tục lên đường.

Kỳ vực đến gặp vua nước đó, vua nói với Kỳ Vực: “nghìn con ngựa này đều là ngựa thường, chỉ có một con ngựa tiếng kêu của nó nghe thật bi thương khác thường, nó có thể sanh ra tuấn mã. Con ngựa đó khi lớn lên trị giá bằng một nghìn con ngựa này. Nếu có con ngựa con đó ta sẽ mua hết đám ngựa này”.

Người buôn ngựa trở lại nơi chỗ cho ngựa con. Ngựa con chưa đầy một tuần lễ đã nói được tiếng người. Nó nói với chủ. Nếu ông buôn ngựa đến xin tôi, thì ông phải đòi đổi phải đổi năm trăm con ngựa khác”.

Khi người buôn ngựa đến muốn chuộc lại ngựa người chủ nuôi ngựa nói: “Tôi không muốn làm khó ông nhưng tôi khổ cực lắm mới nuôi sống được nó. Ông nay muốn xin lại phải đem năm trăm con ngựa đến chuộc. Người buôn ngựa liền đồng ý.

Con ngựa con trước bị khinh chê sau được quý trọng, nay chính là Tỳ-kheo Bàn Đặc. Kỳ vực trước khinh chê sau cung kính không phải chỉ đời này mà do nhân duyên kiếp trước.

(Trích kinh Thỉnh Bàn Đặc Tỳ-kheo)

9. BỐN ĐIỀU SỢ HÃI CỦA VUA BÌNH SA:

Thuở xưa pháp trị tội kẻ trộm của tổ tiên vua Bình Sa là bắt họ tự lấy tay đánh vào đầu mình. Kẻ trộm vì thế rất hổ thẹn, về sau không dám làm nữa. Đến thời phụ vương của vua Bình Sa, nếu người nào ăn trộm sẽ đuổi ra khỏi thành và lấy đó làm nghiêm giáo. Kẻ trộm rất hổ thẹn về sau không dám làm nữa. Đến khi vua Bình Sa lên ngôi, nếu kẻ nào ăn trộm sẽ đuổi ra khỏi nước.

Bấy giờ, có một tên trộm bảy lần bị đuổi ra khỏi nước, nhưng vẫn trở lại thôn xóm cướp của giết người. Cuối cùng quan bắt được đem đến chỗ vua. Vua ra lệnh: “Hãy chặt ngón tay út của hắn đi”. Quan hữu ty

cấp tốc thi hành ngay vì sợ vua đổi ý. Lúc ấy vua thử cắn vào ngón tay mình cảm thấy đau đớn, liền ra lệnh: "các khanh không được chặt tay kẻ trộm nữa. Thần đáp: "Tâu bệ hạ! Hạ thần đã chặt tay rồi".

Vua vô cùng buồn bã và hối hận, nghĩ rằng: "Ta là vị vua cuối cùng trị dân đúng chánh pháp nhưng cũng là vị vua đầu tiên trị dân phi pháp. Phàm làm vua phải lo nghĩ đến dân chúng, sao ta lại chặt tay họ như vậy!". Nghĩ rồi xa giá đi đến chỗ Phật, bạch Phật rằng: "Bạch Thế tôn, nhiều đời tiên vương cho đến phụ vương con đều dùng chánh pháp trị dân. Nhưng đến lượt con lại làm ác, ngày một tăng thêm nên chính sách giáo hoá ngày càng suy yếu. Con thật là sai lầm, làm vua mà lại gây thương tổn cho người dân. Con nghĩ mình thật là vô đạo, vì thế con rất hổ thẹn và sợ hãi".

Phật bảo: Này đại vương! Theo phép trị nước người trộm bao nhiêu tiền thì tội đáng chết? Bao nhiêu tiền thì đuổi ra khỏi nước? Bao nhiêu tiền thì bị tử hình?

- Bạch Đức Thế tôn! Mười chín đồng tiền xưa tính là một kế lợi sa bàn ai trộm một phần tư kế lợi sa bàn thì tính vào tội đáng chết.

Phật thuyết pháp cho vua nghe, nghe xong vua lễ Phật rồi trở về cung.

Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế tôn vì sao vua Bình Sa sợ tội như vậy.

- Ông ấy không những chỉ đời này sợ tội mà ở đời quá khứ cũng như vậy. Vào thời quá khứ vua Danh Xưng trị vì nước Ca Thi. Người dân trong nước ai cũng có nghề nghiệp để sinh sống. Người không có nghề nghiệp và kẻ trộm gọi là người ngu.

Lúc bấy giờ có một têm trộm bị quan bắt, đem đến chỗ vua. Vua nói: "Thôi đi! người kia mất của, người này ăn trộm, ta cần gì xử phạt để gây thêm một cái ác nữa?"

Vua lại nghĩ: "Từ xưa đến nay mới có một người ngu thôi nếu cả ngàn người như thế chắc ta chết mất. Nếu đủ một nghìn thì ta đã mạng chung. Vua giao người ngu cho đại thần nói:

- Ta cần một ngàn người ngu đề mở hội lớn, nếu ngươi bắt đủ số đó thì hãy báo cho ta biết.

Vị thần trói người ngu lại một chỗ. Vua thấy vậy nghĩ: "người ngu này e rằng không chịu được sự khổ sở". Vua liền bảo đại thần: "Khanh phải quan tâm đến người này chớ để suy ốm, hãy đưa nó đến vườn vô ưu của ta để vui hưởng ngũ dục".

Đại thần phụng mệnh, muốn lấy lòng vua nên càng chăm sóc

người trộm chu đáo. Kẻ trộm nào bị bắt cũng xử trị như vậy, không bao lâu đã đủ một ngàn người. Đại thần tâu lên vua để vua xử lý họ. Vua nghe tin này rất buồn lo, nghĩ rằng: "Từ xưa đến nay lâu lắm mới có một người ngu, vì sao ngày nay chỉ trong một thời gian ngắn đã có tới ngàn người? Hay là đời sắp mạt pháp rồi nên ác pháp tăng trưởng."

Vua ra lệnh quần thần vào vườn Vô Ưu quét dọn rưới nước, đốt hương treo tràng phan và chuẩn bị nhiều thức ăn ngon.

Mọi người làm xong, vua, quần thần và mười tám bộ chúng đến vườn Vô Ưu. Vua ra lệnh đưa những người ngu ra. Khi trông thấy họ áo quần dơ bẩn rách rưới, tóc tai bù xù, móng tay dài, vua ra lệnh cho họ tắm rửa thay áo mới và cắt tóc, móng tay cho họ. Sau đó vua lại ra lệnh ban phát cho họ những thức ăn ngon và tiền của, rồi bảo họ: "Các ngươi hãy trở về nhà phụng dưỡng cha mẹ, chăm lo làm ăn chớ ăn trộm nữa!"

Những tên trộm nghe sắc lệnh vua đều vui mừng và vâng theo.

Về sau,Vua nhường ngôi cho thái tử, vào núi học pháp tiên nhơn. Vị vua thuở đó chính là vua Bình Sa thường sợ tội báo.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Này các Tỳ-kheo! Vua Bình Sa không chỉ đời này ra lệnh chặt tay kẻ trộm lại hối hận mà vào thời quá khứ cũng như vậy. Vào thời quá khứ có một vị Bà-la-môn nghèo cùng khốn khổ xin ăn qua ngày, ông không có con. Trong nhà có nuôi một con trùng Na-câu-la nó sanh được một con. Bà-la-môn xem nó như con mình, nó cũng xem ông như cha. Không bao lâu sau vợ Ông ta sanh một đứa con mỗi khi đi xin ăn thường dặn vợ: "con ta còn quá nhỏ, nếu bà đi đâu nhớ bồng con đi theo nhé!" Một hôm, người vợ cho con bú xong, rồi đi đến một quán ở gần nhà. Đứa bé ở nhà một mình, vì nó thơm mùi sữa, nên rắn độc há miệng phun độc muốn giết chết nó. Trùng Na-câu-la thấy vậy nghĩ: "cha mẹ đi vắng tại sao rắn độc muốn cắn em mình." nghĩ thế liền giết rắn độc cắn ra làm bảy khúc, lấy máu bôi vào miệng rồi đứng giữa cửa. Vì nó muốn cho ba mẹ vui khi trông thấy mình.

Lúc bấy giờ Bà-la-môn từ ngoài đi vào nhà, xa thấy vợ mình, giận dữ nói:

- Tôi bảo bà đi đâu thì đem con đi theo tại sao bà đi một mình.

Người chồng đi vào cửa, thấy miệng trùng Na-câu-la dính máu, liền nghĩ: "vợ chồng ta không có ở nhà e rằng trùng Na-câu-la đã ăn con ta?" Nghĩ thế ông ta vội vàng lấy gậy đánh chết trùng Na-câu-la. Nhưng khi bước vào trong nhà thấy con mình đang ngồi cắn tay cười

giởn, lại thấy rắn độc bị cắn làm bảy khúc, bà-la-môn rất buồn bã hối hận nghĩ: "Na-câu-la-trùng cứu sống con mình. Ta không xem xét kỹ vội vàng đánh chết nó, thật đáng thương thay!" tức thời Bà-la-môn ngất xỉu té xuống đất. Lúc ấy trong không trung có tiếng Thiên nhơn nói kệ:

Nên quan sát thật kỹ
Chớ vội vàng nỗi giận
Xa bạn lành thương yêu
Giết hại người tin cậy.

(Trích luật Tăng-kỳ quyển 12)

10. VUA BÌNH SA THÍCH ĂN NGON CHẾT SANH LÊN TRỜI TỨ THIÊN VƯƠNG:

Vua Bình Sa hỏi Ngài Mục-liên:

- Thưa tôn giả cõi Trời nào có thức ăn ngon?

Mục-liên đáp:

- Thưa đại vương, cõi Trời Tứ Thiên vương có thức ăn ngon, nhưng Ngài nên sanh về cõi Trời Đâu suất.

Vua nghĩ: "Trước tiên ta phải sanh vào cõi Trời tứ Thiên vương, sau đó mới sanh vào cõi Trời Đâu suất".

Về sau vua mạng chung sanh làm thái tử con vua Tỳ Sa-môn tên Là Tối Thắng Tử.

Như lời Mục-liên nói, người ban đầu đi bằng bụng gọi là Ma-hầu lặc, rồi sau đó sanh ra chúng sanh ba tay gọi là voi.

Có người hỏi:

- Sao gọi là người? Sao gọi là Ma-hầu-lặc? Sao gọi là voi?

- Chứng tỏ rằng những chúng sanh này từ cõi Trời Quang Âm sanh xuống đây. Đời nay làm súc sanh nhưng hình dáng giống người. Do họ ăn uống vô độ, tâm ý xấu xa, xảo trá ngày càng nhiều, nên đời tương truyền sau khi họ mạng chung sanh làm súc sanh hình dáng như ễnh ương

(Trích luận Tỳ Bà Sa quyển 14)

11. BÌNH SA VƯƠNG VÀ PHẤT-CA-SA VƯƠNG THÂN THIẾT CÙNG TẶNG NHAU VẬT QUÝ

Vua nước Vương xá tên là Bình Sa. Thuở nhỏ khi còn làm thải tử, Ngài thường ước năm điều.

1/ Muốn làm vua khi còn tuổi nhỏ.

2/ Khiến cho trong nước mình có Phật.

3/ Muốn được tới lui viếng Phật.

4/ Muốn được nghe Phật thuyết kinh.

5/ Nghe kinh xong mau chóng được khai ngộ đắc quả Tu-đà-hoàn.

Đến khi lên ngôi, những điều ước của thái tử đều được toại nguyện.

Bấy giờ, phía Bắc nước Vương xá là nước Đức Sa Y La. Do vua Sất-ca-la trị vì. Vị vua này tài đức song toàn, đời trước đã từng gặp Phật nghe kinh, thông suốt sáu phần nói về địa, thuỷ, hỏa, phong,không, thức. Hai vị vua nầy từ trước đến nay tuy chưa từng gặp mặt nhưng đã nghe danh của nhau và kính yêu nhau như tình anh em, họ thường thư từ qua lại để hỏi thăm nhau. Trong nước của Phất-ca-sa Vương có một hoa sen ngàn cánh sắc vàng, vua đem tặng cho Bình Sa Vương. Bình Sa Vương trong thấy hoa vô cùng vui mừng nói: “ Phất-ca-sa Vương đã tặng cho ta một vật hiếm la xưa nay chưa từng thấy”. Bình Sa Vương liền viết thơ cảm ơn, trong thư nói: “ Trong nước tôi có rất nhiều vàng bạc trân bảo, tôi không cho là quý. Nay trong nước tôi có một hoa Người hiệu là Phật, thân sắc vàng tía co ba mươi hai tướng tốt”. Phất-ca-sa Vương nghe đến tiếng Phật thì vui mừng khôn xiết, liền viết thư cho Bình Sa Vương: “ Những điều Phật dạy xin thuật lại cho tôi biết”. Nhưng vài ngày vua lại nghĩ: “ Mạng người ngắn ngủi chỉ trong hơi thở, ta không thể chờ thư trả lời của Bình Sa Vương được”. Thế là vua ra lệnh cho vua các nước chư hầu cùng quần thần chuẩn bị xa giá để đến chỗ Phật. Vừa lúc ấy lại nhậ được thư của Bình Sa Vương, trong thư vua nói: “ Phật dạy người lìa bỏ gia đình, vợ con, đoạn trừ ái dục, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục làm Sa-môn. Vua lại nói sơ lược về mười hai nhân duyên.”. Phất-ca-sa Vương xem thư xong có vẽ suy nghĩ: “đợi đêm đến, khi mọi người đã ngủ yên, vua lặng lẽ bỏ đi đến một khu mộ, tự cắt tóc mặc pháp phục làm Sa-môn.

Phật dùng thiên nhãn thấy tất cả mọi việc. Khi vua đi đến thành Vương xá, dừng chân nơi nhà một người thợ gốm. Đức Phật nghĩ: “mạng sống của vua Phất-ca-sa ngày mai sẽ hết, Ngài liền vận thần thông đến nhà người thợ gốm, xin nghĩ nhờ một đêm”. Người thợ gốm nói:

- Ông có thể cùng ở chung với người kia.

Đức Phật ngồi thiền, Ngài nghĩ: “vua Phất-ca-sa tâm đang vắng lặng”. Vì thế Ngài xuất thiền đến trước mặt vua hỏi:

- Ai độ cho ông làm Sa-môn?

- Tôi nghe có Phật nay thờ vị ấy làm thầy.

Đức Phật nghĩ: "Hiền giả này vì tôn sùng ta mà làm Sa-môn, ta nên nói đời trước của ông ấy, ông ta sẽ hiểu". Đức Phật nói với vua Ca Sa:

- Ta sẽ nói kinh ông nên lắng nghe.

- Hay thay!

Đức Phật thuyết pháp xong vua chứng quả A-na-hàm, mới biết đây chính là Phật, liền đứng dậy đảnh lễ Phật.

Sáng hôm sau vua Phất-ca-sa vào thành, đi một đoạn chưa bao xa thì bị con nghé húc chết. các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Bạch Đức Thế tôn! Vị Sa-môn hôm qua được Đức Phật thuyết kinh ở nhà người thợ gốm đã bị nghe húc chết sẽ sanh về cảnh giới nào?

- Khi nghe ta thuyết kinh vị ấy liền đắc quả A-na-hàm. Nay chết được sanh lên cõi Trời thứ mười sáu đắc quả A-la-hán.

Sau đó, Ngài bảo các Tỳ-kheo thâu nhặt nhục thân của Phất-ca-sa lại chôn cất và xây một ngôi tháp ở đó.

(Trích kinh Bình Sa Vương Ngũ Nguyện, lại trích kinh Phất-ca-sa Vương)

12. THIÊN TỬ XÍCH MÃ HỎI PHẬT NƠI KHÔNG CÓ SANH TỬ:

Một hôm, thiên tử Xích Mã một người có tướng mạo rất đẹp, vào lúc Trời gần về sáng đã đi đến chỗ Phật mà bạch rằng:

- Bạch Đức Thế tôn, chúng ta có thể vượt qua thế giới này để đến một nơi không có sanh, già, chết không?

- Không thể đến đó được.

- Kỳ lạ thay! Thưa Thế tôn, xin Ngài nói rõ nghĩa này. Con nhớ vào đời quá khứ, con đã từng làm một vị tiên tu đạo tên là Xích Mã, chứng đắc thần thông lìa các ái dục. Bấy giờ con nghĩ: "Ta có thần thông đi lại rất nhanh như đại lực sĩ dùng tên bắn trong chốc lát vượt qua khỏi bóng cây đa la có thể lên đến núi Tu di, rồi qua Đông Hải, đến Tây Hải. Con nghĩ thần lực nhanh như vậy nay muốn vượt qua thế giới này". nghĩ xong liền đi chỉ trừ lúc ăn uống nghĩ ngơi tiểu tiện, giảm bớt việc ngủ nghĩ, đi như thế cho đến trăm tuổi, nhưng giữa đường đã mạng chung mà vẫn chưa đến được. Nói xong vị Thiên Tử biến mất.

(Trích kinh Tạp A-hàm quyển 29)

13. VUA ĐA TRÍ GIẢ ĐIÊN KHỎI HỌA:

Ở nước nọ có một trận mưa độc, nước tuôn xuống sông hồ, giếng vũng. Người nào uống nhằm nước đó sẽ phát cuồng đến bảy ngày. Vua nước ấy đa trí, thấy mây biết mưa độc liền che miệng một cái giếng khiến cho nước mưa không rơi xuống. Bấy giờ quần thần đều uống nước mưa độc ấy nên phát cuồng, cởi quần áo, lấy bùn đất bôi lên đầu rồi đến ngồi trên điện vua. Trong triều đình chỉ có vua là người còn tỉnh táo. Tất cả quần thần không biết mình bị cuồng lại cho rằng vua bị cuồng, vì sao lại mặc áo quần không giống như những người khác. Họ đều cho rằng đây chẳng phải là việc nhỏ nên cùng nhau bàn tính. Vua sợ quần thần muốn tạo phản nên lo sợ bảo với họ:

Ta có thuốc hay có thể trị lành bệnh, các người chờ một lát, đợi ta uống thuốc.

Vua vào trong cũng cởi hết đồ như họ rồi đi ra. Tất cả quần thần trông thấy thế đều rất vui mừng.

Bảy ngày sau, quần thần tĩnh lại, rất hổ thẹn. Họ mặc quan phục đội mão vào triều chầu vua, vua vẫn loả thể ngự triều. Quần thần vừa sợ vừa lấy làm lạ hỏi:

- Bệ hạ bình thường rất đa trí, nay sao lại như vậy?

- Tâm ta thường an định không thay đổi, vì các ngươi cuồng nên lại cho rằng ta cuồng, tâm các ngươi chẳng thật.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ quyển 4)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 29

(HÀNH ĐẠO THÁNH VĂN PHẦN HẠ, CÁC QUỐC VƯƠNG BỘ 6)

1. VUA KÍNH DIỆN MUỐN CẤT ĐIỆN MỚI:

Vào thời quá khứ, vua nước Ca-thi dùng chánh pháp trị nước, nhân dân an vui, không có hoạn nạn. Lâu nay nhà vua không có con, bỗng phu nhân được mang thai, sau mười tháng sinh ra đứa bé không có mắt mũi.

Đứa con sinh ra được bảy ngày, nhà vua mở đại hội họp các quần thần, thầy tướng, đạo sĩ để đặt tên cho con. Bấy giờ, theo phép nước đó, đặt tên cho con hoặc căn cứ vào phước tướng, hoặc theo tinh tú, hoặc theo cha mẹ.

Bà-la-môn hỏi:

- Thân thể vương tử có tướng lạ gì?

Người hầu cận thưa:

- Vương tử đây mặt bằng phẳng, mắt mũi đều không có.

Bà-la-môn nói:

- Nên đặt tên là Kính Diện.

Nhà vua nhờ bốn nhũ mẫu cung cấp nuôi dưỡng: một người tắm gội lau mình, một người dọn dẹp tả lót, một người ẵm bồng, một người cho bú. Vương tử mỗi ngày mỗi lớn lên như hoa sen, được bốn nhũ mẫu này hầu hạ. Đến khi vương tử trưởng thành, phụ vương băng hà, quần thần liền tôn Kính Diện lên ngôi. Song nhờ đời trước Thái tử đã gieo trồng nhiều cây đức, nên tuy sanh ra không có mắt nhưng lại có thiên nhãn, đủ sức làm quốc vương.

Nhân dân trong nước nghe tin Thái tử Kính Diện làm vua, ai nấy đều lấy làm lạ. Khi ấy, có vị đại thần muốn thử vua, nhưng chưa có dịp. Nhân dịp vua ra lệnh các đại thần lập thêm cung điện mới cho vua, trên đó điêu khắc vẽ vời các loại tranh màu, đại thần liền thử vua bằng cách dùng một con khỉ, mặc áo quần cho nó, rồi may cái túi da đựng nó vào, vác trên vai, đem đến trước mặt vua, tâu:

- Thợ khéo đã tới, xin bệ hạ giao việc.

Vua biết đại thần thử mình, liền nói kệ:

Xét loại chúng sanh này
Mắt chớp, mặt nhăn nhó
Tánh nghịch ngợm thô tháo
Việc thành, nó phá hư
Người có tánh khí này
Làm sao xây cung điện
Chặt phá cây hoa quả
Bất trung người thân gần
Đâu thể xây cung điện
Mau tống về rừng hoang.

Vua Kính Diện lúc ấy nay chính là ta.

(Trích luật Tăng kỳ quyển 7)

2. VUA BẤT-LÊ-TIÊN-NÊ THỈNH PHẬT GIẢI MỘNG:

Vua Bất-lê-tiên-nê đêm nằm mộng thấy mười điềm:

1/ Thấy ba chiếc bình, hai bình hai bên đầy khí và tuôn ra, khí của bình này chui vào bình kia và ngược lại, nhưng không chui vào bình trống ở giữa.

2/ Thấy ngựa, miệng ăn, đít cũng ăn.

3/ Thấy cây con trổ hoa.

4/ Thấy cây con ra trái

5/ Thấy một người cầm dây, người đi sau dắt dê, chủ dê ngậm sợi dây của người đi trước.

6/ Thấy chồn nằm giường vàng, ăn bát vàng.

7/ Thấy trâu mẹ bú sữa trâu con.

8/ Thấy bốn con trâu từ bốn phía kêu rống lên, toan muốn húc nhau, nên tập hợp lại mà chưa tập hợp được vì không biết chỗ trâu ở.

9/ Thấy nước trong ao lớn, ở giữa đục, bốn phía trong.

10/ Thấy dòng nước khe lớn có màu đỏ thẩm.

Tỉnh giấc, vua kinh sợ, lo mất nước, mất mạng, liền triệu tập công thần và mời các đạo nhân biết giải mộng đến hỏi mười điềm ấy. Có một Bà-la-môn cho mười điềm ấy đều không tốt, bảo:

- Phải đem giết hết phu nhân, Thái tử yêu dấu của vua, và tất cả nô tỳ hầu hạ thân cận hai bên để tế Thiên vương. Có bao nhiêu đồ nằm và vật quý báo trang sức trên thân đều phải đốt đi để tế Trời. Nếu làm được như thế, vua mới được bảo toàn.

Nghe Bà-la-môn nói vậy, nhà vua không vui.

Phu nhân hỏi vua:

- Vì sao lo buồn?

Vua bảo:

- Đêm qua, trẫm mơ thấy mười việc, sợ e nước mất, mạng vong. Có vị Bà-la-môn giải mộng, cho mười điềm ấy đều chẳng lành.

Phu nhân tâu:

- Bệ hạ chớ lo buồn. Nay có Phật đang ở tịnh xá cách nước ta không xa. Sao bệ hạ không đến hỏi Phật ý nghĩa điềm mộng. Phật giải thế nào, bệ hạ làm theo thế ấy.

Nhà vua liền đến chỗ Phật, đầu mặt đảnh lễ chân Ngài, bạch với Phật mọi việc là vua sợ mất nước, mất mạng và mất cả vợ con, cúi xin Phật chỉ dạy.

Đức Phật bảo:

- Đại vương chớ sợ. Theo như điềm mộng của vua, người đời sau sẽ không sợ phép cấm, tham lam, dâm dật, tật đố không biết nhàm chán, không biết thiếu đủ, không lòng nhân từ, không biết xấu hổ.

Điềm mộng thứ nhất: người giàu sang kết thân với nhau, không màng đến kẻ nghèo hèn.

Điềm mộng thứ hai: thấy ngựa hai chỗ đều ăn, tức đời sau, vua chúa và các đại thần đã được hưởng bổng lộc, lại bóc lột nhân dân

không biết chán, không biết đủ.

Điềm mộng thứ ba: cây con trổ hoa tức người đời sau tuổi chưa đầy ba mươi mà đầu đã bạc, tham lam, dâm dật, mong muốn càng nhiều, nên già trước tuổi.

Điềm mộng thứ tư: cây con ra trái tức người đời sau tuổi chưa đầy mười lăm đã có chồng con mà không biết xấu hổ.

Điềm mộng thứ năm: một người cầm dây, người đi sau dắt dê, chủ dê ngậm sợi dây của người đi trước, tức người đời sau, khi người chồng đi vắng, người vợ thông đồng với kẻ khác, phá hết tài sản của chồng.

Điềm mộng thứ sáu: chồn nằm giường vàng, ăn bát vàng, tức người đời sau kẻ thấp hèn càng được quý trọng, được người giàu có kính sợ. Con cháu hàng công hầu càng bần tiện, ngồi dưới, ăn sau.

Điềm mộng thứ bảy: trâu mẹ bú sữa trâu con, tức người đời sau không có lễ nghĩa. Người mẹ làm mai mối dụ dỗ con trai của người ta lấy con gái của mình, bắt con gái mình kiếm tiền để mình tiêu xài mà không biết xấu hổ.

Điềm mộng thứ tám: Mộng thấy bốn con trâu từ bốn phía kêu rống lên, toan muốn húc nhau, nên tập hợp lại mà chưa tập hợp được vì không biết chỗ trâu ở, tức đời sau vua chúa, quan lại, nhân dân đều không có lòng chí thành, lại thêm dối trá, ngu si, sân nhuế, không kính Trời đất. Vì vậy, mưa gió trái mùa. Quan lại nhân dân cầu đảo xin mưa. Bấy giờ, Trời nổi mây bốn phía, sấm chớp vang rền, quan lại, nhân dân đều nói: “Lát nữa, Trời sẽ mưa”. Nhưng mây tan, Trời sáng. Vì sao? Vì vua chúa, quan lại, nhân dân không có trung chánh, nhân từ.

Điềm mộng thứ chín: nước trong ao lớn giữa đục, bốn phía trong, tức đời sau, nước ở giữa sẽ nổi loạn, trị vì chẳng yên, người dân không hiếu thảo với cha mẹ, không kính trọng bậc trưởng lão. Còn các nước xung quanh được thái bình, nhân dân hoà mục, hiếu thuận cha mẹ.

Điềm mộng thứ mười: dòng nước khe lớn có màu đỏ thẩm, tức đời sau các nước sẽ căm phẫn, dấy binh đánh nhau, tập hợp mọi người công phạt lẫn nhau, khiến cho xa binh, bộ binh, kỵ binh, cùng chiến đấu, giết hại nhau, nhiều không kể xiết. Thây chết đầy đường, máu chảy thành sông.

Sau khi nghe Đức Phật giải giảng, nhà vua quỳ bạch Phật:

- Con nghe Ngài chỉ dạy, lòng rất vui mừng.

Vua đảnh lễ Phật, rồi trở về cung, thêm quý kính phu nhân, tước hết bổng lộc của các đại thần, cũng không tin Bà-la-môn ngoại đạo.

(Trích kinh QuốcVương Bất-lê-tiên-nê Thập Mộng)

3. VUA ÁC THIỂU NHIỄU THÁP DẸP GIẶC:

Ở nước Nhục Chi có vua tên Ác Thiểu. Dân chúng nước này đều quy phục. Vua được mẹ dạy:

- Nếu gặp nạn sắp chết, cẩn thận chớ nhiễu bên trái chùa Phật, phải nhớ nhiễu bên phải: Thận trọng! Chớ trái lời mẹ dặn.

Bấy giờ, vua Ác Thiểu cử đại binh tấn công thành ngập máu. Tự tay vua cầm kiếm giết chết ba ức người. Về sau, cuộc chiến thất bại. Vua cưỡi voi chạy trốn, trông thấy tháp Phật. Nhớ lời mẹ dặn, vua liền quày voi nhiễu tháp về bên phải. Nước địch thấy vậy, ai nấy đều khuất phục, bỏ đi. Vua thấy giặc lui binh, liền tiếp tục tiến vào, giành lại được thành, giam cầm vua địch.

Vua lại nhớ lời Phật dạy: Người tự quy y Phật là người tôn quý nhất, không ai sánh kịp. Nếu ta không nhiễu về bên phải, há có thể đánh dẹp được bọn giặc này ư?

(Trích kinh Xuất Diệu quyển 16, Tạp Thí Dụ bản xưa đại khái cũng giống như vậy)

4. VUA NẠN QUỐC CƯỚI VỢ CHO CON MÀ ĐƯỢC GIẢI THOÁT:

Đức Phật ở nước Xá-vệ có vua Nạn Quốc tên Phân-hòa-đàn rất thích làm việc đạo đức. Mỗi ngày nhà vua cúng dường cho hơn nghìn vị đạo sĩ. Một hôm, vua tự nghĩ:

- Trí tuệ của ta không ai sánh kịp, nên lấy sắt buộc bụng lại, sợ e trí tuệ bung ra mất. Muốn cưới vợ cho con, vua tập hợp các quần thần hỏi:

- Trong thiên hạ có ai có trí tuệ như ta không? Nếu có, ta sẽ cưới con gái của họ cho con ta. Trong nước không có, vua ra lệnh cho sứ giả đi tìm nơi khác. Đến nước Xá-vệ, được nhân dân cho biết:

- Phật là bậc trí tôn hơn hết.
- Phật có con gái không?
- Đạo nhân không có con gái.
- Kế Phật, còn có ai không?
- Có A-nan Bân-để là người hiền lành, ưa chuộng đạo đức, có con gái bậc nhất.
- Căn cứ vào đâu mà gọi là bậc nhất?
- Có lần tranh ruộng vườn với thái tử Kỳ-đà để dâng cúng Đức Phật, đem voi chở mấy triệu ức vàng vòng, không tham của quý, chỉ thích làm thiện.

Sứ giả liền đi đến chỗ ở của A-nan Bân-để, rồi trở về tâu vua. Vua phóng ngựa đến gặp ông ta. Vua Nạn Quốc chẳng mặc y phục gì cả, lõa hình đen xấu như quỉ.

A-nan Bân-để hỏi:

- Muốn xin cái gì?

Vua đáp:

- Nghe ông là người hiền lành, ưa chuộng đạo đức, có con gái bậc nhất, cho nên đến xin cưới con gái của ông cho con ta.

A-nan Bân-để mời vua ngồi trước mặt và thưa:

- Phải thưa việc này lên Đức Phật.

A-nan Bân-để thưa mọi việc lên Phật. Đức Phật bảo:

- Đem gả cho ông ấy đi.

A-nan Bân-để thưa:

- Sợ họ giết con gái của con.

- Không hề chi, nên gả ngay đi. Cô gái tên Tam-ma-kiệt ấy sẽ độ thoát tám vạn người.

A-nan Bân-để không dám hỏi lại Phật nhưng lòng rất buồn, liền trở về nói với vua Nạn Quốc:

- Tôi đồng ý gả con gái, cho nhà vua.

Vua liền đem sính lễ đến đón cô gái về nước. Ban đêm, thái tử đến chỗ Tam-ma-kiệt. Cô ta lấy chân đạp thái tử văng xuống đất. Đến bốn năm ngày sau, thái tử cũng không dám trở lại. Phu nhân nhà vua hỏi thái tử:

- Vì sao con không sống với vợ con?

Thái tử lặng thinh.

Phu nhân liền đi đến chỗ Tam-ma-kiệt, bảo:

- Ta cưới vợ cho con trai ta, nay phải làm tròn bổn phận. Cớ sao lại làm nhục con ta.

Tam-ma-kiệt thưa:

- Phu nhân, thái tử và những người trong nước hình thù đều giống như chó không khác gì súc sanh. Phu nhân tâu vua:

- Bệ hạ là ngươi trí tuệ không ai sánh bằng, đi xa cưới vợ cho con không ngại khó nhọc, nhưng nó chẳng nể sợ, làm nhục con thiếp, lại mắng cả thiếp nữa.

Nghe xong, vua liền đến chỗ Tam-ma-kiệt. Cô ta không bước ra lễ lạy.

Vua nói:

- Ta từ xa đến cưới vợ cho con ta, vì sao ngươi dám mắng phu nhân

và làm nhục con ta?

Tam-ma-kiệt đáp:

- Đúng vậy. Nhân dân trong nước của vua đều giống như loài chó.

Vua hết sức kinh ngạc, nói:

- Ta thường lo sợ trí tuệ của ta bung ra khỏi bụng nên lấy sắt buộc nó lại, mỗi ngày dâng cơm cho hơn một nghìn vị đạo sĩ, đâu ai sánh kịp ta mà ngược lại ngươi dám mắng ta.

Tam-ma-kiệt đáp:

- Nam, nữ, già trẻ đều lõa hình. Tuy có tu phước nhưng chỉ khỏi nghèo cùng.

Vua đến thầy ngoại đạo thuật lại việc trên. Thầy bảo:

- Hãy trở lại hỏi Tam-ma-kiệt. Cẩn thận chớ nổi giận.

Vua liền trở về hỏi:

- Nhân dân trong nước ngươi coi trọng điều gì nhất?

Tam-ma-kiệt đáp:

- Nam nữ trong nước tôi đều có quần áo riêng biệt, phục sức theo địa vị cao thấp khác nhau, thân thể được che kín. Có vị đại nhân gọi là Phật, giáo hóa mấy tỉ người đều được đắc đạo, vào lửa không cháy, vào nước không chìm, có thể thấy ba ngàn mặt Trời, mặt trăng, một vạn hai ngàn thiên hạ, biết rõ ba đời, thân có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, đạo đức toàn mỹ khiến Chư thiên kính phục.

- Ta có thể gặp được Phật không?

- Thỉnh từ xa cũng có thể được.

- Tốt lắm! Nên thỉnh thế nào?

- Chỉ cần tự đốt hương. Nhà vua, phu nhân, thái tử đều phải làm theo tôi.

Tam-ma-kiệt ở trên đài cao thỉnh:

- Vua Nạn Quốc mới nghe danh hiệu Như Lai. Cúi xin Phật thọ nhận bữa cơm của vua vào ngày mai.

Phật bảo Mục-liên ra lệnh các Tỳ-kheo ngày mai đều đến Nạn Quốc. Bấy giờ, Tam-ma-kiệt bảo vua, phu nhân, thái tử giữ trai giới, đốt hương, trải chiếu, bày thức ăn để cúng một ngàn hai trăm năm mươi người. Tam-ma-kiệt cùng vua, phu nhân, thái tử đều ở trong cung đình. Phật bảo các vị A-la-hán đến trước, Đức Phật đến sau. Tam-ma-kiệt nói:

- Đừng sợ hãi, cứ làm theo tôi.

Phật và các Tỳ-kheo mỗi mỗi tự biến hóa. Xá-lợi-phất hiện làm

một cặp voi trắng, Mục-kiền-liên hóa thành sư tử. Các đại Tỳ-kheo đều biến hóa thân mình, thị hiện đủ loại, có vị làm chim nhạn, tất cả đều không giống nhau, từ trên cao hạ xuống. Nhân dân Nạn Quốc vô cùng kinh sợ. Tam-ma-kiệt nói:

- Đừng sợ.

Đức Phật đến sau cùng, thân xuất ra nước, ra lửa. Tam-ma-kiệt đến trước Phật làm lễ. Vua, phu nhân, thái tử cũng đảnh lễ Ngài. Các vị A-la-hán đến ngồi theo thứ lớp. Tam-ma-kiệt, vua, phu nhân, thái tử lần lượt dâng nước rửa tay, dâng cơm và thức ăn. Nhân dân trong nước lấy làm lạ về việc vua đóng cửa. Họ nổi giận, ai nấy đều xách búa đến toan phá cửa cung. Phật bảo:

- Ta muốn mọi người đều làm thiện.

Phật liền biến vách cung thành thủy tinh, trong ngoài đều thấy nhau. Nhân dân dừng lại, không dám phá nữa. Bấy giờ, Tân-đầu-lô ngồi trên núi bỗng đi đến Nạn Quốc, lấy kim châm xuống đất, luồng qua áo, chỉ và áo dính liền nhau, vận thần túc đi đến Nạn Quốc, núi liền theo sau. Trong nước, có người nữ mang thai thấy núi đến, sợ núi rớt xuống. Vì quá sợ, nên cô ta té xuống chết. Phật bảo Mục-liên hỏi Tân-đầu-lô:

- Cái gì sau lưng ông vậy?

Tân-đầu-lô quay lại nhìn, ném núi về chỗ cũ cách xa tám ngàn dặm.

Đức Phật dạy:

- Ta giáo hóa để độ thoát ông. Mạng người là quan trọng, nhưng nay ông đã giết đi một mạng người chưa tới số, khiến ta không vui. Từ nay về sau, ông không được theo ta thọ thực, đợi đến khi Phật Di-lặc ra đời ông mới được nhập Niết-bàn.

Tân-đầu-lô im lặng, buồn khổ.

Vua bạch Phật:

- Nên cùng đấu đạo lực, nếu ai thua thì đâm đầu xuống giếng.

Phật bảo:

- Tốt lắm! Hỏi ba lần, ai thua thì phải đâm đầu xuống giếng phải không?

Vua đáp:

- Phải!

- Lúc tụng kinh thì như thế nào?

- Lúc tụng kinh, cứ bò từ từ, mệt thì nằm mọp xuống đất.

- Khi tụng kinh, ta ngồi, ngồi mệt thì đi kinh hành. Nếu tụng kinh

mà bò thì có khác gì chó đi.

Vua chấp nhận thua, muốn đâm đầu xuống giếng nhưng hai tay chõi đất mà không dám nhảy vào.

Phật bảo:

- Hãy thôi.

Vua liền trở về nước vâng theo lời Phật dạy. Tam-ma-kiệt hầu hạ vua, phu nhân, thái tử, giáo hóa tám mươi ngàn người ở Nạn Quốc đều đắc quả Thánh văn.

(Trích kinh Phân-hòa-đàm-vương)

5. NHỜ PHẬT VUA A- CHẤT PHÁT KHỞI TÍN TÂM:

Có vị quốc vương tên A - chất lãnh thổ rộng khắp trăm nghìn dặm. Vua không hiểu Phật pháp. Tánh tình rất độc ác hay đem quân chinh phạt các nước láng giềng, dân tình rất khổ sở.

Đức Phật và đại chúng đi đến nước ấy. Nghe tin, vua A -chất cùng với ba mươi hai người con có thân hình tráng kiện tâm độc ác liền dấy binh, tập hợp mấy triệu người muốn chống lại Phật. Biết được lòng dạ của vua, Đức Phật bảo A-nan:

- Ngày mai, cha con vua A-chất có ác tâm đối với Ta và đại chúng.

Các ông làm cách nào để hàng phục bọn họ?

Các vị thiên nhân đại sĩ phá lên cười, làm rung động Trời đất. Đức Phật hỏi nguyên do. A-nan thưa:

- Chỉ cười vua A-chất mà thôi.

Đức Phật bảo:

- A-chất ngu si, khởi lên ác tâm này, khiến người dân phạm tội, đã nổi đại binh, ỷ vào sức người, sức ngựa. Cho dù khắp bốn thiên hạ cũng không thể làm động mảy lông của ta, huống chi chỉ vài triệu người.

Đức Phật bảo A- nan:

- Hãy thông báo các vị Tỳ-kheo chuẩn bị. Ngày mai, sẽ đến trong quân vua A- chất để khuất thực.

Binh ngựa của cha con nhà vua rất nhiều khiến quỷ thần kinh hãi. Ngay lúc đó, Đức Phật đứng phía trước, phóng hào quang sáng rỡ để độ đoàn quân nước A-chất. Bấy giờ, chiên trống lặng thinh, cung nỏ không bắn được, đao binh rút không ra, voi ngựa ngã ngược, bộ binh kiệt sức, Trời đất tối mịt, mặt Trời không sáng, mặt trăng không tỏ. Vua và các con tối tăm mặt mày, hoảng sợ hụt hơi, khom mình bỏ chạy. Phật và đại chúng đứng đó, lấy cơm để vào đầy bát, rồi đi thẳng đến nước vua

A-chất. Khi ấy, cửa thành tự mở. Phật tiến vào điện vua, lẳng lặng ngồi xuống. Tám mươi mốt vạn bảy ngàn thiên nhân cùng đến chỗ ngồi. Cung vua càng rộng lớn, toà cao tự hiện ra, bảo trướng giăng khắp, nhạc ngũ âm tự tấu lên. Vua và các con cùng nói với nhau:

- Sức mạnh của nhà vua không bằng sức mạnh của đạo đức.

Các quan quân đều kinh sợ. Các vương tử nói:

- Nay nghe Đức Phật đã vào trong cung, chúng ta nên trở về gặp Phật.

Vua bảo:

- Còn mặt mũi nào để gặp Phật nữa. Trên thì cảm thấy xấu hổ, dưới thì phụ bạc người dân.

Các vương tử thưa:

- Phật đã nhân từ, không có ý hại người.

Nhà vua liền triệu tập các quan quân, từ từ kéo trở về cung. Vừa gặp Phật, tất cả đều đầu mặt đảnh lễ Phật sát đất, xin sám hối.

Và thưa:

- Chúng con là kẻ thấp hèn, ngu muội, xấu xa, nhỏ nhen, không có học vấn, không biết lễ nghi, giống loài lang sói. Ngu si mê muội, trái phạm Trời người. Là kẻ đại Thánh mà không đoái hoài đến nước nhỏ nơi biên thuỳ. Nay làm nhọc Đức Thế tôn từ xa đến đất nước quê mùa, có vua tôi ngỗ nghịch này. Cúi xin Đấng Thiên Tôn thương xót cho kẻ vô trí này mà rũ lòng thương tưởng giáo hóa dân chúng ở đây.

Thưa xong, nhà vua lễ đầu mặt sát đất, chấp tay đứng yên. Ba mươi hai vị Vương tử, các công khanh, bá quan, nhân dân đều một lòng hướng về Phật, xin sám hối, tự trách lỗi mình.

Vua nhìn thấy hơn tám mươi mốt vạn vị thần đều ngồi ngay ngắn trên toà sư tử, có màn che giữa ngã tư đường, kỹ nhạc tự nhiên trỗi lên. Biết đó là oai thần của Phật. Vua bảo phu nhân, thể nữ ở hậu cung đều ra lễ Phật.

Vua dâng cúng món ăn trăm vị. Vua, phu nhân và ba mươi hai người con, kính cẩn dâng nước để Phật rửa tay, sớt thức ăn. Sau khi sớt thức ăn trên dưới đầy đủ, ai nấy đều nhất tâm cung kính, vui mừng. Đức Phật thọ trai xong, vua ra phía trước cúi đầu bạch Phật:

- Con xin đội ân Đấng Thiên Trung Thiên, nhờ phước nghiệp đời trước sâu dày, nhờ sự hổ trợ của đấng Tiên quân nên con được ở trên dân chúng. Cúi xin Đấng Đại Thánh Thiên Tôn thương tưởng nước con, trao giới cho dân chúng. Chúng con nguyện trọn đời vâng giữ. Con nên dùng pháp gì để trị dân được an ổn? Con sẽ kết nghĩa với nước láng,

giềng bỏ ác hành thiện. Xin Phật lưu tâm cho.

Đức Phật bảo:

- Vua chinh phạt là phi nghĩa phi cầu. Muốn bảo tồn an ninh xã tắc, vua phải ân tín, nhân nghĩa, từ hiếu, trinh khiết, khoan nhu, nhẫn nhục, bố thí, giáo dân, che chở, tha thứ như đối với chính mình. Thực hành được những điều này mới có thể giữ gìn xã tắc lâu dài. Nếu không, xẽ khó bảo trì xã tắc.

Vua thưa:

- Thực hành thế nào? Cúi xin Ngài từ bi chỉ dạy.

Đức Phật bảo:

- Chúng sanh đều thương yêu quý tiếc mạng người. Của báu trong nước không đủ để cậy nhờ. Nhà vua phải quý tiếc mạng người như cha mẹ thương yêu con cái. Người dân thương vua còn hơn thương cha mẹ. Thiên hạ trong muôn nước đều cần được bảo dưỡng, chứ không riêng nước nào. Tuy vua có mấy triệu xa binh, mã binh, nhưng vừa đủ để kháng cự với quân địch bé nhỏ mà thôi. Khi ta hành đạo Bồ-tát, ngồi thiền dưới cội cây, ma vương và mười vạn tám ngàn binh quỷ thần đều biến hóa thành thân các loài cầm thú, súc sanh để phá hoại ý chí của Ta. Ta dùng thần lực, chỉ ngón tay phải xuống đất. Lúc ấy, Trời đất chấn động mạnh, bọn chúng đều bị lật nhào, không thể trở lại thân cũ. Ma vương phải hàng phục. Giờ đây, vua có sức của mấy triệu nhân dân sao bằng sức của ức số quỷ thần.

Vua thưa:

- Chính vì con ngu si, không biết gì cả.

Vua liền cúi đầu sám hối, xin sửa đổi lỗi lầm.

Đức Phật bảo:

- Ta vì lòng đại bi, độ tất cả chúng sanh trong mười phương đều được giải thoát, sớm chứng quả Phật. Ta độ tất cả những người chưa được độ thoát, chứ không riêng cha con nhà vua.

Nhà vua lại ăn năn, hối lỗi:

- Cúi xin Phật thương tưởng đến con, trao giới cho con. Con nguyện trọn đời vâng giữ, khiến cho dân chúng nước này được an ổn.

Đức Phật bảo:

- Vua phải nới lỏng hình phạt, bãi bỏ thuế khóa, ân tín rộng lớn, cấp dưỡng cho người cô độc, luôn tha tội cho tù nhân, người nghèo thì cứu giúp, người thiếu thì cho đủ, người đói được no. Nếu vua làm được như vậy, thì có thể bảo bọc tất cả mọi người.

Nghe Đức Phật dạy, nhà vua phát khởi đạo tâm, bảo các cận thần

lấy châu báu trong kho đem dâng đức Thế tôn.

Đức Phật chú nguyện xong, rồi đem phân phát hết cho các cận thần đều được sung túc.

Ba mươi hai người con của vua nói với nhau: sống làm người vô nghĩa, thì chết làm ma bất nhân. Chi bằng anh em chúng ta xin làm Sa-môn. Họ cùng lên tiếng: Hay lắm!

Ngay khi đó, họ đi đến chỗ Phật, trình bày hoài bão của mình. Đức Phật biết tâm họ đã thâm nhập Phật trí. Trời Đế thích cạo đầu cho họ, tất cả đều trở thành Sa-môn. Ba nghìn phu nhân, thể nữ ở hậu cung, công khanh, bá quan, hết thảy dân chúng đều thọ năm giới, mỗi tháng ăn chay sáu ngày. Đất nước giàu sang. Nước lánh giềng nghe tin, xa xa đồng kính ngưỡng. Từ đây về sau, nhà vua trị nước với tâm rộng lượng, nhân từ, đạo tặc không còn. Nam nữ kính nhau, không lòng ham muốn, ai ai cũng hiền thiện. Vua đem bảy báu xây một Tinh xá lớn. Người dân trong nước đều hành Thập thiện, khi mạng chung, được sanh lên Trời, không đọa vào ác đạo.

Đức Phật dạy:

- Ta vì người mà cầu đạo, chỉ khiến họ được độ thoát, hàng Trời rồng quỷ thần không thể làm khuynh đảo được. Các ông hành theo đạo, sẽ được giống như Ta.

(Trích kinh A-chất Quốc Vương)

6. PHẬT DẠY VUA ƯU ĐIỀN CÁCH TRỊ NƯỚC:

Vua Ưu-điền hỏi Phật:

- Bạch Đức Thế tôn, một vị quốc vương áp dụng những phương pháp nào mà chẳng bao lâu ở đời có giặc ngoài nổi lên, chưa tu hành mà chết đọa vào đường ác?

Đức Phật dạy:

- Có mười pháp:

1. Ý không chuyên nhất vào các sự nghiệp.
2. Tham ăn uống như loài hổ đói.
3. Đắm trước rượu thịt, chẳng màng việc nước.
4. Tánh hay sân hận, nhiều nỗi ưu phiền.
5. Học thói ngu si, không nghe người can gián.
6. Cậy vào quyền lực, chẳng chừa việc gì.
7. Thường ưa sát sanh, hiếp đáp kẻ yếu.
8. Luôn phái binh lính xâm chiếm nước khác.
9. Nói năng nhiều lời không đúng sự thật.

10. Không lòng nhân từ đối với mọi người.

Nếu vị quốc vương nào áp dụng mười pháp này, thì chẳng bao lâu ở đời có giặc nổi lên, mạng chung, sẽ đọa ba đường ác, tiếng xấu đồn xa.

Nhà vua lại hỏi:

- Vậy vị quốc vương phải áp dụng những phương pháp nào mà trụ lâu ở đời, không bị giặc ngoài xâm lấn, sau khi mạng chung được sanh lên Trời?

Đức Phật dạy:

- Có mười pháp khiến vị quốc vương trụ lâu ở đời, không bị giặc ngoài xâm lấn, sau khi mạng chung được sanh lên Trời. Mười pháp đó la:

1. Đối với các việc làm, ý chuyên nhất không hề lầm lẫn, luôn luôn xa lìa việc ác, gần gũi điềm lành.

2. Quốc vương không ăn uống. Sống đúng theo giới phẩm.

3. Không tham đắm thịt, rượu, biết rõ các lỗi lầm, tìm cách xuất ly.

4. Tánh không tham lam, ưa thích bố thí.

5. Vua có trí tuệ, thông hiểu nghĩa lý, thường tu thiện pháp, xa lánh ác pháp.

6. Không cậy quyền thế, không làm theo ý riêng. Trong nước có các Sa-môn, Bà-la-môn, quần thần, nhân dân thông minh khôn khéo, vị quốc vương nên tham vấn họ, đều được chỉ dẫn.

7. Không bạo ngược, giết hại nhân dân, thấy ai làm vậy, liền xử phạt nặng.

8. Không thường phái binh xâm chiếm người khác, luôn giao hảo với các nước lân cận.

9. Lời nói ra có tính qyết định không trùng lặp, xét lời người trước, sau mới phô bày.

10. Chăm lo việc nước với lòng thương nghĩ đến quần thần và nhân dân.

Vị quốc vương nào áp dụng mười pháp này sẽ trụ lâu ở đời, không bị giặc ngoài xâm lấn; Sau khi thân hoại mạng chung sanh lên Trời. Vị vua nào đem pháp đúng đắn này giáo hóa tiếng tăm vị ấy vang khắp thiên hạ.

Khi ấy, vua Ưu-điền bạch Phật:

- Đúng thế, người dùng pháp đúng đắn này giáo hóa dân chúng, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh lên Trời. Người dùng phi pháp

giáo hóa dân chúng, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đọa ba đường ác, tiếng xấu đồn xa.

(Trích Tăng-nhất A-hàm quyển 39)

7. VUA ƯU ĐIỀN BỊ NGƯỜI NỮ MÊ HOẶC:

Người dân trong nước đem mỹ nữ dâng cho vua Ưu - điền. Vua rất vui mừng, phong cho cha cô ấy làm Thái phó, xây cung điện và cho một ngàn người kỹ nhạc hầu hạ cô ta.

Chánh hậu của vua tu theo Phật, được quả Tu- đà-hoàn. Sau đó, Hoàng hậu bị gièm, nên vua đem một trăm phát tên bắn Hoàng hậu. Hoàng hậu nhìn thấy nhưng không run sợ, cũng không nổi giận, chỉ một lòng niệm Phật, từ hòa với vua. Các mũi tên bắn ra đều bay quanh Hoàng hậu ba vòng rồi trở lại rơi trước mặt vua. Trăm mũi đều như thế.

Thấy vậy, vua kinh sợ, liền cưỡi xe vàng, voi trắng đi đến chỗ Phật, đầu mặt đảnh lễ chân Ngài, thưa:

- Con có tội nặng đối với Tam tôn, dâm dật, phóng đãng dấy khởi tâm tà. Có ác tâm với Phật và Thánh chúng, hàng đệ tử bạch y còn thương xót, huống nữa là Đức Như Lai? Nay con xin sám hối tội lỗi, quy y ba ngôi báu. Cúi mong Ngài rũ lòng từ mẫn xá tội cho con.

(Trích kinh Ưu-Điền Vương)

8. RẮN CỨU HAI VỊ TỲ-KHEO:

Xưa, vua nước Ba-hoàn đề hiệu là Đàn-na. Trong nước bị lũ lụt. Sau khi nước rút, bỗng có con rắn lớn bao quanh thành một vòng, đầu hướng về cửa thành. Cư dân trong thành hơn ba trăm triệu người. Lâu ngày không ra ngoài thành, nhiều người đói kém. Rắn không làm dữ gì nhưng hễ ai đi ra sẽ bị nó cắn. Nhân dân cả nước đều kinh sợ.

Bấy giờ, tại nước ấy, trong núi có hai vị đạo nhân tu hành thanh tịnh là Ma-ha-điều và Sa-ha-điều. Cả hai ngồi tư duy:

- Rắn là loài vật có độc, nay lại bao quanh thành sẽ nguy đến mạng người.

Nghĩ rồi, họ liền đến gặp nhà vua. Vua thấy hai vị đạo nhân, bèn nói:

- Do ta cai trị bất công nên xảy ra cái họa này. Cả nước hoang mang, ta không còn được lòng dân nữa.

Hai đạo nhân nói với nhà vua:

- Nay sẽ tìm cách giúp vua trừ khử.

Vua và quần thần đều cúi đầu cầu thỉnh:

- Nhờ ơn hai vị đạo nhân, nhân dân cả nước mới mong còn được sống sót.

Sa-ha-điều liền hóa thân làm một con ếch lớn nhảy qua rắn. Rắn đang đói khó nhịn được, liền đuổi theo ếch. Ma-ha-điều lại hóa làm một con cừu đuổi theo sau. Rắn thấy cừu liền kinh sợ chạy một mạch vào núi. Rắn đi rồi, nhân dân đều được yên ổn. Vua và các đại thần tìm đến chỗ ở của hai vị đạo nhân, dập đầu lễ tạ:

- Hai vị đạo nhân ở gần đây, tôi thật ngu si không sớm biết cúng dường. Đến lúc gặp nạn tai, được đạo nhân cứu giúp mới hay, rất mong dạo nhân về hoàng cung ở. Tôi và dân chúng được thay nhau cúng dường.

Đạo nhân bảo:

- Ta hành đạo thanh tịnh vô dục, không thích sự cúng dường

Nhà vua tự thân tu đạo. Nhân dân phụng hành chánh pháp. Cả nước trên dưới đều được an vui. Vua liền xin thọ năm giới, thập thiện, quy y Tam bảo, hàng tháng đều giữ trai giới. Từ đó về sau, nước mạnh dân an, bốn phương thịnh trị, luôn được thái bình.

Sa-ha-điều chính là Đức Phật. Ma-ha-điều là Phật Di-lặc. Vua là Cưu-ma-ca-diếp. Rắn là Điều-đạt.

(Trích kinh Bồ-Tát túc tạng)

9. QUỐC VƯƠNG BIẾT TU PHƯỚC:

Xưa có vị Quốc Vương thích uống rượu, săn bắn. Mỗi lần đi săn về, nhà vua liền đốt đèn thắp hương, đội mâm làm lễ. Người hầu đứng bên thưa:

- Nhà vua uống rượu, săn bắn, lần nào trở về cũng đều đội mâm sẽ được phước gì?

Vua nghe rồi, liền sai người đốt lửa nấu một chảo nước lớn cho sôi, thả vào đó một bình vàng. Nước sôi sùng sục. Vua cho gọi người hầu đến bảo mò lấy bình vàng lên. Người hầu thưa:

- Nước nóng không thể lại gần.

Vua bảo:

- Ngươi phải tìm cách mà lấy, vì sao không được?

Người hầu thưa:

- Vì không biết làm cách nào để lấy.

Vua bảo:

- Ngươi hãy dập tắt lửa để nước nguội đi.

Người hầu làm theo lời vua, liền mò lấy được bình vàng.

Vua bảo:

- Khi ta uống rượu, săn bắn cũng như nước đang sôi. Khi ta đội mâm làm lễ cũng như dập lửa cho nước nguội, vì sao không được phước!

(Trích kinh Tạp Thí Dụ)

10. KHI LÂM CHUNG, QUỐC VƯƠNG GIẤU MINH CHÂU TRONG BÚI TÓC:

Quốc vương nọ có viên minh châu như ý, giấu trong búi tóc ngày đêm rất yêu quí. Sau đó, vua băng hà. Theo phép nước, trước phải để thi hài nơi ruộng hoang cho thịt rã hết, rồi nhặt lấy hài cốt an táng. Thân thể nhà vua hư hoại, búi tóc trên đầu xổ ra, bày hạt minh châu. Khi ấy, có người vợ lính tên Gia-đà-lợi, đang đi thấy minh châu đem về.

Vương gia nhặt cốt quên mất hạt minh châu này. Thái tử lên ngôi, nhớ lại, treo bảng: "Nếu ai tìm được viên thần châu ấy sẽ được phong ấp vạn hộ, ban cho ngàn cân vàng." Người vợ lính mang hạt châu đến nộp, liền được phong ấp. Vua đặt viên minh châu lên đầu.

(Trích kinh Thí Dụ quyển 7).

11. BỊ CƯỚP NƯỚC MÀ KHÔNG KHÁNG CỰ:

Có vua nước lân cận, dấy binh chinh phạt nước địch. Các đại thần nước ấy tâu với đại vương của mình.

- Binh nước kia sắp đến gần, xin đại vương chuẩn bị để đánh trả.

Vua bảo các quan:

- Đây là việc không đáng, cần gì đến ta.

Giặc đánh vào cổng thành. Các quan tâu vua:

- Giặc tuy ở ngoài nhưng chưa đáng lo, hãy lo việc riêng, đừng lo việc công.

Khi ấy, giặc hung hãn tiến thẳng vào thành. Tả hữu tâu lên vua:

- Giặc đã vào thành rồi.

Vua bảo các quan:

- Việc nhỏ nhặt như thế cần gì phải tâu.

Vua nước lân cận tiến vào cung. Các quan lại tâu:

- Vua nước lân cận nay đã vào điện, không biết Thánh Tôn có ý định gì không?

Vua bảo:

- Ta nay ở đời thấy sự đổi thay không dừng, hưng thì ắt có suy, hội họp có chia lìa, khó bảo đảm thường còn.

Nói rồi, đại vương liền thay hình đổi dạng như người đi xin, lui về núi sâu, tư duy về đạo đức để tự vui: "Giả sử nếu vua bạo ngược này muốn hại ta, không từ bỏ ác tâm. Nếu như vậy thì nước mất nhà tan đều do một người. Ta nay chịu chết để muôn dân được yên, há không phải được phước lớn lắm sao?"

Vua nước kia khen là việc chưa từng có, cất tiếng khen:

- Hay thay, đại vương, từ xưa đến nay chưa có ai sánh được với Ngài. Tôi tuy đã thắng vẫn không bằng đại vương. Đại vương đã mở mang đạo lớn, không nghĩ đến vinh hoa ở đời. Từ nay trở đi, đại vương hãy trở về nước của mình giáo hóa dân chúng.

Hai vua đối xử với nhau thân thiết.

(Trích kinh Bồ-tát tạng, quyển hạ)

12. QUỐC VƯƠNG THỬ MỘT VỊ QUAN CÓ TRÍ:

Xưa có vị quốc vương muốn tuyển chọn những người thông minh trong nước để làm cận thần. Nhà vua sáng suốt nghĩ ra rất nhiều cách. Cuối cùng, nhà vua đã chọn được một người thông minh đĩnh đạc, ý chí thanh nhã, uy dũng mà không bạo ngược, tiếng tăm và đức hạnh vẹn toàn. Nhà vua muốn thử nghiệm, bèn gia trọng tội. Nhà vua bắt phạt, bảo bưng bát đựng đầy dầu, đi hai mươi dặm, hễ rơi một giọt thì chém đầu không cần thưa. Quần thần tuân hành. Người xem đầy đường.

Giống như mặt nước phẳng lặng, gió thổi đến làm nổi sóng, người này tâm bất an, nghĩ rằng: "Ta nay chết chắc". Nếu bưng bát, dầu không đổ, đi đến nước ấy thì ta mới được sống, nên chỉ để ý đến bát dầu, bước đi vững vàng.

Khi ấy, các quan binh, phụ mẫu, tôn thân, người trong nước kéo nhau đến xem, bỗng gặp voi say chạy ra giữa đường rống lên dữ dội như tiếng sấm sét, đạp chết các loài voi ngựa, trâu, bò, heo, dê, giẫm nát xe cộ đổ ngã tán loạn. Người thấy đều sợ hãi, bỏ chạy tứ tán. Như gió thổi mây, như người bắn tên, người bưng bát không hề hay biết những việc xung quanh:voi đến, voi đi khi nào, trong thành lửa cháy thiêu đốt cung điện, Con ong nhả độc cắn người, các quan binh dập lửa, mây ngũ sắc kéo đến, Trời nổi sấm sét, gió thổi đất cát, ngói gạch lấp đầy đường. Cây trốc gốc, cành gãy, hoa rơi trái rụng, sấm rền chớp giật, chim chóc kêu la, Trời tuôn mưa đá. Tuy có những cảnh tượng như thế mà người ấy đều không hay biết, bưng cái bát đầy dầu đi đến nước kia, không đổ một giọt nào. Vua rất hoan hỷ, phong làm đại thần.

(Trích kinh Tu Hành Hoan Hỷ)

13. VUA ĐẦU LỪA:

Xưa có quốc vương mình đầu lừa. Phật bảo nhà vua:

- Ở núi Tuyết có loài cỏ thuốc tên Thượng Vị. Nhà vua dùng thuốc ấy có thể trở lại đầu người. Vua đến núi Tuyết lấy thuốc ăn, đầu không biến đổi. Vua trở về bạch Phật:

- Vì sao Ngài nói dối.

Phật bảo nhà vua:

- Đừng chọn cỏ thuốc gì cả thì tự trở lại đầu người.

Vua lại lên núi. Cỏ cây mọc trong núi đều để trừ bệnh. Nhà vua không chọn lựa nữa, ăn một miệng cỏ, liền trở lại đầu người.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ)

14. VUA KHÔNG NGỦ:

Xưa có quốc vương, ngày đêm không hề chợp mắt. Người trực bên nhà vua nếu ngủ liền bị giết. Trước sau nhà vua đã giết bốn trăm chín mươi chín người.

Có một người con trưởng giả sắp phải vào trực. Cả nhà khóc lóc tiễn đi. Có một đứa bé hỏi:

- Vì sao lại khóc?

Trưởng giả nói hết sự thật.

Đứa bé thưa:

- Ông có thể mướn tôi, tôi sẽ thay thế cho.

Trưởng giả vui quá, ban cho một ngàn lạng vàng để vào trực.

Nhà vua hỏi:

- Ngươi vì sao vào đây?

Đáp:

- Tôi trực thay cho con trưởng giả.

Nhà vua bảo:

- Ngươi cẩn thận, chớ ngủ; nếu ngủ, ta sẽ giết ngươi.

Bấy giờ đứa bé ngủ. Nhà vua toan giết, bèn hỏi:

- Vì sao ngủ?

Đứa bé đáp:

- Không ngủ đâu, tôi đang suy nghĩ về một việc.

- Việc gì?

- Làm một đồ vật sức chứa một thăng nhưng lại đựng được hai thăng; đó là đựng đầy một thăng cát lại đựng được một thăng nước.

Vua thử nghiệm quả thật như vậy. Đứa bé lại ngủ lăn trên đất. Vua định giết. Đứa bé nói:

- Đang nghĩ một việc.

Vua hỏi:

- Việc gì?

- Đào một cái hố sâu một thước rồi đem đất ấy lấp lại thì không đầy 8 tấc.

Vua sai người làm thử, thấy quả đúng vậy. Đứa bé lại ngủ, nằm sấp trên đất. Vua định giết, hỏi:

- Ngươi vì sao lại ngủ?

Đứa bé nói:

- Tôi đang nghĩ một việc đây. Nếu vua không bắt tội, tôi sẽ nói.

- Hãy nói.

- Vua giống như con quỷ.

Đứa bé nói rồi, liền bỏ đi.

Nhà vua suy nghĩ:

- Vì sao nó gọi ta là quỷ?

Nghĩ rồi, vua liền hỏi mẫu hậu. Hoàng hậu bảo:

- Con đúng là quỷ rồi. Khi ta mang thai con, đêm nằm mộng thấy quỷ giao hội với ta mà có con.

Nhà vua liền tỉnh ngộ, không giết người nữa, hối lỗi làm thiện, học đạo.

Vua bấy giờ chính là ta, bốn trăm chín mươi chín người nay là năm trăm đệ tử thượng thủ của ta. Đứa bé làm ta thức tỉnh là Văn Thù Sư Lợi.

(Trích kinh Thí Dụ quyển 5)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 30

1. SA DI TÁM TUỔI GIÁO HÓA VUA, HOÀNG HẬU...

Ngày xưa, lúc chưa hiểu Phật pháp, vua A-dục cho xây dựng rất nhiều nhà ngục. Những tù nhân vào đây đều bị trừng trị bằng nhiều cực hình đau đớn. Về sau, khi đã tin hiểu Phật pháp, vua liền dứt bỏ những điều sai quấy, tôn thờ Phật.

Có một thời gian, dân chúng mắc bịnh dịch, vua cấm không cho dân chúng và người trong cung giao tiếp với nhau, sợ bịnh lan vào trong cung. Vua cho người thân tín đến bạch Thánh chúng xin ở tại Tinh xá chú nguyện hoặc có thể cho một vị Tỳ-kheo vào cung cầu nguyện cho dân chúng được bình yên, bịnh tật tiêu trừ. Chúng Tăng nhận lời và sai Sa di Diệu Nhan mới tám tuổi đã đắc quả A-la-hán, có đầy đủ thần thông bay đến cung vua gặp các vị phu nhân và thể nữ, nói những giáo pháp cần thiết, đồng thời thể hiện đạo đức khiến cho họ biết đệ tử Phật còn như thế huống gì là Phật.

Diệu Nhan vâng lời bay vào cung, đứng trước hoàng hậu. Hoàng hậu đảnh lễ, đưa tay muốn ôm chầm lấy Diệu Nhan và bảo:

- Này Diệu Nhan, sao có thể hạ mình hiển bày thần thông đến chốn này.

Diệu Nhan liền bảo:

- Thôi đi, Hoàng hậu đừng làm thế, chớ đến gần Sa-môn.

- Ngài vẫn còn bé, chỉ mới tám tuổi, ta thương mến coi như con của ta, dù cho có gần gũi thì có gì phải khó chịu như thế.

- Tình cảm thân thiết như phu nhân ví dụ, lúc đầu mới phát chỉ nhỏ bé, nhưng cũng như đốm lửa của hạt lúa có thể thiêu rụi cánh đồng muôn dặm. Cũng giống như từng giọt nước chảy lâu ngày có thể đâm xuyên đá quý, có thể đầy bình. Mọi việc đều do từ từ mà thành, từ ít thành nhiều, từ nhỏ thành lớn. Vì thế người trí nên tránh những điều hiềm nghi để phòng việc không hay chưa đến.

Phu nhân cùng Sa di đối lý qua lại, âm thanh lớn vang đến cung vua. Vua hỏi cận thần:

- Đó là tiếng của ai mà nghe như đang tranh luận?

- Tâu bệ hạ! Đó là tiếng của Sa di Diệu Nhan và chánh hậu đang tranh luận, vị cận thần đáp.

Vua liền đến gặp Sa di, đảnh lễ và hỏi thăm đang tranh luận chuyện gì.

Sa di thưa:

- Hoàng hậu thấy tôi đem lòng thương mến muốn đến ôm, nhưng phép tắc của đạo không cho phép cho nên mới tranh luận như thế.

Vua A-dục nói:

- Ngài còn nhỏ như con của ta, Hoàng hậu thương yêu muốn bồng ẵm thì có gì không vừa ý mà lớn tiếng khước từ?

- Không đơn giản như lời vua nói. Những bậc Thánh ngày xưa chế ra những phép tắc là để ngăn ngừa những mầm mống chưa phát sanh, cũng là ngăn ngừa trọn vẹn. Con gái bảy tuổi không được đùa giỡn với cha, con trai tám tuổi không được nằm chung giường với mẹ. Đứng dưới những trái cây chớ nên xoa đầu, đi qua ruộng dưa chớ có gải chân. Sở dĩ như vậy là để tránh xa những hiềm nghi, diệt ngay những mầm mống không tốt. Chỉ ra những việc trong tương lai để phòng những việc chưa xảy ra. Lòng ta thanh tịnh không một chút vẩn đục, như hoa sen trong bùn mà không dính bùn, như thủy tinh, lưu ly trong suốt. Đúng như lời bệ hạ và phu nhân nói, Hoàng hậu xem tôi như con, tuy biết là không có vấn đề gì nhưng thật không nên làm.

Vua cùng Hoàng hậu nghe xong vô cùng kinh ngạc. Mới tám tuổi, Diệu Nhan đã nói được những lời như thế, còn quan tâm đến những tai họa trong tương lai, huống gì người lớn chưa diệt trừ ba độc tham, sân, si.

Sau đó Sa di thuyết pháp, phu nhân cùng hơn năm trăm thể nữ đều đắc quả Tu-đà-hòan. Vua, quần thần, thái tử đều phát đạo tâm, dự vào địa vị bất thối.

(Trích kinh Bát Tuế Sa Da Khai Giải Quốc Vương)

2. SỰ TÍCH THÀNH TỲ-XÁ-LY:

Thuở xưa, phu nhân của vua nước Ba-la-nại biết mình mang thai liền tâu vua. Vua vội cho người chăm sóc, khiến cho phu nhân đều được vừa lòng. Thấm thoát đã đến ngày sinh, phu nhân lại sinh ra một khối thịt, đỏ như bông dâm bụt. Trong khi các phu nhân khác đều hạ sinh những đứa con xinh đẹp. phu nhân buồn bã lo nghĩ: "Ta sinh ra một khối thịt không có tay chân, thật xấu hổ vô cùng, nếu vua thấy được ắt sẽ ghét bỏ". Nghĩ rồi phu nhân liền bỏ khối thịt vào trong một cái hũ, lấy vàng đập mỏng ra rồi lấy chu sa ghi lên đó dòng chữ: "Vật này là do phu nhân nước Ba-la-nại sinh ra". Trên nắp hũ lấy ấn của vua đóng lên, lại lấy vàng mỏng viết chữ bọc bên ngoài hũ. Sau đó sai người đem bỏ xuống sông. Khi ấy các vị quỷ thần dưới sông đều bảo vệ cái hũ kia nên khiến cho biển không hề có sóng gió.

Bên bờ sông này có một vị đạo sĩ cùng sống với những người chăn trâu. Sáng hôm ấy, đạo sĩ đang tắm dưới sông thì thấy một cái hũ từ xa trôi đến. Đạo sĩ vớt lên, nhìn thấy dòng chữ trên miếng vàng mỏng, lại thấy có ấn vua đóng trên nắp, liền mở ra xem thì chỉ thấy một khối thịt. Đạo sĩ nghĩ: "Nếu là thịt chết để lâu phải sình thối, đây chắc là có tướng lạ" Nghĩ rồi đạo sĩ đem cái hũ về cất vào một chỗ. Nửa tháng sau, khối thịt ấy phân thành hai mảng. Nửa tháng nửa, mỗi mảng thịt đều mọc ra đầu, hai tay và hai chân, nửa tháng nửa, một mảng biến thành một bé trai có màu da như vàng ròng, một mảng biến thành một bé gái da trắng như kim ngân. Đạo sĩ nhìn thấy hai đứa bé thì sanh lòng yêu thương như con của mình. Cũng từ đó, hai ngón tay cái của đạo sĩ tự nhiên có sữa chảy ra, một ngón đạo sĩ cho bé trai bú, một ngón cho bé gái bú. Lúc sữa chảy vào bụng hai đứa bé giống như nước trong chảy vào viên châu Ma-ni, trong ngoài đều trong suốt. Vì vậy, đạo sĩ đặt tên cho chúng là Ly-xa-tử (Đời Lương dịch là Bì-bạc hay Đồng-bì). Đạo sĩ nuôi hai đứa bé vô cùng vất vả, sáng sớm Ngài vào làng khất thực luôn phần của hai đứa bé nên đến chiều tối mới trở về. Những người chăn trâu thấy đạo sĩ vất vả với hai đứa bé như thế liền đến thưa:

- Thưa Đại đức! Người xuất gia chỉ nên tu tập, sao lại để hai đứa bé cản trở đạo nghiệp của mình. Đại đức nên đem nó cho chúng tôi, chúng tôi sẽ nuôi dưỡng chúng.

Được đạo sĩ đồng ý, những người chăn trâu trở về nhà. Sáng hôm sau họ cùng nhau san bằng đường xá, dựng tràng phan, rải hoa đủ màu, đánh trống đến chỗ đạo sĩ đón hai đứa bé.

- Thưa Đạo sĩ! Nay đã đến lúc chúng tôi đón hai đứa bé đi.

Đạo sĩ căn dặn:

- Hai đứa bé này có phước đức lớn không thể đo lường được, quý vị hãy khéo chăm sóc chúng, nên lấy năm thứ sữa, lạc, thục tô, sanh tô... nuôi chúng. Nếu như khi chúng lớn lên, tự yêu thương nhau, trở thành vợ chồng thì hãy tìm một vùng đất tốt bằng phẳng rộng rãi cho chúng sống, nên phong bé trai làm vua, bé gái làm phu nhân.

Những người chăn trâu vâng lời rồi giã từ. Năm hai đứa bé mười sáu tuổi, họ chọn một khu đất bằng phẳng rộng một trăm do tuần, chính giữa dựng nhà. Kết hợp hai đứa bé thành vợ chồng. Sau một năm, hai vợ chồng sanh hai đứa con, một nam, một nữ. Cứ như vậy qua mười sáu năm, những người chăn trâu thấy con vua ngày càng đông, liền mở rộng ruộng đất, dựng thêm nhà cửa, tổng cộng ba mươi căn nhà. Mở rộng như vậy đến ba lần, nên gọi vùng này là Tỳ-xá-ly.

(Trích Thiện Kiến Luật Tỳ Bà Sa quyển mười)

3. HOÀNG HẬU NƯỚC CÂU LAM NI NGỘ ĐẠO:

Một hôm, Phật cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo đi đến Tinh xá Mỹ Âm ở nước Câu-lam-ni. Khi quý Ngài vừa đặt chân đến cổng thành thì Trời đất rung động, các loại ngọc châu nhạc khí không đánh cũng tự vang, các loại trùng độc ẩn mất, các điềm lành xuất hiện. Nhân dân ở đây đều khát ngưỡng tôn kính.

Vua nước này tên là Ưu Điền, một ông vua thường đi đánh chiếm các nước khác, chuyên nghe lời nịnh thần, đam mê nữ sắc. Vua lập ra hai Hoàng hậu. Tả hậu tên Chiếu Đường, tính tình kiêu ngạo, hay ganh ghét dèm pha. Hữu hậu tên Huyền Dung, thích làm những việc nhân ái. Vua rất trân trọng yêu quý đức hạnh của Huyền Dung, mỗi việc thường bàn riêng với bà.

Hoàng hậu Huyền Dung có một người hầu lớn tuổi tên Độ Thắng. Mỗi ngày bà đi chợ mua hương, lại bớt tiền để dành làm cơm cúng dường Phật cùng chúng Tăng. Được nghe Phật thuyết pháp, bà đều hết lòng ghi nhớ. Cúng dường xong mới đem hương trở về hoàng cung. Do công đức này chiêu cảm khiến cho số hương hôm ấy nhiều hơn và mùi thơm lan xa hơn thường ngày.

Huyền Dung tra hỏi, bà mới thú thật đã trích bớt tiền mua hương, làm cơm cúng Phật cùng chúng Tăng, nghĩa Phật pháp thâm sâu vi diệu, ở thế gian chẳng thể nghe được. Huyền Dung nghe nói về Phật, trong lòng rất vui mừng, tự nghĩ mình không có nhân duyên được nghe pháp liền bảo Độ Thắng:

- Ngươi hãy nói lại những lời Phật dạy cho ta nghe đi.

- Thân tôi hèn mọn, miệng lại hôi hám, nên không dám nói lại những lời đức Thế tôn đã dạy. Xin Hoàng hậu cho tôi đến xin phép Phật rồi sẽ trở về nói lại.

Hoàng hậu đồng ý cho Độ Thắng đến găp Phật rồi lại cặn kẽ dặn phải ghi nhớ đầy đủ những nghi thức. Độ Thắng đi chưa về, Hoàng hậu cùng các thị nữ đã đứng đợi chật cả sân.

Phật bảo Độ Thắng:

- Ngươi trở về nói pháp sẽ độ được rất nhiều người. Về nghi thức thuyết pháp, trước tiên phải sắp đặt một toà cao cho người thuyết pháp ngồi.

Độ Thắng về cung thưa lại đầy đủ lời Phật dạy. Hoàng hậu vui mừng cho mở rương lấy vải xếp thành một toà cao. Độ Thắng nương oai thần của Phật lên toà nói pháp. Hoàng hậu và các thị nữ sau khi nghe pháp, những phiền não vướng mắc xưa nay được cởi mở, liền chứng quả vị thứ nhất, Độ Thắng đắc quả vị tổng trì.

Chiếu Đường đã nhiều lần dèm pha chê trách Huyền Dung nhưng vua không nghe theo. Song sự việc lần này Chiếu Đường thưa đã khiến cho lòng vua sanh nghi ngờ. Chiếu Đường cho người theo dõi đợi đến ngày Huyền Dung giữ giới bát quan trai thì khuyên vua cho tấu nhạc, rồi cho người đến triệu Hoàng Dung. Vua liền cho gọi tất cả phu nhân, mọi người được gọi đều đến. Chỉ riêng Huyền Dung vì giữ giới bát quan trai nên không vâng lệnh. Vua cho người đến triệu ba lần mà Huyền Dung vẫn không đến. Vua tức giận cho lính đến bắt trói Huyền Dung dẫn đến trước điện, muốn dùng tên bắn chết. Huyền Dung nhất tâm hướng về Phật. Vua tự tay bắn hai mũi tên vào người Huyền Dung, nhưng tên đều bay ngược trở lại. Vua sợ hãi cởi trói cho Hoàng hậu và hỏi:

- Ái khanh đã dùng pháp thuật gì mà được như vậy?

- Thiếp chỉ một lòng tôn thờ Đức Như Lai, quy y Tam bảo, giữ gìn bát quan trai giới, buổi sáng quá ngọ không ăn, không dùng những thứ trang điểm. Nhờ vậy, nhất định đã được Đức Như Lai thương xót nên mới được như vậy.

Vua nghe xong cảm động thốt lên:

- Lành thay, thật khó nghĩ bàn.

Thế rồi vua cùng Hoàng hậu Huyền Dung đến Tinh xá đảnh lễ Đức Thế tôn. Về sau có nước địch kéo binh đến xâm chiếm bờ cõi. Vua đích thân dẫn quân đánh dẹp và tin tưởng giao việc nước cho Phạm chí Kiết Tinh tạm quyền trông coi. Chiếu Đường vui mừng nghĩ: “Cha ta

thống lãnh đất nước, chính là lúc nên giết Hoàng Dung". Thế rồi hai cha con mưu tính, thiêu chết Hoàng Dung cùng các thị nữ rồi nói dối do sơ suất gây ra hoả hoạn để che đậy tội lỗi của mình. Nhưng về sau, sự thật bị phơi bày, vua giận dữ đày Kiết Tinh ra ngoài biên giới, giam Chiếu Đường cùng đồng bọn vào ngục tối. Sau đó vua truyền lệnh đuổi tà giáo, hết lòng xiển dương giáo lý của Phật.

(Trích kinh Bổn Khởi)

4. PHU NHÂN MẠT-LỢI GIỮ GIỚI BÁT QUAN TRAI:

Lúc Phật ở tại nước Xá-vệ, vua cùng quần thần đều rất tôn kính. Một hôm có người khách buôn tên Ba-lợi cùng năm trăm người bạn vào biển tìm châu báu. Khi ấy thần biển hiện ra, vốc một bụm nước hỏi Ba-lợi:

- Nước trong biển nhiều hay nước trong tay ta nhiều?

- Nước trong tay Ngài nhiều, vì nước trong biển tuy nhiều nhưng không thể cứu người hết khát, nước trong tay Ngài tuy ít nhưng có thể cứu người thiếu thốn, đời đời hưởng phước không thể tính hết.

Thần biển nghe xong vô cùng thích thú liền cởi xâu chuỗi anh lạc có tám mùi hương trên người và lấy bảy báu ban cho Ba-lợi. Ba-lợi trở về nước đem chuỗi hương dâng lên vua Ba-tư-nặc. Vua rất yêu thích liền lần lượt thông báo với các vị phu nhân, hôm nay ai đẹp nhất sẽ được ban tặng xâu chuỗi quý này. Sáu mươi ngàn phu nhân vội vàng trang điểm rồi ra gặp vua. Riêng phu nhân Mạt-lợi không ra.

- Phu nhân Mạt-lợi tại sao không ra? Vua hỏi.

- Tâu bệ hạ, hôm nay là ngày mười lăm, phu nhân giữ giới của Phật, mặc đồ trắng không trang điểm- người hầu đáp.

- Hôm nay giữ giới là phải trái lệnh vua sao?

Nhà vua lập lại câu hỏi ấy đến ba lần. Phu nhân Mạt-lợi mặc đồ trắng bước ra. Giữa mọi người, dung nhan của phu nhân rạng ngời như mặt Trời, mặt trăng, đẹp hơn ngày thường có trang điểm.

Vua vừa kinh ngạc vừa kính trọng hỏi:

- Hôm nay phu nhân có đức hạnh gì mà dung nhan rạng rỡ lạ thường như thế?

- Thiếp tự nghĩ, mình thiếu phước mới làm thân nữ nhi này, lòng dạ đầy dơ bẩn, đêm ngày tích tụ như núi, mạng người lại ngắn ngủi, sợ rơi vào ba đường ác, cho nên ngày đêm vâng theo lời Phật dạy, giữ gìn tịnh giới, cắt bỏ những tình cảm luyến ái, tu tập theo đạo, đời đời mong cầu phước báo.

Vua nghe xong rất vui mừng lấy chuỗi hương ban cho phu nhân. Phu nhân từ chối:

- Hôm nay thiếp giữ giới không thể đeo chuỗi này. Bệ hạ có thể ban cho người khác.

- Đầu tiên trẫm đã có ý ban cho người đẹp nhất, phu nhân là người đẹp nhất lại giữ gìn giới của Phật khiến cho tâm ý càng cao đẹp. Vì vậy ta ban nó cho phu nhân, phu nhân không nhận, trẫm không biết làm sao?

- Xin bệ hạ chớ buồn, bệ hạ hãy hạ mình cùng thần thiếp đem xâu chuỗi này đến dâng lên Phật, đồng thời nhận lấy lời dạy phước báu trong vô lượng kiếp.

Vua đồng ý, ra lệnh chuẩn bị xe rồi cùng phu nhân đến chỗ Phật.

- Bạch Thế tôn! Xâu chuỗi này là của thần biển tặng cho Ba-lợi. Ba-lợi đem về dâng cho trẫm. Sáu mươi ngàn phu nhân ai cũng mong muốn có được nó, vậy mà khi trẫm ban cho phu nhân Mạt-lợi thì phu nhân không nhận, nhờ tu tập giữ giới của Phật mà lòng không còn ham muốn. Phu nhân lại khuyên trẫm đem dâng lên Thế tôn. Xin Thế tôn thương xót nhận lấy. Lòng con còn phân biệt, tin vội như vậy không biết có phước đức gì?

Đức Thế tôn nhận chuỗi hương và nói kệ:

Làm nhiều hoa báu đẹp
Kết thành tràng lung lay
Góp nhiều hương đức hạnh
Đời sau được an vui
Hương hoa thơm cỏ lạ
Chẳng bay ngược chiều gió
Người gần đạo thấy rõ
Hương đức hạnh toả bay
Chiên đàn vốn nhiều hương
Sen xanh cùng hoa thơm
Tuy gọi là hoa quý
Không bằng hương giới hạnh
Hương hoa chỉ thoang thoảng
Không thể nói bền lâu
Hương của người trì giới
Dẫn họ đến cõi Trời
Giới đức đã đầy đủ
Hành động không còn sai

Tâm ý được thanh thoát
Không còn lạc đường ma.

(Trích kinh Pháp Cú quyển hai)

5. THÚ VUI HỌC ĐẠO:

Vua nước Bàn Đề tên Ưu-điền, vào thời đức Phật Ca-diếp vua đã xuất gia tu tập, đến lúc gặp Phật Thích Ca thì được ngộ đạo. Đất nước của vua giàu có, nhân dân hùng mạnh. Vua có hai mươi ngàn phu nhân, đệ nhất phu nhân tên Nguyệt Minh, dung nhan xinh đẹp, vua rất yêu quý. Nhưng chưa đầy nữa năm sau, phu nhân bịnh nặng tướng chết hiện ra, vua vô cùng buồn khổ. Phu nhân hỏi lý do, vua bảo:

- Phu nhân sắp bỏ ta ra đi, tình ái biệt ly nên ta buồn khổ.

- Hễ có sanh thì có tử, đó là việc bình thường của cuộc đời, đâu riêng thiếp mà bệ hạ buồn khổ. Nếu bệ hạ còn yêu thương thần thiếp thì hãy cho thiếp xuất gia.

Vua nghe xong liền bảo:

- Nếu phu nhân xuất gia, giả sử như chưa đắc đạo thì sau khi chết ắt được sanh lên cõi Trời. Sau khi được sanh lên Trời rồi hãy trở về lại với ta, ta sẽ cho phu nhân xuất gia.

Nguyệt Minh liền hứa với vua rồi xả bỏ ngũ dục xuất gia làm Tỳ-kheo-ni. Do thường ngày có nhiều người đến vấn thăm, cung kính cúng dường làm cản trở việc tu học của phu nhân, cho nên phu nhân quyết định du hành đến các nước. Sau sáu tháng xuất gia tu tập, trì giới thanh tịnh, nhàm chán những khổ đau của thế gian, phu nhân đắc quả A-na-hàm rồi qua đời tại một làng nọ, được sanh lên cõi Trời sắc giới. Khi ấy phu nhân quán sát nhân duyên đời trước, biết mình có hẹn ước với vua Ưu-điền, nên muốn trở về làm trọn lời thệ. Phu nhân thấy vua đang chìm đắm trong ngũ dục khó lòng giáo hoá được. Nên nghĩ, nếu ta trở về với hình dáng ngày xưa ắt không cảm hoá được vua, làm sao hù doạ khiến cho vua sợ thì mới có thể hàng phục. Thế rồi phu nhân liền hoá thành một vị La sát lớn dữ tợn dễ sợ, cầm một con dao dài năm xích, nhân lúc vua đang nằm ngủ, biến vào cung, đến gần nơi vua đang ngủ, treo mình lơ lửng giữa không trung. Vua trông thấy vô cùng sợ hãi. La sát liền bảo vua:

- Ông tuy có cả ngàn vạn dân chúng, nay lại sợ ta đến mất hồn. Vậy đến khi chết nhờ nhân duyên nào để tự cứu mình.

- Tôi không có nhân duyên nào cả, chỉ nhờ vào những việc tốt đã làm. Tôi tu tập giữ lòng thanh tịnh, sau khi chết sẽ được sanh lên cõi

lành.

- Đây là chỗ nương tựa duy nhất, không còn chỗ nào khác.

- Ngài là vị thần gì mà khiến cho tôi sợ quá.

- Tôi chính là Nguyệt Minh, sau khi được vua cho đi xuất gia, tôi tinh tấn tu tập xa lìa ngũ dục, sau khi chết được sanh lên cõi Trời sắc giới, nay trở về gặp vua như đã hứa.

- Tuy nghe Ngài nói vậy nhưng tôi vẫn không tin, xin Ngài hiện lại hình dáng cũ tôi mới tin.

Phu nhân Nguyệt Minh liền hiện lại hình dáng cũ với y phục và trang điểm như ngày nào, hiện diện trước mặt vua. Vua nhìn thấy, dục tâm khởi lên, vội chạy đến muốn ôm lấy phu nhân. phu nhân liền bay lên Hư không, thuyết pháp cho vua nghe:

- Thân này là vật vô thường, trong thoáng chốc đã không thể giữ gìn, cũng như sương mai, khi mặt Trời lên thì liền tan biến. Bệ hạ không nghĩ đến sự vô thường lại mê đắm thân thể thần thiếp. Bệ hạ không nhìn thấy khi tuổi già đến thì nhan sắc này cũng tàn phai, các căn đều suy yếu, mắt nhìn không thấy, tai nghe không rõ, thân thể suy tàn không thể níu giữ lại được. Cũng giống như người nấu rượu, khi đã gạn lấy chất rượu ngon rồi thì cặn rượu không còn giá trị gì cả, thân này khi đã già yếu rồi thì không còn gì để yêu thích, chỉ có cái chết là đang hiện hữu. Thân đã theo định luật sanh tử tức là vô thường thay đổi. Bệ hạ không nhìn thấy con người khi còn trong bào thai hay khi còn nhỏ, hoặc đã trưởng thành cũng đều có thể chết cả sao. Thân này mong manh, thần chết có thể đến bất cứ lúc nào. Thân tâm ngày đêm bốc cháy chỉ toàn là những thứ khổ. Tâm có tham, sân, si; thân có nóng, lạnh, đói, khát hành hạ. Vậy mà bệ hạ không có ý nhàm chán nó mà còn say đắm thân thể thần thiếp. Cung phi mỹ nữ xinh đẹp, những hưởng thụ về ngũ dục, đất nước, tài sản, vợ con đều chẳng phải của mình, đến khi chết chẳng mang theo được gì, chẳng ai đi theo mình cả. Thân còn tự bỏ đi, huống gì là vật khác, vậy mà mãi chìm đắm trong ngũ dục, trôi lăn trong dòng sanh tử không biết ngõ ra. Vua là người có trí tuệ, tại sao không biết nhàm chán, xuất gia học đạo.

Vua nghe xong tâm lành phát khởi, hứa sẽ đi xuất gia. Phu nhân lại dặn:

- Bệ hạ nên xuất gia, cầu pháp vi diệu, sớm tối siêng năng tu tập.

Dặn dò xong, phu nhân bỗng nhiên biến mất. Vua nhường ngôi lại cho thái tử, xa lìa những thú vui của cuộc đời, xuất gia với Ca-chiên-

diên. Bấy giờ mọi người cho rằng, vua đã xả bỏ hết những vinh hoa phú quí của cuộc đời, sống cuộc sống kham khổ để cầu đạo, nên quần thần dân chúng lần lượt kéo đến thăm hỏi, cúng dường, làm cản trở việc tu học của vua. Thế là vua quyết định lên đường đến nước Ma-kiệt-đà, được nghe Phật thuyết pháp, đắc quả A-la-hán.

Một hôm, vua ôm bát sành vào làng khất thực, được một ít cơm nguội rồi trở vào rừng ngồi dùng. Khi ấy vua Bình-sa cũng vừa đi đến, thấy vua đang thọ trai liền hỏi:

- Ngài vốn là một vị vua, ra vào đều có người hầu kẻ hạ, nay làm kẻ tu hành, một mình đi xin ăn, có gì vui đâu? Ngài hãy thôi tu đi, tôi sẽ chia đất nước ra, cả hai cùng cai trị.

- Tôi vốn là vua một nước rộng lớn, có nhiều thôn xóm, nay vì lý do gì lại bỏ lớn lấy nhỏ, đó chẳng phải làviệc thích hợp với tôi.

- Ngài vốn ăn toàn những thức sơn hào hải vị, đựng trong bát báu, nay ôm bát sành xin được ít thức ăn cũ, không phải là gặp hiểm nạn sao? Ngài vốn là một vị vua có binh hùng tướng mạnh bảo vệ, nay lại đơn độc một mình, há không sợ sao? Ở chốn thâm cung có đủ cung phi, mỹ nữ hát múa vui tai vui mắt, nằm giường báu, đắp chăn lông, nay một mình nơi rừng sâu hoang vắng, nằm ngồi trên cỏ dại, há không phải là khổ sao?

- Nay tôi đã biết đủ thì không còn ưa thích gì cả.

- Ngài thật là một người đáng thương.

- Người đáng thương chính là nhà vua chứ không phải tôi. Vì nhà vua đang bị những thú vui của cuộc đời trói buộc, bị ân ái rượt đuổi không được tự do. Còn tôi đang an vui, lòng không có gì vướng bận.

Vua Bình-sa nghe xong câu này liền quay trở về.

(Trích kinhTạp Tạng)

6. BA NGƯỜI CÙNG TÂM NGUYỆN:

Ngày xưa có một hiền giả trông thấy chùa tháp là muốn xây dựng, nhưng không đủ tiền. Hiền giả liền phát nguyện, nếu vào biển tìm được nhiều vàng bạc châu báu, sẽ xây trong nước mình một ngôi chùa đẹp nhất. Thế rồi hiền giả lên đường, và một thời gian sau mang về nhiều của báu, nhưng anh ta lại nghĩ tới nghĩ lui: “Ai là người có thể đồng ý cùng mình xây chùa? Có lần mình nghe vua nói muốn xây chùa, nhưng đến nay vẫn chưa thấy làm, vậy mình sẽ đến tâu vua”. Nghĩ xong, anh ta liền đem châu báu đến dâng vua. Vua vui mừng hỏi:

- Khanh lấy số châu báu này ở đâu?

- Tâu bệ hạ! Thần có ý nguyện xây chùa nhưng không có đủ phương tiện nên phát nguyện vào biển tìm vàng bạc châu báu về sẽ xây chùa. Nay thần được yên ổn trở về là điều lợi thứ nhất của thần, được vàng bạc châu báu là điều lợi thứ hai, lòng không ham muốn những thứ đó lại muốn đem xây chùa là điều lợi thứ ba. Thần nương vào công đức của ba điều lợi này, nay muốn làm chùa, nhưng không thể làm một mình, chỉ còn thiếu người hợp tác tiến hành. Cho nên nay thần mạo muội tâu lên bệ hạ.

- Ta cũng có ba điều lợi muốn xây chùa tháp. Thân được làm vua, là người cao nhất trong thiên hạ là điều lợi thứ nhất, có đầy đủ của cải vật báu, nhân dân, binh lính là điều lợi thứ hai, khắp nơi đều quy phục là điều lợi thứ ba. Nên ta sẽ cùng khanh xây chùa.

Vua liền gọi năm trăm phu nhân lấy châu báu ban cho người kia. Năm trăm phu nhân đều tự chọn những viên châu báu mình thích để trang điểm. Chỉ riêng đại phu nhân không hề chải chuốt trang điểm. Vua hỏi lí do. phu nhân đáp:

- Thần thiếp cũng có ba điều lợi trong việc xây chùa. Được làm phu nhân, cả cung đều tôn kính là điều lợi thứ nhất. Sanh con trai được làm thái tử là điều lợi thứ hai. Thường ưa thích kinh điển, muốn xây chùa tháp là điều lợi thứ ba.

Vua nghe xong khen ngợi và đem châu báu ban cho. Đại phu nhân lấy trăm ngàn lượng vàng giúp vua xây chùa. Vua cùng hiền giả kia xây chùa rộng cả ngàn bộ, đều dùng vàng bạc chạm trổ. Vua nghĩ: “Trong việc này chỉ có ba người chúng ta có phước, còn dân chúng trong nước ta không mong nhờ phước này sao?”. Vua liền sai người đứng ở ngã tư đường bảo mọi người rằng: “Người nào có thể phát tâm tốt trong việc này đều được phước vô lượng”.

Khi ấy có một cô gái nghèo khổ, tài sản chỉ có một túp lều nhỏ, phải đi xin từng chén cơm manh áo. Nghe được tin này, cô tự trách mình đời trước không bố thí cúng dường nên đời nay mới nghèo khổ như thế. Nghĩ rồi, cô vào nhà, cởi chiếc khố vải quấn trên người, thảy ra cho sứ giả để giúp vua xây chùa.

- Nhờ Ngài đem về tâu vua dùm, tôi không còn y phục nên không thể ra ngoài được.

Vua nghe sứ giả tâu, kinh ngạc về lòng tốt của người kia, liền ra lệnh dẫn người ấy đến. Sứ giả tâu, người nữ ấy không còn áo quần nên không thể ra ngoài. Vua bảo năm trăm phu nhân mỗi người đều lấy một cái áo để cho cô gái kia, và vội vàng cho người đến đón cô gái về cung.

Vừa trông thấy cô gái, vua liền phong làm đệ nhị phu nhân, đồng thời làm người dạy bảo cho cung nữ.

(Trích kinh Thí Dụ quyển bốn)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 31

PHẦN THƯỢNG: CÁC QUỐC VƯƠNG THỰC HÀNH BỒ TÁT ĐẠO

1. Chịu chết cứu cọp đói
2. Vì pháp hi sinh thân mạng
3. Chết vì cha
4. Đem thân cứu Tỳ-kheo bệnh
5. Nguyệt quang dùng thân cứu người bệnh
6. Tu-xà-đề cứu cha mẹ đói
7. Tu-đại-noa bố thí
8. Kỳ-vực bỏ nước làm thầy thuốc

1. CHỊU CHẾT CỨU CỌP ĐÓI:

Thái tử con vua nước Càn-đà-thi-lợi là người không thích sống trong vinh hoa phú quý, dấn thân vào trong rừng sâu núi thẳm để tu hành. Bấy giờ trong hang núi sâu có một con cọp mẹ vừa sanh được bảy cọp con, gặp phải lúc tuyết rơi, vì sợ con chết cóng nên cọp mẹ đành chịu đói, ôm con suốt cả ba ngày mà không tìm được thức ăn. Thế nhưng tiết Trời quá xấu, tuyết lại rơi không ngừng, mẹ con cọp đã đói meo đến nỗi cọp mẹ muốn ăn thịt con để sống. Lúc ấy, các vị tiên nhân cùng bàn với nhau:

- Giờ đây ai có thể dám bỏ thân mình để cứu lấy mẹ con cọp đói?

Thái tử nghe vậy liền lên tiếng:

- Được thôi, tôi xin làm việc ấy.

Thái từ liền đi đến bên sườn núi, cúi đầu nhìn xuống thấy cọp mẹ đang ôm con bị vùi lấp trong đống tuyết. Nhìn thấy cảnh tượng ấy thì động lòng thương xót, Ngài đứng trên ngọn núi cao im lặng nhập định. Khi tâm thanh tịnh nhập vô sanh pháp nhẫn rồi, Ngài quán thấy trong

vô số kiếp quá khứ cho đến ngày nay mình đã từng làm những việc như thế. Thái tử liền quay trở về bạch với thầy cùng với năm trăm bạn học:

- Nay con muốn bỏ thân này cứu cọp, xin các vị tuỳ hỷ.

Vị thầy bảo:

- Thời gian ông học đạo với ta còn rất ít ỏi, tri kiến chưa sâu rộng, sao đột nhiên lại phát tâm bỏ tấm thân đáng yêu này?

Thái tử đáp:

- Ngày xưa con có phát lời nguyện là xả bỏ một ngàn tấm thân này, thời gian qua, con đã xả được chín trăm chín mươi chín thân. Hôm nay bỏ thân này đủ số một ngàn. Vì vậy, con xin thầy hoan hỷ cho con được toại nguyện.

Thầy bảo:

- Ý chí của con cao vời, chắc chắn không lâu nữa sẽ đắc đạo, vậy con đừng đổi ý.

Thái tử từ giã thầy ra đi, thầy và năm trăm vị tiên nhân đành phải ngậm ngùi rơi lệ, tiễn đưa Thái tử đến đầu sườn núi.

Hôm ấy trưởng giả Phú Lan dẫn theo năm trăm trai gái lên núi dạo chơi, thấy Thái tử đang sửa soạn xả thân cứu cọp, họ vô cùng cảm động và cùng theo Thái tử đến đầu sườn núi. Thái tử đứng trước mọi người phát đại thệ nguyện:

- Hôm nay tôi xả thân cứu mạng chúng sanh, nguyện với công đức này hồi hướng chóng thành đạo Vô thượng chánh chân, được báo thân Kim cang và pháp thân vô vi thường lạc ngã tịnh. Người chưa độ sẽ được độ, người chưa giải thoát được giải thoát, người chưa an sẽ được an. Hôm nay tấm thân này của tôi là vô thường, khổ đau chi phối, các độc chứa nhóm. Thân này bất tịnh, chín lỗ bài tiết, năm giặc cầm dao giết hại mỗ xẽ. Khi còm sống, thân được tô bồi bởi những thức ăn ngon ngọt, năm dục nuôi dưỡng. Sau khi qua đời, không có quả báo tốt thì sẽ rơi vào địa ngục chịu vô lượng khổ, phàm làm thân người ắt sẽ chịu khổ đau có được mấy chút vui đâu!

Thái tử lại phát nguyện:

- Nay tôi đem thân máu thịt này để cứu cọp đói, nếu còn chút xương dư sau này cha mẹ tôi sẽ xây tháp, xin khiến cho tất cả chúng sanh thân mang các thứ bệnh khổ bởi tội báo nhân duyên, thuốc men không thuyên giảm thì đến nơi tháp của tôi chí tâm cúng dường, tuỳ theo bệnh nặng hay nhẹ, không quá một trăm ngày đều sẽ lành bệnh. Nếu quả thật không sai thì Chư thiên sẽ rải mưa hoa thơm.

Vừa nói xong lời ấy thì Trời liền đổ mưa hoa Mạn-đà-la phủ đầy, cỏi đất chấn động. Thái tử liền cởi áo da nai quấn ngang đầu, lao mình xuống mình xuống trước mặt cọp. Ăn được thịt Bồ-tát, mẹ con cọp được sống sót.

Bấy giờ ở trên sườn núi, mọi người đều thấy Thái tử bị cọp mẹ ăn thịt, xương cốt tang tác, họ đau lòng kêu khóc vang cả núi rừng. Có kẻ đấm ngực nhào lăn trên đất, có người thiền định, có người dập đầu sám hối. Chư thiên Thủ đà hội và Trời Đế thích Tứ Thiên vương...Chư thiên nhật nguyệt muôn ngàn chúng đều phát tâm vô lượng Bồ-đề. Họ cùng nhau trổi nhạc đốt hương cúng dường, ngợi khen Thái tử:

- Hay thay đại Bồ-tát! Không bao lâu Ngài sẽ ngồi đạo tràng.

Năm trăm vị tiên nhân đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Vị thầy đó chứng vô sanh pháp nhẫn, phu nhân sai người đến cúng dường, chỉ còn thấy lại giá dù, bình bát, bình nước để trong thất đá. Họ hỏi hết các vị tiên về Thái tử. Mọi người đều nhìn nhau khóc nức nở. Người này đến chỗ đại sư thì thấy Ngài đang ngồi lấy tay lau nước mắt, rên rỉ. Hỏi hết xum quanh nhưng không một ai chịu trả lời. Sứ giả lo sợ liền lấy thức ăn cúng dường cho các vị tiên rồi trở về thuật rõ mọi việc cho phu nhân biết.

Phu nhân bảo:

- Nguy rồi, chắc con ta đã chết.

Phu nhân đấm ngực gào to lên vội vã đến chỗ nhà vua báo tin. Nghe tin ấy, nhà vua ngất xỉu, quần thần khuyên vua:

- Thái tử ở trên núi, xin bệ hạ đừng buồn đau!

Nhà vua cùng các phu nhân, phi tần thể nữ, quần thần và dân chúng kéo nhau lên núi. Trong thấy nhà vua trưởng giả Phú lan vội chạy đến báo tin.

- Tâu bệ hạ: hôm qua Thái tử lao mình xuống hang núi cho cọp ăn thịt rồi, giờ chỉ còn những đột xương rải rác trên đết.

Mọi người đến chỗ thi thể của Thái tử, nhà vua và phu nhân cùng các thể nữ quần thần... đau lòng khóc lóc chấn động cả hang núi. Họ cùng nhau phủ phục bên hài cốt của Thái tử, vua và phu nhân mê man bất tỉnh, phi tần đến lấy đầu tóc cua Thái tử, nức nở nói:

- Thà để thân tôi nát vụn như bụi phấn, đừng để chồng tôi bổng chốc hoá ra như thế này.

Bấy giờ quần thần tâu vua:

- Thái tử bố thí để nguyện độ chúng sanh, chẳng phải vô thường bị quỷ sát hại, đến giờ thi thể chưa bị thối rửa, chúng ta nên thiết lễ cúng

dường.

Nhà vua liền cho người thu gom hài cốt của Thái tử đem ra khỏi hang núi, đặt nơi bằng phẳng, chất gỗ chiên đàn và rưới dầu thơm, đốt lửa trà tỳ. Sau khi xong việc, vua thu lấy Xá-lợi xây tháp bảy báu để cúng dường.

Đức Phật kết luận:

- Bấy giờ Thái tử chính là thân ta, vua cha chính là phụ hoàng Thâu-đầu-đàn, phu nhân nay chính là Hoàng hậu Ma-da, hậu phi nay là Cù-di, Xà duy pnay là A-nan. Vị đại sư tiên nhân trên núi nay chính là Di-lặc.

(Trích kinh Bồ-tát Đầu Thân Phạn Ngạ Hỗ)

2. CÔNG ĐỨC VÌ PHÁP QUÊN MÌNH:

Xưa ở Diêm-phù-đề có vị vua tên là Phạm thiên, ông có một người con tên Đàm-ma-cam, là người rất hâm mộ Phật pháp. Biết vậy, Trời Đế thích hoá làm một vị Bà-la-môn đi đến nói:

- Tôi có thể nói pháp.

Thái tử cung kính đảnh lễ cầu xin được nghe pháp.

Bà-la-môn nói:

- Tôi học đạo đã lâu ngày, làm sao ông vừa nói muốn nghe là nghe được dễ dàng thế? Nếu ông có thể không tiếc thân mạng và vợ con, dám nhảy vào hầm lửa cúng dường, tôi mới nói pháp cho nghe.

Thái tử y theo lời ông ta, làm một hầm lửa lớn. Nhà vua cùng phu nhân và thể nữ đến cung điện năn nỉ Bà-la-môn, xin đem nước thành vợ con, mỗi mỗi thứ cung cấp cho ông để thai tử đừng lao thân vào trong lữa.

Bà-la-môn nói:

- Tôi không ép buộc, tuỳ ý của Thái tử thôi! Nếu không làm việc ấy thì tôi không nói pháp đâu.

Nhà vua loan tin bảo cho khắp nước, sau bảy Ngài Thái tử sẽ thiêu thân, nếu ai muốn chứng kiến thì ngày đó đến sớm. Nghe tin này, hết thảy mọi người nghèo giàu ở trong nước cùng tập trung lại, cùng nhau tha thiết van xin Thái tử như trước, nhưng Thái tử bảo với mọi người:

- Tôi ở trong sanh tử, bỏ biết bao nhiêu thân thể. Sanh vào trong loài người bị lòng tham chi phối, giết hại lẫn nhau. Trên cõi Trời tuổi thọ đã hết, mất đi thú vui nên sanh thêm buồn khổ. Rơi xuống địa ngục bị lửa đốt, dao cắt nát thân, bị sông tham, rừng kiếm đâm đau thấu tận xương tuỷ. Sống trong loài ngạ quỷ trăm thứ độc hại thân. Làm thân súc

sanh phải cung cấp thịt cho người, phải ăn cỏ vác nặng. Mang biết bao nhiêu thứ khổ này trong thân thể, chưa từng có thiện tâm vì pháp. Ngày nay ta quyết bỏ thân mạng hôi hám này để cầu thỉnh pháp thù thắng, tại sao các vị lại muốn ngăn cản. Nếu đắc đạo ta sẽ cúng dường cho quý vị năm phần pháp thân. Nói xong, Thái tử liền đứng trên hầm lửa.

Bà-la-môn nói kệ:

Thường thực hành tâm từ
Trừ bỏ tưởng hại sân
Đại bi thương chúng sanh
Đau lòng tuôn suối lệ.
Tu hành tâm hoan hỷ
Như pháp mình đã chứng
Vì đạo mà ủng hộ
Mới đáng hạnh Bồ-tát.

Thái tử nghe kệ ấy xong liền buông mình vào lửa, Phạm vương Đế thích liền nắm lấy tay Ngài và khen ngợi:

- Tất cả chúng sanh trong cõi Diêm-phù-đề nương nhờ ân Thái tử ai cũng được dự phần. Nếu như hiện giờ Ngài lao vào lửa thì muôn dân mất đi bậc cha lành, cớ sao Ngài chỉ vì chính mình mà bỏ đi tất cả?

Thái tử cám ơn và nói:

- Xin đừng ngăn cản đạo tâm Vô thượng của tôi.

Thái tử lao mình vào lửa. Trời đất rúng động, trên Hư không Chư thiên đồng loạt khóc vang, nước mắt tuôn như mưa.

Bấy giờ hầm lửa đang hừng hực lại biến thành hoa sen, Thái tử ngồi trên đài sen, Chư thiên rải hoa cúng dường ngập đến cả đầu gối.

Phật dạy:

- Phạm Thiên vương xưa nay là phụ hoàng Tịnh Phạn, người mẹ nay chính là phu nhân Ma-da. Thái tử xưa chính là ta.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 1)

3. HY SINH VÌ CHA:

Vào thời đức Phật Tỳ-bà thi có quốc vương nước Ba-la-nại thông minh trí tuệ lại nhân từ nhưng ông không có con nối dõi. Nhà vua phụng thờ một thần núi, suốt mười hai năm liên tục cúng tế khẩn cầu, sau đó Hoàng hậu sanh hạ một hoàng nam, thân tướng vẹn toàn, bản tánh hiền lương. Nhà vua triệu tập quần thần lại để xem tướng lành dữ cho con. Nhân đó ông đặt tên Thái tử là Nhẫn Nhục. Đến tuổi trưởng thành, Thái tử thích làm việc bố thí, tình thương chan rải khắp chúng sanh.

Bấy giờ trong núi có một vị đại thần rất xảo trá, dua nịnh, ngang ngược vô đạo, ông đem lòng ghanh ghét Thái tử. Một hôm, nhà vua bệnh nặng, mạng sống không còn được bao lâu, Thái tử triệu tập quần thần hỏi thăm ý kiến:

- Phụ hoàng ta nay đang lâm bệnh rất nguy kịch, giờ phải làm sao? Quần thần thưa:

- Thuốc hay khó tìm nhưng nay mạng sống của nhà vua kéo dài không được bao lâu nữa.

Nghe vậy Thái tử rất đau lòng và té ngất xỉu trên đất. Nhân đó, vị đại thần hung ác kia lập kế muốn giết Thái tử mới bảo rằng:

- Bệnh vua cần thuốc hay nhưng thuốc không thể tìm được.

Thái tử hỏi:

- Vậy bây giờ phải làm sao?

- Giờ chỉ cần lấy con mắt và tuỷ sống của người không sân hận làm thuốc trị cho nhà vua thì bệnh vua mới lành.

- Ta có thể đáp ứng.

Thái tử liền từ biệt mẹ hiền, đồng thời ông cho họp vua của các nước nhỏ lại, Ngài đích thân nói với họ:

- Hôm nay tôi xin từ biệt mọi người.

Nói xong Thái tử liền cho gọi kẻ đồ tể đến để đục xương lấy tuỷ và khoét luôn đôi mắt. Vị đại thần ấy lấy hai thứ hoà lại đem dâng cho nhà vua uống. Uống xong nhà vua liền hết bệnh.

Vua hỏi quần thần:

- Đây quả là thần dược đã chữa lành bệnh của ta.

Quần thần tâu vua:

- Tâu đại vương, loại thuốc này là do Thái tử cung cấp.

- Vậy bây giờ Thái tử đâu rồi?

Hiện giờ Thái tử đang ở bên ngoài nhưng thân của Thái tử đã tan nát, mạng sống không còn được bao lâu nữa.

Nghe tâu nhà vua kinh ngạc, quá đau xót, khóc ròng. Khi đến nơi thì Thái tử đã tắt thở.

Hoàng hậu đang đau đớn, vật vã trên thi thể của Thái tử. Thấy vậy nhà vua than thở:

- Tội của ta xưa đáng lẽ thân thể nát tan như tro bụi, hôm nay mới khiến cho con ta phải chết như thế này!

Nhà vua liền lấy gỗ chiên đàn để làm lễ trà tỳ cho Thái tử, rồi nhặt xương thờ trong tháp bảy báu.

(Trích kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân)

4. ĐEM THÂN CỨU TỲ-KHEO BỆNH:

Vào thời xưa có vị vua tên Trí Lực, ông thường hộ trì Phật pháp bằng tấm lòng sâu sắc. Tỳ kheo và nhà vua có mối quan hệ rất thân tình. Điều mà vua tôn kính người thì trong nước cũng tôn kính. Nhà vua muốn gặp Tỳ-kheo mãi không biết chán.

Một hôm trên bắp vế của Tỳ-kheo nổi lên một mụt ghẻ lớn, bao nhiêu thầy thuốc giỏi trong nước không thể trị khỏi, nhà vua và hai (vạn) phu nhân đều xót thương. Hôm nọ nhà vua nằm mộng thấy một vị tiên nhân đến mách bảo:

- Nếu nhà vua muốn chữa lành bệnh cho Tỳ-kheo thì cần phải lấy máu thịt của người sống cho Tỳ-kheo ăn thì sẽ lành bệnh.

Tỉnh mộng, nhà vua không vui, nhưng nghĩ tới tỳ kheo bệnh nặng mới cần thịt để làm thuốc. Nhà vua liền hỏi người hầu cận:

- Làm thế nào để tìm ra máu thịt của người sống.

Bấy giờ Thái tử Trí Chỉ tâu với vua cha:

- Phụ vương đừng lo buồn, máu thịt của con người là vật nhỏ mọn nhất, cái mà người đời coi trọng nhất là không trái với đạo lý.

Vua bảo:

- Con nói hay lắm.

Thái tử im lặng, trở về cung tịnh trai, ông dùng dao lóc thịt và máu ở bắp vế của mình đem đến cho Tỳ-kheo ăn. Tỳ-kheo ăn xong thì bệnh liền thuyên giảm, thân được an ổn.

Nghe Tỳ-kheo lành bệnh, nhà vua vui mừng phấn khởi, Thái tử tự nhiên bình phục. Dân chúng cả nước đem tài sản đến dâng cho Thái tử. Người có lòng chí thành lúc ấy là Phật Đề-hoà-kiệt-la, vua Trí Lực là Di-lặc, Thái tử Trí Chỉ chính là Phật Thích Ca.

(Trích kinh Nguyệt Minh Bồ-tát Tam- muội)

5. NGUYỆT QUANG ĐEM THÂN CỨU NGƯỜI:

Một hôm Thái tử Nguyệt Quang ra ngoài dạo chơi, trên đường đi có một người bệnh phong hủi thấy Ngài liền đến trước xe ngựa thưa:

- Tôi mắc bệnh nặng, đau đớn khổ sở, còn Thái tử một mình dạo chơi vui vẻ biết bao, xin Ngài thương xót cứu chữa cho tôi.

Thấy thế, Thái tử liền hỏi các thầy thuốc, họ bảo phải lấy máu thịt của người sống và không hề sân hận, đem thoa lên vết thương của người bệnh và cho họ uống thì mới có thể lành bệnh.

Thái tử thầm nghĩ: Nếu có người đạt tiêu chuẩn như trên thì họ lại yêu mến thân mạng, tham sống sợ chết, như vậy thì làm sao có thể cứu

được? Nay nếu như ta không cho thì đâu còn người nào để cứu!

Nghĩ vậy, Thái tử lền bảo với Chiên-đà-la:

- Ngươi hãy lóc thịt trên thân ta để rồi đục xương lấy tuỷ thoa lên người bệnh và lấy máu ta cho ông ta uống.

Cứ như thế, Thái tử bố thí cho đến bố thí luôn cả vợ con như bỏ cỏ cây, không hề tiếc nuối, quán hết thảy các vật bố thí nó từ duyên mà có, suy tìm cái chắc thật của nó thì không có cái gì tồn tại, tất cả thanh tịnh như tướng Niết-bàn, cho đến chứng vô sanh nhẫn. Đó là kết nghiệp sanh thân, thực hành Đàn-ba-la-mật.

(Trích luận Đại Trí Độ quyển 12)

6. CẮT THỊT DÂNG CHA MẸ:

Vào thời tượng pháp của đức Phật Tỳ-bà-thi, vua Ba-xà nước Ba-la-nại có ba người con, mỗi người trấn nhậm một nước nhỏ. Nhà vua là bậc thông thái, lấy chánh pháp trị nước, không hại đến dân tình. Nhờ vào công đức nhà vua nên có được mưa thuận gió hoà, lúa thóc được mùa. Trong quần thần có một vị quan lớn tên là La-hầu-la thấy thế bèn đem tâm ganh tỵ, sanh lòng phản nghịch, ông dấy binh kéo đánh nước Ba-la-nại, giết chết nhà vua và tiếp tục kéo đến đánh nước vương tử thứ nhất, thứ hai và dần đến thứ ba. Vị vương tử thứ ba tướng mạo khôi ngô, tánh tình nhân hậu, lời nói ôn hoà khéo léo, luôn nở nụ cười trên môi, nói năng đem đến lợi ích cho mọi người. Thái tử dùng chánh pháp trị dân nên nên đất nước an vui giàu có, khắp nước đều khen ngợi, Chư thiên cùng quỷ thần thảy đều tôn kính. Vương tử có một người con tên là Tu-xiển-đề, là người thông minh nhân từ, thích làm bố thí, thích làm những việc bố thí. Toàn thân Thái tử màu vàng óng ánh, tướng mạo vẹn toàn, các căn đầy đặn. Tuổi vừa lên bảy, vua cha rất thương mến không nỡ rời xa Thái tử.

Bấy giờ có vị thần giữ cửa cung chạy vào tâu vua:

- Tâu bệ hạ: La-hầu-la phản nghịch, âm mưu đoạt lấy ngai vàng, nó đã giết vua cha, hai anh em Ngài cũng đã chết dưới tay nó. Hiện giờ nó đang kéo quân đến đây để chinh phạt Ngài".

Nghe tin, nhà vua vô cùng đau đớn, lòng dạ tan nát, không thể kiềm chế được, bất giác ngà lăn bất tỉnh ra đất. Một hồi lâu tỉnh lại bổng nghe trên Hư không có tiếng nói.

Nhà vua hỏi:

- Ông là ai mà chỉ nghe thấy tiếng mà không thấy hình, những lời Ngài nói có thật đúng như vậy không?

Trên Hư không đáp:

- Tôi là thần giữ cung, vì nhà vua thông minh chánh trực, không làm hại dân tình, do đó tôi mách bảo cho Ngài biết, Ngài hãy mau chống rời khỏi đây, không bao lâu chúng sẽ kéo đến.

Nhà vua suy nghĩ: Nếu chạy sang nước láng giềng thì có hai con đường, một con đường đi mất bảy ngày còn con đường khác thì mất mười bốn ngày. Thế rồi, nhà vua cho người chuẩn bị thức ăn đủ trong bảy ngày, ông vào cung gọi Thái tử Tu-xiển-đà và bồng con đi. Lúc ấy, phu nhân bước đến hỏi:

- Hôm nay thiếp trông thấy đại vương có vẻ sợ như thế?

Vua đáp:

- Việc này khanh không nên biết là tốt hơn.

- Thiếp và đại vương như chim liền cánh, vì sao lại nói không can dự gì?

Nhà vua kể rõ sự việc rồi bồng Thái tử cùng phu nhân lên đường lánh nạn. Trên đường đi vì rối trí, hoang mang nên bị lạc cả mười bốn ngày, con đường lại gian nan hiểm trở, không có sông suối cỏ cây. Mọi người thẳng về phía trước được vài hôm thì thức ăn mang theo đã cạn, nhưng đường vẫn còn xa. Nhà vua và phu nhân chỉ đành ứa lệ than thân:

- Ôi sao khổ như thế này? Từ khi sanh ra cho đến nay chưa hề trải qua nỗi khổ này, giờ sức đã mòn làm sao tiếp tục đi nữa?

Nhà vua cứ dày vò tự trách thân phận, cả ba người lâm vào nạn đói khát bức bách, mạng sống chỉ còn trong hơi thở. Ông suy nghĩ phải nên tìm cách, không để ba người cùng chết như vậy, trong lòng muốn giết vợ để cứu sống mình và Thái tử.

Tu-xiển-đề nhìn thấy cha đột nhiên lộ vẽ khác lạ, liền bước đến nắm tay cha và hỏi:

- Cha định làm gì thế?

Vua cha đau xót, hai hàng lệ rơi khẽ bảo con:

- Cha chỉ còn cách giết mẹ con để lấy máu thịt kéo dài mạng sống cho con.

Tu-xiển-đề nghẹn ngào thưa:

- Cha ơi, đâu có người con nào dám ăn thịt mẹ, nhưng không ăn thì cả hai mẹ con đều chết. Xin cha hãy giết con để cứu sống cha mẹ.

Nghe con nói thế, nhà vua vô cùng đau đớn khẽ bảo con:

- Con như là đôi mắt của cha, làm sao tự móc mắt mình ra rồi ăn trở lại. Cha thà chết chứ không nỡ giết để ăn thịt.

Tu-xiển-đề nói:

- Nếu chết liền thì máu thịt sẽ bị thối rữa, nay con muốn cầu xin một điều, nếu cha làm trái điều ấy thì không phải là thương con.

- Con cứ nói, cha không trái ý của con đâu!

- Xin cha mỗi ngày cắt lấy ba cân thịt trên người con, hai cân dâng cho cha mẹ còn một cân con tự ăn lấy để duy trì mạng sống.

Cha mẹ của người khóc thảm thiết nhưng đành không trái ý của con. Thế là tiếp tục đi, chỉ mới hai ngày mà thịt con đã gần hết, lần lượt đến tay chân, gân cốt dần bị ăn hết, thế nhưng người vẫn chưa chết.

Cha mẹ ôm con gào khóc than.

- Chúng ta vô duyên cớ, ăn thịt con mình khiến cho nó đau đớn. Con đường phía trước vẫn còn vời vợi, chưa đến nơi mà thịt con đã hết, giờ gia đình chúng ta phải chịu chết ở đây!

Bấy giờ cất tiếng yếu ớt khuyên cha:

- Cha mẹ đã ăn thịt con và đi đến đây rồi, giờ đây cha mẹ đừng giống như hạng người tầm thường mà cùng đưa nhau đến chỗ chết. Vì thương con, xin cha mẹ chớ làm trái lời con đã phát nguyện, hãy cắt lấy phần thịt còn lại trong các chi khắp trên thân con để dùng tạm, như vậy cha mẹ mới đủ sức đến nơi.

Thế rồi, nhà vua cùng phu nhân nghe theo lời của Thái tử. Ăn xong, họ khóc lóc đành phải chia tay. Tu-xiển-đề đứng lên nhìn cha mẹ, cùng nhau khóc nức nở rồi tiếp tục phải lên đường. Hai ông bà đã đi xa không còn thấy Tu-xiển- đề nữa, Thái tử quyến luyến cha mẹ, dõi mắt nhìn theo mãi. Hồi lâu, Thái tử té xuống đất, thịt và máu tươi đã bốc mùi khắp cả mười phương, bầy ruồi nghe thấy, cùng đua nhau bay đến đậu kín cả thân của người. Chúng rút tỉa khắp thân, đau nhức không thể tả.

Thái tử lại nói:

- Nay còn chút hơi tàn con xin phát nguyện tất cả tội chướng trong nhiều kiếp quá khứ đều dứt sạch, kể từ đây về sau con không dám tái phạm. Thân thể hôm nay con xin cúng dường cha mẹ, nguyện cho cha mẹ con phước thọ tăng thêm, chút máu thịt còn lại xin bố thí cho những loài ruồi nhặng, nguyện cho đều được no lòng.

Thái tử phát lời nguyện ấy xong, Trời đất sáu điệu đều chấn động, mặt Trời bị che khuất, cầm thú chạy hỗn loạn, đại dương nổi sống nhận chìm núi Tu di. Chư thiên ở cõi Lục dục thiên thấy vậy đều kinh hãi, họ cùng nhau bay xuống cõi Diêm-phù-đề, hoá ra những loại sói cọp, sư tử giương mắt chạy hùng hổ, gầm rống, nhảy chồm lên như muốn cắn xé

Thái tử. nhìn thấy bọn cầm thú diệu võ giương oai, Thái tử khẽ bảo:

- Các ngươi muốn ăn thịt ta thì tuỳ ý cứ lấy dùng, cớ gì mà phải sợ.

Thiên vương Đế thích liền hợp lại thân Trời, nhìn thấy họ Thái tử vui mừng khôn xiết. Đế thích hỏi Thái tử:

- Thân khó xả bỏ mà nay Thái tử đã làm được. Với công đức ấy Ngài nguyện sanh lên Trời làm quỷ vương hay làm Phạm vương?

Thái tử đáp:

- Tôi chỉ nguyện thành tựu quả Vô thượng Bồ-đề.

- Đây là lời nói suông, làm sao tin là sự thật được?

Thái tử bèn phát thệ nguyện:

- Nếu lời ta không chân thực thì sẽ khiến cho tất cả những vết thương trên thân thể của ta không bao giờ lành lại được, còn đúng là sự thật thì xin khiến cho thân thể của ta bình phục trở lại.

Lời phát nguyện ấy vừa phát ra thì máu huyết trở lại được lưu thông, cơ thể bình phục trở lại, tướng hảo của người càng trở nên tươi đẹp hơn trước.

Thấy thế Thiên vương Đế thích cúi đầu đảnh lể tán thán:

- Lành thay! Tôi đây không sánh được Ngài. Ngài tinh tấn dõng mãnh như thế ắt sẽ thành tựu quả Vô thượng Bồ-đề, xin hãy độ tôi trước.

Dứt lời Thiên vương Đế thích liền biến mất trong Hư không. Bấy giờ vua và phu nhân đã đến được nước láng giềng, nhà vua nước ấy hay tin ra ngoài thành nghinh đón. Gặp nhau, nhà vua bèn kể rõ mọi việc cho vua nước láng giềng nghe những gì đã trải qua, ông ta cung cấp những thứ cần dùng hết sức vừa ý. Nhà vua ấy cũng cảm động tấm lòng hiếu thảo của Thái tử liền cho bốn bộ quân voi để trở về chinh phạt nước La-hầu-la.

Trên đường trở về, nhà vua muốn đến chỗ trước kia chia tay cùng Thái tử để góp nhặt hài cốt của con. Trên đường về, nhìn ra phía trước nhà vua buồn khóc nức nở, thế nhưng khi đến gần thì thấy Thái tử bình an. Chạy nhanh tới trước, nhà vua ôm chầm lấy Thái tử, vô cùng mừng tủi.

Thái tử Tu-xiển-đề đem chuyện kể lại cho cha mẹ nghe. Cả nhà đoàn tụ, vui mừng cùng nhau kéo đàn voi chiến trở về bản quốc. Nhờ phước của Thái tử sâu dày nên họ nhanh chống trở về nước, vua cha liền lập Thái tử lên làm vua.

Đức vua ngày ấy nay chính là Thâu-đầu-đàn, phu nhân nay là

Hoàng hậu Ma-da, Thái tử Tu-xiển-đề nay chính là thân Thế tôn, Trời Đế thích nay chính là A-nhã Kiều-trần-như.

(Trích kinh Đại Phương Tiện Báo Ân quyển 1)

7. SỰ TÍCH CỦA THÁI TỬ TU ĐẠI NOA:

Ngày xưa, vua Chấp Tuỳ trị vì nước Diệp Ba, Thái tử con vua là Tu-đại-noa. Thái tử là người thực hành bốn vô lượng tâm, giữ gìn lời nói không tổn hại người, thường nguyện bố thí cứu giúp chúng sanh khiến cho đời sau hưởng phước vô cùng. Kẻ ngu si không nhận thấy được lẽ vô thường nên họ đều thương tiếc, giữ gìn. Người trí thấy được tài sản này là đầu mối gây ra hoạ hại, vì vậy ai muốn xin thức ăn, áo mặc, vàng bạc châu báu, xe ngựa ruộng vườn Thái tử đều bố thí cho cả. Lời lành đồn khắp cả bốn phương về hành động của Thái tử.

Bấy giờ vua cha có một con bạch tượng, uy vũ vô song, sáu mươi quốc gia thù địch kéo đến đánh chiếm, voi ấy có khả năng thắng được tất cả. Các vua cùng nhau bàn bạc, sai tám vị Phạm chí theo Thái tử xin voi.

Khi các vị Phạm chí đi đến, Thái tử vui vẽ tiếp đón và hỏi họ cần những thứ gì?

Các đạo sĩ trả lời:

- Chúng tôi muốn xin con bạch tượng đi trên hoa sen, tên là La-xà-hoà-đàm.

Thái tử bảo:

- Được thôi, còn những thứ vàng bạc và các thứ báu các vị muốn lấy thì cứ mặc tình lấy dùng.

Thái tử bảo thị vệ nhanh chóng thắng bành bằng vàng cho voi, tai trái cầm dây nài voi, tay phải bưng bình vàng, Thái tử vui vẻ dắt trao cho Phạm chí.

Phạm chí được voi vô cùng vui mừng liền chú nguyện cho Thái tử và cưỡi voi trở về.

Trăm quan thấy vậy đều buồn bã nói:

- Con voi này là vật báu của nước ta, sức mạnh phi thường, ra trận tất thắng, nay lại đem cho kẻ thù còn gì để nhờ cậy đây!

Thế là trăm quan đem việc tâu lên nhà vua, nghe tin nhà vua thảng thốt hồi lâu mới nói:

- Thái tử tôn thờ Phật đạo, bố thí cho khắp tất cả người nghèo, nuôi dưỡng lòng từ bi, không thể nào ngăn cản được. Giả sử như bắt phạt thì đó là hành động vô đạo.

Trăm quan đều tâu:

- Lời thiết tha ấy không bao giờ quên, bắt phạt là bạo ngược, nay hạ thần dám tâu điều này, xin bệ hạ hãy đuổi Thái tử ra khỏi nước, xếp đặt chỗ ở trong rừng hoang vu khoảng mười năm để tự hổ thẹn sám hối. Đây là điều mong mỏi của chúng thần.

Nhà vua chuẩn theo lời tấu, bèn sai thị vệ cho truyền lệnh đến Thái tử:

- Bạch tượng là vật báu của đất nước ta, sao Thái tử lại đem ban cho kẻ địch? Nay ta không nở gia hình trị tội, vậy Thái tử hãy mau chóng ra khỏi đất nước này.

Thị vệ vâng lời đến nói cùng Thái tử, Ngài đáp:

- Ta không dám trái mệnh Trời, xin cho được lấy của cải riêng bố thí bảy ngày, không dám xâm phạm của quốc gia.

Thị vệ đến tâu lại, nhà vua chấp thuận lời thỉnh cầu của Thái tử. Ngài rất mừng và đem của cải bố thí cho những người nghèo khổ, Ngài thông báo cho mọi người đến nhanh, mặc tình cứ lấy.

Bảy ngày đã trôi qua, những người nghèo đều đã no đủ. Vợ của Thái tử là Man-để, là công chúa của quốc vương nước lân cận, có nhan sắc xinh đẹp, khắp nước không ai sánh bằng, toàn thân nàng trang điểm châu báu anh lạc. Thái tử bảo với vợ:

- Nàng hãy nghe ta nói, nhà vua đày ta đến núi Đàn-đặc, thời hạn mười hai năm nàng có biết không?

Người vợ nghe tin vô cùng kinh hoảng, nhìn Thái tử lệ rơi ngẹn ngào:

- Thái tử tội gì mà phải bị đuổi đi, bỏ vinh hoa tôn quý trong nước mà đến nơi rừng sâu núi thẳm như thế?

- Ta đã đem con voi quý cho nước địch, vua cha nghe quần thần tâu lại nên giận giữ đuổi ta ra khỏi nước.

Người vợ liền phát nguyện:

- Nguyện cho quốc gia sung túc, vua tôi giàu sang, tuổi thọ vô cùng. Riêng vợ chồng chúng ta lập chí nơi núi rừng sâu thẳm, nguyện thành tựu đạo quả.

Thái tử nói:

- Chỉ sợ rằng, nơi chốn núi rừng kia bị cọp sói xâm phạm, khó lập được tâm, còn có trùng độc yêu quái ma chết... sấm chớp ầm ầm, mưa gió mây mù thật đáng sợ hãi, nóng lạnh quá độ khiến cho cây cối không thể khai hoa, chân không thể nào chịu nỗi đá sỏi rừng hoang. Bấy lâu, nàng là công chúa, sống trong nhung lụa giàu sang, trưởng thành trong

cung cấm, áo mặc quý giá, ăn đồ thượng hạng, ngủ trong màn treo trướng phủ, hoà trong các thứ vui thoả thích, muốn gì có nấy. Giờ đây đến chốn núi rừng, nằm nệm cỏ, ăn trái cây, ít người chịu nỗi thì làm sao nàng sống được?

Người vợ đáp:

- Các thứ báu lụa là, màn trướng tốt đẹp, thức ăn ngon ngọt nào có ích gì khi thiếp phải đành chia tay với Thái tử? Thấy có màn găng là có bậc vương giả ở, cũng vậy ở đâu có khói là nơi đó có lửa, ở đâu có chồng thì nơi ấy có vợ. Thiếp nương tựa Thái tử như nương tựa song thân. Thái tử ở trong nước bố thí khắp nơi, thiếp đã lấy hạnh nguyện đó là hạnh nguyện của mình, giờ đây Thái tử dấn thân vào chốn nguy hiểm lẽ nào thiếp ở lại hưởng vinh hoa, đó há là nhân nghĩa hay sao? Giả như có người đến xin không nhìn thấy Thái tử, lòng thiếp vì xúc cảm quá mức chắc là chết mất.

Thái tử nói:

- Nếu nàng đã cùng tâm ý với ta như thế, giả như có người đến xin ta vợ lẫn con thì ta cũng sẽ sẵn sàng bố thí, bởi lẽ vì tình mà quyến luyến thì trái với đạo bố thí, bẻ gãy đại nguyện, phá vở trọng trách của ta.

Người vợ đáp:

- Việc Thái tử bố thí trên đời này thật là hiếm có, vậy người hãy phát nguyện rộng lớn, gắng sức mà thực hành, trăm ngàn vạn kiếp quyết không có một người nào như người, thiếp đây không trái ý của Thái tử đâu.

Thái tử nói:

- Vậy thì hay lắm.

Thái tử liền đem vợ con đến từ biệt mẹ già, người cúi đầu bùi ngùi thưa:

- Gìơ con phải ra đi, ân đức cao dày mẹ đã ban cho xin tạm gác chưa thể đền đáp, xin mẹ hãy giữ gìn ngọc thể, việc nước nhọc nhằn xin mẹ lấy tâm từ khuyên nhủ cha con, không nên tự ý mà làm oan uổng dân lành, nên nhẫn những điều không thể nhẫn.

Hoàng hậu nói:

- Lúc chưa có con, mẹ có lập nguyện cầu tự, ngày mẹ thọ thai như cây đơm hoa đến ngày khai nhụy, Trời không phụ lòng cho mẹ có được con, nuôi dưỡng lớn không giờ phải biệt ly.

Trong cung các phu nhân phi tần, tiểu thiếp đều mến trọng, Thái tử cùng vợ con cúi đầu chào giã biệt người mẹ thân yêu, thấy thế trong

cung ai cũng nghẹn ngào, cùng nhau tiễn đưa Thái tử ra khỏi thành, mọi người đều bàn tán:

- Thái tử là bậc Thánh linh trong nước, là người được tôn quý nhất, sao cha mẹ nỡ lòng nào đuổi con mình ra đi như thế?

Ra ngoài thành, Thái tử cảm ơn những người đưa tiễn và bảo họ quay trở về. Hai bên đường, dân chúng phủ phục làm lễ, cùng nhau khóc lóc bi thương, vật vã trên đất kêu Trời vang động cả nước. Thái tử từ biệt họ, đi đã xa lãnh thổ, cả nhà vừa ngồi xuống dưới gốc cây bỗng thấy có một Phạm chí từ xa đi đến xin châu báu của Thái tử và vợ con người. Thái tử lấy hết tất cả châu báu cho ông ta rồi bảo vợ con lên xe tiếp tục đi. Sắp lên xe thì lại có Phạm chí đến xin ngựa, Thái tử đem ngựa cho, người đích thân kéo xe chở vợ con đi. Trên đường lại gặp Phạm chí khác đến xin luôn xe, Thái tử cho họ xe. Bao nhiêu xe ngựa, áo xiêm, đồ trang sức, châu báu Thái tử đều đã cho hết cả rồi. Người đành phải để vợ bồng con nhỏ còn mình bế đứa con trai lớn. Trải qua hai mươi mốt ngày mới đến chân núi, nhìn thấy rừng rú xum xuê, suối khe trong mát, trái cây ngon ngọt, chim chóc đua nhau hót. Thái tử nói với vợ:

- Nơi đây cây cối ngất Trời, sẽ ít có sự cố xảy ra gây thương tổn, tiếng chim kêu rời rạc, nước suối, trái quả rất nhiều đủ cho chúng ta ăn uống, giờ chỉ còn lo tu tập mà thôi!

Các vị tu tập phạm hạnh ở trong núi đều tiết chế sự tham muốn mà siêng tu Thánh đạo. Lúc ấy có vị đạo sĩ tên La-châu-đà đã sống rất lâu năm trong rừng núi, ông có đức hạnh sâu dày, Thái tử liền đưa vợ con đến chỗ ông ta và thưa:

- Tôi đưa vợ con đến đây học đạo, xin Ngài rũ lòng từ bi rộng lớn dạy cho chúng tôi thành tựu được chí nguyện.

Đạo sĩ ấy dạy đạo cho Thái tử, người cắt cỏ làm nhà, bện cỏ cói làm áo che thân, ăn trái cây uống nước suối. Con trai của người tên là Da-lợi cũng mặc áo cỏ ra vào theo cha, con gái tên là Kế-noa-diên thì mặc áo da hươu quanh quẩn theo mẹ. Thái tử ở trong núi một đêm thì Trời thêm suối lại mọc cây thuốc. Sau đó có một lão Phạm chí nghèo tên Cưu-lưu-tôn, vợ ông ta đang thời thanh xuân, nhan sắc mặn mà. Hôm nọ, cô mang bình đi lấy nước, giữa đường gặp chàng trai chặn cô lại dụ dỗ:

- Cô cam phận nghèo như thế sao? Tham chi của cải lão già kia mà ở chốn này? ông ta học đạo hi vọng trở thành bậc nhất thiên hạ, là kẻ ngu si yếu hèn, cô còn tham tiếc gì nữa? Dung mạo ông ta xấu xí,

mũi đen thui thủi, thân hình lại thô kệch, mặt nhăn nheo, môi trớt, ăn nói chẳng thành câu, hai mắt đục lờ, hình dáng giống như quỷ, toàn thân như thế ai cũng ghét. Cô làm vợ hắn mà không hổ thẹn chán chê ư?

Cô vợ khóc lóc nói:

- Cái ông già tóc râu bạc trắng như sương bám trên cây, sớm tối chưa chịu chết, biết liệu làm sao?

Rồi cô ta trở về kể rõ mọi việc và nói:

- Nếu không có người tôi tớ sai vặt thì tôi sẽ bỏ ông.

Người chồng nói:

- Tôi nghèo thì làm sao kiếm được người ở?

Cô vợ bảo:

- Tôi nghe Thái tử Tu-đại-noa rất từ bi, giúp đỡ mọi người, ông ấy đang ở trong núi. Ông ta có hai đứa con, nếu ông xin thì ông ấy sẽ cho đấy!

Nghe cô vợ nói hoài như vậy, ông ta vì yêu vợ nên nghe lời đi tìm Thái tử, giữa đường gặp thợ săn. Thợ săn biết rõ nguyên nhân Thái tử bị đuổi đi nên đột nhiên mắng nhiếc:

- Ta chém đầu ngươi bây giờ, hỏi Thái tử làm gì?

Phạm chí hoảng sợ thay đổi ý và đáp:

- Nhà vua ra lệnh quần thần bảo tôi gọi Thái tử về làm vua.

Thợ săn mừng rỡ nói:

- Hay lắm!

Rồi ông ta chỉ đường cho Phạm chí. Từ xa Phạm chí trông thấy gian nhà nhỏ. Thái tử cũng nhìn thấy ông ấy, hai đứa trẻ thấy Phạm chí trong lòng lo sợ, chúng bảo nhau:

- Cha mình vẫn còn bố thí mà người kia lại từ xa đến, tài sản đã hết, không chừng cha sẽ đem hai anh em mình cho ông ấy.

Thế rồi, hai anh em dắt nhau chạy trốn, vì người mẹ đã đào sẵn gian hầm để cư trú nên hai đứa trẻ vào trong đó lấy củi phủ lên và dặn nhau:

- Cha gọi thì đừng lên tiếng nhé!

Thái tử ân cần chào hỏi Phạm chí:

- Ông đi đường xa chắc là mệt mỏi lắm!

Phạm chí đáp:

- Tôi từ phương ấy đến đây khắp người đều đau nhức, lại rất đói khát.

Thái tử liền dọn trái cây, nước uống. Phạm chí lại nói:

- Nay tôi nghèo khổ quá, mong được kéo dài mạng sống nhỏ nhoi

này, xin Ngài giúp đỡ.

Thái tử thương cảm nói:

- Tiền của đã hết chứ tôi không tiếc gì đâu.

Phạm chí nói:

- Ngài có thể cho tôi hai đứa con để chúng phụng dưỡng tuổi già của tôi không?

Thái tử đáp:

- Tôi không trái ý của ông đâu.

Rồi Thái tử gọi con. Hai anh em đều sợ bảo nhau:

- Cha gọi chắc là đem chúng ta cho con quỷ đó nhưng trái lời cha là không được.

Biết con mình trốn trong hầm, Thái tử đến vạch củi ra và thấy các con. Hai đứa trẻ chui ra ôm lấy cha run rẩy khóc nức nở nói:

- Cha ơi, ông ta là quỷ chứ không phải Phạm chí đâu. Con đã thường nhìn thấy dung mạo của Phạm chí, chưa có ai như thế. Cha đừng đem chúng con cho quỷ ăn thịt. Mẹ con đi hái trái cây sắp về, làm sao gặp mặt? Ngày nay chúng con chắc chết vì bị quỷ ăn thịt. Mẹ trở về tìm chúng con, như trâu tìm nghé, chạy điên cuồng đau khổ, cha sẽ hối hận đó cha ơi!

Thái tử bảo:

- Cha bình sinh bố thí chưa hề có chút hối hận. Cha đã hứa rồi sẽ không thay đổi đâu.

Phạm chí nói:

- Tôi già cả yếu ớt, lỡ hai đứa trẻ trốn đi gặp mẹ nó, xin ông hãy cho một sợi dây để buộc nó lại.

Thái tử dẫn hai đứa trẻ ra, bảo Phạm chí lấy dây buộc chúng lại rồi dắt đi. Hai đứa trẻ nhàolăn trước mặt cha gào khóc gọi mẹ.

Hỡi các vị Thiên thần, thổ địa sơn thần, thọ thần hãy xót thương báo cho mẹ biết. Hai đứa con đã bị cha cho người ta rồi, mẹ có thể gặp mặt con một lần không?

Tiếng kêu cảm đến sơn thần, âm vang như sấm động. Lúc đó, người mẹ đang hái trái cây, nghe trong lòng rúng động. Bà ngước nhìn lên, thấy Trời quang đãng không có mưa gió mà sao có sấm vang? Mắt bên trái thì máy động, mắt phải ngứa ngáy, sữa từ hai vú chảy ra. Người mẹ suy nghĩ nói:

- Điều này quá lạ lùng, ta phải trở về xem con ta ra sao?

Bà bỏ trái cây quay trở về, chạy hoảng hốt như điên. Trời Đế thích nghĩ:

- Chí khí của Bồ-tát muốn thành tựu Phật đạo. Nếu để cho vợ Ngài về đến, sẽ làm hư hoại chí cao cả của Ngài.

Đế thích liền hoá ra con sư tử, ngồi xổm giữa đường. Thấy sư tử, bà nói:

- Ngài là chúa tể trong loài thú, tôi là con gái nhà vua trong cõi người, cả hai ta đều ở núi này. Tôi có hai đứa con hãy còn bé nhỏ. Từ sớm đến giờ chúng chưa ăn gì cả, mong được gặp tôi.

Sư tử liền tránh đường cho bà đi. Về phía trước được mấy bước, Đế thích lại hoá làm con sói trắng. Người vợ cũng xin như trước và sói lại tránh đường. Rồi Đế thích lại hoá làm cọp chặn đường, tính ra Phạm chí đã đi xa, Ngài mới lui gót. Về đến nơi, thấy Thái tử ngồi một mình, bà lo sợ hỏi:

- Con thiếp ở đâu mà bây giờ Thái tử ngồi một mình vậy? Các con thường khi thấy thiếp về đều chạy ra đón, hớn hở cười gọi: Mẹ về, mẹ về! Bây giờ nó chơi ở đâu mà trên đất có đầy những thứ dơ bẩn ngổn ngang: nào dấu chân voi dơ, trâu dơ, ngựa heo dơ... Nhìn thấy những thứ đó, lòng thiếp lại muốn phát điên lên. Có phải là các con đã bị cọp sói, ma quỷ yêu quái giặc cướp bắt ăn thịt rồi không? Thái tử hãy mau giải thích rõ ngọn nguồn sự việc này. Nếu không chắc thiếp chết mất thôi.

Thái tử im lặng hồi lâu mới đáp:

- Có vị Phạm chí đến xin hai đứa trẻ. Ông ta nói mình tuổi đã già, mạng sống mong manh, muốn đem chúng về giúp đỡ ông, nên ta đã cho hai con.

Nghe Thái tử nói xong, người vợ té lăn xuống đất, ngậm ngùi lệ rơi, thảm thiết nói:

- Đúng như giấc mộng đêm rồi, thiếp thấy ông lão Phạm chí nghèo cắt mất hai vú của mình cầm lấy đem đi, chính là điều xảy ra hôm nay vậy.

Bà thảm thiết kêu Trời, chấn động cả núi rừng. Thái tử thấy vợ quá thảm, Ngài khuyên:

- Ta vốn nể nàng nặng tình hiếu đạo, tôn thờ người trên, ai xin đều ban bố, lời thề ấy rất rõ ràng, mà bây giờ sao nàng lại khóc thảm thiết làm rối loạn lòng ta.

Người vợ nói:

- Thái tử cầu đạo phải khổ sở quá vậy sao?

Chư thiên Đế thích đều bàn bạc, Thái tử cầu đạo bố thí khắp nơi, chúng ta hãy thử đến xin vợ của Ngài.

Đế thích liền hoá ra Phạm chí đến nói:

- Ngài luôn có lòng nhân của đất Trời, cứu khắp quần sanh, bố thí không nghịch ý, cho nên tôi đến đây. Vợ Ngài hiền thục đức hạnh, tiếng tăm vang khắp gần xa, xin Ngài hãy ban cho tôi.

Thái tử đáp:

- Được thôi.

Thế là Trời Đất thảy đều chấn động mạnh, Trời người quỷ thần đều ca ngợi, Phạm chí nói:

- Tôi là Thiên Đế chẳng phải kẻ tầm thường, cho nên tôi đến thử. Ngài tôn sùng trí tuệ Phật, nêu gương cao cả không ai sánh bằng. Giờ Ngài muốn điều gì cứ nói, tôi sẽ vâng theo.

Thái tử bảo:

- Xin cho tôi giàu có, thường thích bố thí không hề tham lam. Hôm nay tôi và vua cha cùng thần dân trong nước được gặp nhau.

Thiên Đế nói: Hay lắm! Rồi ông ta biến mất.

Phạm chí già kia vui mừng vì được toại nguyện như ý. Ông ta đi không cảm thấy mệt mỏi, kéo lê hai đứa trẻ như bắt được kẻ sai dịch. Hai đứa trẻ cháu của vua vốn sang cả tự do, nay rời xa cha mẹ, lại bị trói, tay chân sưng phù lên. Chúng đều thương cảm, kêu khóc gọi mẹ. Phạm chí lấy roi đánh cho nó đi, máu chảy đỏ đất. Thiên thần thương xót cởi trói cho chúng và điều trị vết thương.

Ông ta lại hoá ra thứ trái cây tươi ngon và khiến cho mặt đất mềm lại. Hai đứa trẻ hái trái chia nhau ăn và nói:

- Thứ trái cây này ngọt như trái cây trong vườn thượng uyển. Mặt đất mềm mại như thảm len ấm bên vua.

Hai anh em ôm nhau ngửa mặt lên Trời gọi mẹ, lệ rơi ướt đẫm thân mình. Về đến nhà, Phạm chí cười nói:

- Ta đã tìm được cho bà hai đứa tớ, từ đây mặc sức sai bảo.

Cô vợ trông thấy hai đứa trẻ, nói:

- Hai đứa này không giống như đầy tớ. Đứa trẻ này xinh đẹp, tay chân mịnh màng, không đảm đương nổi nhọc nhằn. Hãy đem bán nó đi, mua đứa khác về sai vặt.

Phạm chí lại muốn đem hai đứa trẻ sang nước khác. Trời khiến ông ta bị lạc đường, dừng lại ở nước cũ. Dân chúng biết hai đứa trẻ đều nói:

- Đây là cháu của Đại vương.

Họ truyền nhau tới vua. Nhà vua truyền gọi Phạm chí đưa hai đứa trẻ vào cung, người trong cung đều bùi ngùi. Nhà vua muốn ôm hai đứa trẻ, nhưng nó không chịu. Vua hỏi:

- Tại sao vậy?

Đứa trẻ đáp:

- Xưa con là cháu của vua, nay là đứa ở hèn hạ, làm sao dám ngồi trên gối của vua.

Vua hỏi Phạm chí:

- Nguyên nhân nào ngươi có được hai đứa trẻ này?

Phạm chí trình bày đúng như sự thật. Vua hỏi:

- Nhà ngươi muốn bán hai đứa trẻ này bao nhiêu tiền?

Phạm chí chưa trả lời thì đứa cháu trai ra giá:

- Đứa con trai trị giá tiền vàng một ngàn con trâu đực và trâu cái. Trâu đực mỗi thứ một trăm con. Còn con gái trị giá một ngàn con trâu đực, trâu đực và trâu cái mỗi thứ hai trăm.

Nhà vua hỏi:

- Sao con trai lớn hơn lại rẻ, còn con gái bé nhỏ lại mắc?

Đáp:

- Thái tử đã là bậc Thánh lại nhân từ, mọi người ai cũng nương về mà bị đuổi đi xa vì vậy biết con trai giá rẻ. Còn con gái hàng dân dã quê mùa nhờ sắc đẹp được ở chốn thâm cung, cho nên biết con gái đắc giá.

Nhà vua nói:

- Đứa con trai mới tám tuổi mà có biện luận của bậc cao sĩ, huống gì cha của nó?

Mọi người trong cung nghe nhà vua nói thế, ai cũng buồn bã. Nhà vua quay lại đưa đủ tiền cho Phạm chí lui về. Vua bồng hai đứa cháu đặt ngồi trên gối và hỏi:

- Lúc nãy ta bồng hai cháu không được, nhưng sao bây giờ lại đồng ý?

Đáp:

- Lúc nãy là đứa ở, còn bây giờ là cháu của vua.

Vua hỏi:

- Cha các cháu ở trong núi ăn cái gì để sống?

Hai đứa trẻ đều đáp:

- Cha cháu ăn trái cây để sống, ban ngày cùng muôn thú chim chóc vui chơi, chẳng hề buồn bã gì.

Nhà vua liền sai sứ giả đến đón Thái tử về. Sứ giả lên đường. Trong núi, cây cối đều nghiêng mình dường như quỳ làm lễ chào hỏi. Trăm chim cất tiếng kêu buồn bã động lòng người.

Thái tử hỏi:

- Đây là điềm gì?

Người vợ đang phủ phục trên đất nói:

- Lòng vua cha đã cởi mở nên sai sứ giả đến đón, chư thần vui mừng nên hiện ra điềm ấy.

Người vợ vì mất con nằm lăn trên đất, khi sứ giả đến, bà liền ngồi dậy, lạy tiếp lệnh vua. Sứ giả thưa:

- Vua và Hoàng hậu bỏ ăn, nghẹn ngào rơi lệ, thân thể ngày càng mòn mỏi, lòng mong nhớ muốn gặp Thái tử.

Thái tử ngoảnh nhìn xung quanh, quyến luyến cỏ cây sông núi chốn núi rừng, rồi gạt lệ lên xe. Nghe tin sư giả đón Thái tử về, cả nước đều vui mừng lo sửa đường quét dọn, chuẩn bị treo cờ phướng, thắp hương, rãi hoa, trỗi nhạc giương bảo cái. Cả nước nhảy múa reo hò xưng vạn tuế. Thái tử vào thành cúi đầu tạ lỗi rồi lui về chỗ ở. Nhà vua lại đem kho trân báu của nước giao cho Thái tử, khuyến khích bố thí. Dân nghèo ở các nước láng giềng lại đến như sông tuôn về biển cả. Những nước oán thù xưa yết kiến Ngài, dâng biểu xưng thần, cống lễ bang giao. Bọn giặc cướp trân trọng lòng nhân từ đua nhau bố thí, dẹp bỏ khí giới, phá bỏ nhà tù. Chúng sanh trọn đời hưởng lạc, mười phương vui vẻ, không ngừng tích đức. Thuở ban đầu, Thái tử tuy vất vả, nhưng nay là bậc tối tôn vô tận.

Đức Phật kể, Thái tử sau khi lâm chung, sanh vào cõi Trời Đâu Suất, rồi từ cõi Trời, giáng sanh cung vua Tịnh Phạn, nay chính là thân ta. Phụ Vương nay là A-nan, Vợ là Cù Di, con trai là La Hầu La. Con gái là La hán Chu Trì Mẫu. Thiên Đế thích là Di-lặc. Gã thợ săn là Ưu-đà-da. Châu Đà là Đại Ca-diếp. Phạm chí bán đứa trẻ là Điều Đạt. Bồ Tát đại từ bố thí như thế đó.

(Trích Kinh Tu Đại Noa).

8. KỲ VỰC BỎ NƯỚC LÀM THẦY THUỐC:

Ngày xưa ở nước Tỳ-xá-ly, trong vườn ngự uyển của nhà vua có một cây mít nài, cành lá xum xuê, lại có ánh sáng và hương thơm khác thường. Nhà vua rất yêu quý cây mít của mình. Nếu như không phải là những bậc tôn quý trong cung khì không bao giờ nếm nó được. Bấy giờ có một vị Phạm chí không những rất giàu có cả nước không ai bằng, mà còn thông minh tài trí, uyên bác hơn người. Nhà vua phong ông làm đại thần trong cung, được nhà vua mời thưởng thức hương vị của trái mít này.

Thấy trái mít quá thơm ngon, bèn hỏi vua:

- Xin đại vương cho thần một cái rễ nhỏ của cây mít này được

không?

Nếu khanh muốn thì ta sẽ chiết rễ cho. Nhà vua trả lời.

Phạm chí đem rễ về trồng, sớm tối vun tưới nên cành là xum xuê tươi tốt. Đúng ba năm cây mít kết trái, ánh sáng màu sắc nhiều ít lớn nhỏ đều giống hệt mít nhà vua. Phạm chí lấy làm vui mừng, ông thầm nghĩ:

- Tài sản của ta vô số không thua gì nhà vua, chỉ là không có cây mít này, nay ta được nó rồi thì không còn gì là kém nữa.

Thế rồi ông ta bèn hái ăn, nhưng lạ thay, mít rất đắng chát. Ông suy nghĩ hay là do đất không màu mỡ.

Ông ta nhỗ hổng cây lên rồi lấy sữa bò đã chế luyện thành đề hồ, ngày nào cũng tưới cho nó. Đến năm sau thì trái của nó rất ngọt. Bênn cạnh cây mít lại có mọc ra một khối u bằng nắm tay, và cứ to dần theo ngày tháng. Ông ta sợ nó làm hại đến trái, muốn chặt bỏ nhưng lại sợ tổn thương đến cây. Ông ta đang phân vân thì ngay đốt đó sanh ra một cành rất to và thẳng đuột cao khỏi ngọn cây, cách mặt đất bảy trượng. Lại nảy ra những cành cây hình như cái lọng xếp, hoa lá xum xuê đẹp hơn cả cây cũ. Ông thường leo lên lầu ngắm nó, thấy trong cái lọng xếp đó có một hồ nước vừa trong lại vừa thơm, có nhiều loài hoa xinh tươi. Ngắm nhìn một hồi, ông thấy trong hồ nước có một cô bé, ông bế vào nhà để nuôi dưỡng, đặt tên là Nại-nữ. Đến năm mười lăm tuổi, cô gái này nhan sắc vô cùng xinh đẹp, thiên hạ không ai bằng, tiếng đồn vang khắp cả nước. Bấy giờ bảy quốc vương cùng đến nhà Phạm chí để xin cưới làm vợ, thế nhưng quá nhiều người Phạm chí không biết phải gả cho ai. Ông xây một lâu đài cao để Nại Nữ ở trên đó rồi thưa với các vị quốc vương rằng:

- Cô gái này chẳng phải là con ruột của tôi, cô ta xuất sanh từ trên cây mít. Nay bảy vua cùng đến một lúc, giả sử tôi đem gả cho người nay thì sáu người kia sẽ tức giận. Tôi không dám yêu tiếc, hiện giờ nó đang ở trên lầu cao trong khu vườn, các vua hãy tự thương lượng để mọi người đều vừa ý, tôi không dám ngăn cản.

Thế rồi bảy vị quốc vương tranh dành lẫn nhau vô cùng rối ren. Đêm hôm ấy, vua Bình Sa vương lén đột nhập leo lên lầu cao cùng ngũ với cô gái. Lúc Trời sáng, ông sắp đi, cô gái hỏi:

- Đại vương hạ cố tiếp đãi thiếp, nếu có con thì là dồng dõi của Ngài, thiếp phải giao cho ai?

Nhà vua đáp:

- Nếu là con trai thì nàng giao lại cho ta, còn con gái thì thuộc về

nàng.

Nhà vua cởi chiếc vòng vàng có dấu ấn trên tay trao cho Nại nữ và nói.

- Đây là tín vật.

Sau đó nhà vua bảo với quần thần:

- Ta đã cùng chung Nại nữ qua đêm.

Nghe thế, quân sĩ của Bình sa vương tung hô vạn tuế và nói

- Đại vương ta nay đã được Nại nữ rồi. Sáu vua nghe tin thì kéo quân trở về.

Về sau Nại nữ sinh ra một đứa con trai, khi vừa sanh ra thì cậu bé đã cầm một túi kim thuốc trong tay.

Phạm chí nói:

- Đây là máu mũ của nhà vua mà lại cầm một bình thuốc thì ắt hẳn là một bậc y vương, vì vậy ông đặt tên cho đứa trẻ là Kỳ Vực (trong các kinh như Niết-bàn đều gọi là Kỳ Bà, riêng trong Kinh Thỉnh Tỳ-kheo Bàn Đặc gọi là Kỳ Vực).

Đến năm tám tuổi, câu bé rất thông minh và đã học hết tất cả các kinh thư giỏi tuyệt luân. Khi cậu chơi đùa với bọn trẻ láng giềng, trong lòng thường chê bọn trẻ ấy nên bị chúng thường hay mắng:

- Mày là đứa con không cha, do bọn dâm nữ sanh ra sao lại dám khinh bọn ta?

Kỳ Vực sững sờ, im lặng không đáp trở về hỏi mẹ:

- Mẹ ơi con thấy bọn trẻ kia không bằng con mà nó lại mắng con là đồ con không cha, giờ cha con đang ở đâu hỡ mẹ?

Người mẹ đáp:

- Cha con là Bình Sa vương.

Kỳ Vực lại hỏi:

- Bình Sa vương đang ở nước La-duyệt-kỳ, cánh đây năm trăm dặm, vì sao lại sanh ra con?

Người mẹ liền trao chiếc vòng bằng vàng có dấu ấn của nhà vua cho Kỳ Vực mang đến nước La-duyệt-kỳ. Kỳ Vực vào cung liền đến trước nhà vua, quỳ gối làm lễ tâu vau:

- Con là con của Đại vương do Nại nữ sanh ra, nay lên tám tuổi mới biết là dòng dõi của nhà vua, cho nên phụng chỉ đem ấn vàng, vật làm tin này trao lại.

Nhìn thấy hoa văn của ấn, nhà vua nhớ lại thuở ấy có lời thề nên biết đó là con của mình, vô cùng thương mến, nhà vua phong Kỳ Vực làm Thái tử. hai năm sau gặp lúc A-xà-thế chào đời, Kỳ vực nhân đó

thưa với vua:

- Lúc con mới sanh trong tay đã cầm túi kim thuốc, đúng là phải làm thầy thuốc. Tuy được phụ hoàng phong cho con làm Thái tử nhưng đó chẳng phải là niềm vui của con. Nay phụ hoàng đã sanh ra người con dòng đích mới đáng là người nối dòng cao quý, con xin được học nghành y thuật.

Nhà vua chấp thuận cho Kỳ Vực, ông truyền lệnh cho tất cả danh y của toàn nước đến dạy y thuật cho con. Thế nhưng Kỳ Vực cứ mãi vui chơi không chịu học, các thầy đều phiền trách:

- Y thuật hèn mọn của tôi chẳng phải là chỗ học cao tột của Thái tử, nhưng lệnh của Đại vương không thể bỏ phế. Từ khi được lệnh đến nay cũng đã nhiều ngày nhiều tháng mà Thái tử không hề học lấy nửa lời, nếu đại vương hỏi thì tôi làm sao trả lời?

Kỳ Vực đáp:

- Tôi sanh ra là đã có tấm bằng y thuật trong tay, vì vậy tôi mới tâu với đại vương bỏ hết vinh hoa sang giàu để cầu học y thuật há lại có thể biếng nhác hay sao? Thật ra mà nói, chỉ vì y thuật của các thầy không đủ cho người học nên tôi mới như vậy thôi.

Nói xong, Kỳ Vực liền lấy cây cỏ thuốc, dùng kim châm vào hết tất cả các kinh mạch rồi hỏi các thầy, nhưng thầy không thể nào đáp được, trở lại làm lễ và thưa:

- Thưa Thái tử, Ngài là thần y chúng tôi không thể sánh kịp. Nay bao nhiêu nghĩa trong nhiều đời xin Thái tử giải thích cho.

Kỳ Vực giải thích cho họ nghe về y học, các thầy nghe xong vui mừng làm lễ và vâng theo lời chỉ giáo. Kỳ Vực bắt đầu đi khắp nơi để trị bệnh, những người được Ngài chữa trị đều lành hẳn, tiếng tăm được đồn xa. Trên đường trở về cung, Kỳ Vực gặp đứa trẻ gánh củi, nhìn thấy toàn bộ ngũ tạng của nó, Ngài thầm nghĩ:

- Trong sách bản thảo có ghi, có loại cây thuốc chúa, đặt ở ngoài nhưng soi thấu suốt vào trong ngũ tạng, trong gánh củi của đứa bé này ắt hẳn là có loại thuốc đó. Ngài liền hỏi cháu bé:

- Gánh củi này cháu bán hết cho chú, cả thảy bao nhiêu tiền?

- Dạ mười tiền, giá thue là mười tiền chú a!

Cháu bé đặt gánh củi xuống, bị khuất nên không còn thấy trong ruột gan của nó nữa. Kỳ Vực nghĩ:

- Không biết trong gánh củi này cây nào là cây thuốc chúa?

Ngài liền mở hai gánh củi ra rồi rút từng cây để lên bụng cháu bé nhưng không có cây nào có thể chiếu được cả. Cứ làm như thế gần hết

hai bó củi, cuối cùng Ngài phát hiện ra một cành cây nhỏ chiếu thấu cả tim gan của cháu bé. Kỳ vực vô cùng sung sướng, biết cành cây thuốc chúa mà mình cân tìm chính là đây, vì thế Ngài chỉ lấy cành này còn bao nhiêu củi Ngài giao lại cho cháu bé. Cháu nhận tiền và gom củi lại, vui mừng ghánh về.

Bấy giờ trong nước, một gia đình thuộc dòng Ca-la-việt có một cô con gái, tuổi vừa mười lăm, sắp đến ngày cưới thì đột nhiên nhức đầu mà chết. Kỳ vực nghe tin, Ngài đến nhà đó hỏi:

- Cô gái ngày thường có bệnh gì không mà sao đến nỗi phải chết yểu vậy?

Cha của cô đáp:

- Con gái của tôi có chút nhức đầu, nhưng càng ngày bệnh càng tăng thêm, buổi sáng ngày kia phát tác quá nặng nên đến nỗi phải bỏ mạng.

Kỳ Vực lấy cây thuốc chúa soi vào đầu của cô gái, phát hiện ra trong đầu có loài sâu kim nhọn, lớn nhỏ sinh sôi đến cả mấy trăm con, chúng chui vào não và ăn hết bộ não, cho nên cô gái chết.

Ngài liền lấy cây dao vàng rạch đầu của cô gái, bắt hết tất cả số sâu trong đầu ra rồi cho vào trong lọ. Ngài dùng ba loại cao thần bôi lên vết thương, một loại đắp vào vết thương trong xương nơi sâu ăn, một loại có tác dụng sanh ra não, còn loại kia trị vết thương do dao rạch ở bên ngoài rồi bảo với người cha của cô:

- Tốt rồi, hãy để yên chớ làm kinh động, bảy ngày sau sẽ khỏi hẳn, đến ngày đó tôi sẽ đến.

Kỳ Vực vừa bước ra khỏi cửa, mẹ của cô gái lại khóc to lên.

- Con tôi lại chết thêm một lần nữa, đâu có ai bị mổ đầu, đục não mà có thể sống lại bao giờ?

Người cha ngăn lại nói:

- Thái tử mới sanh ra là đã cầm kim thuốc, Ngài bỏ ngôi vị cao quý để đi làm thầy thuốc chỉ vì muốn cứu sống sanh mạng con người, vị thần y này lẽ nào đi dối gạt người ta? Ngài đã căn dặn cẩn thận, chớ có làm kinh động, bà muốn không cho đứa con của mình sống lại sao?

Bà mẹ nghe lời liền không khóc nữa, chỉ lo săn sóc cho con gái mình.

Bảy ngày lặng lẻ trôi qua, con gái tự nhiên hắt hơi tỉnh giấc, giống như người ngủ say vừa thức dậy, nàng hỏi?

- Sao bây giờ đầu của con không còn đau nữa, thân thể đều an ổn, thoải mái, ai đã cứu giúp co được như thề?

Người cha đáp:

- Trước đây con đã chết, thần y Kỳ Vực cố đến cứu con, Ngài mổ đầu bắt hết sâu ra rồi con mới sống lại.

Nói xong, ông mở chiếc lọ đổ sâu ra chỉ cho con thấy. Nhìn thấy sâu cô kinh hãi nhưng rất tự hào nói:

- Kỳ Vực là thần y, như thế thì con làm sao đền ơn ông ấy?

Chốc lát Kỳ Vực đã đến, cô gái vui mừng ra tận cửa để nghinh tiếp, nàng quỳ xuống thưa:

- Con xin trọn đời làm nô tỳ cho Ngài để đền đáp ơn cứu mạng.

Kỳ Vực đáp:

- Tôi làm thầy thuốc, đi khắp nơi để trị bệnh, không ở một chỗ nhất định, vì thế mà không cần người ở. Nếu người muốn đền ơn thì đưa cho tôi năm trăm lượng vàng, tôi không dùng cho mình mà để tạ ơn thầy của tôi, tuy thầy không dạy gì cả nhưng tôi từng làm đệ tử của ông ta, nay tôi lấy tiền của cô để tạ ơn ông ấy.

Cô gái liền đem năm trăm lượng vàng dâng cho Ngài, Kỳ vực nhận lấy rồi đem trao cho thầy. Nhân đó Ngài xin vua cha cho phép được về thăm mẹ.

Trên đường về, Ngài đi qua nước Tỳ-xá-ly gặp một đứa trẻ con của một nhà thuộc dòng Ca-la-việt thích học cưỡi ngựa, nên kiếm con ngựa cao hơn bảy thước, để học cưỡi. Khi bắt đầu học, câu bé này leo lên lưng ngựa, sau đó ngựa chạy, mất đà cậu bé té xuống mà chết. Ngài nghe tin thì đến đó, dùng cây thuốc chúa chiếu vào thì thấy gan của cậu lộn ngược về phía sau, làm cho khí tụ lại không được lưu thông nên đã chết. Ngài lại lấy con dao vàng mổ bụng cậu bé, rồi dùng tay sửa lại lá gan, đưa gan về phía trước, sau đó dùng ba loại cao thần bôi lên. Một loại đắp vào tay, chỗ được bảo vệ, một loại thông hơi thở, còn loại kia đáp vào vết dao mổ rồi dặn cha mẹ cậu:

- Cẩn thận, không nên sợ hãi, ba ngày nó sẽ tỉnh và lành hẳn.

Người cha vâng theo lời dặn, lặng lẽ săn sóc con đến ngày thứ ba thì cậu bé liền hắt hơi và tỉnh lại giống như ngủ vừa tỉnh giấc. Trong chốc lát Kỳ Vực đến nhà, đứa trẻ liền ra nghinh đón, làm lễ và nói:

- Con xin trọn đời làm người hầu hạ để đền ơn cứu mạng.

Kỳ Vực nói:

- Ta làm thầy thuốc đi khắp nơi để trị bệnh, nhà người bệnh tranh nhau làm người hầu của ta, mẹ ta nuôi ta khổ nhọc mà ta chưa hề chăm sóc hầu hạ người. Nếu ngươi muốn đền ơn ta thì chỉ đưa cho ta năm trăm lượng vàng để ta đền ơn mẹ ta.

Kỳ Vực lấy vàng dâng cho Nại nữ rồi quay về nước La-duyệt-kỳ. Vì cứu sống hai người này mà tên tuổi của Ngài truyền vang khắp cả nước, ai cũng đều biết đến Kỳ Vực.

Lại nữa, ở phương Nam có một nước lớn, cách La-duyệt-kì tám ngàn dặm, vua Bình Sa và các nước nhỏ đều phải thuần phục nước ấy. Vua nước ấy đang lâm vào căn bệnh hiểm nghèo, nhiều năm chữa trị nhưng không khỏi, ông ta hay bực bội, sân hận, hễ ông trợn mắt lên là sẽ giết chết người, người nào đưa mắt nhìn ông ta thì cũng bị giết, nhìn xuống không ngước lên cũng bị giết, người phục dịch mà chậm chạp cũng bị giết, đi nhanh cũng bị giết, mọi người không biết phải làm cách nào. Thầy thuốc chế thuốc dâng lên mà ông nghi có độc cũng bị giết. Trước sau ông giết không biết là bao nhiêu thầy thuốc và cung nữ, quan binh hầu cận. Bệnh nhà vua ngày càng trầm trọng, khí độc thâm nhập vào tim khiến cho ông vô cùng sầu muộn, hơi thở mòn mỏi như lửa đốt thân. Kỳ vực nghe vị vua này giết rất nhiều thầy thuốc nên cũng rất sợ. Vua Bình Sa vương cũng vì thương con còn nhỏ, sợ bị ông ta giết chết, nên vừa muốn không cho con đi nhưng vì Bình sa bị ép. Tối hôm ấy, hai cha con nằm ôm nhau suốt đêm, rất lo lắng và buồn bã. Sáng ra Bình Sa vương bèn dẫn Kỳ Vực đến yết kiến Đức Phật.

Phật dạy:

Ngày xưa ngươi cùng ta giao ước, chúng ta sẽ cứu chữa bệnh cho người trong thiên hạ, ta trị bệnh tâm, người trị bệnh thân. Nay ta đã thành Phật y như lời nguyện trước kia của ta. Vị vua này bệnh tình trầm trọng, phương xa đang mong chờ, tại sao ngươi không đến? Hãy mau đến cứu ông ấy! Ngươi hãy tìm cách để cứu chữa, ông ấy không giết ngươi đâu!

Kỳ Vực nương oai thần của Phật, đến trị bệnh cho nhà vua nước ấy, chuẩn đoán bệnh tình và dùng cây thuốc chúa rọi vào, Ngài thấy rõ ràng trong lục phủ ngũ tạng, các mạch máu của nhà vua, khí huyết rối loạn, đó là do nọc độc của loài mãng xà hoành hành khắp cơ thể.

Kỳ Vực thưa:

- Bệnh của nhà vua có thể chữa trị, chắc chắn là hết, nhưng phải gặp Thái hậu để nói cách điều chế và sắc thuốc cho nhà vua. Nếu như không được Thái hậu bào chế và sắc thuốc thì nhất định không thành tựu.

Nghe Kỳ Vực nói như thế, nhà vua không hiểu lý do, trông lòng muốn nổi lôi đình nhưng sợ thân bệnh, vả lại trước đã nghe danh của Kỳ Vực nên gượng đón tiếp, mong mõi sẽ được lợi ích. Hơn nữa, là một đứa

trẻ không có tình ý gian dâm nên ráng nghe theo. Nhà vua liền bảo cung nữ và thái giám dẫn vào cung Thái hậu. Kỳ Vực thưa với Thái hậu:

- Bệnh nhà vua có thể chữa trị, bây giờ phải điều chế thuốc và giữ kín cách thức điều chế thuốc không được tiết lộ cho một ai biết, xin Thái hậu đuổi hết người hầu ra.

Thái hậu liền bảo cung nữ và thái giám ra hết, Kỳ Vực nhân đó hỏi Thái hậu:

- Vừa rồi thần chuẩn đoán cho nhà vua, thấy khí huyết lưu thông trong cơ thể đều có nọc độc của mãng xà, giống như con của phi nhân, vậy rốt cuộc nhà vua là con của ai, xin thái hậu hãy nói thật ra mới có thể trị cho nhà vua được, còn như Thái hậu không chịu nói thì thần không có cách nào trị cả!

Thái hậu bèn tường thuật lại:

- Ngày xưa, ban đêm tôi thường ngủ trong điện Kim Trụ. Một hôm có một con quỷ đến choàng lấy người tôi, lúc ấy tôi mơ màng hoảng hốt, cùng giao hợp với con quỷ đó. Khi giật mình tỉnh dậy, tôi thấy một con mãng xà to lớn, dài hơn ba trượng đang bò qua người tôi, từ đó tôi mang thai. Nhà vua thật sự là con của con mãng xà đó. Vì quá xấu điều ấy nên tôi chưa hề đem chuyện nói với ai cả. Đồng tử giờ đã biết chuyện bí mật này, nếu bệnh có thể chữa trị thì tôi xin đem mạng sống của vua giao cho Đồng tử. Bà hỏi:

- Xin hỏi Đồng tử hôm nay nếu chữa được bệnh này thì phải dùng thuốc gì?

Kỳ vực đáp:

- Chỉ có đề hồ mà thôi.

Thái hậu bảo:

- Đồng tử cẩn thận chớ nói, nhà vua rất ghét mùi đề hồ, đến nỗi tên đề hồ cũng ghét, trước sau chỉ vì đề hồ mà chết mấy trăm người, bây giờ người lại nhắc đến, coi chừng bị giết chết mất, lấy thứ này cho nhà vua uống hoàn toàn không được đâu, xin Đồng tử dùng thứ khác.

Kỳ vực nói:

- Đề hồ là trị nọc độc của rắn, vì thế nhà vua không muốn nghe từ đề hồ là phải rồi. Nếu như bệnh vua nhẹ và chất độc khác thì tôi dùng thuốc khác có thể chữa khỏi. Nhưng nay chất độc mãng xà đã ăn sâu vào trong xương tuỷ, lưu thông khắp cả cơ thể, nếu không phải đề hồ thì không bao giờ trị khỏi. Bây giờ phải sắc và chưng cất cho chất đề hồ hoá thành nước.

Kỳ Vực ra yết kiến nhà vua và thưa:

- Thần vừa gặp thái hậu, đã thưa rõ thang thuốc, bây giờ phải điều chế nó, chỉ trong mười lăm ngày sẽ xong. Nay thần có năm điều kiện trước khi chữa trị cho bệ hạ, còn không thì bệnh khó mà vượt qua được.

Nhà vua hỏi:

- Năm điều ấy là những gì?

Kỳ Vực đáp:

1. Nhà vua hãy cho thần chiếc long bào mới, chưa một lần mặc của vua đang cất trong rương.
2. Cho phép thần được tự do ra vào trong cung cấm.
3. Cho thần được tự do ra vào gặp Thái hậu và Hoàng hậu.
4. Khi Bệ hạ uống thuốc thì phải uống một hơi cho đến hết, không được ngưng lại nữa chừng.
5. Cho thần được sử dụng con voi đi tám ngàn dặm của bệ hạ thường dùng để dạo chơi.

Nhà vua nghe xong liền nổi giận lôi đình, mắng:

- Ngươi trẻ con sao dám yêu cầu ta chấp thuận năm điều kiện ấy? Ngươi mau giải thích cho ta nghe, nếu không ta sẽ chém đầu ngươi.

Kỳ Vực thưa:

- Điều chế thuốc phải trai giới trong sạch, thần đến đây đã lâu ngày, y phục đều nhơ bẩn, vì thế thần chỉ có mặc Long bào của đại vương chưa từng mặc mới được trong sạch trọn vẹn để điều chế thuốc.

- Hơn nữa, trước giờ đối với những người hầu cận, những thầy thuốc, bệ hạ đều nghi ngờ không tin tưởng họ, còn giết chết họ, không chịu uống thuốc của họ. Quần thần đều nói bệ hạ sẽ giết thần, nhưng bệnh của bệ hạ đã quá nặng, sợ người ngoài sanh tâm phản loạn. Nếu như cho phép thần tự do ra vào thì họ đều cho bệ hạ tin tưởng vào thần, ắt sẽ dùng thuốc của hạ thần, bệnh chắc chắn sẽ khỏi, vì thế họ không dám sanh lòng tạo phản.

- Trước giờ bệ hạ giết người nhiều quá, quần thần đều canh cánh sợ hãi, không ai muốn cầu cho nhà vua được bình an cả, người không thể tin tưởng, nay lại cùng điều chế thuốc, sợ trong lúc thần miệt mài bào chế thì họ lại cho độc dược vào thuốc, thần không hay biết, đó chẳng phải là điều lo lắng hay sao? Trong thiên hạ, người đáng tin cậy, thương yêu nhất chỉ có người mẹ và người vợ của mình. Vì vậy thần muốn vào gặp Thái hậu và Hoàng hậu cùng nhau điều chế thuốc mới tin tưởng được. Vả lại, điều chế thuốc mất mười lăm ngày mới xong, cho nên hằng ngày muốn vào canh cho lửa cháy có chừng mực.

- Trong thuốc, khí và vị ngang nhau nên phải uống ngay một lúc, không được dừng hơi thở, nếu ngừng thì khí không dẫn được.

- Trong ngọn núi phía Nam, cách đây bốn ngàn dặm có loài có thuốc hay, khi bệ hạ uống thuốc thì cần phải có loài có thuốc này để nhai. Hơn nữa, bệ hạ uống thuốc nhiều lần, sợ không kịp nên thần muốn cưỡi voi ấy đến núi hái thuốc, đi về trong ngày cho thuốc có hiệu nghiệm.

Nhà vua nghe Kỳ Vực giải thích mới vở lẽ nên chấp thuận cho cả năm điều. Bấy giờ, Kỳ Vực đã chưng cất đề hồ đã mười lăm ngày, đề hồ trở thành trong suốt. Hễ được năm thăng thì đưa cho Hoàng hậu và Thái hậu bưng ra cho nhà vua uống và xin để con voi trước điện. Nhà vua chấp thuận cho Kỳ Vực. Thấy thuốc trong suốt nên nhà vua uống một hơi thì cạn, cùng lúc đó Kỳ Vực đã lên voi đi ngõ tắt trở về nước. Vì tuổi nhỏ sức yếu không thể đi nhanh được, nên vừa đi được ba ngàn dặm thì đầu óc choáng váng. Quá mỏi mệt, Kỳ Vực liền nằm nghĩ trong núi. Quá giờ ngọ, nhà vua ựa ra mùi đề hồ liền nổi giận:

Thằng nhỏ này dám dùng đề hồ để làm hại ta, quái gở thật, sở dĩ xin ta con bạch tượng chính là muốn làm phản.

Trong triều có một lực sĩ tên Ô, có thần túc nên có khả năng đi xa. Nhà vua liền ra lệnh nó đuổi theo để bắt Kỳ Vực về cho vua đích thân chém đầu. Không bao lâu thì Ô đã đuổi kịp, ông nói:

- Sao ngươi dám lấy đề hồ cho nhà vua uống mà nói là thuốc? Ngươi bảo ta đuổi theo để bắt ngươi trở về, ngươi mau theo ta về chịu tội thì may ra còn mong sống sót, nếu muốn bỏ chạy nữa thì ta sẽ giết ngươi, rốt cuộc ngươi không thoát được đâu.

Kỳ Vực thầm nghĩ:

- Tuy ta dùng phương tiện để xin được con voi này nhưng vẫn không thoát khỏi. Bây giờ phải tìm cách để thoát thân.

Kỳ Vực nói với Ô:

- Từ sáng đến giờ tôi chưa ăn uống gì cả, về tới cung chắc sẽ chết đói, xin thư thả cho tôi chốc lát, ở trong núi này ăn trái cây uống nước no lòng rồi rồi chết, chứ không sợ trở thành ma đói, có được không?

Ô thấy Kỳ Vực nhỏ bé, lại sợ chết, có lời tha thiết cầu xin như thế nên khởi tâm thương xót mà chấp nhận cho:

- Ngươi hãy ăn mau đi, đừng chần chờ lâu nữa.

Kỳ Vực liền cầm một trái lê, ăn hết phân nửa rồi lấy thuốc độc bôi vào trong móng tay, lấy nửa trái lê còn lại để trên mặt đất, lại lấy ly nước uống trước phân nửa rồi dùng thuốc độc trong móng tay mình nhiễu vào trong nước và để trên đất, cất giọng than thở:

- Nước uống và Lê này đều là thuốc Trời cho, thơm trong lại ngọt, ăn uống được loài thuốc này thì thân thể được an ổn, trăm bệnh đều khỏi, khí lực sung mãn. Đáng tiếc là nó không có trong thủ đô của quốc gia để cho trăm họ cùng nhau chung hưởng mà lại ở trong rừng núi khiến cho người ta không biết đến, chỉ có vào núi mới tìm thấy.

Tánh Ô tham ăn đồ ngọt, cầm lòng không đậu, lại nghe Kỳ Vực khen là thuốc thần và thấy Kỳ Vực đã ăn rồi, anh ta tin chắc là không có phương hại gì liền cầm lê ăn và uống nước còn lại. Trong chốc lát, anh ta bị tháo dạ, đi như nước rót, nằm lăn lộn trên đất, đứng lên thì choáng váng, không thể nào động đậy, Kỳ Vực đến xem và bảo:

- Nhà vua uống thuốc của ta thì sẽ hết bệnh ngay, nhưng hiện giờ chất thuốc chưa ngấm hết nên chất độc vẫn còn hoành hành. Nếu bây giờ trở về thì chắc chắn ông ta sẽ giết ta. Ngươi không biết gì cả, cẩn thận đừng cữ động, ba ngày sau ngươi sẽ khỏi thôi, nếu như ngươi còn đuổi theo ta thì ngươi sẽ mất mạng.

Nói xong, Kỳ Vực leo lên bạch tượng cưỡi về. Khi ngang qua quán rượu Ngũ tường, Kỳ Vực mới nhắn:

- Sứ giả của nhà vua nay đột nhiên mắc bệnh, các ông hãy mau đến khiêng ông ta đem về nhà khéo chăm sóc, chăn nệm ấm áp, cháo lao đường hoàng, cẩn thận chớ để ông ta chết. Nếu ông ta chết thì nhà vua sẽ hỏi tội các ông.

Nói xong, Kỳ Vực trở về nước. Mọi người trong Ngũ Trường vâng lời chăm sóc, ba ngày thì chất độc tiêu tan, Ô vội quay về, thấy nhà vua y bèn dập đầu tạ tội:

- Thần quả thật ngu si, làm trái lệnh vua, tin lời Kỳ Vực, ăn uống nước dư của nó nên trúng phải độc dược, tháo dạ ba ngày, vừa mới khỏi bệnh, tự biết minh đáng phải tội chết.

Trong ba ngày, Ô trở về thì nhà vua đã lành bệnh, trong lòng hối hận đã sai Ô đi giết Kỳ Vực, thấy Ô trở về, lòng vừa vui mà lại vừa buồn, nói:

- Nhờ ngươi không mang đứa bé về, nếu không đang lúc ta giận dữ sẽ giết chết nó mất rồi. Ta nhờ ân của nó mà nay được sống sót, nay lại giết nó thì tội ác không thể lường được. Trước giờ biết bao nhiêu người bị ta giết oan, xin các vị mang an táng cho trọng hậu, lại ban cho gia quyến họ tiền của.

Nhớ đến Kỳ Vực, nhà vua muốn đền ơn, ông liền sai sứ giả đi đón Kỳ Vực. Biết vua đã lành bệnh nhưng lòng còn sợ hãi không muốn đến đó nữa.

Đức Phật bảo:

- Ngươi đời trước đã có nguyện lớn, muốn thành tựu công đức sao nay lại nữa chừng thoái lui. Nay hãy đến đó, ngươi đã trị bệnh thân cho ông ta, nay ta cũng sẽ trị bệnh tâm cho ông ta.

Kỳ Vực liền theo lời thỉnh mời của sứ giả ra đi. Đến nơi, nhà vua thấy Kỳ Vực thì vô cùng vui mừng, ông dẫn Kỳ Vực lên ngồi chung và nắm cánh tay cậu bé nói:

- Nhờ ân của nhân giả mà nay ta được sống, nay không biết phải đáp đền ân ấy như thế nào mới xứng. Ta sẽ đem giang sơn, và đem thể nữ hầu cận trong cung chia hai cho nhân giả.

Kỳ Vực thưa:

- Thần vốn là Thái Tử, dù là một nước nhỏ nhưng cũng có giang sơn, dân chúng, trân báu đầy đủ, nhưng vì không thích trị nước cho nên xin phụ vương thần cho đi làm thầy thuốc để du hoá trị bệnh cho mọi người. Vì thế, đất đai, cung nữ, châu báu đều là những thứ thần không dùng đến. Trước đây, bệ hạ có đồng ý cho thần năm điều nguyện nên bệnh ngoài thân đã khỏi, giờ đây bệ hạ cho thần thêm một điều nguyện nữa thì bệnh tâm của bệ hạ sẽ trừ sạch.

Nhà vua nói:

- Trẫm sẽ nghe lời của nhân giả, xin nhân giả cứ nói.

- Xin bệ hạ hãy thỉnh Phật đến để được nghe pháp lành.

Kỳ Vực lại nói công đức của Phật cho vua nghe, nhà vua hết sức vui mừng nói:

- Giờ trẫm muốn sai quan Ô mang bạch tượng đi đón Ngài được không?

- Không nên dùng bạch tượng, Đức Phật tuy ở phương xa nhưng Ngài thấu rõ tâm tánh của mọi người, chỉ cần bệ hạ trai giới trong sạch, sắm sửa các thứ cúng dường, thắp hương đảnh lễ thỉnh Phật thì Ngài sẽ tự đến.

Vua làm theo lời của Kỳ Vực, hôm sau một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo được Phật dẫn đến hoàng cung của nhà vua. Sau khi thọ trai xong, Đức Phật giảng kinh cho vua và quần thần nghe, nhà vua tõ ngộ phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Toàn nước, trẻ già đều vâng giữ năm giới.

Nói đến Nại nữ, khi mới chào đời đã có những điều kỳ diệu, lớn lên thông minh, lại theo cha học hỏi, uyên bác các môn như thiên văn, chú thuật v.v... hơn cả cha. Bên cạnh đó, cô còn là một tay đàn nỗi tiếng, tiếng đàn gảy ra như là Trời Phạm thiên. Nại nữ thường dạy kinh

thuật cho năm trăm đệ tử. thường khi dạo chơi ở hồ nước trong vườn, ở đó nàng thường gảy đàn. Người trong nước không hiểu nguyên nhân nên sanh lòng phỉ báng, liền cho Nại nữ là một người dâm nữ, cho năm trăm đệ tử của cô là đồng bọn người dâm đảng. Lúc Nại nữ chào đời, trong nước cũng có hai bé gái cùng sanh một lượt. Đó là Tu-man-nữ và Ba-đam-nữ.

Tu-nam-nữ sanh trong nhà quý tộc, thường nấu rượu và làm dầu mỡ thơm, nấu rượu một bên tảng đá dầu mỡ. Một hôm, tảng đá đó bổng nhiên mọc ra một khối u lớn bằng nắm tay và sau đó vỡ vụn ra và nhìn thấy trong phiến đá phát ra ánh sáng li ti như đom đóm bắn ra, ba ngày sau biến thành một đoá hoa xin đẹp, bên trong có một bé gái. Trong nhà liền mang về nuôi dưỡng, đặt tên là Tu-man nữ. Đến tuổi trưởng thành, cô rất thông minh, có tài trí chỉ thua Nại-nữ mà thôi.

Ba-đàm-nữ thì sanh ra trong nhà của một vị Phạm chí. Một hôm, ở trong hồ sen nhà Phạm chí này nở một đóa sen xanh, ngày càng lớn, bằng năm cái bình. Khi đoá hoa nỡ ra, Phạm chí nhìn thấy bên trong nhuỵ hoa có một bé gái, ông liền mang vào nuôi dưỡng, đặt tên là Ba-đàm-nữ. Đến khi trưởng thành, cô có trí thông minh như Tu-man-nữ. Các quốc vương nghe được tin hai nàng có nhan sắc tuyệt thế nên cùng kéo nhau đến xin cầu hôn.

Hai nàng nói:

- Tôi không phải sanh ra từ bào thai, mà lại ra đời trong hoa cỏ, không như người bình thường, làm sao thích nghi với người thế tục mà quý Ngài đến cầu hôn?

Các cô Nghe nói Nai-nữ thông minh, khắp thế gian không ai sánh kịp, lúc sanh ra cũng giống như mình.

Hai cô gái này từ biệt cha mẹ để đến xin làm của Nại-nữ. Trong hàng đệ tử của Nại nữ, hai cô là người thông minh uyên bác nhất. Khi Đức Phật đi du hoá đến thành Tỳ-xá-ly, Nại-nữ liền dẫn toàn bộ hàng đệ tử của mình ra thành để nghinh tiếp, đảnh lễ Đức Thế tôn. Họ thưa:

- Chúng con kính thỉnh Phật cùng tăng đoàn, ngày mai quang lâm đến khu vườn nơi chúng con cư trú để thọ trai.

Đức Phật im lặng nhận lời.

Bấy giờ, nhà vua ra cũng ra tiếp đón Đức Phật và cũng thỉnh Phật ngày mai vào cung thọ thực, thế nhưng Đức Phật từ chối vì đã nhận lời của Nại-nữ. Nhà vua nói:

- Nay tôi là chủ của đất nước, thành tâm thỉnh Phật, mong Ngài xót thương hứa khả. Nại nữ kia chỉ là dâm nữ, ngày ngày cùng các đệ

tử làm những việc không quy tắc, sao Ngài bỏ tôi mà đi nhận lời thỉnh của cô ta?

Phật bảo:

- Cô gái này không phải là dâm nữ, đời trước cô có phước đức rất lớn, đã cúng dường ba ức Đức Phật. Nại-nữ xưa đã từng làm chị em với Tu-man và Ba-đàm. Nại nữ lớn nhất, kế đó là Tu-man, Ba-đàm là người em nhỏ, họ đều sanh vào nhà giàu có, tiền của dư dả, họ thường cùng nhau kết làm sư tư và cúng dường cho năm trăm Tỳ-kheo-ni những phẩm vật như thức ăn nước uống, y phục, tuỳ theo chỗ thiếu thốn mà họ cung cấp đến trọn đời. Ba người cùng phát lời thề: "xin cho con đời sau được gặp Phật, tự nhiên hoá sanh chứ không sanh ra bằng bào thai nhơ uế. Nay họ sanh ra như ý nguyện, lại gặp được ta. Xưa vì cúng dường năm trăm Tỳ-kheo-ni nên được sanh ra trong nhà giàu có, nhưng lời nói của họ kiêu ngạo buông lung, có lúc đùa giỡn với Tỳ-kheo-ni và nói rằng:

- Các đạo nhân ôm ấp lâu ngày chắc sẽ cưới nhau, bắt buộc ta cúng dường thì không được tư tình, vì vậy mà hôm nay phải thọ dư báo. Tuy giảng kinh đạo nhưng lại bị người vu báng là dâm nữ, còn năm trăm đệ tử của nàng ta, xưa cùng nhau đồng tâm hiệp lực, nay sanh ra đời lại theo nhau. Bấy giờ Kỳ-vực là con của nhà nghèo, thấy Nại-nữ cúng dường thì lòng rất mến mộ và yêu thích nhưng lại không có tiền của, chàng bèn đến quét dọn Tinh xá cho các Tỳ-kheo-ni. Chàng thầm nguyện:

- Nguyện cho tôi có thể chữa lành bệnh cho mọi người.

Nại-nữ thương cậu quá nghèo, lại vui vẽ siêng năng nên thường gọi là con. Những vị Tỳ-kheo-ni khi gặp bệnh hoạn đều bảo Kỳ-Vực đón thầy và điều chế thuốc thang. Các vị thường nói:

- Nguyện cho ngươi cùng ta đời sau cùng nhau hưởng phước.

Những người được Kỳ-vực đón thầy đến trị bệnh đều lành hẳn. Kỳ-Vực thấy thế liền phát nguyện:

- Xin cho con đời sau được làm bậc đại y vương, trị bệnh thân cho loài người.

Nhà vua nghe Đức Thế tôn nói như thế nên ông hổ thẹn và xin sám hối dời lại ngày sau. Sáng hôm sau, Đức Phật cùng tăng đoàn đến khu vườn của Nại-nữ, Ngài nói rõ về công đức bổn nguyện của họ. Ba cô gái nghe xong liền tỏ ngộ, năm trăm đệ tử cũng chứng quả A-la-hán.

(Trích kinh Nại-nữ)

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 32

1. THÁI TỬ NĂNG THÍ VÀO BIỂN TÌM CHÂU:

Tiền thân của Đức Phật Thích Ca là một đại y vương, trị lành mọi thứ bệnh mà không cầu danh lợi, chỉ vì lòng thương xót mà cứu độ họ.

Lúc bấy giờ, người bệnh quá nhiều, Ngài muốn cứu sống tất cả mọi người nhưng không được như nguyện, nên Ngài buồn bã mà chết, thần hồn sanh lên cõi Trời Đao Lợi. Ngài thầm nghĩ: “Nay ta sanh ở cõi Trời, chỉ hưởng thọ phước báo, chứ không có lợi ích chi thêm.”

Thế rồi, Ngài xả tuổi thọ cõi Trời, sanh làm Thái tử của Long vương Bà-ca-đà, thân hình to lớn, được cha mẹ rất mực yêu thương. Nhưng sau đó, Ngài muốn xả bỏ thân rồng, bèn đi đến chỗ của vua kim sí điểu. Vua chim bắt rồng con đem lên cây Xa-ma-lợi ăn thịt. Cha mẹ rồng kêu khóc thảm thiết. Rồng con sau khi chết sinh vào cõi Diêm-phù-đề làm Thái tử của vua một nước lớn, tên là Năng Thí. Vừa sanh ra, Thái tử đã biết nói, liền nói với mọi người xung quanh:

- Bao nhiêu của cải trong nước này hãy đem đến đây để bố thí.

Mọi người sợ hãi bỏ chạy. Chỉ còn một mình mẹ Thái tử vì thương con nên không nỡ xa lìa. Thái tử thưa mẹ:

- Con không phải là quỷ La-sát, vì sao mọi người đều bỏ chạy. Kiếp trước con thường thích bố thí, là Đàn-việt của mọi người.

Mẹ Thái tử liền giải thích cho mọi người hiểu. Họ cùng nhau trở lại. Hoàng hậu nuôi dưỡng Thái tử chu đáo. Lớn lên, bao nhiêu của cải có được, Thái tử đều đem bố thí.

Về sau, Thái tử xin vua tài vật để bố thí. Vua chia cho Thái tử bao nhiêu, Thái tử cũng bố thí hết. Thấy người nghèo cùng, khốn khổ, Thái tử đều muốn bố thí cho họ, nhưng tài vật đã hết, liền than khóc, hỏi mọi người:

- Làm sao cho tất cả mọi người đều có đầy đủ của cải?

Những bậc trưởng thượng nói:

- Chúng tôi từng nghe nói nếu ai được châu như ý trên đầu Long vương thì cầu gì được nấy.

Nghe vậy, Thái tử xin cha mẹ vào biển tìm châu như ý. Cha mẹ nói:

- Ta chỉ có một mình con, nếu vào biển sẽ gặp nhiều hiểm nạn khó tránh khỏi. Lỡ con chết đi, cha mẹ làm sao sống nổi. Trong kho của ta còn nhiều tài vật, ta sẽ cho con hết để bố thí.

- Tâu Đại vương! Của cải trong kho thì có hạn mà ý nguyện bố thí của con thì không cùng. Con muốn mọi người đều được ấm no đầy đủ, xin cha mẹ cho con được toại nguyện.

Cha mẹ biết chí lớn của con mình, không nỡ can ngăn, đành cho Thái tử ra đi.

Lúc ấy, năm trăm khách buôn đều thích đi theo Thái tử. Ngày lên đường, họ tập hợp tại cửa biển. Thái tử hỏi mọi người:

- Ai biết đường đi đến cung Long vương?

Lúc ấy, có một người mù tên là Đà-xá, đã từng bảy lần vào biển lớn nên rất rành đường biển. Bồ-tát bảo ông ta cùng đi. Nhưng người mù nói:

- Tôi đã già rồi, hai mắt lại không thấy đường, tuy vào biển nhiều lần nhưng nay tôi không thể đi được.

Bồ-tát nói:

- Ta đi tìm châu như ý không phải vì mình mà vì muốn cung cấp cho tất cả chúng sanh được đầy đủ, rồi dùng chánh pháp giáo hóa họ. Ông là người trí có thể từ chối được sao? Nếu hạnh nguyện ta thành tựu, chẳng phải là nhờ công sức của ông sao?

Nghe vậy, Đà-xá vui vẻ nói:

- Theo Ngài vào biển, mạng tôi chắc không còn. Nếu tôi chết, xin Ngài đặt hài cốt của tôi trên bãi cát vàng.

Thuyền đi nhanh như gió, khi đến bãi báu, những khách buôn

giành nhau lấy của báu, ai nấy đều đầy đủ. Họ hỏi Thái tử:

- Vì sao Ngài không lấy?

- Cái tôi cần tìm là châu như ý, còn những vật này rồi có ngày sẽ hết. Các ông phải biết đủ đừng lấy nhiều quá, thuyền chở nặng ắt phải bị chìm.

- Xin Ngài chú nguyện cho chúng tôi trở về được an ổn.

Sau đó, họ từ biệt nhau. Khi ấy, Đà-xá nói với Thái tử:

- Ngài hãy giữ lại chiếc thuyền nhỏ, theo đường riêng mà đi. Đợi bảy ngày nữa sẽ có gió đưa thuyền đến bờ biển phía Nam, vào một nơi nguy hiểm, thế núi cao chót vót, những cành táo phủ đầy trên mặt nước. Khi gió lớn nỗi lên thuyền sẽ lật úp, ông hãy mau vịn cành cây táo thí có thể thoát nạn. Còn tôi mù loà ắt sẽ bỏ mạng tại đây. Thoát khỏi nơi nguy hiểm này, thì đến một bãi cát vàng, Ngài nên chôn tôi ở đó. Được an nghỉ trong cát vàng thanh tịnh đó là chí nguyện của tôi.

- Thái tử y theo lời ông lão nói, đợi gió đến rồi đi. Khi đến chỗ núi cao chót vót, Ngài vịn lấy cành cây táo và được thoát nạn. Sau khi đặt thi hài Đà-xá vào lòng đất vàng, một mình Ngài ra đi. Đúng như lời Đà-xá nói, Ngài lần lượt trải qua: bảy ngày lênh đênh trên sông, bảy ngày đi giữa nước sâu ngang cổ, bảy ngày đi giữa nước ngang lưng, bảy ngày đi giữa bùn. Ngài bỗng thấy hoa sen tươi đẹp mềm mại, tinh khiết. Thấy hoa sen mềm yếu, Ngài liền nhập Hư không tam muội làm nhẹ thân mình rồi đi trên hoa sen bảy ngày. Gặp rắn độc, Ngài nghĩ: “Loại trùng ngậm độc này rất đáng sợ”.

Thái tử liền nhập Từ tâm tam muội, đi trên đầu rắn độc bảy ngày. Tất cả rắn độc đều ngẩng đầu cho Ngài đi qua. Thoát khỏi nơi này, Ngài đến một thành nọ, quanh thành có bảy lớp báu, bảy lớp hào, trong hào toàn là rắn độc. Cửa thành có hai con rồng lớn canh giữ. Thấy Thái tử hình dung đoan chánh, vượt khỏi các nạn đến được nơi này, rồng nghĩ: Đây chẳng phải là người thường, chắc là bậc Bồ-tát có công đức lớn. Nghĩ vậy rồng liền tránh đường cho Thái tử vào cung.

Vợ chồng Long vương vừa mất con nên buồn bã khóc lóc. Thấy Thái tử đến, vợ chồng Long vương nhờ có thần thông nên biết là con mình. Hai dòng sữa trên ngực long mẫu tự nhiên chảy ra. Long mẫu mời Ngài ngồi và nói:

- Con là con ta, bỏ ta mà đi, nay sanh vào chỗ nào?

Thái tử cũng biết kiếp trước, mình là con Long vương, liền đáp:

- Con sanh vào cõi Diêm-phù-đề làm Thái tử của một Đại quốc vương. Vì thương xót những người nghèo cùng đói khát nên con đến đây

để xin châu như ý.

Long mẫu nói:

- Trên đầu cha con có châu như ý, dùng để trang sức, chắc ông ấy không cho con, mà sẽ đưa con đến các kho báu, cha con sẽ hỏi nếu con muốn thứ gì thì cha con sẽ cho thứ ấy. Lúc đó con hãy trả lời: "Các thứ châu báu kia con không cần, con chỉ cần hạt châu như ý trên đầu Phụ vương thôi. Nếu Phụ vương thương con xin hãy cho con hạt châu ấy" chỉ có cách ấy cha con mới cho con hạt châu ấy.

Bồ-tát đến gặp Long vương. Long vương vô cùng vui mừng nghĩ: "Con ta đã không quản đường xá xa xôi tìm đến nơi này". Long vương dẫn Thái tử đến kho báu nói:

- Con cần gì cứ lấy.

- Con từ xa đến đây, mong gặp phụ vương để xin châu như ý. Nếu cha thương con xin cha hãy cho con hạt châu ấy. Ngoài ra con không cần thứ gì ca.

- Ta chỉ có một hạt châu để trang sức trên đầu, người cõi Diêm-phù-đề phước mỏng thấp hèn không đáng được thấy.

- Con vì châu như ý này mà liều chết đến nơi này. Chính vì người Diêm-phù-đề phước mỏng thấp hèn nên con mới đến xin cha châu như ý để cứu giúp họ. Sau đó con sẽ dùng chánh pháp giáo hoá họ.

Long vương chiều ý con, lấy hạt châu trên đầu đưa con, còn dặn dò thêm:

- Nay ta cho con hạt châu này, khi con sắp qua đời hãy đem trả lại cho ta.

- Con sẽ làm theo lời cha dạy.

Thái tử được châu, bay lên Hư không. Trong khoảnh khắc, Ngài đã về đến cõi Diêm-phù-đề. Vua và Hoàng hậu thấy con bình yên trở về, vui mừng khôn xiết ôm lấy con và hỏi:

- Con được vật gì?

- Thưa cha mẹ, con được châu như ý.

- Con để ở đâu rồi?

- Thưa ba mẹ, con để ở trong chéo áo.

- Nó lớn hay nhỏ?

- Thưa ba mẹ, quan trọng là ở cái đức của nó chứ không quan trọng là lớn hay nhỏ, xin ba mẹ hãy ra lệnh cho người trong ngoài thành quét dọn đốt hương treo phan lọng, trì trai giữ giới,sáng sớm ngày mai dựng cây dài làm nêu và để châu lên đó.

Hôm sau, Thái tử đứng trước châu như ý lập thệ nguyện:

- Nếu tôi được thành đạo độ thoát tất cả chúng sanh, thì châu sẽ như ý nguyện của tôi hiện ra tất cả vật quý, tuỳ theo nhu cầu của mỗi người mà ban phát đầy đủ.

Lúc ấy mây đen phủ khắp, Trời mưa các thứ báu: Yphục, thức ăn, ngoạ cụ, thuốc thang. Mọi người đều được đầy đủ như ý nguyện cho đến khi mạng chung.

Bồ-tát bố thí Ba-la-mật là như thế.

(Trích luận Đại Trí Độ quyển 12)

2. THÁI TỬ THIỆN HỮU VÀO BIỂN TÌM CHÂU:

Vào thời quá khứ, ở cõi Diêm-phù-đề có hai vị vua, vị thứ nhất tên Nguyệt làm vua nước Lợi-sư-bạt; vị thứ hai tên là Nguyệt Cái làm vua nươc Ba-la-nại. Cả hai vua đều sống rất hòa thuận,không có chuyện hiềm khích, cùng hứa với nhau rằng sau này có con sẽ kết làm thông gia

Vua Nguyệt Cái không con, ước muốn sanh được một người con trai nối dõi. Ngài đến cầu xin với tất cả các vị Thánh Thần. Có một vị thần sông nói với vua:

- Ở bên sông Tu-la-thát có hai vị tiên chứng ngũ thông, nếu hai vị này đồng ý làm con vua thì vua sẽ có con nối dõi.

Vua nghe lời đến chỗ hai vị tiên nói:

- Xin hai vị hãy tái sanh vào nhà tôi, nhà tôi đầy đủ dục lạc quý vị sẽ tự do thọ hưởng!

- Được! Cả hai vị Tiên cùng đáp.

Bảy ngày sau, vị thứ nhất mạng chung (Kinh Hiền Nhân ghi đó là Tiên nhân Kim Sắc), thần thức nhập vào thai vị đệ nhất phu nhân. Sau bảy ngày nữa vị Tiên thứ hai cũng mạng chung thần thức nhập vào thai vị đệ nhị phu nhân.

Chín tháng sau, đệ nhất phu nhân sanh ra một hoàng tử rất khôi ngô tuấn tú. Ngày sanh hoàng tử, xuất hiện rất nhiều điềm tốt như: Năm trăm thương buôn từ biển trở về, năm trăm kho tàng tiềm ẩn tự nhiên hiện ra, năm trăm tử tù được thoát chết.

Ít ngày sau đó, đệ nhị phu nhân cũng sanh được một hoàng tử, nhưng ngày hoàng tử này ra đời có rất nhiều điềm quái lạ: Dã can kêu thảm thiết, A-tu-la che mặt Trời, năm trăm tử tù không ai giết mà tự nhiên chết (Trích Tứ Phần Luật, phần ba quyển chín).

Hai Hoàng tử ra đời, vua rất vui mừng vội mời các thầy tướng đến xem tướng và đặt tên cho các hoàng tử. Thầy tướng hỏi:

- Hai hoàng tử này khi sanh ra có xuất hiện điềm gì lạ không?

Vua đáp:

- Đệ nhất phu nhân trước kia tánh tình kiêu mạn, tật đố, nhưng kể từ khi mang thai Thái tử thì trở nên hiền hoà, nét mặt vui tươi, thương yêu mọi người.

- Hoàng tử là người có phước đức nên mới khiến như vậy - Thầy tướng đáp: Bệ Hạ nên đặt tên là Thiện Hữu (Luật Tứ Phần gọi là Thiện Hạnh, kinh Hiền Ngu gọi là Ca-lương-na-dà, đời Lương dịch là Thiện Sự). Còn Hoàng tử Thứ hai thì sao? Thầy tướng hỏi tiếp.

- Trước kia Đệ nhị phu nhân tánh tình ôn hòa hiền từ, nhưng từ khi mang thai Thái tử, tánh tình thô bạo, nói ra toàn lời ác.

- Do hoàng tử mà tánh tình phu nhân thay đổi như thế. Bệ hạ nên đặt tên là Ác Hữu (Luật Tứ Phần gọi Ác Hạnh là Bỉ-bà-da-lợi, đời Lương dịch là Ác sự)

Lớn lên, hoàng tử Thiện Hữu rất thông minh nhân từ, thích làm việc bố thí. Vua và Hoàng hậu rất mực thương yêu. hoàng tử Ác Hữu tính tình hung bạo, việc gì cũng chống trái, Vua và Hoàng hậu rất ghét không muốn gặp mặt. Ác Hữu rất ganh ghét anh mình, luôn tìm cách hãm hại.

Một hôm nọ, Thái tử Thiện Hữu ra khỏi thành để tìm hiểu đời sống dân chúng. Thái tử đi trước tùy tùng theo sau đánh trống nhạc vang dậy khắp nơi. Thấy người cày ruộng, xới đất lật lên, chim chóc từng đàn sà xuống mổ ăn tất cả các côn trùng bò trên đất, Thái tử thương xót hỏi quần thần:

- Họ đang làm gì mà để các con vật tàn sát lẩn nhau như thế?

Quần thần đáp:

- Nước lấy dân làm gốc, dân lấy lúa gạo làm gốc, muốn có lúa gạo thì phải gieo trồng như thế!

- Thật khổ thay - Thái tử thở dài.

Đi thêm một đoạn ngắn, Thái tử thấy người dệt vải, Ngài hỏi quần thần:

- Họ làm gì vậy?

- Tâu Thái tử! Họ đang dệt vải để may quần áo che thân.

- Việc này cũng nhọc nhằn lắm!

Thái tử đi tiếp, lại thấy một người đồ tể giết dê. Ngài hỏi quần thần:

- Người này làm gì vậy?

- Người này giết súc vật lấy thịt bán để đổi lấy cơm áo!

- Khổ quá nhỉ! mạnh hiếp yếu tàn sát lẫn nhau, gây oan kết trái nhiều đời kiếp.

Ngài lại đi tiếp thấy chim sa lưới, cá mắc câu, Ngài lại hỏi quần thần. Quần thần đáp:

- Họ đang giăng lưới bắt chim, thả mồi câu cá.

Thái tử thương xót lệ tràn khoé mắt, Nghĩ chúng sanh trên thế gian tạo nhiều điều ác khổ não không dứt. Ngài buồn bã quay xe trở về cung.

Thấy con không vui, vua hỏi:

- Có việc gì mà con buồn bã như thế?

Thái tử kể lại mọi việc. Vua nói:

- Đó là lẽ tự nhiên, việc gì mà con phải buồn!

- Con muốn xin phụ vương đem tiền bạc trong kho bố thí cho dân chúng!

- Tuỳ ý con!

Thái tử sai quần thần mở kho lấy đủ thứ trân báo chất đầy trên năm trăm con voi lớn, rồi cho voi đi khắp bốn cửa thành. hoàng tử truyền khắp các thần dân trong nước, ai muốn vật gì thì lấy vật ấy. Nghe vậy, thần dân trong tám phương đều kéo đến, chẳng mấy chốc số châu báo trong kho đã phân phát gần hết. Quan giữ kho sốt ruột tâu vua:

- Xin bệ hạ hãy suy nghĩ lại, kho châu báo đã cạn hết rồi!

- Ta không muốn làm trái ý Thái tử - Vua đáp.

Ít lâu sau, quần thần họp nhau bàn bạc. Một vị nói:

- Đất nước nhờ có kho báu này, nay kho đã cạn thì nước ắt sẽ không còn.

Bàn xong, họ cùng kéo đến tâu Vua:

- Tâu Bệ hạ! Tài sản trong kho giờ chỉ còn lại một phần ba, xin Bệ hạ hãy suy xét kỹ lại!

- Ta không muốn làm trái ý Thái tử. Nhưng các khanh hãy tìm cách trì hoãn công việc của Thái tử.!

Hết bạc, Thái tử trở về mở kho thì quan giữ kho đã đi vắng. Thái tử cho người đuổi theo nhưng không kịp. Thái tử nói:

- Kẻ tiểu nhân này đâu dám trái ý ta. Đây hẳn là do Phụ vương ta sắp đặt. Đã là người con hiếu thảo thì ai lại phá hoại tài sản của cha mẹ mình như thế.Vậy giờ đây ta sẽ đích thân tìm ra châu báu để bố thí cho dân. Là một vị Thái tử mà không lo đầy đủ mọi thứ y thực cho dân thì thật hổ thẹn.

Thái tử triệu tập bá quan bàn bạc tìm cách làm ra của cải nhanh nhất.Vị nói làm ruộng, vị nói chăn nuôi gia súc... Một vị quan lớn nói:

- Muốn có được châu báu nhanh nhất không gì bằng vào biển, nếu tìm được viên ma ni bảo châu thì Ngài sẽ được toại nguyện!

- Hay quá! vậy thì ta phải đi ngay mới được!

Thái tử liền đến xin vua. Vua nghẹn ngào không nói nên lời, hồi lâu vua nói:

- Đất nước này là của con, kho báu này con cứ tự ý lấy dùng cần gì phải vào biển. Con là con của ta, từ nhỏ đến lớn chỉ sống trong thâm cung, ăn thì cao lương mĩ vị, ngũ thì chăn êm nệm ấm, nay con xin vào biển, đường xa đói khát mưa nắng dãi dầu, ai cận kề lo lắng cho con. Lại còn chưa kể đến vô số tai ương trong biển như: quỷ độc, rồng dữ, sóng to gió lớn, thêm nạn cá Ma kiệt luôn rình rập bắt người ăn thịt. Người đi thì vô số nhưng trở về thì có mấy ai. Sao con dại dột xin đến đó!

Thái tử quỳ mọp xuống đất nói:

- Nếu cha mẹ không cho con đi, consẽ quỳ ở đây cho đến chết!

Vua và Hoàng hậu nói cách nào Thái tử cũng không nghe. Thái tử nhịn ăn và quỳ suốt sáu ngày. Vua và Hoàng hậu lo lắng sợ Thái tử chết. Đến ngày thứ bảy, Hoàng hậu đến bên Thái tử nắm tay dỗ dành. Thái tử thưa:

- Nếu cha mẹ không bằng lòng, con nguyện sẽ chết nơi đây.

Hoàng hậu sợ hãy xin vua:

- Bệ hạ ơi! Nếu chí con đã quyết thì khó mà lay chuyển đươc, thôi thì hãy chiều nó, đừng can ngăn nữa. Thiếp không nở nhìn con chết dần chết mòn tại đây. Xin bệ hạ cho Thái tử vào biển còn tốt hơn. Nếu không, chắc nó chết mất.

Vua đồng ý. Thái tử mừng rỡ đứng dậy lạy vua và Hoàng hậu. Vua tuyên cáo khắp nơi tìm người xung phong theo thái tư vào biển. Nghe tin, có năm trăm ngươi tìm đến xin vua theo thái tử. Trong số đó có một người thường đi biển, biết rõ đường đi lối về, nhưng tuổi lại quá cao, mắt mờ tai điếc. Vua nói vói vị ấy:

- Ta chỉ có một người con, từ nhỏ đến lớn chưa ra khỏi của, khanh hãy cố gắng theo dẫn đường giúp cho Thái tử.

- Tâu bệ hạ, biển lớn nhiêu nạn, gian khổ vô cùng, người đi trăm vạn, người về được mấy ai. Sao bệ hạ lại cho Thái tử đi vào nơi nhiều hiểm nạn như thế?

- Vì thương con nên ta mới đồng ý

- Vậy thì tôi xin tuân lệnh

Thái tử và năm trăm tuỳ tùng chuẩn bị hành trang lên đường.

Hoàng tử Ác Hữu nghĩ: “Thái tử Thiện Hữu được cha mẹ thương yêu lo lắng, nay đã vào biển tìm châu, nếu tìm được châu trở về, chắc cha mẹ bỏ quên ta mất”. Ác Hữu liền đến tâu vua:

- Xin phụ vương cho con được theo anh Thiện Hữu vào biển tìm châu.

- Tuỳ ý con. Trên đường hiểm nhiều nạn anh em phải thương yêu giúp đỡ nhau!

Đến biển, Thái tử cho neo thuyền lại bảy ngày. Đến ngày thứ tám, Thái tử đánh trống nói:

- Trong các khanh nếu ai chấp nhận theo ta vào biển thì im lặng, còn nếu ai nhớ người thân và sợ gặp nạn thì nên trở về.

Tất cả đều im lặng. Thái tử ra lệnh nhổ neo căng buồm tiến thẳng ra biển. Nhờ lòng từ bi và phước đức của Thái tử mà trên đường an ổn. Đến núi trân bảo, Thái tử đánh trống tập hợp mọi người lại và nói:

- Đã đến núi trân bảo, các ông hãy mau đến lấy trân bảo chở về!

Đoàn người ở lại núi bảy ngày. Thái tử lại nói:

- Trân bảo này rất quý, ở cõi Diêm phù không có được, nhưng các vị đừng chở quá nặng vì thuyền sẽ chìm, cũng đừng chở quá ít sẽ uổng công đường xa gian khổ. Dặn dò xong, Thái tử chia tay mọi người:

- Chúc quý vị trở về bình an, ta sẽ đi tìm cho được hạt châu ma ni!

Mọi người lên thuyền, Thái tử cùng ông lão dẫn đường đi về phía trước. Đi hết tuần lễ đầu, họ đến một nơi nước ngập ngang gối, đi hết tuần lễ thứ hai, thì nước lên đến cổ, đi hết tuần lễ thứ ba, thì họ trôi đến một vùng đất báu. Ông lão hỏi:

- Vật gì trên đất thế?

- Trên đất này toàn là cát bạch ngân - Thái tử đáp.

- Gần đây có một quả núi trắng. Thái tử thấy quả núi ấy chưa?

- Phương Đông Nam có một quả núi Bạch ngân, chúng ta sẽ đến núi này!

- Rồi chúng ta sẽ đến nơi toàn cát vàng!

Đến đây, ông lão kiệt sức ngã quỵ xuống đất thều thào:

-Tôi không còn đủ sức để đi cùng Thái tử. Thái tử cứ tiếp tục đi về phương Đông, đi khoảng bảy ngày sẽ đến núi vàng, khoảng bảy ngày nữa sẽ đến nơi toàn hoa sen xanh, đi bảy ngày nữa thì đến nơi toàn hoa sen đỏ, đi bảy ngày nữa thì đến thành Đại Bảo, thành này được làm

bằng bảy báu, là nơi ở của Long vương. Trong lỗ tai Long vương có viên bảo châu Như ý. Thái tử hãy đến xin ông ta. Nếu được hạt châu ấy thì mưa ở cõi Diêm-phù-đề toàn bảy báu, thức ăn, thuốc men, và các thứ kỹ nhạc v.v... muốn thứ gì thì có liền thứ ấy ...

Nói đến đây, ông lão trút hơi thở cuối cùng. Thái tử ôm lấy ông lão khóc lóc và than rằng: "Sao Người bỏ ta mà ra đi ra đi một mình như vậy! "

Thái tử đào đất chôn ông lão lấy cát vàng phủ trên mộ, đi quanh bảy vòng, đảnh lễ ông lão rồi tiếp tục lên đường. Đi khỏi núi vàng Thái tử đến nơi toàn hoa sen xanh, phía dưới hoa có một loài rắn xanh, rắn này có ba nơi tiết ra nọc độc là: ở răng, ở da, và trong hơi thở. Mỗi con rắn quấn quanh một hoa sen xanh. Tấtt cả bọn chúng đều giương mắt lên gườm Thái tử. Thái tử nhập từ bi tam muội rồi đi trên những lá sen xanh. Tất cả rắn độc đều không làm gì được Ngài. Thái tử đến cung Long vương. Quanh cung có bảy lớp thành và bảy lớp hào, mỗi lớp đều có nhiều rồng độc nằm cuộn vào nhau, đầu vương ra giữ cửa thành. Thấy rồng độc, Thái tử nghĩ đến tất cả chúng sanh trong cõi Diêm-phù-đề. Ngài buồn bã nghĩ: "Nếu nay ta bị rồng độc làm hại thì sao họ có được lợi ích" Ngài liền giơ cánh tay phải nói với rồng độc:

- Này các vị! Tôi vì tất cả chúng sanh mà đến đây để tìm Long vương.

Nghe vậy, rồng độc mở đường cho Thái tử vào.

Thái tử vào trong thấy hai ngọc nữ mặc áo bằng pha lê. Thái tử hỏi:

- Các cô là ai?

- Chúng tôi là tỳ nữ giữ cửa ngoài của Long vương!

Ngài đến cửa giữa lại thấy bốn ngọc nử mặc áo bạc. Thái tử hỏi:

- Các cô là vợ của Long vương phải không?

- Không phải! Chúng tôi là tỳ nữ giữ cửa giữa cho Long vương Thái tử đi đến cửa cuối cùng thấy tám ngọc nữ mặc áo vàng. Thái tử hỏi:

- Các cô là ai?

- Chúng tôi là tỳ nữ giữ cửa cho Long vương!

- Các cô hãy vào tâu với Long vương có Thái tử Thiện Hữu con vua nước Ba-la-nại ở cõi Diêm-phù-đề muốn vào yết kiến.

Người giữ cửa vào tâu với Long vương. Long vương hết sức kinh ngạc nghĩ: "Nếu không phải là người phước đức toàn thiện thì không thể nào đến được nơi này". Ngài liền mời Thái tử vào cung. Trong cung

được xây bằng ngọc lưu ly màu đỏ thẩm, bảy báu trang hoàng khắp nơi rực rỡ. Thái tử vào cung thuyết pháp cho Long vương nghe dạy nhiều điều lợi ích, khen ngợi và bàn về bố thí, trì giới, và con đường đi đến cõi Trời và người. Long vương vui mừng hỏi:

- Thái tử có việc gì mà đường xa lặn lội đến đây!

- Thưa Long vương, chúng sanh trong cõi Diêm-phù-đề chỉ vì cơm áo mà phải chịu khổ vô lượng. Tôi đến đây vì muốn xin Long vương viên bảo châu ma ni để làm lợi ích cho tất cả chúng sanh.

- Được! nhưng xin Thái tử hãy ở lại đây một tuần!

Thái tử nhận lời. Bảy ngày sau Thái tử đem châu ma ni trở về. (Kinh Hiền Ngu ghi: Khi Thái tử đến cửa thành bảy báu, thì cửa thành đã đóng chặt, thấy bên cửa có một chiếc chày kim cương - Theo lời người dẫn đường nói - Ngài liền lấy chày dọng vào cửa, cửa liền mở. Có năm trăm vị thiên nữ đem viên bảo châu đến dâng cho Thái tử. Vị thiên nữ đi đầu lấy hạt châu đính vào áo Thái tử). Long vương sai các vị Long thần đưa Thái tử trở về. Về đến quê nhà, gặp Ác Hữu, Ngài hỏi:

- Những người đi cùng chúng ta hiện đang ở đâu?

- Thuyền chìm, tất cả đều đã chết. Em được sống là nhờ níu lấy một tử thi. Tất cả châu báu lấy được đều chìm mất.

- Cái quý nhất của con người là mạng sống - Thái tử thở dài.

- Không đúng! Trên thế gian này, người ta nghĩ giàu mà chết thì vẫn tốt hơn nghèo mà sống

- Vì sao em biết?

- Em đến nghĩa địa nghe những con quỷ nói nhau như thế!

- Tuy em bị mất hết của báu nhưng em vẫn là người sướng nhất kia mà! Ta đã được Long vương tặng cho hạt châu như ý!

- Ở đâu vậy?

- Anh để trong búi tóc.

Nghe vậy người em khởi tâm ghen ghét, nhưng vẫn hết lời khen ngợi người anh:

- Anh hay quá! Anh giỏi quá! Được châu anh phải giữ gìn cho cẩn thận.

Thiện Hữu lấy hạt châu đưa cho em và nói:

- Em giữ đi, nếu buồn ngủ thì hãy đưa lại cho anh giữ. Nếu anh buồn ngủ thì anh sẽ đưa cho em giữ vậy!

Dặn dò xong, người anh nằm xuống ngủ thiếp đi. Cầm hạt châu trong tay, Ác Hữu khởi tâm muốn chiếm đoạt. Hắn lấy hai que tre đâm vào mắt anh mình (Luật Tứ Phần ghi: Ác Hữu dùng cây Khiếp-la- đà để

đâm) rồi bỏ chạy. Thiện Hữu kêu to:

- Ác Hữu ơi, có giặc đến đâm mù hai mắt anh rồi em hãy cầm châu chạy đi.

Ác hữu không đáp Thiện Hữu buồn bã sợ Ác Hữu bị giặc giết chết. Ngài cất tiếng kêu to âm vang chấn động cả núi rừng nhưng vẫn không có tiếng trả lời. Thấy vậy, thần cây lên tiếng:

- Ác Hữu em Ngài chính là giặc ác, đâm mù hai mắt Ngài, rồi cầm châu bỏ chạy. Thái tử buồn bã thở dài.

Ác Hữu đem châu về nước thưa với cha mẹ:

- Tâu phụ vương cùng mẫu hậu! Trên đường trở về thuyền bị đắm. Nhờ có phước đức nên con mới được sống sót trở về, còn Thiện Hữu anh con và đoàn tuỳ tùng đã bị nước cuốn trôi mất.

Vua và Hoàng hậu khóc lóc rồi ngã quỵ trên đất, hồi lâu tỉnh lại nói:

- Ác Hữu, ngươi còn về đây làm gì nữa!

Bị mắng, Ác Hữu buồn bã đem châu chôn dưới đất.

Thái tử Thiện Hữu bị hai que tre đâm vào mắt không nhổ ra được. Ngài buồn bã quanh quẩn không biết đi đâu về đâu. Vừa đau vừa đói, sống không được mà chết cũng không xong, khổ sở vô cùng. Ngài mò mẫm từng bước, lần đến nước Lợi sư bạt. Công chúa con vua nước này là người đã hứa hôn với Ngài trước kia.

Thái tử mệt mõi ngồi nghĩ trên đường. Có một người chăn trâu dẫn năm trăm con trâu chạy ngang. Thấy Thái tử trâu đầu đàn chạy đến dang bốn chân ra để bầy trâu đi qua không dẫm lên Thái tử, rồi quay lại giương cổ lè lưỡi liếm hai mắt Thái tử khiến hai que tre bật ra. Người chăn trâu thấy vậy hỏi:

- Ông là ai?

- Tôi là người mù ăn xin!

Người chăn trâu nhìn kỹ từ đầu đến chân Thái tử thấy có nhiều điểm khác người. Ông nói:

- Nhà tôi gần đây, ông hãy về nhà tôi ở, tôi sẽ lo lắng cho ông!

Thái tử đồng ý và theo người chăn trâu về nhà. Người chăn trâu lo việc ăn uống cho Ngài hết sức chu đáo. Ông còn dặn dò người nhà:

- Các ngươi hãy hầu hạ người này giống như hầu hạ ta vậy!

Thái tử sống nơi ấy khoảng một tháng. Những người trong nhà tỏ vẻ khó chịu. Ngài buồn bã thở dài. Sáng hôm sau Thái tử nói với chủ nhà:

- Tôi muốn ra đi!

- Có việc gì làm Phật ý Ngài chăng?

- Theo phép làm khách thì không được ở lâu, nếu Ngài thương tình thì cho tôi xin một cây đàn tranh và đưa tôi đến chổ đông người!

Chủ nhà đồng ý.

Giữa nơi thành thị Thái tử đem đàn ra gãy, tiếng đàn réo rắt ai nghe cũng thích, người đi đường có kẻ dừng lại nghe đàn và bố thí cho Ngài chén cơm bát nước.

Vua nước này có một khu vườn cành lá sum xuê tươi tốt, nhưng gặp phải nạn chim tước. Người giữ vườn nghe tiếng đàn của Thái tử, liền nói với Ngài:

- Ngươi theo ta về, gãy đàn để giữ chim cho ta nhé. Ta hứa sẽ giúp đỡ ngươi!

Người giữ vườn lấy dây cột vào chiếc chuông đồng rồi treo lên ngọn cây, đầu dây còn lại ông đưa cho Thái tử nói:

- Ngươi hãy cầm lấy sợi dây này và ngồi xuống gốc cây, hễ nghe tiếng chim kêu thì kéo dây nhé!

- Được rồi, tôi ngồi đây vừa giữ chim vừa gãy đàn thật là thú vị.

Ít hôm sau, công chúa con vua Lợi Sư Bạc cùng tỳ nữ dạo chơi trong vườn, thấy người mù ngồi dưới gốc cây, công chúa đến hỏi:

- Ngươi là ai?

- Ta là người mù xin ăn.

Vừa gặp Thái tử, tự nhiên công chúa đem lòng yêu mến, ở mãi nơi đó không chịu về cung. Vua cho người đến triệu công chúa về. Công chúa nói:

- Ta bận mang thức ăn đến cho anh mù.

Đợi người mù ăn xong, công chúa trở về tâu với phụ vương:

- Tâu phụ vương! Xin phụ vương cho con cùng anh mù kết duyên chồng vợ.

- Con điên rồi sao? Trước kia cha đã hứa gã con cho Thái tử Thiện Hữu, con vua nước Ba-la-nại. Hiện giờ Thái tử đang vào biển, một thời gian sau sẽ trở về tiến hành hôn lễ. Tại sao nay con đòi lấy thằng mù.

- Cha mẹ không đồng ý, con dù chết cũng không bỏ ý định này!

Vua và Hoàng hậu không còn cách nào khác đành rước anh mù vào cung chung sống với công chúa. Vào phòng riêng, công chúa nói với anh mù.

- Thiếp sẽ cùng chàng kết tình phu phụ!

- Cô là ai mà muốn làm vợ ta?

- Thiếp là công chúa con vua Lợi-sư-bạt!

- Cô là công chúa còn ta là kẻ ăn xin. Làm sao có sự cung kính lẫn nhau được?

- Chàng đừng lo, thiếp sẽ hết lòng hầu hạ chăm sóc chàng!

Hai người chung sống với nhau một thời gian. Một hôm nọ, công chúa có việc ra ngoài mà không nói với chồng biết. Hồi lâu trở về người chồng trách:

- Nàng giấu dếm ta việc gì mà ra ngoài không nói cho ta biết?

- Thiếp không có việc gì giấu giếm chàng cả!

- Giấu giếm hay không chỉ có nàng biết. Ta làm sao biết được!

Nếu thiếp có việc giấu giếm chàng thì khiến hai mắt chàng sẽ mù lòa vĩnh viễn. Nếu không thì xin cho một mắt chàng được bình phục như cũ.

Công chúa vừa nguyện xong, thì một mắt Thái tử tự nhiên sáng tỏ trở lại

- Chàng còn nghi ngờ em nữa không?

Thiện Hữu phì cười.

- Chàng không biết ơn thiếp bấy lâu nuôi dưỡng chăm sóc chàng. Thiếp là công chúa, chàng chỉ là kẻ ăn xin nhưng thiếp vẫn hết lòng lo lắng cho chàng vậy mà chàng vẫn chưa vừa, còn nghi ngờ thiếp thế này thế nọ!

- Nàng có biết ta là ai không?

- Chàng là người mù ăn xin, thiếp còn lạ gì việc ấy!

- Không phải, ta là Thái tử Thiện Hữu con vua nước Ba-la-nại!

- Chàng điên rồi sao! Thái tử Thiện Hữu đi biển đến nay vẫn chưa về. Chàng nói dối, em không tin đâu!

- Ta từ nhỏ đến lớn chưa bao giờ biết nói dối!

- Ai biết được điều đó!

- Nếu ta dối nàng thì hãy khiến cho con mắt còn lại của ta bị đui chột suốt đời, còn nếu đó là sự thật thì xin khiến cho con mắt còn lại được bình phục như cũ.

Vừa nói xong con mắt còn lại của Thiện Hữu được bình phục sáng tỏ như xưa. Cả hai mắt đều được bình phục vẻ mặt Thiện Hữu bỗng sáng sủa đẹp đẽ vô cùng.

Công chúa hết sức mừng rỡ, lẳng lặng nhìn suốt từ đầu đến chân Thiện Hữu. Sau đó, công chúa đưa Thiện Hữu vào cung và tâu vua:

- Tâu phụ vương! chồng con, anh mù xin ăn, chính là Thái tử Thiện Hữu!

- Đồ ngu si! Thái tử Thiện Hữu chưa về. Tên mù này sao dám mạo

danh là Thái tử?

- Nếu phụ vương không tin thì xin phụ vương hãy đến xem mặt một lần!

Vua đến xem. Quả đúng là Thiện Hữu. Ông sợ hãi nói:

- Vua Ba-la-nại biết việc này ắt sẽ quở trách ta nhiều lắm! Xin Thái tử tha lỗi, tôi thật tình không biết.

- Vua đừng lo! Ngài hãy cho tôi xin một số tiền để ban cho người chăn trâu đã cứu tôi hôm nọ.

Vua liền cho rất nhiều vàng bạc, quần áo v.v... đem đến cho người chăn trâu. Người chăn trâu vô cùng vui mừng nghĩ: "Mình làm phước đâu được bao nhiêu mà nay quả báo lại nhiều như vậy". Ông liền hô to:

- Tạo phước trước kia, đến nay quả báu thật nhiều vô lượng!

Những người nghe được lời ấy đều phát tâm bố thí.

Khi còn ở hoàng cung Thái tử có nuôi một con bạch nhạn lúc nào cũng theo bên Thái tử. Một hôm Hoàng hậu nói với nhạn

- Thái tử khi ở nhà luôn thương yêu ngươi. Nay Thái tử đã vào biển sống chết thế nào không ai biết. Ngươi không nhớ Thái tử sao?

Nghe vậy, nhạn bay lên lượng mấy vòng cất tiếng kêu buồn bã nước mắt rỏ xuống đất. Nhạn nói:

- Tôi muốn đi tìm Thái tử!

Hoàng hậu đích thân viết một lá thư cột vào cổ nhạn. Nhạn bay vụt lên Hư không rồi mất dạng.

Nhạn tìm khắp trên biển, không gặp Thái tử, liền bay trở về tìm nơi đất liền. Tìm lần đến nước Lợi-sư-bạt, thấy Thái tử ở trước cung điện, nhạn vui mừng bay đến sà xuống trước mặt Thái tử. Thái tử gỡ lấy lá thư trên cổ nhạn, lễ lạy bức thư bồi mở ra đọc mới biết được cha mẹ thương nhớ mình khóc suốt cả ngày đêm. Thái tử viết một bức thư tâu trình mọi việc rồi cột lên cổ nhạn kêu nhạn bay về chỗ cha mẹ.

Được thư con, vua và Hoàng hậu mừng rỡ. Biết Thiện Hữu bị Ác Hữu đoạt châu rồi đâm cho mù mắt, Vua và Hoàng hậu tức giận bắt Ác Hữu giam vào ngục. Lại sai sứ đến quở trách vua nước Lợi-sư-bạt:

- Tại sao vua Lợi -sư-bạt dám giấu Thái tử để vua Ba-la-nại ngày đêm sầu khổ?

Vua Lợi-sư-bạt vô cùng sợ hãi liền đưa Thái tử trở về với vua Ba-la-nại. Lại sai sứ đến nước Ba-la-nại xin gả công chúa cho Thái tử.

Thái tử đưa vợ về nước. Vua và Hoàng hậu đích thân nghinh đón Thái tử. Cả hai cùng ngự trên một con voi lớn, dẫn theo sau một đoàn

tuỳ tùng, trống nhạc ca hát vang dậy khắp nơi, khói hương nghi ngút, dù lọng rợp Trời. Nhân dân trong nước hay tin Thái tử trở về, họ mừng rỡ đổ cả ra đường nghinh đón Thái tử.

Về đến hoàng cung, Thái tử vào lễ phụ vương và mẫu hậu. Lúc này, vua và Hoàng hậu mắt đã mù loà, không thấy được mặt con. Hai người sờ khắp người Thái tử nói:

- Ta vì thương nhớ con mới đến nỗi này!

Vấn an sức khoẻ cha mẹ xong. Thái tử hỏi:

- Tâu phụ vương! Ác Hữu hiện đang ở đâu?

- Cha đã bắt nó giam vào ngục!

-Xin phụ vương hãy thả Ác Hữu ra, con muốn gặp mặt. Thái tử năn nỉ vua cha ba lần như thế. Vua bèn ra lệnh cho thả Ác Hữu.

Gặp lại Ác Hữu, Thiện Hữu chạy đến ôm chầm lấy, hỏi thăm mọi việc, lại khéo lựa lời khuyến dụ:

- Em đã chịu mọi gian khổ giữ giùm anh viên bảo châu, hiện giờ em cất nơi đâu?

Ác Hữu không đáp. Thiện Hữu hỏi đến lần thứ ba, Ác Hữu mới nói:

- Em đã chôn nó trong đất.

- Thiện Hữu tìm lại được châu, liền đến trước vua và Hoàng hậu quỳ xuống đốt hương khấn nguyện:

- Nếu đây là hạt châu Như ý thì xin cho đôi mắt của cha mẹ ta được bình phục

Vừa nguyện xong, mắt của vua và Hoàng hậu lành hẳn. Nhìn thấy con hai người vô cùng sung sướng.

Đến ngày rằm, Thái tử tắm rửa sạch sẽ, mặc quần áo mới rồi lên đài cao đốt hương thật quý. Ngài nâng lư hương lên trán đảnh lễ hạt châu thệ rằng: “Vì muốn tất cả chúng sanh trong cõi Diêm-phù-đề này có đầy đủ vật chất để sinh sống, mà ta phải chịu đựng biết bao gian khổ để tìm cho bằng được hạt châu này”.

Thái tử nói chưa dứt lời, thì ở phương Đông gió lớn bỗng nỗi lên, mây mù tan biến, bầu Trời trong xanh. Các thứ dơ uế như: đờm dãi, phẫn tiểu, bụi bặm đều bị chôn vùi, mặt đất vô cùng sạch sẽ. Từng trận mưa kéo đến, mưa đủ các thứ từ gạo thóc đến quần áo, vàng bạc cho đến các thứ nhạc cụ v.v... Chúng sanh cần thứ gì thì có liền thứ ấy. Về sau vua Nguyệt Cái băng. Thái tử Thiện Hữu kế vị. Ác Hữu thưa với vua:

- Tôi phải đi xin ăn để sống!

- Nếu ngươi ở lại bảo vệ ta, ta sẽ nuôi ngươi!

- Một hôm nọ, Vua đang say giấc, Ác Hữu rút kiếm định giết vua. Kiếm vừa rút ra khỏi vỏ, đầu Ác Hữu liền rơi xuống xuống đất. Vua giật mình tỉnh dậy hỏi. Người hầu đáp:

- Trời đã gây ra nghiệp này!

Phật nói: Vua Nguyệt Cái xưa kia nay chính là ông Duyệt -đầu -đàn. Hoàng hậu vợ vua Nguyệt Cái là Hoàng hậu Ma-da. Công chúa con vua Nguyệt là Cù-di. Ác Hữu là Đề-bà-đạt-đa, còn Thiện Hữu chính là ta vậy.

(Trích kinh Hiền Ngu và kinh Báo Ân quyển 1)

3. THÁI TỬ TRƯỜNG SANH ĐƯỢC NƯỚC NHỜ NGHE LỜI CHA:

Xưa Bồ-tát làm vua một nước lớn tên là Trường Thọ. Vua có một Thái tử tên là Trường Sanh. Ngài thường dùng chánh pháp trị nước, không dùng các thứ dao gậy làm khổ dân chúng. Ở đây, quanh năm mưa thuận gió hoà, lúa thóc được mùa.

Bấy giờ, ở nước lân cận có một vị vua hung bạo, không dùng chánh pháp trị dân, nên nhân dân trong nước nghèo nàn khốn khổ.

Một hôm, vua bảo cận thần:

- Ta nghe nói vua Trường Thọ giàu có, đời sống yên vui, không binh lính phòng ngự. Ta muốn chiếm đoạt nước ấy.

- Tâu bệ hạ, Phải đấy!

Thế rồi, vua khởi binh chinh phạt nước vua Trường Thọ. Vua Trường Thọ hay tin bèn hội họp quần thần nói:

- Vua ấy chỉ vì tham tài sản nước ta mà gây chiến, nếu như ta đánh trả thì dân chúng sẽ bị thương tổn. Vì tranh giành đất nước mà sát hại dân lành ta không nỡ.

Quần thần không đồng ý bèn kéo quân ra biên giới nghinh chiến. Còn vua và Thái tử vượt khỏi kinh thành vào chốn thâm u lánh nạn.

Vị vua tham lam chiếm được nước của vua Trường Thọ. Không thấy vua ở đâu liền tuyên bố khắp nơi: “ Ai bắt được vua Trường Thọ ta thưởng vàng ngàn cân tiền ngàn vạn”

Về sau, vua Trường Thọ đến bên gốc cây, gặp một Bà-la-môn. Vua hỏi:

- Sao ông lại đến đây?

- Tôi là đạo sĩ nghèo nàn, nghe nói vua Trường Thọ rộng lòng bố thí, nên tôi từ xa đến đây để mong được bố thí.

Vua nghĩ: "người này đến xin ngay lúc ta mất nước". Vua rơi lệ nói:

- Ta chính là vua Trường Thọ đây! Hoàn cảnh ta thế nầy thì giúp đỡ được gì! hai người đểu bật khóc. Vua nói:

- Ta nghe tin vua mới truyền rao, ai tìm được ta sẽ được trọng thưởng. Khanh nên lấy đầu ta đến đó để lảnh thưởng.

- Tôi thật không dám làm theo lịnh Ngài.

- Khanh đã khổ nhọc từ xa đến tìm ta. Ta nghĩ con người ai rồi cũng phải chết, ta muốn giúp đỡ ông sao ông lại từ chối.

- Sao chúng ta nỡ giết hại lẫn nhau?

- Ta nhứt định muốn bố thí, khanh hãy cùng ta về cung.

Hai người cùng nhau đi đến cửa thành. Vua bảo đạo sĩ trói Ngài lại đem giao cho tham vương. Tham vương liền thưởng vàng bạc cho đạo sĩ rồi đem vua Trường Thọ đến ngã tư đường để giết. Lúc sắp nổi lửa, nhân dân khắp nơi trong nước đều kêu than. Thái tử nghe được liền đến đó thấy cha sắp bị hành hình, lòng vô cùng đau đớn. Vua sợ Thái tử báo thù nên ngưỡng mặt lên Trời nói rằng: "cái chết thế này, ta rất vui. Làm con chi hiếu, con chớ nên oán hận, chớ nên báo thù".

Thái tử Trường Sanh không nỡ nhìn cha bị giết liền trở lại chốn rừng sâu.

Sau khi vua Trường Thọ chết, Thái tử Trường Sanh nghĩ: "lòng nhân từ của cha ta thật cao cả, đến chết cũng không lay chuyển. Vị vua tham lam này không hiểu biết, không phân biệt thiện ác, giết cha ta oan uổng, ta không thể chịu nỗi. Nếu ta không giết hắn để trả thù cho cha ta, ta thề không sống".

Thái tử liền cải trang, đến làm thuê trồng rau cải cho một vị đại thần. Rau cải Thái tử Trường Sanh trồng thật tươi tốt. Thấy vậy, đại thần hỏi người giữ vườn. Người giữ vườn đáp:

- Hạ thần vừa thuê được một người trồng vườn rất siêng năng.

Quan đại thần gọi Thái tử Trường Sanh đến hỏi:

- Ngươi có biết nấu ăn không?

- Dạ biết!

Về sau quan đại thần mời vua đến dùng cơm, vua ăn cảm thấy ngon liền hỏi:

- Thức ăn này do ai làm vậy?

- Do người làm thuê ở nhà hạ thần.

Vua liền gọi người làm thuê về cung làm đầu bếp cho vua.

Ít lâu sau, vua hỏi Trường Sanh:

- Ngươi có giỏi về binh pháp không?

- Đó là sở trường của tôi.

Vua liền cho Trường Sanh theo hầu hạ bên cạnh mình.

Một hôm, vua nói với Trường Sanh:

- Ta rất lo sợ gặp phải oán thù, ngươi phải thường ở bên cạnh bảo hộ cho ta.

- Xin vâng lịnh! Hạ thần sẽ chấp hành theo mệnh lệnh đại vương.

Ngày hôm sau vua hỏi:

- Ngươi thích di săn không?

- Thuở nhỏ hạ thần rất thích săn bắn.

Vua ra lịnh chuẩn bị xa giá để cùng Trường Sanh đi săn. Vào rừng, vua và Trường Sanh mãi mê đuổi theo thú, nên bị lạc vào trong núi sâu. Trải qua ba ngày đói khát mệt nhọc, vua xuống ngựa tháo kiếm giao cho Trường Sanh nói:

- Ta mệt quá ngươi ngồi xuống cho ta kê đầu lên gối nghĩ một lát.

Vì quá mệt mõi nên vừa năm xuống vua đã thiếp đi. Thái tử Trường Sanh rút kiếm ra muốn giết tham vương bỗng nhớ lại lời cha liền tra kiếm vào vỏ. Thái tử lẩm như thế ba lần. Bất chợt, vua giậc mình tỉnh giấc nói với Trường Sanh:

- Ta mộng thấy con cua vua Trường Thọ muốn giết ta. Trường Sanh nói:

- Chắc là thần hồn của vua làm Ngài sợ hãi, nhưng rồi cũng sẽ tha cho Ngài thôi.

Trường Sanh nói tiếp:

- Ta chính là Thái tử Trường Sanh, con vua Trường Thọ đây. Từ lâu, ta đã muốn giết đại vương. Nhưng lúc cha ta sắp chết có dặn dò ta chớ nên báo thù. Ta nhớ lời cha ta dạy nên đành buông kiếm. Nhưng tôi sợ sau này lỡ mê mờ quên lời dạy của cha ta. Vậy, Ngài hãy giết tôi đi.

Vua hối hận nói:

- Ta là kẻ hung ác ngang ngược, không biết thiện ác, cha ngươi là bậc hiền lương nhân từ đến chết cũng không thay đổi. Ngược lại ta quá tham lam độc ác chẳng biết gì. Nay mạng sống của ta nằm trong tay ngươi, vì nhớ lời nhân từ của cha mà ngươi không giết ta. Ta thành thật cảm tạ ân đức ngươi. Nay ta muốn trở về nên đi đường nào đây?

- Tôi biết đường đi, nhưng cố tình dẫn bệ hạ đi lạc để báo thù

thôi.

Hai người ra khỏi rừng liền theo đường mòn trở về. Về cung, vua tuyên bố trả nước cho Thái tử Trường Sanh và cùng Trường Sanh kết tình huynh đệ. Thề không xâm lấn, có vật quý cống hiến cho nhau. Gặp hoạn nạn giúp đỡ lẫn nhau.

Phật bảo, vua Trường Thọ chính là ta, Thái tử Trường Sanh là A-nan, còn tham vương là Điều Đạt vậy.

(Trích kinh Trường Thọ)

4. THÁI TỬ NƯỚC GIÀ-LA XẤU XÍ, DÙNG TRÍ LẤY LẠI VỢ:

Thuở xưa, vua nước Già -la không có con nối dõi nên rất lo buồn. Một hôm, vua nói với Hoàng hậu:

- Ái khanh hãy trở về quê nhà, để tìm cách sanh con nối dõi!

Hoàng hậu không nói gì. Bà buồn khóc rồi từ biệt vua ra đi.

Buồn bã cùng cực, Hoàng hậu muốn tìm đến cái chết. Bà định sẽ gieo mình xuống núi bỏ xác trong rừng sâu.

Thấy vậy, Đế thích động lòng thương. Ngài thầm nghĩ: Hoàng hậu đời trước vốn là chị ta, nay vì không con nối dõi mà phải tìm đến cái chết.

Vì thương chị, Đế thích bay xuống, cầm một dĩa đầy quả đưa cho Hoàng hậu:

- Hoàng hậu hãy ăn hết dĩa quả này thì sẽ sanh được Thánh Tử, Thánh tử sau này sẽ là người tài giỏi nhất thiên hạ. Nếu vua nghi ngờ thì Hoàng hậu hãy đưa dĩa thần này ra làm chứng.

Hoàng hậu theo lời Đế thích ăn hết dĩa quả ấy. Hoàng hậu ăn xong, Đế thích biến mất.

Hoàng hậu bỗng thấy thân thể nặng nề, liền trở lại cung. Gặp vua, Hoàng hậu trình bày mọi việc.

Về sau, Hoàng hậu hạ sanh Thái tử. Thái tử dung mạo xấu xí, nhưng rất thông minh hiếu động mưu trí không ai bằng, lại có khả năng vật nổi voi và đuổi kịp chim ưng, tiếng nói vang vang như tiếng rống sư tử. Nhờ vậy, danh tiếng Thái tử vang xa khắp nơi.

Đến tuổi trưởng thành, vua cưới công chúa Nguyệt Quang con vua nước lân cận cho Thái tử. Công chúa Nguyệt Quang rất xinh đẹp. Về sau vua lại cưới thêm bảy cung phi nữa cho Thái tử. Hoàng hậu sợ công chúa Nguyệt Quang chê hình dáng của Thái tử nên dối nói:

- Theo tục lệ nước ta, ban ngày vợ chồng không được gặp nhau.

Tục này rất quan trọng, không ai được vi phạm.

- Con xin vâng lời!

Từ đó về sau, Thái tử ra vào đều che mặt.

Bấy giờ trong nước có việc hiềm thù với bảy nước lân cận. Vì chiến tranh kéo dài dân chúng khắp nơi than oán. Thái tử nghĩ: “Ta sẽ dùng quyền uy này để giúp dân được an, nhưng ta quá xấu sợ Nguyệt Quang thấy được sẽ xa lánh ta”.

Thái tử đến thưa mẹ:

- Con muốn cho Nguyệt Quang gặp mặt con một lần

- Con quá xấu, Nguyệt Quang lại quá đẹp, Không thể được đâu!

Thái tử xin mãi, Hoàng hậu đành chiều con dẫn Nguyệt Quang đến gặp Thái tử. Thái tử giả làm người chăn gia súc. Nguyệt Quang thấy Thái tử nói:

- Thế gian này lại có người xấu đến thế sao!

- Tiên vương trước kia cũng là người chăn gia súc. Hoàng hậu nói.

Hoàng hậu lại dẫn Nguyệt Quang đến xem voi, Nguyệt Quang lại thấy người chăn gia súc khi nãy. Nàng nghi ngờ đó là Thái tử. Nàng thưa với Hoàng hậu:

- Thưa mẫu hậu! Con muốn gặp mặt Thái tử!

Hoàng hậu cho gọi người em của Thải Tử. Thái tử và các quan cùng đi theo. Nguyệt Quang thấy người em lầm tưởng Thái tử, Nàng rất vui.

Lát sau, khi Nguyệt Quang đi dạo trong vườn, Thái tử liền trèo lên cây hái trái ném vào lưng Nguyệt Quang. Nàng nghĩ: Chỉ có Thái tử mới dám làm việc ấy.

Tối hôm đó, đợi lúc Thái tử ngủ say, Nguyệt Quang lén lấy đèn soi vào mặt Thái tử. thấy được dung mạo Thái tử, Nàng sợ hãi trốn về nước của vua cha.

Hoàng hậu tức giận nói:

- Con phải tìm Nguyệt Quang trở về!

- Nguyệt Quang ra đi, thì thiên hạ sẽ thái bình!

Thái tử từ biệt hoàng cung đi đến nước của Nguyệt Quang. Thái tử giả làm thuê cho một nhà thợ gốm, lại vào thành làm thuê cho người thợ nhuộm, lại giữ ngựa thuê cho một vị đại thần, cuối cùng làm quan đầu bếp chuyên nấu nướng thức ăn cho Hoàng cung.

Vua nước này có tám người con gái. Nguyệt Quang là người con út. Bảy người chị của Nguyệt Quang đều rất thích những món ăn do

Thái tử nấu, riêng Nguyệt Quang thì không để ý.

Đế thích biết chuyện Thái tử. Ông nghĩ: Bồ-tát vì muốn cứu độ chúng sanh nên tìm đến nơi này, Ta sẽ tìm cách giúp đỡ Ngài.

Đế thích biến hóa làm bảy lá thư của cha Nguyệt Quang gửi cho quốc vương của bảy nước ngỏ ý muốn gả công chúa Nguyệt Quang, nhằm khiêu khích bảy nước đánh nhau. Cả bảy quốc vương đều cùng lúc đem lễ vật đến cầu hôn Nguyệt Quang. Họ tranh giành kiện cáo lẫn nhau, ai cũng đều có một lá thư của vua cha Nguyệt Quang. Họ hùng hổ đòi tiêu diệt lẫn nhau, không thể bỏ qua được. Cuối cùng, họ nghĩ: Chỉ vì một người con gái mà bảy nước sanh oán thù, thì thật là vô lý, tốt nhất là phải liên kết đánh tan nước này để rửa hận.

Nghe vậy, vua cha Nguyệt Quang vô cùng sợ hãi nghĩ: Tai họa hôm nay là do việc làm đời trước của ta, ta phải gánh lấy. Ông liền gọi Nguyệt Quang đến nói:

- Con đã làm vợ người ta, nếu gặp phải người chồng thông minh hay ngu si, đẹp hay xấu, đều do nghiệp đời trước của con, thì con phải gánh lấy. Vậy mà con không giữ trinh tiết, không nghe lời cha mẹ, phụ bạc chồng mình bỏ về đây, để giờ này đất nước phải chịu tai họa. Ta sẽ phân thân con làm bảy phần để tạ tội với các quốc vương.

Nguyệt Quang khóc lóc thưa:

- Xin phụ vương thương tình cho con hoãn lại một thời gian để chiêu mộ người tài trí trừ diệt tai họa này.

Vua thông báo khắp nơi:

- Nếu ai trừ được họa này ta sẽ gả công chúa Nguyệt Quang cho.

Nghe tin, Thái tử đến trước vua tâu:

- Tâu bệ hạ! Ngài hãy mau ra lệnh cho xây một tòa nhà cao, thì tôi sẽ trừ được họa này!

Nhà xây xong, Thái tử giả bệnh trượt chân té xuống đất và đòi Nguyệt Quang phải đỡ dậy thì mới thắng được quân địch.

Khi ấy, vì Nguyệt Quang sợ cảnh chém giết nên bỏ lên nhà cao.

Thái tử cất tiếng nói âm thanh chấn động khắp nơi:

- Tiếng rống sư tử là dụ cho chánh Pháp của Phật. Chúng ta muốn thu phục lòng dân phải có tâm từ. Nay các ông chỉ vì sắc mà sân giận khởi binh làm nước mất nhà tan. Xin các người hùng uy nghi của bảy nước hãy suy nghĩ lại mà trở về nước mình.

Thái tử lại tâu vua:

- Tâu bệ hạ! Bảy vị vua kia đều tài giỏi, vua còn bảy công chúa, sao lại không gả cho họ. Bảy chàng rể này sẽ giữ gìn đất nước của vua

khiến cho đất nước hòa bình nhân dân được yên vui!

- Hay thay! Đây là một ý kiến hay.

Vua gả bảy người công chúa chị của Nguyệt Quang cho bảy vị quốc vương, Nguyệt Quang thì gả cho Thái tử. Tám chàng rể đều rất kính trọng vua, nên dân chúng rất vui mừng. Vua biết được Thái tử là chồng cũ của Nguyệt Quang, nên đãi tiệc rất thịnh soạn, chuẩn bị binh sĩ cùng tháp tùng theo hai người trở về nước.

Về sau, chín nước bình yên, nhân dân no ấm. Họ cùng tán thán: Trời ban cho chúng ta một bậc Thánh công đức nhiều vô lượng.

Một năm sau, vua băng hà. Thái tử lên ngôi, Ngài thương dân như con đỏ, dùng ngũ giới, lục độ, bát quan trai, thập thiện giáo hoá muôn dân. Trong nước các tai hoạ đều dứt trừ, dân giàu nước mạnh, chánh pháp được lưu hành, mọi người đều phụng trì Tam bảo. Phước đức ngày càng tăng trưởng, nên các tật bệnh đều tiêu diệt.

Đời trước, Bồ-tát làm một nông phu. Một hôm hai vợ chồng cùng đi làm ruộng, chồng bảo vợ về lấy thức ăn. Xa thấy vợ mình trở lại cùng với một vị Bích chi Phật, hai người đi khuất sau lưng núi rất lâu, người chồng sanh tâm nghi ngờ, giận dữ muốn cầm cuốc đến đánh vị Bích chi Phật. Nhưng khi đến nơi, người chồng thấy vợ đang dâng phần cơm của mình cúng dường vị Sa-môn, rồi đứng chấp tay bên cạnh. Vị Sa-môn thọ thực xong, ném bát lên Hư không, bát phát ra ánh sáng rực rỡ. Ngài lại phi hành trên không trung, rồi trở lại mặt đất. Người chồng thấy vậy hổ thẹn nghĩ: “vợ mình có phước đức lớn mới gặp được bậc tôn quý này. Ta quá ngu si sanh tâm nghi ngờ, ắt sẽ chịu quả báo về sau”. Anh liền nói với vợ:

- Phước đức nàng cúng dường cho ta cùng chung, còn phần cơm này, chúng ta cùng ăn nhé!

Đến lúc mạng chung, hai người đều được sanh vào dòng dõi vua chúa. Người vợ nhờ phước đức cúng dường, nên sanh ra được thân hình đẹp đẽ, Người chồng vì trước sân giận, sau mới hoan hỉ, nên lúc đầu xấu sau đẹp.

Phật nói, Thái tử chính là thân ta, Nguyệt Quang là Câu-di, Hoàng hậu là thân mẫu Xá Di, Đế thích là Di-lặc.

Bồ-tát đời đời nghĩ đến chúng sanh, luôn tìm cách cứu vớt chúng sanh ra khỏi chốn tối tăm.

(Trích kinh Già La Quốc Vương)

5. THÁI TỬ MỘ PHÁCH BIẾT ĐƯỢC TÚC MỆNH:

Thái tử con vua nước Ba-la-nại tên là Mộ Phách, tướng mạo rất tuấn tú. Vì biết được những việc làm thiện ác tốt xấu thọ yểu của mình trong vô số kiếp về trước nên đã mười ba tuổi mà Thái tử không biết nói. Dù đói hay lạnh Ngài vẫn một mực im lặng. Tuy Ngài có tai mắt mà như không thấy nghe, trí tuệ sâu rộng mà lại như người vô tâm, không nói năng như người câm điếc, như kẻ ngu khờ.

Nhà vua có một người con duy nhất, nên muốn lập Thái tử lên nối ngôi vua trị vì thiên hạ. Nhưng Thái tử lại như vậy nên nhà vua rất lo buồn, thẹn với các nước láng giềng, sợ họ cười chê.

Một hôm, Ngài cho vời các Bà-la-môn trong nước đến hỏi, nguyên nhân Thái tử không biết nói. Các Bà-la-môn đều đáp:

- Thái tử tuy mặt mũi khôi ngô nhưng bên trong ẩn điều không lành, không bao lâu sẽ hại cha mẹ, nguy đất nước, diệt tổ tông. Nếu người nầy lại sanh con thì sẽ là những đứa con xấu ác như vậy. Để phòng ngừa thì bệ hạ nên chôn sống Thái tử thì mới bảo toàn được tánh mạng và duy trì đươc ngai vàng của tổ tông. Sau này, chắc chắn Ngài sẽ sanh được quý tử nối dõi. Nếu bệ hạ không làm theo lời chúng thần thì rất nguy hại.

Vua nghe những lời ngông cuồng ngu si ấy tin là sự thật nên buồn rầu lo lắng đứng ngồi không yên, không nghe kỷ nhạc cũng không màng đến việc ăn ngon mặc đẹp. Ngài cho triệu các vị đại thần kỳ cựu đến để bàn bạc xem nên đem Thái tử bỏ vào trong rừng sâu núi thẳm,hay quăng xuống sông. Có vị đại thần tâu:

- Tâu bệ hạ, chúng ta nên đào một cái hầm sâu giống như cái nhà, rồi bỏ Thái tử xuống dưới và cho năm ngươi hầu, đồng thời cung cấp lương thực đầy đủ. Thái tử có những thứ gì thì đem theo cho Ngài.

Vua làm theo ý kiến của vị đại thần ấy.

Thái tử thương cho những kẽ ngu si. Riêng Hoàng hậu vì quá thương con nên rất đau lòng. Bà nói:

- Con ta bạc mệnh nên gặp phải hoạ này.

Hoàng hậu khóc lóc thảm thương nhưng không dám ngăn cản, đành để cho họ đem con đi.

Nhà vua hạ lệnh thu xếp tất cả y phục chuỗi anh lạc, châu báu của Thái tử đem theo, và cho người theo hầu. Lúc mọi người đang đào hầm, Thái tử ngồi trên xe suy nghĩ: "Vua và thần dân đều cho rằng ta câm điếc ngu si. Nhưng họ đâu biết sở dĩ ta không nói là vì ta muốn xả duyên thế gian, tránh phiền não thoát khổ đau. Nay vì những lời điên

cuồng dối trá mà phụ vương nỡ chôn ta dưới hố”.

Thái tử bèn lấy chuỗi anh lạc châu báu đến bên sông tắm rửa sạch sẽ, dùng hương thơm thoa chà lên thân rồi mặc y phục và đeo các trang sức vào. Sau đó, Ngài trở lại chỗ đào hầm hỏi:

- Các ngươi đào hầm để làm gì thế?

Người đào hầm đáp:

- Thái tử Mộ Phách câm điếc ngu khờ, đã mười ba tuổi lại không nói chuyện chúng tôi đào hầm là để chôn sống Thái tử.

- Ta chính là Mộ Phách đây!

Mọi ngươi hoảng sợ chạy tìm nhưng không thấy Thái tử. Họ bèn trở lại quan sát kỹ lưỡng Thái tử. Nghe giọng nói khác thường, diện mạo sáng như trăng rằm, ở đời hiếm có, tất cả đều đứng dậy, loài chim bay thú chạy cũng đều đến phủ phục trước Thái tử để nghe Ngài nói:

- Hình vóc của ta như thế này, tại sao phụ vương ta lại tin theo bọn ngu si lừa dối mà chôn sống ta?

Lời nói của Ngài rành mạch, rõ ràng khiến cho mọi người đều sợ hãi, tất cả đều dập đầu lạy, cầu xin Ngài thương xót thứ tha.

Thái tử nói:

- Ta đã bị bỏ rơi, thì không bao giờ trở lại hoàng cung nữa. Ta sẽ đi học đạo!

Người hầu nghe thế lập tức chạy về bẩm báo với vua. Vua nghe tin vừa buồn vừa mừng liền cùng Hoàng hậu xa giá đến đón Thái tử hồi cung.

Bấy giờ, Trời Đế thích hoá ra vườn cây xum xuê tươi tốt, làm nơi Thái tử tu hành. Thấy vua đến, Thái tử liền đứng dậy nghinh đón, mời ngồi và thăm hỏi nhau. Nghe âm thanh vang vang chấn động Trời đất của Thái tử, nhà vua vô cùng vui mừng. Vua bảo Thái tử về cung thay vua trị vì thiên hạ, còn nhà vua sẽ thoái vị ẩn cư. Thái tử thưa:

- Thưa phụ hoàng, không thể được. Vì con chán cái khổ ở địa ngục, không muốn trở lại nơi ấy một lần nữa. Vào thời quá khứ, con từng làm vua tên là Khoảnh Nhiệm. Bấy giờ con dùng chánh pháp để trị nước, luôn làm cac điều thiện. Trong suốt hai mươi lăm năm không hề động đến đao binh, không hề có tội nhân trong ngục. Con ban bố lòng nhân đức cùng khắp, cứu giúp kẻ nghèo khốn mà không có lòng tham tiếc. Tuy làm rất nhiều việc thiện, nhưng con chỉ lỡ phạm một số lỗi nhỏ mà khi chết còn bị đoạ vào địa ngục hơn sáu ngàn năm, bị hầm nấu lột xé vô cùng thống khổ, muốn chết không được muốn sống không xong. Lúc ấy, phụ hoàng và mẫu hậu đang sống trong cảnh giàu sang

phú quý nào biết được con đang bị tra khảo thống khổ ở trong địa ngục, nếu biết được, hai người há có thể đến chia xẻ bớt nỗi thống khổ cho con? Con bị tội đoạ là vì đời trước con làm vua thống lãnh các nước nhỏ tuy rất nhân từ giới đức nhưng pháp lệnh không nghiêm nên bị vua các nước xem thường, họ họp bàn với nhau:

Vua nước này đã hiền lại nhu nhược, không thể thống lãnh một nước lớn như thế. Chúng ta nên truất phế ông ta.

- Thế là, họ cùng cử binh đến đánh nước vua Khoảnh Nhiệm. Lúc ấy, vua Khoảnh Nhiệm đang đem tiền của bạc vàng châu báu bố thí cho dân chúng các nơi, lại đem bổng lộc chức tước ban phát hậu hĩnh cho các nước nhỏ để phủ dụ khích lệ họ. Vua về cung chưa bao lâu lại bị quân các nước nhỏ vây đánh. Các đại thần tâu:

- Vua các nước nhỏ ngu si, bất nghĩa, không sợ mang tội mưu sát trái nghịch xúc phạm đấng tối tôn, khiến cho dân chúng lo sợ hoang mang ngày đêm phòng bị, xin bệ hạ diệt bọn giặc ấy để trừ đi tai họa.

Vua nói:

- Làm cha mẹ của dân thì nên dùng đức nhân từ để giáo hoá, tha thứ cho người, nuôi dưỡng muôn vật, cứu giúp mạng sống chúng sanh. Bọn người kia ví như con trẻ, ta thương xót chúng không hiểu biết nên ta phải từ từ dẫn dắt chỉ bảo họ chứ không nỡ làm hại.

Vua thương tiếc mạng sống của muôn loài, tuyệt đối không đem quân ra chống cự. Nhưng quần thần không chịu ngồi yên nhìn quân các nước nhỏ mặc ý cử binh tàn hại lê dân. Nhà vua xót thương rơi nước mắt, mặc tang chế cho nhân dân các nước bị giết. Vua các nước nhỏ, thấy vua Khoảnh Nhiệm có lòng từ bi thương xót lê dân, nên đều đầu hàng Ngài.

Nhà vua hạ lệnh yến tiệc thịnh soạn để thết đãi mọi người. Quan đầu bếp tâu vua xin giết lục súc. Tuy vua có lòng nhân từ nhưng bất đắc dĩ phải đồng ý.

Chỉ bấy nhiêu đó mà tôi phải bị tội đoạ địa ngục. Mỗi khi nghĩ đến thì sợ đến toát mồ hôi. Đến kiếp này, tôi luôn sợ vô ý phạm phải lỗi lầm như đời quá khứ nên muốn im lặng để thoát ra khỏi trần lao, vĩnh viễn xa rời thế tục, Tránh khỏi tai ách. Nhưng im lặng không nói lại bị nạn chôn sống. Vì sợ đời sau phụ hoàng mắc phải tai ương cho nên con phải nói chuyện. Con không thích làm vua chỉ muốn giữ tâm y rỗng rang vắng lặng. Thế gian như mộng không thật. Gia đình vui vầy chỉ trong chốc lát, mạng sống sợ không kéo dài, vui ít khổ nhiều vô cùng khổ não. Cho nên người trí xem đất nước, tài sản ân ái chỉ là thứ buộc ràng,

dục lạc là trần lao. Giả sử con làm vua mà kiêu ngạo xa hoa, thích tìm cầu khoái` lạc khiến dân chúng khổ sở, thì chỉ là đại hoạn cho thiên hạ. Nay con muốn xả bỏ tìm về cội nguồn, cứu vớt những người chưa được độ. Để một mai chết đi thì có chỗ nương nhờ. Kiếp này con nguyện không tham phú quý, không trọng trân bảo, xả bỏ vinh hoa thế gian, chỉ nghĩ nhớ đến đạo cả, đạt trí tuệ giác ngộ, cứu khổ cho thế gian.

Nhà vua nói:

- Con là người trí không thể hành động tuỳ tiện như vậy!

- Tâu phụ vương, phụ vương bỏ con, làm cho cốt nhục chia lìa, đây là việc làm vô cùng tội lỗi. Giờ phụ vương có nói thế nào cũng chỉ uổng công vô ích mà thôi.

Nhà vua thấy ý con đã quyết, bối rối không biết nói gì. Cuối cùng Ngài nói:

- Nếu như đời trước con làm vua, thực hành các hạnh lành, chỉ vì phạm một lỗi nhỏ mà còn chịu tội khổ như vậy. Nay ta trị nước không hành theo chánh pháp, đã không làm chút điều thiện nào, chỉ làm toàn những điều sai quấy, tội lỗi phải chịu thật nguy khốn biết chừng nào.

Vua đành chấp thuận cho Thái tử đi học đạo.

Thái tử từ bỏ ngai vàng và các việc ở thế gian, một lòng tinh tấn tu tập, tích luỷ công hạnh cho đến nay.

Phật nói:

- Thái tử Mộ Phách chính là ta, vua cha chính là Duyệt Đầu Đàn, còn Hoàng hậu nay là Hoàng hậu Ma-da. Thầy xem tướng là Điều Đạt. Những người hầu xưa kia nay là năm ông A nhã Câu lân v.v...

(Trích kinh Thái tử Mộ Phách)

6. VƯƠNG TỬ TÁT ĐOẢ XẢ THÂN CỨU HỔ:

Thuở xưa, vua Ma-ha-la-đà tu hành thập thiện nên đất nước được bình yên. Vua có ba người con, hoàng tử thứ nhứt tên Ma-ha-ba-na-la, hoàng tử thứ hai tên Ma-ha-đề-bà, hoàng tử út tên Ma-ha-tát-đoả.

Một hôm, ba anh em ra ngoài dạo chơi và dừng lại nghĩ ngơi nơi vườn trúc. Nhìn về phía trước bỗng thấy một con hổ mới sanh được bảy ngày, bảy hổ con nằm quanh hổ mẹ. Hổ mẹ đói khát cùng cực, thân thể suy mòn, cái chết gần kề. hoàng tử thứ nhất nói:

- Con hổ này không tìm được thức ăn, đói khát bức bách ắt trở lại ăn thịt con mình.

Hoảng tử út nghe vậy hỏi:

- Hổ thường ăn vật gì?

- Nó thường ăn thịt.

- Ai có thể cho nó ăn?

Hoàng tử thứ hai nói:

- Mạng sống của con hổ này không còn bao lâu nữa, nếu không tìm được thức ăn, nhứt định nó sẽ chết. Ai dám đem thân mạng mình để bố thí cho hổ.

Hoàng tử thứ nhứt nói:

- Vật khó xả bỏ nhất của con người là thân mạng.

Hoàng tử thứ hai nói:

- Người đời kém cỏi, tham tiếc sâu nặng, không thể xả thân, nghe xả thân thì rất kinh sợ. Chỉ có bậc đại sĩ lòng từ sâu rộng, làm lợi ích cho người, thì thân mạng họ cũng không đáng kể.

Hai người anh buồn bã nhìn hổ hồi lâu rồi bỏ đi.

Hoàng tử út thấy vậy nghĩ: Đến lúc ta phải xả bỏ thân mạng! Từ xưa đến nay không có nơi nào ta không bỏ thân mạng này, vì thế mà khi sanh ra nơi nào ta cũng đều được đầy đủ mọi thứ như: nhà cửa, y phục, ăn uống... Người đời không biết ân ái là oán gia. Tất cả mọi vật ở thế gian đều là vô thường không có lợi ích, đáng ghét như giặc, như đồ dơ uế. Nay ta nguyện đem thân này làm chiếc cầu lớn bắc qua sông sanh tử. Thân này do vô lượng bệnh hoạn, trăm ngàn sợ hãi, đại tiểu tiện, gân, huyết, da, tuỷ cùng liên kết với nhau mà hình thành. Ta nên xả thân này để cầu Niết-bàn tịch diệt Vô thượng, vô lượng thiền định, trí tuệ, công đức đầy đủ, thành tựu pháp thân vi diệu, ban cho chúng sanh các pháp an vui.

Hoàng tử sợ hai anh mình thương em mà ngăn cản liền thưa với hai anh:

- Hai anh cùng quyến thuộc nên trở về nghĩ trước đi!

Hoàng tử Ma-ha-tát-đoa trở lại chỗ hổ, cởi áo móc lên cây trúc, rồi lập thệ nguyện: “Ta bỏ thân này nguyện được trí Bồ-đề, mãi mãi xa lìa ba cõi”.

Nói xong, hoàng tử liền buông mình xuống trước mặt hổ. Nhưng hổ quá đói không thể ăn được. Hoàng tử liền lấy cành trúc khô đâm vào cổ mình, máu tuôn xuống đất. Lúc ấy đại địa chấn động, ánh sáng mặt Trời vụt tắt, Trời mưa các thứ hoa và các hương thơm. Trong không trung có tiếng tán thán: “Đây là việc chưa từng có”.

Hổ liền liếm máu, cơ thể dần dần hồi phục, rồi nó đến ăn thịt Thái tử. Nó mạnh mẽ trở lại như xưa. Hoàng tử Tát-đoả chỉ còn lại bộ xương.

(Trích kinh Kim Quang Minh quyển 4)

7. THÁI TỬ NHƠN DƯỢC CỨU NGƯỜI BỆNH:

Thời quá khứ, người cõi Diêm-phù-đề mắc nạn bệnh dịch vô cùng khốn khổ. Vua cõi Diêm-phù-đề bấy giờ tên là Ma-hê-tư-na, thống trị 84. 000 thành lớn, uy thế lẫy lừng. Từ khi Hoàng hậu mang thai tay bà chạm đến người nào thì người đó liền hết bệnh. Ít tháng sau, Hoàng hậu hạ sanh một hoàng nam, vừa lọt lòng mẹ Thái tử đã nói:

- Ta có thể trị bệnh.

Trong khi hạ sanh Thái tử, các Trời quỷ thần trong cõi Diêm-phù-đề cùng xướng lên rằng:

- Thái tử mới sanh ra chính là người thuốc.

Lời này truyền đi khắp nơi nên vua đặt tên Thái tử là Nhơn Dược. Những người mắc bệnh đến, Thái tử liền dùng tay hoặc dùng thân chạm vào thì người bệnh liền khỏi hẳn, trong lòng vô cùng vui sướng. Thái tử trị bệnh suốt một ngàn năm mới qua đời. Những người bệnh nghe tin Thái tử đã chết buồn bã khóc than: “Rồi đây ai sẽ cứu dân chúng thoát khỏi căn bệnh quái ác này”.

Họ hỏi thăm nơi hỏa thiêu thi thể thái tư rồi đến đó lấy xương giả nhuyễn để thoa vào người, bệnh liền khỏi. Khi bột xương đã hết, những người bệnh chỉ cần đến chỗ thiêu Thái tử bệnh cũng lành.

Phật nói:

- Thái tử Nhơn Dược nay chính là ta.

(Trích kinh Tạng Bồ-tát quyển hạ)

8. THÁI TỬ TRẢ CHUYỆN TÚC MẠNG LẠI CHO PHẬT:

Có một vị Thái tử muốn biết túc mạng của mình nên đến hỏi Phật. Đức Phật bảo:

- Không nên biết vì nó chỉ khiến cho người ta buồn thôi!

Thái tử cố nài nĩ đến lần thứ ba, Phật mới trao giới, khiến cho người ấy biết được túc mạng của mình.

Bấy giờ, Thái tử thấy kiếp trước đó của mình mới mười lăm tuối đã chết, được an táng theo nghi lễ của vương gia. Trên mộ có trồng một cây bách lớn, Thần thức của Thái tử còn lẩn quẩn nơi thân, thấy rễ cây bách sanh trưởng xuyên qua tim sẽ làm tim sống lại. Bấy giờ, từ giữ a cây bách mọc ra lá Thái tử thấy có dê đến ăn. Thái tử nghĩ: “Con dê ăn lá bách sẽ làm hại đến mình.”

Khi dê đến ăn, thần thức vào trong ruột dê rồi theo phân ra ngoài. Quan làm vườn lấy phân dê có thần thức bón cải. Thần thức lại nương vào lá cải. Lúc ấy, Hoàng hậu muốn ăn cải, quan làm vườn bèn ra vườn

cắt cải. Vì sợ bị dao làm hại nên thần thức rất lo buồn. Quan làm vườn cắt cải bó lại dâng lên quan làm bếp. Quan đầu bếp lấy cải làm thức ăn dâng lên Hoàng hậu, thần thức Thái tử vào trong ruột gá vào thai Hoàng hậu. Đủ ngày tháng, sanh ra Thái tử. Khi Thái tử lớn, biết túc mạng, liền đến chỗ Phật nói:

- Nay con đem cái biết túc mạng ấy trả lai cho Ngài!

Phật bảo Thái tử:

- Lúc ấy ta không muốn cho con biết, nhưng con vẫn một mực. Giờ biết rồi lại hối hận!

(Trích kinh Tạp Thí Dụ quyển 8)

9. KỲ BÀ HỌC NGHỀ:

Thành Vương xá có một thiếu nữ tên La-bạt-đề. Vua cho xây một lầu xanh cho La-bạt-đề và ra giá nếu ai cùng cô này ngủ qua đêm phải trả hai trăm lượng vàng. Người ở các nơi thấy La-bạt-đề đều trầm trồ khen ngợi.

- Thái tử Vô Úy con của Bình Sa Vương, ngủ qua đêm với cô gái ấy. Cô liền mang thai. Trong thời gian mang thai, cô đóng cửa phòng không tiếp khách.

Đến ngày sinh nỡ, La-bạt-đề sinh ra một bé trai khôi ngô tuấn tú. Cô liền lấy vải trắng quấn đứa bé lại rồi đem bỏ trong ngỏ hẻm. Thái tử Vô Uý, thấy bọc vải liền hỏi người hầu:

- Đây là vật gì thế?

- Đây là đứa trẻ.

- Sống hay chết?

- Còn sống.

Thái tử sai người bồng đứa trẻ về cho nhũ mẫu chăm sóc và đặt tên là Kỳ Bà. Đứa trẻ lớn lên trong tình thương yêu của Thái tử. Một hôm, Thái tử gọi nó lại bảo:

- Con sống trong vương phủ, nhưng không có tài cán gì thì không được hưởng suông bổng lộc của triều đình. Vậy con nên học lấy một nghề.

Kỳ Bà vâng lời liền đi đến nước Đắc-xoa-thi-la, học nghề thuốc với thầy họ A-đề-lê tên Tần-ca-la. Học được bảy năm, Kỳ-bà thưa với thầy:

- Con học nghề đến bao giờ mới xong?

Vị thầy liền đưa cho Kỳ-bà một cái sọt và một cái liềm cắt cỏ và bảo Kỳ-bà tìm trong vòng một do tuần xem loại cỏ nào không phải là

thuốc thì hái đem về. Kỳ-bà vâng lời thầy. Anh ta tìm mãi nhưng vẫn không hái được một cây nào. Anh ta nhận thấy cỏ cây cùng tất cả các thứ, nếu khéo phân biệt biết rõ công dụng của nó thì không có thứ nào không phải là thuốc. Liền trở về thưa lại với thầy. Vị thầy bảo:

Giờ con có thể ra đi, vì con đã học xong nghề thuốc. Ta là thầy thuốc hay nhất trong cõi Diêm-phù-đề này, sau này ta chết đã có con nối nghiệp.

Kỳ-bà trở về thành Bà-già-đà. Trong thành này, có vợ của một vị trưởng giả mắt bệnh đau đầu đã hai mươi năm. Biết bao thầy thuốc đã đến chữa trị nhưng vẫn không khỏi. Kỳ bà nghe thế liền đến nhà trưởng giả. Đến nơi, người gác cửa vào thưa lại với chủ. Vợ trưởng giả hỏi:

- Thầy thuốc tướng mạo ra sao?

- Thầy thuốc là một thanh niên trẻ tuổi

Bà ta nghĩ: Các vị trưởng lão nhiều kinh nghiệm trong nghề thuốc còn không trị khỏi bệnh của mình, huống chi là người trẻ tuổi thiếu kinh nghiệm. Nếu trị không tốn tiền thì ta mới trị thử.

Bà liền cho mời thầy thuốc vào.

Kỳ-bà đến phòng xem bệnh vợ trưởng giả, rồi lấy thuốc hay nấu với sữa tô, đem nhỏ vào mũi vào miệng vợ trưởng giả. Vợ trưởng giả sai người đến hứng lấy phần thuốc bà nhổ ra, phần sữa tô thì đem cất, phần còn lại mới đem đổ đi. Kỳ Bà thấy vậy nói:

- Chút sữa tô dơ này bà còn tiếc rẻ, nói chi đến việc trả công cho tôi.

- Phép nhà ta rất nghiêm nghặt nếu đổ đi thì có ích gì. Ta có thể dùng nó để đốt đèn. Ngươi chỉ là thầy trị bệnh quan tâm làm gì những chuyện nhỏ nhặt ấy!

Điều trị không bao lâu, bệnh vợ trưởng giả khỏi hẳn, bà thưởng công cho Kỳ-bà bốn mươi ngàn lượng vàng cùng nhiều nô tỳ và trâu ngựa. Kỳ Bà trở về thành Vương xá, vào cung của Thái tử Vô Úy kể lại mọi việc, đồng thời đem tất cả các vật có được dâng lên Thái tử. Đây là lần trị bệnh đầu tiên của Kỳ-bà.

(Trích luật Tứ Phần quyển 2 phần 3)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 33

HỌC ĐẠO THANH VĂN, CHƯƠNG CÁC QUỐC VƯƠNG THÁI TỬ

1. Quân Lân Nho ngộ đạo
2. Đế Tu xuất gia, đắc quả A-la-hán
3. Thái tử Kỳ-đà bỏ ngũ giới, tu thập thiện, chứng sơ quả
4. Cưu-na-la mất nhục nhãn, được tuệ nhãn
5. Các thái tử gặp Phật đều được ngộ đạo
6. Thái tử Tối Thắng gieo trồng phước đức kiên cố

1. QUÂN LÂN NHO NGỘ ĐẠO:

Vua Phạm-ma-nan thường cúng dường Phật và chúng Tăng. Mỗi lần đến ngày chay, vua dẫn đoàn tùy tùng đi đến chỗ Phật. Mỗi khi Phật thuyết pháp, vua đều hoan hỷ cung kính lắng nghe.

Thái tử Quân Lân Nho chí tâm tinh tấn, ngộ đời vô thường, không sanh, không tử, không tham vinh hoa ở đời, nên tâu với vua cha:

- Phật ở đời khó gặp, kinh pháp khó được nghe, con xin được làm Sa-môn.

Nhà vua chấp thuận. Quân Lân Nho từ giã vua cha đi đến chỗ Phật xin làm Tỳ-kheo. Đức Phật lấy tay xoa đầu thái tử, tóc trên đầu thái tử tự rụng, ca sa đắp trên thân, vâng giữ các giới trọng, ngày đêm tinh tấn tu hành, trải qua ba tháng đắc quả A-la-hán.

Bấy giờ, nhà vua chưa biết thái tử đã đắc đạo. Thấy con cần khổ, ăn uống đạm bạc, nên mỗi lần vua cha đến đều cúng dường thái tử khác hơn chúng Tăng. Vì tâm phân biệt, nên vua bảo thái tử: bảy báu thần kỳ, sơn hào hải vị trong nước ta không thiếu thứ gì, sao con cứ thích làm Sa-môn.

Nghe vua cha nói thế, Quân Lân Nho nhẹ nhàng cất mình lên trụ giữa Hư không, bay đi biến hóa, phân tán thân thể, xuất nhập không

ngừng.

Thấy vậy, vua cha buồn vui lẫn lộn, năm vóc sát đất lễ Quân Lân Nho. Đức Phật bảo Quân Lân Nho thuyết pháp Tứ đế khổ, không, vô thường cho vua cha. Nhà vua nghe xong, tâm ý khai mở, đắc quả Tu-đà-hoàn.

(Trích kinh Phạm-ma-nan Quốc Vương)

2. ĐẾ TU XUẤT GIA ĐẮC QUẢ A-LA-HÁN:

Vua A-dục vừa lên ngôi, lập em trai là Đế Tu làm thái tử (Đế Tu, kinh A-dục Vương gọi là Tỳ-đa-du-kha, kinh Thất Diệu gọi là Thiện Dung). Vua bảo em rằng: Em hãy đặt hết lòng tin vào Phật pháp.

Về sau, Đế Tu đi săn, vào trong rừng, thấy một tiên nhơn đang đốt từng phân trên thân, liền khởi lòng tin sâu sắc, đầu mặt lễ chân rồi hỏi:

- Ngài sống ở đây bao lâu rồi, ăn mặc như thế nào, hay là nằm yên mà khởi lòng tham dục.

Tiên nhơn đáp:

- Sống ở đây đã mười hai năm, thường ăn lá cây, kết cỏ làm áo quần, bện cỏ làm giường nằm. Thấy con nai hành dâm khiến tôi ham muốn.

Đế Tu nghi ngờ tiên nhân đã tu khổ hạnh, như vậy mà còn khởi lòng dục, huống chi các vị đệ tử Phật sao có thể nói là an lạc, thấy chuyện dâm dục mà có thể không khởi tâm? Đã khởi lòng dục thì làm sao chán bỏ được? Đế Tu liền nói kệ:

Tiên nhơn tự sống khổ
Hớp hơi, không ăn thịt
Chỉ dùng lá, rễ, quả
Ái dục còn chưa dứt
Đệ tử Phật Thích Ca
Thường ăn ngon, mặc ấm
Mọi thứ đều đầy đủ
Sao bỏ được dục vọng.

Rồi Đế Tu lại nói:

- Đệ tử của Thích Ca lừa dối bảo vua làm công đức.

Vua A-dục nghe được liền bảo đại thần:

- Em ta tin tưởng ngoại đạo. Ta phải dùng phương tiện để cho nó hiểu đúng. Ta muốn tắm, sẽ vào phòng tắm. Khanh hãy lấy thiên quan đội lên cho em ta, bảo nó lên ngồi ngai vàng của ta.

Trong lúc vua tắm, quan đại thần khuyên Đế Tu, Đế Tu làm theo lời. Khi trông thấy, vua phán:

- Ta nay chưa chết mà ngươi đã tiếm vị.

Vua liền ra lệnh giết Đế Tu. Nhiều người cầm gậy bao quanh Đế Tu. Quan đại thần tâu:

- Đế Tu là em bệ hạ. Xin bệ hạ bớt giận.

Nhà vua phán:

- Được rồi. Trong bảy ngày hãy tạm giao nước cho hắn làm vua, cung cấp cho hắn các loại kỹ nhạc và các thể nữ. Tất cả thần dân đều đến thăm hỏi. Người hành quyết cầm dao đứng chực ở cửa, mỗi ngày tâu vua cho đến ngày thứ bảy để vua chuẩn bị. Các đại thần của vua A-dục dẫn Đế Tu cũng đến thăm hỏi A-dục. Bấy giờ vua phán hỏi:

- Bảy ngày làm vua, ngươi có nghe, có thấy các loại kỹ nhạc không?

Đế Tu dùng kệ đáp:

Hạ thần trong bảy ngày
Chẳng thấy, chẳng nghe gì
Chẳng thưởng thức mỹ vị
Cũng chẳng thấy xúc chạm.
Thân trang nghiêm đủ cách
Các thể nữ vây quanh
Vì chỉ nghĩ đến chết
Nào màng các thứ này.
Kỹ nữ cùng ca vũ
Cung điện với giường nằm
Các trân báu đầy khắp
Chẳng có lòng hoan hỷ.
Thấy người hành quyết kia
Cầm dao đứng ngay cửa
Lại nghe tiếng chuông rung
Khiến lòng lo sợ chết.
Chết ám ảnh tâm tôi
Còn biết chi năm dục
Đã mang bệnh sợ chết
Nào có được ngủ yên.
Nghĩ cái chết sắp đến
Bất giác đêm đã tàn.

Vua A-Dục lại hỏi em:

- Ngươi trong một đời nghĩ cái khổ phải chết nên tuy được ngũ dục thương diệu mà chẳng còn ưa thích. Các Tỳ-kheo xuất gia đối với mười hai nhập phải tư duy về sanh tử và những cái khổ trong ba đường ác lại còn suy nghĩ đến cõi người, cõi Trời, dong ruổi bốn hướng rốt cuộc cũng tiêu tan giống như xóm vắng không người, vì lửa vô thường thiêu đốt thế gian. Các đệ tử Phật thường quán như thế, làm sao phiền não khởi lên được?

Nhà vua dùng Phật pháp làm phương tiện giáo hóa em. Đế Tu tâu:

- Nay em xin quy y Phật, Pháp, Tăng.

Vua A- Dục đưa hai tay ôm lấy cổ em bảo:

- Ta không bỏ em đâu. Vì muốn em tin tưởng Phật pháp nên ta mới dùng phương tiện này.

Bấy giờ, Đế Tu dùng các loại hương hoa và các kỹ nhạc cúng dường tháp Phật, đem các thức ăn uống cúng dường chúng Tăng (Trích kinh A-dục Vương).

Lại một ngày khác, Đế Tu đi săn tới chỗ A-lan-nhã, trông thấy nơi ngủ của Tỳ-kheo Đàm Vô Đức, có một con voi bẻ lấy cành cây từ xa quạt cho Tỳ-kheo. Đế Tu vui vẻ, lại nghĩ: Biết chừng nào ta được như vị Tỳ-kheo kia. Tỳ-kheo Đàm Vô Đức (Kinh A-dục Vương gọi là Da-xá, hơi khác một chút) biết được tâm nguyện của Đế Tu liền dùng thần thông bay lên Hư không, khiến cho Đế Tu trông thấy, bay đến chùa A Dục, ngồi trên nước ao, cởi y để giữa Hư không, nhảy vào ao tắm. Đế Tu trông thấy liền nói:

- Ta phải xuất gia.

Rồi Đế Tu trở về cung tâu vua :

- Xin bệ hạ thương tình cho em được xuất gia.

Vua bảo:

- Sung sướng trăm bề sao em lại xuất gia? Nhà vua dùng đủ cách khuyên can nhưng tâm Đế Tu đã quyết, dứt khoát không nghe theo. Đế Tu tâu vua :

- Vui sướng tạm bợ, hợp rồi sẽ tan.

Nhà vua tán thán: Lành thay!

(Trích Thiện Kiến Tỳ-bà-sa quyển 2).

Trước phải tập khất thực rồi sau mới xuất gia. Lúc bấy giờ, trong vườn vua có 1 cây to, vua sai lấy cỏ trải lên đất, cho Đế Tu ở đó. Vua trao cho một bình bát bảo ông vào cung khất thực. Đế Tu liền ôm bình bát đi vào cung. Bao nhiêu thức ăn ngon đều cho ông ấy. Vua hỏi người

trong cung:

- Tại sao cho người khất thực món ăn ngon? Từ nay nên cho ông ta món ăn dở, thậm chí cơm gạo hẩm. Đế Tu nhận thức ăn ấy nhưng vẫn cho là ngon. Vua A-dục bảo em:

- Chớ ăn thức ăn này. Ta cho em xuất gia. Sau khi xuất gia, hãy thường đến thăm ta.

Vua phán xong, liền cho sắm sửa y bát, dùng ngàn cổ xe đưa em đến chùa Kê. Đế Tu nghĩ rằng: chỗ này không được yên tịnh, bèn qua chỗ Tỳ-kheo Đàm Vô Đức nước Tỳ Đề xuất gia. Các trưởng giả tử hào quý trong nước cả thảy một ngàn người cũng theo ông xuất gia. Dân chúng tự hỏi nhau: Đế Tu còn xả bỏ vương vị, chúng ta thì sao? Rồi mọi người đều xuất gia. Cháu ngoại của vua A-kỳ là con trai của Bà-la-môn cũng xuất gia. Bá quan chư hầu cùng tôi trai tớ gái đều giữ năm giới, mỗi tháng tu Bát quan trai sáu ngày. Do đây có nhiều người dòng họ vua chúa xuất gia khiến Phật pháp hưng thịnh. Ngoại đạo suy tàn, mất hết cúng dường, họ đi khất thực khắp nơi không được, liền giả làm Sa-môn vào Phật pháp, nhưng vẫn giáo hóa nhân dân theo pháp cũ. Các Tỳ-kheo chân chính không đồng ý việc đó. Bấy giờ, Ngài Mục-liên-tử Đế Tu đem đệ tử giao cho Ma-thẩn-đà vào ẩn tu trong núi A-hưu-hà. Các Tỳ-kheo ngoại đạo muốn lấy cách tu của họ làm rối loạn Phật pháp khiến cho cấu trược, hoặc là thờ lửa, năm cách đốt thân, hoặc Trời thật lạnh lại ngâm mình trong nước, hoặc phá hoại Phật pháp. Như vậy lần lượt bảy năm không được thuyết giới.Vua A-dục sai một đại thần vào Đại già lam bạch với Thượng tọa: Vua muốn chúng Tăng hòa hợp thuyết giới. Vị Thượng tọa đáp:

- Các Tỳ-kheo chân chính không bố tát chung với Tỳ-kheo ngoại đạo.

Quan đại thần lần lượt chém đầu, đến phiên Đế Tu, đại thần hỏi:

- Ông là ai?

- Là em ruột của vua.

Thế là đình chỉ án lệnh. Quan đại thần tâu lên vua. Vua nghe tâu kinh ngạc, buồn bã, liền vào chùa hỏi:

- Này các Tỳ-kheo! Ai đắc tội?

Một Tỳ-kheo đáp:

- Cả hai đều mắc tội

Một Tỳ-kheo tâu:

-Vua không có tâm sát, vua vốn vô tội.

Vua nghi ngờ, nên hỏi các Tỳ-kheo:

- Ai có thể giải nghi cho Ta? Nếu giải được tâm nghi, trẫm sẽ chấn hưng Phật pháp.

Các Tỳ-kheo tâu:

- Ngài Đế Tu có thể giải được.

Vua sai đưa thư đón Đế Tu. Sứ truyền ý vua:

- Nay Phật pháp suy đồi. Ngưỡng mong Đại đức đến cùng với Bệ hạ chấn hưng Phật pháp.

Đế Tu đáp:

- Ta xuất gia chính vì Phật pháp, nay đã đến thời.

Ban đêm, vua mộng thấy một con voi trắng lấy vòi rà đầu mình, nắm tay phải vua. Sáng sớm, vua hỏi thầy tướng về điềm mộng. Thầy Tướng đáp:

- Người nắm tay vua là Sa-môn.

Ngay lúc đó, nghe tin: Đế Tu nay đã đến, nhà vua ra nghinh tiếp. Đế Tu cầm tay vua. Quân lính xung quanh rút kiếm muốn hại Đế Tu. Vua thấy bóng cây kiếm trong nước liền nói:

- Xưa Ta bảo ngươi đến chùa khiến chúng Tăng hòa hợp thuyết giới, nhưng ngươi đã làm sai ý ta, giết các Tỳ-kheo, nay lại muốn giết ta ư?

Nói xong, vua dẫn Đế Tu vào vườn, lấy tay rửa chân và xoa dầu cho Đế Tu, cầu thỉnh:

- Trẫm muốn thấy thần lực của Đại Đức.

Đế Tu đi quanh bốn phía, cứ mỗi do tuần căng dây làm ranh giới. Phương Đông đặt xe, phương Nam đặt ngựa, phương Tây đặt người, phương Bắc đặt mâm nước đồng khiến cho mỗi lần đi trên giới mà ngoài giới chấn động. Phía dưới của ngoại giới cũng chấn động, phía dưới của nội giới thì không động.

Nhà vua vui mừng nói:

- Ta không còn nghi ngờ nữa. Nay ở trong Phật pháp, ác pháp đã dứt trừ.

Đế Tu thuyết kinh Bổn Sanh cho vua nghe:

- Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: trước do tâm suy lường, sau mới tạo nghiệp. Tất cả nghiệp đều do tâm (Trích luận Tỳ-bà-sa quyển 2).

Về sau, Đế Tu đắc quả A-la-hán, được cái vui giải thoát. Nhớ lại lời hứa là sau khi xuất gia thường đến thăm vua. Để thực hiện điều này, Đế Tu đi đến nước Ba-tra-lị-phất-đa.

Sáng sớm thức dậy, Đế Tu đắp y mang bát vào nước khất thực, theo thứ lớp đi đến thành của nhà vua, nói với người gác cổng:

- Ngươi vào tâu vua: Đế Tu hiện giờ đang ở ngoài cổng muốn gặp Đại vương.

Người giữ cổng vào tâu vua. Vua cho vào. Nhà vua lễ lạy như cây to đổ xuống, rồi đứng dậy chắp tay nhìn Đế Tu mãi không chán, nghẹn ngào nói:

Tất cả các chúng sanh
Nên vui trong hòa hợp
Ông nay bỏ hòa hợp
Vui với tâm tịch tĩnh
Ta nay rõ tâm ông
Lấy tuệ làm sự nghiệp.

Đại thần Thiện Hộ thấy Đế Tu mặc y phấn tảo, ôm bát sành theo thứ lớp khất thực, được thức ăn ngon dở đều thọ nhận, tâm không phân biệt. Ông ta tâu vua:

- Đế Tu ít muốn, biết đủ, việc cần làm đã làm xong.

Bấy giờ, vua thỉnh Đế Tu lên ngồi tòa đẹp, tự tay vua dâng các thức ăn uống. Thọ thực xong, Sư rửa bát, để vào một chỗ, rồi thuyết pháp cho vua nghe.

Vua nay được tự tại
Nên tu, đừng phóng dật
Tam bảo rất khó gặp
Phải tha thiết cúng dường.

Nói xong, Sư bay lên Hư không, mọi người đều thấy. Khi ấy, vua và đại chúng chắp tay mải miết nhìn theo. Vua nói:

Không còn tình thân hữu
Như chim bay trên không
Ta bị tham trói buộc
Không thể được tự tại.
Thiền định đạt thắng quả
Tất cả không quái ngại
Bị ái dục che tối
Không thấy được pháp này.
Ông nay nhờ thần lực
Xem thường ta khởi dục
Ta vốn có trí tuệ
Nay ông là bậc nhất
Ta chấp pháp thế gian
Gặp Thánh mới biết sợ

Nay chúng tôi than khóc
Vì ông đã bỏ ta.

Đế Tu đi đến biên địa thì bị bệnh nặng nổi mụt đầy đầu. Nghe tin, vua sai người cấp sự lo liệu thuốc men chữa bệnh cho Sư. Sau đó, bệnh Sư thuyên giảm thầy thuốc và người cấp sự đều trở về. Bấy giờ, cơ thể của Sư chỉ hợp với sữa bò. Vì việc khất thực nên Sư phải đến nơi nuôi nhiều bò.

Lại có nước Phân-na-bà-đà-na (Đời Lương dịch Tăng Trưởng) tin theo ngoại đạo, có người thấy đệ tử Phật tới liền tâu vua. Trong khoảnh khắc, vua sai Dạ-xoa dẫn đệ tử ngoại đạo và đem hình vẽ đến. Vua rất tức giận nên cho giết tất cả ngoại đạo ở nước Phân-na-bà-đà-na; chỉ trong một ngày giết đến mười vạn tám ngàn kẻ ngoại đạo.

Lại có một đệ tử của ngoại đạo thích pháp ngoại đạo, thờ thần lỏa hình. Ông vẽ hình Đức Như Lai đang lạy dưới chân vị thần ấy. Nghe việc này, sai người khác đến bắt người ấy và cả thân thuộc của ông nhốt vào một nhà rồi châm lửa đốt. Khi ấy, vua lại ra lệnh, nếu ai lấy được đầu của Ni Kiền, ta sẽ thưởng cho một tiền vàng. Đế Tu ở chỗ nuôi bò bị bệnh lâu ngày nên râu tóc, móng tay, móng chân đều dài nhọn, y phục cũ rách, xấu xí khó coi. Thấy vậy, cô gái nuôi bò thầm nghĩ: Nay tên Ni Kiền này đã vào nhà ta. Thế rồi, cô liền bảo chồng:

- Anh hãy giết tên Ni-kiền này lấy đầu đem dâng vua nhất định sẽ được thưởng vàng.

Người chồng nghe lời, rút dao xông tới. Đế Tu suy nghĩ: Nghiệp báo đã đến, không thể tránh khỏi, liền chịu chết.

Họ đem đầu Đế Tu đến cho vua mong được nhận vàng. Vua nghi ngờ liền hỏi thầy thuốc và người cấp sự. Hai vị này đáp:

- Đây là đầu của Đế Tu.

Nhà vua chết ngất giây lâu.

Đại thần tâu:

- Người vô lậu không thoát khỏi khổ này, xin Đại vương nên ban sự vô úy cho chúng sanh.

Theo lời đại thần, vua ra lệnh tất cả mọi người không được giết Ni Kiền.

Bấy giờ, các vị Tỳ-kheo sanh nghi, hỏi Ngài Ưu-ba-cấp-đa:

- Đế Tu xưa tạo nghiệp gì mà nay phải chịu quả báo này?

Ngài Ưu-ba-cấp-đa đáp:

- Vào thời quá khứ có người thợ săn giết rất nhiều nai. Bấy giờ, trong khu rừng lớn có một dòng suối, người thợ săn này bủa lưới, giăng

dây khắp dòng suối, giết chết rất nhiều nai. Khi ấy, Phật chưa ra đời, có một vị Duyên giác ngồi ăn bên dòng suối; ăn xong, tắm gội và trở lại ngồi dưới gốc cây. Lúc bấy giờ, bầy nai nghe mùi của vị Duyên giác nên không đến bờ suối. Người thợ săn ngồi chờ nhưng không thấy nai đến, liền theo dấu chân đến chỗ vị Bích chi Phật. Ông ta nghĩ: Vì người này ngồi đây nên bầy nai không đến. Ông liền rút dao giết vị Bích chi Phật. Người thợ săn ngày trước là Đế Tu, vì giết nhiều nai nên nay chịu nhiều bệnh khổ. Lại vì giết vị Bích chi Phật nên năm trăm đời thường ở trong địa ngục chịu các khổ não. Đến khi sanh vào loài người thường bị người khác giết. Nay là quả báo cuối cùng, tuy chứng quả La hán vẫn bị người hại. Vào thời Phật Ca-diếp, ông ấy xuất gia, thích làm việc bố trí, thường khuyến hóa mọi người cúng dường chúng Tăng. Gặp tháp thờ tóc, móng tay, móng chân của Phật thì dâng cúng hoa hương,tràng phan, bảo cái, các thứ kỹ nhạc. Nhờ phước báo này, ông được sanh trong dòng họ cao quý, trong mười vạn năm thường tu phạm hạnh, lại phát tâm dõng mãnh. Do nhân duyên này, ông ấy chứng quả A-la-hán.

(Trích Kinh A Dục Vương, quyển 3)

3. THÁI TỬ KỲ-ĐÀ BỎ NGŨ GIỚI, TU THẬP THIỆN, CHỨNG SƠ QUẢ:

Thái tử Kỳ-đà bạch Phật:

- Xưa con thọ ngũ giới, giới uống rượu khó giữ nên con sợ mắc tội, nay con muốn bỏ ngũ giới, thọ pháp thập thiện.

Đức Phật hỏi:

- Khi ngươi uống rượu có làm gì ác không?

Kỳ-đà thưa:

- Những nhà cường hào trong nước thường bày tiệc rượu, cùng nhau bày trò giải trí. Do vì được vui vẻ nên không làm gì ác. Khi uống rượu, con nghĩ đến giới nên cũng không làm ác.

Đức Phật bảo:

- Nếu ai cũng như Thái tử thì trọn đời uống rượu có gì là ác? Người làm như thế sẽ được phước mà không có tội.

Người tu thập thiện có hai pháp:

1. Hữu lậu

2. Vô lậu

Người tu thiện hữu lậu được quả vui cõi Trời, cõi người. Người tu thiện vô lậu, thoát khổ sanh tử, được quả Niết-bàn.

Nếu người uống rượu không tạo nghiệp ác, nhờ tâm thiện nên

được quả lành. Thái tử giữ năm giới như thế thì không có lỗi?

Trong thành Xá-vệ có những nhà hào tộc, công tôn vương tử dòng Sát Đế Lợi, từ tranh cãi nhỏ lần đến oán to, ai nấy bày mưu đem binh đánh nhau, hai bên đều là những kẻ hào kiệt trong nước, lại là bà con thân thích không thể hòa giải, họ gây chiến rối ren không nghe lời can gián. Con rất lo điều đó.

Lại tự nghĩ: Xưa có đại thần của Tiên Vương tên là Đề-vi-la, ỷ thế dòng họ cường hào phú quý nên khinh mạn, trêu ghẹo chê cười con. Đang lúc giận dữ, con rất muốn giết đi, nên đem việc này tâu vua cha. Vua cha không cho phép nên con giận dữ mà không biết làm sao được. Bấy giờ, con buồn rầu áo não không muốn ăn uống. Thái hậu thấy vậy, khuyên giải đủ điều mà con vẫn không nguôi. Nhân đó, thái hậu sai người tìm kiếm rượu ngon khuyên con uống, con liền thưa với mẫu hậu:

- Tổ tiên nhà ta truyền nhau thờ Trời Na-la-diên. Nếu nay con uống rượu e Trời sẽ giận, các Bà-la-môn sẽ quở phạt.

Trong đêm vắng, mẫu hậu đóng chặt cửa cung không để cho người biết. Bà mẹ đôi ba phen bức ép, nể mẹ, con phải vâng theo. Uống rượu vào, con quên đi buồn giận. Mẹ lại triệu tập cung nữ ca hát kỹ nhạc trong hai mươi mốt ngày, khiến con dứt hết buồn phiền. Nghĩ như vậy rồi, liền sai trung thần bày rượu và các món ăn ngon triệu tập quần thần trên điện vua. Trung thần bày chén lưu ly, mỗi chén đựng ba thăng. Trước tiên, nhà vua nâng một chén, bảo mỗi người phải nốc cạn ly thuốc bổ cam lồ này, rồi sau sẽ bàn việc nước và thưởng thức kỹ nhạc.

Mọi người được uống rượu và nghe âm nhạc, trong lòng vui vẻ, quên đi oán hận, phấn khởi không còn buồn phiền. Vua lại nâng chén nói với các quan rằng:

- Kẻ sĩ phu này tu đức trải qua nhiều kiếp tôn thờ Thánh giáo không dám sai phạm. Các khanh vì sao nhân việc nhỏ mà tức giận đánh nhau như thế. Nếu không nhường nhịn nhau e rằng mất nước, vì thế ta can gián lần nữa mong rằng các người nên tự chấm dứt.

Các quan tâu vua:

- Kính vâng Thánh mệnh, không dám trái nghịch.

Đây là nhờ công năng uống rượu nên hoà bình.

(Trích kinh Vị Tằng Hữu quyển hạ)

4. CƯU-NA-LA MẤT NHỤC NHÃN, ĐƯỢC TUỆ NHÃN:

Phu nhân của vua A-dục tên là Bát-ma-bà-để (đời Lương dịch là

Phù Dung Hoa) hạ sinh một bé trai thân hình đẹp đẽ, đặc biệt là đôi mắt rất sáng đẹp. Mọi người nhìn thấy cậu bé, không ai không yêu thương. Người hầu tâu vua:

- Phu nhân hạ sinh một bé trai.

Vua rất vui mừng, đặt tên cậu bé là Đạt-ma-bà-đà-na (đời Lương dịch Đạt-ma là Pháp, Bà-đà-na là Tăng Trưởng). Người hầu bế cậu bé đến vua xem. Nhìn thấy cậu bé, vua mừng nói kệ:

Con ta mắt sáng đẹp
Do công đức tạo nên
Ánh mắt thật sáng rỡ
Như hoa Ưu-ba-la
Nhờ mắt công đức này
Khuôn mặt càng đẹp thêm
Mắt, mặt đều xinh xắn
Như trăng rằm đêm thu.

Cưu-na-la lớn lên, vua tuyển chọn quí phi cho Thái-tử. Phi tên Vu-già-na-ma-la (đời Lương dịch Vu-già-na là Kim, ma-la là Man Hoa)

Bấy giờ, vua A-dục dẫn Cưu-na-la đến chùa Kê. Trong chùa, có vị A-la-hán thượng toà đã chứng Lục thông tên là Da-xá. Da-xá biết Cưu-na-la không bao lâu nữa sẽ bị mất mắt, liền nói với vua:

- Sao Đại vương không bảo Cưu-na-la làm việc của mình?

Vua A-dục bảo Cưu-na-la:

- Đại đức bảo con làm điều gì, con nên nghe lời Đại đức.

Khi ấy, Cưu-na-la đảnh lễ và hỏi Da-xá:

- Đại đức dạy con làm gì?

Da-xá đáp:

- Mắt chẳng phải thường, con nên suy nghĩ.

Rồi Da-xá nói kệ:

Này Cưu-na-la
Thường tư duy mắt
Vô thường, bệnh, khổ
Chứa nhóm khổ đau
Phàm phu điên đảo
Sanh lỗi từ đây.

Bấy giờ, Cưu-na-la ngồi tư duy ở nơi vắng vẻ trong cung: Các nhập như mắt v.v... là khổ, vô thường. Lúc đó, đệ nhất phu nhân của vua A-dục tên Vi-sa-lạc-khởi-đa đến chỗ Cưu-na-la, thấy cậu bé ngồi một mình, do nhìn kỹ vào mắt nên khởi lên dục tâm, lấy tay ôm cậu bé và

nói kệ:

Vì sức mạnh lửa ái
Nay đến đốt tâm ta
Thí như lửa thiên củi
Con phải toại lòng ta

Cưu-na-la bịt tai lại, nói kệ:

Nay là mẹ ta
Đâu phải pháp ái
Phải mau xa lìa
Mở cửa ác đạo.

Phu nhân nổi giận, lại nói kệ:

Ta đến vì yêu ngươi
Nhưng ngươi không yêu ta
Mà lại có tâm ghét
Không bao lâu sẽ chết.

Cưu-na-la đáp lại:

Con nay thà chịu chết
Không khởi tâm nhiễm ô
Nếu người khởi tâm xấu
Mất pháp lành Trời người.
Pháp lành đã không vẹn
Nhờ đâu được sống còn.

Vi-sa-lạc-khởi-đa thường rình tìm lỗi của Cưu-na-la và muốn giết cậu ta.

Lúc đó, ở phía Bắc có nước Đức-xoa-thi-la trái nghịch với vua A-dục. Vua A-dục bảo Cưu-na-la:

- Con hãy sang nước kia.

- Con xin vâng mệnh.

Vua suy nghĩ: Phải sửa sang đường sá bội phần, không để con ta chứng kiến cảnh già, bệnh, chết v.v...

Bấy giờ, vua và Cưu-na-la cùng cưỡi một xe đi. Đến con đường tắt, hai cha con định chia tay. Vua choàng tay ôm cổ con, nhìn thấy mắt Cưu-na-la, liền khóc lên, nói:

Nếu ai thấy được
Mắt Cưu-na-la
Với tâm hoan hỷ
Mọi bệnh đều lành.

Thầy tướng thấy vua chỉ quan sát mắt con mình, không để ý việc

khác, bèn nói kệ

Mắt con vua sáng trong
Nhìn vào, vua hoan hỷ
Nhân dân trong cả nước
Thấy mắt đều vui sướng
Nếu mất đi mắt này
Tất cả sẽ sầu khổ.

Thế rồi, Cưu-na-la tuần tự đi đến nước Đức-xoa-thi-la. Người dân nước này nghe Cưu-na-la đã đi được nửa do tuần, liền sửa sang đường sá, chuẩn bị nước khắp nơi để chờ người đến. Khi ấy, dân chúng nói kệ:

Người Đức-xoa-thi-la
Cầm bình báu đầy nước
Và các vật cúng dường.
Tiếp đón Cưu-na-la.

Cưu-na-la đến nơi, người dân chắp tay, thưa:

- Chúng con nghinh tiếp Ngài không phải vì đấu tranh, cũng không vì hai vua hiềm thù nhau, nhưng vua phái đại thần đến nước chúng con để trị bọn vô đạo. Cúi xin Ngài dẹp trừ bọn chúng.

Nói xong, người dân đem các vật cúng dường dâng lên Cưu-na-la và rước vào nước.

Lúc ấy, vua A-dục lâm trọng bệnh. Phân ra bằng đường miệng, các thứ nước bất tịnh tiết ra từ lỗ chân lông. Tất cả thầy thuốc giỏi đều bó tay. Vua liền nói với bề tôi:

- Gọi Cưu-na-la trở về. Ta sẽ làm lễ quán đảnh, trao vương vị cho Thái tử. Ta nay không còn tham tiếc thân mạng.

Bấy giờ, Vi-sa-lạc-khởi-đa tâu vua:

- Thiếp có thể làm cho bệnh bệ hạ được lành hẳn.

Nghe nói vậy, vua ngưng mời các thầy thuốc.

Vi-sa-lạc-khởi-đa nói với các thầy thuốc:

- Nghe bên ngoài có ai bị bệnh giống như vua có thể dắt họ vào.

Bấy giờ, ở nước A-tỳ-la có một người bị bệnh giống hệt như vua. Vợ của người bệnh đi tìm thầy thuốc. Thầy thuốc đáp:

- Lát nữa, ta muốn gặp ông ấy, sẽ làm thuốc trị bệnh.

Người vợ đưa chồng đến chỗ thầy thuốc. Thầy thuốc đem đến cho phu nhân. Phu nhân dắt người bệnh này để ở chỗ không có người, sai người mổ bụng ông ta, lấy hai tạng sinh, thục. Trong đó, có một con trùng lớn. Nếu trùng bò lên trên, thì phân ra đường miệng, nếu bò

xuống dưới, thì phân ra đường dưới; nếu bò sang hai bên thì phân ra từ các lỗ chân lông. Phu nhân lấy Ma-lê-già để bên trùng, nhưng trùng không chết; lấy Tất-bát để bên trùng, nó cũng không chết; lại lấy gừng khô để bên trùng, nó cũng không chết; Đến khi lấy củ tỏi lớn để bên trùng, nó mới chịu chết.

Phu nhân đem việc này tâu lên vua, thưa:

- Nay Bệ hạ nên ăn tỏi, bệnh sẽ lành hẳn.

Vua đáp:

- Ta là dòng Sát-đế-lợi, nên không được ăn tỏi.

Phu nhân lại nói:

- Ăn chỉ vì mạng sống và làm thuốc chữa bệnh thôi.

Vua liền ăn tỏi, trùng chết, bệnh dứt, bài tiết bình thường. Vua tắm gội xong, nói với phu nhân:

- Nay ái khanh muốn gì, ta sẽ chiều ý.

- Xin Bệ hạ cho phép thiếp làm vua bảy ngày.

- Nếu ái khanh làm vua, tất sẽ giết ta.

- Qua khỏi bảy ngày, thiếp sẽ trả ngôi vua.

Nhà vua chấp thuận.

Phu nhân giả làm vua, viết thư cho người Đức-xoa-thi-la, sai người lấy mắt Cưu-na-la. Thư được viết xong, cần phải đóng dấu hình răng. Khi vua ngủ, phu nhân muốn đóng dấu vào lá thư, liền đến bên vua. Vua giật mình, phu nhân hỏi vua:

- Vì sao Bệ hạ hốt hoảng?

- Ta mộng thấy chim kên kên muốn lấy mắt Cưu-na-la.

- Cưu-na-la nay rất yên ổn.

Đêm thứ hai cũng nằm mộng, vua kinh hãi thức dậy nói:

- Ta nằm mộng lần nữa.

- Mộng thấy thế nào?

- Ta thấy Cưu-na-la râu, tóc, móng tay đều dài và nhọn, nhưng không nói được.

- Cưu-na-la vẫn an ổn, xin Bệ hạ chớ lo buồn.

Vua nằm ngủ, phu nhân lén lấy con dấu hình răng của Đại vương đóng vào lá thư, rồi sai sứ đưa cho người Đức-xoa-thi-la. Vua lại mộng thấy hai hàm răng mình đều rụng hết. Đến sáng sớm hôm sau, tắm gội xong, vua triệu thầy tướng và kể lại điềm mộng ấy. Thầy tướng tâu:

- Nếu người có điềm mộng này, người con sẽ bị mất mắt, chẳng khác gì mất con.

Nghe thầy tướng nói vậy, vua đứng lên, chắp tay, hướng về thần

phương Tây khấn nguyện:

Nay một lòng quy Phật,
Pháp và Tăng thanh tịnh
Các tiên nhân thế gian
Và tất cả Thánh chúng
Bậc tối thắng trong đời
Đều hộ Cưu-na-la.

Sứ giả đem thư đến nước Đức-xoa-thi-la. Người dân thấy thư đến, vì thương Cưu-na-la nên giấu đi, không cho Cưu-na-la xem. Họ lại suy nghĩ: Đại Vương A-dục thật đáng sợ, tâm không kính tin, đối với con mình còn muốn lấy mắt, huống chi đối với chúng ta, không khởi ác tâm sao được. Nghĩ thế xong, họ đưa thư cho Cưu-na-la xem. Sau khi đọc thư, Cưu-na-la nói với mọi người:

- Ai có thể lấy được mắt ta, thí cứ lấy giúp.

Họ liền gọi Chiên-đà-la:

- Ngươi nên móc lấy mắt Cưu-na-la.

Chiên-đà-la chắp tay thưa:

- Tôi không làm được việc này.

Rồi nói kệ:

Người có thể huỷ được
Ánh trăng sáng đêm rằm
Thời có khả năng diệt
Mắt sáng đẹp của Ngài.

Bấy giờ, Cưu-na-la cởi bỏ mũ báu, nói với Chiên-đà-la:

- Ngươi móc mắt ta, ta sẽ cho ngươi mũ báu này.

Lại có một người hình thù rất xấu xí, đáng ghê tởm, nói với Cưu-na-la:

- Tôi có thể móc mắt Ngài.

Ngay khi ấy, Cưu-na-la nhớ lời Đại đức Da-xá dạy, liền nói kệ:

Nhớ Thiện tri thức
Nói lời chân thật
Tư duy nghĩa này
Rõ mắt vô thường.
Thiện tri thức ta
Bậc làm lợi ích
Đã từng nói rằng
Mắt nhân duyên khổ.
Ta thường suy gẫm

Tất cả vô thường
Là lời Thầy dạy
Thọ trì khắc ghi.
Ta không sợ khổ
Thấy pháp vô trụ
Nên tuân mệnh vua
Mắt ta, cứ lấy.

Cưu-na-la nói với người xấu xí ấy:

- Ngươi nên lấy một con mắt của ta, rồi đặt trong tay ta. Ta muốn ngắm nhìn nó.

Khi ấy, người xấu xí định lấy mắt Cưu-na-la, vô số dân chúng đều nổi giận, quát mắng, nói kệ:

Mắt trong sáng không uế
Như mặt trăng giữa Trời
Ngươi nay móc mắt ấy
Như nhổ sen trong hồ.

Vô số dân chúng buồn thương, khóc lóc, kêu gào. Người xấu xí này lấy một mắt đặt trong tay Cưu-na-la. Cưu-na-la giơ tay đón lấy, đưa lên mắt nói kệ:

Trước đây ta thấy
Các sắc rõ ràng
Nhưng nay ngược lại
Vì sao chẳng thấy?
Cái thấy trước đây
Do tâm ái sanh
Nay xét không thật
Chỉ là hư dối.
Ví như bọt nước
Chẳng thật, rỗng không
Ngươi không có sức
Nên không tự tại
Nếu biết điều này
Sẽ không khổ não.

Cưu-na-la quán chiếu: Các pháp đều vô thường, đắc quả Tu-đà-hoàn. Lại bảo người xấu xí:

- Ngươi lấy luôn mắt kia đi!

Người xấu xí móc mắt đặt vào tay Cưu-na-la. Cưu-na-la mất đi nhục nhãn, nhưng được tuệ nhãn, liền nói kệ:

Ta ngày hôm nay
Bỏ nhục nhãn này
Nhưng được tuệ nhãn
Rất là khó được.
Vua nay bỏ ta
Nào phải con vua
Ta đã đắc pháp
Là con pháp vương.
Từ đây thanh nhàn
Lìa cung điện khổ
Lại lên cung điện
Tự tại pháp vương.

Cưu-na-la biết Vi-sa-lạc-khởi-đa sai người lấy mắt mình, nên nói kệ:

Mong phu nhân vua
Sống lâu hạnh phúc
Thọ mạng dài lâu
Không hề đoạn dứt
Nhờ phương tiện này
Ta được toại nguyện.

Vợ Cưu-na-la vừa nhìn thấy mắt chồng bị mất, liền chết ngất, vẩy nước mới tỉnh, khóc than nói kệ:

Ánh mắt sáng đáng yêu
Xưa nhìn vào hoan hỷ
Nay mắt bị mất rồi
Lòng thiếp rất buồn đau.

Cưu-na-la nói với vợ:

- Nàng chớ than khóc. Nghiệp tự khởi phát, ta phải chịu quả báo này.

Cưu-na-la nói kệ:

Tất cả thế gian
Do nghiệp thọ thân
Thân là gốc khổ
Nàng nên rõ biết.
Tất cả hoà hợp
Đều phải xa lìa
Biết rõ việc này
Đừng nên than khóc.

Cưu-na-la cùng với vợ từ nước Đức-xoa-thi-la trở về chỗ vua A-dục. Từ khi sanh ra, hai người chưa hề đi chân đất, thân thể yếu mềm, khong làm được việc gì. Cưu-na-la giỏi đánh đàn cầm, cũng có thể ca hát, thổi sáo. Họ theo đường cũ, xin ăn nuôi sống, dần dần về đến nước. Họ muốn vào cửa cung, nhưng người giữ cửa không cho. Do không được vào, họ trở ra ở nơi chuồng ngựa. Đến tối hôm sau, Cưu-na-la vừa đàn vừa hát: "Tuy ta mất mắt, nhưng thấy Tứ đế ", rồi nói kệ:

Nếu người có trí tuệ
Thấy được mười hai nhập
Nhờ đèn trí tuệ này
Thoát khỏi khổ tử sanh
Nếu muốn cầu pháp lạc
Nên tư duy như thế.

Nghe tiếng ca, vua rất vui mừng, liền nói kệ:

Được nghe bài kệ
Và tiếng đàn cầm
Tợ như con ta
Tiếng Cưu-na-la
Nếu con đã về
Sao không chịu gặp.

Vua bảo cận thần:

- Ta nghe Âm thanh tợ tiếng Cưu-na-la, trong trẻo, buồn thương khiến tâm ta lo lắng, như voi mất con bồi hồi không yên. Ngươi hãy đến đó xem, nếu đúng con ta thì đưa về đây. Người sứ đến thấy hai mắt không còn, áo quần rách nát, không nhận ra được, trở về tâu vua:

- Đó là kẻ mù cô độc, cả hai vợ chồng đang ở nơi chuồng ngựa.

Nghe vậy, vua buồn bã ưu tư, nói kệ:

Như điềm mộng trước đây
Cưu-na la mất mắt
Nay kẻ mù loà này
Cưu-na-la quyết chắc.
Ngươi đến lại chỗ kia
Cứ dắt người ấy về
Vì nhớ nghĩ đến con
Tâm ta không an ổn.

Vâng mệnh vua, người sứ trở lại chỗ kia, hỏi Cưu-na-la:

- Ngươi là ai? Tên họ là gì?

Cưu-na-la đáp kệ:

Cha tên A-du-kha
Khổng tước họ Tăng Trưởng
Cả vùng rộng lớn này
Đều do ông cai trị
Ta chính con vua ấy
Tên là Cưu-na-la
Ngày trước thọ Pháp Phật
Nay là con Pháp vương.

Người sứ đưa vợ chồng Cưu-na-la về cung. Vua nhìn thấy Cưu-na-la vẻ ngoài trần tục, lấy cỏ dại dẻ rách làm áo quần, hình mạo đổi khác, không thể nhận ra. Vua nghi ngờ, hỏi:

- Ngươi có phải là Cưu-na-la không?

- Thưa vâng.

Vua chết ngất, ngã xuống đất. Người xung quanh thấy vậy, liền nói kệ:

Vua thấy Cưu-na-la
Đã mất đi đôi mắt
Đau đớn, tự giày vò
Ngất đi trong giây lát.

Họ vẩy nước, nhà vua tỉnh lại, đi đến ghế ngồi, đặt Cưu-na-la trên đầu gối, ôm cổ khóc lóc thảm thương. Vua lấy tay vuốt đầu mặt con, nhớ lại hình mạo con mình xưa kia, rồi nói kệ:

Mắt con sáng đẹp
Nhân duyên vì sao
Nay không còn nữa
Hãy nói ta nghe,
Con nay không mắt
Như Trời không trăng
Hình dung đổi khác
Ai gây họa này?
Dung mạo ngày trước
Giống như tiên nhân
Kẻ nào tâm độc
Hại mắt của con.
Trên thế gian này
Ai là cừu địch
Gây nên họa kia
Khiến ta đau khổ.

Thân con xinh đẹp
Ai đã phá đi
Lửa tâm sầu não
Thiêu đốt thân ta.
Thí như sét đánh
Xô ngã cây cối
Sấm chớp sầu não
Phá hủy tâm ta.
Nhân duyên thế nào
Con hãy nói mau.

Lúc đó, Cưu-na-la đáp kệ:

Vua không nghe Phật răn
Quả báo không thể tránh
Cho đến Bích chi Phật
Cũng không thể thoát khỏi.
Tất cả các phàm phu
Đều do nghiệp tạo nên
Nhân duyên nghiệp thiện, ác
Thời đến phải lãnh thọ.
Tất cả các chúng sanh
Tự gây tự thọ báo
Vì con biết điều này
Không nói người hại mắt.
Khổ này tự con gây
Không do ai tạo nên
Như nhân duyên mắt này
Không phải do người khác
Tất cả khổ chúng sanh
Thảy đều là như vậy
Do nghiệp lực gây ra
Vua nên biết điều ấy.

Vua lại nói kệ:

Con cứ nói ngươi kia
Ta không khởi tâm giận
Nếu con không nói ra
Tâm ta động, chẳng an.

Khi biết Vi-sa-lạc-khởi-đa gây nên họa này, vua cho gọi Vi-sa-lạc-khởi-đa và nói kệ:

Ngươi nay là đại ác
Sao không chui xuống đất
Ngươi đã làm trái phép
Có lỗi lớn với ta.
Ngươi nay đã là ác
Từ nay, ta bỏ ngươi
Cũng như người làm lành
Xả bỏ điều bất thiện.

Nhìn thấy Vi-sa-lạc-khởi-đa, vua nổi giận, lại nói kệ:

Hôm nay ta muốn
Móc lấy mắt ngươi
Lại dùng cưa sắt
Cưa đứt thân ngươi
Dùng búa đập nát
Rồi dùng cả dao
Cắt lưỡi và cổ
Lấy lửa đốt thân
Bắt uống thuốc độc
Để ngươi phải chết.

Nghe vua nói những việc như thế để trị tội của Vi-sa-lạc-khởi-đa, Cưu-na-la động lòng thương cảm, lại nói kệ:

Vi-sa-lạc-khởi-đa
Lỡ tạo các ác nghiệp
Đại vương ngày hôm nay
Không nên giết bà ấy.
Như lời Thế tôn dạy
Trong tất cả sức mạnh
Nhẫn nhục là bậc nhất
Không pháp nào vượt qua.

Nhà vua không chịu nghe con nói, đưa Vi-sa-lạc-khởi-đa vào phòng, rồi lấy lửa đốt, lại sai người giết người Đức-xoa-thi-la. Bấy giờ, Tỳ-kheo nghi ngờ, hỏi Đại-đức Ưu-ba-cấp-đa:

- Cưu-na-la trước đây tạo nghiệp gì mà nay phải chịu quả báo như thế?

Ưu-ba-cấp-đa đáp:

- Thuở xưa, ở nước Ba-la-nại có một người thợ săn vào núi Tuyết giết chết rất nhiều nai. Có lần, ông ta đến núi Tuyết, gặp lúc Trời nổi sấm sét. Có năm trăm con nai vì sợ hãi nên núp vào hang đá. Nhân đó,

thợ săn bắt được cả bầy. Ông ta suy nghĩ: Nếu giết chết một lượt, thịt sẽ thối rữa. Không biết phải làm sao, ông liền móc lấy hai mắt, khiến chúng khỏi chết mà cũng không biết đi đâu, sau đó giết lần. Thợ săn thuở ấy chính là Cưu-na-la, trải qua vô số năm, thường ở địa ngục. Mãn số địa ngục, ông ta được sanh làm người, trong năm trăm đời, thường bị móc mắt. Nay là quả báo cuối cùng.

Tỳ-kheo lại hỏi:

- Do nhân duyên gì, Cưu-na-la được sanh vào dòng họ cao quý và có cặp mắt sáng đẹp?

Ưu-ba-cấp-đa đáp:

- Từ thuở xa xưa, khi tuổi thọ con người là bốn ngàn tuổi, có Đức Phật hiệu là Ca-la-cưu-thôn-đại xuất hiện ở đời nhập Vô dư Niết-bàn. Khi ấy, có vị vua tên Du-phả (đời Lương dịch là Nghiêm) xây tháp bằng bốn thứ báu để tôn thờ Ngài. Sau khi vua băng hà, người em không tin Phật, nên đào lên, lấy vật báu dưới tháp, chỉ còn lại cỏ cây đất đá. Thấy tháp bị hủy hoại, mọi người đều sầu não khóc than. Có trưởng giả thấy vậy, hỏi: "Vì việc gì các vị sầu não đến thế? Họ trả lời: "Tháp của Đức Thế tôn vốn có bốn thứ báu, bây giờ đã bị phá hoại." Trưởng giả liền lấy bốn thứ báu trang nghiêm như trước, còn làm cho cao rộng, đẹp đẽ hơn xưa.

Trưởng giả lại tạc tượng vàng tôn trí bên trong tháp. Việc làm thành tựu, ông ấy phát nguyện: Phật Ca-la-cưu-thôn-đại vốn là bậc Thầy của thế gian. Con nguyện sau này thờ Thầy cũng như ngày nay.

Tỳ-kheo nên biết: Trưởng giả thuở ấy chính là Cưu-na-la, nhờ sửa sang tháp của Phật Ca-la-cưu-thôn-đại nên được sanh vào dòng họ cao quý, nhờ tạc tượng Phật nên nay được thân trang nghiêm bậc nhất, nhờ phát nguyện gặp minh sư nên nay gặp Thích Ca và thấy pháp Tứ đế.

(Trích kinh A-dục Vương quyển 4)

5. CÁC THÁI TỬ GẶP PHẬT ĐỀU ĐƯỢC NGỘ ĐẠO:

Thuở Đức Phật ở vườn Lộc Dã nước Ba-la-nại, thuyết pháp cho đại chúng. Khi ấy, thái tử con vua một nước lớn dẫn theo hơn năm trăm thế tử con vua các nước nhỏ, đi đến chỗ Phật, làm lễ rồi ngồi qua một bên, nghe Phật thuyết pháp. Các thái tử bạch Phật:

- Phật đạo thanh tịnh vi diệu cao xa khó lường. Từ xưa đến nay, có quốc vương, thái tử, đại thần, trưởng giả nào lại bỏ nước, quân dân, ân ái, vinh hoa để làm Sa-môn không?

Đức Phật bảo:

- Phải biết: Đất nước, vinh hoa, ân ái ở thế gian này đều huyễn hóa như mộng, như tiếng vang, cuối cùng cũng chết, không thể còn mãi được.

Đức Phật lại bảo:

- Quốc vương, thái tử do ba việc mà không thể đắc đạo. Một là kiêu ngạo buông lung, không nghĩ đến việc học hỏi diệu nghĩa kinh Phật để bồi dưỡng tinh thần. Hai là tham đắm, không nghĩ đến bố thí cho kẻ nghèo cùng, khốn khổ. Các quan, tướng sĩ có của cải mà không chịu hùn vốn làm ăn với dân chúng. Ba là không thể xa lìa các việc dâm dục, ân ái, xả bỏ các sự khổ não trong lao ngục, ưu phiền mà hành pháp Sa-môn, diệt trừ các khổ nạn để tu thân. Vì thế, hễ Bồ-tát sanh ra làm vua nơi nào đều từ bỏ ba việc này, tự thành Phật quả.

Lại có ba việc: Một là trẻ tuổi biết học tập việc cai trị quốc gia, khuyến khích dân chúng thực hành mười điều lành. Hai là đem của cải bố thí cho kẻ nghèo cùng, trẻ mồ côi, người góa bụa, làm cho quần thần, tráng sĩ, nhân dân đều vui vẻ. Ba thường nghĩ là sinh mạng vô thường, không lâu dài nên phải xuất gia làm Sa-môn, đoạn trừ nhân duyên các khổ, không còn sanh tử. Ba việc này nếu không thực hành thì chết chẳng được gì.

Đức Phật dạy:

- Xưa kia, ta làm Chuyển luân Thánh Vương hiệu là Nam Vương Hoàng đế, có đủ bảy báu. Ta tự nghĩ: Mạng người ngắn ngủi, vô thường khó giữ, phải lo làm phước để cầu Thánh đạo. Ta nghĩ phải luôn bố thí, bao nhiêu tài vật của nhân dân trên thế gian này đều ban cho dân để gieo trồng phước đức, chỉ có xuất gia làm Sa-môn, dứt hẳn tham dục mới diệt hết khổ.

Một hôm, người hầu chải đầu cho Thánh vương, nhổ tóc bạc để trên bàn. Vua khóc than:

- Sứ giả thứ nhất chợt nhiên lại đến. Ta phải xuất gia làm Sa-môn, cầu đạo Vô vi, đưa nắm tóc trong tay lên, tự nói bài kệ:

Nay trên đầu của ta
Tóc bạc phủ trắng rồi.
Đã có thiên sứ gọi,
Đúng thời phải xuất gia.

Thánh vương xuất gia làm Sa-môn, vào núi tu đạo, hết tuổi thọ sanh lên cõi Trời thứ hai, làm thái tử của Thiên Đế thích. Về sau, Thái tử cai trị thiên hạ cũng như Đại vương. Lại thấy tóc mình bạc, Thái tử xuất gia làm Sa-môn. Hết làm cha, lại làm con, hoặc làm Thiên Đế

thích, hoặc làm Thánh vương, hoặc làm Thái tử, liên tiếp 36 lần, xoay vòng như vậy tới mấy mươi triệu năm. Vua thực hành mãi ba việc này, mới được thành Phật.

Người cha thuở ấy chính là thân ta. Thái tử là Xá-lợi-phất, cháu của vua là A-nan, cả ba thay nhau làm vua để giáo hóa mọi người.

Khi ấy, quốc vương, thái tử và nhân dân đều vui mừng, thọ năm giới là Ưu-bà-tắc, đắc quả Tu-đà-hoàn.

(Trích kinh Pháp Cú Thí Dụ quyển 5)

6. THÁI TỬ TỐI THẮNG GIEO TRỒNG PHƯỚC ĐỨC KIÊN CỐ:

Xưa, vua Ti-tiên-nặc có hai phu nhân. Con của phu nhân thứ nhất tên là Lưu-ly. Con của phu nhân thứ hai tên là Kỳ (Đời Lương dịch là Tối Thắng). Ngày Kỳ mới sanh, các nước bốn phương đều đến dâng ngọc báu.

Nhà vua bảo:

- Các con của ta sanh ra chưa từng được như thế, nên đặt tên là Kỳ.

Lớn lên, Kỳ thông thạo tất cả. Vua cho xây cung điện riêng bằng bảy báu, vàng bạc, nam nữ đứng hai bên cửa, tay cầm bát quý đựng đầy bảy báu, hễ lấy bớt đi vẫn đầy lại như cũ.

Thái tử Lưu-ly ganh ghét, điều binh đến chiếm đoạt. Khi ấy, có hơn năm trăm kỵ binh Chư thiên hộ vệ nhà của Kỳ. Quân của Lưu-ly thấy thế sợ hãi, bỏ chạy trở về. Thái tử nổi giận, đến hỏi Kỳ:

- Ban đêm, ta sai binh đến bảo vệ ngươi, ngươi phục binh bên trong muốn làm phản ư?

Kỳ thưa:

- Không dám, không hề chứa quan binh văn võ, trong nhà không có gậy gộc gì.

Lưu-ly sai người kiểm tra, trong ngoài đều không có. Lưu-ly mới thôi, đem việc này bạch Phật.

Phật bảo:

- Kỳ gieo nhân phước đức kiên cố,vì thế không ai có thể chiếm đoạt.

Vào thời Phật Duy-vệ, có người đến chùa cúng dường chư Tăng xong, cho một tôi trai, tớ gái quét dọn sạch sẽ. Từ đó về sau, dù sanh trong loài người hay trên cõi Trời, người ấy luôn được phước vô lượng, tức là Tối Thắng vậy.

(Trích kinh Thí Dụ quyển 1)

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 34

1. Chọn Phật làm phò mã.
2. Gặp Phật được tăng phước.
3. Cúng dường được vợ.
4. Tâm thiện được phước.
5. Bảy nàng công chúa vâng giữ giới pháp.
6. Công chúa Kim Cang bị chết thiêu.
7. Công chúa ngộ lý vô thường.
8. Cô Ma Xà ni bị Bà-la-môn đố kỵ.
9. Công chúa tuỳ thuận theo người.

1. CHỌN PHẬT LÀM PHÒ MÃ:

Phu nhân quốc vương Ba-la-nại sanh được một nàng công chúa thân màu vàng kim, tóc xanh biếc. Năm lên mười sáu tuổi, cha mẹ thấy con đã khôn lớn, muốn kén phò mã cho con, nhưng công chúa thưa:

Thưa cha mẹ, con chưa muốn lấy chồng, nếu cha mẹ chọn thì người ấy phải có thân hình giống con, con mới chịu.

Nghe vậy, song thân cho người tìm kiếm khắp nơi nhưng tìm hoài vẫn không thấy người xứng ý với công chúa.

Lúc ấy có một thương buôn nước Xá-vệ đến nước Ba-la-nại buôn bán. Vua nước Ba-la-nại mời ông vào thăm hỏi, trò chuyện và thuật lại ý muốn của con gái mình, có ý nhờ ông tìm giúp.

Thương nhân tâu:

- Trong nước thần có một người gọi là Phật đẹp hơn cả công chúa nhà vua.

Nghe vậy, vua rất vui, bảo thương buôn đến đón Phật.

Thương buôn liền viết một bức thư giử đến Phật. nội dung bức thư nói về công chúa của quốc vương Ba-la-nại nhan sắc tuyệt trần, muốn chọn Phật làm phò mã.

Phật đang thuyết pháp cho mấy ngàn Tỳ-kheo ở Tinh xá Kỳ-hoàn

thì người đưa thư đến trao bức thư tận tay Phật.

Biết trước những lời lẽ trong thư nên đức Phật xé nát đi và viết một bức thư trả lời cho cô gái với nội dung:

"Con người sanh ra rồi sẽ già, khi tuổi già phải đau bệnh, từ bệnh dẫn đến chết, rồi sầu bi khổ não sẽ kéo theo sau. gốc của đau khổ là ân ái".

Công chúa nhận được bức thư liền đọc, tư duy, đắc ngũ thông: mắt thường thấy thấu suốt, tai nghe thông suốt, biết được ý niệm người khác, biết được chỗ sanh về, bay đi tự tại. Lúc đó cô liền đến xin phép cha mẹ rồi bay đến chỗ Phật.

Thấy cô, Phật mỉm cười, từ miệng Phật phóng ra một luồng ánh sáng năm sắc. Thấy vậy, A-nan hỏi Phật. Phật bảo:

A-nan! Ngươi thấy người nữ này xinh đẹp như thế nên muốn biết nguyên do phải không?

- Vào thời Phật Ca-diếp, cô gái sắc vàng này đã làm vợ một người nghèo, tay chân co quắp không thể đi đứng được. Lúc ấy có một vị vua tên Cơ Lập có một cô công chúa dung nhan xinh đẹp, đeo vòng vàng anh lạc đến chỗ Phật Ca-diếp để thọ giới. Người thiếu phụ nghèo này khoác một tấm vải thô cũng đén chỗ Phật nhưng người gác cổng không cho cô vào trước. Cô suy nghĩ:

Cớ gì công chúa được vào trước còn ta thì không!

Phật biết được tâm niệm cô nên cho người gọi cô vào trước.

Thiếu phụ nghèo đảnh lễ Phật, hỏi:

- Vì sao công chúa này giàu sang như thế còn con thì bần cùng nghèo khổ như vầy?

Phật trả lời:

- Vì công chúa này đời trước thích tụng kinh và cúng dường y phục cho các vị Sa-môn nên ngày nay được xinh đẹp và giàu sang, còn ngươi đời trước không thích kinh pháp lại tham lam bỏn xẻn nên ngày nay phải chịu nghèo khổ khốn cùng như thế.

Thiếu phụ nghèo ấy thưa:

- Con ngu si, xin Phật chỉ dạy kinh pháp cho con.

Phật Ca-diếp liền dạy kinh cho cô ta.

Được nghe kinh pháp, thiếu phụ nghèo ấy liền ngồi dưới gốc cây đọc kinh, tư duy rồi nhặt những lá cây bệnh thành áo để che thân mình và đem tấm chăn đang khoác trên mình cúng dường cho Phật. lúc ấy, Trời Đế thích thấy được lòng chí thành của cô nên đem thiên y, vàng bạc và thức ăn đến cho cô.

Được y phục và thức ăn, thiếu phụ nghèo ấy lại đem cúng dường cho Phật. đến lúc mạng chung được sanh lên cõi Trời, khi hết phước sanh xuống nhân gian làm con gái vua, vẫn thích tụng kinh và bố thí, cho nên thân có màu vàng kim và tóc xanh biếc.

(Trích kinh Kim Sắc Nữ)

2. GẶP PHẬT ĐƯỢC TĂNG PHƯỚC:

Phu nhân của vua Ba-tư-nặc nước Xá-vệ tên Mạt-lợi sanh được một nàng công chúa tên Ba xà la (đời lương gọi là Kim Cang), mặt mũi xấu xí, thân thể thô kệch, da như da lạc đà, tóc như lông ngựa. Thấy con như vậy, nhà vua rất buồn, ra lệnh giam giữ nàng trong cung và cho người chăm sóc nàng chu đáo, không để bất cứ một ai nhìn thấy.

Công chúa lớn dần theo năm tháng, nhà vua ra lệnh cho quần thần tìm một người nghèo để định liệu tương lai cho công chúa.

Quần thần vâng lệnh, tìm được một kẻ sĩ nghèo đem đến trình vua. Vua bảo:

- Công chúa con trẫm, xấu ma chê quỷ hờn, nếu khanh bằng lòng thì trẫm sẽ cho không khanh.

Chàng trai quỳ thưa:

- Thần xin vâng theo sắc lệnh của bệ hạ.

Được chàng trai nhận lời, nhà vua cho xây một cung điện có bảy lớp cửa và dặn chàng mỗi khi ra ngoài thì phải đóng cửa cài then cho thật chặc kẻo người ngoài trông thấy diện mạo kỳ quái của nàng. Vua còn cung cấp cho chàng rất nhiều của báu và phong cho chàng một chức quan to.

Có nhiều tiền của, tháng nào chàng cũng tập hợp những nhà giàu sang, mở hội ăn uống. Những gia đình khác thì có đôi có cặp, chỉ riêng quan đại thần là đi một mình.

Thấy lạ, mọi người nghi ngờ và bàn tán:

- Phu nhân của vị quan này có thể là đẹp vô song nhưng cũng có thể là xấu ma chê quỷ hờn, cho nên ông không dắt theo. Rồi họ thì thầm với nhau: chúng ta phục rượu cho quan say mèm, sau đó lén lấy chìa khoá chạy về nhà xem vợ ông thế nào.

Trong lúc đó cô vợ ở nhà đang buồn rầu, tự trách mình:

- Ta có tội tình gì mà bị chồng ghét, nhốt hoài trong gian nhà này, chẳng được gặp một ai. Trách rồi lại nghĩ:" Phật còn ở cõi đời, thường cứu tất cả khổ ách cho chúng sanh".

Nghĩ rồi bà chí thành, từ xa đảnh lễ Phật, xin Phật rũ lòng thương

xót, tạm đến trước con để ban lời giáo huấn.

Biết được lòng khẩn thiết chí thành, Phật từ dưới đất hiện lên đến chỗ phu nhân, phu nhân rất đỗi vui mừng, tướng xấu tiêu mất, thân thể trở nên đẹp đẽ đoan trang giống như tiên nữ, không ai sánh bằng. Phật thương xót thuyết pháp vi diệu cho bà nghe. Nghe xong, nghiệp ác tiêu trừ, bà liền đắc quả Tu-đà-hoàn.

Năm người bạn của chồng bà mở cửa bước vào, thấy vợ bạn mình đẹp đẽ vô song thì rất ngạc nhiên, nghĩ: " vợ đẹp như thế, tại sao không dắt theo"? Thế rồi họ trở ra, khoá cửa,trở về để lại chìa khoá trong túi chủ nhân.

Khi tỉnh rượu, vị quan trở về nhà thấy vợ mình nhan sắc tuyệt đẹp, trong đời ít ai sánh bằng thì vừa vui mừng, vừa ngạc nhiên, hỏi:

- Cô là ai?

- Thiếp là vợ chàng.

- Sao hôm nay nàng đẹp quá vậy?

Người vợ thuật lại sự tình.

Nghe xong, quan liền vào cung tâu lên vua:

- Nhờ ân đức của Phật, vợ con hôm nay đẹp đẽ đoan trang y như tiên nữ vậy.

Nghe được tin này, vua rất vui mừng đón cô vào cung rồi cả bốn (vua, Hoàng hậu và hai vợ chồng công chúa) đến đảnh lễ Phật thưa:

- Bạch Thế tôn! Không rõ con gái con đời trước toạ phước đức gì mà nay được sanh vào gia đình giàu sang nhưng thân hình lại quá xấu xí?

Phật trả lời:

- Thưở xưa ở nước tên Ba-la-nại có một vị trưởng giả giàu có vô song, cả gia đìng ông luôn cúng dường một vị Bích chi PHẬT Bích chi Phật ấy thân thể thô kệch, hôi hám. Thấy vậy, đứa con gái út của trưởng giả sanh tâm khinh thường, mắng: Mặt mày xấu xí, da như da lừa, ai mà thương cho nỗi.

Vị Bích chi Phật nhận vật cúng dường của gia đình ấy, lúc sắp Niết-bàn, Ngài hiện mười tám món thần biến: bay lên không trung hiện các món thần biến rồi trở vào nhà trưởng giả.

Thấy vậy, trưởng giả vui mừng gấp bội, đứa con gái út hối lỗi đến trước tôn giả xin sám hối. Vị Bích chi Phật đồng ý cho cô bé sám hối.

Phật bảo:

- Cô bé ấy nay là công chúa, vì hủy nhục vị Hiền Thánh này nên hôm nay thân hình xấu xí, về sau thấy thần biến nên được thân hình

đoan chánh đẹp đẽ. Do phước cúng dường Phật nên đời đời sanh vào nhà giàu sang và sẽ được giải thoát.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 2)

3. CÔNG ĐỨC CÚNG DƯỜNG:

Phật đến nhà Ca la việt khất thực, khi vừa đến nơi thì chủ nhà mở cửa nghinh đón Phật và cả phái đoàn, rồi sau đó dâng cúng thực phẩm cho tất cả.em ông ta thấy vậy tỏ vẻ không thích, can ngăn không cho mọi người, bảo: nếu làm theo ý mình thì các Tỳ-kheo đến đây tôi sẽ chặt chân các ông.

Hai anh em mỗi người đi một hướng nhưng họ đều đến một gốc cây nằm nghỉ. Người vì có tâm ác nên bị một con trâu đến húc gãy chân, còn người anh vì tâm thiện nên mặt Trời nghiêng về phương tây, bóng cây ngã xuống che mát cả người.

Lúc ấy, chàng rễ của vua Ba-tư-nặc chết, nhà vua rất đau lòng, bảo các Bà-la-môn tìm một người phước đức để gả công chúa cho.

Các Bà-la-môn vâng lệnh ra đi, thấy một người nằm dưới gốc cây, mặt Trời ngã về Tây mà bóng cây vẫn che mát anh ta nên mừng rỡ, nói:

Đây là người phước đức. Họ liền về tâu lên vua.

Vua hỏi:

- Sao các khanh biết?

Các Bà-la-môn trình bày lại sự việc.

Vua bảo họ đến gọi chàng trai ấy dậy, tắm rửa sạch sẽ, mặy y phục thật đẹp rồi gả công chúa cho.

(Trích kinh Thí Dụ bộ mười quyển, quyển 4)

4. TÂM THIỆN ĐƯỢC PHƯỚC:

Thuở xưa có các bạch y ở ngoại thành Đầu-ca-la, hàng năm thường thỉnh Sa-môn về nhà cúng dường. Sa-môn là bậc A-la-hán, lúc ăn cơm có một con chó đến ngồi bên cạnh, Ngài trích một phần ăn của mình cho chó ăn.

Chú chó được ăn cơm nên sanh lòng nên sanh lòng ưa mến, ngày nào cũng đợi Sa-môn đến. Đến giờ thọ trai, chú chó cứ nhìn Sa-môn, Ngài lại trích một phần cơm của mình cho chó ăn nên chú chó rất thích gần gũi thầt. Ngày nào cũng vậy cho đến lúc nó chết.

Chết rồi, chú chó tái sanh làm con gái vua nước An Tức. Mới sanh ra, cô bé đã biết: kiếp xưa mình vốn là chó, bỏ thân chó được sanh làm con gái nhà vua.

Trong nước không có chùa thờ Phật, cũng không có Sa-môn, lúc ấy vua nước Nhục Chí ai sứ đến nước An Tức. Thấy sứ giả hiền minh- nên vua muốn gả con gái mình cho.

Sứ giả bằng lòng và dẫn công chúa đi. Trên đường về nước, công chúa gặp một thầy Sa-môn, lòng rất vui mừng, nhớ lại trước kia mình làm thân chó, được vị Sa-môn này hằng ngày thường cho cơm ăn và chú chó ấy cũng thường quấn quýt bên Sa-môn. Nay được làm thân người, ta phải cúng dường thật nhiều cho các thầy Sa-môn.

Lúc đó, trong nước Nhục Chi có rất nhiều Sa-môn, người vợ của sứ giả này ngày nào ngày nào cũng đích thân dâng cúng thức ăn cho ba trăm năm mươi vị Sa-môn mà không nhờ một ai khác. khi chư vị Sa-môn ăn xong, tự tay bà dọn dẹp chỗ các vị ngồi ăn.. thấy lạ, các nô bộc, tỳ nữ trong nhà đều thưa:

- Phu nhân vốn là một công chúa mà đến nơi này thường quét dọn cúng dường chư vị Sa-môn, bọn chúng tôi rất ái ngại.

Thế là bọn chúng giấu chổi. Đến lúc định quét nhà mà chẳng ai tìm ra chổi, phu nhân liền cởi chiếc khoác đang mặc quấn vào một thẻ tre, làm chổi quét.

Thấy vậy, chồng cô cau có:

- Tuy nàng cung kính Phật pháp nhưng việc gì phải lấy áo mới làm chổi? Lấy chổi mà quét.

- Thiếp chỉ dùng tấm lòng tốt dâng cúng chư vị Sa-môn, hai năm nay thiếp đã mặc chiếc áo này rồi, hôm nay lấy nó làm chổi quét, có gì mà chàng phải khó chịu chứ! Bởi vì kiếp trước thiếp không có cúng dường, chỉ có thiện tâm tin Phật pháp mà được phước này. Vả lại, chiếc áo này có được cũng chẳng phải do cực khổ làm lụng.

- Tuy nàng tin Phật pháp, cúng dường Sa-môn nhưng ta chưa từng thấy chư vị Sa-môn cho nàng một đồng bạc nào cả. Chiếc áo là tất cả công sức của ta.

Nghe vậy, cô liền kể túc mạng của mình cho chồng nghe:

- Kiếp trước thiếp là một con chó, lúc đó trong làng mọi người thỉnh nhiều vị Sa-môn về nhà thọ trai, có một vị trích phần cơm của mình cho con chó đó ăn, nên nó rất thích gần gũi vị thầy ấy. Khi chết, con chó đó được sanh làm con gái nhà vua.

Nghe xong, chồng cô rất vui, bảo:

- Nàng chỉ đem một tấm lòng tốt đến với vị Sa-môn mà được phước đức nhiều như vậy.

Trước kia, ông ta là người keo kiệt nhưng nay nghe vợ kể như

thế thì rất thích cúng dường và cúng không tiếc món gì. Ông còn tinh chuyên giữ giới, tạo chùa thờ Phật. ông nghĩ:

- Chỉ dùng thiện tâm thôi mà được công đức như thế.

Vợ ông bảo, thiện tâm có thể chuyển người thành Phật, hoặc được sanh lên cõi Trời, đắc quả A-la-hán, quả Bích chi Phật. còn tâm niệm ác sẽ đoạ vào địa ngục.

(Trích kinh Minh Cẩu Mạng Chung Tác Quốc Vương Nữ Tự Thức Túc Mạng, lại trích kinh Phước Báo)

5. BẢY NÀNG CÔNG CHÚA VÂNG GIỮ GIỚI PHÁP:

Đạo tràng nước Ba-la-nại, từ dưới đất lên trên toàn là vàng ròng, thế nên vãy của những con vật như cá, rùa, ba ba lần lượt to, cứng lên, chư Phật thuở xưa đã từng ngồi lên đó. Vua nước này tên Chi tuần ni, vốn là một vị Ưu bà tắc, thông suốt kinh điển, ông xây một ngôi chùa rất đẹp cúng dường Phật.

Vua có bảy cô công chúa, dung mạo rất xinh đẹp và đều vâng giữ năm giới, không chịu lấy chồng. Cô con gái lớn tên Thục Điều, cô thứ hai tên Dị Diệu, cô thứ ba tên Trừ Tham, cô thứ tư tên Thanh Thủ, cô thứ năm tên Tức Tâm, cô thứ sáu tên Tịnh Hữu và nàng út tên là Tăng Kỳ. Đến ngày mùng tám, mười bốn, rằm, hăm ba, hăm chín và ba mươi, cả bảy cô đều vâng giữ tám giới, hành các pháp bố thí, thiền dịnh và trí tuệ.

Một hôm, sau ngày trai giới, bảy cô xin vua cha ra bãi tha ma ở ngoại thành để dạo chơi.

Vua bảo:

- Nơi dó ghê tởm lắm, chỉ có thây ma, những xương cốt lăn lóc ngổng ngang, những loại hồ li, chim xí, Cưu bu đến ăn xác người và người sống gào khóc kêu la đầy trong đó, có gì đáng xem. Ở trong cung ta có vườn thượng uyển, có ao tắm, trong ao có hoa sen năm màu, trong vườn có các loài chim quý như giao thanh, uyên, quyết bay lượng trong đó. Các con nên đến một nơi có cây cối tươi mát, quả mòng thơm ngon, mặt đất phủ thảm cỏ xanh mượt với nhiều màu hoa sặc sở để vui chơi.

Bảy công chúa đều thưa:

- Thưa phụ hoàng, những quả mộng ngon và cây đẹp có lợi ích gì cho chúng con? Chúng con thấy đời người chẳng được bao lâu, một ngày kia cũng phải chết. Chúng con vì muốn thoát khỏi ràng buộc của chồng con nên không ham thích cảnh sắc tươi đẹp, quả mộng thơm ngon. Chúng con muốn quán pháp vô thường, trừ bỏ lòng tham, xin phụ

hoàng thương xót cho chúng con đi.

- Được, cha bằng lòng.

Được vua cha cho phép, bảy công chúa dẫn nhau ra khỏi thành, đến bải tha ma, nơi có mùi hôi thối nồng nặc bốc lên. vừa nghe tiếng người gào khóc, cả bảy cong chúa đều rợn người, dợn tóc gáy, nhưng vẫn đi thẳng về phía trước, quan sát các xác chết: có xác đầu một nơi, tay chân một ngã hoặc có những xác chết đã khô cỏ phủ xanh rì, hoặc có một nơi dành cho tội nhân, trong những thi thể bị cột bằng cỏ tươi, có tội nhân chưa chết, gia đình họ gào khóc van xin cho được tha tội. Lại có người vác tử thi từ trong thành đi ra. Bảy công chúa nhìn khắp mội nơi còn thấy rất nhiều xác chết, các loài chim bay thú chày tranh nhau đến ăn thịt. Hoặc có loài thú kéo tử thi từ dưới đất lên, tử thi ấy đã trương sình, trùng bò rút rỉa bên trong hôi thối không thể đển gần. Thế rồi bảy cô đi nhiểu quanh các thay ma một vòng rồi bảo nhau, không bao lâu nữa thân thể chúng ta cũng như vậy.

Thục Điều nói:

Người đời quý thân thể
Mặc áo đẹp hương báu
Se sua thân thật đẹp
Vì muốn người ngắm xem.
Chết bỏ thân ngoài mộ
Trang sức có ích gì.

Dị Diệu tiếp:

Ví thân như nhà ở
Người đi nhà hư hoại
Thần thức rời khỏi thân
Ai giữ thân không hoại
Ngu gì chổ đáng giữ
Đâu biết rồi sẽ mất.

Trừ Tham nói:

Khi thần thức gá thân
Như ngựa kéo xe đi
Xe hư, ngựa bỏ đi
Mới biết ấy vô thường.

Thanh Thủ bảo:

Đã thấy thành hoàn hảo
Người người thích an nhàn
Sở cầu chưa toại nguyện

Sao bổng thành trống không.

Tức Tâm tiếp:

Nếu nương thuyền qua sông
Đến bờ nên bỏ thuyền
Thân vô thường biến đổi
Thức đâu thể nương hoài.

Tịnh Hữu nói:

Thây chết nơi mộ hoang
Thân hình còn tươi tắn
Cứng đờ không nhúc nhích
Thần thức trụ nơi nào?

Tăng Kỳ tiếp:

Như chim sẽ trong bình
Miệmg bình lại phủ lưới
Lưới thủng chim bay đi
Thần thức cũng như thế.

Nghe được những bài kệ đó, Đế thích xuống khen rằng:

- Hay lắm! Hay lắm! Các cô có mong ước điều gì, ta sẽ đáp ứng điều ấy.

Bảy cô cùng hỏi:

- Ngài là Phạm thiên, Địa thần hay là Đế thích?

- Ta chính là Đế thích ở cõi Trời Đao Lợi.

Thục Điều thưa:

- Tôi muốn sanh ra từ một cây không có rễ, không có cành lá. Như thế là vui.

Dị Diệu ước:

- Tôi muốn sanh ra từ đất. Vì đất thanh tịnh không do lòng tham dục, không có nam nữ, vắng bặc các nhân duyên.

Trừ Tham nói:

- Tôi muốn như âm vang trong núi. Vì nó không đén không đi, tự nhiên vô hình tướng.

Thanh Thủ bảo:

- Tôi mong như Hư không. Vì Hư không vô thỉ vô chung, không có cái được sanh ra và thông suốt với đạo.

Đế thích ngắt lời:

Thôi! Được rồi. Những điều mong muốn của các cô rất hay. Các cô muốn làm vua của mặt Trời, mặt trăng cũng có thể được.

Bảy cô đều nói:

- Đế thích! Ngài có thần thông và đức độ cao vời, vì sao không thể đáp ứng được? Phật dạy, người hưởng phước, phước hết ắt sẽ sợ hãi giống như trâu già không thể giúp được người, đối với chúng ta có ích gì.

Đế thích nói:

- Các cô vâng giữ Phật giới, ta cũng vậy. Chúng ta sẽ là anh em trong đạo pháp, cùng vui với ước muốn hay. Nói xong biến mất.

(Trích kinh Phật thuyếtt Thất Nữ)

6. CÔNG CHÚA KIM CANG BỊ CHẾT THIÊU:

Vua Ba-tư-nặc có một công chú rất mực xinh đẹp tên Kim Cang, vua rất yêu mến, xây cho nàng một cung điện và cho năm trăm thể nữ chơi đùa với nàng. Có một trưởng lão tên Độ Thắng thường đi chợ mua son phấn cho cong chúa.

Hôm nọ, bổng nhiên thấy rất nhiều người nam kẻ nữ đội hương hoa ra khỏi thành, Độ Thắng hỏi:

- Các ngươi định di đâu?

- Chúng tôi định đến viếng thăm đức Phật. Phật là bậc tôn quý trong ba cõi, độ thoát tất cả chúng sanh về đến Niết-bàn.

Nghe vậy, Độ Thắng liền nghĩ:

- Được gặp Phật là do phước đời trước. Nghĩ rồi, Độ Thắng bớt tiền mua hương để mua hoa đẹp rồi theo mọi người đến chỗ Phật, đảnh lễ, tán hoa, đốt hương, nhất tâm nghe pháp. Nghe xong, Độ Thắng đi ngang qua chợ mua một cây hương và những vật dụng. Do công đức nghe pháp, cây hương thơm hơn bội phần. Công chúa Kim Cang hoài nghi tra hỏi nguyên do.

Độ Thắng đáp:

- Ở đời có bậc Thánh sư, bậc tôn quý trong tam giới đang giảng dạy chân lý vo thượng, tôi đã theo mọi người đến dự nghe và đảnh lễ Ngài.

Nghe xong Kim Cang rất vui mừng lại than: “chúng ta có tội gì mà không được nghe những lời Ngài dạy”.

Công chúa quay sang bảo Độ Thắng:

- Ngươi hãy thử nói lại những lời Phật dạy cho ta nghe.

Độ Thắng vâng lời nhưng xin được đến chỗ Phật hỏi đầy đủ những nghi thức nói pháp rồi sẽ nói.

Khi Độ Thắng còn chưa về, Kim Cang cùng các thị nữ tụ tập chật cả sân, như con thơ chờ mẹ.

Phật bảo Độ Thắng:

- Về nghi thức thuyết pháp, trước nên trải một toà cao để người thuyết pháp ngồi.

Vâng lời dạy, Độ Thắng trở về thuật lại cho mọi người nghe. Ai nấy đều vui mừng, cởi áo khoác xếp thành toà cao. Độ Thắng vào trong tắm rửa rồi nương oai thần Phật lên toà thuyết pháp. Công chúa Kim Cang cùng năm trăm tỳ nữ nghe pháp xong, buông bỏ được hết những phiền muộn, những tư tưởng xấu, chứng quả Tu-đà-hoàn. Sau thời thuyết pháp vi diệu, mọi người sơ ý để lửa phát cháy. Trong phút chốc, Kim Cang bị chết thiêu trong ngọn lửa, thần thức sanh lên cõi Trời.

Vua Ba-tư-nặc buồn bã chôn cất thi hài công chúa xong đến gặp Phật, Phật hỏi:

- Bệ hạ từ đâu đến, có việc gì?

Vua đáp:

- Bạch Thế tôn, Kim Cang bất hạnh trong cung để lửa sơ xuất nên Kim Cang cà xác tỳ nữ bị chết thiêu cả. Trẩm vừa chôn cất xong. Không rõ vì tội gì mà họ phải gặp tai hoạ này, xin Thế tôn giải thích rõ ràng cho con nghe.

Vào thời quá khứ, ở thành Ba-la-nại có một bà trưởng giả dẫn năm trăm thể nữ đến ngôi đền lớn ở ngoại thành. Phép tắc trong thành này rất khó xâm phạm, những người thuộc dòng họ khác, không kể là thân sơ đều không được đến gần, bà trưởng giả ấy đến ném lửa vào đền.

Lúc ấy ở đời có một vị Bích chi Phật tên Ca La ở trong núi, sáng đi khất thực, chiều tối trở về. Hôm ấy, Ngài đi khất thực ngang qua ngôi đền này, bà trưởng giả thấy Ngài bổng dưng nổi giận, ra lệnh cho mọi người trói Ngài ném vào trong lửa. Toàn thân bốc cháy, Ngài liền vận thần thông bay lên Hư không, tất cả tỳ nữ kinh sợ gào khóc đảnh lễ sám hối:

- Hàng nữ nhân chúng con ngu xuẩn không biết Ngài là bậc Chí Chơn, buông lung làm ác, huỷ nhục thần linh, tội cao như núi. Xin Ngài ban ân đức giúp cho chúng con thoát khỏi tội nặng này.

Vừa nghe xong, vị Bích chi Phật liền hạ xuống, vào cõi Niết-bàn. Tất cả những người nữ kia hoả thiêu thi thể của Ngài, xây tháp, cúng dường Xá-lợi.

Phật lại nói cho vua nghe thêm bài kệ:

Kẻ ngu gây tội ác
Không thể tự trốn tránh,
Quả chín bị chết thiêu

Tội chiêu thành lửa dữ
Là chỗ thiêu thân người.
Không kể người gặp khổ
Hay kẻ gặp nguy nan
Đều là quả bất thiện.

Phật bảo vua:

- Bà trưởng giả thuở ấy nay chính là công chúa Kim Cang, năm trăm người hầu nay chính là Độ Thắng v.v...

(Trích kinh Ngu Ám Pháp cú quyển 2)

7. CÔNG CHÚA NGỘ LÝ VÔ THƯỜNG:

Thuở xưa có một nàng công chúa được vua cha rất mực yêu thương, chưa từng rời xa. Một hôm Trời mưa lớn trên sông nổi lên nhiều bong bóng nước. Công chúa thấy những bong bóng nước thì rất thích bèn tâu vua:

- Con muốn lấy những bong bóng ấy kết tràng hoa đội đầu.

- Những bong bóng ấy không thể nắm thì làm sao lấy để kết thành tràng hoa được!

- Nếu không có ai lấy được thì con sẽ tự sát.

Nghe công chúa nói vậy, vua cuống lên liền ra lệnh cho những người thợ tài giỏi:

- Các ông là những người tài giỏi, không có việc gì mà không làm được, hãy nhanh chóng lấy những bong bóng nước ngoài kia kết tràng hoa cho công chúa. Nếu không làm được, ta sẽ chém đầu.

Những người thợ cùng đáp:

- Chúng thần không thể lấy bong bóng nước để kết thành tràng hoa được.

Khi ấy có một người thợ lớn tuổi thưa sẽ làm được. Vua rất vui mừng liền bảo công chúa:

- Nay có người có thể thể lấy bong bóng ấy kết tràng hoa cho con, con có thể đícg thân đến xem. Công chúa nghe lời vua cha, ra ngoài xem, người thợ già liền tâu công chúa:

- Tôi thật không phân biệt được bong bóng nào đẹp, bong bóng nào xấu. Xin công chúa hãy tự mình chọn lấy, tôi sẽ kết tràng hoa cho công chúa.

- Công chúa vội đưa tay chọn những bong bóng vừa ý, nhưng vừa chạm tay đến thì bong bóng vỡ tan. Cứ như thế suốt cả ngày công chúa vẫn không lấy được chiếc bong bóng nào cả. Quá mệt mỏi, bỏ tất cả

những bong bóng, công chúa chạy về tâu vua:

- Bong bóng nước không thật, không thể tồn tại lâu, xin vua cha làm cho con tràng hoa bằng vàng tử ma, không bao giờ khô héo, còn bong bóng nước chỉ gạt người ta, tuy có hình bóng nhưng dễ tan vỡ. cũng như sóng nắng, bóng ngựa vậy. Thân người hư giả, khổ nhọc yêu thương rồi thân này cũng mất, vui ít khổ nhiều, các pháp luôn sanh diệt không tồn tại lâu, thay đổi liên tục không có hiện ngày.

(Trích kinh Thuỷ Bào Thượng)

8. CÔ MA XÀ NI BỊ BÀ-LA-MÔN ĐỐ KỴ:

Công chúa con vua Cấm Mị, lúc mới sanh ra trên thân cô đã đeo một tràng hoa bằng vàng. Nên đặt tên là Ma-lỵ-ni. Vua cha rất vui, cho gọi năm trăm đứa bé gái sanh cùng ngày với công chúa vào cung làm tỳ nữ cho công chúa.

Đến lúc trưởng thành, ngày nào Ma-lỵ-ni cũng dâng thức ăn cho năm trăm vị Bà-la-môn. Hôm nọ, Phật Ca-diếp đang ở trong một khu vườn, công chúa thường ra ngoài dạo chơi, hôm nay cô đến khu vườn Phật dang ở dạo chơi, người đánh xe đứng ngoài cửa.

Công chúa hỏi:

- Vườn nào ngươi cũng vào, tại sao vườn này không vào?

Người đánh xe đáp:

- Vườn này chỉ có một mình Sa-môn Ca-diếp cho nên không đánh xe vào.

Công chúa bảo:

- Vào đi.

Khi vào đến vườn, thấy thân sắc vàng của Phật, công chúa rất mừng, liền đê đầu đảnh lễ. Phật thuyết pháp vi diệu cho công chúa nghe. Nghe xong, cô xin thọ tam quy ngũ giới rồi vái chào ra về.

Về nhà, cô tư duy: Giai cấp Bà-la-môn không phải là ruộng phước tốt, ta không nên bố thí cho họ, nên dâng cúng Phật.

Bấy giờ các Bà-la-môn nghe Ma-lỵ-ni làm đệ tử của Phật Ca-diếp lại còn sắm sửa thức ăn ngon cúng dường nên sanh lòng ganh ghét.

Đêm đó vua Cấm Mị mộng thấy mười điềm, sáng sớm hôm sau, vua triệu tập quần thần, kể lại những điềm mộng đã thấy.

Quần thần khuyên vua nên hổi các Bà la môn.

Các Bà-la-môn đoán: Đây là điềm mộng không tốt hoặc vua sẽ mất nước hoặc sẽ mất mạng.

- Có cách gì tránh được không?

- Bảy ngày sau, vua phải đem rất nhiều trâu dê, voi ngựa và công chúa Ma-lỵ-ni cùng năm trăm quyến thuộc đến ngã Thừa tư đường giết để tế Trời thì tai hoạ này mới tiêu trừ.

- Nghe xong, vua liền ra lệnh cho chuẩn bị mọi thứ và cho gọi công chúa đến kể hết sự tình và bảo: Trong sáu ngày cha cho phép con sống theo ý thích của mình, có chết cũng không tiếc.

Công chúa thưa: ngày thứ nhất, xin phụ vương cho tất cả mọi người trong thành đến chỗ Phật Ca-diếp để tất cả đều thọ tam quy ngũ giới.

- Vua thuận cho.

- Ngày thứ hai, con cùng phụ vương và quần thần đến chỗ Phật Ca-diếp để thọ tam quy ngũ giiới.

Vua đồng ý.

- Ngày thứ ba, xin phụ vương cho con và tất cả các vương tử đều đến chỗ Phật.

- Ngày thứ tư, con cùng tất cả vương nữ đến chỗ Phật.

- Ngày thứ năm, phụ vương, mẫu hậu và thể nữ cùng đến chỗ Phật.

- Ngày thứ sáu, con cùng phụ vương đến chỗ của Phật.

Vua đồng ý tất cả và cùng mọi người đến chỗ Phật Ca-diếp.

Phật thuyết pháp vi diệu cho quần thần nghe. Nghe xong, mọi người đều đắc quả Tu-đà-hoàn, đều xin thọ tam quy, ngũ giới. Nhà vua xin Phật giải mười điềm mộng cho.

Phật bảo:

1. Cây non nở hoa: Tiên báo sau này có một vị Phật hiệu Thích-ca Văn xuất hiện ở đời. Người thời ấy mới hai mươi tuổi đầu đã bạc, đã sanh con cái.

2. Nghé con cày ruộng: Tiên báo, những đứa trẻ mới được mười tuổi đã đảm trách việc nhà, cha mẹ chúng không được quyền tự do.

3. Nấu cơm trong nồi đồng nhưng cơm dạt ra bốn phía, không ở chính giữa: Có nghĩa là người giàu sang càng tu phước bố thí còn người nghèo thì không làm được.

4. Thấy lạc đà hai đầu ăn cỏ: Tiên đoán sau này triều đình ăn bổng lộc của nhà vua và bóc lột nhân dân.

5. Thấy ngựa mẹ ăn thịt ngựa con: Tiên đoán, sau này người mẹ gả con gái lấy chồng vì để thâu tiền của về mình chứ không vì hạnh phúc của con.

6. Mộng thấy bát vàng xếp thành hàng ở trên Hư không là tiên

đoán mưa gió trái mùa.

7. thấy Dã Hồ tiểu trong bát vàng là tiên trai gái lấy nhau chỉ chọn giàu sang chứ không quan tâm đến dòng tộc.

8. Thấy khỉ vượn ngồi trên gường là tiên đoán sau này nhà vua không theo pháp luật, bạo ngược vô nhân đạo.

9. Thấy trâu bò đeo chiên đàn nhưng chỉ sánh ngang với cỏ mục là tiên đoán hàng Thích tử ham lợi dưỡng mà thuyết pháp cho mọi người.

10. Thấy dòng sông ở giữa đục xung quanh trong là tiên đoán Phật pháp trong nước sẽ bị tiêu diệt, Phật pháp nước láng giềng hưng thạnh, không có lợi cho bản thân nhà vua...

Vua lên toà bảo quần thần: Các súc vật tế thần nay chắc chắn không còn lo sợ. Từ nay về sau ta thà mất thân mạng chứ không giết hại sanh vật huống chi là giết người.

(Theo luật Di Sa quyển bốn mươi)

9. CÔNG CHÚA TUỲ THUẬN THEO NGƯỜI:

Có một công chúa nọ tên Cẩu Đầu, một hôm trên đường đi, anh chàng giỏi bắt cá tên Thuật bà già, từ xa nhìn thấy dung nhan công chúa qua khung cửa sổ trên lầu cao, liền đem òng yêu thương, lúc nào cũng nhớ nghĩ đến công chúa, không màng ăn uống. Mẹ anh lo lắng hỏi nguyên nhân. Anh thật lòng trả lời:

- Từ hôm gặp công chúa, con luôn thường nhớ, không sao quên được.

Mẹ anh cố dụ dỗ:

- Con là hạng người thấp hèn, công chúa là bậc tôn quý, sao có thể yêu thương thư thế được?

- Lòng con chỉ mong có ngày đoàn tụ, không thẻ nào quên nàng được. nếu không được như thế con sẽ không sống nỗi.

Người mẹ thương con, cố ý vào cung vua, nhiều lần dem cá ngon, thịt ngon biếu công chúa, không đòi hỏi giá cả. Thấy lạ, công chúa hỏi:

- Bà muốn cầu xin việc gì?

Bà rụt rè:

- Xin công chúa cho người hầu lui ra hết, tôi mới thưa sự tình.

- Tôi có một đứa con trai, tình cờ nhìn thấy công chúa, nó đem lòng yêu trộm nhớ thầm mà sanh bệnh, không còn sống được bao lâu nữa, xin công chúa thương xót, ban cho con tôi sự sống.

Công chúa bảo:

- Vào ngày rằm tháng này, bà bảo anh ấy đến đứng sau tượng Ngọc Hoàng của ngôi miếu kia.

Bà mẹ vui mừng về báo tin cho con hay.

Đến ngày hẹn, anh chàng kia tắm gội, thay quần áo mới đến đứng sau pho tượng ở chỗ hẹn.

Hôm ấy công chúa đến tâu vua:

- Con có việc không tốt, cần phải đến miếu Ngọc Hoàng để cầu phước lành, xin phụ vương cho phép.

- Vua vui vẻ bằng lòng.

Công chúa liền cho năm trăm chiếc xe đến miếu.

Đến nơi, công chúa bảo mọi người ở ngoài cửa, chỉ một mìmh vào miếu. Thấy vậy, thiện thần suy nghĩ: “Việc này không nên để xảy ra, vua là bậc thí chủ ở đây, ta không nên để cho kẻ tiểu nhân kia huỷ nhục công chúa”

Thiên thần thiền khiến anh ta ngủ say, công chúa vào miếu thấy anh ta ngủ say, lay hoài không tỉnh liền đem chuỗi anh lạc giá trị một trăm lượng vàng để lại cho anh ta, rồi ra về. Khi tỉnh dậy, thấy có chuỗi anh lạc, anh ta hỏi mọi người mới biết có công chúa đến. Thế là cuộc hẹn hò không thành, người tình trong mộng tan thành mây khói, anh ta đau đớn nuối tiếc, lửa tình bốc cháy thiêu chết anh ta.

Qua câu chuyện đó có thể biết lòng người nữ không có chọn người sang hèn, chỉ muốn tuỳ thuận theo người.

Xưa cũng có một vị công chúa ăn ở với một người thuộc dòng Chiên-đà-la, một vị tiên nữ chung sống với thầy...

(Trích luận Đại Trí Độ quyển 14)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 35

1. Bảo-xứng xuất gia gặp Phật chứng đạo
2. Sự tích Thủ-lung-na đắc đạo
3. Phật độ cho người keo kiệt
4. Phước-tăng trăm tuổi xin xuất gia
5. Nhân duyên Tu-đạt ngộ đạo
6. Công đức cúng dường Phật và chúng Tăng
7. Tối-thắng, Nan-đà hàng phục ma
8. Thân-nhật độc hai Phật
9. Sự tích hai kẻ ăn xin
10. Tiền thân của Đàm-ma-lưu-chi
11. Công đức cúng dường Phật
12. Công đức cúng dường vật thực
13. Tôn giả Mục-kiền-liên cứu Bà-thế-chí
14. Em bé mới chào đời đã biết chuyện đời trước
15. A-na-bần-để dạy con

1. BẢO XỨNG XUẤT GIA GẶP PHẬT CHỨNG ĐẠO:

Thời Phật còn tại thế, trong thành Ba-la-nại có một vị trưởng giả tên là A-câu-lợi-tử, tự là Xà-đà (đời Lương dịch là Bảo Xứng, kinh Xuất Diệu ghi là Dạ Hàn). Năm lên hai mươi bốn tuổi, một hôm dưới chân tự nhiên xuất hiện một đôi giày bằng lưu ly mang vào chân trưởng giả, cha mẹ thấy thế cho rằng dây là điềm tốt, họ bèn xây dựng ngôi nhà để thay đổi theo mùa, luôn có các kỹ nữ vây quanh hầu hạ trưởng giả.

Đêm nọ, về khuya Trời nóng bức, Bảo Xứng nhìn thấy các kỹ nữ nằm nghiêng ngã như những xác chết, nước miếng nước mủi chảy như là máu mũ, các chi rả rời, tất cả đồ đạc trong nhà đều giống như nhà mồ, cửa nhà tự mở ra, Trời đất tối tăm, chỉ hiện lên một vệt sáng nhỏ nhoi nơi cửa thành phía Đông. Bấy giờ cửa thành tự mở ra, ánh sáng ấy soi sáng khắp cả vườn Lộc Dã. Thế là theo ánh sáng ấy, Bảo Xứng tìm

thấy Đức Phật và được chiêm ngưỡng nhung nhan của Ngài. Lúc ấy, nỗi lo sợ biến mất, tâm mê bừng tỉnh, Bảo Xứng liền cất tiếng than:

Bấy lâu con chìm đắm trong cảnh ngục tù, say sưa trong danh lợi phù hoa. Nay con đã gặp được đức Thế tôn chẳng biết có thoát nổi cái ngục tù ấy không?

Phật bảo: Lành thay! Đồng tử đã giác ngộ rồi. Đây là nơi không có sự hiện diện của hình bóng khổ đau lo buồn, các hành đã rốt ráo.

Sau khi đảnh lễ xong, Bảo Xứng được Đức Phật nói pháp cho nghe, không cò tâm ô nhiễm, chứng được pháp nhãn thanh tịnh. Ông bạch Phật:

- Xin Ngài nhận con làm đệ tử!

Phật bảo:

- Thiện lai Tỳ-kheo!

Tự nhiên râu tóc rụng, Bảo Xứng trở thành Sa-môn.

Đến lúc Trời sáng, các người hầu cận, các kỷ nữ chia nhau di khắp nơi để tìm kiếm, mọi người lo sợ, không biết Bảo Xứng ở nơi nào. Thế là trưởng giả sai người cùng ông ruổi ngựa lần theo vết xe cũ về phía đông, mọi người băng qua dồng sông Ba-la-nại. Khi qua sông, người cha phát hiện ra trên bờ có đôi giày báu của con mình, ông liền lần theo dấu chân đi thẳng đến vườn Nai.

Bấy giờ Đức Phật hiển bày phương tiện khiến cho hai cha con không nhìn thấy mặt nhau. Trưởng giả bạch hỏi:

- Bạch Thế tôn, con tôi là Bảo Xứng, dấu chân theo lối này, không biết nó có đến đây không?

Phật bảo:

- Nếu con ông ở đây thì lo gì không gặp mặt nhau.

Thế là đức Phật thuyết pháp cho trưởng giả nghe, ông chứng quả Tu-đà-hoàn. Ngay lúc ấy Bảo Xứng cũng chứng quả A-la-hán. Cha con gặp nhau, tình thương cha con đã nhạt.

Trưởng giả bạch Phật:

- Hôm nay trong đáy lòng của con đã có được hai niềm vui, đó là gặp được Phật và được tỏ ngộ va lìa được tình luyến ái ràng buộc của thế gian.

Lúc ấy bốn người bạn thân của Bảo Xứng: Phú-nậu, Duy-ma-la, Kiều-viêm-bát cùng với Tu-đà nghe Bảo Xứng đã xuất gia làm Sa-môn thì vừa kinh ngạc lẫn vui mừng vừa vui sướng, họ cùng bảo nhau rằng:

- Chúng ta cùng nhau đi đến chỗ của Đức Phật nhập bọn với Bảo Xứng.

Khi đến nơi nhìn thấy đức Phật, tâm tư nhớ lại hạnh nguyện xưa, họ liền sụp xuống lạy đức Thế tôn và bạch rằng:

- Từ lâu khao khát đạo mầu, hôm nay chúng con được gặp, xin Ngài thâu nhận chúng con làm đệ tử.

Phật bảo:

- Lành thay Tỳ-kheo!

Tức thời tất cả mọi người râu tóc đều rụng, thành Sa-môn. Đức Thế tôn đã thuyết cho họ nghe pháp Tâm tánh vốn thanh tịnh. Nghe xong, tất cả đều chứng quả A-la-hán. Mọi người hay tin đến tìm cũng đều chứng được đạo quả.

(Trích kinh Trung Bản Khởi. Đoạn trên trích kinh Xuất Diệu quyển 19)

2. SỰ TÍCH THỦ LUNG NA ĐẮC ĐẠO:

Trong thành Chiêm-bà có con của vị đại trưởng giả tên Thủ-lung-na. Hai vợ chồng trưởng giả chỉ có một đứa con, họ rất mực thương mến. Từ khi sanh ra cho đến khi học hành, chân Thủ-lung-na chưa hề chạm đất, vì vậy dưới bàn chân tự nhiên mộc lông. Bấy giờ quốc vương nước Ma-kiệt nghe tin ấy, ông vội vàng muốn đến xem. Nhà vua hạ lệnh cho chủ thành bảo các vị trưởng giả trong thành phải đem con đến cho vua xem. Vâng lệnh vua, chủ thành cùng trưởng giả dẫn cậu vào yết kiến. Sau khi chào hỏi xong, cậu đứng qua một bên. Nhà vua sai người lấy vải trải trên đất rồi cậu bước đến bên nhà vua. Nhà vua nhìn thấy dưới lòng bàn chân có lông, lòng rất hoan hỷ, vua bảo:

- Ngươi nên đến yết kiến đức Phật, đảnh lễ Ngài, đời sau ngươi sẽ có được lợi ích lớn.

Bấy giờ chủ thành và các trưởng giả cùng nhau đi đến núi Kỳ-xà-quật, đến nơi họ gặp trưởng lão Sa-kiệt-đà là người thị giả hầu cận đức Phật. Ông đang ngồi trên một tảng đá lớn bằng phẳng, chủ thành đến thưa với trưởng lão:

- Bạch Ngài, chúng con muốn gặp đức Như Lai.

Trưởng lão dùng thần túc ẩn mình qua tảng đá rồi hiện ra trước Phật và bạch rằng:

- Bạch Thế tôn, trưởng giả ở thành Chiêm-bà đến đây muốn diện kiến Ngài.

Phật dạy:

- Thầy hãy trải tọa cụ bên bóng nhà, ta sẽ đến ngay.

Trưởng lão trải toà xong liền đến thưa Phật. Đức Phật bước ra,

ngồi vào toà và bảo:

- Thầy mời các trưởng giả đến đây.

Trưởng lão liền ẩn mình trước Phật rồi hiện ra ngồi trên tảng đá cũ. Các trưởng giả thấy thế vô cùng thán phục, họ nói:

- Hôm nay mới thấy việc chưa từng có, đệ tử của Phật thần thông như thế, huống gì là Đức Thế tôn!

Trưởng lão bảo:

- Này các trưởng giả đã đến giờ rồi, mời quý vị vào hương thất.

Chủ thành và các trưởng giả đến được Đức Thế tôn thuyết pháp khuyên bảo, mọi người ngay đó chứng được pháp nhãn thanh tịnh, họ cùng nhau bạch Phật:

Bạch Đức Thế tôn, từ hôm nay trở đi chúng con xin nguyện quy y Tam bảo, làm chúng Ưu-bà-tắc.

Thủ-lung-na sau khi được Phật cho xuất gia, cậu vào rừng Thi-đà-lâm, bên dòng nước nóng để tinh tấn tu tập, đi kinh hành đến nổi chân rướm máu dấy lên cả đường đi, đất như bị ai bôi máu lên.

Trong khi tham thiền, Thủ-lung-na khởi nghĩ: Trong hàng đệ tử Phật, không có ai tinh tấn bằng ta, vậy mà sao ta không chứng quả vô lậu? Ta nay nên xả giới trở về nhà mặc tình vui chơi hưởng thụ, bố thí làm phước là được rồi!

Biết tâm niệm của cậu, Đức Phật liền đích thân đến thăm, Ngài nói:

- Giờ đây ta hỏi thầy, thầy cứ tuỳ ý mà trả lời. Lúc ở nhà thầy hay chơi đánh đàn, vậy thì khi thầy lên dây đàn quá chùng hoặc quá căng thì tiếng đàn có hay không?

- Bạch Thế tôn, nếu lên dây đàn không chùng mà cũng không căng thì âm thanh phát ra mới hay

- Việc tu tập của các Tỳ-kheo cũng vậy, không nên quá vội và cũng không nên lười biếng mới có được kết quả và chứng đạo.

Nhờ thực hành theo lời Phật dạy, không bao lâu ông chứng quả giải thoát.

(Trích phần III luật Tứ Phần quyển 2)

3. PHẬT ĐỘ NGƯỜI KEO KIỆT:

Vào thời Đức Phật còn tại thế, trong thành Xá-vệ có hai vị trưởng giả tên là Tối Thắng và Nan Hàng, hai vị này nổi tiếng là người keo kiệt nhất nước. Tuy tiền của châu báu vô số, nhưng nhà họ có bảy lớp cửa, luôn có người canh giữ, không một người xin ăn nào có thể lọt vào

được. Lưới sắt bao quanh đến nỗi chim bay cũng chẳng lọt, bốn phía tường bằng sắt để ngăn ngừa chuột phá hoại đồ vật.

Bấy giờ, năm vị đại đệ tử đều lần lượt đến đó để giáo hoá, các Ngài dùng phương tiện vận thần lực từ dưới đất vọt lên trong nhà của ông ta để thuyết pháp. Thế nhưng cả hai vị trưởng giả đều không chịu nghe pháp. Sau đó, Đức Phật đích thân đến nhà, Ngài vận thần thông hiện tướng nằm ngồi trên Hư không, phóng ánh đại quang minh, Ngài thuyết pháp mầu cho trưởng giả nghe, tuy nghe nhưng lòng không thể hiểu được. Họ thầm nghĩ: Đức Phật đến đây ắt hẳn là có lý do, để khiến cho Ngài trở về Tinh xá, nay ta nên lấy tấm bạch điệp trong kho để cúng dường Ngài. Trưởng giả liền vào kho chọn một tấm vải xấu nhất thì tấm ấy lại biến thành đẹp. Ông thấy tiếc nên bỏ lại rồi lại lấy tấm khác, nhưng bức khác lại càng đẹp hơn gấp bội. Trong lòng ông cứ phân vân không biết phải chọn tấm nào. Tâm trạng ông như là việc cõi A-tu-la và Trời Đế thích đánh nhau, có khi Trời thắng A-tu-la thua, có khi A-tu-la thắng Trời lại thua, hai bên cứ giằng co mãi. Khi ấy, đức Thế tôn dùng thiên nhãn quán thấy tâm trưởng giả, có lúc tâm keo kiệt thắng tâm bố thí, có lúc tâm bố thí lại thắng tâm keo kiệt, nên Ngài liền nói kệ:

Tham xả đồng một tâm
Bậc trí không hề khen
Tâm cho cũng như lấy
Hai việc ấy đồng nhau.

Trưởng giả nghe vậy lòng cảm thấy hổ thẹn, tự nhủ những lời Như Lai nói chính là dạy ta. Ông liền lấy bức lụa đẹp nhất đem cúng dường Phật. trưởng giả Nan Hàng đem tiền của thành kính cúng dường, tâm ý tỏ ngộ, cả hai đều chứng quả Tu-đà-hoàn.

(Trích kinh Xuất Diệu quyển 17)

4. PHƯỚC TĂNG TRĂM TUỔI XIN XUẤT GIA:

Nếu như cho những thanh niên thiếu nữ, những tôi tớ, dân chúng, hay chính bản thân mình xuất gia học đạo thì công đức vô lượng. Nhưng quả báo của sự bố thí còn phải mười đời tái sanh lại trong cõi lục đạo. Quả báo của người xuất gia vô lượng vô biên, hơn cả việc xây dựng tháp bảy báu cao lên tận Trời Đao lợi. Vì những phước đức bố thí người tham lam có thể phá hoại, còn công đức của người xuất gia không ai có thể phá được, vời vợi sánh với núi Tu di, sâu hơn biển cả, bát ngát hơn cả Hư không. Nếu người nào ngăn cản làm khó dễ với người xuất gia, tội ấy rất nặng, đoạ vào địa ngục Hắc ám không mắt.

Bấy giờ có vị trưởng giả tên Thi-lợi-bí-đề (đời Lương dịch là Phước Tăng), tuổi đời đã trên một trăm lại muốn đi xuất gia. Mọi người trong nhà không ai đi theo, ông đến vườn trúc Ca-lan-đà gặp Tôn giả Xá-lợi-phất và cầu xin xuất gia, nhưng vì tuổi quá già nên không được Ngài chấp thuận. Thế là ông đi xin khắp năm trăm vị A-la-hán, nhưng tất cả đều không chấp thuận. Quá thất vọng, ông ra cổng vườn trúc ngồi khóc, than rằng:

Những người hớt tóc hèn mọn như Ưu-ba-ly, đổ phân nhơ bẩn như Ni-đề, giết người vô số như Ương-quật-ma-la, kẻ cướp hung ác như Đà-tắc-kiều vẫn được xuất gia, còn tôi có tội gì mà không được xuất gia?

Khi ấy Đức Thế tôn bỗng xuất hiện và hỏi:

- Tại sao ông lại khóc?

Nghe phạm âm của Phật, Phước Tăng vô cùng vui vẻ, ông đảnh lễ chân Phật rồi thưa:

- Bạch Thế tôn, những người mang nhiều tội ác, thế mà họ đều được xuất gia được cả, còn con có tội gì mà lại không được chấp thuận? Ở nhà, mọi người đều từ bỏ con, trong Phật pháp thì con không được xuất gia, nếu như con trở về thì chắc chắn không được như trước, giờ đây con phải làm sao? Hôm nay con quyết định sẽ chết ở đây để khỏi phải buồn tủi cho số phận!

Đức Thế tôn an ủi và bảo ông rằng:

- Thôi đừng buồn nữa, ta sẽ cho phép ông xuất gia.

Ngài giao cho Tôn giả Mục-kiền-liên xuất gia cho ông ấy. Sau khi được xuất gia và thọ cụ túc giới, ngày đêm tinh tấn tu tập, đọc tụng thông suốt kinh tạng, chỉ vì tuổi già nên ông không thể tuỳ thời cung kính đảnh lễ những bậc trưởng lão. Các Tỳ-kheo trẻ tuổi thấy thế không vừa lòng, họ thường nói những lời châm chọc.

Buồn quá, ông nghĩ nên chết đi cho khỏi chướng tai gai mắt mọi người! Thế là ông đến bên bờ sông, cởi Ca-sa treo trên cành cây,vừa khóc vừa thề:

- Con không bỏ Phật pháp và chúng Tăng, chỉ muốn bỏ thân mạng này. Con đã bố thí, trì giới, tinh tấn tụng kinh, nếu có phước báo thì con nguyện xã thân này được sanh vào nhà giàu có an vui, quyến thuộc hoà thuận. Đối với pháp lành con cố gắng thực hành và thường được thân cân Tam bảo, gặp minh sư được tỏ ngộ.

Phát lời nguyện ấy xong, ông gieo mình xuống sông. Nhưng chưa tới mặt nước thì trong tích tắc được Tôn giả Mục-kiền-liên đỡ lấy đem lên bờ. Tôn giả bảo ông cầm lấy chéo y của Ngài và bay thẳng lên Hư

không, giống như con chim ưng dõng mãnh ngậm một con chim nhỏ bay đi. Chốc lát, cả hai cùng đến bờ biển lớn, bên bờ biển có một người con gái mới chết, tướng nữ vẹn toàn, ông thấy có một con giòi bò từ miệng ra ngoài rồi lại bò vào trong mũi, rồi từ trong mắt bò ra và vào lỗ tai.

Bí-đề hỏi:

- Thưa Ngài, đây là cô gái nào vậy?

Tôn giả đáp:

- Lát nữa ta sẽ nói cho ông rõ.

Hai thầy trò đi về phía trước lại thấy một cô gái khác tự vác cái vạc đồng đã nung, lửa đỏ hừng hực, nước ở trong sôi sùng sục, cô cởi áo nhảy vào trong vạc ấy. Tóc tai móng vuốt của cô bị tuốt ra, da thịt chín rục, xương cốt mỗi thứ mỗi đường. Khi nước sôi, xương trôi ra ngoài, gặp lúc gió thổi liền trở thành thân người, rồi lại tự ăn lấy thịt của mình.

Lại tiếp tục đi về phía trước, hai thầy trò gặp một cây to lớn, nhưng lại có loài sâu đục quanh từ thân cho đến cành lá, chỗ nào cũng bị đục, chi chít như đầu kim châm, tiếng kêu gào chấn động mạnh như tiếng kêu trong địa ngục. Lại thấy có một người đàn ông bị loài thú dữ và quỷ thần ác độc vây quanh ba phía, tay cầm cung nỏ, cùng tranh nhau bắn, ba mũi tên sắt tẩm độc đều rực lửa, toàn thân trúng tên nên bị thiêu cháy. Hai thầy trò lại gặp một quả núi to, phía dưới dao kiếm đã bày ra tua tủa, có người từ bên trên lao xuống, thân thể bị đao kiếm đâm nhừ như tương, thế nhưng ông tự nhỗ ra rồi trở lại chỗ cũ và tiếp tục nhảy như thế.

Trước mặt lại có đống xương cao bảy trăm do tuần, Tôn giã Mục-kiền-liên liền dừng lại để nói về nguyên nhân của những gì cả hai thầy trò đã chứng kiến:

Trong thành Xá-vệ có gia đình ông Đại-tát-bạc, người chồng rất thương yêu vợ. Một hôm ông muốn đi biển nhưng vì thương yêu, quyến luyến không nỡ rời vợ, vì vậy ông đem vợ theo. Người vợ lấy gương soi trang điểm, thấy dung nhan của minh rất xin đẹp, bà sanh lòng kiêu mạn, yêu mến tấm thân của mình. Trên đường đi, gặp con rùa chúa hất thuyền chìm xuống biển nên cả hai vợ chồng đều chết, năm trăm thương buôn đi cùng cũng chết hết. Thế nhưng biển không nhận tử thi nên các loài quỷ Dạ-xoa, La-sát hiện ra đưa họ vào bờ. Tuỳ theo chỗ mình say đắm mến yêu mà tử thi sanh ra loài vật tương ứng. Sau khi bỏ thân trùng thì sanh vào địa ngục lớn.

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có một đứa tớ ở trong nhà của một

Ưu-bà-di. Ưu-ba-di này phát tâm cúng dường mọi thứ trong ba tháng hạ cho một vị Tỳ-kheo. Một hôm, bà sai người tớ này mang thức ăn đến cúng dường, người tớ này mang thức ăn đến nơi chỗ khuất bày ra ăn, còn lại mang đến cho vị Tỳ-kheo. Cả nhà phát giác ra liền tra hỏi thì người tớ ấy phát lời thề rằng:

Nếu tôi có chuyện ấy thì tôi thề đời đời kiếp kiếp tự cắt thịt của mình để ăn. Kiếp này người ấy mới chịu quả báo, kiếp sau phải đoạ vào địa ngục.

Cây to lớn bị các loài trùng độc sâu bọ đục thân phát ra tiếng kêu gào dữ dội kia là Tỳ-kheo doanh sự Lại-lợi-tra, vì lấy hoa trái, vật thực của chúng Tăng cho hàng bạch y nên đời này chịu lấy quả báo như thế, qua đời sau lại rơi vào địa ngục, các loài sâu độc đục thân cây là những người nhận lấy vật của của chúng Tăng.

Người cất tiếng gào khóc, bị các thứ tên độc xuyên thân đời trước làm thợ săn giỏi, giết hại nhiều loài cầm thú. Vì tội ấy mà hôm nay phải chịu quả báo như vậy, sau khi mạng chung lại sanh vào địa ngục.

Người từ trên ngọn núi cao rơi xuống hầm đao kiếm là tướng quân kiệt xuất nhất của thành Vương xá, vì dũng mãnh nên lúc nào cũng đi tiên phong. Có khi ông dùng đao kiếm, mâu thuẩn đả thương sanh mạng của kẻ khác, cho nên phải chịu lấy quả báo như thế.

Có một vị vua tên Đàm-ma-bí-đề chuyên bố thí trì giới, từ bi không giết hại sanh mạng loài vật, suốt hai mươi năm ông dùng chánh pháp trị nước. Một hôm nhà vua cùng vui chơi với mọi người, lúc ấy có kẻ giết người, quần thần đem việc tâu nhà vua, ông ra lệnh cứ theo phép nước mà trị tội. Quần thần theo luật, đem kẻ ấy xử tử. khi cuộc vui đã chấm dứt nhà vua liền hỏi:

- Nhân ở đâu?

Đáp:

- Đã giết nó rồi.

Nhà vua nghe xong rơi lệ nói:

- Bảy món châu báu đều còn lại, riêng ta bị vào địa ngục.

Hôm đó, nhà vua bèn bỏ ngai vàng, tìm vào núi để tự mình tu tập, sau khi mạng chung, nhà vua thác sanh làm cá Ma-kiệt, thân dài bảy trăm do tuần, bầy tôi của vua ỷ thế uy hiếp dân lành nên sau khi chết rồi cũng đầu thai làm cá Ma-kiệt to lớn, bị trùng đeo bám rất ngứa ngáy nên lao vào núi Pha lê, máu chảy đỏ cả một trăm dặm, sau đó rơi vào đại địa ngục. Bấy giờ cá Ma-kiệt ngủ một giấc cả trăm năm mới thức dậy. Khi ấy cá đói quá liền há miệng ra, nước biển chảy vào miệng cá

như trút nước sông lớn. Lúc ấy có năm trăm thương buôn vào biển tìm châu báu, gặp phải cá há miệng nên chuyến thuyền ấy cũng lọt vào miệng cá. Những vị thương buôn này buột miệng xưng Nam mô Phật. Cá nghe danh hiệu liền ngậm miệng lại, các thương buôn được thoát nạn còn cá chết đói bỏ thân sanh vào thành Vương -xá. Dạ-xoa đưa xác cá đặt lên bờ biển này.

Tôn giả Mục-kiền-liên bảo với Bí-đề:

- Nhà vua thuở trước nay là thân ông, vì phạm tội nên chết làm thân cá.

Nghe Mục-kiền-liên nói vậy, Bí-đề thấu rõ lẽ vô thường nên đã nhàm chán thế gian, ông dứt trừ được Kiết-sử, chứng quả A-la-hán.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 7)

5. NHÂN DUYÊN TU ĐẠT NGỘ ĐẠO:

Ở nước Xá-vệ, có một vị trưởng giả giàu có tên là Tu-đạt (trong kinh Hiền Ngu ban đầu gọi là Đại Thần, Tứ Phần Luật gọi là cư sĩ), ông thường hay cung cấp cho những người cô thế, kẻ xin ăn nên được mọi người xưng là Cấp-cô-độc. Trước đây ông ta có sản nghiệp ở trong thành Vương xá nên hàng năm thường đến đó (trong hai kinh Đại Bát Niết-bàn và Kinh Hiền Ngu đều nói ông vì những người goá bụa và trẻ em mà ông đến thành Vương xá) ông thường nghĩ lại ở trong nhà của Trưởng giả Hộ Di (theo trong kinh Trung Bổn Khởi gọi là Ca-lan-đà, Kinh Đại Bát Niết-bàn thì gọi là Sa-đàn-na). Ban đêm chủ nhà thức dậy dọn dẹp nhà cửa và sửa soan thức ăn ngon, Tu-đạt hỏi chuyện, ông nói: Trong thành Ca-tỳ-la-vệ có một thái tử tên là Tất-đạt-đa, thuộc dòng họ Cù-đàm, Ngài vừa đản sanh chưa bao lâu, các thầy đoán tướng quyết định Ngài sẽ làm Chuyển luân Thánh Vương, thế nhưng lòng Ngài không muốn hưởng thụ những thú vui của cuộc đời, bỏ đi xuất gia, không thầy hướng dẫn mà tự mình giác ngộ chứng đắc Vô thượng Bồ-đề, tâm Ngài bình đẳng với tất cả chúng sanh, cho nên Ngài được tôn xưng là Phật. Ngài đã nhận lời thỉnh mời của tôi ngày mai sẽ đến thọ trai.

Tu-đạt hỏi:

- Hiện giờ Ngài đang an trú ở nơi nào?

- Hiện giờ Ngài đang an trú ở Tinh xá Trúc lâm trong vườn Ca-lan-đà (Luật Thập Tụng ghi là Hàn lâm).

Tu-đạt đang nhất tâm nghĩ đến những công đức của Thế tôn thì bỗng dưng có ánh hào quang ngời sáng. Ông theo ánh sáng ấy tìm đến

cổng thành Thi-ha, nhờ thần lực của Phật nên cổng tự nhiên mở ra. (trong Luật Tứ phần ghi là có vị Thiên thần mở cổng) Tu-đạt ra khỏi cổng thành, trên đường gặp một cái miếu Trời, Tu-đạt tỏ lòng cung kính, khi ấy nhìn lại thì ánh sang liền biến mất, Trời đất tối om, ông sợ hãi muốn quay trở lại cổng thành, có một vị Đại Thiên thần bảo.

- Này nhân giả, Ngài đến gặp Phật ắt có được lợi ích tốt đẹp, tất cả những công đức đã có trên cõi Diêm-phù-đề này cũng không bằng phát tâm bước một bước đến chỗ của Như Lai.

Tu-đạt hỏi:

- Ngài là ai?

- Tôi là con của Bà-la-môn Tín Tướng (Luật Tứ Phần ghi là Thần tư na), là bậc thiện tri thức thuở xa xưa của ông. Ta vì thuở xưa rất vui mừng được lễ bái khi thấy Ngài Xá-lợi-phất và Đại-mục-kiền-liên, sau khi xả bỏ kiếp sống được sanh vào làm con của vua Tỳ Sa-môn ở phương Bắc, chuyên trong coi giữ gìn thành này (phần lớn giống với Luật Thập Tụng), như thế đó huống chi khi được đảnh lễ cúng dường đức Thế tôn!

Tu-đạt đến đảnh lễ đức Phật, Ngài theo căn cơ mà thuyết pháp ngay lúc ấy ông ta chứng được quả Tu-đà-hoàn.

(Trích kinh Đại Bát Niết-bàn quyển 27, kinh A-hàm quyển 20, luật Trung Bổn Khởi bốn bộ, phần lớn đồng nhau nhưng cũng có đôi phần sai khác)

6. CÔNG ĐỨC CÚNG DƯỜNG PHẬT VÀ CHÚNG TĂNG:

Trưởng giả Tu-đạt suốt bảy kiếp nghèo khó, trong kiếp cuối cùng nhà ông rất nghèo nàn. Một hôm, trong đống phân thối nát, ông gặp một khúc gỗ, kỳ thật vì nó là khúc gỗ chiên đàn. Ông đem ra chợ bán lấy tiền rồi mua được bốn đấu gạo. Về nhà ông bảo vợ:

- Bà lấy một đấu gạo ra nấu cơm còn tôi đi hái rau.

Lúc ấy Đức Phật quán thấy mới nghĩ rằng:

- Ta sẽ độ cho Tu-đạt để ông ta có được phước nhiều hơn.

Cơm nấu vừa chín, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến, người vợ trông thấy lòng vô cùng vui mừng. Bà liền lấy một đấu cơm để vào trong bình bát của Ngài, rồi tiếp tục nấu thêm một đấu nữa. Cũng như lần trước, cơm vừa chín thì Tôn giả Mục-kiền-liên đến, bà cũng vui mừng đem cơm cúng dường cho Ngài, rồi tiếp tục nấu đấu khác. Thế rồi Tôn giả Ca-diếp lại đến, bà cũng vui vẻ đem dâng cúng. Trong thùng chỉ còn lại một đấu gạo mà thôi, bà cũng đem ra nấu tiếp, khi ấy Đức Như Lai

đi đến. Bà thầm nghĩ.

- Mấy hôm rày thiếu gạo ăn không có ai giáng lâm. Hôm nay có gạo ăn, Đức Như Lai đích thân đến, nguyện cho con tội diệt phước sanh!

Nghĩ thế, bà đem đấu cơm còn lại cúng dường Đưc Như Lai. Ngài chú nguyện:

- Kể từ hôm nay cho đến đời đời kiếp kiếp, nguyện cho tội chướng của tín nữ được tiêu trừ, phước đức mãi tăng trưởng.

Tu-đạt về đến nhà, người vợ sợ chồng nỗi giận, bà liền hỏi:

- Nếu như hôm nay có Đức Như Lai cùng với các Tôn giả như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và Ca-diếp đến khất thực thì mình có cúng dường cho các Ngài không?

Chồng đáp:

- Chúng ta nên cúng dường, vì ruộng phước khó gặp, nếu như các Ngài hạ cố đến tức là mang phước điền lại cho chúng ta.

- Vậy thì bốn đấu gạo vừa rồi thiếp đã nấu cơm cúng dường cho các Ngài hết rồi.

Tu-đat nghe vậy vô cùng sung sướng, còn lại chút nước cơm thừa hai vợ chồng cùng ăn uống. Chỉ trong chốc lát, nhà ông đầy cả các thứ châu báu trân quý, kho lẫm tự nhiên tràn đầy các thứ lụa gấm và gạo thóc, như đã đến lúc giàu sang. Tu-đạt vô cùng phấn khởi, biết Đức Thế tôn thương mình, nên ông thỉnh Phật và chúng Tăng đến cúng dường hết tất cả mọi thứ. Đức Phật thuyết pháp cho cả hai vợ chồng đều nghe và chứng đạo quả giải thoát.

(Trích kinh Thí Dụ quyển hạ)

7. TỐI THẮNG HÀNG PHỤC MA:

Trưởng giả Tối Thắng sau khi nghe Phật thuyết pháp mầu, ngay trên chỗ ngồi ông xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh, xin Phật quy y Tam bảo, làm vị Ưu-bà-tắc, trọn đời không sát hại sanh mạng của chúng sanh.

Đức Phật đi không bao lâu thì có ma Ba-tuần hóa hiện ra Đức Phật, với đầy đủ thân tướng xinh đẹp, đi đến nhà của Trưởng giả.

Trưởng giả thầm nghĩ: Đức Như Lai vừa ra đi, sao Ngài lại quay trở lại để làm gì?

Phật giả bảo:

- Ta xem trưởng giả là người có tài cao trí rộng, phân biệt được đường chánh nẽo tà. Trưởng giả hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, hạng

người ngu si vô trí, trước ta đã nói pháp Tứ đế quả thật chẳng phải là Chân đế, mà đây chính là pháp điên đảo, là chỗ quy thú của ngoại đạo. Điều ấy Trưởng giả hãy tự biết.

Trưởng giả Tối Thắng trả lời:

- Hãy thôi, ông chớ nên nói nữa, tôi đã được tuệ nhãn, đã an trụ vào địa vị bất động rồi, dù cho hiện giờ ông có hóa ra muôn ngàn thân của Đức Như Lai thì cũng không làm lay chuyển được tâm tôi. Làm sao lấy ánh sáng nhỏ nhoi của con đom đóm mà sánh với ánh sáng rạng ngời của mặt Trời, ruộng gò bến bãi mà đi sánh với núi Tu di, chim si thứu và chim thước mà muốn cùng so cánh với Đại bàng cánh vàng.

Nghe những lời ấy, ma Ba tuần hổ thẹn, hiện lại nguyên hình rồi bỏ đi.

(Trích kinh Tối Thắng Trưởng Giả Thọ Chú Nguyện)

8. THÂN NHẬT ĐỘC HẠI PHẬT:

Bấy giờ, trong thành Vương xá có trưởng giả thuộc dòng dõi Bà-la-môn, tên là Thân Nhật. Gia đình rất giàu có, tài sản kho đụn, vàng bạc châu báu vô số kể. Trưởng giả này thờ các đạo khác, không theo Phật. Các đạo nhân thuộc đạo này rất ghét Phật, tìm cách vu báng chê bai Ngài, họ cùng nhau bảo Thân Nhật.

Nay ông Cù-đàm được vua quan, dân chúng trưởng giả đều tôn kính, chỉ riêng chúng ta không được họ tôn trọng. Ông Cù-đàm thường tự nói đã biết được việc quá khứ, hiện tại và trong tương lai, biết tâm tư của người khác. Bây giờ chúng ta thử xem ông ấy có đúng như thế hay không?

Thân Nhật hỏi:

- Thử bằng cách nào?

- Ông hãy đi mời Phật đến nhà rồi lấy thuốc độc bỏ vào trong cơm, đào trước cửa một cái hầm sâu năm trượng, đốt lửa trong đó, rồi đậy một lớp mỏng lên trên miệng hầm rồi ông ta bước qua hầm ấy. Nếu như ông ta biết thì sẽ không nhận lời, còn nhận lời tức là không biết.

Thân Nhật vâng lời, ông liền đến thỉnh Phật, Ngài nhận lời.

Thế là những vị đạo nhân ấy cho là Đức Phật không biết gì, nên vẫn tiếp tục đào hầm.

Thân Nhật có một cậu con trai tên là Chiên-la-pháp, tuổi đã mười sáu. Chiên-la-pháp đã thấu đạt túc mệnh, nhờ khéo học Phật đạo, có thể biệt trước những gì xảy ra trong quá khứ, hiện tại và vị lai, cậu thưa với cha rằng:

- Đức Phật đã biết việc của cha làm rồi, cha đừng nên nghe lời của kẻ xấu mà phải tự lao đầu vào lửa nóng như thế.

Thế nhưng, Thân Nhật không tin, vẫn cho người đào hầm đốt lửa, bỏ thuốc độc vào cơm.

Đến giờ khất thực, Đức Thế tôn bảo với các Tỳ-kheo:

- Các thầy đi theo ta.

Thế là Đức Như Lai đi trước dẫn đường, Ngài phóng hào quang khiến cho trong nhà của trưởng giả Thân Nhật biến thành vàng ròng. Lúc đó Chiên-la-pháp liền thưa cha rằng:

- Nay đức Thế tôn đi trước dẫn đường, mười phương đều thấm nhuần ánh hào quang chói sáng như ban ngày.

Khi đức Như Lai vừa đến cổng thành, chân dẫm lên cửa, cả thành đều chấn động rất mạnh. Người bệnh được lành, khí cụ âm nhạc không trổi tự nhiên vang lên. Đức Phật bước vào cửa nhà, hầm lửa năm trượng hoá thành ao sen, mỗi đóa có đủ ngàn cánh nâng gót của đại Thánh chúng. Dưới mỗi đóa sen lại hiện ra trăm đóa, các Tỳ-kheo đều ngự trên hoa sen. Thấy hầm lửa đã biến thành ao sen như thế, Thân Nhật vô cùng kinh sợ, năm vóc sát đất chí thành sám hối tội lỗi của mình.

Ông thưa:

- Bạch Ngài, hôm nay con nấu cơm cúng dường, trong đó con đều có bỏ thuốc độc đề hại Ngài, giờ đây xin Ngài cho con được nấu lại để cúng dường.

Phật dạy:

- Không cần nấu cơm lại nữa đâu, ông hãy bưng cơm ấy đến đây cho ta ăn. Phật dạy các Tỳ-kheo hãy đừng ăn, để ta chú nguyện trước đã. Đức Như Lai liền chú nguyện: Trong cõi Trời đất bao la gồm có ba thứ độc dược. Đó là tham dâm, sân hận và ngu si. Đức Phật không còn bị Ba thứ độc đó làm hại, các vị chí thành tu tập kinh pháp thì độc ấy cũng không hại được, chất độc trong cơm nay tự tiêu diệt.

Chú nguyện xong, đức Phật đại chúng đều dùng cơm.

Thân Nhật cúi đầu, năm vóc sát đất đảnh lễ Đức Thế tôn cùng đại chúng và thưa rằng:

- Con thật là ngu si, nghe lời của những kẻ ác, nay con xin tha thiết sám hối Ngài.

Đức Phật thuyết pháp cho ông nghe và ông chứng quả Tu-đà-hoàn.

(Trích kinh Thân Nhật Nhi Bản)

9. HAI KẺ XIN ĂN:

Nước Xá-vệ có một vị trưởng giả tên là Biện Ý, nghe đức Phật giảng năm mươi bài pháp yếu, ông chứng được pháp nhãn, và năm trăm vị trưởng giả khác cũng được pháp nhãn thanh tịnh.

Biện Ý thỉnh Phật:

- Bạch đức Thế tôn, ngày mai cúi xin đức Thế tôn cùng đại chúng hạ cố đến nhà con thọ trai.

Lời thỉnh cầu ấy được Đức Phật hứa khả. Sáng hôm sau, đến giờ khất thực, Đức Thế tôn cùng với đại chúng đắp y mang bát đến nhà ông ta. Khi dọn cơm lên đức Phật chưa chú nguyện thì có một gã ăn mày lần lượt đi xin từ trên xuống dưới, không ai dám cho. Gã đi khắp lượt mà chẳng được gì nên nỗi giận bỏ ra ngoài và sanh tâm ác thầm niệm rằng:

- Mấy ông Sa-môn này buông lung ngu ngốc, có đạo hạnh gì đâu? Kẻ nghèo xin ăn mà không có lòng bố thí. Nguyện ta được làm vua thì sẽ dùng xe loại niềng sắt cán nát đầu họ.

Nói xong gã ta bỏ đi. Khi đức Phật chú nguyện xong lại có một người ăn mày khác đến, theo đại chúng xin cơm, ai ai cũng cho ông ta được rất nhiều cơm nên vui vẽ ra đi, lòng thầm niệm: Các vị Sa-môn này có lòng nhân từ, nếu sau này ta được làm vua thì sẽ thỉnh Phật và chúng Tăng đến cúng dường suốt bảy ngày, như thế cũng không đáp được ân đức các Ngài đã ban cho no đủ của ngày hôm nay.

Nghĩ thế xong, ông ta ra đi. Thế rồi cả hai người lần lượt đi xin ăn, đi qua nước khác, họ nằm trong một đám cỏ rậm bên đường. Hôm ấy, đột nhiên vua của nước ấy băng hà, chưa biết đưa ai lên kế vị. Vị quan tướng số bấm quẻ và xác định rằng sẽ có một người nghèo hèn lên làm vua.

Thế là, quần thần và bá quan văn võ trong cả nước đi khắp nơi để tìm, từ xa trông thấy bên vệ đường có đám cỏ, bên trên có đám mây hồng che phủ. Tướng sư bảo:

- Hãy đến đó, trong đó có vị thần nhân. Đến nơi thì họ tìm thấy một người ăn mày. Quần thần bái yết, ông ta kinh hoảng tự nói:

- Ta là kẻ hạ tiện, chẳng phải dòng dõi của nhà vua?

Mọi người đều nói:

- Hãy lấy nước thơm tắm rửa và mang vương phục cho ông.

Tắm và mang triều phục xong, thân tướng của ông thật rạng rỡ trang nghiêm, được bá quan quần thần đưa về cung. Còn lại gã ác ăn mày ác tâm kia ngũ mê man trong đám cỏ nên bị xe cán đứt đầu.

(Trích kinh Biện Ý)

10. TIỀN THÂN CỦA ĐÀM MA LƯU CHI:

Xưa có trưởng giả tên Đàm-ma-lưu-chi, đến thăm đức Thế tôn, sau khi thăm hỏi xong đức Phật dạy:

- Này Đàm-ma-lưu-chi, đã lâu không gặp hôm nay mới lại tương phùng.

Có người hỏi duyên cớ, Phật dạy:

Xưa kia, cách đây trong nhiều kiếp xa xưa, vào thời Phật Đinh Quang, lúc đó ta làm một vị Phạm chí tên là Siêu thuật. Một hôm đức Phật ấy vào thành, găp Ngài trên đường ta liền trải tóc lót đường dơ cho Ngài bước qua, thấy được tâm thành kính của ta nên đức Phật đã thọ ký cho ta:

- Ngươi có chí đạo dũng mãnh, trong vô số kiếp sau ngươi sẽ thành Phật.

Lúc đó Đàm-ma-lưu-chi nỗi giận nói:

- Con người này chẳng khác gì là loài súc sanh.

Nói thế xong ông lại dẫm đạp lên trên tóc của ta mà đi. Từ đó đến nay trải qua bao số kiếp, ông ta thường phải chịu quả báo làm thân súc sanh. Có kiếp ông làm thân loài cá Ma-kiệt trong đại dương, thân cá dài bảy trăm0 do tuần. Bấy giờ có năm trăm vị khách buôn chèo thuyền vào biển tìm châu báu găp phải con cá này định hớp hớp thuyền vào miệng. Bấy giờ ai cũng xưng niệm bậc thầy mình tôn thờ. Người thuyền trưởng bảo mọi người rằng:

- Nay ở trên đời có đức Phật Thích Ca, Ngài thường cứu giúp những người gặp phải nguy khốn được thoát nạn, nay chúng ta cùng nhau xưng niệm danh hiệu của Ngài đều hầu mong thoát khỏi tai nạn.

Thế là mọi người cùng nhau xưng niệm, cá nghe được danh hiệu của Phật thì từ trong bản thức hồi tưởng lại và suy nghĩ rằng:

- Đức Thích Ca nay đã xuất thế rồi ư? Còn ta tại sao vẫn còn ở trong loài cá?

Nó lập tức lặn vào nước, còn năm trăm khách buôn ấy được an ổn trở về. Bấy giờ cá liền trườn mình lên trên bải cát, không ăn không uống suốt hai tuần lễ thì xã bỏ thân xác, tái sanh làm con trưởng giả, được đặt tên là Đàm-ma-lưu-chi. Hôm nay ông đến gặp ta cho nên ta mới bảo là “đã lâu không gặp”.

Lưu-chi nghe rõ đầu đuôi câu chuyện liền đi về phía ven biển tìm lại thi thể xưa thì thấy da thịt của cá đã rả, còn lại xương sườn xếp thành hàng trắng. Ông suy nghĩ: Đây là thân cũ của ta sao?

Ông liền lấy hoa rải trên thi thể của cá, ngay giờ phút đó ông hốt

nhiên chứng đạo.

(Trích kinh Phân Biệt Công Đức quyển 4)

11. CÔNG ĐỨC CÚNG DƯỜNG PHẬT:

Xưa có một gia đình rất giàu có nhưng lại keo kiệt, vợ của ông ta mến mộ Phật pháp, rất muốn bố thí nhưng không dám. Khi người chồng sắp đi biển, ông lấy lưới sắt bao bọc quanh nhà đến ba lớp, thế là người vợ bị nhốt trong đó không thể ra ngoài được.

Bị nhốt bà chỉ biết nhất tâm niệm Phật tự nhiên các lớp lưới sắt tự biến thành long chim bồ câu. Cô liền lấy một tấm lụa đẹp gửi người cúng dường đức Thế tôn. Ngài liền nhận lấy và chú nguyện cho cô ta.

Người chồng của cô cùng với năm trăm thương buôn vào biển bị các loài quỷ bắt ăn thịt, chỉ còn sống sót lại một mình ông thôi, các con quỷ nói với nhau rằng:

- Vợ người này thờ đức Phật, chúng ta không thể đến gần được.

Bạn bè của ông chết sạch chỉ còn một mình ông mang châu báu trở về. Về đến ông hỏi vợ đã làm những việc gì mà cứu được mạng mình.

Người vợ liền tâm sự rõ moi chuyện, hai vợ chồng vô cùng vui vẽ, và kể từ hôm ấy họ cùng nhau thỉnh Phật và chúng Tăng đến cúng dường, được Phật thuyết pháp và cuối cùng họ đều chứng đạo giải thoát.

(Trích kinh Thí Dụ quyển 1)

12. CÔNG ĐỨC CÚNG DƯỜNG VẬT THỰC:

Thời Đức Phật còn tại thế, có vị Trưởng giả tên là Tu-la-đà, gia đình ông rất giàu có, của cải vô số, lại sống đạo đức, có tín tâm với Phật pháp. Ông phát nguyện hằng năm đến ngày 8 tháng 12 là ông thỉnh Phật và cúng Tăng đến cúng dường. Trước giờ, ông gọi con cháu lại dặn sau này phải đúng theo ngày để cúng dường không nên bỏ đi. Con của ông tên là Tỳ-la-đà ngày càng nghèo túng, năm ấy đến ngày, ông không thể cúng dường, lòng cảm thấy rất buồn bã. Lúc ấy đức Thế tôn sai Mục-kiền-liên đến hỏi thăm:

- Trước đây cha của ông thường thỉnh Phật và chúng Tăng cúng dường, nay đã đến ngày, ông định cúng dường như thế nào?

Ông thưa:

- Cúi xin đức Thế tôn chớ nhìn thấy gia cảnh của con mà bỏ đi điều lệ của gia đình con quy định, ngày mồng 8 sắp tới, con sẽ đem vợ

con của con ra thế chấp để lấy vài trăm lượng vàng sắm sửa đầy đủ thức ăn cúng dường Phật và chúng Tăng.

Ngày đến, Đức Phật và chúng Tăng ôm bát đến nhà của ông thọ trai. Ngài rửa tay và thọ thực xong rồi trở về Tinh xá. Đêm hôm ấy, trong các kho lẫm của ông của cải vàng bạc châu báu tự nhiên đầy ngập, hai vợ chồng thấy thế vừa mừng vừa sợ quan đến tra hỏi. Ông liền đến bạch Phật.

Phật dạy:

- Ông hãy yên lòng mà sử dụng, chớ có nghi ngờ, đó là phúc lộc của ông vì ông tuân theo lời dạy của cha, học hỏi việc bố thí, tu tập các phước đức trí tuệ nên nhà ông thất bảo đầy đủ.

(Trích kinh Pháp Cú quyển 3)

13. TÔN GIẢ MỤC KIỀN LIÊN CỨU BÀ THẾ CHÍ:

Bấy giờ Đức Thế tôn đang ở trong thành La-duyệt-kỳ, có một vị trưởng giả tên Thi-lợi-chí, nhà giàu có, tiền của dư dả. Ông trưởng giả này có một người con trai, tướng mạo phúc hậu, khôi ngô tuấn tú, ông mời thầy xem tướng, thầy tướng khen đứa bé có phước đức, thầy tướng hỏi:

- Phu nhân lúc mang thai cháu có điềm lành gì không?

Trưởng giả đáp:

- Mẹ của cháu bản chất vốn chậm chạp quê mùa, nhưng khi mang thai cháu thì lại rất khôn khéo, ăn nói rất lưu loát. Thầy tướng đặt tên là Bà-thế-chí.

Đến lúc trưởng thành, một hôm ra ngoài dạo chơi, thấy nhà kỹ nữ Da-na có một người con gái xin đẹp, lòng cậu say đắm muốn đến cầu hôn. Khi về đến nhà, cậu xin cha mẹ mình đến cưới người con gái đó cho mình.

Song thân bảo:

- Kẻ sang người hèn, chẳng phải là hộ đối môn đăng, như vậy làm sao kết làm thông gia?

Bà-thế-chí lại năn nỉ:

- Xin cha mẹ chớ hỏi cửa nhà gia thế, hãy xem xét ngay bản thân của cô ấy, hãy cưới cô ấy cho con, nếu không thì con chẳng muốn sống nữa.

Thế là cha mẹ đành phải chiều theo đứa con trai yêu quý của mình, đến tác hợp hôn nhân. Bà-thế-chí say đắm cô ta không còn biết xấu hổ, cậu đi đến nhà cô gái học các trò chơi nghệ thuật rất thành thạo. Bấy giờ Quốc vương nước này triệu tập các Da-na lại để bày trò chơi.

Đến lượt người con của trưởng giả này phải ra múa thì cậu ta bỏ trốn. Nhà vua đợi lâu liền bảo cậu ta lên múa. Khi lên múa, vì run sợ nên khí lực cậu ta từ từ bị suy yếu và xỉu giữa chừng, trong lòng hoảng sợ, không biết phải làm sao đây?

Bấy giờ Tôn giả Mục-kiền-liên hiện ra trên Hư không và nói:

- Nay ngươi muốn bảo toàn tánh mạng để xuất gia học đạo hay là cứ muốn té nằm dài đất như thế để cưới cho được cô gái kia?

Cậu ta đáp:

- Con xin được bảo tồn mạng sống, không cần cô gái đó nữa.

Tôn giả lập tức hoá ra đất bằng cứu được mạng sống của cậu ta. Được cứu, Bà-thế-chí hết sức vui mừng và đi theo Tôn giả Mục-kiền-liên, đến chỗ của Đức Thế tôn để lễ bái cúng dường. Nghe Đức Phật thuyết pháp mầu, tâm ý cậu được tõ ngộ, chứng đắc sơ quả và xin xuất gia, Đức Thế tôn đồng ý, râu tóc tự rụng, mình đắp ca sa. Từ đó Bà-thế-chí tinh tấn thiền định và chứng được quả A-la-hán.

Phật dạy:

Vào đời quá khứ ở nước Ba-la-nại, có một vị trưởng giả vừa sanh được một người con trai, tuấn tú tuấn tú không ai sánh kịp. Một hôm có người đi biển về mang đến biếu một quả trứng chim cho trưởng giả. Trưởng giả nhận lấy và không bao lâu thì trứng đó nở ra một chú chim non với bộ lông rất mướt. Trưởng giả đưa chú chim con cho con mình chơi, người con cưỡi chim bay đi ngắm cảnh. Nghe quốc vương nước ấy mở cuộc chơi với các kỷ nữ Da-la, người con liền cưỡi chim đến đó, chim đậu ở trên cây cao, cậu ta nhìn thấy con gái nhà vua thì đem lòng yêu mến, rồi sai người mang thư đến hẹn hò với cô, và hai người cùng kết giao với nhau. Nhà vua biết chuyện liền bắt cậu đem cậu xử trảm.

Người con Trưởng giả tâu vua rằng:

- Các Ngài có gì đâu mà phải nhọc công giết tôi, cho phép tôi tự mình leo lên cây cao rồi lao đầu xuống chết là được thôi.

Nghe vậy mọi người đều đồng ý. Thế là cậu leo lên cây và cưỡi chim bay đi mất dạng, mạng sống không còn phải nguy hại nữa.

Tôn giả kết luận:

Con trưởng giả lúc bấy giờ nay chính là Bà-thế-chí, con gái nhà vua nay chính là người kỷ nữ Da-la, chim lúc ấy nay chính là thân ta. Trong quá khứ ông say đắm nơi sắc dục mà phải đến nỗi nguy khốn đến thân mạng nhưng nhờ chim cứu sống, nay ông sắp chết thì được ta cứu sống bình yên trở về.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 13)

14. BÉ MỚI CHÀO ĐỜI ĐÃ BIẾT CHUYỆN ĐỜI TRƯỚC:

Trong nước Xá-vệ có một nhà đại Trưởng giả sanh được một cậu con trai khôi ngô tuấn tú, vừa mới chào đời đã biết nói. Em bé hỏi cha mẹ rằng:

Đức Thế tôn, tôn giả Xá-lợi-phất, A-nan còn ở đời không?

Cha mẹ đáp:

- Các Ngài vẫn còn tại thế.

Gia đình thấy đứa con mình mới sanh ra đã biết nói thì cho nó là người phi phàm, vì thế họ đến bạch hỏi Đức Phật.

Đức Phật bảo:

- Đứa bé này có tướng quý.

Hai vợ chồng Trưởng giả rất vui mừng.

Đứa bé lại nói:

- Con muốn thỉnh Phật và chúng Tăng đến cúng dường.

- Nhà ta không có gì để cúng dường cả.

- Chúng ta chỉ cần quét dọn sạch sẽ, trải sẵn giường chiếu, làm ba cái tòa cao, lúc ấy thức ăn cả trăm vị tự nhiên đầy cả nhà. Hơn nữa, mẹ trước của con hiện nay vẫn còn sống, đang ở nước Ba-la-nại, xin cho con được đón bà đến đây để đền ơn.

Cha mẹ liền cho người cưỡi voi đến đón bà, em bé dùng ba tòa cao, một tòa là nơi an tọa của Đức Như Lai, một tòa là Cha mẹ hiện tiền sanh dưỡng, còn một tòa là dành cho người mẹ quá khứ hiện đang sống.

Bấy giờ Đức Thế tôn cùng chư tăng đến nhà Trưởng giả, thức ăn ngon ngọt tự nhiên hiện ra đầy đủ. Đức Thế tôn thuyết pháp cho cả nhà cùng nghe và tất cả đều chứng được sơ quả.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 1)

15. A-NA-BẦN-ĐỂ DẠY CON:

Trong thành Xá-vệ có trưởng giả tên A-na-bần-để sanh được bảy người con nhưng không có đứa nào chánh tín Phật pháp, không giữ gìn năm giới.

Ông bảo con:

- Cha sẽ cho các con mỗi đứa một ngàn lạng vàng, các con hãy quy y Tam bảo, thọ trì năm giới.

Các con đều đồng ý. Thế là các người con ông đều đến quy y Tam bảo, vâng giữ năm giới. Ông trình bày rõ mọi việc và bạch hỏi Đức Phật:

- Bạch Đức Thế tôn, bảy người con của con có được công đức phước lành nào không?

Phật dạy:

- Hay lắm này trưởng giả, vì làm lợi ích cho chúng sanh, an ổn Trời người. Bảy người con của ông đã gieo trồng đầy đủ công đức phước lành, những quả báo họ có được nay ta sẽ giảng cho ông nghe.

- Ở phương Bắc có một quốc gia, thủ đô là Thạch Thất, nước ấy giàu có, nhân dân thái bình. Nước này có kho báu Y-la-ba-đa-la, trong kho chứa vô số vàng rồng và trân bảo, kho này sánh với bảy kho của người nước Kiền-đà-lại, tùy theo chỗ mong cầu thảy đều có dùng, kho ấy không bao giờ cạn bớt và kho báu lớn Y-la-bát-đa-la này. Dù vàng bạc vô số như thế cũng không bằng công đức của bảy người con của ông đã có được.

Thế tôn giảng pháp cho Trưởng giả nghe. Ông liền đứng dậy bạch Phật:

- Cúi mong Đức Thế tôn nhận lời thỉnh cầu của con, ngày mai chúng con kính thỉnh Ngài cùng với chúng Tăng đến nhà thọ trai.

Vì bảy người con của Trưởng giả nên Đức Thế tôn im lặng nhận lời. Hôm sau, đến giờ Ngài cùng với chúng Tỳ-kheo tuần tự vào thành Xá-vệ, đến nhà của cha con A-na-bần-để.

Sau khi Đức Thế tôn an toạ, Trưởng giả cùng tất cả các con chí thành đảnh lễ Đức Thế tôn, sau đó Ngài thuyết pháp khiến cho mọi người hiểu rõ và nói đúng như lời của Ngài nói. Bảy người con Trưởng giả bưng thức ăn ngon cúng dường Đức Thế tôn và đại chúng Tỳ-kheo. Sau khi thọ trai và rửa bát xong, Đức Thế tôn thuết pháp cho bảy người con của Trưởng giả nghe, ngay trên tòa ngồi những người con ấy đều đoạn sạch trần cấu, tâm trong lặng chứng pháp nhãn thanh tịnh. Họ đã thấy đạo, không còn chút hồ nghi và do dự nữa.

(Trích kinh A-na-bần-để Hóa Thất Tử)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 36

1. Lưu Thuỷ cứu cá
2. Ở nhân gian được hưởng phước Trời
3. Ca-la-việt chỉ tay hiện mưa báu
4. Ca-la-việt cho chim ăn, được châu báu
5. Công đức cúng dường
6. Nhân duyên đời trước của người không có mắt, tai, mũi, lưỡi
7. Trưởng giả Âm-duyệt thọ phước báu đời trước
8. Trưởng giả Cưu-lưu gặp thọ thần được tín giải
9. Quả báu của sự keo kiệt
10. Trưởng giả phát tâm Bồ-tát cứu người nghèo được của báu
11. Trưởng giả mượn vàng cúng dường
12. Trưởng giả Hương-thân bị vua đoạt vợ
13. Phước báu cứu người
14. Quả báo của sự bố thí rồi hối hận
15. Phước báo cúng dường
16. Phương pháp dạy con của trưởng giả Cấp-cô-độc
!7. Tham của giết em
18. Chuyện kỳ lạ về nàng dâu của đại thần Lê- kỳ-di
19. Người ngu bán hương

1. LƯU THUỶ CỨU CÁ:

Ở nước Thiên Tự Tại Quang có trưởng gia tên Lưu Thuỷ. Ông ta có tài chữa trị được những cơn bịnh ngặt nghèo cho tất cả chúng sanh. Vua thấy vậy nghĩ: Lành thay trưởng giả! khéo làm lợi ích cho nhơn loại khiến họ thọ mạng vô lượng, ắt là Bồ Tát ban các thuốc hay.

Bấy giờ, Lưu Thuỷ cùng hai con là Lưu Không và Lưu Tạng lần lượt đi qua các tụ lạc, sau cùng đến một cái đầm lớn không có nước, các cọp beo, chồn chó chim thú cùng nhau bỏ đi nơi khác. Trưởng giả đi theo xem xét thì thấy có một cái hồ sắp khô cạn, nhưng trong hồ có rất

nhiều cá. Thấy cá sắp chết khô trưởng giả khởi tâm từ bi. Bấy giờ có vị thọ thần hiện ra và nói:

- Hay thay! Thiện nam tử! Những con cá này rất đáng thương, ông nên đem nước đến cứu nó đi. Vì ông có tên là Lưu Thuỷ, ông nên thực hiện đúng cái tên của mình.

Trưởng giả hỏi thọ thần:

- Có khoảng bao nhiêu cá sắp chết khô?

- Mười ngàn con.

Lưu Thuỷ nghe nói thế, động lòng thương xót.

Ở hồ đó, mặt Trời chiếu xuống gắt gao mà trong hồ chỉ còn một ít nước, ngàn con cá chỉ biết quanh quẩn trong ao chờ chết. Thấy trưởng giả, chúng nhìn đăm đăm mong mỏi được cứu vớt. Lúc ấy, trưởng giả chạy khắp nơi tìm nước nhưng không có. Bỗng thấy một cây to trưởng giả liền lấy cành lá trở lại ao, che mát cho cá, rồi tiếp tục đi tìm nguồn nước của hồ này. Nhưng không thấy, cuối cùng ông đã gặp một con sông lớn tên Thuỷ Sanh. Bọn người ác vì muốn bắt những con cá ấy nên ngăn chặn dòng nước không cho chảy vào hồ. Trưởng giả vội vàng về tâu vua đủ mọi việc và xin với vua rằng:

- Tâu bệ hạ! Xin bệ hạ cho hạ thần mượn hai mươi con voi lớn để chở nước cứu cá giống như thần trị bệnh để cứu mạng người vậy.

Vua bảo đại thần mau cung cấp voi cho trưởng giả và nói:

- Khanh có thể đến chuồng voi tuỳ ý lựa chọn để làm lợi ích cho chúng sanh.

Bấy giờ Lưu Thuỷ cùng hai con đem hai mươi con voi lớn và các túi da đến sông chở nước đổ xuống hồ, hồ đầy nước lại như cũ. Trưởng giả đi quanh ao, cá cũng bơi men theo. Trưởng giả nghĩ: “có lẽ chúng nó đói lắm nên muốn theo ta xin thức ăn”. thế rồi trưởng giả bảo hai con:

- Các con hãy đem con voi mạnh nhất mau về nhà lấy tất cả những thứ gì có thể ăn được cho đến phần thức ăn của cha mẹ, các con và tôi tớ hãy chở hết thảy đến đây cho cha. Hai người con về nhà thưa lại với ông nội những việc ấy, rồi lấy thức ăn chất đầy lên voi chở đến hồ cá.

Thấy con trở lại, trưởng giả vui mừng, vội đến lấy thức ăn rải vào trong ao. Rồi nghĩ: ta đã cho cá ăn no, vì đời sau của nó ta nên bố thí pháp.

Ta từng nghe! Thời quá khứ ở trong rừng vắng, có một Tỳ-kheo siêng năng đọc tụng kinh phương đẳng Đại thừa. Trong kinh nói:” Nếu có chúng sanh khi sắp mạng chung nghe danh danh hiệu Bảo Thắng

Như Lai thì được sanh lên cõi Trời.” Ta nay nên nói pháp mười hai nhân duyên cho cá nghe đồng thời xưng tán danh hiệu Phật Bảo Thắng. Trưởng giả liền xuống ao niệm: “ Nam mô Bảo Thắng Như Lai”

Thuở xưa, Đức Phật Bảo Thắng hành Bồ Tát đạo lập thệ nguyện: “ Nếu có chúng sanh trong mười phương, lúc sắp mạng chung mà niệm danh hiệu ta sẽ được sanh lên cõi Trời Đao Lợi. Trưởng giả lại thuyết pháp thậm thâm vi diệu cho cá nghe rồi trở về nhà.

Về sau, trưởng giả cùng khách uống rượu say nằm ngủ không hay biết. Bấy giờ đất bỗng nhiên chấn động. Khi ấy mười ngàn con cá chết cùng một lúc, và đều được sanh lên cõi trơi Đao Lợi. Sau khi được sanh lên cõi Trời họ nghĩ: “Chúng ta làm điều thiện gì mà được sanh lên cõi Trời”. Họ lại nói với nhau: “Trước kia chúng ta ở trong cõi Diêm-phù-đề đoạ trong loài súc sanh làm thân cá sắp bị chết khô chết đói. Được trưởng giả Lưu Thủy cứu ta thoát chết khô, chết đói, còn nói pháp mười hai nhân duyên và xưng danh hiệu Phật Bảo Thắng cho chúng ta nghe. Do nhân duyên ấy mà chúng ta được sanh lên cõi Trời này, chúng ta nên báo đáp ơn sâu ấy”.

Bấy giờ trưởng giả nằm ngủ nơi chỗ trống trên lầu cao. Mười ngàn thiên tử ấy đem cúng dường trưởng giả mười ngàn viên trân châu và anh lạc đặt ở trên đầu, lại đem mười ngàn viên đặt ở dưới chân, mươi ngàn viên đặt ở bên phải, mười ngàn viên đặt ở bên trái, rưới hoa mạn đà la, Ma-ha mạn đà la, hoa tụ cao đến đầu gối và trổi các thứ nhạc Trời.

Trong Diêm-phù-đề những người ngủ đều thức dậy, trưởng giả Lưu Thuỷ cũng tỉnh giấc. Mười ngàn thiên tử du hành trên không trung. Lúc ấy, trong nước vua Thiên Tự Tại Quang đều mưa hoa sen. Các thiên tử ấy lại đến ao trước kia họ sống, làm mưa hoa rồi trở về cung Trời Đao Lợi tuỳ ý hưởng thọ ngũ dục.

Sáng hôm sau vua Thiên Tự Tại Quang hỏi chư thần:

- Đêm qua do duyên gì mà hiện điềm lành tốt đẹp như thế?

- Tâu Đại vương, hôm qua Chư thiên cõi Trời Đao Lợi đến nhà trưởng giả Lưu Thuỷ, làm mưa bốn ngàn viên trân châu và vô số hoa mạn đà la. Vua nói với quần thần:

- Khanh đến nhà trưởng giả gọi ông ấy đến đây.!

Sứ giả liền đến nhà trưởng giả truyền lại lịnh vua. Trưởng giả lập tức đến yết kiến.

Vua hỏi trưởng giả:

- Hôm qua vì saolại hiện điềm lành ấy?

- Hạ thần biết chắc là mười ngàn con cá kia đã chết.

- Khanh nên cho người đến đó xem có thật như thế không?

Lưu Thuỷ bèn bảo các con đến ao xem thử.

Con trưởng giả đến ao, thấy hoa mạn đà la đầy khắp cả ao, còn cá thì chết hết. Họ trở về thưa với cha:

- Thưa cha cá trong ao đều chết cả rồi!

Bấy giờ, Lưu Thuỷ đến tâu vua:

- Tâu bệ hạ, mười ngàn con cá ấy đã chết.

Vua nghe xong rất vui mừng.

Đức Phật nói với Thiện nữ Thiên: “Trưởng giả Lưu Thuykhi ấy chính là ta; người con trưởng tên Thuỷ không là La Hầu La; con thứ tên Thuỷ Tạng là A-nan; mười ngàn con cá nay là mười ngàn Thiên tử. Vì thế nên ngày nay họ được ta thọ ký, vị thọ thần chính là ngươi vậy.

(Trích kinh Kim Quang Minh quyển bốn)

2. Ở NHÂN GIAN ĐƯỢC HƯỞNG PHƯỚC TRỜI:

Xưa có trưởng giả Thọ-đề-già lúa thóc đầy kho, vàng bạc vô số, tôi tớ đông đúc chẳng thiếu thứ gì.

Trưởng giả có một chiếc khăn tay bạch điệp thường treo bên bờ hồ. Một hôm gió lớn thổi, chiếc khăn ấy bay đến trước điện vua. Vua hội họp quần thần bàn bạc và hỏi nguyên do.

Chư thần đều tâu:

- Nước sắp hưng thạnh nên được Trời ban cho bạch điệp.

Chỉ có Thọ-đề-già một mực im lặng.

Vua hỏi:

- Sao khanh không có ý kiến.!

- Tâu bệ hạ thần không dám dối bệ hạ, đó chính là chiếc khăn tay của nhà thần treo bên bờ hồ, gặp lúc giông gió thổi, nên bay đến đây.

Vài ngày sau có hoa chín màu lớn như bánh xe bay đến trước điện vua. Vua lại cùng quần thần bàn bạc và hỏi nguyên do.

Thọ-đề-già đáp:

- Đó là hoa trong vườn nhà thần bị héo rụng xuống gặp gió thổi đến đây.

- Nhà khanh như vậy ư? Ta sẽ đem hai vạn người đến đó xem.

- Xin bệ hạ cùng đi với thần.

Vua liền ra lịnh cho hai mươi vạn người cùng đến nhà củaThọ-đề-già. Họ thẳng vào cửa phía Nam, ở đó có ba mươi đồng tử mặt mày khôi ngô tuấn tú. Vua hỏi Thọ-đề-già.

- Đây là con cháu của khanh ư?

- Tâu bệ hạ không phải. Họ là tôi tớ giữ cửa nhà thần.

Vua quan tiếp tục đi vào bên trong lầu các, lại thấy có hai mươi đồng nữ xinh đẹp lạ thường. Vua hỏi:

- Những người nầy là thê thiếp của khanh ư?

- Tâu bệ hạ không phải. Họ là tôi tớ giữ cửa lầu các nhà thần.

Bước vào trong cửa, ở đây tường bằng bạch ngân, nền bằng thuỷ tinh. Vua thấy tưởng là nước chảy không thể vào được. Thọ-đề-già đi trước dẫn vua vào trong cửa, thấy giường vàng gối ngọc, đồ trang sức trên người của phu nhân của Thọ-đề-già có đến hai mươi lớp vàng bạc đan xen. Bà ta bước ra làm lễ vua mà nước mắt chảy dài. Vua hỏi:

- Vợ khanh có gì không vừa lòng hay sao mà khóc?

- Hơi khói trên áo vua làm cay mắt nên nàng chảy nước mắt đó thôi.

- Thứ dân đốt đèn bằng mỡ, chư hầu đốt bằng nến, thiên tử đốt bằng cây sơn cũng có khói vậy? Sao khói trên áo ta lại làm cho nàng chảy nước mắt?

- Nhà hạ thần có một viên minh châu treo trước cửa, ngày đêm đều sáng như nhau không cần phải thắp đèn. Vua từ trong khói đi ra nên thấy có hơi khói.

Trước nhà của Thọ-đề-già có mười hai dãy lầu cao, trưởng giả dẫn vua lên lầu cao nhất. Vua ngắm nhìn đông tây nam bắc, bốn bề tĩnh lặng. Vua nghĩ: "Ta đến đây chỉ trong chốc lát mà cảm thấy rất dễ chịu."

Sau đó trưởng giả dẫn vua đến hậu viên. Trong đó có suối, khe, ao, hồ, hoa quả ngon ngọt hợp khẩu vị từng người. Những trái cây mình thích, ăn đến một tháng cũng không hết.

Đại thần tâu:

- Tâu bệ hạ! Chúng ta nên trở về!

Thọ-đề-già liền đem vàng bạc trân bảo và đủ loại gấm vóc lụa là tặng cho hai mươi vạn người đi theo còn cung cấp ngựa xe đưa họ về nước.

Bấy giờ vua hội họp quần thần đến và trách:

- Thọ-đềgià là chư hầu của ta, nhưng vợ con nhà cửa thứ gì cũng hơn ta cả. Ta muốn chinh phạt nước ấy, các khanh thấy ta có thể thắng được không?

- Tâu bệ hạ! Được.

Vua cùng bốn mươi vạn người kéo đến bao vây nhà Thọ-đề-già, qua vài trăm bức tường đến cửa nhà trưởng giả. Bên trong cửa có một

lực sĩ tay cầm chày kim cang chống lại bốn mươi vạn quân. Cùng một lúc bốn mươi vạn quân lăn ra đất ngủ ngây ngất không sao dậy nỗi. Thọ-đề-già cưỡi bánh xe mây bay trên Hư không hỏi:

- Các người đến đây lúc nào mà ngủ say sưa không dậy nỗi vậy?

Họ bèn thuật lại mọi việc.

Thọ-đề-già hỏi:

- Các ngươi muốn ngồi dậy không?

Tất cả đồng thanh đáp:

- Chúng tôi rất muốn ngồi dậy.

Thọ-đề-già phóng mắt thần nhìn một cái, tự nhiên họ đều ngồi dậy được, rồi trở về nước.

Vua liền sai sứ gọi Thọ-đề-già đến, rồi cả hai cùng đến chỗ Phật thưa:

- Bạch Đức Thế tôn! Thọ-đề-già là chư hầu của con, đời trước tạo công đức gì mà nay nhà cửa vợ con đều hơn con cả.

- Thọ-đề-già do công đức bố thí nên nay được hưởng lạc giống như cõi Trời.

Thuở xưa có năm trăm thương chủ dẫn đoàn thương nhân mang trân bảo đi vào trong núi vắng. Giữa đường gặp vị đạo nhân bị bệnh. Họ làm nhà tranh, cung cấp đầy đủ các thứ như: gạo, nước, đèn đuốc. Lúc ấy trưởng giả nguyện sau nầy được sống như ở thiên đường. Do đó, nay ông ta được quả báo như thế. Người bố thí lúc đó chính là hai vợ chồng Thọ-đề-già, đạo nhân bị bịnh nay chính là ta, năm trăm thương buôn nay đều đắc quả a-la-hán.

(Trích kinh Thọ-đề-già)

3. CA LA VIỆT CHỈ TAY HIỆN MƯA BÁU:

Xưa, ở nước vua A Dục có trưởng giả tên Ca-la-việt cúng dường cho hai vạn Tỳ-kheo suốt một năm. Tiếng đồn đến tai vua. Vua sai người gọi ông ta đến và hỏi:

- Ta nghe nói khanh rất giàu có, vậy khanh có những thứ gì?

- Tâu bệ hạ, hạ thần thật chẳng có vật gì cả.

Vua không tin giữ Ca-la-việt ở lại, sai sứ đến nhà ông ta xem thử. Sứ giả đến nơi thấy có đủ các loại nhà lớn nhỏ. Tất cả đều làm bằng bảy báu, nhà cửa vợ con đều hơn vua. Nhưng trong nhà không có lúa thóc, gấm vóc lụa là và các vật khác. Sứ giả trở về tâu vua đủ mọi việc như trên. Ca-la-việt mỉm cười. Vua hỏi:

- Sao khanh lại cười?

- Vua không thấy làm sao tin được.

Ca-la-việt liền chỉ tay về phía Đông, tức thì bảy báu hiện ra, chỉ Nam cũng như vậy. Vua liền cho trưởng giả trở về nhà.

Tinh xá của chúng Tăng cách cung điện của vua không xa, vua liền đến Tinh xá cung kính đảnh lễ các Tỳ-kheo rồi hỏi vị thượng toà:

- Ca-la-việt đời trước gieo phước đức gì mà nay nghĩ đến trân bảo thì trân bảo hiện ra.

Tỳ-kheo thượng toà nhập tam muội thấy được tâm của chúng sanh trong bốn trăm do tuần, thấy vào thời Phật Duy Vệ có bốn người cùng lập chùa tháp. Trong đó có một người rất siêng năng cần mẫn. Sau khi chùa tháp xây xong, ông lấy vàng bạc bảy báu và các loài hoa quý hợp lại rồi rải trên bốn bề của ba từng tháp và nguyện sau này được hưởng phước báu không cùng tận. Do đó, nay Ca-la-việt tự nhiên được của báu như thế. Ca-la-việt chính là người tán hoa thuở ấy.

Vua nghe xong trở về cung. Từ đó về sau vua chuyên tu tạo phước đức.

(Trích kinh Thí Dụ quyển 1)

4. CA LA VIỆT CHO CHIM ĂN, ĐƯỢC CHÂU BÁU:

Ngày xưa, có một trưởng giả, tên Ca-la-việt, thông minh hiểu rộng, lại vô cùng giàu có. Nhà ông ta ở gần biển, xung quanh trồng nhiều cây cối sum xuê cao ngất Trời. Bấy giờ trên bờ biển có nhiều trân bảo có giá trị rất lớn nhưng không ai có thể đến đó được ngoài những loài chim bay qua bay lại. Những con chim ấy, buổi sáng nuốt minh châu, đến chiều thải ra. Chúng thường tụ tập trong rừng cây của trưởng giả. Ông trưởng giả nhiều mưu trí bèn nghĩ ra một cách. Ông nấu thức ăn thơm ngon dụ chim đến ăn. Ăn xong chúng liền thải châu xuống đất. Ông trưởng giả tha hồ nhặt lấy những viên ngọc quý. Kể từ đó ông trở thành người giàu có nhất nước.

(Trích kinh Thí Dụ quyển 7)

5. CÔNG ĐỨC CÚNG DƯỜNG:

Ở thành Xá-vệ có một cư sĩ vì mắc tội với triều đình nên ruộng vườn bị tịch thu cả nhà đều mắc tội chết. Chỉ trừ một người con trai do lúc ấy không có ở nhà nên thoát chết. Chàng thiếu niên này nghe mọi người nói: "Nếu người nào cúng dường thức ăn cho Phật và chúng Tăng thì sẽ được sanh lên cõi Trời Đao Lợi" . Anh ta vô cùng thích thú mong muốn được cúng dường Phật và chúng Tăng một bữa ăn. Nhưng anh ta

không có một xu thì làm sao thực hiện được ước nguyện ấy. Chỉ có cách là đi làm thuê.

Có một cư sĩ (Trong luật Di SaTắc chép là một vị Đại thần) có nhiều ruộng vườn. Anh ta đến nhà cư sĩ ấy xin làm thuê (Người thiếu niên này tuy nhỏ tuổi nhưng thông thạo rất nhiều nghề). Chủ nhà hỏi:

- Ngươi biết làm việc gì?

- Tôi có thể ghi chép tính toán, phân biệt vàng bạc, châu báu, tiền của, ruộng vườn, buôn bán... Việc gì tôi cũng làm được.

- Ngươi muốn bao nhiêu tiền một năm?

- Một ngàn tiền vàng một năm!

- Năm nay mất mùa đói kém, ta chỉ có khả năng trả năm trăm thôi!

Người thiếu niên đồng ý.

Trải qua một năm. Một hôm, người thiếu niên nói với chủ:

- Tôi có khả năng làm được rất nhiều việc, nay tôi muốn làm thêm việc khác cho Ngài.

Người chủ liền giao cho anh ta trông coi cửa hiệu buôn bán. Mới một tháng đầu mà tiền lời tính ra đã gấp ba lần trước đó. Một ngày anh ta chỉ ăn một phần còn hai phần gửi lại cho chủ. Người chủ cho anh ta trông coi ruộng vườn, trải qua một mùa thu hoạch, số lượng hoa màu đã tăng gấp ba lần so với mùa Đông. Một năm nữa trôi qua, anh ta đến chủ đòi tiền công và thức ăn. Người chủ sợ anh ta không chịu làm nữa nên hỏi:

- Ngươi làm gì mà đòi tiền gấp như thế?

- Tôi muốn cúng dường thức ăn cho Phật và chúng Tăng!

Cư sĩ nghe vậy, phát khởi lòng tin. Ông hỏi:

- Ngươi định cúng ở đâu?

- Tôi định cúng ở Tinh xá Kỳ Hoàn!

- Ngươi hãy thiết lễ ở nhà ta, ta sẽ phụ giúp!

Người thiếu niên đến bạch Phật thỉnh Phật và chúng Tăng thọ nhận sự cúng dường.

Đức Phật cùng chúng Tăng yên lặng nhận lời. (Trong Luật Di Sa Tắc chép: Người thiếu niên này đến chỗ Phật dọn bày thức ăn thật thịnh soạn. Do nghĩ đến sự giúp đỡ của thần nên chỉ trong chớp mắt, các thứ đều được sắp bày gọn ghẽ.)

Gặp đúng ngày lễ các cư sĩ dâng cúng rất nhiều thức ăn như thịt heo, bánh nướng... Chúng Tăng thọ nhận và cùng bàn với nhau:

- Hôm nay, người thiếu niên ghèo này dốc hết khả năng thiết lễ

cúng dường. Chúng ta thọ nhận của các cư sĩ này ít thôi. Thọ trai xong chúng Tăng đến mhà cư sĩ. Người thiếu niên tự tay sớt bát cho chư Tăng, nhưng vị nào cũng bảo sớt ít thôi. Rốt cục thức ăn còn thừa lại rất nhiều. Người thiếu niên hỏi:

- Chư Đại Đức thọ thực ít như vậy là vì chê thức ăn dỡ hay vì thương con nghèo?

- Hôm nay, là ngày lễ sáng nay có rất nhiều người đem thức ăn đến cúng, chúng tôi thọ nhận của mỗi người một ít nhưng vì nhiều người cúng nên đến giờ bát đã đầy.

Thiếu niên nghèo lo buồn, sợ việc làm của mình không có kết quả nên khóc lóc đến hỏi Phật. Phật bảo:

- Con chắc chắn được sanh thiên, hãy mau trở về nhà. Người thiếu niên vui mừng trở về bạch với chúng Tăng:

- Bao nhiêu tiền của con làm thuê được đều dốc hết để cúng dường. Nay chư đại Đức tuy không dùng hết nhưng tuỳ ý thọ dụng.

Bấy giờ có năm trăm thương buôn từ nước Ưu Na Thiền quá trưa mới đến, đường xa xôi trắc trở, hết lương thực đã ba ngày rồi. Họ vào thành muathức ăn nhưng bấy giờ nhằm lúc mất mùa đói kém vả lại Trời đang hạn hán nên họ không mua được thức ăn. Người chủ đoàn than thở:

Ở trên biển không bị đói thế mà trong thành lớn không kiếm được thức ăn, ông ta vào khắp trong thành, rao ai có thức ăn đem hãy đem đến muốn đổi lấy thứ gì cũng được.

Khi người thiếu niên nghèo đến khóc với Phật, có nhiều người trông thấy, nên họ mách với ông ta, ở nhà cư sĩ ấy có thức ăn. Chủ thương buôn lập tức đến nhà cư sĩ nọ, họ nói với chàng thiếu niên:

- Chúng tôi cần thức ăn.

Cậu ta hỏi:

- Các vị có bao nhiêu người?

- Chúng tôi có năm trăm người.

- Ông hãy gọi họ đến đây đi.

Khi họ đến, thức ăn được dọn ra, và người nào cũng ăn uống no nê. Sau đó người chủ đoàn lấy một hạt châu trong chéo áo giá trị mười vạn tiền vàng bỏ vào trong một ống đồng lớn, các thương buôn khác cũng lần lượt lấy hạt châu trong chéo áo bỏ vào ống đồng ấy.

Thấy thế, chàng thiếu niên nói:

-Tôi không bán thức ăn, cớ gì lại trả châu? Các vị hãy chờ giây lát để tôi đến hỏi Phật.

Đức Phật bảo:

- Con cứ lấy, không trở ngại gì đến việc sanh Thiên của con. Đây là hoa báo, quả báo sau này còn thọ được vật báu nữa.

Những người buôn hỏi cư sĩ:

- Trong thành này trước kia có người tên... nay ở đâu?

- Đã qua đời.

- Có con cháu gì không?

- Người tặng thức ăn khi ấy chính là con trai của ông ấy. Các thương buôn nói với chàng thiếu niên:

- Cha cháu trước kia là thầy của chúng ta.

Họ lại cho anh ta trăm ngàn lượng vàng để đền đáp công ơn thầy cũ.

Cư sĩ vì không có con trai, chỉ có một người con gái xinh đẹp đoan trang bèn gã cho chàng thiếu niên nghèo, còn cho trăm ngàn lượng vàng để làm của hồi môn. Sau khi cư sĩ chết, vua Ba-tư-nặc hỏi:

- Người này có con trai không?

- Chỉ có một người con rể.

Vua phán của tiền thuộc người người con rể ấy và phong cho làm đại thần và là Trưởng giả của thành Vương Xá. Bấy giờ nhân dân trong nước đều gọi anh ta là trưởng giả Hốt Khởi.

(Trích luật Thập Tụng Nhị Tụng quyển 6. Lại trích luật Di-sa-tắc quyển 10)

6. NHÂN DUYÊN ĐỜI TRƯỚC CỦA NGƯỜI KHÔNG CÓ MẮT, TAI, MUĨ, LƯỠI:

Bấy giờ, ở nước Xá-vệ có một trưởng giả vô cùng giàu có. Ông không có con trai chỉ có năm người con gái xinh đẹp thông minh. Khi vợ trưởng giả mang thai người con thứ sáu thì ông qua đời. Theo phép nước bấy giờ, nếu người nào không có con trai nối dõi thì của cải sẽ bị sung vào kho vua. Vua sai Đại thần kê khai tài sản nhà trưởng giả này. Những cô con gái của trưởng giả nghĩ: “Mẹ ta đang mang thai không biết sẽ sanh con trai hay con gái. Nếu cũng là con gaí thì tất cả tài sản sẽ bị vua tịch thu; Nếu là trai thì nó sẽ là chủ tất cả gia sản này”

Nghĩ thế các cô đến tâu vua. (bấy giờ vua Ba-tư-nặc theo chánh pháp trị nước) Vua chấp nhận lời yêu cầu của họ. Ít lâu sau vợ trưởng giả sanh được một bé trai có đầy đủ nam căn, nhưng lại dị dạng không có tai, mắt, có miệng, nhưng không có lưỡi và tay c hân. Vợ trưởng giả đặt tên con là Man-từ-tỳ-lê. Các cô con gái liền đến tâu cho vua rõ. Vua

phán: "Tất cả tài sản gia đình đều thuộc về người em trai các cô."

Ít lâu sau, người chị cả lấy chồng. Về nhà chồng cô cung kính và phục dịch chồng như người ở. Cả nhà chồng lấy làm lạ hỏi. Cô ta đáp:

- Cha tôi qua đời để lại một gia tài hết sức đồ sộ. Nhưng tất cả đều sẽ bị sung vào kho vua vì gia đình không có con trai thừa hưởng. May thay! Lúc ấy mẹ tôi đang mang thai và sanh được một đứa con trai nhưng các căn không đầy đủ. Tuy vậy nhưng nó vẫn là người đầy đủ tiêu chuẩn thùa hưởng số tài sản ấy. Qua đó đủ biết năm đứa con gái không bằng một đứa con trai!

Trưởng giả cha chồng cô gái - nghe xong bèn cùng cô con dâu đến bạch Phật:

- Bạch Đức Thế tôn! Đứa con trai trưởng giả kia vì sao các căn không đầy đủ?

Phật đáp: Vào thời quá khứ có hai anh em vị trưởng giả. Người anh tên là Đàn-nhược-thế-chất, người em tên là Thi-la-thế-chất. Từ nhỏ người anh đã là người trung tính thành thật, ưa thích bố thí, được nhân dân cả nước ngợi khen. Vua phong anh ta làm chức Bình Sự của nước. Theo pháp nước, tất cả những người vay và trả tiền không có giấy tờ đều đến vị quan này...

Có một vị khách buôn vay tiền cuả Thi-la-thế-chất. Thi-la-thế-chất dẫn người thương buôn đến chỗ anh và nói:

- Người thương buôn này vay tiền của em đi biển và hứa khi trở về sẽ trả. Nếu sau này em có chết thì anh hãy làm chứng cho con em lấy lại.

Người anh nhận lời. Chẳng lâu sau người em qua đời.

Người thương buôn đi biển gặp phải sóng to gió lớn thuyền chìm của cải mất hết chỉ còn giữ được mạng sống.

Con Thi-la-thế-chất nghe người thương buôn thất bại trở về liền nghĩ: "Ông ấy mắc nợ nhà ta nhưng giờ lấy đâu ra tiền mà trả nợ! Chừng nào ông ta có tiền rồi trả cũng được" Người thương buôn lại đi mượn tiền rồi tiếp tục đi biển. Chuyến này ông bình yên trở về với rất nhiều vàng bạc châu báu. Ông nghĩ: "Con ông trưởng giả trước kia không đòi nợ ta. Vì lúc ta mượn nợ nó còn nhỏ hay vì thấy ta nghèo khổ nên không đòi? Ta phải thử nó xem sao!"

Nghĩ vậy ông liền ăn mặc thật đẹp, cưỡi ngựa tốt đi ngang qua nhà trưởng giả Thi-la-thế-chất. Con trưởng giả thấy vậy bèn sai người ra nói:

- Vay nợ nhà tôi đã lâu, nay xin ông hãy thanh toán hết số nợ

ấy!

- Được! Ông ta đáp.

Nhưng ông ta nghĩ lại: "Tiền ta vay đã lâu, nay lời đẻ lời, ta làm sao trả hết". Ông liền nghĩ ra một cách có thể dứt hết nợ. Ông trở v ề lấy một viên ngọc quý đến nói với người vợ Bình sự:

- Trước đây tôi có mượn tiền của em chồng bà. Nay tôi đem biếu bà một viên ngọc trị giá một trăm ngàn. Nếu nó đến đòi nợ thì xin ông bà hãy chối cho!

- Chồng tôi vốn thành thật trung tính, ắt sẽ không chịu làm như vậy, nhưng cứ để tôi nói thử xem sao!

Bà ta nhận ngọc. Đến tối chồng bà trở về. Bà đem chuyện kể lại cho chồng nghe. Nghe xong trưởng giả nói:

- Sao làm thế được! Vì ta trung tín không biết nói dối nên vua mới phong cho ta chức Bình Sự của nước. Vì uy tín nên ta không thể nói dối dù chỉ một lần.

Hôm sau, người thương buôn đến, vợ trưởng giả thuật lại lời chồng và trả ngọc lại cho ông ta. Người thương buôn lại biếu một viên ngọc khác giá trị gấp đôi xin nhờ bà giúp đỡ. Vì đây là chuyện nhỏ chỉ cần nói một lời lại dược hai trăm ngàn. Vợ trưởng giả khởi tâm tham liền nhận ngọc. Đến tối bà bảo chồng:

- Chuyện hôm qua tôi bàn, ông đã nghĩ kỹ chưa.

- Dứt khoát không được.

Bà vợ vừa khóc vừa nói:

- Nếu ông không nghe lời tôi thì tôi sẽ giết con trước rồi sau đó sẽ tự sát!

Trưởng giả hết sức hoang mang suy nghĩ: Ta chỉ có một đứa con trai nếu nó chết thì gia sản không người giao phó. Nếu không thuận theo lời bà ấy thì về sau sẽ phải đau khổ hối hận. Ông liền nhận lời.

Người vợ báo cho người thương buôn biết. Người thương buôn vô vùng mừng rỡ liền trở về nhà ăn mặc thật đẹp dùng các thứ báu trang sức cho voi rồi cưỡi vào chợ. Con trai trưởng giả thấy ông ta liền chạy đến nói:

- Ông hãy trả nợ cho cha tôi!

Người thương buôn làm ra vẻ kinh ngạc nói:

- Ta nợ cho anh hồi nào sao ta không nhớ.!

Hai người dắt nhau đến chổ quan Bình Sự. Con trai trưởng giả nói:

- Trước đây người này đã mượn cha cháu bao nhiêu tiền có bác

làm chứng phải không?

- Ta không biết - Trưởng giả Bình Sự nói:

Người cháu kinh hãi hỏi lại:

- Bác thật sự không biết ư?

- Không biết!

Người cháu tức giận nói:

- Vì bác trung tín nên vua mới cho bác làm Bình Sự. Mọi người trong nước điều tín nhiệm bác. Tôi là cháu bác mà bác còn dối trá như vậy thì với người ngoài bác còn dối trá đến đâu nữa. Chuyện thật hay giả này đời sau ắt biết!

Phật bảo trưởng giả:

- Trưởng giả Bình Sự bấy giờ nay chính là Man từ Tỳ lê. Do một lời nói dối mà phải đọa địa ngục chịu nhiều khổ não. Ra khỏi địa ngục suốt năm trăm đời chịu quả báo như vậy. Vì ông ta đã trồng nhân lành thích bố thí nên thường sanh trong nhà sang giàu và thường làm chủ tài sản.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 7)

7. TRƯỞNG GIẢ ÂM DUYỆT THỌ PHƯỚC BÁU ĐỜI TRƯỚC:

Trưởng giả Âm Duyệt có cả một gia sản đồ sộ, tuổi đã xế chiều nhưng rất buồn vì chưa có con nối dõi. Tuy nhiên do phước báu đời trước còn sót cho nên ông ta lại được bốn điều vui: 1- Vợ sanh con trai; 2- Năm trăm ngựa trắng sanh cùng một lúc; 3- Vua sai sứ giả ban cho ấn vàng; 4- Năm trăm thuyền báu cập bến cùng một lúc.

Phật bảo A-nan:

- Đời trước, trưởng giả Âm Duyệt sai năm trăm người chèo thuyền vào biển tìm được rất nhiều của báu, và an ổn về nhà. Cho nên Như Lai nói bốn phước ở đời cùng đến một lúc.

Trưởng giả suy nghĩ: “Trời ban phước lộc hội lại nhà ta, ta nên tổ chức buổi tiệc linh đình để đãi họ hàng thân tộc”.

Bấy giờ Tứ Thiên vương, Đế thích, Phạm thiên, Trời, Rồng, quỷ, thần. A tu la v.v... cùng với quyến thuộc của các vị ấy đầy cả Hư không. Với thần lực, Như Lai biết trưởng giả rất vui mừng. Nhân lúc ông ta vui mừng ta sẽ đến ca ngợi, nếu ông hiểu thì có thể gieo trồng phước lành.

Ngay lúc ấy, Đức Như Lai dùng kệ tán tụng ca ngợi điều tốt lành. Trưởng giả vui mừng thưa:

- Thật là thần diệu, Ngài biết thân tộc con gặp điều vô cùng tốt lành, nên đã không quản mệt nhọa đến đây chúc mừng.

Nói xong, ông ta đem bạch điệp trị giá ngàn vạn lượng vàng dâng lên Đức Như Lai Ngài thọ nhận rồi bảo:

- Tài sản của năm nhà không thể chắc chắn, Nay ông nhờ hưởng được ảnh báu cho nên sanh ra nơi nào phước báu cũng hiện về.

Trưởng giả bạch Phật:

- Bạch Đức Thế tôn! Năm nhà là gì?

- Đó là: lửa thiêu, nước trôi, quan xung công, con phá sản tiêu xài vô độ và giặc cướp.

Trưởng giả nghe Phật nói càng thêm vui mừng. Nói xong, Đức Như Lai trong chớp mắt đã trở về núi Kỳ-xà-quật. Bấy giờ trong nước có ngoại đạo Ni-kiền-tử tên Bất-lan Ca-diếp nghe nói Như Lai đến nhà trưởng giả nói một bài kệ ca tụng, được trưởng giả cúng cho ngàn lượng vàng. Ông ta nghĩ: "Sa-môn còn được vàng huống chi ta đến xin lại không được ư"? Ông ta lại nghĩ: "ta sẽ đến xin Sa-môn Cù Đàm dạy cho bài kệ, sau đó đến khất thực khen ngợi ông ta hơn cả Cù Đàm ắt sẽ được nhiều trân bảo."

Với tâm ganh tỵ ngu si, Bất-lan-Ca-diếp đến hỏi Phật:

- Nghe nói Cù Đàm đến nhà trưởng giả Âm Duyệt ca tụng một bài kệ được rất nhiều trân bảo. Xin ông thương xót dạy cho tôi một bài kệ, để tôi đọc tụng ngân nga mong được châu báu. Đức Như Lai nói cho ông ta ba thời kỳ, biết trưởng giả này đến một lúc nào đó của cải sẽ bị tiêu tan. Bất-lan Ca-diếp không biết nói lúc nào cho hợp. Nếu lúc gia đình trưởng giả gặp nguy khốn mà nói điều lành này ắt sẽ bị trưởng giả đánh cho một trận. Nên Ngài bảo:

- Không phải ta tiếc bài kệ này, chỉ vì ông không biết nói bài kệ đó đúng lúc ắt sẽ bị đau khổ, trái lại với ý muốn của ông. Nếu múốn được câu nói hay, đúng lúc, ta sẽ cho ông, sẽ khiến cho trưởng giả nghe được lời nói chân thật lại khỏi bị đánh đập đau đớn.

Bất-lan Ca-diếp nghĩ: "Sa-môn Cù Đàm không muốn cho ta đến xin trân bảo nên tiếc không chịu dạy cho ta bài kệ".

Bất-lan Ca-diếp cố nài xin:

- Ông cứ cho tôi biết tôi phải làm gì?

Đức Như Lai từ bi thương xót can ngăn ba lần mà ông ta vẫn không chịu nghe. Phật cũng biết trước Bất-lan Ca-diếp vì nhân duyên đời trước nên sẽ gặp sự đau đớn này, nên Ngài nói: "Tôi không thể can ngăn". Ngài liền nói bài kệ kiết tường. Ông ta về đọc tụng một năm mới thuộc.

Về sau, nhà trưởng giả bị thiêu rụi, châu báu mất sạch, năm trăm

ngựa con đều bị chết thiêu, đứa con trai yêu quí đột nhiên qua đời, vua sai sứ giả thâu lại ấn vàng.

Sau này, ông lại cho thuyền vào biển tìm châu báu, an ổn trở về, nhưng lúc cập bến, năm trăm thuyền báu bỗng trôi mất. Mọi người trong gia tộc đều lo lắng sầu muộn. Lúc ấy, Bất-lan Ca-diếp đi đến nhà trưởng giả. ca tụng bài kệ kiết tường của Như Lai. Nghe xong cả nhà trưởng giả đều tức giận bảo:

- Bao tai ương trong thiên hạ đều đổ dồn cho nhà ta. Thế mà, người lõa hình yêu ma quỷ quái không biết liêm sĩ này lại đến đây nói những điều tốt lành làm ta thêm sầu khổ.

Nói xong, ông liền dùng gậy đánh túi bụi khiến Bất-lan Ca-diếp phải bò lết về nhà. Sáu phái ngoại đạo trông thấy, hỏi nguyên do. Ông ta đáp:

- Đây chính là do Cù Đàm làm ra.!

Do không chế phục được lòng tham họ trở lại. oán hận Đức Thế tôn. Phật bảo đại chúng.

Bất-lan Ca-diếp trước đây đến Như Lai xin một bài kệ vì muốn đến nhà trưởng giả ca tụng để xin vật báu, Như Lai cản ngăn nhưng ông ta không nghe. Nay đến nhà ấy phải gặp sự đau đớn khốn khổ.

A-nan bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tốn! Bất-lan Ca-diếp có oan kết gì với trưởng gia kia mà nay lại bị tai họa như vậy?

Phật bảo A-nan:

- Trong a tăng kỳ kiếp lâu xa về trước, có một con chim oanh vũ thường đậu trên nốc cung điện vua Âm Duyệt mà hót. Tiếng hót của nó nghe lãnh lót tuyệt vời. Vua đang ngủ trưa, nghe tiếng chim hót chợt thức giấc, Ngài hỏi cận thần:

- Loài chim nào hót mà nghe hay thế?

- Tâu bệ hạ!Có một con chim lạ lông vàng rực đậu trên nóc cung điện, hót xong liền bay đi.

Vua liền sai người chạy đuổi theo để tìm. Tìm kiếm rất lâu mới bắt được chim đem về dâng vua. Vua đem anh lạc bảy báu trang sức cho nó và ngày đêm quanh quẩn ngắm nhìn chim không biết chán. Không bao lâu, có con chim cú bay đến đậu trên nóc cung điện trông thấy chim oanh vũ được yêu quí liền hỏi nguyên do. Oanh vũ đáp:

- Tôi bay đến đậu trên cung điện cất tiếng hót lãnh lót tuyệt vời. Đức vua yêu quí đem tôi về và thường quanh quẩn ngắm tôi.

Chim cú nghe vậy, liền ganh tỵ nghĩ: “Ta cũng sẽ hót mà còn hót

hay hơn mi nữa. Đức vua cũng sẽ yêu quí ta”.

Khi vua đang ngủ, chim cú cất tiếng hót vua liền giật mình thức dậy, bỗng nhiên lông tóc dựng đứng, sợ hãi hỏi:

- Tiếng gì mà ta nghe cảm thấy sợ hãi vậy?

Cận thần đáp:

- Đó là tiếng của loài chim cú.

Vua sai quân chia nhau đi tìm bắt nó về rồi nhổ lông cánh. Nó vô cùng đau đớn phải đi lần từng bước. Các loài chim khác thấy vậy hỏi nguyên do. Chim cú tức giận đáp:

- Tại chim oanh vũ mà thân của tôi mới ra nông nỗi này.

Đức Phật dạy:

- Âm thanh lành được phước, Âm thanh dữ mắc họa. Tôi báo do mình tạo ra mà trở lại oán hận chim oanh vũ. Vua Âm Duyệt xưa kia nay chính là trưởng giả Âm Duyệt. Chim oanh vũ là ta còn chim cú chính là Bất-lan Ca-diếp.

(Trích kinh Trưởng Giả Âm Duyệt)

8. TRƯỞNG GIẢ CƯU LƯU GẶP THỌ THẦN ĐƯỢC TÍN GIẢI

Xưa, có trưởng giả Cưu Lưu không tin thiện ác báo ứng đời này và đời sau. Một hôm, ông ta và năm trăm người cùng đi buôn. Nhưng đi chưa đến nước khác mà lương thực đã cạn họ nhịn đói suốt ba ngày. Nhìn về phía trước, trông thấy chốn tòng lâm, Cưu Lưu tưởng là nhà dân liền đi đến mong kiếm được thức ăn. Gặp thọ thần ông liền đảnh lễ thưa:

- Con vô cùng đói khát xin thần cứu giúp!

Thọ thần đưa tay lên, năm đầu ngón tay tự nhiên hiện ra thức ăn, nước uống. Ăn đã no Cưu Lưu lại khóc lên. Thọ thần hỏi:

- Vì sao ông khóc?

- Năm trăm người bạn của con đang đói khát cùng cực.

Thọ thần bào Cưu Lưu gọi họ đến. Thần lại cho họ ăn uống đầy đủ. Khi người và ngựa đều được ăn no, Cưu Lưu hỏi thần:

- Thần đời trước tạo phước gì mà nay được như thế?

- Vào thời Phật Ca-diếp, tôi vốn là một người nghèo cùng khốn khổ. Lúc bấy giờ, tôi thường ngồi lau kính ở cổng thành. Nếu có Sa-môn ra vào thành, tôi thường chỉ chỗ cho các Ngài khất thực, và xây dựng tịnh xá, chùa tháp. Nên mạng chung được sanh ở đây, hưởng thọ phước đức tự nhiên không bao giờ thiếu thốn.

Trưởng giả Cưu Lưu nghe xong, trong lòng tỏ ngộ, liền mở hội bố thí lớn, một ngày tám ngàn người và cho thuyền chở lúa gạo đến nơi khác. về sau, trưởng giả mạng chung được sanh lên tầng Trời thứ hai, làm thiên nhân tên Tán Hoa.

(Trích kinh Thí Dụ bộ mười quyển, quyển hai)

9. QUẢ BÁU CỦA SỰ KEO KIỆT:

Xưa, ở nước Ba-la nại có trưởng giả tên Nhật Nam vô cùng giàu có. Ông ta rất keo kiệt với mọi người. Khi mặt Trời chưa lặn ông thường bảo người nhà không cho người ăn xin vào cửa. Con ông ta là Chiên Đàn cũng tham lam keo kiệt như cha. Về sau, trưởng giả Nhật Nam chết đầu thai làm con một bà mù. Khi bà mang thai, chồng bà nói:

- Bà bệnh tật, nay lại mang thai, tôi nghèo khổ, bà hãy tự lo liệu lấy!

Bà buồn bã ra đi, đến một ngôi nhà vắng bà liền ở tạm trong đó. Đúng tháng, bà sanh được một bé trai, đôi mắt cũng bị mù. Ngày ngày, bà xin ăn để nuôi con. Năm đứa bé lên bảy, Một hôm, bà buồn bã nói với con:

- Dạo này xin ăn rất khó, mẹ con ta sẽ đói khát, như người khát nước đợi mưa.

Nghe mẹ nói, đứa bé xin phép mẹ đi xin ăn. Nó đi lần hồi đến nhà Chiên Đàn, con nó đời trước, khi ấy người giữ cửa có việc ra ngoài, nó liền đi thẳng vào sân. Chiên Đàn nghe tiếng, liền gọi người giữ cửa đến hỏi:

- Cửa đóng tại sao thằng bé này vào đây được!

Chiên Đàn liền cho người lôi đứa bé ra ngoài đánh lỗ đầu và gãy tay nó. Người mẹ hay tin chạy đến, hỏi:

- Người nào tàn nhẫn đánh con tôi đến nỗi này!

Bỗng có một vị thần xuất hiện ở cửa nói:

- Đứa bé này chịu đau đớn, thế còn ít, sau này nó còn chịu đau đớn nhiều hơn thế nữa. Vì đời trước nó giàu có mà không chịu bố thí nên nay phải chịu đói khổ, khi chết còn phải khổ sở nhiều hơn.

Những người đến xem ai cũng nghe được lời vị thần nói. Đức Phật hỏi Ngài A-nan:

- Có chuyện gì vậy?

A-nan liền kể lại việc ấy cho Phật nghe và xin Phật đến ban thức ăn cho đứa bé. Đến nơi Đức Phật lấy tay xoa đầu nó. Mắt nó bỗng nhiên sáng lại, các vết thương lành lặn. Nhân đó nó biết được túc mạng.

Phật hỏi:

- Đời trước ngươi là trưởng giả Nhật Nan phải không?

- Bạch Đức Thế tôn, đúng vậy!

Phật bảo A-nan:

- Người thế gian quá ngu si, cha con một đời mà không biết nhau.

Nhân đó Phật giảng Kinh giải trừ lòng nghi cho mọi người:

Cầu con và tìm của
Ở trong hai việc đó
Quá buồn thương khổ sở
Người sống trên thế gian
Thân, giữ còn không được
Huống gì con và của
Thí như nắng mùa hạ
Dừng nghỉ mát dưới cây
Chốc lát phải đi ngay
Thế gian đều vô thường.

(Trích kinh Nhật Nan)

10. TRƯỞNG GIẢ PHÁT TÂM BỒ TÁT CỨU NGƯỜI NGHÈO ĐƯỢC CỦA BÁU:

Xưa, có vị trưởng giả phát tâm Bồ Tát tập hợp năm trăm người nghèo cung cấp cơm áo cho họ rồi cùng họ vào biển tìm châu. Đêm đến, họ dừng nghỉ dưới chân núi. Đường xa mỏi mệt mọi người đều đã say giấc, nhưng trưởng giả vẫn chưa ngủ. Ngài nhìn quanh, bỗng thấy một người từ trong núi đi ra. Người ấy thân phát ra ánh sáng dung mạo đẹp đẽ nhưng miệng lại giống miệng heo. Ông ta vừa đi quanh núi vừa đánh đàn. Thấy lạ trưởng giả hỏi:

- Ông là ai?

Người ấy đáp với vẻ kinh ngạc:

- Ta là người hưởng thọ phước đức, sống tự tại ở đây.

- Thân hình ông đẹp đẽ nhưng miệng sao lại như vậy?

- Đời trước tôi thường khinh chê người khác nên bị quả báu như thế này!

- Ông là ai - Thiên nhân hỏi.

- Tôi là trưởng giả, vì thương xót những người nghèo khó, muốn họ được an ổn nên dẫn họ vào biển tìm châu. Đồng thời tôi muốn đem của báu về làm lợi ích cho chúng sanh trong cõi Diêm phù.

- Ông không phải là Bồ Tát sao?

- Tôi là trưởng giả mới phát tâm Bồ Tát muốn độ tất cả chúng sanh đang bị giận dữ, si mê, dâm dục trói buộc. Người chưa được độ tôi nguyện sẽ độ

- Hay thay ông hãy đi nhanh đến chỗ báu chở đầy thuyền rồi về!

(Trích kinh Thí Dụ bộ Mười quyển, quyển 5)

11. TRƯỞNG GIẢ MƯỢN VÀNG CÚNG DƯỜNG:

Xưa, ở nước Kế Tân có một trưởng giả rất giàu có. Sau khi cha mẹ qua đời, ông thường cúng dường cho vô số đạo nhân. Vài năm sau, gia đình trưởng giả trở nên sa sút. Trưởng giả muốn làm phước cho cha mẹ mà không có của cải nên rất buồn bã. Vợ trưởng giả nói:

- Thà mình chịu khổ đời này mà đời sau được giải thoát, lại còn khiến cho cha mẹ được phước vô lượng.

Trưởng giả đồng ý, hai người liền mượn một trăm lượng vàng để cúng dường. Cúng dường hết họ đi làm thuê cho một trưởng giả giàu có, chồng cày ruộng, vợ nấu ăn. Một hôm, người chồng cày ruộng gặp phải một hòn đá lớn như cái cối. Ông ta phát hiện dưới hòn đá có một ngàn cài đỉnh bằng vàng, liền lấy đất lấp lại. Thấy người chồng không trở về ăn cơm, người vợ mang cơm ra đồng cho chồng. Người chồng bảo vợ ở lại canh còn mình gánh vàng về nhà. Sáng hôm sau, người chồng đến cân vàng trả lại cho trưởng giả. Hai vợ chồng trở lại nhà mình, tiếp tục cúng dường làm phước cho cha mẹ bảy đời. Họ cúng dường số vàng đó suốt đời cũng không hết.

(Trích kinh Thí Dụ bộ mười quyển, quyển 1)

12. TRƯỞNG GIẢ HƯƠNG THÂN BỊ VUA ĐOẠT VỢ:

Xưa, có vị vua tham đắm sắc dục, thường làm các việc vô đạo. Hễ nghe nơi nào cóphụ nữ đẹp, vua liền sai người đến cướp đoạt. Cả nước vô cùng lo lắng. Trong nước có một vị trưởng giả hết sức giàu có lại thông minh tài giỏi. Miệng trưởng giả thoảng ra hương thơm đến bốn mươi dặm, thân toát ra mùi hương chiên đàn. Ông có một người vợ rất xinh đẹp. Các quan biết được tâu lên vua. Vua nghe vậy, khởi tâm ham thích sai sứ đến cướp đoạt vợ trưởng giả. Trưởng giả buồn bã bỏ nhà xuất gia làm Sa-môn

Vua thấy nhà trưởng giả không có con nối dõi liền sai người đến tịch thu gia tài. Vua lập vợ trưởng giả làm chánh hậu

Trong nước bỗng xuất hiện nhiều loài hoa sen xanh, vàng, hồng,

trắng, hương thơm thanh khiết. Vua quý trọng phu nhân liền đem hoa tặng cho phu nhân trước. phu nhân nhận hoa nhưng trong dạ không vui. Vua hỏi:

- Ái khanh là mẹ của một nước, ta yêu kính nàng, không dám làm điều gì trái ý, nàng có việc gì không như thế!

- Thần thiếp không dám không vui nhưng thiếp nhớ đến mùi hương tỏa ra từ miệng và thân của chồng cũ còn hơn cả mùi hoa này. Cho nên, nghe hương hoa thiếp bỗng nhớ đến chồng cũ, cảm thấy buồn chút thôi!

Vua không tin, liền cho người mời chồng cũ phu nhân đến. Chồng cũ phu nhân giờ đã đắc quả A-la-hán, bay đi tự tại, thân toát ra mùi thơm bay khắp cả nước, Vua nghi ngờ mùi hương ấy là do bôi dầu nên sai người tắm gội và lau chùi cho thật sạch, nhưng mùi hương lại càng tăng thêm nữa. Vua đến hỏi Phật. Phật dạy:

- Vào thời quá khứ, có một người nghèo khổ chuyên bán củi sinh sống. Một hôm, anh ta đốn củi xong trở về thì cửa thành đã đóng. Ngoài cửa thành có một ngôi chùa, anh ta vào xin tá túc qua đêm. Vào chùa anh ta ngồi nghe Kinh, đốt hương, tán thán cho đến sáng. Nhờ vậy mà suốt năm trăm đời không đọa vào ác đạo thường sanh lên cõi Trời, thân, miệng luôn thoảng ra mùi hương thanh khiết.

(Trích kinh Thí Dụ bộ mười quyển, quyển 4)

13. PHƯỚC BÁU CỨU NGƯỜI:

Xưa, có người vợ của trưởng giả nọ khi mang thai, miệng bà tự nhiên toả ra hương thơm bay khắp nước. Vua A-xà-thế nghe tin, liền sai sứ đến nhà trưởng giả xem thật hư thế nào. Sứ đến hỏi, trưởng giả trình bày đủ mọi chuyện. Sứ về tâu lại với vua. Vua rất vui mừng, cho vời trưởng giả đến, nói:

- Nếu ông sanh con trai thì hãy cho ta nhé!

Về sau vợ trưởng giả sanh được bé gái. Đứa bé vừa sanh ra đã có tấm vải vàng quấn thân. Người mẹ thấy lạ vội cởi ra, nhưng không được. Bà liền đến hỏi Phật. Phật nói:

"Xưa, có một gia đình nghèo. Một hôm, người vợ ra đường gặp lúc Trời mưa to, bà thấy một vị Sa-môn (Bích chi Phật) già yếu bị trượt chân té xuống đất, đầu gối của Ngài bị thương máu chảy lênh láng. Bà liền đỡ vị Bích chi Phật đứng dậy, rồi nhẹ nhàng rửa sạch vết thương và xé áo mình băng bó lại. Tuy chưa thọ giới của Phật, nhưng bà thường thích ca ngợi đạo Phật. Vì thế, sau khi mạng chung bà được sanh lên cõi

Trời thứ hai, khi quả báo hết lại sanh vào nhân gian. Vừa ra đời trên thân người ấy tự nhiên có sẵn một tấm vải. Người băng bó cho vị Bích chi Phật thuở xưa chính là bé gái này.

(Trích kinh Thí Dụ mười quyển, quyển 1)

14. QUẢ BÁO CỦA SỰ BỐ THÍ RỒI HỐI HẬN:

Trong thành Xá-vệ có một trưởng giả vô cùng giàu có, nhưng ăn uống kham khổ, mặc áo quần rách rưới, đi dù bằng lá cây. Ông ta không có con cái, nên sau khi mạng chung, tất cả của cải đều xung vào cửa quan. Phật nói:

Ông trưởng giả này, tuy được giàu có nhưng quá keo kiệt không dám ăn tiêu, không phụng dưỡng cha mẹ, không giao lưu với bạn bè, không cúng dường Sa-môn. Nay ông ta mạng chung sẽ đoạ vào địa ngục gào khóc.

Vào thời quá khứ, trưởng giả này cúng dường thức ăn cho một Bích chi Phật. cúng dường xong, ông sanh tâm hối hận, nói:

- Sao ta không bố thí cho những nô tì mà lại bố thí cho gã Sa-môn đầu trọc này.

Nhờ sự cúng dường thức ăn, ông ta bảy lần được sanh lên Trời, bảy lần sanh xuống nhân gian thường được giàu có. Nhưng vì bố thí rồi hối hận nên chịu quả báo không thích ăn ngon, mặc đẹp, và tham muốn ngũ dục.

Phật bảo:

- Này các Tỳ-kheo! Nên siêng năng tinh tấn để dứt trừ giải đải.

(Trích kinh Trưởng giả Mạch Chung Vô Tử)

15. PHƯỚC BÁO CÚNG DƯỜNG:

Xưa, có một trưởng giả khởi công xây chùa. Ông ta chuẩn bị đầy đủ nhưng chỉ thiếu một viên gạch. Có một trưởng giả khác tuy không phụng thờ Phật pháp nhưng biết phước đức. Nghe vậy, ông ta liền vào nhà lấy áo gói một viên gạch đưa cho trưởng giả kia. Về sau, trưởng giả này mạng chung được sanh lên cung điện bảy báu của cõi Trời thứ hai, có ngọc nữ hầu hạ, y phục tự nhiên.

Ít lâu sau, đất nước của trưởng giả bị tiêu diệt, không có người sửa sang chùa tháp. Ngôi chùa của trưởng giả kia cũng bị huỷ hoại chỉ còn một viên gạch lún sâu vào lòng đất.

Người dân ở đây cày ruộng, gặp viên gạch ấy muốn đào lên xem. vị Trời, chủ của viên gạch, trong lòng cảm thấy xao động, liền dùng

thiên nhãn xem. Thấy có người muốn đào viên gạch, vị Trời nghĩ: “Ta nhờ viên gạch này mà được sanh thiên, nay họ đào viên gạch lên phước ta sẽ mất”. Nghĩ rồi, vị Trời hóa làm người bình thường đến trước người đào gạch hỏi:

- Ông muốn lấy viên gạch này lên sao?
- Đúng vậy, vì nó cản lưỡi cày, nên tôi muốn đào lên.
- Cày đất này xong ông sẽ được bao nhiêu đấu thóc?

Vị Trời nói tiếp:

- Ông chớ đào viên gạch này, ta sẽ cho ông năm trăm lượng vàng.
- Ông là thần sao?
- Tôi là người cõi Trời

Vị Trời liền hiện lại nguyên hình nói:

- Tôi vốn là dân ở đây. Nhờ cúng dường viên gạch này cho một đạo nhân xây chùa, mà được sanh thiên hưởng thụ đầy đủ mọi thứ. Vừa rồi ở thiên cung chấn động, tôi thấy lạ liền dùng thiền nhãn xem, thấy ông đào viên gạch nên tôi đến đây. Vì viên gạch này là gốc phước đức của tôi nên xin ông đừng đào lên!

Người cày ruộng nói:

- Tôi không biết đây là chùa tháp thần linh và viên gạch này là gốc phước đức của ông. Nếu biết thì tôi không dám xúc phạm đâu.

Vị Trời trở về, người cày ruộng nghĩ: Vị Trời này chỉ cúng dường một viên gạch mà được phước báu như vậy. Ta nên xây lại ngôi chùa này”. Nghĩ rồi, ông ta liền klhởi công xây dựng lại ngôi chùa.

(Trích kinh Phước Báu, lại trích kinh Thí Dụ bộ mười quyển, quyển 1)

16. PHƯƠNG PHÁP DẠY CON CỦA TRƯỞNG GIẢ CẤP-CÔ-ĐỘC:

Trưởng giả Cấp-cô-độc có ba người con. Các con của trưởng giả đều bỏ chánh theo tà, tham đắm tửu sắc, thích tung hoành săn bắn không làm được việc gì cả. Họ ngày càng đi vào con đường tăm tối và dần trở nên cuồng si. Trưởng giả vô cùng đau xót, ngày nào ông cũng khuyên lơn các con về những điều tội phước nhưng chúng vẫn không thay đổi vẫn ăn chơi ngày một tệ hơn. Trưởng giả liền cho các con mặc áo cỏ ăn đậu lúa cho chúng chịu khổ cực mà hối hận việc mình làm.

Trưởng giả nói:

- Các con không biết làm lành nên hiện thời mắc phải tai ương

như vậy, sau khi chết còn phải chịu thống khổ ở địa ngục gấp trăm vạn lần thế nữa. Ai có thể cứu được các con.

Các người con cuối đầu thưa:

- Thưa cha, chúng con bị bạn xấu lôi kéo dối gạt mê hoặc. Vì ở gần phân dơ nên không biết mùi hôi của nó. Từ nay chúng con nguyện sẽ thúc liễm thân tâm phụng sự Tam bảo.

- Rất tốt, các con nên gội rửa tâm mình phụng trì năm giới của Phật trọn đời không phạm cha sẽ cho năm ngàn vạn tiền, và thọ tam quy cha sẽ cho ba ngàn vạn tiền.

- Chúng con nguyện phụng sự Tam bảo thọ tam quy giữ gìn giới cấm chứ không cần tiền của cha.

Họ tắm gội sạch sẽ đến chỗ Phật đảnh lễ xin thọ tam quy ngũ giới, rồi trở về nhà lo tu phước đức. Ý chí họ vô cùng thanh khiết. Họ thường bố thí cho khắp cả chúng sanh. Mọi người trong nước đều ca ngợi công đức của họ và xem họ như các bậc Hiền thuở xưa.

(Trích kinh Giáo Tử)

17. THAM CỦA GIẾT EM:

Xưa ở thành La-duyệt-kỳ có một trưởng giả tên là Tu-Đàn vô cùng giàu có. Ông có 2 người con người con trưởng tên Tu-ma-đề, Người con thứ tên Tu-na-xá-ma-đề. Sau khi người cha qua đời, người anh tham lam không muốn chia tài sản cho em, nên tìm cách giết hại, liền đến chỗ em và nói:

- Em hãy cùng anh đến núi Kỳ-xà-quật. Anh có chút việc cần bàn!

Người anh đưa người em đến đỉnh núi cao nhất rồi xô em xuống vực, còn lăn đá xuống để đè chết người em.

Tu-đàn là phụ vương Chân Tịnh, Tu-ma-đề là thân ta, Tu-na-xá-ma-đề là Đà-bà-đạt-đâu.

(Trích kinh Hưng Khởi Hành quyển hạ)

18. CHUYỆN KỲ LẠ VỀ NÀNG DÂU CỦA ĐẠI THẦN LÊ KỲ DI:

Vua Ba-tư-nặc có một đại thần tên là Kỳ Di. Ông ta cươí con gái của Đàm-ma-ha em vua Ba-tư-nặc cho người con thứ bảy. Nàng dâu của đại thần mang thai, đủ mười tháng sanh ra được ba mươi trứng. Mỗi trứng nở ra một bé trai. Những bé trai đều khôi ngô tuấn tú mạnh mẽ không ai bằng. Sức một người hơn cả một trăm người. Họ được cha mẹ

yêu thương cả nước kính trọng.

(Trích kinh Hiền Ngu)

19. NGƯỜI NGU BÁN HƯƠNG:

Xưa, có một trưởng giả giàu có vô lượng. Ông ta có một người con lại quá ngu si. Một hôm, ông ta đi buôn chỉ đem theo hương trầm. Hương thơm giá đắt nên rất ít người mua. Trải qua thời gian quá lâu nhưng bán hương không được. các người cùng đi với anh ta đã trở về. Sợ mất tông tích của bạn, hương lại ít người mua, không biết làm sao, anh ta nóng lòng nhìn khách chợ xem xét. Thấy mọi người bán than rất chạy, anh ta liền đốt hết thàt hương thành than mang bán nhanh để trở về. Mọi người thấy anh làm như vậy, đều chê cươì nói: “Thực có người ngu đến thế ư! Bán hương tuy châm nhưng thu được nhiều tiền, nay đốt hương thành than thì còn được gì chứ.

(Trích kinh Bách Cú Thí Dụ quyển 1)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 37

CHƯƠNG ƯU-BÀ-TẮC

1. Sa-môn Ức Nhĩ vào biển thấy địa ngục
2. Công đức trì giới
3. Phương tiện khéo léo của vị Ưu-bà-tắc
4. Vị Ưu-bà-tắc bị ma thử
5. Vị Ưu-bà-tắc gả con cho ngoại đạo
6. Công đức tinh tấn
7. Lúc sắp chết, do tâm luyến ái bị đọa làm sâu
8. Nhờ trì giới sát, được quả báo không chết
9. Trì giới, tụng kinh, thắp đèn sáng liên tục, quỷ không hại được
10. Hậu quả của việc trả lại cấm giới
11. Giữ giới được trường thọ
12. Cúng dường chư Tăng được giàu có, an lạc
13. Thấy tội phước, tinh tấn tu hành
14. Chết rồi sống lại

1. SA-MÔN ỨC NHĨ VÀO BIỂN THẤY ĐỊA NGỤC:

Tại nước A-thấp-ma-già A-bàn-địa có vị vua một tụ lạc tên Tát-Bạc. Trong nước, có cư sĩ rất giàu, của báu nhiều vô số, chỉ thiếu con cái mà thôi. Vì thế, ông cầu khẩn thần linh nhưng không được toại ý. Đến lúc được có con, người vợ biết mình mang thai. Bà ta lợi căn có bốn trí bất cộng:

1. Biết người nam yêu mình
2. Biết người nam không yêu mình
3. Biết mình mang thai
4. Biết đứa con do ai ban cho.

Bà ta báo tin cho cư sĩ. Cư sĩ rất vui mừng. Khi đủ tháng, bà sinh ra một bé trai tai đeo khoen vàng. Đứa bé rất xinh đẹp, ai thấy cũng

vui thích. Cư sĩ mời các vị Bà-la-môn đến nhà xem tướng đứa bé, thầy tướng bảo:

- Đứa bé này thật có phước đức oai lực, nên đặt tên cho đứa bé hai chữ Nhĩ Hoàn; và vì đời trước đã xuất gia nên gọi là Sa-môn Nhĩ Hoàn. Việc đáng giá không phải thế gian làm được có đến một ức nên đặt tên là Sa-môn Ức Nhĩ.

Cậu bé được năm người mẹ nuôi nấng, bảo bọc:

1. Mẹ lo việc bồng ẵm
2. Mẹ lo tắm rửa
3. Mẹ lo bú mớm
4. Mẹ lo việc dạy dỗ
5. Mẹ đùa giỡn giúp vui.

Đứa bé này có phước lực, lại chóng lớn. Cư sĩ liền dạy cho nó văn chương toán số. Nó biết rõ giá trị đồ vật đắt rẻ. Nơi tụ lạc này có nhiều khách buôn ghé đến. Mọi người khắp nơi đến tụ lạc hỏi: Nơi đây, ai là người có đức sâu dày có thể chỉ dạy chúng tôi những điều thiệc ác.

Mọi người chỉ Sa-môn Ức Nhĩ. Các khách buôn liền đến đấy, nhận làm chủ nhân. Các khách buôn này thấy Sa-môn Ức Nhĩ có oai lực lớn, nghĩ rằng: Nếu Sa-môn này đóng vai Tát Bạc dẫn nhiều người đi biển, chắc chắn sẽ được an ổn trở về, nên họ thưa:

- Bạch Sa-môn Ức Nhĩ! Sao Ngài không đi biển lớn?

Ức Nhĩ đáp:

- Ta đi biển lớn làm gì? Ngoài biển có biết bao cái đáng sợ. Trăm nghìn người đi, chỉ một người trở về thôi.

Các khách buôn dùng lời khích lệ Ức Nhĩ, nói:

- Biết bao nhiêu người nhờ Ngài mà được sống còn.

Ức Nhĩ nhận lời; khi sắp đi, đến từ giã cha mẹ, Ức Nhĩ trình bày ý muốn đi biển của mình. Cha mẹ Ức Nhĩ muốn giữ con ở lại nên nói toàn những việc ghê sợ để khiến Ức Nhĩ đổi ý, nhưng Ức Nhĩ không chịu nghe lời. Cha mẹ ông liền bảo các nhà quý tộc giúp mình giữ Ức Nhĩ ở lại. Bấy giờ, các quan đại thần, trưởng giả, cư sĩ đều giúp ông bà ngăn giữ, rốt cuộc Ức Nhĩ vẫn không nghe theo. Cha mẹ biết ý con đã quyết nên thuận cho đi. Thế là Ức Nhĩ cưỡi voi, rung chuông, thông báo cho khắp tụ lạc:

- Sa-môn Ức Nhĩ sắp đi biển lớn. Ta là Tát bạc, ai muốn đi theo thì đi.

Ức Nhĩ có phước đức, năm trăm khách buôn đều vui lòng đi theo.

Sửa soạn thuyền xong, cho hạ thủy. Mỗi ngày cắt đứt một sợi dây. Đến ngày thứ bảy gặp gió Y-lặc (đời Lương dịch là: Tùy hảo phong) cắt đứt sợi dây thứ bảy, thuyền trôi đến chỗ cồn báu nhanh như tên bắn. Ức Nhĩ bảo các khách buôn lấy châu báu chất đầy thuyền, đừng cho quá nặng. Lại gặp gió Y Lặc thổi đến, thuyền lướt nhanh hơn tên bắn, về hướng tụ lạc của vua Tát-bạc ở cõi Diêm-phù-đề. Có hai con đường. Sa-môn Ức Nhĩ hỏi các khách buôn muốn đi đường nào, mọi người đều nói:

- Nên đi đường bộ.

Đêm đến, đoàn ở nơi đầm trống. Ức Nhĩ nói với các khách buôn:

- Ta thường nghe nói bọn giặc hay tới cướp các khách buôn. Nếu chúng giết Tác-bạc trước thì các khách buôn không biết phải làm thế nào. Nếu chúng không giết người dẫn đường thì phải nhờ vào tiền vật, hoặc nhờ vào sức mình, hoặc nhờ sức người khác, chắc chắn thắng được giặc. Ta sẽ đi ngủ chỗ khác, lúc nào đi, các ngươi hãy gọi ta.

Mọi người đều đồng ý. Ức Nhĩ dẫn lừa qua chỗ khác ngủ.

Nửa đêm, các khách buôn lên đường đi. Ai nấy đánh thức nhau nhưng cuối cùng không gọi Ức Nhĩ. Cuối đêm, Trời nổi mưa to gió lớn. Ức Nhĩ thức giấc, gọi các khách buôn nhưng không ai đáp lại, lập tức đuổi theo. Đường nhiều cát đất. Gió thổi mạnh, nước mưa chảy tràn ngập, lừa ngửi mùi dấu chân tiến bước. Đến lúc này, bụng đói cồn cào, Ức Nhĩ đi về phía trước thấy có một cái thành. Ức Nhĩ muốn được ăn nên đứng nơi cửa thành, buột miệng la to: Ăn, ăn!

Tức thời có vô số quỷ đói chạy đến hỏi:

- Ăn cái gì? Ai cho ăn?

Ức Nhĩ nói:

- Ta không có ăn. Ta đi đường đói quá, nghĩ mình có ăn cho nên buột miệng thốt lên như thế, chứ chẳng có gì ăn đâu.

Lũ quỷ đói nói:

- Đây là thành quỷ đói. Đã trăm nghìn vạn năm rồi, nay chúng tôi mới nghe xướng lên tiếng ăn. Do đời trước chúng tôi không bố thí, tham lam quá đỗi nên bị đọa làm quỷ đói. Giờ ông định đi đâu?

Ức Nhĩ nói:

- Ta muốn đến tụ lạc của vua Tát-Bạc.

Quỷ bảo:

- Đi theo đường này.

Ức Nhĩ đi về phía trước, lại gặp một cái thành khác. Do nghĩ đến uống, nên gọi to: “nước”. Sự việc lại xảy ra như trước. Đi một đoạn

nữa, Ức Nhĩ gặp cây Ba-la. Đêm đến, Ức Nhĩ ngủ dưới cây này. Cây lay động, lá rơi xuống, Ức Nhĩ ăn lá non, còn lá già cho lừa ăn. Đến khuya, có cặp trai gái từ giường bước ra, hình dáng đẹp đẽ, đội mũ báu Trời, vui đùa với nhau. Ức Nhĩ suy nghĩ: Ta không nên dòm ngó việc riêng của họ.

Sáng ra, chiếc giường biến mất, có con chó chạy đến ăn hết thịt người con trai chỉ còn lại xương. Ức Nhĩ thầm nghĩ: Người này trước kia làm việc gì mà nay phải chịu quả báo như thế? Đêm lành ngày dữ. Ta chờ hỏi xem.

Đến tối, lại có chiếc giường đẹp, cặp trai gái đang vui chơi. Khi ấy, Ức Nhĩ đến hỏi. Người con trai nói:

- Ông có biết con nhà đồ tể mổ, giáp... ở tụ lạc của vua Tát-Bạc, nước A-thấp-ma-già A-bàn-địa không? Có vị trưởng lão Ca-chiên-diên thường tới lui nhà tôi. Tôi thường cung cấp đồ ăn thức uống, y phục, thuốc thang. Trưởng lão thường bảo tôi: “Chớ làm điều ác mà sau phải chịu nhiều đau khổ”. Lúc ấy, tôi đáp: “Ông bà nhiều đời đã sống bằng nghề này, nay tôi không tiếp nối, làm sao sống được”.Ca-chiên-diên lại bảo: “Ngươi làm điều ác như vậy là ban ngày nhiều hay ban đêm nhiều?” Tôi nói: “ban ngày nhiều”. Ngài liền bảo tôi: “Ban đêm, ngươi hãy thọ ngũ giới, sẽ được điều lành nhỏ”. Tôi vâng lời Ngài, nên nay chịu quả báo này.

Ức Nhĩ đi một đọan nữa, lại thấy có 2 cây Ba-la, liền dừng ngủ ở đấy và ăn lá cây như trước. Đôi trai gái ban ngày đến vui chơi với nhau. Đêm lại, cả giường và người con gái đều biến mất. Loài trùng trăm chân bò ra ăn thịt người con trai, chỉ còn lại xương. Ức Nhĩ hỏi:

- Ngươi làm điều gì mà nay chịu quả báo này?

Cậu trai đáp:

- Cậu trai tên Mổ, Giáp ở tụ lạc của vua Tát-Bạc thuộc nước A-thấp-ma-già A-bàn-địa phạm dâm với vợ người khác. Trưởng lão Ca-chiên-diên thường tới lui nhà tôi, dạy rằng: “Chớ làm điều ác mà sau này phải chịu quả báo khổ”. Tôi đáp: “Tôi không thể tự kiềm chế, biết phải làm sao!” Trưởng lão lại hỏi: “ Ngươi làm việc này nhiều vào lúc nào? ” Tôi nói: “Ban đêm nhiều”. Trưởng lão bảo: “Ban ngày ngươi lãnh thọ năm giới, có thể được điều lành nhỏ ”.

Tôi nghe theo lời dạy ấy cho nên chịu quả báo này.

Sau đó, Ức Nhĩ lại thấy cả rừng cây, nước ao trong xanh, liền cho lừa uống nước, tắm rửa. Bên ao này có nhà tốt đẹp bằng nhiều của báu. Ức Nhĩ ngước nhìn, rồi nghĩ: Ta đói khát sắp chết, biết tìm thức ăn, thức

uống ở đâu? Nghĩ xong, Ức Nhĩ bước vào nhà, nói kệ kinh Phật:

Đói là bệnh nặng nhất
Đi là khổ hơn hết
Rõ pháp thật như vậy
Niết-bàn vui hơn cả.

Vào nhà, Ức Nhĩ thấy một người nữ ngồi trên giường ngà, dưới chân giường có cột hai con quỷ đói. Cô ta nhận ra Ức Nhĩ, nhân đó hỏi han:

- Sa-môn Ức Nhĩ đi đường không mệt, không đói khát ư?

Ức Nhĩ đáp:

- Tôi đói lắm, xin quý nhân cho tôi thức ăn.

Cô gái nói:

- Tôi cho ông ăn, nhưng ông đừng cho hai con quỷ đói này ăn nhé!

Nói xong, cô đưa nước cho Ức Nhĩ rửa tay và cho thức ăn. Cô muốn Ức Nhĩ biết nhân duyên này nên tạm rời nhà giây lát. Lúc bấy giờ, hai con quỷ đói chìa tay ra van nài:

- Cho tôi xin một miếng, cho tôi xin nửa miếng. Bụng tôi đang đói cồn cào như lửa đốt.

Ức Nhĩ cho mỗi con một miếng nhưng thức ăn biến thành máu mủ, nghẹn nôn trở ra toàn mùi dơ thối. Cô gái nói:

- Tôi đã dặn ông đừng cho chúng ăn, sao lại cứ cho?

Ức Nhĩ đáp:

- Này quý nhân, tôi không biết nên mới cho.

Lúc ấy, lại có một cô gái đến xin:

- Thưa quý nhân, cho tôi xin thức ăn.

Quý nhân nói:

- Hãy ăn những thứ ngươi thường ăn.

Quý nhân vừa dứt lời, liền xuất hiện ba nồi nước sôi. Cô gái ấy cởi áo nhảy vào nồi, da thịt chín nhừ, chỉ còn xương tủy. Một luồng gió lạnh thổi cô gái ra khỏi nồi, sống trở lại, mặc áo rồi ăn thịt chín nhừ của mình, ăn xong lại bỏ đi.

Lại có cô gái khác đến nói:

- Thưa quý nhân, cho tôi ăn.

Quý nhân bảo:

- Hãy ăn những thứ ngươi thường ăn.

Nói xong, cô gái kia biến thành con dê đực ăn cỏ. Ức Nhĩ hỏi quý nhân:

- Việc này thế nào?

Quý nhân hỏi:

- Ông có biết tụ lạc của vua Tát-bạc trong nước A-thấp-ma-già A-bàn-địa không?

Ức Nhĩ đáp:

- Có biết.

Quý nhân nói: Con quỷ bị cột ở đầu giường tôi là chồng tôi, còn con quỷ bị cột ở cuối giường tôi là con trai tôi. Có trưởng lão Ca-chiên-diên thường lui tới nhà tôi nhận y phục, thuốc thang do tôi cúng dường. Hai người này nỗi giận, nói với tôi: “Ta vất vả kiếm sống mà mi cứ đem cho hắn, hắn chẳng phải cực nhọc gì cả”. Vì cha con ông ấy tham lam keo bẩn, không thích bố thí nên đọa làm quỷ đói. Do nghiệp ác khẩu nên thức ăn vào miệng biến thành máu mủ.

Ức Nhĩ hỏi:

- Còn cô gái này sao lại tự ăn thịt mình?

Quý nhân đáp:

- Nó là dâu tôi. Khi tôi đưa đồ bảo nó đem cất thì nó ăn hoặc cho người khác ăn. Tôi tìm hỏi, nó bảo: “Con không ăn cũng không đưa cho người khác ăn. Nếu con ăn hoặc cho người khác ăn thì con phải tự ăn thịt mình”. Vì lẽ đó, nó phải chịu tội tự ăn thịt mình. Cô gái thứ hai là nô tỳ của tôi. Tôi sai xay giã đồ vật thì nó tự ăn hoặc cho người khác ăn. Khi hỏi thì nó bảo: “Không tự ăn, cũng không cho người khác ăn. Nếu con tự ăn hoặc cho người khác ăn thì đời sau phải làm dê ăn cỏ”. Do nhân duyên này, nay nó phải làm dê đực ăn cỏ.

Ức Nhĩ lại hỏi:

- Còn chị làm gì?

Quý nhân đáp:

- Tôi phạm tội nhẹ. Đến đời sau tôi sẽ sanh về cõi Trời Tứ Thiên vương. Ông hãy vì tôi đi qua tụ lạc của vua Tát Bạt nói với con gái tôi rằng: “Ta có gặp cha mẹ, chị dâu và nô tỳ của cô; trong số những người này, chỉ có mẹ cô được hưởng phước, còn mấy người kia đều thọ tội. Mẹ cô nhờ tôi đến dặn cô chớ làm điều ác mà đời sau phải chịu nhiều đau khổ. Nếu cô không tin thì mẹ cô bảo ở chỗ nào đó có chôn cất nhiều tiền của, hãy lấy của ấy cho tôi làm phước, cúng dường chúng Tăng và Ngài Ca-chiên-diên, số còn lại dùng để sinh sống”.

Dặn dò xong, quý nhân hỏi Ức Nhĩ:

- Ông sắp đi phải không?

- Vâng, tôi sẽ đi.

- Ông hãy nhắm mắt ngủ, trong khoảnh khắc sẽ tới tụ lạc của vua Tát-Bạc.

Lúc bấy giờ, các khách buôn đã về đến trước. Mọi người trong tụ lạc hỏi họ có gặp Sa-môn Ức Nhĩ không? Họ đáp:

- Giữa biển đã bị lạc mất Sa-môn. Cả ấp đều khóc như đám tang cha mẹ.

Ức Nhĩ nghe vậy nghĩ rằng: Nếu nay gặp ta, họ lại náo động, ta không nên về tụ lạc. Nghĩ xong, Ức Nhĩ từ từ đi đến nhà quý nhân. Sau khi chào hỏi, Ức Nhĩ đem những lời mẹ cô dặn nói lại với cô.

Cô này quát:

- Thôi đi, này ông kia. Ông là gã điên khùng. Cha mẹ ta đều bố thí làm phước, chết sẽ sanh lên Trời, làm sao bị đọa trong loài quỷ đói được?

Ức Nhĩ liền bảo:

- Mẹ cô có nói, ở chỗ nào đó có cất chứa nhiều vàng bạc, dặn cô lấy đó cúng dường.

Cô gái nghe lời mở kho, được rất nhiều tiền của, liền tin lời Ức Nhĩ nói và làm theo lời mẹ cô dặn. Cô thỉnh trưởng lão Ca-chiên-diên về thuyết pháp. Ức Nhĩ ngay tại chỗ ngồi đắc các pháp thanh tịnh và pháp nhãn vô cấu, được vô sở úy, lạy trưởng lão Ca-chiên-diên, và thưa:

- Bạch Đại Đức! Con xin quy y Tam bảo, làm Ưu-bà-tắc. Con muốn được xuất gia, thọ giới cụ túc trong pháp thù thắng này.

Ngài Ca-chiên-diên hỏi:

- Cha mẹ ngươi có cho phép ngươi xuất gia không?

Ức Nhĩ thưa:

- Chưa cho phép.

Ngài Ca-chiên-diên nói:

- Theo pháp của ta, nếu cha mẹ không bằng lòng thì không được xuất gia, thọ giới cụ túc.

Ức Nhĩ trở về nhà lễ lạy cha mẹ. Cha mẹ Ức Nhĩ nói:

- Trước đây, vì cha mẹ sầu khổ nên cặp mắt hoàn toàn mất hết ánh sáng. Nay nghe tin con từ biển trở về an ổn, vui buồn ứa lệ, mắt lại được sáng ra.

Qua năm, sáu ngày, Ức Nhĩ thưa với cha mẹ:

- Xin cho con xuất gia.

Cha mẹ bảo:

- Trước đây, cha mẹ cầu khẩn mới sinh được con. Nghe tin con

chết ngoài biển, cha mẹ buồn phiền, mắt bị mù lòa. Nay con trở về, cha mẹ quá vui mừng, mắt được sáng lại. Con nay như được sống trở lại. Con vâng lời cha mẹ thì nên ở nhà phụng dưỡng. Thọ mạng cha mẹ chỉ còn vài giờ nữa. Con có thể đợi đến khi cha mẹ qua đời rồi hãy xuất gia, lúc đó, cha mẹ không còn ân hận. Ức Nhĩ đáp: Vâng.

(Trích luật Thập Tụng, quyển 4)

2. CÔNG ĐỨC TRÌ GIỚI:

Xưa có vị Ưu-bà-tắc đến cư trú ở nước Xá-vệ. Vợ ông vô cùng xinh đẹp, tiếng vang khắp cả nước. Bạn bè muốn nhìn ngắm nàng ấy, nhưng ông ta nhất định không cho.

Một hôm, có một người đem việc này tâu vua. Vua muốn gặp nhưng không biết làm sao? Một vị quan tâu:

- Vợ chồng họ đều giữ năm giới, tự tay sắm sửa vật dụng cúng dường đạo sĩ. Bệ hạ nên giả làm đạo sĩ ôm bát đến cửa nhà họ, chắc chắn sẽ được trông thấy nàng.

Vua làm theo lời vị quan, cải dạng, mặc y phục đạo sĩ, lén đến nhà họ. Cô ta trông thấy đạo sĩ liền cúi đầu làm lễ. Sau khi ngắm nhìn nàng, vua trở về nói với quần thần:

- Cô nàng thật đẹp, bóng dáng cô nàng đã làm tim ta rung động, không biết làm sao để chiếm được nàng đây?

Quần thần đều tâu:

- Người này từ nước ngoài đến, đáng lẽ phải đến gặp vua, nay kiêu mạn không đến tức là phạm tội. Cách thành Xá-vệ hơn nghìn dặm, có một ao lớn, trong đó mọc hoa sen năm màu. Trong ao có ba thứ nạn: Rắn độc, quỷ thần và thú dữ. Người phạm tội đáng chết bị sai đi hái hoa thường bị chết chìm ở đó.

Vua liền gọi Ưu-bà-tắc đến hỏi:

- Khanh là ai lại đến thi lễ?

Cư sĩ đáp:

- Thần là dân của đại Vương

- Vì sao không đến?

- Vì thần là kẻ đại ngu si, tự biết có tội.

- Ta phạt khanh đến ao hái hoa, bảy ngày phải trở về. Nếu trễ kỳ hạn, ta sẽ trị tội khanh nặng hơn.

Cư sĩ vâng lời rồi từ tạ trở về, kể lại đủ mọi việc cho vợ nghe. Người vợ thưa với chồng:

- Chàng nay có tội là do sắc đẹp của thiếp. Chàng đã biết Đức

Phật dạy rõ, ba cõi không chỗ nương, chỉ có giới mới đáng nương tựa. Ngày chàng lên đường, tâm luôn nghĩ đến Tam bảo, miệng tụng thập thiện,không được gián đọan. Nếu chàng không trở về, thiếp sẽ xuất gia, lấy giới tự vui, chứ không tái giá.

Cô ta sắp xếp lương thực cho chồng. Cư sĩ từ giã vợ lên đường. Đi được nửa đọan đường, cư sĩ gặp quỷ ăn thịt người hỏi:

- Ngươi là ai?

- Là đệ tử Phật.

- Những người phạm tội đều giao cho chúng tôi nhưng dối nói là hái hoa. Hiền giả thật sự không phạm tội, chỉ bị người ác sàm tấu.

- Thân người khó được, chỉ còn thần hồn mà thôi.

- Ông là đệ tử Phật, lại vô tội nên ta không làm hại ông. Nhưng còn hai nạn khác, e ông không thoát khỏi, biết phải thế nào?

Quỷ lại nói tiếp:

- Ta sẽ thay ông hái hoa để cứu mạng ông khiến ta được phước vô lượng lâu dài. Ông hãy đứng đây chờ.

Nói xong, quỷ đi ngay, trong chốc lát liền trở về, đưa hoa sen đẹp năm màu cho cư sĩ. Cư sĩ thấy nặng không thể nhấc lên được. Quỷ đến cầm hoa và dìu cư sĩ đi. Trong khoảnh khắc bằng co duỗi cánh tay, cả hai đã đến cửa cung, quỷ từ biệt trở về. Cư sĩ tự vào cổng. Thấy cư sĩ về sớm, vua lấy làm lạ hỏi rõ đầu đuôi, cư sĩ như thật trình bày. Vua rất kinh sợ, hổ thẹn nói:

- Quỷ là loài không có nhân nghĩa, luôn hại chúng sanh mà còn giúp người hiền thiện. Ta đây mới là kẻ vô nghĩa, không phân biệt được thiện ác, không bằng loài quỷ kia.

Vua tự trách lỗi mình, cúi đầu xin quy y xin làm đệ tử Phật, vâng giữ năm giới, thực hành sáu độ. Bấy giờ, nước được thái bình, vợ chồng cư sĩ càng thêm tinh tấn, chứng quả bất thối chuyển.

(Trích kinh Thí Dụ quyển 5)

3. PHƯƠNG TIỆN KHÉO LÉO CỦA VỊ ƯU BÀ TẮC:

Sau Phật nhập Niết-bàn một trăm năm, có vị Quốc vương thờ Thiên thần, cúng tế rất lớn. Mỗi lần cúng, ông bảo người đầu bếp giết trâu, dê, heo, chó, gà v.v... mỗi loại cả trăm con. Người đầu bếp tâu:

- Hạ thần giữ giới của Phật, không được sát sanh.

Quan trù giám giận dữ, tâu vua trị phạt người ấy. Vua phán:

- Trái lệnh ắt phải chết.

Đầu bếp tâu:

- Tôi là đệ tử Phật, thọ trì năm giới, thà chịu chết, chứ không trái lời Phật dạy mà sát sanh. Nếu tuân lệnh vua sẽ phạm giới sát, khi chết đọa vào địa ngục, hết tội mới sanh làm người, phải thường chết yểu; còn giữ giới, chết được sanh thiên, vui hưởng phước Trời tùy theo sở nguyện. Nếu phải chết thì thân của thần đây sẽ được chuyển thành thân Trời. Vì thế, thần xin chịu chết chứ không sát sanh.

Vua nói:

- Ta cho ngươi kỳ hạn bảy ngày, nếu không tuân lệnh sẽ cho voi giày chết. Nếu ngươi không chết thì lời ngươi nói mới thật. Sau bảy ngày, vua thấy thân vị Ưu-bà-tắc này giống như thân Phật, liền ra lệnh xua năm trăm con voi đến giày vị Ưu-bà-tắc. Vị Ưu-bà-tắc làm như cách của Phật, đưa năm ngón tay hoá thành năm ngọn núi. Trong mỗi ngọn núi, có một con sư tử nhẩy ra. Voi thấy sư tử hoảng sợ nằm phục xuống đất, như thời Phật tại thế. Lúc ấy vua liền tin Phật, từ bỏ việc tế tự, theo người đầu bếp thọ trì năm giới của Phật, khiến dân chúng trong và ngoài nước cũng đều thọ trì Phật pháp. Vị Ưu-bà-tắc này được phong làm Quốc sư.

(Trích kinh Thí Dụ quyển 6)

4. VỊ ƯU BÀ TẮC BỊ MA THỬ:

Có một vị Ưu-bà-tắc cùng nhóm khách buôn đi xa để tìm kế sinh sống. Gặp lúc Trời tuyết lạnh, ban đêm cư sĩ bị lạc bạn phải trú trong hang đá. Lúc đó, có thần núi biến thành hình cô gái đến thử vị Ưu-bà-tắc này, nói rằng:

- Tuyết trắng phủ đầy núi, chim thú đều ẩn trốn, chỉ một mình tôi không có chỗ nương cậy. Xin ông thương xót cho!

Ưu-bà-tắc dùng hai tay bịt tai lại nói:

- Người tệ ác không biết hổ thẹn mới nói những lời dơ bẩn như thế. Dù nước trôi hay lửa cháy, ta cũng không muốn nghe lời ngươi nói. Ta có vợ mà còn không ham muốn, huống gì tà dâm, tình dục lạc mỏng manh khổ sở rất đáng sợ hãi.

Nghe nói vậy, thần núi dùng hai tay nhấc bổng vị Ưu-bà-tắc này đưa đến chỗ nhóm khách buôn.

(Trích luận Đại Trí Độ quyển 17)

5. VỊ ƯU BÀ TẮC GẢ CON CHO NGOẠI ĐẠO:

Có vị Ưu-bà-tắc gả con gái mình cho nhà nọ. Lúc sắp đưa con đi, cha mẹ cô bắt con phải xả giới. Cô gái hỏi:

- Tại sao cha mẹ đoạt giới của con?

Cha mẹ cô nói:

- Phép gả con gái cho người khác như vàng ròng ném vào phân bò, lại còn dùng giới làm gì? Cô gái nói:

- Như người đi xa, đến đầm trống lớn không có người, nên càng phải trang bị lươngthực. Nhà người kia thờ quỷ, e quỷ hại con, nên càng phải trì giới để giữ cho ý chí kiên định hơn. Vàng ròng trong phân bò, đem rửa sạch, có thể dùng lại được. Sao lại ví giống như phân bò?

Cha mẹ cảm nhận được lời nói của con mình mới đem tượng Phật cho cô. Cô đặt tượng ấy vào cái hộp trang nghiêm, sớm chiều lễ lạy chiếc hộp. Người chồng thấy vậy hỏi. Người vợ đáp:

- Tượng Phật này có thể khiến cho đầu không bạc, nhan sắc thường xinh đẹp.

Người chồng nghe vậy, cùng vợ cúng dường, sau khi chết, cả hai đều sanh lên Trời, không trở lại ba đường ác.

(Trích kinh Thí Dụ quyển 10)

6. CÔNG ĐỨC TINH TẤN:

Xưa có cư sĩ với lòng tin thanh tịnh, lúc mới thọ giới rất siêng năng ít ai sánh bằng. Sau đó tuổi già suy yếu, ông rời xa bạn hiền, ở một mình trong núi, ý chí trở nên chậm lụt, chuyên lo việc ruộng vườn, không để tâm vào Phật pháp, trở lại thành phàm phu. Trong núi ấy, có một đạo sĩ Phạm chí, khát nước muốn xin nước uống. Vì việc ruộng nương cần kíp, ông không cho đạo sĩ nước uống. Đạo sĩ oán giận. Vị Phạm chí này có thể khiến người chết đứng dậy và sai khiến quỷ thần, nên triệu quỷ giết người và ra lệnh cho nó:

- Kẻ kia làm nhục ta, ngươi hãy đến giết hắn!

Trong núi có một vị A-la-hán biết được liền đi ra đồng. Người làm ruộng thấy Sa-môn, vui mừng làm lễ và mời ở lại thọ trai. Sa-môn nói:

- Hôm nay, từ tối đến sáng, ông nên đốt đèn, quy hướng tam tôn, tụng giới, giữ miệng, nhiếp ý với bài kệ:

Thương nghĩ chúng sanh

An ổn lâu dài

Sa-môn từ biệt, người chủ ruộng y theo lời dạy, niệm Phật, tụng giới tới sáng không ngừng nghĩ. Sáng ra, con quỷ giết người rình tìm cơ hội sơ hở để giết người chủ ruộng. Nhìn thấy ông ta có lòng từ bi, nó không có cơ hội nào để giết được. Theo phép của quỷ thần, hễ người ta sai mình giết người nào thì mình liền muốn giết người đó. Nhưng ông

ấy có cái đức không thể giết được thì phép kia buộc trở lại giết mình. Con quỷ giết người liền sân hận muốn hại Phạm chí. Vị A-la-hán dùng oai thần che vị Phạm chí, khiến quỷ không trông thấy. Người chủ ruộng ngộ đạo, Phạm chí được sống. Quỷ không mắc tội sát sanh. Người chủ ruộng ngay lúc ấy thọ Tam quy, tinh tấn niệm Phật, cả nhà được toàn mạng.

(Trích kinh Đọa Lạc Ưu-bà-tắc, lại trích kinh Thí Dụ quyển 5)

7. LÚC SẮP CHẾT, DO TÂM LUYẾN ÁI BỊ ĐỌA LÀM SÂU:

Có vị cư sĩ trì giới rất tinh tấn, kết bạn với vị Sa-môn đã chứng thần thông, dứt bỏ gánh nặng, không còn sanh tử. Một thời gian sau, cư sĩ mắc bệnh nguy kịch, uống thuốc gì cũng không lành. Người vợ buồn khổ, nói với chồng:

- Cùng là vợ chồng, nhưng chỉ riêng anh chịu khổ, có cách nào chia bớt để bệnh nhẹ hơn? Giả như anh mất đi, em biết nương vào đâu, con cái côi cút không biết ai để cậy nhờ?

Nghe vậy, người chồng càng quyến luyến yêu thương. Vận số đã mãn, người chồng qua đời. Thần hồn hóa thành con sâu chui vào mũi người vợ. Người vợ khóc rống lên, không nín được.

Lúc ấy, vị Sa-môn đến gặp bà ta, cố ý muốn khuyên giải để bà bớt sầu khổ. Thấy Sa-môn đi đến, bà ta càng xúc động. Khi được hỏi nguyên nhân, bà ta trả lời:

- Bạch Hòa thượng! Chồng con đã mất.

Bỗng nhiên, con sâu theo nước mũi rớt xuống đất. Bà cảm thấy xấu hổ, muốn lấy chân giẫm lên. Sa-môn bảo:

- Đừng, đừng! Chớ giết! Con sâu ấy là hậu thân của chồng con.

Bà ta hỏi Sa-môn:

- Khi còn sanh tiền, chồng con tụng kinh trì giới tinh tấn khó ai bì kịp, tại sao sau khi mạng chung, chuyển thân làm loài sâu này?

Sa-môn đáp:

- Do tâm luyến ái quá mạnh nên nay đọa làm sâu.

Sa-môn nói kinh cho sâu nghe: Ngươi tinh tấn tụng kinh trì giới, phước ấy đáng lẽ sanh lên cõi Trời, gặp các Đức Phật. Chỉ vì tâm tưởng ân ái nhớ thương, nên đọa làm loài sâu này. Thật đáng xấu hổ.

Nghe vậy, con sâu tỉnh ngộ, liền tự trách mình. Chốc lát, nó chết đi, được sanh lên Trời.

(Trích kinh Cư Sĩ Vật Cố Vị Phụ Tỷ Trung Trùng)

8. NHỜ TRÌ GIỚI SÁT, ĐƯỢC QUẢ BÁO KHÔNG CHẾT:

Xưa có người nọ chỉ có một đứa con, đặt tên là Bạc-câu-la. Khi con vừa lên bảy, vợ ông qua đời, ông liền lấy vợ lẽ. Bà này rất ghét con của bà trước. Khi đang hấp bánh trong nồi, đứa bé đòi ăn. Bà ta liền ôm đứa bé bỏ vào nồi, đậy nắp lại muốn cho nó chết. Đứa bé ở trong nồi, ăn bánh, không chết. Bà lại ôm nó để trên vỉ sắt nóng, ở trên vỉ nó cũng ăn bánh và không bị chết. Sau đó, khi đứa bé đang giặt quần áo bên bờ sông, bà ném nó xuống sông sâu bị cá nuốt chửng. Trải qua bảy ngày, người cha thỉnh chúng Tăng mở đại hội. Khi ấy, ông ta mua được một con cá, chở xe đem về nhà. Lúc sắp mổ bụng cá, đứa bé bên trong nói:

- Từ từ, đừng làm tổn thương đầu con.

Đứa bé này trước đây thọ một giới không sát sanh nên nay được năm thứ không chết.

(Trích kinh Thí Dụ)

9. TRÌ GIỚI, TỤNG KINH, THẮP ĐÈN SÁNG LIÊN TỤC, QUỶ KHÔNG HẠI ĐƯỢC:

Thuở xưa, gia đình nọ có năm anh em. Người cha dạy con trì giới, riêng người con cả không vâng lời. Cậu ta đem 5 đồng tiền đến thầy tướng bói quẻ. Thầy tướng bảo:

- Đến lúc trăm tuổi, cậu rất giàu sang.

Lại bảo:

- Điều đó là xấu ác, nhất định không tốt. Hạn định mười ba ngày sau, cậu sẽ chết.

Nghe vậy, cậu ta vô cùng lo sợ. Thầy tướng bảo:

Vị Thầy bình thường ở thế gian không thể cứu được, chỉ có Đức Phật đang ở trong núi Kỳ-xà-quật mới dự biết được điều chưa xảy ra, cậu có thể đến hỏi Ngài.

Cậu ta liền đến hỏi Phật. Đức Phật bảo:

- Oán đối đời trước nay sắp đến bắt ngươi. Nếu muốn thoát khỏi họa này, ngươi phải quy y Tam bảo thọ trì năm giới, lại phải sắm thêm đèn sáp, thắp sáng suốt mười ba ngày.

Cậu ta liền thọ trì năm giới, thắp đèn sáng liên tục, đọc tụng kinh kệ suốt ngày đêm, niệm "Nam mô Phật, quy mạng Phật", chí tâm không xao lãng. Qua khỏi ngày mười ba, cậu ta được thoát nạn.

Đêm ấy,có hai con quỷ cùng đến giết cậu ta. Một con đứng ngoài cách một trăm bước, sai con kia vào giết. Con quỷ đi vào, nhìn thấy đèn

đuốc sáng rực, lại nghe tiếng niệm "Nam mô Phật, quy mạng Phật", nên không dám bước tiến, quay trở ra nói với con quỷ kia:

- Người này không thể bắt được, cứ hô "Nam mô Phật, quy mạng Phật". Tiếng ấy làm tôi đau đầu, tôi không thích nghe

Thế là, hai con quỷ dẫn nhau đi, không đến gần cậu ta nữa. Từ đó về sau, cậu được an ổn luôn.

(Trích Chư Kinh Yếu Sự)

10. HẬU QUẢ CỦA VIỆC TRẢ LẠI CẤM GIỚI:

Thuở xưa, ở nước Ca-la-nại, có vị Bà-la-môn tên Chấp Trì, thọ cấm giới của Phật không hề trái phạm. Ít lâu sau, Chấp Trì sang nước khác, thấy mọi người sát sanh, trộm cắp, tà dâm, ông ta liền dính mắc vào những việc đó. Gặp người thích điều ác, ông cùng họ luận bàn; gặp người uống rượu, ông cũng uống theo. Một thời gian sau, ông nghĩ lại, hối hận đã phát nguyện thọ giới, muốn đem trả lại Phật. Ông đến bạch Phật:

- Trước đây, con thọ năm giới, có nhiều điều ngăn cấm, không được tự do. Phật pháp cao quý, kẻ phàm như con không thể kính giữ được. Giờ đây, con xin bỏ giới, thưa Ngài có được không?

Đức Phật im lặng không trả lời.

Ông ta nói chưa dứt lời, trong miệng tự nhiên xuất hiện các loại quỷ thần. Có con cầm chày sắt khỏ lên đầu ông. Lại có con lột hết quần áo ông, móc lưỡi ông. Có quỷ nữ dâm đãng lấy dao cắt bộ phận sinh dục của ông. Có con lấy nước đồng xối vào miệng ông. Trước sau, hai bên đều có quỷ tranh nhau đến mổ xẻ lấy máu thịt ông ăn uống. Tự nhiên lại có lửa thiêu đốt thân ông, muốn sống không được, muốn chết không được. Các quỷ giữ chặt ông ta, không cho nhúc nhích.

Thấy vậy, Đức Phật hỏi:

- Ông nay thế nào?

Chấp Trì bị cấm khẩu, không nói năng được, chỉ lấy tay tự đánh mình. Đức Phật dùng oai thần cứu độ Chấp Trì. Các quỷ thần trông thấy Thế tôn, mỗi con đứng qua một phía. Chấp Trì được sống lại, liền đứng dậy, cúi đầu bạch Đức Phật:

- Thân con bị năm giặc lôi kéo vào ba đường ác, vì muốn tạo tội nên trái bỏ giới đã lãnh thọ. Cúi xin Đức Thế tôn thương xót con. Từ nay, con xin cải tà quy chánh, vâng giữ pháp giới, mỗi tháng ăn chay sáu ngày, mỗi năm ăn chay ba tháng, đốt hương rải hoa, treo các thứ phan, lọng để cúng dường Tam bảo, không dám tái phạm.

Đức Phật bảo:

- Những điều ông vừa nói đều tốt lành. Chính mắt ông thấy quả báo: tự mình tạo tác, tự mình chuốc tội, chẳng phải do Trời ban.

(Trích kinh Đại Quán Đảnh quyển 3)

11. GIỮ GIỚI ĐƯỢC TRƯỜNG THỌ:

Xưa, có người đã 50 tuổi không tin tội phước. Một hôm, người ấy mộng thấy con quỷ giết người muốn đến bắt đi. Thức dậy, vì quá sợ hãi, người này tìm thầy đoán mộng, Thầy bói giở quẻ đoán rằng:

- Chưa đầy mười ngày sẽ có con quỷ giết người đến hại ông. Nếu muốn giải trừ, kể từ nay, trong vòng mười ngày, ông phải thọ năm giới của Phật, thắp hương, đốt đèn, treo tràng phan bảo cái, quy y Tam bảo mới có thể thoát khỏi tử nạn này.

Người này làm theo cách ấy, một lòng kính tin. Con quỷ giết người đến nhà thấy người này làm việc công đức, không thể hại được, quỷ liền bỏ đi. Nhờ công đức này, người ấy thọ đến một trăm tuổi, chết được sanh thiên.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ)

12. CÚNG DƯỜNG CHƯ TĂNG ĐƯỢC GIÀU CÓ, AN LẠC:

Xưa, có một nhà giàu, nô tỳ, vàng bạc châu báu nhiều vô kể. Gia đình gồm sáu người. Đức Phật và A-nan đi khất thực đến cửa nhà người ấy, cha mẹ, con cái, thê thiếp, cháu chắt đều hớn hở vui mừng thỉnh Phật vào nhà, lấy thảm trải đất, dọn thức ăn bằng bát vàng, bát bạc. Đức Phật kể lại:

- Vào đời trước, gặp thời đói kém, trong nhà túng quẫn, người này chỉ sống bằng rau cỏ. Một hôm, nấu canh vừa chín, bên ngoài có vị Đạo nhân khất thực, nhận ra là Sa-môn, cha mẹ liền bảo con: "Đem phần của ta cho Ngài". Con cái, cháu chắt đều lấy phần của mình cúng dường, còn phần của mẹ để lại mẹ dùng. Cả sáu người đều đồng ý, mỗi người nhịn một ngày, chỉ tiếc là mình nghèo không có thức ngon vật lạ cúng dường. Nhờ phước đức này mà sinh lên cõi Trời hoặc trong loài người, họ thường được an ổn, sung túc. Vì phát tâm như nhau, đời đời cùng tạo nhân duyên, nay lại gặp nhau, cha mẹ, con cái lớn nhỏ đều giữ năm giới; khi mạng chung đều được sanh thiên, thọ phước vô lượng. Nay nhờ gặp Phật, tất cả đều được đắc quả A-La-hán.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ quyển 1)

13. THẤY TỘI PHƯỚC, TINH TẤN TU HÀNH:

Có người đi đường, thấy bên đường có một người chết. Quỷ thần lấy gậy đánh vào tử thi. Người đi đường hỏi:

- Sao lại đánh người chết?

Quỷ thần đáp:

- Đây là tiền thân của tôi, khi còn sống bất hiếu cha mẹ, bất trung với vua, không kính thờ Tam bảo, không nghe lời sư phụ, khiến tôi tạo tội, khổ đau khôn xiết. Tôi tức giận nên đánh nó.

Đi tiếp một đoạn, người đi đường lại thấy một người chết. Có vị Thiên nhân đến rải hoa trên tử thi ấy, rồi lấy tay vuốt ve. Người đi đường hỏi:

- Ông giống như thiên nhân, sao lại vuốt ve tử thi?

Thiên nhân đáp:

- Đây là tiền thân của tôi, khi còn sống hiếu thuận cha mẹ, trung tín với vua, kính thờ Tam bảo, vâng lời sư phụ. Thần thức của tôi được sanh thiên đều nhờ ơn của thân cũ này. Vì thế, nay tôi phải báo đáp.

Đi thêm một đoạn nữa, người đi đường cũng thấy một vị thiên nhân, y phục đẹp đẽ, đoan trang, thanh khiết, đang ăn táo chua bên đường. Người này hỏi:

- Ông giống như là thiên nhân, sao lại ăn táo chua?

Thiên nhân đáp:

- Khi ta ở đời, hiếu thuận cha mẹ, trung tín với vua, kính thờ Tam bảo, tạo nhiều công đức. Chỉ vì tiếp đãi khách không đầy đủ mà nay tuy ta làm thiên nhân nhưng thường ăn không đủ no, do vậy phải ăn thêm táo chua.

Trong một ngày, người đi đường đã thấy ba hạng người như thế, liền trở về vâng giữ năm giới, tu thập thiện, hiếu thuận cha mẹ, trung tín thờ vua.

Cho hay: Đời sau, tội phước luôn theo đuổi người.

(Trích Chư Kinh Yếu Sự)

14. CHẾT RỒI SỐNG LẠI:

Có vị Ưu-bà-tắc, vốn thờ ngoại đạo, chán ghét các việc cúng tế nên xả bỏ tất cả, theo Phật pháp, tinh tấn giữ giới, siêng năng tụng kinh, thích bố thí, giữ gìn tâm ý, nhẫn nhục, thường có từ tâm. Vì bị bệnh nặng, khi sắp mạng chung, vị này dặn cha mẹ:

- Con bệnh, nếu không qua khỏi, trong vòng bảy ngày chớ liệm.

Đột nhiên, vị Ưu-bà-tắc qua đời. Giữ xác đã tám ngày, thân thuộc

đều nói:

- Phải mau tẩm liệm!

Cha mẹ bảo:

- Không bị sình thối, hãy giữ đến mười ngày.

Vừa nói xong, mọi người liền thấy vị Ưu-bà-tắc mở mắt ra nhưng chưa thể cử động. Cha mẹ rất vui mừng. Chăm sóc đến ngày thứ mười, vị Ưu-bà-tắc có thể ngồi dậy nói chuyện.

Cha mẹ hỏi:

- Cả tuần nay, con đi đâu và thấy được những gì?

Người con kể lại:

- Quan binh dẫn con đến một thành lớn. Trong thành có ngục. Ngục tối đen, bốn phía là tường sắt. Cửa ngục đều nung sắt đỏ rực. Trong ngục, có người bị trói, ngồi giữa biển lửa, cháy suốt trên dưới, khói xanh bốc lên; hoặc có người lấy dao cắt thịt của mình ăn.

Diêm vương hỏi con:

- Ngươi là ai? Phạm những tội gì mà đến đây? Đây là nơi trị tội những người phạm tội ngũ nghịch, bất hiếu cha mẹ, không trung tín thờ vua.

Con trả lời:

- Thuở nhỏ, tôi bị người xấu mê hoặc, ngu si tin theo ngoại đạo, uống rượu sát sanh tế Trời đất. Ở chợ, thì tôi cướp bóc tiền của, cân non bán thiếu để ăn bớt. Sau đó, tôi gặp được minh sư dạy bảo Phật pháp, được Sa-môn, Đạo nhân truyền cho năm giới, thực hành mười điều lành. Từ đó đến nay không còn tạo ác, mong Diêm vương thương xót cho.

Nói rồi, con liền dập đầu lễ tạ.

Diêm vương đứng dậy chắp tay, bảo con:

- Thôi thôi! Cư sĩ không cần phải như vậy.

Diêm vương cùng ngồi với con, gọi quan lại đến, hỏi chuyện của con, rồi bảo:

Đây chính là đệ tử của Phật. Bọn bây phải theo ông ấy để được hoá độ. Khi thọ mạng hết, ông ấy sẽ chết, thần thức tự đi đầu thai. Nếu ông ấy sanh lên Trời, được Thiên thần nghênh đón; nếu sanh trong loài người được mọi người tiếp rước. Sao bọn bây lại dẫn ông ấy đến cái nơi trị tội ngũ nghịch này?

Quan lại thưa:

- Thế gian có nhiều hạng người, chẳng kiêng phép vua, chẳng sợ Trời đất, chẳng tuân ngũ hành, chẳng nể Trời đất quỷ thần, hoành hành

trong thiên hạ, thần không thể không hỏi đến.

Có vị Sa-môn đã cạo tóc, mặc pháp y còn tự cao tự đại, dẫn theo nhiều đệ tử đi khắp mọi phương Trời, lại bày trò đóng kịch nên phải trị tội.

Diêm vương bảo:

- Hãy thôi đi, những người mặc pháp phục đáng được tôn kính, cần phải dè dặt. Họ là vua trong hàng Đế thích, Phạm vương, mặt Trời mặt trăng, dưới cho đến đế vương thần dân, những ai tôn kính họ thì được phước vô lượng; khinh mạn là tự chuốc lấy tội khổ.

Quan lại vội tra xét sổ bộ, xem thử tuổi thọ của vị Sa-môn đã hết chưa, rồi tâu với Diêm vương:

- Ông ta chưa tới số chết, còn hơn hai mươi năm nữa, nhưng vì đời trước ông ta phạm tội nên phải chịu số phận này để khiến cho bè đảng của ông ta biết hạ mình một chút.

Diêm vương nói:

- Người Phật tử tinh tấn giữ giới được Thiên thần tôn kính. Đức Phật vì lòng đại bi cứu độ tất cả, kể cả loài bò bay máy cựa. Thiên thần, địa thần, các loài quỷ, rồng đều kính trọng họ, há lại bắt họ phải theo vua quan, Trời đất, ngũ hành ư? Ân Phật như biển cả không thể hạn lượng.

Quan lại tâu:

- Đại vương cũng giữ giới của Phật ư?

Diêm vương bảo:

- Ta vì không thờ Phật nên theo tội mà làm vua ở ngục này. Nếu người đã vào chánh pháp, sau hối hận trở lại ngoại đạo, tuy thọ ngàn tuổi vẫn phải gặp chín nạn. Nếu Tỳ-kheo và các đệ tử trì giới nên siêng năng hành trì lục độ, lục suy, dứt bỏ 20 việc (xem Kinh văn), quán xét công đức của Phật giống như biển lớn, không thể tính kể.

Quan lại tâu:

- Quả đúng như vậy.

Vua bảo:

- Không phân biệt được chân ngụy, hãy mau sám hối, thả ông ta về.

Lúc đó, con từ trên cao rớt xuống, bỗng nhiên tỉnh lại.

Người con cùng cha mẹ đến Tinh xá Kỳ-hoàn, tự mình sám hối, thọ trì ngũ giới, tu hành thập thiện.

(Trích kinh Đệ Tử Tử Phục Sanh)

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 38

1. Ưu-ba-tư-na cắt thịt cứu Tỳ-kheo bệnh.
2. Phước báu chí tâm cúng Phật.
3. Phước báu xây tháp.
4. Người mẹ mất con được ngộ đạo.
5. Năng lực của Phật.
6. Bài pháp vi diệu.
7. Tiền thân của Phật.
8. Năng lực của lòng thành.
9. Đồng tử tám tuổi ngộ đạo.

1. ƯU BA TƯ CẮT THỊT CỨU TỲ-KHEO BỊNH:

Nước Tỳ-nữu-càn không có Phật pháp, dân chúng phần đông đều tin theo tà kiến. Có một phụ nữ tên Ưu-ba-tư-na (Trong luật Tăng Kỳ ghi tên là Tất-lạt-phu hay Lạt-tỳ, luật Sa Di tắc ghi là Tu-tỳ) một hôm có việc phải đến nước Xá-vệ.

Khi ấy việc triều chính đã xong, vua Ba-tư-nặc theo những vị Ưu-bà-tắc tín tâm đến Tinh xá nghe giảng về công đức của Phật. Vì muốn gặp Phật, Ưu-ba-tư-na đến Tinh xá Kỳ-hoàn. Phật đang giảng ngũ giới cho đại chúng, Ưu-ba-tư-na xin Phật thọ ngũ giới. Phật nhận lời và còn dạy cho cô tụng kinh Pháp Cú.

Một hôm vào nữa đêm, Ưu-ba-tư-na đang tụng kinh thì có Tỳ Sa-môn-Thiên vương cùng vài ngàn Dạ-xoa trên đường đến Nam phương tỳ-lũ-lặc-xoa, nghe tiếng tụng kinh liền dừng lại lắng nghe và khen:

- Ồ! pháp yếu chị tụng hay quá.

Ưu-ba-tư-na ngạc nhiên hỏi:

- Ngài là ai mà tôi chỉ nghe tiếng nói từ trên không vọng xuống chứ không nhìn thấy hình dáng.

- Tôi là quỷ vương Tỳ Sa-môn, vì muốn nghe kinh nên dừng lại trên Hư không.

- Ngài là Trời, tôi là người tại sao lại gọi nhau là chị em.

- Phật là bậc Pháp vương cũng là đấng cha lành của Trời người, cùng được nếm pháp vị từ một bậc thầy nên gọi nhau là chị em.

Nghe xong Ưu-ba-tư-na rất vui mừng. Thường ngày Ưu-ba-tư-na hay sai người ở vào rừng lấy củi. Một hôm, đang ở trên cây, thấy Ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên cùng năm trăm Tỳ-kheo đang tinh cần thiền định cách đó không xa, người lấy củi trở về thưa với chủ. Ưu-ba-tư-na vô cùng vui mừng tháo hai chiếc vòng vàng thưởng cho người kia.

- Người ở thưa, Đức Thế tôn có gởi đến cô lời chúc tốt đẹp và nói về năm việc cần làm.

Ưu-ba-tư-na lại tháo chuỗi anh lạc quý tặng thêm. Người ấy lại thưa:

- Lúc quý Ngài rửa tay chuẩn bị thọ trai, tôi có đem lời của cô xin thỉnh hai vị tôn giả cùng năm trăm vị đệ tử, hôm nay quý Ngài sẽ đến nhà mình thọ trai.

Nghe xong, Ưu-ba-tư-na liền thả tự do và ban cho người kia nhiều châu báu. Sau đó cô bảo gia quyến cùng láng giềng chuẩn bị buổi lễ cúng dường.

Khi tôn giả cùng chư vị Tỳ-kheo đắp y ôm bát an tọa trên tòa, Ưu-ba-tư-na đến đảnh lễ, tự tay bưng nước rửa tay và dọn nhiều thức ăn thơm ngon cho quý Ngài. Sau buổi thọ trai, Ưu-ba-tư-na thưa với Ngài Xá-lợi-phất:

- Trong nhà này có một vị thần rất thân thiết với con. Khi con có việc gì cần làm thì vị ấy đều mách bảo. Ngài còn chỉ rõ đây là A-la-hán, đây là Thánh, đây là phàm, đây là người trì giới, đây là kẻ phá giới, đây là người trí, đây là kẻ ngu. Con có một người chồng và bốn đứa con, tất cả đều tin theo những điều sai quấy. Nếu thấy con cúng dường Tam bảo, giúp đỡ người nghèo khổ họ sẽ nổi giận không ưa. Nhưng con vẫn cố gắng làm lành bố thí không nản lòng và đã thành tựu quả vị Tu-đà-hoàn.

Ngài Xá-lợi-phất bảo:

- Thật là hiếm có, chiều nay đức Thế tôn sẽ đến rừng Tỳ-càn-đặc, cô nên đến gặp Phật. Bây giờ chúng tôi xin trở về.

Chúng Tăng về rồi, Ưu-ba-tư-na chuẩn bị những thứ cần dùng rồi đến chỗ Phật. Sau một vòng đi thăm chỗ ở của chúng Tăng, cô gặp một vị Tỳ-kheo bịnh nằm trong hang cỏ liền hỏi thăm bịnh của Ngài cần điều trị như thế nào.

Vị Tỳ-kheo bảo:

- Tứ đại không điều hòa, cơ thể đau nhức không chịu được,thầy

thuốc bảo phải uống nước cốt thịt tươi.

Ưu-ba-tư-na liền bảo:

- Ngài chớ xin người khác, ngày mai con sẽ đem đến.

Hôm sau nhằm ngày mười lăm, ngày luật pháp của nước này không cho sát sanh. Ưu-ba-tư-na cho người đi mua thịt khắp nơi mà không có. Cuối cùng cô bảo người hầu dọn một phòng kín, cô vào trong tắm gội sạch sẽ rồi tự cắt thịt đùi của mình, tẩm vào những loại cỏ thuốc, lấy vải lụa thêu gói lại, nấu một bát canh ngon đem dâng cho Tỳ-kheo bịnh. Tỳ-kheo uống xong thứ thuốc ấy, bịnh liền khỏi.

Hôm ấy người chồng về nhà, thấy sắc diện vợ thay đổi liền hỏi:

- Sao hôm nay mình có vẻ tiều tuỵ thế?

- Dạ em bịnh, Ưu-ba-tư-na trả lời.

Người chồng lập tức cho mời thầy thuốc đến khám bịnh cho vợ, nhưng không ai biết cô bịnh gì cả. Cuối cùng người chồng tra hỏi người hầu, cô ấy đành thuật lại sự việc. Nghe xong, người chồng tức giận ra ngả tư đường la lớn: "Sa-môn thích tử lại ăn thịt người, chẳng khác gì vua Tuấn Túc". Nhân đây Phật chế giới các vị Tỳ-kheo không được dùng các loại thịt bất tịnh.

Ưu-ba-tư-na áy náy kể lại nguyên nhân mình tự cắt thịt rồi bảo với chồng:

- Nếu mình thương tôi thì có thể thỉnh Phật cùng chúng Tăng đến nhà mình thiết lễ cúng dường, đó là một việc làm tốt. Nếu không được như vậy tôi sẽ tự vẫn.

Người chồng thương vợ nên vào rừng thỉnh Phật hôm sau đến nhà thọ trai.

Hôm sau, tại nhà Ưu-ba-tư-na, sau khi cùng chúng Tăng an tọa, Phật hỏi Ưu-ba-tư-na đâu, người chồng đáp bịnh. Phật bảo hãy gọi cô ấy ra. Người chồng vào phòng bảo Ưu-ba-tư-na:

- Thầy của mình cho gọi mình đến.

- Em đau quá không thể đứng dậy được, Ưu-ba-tư-na trả lời.

Phật liền bảo Ngài A-nan vào giúp cô ấy. A-nan vào bảo với Ưu-ba-tư-na Phật cho gọi cô đồng thời nâng luôn cả chiếc giường có Ưu-ba-tư-na đang nằm đến chỗ Phật. Vừa nhìn thấy ánh hào quang của Phật, Ưu-ba-tư-na khỏi bịnh, bình phục như trước (Luật Tăng kỳ ghi, Tỳ-kheo nhập định từ tâm, vết thương liền lành). Cô đứng lên đảnh lễ Phật. Phật thuyết pháp, cô nghe xong chứng quả A-na-hàm, chồng cô cùng quyến thuộc từ bỏ những điều sai quấy, thọ năm giới, làm đệ tử Phật.

(Trích kinh Ưu-ba-tư-na và kinh Hiền Ngu)

2. PHƯỚC BÁU CHÍ TÂM CÚNG PHẬT:

Ở thành Duy-da-li có một người nữ tên A-phàm-hòa-lợi. Một hôm nghe Phật đến giáo hóa, cô vui mừng cùng với năm trăm người nữ đến đảnh lễ. Nghe Phật thuyết pháp, tâm được khai ngộ. Cô liền xin thỉnh Phật ngày mai đến nhà cúng dường trai diên. Khi ấy năm trăm trưởng giả trong thành cũng đến thỉnh Thế tôn cúng dường. Phật bảo ngày mai đã nhận lời thỉnh của A-phàm-hòa-lợi.

Các trưởng giả liền bảo với A-phàm-hòa-lợi:

- Phật là đấng chí tôn nay đến đây giáo hóa, chúng tôi phải được cúng dường Ngài trước. Quý cô hãy đình ngày cúng của mình lại.

A-phàm-hòa-lợi bảo:

- Quý Ngài chớ đem sức mạnh cùng thế lực của mình để lánh áp hàng nữ lưu yếu đuối chúng tôi. Nếu như quý Ngài có thể thỏa mãn bốn mong muốn của tôi thì chúng tôi sẽ nhường cho quí Ngài cúng dường trước. Một là khiến cho tâm tốt của tôi không thay đổi, hai là khiến cho tôi sống lâu không chết, ba là khiến cho tài sản của tôi không bị hao hụt, bốn là khiến cho Phật ở lại đây lâu.

Các vị trưởng giả bảo:

- Hay lắm, nay cô đã có thể ngộ được lý vô thường. Những điều mong cầu của cô chúng tôi không thể làm được nên bằng lòng để cho cô cúng dường trước.

Nhưng trong số các trưởng giả có một vị trẻ tuổi cảm thấy bị sĩ nhục khi phải cúng dường sau các cô kia nên khăng khăng không chịu nhường. Cậu ta liền ra lịnh cho người quản lý bãi chợ không cho mua bán gì cả.

Hôm ấy A-phàm-hòa-lợi sai người đi mua sắm thức ăn, chẳng mua được gì cả. Nhưng lạ thay khi mở kho ra thì trong ấy có đầy đủ các thức ngon vật lạ, chỉ thiếu than củi, song đã có dầu, sáp và bạch lạp thay thế. Cậu thanh niên kia lại ra lịnh không ai được ra khỏi thành thưa thỉnh Phật. A-phàm-hòa-lợi liền cho chim anh vũ đi thỉnh Phật đến thọ trai. Trưởng giả kia biết được, đem cung tên bắn chim, nhưng nhờ thần lực của Phật, mũi tên biến thành đóa hoa. Anh vũ thóat nạn bay đến Tinh xá thỉnh Phật cùng chúng Tăng. Lúc Phật vừa đặt chân đến cửa thành, Trời đất chấn động. Năm trăm trưởng giả, A-phàm-hòa-lợi và năm trăm người nữ mắt thấy tai nghe việc ấy đếu đắc pháp nhãn tịnh, xin Phật thọ trì năm giới.

(Trích kinh Trung Bổn Khởi quyển hạ)

3. PHƯỚC BÁU XÂY THÁP:

Trưởng giả Tu-đạt ở nước Xá-vệ sanh được một đứa con gái út xinh đẹp nên rất yêu quý, đặt tên là Tô-man.

Một hôm trưởng giả dẫn Tô-man đến thăm Phật. Vừa nhìn thấy Phật, Tô-man vô cùng vui mừng, muốn đem hương thơm bôi vào thất của Phật. Khi ấy trong tay của Tô-man có quả Tân bà lạc, Phật xin, Tô-man liền cho. Phật viết lên đó chữ hương rồi trả lại cho Tô-man.

Tô-man cùng cha trở về thành tìm mua, tùy theo số lượng Phật cần đem đến Tinh xá Kỳ-hoàn, đích thân đâm giã mỗi ngày.

Một hôm, vua nước Đặc-xoa-hòa-lợi sai thái tử đến xem xét nước Xá-vệ. Khi đến Tinh xá Kỳ-hoàn, thấy Tô-man xinh đẹp, thái tử liền xin cưới làm vợ.

Một thời gian, Tô-man mang thai, đến ngày cô sanh ra mười quả trứng. Sau đó mười quả trứng vỡ, xuất hiện mười cậu bé xinh đẹp khỏe mạnh khác thường. Nhưng lớn lên, cả mười cậu bé đều thích ra đồng săn bắn. Tô-man dạy con chớ làm như thế. Các cậu bé liền thưa:

- Săn bắn vui lắm mẹ ơi, nay mẹ ngăn cấm chắc là mẹ ghét chúng con rồi.

Tô-man bảo:

- Vì thương các con nên mẹ mới ngăn cản. Còn nếu ghét thì trọn đời mẹ không nói những lời này. Tội giết hại sinh mạng phải đọa vào địa ngục, không biết đến lúc nào mới có cơ hội thoát khỏi.

- Mẹ ơi, đây là những lời từ trong lòng mẹ thốt ra hay mẹ đã được nghe ai đó nói.

- Đó là những lời mẹ đã từng nghe Phật dạy.

- Ngài là người như thế nào, mong mẹ hãy kể về Ngài cho chúng con nghe.

- Ngài vốn là thái tử con vua Tịnh Phạn nước Ca-duy-la-việt. Vì nhàm chán sự sinh già bịnh chết nên xuất gia học đạo, chứng quả Vô thượng Bồ-đề. Thân Ngài cao một trượng sáu, Tam minh, Lục thông đều thông suốt.

Những người con xin mẹ đến đảnh lễ Phật. Tô-man đồng ý dẫn con đến Tinh xá Kỳ Hòan đảnh lễ Phật. Được nghe Phật thuyết pháp, mười cậu bé đều đắc pháp nhãn tịnh, liền xin Phật xuất gia. Phật nhận lời, râu tóc các cậu đều rụng, pháp y mặc vào thân, siêng năng tu tập và đều đắc quả A-la-hán, dứt hết khổ đau trong đường sanh tử.

Phật dạy:

- Cách đây chín mươi mốt kiếp có Phật Tỳ-bà-thi ra đời. Sau khi

Phật nhập Niết-bàn, hàng đệ tử phân chia Xá-lợi xây dựng vô lượng tháp cúng dường. Năm tháng trôi qua, một ngôi tháp bị hư họai. Một bà lão thấy vậy phát tâm tu sửa. Một hôm có mười cậu thanh niên tình cờ đi ngang đây, thấy bà lão đang sửa tháp liền vui mừng cùng nhau phụ giúp cho đến khi hoàn thành và cùng phát nguyện làm mẹ con của nhau. Từ đó đến nay trải qua chín mươi kiếp, dù ở cõi Trời hay nhân gian, họ đều sanh chung làm mẹ con cùng hưởng phước báu an vui. Bà lão lúc ấy nay là Tô-man, mười thanh niên nay là mười vị A-la-hán.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 13)

4. NGƯỜI MẸ MẤT CON ĐƯỢC NGỘ ĐẠO:

Một hôm, Phật ở vườn Cấp-cô-độc nước Xá-vệ. Trong nước có một phụ nữ sống cô độc nuôi một đứa con thơ, nhưng rồi đứa con duy nhất ấy cũng sớm bỏ cô ra đi. Cô buồn khổ khóc than, ôm thi thể con đi lang thang khắp nơi kêu cứu như người điên dại. Đi ngang Tinh xá Kỳ-hoàn, nghe nói Phật là bậc Thánh chí tôn của cả Trời người, có khả năng giảng giải đạo lý khiến cho người khác dứt buồn hết khổ, cô liền vào đảnh lễ, xin Phật tháo gở khổ đau cho mình. Phật bảo:

- Cô hãy mau vào thành, đi khắp các đường xem nhà nào ba đời không có người thân mất thì hãy xin họ ngọn lửa mang về đây, ta sẽ làm cho đứa bé sống lại.

Cô ấy vâng lời, vào thành hỏi thăm khắp nơi nhưng cuối cùng đành tay không trở về.

Phật bảo:

- Hễ đã là người sanh ra ở cõi đời này thì có bốn việc không thể tồn tại lâu: Nói đến thường thì ắt có vô thường, giàu sang thì ắt có lúc ngèo khổ, xum họp thì có lúc phải biệt ly, mạnh khỏe thì có lúc phải chết. Tại sao nay cô không tự lo cho mình, không tu tập bố thí, trì giới, tập ăn chay một tháng sáu ngày, tùy theo khả năng của mình giúp đỡ bố thí cho người nghèo khổ.

Cô gái thưa:

- Nay tình thương con dành cho đứa con này đã ăn sâu vào xương tủy, không còn tiếc gì đến thân mạng mình.

Phật muốn khai ngộ cho cô gái nên biến ra bốn hầm lửa lớn vây quanh cô. Khi ngọn lửa nóng táp vào thân, cô liền đưa thi thể con ra chắn lửa cho mình. Thấy vậy Phật liền bảo:

- Lúc nảy cô tự nói tình thương dành cho con đã ăn sâu vào xương tủy, thà bỏ thân mình chứ không để mất con. Giờ bị lửa bức bách, đau

đớn khôn cùng thì phải nên hứng chịu một mình, sao lại đem thi thể con ra ngăn che cho mình. Đây chỉ là ngọn lửa nhỏ ở nhân gian không đáng nói, lửa dữ đốt nóng vô cùng trong địa ngục mới đáng sợ. Súc sanh khổ vì ngu si, ngạ quỷ khổ vì đói khát. Người có khả năng đem lại lợi lạc cho mình nên tu tập bố thí, trì giới, nhẫn nhục để không bị rơi vào cảnh giới địa ngụ, ngạ quỷ khổ đau, được thọ hưởng phước báu cõi Trời người, từ từ tiến lên cảnh giới giải thoát an vui.

Cô gái nghe xong tự quở trách sai lầm của mình, buông bỏ tình luyến ái, dứt hết phiền não cấu uế, chứng quả Tu-đà-hoàn.

(Trích kinh Xuất Diệu)

5. NĂNG LỰC CỦA PHẬT:

Có một gia đình từ Thiên Trúc đến nước Xá-vệ sinh sống. Người vợ sanh được hai đứa con, khi đứa con đầu được bảy tuổi, đứa con nhỏ còn bồng trên tay thì người mẹ lại mang thai. Đã gần đến ngày sanh, hai vợ chồng chuẩn bị một chiếc xe cùng hai con trở về quê hương, vì theo tập tục của nước Thiên Trúc, khi người phụ nữ sanh con thì phải trở về nhà cha mẹ mình.

Đi đến thành Xá-vệ, hai vợ chồng dừng lại bên đường cho trâu nghỉ. Khi ấy một con rắn độc từ đâu bò đến quấn vào chân trâu, khiến nó phải bứt dây vùng chạy. Người chồng đến cứu trâu, con rắn kia liền buông trâu ra, quay lại cắn người khiến cho người chồng chết ngay tại chỗ. Người vợ trông thấy kinh hãi gào khóc.

Trời sắp tối, còn cách nhà không bao xa có một con sông chắn ngang. Sợ Trời tối sẽ gặp giặc cướp nên cô ấy liền bỏ xe lại dẫn hai con đi. Đến bờ sông, cô để đứa lớn ở lại trên bờ còn mình bồng đứa nhỏ lội qua sông. Nhưng mới đến giữa dòng thì ở đâu một con cọp lao đến vồ lấy đứa bé trên bờ, nghe tiếng con gọi mẹ thét lên, cô quay lại nhìn lên bờ. Quá kinh sợ, bất giác cô buông tay, đứa bé đang bồng rơi luôn xuống sông và trôi theo dòng nước đang chảy mạnh. Cô càng thêm đau khổ, tâm chí tán lọan. Lại do vì ngâm mình lâu trong nước nên đứa con còn mang trong bụng cũng bỏ cô ra đi. Cuối cùng cô một mình lội qua sông, thất thiểu về nhà. Trên đường đi, cô hỏi thăm mọi người về cha mẹ mình, thì có người bảo trongmột lần sơ ý để xảy ra hỏa hoạn, cả nhà cô đều chết cả. Cô lại hỏi thăm gia đình cha mẹ chồng thì được biết họ đều đã bị giặc cướp giết hại.

Buồn đau quá độ, cô mê muội không còn biết gì, khỏa thân chạy điên dại. Người đi đường trông thấy lấy làm quái lạ, cho là cô bị bịnh

tà. Cứ như vậy, cô tình cờ đi đến Tinh xá, gặp lúc Phật đang thuyết pháp cho chúng hội. Vừa thấy Phật, tâm ý cô liền định tỉnh trở lại, không còn đau buồn. Tự nhận ra mình đang trần truồng, cô hổ thẹn phủ phục xuống đất. Phật bảo Ngài A-nan lấy y cho cô. Cô nhận y, đắp lên mình một cách chí kính. Sau đó Phật giảng kinh, chỉ cho cô thấy rõ nhân quả tội phước. Cô nghe xong, phát tâm Vô thượng, dự vào hàng bất thối, khổ đau tiêu tan như mặt Trời ra khỏi mây đen.

(Trích kinh Phụ Nhân Ngộ Cô và kinh Hiền Ngu)

6. BÀI PHÁP VI DIỆU:

Ở nước Bùi-phiến-xà có một phụ nữ tên Đề-vi thuộc dòng Bà-la-môn. Nhà cô giàu có, nhưng chồng mất sớm khi chưa có con. Từ đó cô sống đơn độc nghèo khổ không nơi nương tựa. Theo quy luật của Bà-la-môn, nếu một người buồn chán muốn tự thiêu thì các Bà-la-môn sẽ cùng nhau đến giáo hóa khiến cho người ấy được sanh lên cõi Trời Na-la-diên như mong ước. Người ấy phải thỉnh đủ một trăm vị Bà-la-môn thiết lễ cúng dường ăn uống, rồi cúng cho mỗi vị một con trâu cái và một con trâu nghé, phải đem của cải trong nhàra cúng dường cho năm trăm vị Bà-la-môn. Sau đó ra sông Hằng tự thiêu, những Bà-la-môn ấy sẽ chú nguyện khiến cho tất cả tội nặng nhẹ của người kia cùng lúc tiêu tan hết. Sanh ra đời sau, lục thân quyến thuộc đều được trường thọ, sung sướng vô cùng.

Đề-vi muốn tự thiêu nên tuân theo quy luật kia. Lúc cô đang chặt củi chuẩn bị tự thiêu thì có một vị Sa-môn tên Bát-đề-bà (Đời Lương dịch là Biện Tài), một người tinh tấn trì giới, có trí tuệ hiểu biết rộng, thường đem lòng từ giáo hóa dân chúng khiến cho họ bỏ tà quy chánh, bỏ ác làm lành, đến hỏi cô dùng củi làm gì.

Đề-vi đáp:

- Tôi muốn dùng củi tự thiêu để mong diệt trừ tội lỗi.

Biện Tài bảo:

- Tất cả những tội nghiệp do thân tạo trước đây đều tùy thuộc vào tinh thần, không can dự gì đến thân cả. Nay cô tự thiêu chỉ là uổng phí thân, đâu thể diệt trừ được cái tội do thân đã tạo ra. Hễ tâm nghĩ thiện thì thân sẽ thọ quả báu thiện, tâm nghĩ ác thì thân thọ quả báu ác. Những quả báu khác cũng như vậy. Tại sao lại đem cái nhân khổ đau để mong cầu diệt trừ tội lỗi, mong cầu quả báu tốt đẹp. Không cần thiết phải mong cầu như vậy, vì đối với lý không đúng. Cũng giống như có người bịnh đang bị những cơn đau hành hạ, lại gặp người xấu đến chửi

mắng, đánh đập. Khi ấy cho dù có tâm tốt, người bịnh ấy có thể giữ tâm bình thản được không.

- Dạ việc ấy chỉ làm cho người bịnh ấy phẫn Uất-đau khổ hơn thôi.

- Nay cô cũng như vậy, chỉ vì những tội nghiệp do thân đã làm mà cô thiêu thân. Lúc lửa dữ bừng lên, thân thể bị thiêu đốt, hơi thở chưa tắt, tâm chưa tan hoại, trong lúc ấy, thân tâm đều bị lửa đốt. Thần thức chưa rời thân nên phải chịu sự đau đớn khôn cùng. Sau khi chết đi sanh vào địa ngục, đau đớn càng nhiều hơn gấp trăm ngàn vạn lần.

Lại cũng giống như trâu kéo xe mà lại không ưa chiếc xe mình đang kéo. Nó muốn làm cho xe hư, nhưng khi nó cố sức làm cho phần trước của xe bị hư thì phần sau của xe lại đè lên nó. Cũng như cô, nay tội báu chưa hết mà hủy thân thể thì cho dù có bỏ trăm ngàn vạn thân, nhân duyên tội nghiệp vẫn tương tục không dứt. Giống như trong một ngày ở địa ngục A-tỳ, một người chịu tội phải tám mươi lần chết đi sống lại, trải qua một kiếp như vậy tội mới hết. Huống gì nay cô chỉ một lần thiêu thân mà mong diệt hết tội.

- Vậy xin Ngài hãy dạy cho tôi phương pháp diệt tội.

- Cô nên biết, tâm niệm trước tạo tội như mây che mặt trăng. Tâm niệm sau khởi điều lành như ánh đuốc xua tan bóng tối. Nguồn gốc gây nên tội là do ý chủ đạo khiến cho thân, khẩu gây nên mười điều ác. Nay phải một lòng chí thành sám hối, sửa tà quy chánh, bỏ thân này thọ thân khác cho đến khi thành Phật.

Biện Tài trao cho Đề-vi gìn giữ mười điều lành. Đề-vi vui mừng vâng giữ, đồng thời chuẩn bị thức ăn cùng trân báu cúng dường và thỉnh Biện Tài ở lại giáo hóa.

Biện Tài bảo:

- Cô đã vâng giữ mười điều lành, đó chính là pháp lữ của cô, với lại cô hãy lấy việc dạy người khác để thể hiện sự báo ân. Cô đã nhận được chân lý rồi, tôi không nên lưu lại, vì tôi còn phải đi giáo hóa nơi khác.

Nói rồi Biện Tài từ giã ra đi, không hề nhận một món cúng dường nào.

(Trích kinh Tằng Hữu quyển hạ)

7. TIỀN THÂN CỦA PHẬT:

Có một cô gái mang thai đã được mấy tháng. Một hôm gặp Phật cùng chúng Tăng, cô phát nguyện sau khi sanh xong sẽ đi xuất gia làm

Sa-môn. Nhưng sau khi sanh, cô yêu thương con quá, không làm theo nguyện xưa. Năm đứa bé được bảy tuổi, cô bỗng nhiên tỉnh ngộ trở lại liền chuẩn bị thức ăn cho hai người, ba pháp y, rồi ôm bình dẫn con đến gặp Phật và thưa:

- Xin Phật thương xót cho con của con cũng được làm Sa-môn, về sau đắc đạo có thân tướng giống như Phật.

Được Phật nhận lời, cô lấy nước tắm gội cho con. Đúng ngay lúc ấy có chín con rồng từ trong bình xuất hiện phun nước tắm cho đứa bé. Tắm xong còn ít nước sót lại, cô gái rưới lên đầu đứa bé, nước ấy liền hóa thành lộng hoa, tràng phan báu che cho đứa bé. Đồng thời trên tòa báu có chư Phật hiện ra. Chư Phật mỉm cười phóng ra hào quang năm màu chiếu khắp mười phương cõi Phật. Sau đó hào quang ấy trở lại chiếu quanh thân Phật rồi biến vào đỉnh đầu đứa bé.

Khi ấy người mẹ bước lên dâng cơm cúng dường Phật và cho con mình ăn. Đứa bé liền phát tâm Vô thượng Bồ-đề, mười ức cõi Phật đều chấn động sáu cách, các cõi nước của chư Phật đều tự hiện ra. Phật đem phần cơm của cô gái cúng dường chia cho chư Phật và chư vị Tỳ-kheo. Tất cả đều được no đủ mà phần cơm vẫn còn nguyên. Cô gái cùng Chư thiên vui mừng đều đắc quả A-việt-trí. Khi ấy tóc rơi xuống, đứa bé trở thành vị Sa-môn, dự vào hàng bất thối. Đứa bé ấy chính là thân ta.

(Trích kinh Quá Thế Phật Phân Vệ)

8. NĂNG LỰC CỦA LÒNG THÀNH:

Phật ở tại Tinh xá Kỳ-hoàn, vua Ba-tư-nặc cho đốt đèn khắp trong Tinh xá rộng một trăm sáu mươi dặm để cúng dường Phật cùng chúng Tăng. Dân chúng tranh nhau đến xem rất đông.

Khi ấy, Nan-đà, một cô gái nghèo khổ không một túp lều dung thân, thấy cảnh nhộn nhịp ấy liền hỏi thăm mọi người mới biết được việc vua Ba-tư-nặc dùng cả ngàn hộc dầu đốt đèn cúng dường Phật. Cô tự trách mình vì nhân duyên gì mà nghèo khổ đến thế này. Sau đó cô vào phố, đến từng nhà xin được một ít thức ăn tạp nhạp và muốn bán thức ăn này để mua đèn. Sau đó cô bán được một đồng rồi đến quán mua dầu. Chủ quán hỏi cô đem một đồng dầu này làm phước đức gì. Khi nghe Nan-đà đáp muốn đốt đèn cúng Phật, chủ quán vui mừng lấy một ngọn đèn đầy dầu tặng cho cô. Cô gái nghèo vui mừng nhận lấy rồi đi nhanh đến Tinh xá Kỳ-hoàn.

Hôm ấy Phật bảo A-nan:

- Hôm nay có một vị đại trưởng giả tạo phước Vô thượng, nhưng

không thể tự vào, con hãy ra mở cửa và dẫn người ấy vào đây.

Vua Ba-tư-nặc nghe Phật dạy như thế liền suy nghĩ: “Trong nước Xá-vệ này ta là người tôn quý hơn cả. Người cúng dường hôm nay há hơn cả ta ư? Tại sao Phật không khen ngợi ta mà lại khen vị trưởng giả ấy”.

Một lát sau Ngài A-nan dẫn cô gái nghèo đến chỗ Phật. Cô đốt lên ngọn đèn mình mang theo và ở trước Phật phát nguyện lớn vì tất cả chúng sanh cầu tri kiến Phật, khiến cho ánh sáng trí tuệ này tỏa khắp mười phương, làm tiêu tan chốn ác đạo tối tăm. Nguyện xong cô trở về.

Sáng hôm sau, tôn giả Mục-liên ra ngòai kiểm tra các ngọn đèn thì thấy cây đèn củA-nan-đà vẫn còn cháy, nên vội thổi đi, nhưng thổi hoài vẫn không tắt. Ngài liền vận thần lực đem nước của năm sông Hằng tưới lên, dùng gió mạnh thổi, đèn cũng không tắt. Ngài tìm đủ mọi cách, dùng hết thần lực của mình nhưng cũng không sao tắt được ngọn đèn ấy. Ngài cảm thấy sợ hãi.

Phật bảo Mục-liên:

- Người đốt ngọn đèn này có tấm lòng rất ân cần tha thiết, cho nên đèn vẫn cháy hoài như thế. Giả sử các vị A-la-hán như Xá-lợi-phất ... cùng với Bích chi Phật đem công đức thần lực của mình cũng không thể dập tắt được ngọn đèn này, nếu có sai chim chúa Sí điểu lấy nước biển lớn đổ xuống cùng với chúa sư tử gầm thét lao đến mong dập tắt đèn cũng không thể đươc.

Khi mặt Trời đã lên, Nan-đà đến Tinh xá xem ngọn đèn hôm qua mình đã đốt. Thấy đèn chưa tắt, ánh sáng không hề giảm bớt, cô vô cùng vui mừng đến đảnh lễ Phật. Phật biết tâm cô mong cầu quả vị Vô thượng Bồ-đề, nên từ miệng, Phật phóng ra ánh hào quang năm màu rồi lần lượt giảng về giáo lí Tam thừa. Khi Phật trao pháp Thánh văn, pháp Bích chi Phật, pháp Bồ tát cho Nan-đà thì ánh hào quang của Phật lần lượt chiếu vào đỉnh đầu, vào khỏang giữa hai chân mày, vào hai mắt của cô.

Phật cười, ánh hào quang trong miệng Phật tỏa ra chiếu lên đến cõi Trời Ba mươi ba, tất cả chúng sanh đều thấy biết. Sau đó ánh hào quang trở lại, xoay quanh Phật ba vòng rồi biến mất vào miệng của Phật.

Khi ấy Ngài A-nan hỏi nhân duyên, Phật bảo:

- Này A-nan, cô gái đốt đèn cúng dường hôm nay nhờ công đức này mà sau khi mạng chung cô sẽ được chuyển thân nữ thành thân nam.

Từ nay về sau trải qua hai mươi kiếp không đọa vào đường ác, được sanh lên cõi Trời, lần lượt làm đến Kim luân vương. Sau hai mươi kiếp sẽ chứng quả vị Phật hiệu là Mạn-đà-ưu-ha.

(Trích kinh Bần Nư Nan-đà)

9. ĐỒNG NỮ TÁM TUỔI NGỘ ĐẠO:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong nước có Thiện tín, con gái của một vị trưởng giả. Mới tám tuổi cô đã là một cô bé hiếu thảo, có lòng yêu thương, trí tuệ sâu rộng hơn người. Còn nhỏ mà đã có nguyện lớn, không thích can dự đến những chuyện thế tục, thường ngồi suy tư về sự vô thường biến đổi của vạn vật, tất cả rồi cũng đều đi đến sự hoại diệt. Người có sống đến vạn năm rồi cũng phải chết. Trời đất còn bị hủy hoại huống gì thân người. Đến khi mình phải lãnh chịu, những lầm lỗi ấy thật không thể nói sao cho hết. Sau khi chết thần hồn rơi vào đường ác, đau khổ thống thiết, một mình mình chịu, không biết nhờ đâu để thóat khỏi.

Rồi trong cuộc sống hằng ngày, bỗng nhiên chúng ta khởi lên sân giận, sợ hãi, lo buồn, có khi lại vui mừng sung sướng. Những hiện tượng thay đổi bất thường này chúng ta không nhận ra được lúc nó đến và cũng không biết sau đó nó đi về đâu. Nhưng chúng cứ đến đi không hề dừng nghỉ. Vậy mà cha mẹ, anh em, thân bằng quyến thuộc của ta không biết đâu là tội phước nên cứ tham muốn không biết chán. Ta mới lên ba lên năm đả hứa gả cho người nam khác. Anh em bà con tổ chức tiệc tùng rượu thịt, nhận lễ vật cầu hôn. Rồi mai đây ta phải đến nhà người ta gánh chịu những khổ đau, bị ràng buộc, lệ thuộc không thể tự do. Nay ta phải làm sao đây? Vì cái vòng sanh, già lẩn quản đâu trừ ta ra. Nay còn trong trắng, phải phát nguyện cao xa, tìm kiếm sự an ổn cho riêng mình. Ở trong cung điện có nhiều thứ vui chơi cũng có thể thỏai mái an vui được rồi, không nên dẫm lên bùn nhơ, để phải rơi vào ba đường ác. Nếu không thấy được ánh sáng trí tuệ thì sẽ đau khổ mãi mãi.

Nghĩ rồi cô bé chí tâm thệ nguyện: “Tôi nguyện đem thân mạng này quy y Phật, Pháp, Tăng, có thần linh chứng biết cho lòng thành của tôi”.

Khi ấy, một vị Thiên thần trên Hư không hiện ra, bảo với Thiện Tín nếu muốn tự quy về cõi nước an ổn thanh tịnh ở phương tây thì trước hết nên hướng về mười phương đảnh lễ. Với lòng kính tin tha thiết, chắc chắn nguyện của cô sẽ thành.

Nói xong vị thần biến mất, Thiện Tín rất vui mừng liền vội tấm

gội rồi đốt hương, rải hoa hướng về mười phương chắp tay đảnh lễ và nghĩ đến mọi người. Khi ấy vị Thiên thần lại hiện ra bảo:

- Cô nên hướng về phương tây đọc bài tụng này để khen ngợi Phật A-di-đà.

Thiện Tín liền hướng về phương tây làm như lời vị thần bảo. Khi ấy Trời đất chấn động, những chúng sanh gặp tai nạn khổ đau đều được thóat khỏi. Người đang bịnh được lành, khổ đau, lo buồn đều tiêu tan hết. Ai cũng được yên ổn an vui. Người mù được sáng mắt, người điếc nghe được, người câm ngọng có thể nói được. Người ác trở nên hiền lành, người chưa có lòng tin dều sanh lòng tin. Người hay phi nhân cầu mong gì cũng được như nguyện.

Sau khi đốt hương và đọc bài tụng, Thiện tín, chí tâm, nhắm mắt theo dõihơi thở, quán niệm về thân. Khi ấy Đế thích hóa làm một thanh niên đẹp trai chừng mười tám mười chín tuổi, tay đeo vòng vàng đến trước Thiện Tín dùng những lời khen ngợi, tán tỉnh mong lung lạc lòng cô. Thiện Tín nhất tâm dùng những lời thẳng thắn ngay thật trả lời, cô quở trách những sai quấy giữa nam và nữ. Đế thích hiện lại nguyên hình, vui mừng chắp tay hỏi thăm cô vì mong cầu điều gì mà làm những việc thế gian không ai làm được, xin hãy trình bày cho ông cùng nghe.

Thiện Tín nghe Đế thích khen ngợi càng thêm tin tưởng và vui mừng. Khi ấy, qủa đất lại chấn động, Nan-đà liền nói lại bài kệ và phát nguyện phụng thờ Phật pháp. Đế thích nghe xong vui mừng biến mất.

Thiện Tín đốt hương tự quy y chư Phật. Khi ấy Phật cùng đại chúng đều vận thần thông bay đến nhà Thiện Tín. Cha mẹ, anh em cùng bà con quyến thuộc của Thiện Tín thấy Phật bay trên Hư không thì đều rất vui mừng. Thiện Tín đến đảnh lễ và nhiễu quuanh Phật một trăm vòng. Phật mỉm cười, vô số ánh hào quang phát ra. Phật thuyết pháp, ánh hào quang xoay quang Phật một trăm vòng rồi trở vào đảnh đầu của Phật.

Phật trao hai mươi bốn giới cho Thiện Tín rội bảo: "Đây là ba ngàn tám trăm hai mươi bốn giới, là những hạnh cao cả của một vị Ưu bà di trong giáo pháp của ta.

Thiện Tín vui mừng, lần lượt đắc bảy trụ, ở trước Phật chuyển thân gái thành thân trai. Cha mẹ anh em của cô đều thọ ngũ giới.

(Trích kinh Thiện Tín Ma Chúc)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 39

1. NGUỒN GỐC NGOẠI ĐẠO LẬP TÀ KIẾN:

Thời Phật còn tại thế, một hôm Ngài bảo Bồ-tát Văn Thù rằng:

- Ông có muốn nghe việc thế gian kiến lập ngoại đạo không? Vào thời quá khứ có đức Phật ra đời hiệu là Câu-tôn-đà-bạt-đà-la. Bấy giờ ở trong thế giới đó không có cát sỏi, không có tên ngoại đạo, chỉ có pháp Đại thừa. Sau khi Đức Phật ấy vào Niết-bàn, chánh pháp sắp diệt, có Tỳ-kheo Phật Tuệ ở vùng A-lan-nhã được một vị thiện tín cư sĩ phát tâm cúng dường một tấm y vô giá, Tỳ-kheo nhận lấy tấm y đó. Lúc bấy giờ có bọn thợ săn thấy nảy sanh lòng tham, muốn đoạt lấy tấm y.

Đêm ấy, chúng dẫn Tỳ-kheo vào trong núi sâu, đánh cho bầm dập rồi lột lấy y áo, treo Ngài trên cây. Bấy giờ có một vị Bà-la-môn đi hái hoa, đến A-lan-nhã thì gặp một con cọp, người này hoảng sợ chạy vào

trong núi chợt gặp Tỳ-kheo kia bị đánh đập tan nát thân hình loã lồ, treo lủng lẳng trên cây. Vị này thấy thế kinh sợ la lên:

-Sa-môn này trước kia đắp Ca-sa mà nay sao thấy loã lồ như thế, hẳn Ca-sa chẳng phải là nhân giải thoát, tự treo mình khổ hạnh đó là đường lối đúng đắn, người kia đâu phải bỏ pháp lành. Ngay đây ta phải phân minh rõ ràng, đây là nguyên nhân của đạo giải thoát phá huỷ chánh pháp.

Vị này liền cắt tóc, cởi y áo làm Sa-môn loã hình. Đạo loã thể bắt nguồn từ đó.

Bấy giờ vị Tỳ-kheo kia tự mình mở trói được, liền lấy vỏ cây, nhặt vải vụn thấm nhơ để che thân, kết cỏ đuổi ruồi. Lại có Bà-la-môn khác đi hái hoa nhìn thấy Tỳ-kheo này, ông thầm nghĩ:

- Tỳ-kheo này cởi bỏ y phục tốt đẹp, che thân bằng những thứ ấy, dùng phất trần như thế phải chăng là thiện pháp xả ly hay sao? Phân biệt cho chính đáng để biết thì đây là đạo giải thoát, ông ta liền học theo pháp ấy. Từ đó hàng xuất gia của Bà-la-môn ra đời.

Một buổi chiều, vị Tỳ-kheo xuống khe nước tắm, do gội rửa vết thương trên đầu, Tỳ-kheo liền lấy áo ướt che lên vết thương, rồi lấy những mảnh y phục rách rưới của những kẻ chăn bò vứt để che thân. Lúc ấy có người tiều phu trông thấy, ông thầm nghĩ:

- Tỳ-kheo này trước đây đắp ca sa quý báu mà giờ đây lại xả bỏ tất cả, chắc có lẽ đã nhận thấy được Ca-sa không phải là nhân giải thoát, vì vậy ông ta mới mang y phục rách nát như thế, rồi lại ngày đêm tắm rửa ba lần, tu tập khổ hạnh, như vậy há chẳng phải thiện pháp xả ly chăng? Nhưng nghĩ cho chính đáng rõ ràng thì đây là đạo giải thoát. Tiều phu ấy liền học theo pháp này, cho nên phái khổ hạnh Bà-la-môn xuất hiện từ đó.

Tỳ-kheo tắm gội xong, trên thân mang nhiều vết lở loét, ruồi muỗi bâu vào, ông liền dùng tro trắng thoa lên vết thương rồi xin vải để che thân. Bấy giờ có người thấy Tỳ-kheo như thế liền bảo rằng đây chính là đạo, liền học theo Tỳ-kheo ấy, vì thế từ đó đã phát sanh thêm một phái Bà-la-môn bôi tro.

Bấy giờ Tỳ-kheo đốt lửa hơ vết thương, vết thương càng đau nhức không thể chịu nổi cho nên ông đập đầu vào núi. Bấy giờ có người thấy, tự bảo rằng:

- Tỳ-kheo này trước kia đắp Ca-sa quý giá mà nay lại như thế, há phải thiện pháp xả ly hay sao? Biết chắc rằng lao đầu vào núi là đạo giải thoát, thế là đạo lao đầu vào vách núi để thờ thần lửa phát xuất từ

đó. Cứ như thế, chín mươi sáu phái của Bà-la-môn ra đời đều do từ các hành động của Tỳ-kheo này mà sanh ra vọng tưởng, để rồi mỗi người phát sanh ra cái kiến chấp của mình, giống như các nước nhìn nhau rồi khởi lên suy đoán vọng tưởng điên đảo, khi vọng tưởng ấy đã sanh thì các nước lại dấy binh sát hại lẫn nhau. Sự phát sanh khác nhau của ngoại đạo cũng như thế.

(Trích kinh Ương-Quật-Ma-La quyển 4)

2. PHẬT ĐỘ LỤC SƯ NGOẠI ĐẠO:

Thời bấy giờ, bọn lục sư ngoại đạo tham đắm lợi dưỡng của thế gian, tự xưng là độc tôn. Bọn này nghe đức Thế tôn xuất thế, phước đức hơn người, vì vậy họ họp lại rồi cùng nhau lập thệ nguyện:

- Chúng ta nay đều phải đồng tâm nhất trí, lời nói không bao giờ trái nhau, lúc ấy mới mong thắng được ông ấy.

Thế là họ sai người đến thăm dò, xem đức Như Lai có giống như mọi người xưng tụng về Ngài không. Khi đến, nhìn thấy tướng hảo của đức Thế tôn, mắt nhìn mãi không tạm rời, rồi trình lại cho bọn lục sư ngoại đạo biết:

- Tướng hảo của Cù-đàm thật hiếm có ở trên đời, oai thần toả sáng hơn cả vầng nhật nguyệt, như tôi thấy thì không thể nào thí dụ được.

Bọn lục sư ngoại đạo lại nghĩ:

- Người này xuất thân từ trong dòng dõi vua chúa đương nhiên là thân tướng đẹp đẽ, có gì phải lạ lùng đâu? Ngày nay chúng ta nên sai một người nữa đến dò xem Như Lai có bệnh nóng nảy hay không?

Thế nhưng người thăm dò lại về thưa:

- Cù-đàm ở trong chúng như là đấng Thánh chúa sư tử, vua trong các loài thú, không điều gì lo sợ.

Bọn lục sư ngoại đạo lại nghĩ:

- Người ngu ít trải qua việc đời, say đắm nơi ánh hào quang của ông ta, việc ấy là lẽ thường tình thôi, đâu có gì lạ. Nhưng ông ta xuất thân từ chốn vương cung, ngày đêm đều có sáu muôn ngàn thể nữ theo hầu, cùng nhau vui chơi, ông chưa hề theo thầy học đạo.

Thế rồi họ lại sai một người thông thái đến nghe pháp, xem nghĩa lý được đức Phật nói có giống với bọn phàm phu hay không?

Người ấy sau khi nghe xong về bạch với lục sư ngoại đạo rằng:

- Đạo lý của đức Phật thuyết giảng thông suốt cả cổ kim, điều đã biết trước thì không có bờ mé, cái thấy lại vô cùng, đoán nghĩa phân tích không bị rườm rà, không bị trùng lặp.

Lục sư ngoại đạo lại nghĩ rằng:

- Trên đời này có nhiều nhà lý luận, rất giỏi biện tài, đương nhiên những lý lẽ không thể không tìm tòi tra cứu.

Họ lại tiếp tục sai người đến xem mọi người trong hội chúng nghe pháp có im lặng hay náo loạn?

Người ấy đến quan sát xong lại về bẩm báo:

- Những lời của Đức Cù-đàm nói ra như vị cam lồ, mọi người trong chúng hội đều khát khao được nghe, không có trạng thái chán nản.

Bọn lục sư lại nghĩ:

- Chúng hội vân tập nghe pháp chỉ lúc ban đầu thôi, đến một lúc lâu ắt sẽ giải tán không còn ai.

Thế rồi họ lại sai người đến giỏi hơn đến xem xét thử nghĩa lý của Ngài giảng là thâm thuý hay là cạn cợt.

Nghe xong, người ấy trở về bẩm báo:

- Những lời Cù-đàm nói ra như biển cả không thấy bờ bến, những điều chúng tôi thấy biết thì chỉ là nước trong vết chân trâu. Giờ đây tôi chỉ muốn đến xin làm đệ tử của ông ấy.

Thế là trước sau những người được sai đi thám thích tung tích của đức Phật đều cùng nhau đến chỗ của Ngài, lại có vô số chúng sanh cùng tranh nhau đi đến. Bấy giờ Đức Phật nói kệ:

Ta là tối Chánh giác
Hết thảy pháp không vướng
Nhất thiết trí, không sợ
Đương nhiên không cần thầy.

Các đệ tử của bọn lục sư nghe đức Thế tôn thuyết kệ như thế, những người có tâm vững chắc thì ở lại cầu học đạo, những vị còn do dự thì trở về bạch cùng với Lục sư rằng:

- Đức Phật là đấng tối cao trong ba cõi, pháp của Ngài nói nhiếp cả mười phương, thế thật chẳng ai sánh kịp, chúng ta nên giải tán để tự tìm chí hướng an ổn cho chính mình.

Ta đã không cần thầy
Lấy cô đơn làm bạn lữ
Một mực cầu làm Phật
Tự nhiên thông Thánh đạo.

(Trích kinh Lục Sư Kết Thệ)

3. LỤC SƯ NGOẠI ĐẠO TRANH TÀI VỚI ĐỆ TỬ PHẬT:

Bấy giờ, có vị quốc vương tên Đa Phước, thái tử tên Tăng Phước,

nhà vua thờ bọn lục sư ngoại đạo làm thầy, Thái tử lại có tín tâm tôn thờ Phật đạo, hai cha con mỗi người tôn thờ một giáo chủ.

Hiện thời trong nước ấy không có hàng Sa-môn xuất gia, duy chỉ có một vị cư sĩ áo trắng làm thầy. Trong nước lại có năm trăm ngoại đạo thường hay ganh ghét cư sĩ có danh đức này. Họ cùng nhau tâu vua:

- Trong nước ta tôn thờ hai đạo khiến cho lòng người không cùng chí hướng, nay xin nhà vua cho phép chúng tôi cùng với vị thầy đó thi thố, mỗi bên tự hiển hiện kỳ đức của mình, nếu như bên nào thua thì phải chịu làm nô tỳ.

Nhà vua chuẩn tấu cho bọn họ. Vậy là ngày hôm ấy, bọn ngoại đạo cùng vị thầy này giao kết với nhau, trước tiên nhà vua đưa đề tài thi thố về tài nghệ, cả hai bên đều đồng ý.

Bọn Phạm chí ngoại đạo này đều là những tay thiện xạ, họ liền vào trong núi, cả năm trăm người mỗi người bắn một con nai, kỹ thuật bắn là xuyên thủng từ mắt trái đến sừng.

Hiền giả cũng vào trong núi ngồi niệm Phật, cầu oai thần trợ giúp để làm sáng tỏ đạo lớn. Bỗng nhiên từ dưới đất vọt lên một chú nai năm sắc, ông vui mừng dắt nai về. Bọn ngoại đạo biết việc ấy liền sai người theo dõi đợi hiền giả này ra đi lập tức đến nhà của ông ta nói dối với vợ ông rằng:

- Chồng bà nay muốn bỏ nhà làm đạo sĩ, chỉ cần ngồi trên con nai này thì nhà cửa tự tan nát.

Người vợ nghe như thế rất phẩn nộ, liền đem con nai cho bọn ngoại đạo.

Hiền giả ấy trở về nhà thì không thấy bóng nai đâu liền hỏi người vợ, vợ đáp:

- Con vật xui xẻo tôi đã cho mất rồi.

Người chồng rất buồn bã, ông lại trở vào trong núi, chí thành sám hối bổng đâu có minh nguyệt thần châu từ dưới đất vọt lên, hiền giả liền đem minh châu đến nhà của Phạm chí để bán. Khi vừa đến cửa, vợ Phạm chí nói:

- Nhà tôi cũng có vật quý báu, chúng ta cùng nhau trao đổi.

Vợ Phạm chí dẫn nai ra, hiền giả nói:

- Nhà vua sai tôi quản lý con nai này, sao bà trộm nó, tội bà thật không thể lường được.

Vợ Phạm chí hối hận trả con nai lại.

Đến ngày thi, mỗi Phạm chí đều mang một con nai chết, bị mũi tên đâm vào mắt trái, đã dơ bẩn lại còn hôi thối, nhà vua thấy thế vô

cùng tức giận. Đến phiên hiền giả dắt con nai thần và đem viên minh châu dâng trước điện nhà vua, hai vật này bay lên cùng nhau đùa giỡn phát ra ánh sáng rực rỡ như sao như điện. Người trong cung thấy vậy rất lạ, thích thú, năm trăm Bà-la-môn kia biết mình tranh không nổi nên chịu làm nô dịch, những bà vợ của họ đều làm kẻ tôi tớ.

(Trích kinh Thí Dụ quyển 8)

4. BÀ-LA-MÔN LUẬN SƯ:

Ở Nam Thiên Trúc có vị luận sư dùng đồng niềng vào bụng, đốt lửa cháy trên đầu, đi vào nước Xá-vệ. Có người hỏi ông:

- Vì sao ông làm như thế?

Ông đáp:

- Tôi biết quá nhiều thứ, sợ bể bụng ra, còn đội lửa trên đầu là muốn soi sáng những nơi tối tăm.

Người ta lại bảo:

Ông là một Bà-la-môn ngu si, mặt Trời chói sáng khắp cả thiên hạ, sao ông lại nói là tối tăm?

Ông trả lời:

- Các ông không biết đó thôi, tối tăm có hai loại, đó là không có mặt Trời, mặt trăng, đèn đuốc, và tối tăm, vì không có trí tuệ sáng suốt.

Mọi người lại nói:

- Ông chưa gặp Tỳ-kheo Ha-sĩ đệ tử của đức Phật, sao lại dám thốt những lời như thế?

- Ông đáp:

- Nếu có gặp cùng nói chuyện thì đêm đen lại có mặt Trời toả sáng.

Lúc ấy nhân dân trong thành Xá-vệ muốn để Ngài Ha-đa đệ tử của Phật cùng nghị luận với ông ta. Bấy giờ Ngài Ha-đa nghe việc ấy trong lòng buồn bã, đi vào trong thành. Trên đường vào thành, gặp hai con dê đực cùng đánh nhau, Ngài liền lấy nó ví dụ cho mình:

- Một con dê là Bà-la-môn, một con là ta, ta lại không thắng.

Ông càng buồn, tiếp tục đi tới, lại gặp hai con trâu húc nhau, ông lại nghĩ:

- Một con là Bà-la-môn, một con là ta, nhưng rốt cuộc ta cũng thua.

Tiếp tục đi tới, ông lại gặp hai người đang đánh nhau, ông lại nghĩ như thế, lại cũng không thắng.

Khi sắp bước vào nghị luận, Ngài lại thấy có một người cầm một bình nước đầy, bình nước liền vỡ toang. Ông lại nghĩ:

- Ta toàn gặp những điều không lành.

Bất đắc dĩ ông vào bên trong gặp vị Bà-la-môn ấy, nhìn thấy tướng mạo, mắt mũi tự biết là mình không bằng. Ông mới ngồi chốc lát, mọi người đều lên tiếng:

- Ngài có thể cùng ông ta tranh luận không?

Ông đáp:

- Nay tôi có chút bất an, hãy đợi ngày mai.

Nói xong ông lại quay trở về trú xứ của mình.

(Trích luật Thập Tụng, chương 2, quyển 3)

5. NGƯỜI NƯỚC TRÍ HUYỄN THỜ QUẠ VÀ KHỔNG TƯỚC:

Vào thời quá khứ, có một nước lớn tên là Trí Huyễn, ở vùng biên địa phương Bắc. Người ở trong nước này mang loài chim Quạ qua nước Ba-già-lê, vì ở đó không có loài Quạ này, và loài Quạkỳ diệu khác cũng không có. Người dân nước này thấy được Quạ thì vô cùng vui mừng hớn hở. Họ liền cúng dường phụng thờ, cho Quạ ăn những thứ hoa quả. Khi bắt được tin tức, các loài Quạ ở phương xa đều tụ tập bay về nước này nhiều vô số, vì vậy cả nước đều tôn thờ và phụng dưỡng.

Một hôm, có một người buôn từ nước khác đến, ông mang theo một con chim khổng tước đến. Mọi người trong nước ấy thấy chú chim quý, lông cánh mượt mà, bay nhảy nhanh nhẹn chưa từng có. Nghe khổng tước hót, mọi người rất phấn khởi vui mừng, vì thế họ bèn bỏ chim quạ mà yêu quý chim khổng tước. Trước đây nuôi quạ như thế nào thì bây giờ nuôi khổng tước đầy đủ như thế ấy, tỏ lòng tôn kính và nương tựa chim này. Thấy thế, quạ bèn bay mất, không biết chúng đến nơi nào. Lúc ấy có vị Trời nói kệ:

Khi chưa thấy mặt Trời
Đốm lửa cho là sáng.
Xưa phụng dưỡng loài quạ
Nước uống và hoa qủa
Nghe chim tước hót hay
Như Trời mọc giữa cây
Loài quạ mất cúng dường
Nhìn việc thấy hèn sang.

A-la-hán nói kệ:

Khi Phật chưa xuất thế

Phạm chí được cúng dường
Nay tiếng Phật tròn đầy
Phạm chí mất cúng dường.

Phật dạy:

- Khổng tước xưa chính là ta, loài quạ kia là các ngoại đạo,vị Trời chính là A-nan.

(Trích kinh Khổng Tước)

6. CHUYỆN PHÚ LAN NA CA-DIẾP:

Thời Phật tại thế, trong nước Xá-vệ có một thầy Bà-la-môn tên Phú-lan- na-ca-diếp, đệ tử của ông gồm năm trăm người, vua quan dân chúng trong nước ai ai cũng tôn kính cúng dường ông. Khi đức Thế tôn vừa đắc đạo, Ngài dẫn chúng đệ tử cùng đi từ nước La-duyệt-kỳ đến nước Xá-vệ. Thấy thân tướng của Đức Thế tôn sáng rạng, đạo nghi thanh mỹ, tất cả vua quan dân chúng đều tôn kính. Phú-lan-na-ca-diếp nhìn thấy tình thế như vậy lấy làm ganh ghét, muốn huỷ nhục, hạ thấp đạo phong của Đức Thế tôn, ông tâu với vua Ba-tư-nặc:

- Những vị trưởng lão chúng tôi trước đây đều học tập với những bậc thầy giỏi trong nước, còn Sa-môn Cồ-đàm chỉ mới xuất gia học đạo chưa được bao lâu thật ra chẳng có chút thần Thánh gì mà nhà vua bỏ chúng tôi để đi theo ông ấy! Giờ đây tôi muốn so tài cùng với Phật, ai có uy đức lớn thì nhà vua sẽ vâng theo người ấy, như thế có được không?

- Hay lắm! Nhà vua đáp.

Thế là nhà vua đem chuyện ấy bạch Đức Thế tôn, Ngài đồng ý. Hai bên giao kết với nhau trong thời hạn bảy ngày sẽ cùng nhau tranh đấu tài đức. Nhà vua chọn khu đất rộng lớn bằng phẳng ở phía đông của thành rồi lập toà cao cho hai giáo chủ. Đến ngày hẹn, vua quan dân chúng đều tụ họp về nơi đấu trường, muốn tậ mắt chứng kiến hai vị cao đức cùng tranh tài.

Bấy giờ Phú-lan-na-ca-diếp cùng chúng đệ tử đến trước, họ cùng nhau ngồi lên toà cao, khi ấy Bàn Sư thần vương thấy thái độ vênh váo giả dối của họ liền thổi một trận gió lớn làm cho toạ cụ, tràng phan nghiêng ngã, mưa cát đá bay mịt mù, khiến cho mắt không thể mở ra được. Thế nhưng toà ngồi của Đức Thế tôn vẫn y nguyên không lay động. Lúc ấy, đức Phật cùng đại chúng thong thả từng bước đi đến, tất cả chúng Tăng im lặng theo thứ tự ngồi vào. Thấy thế nhà vua và quần thần thêm phần kính trọng, họ cùng nhau cúi đầu bạch Phật:

- Cúi xin Đức Thế tôn hiển thị oai thần để trấn áp và hàng phục

tà kiến, khiến cho dân chúng cả nước có được niềm tin sáng suốt chánh chơn.

Trên toà cao Đức Thế tôn bỗng nhiên biến mất, Ngài ngự trên Hư không phóng ra ánh đại quang minh, lúc ẩn bên đông, khi hiện qua tây, cứ như vậy ẩn hiện bốn phía trên thân ra lửa, dưới thân hiện nước, nước lửa giao nhau, Ngài biến hoá ra mười hai tướng nằm ngồi trong không trung rồi biến mất, hiện lại ngồi trên toà cao. Trời rồng quỷ thần đều rải hoa thơm cúng dường Ngài, tiếng reo hò khen ngợi vang dội khắp cả Trời đất.

Phú-lan-na-ca-diếp thấy thế tự biết mình bất tài, không thể sánh kịp, bèn ngồi úp mặt không dám ngước mắt nhìn. Lúc ấy Kim cang đại lực sĩ cầm chày Kim cang, đầu chày phát ra lữa lớn để giộng lên đầu Ca-diếp và hỏi:

- Vì sao ngươi không biến hoá?

Ca-diếp thấy thế hoảng sợ, nhảy xuống ba chân bốn cẳng bỏ chạy, năm trăm đệ tử của ông cũng kinh hoảng bỏ chạy tán loạn.

Đức Thế tôn vẻ mặt vẫn thản nhiên, trở về Tinh xá Kỳ-viên, quốc vương và quần thần dân chúng đều vui vẻ cáo từ. Còn Ca-diếp cùng tất cả bọn đệ tử chịu nhục ra về, giữa đường lại gặp phải một Ưu-bà-di già tên Ma-ni mắng nhiếc:

- Bọn ông ngu si, không biết tự lượng sức mình muốn cùng Phật so phép thuật, ngu si dối trá không biết hổ thẹn, từ nay trở đi chớ vác mặt trên lui tới trên thế gian này nữa.

Ca-diếp hổ thẹn, dẫn đệ tử đến bên bờ sông và dối bảo họ:

- Giờ đây ta muốn lao dầu xuống nước chắc chắn sẽ sanh lên Trời Phạm thiên, nếu ta không trở về thì ắt có tin vui.

Các đệ tử đợi ông mãi không thấy về bèn bảo nhau:

Thầy mình chắc đã lên Trời rồi, giờ chúng ta phải nương tựa vào đâu đây? Thế là mọi người đều nhảy xuống nước theo thầy, không biết tội dẫn dắt đạo vào địa ngục. Ngày hôm sau quốc vương nghe tin ấy rất sợ hãi mới đến chỗ đức Phật thưa:

- Bạch đức Thế tôn, thầy trò Ca-diếp vì duyên cớ gì mà đến nỗi như thế?

Đức Phật bảo:

- Thầy trò Ca-diếp mang hai tội nặng. Thứ nhất ông ta bị ba độc tham sân si hừng hực trói buộc thế mà tự cho là đã chứng đạo. Thứ hai là huỷ báng Như Lai để mong cầu có được sự cung kính. Hai tội này đáng bị rơi vào địa ngục. Do tội lỗi bức bách nên khiến cho họ phải chết

chìm. Thân chết thần hồn lại đi chịu quả báo khổ vô lượng.

Ngày xưa có hai con vượn chúa, mỗi con cai quản năm trăm con vượn. Một con vượn chúa sanh lòng đố kỵ, ganh ghét, muốn giết chú vượn chúa kia, ngầm có ý muốn một mình cai quản tất cả đàn vượn liền đến đánh nhau với chú vượn kia. Vượn này đánh mấy phen nhưng phen nào cũng không thắng nỗi vượn kia nên xấu hỗ ra về. Trên đường về có một eo biển lớn, gió lớn nên bọt sóng được tấp vào đó thành một hòn núi cao đến cả vài trăm trượng. Vượn chúa rất ngu si, thấy đống bọt tự cho là núi tuyết, rồi lại bảo các môn đệ của nó:

- Từ lâu ta đã nghe trong biển có núi tuyết, trong ấy có đủ các thứ vui chơi, trái cây ngọt ngào, ăn chơi thoả thích, hôm nay ta mới gặp được. Để ta vào trước xem thử, nếu quả thật là vui vẻ thì ta không trở lại, còn nếu không vui thì ta sẽ quay lại bảo với các ngươi.

Bấy giờ vượn chúa này leo lên trên cành cây cao nhất dùng hết sức để nhảy, lao mình xuống đám bọt biển ấy nên phải bị chết chìm dưới đáy biển. Đàn vượn còn lại không thấy vượn chúa quay về nên cùng bảo nhau ở trong đó chắc chắn là vui lắm. Thế là từng con lao xuống mà chịu chết hết cả bầy.

Đức Phật kết luận:

- Vượn chúa có lòng đố kỵ, ganh gét kia nay chính là Phú-lan-na Ca-diếp, năm trăm đệ tử của ông chính là đàn khỉ thuở xưa.

(Trích kinh Pháp Cú Thí Dụ quyển 4 và kinh Hiền Ngu)

7. TIÊN NHÂN TU HẠNH NHẪN NHỤC:

Xưa có tiên nhơn Sằn-đề tu hạnh nhẫn nhục ở trong rừng sâu. Một hôm có vua Ca-lợi dẫn các cung nữ vào dạo chơi trong rừng, họ cùng nhau dừng lại ăn uống. Sau khi ăn uống xong, nhà vua ngủ thiếp đi, các cung nữ thấy nhà vua ngủ nên cùng nhau kéo vào trong rừng sâu hái hoa, bọn họ thấy vị tiên nhân này thì sanh lòng kính trọng, sau khi đảnh lễ xong họ đứng qua một phía. Bấy giờ vị Tiên nhân này nói hạnh nhẫn nhục và từ bi cho mọi người nghe. Lời nói của Ngài thanh tao khiến cho mọi người nghe không chán nên các cô đã quên mất giờ về.

Sau khi thức dậy, nhà vua không thấy các cung nữ của mình đâu liền tuốt kiếm ra khỏi vỏ và lần theo dấu đi tìm. Nhà vua thấy họ đang quây quần trước vị Tiên nhân, lòng đố kỵ nổi lên, ông trợn mắt và vung kiếm chỉ vị tiên nhân, hỏi:

- Ngươi đang làm gì?

Tiên nhân đáp:

- Tôi đang tu tập hạnh nhẫn nhục ở đây.

- Vậy thì giờ đây ta thử dùng kiếm bén xẻo tai mủi của ngươi, chặt đứt chân tay của ngươi, nếu ngươi không nổi giận mới chứng tỏ rằng là ngươi có tu hạnh nhẫn nhục hay không?

- Ngài cứ tự nhiên, vi tiên nhân đáp.

Nhà vua liền tuốt kiếm cắt đứt tai, mũi và chặt đứt chân tay của ông rồi hỏi tiếp:

- Tâm ngươi có dao động không?

- Tôi tu hạnh nhẫn nhục tâm không lay động, Tiên nhân đáp.

- Ngươi ở đây một mình, không có thế lực, tuy miệng nói không dao động nhưng ai có thể tin được? Nhà vua nói.

Lúc ấy vị tiên nhân liền phát lời thề nguyện:

- Nếu tôi thật tu hạnh nhẫn nhục thì máu tôi sẽ biến thành sữa.

Vừa phát nguyện xong, lập tức máu ông liền biến thành sữa. Nhà vua thấy thế hết sức kinh sợ bèn dẫn các thể nữ bỏ đi. Bấy giờ trong khu rừng, long thần thấy sự việc như thế nổi sấm chớp ầm ầm, đá núi đổ xuống khiến cho nhà vua bị hại chết không thể trở về cung.

(Trích Trí Luận quyển 4)

8. CÔNG ĐỨC CHÉP KINH:

Xưa có vị tiên nhân tên Loa-văn, một lòng tinh tấn nhưng chỗ ở lại không có người phạm hạnh. Có người nói:

Như Ngài Loa-văn tuy có hạnh thanh tịnh nhưng không có chỗ ở thanh thanh tịnh hơn.

Loa-văn chép sách, gió mưa không thể làm hư hoại được, khiến cho người thế tục tu phạm hạnh như Sa-na-hàm, ở nhà quyến thuộc vây quanh, đó chẳng phải hạnh thanh tịnh ư? Cảnh giới thần túc không thể nghĩ bàn.

(Trích kinh Bà Tu Mật quyển 6)

9. NHÂN DUYÊN BỐN TIÊN NHÂN ĐẮC ĐẠO:

Bấy giờ đức Thế tôn đang ở tại La-duyệt-kỳ để giảng nói chánh pháp, các Ni-kiền-tử lòng buồn bã. Lúc đó ở núi Lê-di có năm trăm vị tiên nhân, nhóm Ni-kiền-tử sai người đến hỏi:

- Thế gian này có Phật tự cho mình đắc đạo, thần thông đệ nhất, ông ta không bằng chúng ta mà tự cao tự đại, nay xin các đại sự hạ mình trợ giúp, đem chỗ cốt yếu của đạo đến tranh luận để huỷ diệt đạo của ông ta, được như thế thì danh tiếng của các Ngài sẽ vang xa.

- Hay lắm! Các tiên nhân đáp.

- Nay ta sẽ cho bốn vị tiên nhân đến vấn nạn Cù-đàm.

Thế rồi, nhóm Ni-kiền-tử đi rao khắp trong nước, bảy ngày sau sẽ có bốn vị Phật vào nước để hoá độ mọi người. Đến ngày hôm ấy, bốn người hiện thần thông biến hoá từ trên Hư không bay đến, mỗi người bay một hướng vào thành. Mọi người thấy thế liền bảo nhau đúng là Phật rồi. Ni-kiền-tử liền sai người đến thưa với Phật:

- Ngài có thể đến giảng đạo không?

- Trưa nay ta sẽ đến, đức Phật đáp.

Nhóm Ni-kiền-tử vui vẽ nói:

- Cù-đàm sợ không sánh bằng nên dối không đến trước.

Mọi người đều cho là đúng.

Đức Phật liền khiến cho trên không trung bốc lửa, từ bốn phía bay đến. Bốn vị tiên nhân này bay lên hướng Nam thì lửa cũng bay theo hướng Nam, bốn bề nóng hừng hực làm cho họ kinh hoảng nằm mọp sát đất. Chỗ Phật hiện tại rất mát mẻ, bốn vị tiên nhân ấy vì quá nóng nên tìm đến chỗ mát thì đã đến ngay trước mặt của Phật. Đức Thế tôn liền thuyết pháp cho họ nghe, cả bốn người đều xin làm Sa-môn và chứng quả A-la-hán.

Xong việc, đức Phật vào thành, mọi người trong thành nói:

- Bạch đức Thế tôn, hồi sáng chúng con nhìn thấy có bốn vị Phật bay trên không trung.

Đức Phật liền đưa tay chỉ bốn người ơ hai bên Ngài và nói:

- Bốn vị Phật đó chính là bốn vị A-la-hán này.

(Trích kinh Thí Dụ bộ 10 quyển, quyển 5)

10. TIÊN NHÂN MẤT THẦN THÔNG ĐOẠ VÀO ÁC ĐẠO:

Xưa có tiên nhân tên Uất-đà-la-dà chứng được năm thần thông. Môt hôm ông bay vào cung vua để ăn uống, đại phu nhân của nhà vua tiếp đãi theo phép nước, đảnh lễ sát đất. Khi tay của phu nhân chạm vào ông ta liền mất thần thông.

Bấy giờ không còn bay được nữa, ông liền xin nhà vua cho xe đưa về trú xứ của mình. Ông đi thẳng vào trong rừng để tu tập, tìm lại năm thần thông mà mình đã mất. Một lòng mong thành tựu, thế nhưng trên cây lại có con chim cứ hót mãi khiến cho tâm ý của ông rối loạn không sao định được.

Thấy không ổn, ông liền đi đến bên bờ suối để nhập định thì lại nghe tiếng cá quẩy làm động nước, thế là ông ta cũng không thể nhập

định được, ông nổi giận, giết sạch bầy chim cá. Không bao lâu thì ông ta nhập được định và sanh vào cõi Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ. Sau khi ở cõi này mạng chung,ông lại đầu thai làm loài Phi li, thường lủi đi ăn sạch các loài chim cá, tạo ra vô lượng tội ác và sanh vào ba đường ác.

(Trích luận Đại Trí Độ quyển 17)

11. MẤT THẦN THÔNG VÌ NỮ SẮC:

Bấy giờ vua Ưu-đà-diên dẫn các cung nhân thể nữ hầu cận vào dạo chơi trong rừng Uất-độc-ba-đà-sơn, trừ vua ra còn toàn thể là người nữ giới, họ cùng nhau vui hưởng dục lạc. Tiếng nói Thánh thót tuyệt vời sánh như các thứ hương thơm nổi tiếng. Trong đám thể nữ, có người khoả thân mà ca múa. Đang vui chơi thì có năm trăm vị tiên nhân đang bay đến, thấy hình dáng yểu điệu và lời hát thanh tao, hương thơm phưởng phất làm cho họ say đắm mà mất hết thần túc, giống như chim gảy cánh rơi xuống giữa rừng.

Nhà vua nhìn thấy liền đến hỏi:

- Các ngươi là ai?

- Chúng tôi là Tiên nhân. Các vị ấy đáp.

Vua lại hỏi:

- Các vị đã đắc phi tưởng phi phi tưởng xứ chưa?

- Chưa đắc. Họ trả lời.

- Các vị chứng sơ thiền chưa?

- Từng chứng nhưng đã mất.

Nhà vua nghe các vị ấy trả lời như thế liền nổi giận nói:

- Chẳng phải là các người có dục tâm nhìn thấy sức hấp dẫn của các cung nhơn ta mà mất thần túc sao?

Nói xong, nhà vua rút kiếm chém đứt hết chân tay của năm trăm tiên nhân.

(Trích luật Sao-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa quyển ba mươi ba)

12. SỰ NGUY HIỂM CỦA NỮ SẮC:

Ngày xưa, Ưu-đà-la-ma-tử được nhà vua cúng dường thức ăn. Mỗi khi đến giờ, ông liền vận thần thông bay lên Hư không đến cung. Nhà vua rất ngưỡng mộ và đón tiếp ông, thỉnh ngồi trên long sàng rồi lấy những thức ăn của các tiên nhân thường ăn để cúng dường cho ông. Thông thường,sau khi cơm nước xong, ông rửa bát súc miệng và nói kệ chú nguyện rồi theo Hư không bay về.

Một hôm, nhà vua có quốc sự nên phải đi ra khỏi cung, ở nhà

không có người dâng cơm nước cho tiên nhân ấy e sợ ông ta nóng tánh, hoặc nổi sân mà chú nguyện hại mình, hoặc chú nguyện cho mình mất ngôi. Vì thế nhà vua mới bảo con gái mình:

- Vị tiên nhân kia đến, con có thể theo như cách ta làm trước giờ mà cúng dường ông ta được không?

- Dạ được thua phụ hoàng. Công chúa đáp.

Nhà vua tha thiết dặn dò con gái mình phải hết lòng cúng dường xong, ông mới yên tâm đi kinh lý.

Hôm sau đến giờ ăn, vị tiên nhân đằng mây bay đến. Công chúa cẩn thận làm theo lời cha dặn, đích thân nghinh tiếp và đỡ ông lên long sàng. Thân thể của công chúa vừa mềm mại vừa mịn màng, vị tiên nhân vừa chạm vào tức thời mất thần túc. Sau khi ăn uống, rửa bát, súc miệng và nói kệ chú nguyện xong, tiên nhân muốn bay về nhưng không thể bay được. Sau vương cung có một hoa viên, ông liền vào trong vườn tu tập để tìm lại thần túc, nhưng lại tiếng voi ngựa, xe cộ nên không thể nhập định được.

Bấy giờ người trong thành lại nghĩ:

- Nếu như vị tiên nhân này mà đi trên mặt đất thì dễ dàng cho chúng ta thân cận, lễ bái.

Vị tiên nhân có trí thông minh, khéo dùng phương tiện, ông nói với công chúa rằng:

- Cô ra ngoài nói với mọi người trong thành biết, hôm nay ta sẽ đi bộ từ trong cung vua ra, các vị ấy muốn gì thì tuỳ ý.

Công chúa theo lời ông, liền ra nói cho dân chúng dọn dẹp đường sá sạch sẽ, chớ để sỏi đá nhơ bẩn, treo phướng, thắp hương, rải các loài hoa trang sức tươi đẹp.

Tiên nhân đi bộ ra khỏi cung chưa bao xa, liền trốn vào trong rừng rậm để nhập định tìm lại thần túc, nhưng bị các loài chim reo hót nên nhập định cũng không được.

Vị này liền bỏ khu rừng đi đến ngồi bên bờ suối, tu tập theo pháp cũ để tìm lại thần túc nhưng bị chướng ngại bởi tiếng của các loài cá, rùa nên không thể tu tập được.

Ông liền leo lên trên núi cao suy nghĩ rằng:

- Hôm nay sở dĩ ta mất pháp lành là do chúng sanh cả, bao nhiêu thiện pháp hạnh lành có được có thể khiến cho ta làm chúng sanh như vậy, có thể hại tất cả thế gian, những loài chim bay thú chạy, loài bơi lội dưới nước đều không thoát khỏi tay của ta.

Vừa phát lời thề độc ác này xong thì ông ta lìa bất động địa sanh

lên cõi Trời Hữu Đảnh phi tưởng phi phi tưởng xứ, cửa cam lồ hé mở, ruộng vườn yên tịnh. Trong tám vạn kiếp ông ở trong thanh vắng nhàn hạ. Khi phước lành hết, ông lại sanh xuống trần gian, đầu thai làm con chồn trong rừng cầy Đáp-ba, thân dài năm mươi do tuần, hai cánh một cánh rộng khoảng năm mươi do tuần, tổng cộng thân dài một trăm năm mươi do tuần. Vì mang thân lớn nên nó giết hại tất cả các loài chúng sanh bay trên không, trên đất liền và trong nước, không có loài nào mà thoát khỏi cái chết. Khi mạng chung, ông ta phải đoạ vào địa ngục A-tỳ.

(Trích Sa-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa quyển ba mươi ba)

13. ĐỀ BA DIÊN NA ĐẮM NHIỄM ÂM THANH:

Lúc bấy giờ đức Phật chưa xuất thế, vua Trời Đế thích thường đến chỗ tiên nhân Đề-ba-diên-na để nghe pháp. Một hôm, ông cưỡi xe báu muốn đến chỗ tiên nhân, Xá-chi thầm nghĩ:

- Hôm nay Đế thích bỏ ta muốn đi đến chỗ cung nữ khác.

Thế rồi Xá-chi liền ẩn hình trên xe của Đế thích, do không thấy nên Đế thích đánh xe đến chỗ tiên nhân. Đến nơi, ngoái đầu nhìn lui, Đế thích thấy có Xá-chi, ông hỏi:

- Vì sao ngươi đến đây? Tiên nhân không muốn nhìn thấy người nữ, ngươi hãy về cung đi.

Xá-chi không chịu đi về, Đế thích liền lấy cộng hoa sen đánh, cô liền dùng lời nói ngọt ngào của người nữ để tạ tội với Đế thích. Bấy giờ Tiên Nhân nghe thấy tiếng dịu dàng ấy khởi tâm ái nhiễm, búi tóc liền rơi xuống, mất nhĩ thông.

(Trích Sa-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa quyển ba mươi ba)

14. TIÊN NHÂN HÀNH DÂM VỚI HỔ:

Ngày xưa có vị tiên nhân tên Bạt-già-bà ở trong núi Tuyết, chuyên ăn trái cây uống nước suối để sống và tu tập hạnh từ bi, nhưng ông chưa đoạn sạch được các kiết sử phiền não. Một hôm, ở chỗ của ông có một con hổ cái, vị tiên nhơn này cùng hành dâm với nó, về sau hỗ mẹ mang thai. Đủ ngày tháng, cọp đến chỗ tiên nhân, sinh ra mười hai đứa con. Thấy thương xót, tiên nhân đem con đi tắm gội và nuôi dưỡng nó, cọp mẹ thương con thường đến cho con bú đúng thời. Tiên nhân đặt tên cho mỗi đứa con của mình là:

Kiết-già, Bạt-bà-già, Hổ, Sư tử, Đảm Trọng, Bà-la-đoạ-xà, Bộ Hành, Bà-la-nô, Kiền Thực, Ác Tánh, Sư Tử Đảm, và Kiền Hành.

Năm lên bảy tuổi, chúng có thể ăn rể cây và hoa trái. Cha mẹ đều đã qua đời nên lòng các con sầu não, không nơi nương tựa, chúng ngửa mặt lên Trời kêu khóc.

Thấy thế, Thần cây mới an ủi:

- Các con đừng khóc nữa, ngày đêm sáu thời tắm gội sạch sẽ rồi hướng lên Hư không đảnh lễ cầu xin Phạm thiên. Phạm thiên nghe được sẽ đến chỗ của các con để giải trừ si ám, sẽ ban cho con trí tuệ sáng suốt và sẽ cung cấp cho các con.

Trải qua mười hai năm vâng lời dạy của Thần cây, bấy giờ Trời Đế thích, Phạm thiên ở tầng Trời thứ ba mươi ba cùng vô số quyến thuộc đến cung cấp thức ăn cho chúng và hỏi:

- Vì sao suốt mười hai năm các con tinh cần khổ hạnh, đảnh lễ cúng dường ta là để cầu xin việc gì?

Chúng đều đáp:

- Chỉ xin Đại sĩ hãy ban cho con trí tuệ để chúng con biết được nghiệp thiện ác và việc thọ khổ hưởng vui.

(Trích kinh Đại Tập quyển 24)

15. THẤY SẮC ĐẸP MẤT THẦN THÔNG:

Vào thời quá khứ lâu xa về trước có vị Tiên nhân tên Bát-kiếp đắc được năm thần thông. Mỗi khi được quốc vương cúng dường, ông thường vận thần thông bay đến vương cung để thọ trai. Sau khi thọ trai xong, ông lại cởi mây bay về. Mỗi lần thiết bày yến tiệc cúng dường, nhà vua thường xoả tóc cho vị Tiên nhân này bước qua rồi cũng tự tay vua sớt cả trăm món thức ăn ra đãi ông, việc làm của nhà vua kéo dài đến cả năm. Một hôm nhà vua bận công việc phải đi xa, không tiếp đãi Tiên nhân được. Ông có cô công chúa đẹp tuyệt vời, trên đời không ai sánh kịp, lúc ấy chưa xuất giá nhà vua rất yêu quý cô. Vua bảo:

- Trẫm phụng sự tiên nhân không dám trái ý, hôm nay có công việc, trẫm phải đi xa, con hãy thay trẫm thiết đãi vị ấy giống như trẫm làm vậy.

Đến giờ, vị tiên nhân từ Hư không hạ xuống, bước vào điện. Công chúa thấy vị tiên nhân này đến liền cung kính đỡ ông ngồi lên giường. Bấy giờ, tiên nhân chạm vào thân thể mềm mại của cô gái, tâm dục khởi lên mạnh mẽ, không kịp kiềm chế, vì vậy thần thông của ông biến mất. Ông ta vội tư duy và kinh hành để mong tìm lại thần thông của mình nhưng không được, bèn đi bộ ra khỏi cung. Bấy giờ trên đường có mấy nhiều người ra chiêm ngưỡng. Sau khi nhà vua xong việc trở về

nghe tin tiên nhân vì khởi niệm ái nên mất thần túc không thể bay được. Đêm ấy, nhà vua một mình đến nội cung, thấy tiên nhân, ông vội đảnh lễ và nói kệ:

Trẫm nghe đại Phạm chí
Xưa nay đều cúng dường
Nhưng Ngài học những gì
Cớ sao còn sắc dục.

Bát-kiếp đáp:

- Đại vương, tôi thật sự làm đúng như lời Thánh nhân dạy.

Vua nói:

Không xét trí hiện có
Khéo gìn giữ chánh niệm
Giả sử khởi dục tâm
Làm sao nhiếp nghiệp xưa.

Bát-kiếp đáp:

Ái dục mất nghĩa lợi
Tâm dâm bừng khởi dậy
Nay nghe lời vua nói
Xả ngay niệm ái dục.

Từ đó Tiên nhân hổ thẹn, tự trách tâm mình, ngày đêm tinh tấn tu tập để tìm lại thần thông.

Đức Phật kết luận, tiên nhân xưa kia nay chính là Xá-lợi-phất, vị quốc vương ấy nay chính là ta.

(Trích kinh Tiên nhân Bát-kiếp)

16. TIÊN NHÂN NHIỄM ÁI DỤC BỊ DÂM NỮ CƯỠI CỔ:

Ngày xưa, trong vùng núi thuộc địa phận của nước Ba-la-nại có một vị tiên nhân ẩn tu. Hôm ấy gặp rằm trung thu, ông ra ngoài tiểu tiện thì thấy hai con nai giao hợp, lòng dục của ông ta trổi dậy, tinh khí của ông chảy ra và dính trên tảng đá. Không bao lâu, nai kia đến uống nước tiểu của tiên nhân thì nó liền mang thai. Đủ ngày tháng, nai đến trước nhà tiên nhân sanh ra một người con, trên đầu có mọc sừng, chân giống như chân nai, sanh xong nai mẹ bỏ đi. Tiên nhân đi ra thấy con của nai sinh ra, ông suy nghĩ thì nhớ ra là duyên xưa của mình, ông phải bồng con vào nuôi dưỡng. Đến khi khôn lớn, ông ân cần dạy cậu học hành, thông suốt mười tám bộ kinh lớn, lại học toạ thiền, thực hành bốn tâm vô lượng, chứng được năm thần thông. Một hôm cậu bé lên núi gặp lúc Trời mưa to, đường trơn trợt, đi không vững nên trượt té, bị thương ở

chân. Cậu bé nổi giận mắng rủa, trì chú khiến cho Trời ngừng mưa. Do phước đức của tiên nhân nên các vị Long vương, quỷ thần không còn làm mưa nữa, vì thế nên lúa gạo hoa màu đều phải chết khô, nhân dân đói nghèo không còn lối sống. Thấy thế, vua nước Ba-la-nại buồn lo sầu khổ, ra lệnh họp quần thần cùng nhau bàn bạc.

Trong đó có một vị đại thần rất giỏi bảo:

- Thần nghe nói có vị tiên nhân một sừng, vì leo núi bị thương chân nên ông đã trì chú khiến cho mười hai năm không mưa.

Nhà vua liền ra yết thị chiêu mộ nhân tài, nếu có ai khiến tiên nhân kia mất phép thuật thì ta sẽ chia nửa nước cho người ấy cai trị.

Bấy giờ trong nước của vua có một dâm nữ xinh đẹp tên là Thiến Đà đi đến theo lời mời của nhà vua. Cô nói:

- Nếu đó là người thì tôi có thể phá phép thuật ấy.

Nói xong, cô ta lấy mâm vàng, đựng vô số châu báu rồi thưa cùng vua:

- Tôi sẽ cưỡi thiên nhân đó đến đây.

Dâm nữ liền xin năm trăm cỗ xe chở năm trăm cô gái xinh đẹp, năm trăm xe nai chở nhiều thuốc hoan hỉ, thuốc này đều dùng các loài cỏ hợp lại chế ra, lại đem nhiều thứ rượu mạnh, màu sắc mùi vị như nước rồi đến cất ngôi nhà ở bên cạnh nhà của vị tiên nhân này, mặc áo bằng vỏ cây, đi dạo trong rừng giống như tiên nhân.

Tiên nhân một sừng đi chơi về thấy mọi người đầy đủ, các cô gái xinh đẹp đều ra hái hoa để cúng dường tiên nhân, thấy thế tiên nhân rất vui vẽ. Các cô lại dùng lời ngọt ngào chào hỏi tiên nhân rồi dẫn ông vào nhà ngồi trên nệm tốt, đem loại rượu ngon cho là nước mát, lấy thuốc hoan hỷ làm trái cây ăn. Tiên nhân ăn uống no say rồi bảo các cô:

- Từ khi ta sanh ra đến nay, ta chưa bao giờ được ăn trái cây ngọt và uống nước ngọt no say như thế này.

Các cô bảo:

- Chúng em một lòng làm thiện, cho nên Trời ban cho chúng em có được loại nước trái ngon như vậy.

Tiên nhân hỏi:

- Các cô làm sao mà da dẻ tươi tắn như thế?

- Các em thường ăn loại trái cây và nước ngọt này.

- Vậy các cô có ở lại đây không?

- Các em có thể ở lại.

Các cô gái bảo tiên nhân cùng đi tắm chung. Bàn tay cô gái mềm mại, chạm vào người ông ta, tâm ông rúng động liền hành dâm với các

cô, tức thời mất pháp thuật.

Bấy giờ Trời bắt đầu mưa to, suốt bảy ngày bảy đêm, tiên nhân được thuốc hoan hỷ uống ăn bảy ngày, thức ăn và rượu cũng đã hết, cuối cùng các cô lấy nước và trái cây trong núi đưa cho ông ăn, mùi vị của nó không ngon nên ông lại đòi những món ngon lạ trước kia. Các cô cùng nhau bảo là đã hết, bây giờ chúng ta cùng nhau đi lấy, cách đây không bao xa, chúng ta có thể đến đó.

Tiên nhân nói tuỳ ý.

Họ cùng nhau dẫn đi, cách thành không bao xa, cô gái liền nằm lăn trên đất và nói:

- Em mệt quá không còn đi nổi nữa.

Tiên nhân nói:

- Nếu nàng không đi nổi thì hãy cưỡi lên cổ của ta, ta sẽ cõng nàng đi.

Cô gái cho người báo tin trước với nhà vua, nói nhà vua tạm ra ngoài xem tài trí của tôi.

Nhà vua ra ngoài trông thấy vậy liền hỏi cô làm sao được như thế?

- Tôi dùng chút mẹo vặt chứ không có gì khác.

Nhà vua cho ông ta ở trong thành và cúng dường cung kính, đem những thứ ông ưa thích cho ông ta ăn và phong cho ông làm đại thần. Ở trong thành được vài hôm, thân hình ngày càng gầy ốm, ông liền nhớ đến thiền định, chán ngán dục lạc của thế gian này.

Thấy vậy nhà vua hỏi:

- Vì sao Ngài không vui?

- Tuy hưởng năm món dục lạc nhưng lòng luôn nhớ đến núi rừng.

- Tôi vì muốn trừ hoạn khô hạn, nào đâu giám cưỡng đoạt ý chí của Ngài. Nhà vua nói.

Nhà vua liền cho người đưa ông ta về núi. Đến nơi ông một lòng tinh tấn tu tập và không bao lâu chứng lại năm thần thông.

Đức Phất nói:

Tiên nhân xưa nay chính là ta. Dâm nữ kia nay là Thâu-đà-la.

(Trích luận Đại Trí Độ quyển 11)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 40

1. Siêu Thuật được Phật Định Quang thọ ký
2. Giấc mơ của Phạm chí Bảo Hải
3. Nghe pháp hết buồn khổ
4. Phạm chí Ma-nhân-đề gả con cho Phật
5. Phạm chí mất con, về sau gặp Phật đắc đạo
6. Tiêu của tín thí
7. Phạm chí cúng dường bát mật cho Phật
8. Phạm chí từ xa đến học đạo, gặp phải năm việc thiếu suy nghĩ
9. Bốn anh em Phạm chí cùng chết trong một ngày
10. Phạm chí bỏ vợ đẹp, sau hối hận
11. Quả báu do tùy hỷ việc ác
12. Phạm chí vì mất lợi dưỡng, nên giết người nữ vu báng cho Phật

1. SIÊU THUẬT ĐƯỢC PHẬT ĐỊNH QUANG THỌ KÝ:

Vào thời Đức Phật Định Quang, ở nước Bát-ma-đại, bốn chúng đệ tử Phật đông vô số, họ đều được cúng dường đầy đủ các thứ cần dùng. Bấy giờ, gần núi Tuyết có Phạm chí tên Da-nhã-đạt, rất giỏi thiên văn địa lý, tinh thông thư số văn tự. Ông ta có một người đệ tử tên Lôi Vân rất thông minh hiểu rộng, thông suốt mọi việc. Phạm chí Da-nhã-đạt rất yêu quý người đệ tử này, nên hết lòng dạy dỗ không lìa xa nữa bước.

Một hôm, Phạm chí Lôi Vân nghĩ: "Những điều cần học ta đã học hết, nay ta muốn báo ơn thầy nhưng ta lại quá nghèo. Muốn có phẩm vật dâng thầy ta nên đến nước Bát-ma-đại để xin phẩm vật để cúng dường thầy." Người thầy nghĩ: "Đứa đệ tử này ta rất yêu quý, giả như có chết ta còn không muốn rời, huống là bỏ ta mà đi!" Ông ta bèn làm một câu văn gồm năm trăm chữ rồi bảo Lôi Vân học thuộc. Chỉ ít hôm sau Lôi Vân đã học xong câu văn ấy. Bấy giờ Da-nhã-đạt bảo năm trăm đệ tử:

- Phạm chí Lôi vân này đã thông thạo các môn, đã có thể lập danh.

Da-nhã-đạt liền đổi tên Lôi Vân là Siêu Thuật. Mấy hôm sau Siêu Thuật lại thưa thầy:

- Những lời thầy dạy con đã học thông suốt, những học thuật trong sách vở con cũng đều xem qua, nay đã đến lúc con phải báo ơn thầy.

Thầy đáp:

- Con nhận định như vậy là đúng!

Siêu Thuật lễ tạ thầy rồi ra đi. Bấy giờ gần thành Bát-ma-đại có tám vạn bốn ngàn Phạm chí cùng tụ hội tại nhà một một nơi, bàn tổ chức một đại lễ cùng thi tài nghị luận. Vị đệ nhất thượng tòa đọc tụng thư sớ không ai hơn. Nên được năm trăm lượng vàng, một gậy vàng, một bình sữa bằng vàng và một ngàn con bò. Nếu ai thắng nổi vị thượng tòa này sẽ được phần thưởng ấy

Siêu Thuật thấy vậy nghĩ: "Ta cần gì phải đến xin từng nhà, chi bằng đến đó để cùng vị thượng tòa tranh tài."

Nghĩ vậy Siêu Thuật liền đi thẳng đến chỗ ấy. Các Phạm chí xa thấy Siêu Thuật vội kêu lên:

- Tuyệt quá! Lễ cúng tế hôm nay được lợi lớn, nên Phạm thiên mới đích thân đến đấy.

Tất cả Phạm chí trong hội đều đứng dậy nghinh đón Siêu Thuật:

- Quý hoá thay! Đấng Phạm thiên đã đến!

Siêu Thuật đáp:

- Thôi đi các hiền giả, tôi chẳng phải là Phạm thiên. Các vị há không nghe phía Bắc núi Tuyết có bậc thầy của Đại Phạm chí tên Da-nhã-đạt ư? Ta là Siêu Thuật đệ tử của vị ấy.

Siêu Thuật lại quay sang nói với vị thượng tòa:

- Nếu Ngài giỏi các môn học thuật thí xin hãy cùng tôi tranh luận.

Vị đệ nhất thượng tòa liền tụng ba tạng kỹ thuật không sót một chữ. Siêu Thuật nói:

- Tôi sẽ nói một câu năm trăm chữ!

Vị thượng tòa đáp:

- Tôi không hiểu được!

Siêu Thuật lại tụng ba tạng kỹ thuật vả một câu năm trăm chữ nói về tướng của bậc đại nhân. Tất cả các Phạm chí đều khen là điều, lạ xưa nay chưa từng có,và đây là lần đầu tiên mới nghe về tướng của bậc đại nhân. Họ thỉnh Siêu Thuật lên toà cao nhất. Vị thượng tòa kia vô cùng tức giận và thề:

- Người này đã chiếm đoạt địa vị của ta, ta thề về sau ông ta sanh ra ở bất cứ nơi nào và muốn làm việc gì ta cũng đều theo phá hoại.

Bấy giờ, họ liền cúng dường Siêu Thuật đúng như pháp. Siêu Thuật nói:

- Tôi chỉ lấy tiền vàng tiền bạc mỗi thứ năm trăm miếng, còn bao nhiêu tôi xin trả lại thí chủ, còn bình vàng tôi xin biếu cho một người nữ, một ngàn con bò trả lại cho thí chủ. Tôi không quen tham nhiều, cũng không tích chứa tài sản.

Sau đó, Siêu Thuật đi đến nước Bát-ma-đại. Gặp năm trăm Phạm chí tuổi cao đức trọng ở cửa thành phía đông, Siêu Thuật cúng cho mỗi vị một đồng tiền vàng. Nhằm ngày nắng gay gắt, vua Quang Minh thỉnh Đức Định Quang Như Lai và chúng Tỳ-kheo đến cung nhận cúng dường. Vua cúng dường thức ăn và nhiều y phục cho các Tỳ-kheo. Vua lại ra lệnh quét dọn sạch sẽ, treo tràng phan bảo cái, rưới nước thơm trên đất, trỗi kỹ nhạc tưng bừng. Bấy giờ Siêu Thuật thấy một cô gái tên Thiện Vị cầm 7 cành hoa và một chiếc bình đi lấy nước. Siêu Thuật nói với cô ta:

- Tôi muốn mua hoa?

- Tôi không bán, tôi để dâng lên Phật!

Siêu Thuật liền lấy năm trăm tiền bạc xin đổi năm cành hoa. Cô gái vì tham tiền nên đồng ý. Đi được mấy bước người nữ ấy lại nghĩ: "Người này dung mạo khôi ngô tuấn tú lại không tiếc tiền bạc". Cô bèn gọi Siêu Thuật lại hỏi

- Chàng mua hoa làm gì?

- Tôi mua cúng dường Phật!

- Cho tôi gửi hai cành hoa này lên Phật, tôi nguyện đời sau được làm vợ chàng!

- Bồ Tát không có tâm tham tiếc, nếu có vợ thì đạo tâm tôi sẽ bị trở ngại!

- Tôi sẽ không bao giờ làm trở ngại hạnh nguyện của chàng. Nếu chàng có đem tôi bố thí tôi cũng bằng lòng

Siêu Thuật đồng ý, rồi đem hoa đến cúng dường Đức Phật Định Quang.

Đức Phật Định Quang nói:

- Bồ Tát làm việc gì cũng không hề tham tiếc.

Siêu Thuật đáp kệ:

Cha mẹ cùng chư Phật
Như Trời trăng chiếu sáng

Không thể đem cho người
Thứ khác đều cho được.

Lại nói tiếp:

Phải chịu nhiều kiếp khổ
Thí đầu mắt tay chân
Vợ con nước tài sản
Ngựa xe kẻ hầu hạ.

Lại nói:

Núi lớn bừng lửa dữ
Ức kiếp đều chịu được
Không thể hoại đạo tâm
Cúi xin Phật thọ ký.

Sau đó, Siêu Thuật trải tóc lên đất và nói kệ:

Phá tâm ái kiêu mạn
Hay diệt dục nộ si
Cúi xin ánh từ quang
Soi sáng cho tâm con
Xưa con từng nguyện ước
Nay đã được gặp Phật
Xin cúng năm cành hoa
Cầu được bất thối chuyển
Còn đây hai cành nữa
Do một ngọc nữ cúng
Bậc Đạo sư Vô thượng
Hãy bước qua tóc con.

Phật đáp kệ:

Ma-nạp phát đại tâm
Rộng độ vô số chúng
Thệ nguyện phát rộng sâu
Trồng các cội công đức
Trong vô số kiếp sau
Ở đời ác năm trược
Thành Phật hiệu Thích Ca
Độ vô số chúng sanh
Rực rỡ ba hai tướng
Thù thắng trong loài người.

Đức Phật bước qua tóc Siêu Thuật, bay lên Hư không lấy năm cành hoa, hai cành của ngọc nữ bám vào hai vai Phật. Từ đó Siêu Thuật

phá bỏ tà kiến thờ thiên đế, thần lửa của Phạm chí, hành chánh kiến bằng pháp bình đẳng, không còn ở trong ba đường ác và 8 nạn.

Đức Phật bảo: Siêu Thuật lúc ấy chính là ta, cô gái bán hoa là Cù-di vậy

(Trích kinh Tu Hành Bổn Khởi)

2. GIẤC MƠ CỦA PHẠM CHÍ BẢO HẢI:

Phạm chí Bảo Hải bạch Phật:

- Cúi xin Đức Như Lai cùng chư Tỳ-kheo thọ nhận cúng dường của con trong bảy năm. Đức Phật nhận lời. sau đó Phạm chí nghĩ: "Nay ta đã khiến cho trăm ngàn ức na-do-tha chúng sanh phát tâm Bồ-đề nhưng ta không biết sở nguyện của Chuyển luân Thánh vương như thế nào? Nhân vương, Thiên vương, Thánh văn, Duyên giác đều cầu Vô thượng Bồ Bề, nếu đời sau ta được thành Phật thì khi ta ngủ xin các vị Trời, ma phạm, cùng chư Phật ứng mộng cho ta biết."

Đêm hôm ấy, lúc ngủ Phạm chí thấy có ánh sáng, lại thấy chư Phật trong hằng sa thế giới, mỗi vị đều trao cho mình một hoa sen. Những hoa sen này rất vi diệu. Trên mỗi đài hoa thấy hình vầng mặt Trời, trên mặt Trời có bảo cái bằng bảy báu, mỗi mặt Trời đều phóng ra sáu mươi ức tia sángvào trong miệng Phạm chí. Phạm chí thấy ánh từ nơi mình phát ra chiếu khắp cả trăm ngàn do-tuần, thân mình trong suốt, thấy cả tim gan. Phạm chí lại thấy sáu mươi ức na do tha trăm ngàn Bồ Tát đang ngồi nhập định trên đài sen và có tia sáng mặt Trời vây quanh thân mỗi vị. Ở giữa mỗi hoa sen đều phát ra các thứ kỹ nhạc. Lại thấy vua nước mình máu chảy đầy thân, đầu mặt giống heo, ăn các thứ côn trùng, kêu chạy khắp nơi, rồi lại đến ngồi dưới gốc cây y lan. Lại có vô số chúng sanh đến ăn thịt vua, chỉ còn lại xương vụn. Cứ như thế cho đến rất nhiều thân về sau, thân nào vua cũng đều thọ nghiệp như thế cả. Lại thấy các vương tử đang mổ xẻ heo, voi, trâu, chó, cọp báo v.v... để ăn thịt, lấy máu bôi vào thân rồi ngồi dưới cây y lan. Lại có vô lượng chúng sanh đến ăn thịt họ, xương thịt tan nát. Hoặc thấy các vương tử dùng hoa tu mạn na làm anh lạc, cưỡi xe trâu cũ rách, đi về hướng Nam. Lại thấy Tứ Thiên vương, Đế thích, Hoàn nhơn, Đại Phạm Thiên vương đến bảo Phạm chí nên lấy hoa sen quanh mình, trước tiên cho Chuyển luân vương, sau đó cho mỗi thiên tử một hoa, số còn lại cho các tiểu vương, kế đến cho con của ngươi và các người khác.

Phạm chí giật mình thức giấc, nhớ lại những việc trong mộng, biết được nguyện thấp kém ưa thích sanh tử của Thánh vương, lại biết các

vương tử cầu Thánh văn thừa nên mộng thấy họ dùng hoa tu mạn na làm anh lạc cưỡi xe trâu đi về phía Nam. Ông tự nghĩ: "Tại sao ta lại mộng thấy những việc ấy? Chư Phật trước dùng ta để khuyến dạy giáo hoá chúng sanh trong cõi Diêm-phù-đề đều khiến họ an trụ trong tam phước mà phát tâm Bồ-đề. Nay ta được thỉnh Phật và chúng Tăng nhận sự cúng dường trong suốt bảy năm".

(Trích kinh Bảo Phạm chí Thỉnh Như Lai)

3. NGHE PHÁP HẾT BUỒN KHỔ:

Phạm chí ở nước Xá-vệ gieo trồng hoa màu trên một khoảnh đất rộng, hạt nảy mầm xanh tốt, ông ta đến xem, trong lòng hết sức vui mừng vô cùng hài lòng. Nhưng đêm hôm ấy, có một trận mưa đá lớn đổ xuống, hoa màu hư hoại hết. Kế đó, con gái ông ta lại đột ngột qua đời. Gặp những chuyện đau buồn xảy ra dồn dập, ông ta khóc lóc thảm thiết. Bấy giờ, các Tỳ-kheo vào thành khất thực, chứng kiến những việc ấy, bèn trở về bạch Phật. Lát sau, Phạm chí cũng đến đảnh lễ Đức Phật. Ngài biết được những suy nghĩ của ông ta, liền bảo:

- Trên đời này có năm điều không ai có thể tránh khỏi: Đó là bị hao hụt, bị mất mát, bị ốm đau, bị già và bị chết. Nếu người biết thực hành theo Đạo đế như bố thí, trì giới v.v... mới có thể tránh khỏi.

Phạm chí nghe xong, thấy rõ lý Tứ đế, xin được quy y Tam bảo, làm nam cư sĩ. Các Tỳ-kheo thấy thế bèn bạch Phật:

- Bạch Thế tôn! Ngài đã khai mở tâm ý cho Phạm chí ấy, khiến cho ông ta ra về với tâm hoan hỷ.

Phật bảo:

- Không chỉ ở đời này mà vào thời quá khứ. Ở cõi Diêm Phù lợi có năm vị vua. Trong số đó, Kiệt Tham là ông vua bạo ngược tham tàng. Một hôm quần thần, dân chúng trong nước kéo đến, tay kiếm lăm lăm bảo:

- Tên vua bạo ngược kia! Nếu biết điều thì hãy mau cút đi. Bọn ta không muốn giết ông cũng không muốn làm hại đến bá tánh.

Vua hoảng sợ, Vội vàng lên xe trốn ra khỏi nước. Từ đó, ông làm nghề bện cỏ để sống. Quần thần dân chúng liền tôn em trai của Vua Kiệt Tham lên ngôi. Vị vua mới rất thông minh chánh trực. Thời gian sau, Kiệt Tham dâng sớ lên vua, xin được cai quản một tụ lạc để có lợi tức sinh sống. Vua đồng ý. Về sau, ông ta lại nài xin thêm hai tụ lạc, rồi dần xin đến nữa nước. Vua đều chấp thuận. Trải qua một thời gian khá lâu, Kiệt Tham khởi lòng tà, dấy binh đánh em, chiếm lại nước cũ.

Ông ta lại kéo binh đánh chiếm nước thứ hai, rồi lần lượt đánh chiếm hết cả năm nước, bốn phương đều quy phục, từ đó ông ta đổi hiệu là Đại Thắng.

Đế thích muốn thử lòng, xem ông ta có biết đủ hay không, bèn hóa thành một cậu bé Phạm chí họ Câu-di. Cậu bé xỏa tóc một tay cầm gậy vàng, một tay ôm bát vàng đến trước cung vua xin vào yết kiến. Vua cho vời hỏi duyên cớ. Cậu bé tâu:

- Tôi từ vùng ven biển đến đây, trông thấy một nước rất lớn, dân chúng sống sung túc. Nước ấy có rất nhiều của quý. Ngài có muốn đi đánh chiếm nước ấy không?

- Hay lắm!

- Vậy Ngài nên trang bị sẳn thuyền bè quân lính. Bảy ngày sau tôi sẽ đến dẫn đường.

Nói xong Phạm chí bỏ đi. Đến ngày hẹn, mọi thứ đều đả sẳn sàng. Nhưng chờ mãi vẫn không thấy bóng dáng cậu bé. Nhà vua buồn bực, bất an. Khi ấy dân chúng trong nước kéo đến ngồi quanh vua. Thấy vua khóc, họ cũng khóc. Thấy vua buồn họ cũng buồn. Bỗng vua nảy ra một ý và nói:

Ham muốn không thể dừng
Đã được lại muốn thêm
Tham cầu không biết chán
Bao giờ được yên vui.

Nay ai có thể giải toả được nỗi lòng của ta, ta sẽ cho người ấy một ngàn tiền vàng.

Bấy giờ, Uất-đa-một thiếu niên trẻ tuổi - hứa sẽ đáp ứng được yêu cầu của vua sau bảy ngày. Đến ngày hẹn, Uất-đa đến thưa với mẹ:

- Thưa mẹ, con muốn đi giải trừ nỗi ưu phiền của vua!

Người mẹ khuyên:

- Con chớ có đi! Làm được điều ấy không phải dễ.

Nhưng người con cương quyết:

- Mẹ đừng lo, con có thể làm được!

Uất-đa liền đến chỗ vua, Sau một hồi đối đáp, anh ta bèn nói một bài kệ. Vua Đại thắng liền ban thưởng cho Uất-đa một ngàn tiền vàng.

Vua Đại Thắng khi ấy nay chính là Phạm chí trồng hoa màu. Còn thiếu niên Uất-đa nay chính là Ta.

(Trích kinh Nghĩa Túc quyển thượng)

4. PHẠM CHÍ MA NHÂN ĐỀ GẢ CON CHO PHẬT:

Phạm chí Ma Nhân Đề sanh được một con gái nhan sắc mặn mà. Vua, Thái tử, Đại thần, Trưởng giả đến cầu hôn con gái đều bị ông từ chối. Ông ta thấy Phật sắc vàng ba mươi hai tướng liền nghĩ: "Chỉ có người này mới xứng với con ta". Ông bèn trở về nhà nói với vợ:

- Nay ta đã chọn được rể, chàng rể ấy còn đẹp hơn cả con mình.

Họ liền trang điểm cho con gái, đeo các anh lạc quý báu rồi dắt cô ra khỏi thành. Người vợ thấy Phật tướng mạo đường đường, sáng rỡ bèn nói với chồng:

- Chỉ uổng công thôi, việc hôn nhân của con chúng ta không thành đâu.

Bà nói kệ:

Kẻ dâm lục tục đi
Kẻ sân theo nối bước
Kẻ ngu chân dẫm đất
Uy đức Thiên nhơn tôn.

Người chồng nói:

- Bà già ngu si, làm con phải lo lắng.Ông liền dắt con gái đến chỗ Phật, tay trái nắm cánh tay Ngài, tay phải cầm bình bát và nói.

- Nay tôi ban cho ngươi đứa con này làm vợ.

Cô gái thấy Phật liền khởi tâm say đắm. Phật liền nói kệ:

Ta thấy thiên ngọc nữ
Còn không khởi tà tâm
Nay thà ôm bình phẩn
Còn hơn đụng vào cô.

(Trích kinh Nghĩa Túc quyển thượng)

5. PHẠM CHÍ MẤT CON, VỀ SAU GẶP PHẬT ĐẮC ĐẠO:

Xưa có Bà-la-môn xuất gia học đạo lúc còn nhỏ, nhưng đến năm sáu mươi tuổi vẫn không đắc đạo. Đúng theo pháp Bà-la-môn, nếu không đắc đạo phải trở về nhà, lấy vợ và làm cư sĩ. Về sau, vợ ông sanh được một đứa con trai xinh đẹp đáng yêu. Năm đứa bé lên bảy tuổi bỗng mắc bệnh nặng, qua một đêm thì chết. Phạm chí đau xót tiếc thương, gục ngất lịm nhiều lần bên xác con. Thân tộc khuyên nhủ mãi không được, cuối cùng phải đoạt xác đứa bé đem chôn ngoài thành. Phạm chí nghĩ: "Ta gào khóc mãi cũng chẳng ích gì, chi bằng đi xuống Diêm vương xin lại mạng sống con mình."

Ông liền tắm gội sạch sẽ, trai giới thanh tịnh, cầm hoa hương ra

đi. Đến đâu ông cũng hỏi thăm chỗ ở của Diêm vương. Đi được mấy ngàn dặm thì đến vùng núi sâu, gặp các Phạm chí ông lại hỏi thăm. Các Phạm chí hỏi:

- Ông hỏi chỗ ở của Diêm vương để cầu xin điều gì?

- Con tôi mới chết, tôi muốn đến chỗ Diêm vương để xin lại mạng sống của nó.

Các Phạm chí thương xót cho sự ngu si của ông ta, liền bảo:

- Cõi Diêm vương, người sống không thể đến được. Ta sẽ chỉ hướng cho ông: Từ đây đi về phía tây hơn bốn trăm dặm sẽ gặp một con sông lớn, giữa sông có một toà thành, đây là chỗ dừng chân nghỉ của các vị ThiênThần khi đi tuần tra nhân gian. Vào ngày mùng bốn hàng tháng, Diêm vương thườngđi tuần tra, ắt đi qua thành này. Ông trai giới thanh tịnh, đến đó sẽ gặp.

Phạm chí nghe vậy vui mừng từ tạ ra đi. Khi đến giữa sông, ông trông thấy thành quách cung điện, nhà cửa rực rỡ như cõi Trời Đao Lợi. Phạm chí đến trước cửa, thắp hương quỳ gối chú nguyện, cầu xin Diêm vương trả lại mạng sống con mình. Diêm vương bảo người giữ cửa cho vào. Gặp Diêm Vương Phạm chí tâu:

- Tôi hiếm muộn, mãi mới sanh được một trai hy vọng tuổi già để cậy nhờ, nuôi nấng nó đến bảy tuổi thì lại bị chết. Cúi xin Diêm vương rủ lòng ban ân bố thí trả lại mạng sống cho con tôi.

Diêm vương nói:

- Được! Con ông hiện đang chơi đùa trong khu vườn phía đông. Ông hãy đến đó mà dắt nó về!

Ông ta liền đến đó, trông thấy con mình đang đùa giỡn với những đứa trẻ khác, liền chạy đến ôm chầm lấy nó, vừa khóc vừa nói:

- Con ơi, Cha ngày đêm nhớ thương con, ăn ngủ không yên, con đâu biết được Cha Mẹ đã chịu cay chịu đắng đến thế nào?

Đứa trẻ hét toáng lên và mắng:

- Cái ông lão lẩm cẩm, ngu si không hiểu thấu đạo lý, chỉ ở nhờ trong chốc lát mà gọi ta là con. Chớ nhiều lời dối trá, chi bằng hãy mau đi cho khuất mắt. Tôi ở cõi này đã có cha mẹ rồi.

Phạm chí buồn bã khóc lóc rồi bỏ đi. Ông ta nghĩ: "Ta nghe Sa-môn Cù Đàm biết lý biến hoá thần hồn của con người, hay là ta đến hỏi Ngài".

Phạm chí liền đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ, trình bày mọi việc rồi thưa:

- Con tôi không chịu trở về, còn cho tôi là ông lão ngu si lẩm cẩm,

chỉ ở nhờ trong chốc lát mà gọi nó là con. Nó nỡ cắt đứt tình cha con. Vì sao lại như vậy?

Phật bảo:

- Ông khờ quá! Thần thức người chết vừa ra khỏi xác liền thọ thân khác. Cha mẹ vợ con nhân duyên hội tụ thì cùng nhau chung ở, ví như khách ngủ trọ sáng ra mỗi người đi một ngã.

Phạm chí nghe xong tâm ý khai mở, thành tâm dập đầu xin làm Sa-môn. Phật bảo: "Lành thay", râu tóc ông ta tự rụng, thân khoác pháp y, tức thành Tỳ-kheo, ngay đó đắc quả A-la-hán.

(Trích phẩm Đạo Hành kinh Pháp Cú quyển 4)

6. TIÊU CỦA TÍN THÍ:

Ngày xưa, có một Phạm chí rất giàu có lại có học thức nhưng không có lòng tin chân chánh, thường tranh luận cùng Sa-môn nhưng không thể thắng nổi. Một lần nọ, ông ta nghe nói Sa-môn thọ dụng của tín thí mà không tinh tấn tu hành, sau khi chết phải làm thân trâu ngựa để trả nợ cho tín thí. Ông ta liền ngấm ngầm sắp đặt mưu kế, đãi các sa- môn ăn để đời sau ông sẽ được hưởng lợi này. Người ấy ôm lòng độc ác như vậy mà đến chùa.

Trong chùa có năm trăm vị tu sĩ, ông ta đều thỉnh hết. Sau đó trở về nhà chuẩn bị các món ăn ngon hơn nữa, dự tính đời sau ta sẽ được 500 con trâu ngựa. Có một vị Thượng toà đã đắc quả A-la-hán, biết được tâm niệm của ông ta, liền cho gọi thầy Duy na đến dặn:

- Hãy bảo các Tỳ-kheo phải nên nhất tâm, mỗi người nói một câu kệ thì lợi ích càng tăng thêm.

Vị Thượng toà nói tiếp:

- Như vậy là chúng ta đã trả nợ xong, không phải làm thân trâu ngựa.

Phạm chí kinh hãi nói:

- Đạo nhân thật thần Thánh biết được ý nghĩ của tôi.

Lúc ấy, vị Thượng toà mới bảo các Thầy Tỳ-kheo:

- Các ông đã thọ trai xong, tâm từ nghĩ đến đạo, tụng một thời pháp, thì dầu nuốt núi Tu di cũng có thể tiêu được, nói chi là bữa ăn cỏn con này.

Phạm chí rất hổ thẹn. Vị Thượng toà nhân đó thuyết pháp, giảng rộng về giáo lý cốt lõi.Tâm vị Phạm chí được khai mở, liền ngộ đạo.

(Trích Chư Kinh Yếu Sự)

7. PHẠM CHÍ CÚNG DƯỜNG BÁT MẬT CHO PHẬT:

Xưa, có Phạm chí vì không thấy Phật nên lén vào Tinh xá của Ngài. Đức Phật vì thương xót nên đến trước mặt ông ta. Phạm chí muốn chạy trốn nhưng không thể cất chân lên được. Phật dẫn ông ta đến chỗ của Ngài và thuyết pháp cho nghe. Nghe pháp xong, ông ta khởi tâm hoan hỷ xin quy y Tam bảo, lãnh thọ giới cấm, nhiễu quanh Phật rồi ra về.

Sau đó, Phạm chí lấy bát đựng đầy mật, hai tay bưng đến định dâng lên Phật. Phật bảo Tỳ-kheo lấy mật trong bát ấy đem phân chia cho chúng Tăng. Khi bát của Phật và chúng Tăng đã đựng đầy mật mà mật trong bát của Phạm chí vẫn còn đầy như cũ. Các Tỳ-kheo lại trao bát ấy cho Phật. Phật bảo Phạm chí:

- Tất cả các loài trùng, cua, cá, ba ba v.v... trong nước đều mong được thức ăn này.

Phạm chí vâng lời đem mật bố thí. Đức Phật mỉm cười, phóng ra hào quang năm sắc chiếu đến cõi Phạm thiên. Hào quang chiếu khắp năm đường, trở lại vây quanh thân Phật ba vòng. Thọ ký cho Bồ tát, thì ánh sáng vào đảnh. Thọ ký cho Duyên giác, thì ánh sáng vào từ miệng. Thọ ký cho Thánh văn, thì ánh sáng vào từ cánh tay. Thuyết về phước ở cõi Trời, ánh sáng vào từ rốn, thuyết về việc thọ thân, ánh sáng vào từ đầu gối. Thuyết cho địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, ánh sáng vào từ bàn chân. A-nan từ toà đứng dạy, chấp tay bạch Phật:

- Bạch Đức Thế tôn. Đức Thế tôn không bao giờ cười mà không có lý do. Nay vì cớ gì mà Ngài cười như vậy,

Phật bảo:

- Ông có thấy Phạm chí cúng dường mật cho Phật không?

- Bạch Đức Thế tôn! Con thấy.

- Phạm chí này trải qua hai mươi kiếp về sau không đoạ đường ác. Quá hai mươi kiếp sẽ đắc quả Duyên giác, hiệu là Mật Cụ.

Các Tỳ-kheo thưa:

- Phạm chí này vì sao chỉ cúng một bát mật mà được nhiều lợi ích, còn chứng quả Duyên giác?

- Phạm chí này, chẳng phải chỉ ở trong đời này mà ở các đời quá khứ cũng đã làm như vậy.

Vào đời quá khứ, có Bà-la-môn nhập định nơi vắng vẻ thanh nhàn, được gặp thần tiên. Có người nói: "Vị nhân này có nhiều điều tốt lành khó bì nên đến đó để xin phước." Có người bảo: "Nhờ thấy vị tiên mà có được phước để nuôi thân".

Có một vị tiên chứng đắc ngũ thông, biết được tâm niệm của vị Bà-la-môn liền từ trong rừng bay vọt lên hư không đứng trước Bà-la-môn. Thấy vị tiên Bà-la-môn vô cùng vui mừng, liền dâng lên vị tiên nhân một bát đầy mật. Vị tiên thọ ký cho ông ta rồi bay lên hư không. Do nhờ công đức cúng dường này mà đời sau được làm Vua tên là Mật Cụ, thường dùng chánh pháp trị nước. Nên sau khi chết, vua được sanh lên Trời.

Phật bảo các Tỳ-kheo: Vị tiên nhân bấy giờ chính là ta. Phạm chí lúc ấy chính là người Phạm chí này. Nhờ cúng mật mà Phạm chí ấy thọ hưởng phước cõi Trời. Do đời này cũng lại cúng dường cho Phật nên đời sau được đắc quả Duyên giác.

(Trích kinh Mật Cụ)

8. PHẠM CHÍ TỪ XA ĐẾN HỌC ĐẠO GẶP PHẢI NĂM VIỆC THIẾU SUY NGHĨ:

Phạm chí ở nước La-duyệt Kỳ nghe nói dân chúng trong nước Xá-vệ, phần nhiều đều hiếu dưỡng, phụng thờ kinh điển, tu đạo và tôn kính Tam bảo, liền đi đến nước này để học hỏi. Khi đã gần đến Xá-vệ, Phạm chí trông thấy có hai cha con nhà nọ đang cày đất gieo hạt. Bỗng, có con rắn không biết từ đâu bò ra, cắn chết đứa con. Người cha vẫn tiếp tục gieo cày, không ngó lại nhìn con. Phạm chí thấy lạ, bèn hỏi nguyên do. Người cày ruộng hỏi Phạm chí:

- Ông từ đâu đến?

- Tôi từ La-duyệt kỳ tới. Vì nghe nói ở nước này, dân chúng phần nhiều đều hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ Tam bảo cho nên tôi muốn đến đây để học hỏi. Còn cậu thanh niên kia là gì của ông vậy?

- Là con tôi.

- Là con ông? Vì sao ông không đau buồn mà vẫn cứ bình thản tiếp tục gieo cày như vậy?

- Con người có sanh thì có tử, vạn vật có thành thì có hoại, có gì mà phải buồn đau gào khóc. Nếu có bỏ ăn bỏ uống thì phỏng có ích gì cho người chết? Khi ông vào trong thành, hãy ghé qua nhà tôi nhắn tin dùm là con tôi đã chết, nên chỉ đem đủ một phần ăn ra cho tôi mà thôi.

Phạm chí nghĩ: “Người đâu mà không biết xét nghĩ. Con chết nằm đó mà tuyệt nhiên không đau buồn, lại nghĩ đến cái ăn”.

Khi vào thành Xá-vệ, Phạm chí đến thẳng nhà người cày ruộng, gặp vợ của ông cày ruộng liền báo tin:

- Con trai bà đã chết. Chồng bà nhắn chỉ đem cơm đủ một người ăn thôi.

Người vợ nghe xong, thản nhiên nói:

- Như khách đến ở nhờ, đến không làm khó, đi không níu kéo. Đứa con này cũng như vậy. Sanh là tự đến, chết cũng một mình ra đi, tôi không đủ sức níu kéo nó lại được, tuỳ theo hành nghiệp của nó đã tạo mà quyết định chỗ thác sanh.

Phạm chí đi nói với chị gái người chết. Người này cũng nói về lý vô thường. Phạm chí báo với vợ người chết. Người này cũng nói những dẫn dụ về vô thường. Ông ta báo với nàng hầu của người chết, nàng hầu cũng nói như vậy. Phạm chí thấy vậy, trong lòng rối bời, không biết ra làm sao nữa. Vì nghe nói dân chúng nước này hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ Tam bảo cho nên mới đến đây để học hỏi. Chưa gặp được điều tốt đẹp nào lại chứng kiến năm điều thiếu suy nghĩ, khiến cho thân tâm hoang mang, mỏi mệt. Ông ta bèn hỏi người qua đường chỗ ở của Phật. Họ cho biết Đức Phật hiện đang ở gần đây, trong rừng cây của thái tử Kỳ-đà, vườn ông Cấp-cô-độc. Phạm chí liền đi đến chỗ Phật, đảnh lễ Ngài rồi đứng sang một bên, lộ vẻ âu sầu, cúi đầu im lặng. Phật biết được ý nghĩ của ông ta, bèn bảo:

- Vì sao ông có vẻ không vui?

- Vì trái với tâm nguyện, cho nên con buồn bã.

- Ông buồn vì chuyện gì?

Phạm chí thuật lại mọi việc. Phật bảo:

- Không phải như ông đã nghĩ, thật ra năm người nầy rất có tình nghĩa. Vì biết được mạng sống vô thường nên người thân chết mà chẳng chút buồn đau. Người thế gian vì không hiểu được lý vô thường nên sầu khổ, gào khóc, như thế chỉ tự hại mình. Ví như người mắc bệnh sốt, không ý thức được, mê sảng nói nhảm. Khi thầy thuốc cho uống thuốc, liền hết sốt, không còn nói nhảm nữa. Người thế gian đau buồn ngu si sảng sốt không thể tự hiểu biết. Nếu họ hiểu được lý vô thường thì sẽ không còn đau khổ nữa, như được hết bệnh sốt. năm người này đều có thể đắc đạo. Phạm chí nghe Phật dạy xong liền tự trách mình: "Ta là kẻ ngu si mê ám, không biết đại nghĩa. Nay nghe Phật dạy, như kẻ mù được sáng mắt, như trong tối thấy được ánh sáng". Ông liền khẩn thiết xin thọ năm giới rồi đảnh lễ Phật mà lui ra.

(Trích kinh Ngũ Vô Phản Phúc)

9. BỐN ANH EM PHẠM CHÍ CÙNG CHẾT TRONG MỘT NGÀY:

Bốn Anh em Phạm chí nọ đều chứng được ngũ thông. Nên biết được bảy ngày sau họ sẽ chết, nên cùng bàn luận rằng: Năng lực của ngũ thông có thể làm đảo lộn đất Trời; có thể nắm lấy mặt Trời, mặt trăng; có thể dời núi lấp sông. Không việc gì chúng ta không làm được, há lại không trốn được cái chết này ư?

Một người nói: Tôi sẽ vào trong biển lớn, trên không ló khỏi mặt nước, dưới không đụng đến đáy, ở chỗ như vậy thì quỷ vô thường làm sao mà biết được.

Một người nói: Tôi sẽ vào trong núi Tu di rồi khép kín quả núi, không để lại dấu vết thì quỷ vô thường làm sao mà biết được.

Một người nói: Tôi sẽ bay lên ẩn mình trong Hư không, quỷ vô thường làm sao mà biết được.

Người cuối cùng nói: Tôi sẽ trốn ở trong chợ đông đúc, quỷ vô thường cứ bắt đại một người cớ chi phải tìm tôi cho nhọc.

Bốn anh em bàn luận xong bèn dắt nhau đến từ giả Vua. Họ tâu:

- Thọ mạng của chúng tôi chỉ còn bảy ngày, nay muốn trốn số mạng. Nếu chúng tôi thoát được thì sẽ về hầu hạ đại vương. Nguyện Ngài luôn mạnh khỏe.

Nói xong, bốn người từ tạ ra đi, bảy ngày sau, cả bốn người đều chết, giống như trái chín phải rụng. Quan coi chợ tâu lên vua:

- Có một Phạm chí chết ở trong chợ.

Vua sực nhớ lại và nói:

- Bốn người đi trốn, một người đã chết ba người còn lại há tránh khỏi ư!

Vua liền xa giá đến chỗ Phật, đảnh lễ Ngài, ngồi qua một bên rồi bạch:

- Bạch Đức Thế tôn! Gần đây có bốn anh em nhà họ Phạm chí đều đắc ngũ thông. Họ biết được mạng sống của mình sắp hết nên đã cùng nhau đi trốn, không biết họ có thoát được không?

Phật đáp:

- Người đời có bốn điều không thể tránh khỏi, một là ở trung ấm thì không thể không thọ sanh; hai là đã sanh thì không thể không bị già; ba là đã già thì không thể không có bệnh; bốn là đã bệnh thì không thể thoát chết.

(Trích kinh Pháp Cú quyển 3)

10. PHẠM CHÍ BỎ VỢ ĐẸP, SAU HỐI HẬN:

Một cư sĩ nam nọ có một người vợ không những xinh đẹp, có đức hạnh mà còn có khả năng biện tài nên ai ai cũng kính nể. Thế nhưng người chồng không yêu mến cũng không thích trông thấy cô ta, trái lại đem lòng yêu thương đứa tớ gái. Cô vợ thấy thế bèn nói với chồng:

- Nếu chàng không yêu mến tôi thì xin cho tôi được xuất gia.

Người chồng đồng ý. Cô liền xuất gia, làm Tỳ-kheo-ni, sau khi xuất gia cô ngày đêm nổ lực tu tập, không bao lâu đắc quả A-la-hán.

Về sau, người tớ gái mà Phạm chí nọ yêu quý đột nhiên qua đời, ông ta bèn kêu Tỳ-kheo-ni trở về. Cô không chịu, các Tỳ-kheo-ni đến bạch với Phật mọi việc. Phật bảo:

- Cư sĩ ấy đời trước cũng đã huỷ nhục người có đức hạnh này. Người nữ này có chí rất đặc biệt, nhưng thường bị quấy nhiễu. Đã vào được trong chánh pháp thì không nên huỷ hoại nó..

Phật lại nói:

Vào đời quá khứ, có vợ của một cư sĩ tên là Liên Hoa. Cô này vô cùng xinh đẹp nhưng lại không được chồng yêu quý, nhưng ông ta lại đem lòng yêu người tớ gái. Vì nghe lời cô tớ gái này nên đã bỏ vợ trong núi, và tìm cách giết hại.

Ông ta leo lên cây ưu Bát Đàm chọn hái những trái chín, bỏ lại trái xanh cho vợ. Người vợ hỏi:

- Vì sao chàng ăn trái chín, bỏ trái xanh cho tôi?

- Vậy nàng hãy leo lên cây đi.

Người vợ liền leo lên cây, ông chồng ở dưới kéo chà gai lấp xung quanh gốc cây để vợ không xuống được, phải chết trên đó.

Bấy giờ, Vua đi săn bắn ngang qua trông thấy một phụ nữ xinh đẹp ở trên cây liền hỏi:

- Nàng là ai?

Cô gái kể rõ mọi việc. Vua nghĩ: "Cư sĩ kia ngu si, không biết lý lẽ của bậc trượng phu", bèn cho người kéo hết chà gai ra, cùng cô ta xa giá hồi cung và lập cô lên làm Hoàng hậu.

Người nữ này có rất nhiều tài, có trí tuệ biện luận không ai thắng nổi lại rất giỏi trong việc đánh bạc. Người nữ khắp nơi trong nước nghe tiếng, kéo đến cùng cô đánh bạc tranh tài nhưng không ai thắng nổi. Phạm chí rất giỏi đánh bạc, nghe tiếng tăm của Hoàng hậu như thế bèn nghĩ: "Người ấy chắc chắn là vợ cũ của ta chứ chẳng phải ai khác", bèn muốn đến hoàng cung để xem.

Hoàng hậu nghe tả hình dạng người muốn đến cầu kiến, biết là

người chồng trước kia của mình bèn xin phép vua cho ra để so tài đánh bạc. Hoàng hậu gặp Phạm chí liền nói một bài kệ. Phạm chí nghe xong vừa hổ thẹn, vừa hối hận vô cùng.

Phạm chí bấy giờ nay chính là cư sĩ nam, Hoàng hậu lúc ấy chính là người nữ đây, còn quốc vương chính là ta.

(Trích kinh Phu Phụ)

11. QUẢ BÁO DO TÙY HỶ VIỆC ÁC:

Có một Phạm chí nọ vô cùng giàu có.Ông ta chỉ có một con trai tròn hai mươi tuổi, vừa lấy vợ chưa được bảy ngày. Vào tiết xuân tháng ba, hai vợ chồng dắt nhau ra hậu viên dạo chơi. Trong vườn có một cây Nại cao to, vừa trổ hoa rất đẹp, Cô vợ muốn hái nó nhưng nhìn quanh có ai để sai. Người chồng biết ý vợ liền leo lên cây, đã hái được một cái hoa lại muốn hái thêm một cái nữa, không may cành cây gãy, anh ta té xuống đất chết. Mọi người trong nhà chạy đến gào khóc kêu Trời đến chết đi sống lại. Cả dòng họ đều đau buồn. Nghe đã thương tâm, thấy càng đau lòng. Vợ chồng Phạm chí oán trách ông Trời không thương tình. Sau khi chôn cất người chết xong, họ trở về nhà than khóc không thôi. Bấy giờ Đức Thế tôn thương xót những kẻ ngu si ấy, bèn đến thăm hỏi. Người trong nhà thấy Phật liền trình bày sự việc đau buồn trên. Phật bảo với trưởng giả.

Thôi đi, hãy nghe đây: vạn vật vô thường không thể gìn giữ lâu dài. Có sanh thì có tử, tội phước theo nhau. Cả ba nơi đều vì chàng thanh niên này mà khóc lóc. Sầu, có buồn đau thống khổ cũng không ích gì. Rốt cuộc nó là con của ai? Ai là cha mẹ nó?

Bấy giờ Thế tôn liền nói kệ:

Mạng người như trái chín.
Thường sợ sẽ rụng rơi,
Đã sanh ắt có khổ,
Ai không chết bao giờ.
Do vì thân trung ấm
Thích ái dục, nhập thai
Thọ thân, mạng như chớp
Hằng lưu chuyển không dừng
Thân này là vật chết
Thần thức không dáng hình
Chết đây lại sanh kia
Tội phước mất đâu nào?

Đâu chỉ có một kiếp
Kẻ ngu ướt sống hoài
Mình làm, mình thọ quả
Thân chết, thức đâu tan.

Trưởng giả nghe kệ, tâm liền bừng ngộ, quên hết mọi ưu phiền, liền quỳ xuống bạch Phật:

- Bạch Đức Thế tôn, Đứa trẻ này đời trước đã tạo ra tội gì mà lại yểu mạng như vậy? Cúi xin Ngài từ bi giải rõ cho.

Phật bảo:

- Vào thời quá khứ, có một đứa trẻ cầm cung tên vào rừng dạo chơi, nó thấy một con chim sẻ đậu trên cây liền có ý muốn bắn. ba người đứng gần đó thấy vậy bèn khích lệ nó:

- Nếu cháu bắn trúng, người đời sẽ tôn là cậu bé dũng kiện.

Đứa trẻ thích chí, liền giương cung lên bắn. Chỉ một phát, con chim trúng tên liền sa xuống chết. Cả ba người kia đều hết lời ca ngợi rồi mạnh ai nấy về. Trải qua vô số kiếp sanh tử, những người ấy sanh vào chỗ nào cũng đều cùng nhau thọ tội. Trong ba người ấy, một người có phước nên nay đang ở cõi Trời, một người sanh trong biển hoá sanh làm Long vương, người còn lại chính là ông. Đứa trẻ này trước đó sanh lên Trời làm con Phạm thiên, sau khi chết sanh xuống làm con ông, lại bị té từ trên cây xuống chết liền hoá sanh làm con Long vương, khi vừa sanh ra liền bị chim chúa cánh vàng quắp lấy ăn thịt. Ngày nay, cả ba nơi đêu sầu khổ khóc than khôn cùng. Do vì đời trước tuỳ hỷ việc làm ác cho nên ba người ấy giờ phải chịu cảnh sầu khổ khóc than.

(Trích kinh Pháp Cú Thí Dụ quyển 5)

12. PHẠM CHÍ VÌ MẤT LỢI DƯỠNG NÊN GIẾT NGƯỜI NỮ, VU BÁNG CHO PHẬT:

Ở nước Xá-vệ, từ quốc Vương cho đến đại thần, nhân dân đều kính thờ Đức Thế tôn, nên họ cúng dường tứ sự rất đầy đủ, không ngó ngàng tới hàng Phạm chí. Các Phạm chí bèn bàn mưu: sẽ giết một cô gái đẹp đem xác chôn dưới gốc cây rồi đổ tội cho Cù Đàm. Rồi đem tiếng xấu này rao khắp nơi, thế là bọn Phạm chí họ sẽ được trọng đãi.

Thế là bọn người ấy bèn ép dụ một cô gái đẹp, bảo cô ta ngày ngày đến chỗ Phật, khiến cho mọi người đều trông thấy. Sau đó họ giết cô gái rồi chôn xác dưới gốc cây. Sau đó kéo nhau tới trước cung Vua, kêu la oán thán:

- Một thiếu nữ đẹp nhất trong đám đệ tử của chúng tôi bổng nhiên

mất tích, không biết sống chết ra sao.

-Vua hỏi:

- Cô ta thường đến chỗ nào?

- Cô ấy thường đến chỗ của Cù Đàm.

- Vậy các ông hãy đến đó mà tìm.

- Bọn Phạm chí liền đến vườn cây của Thái tử Kỳ-đà, đào một gốc cây lên, thấy xác cô gái được đặt trên một cái giường. Thế là họ đi khắp nơi rao bán:

- Sa-môn Cù Đàm thường tự xưng là người có giới đức bậc nhất mà nay lại lén lút tư tình với một cô gái rồi giết chết dấu đi để phi tang. Thế thì còn gì là phép Vua luật nước nữa?

Khi ấy, các Tỳ-kheo vào thành khất thực, đến đâu cũng bị dân chúng mắng:

- Bọn Sa-môn này đã phạm tội ác như vậy mà còn đáng được thọ nhận y thực nữa ư!

Các Tỳ-kheo đành ôm bát trở về bạch Phật. Phật bảo:

- Ta bị sự huỷ báng này không quá bảy ngày đâu.

Bấy giờ, nữ tín chủ Duy Diêm ở trong thành nghe nói các Tỳ-kheo đi khất thực không được, đều ôm bát không trở về, liền đến đảnh lễ Phật, chắp tay bạch:

- Con xin được cúng dường thức ăn cho Phật cùng chúng Tăng trong suốt bảy ngày.

Phật im lặng nhận lời. Sau đó Ngài bảo A-nan: Ông cùng chúng Tăng đi khắp nơi trong thành mà nói bài kệ:

Phật thân khẩu thanh tịnh,
Kẻ dối lừa đảo điên,
Quả báo khi chín mùi,
Ắt tự thọ sầu khổ.

Duy Diêm bấy giờ liền cúng dường thức ăn cho Phật cùng chúng Tăng.

(Trích kinh Xuất Nghĩa Túc quyển thượng)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 41

CHƯƠNG BÀ LA MÔN

1. Đàn-nị-kỳ thọ tội
2. Đứa bé trong thai khiến mẹ giỏi nghị luận
3. kê-đầu bán mình để cúng dường Phật, được Đế thích và vua trợ giúp
4. Công đức học thuộc một bài kệ của Phật
5. Nhờ học bắn, tán nhã được vợ
6. Bà-la-môn cúng áo nạp được Phật thọ ký
7. Bà-la-môn cúng bánh cho Phật nghe pháp đắc đạo
8. Bà-la-môn bạt-để oán kết đọa làm rồng bị Phật hàng phục
9. Bà-la-môn nhập định hơn ba trăm năm
10. Gieo nhân gặt quả
11. Bà-la-môn được Phật hóa độ
12. Hậu quả của việc trì trai không trọn vẹn
13. Vợ chồng Bà-la-môn nuốt tiền vàng
14. Thế nào là đẹp
15. Đại man và người con thợ gốm
16. Bị hại do thờ Phật

1. ĐÀN-NỊ-KỲ THỌ TỘI:

Bà-la-môn Tân-đầu-lô-đỏa-xà ở nước Xá-vệ có người vợ rất xấu, mắt xanh sâu hút. Hai ông bà có bảy người con gái mà không có con trai. Gia đình nghèo khổ, con cái nheo nhóc, mà vợ lại tệ ác, ưa chửi bới. Một hôm, khi lúa chín, cô gái đến nhà người khác khóc lóc, nài nỉ mượn trâu. Cô dắt trâu về đạp lúa, nhưng đã lạc mất trâu trong đầm.

Lúc ấy, vị Bà-la-môn suy nghĩ: Ta có tội gì mà vợ con đã nghèo khổ lại còn làm mất trâu của người ta. Nghĩ vậy, ông đi tìm trâu, thân thể mệt nhọc, bỗng gặp Đức Phật ở trong rừng. Nhìn thấy hình dung

thanh thoát của Ngài, ông chợt nghĩ: Sa-môn Cù-đàm là người sung sướng nhất, không có nỗi khổ như ta.

Phật biết tâm ông, liền bảo:

- Đúng như ông nghĩ!

Nghe ông than thở cho số phận của mình, Đức Phật hỏi:

- Ông muốn xuất gia không?

Ông ta trả lời:

- Bạch Đức Thế tôn! Con muốn xuất gia. Điều Ngài hỏi rất hợp với nguyện vọng của kẻ quê mùa này.

Phật bảo:

- Thiện lai Tỳ-kheo!

Tức thì râu tóc ông tự rụng, chiếc áo đang mặc trên thân biến thành ca-sa. Phật thuyết pháp cho ông ta nghe, ông đắc quả A-la-hán.

Đức Phật bảo tôn giả A-nan:

- Đời trước, có một quốc vương tên A-ba-la-đề-mục-khư (đời Lương dịch là Đoan Chính) dùng chánh đạo giáo hóa mọi người. Lúc ấy, có Bà-la-môn tên Đàn-nị-kỳ rất nghèo, trong nhà trống không, chỉ có một ít lúa chín, ông đi mượn trâu về đạp lúa, xong khi dẫn qua trả chủ lại quên thưa gởi. Chủ trâu tuy thấy ông đem trả trâu mà cứ nói là ông dùng trâu chưa xong, chưa trả. Hai nhà lại không dàn xếp ổn thỏa với nhau. Chủ trâu dẫn Đàn-nị-kỳ lên vua xét xử. Vừa đi ra liền gặp người nhà của vua cưỡi ngựa đi qua, chủ trâu bảo Đàn-nị-kỳ chặn ngựa lại giùm. Ông ta nhặt hòn đá ném ngựa khiến ngựa bị gãy chân. Kế đó, ông đi đến dòng sông nhưng không biết bến đò ở đâu. Ngay lúc đó, ông lại gặp một người thợ mộc, miệng ngậm cái rìu, đang vén áo lội qua. Đàn-nị-kỳ hỏi người thợ mộc:

- Chỗ nào có thể lội qua được?

Người thợ mộc đáp:

- Chỗ này.

Lúc nói, ông hả miệng ra, nên chiếc rìu rơi xuống nước. Đàn-nị-kỳ bị bắt phải thường, lại thêm đói khát, ông ta xin người bán rượu ít rượu trắng, ngồi đại lên giường rồi uống, không chú ý dưới mền có đứa bé đang nằm ngủ, đứa bé bị đè vỡ bụng chết. Ông ta liền chạy đến bên vách tường, suy nghĩ sợ bị tội, liền leo tường trốn, không ngờ dưới tường bên kia có người thợ dệt, ông ta nhảy xuống trúng đầu người thợ dệt khiến ông ấy chết. Lúc bấy giờ, con người thợ dệt túm bắt được ông ta, liền cùng nhiều người dẫn ông lên vua. Cậu bé tâu:

- Ông này giết cha con.

Lúc bấy giờ, các chủ nợ cùng kéo nhau đến trước mặt vua. Người chủ trâu tâu:

- Người này mượn trâu của thần không giao trả, mất trâu không bồi thường.

Vua hỏi duyên cớ thế nào? Đàn-nị-kỳ tâu:

- Thần quả có mượn trâu nhưng dùng xong dẫn đi trả liền, chủ cũng có thấy nhưng lúc ở trước nhà chủ, thần không giao trả bằng miệng.

Vua bảo người kia:

- Cả hai đều không đúng. Vì Đàn-nị-kỳ miệng không giao trả cho ngươi, nên cắt lưỡi hắn. Do ngươi thấy trâu mà không tự cột giữ, nên móc mắt ngươi.

Chủ trâu tâu vua:

- Thần xin bỏ con trâu này chớ không muốn bị khoét mắt và cắt lưỡi người kia.

Vua thuận cho hòa giải. Quan giữ ngựa tâu:

- Tên kia vô đạo, bẻ gãy chân ngựa của thần.

Nhà vua liền hỏi:

- Sao ngươi lại bẻ chân ngựa của vương gia?

Đàn-nị-kỳ qùy tâu vua:

- Chủ trâu dẫn thần đi rồi bảo chận giùm ngựa của vua lại, thần đưa tay xuống nhặt hòn đá ném ngựa, lỡ gãy chân ngựa.

Vua phán:

- Do ngươi bảo nó nên cắt lưỡi ngươi. Do hắn ném ngựa nên chặt tay hắn.

Quan giữ ngựa tâu vua, xin được hòa giải.

Lúc bấy giờ, người thợ mộc bước lên tâu:

- Đàn-nị-kỳ đánh mất rìu của thần.

Vua bảo người thợ mộc:

- Do hắn gọi ngươi nên cắt lưỡi hắn. Còn phép cầm đồ vật thì phải dùng tay, do ngươi dùng miệng ngậm, phải bẻ hai hàm răng của ngươi.

Người thợ mộc tâu:

- Thà thần chịu bỏ rìu, xin bệ hạ chớ thi hành hình phạt này.

Lúc ấy, bà bán rượu liền tâu vua:

- Hắn giết oan con của thần:

Đàn-nị-kỳ quỳ tâu vua:

- Thần bị đói khát bức bách mới xin chút rượu uống, vô ý không thấy có đứa bé nằm dưới mền, xin bệ hạ xét cho.

Vua bảo người bán rượu:

- Nhà ngươi bán rượu, khách đến uống nhiều. Sao ngươi đem đứa bé đặt vào chỗ ngồi, cả hai đều có lỗi. Con ngươi đã chết, ta cho Đàn-nị-kỳ làm chồng ngươi khiến ngươi có đứa khác. Hãy thả cho ông ta đi.

Người bán rượu dập đầu tâu:

- Thần xin nghe theo mọi sự hòa giải, nhưng thần không cần chồng.

Lúc ấy, con người thợ dệt lại bước lên tâu:

- Người này cuồng bạo, giẫm chết cha con.

Vua liền hỏi:

- Ngươi giết cha nó phải không?

- Đàn-nị-kỳ tâu:

- Họ đòi nợ thần, thần hoảng sợ nhảy qua tường, chẳng may rớt trúng người thợ dệt, thật ra thần chẳng phải cố ý.

Vua bảo cậu bé:

- Cả hai đều có lỗi. Cha ngươi đã chết, cho Đàn-nị-kỳ làm cha ngươi.

Cậu bé lại tâu:

- Tuy cha con đã chết nhưng con vẫn không cần vị Bà-la-môn này làm cha con. Con xin vâng theo lời hòa giải của bệ hạ.

Vua đồng ý. Lúc bấy giờ, mọi việc đã xong, Đàn-nị-kỳ đứng trước vua, thấy hai người mẹ tranh nhau một đứa con, nhà vua liền dùng trí sáng suốt để tính kế:

- Nay chỉ có một đứa bé mà hai bà tranh nhau. Ta cho hai bà mỗi người kéo một tay đứa bé. Ai kéo được về mình thì chính là mẹ nó.

- Thế là người không thương đứa bé dốc hết sức mình kéo ngay đứa bé, còn người mẹ ruột rất thương con, không nỡ kéo nó. Nhà vua nhận rõ thật giả, liền vặn hỏi người ra sức kéo đã Âm mưu cưỡng đoạt con người khác. Vua liền cho trả đứa bé về mẹ nó. Hai bên ra về. Lúc bấy giờ, Đàn-nị-kỳ tâu vua:

- Lúc thần ở bên đường kia, có một con rắn độc nhờ thần tâu lên bệ hạ: không biết vì sao lúc nó từ trong hang bò ra thì mềm mại nhẹ nhàng, lúc trở vào hang lại khó khăn, đau đớn.

Nhà vua đáp:

- Lúc từ hang ra không có các phiền não, trong lòng nhu hòa, thân cũng như thế. Lúc ra bên ngoài gặp chim thú, các việc xúc nhiễu, sân giận dữ dội, thân liền thô lớn. Ngươi nên bảo rắn giữ tâm không sân hận là thoát khỏi nạn này.

- Tâu bệ hạ, kế đó, thần gặp một cô gái nhờ thần tâu vua rằng: khi cô ta ở nhà chồng thì nhớ nhà cha mẹ ruột, khi ở nhà cha mẹ ruột thì nhớ nhà chồng.

Vua phán:

- Ngươi nên nói với cô gái ấy: Do ngươi tà tâm, khi ở nhà cha mẹ mình thì nhớ đến người chồng ở kế bên; Lúc ở nhà chồng, ngươi lại nhớ người gần nhà bên kia; Đến khi người kia hơi chán lại nhớ đến chồng mình. Đây là do ngươi. Vậy phải mau dứt tâm tà sẽ khỏi nạn này.

- Tâu bệ hạ, sau đó, thần lại thấy trên cây có một con trĩ nhờ thần tâu vua: Tôi ở cây khác hót tiếng không hay, nếu ở cây này hót tiếng thanh tao, chẳng rõ vì sao?

Vua bảo người kia:

- Do ở dưới cây đó có một cái nồi vàng lớn, cho nên ở trên cây này hót tiếng thanh tao. Ở chỗ khác không có vàng nên âm thanh không hay.

Vua lại bảo Đàn-nị-kỳ:

- Khanh nhiều lỗi quá, ta đã tha cho khanh rồi. Nay khanh nghèo nàn, khốn khổ, ta cho khanh cái nồi vàng ở dưới cây, hãy cất giữ lấy nó.

Người kia vâng lời vua dạy, đào đất lấy vàng để đổi cái thứ cần dùng, sống sung sướng, không còn túng thiếu nữa.

Đại vương lúc ấy chính là ta ngày nay, còn Đàn-nị-kỳ nay là Bà-la-môn Tân-đầu-lô-đỏa-xà.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 11)

2. ĐỨA BÉ TRONG THAI KHIẾN MẸ GIỎI NGHỊ LUẬN:

Bà-la-môn A-xà-nị đạt ở nước Ba-liên-phất đa là người thông đạt kinh luận. Khi đang mang thai, vợ ông rất giỏi nghị luận. Người chồng đem việc này hỏi thầy tướng, thầy tướng bảo:

- Đứa con trong thai rất giỏi nghị luận.

Đến ngày sinh nở, quả thật bà sinh được một bé trai, thông đạt các kinh luận, làm thầy Bà-la-môn, lại còn dạy người y thuật.

(Trích kinh Tạp A-hàm quyển 25)

3. KÊ-ĐẦU BÁN MÌNH ĐỂ CÚNG DƯỜNG PHẬT, ĐƯỢC ĐẾ THÍCH VÀ VUA TRỢ GIÚP:

Bấy giờ, nhân dân trong thành La-duyệt theo dòng họ của mình thỉnh Phật và tăng cúng dường. Khi ấy, các Bà-la-môn ở khắp nơi tụ

họp lại rồi tự đưa ra số lượng là mỗi người phải cúng cho Phật và tăng một trăm tiền. Trong đó, có Bà-la-môn Kê Đầu biết nghĩa nhưng nghèo cùng, không có tiền của, nên không thể cúng dường Phật và chúng Tăng. Các Bà-la-môn nói:

- Ông không có tiền

Kê Đầu trở về bảo vợ:

- Các vị Bà-la-môn đã đuổi tôi ra khỏi chúng, vì tôi không có tiền.

Bấy giờ, người vợ xúi chồng:

- Anh vào thành mua chịu đồ vật trị giá một trăm tiền.

Kê Đầu đi khắp nơi nhưng không mua chịu được, trở về kể cho vợ nghe. Vợ lại nói:

- Anh hãy đến nhà Trưởng giả Phất-xa-mật-đa-la để mượn tiền.

Kê Đầu đến Trưởng giả mượn và hứa trong bảy ngày sẽ hoàn trả, nếu không trả thì vợ chồng ông sẽ làm nô tỳ. Trưởng giả liền cho ông ta mượn một trăm tiền vàng. Kê Đầu được tiền đem về báo cho vợ biết. Vợ nói:

- Anh đem số tiền này đến trong chúng và thưa: Nay tôi có tiền, cho tôi được vào phiên kế.

Chúng Bà-la-môn bảo Kê Đầu:

- Mọi việc đã xong, không cần tiền của ông nữa.

Kê Đầu trở về, hai vợ chồng đi đến Đức Thế tôn. Sau khi chào hỏi, vợ của Kê Đầu đảnh lễ Đức Thế tôn và trình bày mọi việc. Đức Phật bảo Kê Đầu:

- Con hãy thỉnh Đức Thế tôn và chúng Tỳ-kheo Tăng!

Vợ của Kê Đầu thưa với chồng:

- Anh hãy làm theo lời Phật dạy!

Bấy giờ, Kê Đầu từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai hữu, chắp tay bạch Phật:

- Cúi mong Đức Thế tôn và các Tỳ-kheo Tăng nhận lời mời của con.

- Đức Thế tôn im lặng nhận lời.

Khi ấy, Thích Đề Hoàn Nhơn bảo Tỳ Sa-môn Thiên vương:

- Này Câu-kỳ-la! Ngươi hãy đến giúp Bà-la-môn này làm cơm cúng dường Phật và chúng Tăng vào ngày thứ ba.

Tỳ Sa-môn Thiên vương đáp:

- Vâng.

Tỳ Sa-môn-thiên-vương tự ẩn mình hóa làm thân người, bảo năm

trăm la-sát:

- Các ngươi mau đến rừng Chiên-đàn lấy củi thơm đem về vườn Trúc để nấu cơm cúng dường Phật và chúng Tăng.

Bấy giờ, Tỳ Sa-môn Thiên vương lại hóa ra một cái nhà trù bằng sắt. năm trăm la-sát đều vác củi thơm ngưu đầu chiên đàn đến nhà trù cho Kê Đầu nấu cơm. Mùi thơm bay khắp cả mười hai do tuần.

Thích Đề-hoàn-nhơn bảo thiên tử Tỳ-thấp-bà-già-ma: Ông hãy hóa làm cái giảng đường cao rộng để Phật và chúng Tăng ngồi thọ trai.

Thưa:

- Vâng.

Trong khoảnh khắc bằng kẻ lực sĩ co duỗi cánh tay, vị thiên tử này từ cõi Trời thứ ba mươi ba bay xuống vườn Trúc, hóa ra một giảng đường bên cạnh nhà trù. Giảng đường được làm bằng bảy báu với một ngàn hai trăm năm mươi tòa ngồi làm bằng chỉ ngũ sắc. Thiên tử tay cầm lò hương đốt các thứ danh hương, tạo nên các cây đa la bằng bảy báu. Làn gió nhẹ thổi khiến chúng phát ra những tiếng leng keng vang rất xa.

Bấy giờ, vua Tần-tỳ-bà-la nước Ma Kiệt nghe tin này liền hỏi quần thần. Quần thần tâu:

- Bà-la-môn Kê Đầu ở trong nhà trù dùng củi ngưu đầu chiên đàn nấu cơm cúng dường Phật và chúng Tăng nên có mùi thơm này.

Nhà vua đi đến chỗ Phật, bỗng thấy giảng đường liền hỏi quần thần:

- Trước kia không có giảng đường này. Nay ai dựng lên vậy?

Quần thần tâu:

- Chúng thần không biết.

Đức Thế tôn kể lại mọi việc cho vua nghe. Vua không ngăn được dòng lệ, thầm nghĩ: chúng sanh phước ít, mạng sống ngắn ngủi, tên các thứ báu này còn chưa biết huống chi được thấy. Nay nhờ ân Phật mới được thấy giảng đường chưa từng có này.

Thế tôn bảo:

- Chúng sanh đời sau không nghe được tên bảy báu, huống gì được tận mắt nhìn thấy? Nay vua nhờ ân Phật mới thấy được việc này.

Đức Phật thuyết pháp vi diệu cho vua nghe khiến tâm vua vui mừng. Vua nói:

- Bà-la-môn Kê Đầu sắp được lợi lành.

Vua lại nói tiếp:

- Trẫm muốn trở về cung.

Đức Phật bảo:

- Nay đã đến giờ cơm.

Phật bảo Kê Đầu:

- Ông nên thỉnh vua cùng dự bữa cơm này.

- Xin vâng! Bạch Đức Thế tôn.

Kê Đầu liền đến chỗ vua, tâu:

- Cúi mong đại vương nhận lời mời của thần. Ngày mai đến giảng đường này để dùng cơm.

Nhà vua im lặng nhận lời.

Sáng sớm hôm sau, Tỳ Sa-môn Thiên vương tắm gội sạch sẽ, Kê Đầu dâng y phục đẹp, tay cầm lò hương đến chỗ Phật, đảnh lễ thưa: Nay đã đến giờ, cơm đã chuẩn bị xong. Cúi mong Đức Thế tôn và chúng Tăng rũ lòng thương tưởng đến thọ trai.

Đức Phật cùng chúng Tăng đi đến giảng đường, và ngồi vào chỗ theo thứ lớp mà vào tòa ngồi. Khi đó, nhà vua xa giá nghiêm trang cùng quần thần đến chỗ Kê Đầu. Cơm canh thịnh soạn, đồ ăn thức uống cả thảy trăm vị, vua và quần thần cùng giúp Kê Đầu dâng cúng Phật và Tỳ-kheo Tăng.

(Trích kinh La-duyệt Thành Nhân Dân Thỉnh Phật)

4. CÔNG ĐỨC HỌC THUỘC MỘT BÀI KỆ CỦA PHẬT:

Một thời, Đức Thế tôn vào thành Xá-vệ, gặp một vị Bà-la-môn già yếu, chống gậy ôm bát đi từng nhà xin ăn. Thế tôn hỏi:

- Tại sao ông ra nông nổi này?

- Thưa Ngài Cù Đàm! Con giao phó hết của cải cho đứa con, và cưới vợ cho nó, nhưng sau nó ngược đãi nên con ôm bát đi xin ăn. Thế tôn lại bảo:

- Ông có thể học thuộc một bài kệ của ta rồi trở về nói cho con ông nghe được không?

- Bạch Đức Thế tôn! Tôi có thể học được.

Đức Thế tôn liền nói kệ:

Sanh con lòng vui mừng
Đã để dành của cải
Và cưới vợ cho con
Rồi bỏ nhà ra đi
Nhưng đứa con ham của
Ngược đãi với cha mình

Mặt người, lòng quỷ dữ
Khinh rẽ bậc lão tôn
Ngựa già không dùng được
Thì tước lấy lúa mạch
Con trẻ để cha già
Đi từng nhà xin ăn
Gậy kia là hơn hết
Không con dứt ái ân
Tránh được loài trâu dữ
Nơi nguy hiểm an lành
Lại xua luôn cả chó
Giúp ta vượt tối tăm
Tránh hầm sâu, giếng rỗng
Gai gốc cùng cỏ cây
Nhờ vào sức cây gậy
Vững bước mọi nẻo đường.

Bấy giờ, Bà-la-môn thọ trì bài kệ của Phật. Về đến nhà, trước hết xin mọi người cho ông được nói vài lời, rôi ông đọc bài kệ trên. Nghe bài kệ ấy, con ông sợ hãi, liền ôm lấy cha mình, tỏ lòng hối hận, rồi đưa cha về nhà tắm rửa sạch sẽ, thay quần áo mới, tôn làm gia chủ. Lúc đó, Bà-la-môn thầm nghĩ: Ta nay được những điều tốt đẹp này là nhờ ân đức của Sa-môn Cù-đàm. Bài kệ ta vừa nói, nếu xem Phật là Thầy thì phải dùng lễ cúng dường như bậc Thầy, nay ta nên đem y thượng diệu đến cúng dường Đức Thế tôn. Đến nơi, ông đảnh lễ Phật rồi thưa:

- Cúi mong Ngài thương xót con mà nhận chiếc y này.

Đức Thế tôn liền nhận và chỉ dạy ông nhiều pháp yếu.

(Trích kinh Phật Vi Lão Bà- la- môn Thuyết Kệ)

5. NHỜ HỌC BẮN, TÁN NHÃ ĐƯỢC VỢ:

Vào thời quá khứ, có một Bà-la-môn trẻ tuổi tên Tán Nhã đi đến Thầy dạy bắn cung xin học thuật bắn. Vị Thầy bảo:

- Có thể học được.

Tán Nhã học nghề này suốt bảy năm. Sau đó, Tán Nhã hỏi Thầy:

- Bao giờ con mới học xong?

Thầy bảo:

- Hãy tự tìm cung mà bắn. Bây giờ, ta tạm vào trong thôn, đợi khi ta trở lại rồi hãy phóng tên.

Thầy đi vào thôn, Tán Nhã chờ Thầy rất lâu, nhưng không thấy Thầy trở ra. Tán Nhã bắn cây to phía trước, mũi tên xuyên qua cây làm chết con rắn.

Vị Thầy trở ra hỏi:

- Con chưa phóng tên chứ?

Tán Nhã thưa:

- Con đã phóng rồi.

Thầy bảo:

- Nếu con chưa phóng tên thì trong cõi Diêm-phù-đề này, con là một Đại sư bậc nhất. Còn như con đã phóng tên rồi thì sau khi ta chết, con sẽ là người tiếp nối ta.

Bấy giờ, vị Thầy cho con gái mình cùng kết hôn với Tán Nhã, rồi đem năm trăm mũi tên và một chiếc xe ngựa cho Tán Nhã. Tán Nhã nhận lấy rồi đi qua một cánh đồng trống. Lúc ấy, trong cánh đồng có năm trăm tên giặc đang bày tiệc ăn uống. Tán Nhã bảo vợ đến bọn giặc xin ăn. Bọn giặc nói:

- Xem ra bộ dạng người này chẳng phải là kẻ tầm thường, đáng được nhận thức ăn.

Một người trong bọn giặc nói:

- Bọn tôi vẫn còn sống đây, sao người này được phép cùng vợ cưỡi xe đi?

Tán Nhã bắn một phát, hắn ta chết ngay. Cứ như vậy, hễ tên nào đứng lên đều bị bắn chết. Cuối cùng, chỉ còn lại một ông thầy của bọn giặc. Ông ta bảo vợ Tán Nhã:

- Ngươi hãy cởi áo đặt xuống đất.

Bà ta liền cởi áo. Tán Nhã thấy vậy, bắn ông ấy một phát chết tươi.

Năm trăm tên giặc thuở ấy chính là năm trăm vị Tỳ-kheo, còn Tán Nhã là Xá-lợi-phất.

(Trích luật Tứ phần phần 3, quyển 9)

6. BÀ-LA-MÔN CÚNG ÁO NẠP ĐƯỢC PHẬT THỌ KÝ:

Bấy giờ, Đức Phật vào thành Xá-vệ khất thực. Chiếc y của Ngài có một lỗ thủng nhỏ. Khi ấy, có một Bà-la-môn nhìn thấy y của Phật bị rách. Ông liền về nhà lấy ít vải bạch điệp đem cúng cho Phật:

- Cúi xin Đức Như Lai dùng mảnh vải này để vá y.

Đức Phật thọ nhận rồi thọ ký cho vị Bà-la-môn này:

- Trong hai A tăng kỳ bách kiếp, ông sẽ được làm Phật.

Bà-la-môn vui mừng ra về. Bấy giờ, các trưởng giả, cư sĩ giàu có nói rằng:

- Vì sao chỉ cúng dường Đức Thế tôn một chút vải mà được phước báo nhiều như thế?

Từ đó, họ làm cho y của Đức Thế tôn hoại đi, rồi đem các thứ vải đẹp may thành các y mới.

Vào thời quá khứ, thuở Đức Phật Tỳ-bát-thi, nhà vua bấy giờ tên là Bàn Đầu. Có một quan đại thần xin cúng dường Phật và chúng Tăng trong ba tháng, Đức Phật liền hứa khả. Khi ấy, vua Bàn Đầu bạch Phật:

- Rất mong được cúng dường Phật và chúng Tăng ba tháng.

Phật bảo Bàn Đầu:

- Ta đã nhận lời thỉnh của đại thần kia trước rồi.

Nhà vua đến nói với đại thần đó:

- Phật ở trong nước ta nói là khanh đã thỉnh rồi. Nay ngươi nhường lại cho ta đi!.

Quan đại thần tâu vua:

- Nếu đại vương bảo hộ được thân mạng của thần, lại giữ được Đức Như Lai thường trụ ở đây, nước nhà thường an ổn, thì thần đây sẽ bằng lòng.

Vua nói thêm:

- Khanh thỉnh một ngày, rồi đến phiên ta một ngày.

Quan đại thần đồng ý. Hai người đều được toại nguyện. Vua cúng dường Phật đủ ba y, cúng dường chín vạn Tỳ-kheo, mỗi vị một y bảy điều.

Vị quan đại thần cúng dường y phục cho Phật và chúng Tăng thuở ấy chính là ta vậy.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 12)

7. BÀ-LA-MÔN CÚNG BÁNH CHO PHẬT NGHE PHÁP ĐẮC ĐẠO:

Có một Bà-la-môn hỏi vợ:

- Trong nhà ta có sẵn bánh không? Tôi muốn theo bạn bè cúng dường Sa-môn Cù Đàm.

Vợ nói:

- Có

Bà-la-môn đem bánh đến chỗ Phật, gặp Quốc vương, đại thần Sát đế lợi và Bà-la-môn, những vị đứng đầu của 18 tụ lạc lớn đang dự hội,

nên không dám bước vào, thầm nghĩ: Phật là bậc Nhất Thiết Trí, chắc hiểu được tâm ta. Phật từ xa gọi ông ta đến hỏi:

- Đựng thừ gì trong hộp vậy?

- Bạch Đức Thế tôn! Bánh ạ.

Phật bảo:

- Có thể đem đến cúng cho chúng Tăng.

Bà-la-môn thưa:

- Bánh ít quá, cúng chúng Tăng không đủ.

Phật bảo:

- Ông cứ cúng đi, một lượt cũng chưa hết, cúng ba lượt nhưng vẫn còn.

Rõ được tâm của Bà-la-môn này, Đức Phật thuyết pháp cho ông ta nghe, ông chứng quả Tu-đà-hoàn.

(Trích luật Tăng Kỳ quyển 29 và quyển 6)

8. BÀ-LA-MÔN BẠT-ĐỂ OÁN KẾT ĐỌA LÀM RỒNG BỊ PHẬT HÀNG PHỤC:

Xưa có Long vương Bạt-để tính tình bạo ngược, thích làm mưa gió, sấm sét, mưa đá để giết hại dân chúng. Chim thú, sâu bọ chết vô số kể. Bấy giờ, một vạn vị A-la-hán cùng bàn với nhau: Nếu giết một người bị đọa địa ngục, chịu tội một kiếp vẫn không hết. Nay con rồng này sát hại chúng sanh, lâu nay chúng ta không khuyên nó, sợ e sau này khó độ. Bây giờ, chúng ta cùng nhau đi đến can ngăn nó.

Biết được tâm niệm của chư vị, Đức Phật khen ngợi: Lành thay!

Khi ấy, một vạn vị A-la-hán cùng đi đến. Rồng làm mưa gió, sấm sét. Chư vị kinh hãi, khuất phục trở lui.

Đức Phật đang ở núi Kỳ-xà-quật, cùng với một vạn vị Bồ-tát và một vạn vị A-la-hán đi đến chỗ rồng. Rồng liền nổi sân. Do muốn hại Phật, Bồ-tát, và Thánh tăng, rồng làm mưa to, gió lớn, sấm sét vang rền, lại tuôn mưa đá khiến sập đổ khu đất rộng bốn mươi trượng vuông. Những người đang đứng trên vùng đất này bị vùi xuống đất bốn trượng.

Thấy rồng gây tai họa, các vị A-la-hán lo sợ, đến bên Đức Phật. Nhìn thấy mưa đá biến thành lộng hoa, các vị A-la-hán suy nghĩ và cùng kết thân lại thật chặt lấp kín bốn mươi trượng. Lúc này, rồng muốn xông tới Phật và chúng Tăng, nhưng không thể nào vào được bên trong. Nó ngẩng đầu, trố mắt nhìn kỹ Phật, nghi đây là vị thần tôn quý bậc nhất. Các tiểu long cũng xông tới, nhưng không tài nào làm lay động.

Sau khi chết, Long vương được sanh lên Trời. Các tiểu long chết đi, cũng được làm thiên tử. Thiên vương và thiên tử bay xuống, đứng bên Đức Phật. Đức Phật hỏi A-nan:

- Ông có biết các vị thiên này từ đâu sanh ra không?

A-nan thưa:

- Con không biết.

Đức Phật bảo:

- Đó là loài rồng dấy tâm hung dữ. Từ khi xông vào không được, chúng khởi thiện tâm, biết Phật là bậc tôn quý; sau khi chết, được sanh lên Trời.

Nghe Phật nói vậy, Thiên vương và thiên tử đều phát tâm Vô thượng bình đẳng.

Đức Phật bảo:

- Thuở xưa, Long vương Bạt-để và Phật Thích Ca Văn đều là Bà-la-môn. một vạn đệ tử của Bạt-để bỏ Bạt-để, sang thờ Thích Ca Văn. Bạt-để kết oán nên đọa làm rồng. Phật đức độ sâu dày nên độ thoát một vạn đệ tử đều đắc quả A-la-hán. Với tâm độc ác, rồng muốn làm hại các vị này. Tuy chư vị đã đắc Tứ quả, vẫn phải chịu khổ nạn; Nếu là Bồ-tát, rồng sẽ không dám trả thù.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ bản cũ, quyển hạ)

9. BÀ-LA-MÔN NHẬP ĐỊNH HƠN BA TRĂM NĂM:

Xưa có vị Bà-la-môn không thích việc đời, ở ẩn nơi núi rừng, một lòng tu đạo, liền nhập định hơn ba trăm năm. Trên thân vị này, bụi đất phủ đầy, cỏ cây sinh trưởng. Ở dưới núi, có mấy trăm gia đình Bà-la-môn làm nghề đốn củi. Một hôm, họ leo cây bẻ củi khô. Cái cây trên trán của Bà-la-môn lay động, đánh thức vị ấy từ trong đất đi ra, hỏi người kiếm củi:

- Ngươi là ai?

- Là Bà-la-môn.

- Những người kia là ai?

- Là vợ con của tôi.

Vị Bà-la-môn cười nói:

- Ta nhập định đã hơn ba trăm năm còn chưa dám tự xưng là Bà-la-môn. Các ngươi lại dám nhận mình là Bà-la-môn ư?

(Trích kinh Thí Dụ bộ mười quyển, quyển 5)

10. GIEO NHÂN GẶT QUẢ:

Xưa ở phía Đông thành Xá-vệ, có một Bà-la-môn vô cùng giàu có. Con họ cưới vợ thờ Phật trong nhà. Người vợ thọ năm giới, trì trai sáu ngày, thường thích cúng dường cho các Sa-môn, đạo sĩ và khuyên chồng cùng làm. Người chồng bằng lòng, sang thưa với cha mẹ. Cha mẹ nổi giận, cho là phá hết tài sản trong nhà.

Người vợ đem số tiền quyên được đưa cho chồng. Chồng đưa cho người giữ nhà. Người giữ nhà đưa cho người gác cổng. Người gác cổng đem đến chùa cúng dường cho Sa-môn đốt hương thắp đèn. Hai vợ chồng cùng phát nguyện: Nếu bố thí này không có phước báu cho chúng con thì cũng chẳng sao, nếu có phước thì khiến cho mọi người cùng thấy được phước quả.

Bấy giờ, theo phong tục nước này, vào ngày ba tháng ba, nhân dân cả nước đều ra bờ sông trỗi nhạc ca múa. Khi đó, ở phía Đông Nam có một thiên nhân cưỡi voi trắng bay trên Hư không đi tới. Mọi người ngước lên nhìn và hỏi:

- Là thần linh nào vậy?

- Hãy hỏi người đến sau.

Chốc lát, lại xuất hiện cung điện bằng bảy báu, bên trên có ngọc nữ đang ngồi một mình. Bốn vị đại Thiên thần nâng đỡ cung điện bay đi. Mọi người hỏi:

- Nhờ công đức gì vậy?

Ngọc nữ cũng trả lời:

- Hãy hỏi người đến sau.

Lát sau, lại xuất hiện bốn trụ bảo điện, có một thiên nhân và một ngọc nữ đang ngồi bên trong. Bốn phía phải trái, trước sau là bốn bộ kỹ nhạc. Mười hai vị Thiên thần cùng nâng đỡ cung điện. Thấy vậy, mọi người hỏi:

- Nhờ công đức gì?

- Hãy hỏi người đến sau.

Lát nữa, lại xuất hiện hai con quỷ bệ-lệ, thân cao ba trượng, đen gầy, hốc hác, đói khát đau khổ, trong thân lửa cháy hừng hực. Mỗi con cầm một gậy lớn, rồi cả hai ấu đả với nhau. Mọi người hỏi nguyên nhân, thiên nhân đáp:

- Quý vị có nghe nói đến vị Bà-la-môn vô cùng giàu có ở phía Đông thành Xá-vệ không? Người cưỡi voi trắng là người gác cổng. Ngọc nữ trong cung điện nhỏ là người giữ nhà. Hai người trong cung điện lớn là ta và vợ ta. Hai con quỷ là vợ chồng Bà-la-môn, đời trước

ngu si, không tin chánh pháp, nên nay chịu quả khổ như thế.

(Trích kinh Thí Dụ gồm 10 quyển, quyển 1)

11. BÀ-LA-MÔN ĐƯỢC PHẬT HÓA ĐỘ:

Đức Phật du hóa đến thành của Bà-la-môn. Vị Bà-la-môn đứng đầu biết thần đức Như Lai có thể cảm hóa tâm chúng sanh, chỉ trong một bữa ăn là Ngài có thể hóa độ. Vậy đâu còn ai nghe theo lời ta. Nhân đó, họ cùng nhau chế định:

- Hễ ai cho Phật thức ăn và nghe lời Phật nói sẽ bị phạt năm trăm tiền vàng.

Bấy giờ, Đức Phật vào thành khất thực. Ai nấy đều đóng kín cửa. Phật ôm bát không trở về. Bỗng có một người sứ, cầm chiếc bình sành đựng đầy đồ hôi thối đem ra cửa đổ. Thấy Phật ôm bát không, vị này khởi lòng tin thanh tịnh, muốn dâng cúng Phật, nhưng lòng không vui, liền bạch Phật:

- Nay thức ăn tồi tệ này, nếu Ngài cần, xin cứ lấy.

Biết được tâm niệm của người này, Đức Phật thọ nhận đồ cúng và dạy:

- Người nữ cúng dường một bữa ăn, mười lăm kiếp được sanh lên Trời, hưởng phước báu an vui, không đọa vào ác đọa; về sau, được thân nam tử, xuất gia, học đạo, thành Bích-chi Phật.

Có vị Bà-la-môn đứng bên cạnh, cho Phật vì thức ăn nên nói dối. Thức ăn hôi thối thế này mà lại được quả báo lớn lao như thế.

Phật liền le lưỡi che mặt cho đến mí tóc, hỏi Bà-la-môn:

- Ngươi xem kinh sách thấy ai có cái lưỡi như vậy mà lại nói dối không?

Bà-la-môn thưa:

- Người có cái lưỡi như thế chắn chắc không nói dối, chỉ vì tôi không hiểu tại sao bố thí ít ỏi mà lại được quả báu lớn lao như thế.

- Ngươi đã từng thấy bóng cây Ni-câu-luật che mát năm trăm cổ xe khách buôn mà tán vẫn còn rộng không?

- Có thấy.

- Hạt giống của cây ấy lớn hay nhỏ?

- Bằng một phần ba hạt cải

- Ai sẽ tin điều này?

- Chính mắt tôi thấy

- Ta cũng như vậy. Bà lão kia được quả báu lớn là nhờ gieo trồng ruộng phước tốt lành của Như Lai.

Lúc ấy, Bà-la-môn tỉnh ngộ, năm vóc sát đất, xin sám hối Phật. Đức Phật thuyết pháp cho nghe, Bà-la-môn chứng được sơ quả, nói lớn với mọi người:

- Cửa cam lồ sao mở không ra?

Các Bà-la-môn xin chở tiền vàng đến cúng dường Phật. Vua Bà-la-môn cũng cùng với thần dân quy y Tam bảo. Các nam nữ trong thành đều được lòng tin thanh tịnh.

(Trích kinh Phổ Diệu quyển 5)

12. HẬU QUẢ CỦA VIỆC TRÌ TRAI KHÔNG TRỌN VẸN

Thuở xưa, trưởng giả Tu-đạt đi thỉnh Phật và Tăng mở đại hội. Giữa đường, ông gặp một người dâng cúng một bình sữa. Đi thêm đoạn nữa, ông lại gặp một Bà-la-môn nhờ dẫn đến quy y. Khi đến chỗ Phật và Tăng, Bà-la-môn vui mừng, liền xin ở lại nghe kinh trì trai đến chiều mới về. Người vợ ở nhà lấy làm kinh ngạc. Về đến nhà, ông cũng không ăn, tối đến đói quá mới ăn. Thế nên, trai giới không giữ được trọn vẹn. Sau khi mạng chung, ông đọa làm thần cây của một đầm lớn trong nước Uất-đa-la.

Bấy giờ, năm trăm vị học sĩ muốn đến ao có thờ ba vị thần tắm rửa, dạo xem cảnh tiên nhưng thức ăn cạn kiệt, lại không có nước uống, đói khát lả người. Từ xa, trông thấy cây kia tưởng là dòng suối, họ kéo đến đấy nhưng hoàn toàn không có suối nước nào, càng thêm nguy khốn. Vì vậy, họ cất tiếng cầu xin thần cây cứu sống thân mạng. Khi ấy, thần cây hiện ra nửa thân, giơ tay phải lên chỉ vào đầu, tự nhiên thức ăn trăm vị cùng các thứ nước uống hiện ra đầy đủ. năm trăm vị học sĩ đều được thọ hưởng no nê. Sau đó, họ bàn với nhau: Chúng ta định đến ao thần tắm rửa, dạo xem cảnh tiên. Cảnh đây hùng vĩ thế này, đạo tiên há có thể đẹp hơn ư? Họ lại hỏi thần cây:

- Nhờ công đức gì mà được Thánh đức như thế?

Thần cây đáp:

- Xưa ta gặp Đức Phật tại Tinh xá Xá-vệ, thọ trì tám ngày trai giới, thần hồn đáng lẽ sanh lên Trời. Nhưng vì vợ mà trai pháp không trọn vẹn, nên ta bị đọa làm thần cây.

Nghe nói vậy, năm trăm vị học sĩ đều phụng trì trai giới, sau đắc quả Tu-đà-hoàn.

(Trích Chư Kinh Yếu Sự)

13. VỢ CHỒNG BÀ-LA-MÔN NUỐT TIỀN VÀNG

Xưa, có vợ chồng Bà-la-môn nọ không có con nhưng tài sản rất nhiều. Khi sắp mạng chung, họ bảo nhau:

- Mỗi người chúng ta hãy nuốt tiền để làm tư lương.

Tục lệ nước ấy, người chết không chôn mà để nơi gốc cây. Vợ chồng Bà-la-môn, mỗi người nuốt năm mươi đồng tiền vàng rồi chết. Đến khi thân thể mục rữa, tiền lộ ra. Một vị hiền giả trong nước đi ngang thấy thế, bất giác rơi lệ. Thương xót cho họ vì bỏn xẻn mà ra nông nổi này, hiền giả lấy số tiền đó làm phước cho họ. Hiền giả sắm sửa thức ăn cúng dường Phật và Tăng. Khi dâng bát cơm lên Phật, vị này xin Ngài chú nguyện cho hai vợ chồng kia. Bấy giờ, vợ chồng Bà-la-môn đang làm ngạ quỷ khổ sở, liền được sanh lên cõi Trời. Vợ chồng Bà-la-môn dùng thiên nhãn biết mình được như ngày hôm nay là nhờ vị hiền giả làm phước rộng rãi, cúng dường bốn chúng. Họ hóa làm một cậu bé từ cõi Trời bay xuống, đến giúp đỡ vị hiền giả.

Đức Phật dạy: Cậu bé trong nhà bếp ấy là một đại thí chủ.

Phật đến thuyết pháp, cậu bé và vị hiền giả đều được đắc đạo. Cả chúng hội hoan hỷ và được sanh thiên.

(Trích kinh Túc Nguyện Quả Báo)

14. THẾ NÀO LÀ ĐẸP

Thời Phật tại thế, có gia đình Bà-la-môn sinh hai người con gái đều xinh đẹp. Họ treo giải bố cáo, trong chín mươi ngày, hễ ai tìm được chỗ xấu của con gái họ xấu sẽ được thưởng số vàng này. Tuyệt nhiên không ai đáp lời chiêu mộ của họ. Họ dẫn con mình đến chỗ Phật. Phật liền chê:

- Cô gái này xấu xí quá.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

- Cô gái này không có chỗ nào đáng chê mà sao Phật bảo là xấu?

Phật bảo:

- Hễ ai mắt không theo sắc, đó là đẹp. Tai, mũi, lưỡi cũng thế. Thân không đắm trước sự êm ái là đẹp. Thân không trộm tài vật là đẹp. Người không phạm những điều như thế mới là đẹp. Nếu người mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, thân ưa thích sự êm ái, tay thích lấy vật của người thì những người này đều không đẹp.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ)

15. ĐẠI MAN VÀ NGƯỜI CON THỢ GỐM

Xưa, có Bà-la-môn ở ấp Đa Thú, làm quan Thái sử cao nhất nước. Bà-la-môn này có một người con. Vì trên đầu con mình tự nhiên có búi tóc lớn nên Bà-la-môn đặt tên con là Đại Man. Đại Man khôi ngô tuấn tú, có ba mươi hai tướng đẹp.

Người con của thợ gốm là Nan-đề-bà-la từ bé đã chơi thân với Đại Man. Nan-đề-bà-la siêng năng, dũng mãnh, nhân từ, hiếu thuận. Cha mẹ đều mù, Nan-đề-bà-la luôn cung phụng đầy đủ. Tuy là thợ gốm nhưng Nan-đề-bà-la không hề đào đất, chỉ lấy đất nơi tường sụp, bờ lỡ và ổ chuột mục nát, trộn chung lại làm thành vật dụng. Người đến mua thì đem lúa, gạo, đậu, mè và đất để đổi lấy đồ vật. Nan-đề-bà-la không bao giờ định giá cả, cũng không lấy vàng bạc tiền của, vải vóc, chỉ lấy lúa gạo để nuôi cha mẹ mà thôi.

Tinh xá của Phật Ca-diếp ở gần ấp Đa Thú, có hai vạn vị đại Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán. Hộ Hỷ nói với Đại Man:

- Chúng ta hãy đến gặp Phật Ca-diếp.

Đại Man đáp:

- Gặp ông Đạo nhân đó làm gì? Họ chỉ là kẻ trọc đầu, chứ có đạo đức gì đâu?

- Phật đạo khó gặp lắm. - Hộ Hỷ nói với Đại Man ba lần như thế.

Đại man không chịu, Hộ Hỷ lại hỏi:

- Chúng ta đến sông tắm được không?

Đại Man đáp:

- Được thôi.

Cả hai cùng đến sông tắm. Hộ Hỷ lấy tay chỉ về phía xa, nói:

- Vậy thì được.

- Tinh xá của Phật Ca-diếp cách đây không xa, chúng ta hãy đến xem thử.

Đại Man hỏi:

- Xem làm gì?

Hộ Hỷ liền nắm áo kéo Đại Man đi. Đại Man cởi áo bỏ chạy. Hộ Hỷ nắm đầu lôi Đại Man đi, rồi nói:

- Hãy đến gặp Phật Ca-diếp một lần đi!

Tục lệ nước ấy rất kỵ nắm đầu người ta, ai phạm đều bị xử chém. Đại Man lo sợ:

- Để bạn bị chém chết vì việc nắm đầu ta ư?

Hộ Hỷ bảo:

- Tôi sẽ chết, chết rồi không còn gặp nhau nữa nên phải làm sao cho bạn gặp Phật mới được.

Đại Man suy nghĩ: Chắc có điều gì hay, nên bạn ta bất kể chết mà lôi mình đến đó. Thế rồi, Đại Man nói:

- Thả tôi ra, tôi sẽ đi theo.

Đại Man liền búi tóc, sửa áo quần lại, đi theo bạn đến chỗ Phật Ca-diếp.

Hộ Hỷ bạch Phật:

- Đại Man là bạn thân của con từ bé nhưng nó không tin Tam bảo, xin Đức Thế tôn hóa độ cho.

Đồng tử Đại Man thấy Phật tướng tốt, tự nghĩ: Ngài có những tướng tốt mà sách vở ghi lại, nhưng còn thiếu hai tướng.

Khi ấy, Phật Ca-diếp liền hiện tướng lưỡi rộng dài che mặt lên tới nhục kế và trùm cả hai tai. Phật làm như thế bảy lần, rồi thu lưỡi vào trong miệng. Ánh sáng của Ngài tỏa khắp đại thiên thế giới cho đến cõi Trời A-ca-nị-tra, che cả ánh sáng của mặt Trời, mặt trăng. Ánh sáng ấy trở lại bao quanh thân Ngài bảy vòng, rồi trở vào đỉnh đầu. Đức Phật dùng thần túc hiện tướng âm mã tàng cho một mình Đại Man thấy. Đồng tử Đại Man thấy đủ ba mươi hai tướng tốt của Phật, hết sức vui mừng. Đức Phật Ca-diếp nói những gì làm mất công đức của Bồ-tát cho Đại Man nghe:

- Thân không đáng làm mà làm. Miệng không đáng nói mà nói. Ý không đáng nghĩ mà nghĩ. Đó là ba ác hạnh của Bồ-tát.

Thế rồi, Đại Man đảnh lễ Phật, thưa:

- Con nay sám hối, xin Phật hứa khả, từ nay trở đi không dám tái phạm.

Đại Man nói như vậy ba lần. Phật Ca-diếp im lặng thọ nhận. Đồng tử Đại Man và Hộ Hỷ cùng lễ Phật từ biệt trở về.

Đại Man nói:

- Bạn là người vô dụng, không ích lợi gì cả. Tôi không muốn nhìn mặt bạn, cũng không thích nghe tên bạn nữa.

Hộ Hỷ hỏi:

- Vì sao vậy?

Đại Man nói:

- Bạn đã sớm theo Phật nghe pháp mầu, sao không chịu xuất gia?

Hộ Hỷ đáp:

- Cha mẹ tôi già cả, lại bị mù loà, tôi phải ở nhà nuôi dưỡng, làm

sao xuất gia được. Nếu tôi xuất gia, cha mẹ chết thì sao đây?

Đại Man bảo Hộ Hỷ:

- Tôi nghe Phật Ca-diếp nói về ba ác duyên đối với hạnh Bồ-tát, nên không thích ở nhà nữa. Tôi muốn trở lại chỗ Phật xin làm Tỳ-kheo.

Hộ Hỷ đáp:

- Đại Man, bạn đã suy nghĩ kỹ rồi, phải không? Phải nên trở lại ngay vì Phật rất khó gặp.

Đồng tử Đại Man liền ôm lấy Hộ Hỷ, rồi nhiễu quanh ba vòng, chắp tay từ tạ nói:

- Nếu thân, khẩu, ý của tôi có lỗi với bạn, xin hãy tha thứ mà chỉ dạy đại đạo chơn chánh.

Đại Man nói tụng ca ngợi:

Nhân từ là bạn lành
Pháp hữu không tham trước
Dẫn ta theo chánh đạo
Bạn ấy được Phật khen.

Nói kệ rồi, Đại Man nhiễu quanh Hộ Hỷ ba vòng, rồi trở lại Tinh xá, bạch Phật:

- Con có thể xuất gia, thọ giới Cụ Túc được chăng?

Phật liền tế độ Đại Man, truyền giới Cụ Túc. Phật bảo tôn giả Xá-lợi-phất:

- Đồng tử Đại Man bấy giờ là ta. Cha của Đại Man nay là phụ vương Chân Tịnh. Hộ Hỷ nhiều lần khuyên ta xuất gia là thiện tri thức hướng đạo của ta. Trước đây, ta nói lời ác với Hộ Hỷ: "Phật Ca-diếp là Sa-môn trọc đầu, đâu có đạo đức gì". Cho nên, ta phải chịu khổ hạnh sáu năm, ngày ăn một hạt mè, một hạt lúa, một hạt đậu lớn, một hạt đậu nhỏ.

(Trích kinh Hưng Khởi Hạnh quyển hạ)

16. BỊ HẠI DO THỜ PHẬT

Xưa có vị Bà-la-môn thờ ngoại đạo, vợ ông thì theo Phật. Một hôm, người vợ nói với chồng:

- Cho em được thờ Phật.

Người vợ treo phướn lộng, đốt đèn, thắp hương. Chồng không đồng ý. Người vợ bèn làm một lá phướn treo trong phòng của mình, sớm tối lễ lạy. Người chồng giết trâu dê mời thầy giải trừ. Thầy đến nhà bảo Bà-la-môn:

- Nhà ông có phướn lộng của Phật, tôi không dám vào.

Người chồng đi vào, tìm thấy lá phướn, giận dữ đánh vợ. Người vợ liền nhảy xuống sông. Lòng thành cảm ứng, nước sông tự nhiên khô đi, có hoa bảy báu phủ trên thân người vợ. Chồng thấy như thế, biết Phật là bậc đáng kính, bèn bỏ ngoại đạo, phụng thờ chánh pháp.

(Trích kinh Thí Dụ)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 42

1. Trưởng giả Mân Trà nghe pháp, tỏ đạo
2. Cư sĩ Úc Trà thọ trì giới.
3. Ngư Thân thừa hưởng gia nghiệp.
4. Tài sản của ba anh em Xà Lợi.
5. Cư sĩ Đại Ý xin châu minh nguyệt.

1. TRƯỞNG GIẢ MÂN TRÀ NGHE PHÁP, TỎ ĐẠO.

Ở thành Bạt Đề có một đại cư sĩ tên Mân Trà (luật Sa-di Tắc nói là Văn Trà) giàu có và quyền uy, chu cấp theo mong cầu của mọi người. Hôm nọ, kho của ông bị lủng một lỗ lớn như trục bánh xe, lúa đậu trong kho theo lỗ thủng tràn ra ngoài, vợ ông lấy tám đấu gạo nấu cơm đãi bốn bộ binh và khách bốn phương. Mọi người ăn no mà cơm vẫn không hết. Con trai của ông lấy một ngàn lượng vàng chia cho bốn bộ binh và người hành khất ở khắp mọi nơi, nhưng vàng cứ theo sự mong cầu của mọi người không bao giờ vơi. Con dâu của ông lại lấy hương xoa chu cấp theo sự mong cầu của tất cả mọi người nhưng hương cũng không hết. Đứa tớ trai mỗi ngày cày được bảy luống, thâu được rất nhiều lúa gạo, đứa tớ gái lấy tám đấu lúa cho ngựa của bốn bộ binh ăn, nhưng vẫn không hết. Thấy vậy, mọi người trong nhà cư sĩ ai cũng giành, đó là phước của mình (Trích luật Tứ Phần và luật Thập Phần quyển 4).

Mân trà đến đảnh lễ và thưa Phật, Phật bảo:

- Đó là phước đức của tất cả mọi người trong nhà.

Thuở xưa ở thành Vương xá có hai vợ chồng người thợ dệt sanh được một đứa con. Khi con đến tuổi trưởng thành, họ lo bề gia thất và thuê tôi trai tớ gái ở với đôi vợ chồng mới cưới này.

- Hôm nọ, cả đại gia đình cư sĩ cùng nhau quây quần ăn cơm, bổng có một vị Bích chi Phật đến nhà khất thực. Thấy vậy, mỗi người đều trích một phần ăn của mình dâng cúng cho Ngài. Vị Bích chi Phật bảo:

- Các ngươi thành tâm bớt một ít phần ăn của mình dâng cúng cho

ta, tuy không nhiều nhưng ta đã được no đủ. Mọi người đều nghe theo lời Ngài. Ăn xong, Ngài bay lên Hư không hiện mười tám món thần biến, sau đó mới giả từ.

Sau khi mạng chung, quyến thuộc của người thợ dệt sanh lên cõi Trời Tứ Thiên vương, cho đến cõi Trời Tha Hoá Tự Tại, lần lượt bảy lần sanh lên cõi Trời, bảy lần sanh xuống nhân gian, nay vẫn còn phước sanh trong một gia đình này. Nghe xong, Mân Trà xin Phật và chư tăng tu pháp bố thí bất nghịch ý, tuỳ theo thời tiết mà dâng cúng tất cả những vật dụng cần thiết cho Phật và chư tăng.

Khi ông dâng phẩm vật cúng dường, các Tỳ-kheo không dám nhận, thưa Phật. Phật bảo:

- Cho phép các ông tuỳ ý thọ nhận.

Về sau, chư Tỳ-kheo đi khất thực, trưởng giả sai người mang vàng bạc đến tận nơi để cúng dường nhưng phần đông các Tỳ-kheo đều giữ giới nên không nhận, họ lại mang vàng bạc trở về.

Trưởng giả bảo:

- Ta đã xả bỏ tất cả, không nên mang về.

(Trích luật Sa-di Tắc, luật Tứ Phần, luật Thập Tụng)

2. CƯ SĨ ÚC GIÀ THỌ TRÌ GIỚI

Cư sĩ Úc Già lúc ở trong rừng cây thành Tỳ-Xá Ly, đấm đuối với đám thể nữ vây quanh mình. Bỗng nhìn ra xa, ông thấy đức Thế tôn đang ngồi kiết già thiền định dưới một gốc cây, ánh sáng như núi vàng, ông liền buông thả đám thể nữ, chạy đến đức Thế tôn. Nhân đó, Phật giảng pháp Tứ đế cho ông nghe. Nghe xong, ông đắc pháp vô uý, đầu mặt đảnh lễ dưới chân đức Thế tôn, xin quy y Tam bảo, làm Ưu bà tắc, vâng giữ năm giới.

Về nhà, ông bảo với hàng quyến thuộc: Các ngươi nên biết, ta đã theo đức Thế tôn quy y Tam bảo, vâng giữ năm giới làm ưu bà tắc. Nếu ai muốn an vui thì tu hạnh bố thí để tạo phước, còn nếu ai không muốn thì trở về gia đình mình sinh sống. Ta sẽ trả lại tự do cho các ngươi.

Lúc đó, đệ nhất phu nhân thưa:

- Ông đã theo đức Phật, trọn đời vâng giữ giới luật, có người kia thương tôi, xin cho chúng tôi nên vợ chồng.

Cư sĩ liền cho mời người ấy đến, cầm tay trái của người đàn ông kia bắt vào tay phải của phu nhân và cầm một bình vàng trao cho hai người, bảo:

- Ta cho đại phu nhân của ta làm vợ anh.

Nghe vậy, anh ta kinh sợ, rợn tóc gáy, hỏi:

- Úc Già! Ngài không định giết tôi đấy chứ?

- Không. Ta đã vâng giữ năm giới, trọn đời tu hành phạm hạnh nên mới đồng ý cho phu nhân làm vợ anh, không bao giờ hối tiếc.

(Trích Trung A-hàm quyển 9)

3. NGƯ THÂN THỪA HƯỞNG GIA NGHIỆP

Ngày xưa có một anh chàng nọ giàu có thường thích bố thí, sau anh sanh được một người con trai nhưng không có tay chân, thân thể giống như con cá, gọi là Ngư Thân.

Khi cha mẹ qua đời, anh thừa hưởng gia nghịêp, nhưng chỉ nằm trong nhà không được gặp một ai. Thuở ấy, Lực Sĩ làm quan nấu ăn cho vua nhưng lúc nào cũng thấy đói thiếu. Hôm nọ, anh ta lén kéo mười sáu xe củi đem đi bán để tự nuôi thân, nhưng vẫn không đủ ăn, phải đến dân chúng xin nhưng vẫn chật vật.

Nghe vậy, Ngư Thân mời Lực Sĩ vào nhà để cùng gặp.

- Vừa vào đến nhà, nhìn thấy thân hình Ngư Thân, Lực Sĩ suy nghĩ: Lực Sĩ tôi như vầy mà không bằng người không tay, không chân này. Nghĩ rồi ông liền đi đến chỗ Phật, xin Phật giải bày điều nghi ngờ của mình.

Phật bảo:

-Vào thời Phật Ca-diếp, Ngư Thân và vị vua này cùng phát tâm dâng cúng cho Phật một bữa ăn. Lúc đó ông là một người nghèo theo giúp việc cho vua. Ngư Thân đã sắm sửa đầy đủ mọi vật nhưng đến lúc đi lại từ chối, nói: Hôm nay ta bận việc nên không thể cùng đi được, nếu đi thì chẳng khác gì mất tay, mất chân ta.

Người đi nay là vua. Người không đi nay là Ngư Thân. Người giúp việc nay chính là ngươi.

Nghe Phật nói, Lực Sĩ mới hiểu tường tận sự việc, liền xuất gia làm Sa-môn, tu tập, đắc quả A-la-hán.

(Trích kinh Cựu Thí Dụ, quyển thượng)

4. TÀI SẢN CỦA BA ANH EM XÀ LỢI

Thuở xưa, trong thành Thạch Thất có ba anh em nọ cực kỳ giàu có, voi ngựa và thất bảo rất nhiều: người anh cả tên Xà Lê, người thứ hai là Bổ Đà và đứa em út Bà Ba Na. Trong thành có một vị Bà-la-môn giữ giới pháp của rồng y Bát La, vì mong cầu giàu sang.

Hôm nọ, rồng hiện thân hỏi Bà-la-môn:

- Ông tước bỏ hương vị của lúa đậu, cực khổ tu theo pháp này, vì mong cầu điều gì?

- Tôi cầu giàu sang.

- Tôi có hai danh hiệu là Y Long Bát và Tài Vô Yểm. Đã gọi là Vô Yểm thì còn theo tôi cầu xin ư?

- Nếu Ngài không ban ân tuệ thì tôi chết.

Rồng phun vàng tử ma cho Bà-la-môn và bảo:

- Ở cửa thành có một trưởng giả, từ Thiên Trúc đến, rất mực giàu có, ông hãy đem vàng này cho ông ta để đổi lấy của cải.

- Khi trưởng giả thấy ông, liền bảo: Ông nên giấu vàng tử ma đừng để người khác thấy.

Bà-la-môn bảo với bà con trong ngũ thân cất giấu tất cả vàng bạc vào kho để ăn uống vui chơi. Nhưng khi cất vàng tử ma vào thì tất cả tạp vật ở trong kho đều vùi vào đất, trở về kho của rồng. Tất cả của cải của bảy nhà lân cận cũng đều như vậy.

Nghe vậy, ba anh em cư sĩ cùng nói với nhau:

Ba anh em chúng ta được tài vật rất đúng pháp nên của cải được bền lâu. Nếu lạm dụng của năm nhà thì sẽ bị chiếm đoạt.

Nghe vậy, mọi người cho là họ khoe khoang nên cùng nhau tập họp đến hỏi:

- Các ông nói của cải của các ông rất hợp với chánh pháp, lấy gì làm chứng?

Ba anh em nọ, mỗi người lấy ra mười cân vàng, chia thành sáu phần, đem cho nhân dân và những người mất tài vật trong bảy nhà, phần còn lại, họ đem đến suối rồng ném vào nước, nước vọt lên như vạc dầu sôi.

Long vương kinh sợ, sai long nữ đem trả vàng lại cho họ rồi từ tạ trở về. Của cải làm ra hợp pháp, hợp lý nên không bị năm nhà xâm chiếm. Người khinh thường trái pháp, cất giấu tài vật thì giống của cải bảy nhà kia.

(Trích kinh Tỳ Phương Thế Lợi.)

5. CƯ SĨ ĐẠI Ý XIN CHÂU MINH NGUYỆT

Vua Quảng Từ Ai trị vì nước Hoan Lạc Vô Ưu, trong nước có vợ chồng cư sĩ Ma-ha Đàn vợ là Chiên Đà, sanh được một cậu con trai thật kháu khỉnh, thế gian hiếm thấy.

Vừa mới lọt lòng, đứa trẻ đã phát nguyện: "tôi nguyện chia xẻ và cứu giúp những người cùng khốn, cô độc để họ được sống an vui." Nhân

đó, cha mẹ đặt tên cho đứa bé là Đại Ý.

Thấy con mình khác với những đứa trẻ khác, hai vợ chồng rất lo sợ, cho là Trời rồng, quỷ thần, định đi xem bói.

Biết được việc đó, Đại Ý thưa:

- Con là người chứ không phải Trời Rồng, Quỷ thần, chỉ vì nghĩ đến những người bần cùng, nguy ách nên muốn giúp họ. Nói xong, đứa trẻ im lặng.

Đến năm mười bảy tuổi, Đại Ý thưa bố mẹ:

- Con muốn cứu giúp những người nghèo khổ để họ có được cuộc sống an bình.

Hai vợ chồng suy nghĩ:

Lúc mới sanh ra con ta đã có nguyện này, nên bảo:

- Tài sản của bố mẹ nhiều vô số, con cư mặc ý đem phân phát cho người nghèo, bố mẹ không ngăn cấm con.

Đại Ý thưa:

- Tuy tài sản của bố mẹ nhiều nhưng vẫn không đủ để con dùng. Con phải vào biển tìm của báu mới có thể giúp đỡ cho tất cả mọi người.

Bố mẹ cậu đồng ý.

Đại Ý đi đường biển đến một nước kia, gặp một vị Bà-la-môn rất mực giàu có, thấy Đại Ý mặt mày sáng sủa, dung mạo đoan chánh thì rất vui, nói:

- Ta rất quý mến cậu, cậu hãy ở lại đây, ta sẽ gả con gái cho.

Đại Ý thưa:

- Tôi vào biển định tìm châu báu nên chưa dám nhận lời, khi tìm được rồi tôi sẽ trở lại. Thế rồi Đại Ý lại đi tìm châu, khi được châu, cậu sai người đem về bổn quốc, còn mình tiếp tục đi tìm vật báu. Bổng thấy một cây cao, tàn lá rộng tám mươi do diên, Đại Ý trèo lên cây, nhìn ra xa, thấy một thành bằng bạc, trong đó, cung điện nhà cửa đều là Bạch ngân, thiên nữ đứng bên múa hát, hầu hạ. Có một con rắn độc quấn quanh thành ba vòng, thấy Đại Ý, nó ngóc đầu lên. Đại Ý nghĩ:

- Người bị rắn độc làm hại đều do không có thiện tâm. Nghĩ rồi, cậu ngồi xuống nhập định, trong khoảnh khắc, rắn gục đầu xuống nằm ngủ.

Đại Ý muốn vào thành, người giữ cửa vào thưa vua.

Vua đích thân ra nghinh đón Đại Ý và vui mừng nói:

- Xin hiền giả lưu lại đây ba tháng để tôi được cúng dường.

- Tôi đi tìm châu báu, không ở đây được lâu.

- Trẫm sẽ tạm gác việc nước lại trong ba tháng, chỉ mong hiền giả ở lại đây.

Đại Ý nhận lời.

Vua cho sắm sửa tất cả các món ăn, thức uống, y phục, gường toà để cúng dường cho Đại Ý. Qua chín mươi ngày, vua đem rất nhiều châu báu dâng cho Đại Ý.

- Tôi không cần những món này nhiều, chỉ muốn xin hạt minh châu của nhà vua.

- Trẫm không tiếc hạt châu này, chỉ sợ đường xá gian nan hiểm trở, Ngài không thể mang theo được.

- Người có phước đức không sợ gian nguy.

Vua bảo:

- Người cầm hạt châu này thì vòng vàng châu báu sẽ tự xuất hiện theo ý muốn người đó trong khoảng hai mươi dặm. Nói rồi vua dâng châu và nguyện: Sau khi Ngài đắc đạo trẫm xin làm đệ tử và cúng dường nhiều hơn ngày hôm nay.

Đại Ý nhận châu rồi giả từ.

Từ thành này, Đại Ý đi về phía trước, thấy một thành vàng, trong thành có cây bằng thất bảo, gió reo tiếng nhạcvà thiên nữ gấp đôi thành trước. Thành ấy cũng có một con rắn độc quấn quanh thành sáu vòng. Thấy Đại Ý, rắn ngóc đầu lên nhìn. Như lần trước, Đại Ý ngồi xuống tư duy, rắn lại ngục đầu xuống.

Đại Ý muốn vào thành, người giữ cửa vào tâu vua. Vua đích thân ra nghinh đón như lần trước và cũng mời Ngài ở lại đây ba tháng để được cúng dường.

Đại Ý nhận lời. Nhà vua cũng cúng dường như ở thành trước. Ở lại đây hai tháng, Đại Ý từ tạ ra đi và nói với vua:

- Nghe nói nhà vua có châu minh nguyệt, hãy cho tôi đi. Vua cũng trả lời như lần trước:

- Người cầm hạt châu này thì châu báu sẽ tự xuất hiện theo ý muốn của mình trong bốn mươi dặm. Nói rồi vua hiến tặng châu minh nguyệt và phát nguyện:

Sau khi Ngài đắc đạo, trẫm xin làm đệ tử của Ngài, được cúng dường nhiều hơn ngày hôm nay, khiến cho đệ tử có thần túc không ai sánh bằng.

Nhận hạt châu rồi, Đại Ý giả từ.

Tiếp tục đi về phía trước, Đại Ý lại gặp một thành Thuỷ tinh, cung điện, nhà cửa và tất cả mọi vật đều giống như trước, cũng có một con

rắn độc quấn quanh thành chín vòng gục đầu ngủ, vua cũng ra nghinh đón, mời Ngài ở lại ba tháng.

Đại Ý nhận lời. vua tận tâm cúng dường, cho sắp đặc đồ ăn thức uống, y phục, kỷ nhạc.

Đại Ý ở đây chín mươi ngày rồi từ tạ vua, bảo: Nghe bệ hạ có hạt châu minh nguyệt, hãy cho tôi đi. Vua cũng đáp như trước:

- Người cầm hạt châu này, vàng bạc, vật báu sẽ xuất hiện tuỳ theo ý người đó trong khoảng sáu mươi dặm. Nói xong vua đem châu dâng cho Đại Ý và phát nguyện: Nếu Ngài đắc đạo, trẫm xin làm đệ tử của Ngài để được cúng dường nhiều hơn hôm nay, khiến cho trẫm có trí tuệ không ai sánh bằng.

Nhận châu rồi, Đại Ý đi thẳng về phía trước lại gặp thành Lưu Ly, cũng có một con rắn độc quấn quanh thành mười hai vòng, gục đầu nằm ngủ. Vua ra nghinh đón và mời Đại ý ở lại đây ba tháng.

Đại Ý nhận lời. vua đích thân cung cấp thức ăn, đồ uống và trỗi kỷ nhạc để làm vui lòng Đại Ý.

Ở được hai mươi ngày, Đại Ý từ tạ vua và nói:

- Nghe nói bệ hạ có hạt châu minh nguyệt, hãy cho tôi đi.

Vua đáp:

- Người cầm hạt châu này thì vàng bạc, vật báu sẽ tự xuất hiện tuỳ theo ý nguyện người đó trong khoảng tám mươi dặm.

Trẫm thành tâm cúng dường minh châu, mong rằng sau này Hiền giả đắc đạo, trẫm sẽ là đệ tử, được cúng duờng nhiều hơn ngày hôm nay, khiến trẫm có trí tuệ lớn.

Nhận châu rồi, Đại Ý cáo từ và suy nghĩ: Ta vào biển cốt để tìm châu, nay đã được như nguyện. Nghĩ rồi, Đại Ý theo đường cũ trở về nước mình.

Lúc đi ngang qua biển cả, các thần biển thì thầm với nhau:

Biển của chúng ta tuy có rất nhiều trân bảo quý giá nhưng không có thứ nào sánh bằng những hạt châu này, chúng ta phải sai thuộc hạ đoạt lấy châu của Đại Ý.

Thần hoá thành người đến gặp Đại Ý, hỏi:

- Khanh được vật gì lạ quá, hãy cho ta mượn xem thử đi!

Đại Ý mở nắm tay ra, bốn hạt châu nằm trong lòng bàn tay. Từ xa nhìn thấy, thần biển hoá phép khiến châu rơi tỏm xuống nước. Đại Ý suy nghĩ:

- Các vua đã nói châu này rất khó giữ, ta may mắn mới có được, nay đã bị người đoạt mất. Ta không trở về nữa. Nghĩ rồi nói với thần

biển:

- Ta khổ nhọc vượt gian hiểm mới có được những hạt châu này, nay ông lại bị ông đoạt. Nếu không trả lại thì ta sẽ tát cạn nước của biển này.

Thần biển nói:

- Chí khí cao kỳ! Biển sâu ba trăm ba mươi sáu vạn do diên, rộng không bờ mé, làm sao tát cạn được? Biển giống như mặt Trời không bao giờ rơi xuống đất, như gió không ai có thể xáo động hay trói buộc được. Giá như mặt Trời có thể rơi xuống, gió có thể tró buộc được nhưng nước biển thì không thể nào tát cạn được.

Đại Ý cười, đáp:

- Ta nghĩ, xưa nay đã bao lần thọ thân, sanh tử, hoại diệt, nếu xương cốt gom chất lại một nơi thì sẽ cao hơn núi Tu di, máu huyết sẽ nhiều hơn nước năm sông bốn biển, không thể lấy gì thí dụ được. Thế mà ta còn muốn đoạn trừ tận gốc sanh tử, huống gì chỉ một cái biển nhỏ này lại tát không cạn? Ngày xưa ta đã từng cúng dường chư Phật, phát nguyện:

"Con nguyện luôn tu hành tinh tấn, chí nguyện dõng mảnh, kiên cường hướng về đạo, không ngại gian khó, cho dù có dời núi Tu di hay tát cạn biển cả con vẫn không bao giờ nản lòng."

Đại Ý lấy gàu tát nước.

Cảm được lòng chí thành, Tứ Thiên vương đến giúp Đại Ý.

Nước biển đã cạn đến hai phần ba, các thần biển đều rất kinh hãi, bàn nhau:

- Nếu không trả lại châu ấy thì sẽ xảy ra việc lớn: nước cạn, bùn tràn ra lấp hết cung điện của chúng ta.

Thần biển đem rất nhiều châu báu đưa cho Đại Ý nhưng Đại Ý không nhận, bảo:

- Ta không cần những thứ này. Trả châu Minh Nguyệt lại cho ta. Nếu không, ta không để các ông yên đâu.

Thấy Đại Ý quá cương quyết, thần biển đem châu Minh Nguyệt trả lại.

Lấy được châu quý, Đại Ý trở về cưới con gái của vị Bà-la-môn nước kia rồi về nước mình bố thí theo nhu cầu của tất cả mọi người. Từ đó về sau, đất nước không còn người nghèo khổ, đói lạnh. Sĩ, dân khắp nơi trên đất nước đều Khăn gói đi đến Đại Ý.

Bố thí như thế trải qua nhiều năm, ân đức thấm nhuần đến tất cả những loài côn trùng nhỏ nhít, sau khi xả báo thân này, Đại Ý sanh lên

cõi Trời làm Đế thích hoặc sanh xuống nhân gian làm Phi Hành Hoàng Đế, tự tích luỹ công đức cho đến lúc thành Phật, được ba cõi tôn kính. Tất cả đều do công hạnh đời trước chứ không phải tự nhiên. Phật nói với chư Tỳ-kheo:

- Đại Ý thưở đó nay là ta, cư sĩ Ma-ha-đàn nay là Duyệt Đầu Đàn, thân mẫu chiên Đà thuở ấy nay là phu nhân Ma-da, vua nước Hoan Lạc Vô Ưu nay là Ma-ha Ca-diếp, con gái của vị Bà-la-môn nay là Câu-di, ông Bà-la-môn ấy nay là Di-lặc, vua trong thành Kim Ngân nay là A-nan, vua trong thành vàng nay là Mục Kiền Liên, vua trong thành Thuỷ Tinh nay là Xá-lợi Phất, vua trong thành Lưu Ly nay là Tu-đà, Đệ tứ Thiên vương giúp Đại Ý tát nước biển nay là Ưu Đà, vị thần đoạt châu Minh Nguyệt thuở ấy nay là Điều Đạt, bốn người gác cổng thuở ấy nay là Tu-bạt, Bàn Đặt, Tô Át Phi, Câu Lưu, bốn con ấn độc quấn quanh bốn cửa thành nay là bốn thần cọng sát Tu-đà-lợi. A-nan bạch Phật:

Bạch Thế tôn! Vì công đức gì mà người cầm châu Minh Nguyệt đi đến đâu thì các vật báu theo tâm niệm người ấy trong khoảng mấy mươi dặm?

Vào thời Phật Duy Vệ, Đại Ý đã từng đem bốn viên châu này cúng dường Tam bảo xây tháp thờ Xá-lợi Phật và giữ trai giới trong bảy ngày. Lúc đó có năm trăm người cùng nhau xây dựng chùa: có người thắp đèn, có người đốt hương tán hoa, có người cúng dường cho các Tỳ-kheo Tăng, có người tụng kinh, giảng kinh. Nay tất cả mọi người đều đến pháp hội này.

(Trích kinh Đại Ý)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 43

1. Dâng thần châu cúng Phật
2. Hai anh em thiện cầu và Ác Cầu
3. Sư tử có trí nên thoát được nạn La sát
4. Sự tích di liên
5. Quả báo của việc giết hại Bích chi Phật
6. Tát bạc đốt tay cứu các khách buôn
7. Giữ giới được thoát nạn La sát
8. Bốn loài chúng sanh
9. Tiên nhân rưới nước tám công đức
10. Thương buôn cứu long nữ
11. Khách buôn gặp nạn La sát
12. Khách buôn cứu người chết
13. Quả báo của tham lam
14. Quả báo hại bạn lấy châu báu.
15. Thoát chết nhờ niệm Phật
16. Nổi sợ hãi của quỷ

1. DÂNG THẦN CHÂU CÚNG PHẬT

Ngày xưa có người thương buôn tên Ba-lợi cùng với năm trăm người bạn vào trong biển tìm châu báu. Thần biển hiện lên rồi lấy tay vốc nước hỏi Ba-lợi:

-Ngươi xem nước biển nhiều hay là nước trong lòng bàn tay ta nhiều?

-Nước trong lòng bàn tay nhiều, tại sao? vì nước biển tuy nhiều nhưng không có lợi ích gì, không thể cứu người qua cơn đói khát được. Nước trong lòng bàn tay tuy ít nhưng khi gặp đói khát thì nó có thể cứu được mạng sống của con người, đời đời hưởng phước không thể tính kể. Ba-lợi đáp.

Nghe những lời ấy, thần biển rất vui vẻ và khen ngợi lời của Ba-

lợi rất chí lý. Ông liền cởi đồ trang sức gồm tám loại hương thơm làm bằng bảy báu trên thân ra trao cho Ba-lợi và tiễn đưa ông ta an toàn về đất liền. Về đến nước Xá-vệ, Ba-lợi đem chiếc áo thơm dâng lên cho vua Ba-tư-nặc, trình bày rõ nguyên do và mong nhà vua nhận lấy. Có được anh lạc thơm nhà vua cho là vật quý hiếm, liền gọi các phu nhân ra xếp hàng trước mặt mình, nếu người nào đẹp nhất thì lấy anh lạc thơm nhất tặng họ, sáu muôn phu nhân đều lấy làm trang sức bước ra. Nhà vua hỏi Mạt-lợi phu nhân sao không ra trình diện. Người hầu đáp:

-Tâu đại vương, hôm nay là ngày rằm, phu nhân đang giữ giới của Phật, mang y phục thô sơ, không trang điểm nên không ra trình diện.

Nghe vậy, nhà vua nổi giận, sai người mời phu nhân ra bảo, nhưng vì hôm nay là ngày trai giới nên bà phải không theo lệnh của nhà vua.

Nhà vua cho người gọi ba lần, Mạt-lợi phu nhân đành phải mặc y phục thô sơ bước ra. Với thô sơ đó, đứng giữa mọi người chẳng khác nào như vầng nhật nguyệt, xin đẹp bội phần. Thấy thế nhà vua sững người ra và thêm phần kính trọng, hỏi:

Hôm nay nàng có oai đức gì mà sáng đẹp rực rỡ khác thường vậy?

-Tiện thiếp nghĩ mình phước đức kém cỏi, tư chất của hàng nữ hân không được trong sạch, đêm ngày tội lỗi lại chất chồng, mạng người ngắn ngủi, sợ phải rơi vào ba đường khổ, vì vậy hàng tháng vâng giữ trai giới của Phật, xa lìa ân ái, tu tập chánh pháp, cầu mong đời đời có được phước đức. phu nhân trả lời.

Nghe những lời ấy xong, nhà vua vui mừng, liền lấy anh lạc thơm trao cho phu nhân Mạt-lợi.

phu nhân liền nói:

-Mong đại vương thông cảm, hôm nay thần thiếp giữ gìn trai giới nên không nhận được vật này, đại vương đem cho người khác.

Nhà vua nói:

-Ta vốn có ý cho người đẹp nhất, hôm nay ở trong đây khanh là người đẹp nhất lại vâng giữ giới pháp, chí đạo cao vời, vì vậy ta mang tặng cho ái khanh, nhưng nếu khanh không nhận thì ta sẽ mang cất.

phu nhân thưa:

-Đại vương đừng buồn, xin Đại vương cùng thần thiếp đến chỗ của Phật và dâng anh lạc này lên cúng dường đức Phật. Được Ngài nhận cho và ban những lời Thánh huấn thì chúng ta sẽ được phước muôn đời.

Nhà vua bằng lòng và sai sửa soạn xe giá đến chỗ đức Phật. Đến nơi, nhà vua đảnh lễ đức Thế tôn xong rồi đứng qua một bên bạch

Phật:

-Bạch đức Thế tôn, châu anh lạc của thần biển được Ba-lợi dâng tặng, sáu muôn phu nhân ai cũng muốn có được, riêng Mạt-lợi phu nhân cho mà không lấy, giữ gìn giới pháp, không khởi tâm ham muốn, nay ân cần dâng lên cúng dường đức Thế tôn, xin Ngài rũ lòng thâu nhận. Đệ tử của Ngài giữ tâm kiên cố, tính tình thẳng thắn như thế há chẳng phải là phước đức hay sao? Xin Ngài hoan hỉ nhận chuỗi anh lạc này.

Đức Phật liền nói kệ:

Tạo nhiều hoa báu
Kết nhiều phước báu
Rộng chứa hương đức
Đời này tướng hảo
Gần đạo nghe pháp
Đức hạnh ngát hương
Tuy là chân hương
Sao bằng hương giới.

(Trích kinh Pháp Cú Thí Dụ quyển 12)

2. HAI ANH EM THIỆN CẦU VÀ Ác Cầu

Ngày xưa trong vùng Tát-bạc thuộc nước Ba-la-nại, trong cõi Diêm-phù-đề có người tên Ma-ha-gia-di. Từ khi vợ của ông ta mang thai đột nhiên tánh tình của bà ngày càng nhân từ, dịu dàng, hoà nhã. Đến ngày khai hoa, sanh được một người con trai, khôi ngô tuấn tú, hai ông bà vô cùng vui mừng, bày tiệc khoản đãi bà con xóm giềng và các thầy tướng cùng nhau vui chơi. Vợ chồng bồng bé trai ra để cho mọi người thấy và cùng đặt tên cho bé.

Thầy tướng hỏi:

- Khi bà nhà mang thai bé có điềm gì không?

- Vợ tôi khi mang thai cháu thì đột nhiên rất hiền lành. Người chồng thưa.

Thế là thầy tướng liền đặt tên cho cháu là Thiện Cầu. Lớn lên, cậu bé thích làm những điều phước thiện, hay thương xót chúng sanh. Không lâu, người vợ lại mang thai, ngày tháng đã đến bà sanh thêm một bé trai, nhưng bé trai này thì ngược lại, mặt mày xấu xí, thấy tướng hỏi:

- Lúc mang thai bé có điềm gì xảy ra không?

- Lúc mang thai, mẹ bé tự nhiên cộc cằn thô lỗ. Người chồng đáp.

Thế là thầy tướng liền đặt tên cho cậu bé là Ác Cầu. Lớn lên, cậu bé này thích làm những việc ác, thường có tâm tham lam tật đố.

Khi trưởng thành, cả hai anh em dẫn nhau vào biển để tìm châu báu, mỗi người có năm trăm người theo hầu, đường xa diệu vợi, giữa đường lại thiếu lương thực. Trải qua bảy ngày, cái chết gần kề, Thiện Cầu và các người thương buôn cùng nhau thành tâm cầu nguyện chư thần cứu giúp để thoát khỏi cơn đói hiểm. Họ cùng nhau đến một đầm vắng, nhìn xa xa có một cội cây, cành lá xum xuê, họ đi về hướng đó bỗng gặp một con suối, mọi người cùng nhau khẩn cầu, thần cây xuất hiện, bảo:

- Các con hãy bẻ lấy một cành cây thì mọi thứ cần dùng đều hiện ra.

Thế là mọi người cùng nhau vui mừng, một cành cành cây được bẻ xuống, nước ngọt ở trong cây chảy ratràn trề, bẻ cành thứ hai thức ăn hiện ra đủ cả trăm mùi, mọi người đều cùng nhau ăn uống no say. Chăt nhánh thứ ba, y phục tốt đẹp hiện ra. Chặt nhánh thứ tư, các thứ báu vật hiện ra đủ cho người dùng.

Ác Cầu đến sau thấy vậy liền cùng nhau làm như trước, tất cả đều được no đủ. Ác Cầu thầm nghĩ:

- Hiện tại, trên mấy cành cây này mà có thể hiện ra đủ các thứ tốt đẹp huống gì là gốc của nó? Giờ mình đem chặt nó thì hẳn nhiên có đủ các thứ báu tuyệt vời.

Thế rồi, Ác Cầu liền sai người chặt gốc cây ấy, Thiện Cầu nói với em:

- Chúng ta đói khát, nay nhờ ân cây mà được sống sót, sao em lại muốn chặt nó đi?

Ác Cầu không nghe theo lời của anh, quật ngã gốc cây. Thấy vậy, Thiện Cầu thương xót không nỡ nhìn thấy cây bị đốn ngã, mới dẫn mọi người về nhà. Ác Cầu vừa đốn ngã cây thì bị năm trăm La-sát xuất hiện, bắt lấy anh ta và mọi người thương buôn ăn thịt. Thế là tài sản tiêu tan sạch.

Phật bảo A-nan:

Thiện Cầu ngày xưa nay chính là ta, cha mẹ thuở ấy là vua cha Tịnh Phạn và Hoàng hậu Ma-da, Ác Cầu nay chính là Đề-bà-đạt-đa. Thuở xưa ta cùng Đề-bà-đạt-đa thường gặp nhau, ta thường đem pháp làm khuyên bảo nhưng ông ta không nghe mà còn xem ta là oán hận nữa.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 9)

3. SƯ TỬ CÓ TRÍ NÊN THOÁT ĐƯỢC NẠN LA SÁT

Ngày xưa, trên cõi Diêm-phù-đề có rất nhiều thương buôn cùng nhau vào trong biển lớn để tìm châu báu. Một hôm họ gặp phải sóng gió dữ dội, thổi mạnh làm hư thuyền lớn. Trong số thương buôn, có một toán người bám theo chiếc thuyền hư, theo gió trôi lạc vào nước La-sát, các La-sát nữ xinh đẹp cùng nhau tiến ra để đón tiếp những người thương buôn, và bảo:

-Ở đây có nhiều thứ trân báu, minh châu, các vị cứ tự nhiên lấy dùng. Chúng tôi không chồng, các vị không vợ, vậy thì ở lại đây cùng với chúng tôi vui chơi lạc thú.

Sau đó họ gặp được ngọn gió lành nên cùng nhau trở về nhà. Các La-sát bảo:

- Các anh phải biết, nếu thấy bên trái có một con đường thì cẩn thận chớ đi vào.

Trong nhóm các vị thương gia có một người có trí tuệ nói với mọi người:

- Những lời nói của các người nữ này chúng ta không nên nghe theo.

Thế là mọi người theo đường bên trái, đi được vài dặm bỗng nghe bên trong một cái thành có mấy muôn ngàn người kêu gào thảm thiết:

- Tại sao chúng ta lại bỏ Diêm-phù-đề mà đến nơi này chịu chết?

Mọi người nghe tiếng gào thét liền đi vòng quanh thành quan sát thì thấy thành sắt kín mít không có cửa thông ra vào. Cách thành không xa thấy có mấy cây Thi-lê-sư, họ cùng nhau đến đó và leo lên cây nhìn vào thì thấy có mấy muôn ngàn người liền lên tiếng hỏi vọng vào:

- Các ngươi là ai, sao kêu gọi cha mẹ cùng anh em vậy?

Người trong thành đáp:

- Chúng tôi vào biển tìm châu, chẳng may bị gió thổi trôi dạt vào đây, lại bị La-sát nữ ép uổng, nhốt vào lao ngục. Trước đây gồm có năm trăm người, bị bọn quỷ La-sát giết dần giờ còn lại phân nửa. Các ông chớ cho họ là người, chúng chính là bọn quỷ La-sát đó.

Người này tuột xuống cây rồi kể lại cho mọi người cùng nghe. Và bảo:

- Chúng ta cùng nhau trở về nhà rồi tìm phương kế, giờ ý của các anh em như thế nào?

Mọi người nói:

- Tối qua sao anh không hỏi lại họ, những người ấy có phương

kế gì không để mọi người cùng nhau trở về nhà được yên ổn vô sự không?

- Tối nay tôi sẽ đến hỏi lại thử xem. Người trí đáp.

Đợi đến lúc bọn quỷ La-sát ngủ, người trí mới leo lên cây và hỏi mọi người trong thành:

- Có phương kế gì hay có thể cứu các anh và cũng giúp cho mọi người được trở về cõi Diêm-phù-đề không?

- Chúng tôi mỗi khi sanh khởi một niệm muốn trở về thì thành sắt này lại hoá mấy lớp bao quanh, không thể hư hoại, ngày nào cũng có người chết, không ai thoát khỏi, chỉ có Ngài là người bên ngoài có thể tìm ra phương tiện khéo léo để thoát khỏi chốn này mà trở về quê hương. Vào sáng sớm ngày rằm có một con ngựa thần từ cõi Uất-đơn-việt bay đến cõi này, dừng ở trên đỉnh núi cao, ngựa thần tự hí kêu: ai muốn trở về cõi Diêm-phù-đề, thì lúc ấy các Ngài nên đến đảnh lễ và cầu xin được trở về quê hương.

Người trí này trở về thuật rõ cho mọi người cùng nghe, mọi người đều lên tiếng hỏi hôm nay đã đi được chưa?

Người ấy đáp:

- Hãy đợi ngày rằm có ngựa thần đến thì chúng ta mới đi được.

Mấy ngày sau thì ngựa thần liền đến, nghe ngựa hí, mọi người cùng nhau chạy đến đảnh lễ ngựa thần và nói:

- Chúng tôi đều mong muốn trở về quê hương, xin Ngài hãy giúp chúng tôi.

- Các vị hãy chú tâm mà nghe theo lời của ta. Ngựa thần nói: những ai muốn trở về quê nhà thì hãy nhiếp tâm chuyên chánh ắt sẽ được trở về, còn như tâm không chân chánh thì không có cách nào về được. Vì sao? Vì khi các vị trở về thì các cô gái đó mỗi người sẽ bồng theo một đứa con trai hay con gái đuổi theo sau các vị, kêu gào khóc lóc, nếu lúc đó các vị sanh tâm quyến luyến, giả sử các vị ở trên lưng ta cũng không thể đi được. Nếu bỏ được tâm thương yêu, một lòng chuyên chú, không mãy luyến lưu thì chỉ nắm lấy một sợi lông của ta cũng có thể về đến nhà.

Bấy giờ bọn nữ quỷ La-sát biết được liền lên tiếng:

- Chàng thật sự có thể bỏ rơi kẻ hèn mọn này nhưng làm sao nỡ bỏ con cái của chúng ta?

Thế rồi các cô dạy con đến ôm cổ cha kêu gào khóc lóc:

- Nay cha muốn bỏ các con để đi đâu?

Những người buôn, tâm còn luyến ái đều không thể về nhà được,

chỉ có một vị đại trí sư tử an ổn trở về. Bấy giờ bà vợ La-sát bế con đuổi theo sư tử, nói với người trong xóm:

- Sư tử này là chồng của tôi, cùng chung sống với tôi sanh được hai người con, một trai một gái, giờ đây ông ta bỏ trốn không biết về đâu.

Nghe xong, mọi người đều hỏi sư tử:

- Chúng tôi thấy vợ của ông dung mạo xinh đẹp tuyệt vời, con cái của ông đáng thương như thế, nỡ nào ông lại bỏ chúng?

- Cô ta chẳng phải người mà là quỷ La-sát, Sư tử đáp. Chúng sống trong biển, giết vô số thương buôn để ăn thịt không thể kể hết. Tất cả mấy trăm người bạn của tôi nay bị bọn chúng nhốt trong thành sắt, chỉ có một mình tôi may mắn được thoát khỏi mà thôi, nay nữ La-sát này đuổi theo tôi là muốn bắt ăn thịt, tôi sợ rằng không thoát khỏi.

Vừa nói ông vừa chạy về phía trước, khi về đến nhà rồi quỷ La-sát ấy vẫn theo. Nó đem chuyện tâu vua:

- Tôi và sư tử kia đã kết hôn làm vợ chồng, đã sanh được hai đứa con, hi vọng sau này có thêm sức mạnh, chẳng phải mưu tính gì nhung ngày nay ông ta lại đành vĩnh viễn buông bỏ.

Nhà vua triệu sư tử vào hỏi rõ sự tình, ông trình bày hết mọi chuyện cho nhà vua nghe, vua bảo:

Nếu như khanh không cần thì thôi để cho ta.

- Cô gái đó chẳng phải là người, sư tử đáp. Nó là loài quỷ La-sát, thần đã nói rõ ràng, về sau chớ bắt tội thần. Ông lại quay sang nói với các quan hầu cận:

- Con quỷ này đến đây ắt sẽ gây thêm tổn hại, hiện giờ nhà vua không tin lời tôi, muốn thâu nhận vào cung cấm, như thế thì không lâu đại vương và tất cả người trong cung sợ bị nó tiêu diệt sạch.

Nghe thế, nhà vua nổi giận mắng sư tử:

- Dung mạo của cô gái này như ngọc nữ trên Trời, thế sao ngươi lại gọi đó là quỷ La-sát. Bây đâu hãy lôi hắn ra ngoài để ta chiêm ngưỡng nàng ấy.

Nhà vua đưa nữ quỷ La-sát vào cung cùng ngủ một đêm, Trời đã sáng, đến giờ điểm tâm mà cửa vẫn chưa mở. Các quan cùng nhau bàn bạc:

- Đại vương nay có người đẹp mới, hẳn cùng nhau say đắm tận hưởng thú vui nên đến giờ vẫn chưa mở cửa thôi.

- Chẳng phải như lời người nói đâu, sư tử nói: Chắc chắn nhà vua, các phu nhân thể nữ đều bị quỷ La-sát ăn thịt cả rồi, vì vậy không mở cửa được.

Thế rồi mọi người bắc thang cao leo vào thành, thấy xương cốt chất đầy mấy gian nhà, các quan trách mắng sư tử:

- Chính ông mang quỷ La-sát về giết vua, làm cho nước mất vua, cung điện trở nên hoang tàn, giờ ông muốn gì đây?

-Trước đây tôi đã nói thật, đã có giao ước là sau này chớ oán trách tôi, giờ sao các ông lại trách?

Các quan và dân chúng bước tới thưa:

- Đại vương giờ đã mất rồi, ngai vàng chưa có người kế vị, xin sư tử hãy lên ngôi vua để trị vì thiên hạ.

Sư tử nói:

- Nếu như đã tôn tôi lên làm vua thì tất cả hãy nghe theo lệnh của tôi.

Mọi người đều hưởng ứng.

Vua bảo các quan:

Chúng ta nay tập hợp binh lính kéo vào biển khiêu chiến, giết sạch bọn La-sát, sau đó phá núi thành sắt để cứu người. Theo pháp thường lệ của quốc gia, nếu ai không quy y Tam bảo sẽ đuổi ra núi phía tây cho quỷ ăn thịt.

Từ đó đến nay Phật pháp hưng thịnh, người chứng đạo rất nhiều, cho nên nói những người có lòng tin Phật như thế, khiến cho chúng sanh được an ổn, tất cả đều nhờ ngựa thần.

Lại nữa, nghi thức thường lệ của nước ấy, khi quốc vương sanh con, hoặc là mười đứa, hoặc trăm đứa cho đến vô số, tất cả đều phải tu tập, tụng kinh Phật đầy đủ Ba tạng rồi mới thôi đạo để lên ngôi vua. Những người không đọc kinh sách thì không được đề cử, không được lên ngôi vua.

(Trích kinh Thừa Sự Thắng Dĩ)

4. SỰ TÍCH DI LIÊN

Ngày xưa có năm trăm vị thương buôn, Di Liên là bậc trưởng lão lãnh đạo trong nhóm. Một hôm, họ cùng nhau dong thuyền vào biển chạm phải cá Ma-kiệt nên thuyền bị phá vỡ, năm trăm thương buôn đều chết chìm, riêng Di-Liên vớ được tấm ván thuyền nên được sóng sót. Ông ta vì đề phòng cá ăn thịt mình nên đã cho ván trôi theo hướng Đông Tây, vào bờ Tỷ-ma. Bấy giờ ông thấy một con đường tắt nhỏ nên bước vào đó, chợt thấy một thành quách làm bằng bạc, cây cối ngút Trời, xen vào đó có những ao tắm tuyệt đẹp, tường thành vuông vức, có bờ hào vây quanh, bốn người con gái từ trong thành bước ra đón Di-Liên ai

cũng có dung mạo xinh đẹp như ngọc, họ cùng cất tiếng:

- Thật nhọc nhằn cho Ngài từ xa hạ cố đến đây, từ lâu lòng đã luôn mong mỏi được găp để cùng hầu hạ Ngài. Nay thành bạc này là vật sở hữu của Ngài, trong thành này có loài cây hạnh lạc, che phủ ngút Trời, có khe suối sông hồ, tắm rửa vui chơi. Trong thành có cung điện bảy báu tên La-mạn, thành làm bằng kim ngân, thuỷ tinh, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ, mời Ngài ở lại đừng đi nơi khác để bốn chị em chúng tôi hầu hạ, sớm tối được cận kề.

Di-Liên liền theo chân các cô vào trong thành, bước lên cung điện bảy báu, thế là họ hằng ngày vui chơi thoả thích. Ở đó hơn ột ngàn năm, một hôm ông ta suy nghĩ:

- Bốn cô gái này không muốn ta đi đến nơi khác là vì ý gì?

Thế là đợi cho bốn cô gái ngủ rồi, ông trốn ra khỏi cung điện đi về phía trước thì thấy xa xa thấp thoáng một thành quách bằng vàng, cây cối ao tắm đều giống như thành trước. Bên trong có tám cô gái xin đẹp ra mời và nói những lời như trước. Di-Liên cùng các cô gái vui chơi thoả thích, trải qua mấy ngàn năm, ông lại suy nghĩ:

- Nay tám cô gái này không muốn ta đi nơi khác là có ý gì?

Như trước, Di-Liên đợi đến lúc mọi người ngủ rồi, ông lén trốn ra khỏi thành. Ông đi về phía trước, xa xa thấp thoáng một thành quách bằng thuỷ tinh, cũng có ao tắm, cây cối như các thành trước, nhưng lại có đến mười sáu cô gái trong thành ra nghinh tiếp, thốt ra những lời như trước. Thế là Di-Liên cùng vui chơi thoả thích đến mấy ngàn năm, rồi ông cũng bỏ thành đó ra đi. Tiếp tục lại gặp một thành lưu ly, ông được ba mươi hai cô gái ra nghinh đón, Di-Liên cùng họ vui chơi cho thoả mãn, qua thời gian mấy ngàn năm, rồi ông cũng lại bỏ ra đi. Tiếp tục đi chợt gặp một thành bằng sắt, trong thành không có người nào ra đón tiếp cả. Ông bước vào cổng thành thì gặp một con quỷ, ông hỏi và được quỷ dẫn vào thành. Trong thành ông nhìn thấy có một người nam tên Câu-dẫn, tự đội bánh xe sắt nónglăn quay trên đầu, ông hỏi nguyên do, người đàn ông kia trả lời:

- Bởi tôi vào các thành vui chơi không biết chán cho nên khiến cho bánh xe sắt nóng quay trên đầu.

Di-Liên nghe và nhớ lại cung điện La-mạn, điện Tiết-mạt, điện Ma-la, điện Phạm-uất-đơn rồi rơi lệ, nói:

- Việc gì ta phải vào trong đó!

Di-Liên liền nói với quỷ vương giữ thành sắt rằng:

- Bánh xe sắt nónglăn quay trên đầu ta biết khi nào mới ngưng?

- Nếu có người nào đến thế thì ông sẽ khỏi. Quỷ vương đáp.

Phật dạy:

- Bánh xe lửa lăn trên đầu ông Di-Liên từ đó về sau trải qua sáu mươi ức vạn năm mới ngừng. Di-Liên lúc bấy giờ nay chính la ta, khi chưa chứng đạo, ta ngu si tắm gội mặc áo mới, chân dẫm lên đầu mẹ nên phải chịu quả báo bị bánh xe sắt nóng lăn quay trên đầu. Một ngày, bốn tháng bát quan trai lòng rất hoan hỷ nên gặp được bốn thành báu, hưởng thụ cả mấy ngàn vạn năm. Vì vậy người thế gian vui hưởng năm món dục cho đến chết cũng thấy chưa đủ, người có tư dục, bất hiếu với cha mẹ, thầy tổ thì sẽ chịu quả báo mang bánh xe lửa lăn quay trên đầu giống như Di-Liên ngày trước vậy.

(Trích kinh Di-Liên và kinh Phước báo)

5. QUẢ BÁO CỦA VIỆC GIẾT HẠI BÍCH CHI PHẬT

Ngày xưa ở nước La-duyệt-kỳ có hai anh em thương buôn, cùng nhau ở chung trong một nhà. Người anh cầu hôn con gái của Trưởng giả làm vợ nhưng cô gái tuổi còn nhỏ không thể theo chồng. Một hôm, người anh cùng các thương buôn đi sang nước khác, nhiều năm không về thăm quê, cô gái tuổi đã lớn, trưởng giả bảo người em trai thương buôn rằng:

- Anh của cậu đi biệt tăm không thấy, giờ cậu có thể lấy con gái của tôi.

Người em đáp:

- Sao có thể làm như thế được?

Trưởng giả nói mãi nhưng người em lòng kiên quyết không xoay chuyển. Thế là trưởng giả dối viết thư từ xa, giả những người khách gửi về nói người anh đã chết, và ông lại bảo người em:

- Nay anh cậu đã chết rồi cậu tính thế nào?

Người em bèn cưới cô ta làm vợ. Qua một thời gian người vợ mang thai thì người anh từ nơi xa trở về, người em lo sợ chạy đến nước Xá-vệ, dò tìm đến chỗ đức Phật để cầu xin xuất gia. Đức Phật chấp thuận cậu vào trong Tăng đoàn và trở thành Sa-môn tên Ưu-ba-tư, vâng giữ giới luật nên không lâu chứng quả A-la-hán.

Sau khi trở về, biết chuyện, người anh vô cùng giận dữ, muốn tìm đến nước Xá-vệ để giết chết người em, ông ta xuất năm trăm lượng vàng ban thưởng trọng hậu mướn người sát hại người em. Họ cùng nhau lên đường đến Xá-vệ, đến nơi thấy người em đang ngồi thiền thì người giết thuê liền sanh lòng từ, tự hỏi:

- Tại sao ta lại phải giết vị Tỳ-kheo này? nhưng nếu ta không giết thì ông kia lấy lại số tiền của ta.

Thế là người này dương cung bắn Tỳ-kheo nhưng không may trúng phải người anh, người anh vô cùng tức tối, trong chốc lát thì bỏ mạng, thọ thân rắn độc sống trong chốt cửa phòng của người em. Cửa phòng mấy lần đóng mở nên rắn bị chẹt vào khe cửa mà chết. Sau khi bỏ thân rắn lại thọ thân sâu độc nhỏ, ẩn nấp trong phòng của tu sĩ, rồi từ dưới mái ngách cửa rơi trên cổ của Tỳ-kheo, chất độc quá mạnh, Tỳ-kheo tức thời mạng chung.

Đức Phật bảo tôn giả Xá-lợi-phất:

- Vào thời quá khứ có vị Bích chi Phật ẩn tu trong núi rừng. Lúc ấy có gã thợ săn thường săn bắt cầm thú, vị này thường tìm cách bẫy thú nhưng bị Bích chi Phật làm kinh động đến cho loài thú biết nên thợ săn không bắt được, vì vậy ông nổi giận, dùng tên độc bắn vào Bích chi Phật. Thương xót kẻ thợ săn muốn cho hắn ta sửa đổi sai lầm nên Ngài hiện thần túc. Bấy giờ gã thợ săn sanh lòng kính ngưỡng, sợ hãi, tự trách mình và chí thành sám hối. Bích chi Phật nhận sự sám hối của người thợ săn xong Ngài bị chất độc phát tác mà chết. Do quả báo hại Bích chi Phật nên sau khi mạng chung, người thợ săn phải bị rơi vào địa ngục. Khi mãn địa ngục, năm trăm đời ông đều phải chịu trúng chất độc mà chết, cho đến nay, tuy đã chứng quả A-la-hán nhưng vẫn còn bị sâu độc cắn chết.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 10)

6. TÁT BẠC ĐỐT TAY CỨU CÁC KHÁCH BUÔN

Thuở xưa, trong cõi Diêm-phù-đề, có năm trăm khách buôn cùng nhau đi qua một cánh đồng hoang dã, rồi men theo đường núi vào một hang sâu, trong hang rất tối. Bấy giờ các khách buôn không thấy đường sầu khổ, sợ mất tiền của. Chốn núi rừng nhiều giặc cướp, họ lại càng thêm sợ hãi, thế là đồng tâm, hướng về những vị Trời thần, mặt trăng, mặt Trời, thần núi thần biển mà cầu khẩn, khóc lóc.

Bấy giờ, Tát-bạc vì thương xót tất cả thương buôn, bảo họ chớ nên sợ sệt, tôi sẽ làm ánh sáng rực rỡ soi chiếu cho các anh em.

Tát-bạc liền lấy bạch điệp, tự quấn vào hai cánh tay, rồi dùng dầu tô rưới lên, đốt làm ngọn đuốc soi đường cho đoàn thương buôn đi. Suốt cả bảy ngày đoàn người mới thoát ra khỏi khu rừng tối tăm ấy. Thoát khỏi rồi, các khách buôn vô cùng cảm kích tấm lòng của Tát-bạc, và rất kính quý ông. Mọi người đều bình an trở về vô cùng phấn khởi.

Phật dạy:

- Tát-bạc bấy giờ nay chính là ta, các khách buôn nay chính là năm trăm Tỳ-kheo.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 6)

7. GIỮ GIỚI ĐƯỢC THOÁT NẠN LA SÁT

Ngày xưa, Tát-bạc nghe ở nước ngoài có nhiều thứ châu báu lạ, muốn đến đó để mưu sinh, thế nhưng giữa hai nước thường có nạn quỷ La-sát, không thể qua đó được.

Một hôm, Tát-bạc dạo chơi, nhìn thấy cổng thành phía Tây phố chợ đông đúc, có một vị đạo nhân ngồi trên chiếc giường trống, miệng rao bán năm giới. Tát-bạc ghé lại hỏi năm giới như thế nào? Vị đạo nhân trả lời:

- Giới không hình tướng, trực tiếp miệng thọ tâm trì, đời sau được sanh lên Trời, hiện đời được thoát khỏi nạn quỷ La-sát. Tát-bạc nghe thế thì muốn mua liền hỏi bao nhiêu tiền?

- Một ngàn đồng tiền vàng. Đạo nhân đáp.

Tát-bạc bằng lòng, vị đạo nhân liền truyền trao năm giới cho ông và dặn:

- Ông ra nước ngoài, khi đi sang biên giới gặp phải quỷ La-sát thì ông chỉ cần nói tôi là đệ tử tại gia của Phật Thích Ca là thoát nạn.

Theo lời của Đạo nhân dạy, không bao lâu Tát-bạc đến ranh giới giữa hai nước thì thấy La-sát thân dài một trượng ba thước, đầu vàng như nghệ, mắt đỏ như đinh nung, toàn thân là vi vảy như vảy Lân, miệng há như miệng cá mang trống, ngước lên để đón chim én bay, chân lún đất tới đầu gối, miệng máu nóng chảy, cả bọn mấy ngàn La-sát nắm lấy Tát-bạt, ông nói:

- Tôi là đệ tử năm giới của Phật Thích Ca.

La-sát nghe vậy nhưng nhất quyết không chịu buông, ông liền nắm tay đánh La-sát, nhưng tay ông bị dính chặt trong đám vảy của nó, rút không ra. Ông lại dùng chân đạp vào đầu nó, nhưng chân cũng mắc cứng vào vảy, rút không ra. Đến lúc này năm vóc của ông đều đã dính chặt trong vảy của nó, chỉ còn lưng cữ động được mà thôi.

La sát bảo:

Thân ông và chân tay
Nhất thời đều bị dính
Nếu rút ra sẽ chết
Không cách nào thoát được.

Tát-bạt vẫn kiên trì, nói với La-sát:

Thân và chân tay ta
Nhất thời tuy bị dính
Nhiếp tâm như vàng đá
Quyết không chết vì ngươi.

La-sát nói tiếp:

Ta là chúa loài quỷ
Dù người nhiều sức mạnh
Trước giờ bị ta ăn
Không thể nào đếm hết
Nếu bỏ đi sẽ chết
Sao lại còn khoe khoang?

Tát-bạc sắp nổi giận, muốn mắng nhiếc nhưng nghĩ lại:

Thân luân hồi ba cõi
Chưa từng thí người ăn
Nay ta sẽ thí thân
La-sát một bửa no.

Nghĩ vậy bèn nói với La-sát:

Thân thịt tanh hôi này
Từ lâu muốn bỏ đi
Nay ông cần ta cho
Ông cứ tự nhiên dùng
Chí cầu Đại thừa pháp
Muốn đạt quả Chánh giác.

La-sát thông minh, hiểu lời Tát-bạc nói liền sanh lòng hổ thẹn nên buông Tát-bạc ra và quỳ xuống chắp tay sám hối:

Ngài là thầy cứu người
Hiếm có trong ba cõi
Chí cầu Bồ-tát đạo
Không lâu sẽ chứng quả
Nay tôi xin quy y
Cúi đầu xin đảnh lễ.

Sám hối xong, La-sát đưa Tát-bạc sang nước khác, kiếm được nhiều châu báu. La-sát lại đưa ông trở về lại nhà. Nhờ huân tu công đức nên không lâu chứng quả giải thoát.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ, phần lớn đồng với bản kinh trước, chỉ có khác chút ít, hai bản nay vẫn tồn tại)

8. BỐN LOÀI CHÚNG SANH

Súc sanh cùng với người, hết thảy gồm bốn loài.

Tại sao biết trong loài người có noản sanh?

Trong cõi Diêm-phù-lợi này có rất nhiều thương nhân vào biển để tìm châu báu. Một hôm có một vị thương nhân bắt được hai con ngỗng, sơ ý thả mất một con, ông thường dạo chơi cùng với con còn lại, tối ngủ chung và giao hợp với nó. Đẻ ra hai trứng, ngỗng dần dần ấp, thời gian đã đến, nở ra hai đồng tử. về sau, hai đồng tử này lớn lên đều xuất gia học đạo, chứng quả A-la-hán. Một người hiệu là Thi-ba-la, người kia là Ưu-bát-thi-bà-la.

Tại sao biết trong loài người có thấp sanh?

Như trong kinh nói: có vua Đảnh-Sanh, Tôn giả Già-la, Tôn giả Ưu-bà-già, La-sát nữ.

Tại sao biết trong loài người có hoá sanh?

Đó là người trong giai đoạn kiếp sơ. Khi đã chứng được Thánh pháp thì không còn sanh bằng noãn sanh hoặc sanh bằng thấp sanh.

Tại sao không còn noãn sanh và thấp sanh?

Vì đã nhiếp thọ con đường noãn sanh và súc sanh.

(Trích Tỳ-bà-sa quyển 4)

9. TIÊN NHÂN RƯỚI NƯỚC TÁM CÔNG ĐỨC

Ngày xưa có vị đạo sư cùng đi chung với năm trăm vị khách buôn, ngang qua vùng đồng vắng, hoàn toàn không có nước để uống, đói khát cùng cực, kiếm ăn khắp nơi mà không có. Thế rồi họ cùng nhau leo lên trên một đỉnh cao, xa trông thấy một cội cây, họ cho rằng đến đó sẽ có nước uống. Mọi người cùng nhau tìm đến, thấy dưới gốc cây cỏ mọc xung quanh, đất đai sạch đẹp, họ cùng nhau xúm lại đào bới. Bấy giờ có vị thiên nhân, từ xa trông thấy đạo sư, trong nháy mắt Thiên nhân đã đến chỗ ấy. Vị này đứng trên tán tán cây cao, xoè bàn tay phải xuống, dòng nước tám công đức mát lạnh từ trong những kẻ của bàn tay cứ tuôn trào không dứt, khiến cho mọi người được no đủ.

(Trích kinh Thí Dụ bộ 10 quyển, quyển 3)

10. THƯƠNG BUÔN CỨU LONG NỮ

Bấy giờ, Đức Phật ở ấp Đại lâm, thuộc phía Nam của thành Xá-vệ, ở đó có một vị thương buôn đang lùa tám con trâu đi đến phía Bắc nước Câu-di. Lại gặp một thương buôn, cả hai người cùng thả trâu trong đầm. Bấy giờ có một Ly xa bắt được một Long nữ, xỏ mủi kéo đi, vị

thương nhân thấy vậy liền khởi lòng từ và hỏi:

- Này Ly-xa, nay người dẫn nó đi là muốn làm gì?

- Tôi muốn bắt nó về ăn thịt. Ly-xa đáp.

- Chớ giết nó, ta sẽ đổi cho ngươi một con trâu, ngươi mau thả nó ra.

Ly-xa không chịu đổi. Thương nhân nài nỉ và dần dần tăng giá cho đến tám con trâu thì Ly xa mới chịu và nói:

- Hôm nay tôi vì nễ mặt ông mà thả nó.

Thế rồi Ly-xa liền dẫn tám con trâu đi và bỏ lại Long nữ. Thương nhân này thầm nghĩ:

- Đây là kẻ ác, sợ nó sẽ trở lại bắt long nữ.

Nghĩ thế, ông liền đi theo long nữ, đến bên bờ đầm thì Long nữ liền biến thành thân người và bảo ông:

- Mạng sống của tôi là do Ngài ban cho, tôi muốn báo đáp, Ngài hãy theo tôi vào cung để tôi có dịp báo ân cứu mạng.

Khách buôn trả lời:

- Dòng họ rồng nhà cô tánh tình hung bạo, sân hận vô chừng, tôi sợ vào đó e khó mà trở về.

Long nữ đáp:

- Kẻ trước kia trói tôi, sức tôi có khả năng giết chết nó, nhưng vì tôi đã thọ giới Bồ-tát cho nên không khởi tâm sát hại, huống gì Ngài là ân nhân cứu mạng của tôi sao tôi có thể giết Ngài được? Ngài đứng ở đây đợi giây lát, tôi xin vào trước để lo liệu.

Nhìn thấy bên cửa cung rồng có hai con rồng đang bị trói, ông ta hỏi:

- Tại sao các ngươi bị trói ở đây?

Chúng đáp:

Long nữ của chúng tôi nửa tháng có ba ngày trai giới, anh em tôi phải bảo vệ, vì không cẩn thận nên bị Ly-xa kia bắt đi, vì thế mà bọn tôi bị phạt trói ở đây, xin Ngài cứu giúp nói với Long nữ thả chúng tôi. Nếu Long nữ hỏi Ngài muốn ăn gì thì Ngài nên nói là ăn những món trên Diêm-phù-đề.

Sau khi Long nữ chuẩn bị xong liền cho mời vị khách buôn vào ngồi ở trên giường nệm báu, Long nữ thưa:

- Bây giờ Ngài muốn ăn món gì?

- Tôi muốn ăn những món của người Diêm-phù-đề. Khách buôn trả lời.

Long nữ liền soạn các món ăn ra, khách buôn hỏi:

- Hai người kia vì sao bị trói?

- Chúng có tội, tôi muốn giết chúng.

- Ngươi không nên giết họ. Khách buôn nói.

- Không được, tôi phải giết chúng. Long nữ nói lời kiên quyết.

- Ngươi hãy thả họ ra ta mới ăn những món này. khách buôn nài nỉ.

- Cũng được, nhưng không phải lúc, phải phạt tuần tra cõi người sáu tháng rồi mới tha. Long nữ đáp.

- Ngươi có hình phạt nghiêm ngặt như thế thì cần gì phải thọ giới Bồ-tát? Thương buôn hỏi.

- Loài rồng chúng tôi có năm điều khổ, đó là lúc sanh ra, lúc ngủ nghỉ, lúc hành dâm, khi nổi sân hận, một ngày có ba điều khổ, da thịt rơi xuống đất bị cát nống đốt thân. Long nữ than thở.

- Vậy ngươi muốn cầu thứ gì? Khách buôn hỏi.

- Vâng, tôi muốn sanh vào cõi người. Long nữ đáp.

- Khi đã sanh vào loài người rồi thì tôi phải nên làm gì? Long nữ lại hỏi.

- Làm được thân người rồi nhưng muốn cầu được xuất gia là khó.

- Vậy thì tìm ai để cầu xuất gia?

- Đức Như Lai bậc giải thoát giác ngộ hiện đang cư trú tại nước Xá-vệ, người chưa được giải thoát nhờ Ngài mà được giải thoát, ngươi hãy đến đó cầu Ngài xuất gia.

Bấy giờ khách buôn lại nói:

- Nay tôi muốn trở về nước.

Long nữ liền đưa cho Ngài tám chiếc bánh bằng vàng và nói:

- Đây là vàng ở cung rồng, đủ cho Ngài phụng dưỡng cha mẹ và quyến thuộc, trọn đời dùng cũng không hết. Bây giờ Ngài hãy nhắm mắt lại, tôi sẽ đưa Ngài trở về.

Long nữ liền vận thần thông đưa ông về nước cũ. Những người bạn của ông trước đó đến nói với mọi người trong gia quyến của ông là ông đã đi xuống cung của rồng rồi. Cha mẹ cho rằng con mình đã chết, thế là cả dòng họ, quyến thuộc đều đến để chia buồn, khóc lóc thương tiếc.

Bấy giờ những người chăn trâu cắt cỏ trông thấy ông liền vội vã chạy về báo tin. Mọi người nghe tin ấy hết sức vui mừng, cùng nhau ra đón và tụ tập kho tiệc ăn mừng. Trong lúc cùng nhau ăn mừng, ông ta liền lấy ra tám chiếc bánh bằng vàng của cung rồng dâng lên cha mẹ và thưa:

-Đây là vàng của rồng, khi đem cắt xài thì nó tự đầy trở lại, và cứ hưởng trọn đời như thế không bao giờ hết.

(Trích luật Tăng Kỳ quyển ba mươi ba)

11. KHÁCH BUÔN GẶP NẠN LA SÁT

Xưa kia có một người thương buôn dẫn đoàn người lạc vào nơi hiểm nạn, gặp bọn quỷ La-sát dang tay chận đường và nói:

- Các ngươi dừng lại, không được nhúc nhích, ta không cho các người đi qua.

Người buôn trưởng đoàn liền dùng nắm tay phải đánh vào quỷ, nhưng tay đánh vào thì bị hút chặt, không rút ra được. Ông tiếp tục dùng tay trái đánh, tay ông cũng dính chặt vào như trước. Ông lại dùng chân phải đá, chân Ông cũng dính chặt như thế. Ông dùng đầu húc vào, đầu cũng dính vào. Quỷ liền hỏi:

- Toàn thân của ông dính chặt như thế, giờ ông đã chịu thua chưa?

- Tuy thân ta bị dính chặt nhưng ta quyết không chịu thua ngươi, nay ta dùng đức tinh tấn để đánh với ngươi. Người trưởng đoàn nói.

Lúc ấy quỷ liền nghĩ:

- Người này gan quá, liền nói:

- Ngươi có sức tinh tấn vô cùng mạnh mẽ, chắc chắn không chịu thối lui, vậy thôi nay ta thả cho ông đi.

(Trích luận Đại Trí Độ quyển 16)

12. KHÁCH BUÔN CỨU NGƯỜI CHẾT

Xưa có vị trưởng đoàn thương buôn tên Cát-lợi, dẫn mọi người vào trong biển tìm châu báu và an ổn trở về. Thông thường ông kiếm được tám mươi ức viên châu ma ni, mỗi viên trị giá trăm ức lượng vàng. Khi về đến, chưa bước vào nhà thì gặp một người ăn xin, ông đem tất cả châu ấy bố thí cho người ăn xin ấy rồi lại trở ra biển tìm châu báu.

Lần này ông vào biển, tìm được rất nhiều châu báu quý hiếm, trải qua tám mươi năm sau ông mới trở về. Trên đường sắp vào thành, ông lại gặp kẻ phạm tội, bị quan lại trói đánh rất dã man, giống trống khắp phố xá, đưa ạam nhân tới pháp trường để xử tử. Trên đường đi, kẻ phạm tội trông thấy Cát-lợi liền gọi:

- Xin trưởng giả cứu tôi, tôi sắp chết hãy cứu tôi, ban cho tôi mạng sống. Ngài là đại đàn việt, hiền từ rộng lượng.

Nghe những lời cầu cứu như thế, Cát-lợi liền nói:

- Bạn chớ lo, giờ đây ta sẽ ban cho bạn sự vô uý, sẽ cứu mạng sống cho bạn.

Thế rồi ông liền đến chỗ quan phủ trên pháp trường, thưởng cho mỗi vị một viên châu Ma-ni và một ức lượng vàng, nói:

- Các Ngài đợi tôi một lúc, nay tôi sẽ đến chỗ nhà vua rồi sau đó tôi sẽ quay lại.

Cát-lợi liền đến chỗ của nhà vua và tâu:

- Tâu đại vương, nay tôi muốn đem tất cả châu báu này để đổi lấy mạng người phạm tội kia.

- Người đó phạm tội rất nặng không thể tha được, không thể đổi được. Nhưng nếu cần thì ngươi có bao nhiêu vật báu đưa hết cho ta, như thế tội chết mới có thể tha. Nhà vua ra lệnh.

Cát-lợi vui vẻ nói:

- Nếu cứu được người này thì tôi đã mãn nguyện.

Ông lấy hết tất cả châu báu trong nhà ông và các thứ ông tìm được trong biển cả, vô lượng ngàn ức vàng bạc châu báu đều dâng hết cho nhà vua và tâu:

- Theo lời hứa, nay tôi đã đem tất cả tài sản đến, xin đại vương hãy thả người ấy ra.

Nhà vua ra lệnh cho quan phủ đem Cát-lợi ra chém đầu.

Thế rồi họ liền trói Cát-lợi đem ra pháp trường, bọn đao phủ vung đao sắp chém Cát-lợi thì bỗng dưng tay chân cứng đơ không còn nhúc nhích được nữa. Mọi người thấy thế thì mất hồn liền bẩm báo cho nhà vua. Nhà vua nhận được tin liền đến tự tay cầm dao giết Cát-lợi, nhưng khi vung đao lên thì lập tức tay rớt xuống đất, nhà vua đau đớn la thét mà chết.

Đức Phật xác định:

Cát-lợi xưa nay chính là ta, Ông vua kia nay chính là Điều-đạt.

(Trích Tạng Kinh Bồ-tát quyển hạ)

13. QUẢ BÁO CỦA THAM LAM

Vào thuở xa xưa, trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp trước, ở thành Ba-la-nại có hai đoàn thương buôn, một đoàn có năm trăm người. Họ chọn lấy những phương tiện tài sản cần dùng cho bản thân đem chất lên thuyền rồi cùng nhau vượt biển. Hôm ấy họ nhổ neo, căng buồm, theo gió lướt đi, không mấy chốc thì đã đến bãi biển châu báu. Nơi đây có gái đẹp, không vật gì mà không có. vị trưởng đoàn nói với mọi người.

- Chúng ta vì những tài sản này khó khăn lắm mới đến được đây,

giờ chúng ta nên cùng nhau ở đây vui chơi mãi mãi.

Vị trưởng đoàn thứ hai nói với mọi người:

- Thưa các vị, nơi đây tuy nhiều của báu nhưng không thể ở lâu được.

Bấy giờ có một vị thiên nữ, vì thương xót bọn người này liền ở trên không trung nói vọng xuống rằng:

- Chốn này tuy vui vẻ nhưng không nên ở lâu, bảy ngày sau vùng đất này sẽ chìm trong biển cả.

Nói xong thiên nữ biến mất. Lúc đó lại có một ma nữ, vì muốn cho những khách buôn chết chìm ở đây nên biến hiện trên không trung kêu gọi rằng:

- Các Ngài không nên sửa soạn trở về, vùng đất này không có nước rồi sẽ có nước, các thứ châu báu, các cô gái và năm món dục ở đây, do đâu mà có? những gì vị Trời trước đã nói đều không đúng.

Nói xong, cô ta biến mất. Vị trưởng đoàn thứ nhất bảo với mọi người chớ đi, không nên tin theo vị Trời trước đó.

Vị trưởng đoàn thứ hai bảo đoàn của mình:

- Các anh đừng luyến tiếc, hãy mau sửa soạn lên thuyền, lời vị Trời trước nói là thật. Nước không dâng thì ở đây vui chơi, từ từ trở về, nếu nước tràn tới thì mình cũng đã sửa soạn xong và đi mà thôi.

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

- Đúng như lời của thiên nữ kia nói, bảy ngày sau thì nước đã dâng tràn ngập cả vùng đất ấy. Vì đã chuẩn bị nên vị trưởng đoàn thứ hai dẫn được đoàn buôn của mình lên thuyền, còn vị kia cùng đoàn của họ không chuẩn bị trước, ngày nước dâng lên, ông cầm gậy gộc cùng nhau tìm cách chèo chống. Trưởng đoàn buôn thứ hai lên thuyền rồi thì nước đã giăng đến chân của thuyền trưởng thứ nhất, nước ngập sâu quá nên ông ta liền mạng chung.

- Này Xá-lợi-phất, vị thuyền trưởng thứ nhất ngày xưa nay chính là ông Đề-bà-đạt-đa, còn thuyền trưởng thứ hai nay chính là ta. Năm trăm chúng thương buôn do thuyền trưởng thứ nhất dẫn đi nay chính là năm trăm đệ tử của Ông ta, còn năm trăm thương buôn do thuyền trưởng thứ hai dẫn đi nay chính năm trăm vị A-la-hán. Thiên nữ nay chính là ông, Ma nữ nay chính là Tỳ-kheo Mẫn Nguyệt, là đệ tử Bà-la-môn.

(Trích kinh Hưng Khởi Hạnh quyển thượng)

14. QUẢ BÁO HẠI BẠN LẤY CHÂU BÁU

Vào thời Đức Phật Định Quang có năm trăm vị khách buôn vào

biển tìm châu báu, trong nhóm có kẻ khởi tâm xấu nghĩ rằng:

- Ta nay ra tay hại những khách buôn này để chiếm toàn bộ châu báu của họ.

Bấy giờ ở cõi Diêm-phù-đề có một vị đạo sư tên là Đại Ai, nằm mộng thấy thần biển mách bảo:

- Trong nhóm khách buôn có một kẻ giặc muốn giết cả thảy năm trăm người bạn để một mình chiếm lấy châu báu. Giả như việc này xảy ra thì hắn sẽ rơi vào địa ngục. Nay Ngài hãy thương xót, tìm phương tiện khiến cho khách buôn không bị hắn giết chết, như vậy mới cứu cho hắn thoát được tội địa ngục.

Vị đạo sư suy nghĩ suốt cả bảy ngày nhưng không tìm ra bất cứ một giải pháp nào, đành chọn giải pháp giết kẻ hung ác đó, hoạ may cứu được mọi người.

Nhưng nếu báo cho mọi người trong nhóm biết thì họ sẽ nổi giận, họ sẽ cùng nhau giết chết kẻ giặc kia và rồi cùng rơi vào trong đường ác cả. Nếu như một mình ta giết thì một mình ta chịu tội, ta thà nhẫn chịu trăm ngàn kiếp khổ chứ không thể để cho mọi người phải bị hại chết, lại không để cho tên cướp phải rơi vào trong địa ngục. Vậy là trước tiên ta phải thuyết pháp khiến cho hắn phát tâm hoan hỷ, phấn khởi và ngủ ngon.

Phật dạy:

- Vị đại sư Đại Ai vì các khách buôn nên dùng phương tiện giết tên cướp, sau khi mạng chung sanh lên cõi Trời Quang Âm thứ mười hai. Đại Ai bấy giờ nay chính là ta, dùng phương tiện ấy nên vượt qua ngàn kiếp sanh tử. năm trăm vị khách buôn chính là năm trăm vị Phật trong hiền kiếp.

(Trích kinh Tuệ thượng Bồ-tát quyển 1)

15. THOÁT CHẾT NHỜ NIỆM PHẬT

Xưa có năm trăm thương buôn, dông thuyền vào biển, gặp phải cá Ma-kiệt đang nhoi đầu lên khỏi mặt nước, há miệng muốn ăn chúng sanh. Lúc ấy Trời rất ít gió nhưng thuyền lại đi như tên bắn. Vị Thuyền trưởng bảo mọi người:

-Thuyền đi quá nhanh, có thể hạ buồm.

Theo lời của thuyền trưởng, các thuỷ thủ bèn hạ buồm. Nhưng buồm hạ rồi mà thuyền lại đi nhanh hơn không thể dừng lại được.

Tác-bạc liền hỏi người ở trên mui:

- Ông có thấy gì không?

- Tôi thấy phía trên mặt biển có hai mặt Trời mọc, phía dưới thì có một quả núi trắng, ở giữa lại có ngọn núi đen. Người thuỷ thủ trên mui đáp.

Thuyền trưởng nghe vậy thì sợ hãi nói:

- Hiện tượng này là chúng ta gặp phải cá to, phải làm sao đây? Chúng ta nay gặp nguy rồi, khi vào bụng loại cá này thì không còn mong sống sót. Nay các ông thờ thần nào thì hãy nhất tâm cầu thần ấy. Thế là mọi người tuỳ theo vị thần Thánh của mình tôn thờ mà dốc lòng cầu nguyện hầu mong thoát được tai nạn này.

Thế nhưng, mọi người càng cầu thì thuyền lại đi càng nhanh không chụi ngưng, như thế chẳng mấy chốc sẽ vào miệng cá. Thuyền trưởng vội bảo mọi người:

- Tôi tôn thờ một vị thần lớn, đó chính là Đức Phật. Nay quý đừng niệm gì khác, hãy một lòng hướng về Đức Phật để xưng niệm danh hiệu Ngài.

Bấy giờ cả năm trăm vị thương buôn đồng thanh niệm lớn Nam mô Phật.

Cá nghe đến danh hiệu Phật thì tự suy nghĩ:

- Ngày nay thế gian lại có Phật xuất thế, ta nỡ nào làm hại đến chúng sanh.

Nghĩ thế xong, cá liền ngậm miệng lại và nước cũng đổi chiều, thuyền thoát khỏi miệng cá. Năm trăm thương nhân nhờ đó mà phát được tâm lành và đều được giải thoát.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ quyển 6)

16. NỖI SỢ HÃI CỦA QUỶ

Ngày xưa có một huyện nọ, hầu hết mọi người trong huyện đều giữ năm giới, tu tập mười thiện nghiệp, cả huyện đều không có lò nấu rượu. Trong đó có người con của một gia đình thuộc dòng Bà-la-môn muốn đi làm ăn nơi xa. Khi sắp lên đường, cha mẹ bảo:

- Con hãy siêng năng giữ gìn năm giới và tu tập mười thiện nghiệp, cẩn thận chớ nên uống rượu mà phạm trọng giới của Đức Phật.

Bấy giờ cậu đến nước khác gặp lại bạn đồng học cũ, quá vui mừng bạn liền rủ cậu về nhà rồi mang rượu Bồ đào ra định thiết đải.

Thế nhưng cậu ta từ chối, nói:

- Xứ tôi giữ giới của Đức Phật, không một ai dám phạm, hơn nữa trước lúc ra đi, cha mẹ tôi đã dặn kỷ. Nay gặp lại bạn bè, tôi rất vui mừng nhưng bạn cũng không nên ép tôi phạm giới cấm, trái lời giáo

huấn của song thân.

Người bạn nói:

- Tôi và bạn cùng thọ ơn thầy tức là huynh đệ, cha mẹ tôi tức là cha mẹ bạn, anh em lâu gặp nhau uống một chút không hề gì đâu! Nếu như tôi đến nhà của bạn thì ắt phải thuận theo cha mẹ của bạn.

Từ chối không được nên cậu đành phải uống. Sau khi xong việc, cậu trở về nhà thưa rõ với cha mẹ, cha mẹ bảo:

- Con đã tráilời của cha mẹ dặn lại phạm giới, con đã làm rối loạn phép tắc không còn là người con hiếu nữa, thôi không còn nói gì nữa cả.

Cha mẹ liền đưa cho cậu một ít đồ và bảo đi khỏi nước. Người con bị cha mẹ đuổi đi nên mới đến một nước khác ở trọ. Chủ nhà trọ thờ ba vị quỷ thần, có thể biến ra hình người để cùng nhau ăn uống. Lúc ấy chủ nhà than thở với khách:

- Thờ các vị này nhiều năm, tiền của đã hết, trong nhà lại cứ bệnh tật, chết chóc mãi.

Hai người cùng nhau bàn luận như thế, quỷ biết ý nên họ cũng cùng nhau bàn tán:

- Nhà này tài sản hết rồi chính là vì chúng ta chưa từng giúp đỡ họ, giờ này họ đang chán nản lo lắng, chúng ta nên đi tìm trân bảo về cho ông ta.

Thế rồi ba vị quỷ thần ấy cùng nhau đi qua nước khác, trộm vật trong kho của nhà vua đem về chất trong khu vườn và nói với chủ nhà:

- Người nhiều năm đã nhọc nhằn khổ sở để phụng sự chúng tôi, nay phước sắp đến, ngươi sẽ được giàu sang.

Chủ nhà thưa:

- Tôi cảm ơn chư vị đại thần.

Quỷ bảo:

- Trong khu vườn của người có rất nhiều vàng bạc, ngươi hãy đến đó để lấy dùng.

Nghe thế, chủ nhà vô cùng vui mừng, rồi đi ra vườn đem hết tất cả của báu vào nhà, hết lời cảm tạ các vị quỷ thần. Sáng hôm sau muốn sửa soạn thức ăn để thiết đãi, cầu chư thần hạ cố. Thức ăn đã chuẩn bị đầy đủ thì quỷ thần đều đến, tới cửa thì thấy người nước Xá-vệ đang ở trong nhà chủ mình, họ liền vội vàng bỏ chạy. Chủ nhân liền đuổi theo và gọi:

- Các vị đã hạ cố đến đây sao lại bỏ chạy?

- Nhà ông có khách quý làm sao chúng tôi vào được?

Nói xong họ vô cùng hoảng sợ bỏ chạy tiếp.

Chủ nhà suy nghĩ: trong nhà ta không có người lạ, chính là chỉ có người ở trọ này thôi. Ông liền cung kính hỏi vị khách trọ:

- Ngài có công đức gì mà khiến cho các vị thần của tôi sợ bỏ chạy hết?

Vị khách trình bày về công đức của việc giữ gìn năm giới và thực hành mười thiện nghiệp của đức Phật. Sự thật là vì phạm giới uống rượu nên bị cha mẹ đuổi, nhưng còn bốn giới kia không phạm nên được các vị thiện thần ủng hộ, khiến cho thần của ông không thể đến được.

Nghe thế chủ nhà liền phát tâm:

- Nay tôi muốn thọ trì năm giới, xin ông hãy truyền trao cho tôi. Nhân đó người khách mới truyền Tam quy và Ngũ giới cho ông ta. Truyền xong, ông một lòng tinh tấn không biếng nhác, Đức Phật hiện đang ở đâu, tôi có thể đến gặp Ngài được không?

Người khách nói:

- Hiện giờ đức Phật đang cư trú trong vườn Cấp-cô- độc thuộc nước Xá-vệ.

Biết chỗ của Đức Phật rồi, chủ nhà một mạch thẳng đến nước Xá-vệ. Giữa đường gặp một ngôi đình, bên trong có một cô gái, chính là vợ của quỷ ăn thịt người. Đường còn xa mà Trời lại sắp tối, ông xin cô gái cho ngủ nhờ, cô gái nói:

- Ông hãy đi mau đi, đừng nên nấn ná lại đây.

Vị khách hỏi:

- Tại sao vậy?

- Tôi đã nói rồi, ông chớ nên hỏi. Người nữ đáp.

Người khách tự suy nghĩ:

- Người nước Xá-vệ trước đây đã tuyên giảng bốn giới của Phật, vị thần của ta còn sợ không dám đến. Nay ta đã thọ tam quy ngũ giới, tâm không lười biếng, còn sợ gì nữa!

Thế là ông bèn lưu lại qua đem trong miếu thờ. Bấy giờ quỷ ăn thịt người thấy thần hộ giới nên nó phải ở cách miếu đến bốn mươi dặm, suốt đêm không trở về.

Sáng ra người khách lên đường, thấy quỷ ăn thịt người, xương cốt rải rác, lòng lo sợ và hối hận, tự suy nghĩ:

- Ta ở xứ nhà, ăn mặc đầy đủ, nghe chi những lời của hắn nói Phật ở nước Xá-vệ, nhưng chưa thấy điều kỳ diệu mà đã thấy xương cốt ngổn ngang. Chi bằng đem cô gái này về nhà mình chung sống.

- Người khách này bèn quay lại xin cô gái ngủ nhờ. Cô gái hỏi:

- Sao ông quay lại đây?

- Tôi đi bị lạc đường nên quay lại đây xin ngủ đêm nữa.

- Ông sẽ chết, chồng tôi là quỷ ăn thịt người, không bao lâu sẽ về đến, ông hãy mau đi khỏi đây chứ không thì mất mạng.

Vị khách không tin cứ ở lại trong miếu, tâm dâm mê loạn phát sanh, không còn tin Phật, không quy y Tam bảo, không còn giữ giới nên các Thiên thần hộ giới liền bỏ đi, quỷ ăn thịt người quay trở lại.

Cô gái sợ quỷ ăn thịt vị khách này nên đem giấu trong cái góc đá. Quỷ ngửi được mùi thịt người nên hỏi vợ:

- Nàng kiếm được thịt người ư, ta muốn ăn?

- Tôi không đi đâu cả làm sao mà kiếm được thịt người?

Cô gái hỏi:

- Hôm qua chàng đi đâu mà không về nhà?

- Chỗ nàng ngồi có một vị khách quý xin ngủ nhờ khiến ta bị đuổi đi. Quỷ đáp.

Trong chum, người khách nghe vậy nổi run sợ không còn nhớ tam tự quy y.

Người Vợ hỏi:

- Tại sao không ăn thịt người ấy được?

- Chính vì người ấy là đệ tử của Phật nên Thiên thần đuổi ta ra xa cả bốn mươi dặm. Vì ngủ ngoài đường, lo sợ đến giờ không được yên ổn nên không ăn được thịt người.

Vợ nhân đó hỏi chồng về giới của Phật như thế nào?

Quỷ nói:

- Ta đói quá, nàng hãy mau lấy thịt ra đây, không cần phải hỏi việc đó, đó là giới của bậc Vô thượng chánh chân, chẳng phải là điều ta dám nói.

Người vợ nài nỉ:

- Mình hảy nói việc ấy đi, tôi sẽ cho mình ăn thịt.

Quỷ vốn là loài tham tàn, tham ăn không ngừng. Người vợ cứ hối thúc chồng, quỷ liền nói Tam quy ngũ giới. khi vừa nói giới thứ nhất thì người vợ liền một lòng lãnh thọ, quỷ đọc đến giới thứ năm thì người vợ cũng tâm nhớ miệng đọc theo. Vị khách ngồi ở trong chum cũng nhớ lại nămgiới liền độc theo.

Bấy giờ Trời Đế thích biết hai người này tâm đã quy y Tam bảo, liền sai năm mươi vị Thiên thần ủng hộ hai người. Quỷ thấy vậy liền bỏ chạy. Đến sáng người vợ hỏi vị khách:

- Ông có sợ không?

- Tôi rất sợ quỷ ăn thịt, nhờ ơn cô mà tôi tỉnh ra, nhớ đến Phật

- Sao đêm qua ngươi trở lại đây làm gì?

- Tôi thấy người chết mới và cũ, xương cốt ngổn ngang, sợ quá nên quay trở lại.

- Xương là do tôi bỏ đó, tôi vốn là con gái nhà hiền lương, bị quỷ bắt ép tôi làm vợ, đau khổ tột cùng, không có cách nào, nay nhờ ân người mà được nghe giới của Đức Phật nên thoát được quỷ dữ. Giờ đây hiền giả muốn đi đâu?

- Tôi muốn đến nước Xá-vệ để yết kiến đức Phật.

Người phụ nữ liền nói:

- Vậy thì hay qúa, cho tôi cùng đi với, tôi cũng muốn gặp Phật.

Thế rồi cả hai người cùng nhau lên đường về phía trước liền gặp 498 người, nhân đó hỏi thăm họ:

- Các hiền giả từ đâu đến và đi về đâu?

Mọi người đáp:

- Chúng tôi từ chỗ Đức Phật đến.

- Các vị đã gặp Phật rồi sao lại bỏ đi?

- Đức Phật giảng kinh, chúng tôi nghe mờ mịt, vẫn không hiểu gì nên nay phải trở về nước.

Hai người cùng thuật lại chuyện cho mọi người nghe, vì loài quỷ sợ người có giới hạnh cao, mọi người nghe xong mới thấu hiểu nên cùng nhau quay trở lại gặp Phật.

Đức Phật từ xa trông thấy liền mỉm miệng cười, trong miệng phóng ra hào quang năm sắc. Thấy vậy, Tôn giả A nan quỳ xuống thưa:

- Bạch Đức Thế tôn, Ngài không bao giờ cười mà không có ý nghĩa, chẳng hay có điều gì muốn nói?

Đức Phật hỏi:

- Ông có thấy 498 người kia quay lại đây không? Những người ấy giờ đã gặp được bậc hướng đạo cho mình rồi, đến đây đều sẽ chứng đạo.

Bấy giờ, cả năm trăm người cùng nhau đến chỗ của Đức Phật nghe Ngài giảng kinh, tâm được khai, ý được mở, tất cả đều trở thành Sa-môn, chứng quả A-la-hán. Hai người nam nữ này là bậc thầy đời trước của 498 người kia, cầu được pháp yếu nên họ là bậc thầy hướng đạo. Người cầu đạo, phải tìm được bậc thầy hướng đạo và người bạn đạo của họ, như vậy mới hiểu được đạo.

(Trích kinh Giới Tiêu Tai)

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 44

1. Chuyện chàng ảo thuật
2. Phước báo của sự thành thật
3. Thoát chết nhờ một câu kinh
4. Công đức phóng sanh
5. Mầm cúng dường
6. Trọng xác cũ
7. Vỏ quít dày, móng tay nhọn
8. Khi nhà vua báo ân
9. Công đức trì trai
10. Cúng dường một quả Ha-lê-lặc, về sau được làm Thái tử cả hai nước
11. Cúng dường với tâm thiện hay ác, đều có quả báo tương ưng
12. Ăn trộm, nhờ thông minh nên cưới được công chúa
13. Duyên đời trước
14. Hai vợ chồng đánh cuộc
15. Anh chồng ngốc
16. Người làm thuê biết được tiếng chim
17. Thoát nạn nhờ chim phượng hoàng
18. Mua trí tuệ tránh được tội lớn
19. Trí khôn của con người
20. Kẻ hai vợ
21. Quả báu của sự lừa dối
22. Nhờ quỷ được làm giàu, sau bị quỷ hại
23. Tiêu dùng đúng cách
24. Làm đúng việc mới có lợi ích
25. Hứa hôn
26. Vay và trả
27. Phước ai nấy hưởng
28. Bố thí được bình thần

29. Vàng là rắn độc
30. Không biết của quý
31. Cả đời lười biếng
32. Chết vì trái lời hứa
33. Khẩn vái Trời được sanh thiên
34. Đắp cát làm tháp được sanh thiên
35. Phước cúng dường Phật
36. Dâng hoa cúng Phật được sanh thiên
37. Hiểu tiếng chim, được làm vua
38. Không biết giá trị của quý

1. CHUYỆN CHÀNG ẢO THUẬT:

Thuở xưa có một chàng ảo thuật tên bạt-đà (Đời Lương dịch là Nhân Hiền) bác thông kinh điển lại rất khéo tay, được nhiều người yêu mến danh tiếng càng lẫy lừng, rất nhiều người theo anh ta xin học.

Một hôm, Bạt-đà gặp Phật thấy tướng mạo Phật đoan nghiêm liền nghĩ: "Ta sẽ thử thỉnh Phật, nếu ông ta không thọ thỉnh tức đã biết ý ta, còn thọ thỉnh thì không biết ý ta muốn thử vậy".

Phật biết được tâm niệm Bạt-đà, nhưng vì muốn hoá độ nên Đức Phật im lặng nhận thỉnh. Thấy Phật đồng ý Bạt-đà cho rằng: "Phật chưa chứng ngộ nên đã trúng kế của mình".

Anh ta vào thành Vương xá, nơi chỗ đất sạch hoá thành một giảng đường, bên trong có lộng hoa rực rỡ, dưới mỗi gốc cây quanh giảng đường đều có trải toà sư tử giành cho các vị Tỳ-kheo. Bên trong giảng đường có toà sư tử cao bốn trượng 9 thước giành cho Đức Như Lai, lại có đủ thứ thức ăn được bày trí đẹp đẽ.

Bấy giờ Tứ Thiên vương và Trời Đế thích cùng 3 vạn hai ngàn vị Trời đến trước Bạt Đà nói:

- Ngươi có phước lớn mới được thỉnh Như lai đến giảng đường cúng dường. Ta sẽ giúp ngươi cúng dường cho được đầy đủ.

Nói xong, Đế thích liền hiện ra một cung điện đẹp như cung Trời Đao Lợi. Phật, Bồ Tát và các Tỳ-kheo vào trong giảng đường. Khi Phật ngự trên toà sư tử của Bạt Đà tạo thì Đế thích cũng thấy Phật ngồi trên toà của mình tạo. Bạt-đà nghe Phật thuyết pháp liền diệt trừ tâm tự cao, dập đầu lễ Phật và bạch rằng:

- Bạch Đức Thế tôn, xin Ngài hãy tha thứ lỗi lầm của con. Nói xong, Bạt- đà định diệt giảng đường hoá hiện. Đức Phật làm cho Bạt-đà không diệt được. Nhân đó Ngài thuyết bài pháp "Tất cả đều như

huyễn”.

(Trích kinh Huyễn Sĩ Nhân Hiền)

2. PHƯỚC BÁO CỦA SỰ THÀNH THẬT:

Xưa, ở chân núi Nhi Liên có một anh chàng tên A-nan-bàn-để rất giàu có. Khách buôn ở khắp nơi đều đến ông để vay tiền. Những người ăn xin hễ đến chỗ ông thì đều được no đủ.

Có năm trăm khách buôn đi biển thuyền chìm, người chết gần hết, số sống sót được là nhờ bám vào những tấm ván của con thuyền vỡ. Tất cả châu báu tìm được đều bị chôn vùi dưới lòng biển sâu thẳm.

Thoát nạn trở về, họ đều đến nhà A-nan-bàn-để dự tiệc. Lúc mọi người ăn uống, A-nan-bàn-để ra giếng múc nước, thì ông vớt được một cái tráp châu báu, bên trong có ghi đầy đủ tên họ.

Những người khách buôn ăn xong, đều tỏ vẻ buồn bã. A-nan-bàn-để hỏi:

- Tại sao các ông lại buồn như thế?

- Chúng tôi gồm năm trăm người cùng đi biển, không may thuyền chìm, người chết gần hết, còn mấy người đây, tất cả châu báu tìm đượcđều bị mất hết, bạn bè chẳng còn ai. thấy tráp châu báu Ngài có được đều là của chúng tôi đã mất. Không biết tại sao lại ở trong giếng của Ngài?

A-nan-bàn-để đáp:

- Các vị đi buôn bán sinh sống, nếu thành thật thì của cải không bao giờ mất. Tôi từ vô số kiếp đến nay, chưa lúc nào mà không thành thật, cũng không gạt gẫm chiếm đoạt tài sản của bất cứ người nào nên châu báu của ai bị mất đềutrôi vào giếng của tôi. Các vị hãy căn cứ theo tên họ của mình, mà lấy lại châu báu.

(Trích kinh Thí Dụ)

3. THOÁT CHẾT NHỜ MỘT CÂU KINH:

Xưa có một người tên là Hiền Trực, từng ba lần tham dự bát quan trai. Trong Kinh có câu: “Mắt Trời không nháy”, Hiền Trực đọc rồi không quên. Nhưng người này rất giỏi về nghề trộm. Anh ta trộm đồ ngay trước mặt người mà người không hề hay biết. Nhà vua mất ngọc, cho triệu tập quần thần để bàn luận. Một vị đại thần tâu:

- Thần nghe nói có một người tên Hiền Trực, rất giỏi ăn trộm, rất có thể hắn đã trộm ngọc

Vua cho người đế bắt Hiền Trực về điều tra, nhưng anh ta một

mực chối cãi. Vua là người nhân từ, không nỡ xử oan người nên lại triệu tập quần thần để bàn luận. Một vị đại thần tâu:

- Nên tìm cách để hắn tự thú. Bệ hạ hãy gông hắn lại rồi đem ra chợ rao rằng sẽ giết hắn. Sau đó cho hắn uống rượu say rồi tháo gông ra, dẫn đến một ngơi nhà lớn cho kỹ nữ đến múa hát. Hãy ra lệnh các kỹ nữ nói với Hiền Trực đây là thiên đường, còn các kỹ nữ là thiên nữ hầu hạ hắn ta. Vì đời trước hắn trộm ngọc vua mới được sanh lên Trời.

Vua y theo kế đó thi hành. Hiền Trực nghe các kỹ nữ nói vậy im lặng suy nghĩ: "Ta nghe trong kinh nói: "Mắt Trời không nháy", còn những cô gái này mắt lại nháy. Có lẽ ta trộm ngọc của vua nên đọa vào địa ngục nếu không phải là vua giăng bẫy để ta tự thú tội?" Nghĩ vậy Hiền Trực liền nói:

- Tôi được sanh lên Trời nhờ không trộm ngọc!

Các kỹ nữ tâu lên vua những lời ấy. Vua cười to và bảo:

- Gã này nhất định không trộm ngọc của ta!

Vua bèn thả cho đi còn ban thưởng vàng bạc châu báu.

Thật ra người này có trộm ngọc của vua nhưng do trước kia có tụng một câu kệ nên chẳng những khỏi tội mà còn được ban thưởng.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ)

4. CÔNG ĐỨC PHÓNG SANH:

Ngày xưa, có một anh chàng tên là Từ-la.

Một hôm, anh đi vào chợ thấy một con ba ba bị bắt đem ra chợ bán. Từ-la động lòng thương xót, nước mắt trào ra. Người bán ba ba thấy vậy hỏi:

- Tại sao anh khóc?

- Tôi không chịu nổi khi nhìn thấy con ba ba này!

- Anh điên rồi ư! Người bán ba ba cười lớn.

- Hay là anh bán con ba ba này cho tôi!

- Được, chỉ cần anh trả tôi trăm vạn tiền.

Từ-la dẫn người bán ba ba về nhà, đem đứa con nhỏ đi cầm được tám mươi vạn.

Từ-la đưa hết số tiền cho người bán ba ba rồi nói:

- Tôi đã vét hết tiền trong nhà nhưng chỉ được bấy nhiêu. Tôi muốn kiếm đủ số nhưng không còn cách nào nữa!

- Anh không đủ tiền trả thì hãy đi làm thêu kiếm tiền trả cho đủ. Người bán ba ba nói.

- Được! Từ-la đáp.

Được ba ba, Từ-la cho xe chở ba ba thả xuống sông. Ba ba nói:

- Ít hôm nữa sẽ có một trận lụt rất lớn, khi ấy anh hãy trèo lên cây và gọi tôi.

Vài hôm sau quả nhiên có một trận lụt rất lớn, người dân chết gần hết. Từla trèo lên cây gọi ba ba. Vừa dứt tiếng thì ba ba xuất hiện. Từ-la ngồi trên lưng ba ba. Đi được vài dặm, Từ-la thấy cô gái sắp chết trên một chiếc bè. Thấy Từ-la, cô gái kêu cứu. Từ-la nói với ba ba:

- Cô gái này tội nghiệp quá, chúng ta hãy cứu cô ấy. Ba ba đồng ý. Đi được vái dặm nữa, anh thấy người bán ba ba hôm trước đang ở trên chiếc bè. Ông ta cất tiếng kêu cứu. Ba ba nói:

- Nặng quá rồi tôi không thể chở thêm được nữa. Từ-la nói:

- Ông ta cũng đáng thương, dù thế nào chúng ta cũng phải cứu giúp.

Ba ba lại phải chở thêm người nữa. Đi được mấy mươi dặm,thấy mấy con sâu đang bị nước cuốn. Từ-la lại vớt mấy con sâu ấy. Ba ba chở tất cả đến nước Na-kiệt. Đến nơi, cô gái đem vàng tạ ơn Từ-la. Người bán ba ba nói:

- Tiền bán ba ba trước đây anh vẫn chưa trả hết, giờ được vàng anh hãy trả cho tôi.

Từ-la không chịu. Người bán ba ba tìm đến vua nước Na-kiệt tâu rằng:

-Từ-la trộm vợ người ta rồi đem đi bán. Nay hắn đem vàng bạc đến ở nước này.

Vua Na-kiệt cho bắt Từ-la xử chém. Nhưng khi vị quan hạ bút viết tờ trình, thì tự nhiên có con bướm bò lên cây bút, làm ông không viết được chữ nào. Vua nghe việc ấy hỏi Từ-la:

- Ngươi có tu tạo công đức gì không?

Từ-la kể lại mọi việc. Vua liền cho giết người bán ba ba.

(Trích kinh A-nan Hiện Biến)

5. MÂM CÚNG DƯỜNG:

Ở thành Đại -nguyệt-thị-phất-ca-la có một người họa sĩ tên Thiên Na. Thiên Na đi vẽ thuê ở phía Đông nước Đa-sát-thi-la suốt mười hai năm dành dụm được ba mươi lượng vàng. Được một số vàng, anh về lại quê nhà. Đi được một đoạn Thiên Na thấy chúng Tăng, liền khởi lòng tin thanh tịnh mới đến hỏi vị Duy na:

- Chúng Tăng ăn một ngày khoảng bao nhiêu tiền?

- Khoảng ba mươi lượng vàng.

Thiên Na bèn đưa hết số tiền có được cho vị duy na xin cùng một bữa ăn và hẹn hôm sau sẽ đến.

Thiên Na về nhà, vợ hỏi:

- Ông đi làm suốt mười hai năm, giờ về nhà ông được những gì?

- Tôi được ba mươi lượng vàng nhưng tôi đã mở hội cúng dường chúng Tăng để gieo trồng hạt phước!

Nghe vậy, vợ Thiên Na giận dữ trói chồng lại giải lên quan trình bàymọi việc. Quan hỏi Thiên Na:

- Có tiền không cho vợ con ăn lại cho người khác ăn à?

- Tôi đời trước do không tu tạo phước đức nên đời này mới bần cùng khốn khổ như thế. Thấy chúng Tăng là ruộng phước điền, mà không gieo hạt để đời sau hưởng quả thì sẽ tiếp tục nghèo khổ. Sự nghèo khổ cứ bám theo tôi mãi như thế, hết kiếp này sang kiếp nọ, biết bao giờ thoát khỏi. Nghĩ vậy mà tôi không ngần ngại đem hết tiền cúng cho chúng Tăng.

May thay, vị quan đây là một ưu bà tắc, nên nghe xong ông cởi chuỗi anh lạc cùng ngựa xe ban tặng cho Thiên Na, lại còn giao anh ta cai quản một tụ lạc. Quan nói với Thiên Na:

- Ngươi đã cúng dường chúng Tăng, chúng Tăng chưa ăn, đó là hạt chưa gieo mà mầm đã nảy. Còn quả lớn thì may sau anh sẽđược hưởng.

(Trích luận Đại Trí Độ quyển 11)

6. TRỌNG XÁC CŨ:

Xưa có một người đã chết, thần hồn trở lại vuốt ve hài cốt của mình. Có người thấy vậy hỏi:

- Anh đã chết, tại sao lại còn yêu quý ve vuốt bộ xương khô này.

- Đây là thân trước kia của tôi, là thân không giết hại, không trộm cắp, không dâm dục, không nói hai, không nói ác, không nói thêu dệt, không ganh ghét, không sân hận, không si mê v.v... nên sau khi chết tôi được sanh lên cõi Trời muốn gì có nấy vui sướng tột đỉnh. Vì vậy mà tôi rất yêu quý nó.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ quyển hạ)

7. VỎ QUÍT DÀY CÓ MÓNG TAY NHỌN:

Xưa ở vùng Bắc Thiên Trúc có người thợ điêu khắc rất khéo. Anh ta làm một cô gái bằng gỗ hết sức xinh đẹp, lại cho trang sức quần áo giày dép giống như người thật. Người gỗ này cũng làm được những việc

giống như những người thường như đi tới lui rót rượu tiếp khách... chỉ có điều là không nói được.

Cùng thời ấy, ở Nam Thiên Trúc có người họa sĩ rất tài giỏi. Người thợ điêu khắc nghe danh liền dọn một bữa tiệc thịnh soạn rồi mời người họa sĩ đến. Người họa sĩ đến, thợ điêu khắc cho người gỗ ra rót rượu đãi khách. Vui chơi suốt ngày mà anh họa sĩ không biết đó là người gỗ, anh ta khởi tâm dục, lòng mãi tơ tưởng đến người con gái ấy.

Tối đến, anh thợ điêu khắc mời chàng họa sĩ ở lại và cho cô gái gỗ ở bên hầu hạ.

Vào phòng ngủ cô gái gỗ đứng bên đèn, anh họa sĩ gọi cô gái đến nhưng cô không đến. Anh liền bước tới nắm tay. Lúc ấy anh họa sĩ mới phát hiện racô gái ấy bằng gỗ. Anh ta hổ thẹn vô cùng nghĩ: “Gã điêu khắc này gạt ta, ta phãi trả đũa mới được!”

Nghĩ vậy, anh liền vẽ lên bức tường hình tượng mình đang treo cổ chết.

Vẽ xong, anh đóng cửa chui xuống gầm giường.

Sáng hôm sau, mặt Trời đã lên cao, nhưng cửa phòng anh họa sĩ vẫn đóng kín, người thợ đêu khắc nhìn vào khe cửa, thấy anh họa sĩ đang treo cổ tự tử, thợ điêu khắc sợ hãi tưởng anh hoạ sĩ đã chết, liền phá cửa nhảy vào, lấy dao chặt sợi dây.

Bấy giờ, anh hoạ sĩ từ gầm giường bò lên. người thợ điêu khắc biết mình bị lừa hết sức hổ thẹn. Anh họa sĩ nói:

- Anh gạt tôi được thì tôi cũng gạt anh được vậy!

Cả khách lẫn chủ đều bị mắc lõm cả.

Cả hai người đều nhận ra những trò dối gạt ở đời nên cùng từ giả gia đình, xuất gia học đạo.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ quyển 4)

8. KHI VUA BÁO ÂN:

Có một vị vua mắc bệnh suốt mười hai năm. Tất cả các thầy thuốc giỏi trong nước đều bó tay.

Bấy giờ ở nước chư hầu của vua có một thầy thuốc giỏi. Vua nghe danh liền cho mời thầy thuốc đến. Vị thầy thuốc này trị bệnh cho vua chỉ trong thời gian ngắn bệnh vua khỏi hẳn. Vua muốn báo ân vị thầy thuốc liền truyền lệnh cho vua chư hầu (cai trị nước của người thầy thuốc) phải ban thưởng voi, ngựa, trâu, dê, ruộng, vườn, nhà cửa, đầy tớ và các loại trang sức... cho người thầy thuốc. Vua chư hầu phụng chỉ.

Lúc ấy vị thầy thuốc đứng bên vua bệnh nghĩ: “Ta đã trị vua hết

bệnh, tức đã lập được công to không biết vua ban thưởng cho ta vật gì đây?"

Hai ngày sau, vua khoẻ hẳn, vị thầy thuốc xin vua về nước. Vua đồng ý và ban cho một con ngựa gầy và một cỗ xe cũ kỹ. Vị thầy thuốc than thở và hối hận, nghĩ: "Ta đã hết lòng trị vua hết bệnh, công to như thế mà vua chẳng hề nghĩ đến việc báo đáp, không chút quan tâm, để ta về tay không thế này".

Vị thầy thuốc than thở, ôm lòng buồn hận không nguôi.Về nước thấy một bầy voi, anh ta hỏi người giữ voi:

- Voi của ai vậy?

Đây là voi của ông thầy thuốc. Người chăn voi đáp.

- Ông thầy thuốc ấy sao có được bầy voi này?

- Bầy voi này là vua báo đáp công ơn ông ấy đã trị bệnh cho mình.

Vị thầy thuốc lại đi tiếp thấy rất nhiều ngựa trâu, dê. Anh ta hỏi, người chăn dê đáp:

- Là của ông thầy thuốc đã trị vua hết bệnh.

Đi thêm một đọan nữa, vị thầy thuốc lại thấy một căn nhà rất to lớn có lầu gác nguy nga hơn hẳn những căn nhà nơi này. Anh ta hỏi người giữ cửa:

- Nhà ai vậy?

- Đây là nhà của ông thầy thuốc! Người giữ cửa đáp.

Người thầy thuốc vào trong thấy một người phụ nữ rất đẹp, ăn mặc trang sức toàn những đồ quý giá. Thầy thuốc hỏi:

- Cô là phu nhân của ai vậy?

- Tôi là vợ của người thầy thuốc.

Vị thầy thuốc thấy vua báo đáp công trị bệnh của mình như thế rất hối hận vì đã trách nhầm vị vua tốt.

(Trích Tạp Thí Dụ quyển 4)

9. CÔNG ĐỨC TRÌ TRAI:

Xưa có một người cư sĩ mở hội thỉnh Phật và chúng Tăng đến cúng dường. Lúc ấy có người bán đến, cư sĩ liền giữ người ấy lại ăn cơm và khuyên trì trai nghe Kinh. Đến tối người bán sữa mới trở về. Đến nhà, vợ nói:

- Thiếp đợi chàng về ăn cơm từ sáng đến giờ!

Anh chồng nghe vậy đành phải phạm trai. Nhờ công đức anh ta trì trai nữa ngày mà đến kiếp thứ 7 anh được sanh lên cõi Trời. Khi sanh lại

nhân gian thì tự nhiên vật chất đầy đủ. Nếu anh ta trì trai một ngày trọn vẹnthì sẽ được sáu mươi vạn năm thức ăn tự nhiên đầy đủ, lại được năm điều lợi: 1- Ít bệnh; 2- Thân tâm yên ổn; 3- Ít dâm; 4- Ít ngủ; 5- Sau khi chết được sanh lên Trời và thường biết túc mạng.

(Trích Chư Kinh Yếu Sự)

10. CÚNG DƯỜNG MỘT QUẢ HA-LÊ-LẶC, VỀ SAU ĐƯỢC LÀM THÁI TỬ CẢ HAI NƯỚC:

Xưa, có một người cày ruộng, quá trưa không thấy người nhà mang cơm đến, anh ta rất trông ngóng. Lúc ấy có một Đạo nhân lạc đường đi đến chổ người cày ruộng khất thực. Người cày ruộng nói:

- Xin Ngài đợi một lát nữa.

Nhưng đợi mãi không thấy người nhà mang cơm đến, vị Đạo nhân nói:

- Tôi xin một ít nước súc miệng.

Người cày ruộng cởi giải áo của mình, đựng một quả ha-lê-lặc dâng lên vị đạo nhân. Vị đạo nhân thọ nhận. Anh ta chỉ có một đồng tiền cũng đem cúng dường đạo nhân. Vị đạo nhân nói:

- Ông có tâm cúng dường sẽ cảm ứng được quả báo tốt đẹp. Tôi muốn truyền năm giới cho ông. Ông có giữ được không?

- Con còn phàm phu tục tử, sợ khó giữ trọn năm giới, chỉ xin thọ một giới không giết hại chúng sanh.

Về sau, người cày ruộng mạng chung được sanh làm Thái tử. Một hôm, Hoàng hậu cùng đoàn tuỳ tùng ra bờ sông vui chơi, hát múa. Tỳ nữ bồng Thái tử xuống bờ sông chơi, sơ ý Thái tử tuột khỏi tay Tỳ nữ rớt xuống sông và bị cá nuốt mất.

Bảy ngày ở trong bụng cá, nhưng Thái tử không đói khát. Theo dòng nước chảy, cá trôi xa hơn một ngàn dặm, vào địa phận của Vua nước dưới. Người đánh cá bắt được nó đem ra chợ bán. Hôm đó Vua nước dưới sai người đi chợ mua cá. May thay, họ mua được con cá ấy. Khi lấy dao làm cá, Thái tử ở trong bụng cá nói lớn: "Các người xẻ từ từ, chớ làm tôi bị thương!". Họ vội vàng mổ bụng cá ra. Thấy đứa bé khôi ngô tuấn tú không ai bằng, cả nước rất vui mừng.

Vua nước trên mất con nghe tin, nghĩ "Đứa bé đó chắc là con mình", liền sai người đến đòi con.

Vua nước dưới nói: Đứa bé này Ta lấy được trong bụng cá, đây là Trời ban cho ta. Ta không thể cho ai được!

Hai nước tranh giành nhau, kiện lên Vua lớn. Vua phán: Nếu Vua

nước trên không sanh đứa bé này, đứa bé không bị cá ăn, thì Vua nước dưới làm sao có được. Nếu Vua nước dưới không được đứa bé, thì Vua nước trên biết con ở đâu mà tìm. Có lẽ hai nước có duyên với nhau. Vì thế các ngươi nên xây một cung điện ở giữa hai nước cho Thái tử. Nhân đó họ đặt tên cho Thái tử là Lưỡng Quốc. Từ đó Thái tử ở trong cung điện này, nhưng mọi thứ vẫn y theo phép tắc của một Thái tử thông thường.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Người cày ruộng cúng dường một quả ha-lê-lặc và một đồng tiền vàng thuở xưa, nay chính là Thái tử Lưỡng Quốc.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ).

11. CÚNG DƯỜNG VỚI TÂM THIỆN HAY ÁC, ĐỀU CÓ QUẢ BÁO TƯƠNG ƯNG:

Xưa, có một vị Đạo nhân thọt chân đến nhà một gia đình nọ khất thực. Gia đình này từ lâu đã có niềm tin với Phật pháp. Nhìn chân Ngài như vậy, họ vô cùng thương xót, xin được cúng dường Ngài suốt một năm. Nhưng Đạo nhân từ chối, chủ nhà nói: "Xin Ngài rũ lòng thương, thường đến nhà con khất thực".

Lúc từ biệt, cả chủ lẫn khách đều rơi nước mắt. Khi vị Đạo nhân đi rồi, chủ nhà dọn dẹp giường chiếu, bổng thấy vàng và nhiều của báu. Từ đó, gia đình họ trở nên giàu có.

Nhà bên cạnh thấy gia đình kia bỗng nhiên giàu có, liền đến hỏi nguyên nhân. Chủ nhà thật tình trình bày chuyện vừa qua. Nghe xong ông ta khởi tâm ác, mong được nhiều trân bảo. Ông vội đi tìm Đạo nhân thọt chân để cúng dường, nhưng tìm khắp nơi vẫn không thấy. Bỗng gặp một Đạo nhân bình thường, ông ta liền trói Đạo nhân, rồi chặt một chân của Ngài. Cúng dường được một thời gian ngắn, ông lại bức đuổi Đạo nhân đi. Khi Đạo nhân đi rồi, ông ta cũng dọn dẹp giường chiếu. Nhưng vì cúng dường với tâm ác nên cảm ứng quả báo bị rắn độc, bò cạp, ong bay đến cắn đốt cả nhà. Hiện đời họ chịu ác báo, đời sau sẽ đọa vào địa ngục.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ)

12. ĂN TRỘM, VÌ THÔNG MINH NÊN ĐƯỢC CƯỚI CÔNG CHÚA:

Xưa, có hai chị em, người chị có một người con trai. Hai cậu cháu đều cung cấp lụa là, gấm vóc, sa tan và các loại vải quý khác cho quan

phủ.

Một hôm, hai cậu cháu bàn bạc: “Chúng ta dệt vải khổ cực tất cả đều đem nộp vào kho Vua và cũng biết được các loại vải tốt xấu trong kho. Chúng ta nên trộm lấy vải để thoát cảnh nghèo cùng”.

Đêm đó, hai cậu cháu đục tường chui vào ăn trộm các vật báu. Người giữ kho thấy vật báu trong kho bị mất, liền tâu Vua. Vua ra lệnh:

- Các ông chớ nói việc này ra bên ngoài khiến kẻ trộm nghĩ rằng, Ta nhiều việc nên không kiểm soát hết. Đợi hôm sau kẻ trộm chắc chắn sẽ đến, các ông hãy canh giữ nghiêm mật, nếu bắt được trói lại, đừng để chúng tẩu thoát.

Người giữ kho phụng mệnh, tăng thêm lực lượng phòng giữ cẩn mật. Hôm sau, quả nhiên hai cậu cháu lại đến ăn trộm. Khi ở bên ngoài, người cháu nói với cậu:

- Cậu tuổi già sức yếu, nếu bị bắt không thể tự thoát được, Cậu cứ theo lỗ hổng hôm trước mà vào. Nếu có bị phát hiện, cháu khoẻ mạnh có thể chạy thoát để cứu Cậu.

Người Cậu vừa chui vào lỗ hổng liền bị người giữ kho bắt. Nghe tiếng người giữ kho vang lên, người cháu sợ người khác biết được, liền chặt lấy đầu cậu rồi đi.

Sáng mai, người giữ kho tâu Vua mọi việc, Vua ra lệnh:

- Các ông hãy đem thây người chết để giữa ngã tư đường, người nào khóc, nhận tử thi đó chính là người thân của kẻ trộm.

Vài ngày trôi qua, có một khách buôn từ phương xa đến nước này. Trong lúc người, ngựa chạy nhốn nháo nghẽn cả đường, người cháu chở hai xe củi để trên tử thi. Lính gác thấy vậy tâu Vua. Vua ra lệnh:

- Nếu thấy người nào đốt, hãy trói lại, đem đến đây.

Người cháu bảo một đứa bé cầm đuốt nhảy múa, mọi người thấy lạ đến xem và lấy lửa đốt củi, củi cháy hừng hực thiêu rụi thây chết. Lính gác không biết được người nào, liền tâu Vua. Vua ra lệnh:

- Phải tăng cường lực lượng canh giữ chặt chẽ hài cốt của kẻ trộm.

Người cháu lại làm rượu nguyên chất, mang đến chỗ các lính gác mời họ uống. Đói khát mấy ngày, lính gác thấy rượu và thức ăn liền ăn uống no say. Khi tất cả đều say khướt, người cháu lấy bình rượu nhặt xương đem đi. Lính gác tỉnh lại không thấy hài cốt liền tâu Vua. Vua nói:

- Các ông canh giữ cẩn mật, nhưng cuối cùng không bắt được kẻ

trộm. Tên trộm này thật là gian xảo, Ta phải dùng mưu mới bắt được!.

Vua bảo mọi người trang sức cho công chúa toàn bằng anh lạc, châu báu, rồi cho công chúa ở trong phòng bên dòng sông lớn, lại bảo tất cả hậu vệ phải quan sát kỹ lưỡng, chắc sẽ có người ham sắc-lợi đến bắt công chúa. Rồi Vua bảo công chúa:

- Nếu bắt được kẻ trộm, hãy gọi lính gác đến trói.

Đêm đến, người cháu lén đến bờ sông, thả một cây khô xuống sông, la lớn rồi chạy trốn. Lính gác cho rằng có người đến, ra bờ sông xem xét thì chỉ thấy khúc cây khô. Vài ngày qua, lính gác thấy không có biến động gì liền lăn ra ngủ say sưa. Người cháu ngồi trên cây đến phòng công chúa. Công chúa nắm áo anh ta. Anh ta nói:

- Cô hãy nắm tay, đừng nắm áo.

Người cháu đã chuẩn bị sẵn một cánh tay người chết đưa cho công chúa nắm. Công chúa nắm tay la lớn, lính canh thức giấc, thì người cháu đã trốn thoát.

Lính gác tâu Vua. Vua nói:

- Mưu kế của kẻ trộm này có một không hai, đã lâu rồi mà chúng ta chưa bắt được, phải làm sao bây giờ?.

Công chúa liền mang thai, mười tháng sau hạ sanh một bé trai khôi ngô tuấn tú. Vua sai nhũ mẫu bồng đứa bé đi khắp nước, nếu người nào gọi đứa bé thì bắt đem về. Nhũ mẫu bồng đứa bé đi suốt ngày nhưng không có ai gọi đứa bé. Bấy giờ, người cháu làm thợ nướng bánh, đang đứng bên lò. Vì đứa bé đói khóc, nhũ mẫu bồng đứa bé đến lò mua bánh cho bé ăn. Người cháu thấy đứa bé liền gọi nó và cho bánh. Nhũ mẫu về tâu Vua:

- Thần bế đứa bé đi suốt ngày không một ai đến gần. Khi đi ngang qua lò bánh, người nướng bánh cho đứa bé bánh và gọi nó.

Vua nói:

- Sao không trói người ấy lại?.

Nhũ mẫu đáp:

- Vì đứa bé đói khóc, ông ta cho bánh và gọi nó, chắc không phải là kẻ trộm.

Vua lại ra lệnh cho nhũ mẫu bồng đứa bé đi và nhiều người theo sau dò xét. Nếu thấy ai đến gần thì bắt trói đem về. Người cháu lại làm rượu ngon, mời nhũ mẫu và những người đi theo vào nhà uống rượu. Khi mọi người uống say, người cháu bồng con đi. Tỉnh dậy, không thấy đứa bé, họ vội vàng về tâu Vua. Vua nói:

- Các ngươi ngu dốt, ham ăn háu uống, không bắt được kẻ trộm

lại mất cả đứa bé.

Người cháu được con, bồng con đến nước khác. Đầu tiên anh đến gặp Vua nước này, thăm hỏi, đối đáp với Vua, dẫn Kinh thuyết nghĩa. Vua thấy thế rất vui mừng, ban cho anh làm quan lớn, nói:

- Người trí tuệ cả nước ta không bằng khanh. Khanh muốn cưới con gái của Trẫm hay con gái của các quan thì tuỳ ý.

Người cháu đáp:

- Tôi không dám, nếu Vua thương tình, thì tôi xin cưới con gái Vua nước kia.

- Được thôi! Trẫm sẽ theo ý Khanh.

Vua nhận người cháu làm thái tử, rồi sai sứ sang nước kia cầu hôn công chúa cho thái tử. Vua nước ấy nhận lời, nhưng lại nghĩ: "Đây là thái tử, hay là tên trộm gian xảo?", liền sai sứ giả đến báo với Vua nước này. Nếu muốn đến rước công chúa thì thái tử và năm trăm kỵ mã phải trang sức nghiêm chỉnh. Người cháu nghe vậy vô cùng sợ hãi, sợ đến nước kia Vua sẽ bắt mình, liền tâu Vua:

- Thưa Phụ hoàng! Nếu đến rước công chúa, chúng ta phải phái đi năm trăm người, y phục, yên ngựa đều giống nhau, mới có thể rước được công chúa về làm vợ.

Vua nước kia ra lệnh mọi người làm thức ăn đãi khách. Khi đoàn người đến nơi, hai trăm năm mươi kỵ mã đứng trước, hai trăm năm mươi kỵ mã đứng sau, người cháu đứng ở giữa, vẫn ngồi trên ngựa không bước xuống. Vua đích thân đi vào giữa, bắt người cháu, nói:

- Ngươi có phải là tên trộm xảo trá mà từ lâu Ta bắt không được không?

Người cháu cúi đầu đáp:

- Thưa bệ hạ! Đúng vậy.

- Ngươi là người thông minh, thiên hạ không ai bằng. Ngươi sẽ được như sở nguyện, cưới con gái Trẫm làm vợ.

Người cháu lúc đó là ta, Vua nước kia là Xá-lợi Phất, người cậu là Điều Đạt, Vua nước này là Du Đầu Đàn, mẹ người cháu là mẫu hậu Ma-gia, công chúa là Câu-di.

(Trích kinh Sanh quyển 1)

13. DUYÊN ĐỜI TRƯỚC:

Xưa, nước Kỳ-xà-quật có một người con gái đoan trang xinh đẹp, tài trí không ai bằng, tánh tình khoan dung hoà nhã, không bao giờ sân giận. Người nhà, bà con xa gần đều kính mến. Các nước đến cầu hôn

hơn năm trăm người, nhưng cuối cùng nàng vẫn không chịu lấy chồng.

Bấy giờ, ở nước La-duyệt cũng có một người con trai khôi ngô tuấn tú, thông minh tài trí. Cả nước đều kính nể. Tuy có phu nhân, thê thiếp, kỹ nữ nhưng anh ta chẳng để ý đến. Anh ta thường nghĩ đến cô gái ở nước Kỳ-xà-quật mới đúng là đối tượng của mình, vậy mà ta chưa đến được. Nghĩ vậy, anh ta liền nói:

- Cả nhà này đều là những người luồn cúi, nịnh bợ chẳng phải là bạn đời của ta.

Trong chốc lát, anh ta đuổi tất cả mọi người ra khỏi nhà, rồi cưỡi ngựa trắng, cùng với hai nô bộc lên đường đến nước Kỳ-xà-quật. Vượt núi băng rừng suốt năm năm, trải qua ngàn vạn dặm mới đến nước Kỳ-xà-quật.

Lúc ấy, cô gái ở trong thâm cung tự nhiên cảm thấy trong lòng xao động, muốn ra ngoài dạo chơi, liền lén ra khỏi nhà. Bỗng gặp chàng trai nước La-duyệt, nàng vừa mừng vừa tủi không thể kiềm chế được. Biết đây là chồng mình, còn những người ta gặp trước đây chẳng phải là người có duyên đời trước với ta. Nàng liền đến bên chàng trai, quyến luyến không muốn xa lìa. Cha mẹ cô ta thấy vậy vô cùng buồn bã không biết làm sao, nói:

- Con gái ta lớn khôn không ngờ nó như thế.

Họ vội sai người canh giữ con gái không cho qua lại với chành trai kia. Nàng đau khổ áo não không biết làm sao. Chàng trai cũng nhớ nhung buồn khổ không kém.

Vì vậy, nàng chuyên cầu trai giới, tu hành suốt ngày đêm, đem tài sản cúng dường Phật và Tăng mong được gặp chàng. Hao tâm, kiệt sức, trải qua năm năm, nhưng nàng không nghe tin tức gì về chàng trai. Thấy không có cảm ứng, đến ngày tám tháng tư, nàng đến tháp Phật, đốt hương, lễ bái, phát nguyện:

- Con xin hy sinh thân mạng cúng dường Đức Thế tôn không thương tiếc, chỉ mong cho con được gặp người xưa.

Đức Phật khiến Tỳ-kheo-ni tác hợp cho hai người. Họ trở thành một đôi vợ chồng xinh đẹp.

Đức Phật bảo Ngài A-nan:

- Vì sao? Vì họ từ A-tăng-kỳ kiếp đến nay thường thề ước với nhau, nên mới như vậy.

(Trích kinh Tình Ly Hữu Tội)

14. HAI VỢ CHỒNG ĐÁNH CUỘC:

Xưa, có hai vợ chồng cùng ăn ba cái bánh. Mỗi người ăn một cái, cái còn lại người chồng định chia đôi, nhưng người vợ nói: “Anh đừng chia! Tôi với anh đánh cuộc, chúng ta cùng im lặng, nếu ai lên tiếng trước thì thua”.

Hai vợ chồng im lặng đến nữa đêm. Bỗng có một tên trộm đục vách chui vào. Thấy hai người im lặng, kẻ trộm cho là họ quá sợ mình không dám lên tiếng. Hắn ta gom hết của cải trong nhà định vác đi. Người vợ thấy vậy la lớn:

- Anh là đàn ông, sao để họ vác đi?.

Người chồng nói:

- Ta thắng rồi! Cái bánh này thuộc về của ta!

Mọi người biết chuyện, đến chê cười, cả hai vợ chồng nhà nọ đều quá ngu si.

(Trích kinh Bách Cú Thí Dụ quyển 2)

15. ANH CHỒNG NGỐC:

Xưa, có một anh chàng thấy mũi vợ người khác đẹp, liền nghĩ: “Khuôn mặt vợ mình rất đẹp, chỉ tiếc cái mũi quá xấu. Hay ta cắt mũi cô này về thay mũi vợ mình”.

Nghĩ rồi, anh ta kéo cô kia đến chỗ vắng, cắt mũi cô ta. Cắt xong, anh vội vàng trở về nhà cắt mũi vợ mình để thay mũi cô kia vào, rồi lấy mũi vợ mình đặt vào mũi cô kia. Thế là hai bên đều mất mũi, mà không được gì cả.

Mọi người biết được đều mắng anh ta là người quá ngốc.

(Trích kinh Bách Cú Thí Dụ quyển 1)

16. NGƯỜI LÀM THUÊ BIẾT ĐƯỢC TIẾNG CHIM

Xưa, có một người vô cùng nghèo khổ, nhưng ông ta có biệt tài hiểu được tiếng chim. Ông gánh thuê cho một khách buôn. Một hôm, chủ tớ dừng lại ăn cơm bên bờ sông. Bỗng có tiếng quạ kêu, người chủ vô cùng sợ hãi, còn người nghèo lại cười. Về đến nhà, chủ hỏi:

- Lúc chúng ta ăn cơm, nghe quạ kêu ta rất sợ, sao ngươi lại cười?

- Quạ nói với tôi trong người ông có Bạch châu rất đẹp, ông có thể giết ông ta để lấy châu. Tôi muốn ăn thịt người ấy. Nghe vậy nên tôi cười.

- Tại sao ngươi không giết ta?

- Đời trước, tôi tham của cải của người khác, nên nay chịu nghèo khổ, phải làm thuê gánh nặng. Nếu nay tôi giết ông lấy của, đời sau sẽ thọ khổ, biết lúc nào mới thoát khỏi. Vì thế tôi thề trọn đời không dám làm việc này nữa.

(Trích kinh Thí Dụ)

17. THOÁT NẠN NHỜ CHIM PHƯỢNG HOÀNG:

Nước lũ tràn về nhận chìm tất cả. Mọi loài đều nương vào một gò đất để tránh nạn. Nước lại dâng lên đến gò đất, bỗng có một con Phượng hoàng bay đến, những người có trí bám vào cánh Phượng hoàng, nó lại đưa họ đến vùng cao nguyên, tránh được nạn nước. Những người còn lại chưa đến đỗi chết, bỗng thấy chim cốc bay đến, họ liền bám vào cánh chim cốc, nó lặn xuống nước, trong nháy mắt tất cả đều chìm xuống nước sâu.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ)

18. MUA TRÍ TUỆ TRÁNH ĐƯỢC TỘI LỚN:

Xưa, có một người nghèo cùng khốn khổ không biết lấy gì để sinh sống, anh ta liền vào biển tìm châu báu. Trên đường trở về anh gặp một Thiện tri thức. Anh ta nói:

- Tôi nghèo khổ, nay được của báu này chắc đủ cho cuộc sống yên vui rồi. Nếu về nhà mẹ tôi không vừa ý, tôi sẽ bỏ nhà ra đi, còn vợ tôi không bằng lòng, tôi sẽ đi tìm châu báu lần nữa.

Thiện tri thức nói:

- Gần đây trong thành có rất nhiều bậc Đại trí tuệ, ông nên đến đó mua trí tuệ, giá không quá một ngàn lượng vàng đâu.

Anh ta theo lời Thiện tri thức vào xóm thờ Phật, hỏi mọi người. Có người đáp:

- Phàm có việc gì đó nghi ngờ, nên bước tới bảy bước, bước lui bảy bước, làm như thế ba lần thì trí tuệ tự nhiên phát sanh.

Anh ta nghe xong trở về nhà, vừa bước vào nhà thấy mẹ đang ngủ với vợ mình. Anh ta cho rằng vợ mình đang ngủ với một người đàn ông nào khác, liền rút kiếm muốn giết người ấy. Nhưng trong lòng cảm thấy nghi ngờ, thấy ánh đèn xa xa mờ nhạt, anh ta nhớ đến chuyện mua trí tuệ hồi sáng, liền đi tới bảy bước, đi lui bảy bước, làm ba lần như vậy. Bỗng người mẹ tỉnh giấc, anh mới nhận ra đó là mẹ mình. Anh ta rất vui mừng nói:

- Thật là trí tuệ, sao chỉ đáng một ngàn lượng vàng?.

Nói rồi, anh ta liền đem ba ngàn lượng vàng đến tặng cho họ.

(Trích kinh Thí Dụ quyển 4)

19. TRÍ KHÔN CỦA CON NGƯỜI:

Xưa, có một người đi vào núi sâu, bỗng gặp một con quỷ dữ. Nó bắt anh ta để ăn thịt. Người ấy năn nỉ cầu xin:

- Xin ông tha cho tôi trong giây lát, tôi xin hỏi ông một việc rồi bị ông ăn thịt cũng không ân hận.

Quỷ tưởng là sự thật, liền chấp nhận cho người ấy nói lên điều mình mong muốn.

Người hỏi quỷ:

- Tại sao mặt, bụng, chân của ông trắng, còn những chỗ khác lại đen?

- Tôi rất sợ mặt Trời, nên thường đi ngược với hướng mặt Trời, vì thế thân tôi mới như vậy.

Nghe xong, người ấy chạy thẳng về phía mặt Trời, quỷ tức giận nhưng không làm gì được.

(Trích kinh Thí Dụ bộ 10 quyển, quyển 4).

20. KẺ HAI VỢ:

Xưa, một người có hai vợ. Khi ông đến chổ của vợ bé, bà ta nói:

- Tôi còn trẻ, ông già rồi. Tôi không thích sống với ông. Ông đến chỗ bà lớn mà ở.

Ông ta nhổ hết tóc bạc, rồi đến chỗ vợ lớn. Bà ta nói:

- Tôi già cả đầu bạc trắng rồi, ông còn trẻ tóc xanh nên đến bà nhỏ mà ở.

Cứ như thế, ông nhổ tóc bạc làm đầu đen, nhổ tóc đen làm đầu bạc, cho đến khi đầu ông bị trọc lóc thì cả hai bà đều ghét, đuổi ông ra khỏi nhà mình. Ông không có nhà cửa, ngồi ngoài đường buồn bã đói khát đến chết.

Phật bảo các Tỳ-kheo: Vào thời quá khứ, ông ta làm thân chó. Chó ở giữa hai chùa phía Đông và phía Tây. Thường thường khi nghe kiền chuỳ chó chạy đến chùa và được ăn no. Một hôm hai chùa cùng đánh kiền chuỳ một lần, chó nghe tiếng kiền chuỳ muốn bơi qua sông để kiếm thức ăn. Nhưng nó đi gần đến chùa phía Tây lại sợ chùa phía Đông có thức ăn ngon hơn, liền trở lại chùa phía Đông, lại sợ chùa phía Tây có thức ăn ngon hơn. Cứ do dự như thế, đến lúc cho mệt nhừ chết chìm giữa dòng sông.

(Trích kinh Thí Dụ bộ 10 quyển, quyển 3)

21. QUẢ BÁO CỦA SỰ LỪA DỐI:

Xưa, có một người nghe trên núi có Tiên. Anh ta liền đi vào núi, mong học được phép Tiên. Trên đường đi, Trời tối anh ta vào một nhà xin tá túc qua đêm. Chủ nhà hỏi chuyện:

- Anh định đi đâu?

- Tôi muốn đi học phép Tiên.

Chủ nhà có ác tâm liền nói:

- Tôi có cây Tiên, nếu ông làm cho tôi một năm, tôi sẽ cho ông cây Tiên, cần gì phải nhọc công đi học xa xôi.

- Tốt lắm, tôi đồng ý.

Một năm trôi qua, anh ta cật lực làm việc. Một hôm, chủ nhà lừa dắt anh ta lên núi, chỉ một cây trên ngọn núi cao, nói:

- Đó chính là cây Tiên, anh hãy leo lên cây đó, nếu tôi nói bay thì anh bay nhé.

Anh chàng leo lên cây, ở trên cây bay lượn trong Hư không, tự nhiên chứng được phép Tiên.

Chủ nhà thấy anh ta không chết, lại được phép Tiên, liền nghĩ: "Chắc cây này là cây tiên thật".

Ít hôm sau, hai cha con ông ta cùng đến cây ấy, người con nhường cha lên trước, người con ở dưới nói:

- Ba hãy bay lên.

Người cha nghe con gọi liền nhảy lên. Tức thì ông ta rơi xuống gộp đá, thân thể nát tan như tro bụi.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ)

22. NHỜ QUỶ ĐƯỢC LÀM GIÀU, SAU BỊ QUỶ HẠI:

Xưa, có người dẫn Quỷ Tỳ-Da ra chợ bán. Người mua hỏi:

- Bao nhiêu tiền?

- Hai trăm lượng vàng.

- Con quỷ này có gì đặc biệt mà ông đòi nhiều như vậy?

- Con quỷ này rất giỏi, làm được tất cả mọi việc. Tính ra một ngày nó làm việc bằng một trăm người. Nhưng nó có một tật xấu, ông nên đề phòng trước.

- Tật xấu gì?

- Nó muốn mình sai làm việc suốt ngày đêm không cho nghĩ ngơi. Nếu không có việc làm, nó sẽ trở lại hại chủ.

Người mua trả tiền xong, dắt quỷ về nhà. Ông sai nó cày ruộng, cày ruộng xong làm mọc, làm mọc xong sửa sang đất đai làm nhà, giả

gạo, nấu cơm... Không cho nó nghĩ ngơi một chút nào. Vài năm sau, gia đình ông ta trở nên giàu có. Một hôm Chủ nhà có việc phải đi. Ông quên bảo Quỷ làm việc. Quỷ ở nhà làm việc không có thứ tự. Nó bắt con của chủ nhà bỏ vào nồi, rồi châm lửa nấu. Khi chủ nhà về đến, thì con mình đã chín rục. Ông ta vô cùng đau xót, nhưng không biết nói gì.

(Trích kinh Thí Dụ)

23. TIÊU DÙNG ĐÚNG CÁCH:

Xưa, có một gia đình vô cùng giàu có. Vua ra lệnh cho họ ghi lại các tài sản đã chi phí. Chủ nhà dâng sớ lên Vua: Mỗi năm đã dùng ngần này để xây chùa, tạo tượng; ngần này cho việc trai hội, kinh sách, cung cấp cho người nghèo. Hiện tại còn tám mươi chín ngàn vạn.

Vua xem xong giận dữ nói:

- Ngươi tiêu xài thật hoang phí!

Người giàu đáp:

- Những vật đã dùng là những vật quý báu nhất trong kho, để cúng dường người trí, thần linh. Những vật còn lại đều có thể tiêu hao ngoài ý muốn như nước trôi, lửa cháy, chẳng phải chỉ riêng mình thần tiêu dùng. Nên thần dân mới dám tấu trình như vậy.

Vua nghe xong liền hiểu ra chỗ thật sự đáng tin cậy.

(Trích kinh Thí Dụ)

24. LÀM ĐÚNG VIỆC MỚI CÓ LỢI ÍCH:

Xưa, có một người phạm tội với Vua. Vua rất giận dữ, ra lệnh xẻo năm cân thịt ở cánh tay người đó, rồi nhốt vào trong phòng. Kẻ phạm tội đau đớn kêu la rất to. Vua nghe được liền hỏi:

- Ngươi có điều gì oan ức sao?

- Tâu bệ hạ! Thật chẳng phải là lỗi của thần dân.

Vua suy nghĩ hồi lâu, cảm thấy thẹn về sự nóng vội của mình, liền ra lệnh bù cho anh ta một trăm cân thịt. Nhưng người kia vẫn la hét như cũ. Vua hỏi:

- Ta đã bù cho nó một trăm cân thịt, tại sao còn kêu la dữ vậy?

Các vị cận thần đáp:

- Chúng thần chưa từng thấy cách xử trị này. Dù bệ hạ bù cho anh ta một ngàn cân thịt, cũng đâu có liên can gì đến sự đau đớn mà anh ta đã chịu đựng. Như có người chết một đứa con, người khác cho một ngàn đứa con, người đó làm sao không nhớ đến đứa con đã chết của mình được?

(Trích kinh Bách Cú Thí Dụ quyển 3)

25. HỨA HÔN:

Xưa, có hai người chơi thân với nhau, khi vợ họ mang thai, hai người hứa hẹn, nếu chúng ta sanh con trai và con gái sẽ kết làm sui gia với nhau.

Về sau, một người sanh con trai, người kia sanh con gái. Nhưng cha của người con trai mất sớm, chàng trai đã lớn nhưng vẫn chưa cưới vợ.

Một hôm, anh đi mua hàng, tình cờ đến nhà người con gái ấy, cha cô ta hỏi:

- Anh từ nơi nào đến? Gia đình ở đâu? Cha mẹ là ai?

Chàng trai thật lòng trả lời đầy đủ. Chủ nhà nghe xong rất kinh ngạc, nói:

- Cha con lúc còn sống có hứa làm sui với ta, khi hai trẻ còn trong bụng mẹ. Thời gian xa cách, ta luôn tìm kiếm, hỏi thăm, nhưng không biết cha con ở đâu nên ta chưa dám gả con gái mình cho người khác.

- Con thật hoàn toàn không biết gì về việc này.

- Con nên về hỏi lại những người thân cận có lẽ họ sẽ biết.

Chàng trai trở về nhà hỏi nhũ mẫu. Nhũ mẫu xác định việc ấy là thật.

Chàng trai đến nhà cô gái, giữa đường thấy một rãnh nước chảy vào trong một cái đầu lâu không lúc nào đầy. Sợ quá, vội đi về phía trước, thấy quả chín trên cây anh ta muốn hái ăn. Quả liền nói: "lấy ta, lấy ta". Chàng trai vô cùng sợ hãi, vội vàng bỏ chạy, té nhào xuống đất. Lúc đến trước nhà người cô gái, chó chạy đến quỳ xuống liếm chân anh ta, chó con trong bụng kêu đến đây và muốn cắn anh ta. Chàng trai liền té xỉu xuống đất, hồi lâu mới tỉnh lại. Cha cô gái từ trong nhà đi ra, chàng trai thuật lại đầy đủ mọi việc. Ông ta thấy lạ, vào nói với con gái, người con gái thưa:

- Thưa cha! Giữa đường thấy rãnh nước chảy vào một đầu lâu, không lúc nào đầy là đời sau gom hết tài vật trân bảo của thiên hạ cung cấp cho một người cũng không đủ. Thấy quả chín trên cây muốn hái ăn, nhưng quả nói: "lấy ta, lấy ta" là người đời sau muốn cưới người chị, nhưng người em nói: "Sao không lấy ta! Sao không lấy ta!". Chó chạy đến quỳ xuống liếm chân, chó con trong bụng kêu đến trước và muốn cắn là người đời sau nói với nhau miệng như máu mủ, tâm như dao bén. Ngoài thì tốt đẹp với nhau, nhưng trong lòng lại mưu đồ hại nhau. Tất cả đều nói về đời sau, không phải đời nay.

Chủ nhà liền gả con gái mình cho chàng trai, thực hiện đúng lời

hứa hẹn năm xưa.

(Trích kinh Thí Dụ bộ 10 quyển, quyển 2).

26. VAY TRẢ:

Xưa có vị Bà-la-môn sanh được hai người con. Mỗi người lấy hai trăm vạn tiền đi buôn bán. Người con trưởng đánh bạc, hết sạch tiền, áo quần rách rưới, trở về nhà thưa với cha. Người cha nói:

- Con trở về là được rồi! Của cải có đáng là gì đâu?

Thế rồi ông may quần áo, cho ăn uống đầy đủ và an ủi người con trưởng.

Người con thứ trở về nhà thưa cha:

- Thưa cha! Con kiếm lời được hai trăm vạn tiền.

- Con hãy lấy sổ tính toán cho ta xem.

Ông kiểm tra sổ sách thấy mất mấy ngàn, ông liền trói người con thứ lại và đánh cho một trận.

Ba lần đi buôn như vậy, người con thứ thu lợi được sáu mươi vạn tiền nhưng trở về nhà lần nào cũng đều bị đánh. Còn người con trưởng đi ba chuyến mất 600 vạn tiền, ở lại nước khác không dám trở về. Có một thằng côn đồ cùng kết bạn với anh ta, anh nói với nó:

- Cha tôi có vàng, bạc, bạch châu, mỗi thứ một hòm, cất trên đầu giường. Ông hãy trở về thưa với cha tôi: "Con ông lỡ mất hết của cải không dám trở về". Ngươi hãy thừa dịp giết chết ông ấy, lấy của cải đem về đây, chúng ta mặc tình tiêu xài.

Tên côn đồ đến nhà Bà-la-môn thuật lại những lời anh ta đã dặn. Bà-la-môn nghe xong khóc nức nở, nói:

- Cần của cải để làm gì, trong khi con ta không chịu trở về?

Đãi khách ăn uống xong, người cha vô cùng buồn khổ nghẹn ngào. Người khách nói:

- Con ông bất hiếu, đem tiền ăn chơi bài bạc, lại còn bảo tôi đến giết ông lấy của. Thấy ông thương nhớ con, trọng đãi tôi rất hậu, thật sự tôi vô cùng cảm động.

- Thằng nhỏ này khờ quá!

Bà-la-môn liền đón con về. Về nhà, ông nói với con:

- Con lỡ tiêu hết tiền thì mau trở về. Sao lại nói những lời khờ khạo như thế!

Người cha lại may quần áo gởi cho người anh.

Phật nói:

- Người em sanh vào nhà này để trả nợ, còn người anh sanh vào

nhà này để đòi nợ.

(Trích kinh Thí Dụ bộ mười quyển, quyển 6).

27. PHƯỚC AI NẤY HƯỞNG:

Xưa, có ba người cùng đi buôn, tiền lãi có được chia nhau mỗi người được năm trăm vạn. Còn dư một tiền, nếu cho một người thì không công bằng, mà xé ra để chia thì không được. lúc ấy có một vị Sa-môn khất thực đi qua, ba người cùng phát tâm hoan hỷ đem đồng tiền ấy cúng dường vị Sa-môn. Vị Sa-môn nhận tiền chú nguyện: "Các ông đời này đời sau đều được hưởng phước cúng dường này".

Về sau họ đều sanh vào nước La-duyệt và đều giàu có.

Nhờ phước báu đời trước, một người ở trong núi nhặt được vàng, một người cày ruộng được vàng, một người múc nước trong giếng được vàng.

Chuyện này đến tai Vua, Vua nghĩ: "Tất cả tài sản trong nước ta đều là của ta", liền ra lệnh cho một vị tướng dẫn binh lính đến nhà người trong núi nhặt vàng. Vàng biến thành đá. Họ lại đến nhà người cày ruộng lấy vàng. Vàng hoá thành đất. Cuối cùng họ đến nhà người múc nước trong giếng để lấy vàng. Vàng biến thành ngói. Họ không lấy được tí vàng nào cả.

Vua đến hỏi Phật: Vàng của ba người này, tính ra là của con. Tại sao con cho người đến lấy thì vàng lại biến hoá như thế? Ba người này đời trước có công đức gì mà nay hưởng phước như vậy?

Phật bảo:

- Này Đại Vương! Phước ai nấy hưởng. Không phải vật của Đại Vương, Đại Vương không nên lấy.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ quyển 3)

28. BỐ THÍ ĐƯỢC BÌNH THẦN:

Xưa, có một người nghèo cúng dường vị đạo nhân suốt một năm. Trước lúc đi, vị đạo nhân cho chủ nhà một cái bình bằng đồng, nói:

- Chiếc bình này là bình thần, nếu muốn gì cứ gõ vào miệng bình, thì sẽ được như ý nguyện. Và nhớ chớ cho Vua biết việc này.

Vị đạo nhân đi rồi, chủ nhà gõ vào miệng bình, quả nhiên mọi thứ đều như ý nguyện. Từ đó gia đình anh ta trở nên giàu có. Quên lời dặn của đạo nhân, họ đến yết kiến Vua. Vua hỏi:

- Vì sao ngươi được giàu có như vậy?

Người này thật tình thưa rõ mọi chuyện. Vua liền sai người đến

đoạt chiếc bình. Từ khi chiếc bình thần bị vua lấy, gia đình sa sút đến cùng cực, ho bỗng nhớ đến vị đạo nhân, vội đi khắp nơi tìm kiếm. Gặp đạo nhân, họ trình bày tất cả sự thật. Đạo nhân nói:

- Ông hãy lấy một cái bình đựng đầy cây và đá, rồi mang đến trước cung Vua, đòi Vua trả bình lại.

Theo lời đạo nhân dặn, họ mang bình thẳng đến cung Vua, lớn tiếng đòi bình lại. Vua giận dữ, ra lệnh vài mươi người đến bắt chủ nhà. Chủ nhà liền mở miệng bình, gió thổi cây, đá bay khắp không trung. Những người đến bắt chủ nhà đều bị cây, đá đánh vào đầu, vào cổ. Vua lại ra lệnh một ngàn người đến bắt, thì gió lại nổi lên, thổi cây, đá đánh chết tất cả, xác chết đầy nghẽn cả đường.

Vua vô cùng sợ hãi, xin trả lại bình. Được bình chủ nhà giàu có trở lại như xưa. Họ lại tạo nhiều phước đức, vì thế khi chết được sanh lên cõi Trời.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ).

29. VÀNG LÀ RẮN ĐỘC:

Đức Phật và Ngài A-nan vào thành Xá-vệ, gặp lúc Trời mưa lớn, nước mưa xối xuống đất, trong đất lộ ra nhiều vật báu. Đức Phật bảo Ngài A-nan:

- Đó là rắn độc.

Ngài A Nan thưa:

- Vâng, bạch Đức Thế tôn! Đó là rắn cực độc.

Người cắt cỏ dưới núi nghe vậy, nghĩ: “Ta chưa từng thấy rắn độc mà Sa-môn nói”, liền đến xem. Thấy vật báu, ông ta liền đem xe, kiệu đến, lấy túi đựng đầy vật báu chở về. Từ đó gia đình ông trở nên giàu có, xây nhà cửa vô cùng to lớn. Có người ganh tỵ tâu lên Vua:

- Nhà kia trước đây nghèo khổ, nay bỗng nhiên giàu có, chắc họ được kho báu lớn.

Vua cho gọi người ấy đến hỏi. Người ấy đáp:

- Tâu bệ hạ! Thần dân không có được kho báu.

Vua ra lệnh khảo tra ông ta. Ông nhớ lại Đức Phật và Ngài A-nan gọi nó là rắn độc, thật là đúng. Vua lại hỏi. Chủ nhà đáp:

- Tâu bệ hạ! Nếu bệ hạ hứa không xử phạt thì thần dân sẽ nói sự thật.

Vua liền chấp thuận. Chủ nhà trình bày tường tận những việc đã làm, rồi nói:

- Tôi đã làm những việc như thế. Chắc sẽ mất mạng vì nó!

Vua thưởng cho chủ nhà năm trăm tiền vàng, nói:

- Ông hãy mau nói lại lời của Đức Phật và Ngài A-nan cho Trẫm nghe.

(Trích luật Thập Tụng bài tụng thứ 3, quyển 3)

30. KHÔNG BIẾT MÌNH CÓ CỦA QUÝ:

Xưa, có một ông lão sống một mình nghèo cùng khốn khổ, không có nghề nghiệp gì cả. Hôm nọ, ông đi chợ lượm được một cái rìu. Cái rìu này làm bằng các thứ báu nhưng ông chẳng hề biết. Hàng ngày, ông vác rìu vào rừng đốn củi, đem ra chợ bán để kiếm sống qua ngày.

Đến một hôm, rìu của ông gần cùn, bỗng gặp một khách buôn nước ngoài, tên là Tát-bạc. Tát-bạc thấy chiếc rìu biết đó là rìu báu, liền nói với ông:

- Ông bán cái rìu này không?

- Tôi nhờ cái rìu này để sinh sống không thể bán được.

- Tôi sẽ đưa ông một trăm mét vải lụa, ông bán không?

- Tôi không thích bán.

- Tôi sẽ đưa ông hai trăm mét vải lụa!

Thấy ông ta buồn bã, Tát-bạc nói:

- Ông chê ít hay sao, mà không vui vậy? Tôi sẽ đưa ông năm trăm mét vải lụa!

Ông liền khóc lớn, Tát-bạc hỏi:

- Lụa ít nhưng lợi nhiều, vì sao ông khóc?

- Không phải vì lụa ít, mà tiếc nỗi tôi quá ngu si, cái rìu này vốn dài nửa thước, tôi đem chặt cây phá đất chỉ còn năm tấc, thế mà vẫn được năm trăm mét vải lụa, nên tôi rất tiếc.

- Ông đừng tiếc nữa, tôi sẽ đưa ông một ngàn mét vải lụa!

Ông ta liền lấy cuộn vải mang đi. Tát-bạc lấy củi đốt cây rìu, quả nhiên hết thảy cây rìu đều thành vật quý báu.

(Trích Chư Kinh Yếu Sự)

31. CẢ ĐỜI LƯỜI BIẾNG:

Vào lúc sáng sớm, tôn giả A-Nan theo sau Đức Phật vào thành Xá-vệ khất thực bỗng thấy hai vợ chồng già nọ, lưng còng xuống như móc câu, đang lúi húi quét gom phân lại thành đống để đốt ở ngay đầu một con hẻm, rồi ngồi quanh đống lửa như hai con ngỗng già. Phật hỏi A-nan:

- Ông có thấy hai vợ chồng già kia không?

- Vâng, thấy! Bạch Đức Thế tôn! A-nan đáp.

Phật lại bảo:

- Hai vợ chồng già này nếu lúc còn trẻ, sức mạnh đang dồi dào mà siêng năng làm lụng, tích chứa tiền của thì có thể trở thành người giàu nhất trong thành Xá-vệ. Nếu họ xuất gia học đạo, tinh tấn tu tập thì có thể đắc quả A-la-hán. Nếu đến giai đoạn hai của thời kỳ trai tráng, siêng năng làm lụng, tích chứ tiền của thì họ có thể trở thành người giàu đứng thứ hai trong thành Xá-vệ. Nếu họ xuất gia học đạo, sẽ đắc quả A-na-hàm. Lúc trung niên, nếu họ siêng năng làm lụng, tích chứa tiền của họ sẽ là người giàu đứng thứ ba trong thành Xá-vệ. Nếu xuất gia học đạo, họ sẽ đắc quả Tư-đà- hoàn. Vậy mà cho mãi đến nay, khi tuổi đã già lụn, họ vẫn không có tiền của, vẫn không tìm được kế sinh nhai, vất vả tìm cầu miếng ăn cái mặc, cũng không bằng được người. Nhân đó Phật nói kệ:

Tuổi trẻ không lo tu
Chẳng tích chứa của tiền
Nay nằm co đất ngủ
Suy ngẫm nhớ chuyện xưa
Vì không tu Phạm hạnh
Chẳng tích chứa của tiền
Nay giống như ngỗng già
Bỏ xác nơi ao vắng.

(Trích kinh Tạp A-Hàm quyển 42 tập 5 và kinh Tam Thời Quá)

32. CHẾT VÌ TRÁI LỜI HỨA:

Một cư sĩ nọ, ở nước Duy-na-lê thỉnh Phật cúng dường. Sau khi Phật chú nguyện, ông ta lại thỉnh Phật thuyết Pháp. Đức Phật mỉm cười, từ miệng phíng ra luồn hào quang xoay quanh thân Ngài ba vòng rồi trở vào đỉnh đầu. A-nan hỏi Phật duyên cớ. Phật đáp:

Ở nước nọ có năm trăm người vào biển tìm được ngọc, họ bèn chất tất cả ngọc lên thuyền chở về, còn họ thì về bằng đường bộ. Hôm ấy, họ đi đến một vùng núi sâu thì Trời đã tối, mọi người dừng lại nghỉ, dự tính sáng hôm sau sẽ lên đường sớm. Đến sáng, mọi người tiếp tục cuộc hành trình, nhưng có một người ngủ quên. Gặp lúc mưa tuyết rơi, ông ta lại bị lạc đường, quanh quẩn trong núi, vừa đói vừa rét, chỉ biết kêu Trời khóc than.

Thấy vậy, vị thần cây chiên đàn động lòng xót thương bảo:

- Hãy ở lại đây, ta sẽ cung cấp thức ăn y phục cho ông, đợi sang

xuân mới có thể trở về.

Ba tháng mùa đông cũng trôi qua. Một hôm ông ta thưa với vị thần cây:

- Tôi đã thọ ơn cứu mạng của Ngài, vẫn chưa có dịp đền đáp. Nay bỗng chạnh lòng nhớ cha mẹ nơi quê nhà, ước ao được gặp mặt, xin Ngài cho phép tôi trở về.

Vị thần chấp thuận, còn cho ông ta vàng làm lộ phí và dặn:

- Đi một đoạn không xa, sẽ đến một làng nọ. Ông hãy theo đường đó mà trở về.

Lúc sắp lên đường, người ấy thưa:

- Mùi hương cây này tinh khiết, thật hiếm thấy trên đời. Nay tôi sắp đi xa, xin Ngài cho được biết tên cây.

- Không cần biết - Vị thần đáp.

Người kia khẩn khoản:

- Tôi đã nương bóng cây này suốt ba tháng, nay sắp phải rời xa, trong lòng quyến luyến. Khi trở về cố hương, tôi sẽ ca ngợi công đức của cây.

Vị thần đáp:

- Cây tên chiên đàn, gốc rễ cành lá có thể trị được bá bệnh. Nếu người đời biết được ắt khởi lòng tham mà làm việc trái đạo lý.

Khi người ấy trở về nhà, bà con xa gần đều đến chúc mừng. Một thời gian sau, nhà vua mắc phải chứng bệnh nhức đầu, mặc dầu đã cúng tế Trời đất thần núi, thần sông mà bệnh vẫn không thuyên giảm. Có một vị danh y mách bảo:

- Chỉ có chiên đàn hương mới trị được bệnh của vua.

Vua truyền lệnh cho tìm khắp nơi nhưng không được, liền ban chiếu chỉ: “ nếu ai tìm được cây chiên đàn hương thì sẽ được phong tước hầu và được cưới công chúa.”

Nghe được tin này, người lạc đường trước kia liền tâu lên vua:

- Thần biết một chỗ có chiên đàn hương.

Vua liền sai sứ giả đi theo người ấy. Đến nơi, nhìn thấy cây to lớn, cành lá sum xuê, hoa quả tươi tốt hiếm thấy, sứ giả không nỡ chặt cây. Nếu không chặt thì trái lệnh vua và bệnh của vua không chữ khỏi, nhưng nếu chặt thì trong dạ xót xa, nên ông ta còn chần chừ chưa quyết, thì nghe tiếng thần cây từ trên không vọng xuống:

- Các ông cứ chặt cây nhưng hãy chừa gốc lại. Chặt xong, lấy máu người tô lên và ruột gan người phủ lên trên cây thì cây sẽ sống lại và tươi tốt như cũ.

Sứ giả nghe vậy liền cho người chặt cây.

Lúc ấy người dẫn đường đứng cạnh đó, cây ngã, cành cây quất chết ông ta.

Mọi người bàn với nhau:

- Chúng ta lấy máu và ruột gan của người này, làm theo lời vị thần đã dặn.

Cây sống lại. Sứ giả liền cho xe chở cây về cung. Thầy thuốc lấy cây điều chế thuốc cho vua. Vua khỏi bệnh, cả nước vui mừng. Vua ban lệnh cho cả nước:

- Nếu ai có bệnh thì hãy vào cung, vua sẽ cấp thuốc cho.

Người nào uống thuốc vua ban cũng đều hết bệnh. Từ đó, vua và dân chúng trong nước đều được khỏe mạnh, đất nước an vui thái bình.

(Trích kinh Chiên Đàn Thọ)

33. KHẨN VÁI TRỜI ĐƯỢC SANH THIÊN:

Xưa có người đi qua vùng đầm trống, chợt trông thấy một con voi đen. Anh ta nghĩ: "Con voi này ắt đến hại ta. Ta phải giết nó".

Trong khi ấy con voi cũng nghĩ: "Người này ắt giết ta. Ta sẽ làm cho hắn thất kinh mới được".

Thấy người ấy bỏ đi, voi liền đuổi theo sau. Người kia chạy được vài mươi dặm thì rơi xuống một cái hố sâu hun hút không thấy đáy. May thay, anh ta níu được một rễ cây mọc de ra thành hố, thân hình bị treo lơ lửng giữa khoảng không. Trong lúc anh ta đang tìm cách bám vào rễ cây lần xuống thì voi đã đứng trên miệng hố, đang thò vòi xuống khoắng tìm anh ta.

Giữa lúc nguy khốn ấy, anh ta nhìn xuống đáy hố thấy toàn mâu kích dựng lên tua tủa, nhìn lên lại thấy hai con chuột đang gặm rễ cây anh ta bám, lại có ba con rắn đen vươn cổ định mổ anh ta. Lại có một đàn ruồi, muỗi bâu đến chích hai mắt anh ta. Người này nghĩ: "Hôm nay ta chết chắc rồi". Bèn ngửa mặt lên Trời khẩn thiết cầu cứu.

Trời nhỏ từng giọt nước cam lồ vào miệng anh ta. Giọt thứ nhất nhỏ xuống, hai con chuột liền chạy đi; Giọt thứ hai nhỏ xuống thì rắn độc bò đi; giọt thứ ba nhỏ xuống thì voi đen bỏ đi; giọt thứ tư nhỏ xuống thì ruồi muỗi bay đi; đến giọt thứ năm thì hố sâu tự trở nên bằng phẳng. Sau đó vị Trời giảng Pháp, người ấy được sanh lên Trời.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ quyển 7)

34. ĐẮP CÁT LÀM THÁP ĐƯỢC SANH THIÊN:

Có năm trăm đứa trẻ cùng kết bạn với nhau, hàng ngày chúng thường cùng chơi đùa, rồi đến bờ sông vun cát đắp thành tháp, tự cho là đẹp. Tuy có tâm thiện, nhưng vì đời trước phước mỏng nên một hôm, đang lúc đắp cát, Trời bỗng đổ mưa to, nước sông dâng cao cuốn phăng cã bọn trẻ. Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Năm trăm đứa trẻ ấy đều được sanh lên cõi Trời Đâu Suất, đồng phát tâm tu hạnh Bồ Tát.

Đức Phật phóng hào quang chiếu sáng khiến cha mẹ của năm trăm đứa trẻ thấy nơi con mình sanh về. Ngài gọi những đứa trẻ ấy đến. Chúng liền đến trụ trong Hư không, rải hoa cúng dường Phật rồi hạ xuống bên chân Phật cuối đầu đảnh lễ thưa:

- Nương nhờ ân đức của Thế tôn, tuy chúng con mất thân mạng, nhưng được diện kiến Ngài Di-lặc.

Phật bảo:

- Lành thay! Các ngươi lập chùa tháp với lòng tín thành nên được sanh lên Trời gặp Bồ Tát Di-lặc.

Đức Phật thuyết kinh, năm trăm đứa trẻ rất vui mừng, tâm không thối chuyển nơi đạo. Chúng khuyên cha mẹ chớ có sầu lo, nên hết lòng tinh tấn tu học Pháp Phật. Tất cả cha mẹ của bọn chúng đều phát khởi đạo tâm. Năm trăm đứa trẻ cúi đầu đảnh lễ Phật, sau đó đi nhiễu quanh Phật ba vòng rồi trở về cung Trời Đâu Suất.

(Trích Sanh Kinh quyển 4)

35. PHƯỚC CÚNG DƯỜNG PHẬT:

Xưa có mấy đứa trẻ đang cùng nhau đùa giỡn giữa đường, bỗng gặp Phật đi ngang. Một đứa trẻ đứng lại chào Ngài, sẵn có năm hạt đậu trong tay nó bèn dâng lên cúng dường Phật, nhưng chỉ có bốn hạt vào trong bát Phật, còn một hạt bị rơi xuống đất. Phật bảo:

- Nhờ phước cúng dường hôm nay, trong nhiều đời sau con sẽ được hưởng phước báu.

Về sau, đứa trẻ chết. Nó liền được sanh lên cõi Trời, đến tám mươi kiếp sau được làm Chuyển luân vương.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ quyển 1)

36. DÂNG HOA CÚNG PHẬT ĐƯỢC SANH THIÊN

Sau Phật Niết-bàn một trăm năm, có một thôn nọ chuyên nghề chăn nuôi trâu ngựa. Thôn ấy nằm gần vùng núi non ao đầm, cây cỏ tốt tươi, trong ao có hoa sen năm màu. Một đứa trẻ chăn trâu trong thôn

xuống ao hái hoa sen đựng đầy giỏ, định đem đến dâng Phật. Trên đường đi, cậu bị một đàn trâu dẫm chết, thần thứ liền sanh lên cõi Trời Đao Lợi, ở trong cung điện có hoa sen năm màu rực rỡ. Vừa sanh lên cõi Trời, cậu bé liền nghĩ: "Chỉ có cung điện của ta là có hoa sen 5 màu khác lạ. Nhưng theo phép của Chư thiên, phải quán nhân duyên đời trước, rồi mới hưởng thọ phước báo".

Ngay lúc ấy, cậu bé bỗng gặp một vị thiên nhân.Vị này cho biết ông ta cũng vừa được sanh về cõi Trời này. Tất cả những người được sanh về đây đều cùng nhau vui chơi hưởng thọ, nhưng tại sao cậu bé này lại có vẻ lo lắng bất an. Cậu bé cho biết:

- Tôi vốn là đứa trẻ chăn trâu, hái hoa sen định rải cúng dường tháp Phật. Nhưng mới đi được nửa đường thì bị tai nạn, chết. Nhờ phước báo ấy mà nay được sanh về đây. Nay tôi hái hoa muốn đến rải lên tháp cúng dường và lễ bái Phật cho thỏa lòng mong ước.

Bấy giờ, năm trăm vị Trời đồng cầm hoa sen lần lượt đến rải trên tháp Phật. Nhờ phước báu này, đến khi Phật Di-lặc ra đời, các vị ấy đều được chứng đạo.

(Trích kinh Thí Dụ quyển 5)

37. HIỂU TIẾNG CHIM NÊN ĐƯỢC LÀM VUA:

Xưa, có một người bố thí ba tiền và cầu xin ba điều: Đời sau được làm vua, hiểu được tiếng nói của loài chim và có trí tuệ sâu rộng. Sau khi chết, người sanh vào gia đình thường dân, tướng mạo xinh đẹp. Trong lần vua mở hội tuyển mộ nhân tài, người ấy được chọn làm tướng cận vệ cho vua. Một hôm, khi trông thấy một con chim én trong tổ, anh ta ngước lên nhìn và mỉm cười. Vua hỏi lý do. Anh ta đáp:

- Con én ấy bảo nó được một sợi tóc dài 10 trượng của con gái loài rồng, muốn rủ bạn bè đến xem.

Vua bảo:

- Nếu đúng thì tốt, còn không đúng thì ta sẽ giết ngươi đấy!

Vua liền cho người leo lên nhìn vào tổ én, quả thật nhặt được một sợi tóc dài. Từ đó nhà vua luôn tơ tưởng, muốn cưới cô gái Long vương làm vợ. Vua bảo người hầu cận:

- Khanh hiểu được tiếng chim, ắt có nhiều mưu chước. Ta cấp cho khanh đu thứ lương thực để khanh đi tìm cô gái có sợi tóc dài này. Nếu tìm được đem về, tasẽ trọng thưởng. Nếu tìm không được thì không những mạng khanh không giữ được mà cả nhà khanh cũng đều phải như thế.

Người cận vệ liều chết đi về phía bờ biển Đông. Anh ta trông thấy hai người đang tranh nhau một cái mũ, một đôi giày tàng hình và một cây gậy cứu người chết sống lại. Anh ta nói:

- Cần gì phải tranh giành như thế. Bây giờ ta sẽ bắn một mũi tên, vị nào nhặt được trước sẽ là chủ của ba món đồ ấy.

Cả hai đều đồng ý. Trong khi họ tranh nhau chạy nhặt mũi tên thì anh chàng cận vệ ung dung đội nón, mang giày và cầm gậy đi thẳng xuống biển đến cung rồng. Đến nơi, anh ta bỏ mũ tàng hình ra để long nữ trông thấy. Vừa trông thấy anh ta, Long nữ đã đem lòng yêu mến, liền cầm một bánh vàng theo anh ta trở lên đất liền. Hay tin, vua cho người ra đón nhưng chỉ cho một mình long nữ vào cung. Cô gái tiến vào, anh chàng cận vệ cũng đội mũ tàng hình theo Long nữ vào cung. Long nữ thấy vua xấu xí, liền cầm bánh vàng ném vua, vua bể trán chết ngay. Anh chàng cận vệ liền cưỡi mũ tàng hình cùng long nữ bước lên điện lớn tiếng nói:

- Ta xứng đáng làm vua, còn đây là Hoàng hậu. Ta sẽ làm bá chủ thiên hạ.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ)

38. KHÔNG BIẾT GIÁ TRỊ CỦA QUÝ:

Xưa có một đoàn thương buôn, khi đi ngang qua con đường hiểm trở gặp phải bọn cướp, bị cướp hết của cải, trong đó có một cái y dệt bằng lông một con nai mang thai, mềm mại trơn láng có giá trị gấp trăm lần y thường. Y đó màu đen tía, nhìn vào không bắt mắt lắm. Bọn cướp không biết giá trị của nó, đem dùng làm khăn gói tất cả của cải rồi đem đến nơi khác phân chia

Tất cả bọn cướp đều tranh nhau lấy hết những vật tầm thường mà chúng cho là quý báu, chỉ còn lại cái y ấy.Có một tên trộm quá ốm yếu không tranh được vật ấy. Nó nài nỉ xin cái y ấy rồi đem ra chợ bán. Có một người giàu có biết đó là vật báu liền mua đúng giá. So ra chiếc y này bằng tổng giá trị mà bọn cướp đã chia. Bọn cướp hay tin vô cùng tiếc rẻ.

(Trích kinh Bách Cú Thí Dụ quyển 1)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 45

CHƯƠNG NGƯỜI NỮ

1. Cô gái bán tóc mình để lấy tiền cúng Phật
2. Bà mẹ độc thân sinh được trăm con
3. Người mẹ lúc có thai gặp Phật, mong con mình sau cũng đi tu
4. Tham lam đọa địa ngục, làm thiện sinh lên Trời
5. Công đức làm nhà cho Tỳ-kheo
6. Bà mẹ có hai người con chết đuối
7. Phương tiện treo linh được thoát địa ngục
8. Người nữ chiêm bà sanh con trên giàn hỏa
9. Ma-na-kỳ phỉ báng Phật nên hiện đời đọa địa ngục
10. Công đức giữ trọng giới
11. Trinh nữ hơ lửa mang thai
12. Ảnh hưởng của thai nhi
13. Cô gái mang thai sinh ra bốn vật lạ
14. Người nữ mê chồng hại con
15. Vay nhiều trả ít, chết làm trâu
16. Công đức cúng dường
17. Thấy bóng người cho mình là đẹp

1. CÔ GÁI BÁN TÓC MÌNH ĐỂ LẤY TIỀN CÚNG PHẬT:

Xưa có một cô gái rất đẹp, tóc màu đỏ tía dài xuống tới chân. phu nhân của Quốc vương nài cô bán cho phu nhân với giá một ngàn lượng vàng nhưng cô không chịu. Khi được gặp Đức Phật, cô vui mừng xin thiết lễ cúng dường. Được Đức Phật nhận lời, cô xin cha mẹ giúp cô cúng Phật. Cha mẹ cô bảo:

- Nhà ta nghèo, không có gì để làm cơm cúng Phật.

Cô gái thưa:

- Bán tóc con để làm cơm.

Cha mẹ cô đến bạch Phật:

- Bạch Đức Thế tôn! Kính mong Ngài ngày mai đến nhà con dùng bữa cơm đạm bạc.

Trong lúc đó, cô gái cắt tóc mình bán cho phu nhân của vua. Phu nhân biết cô gái có chuyện cần gấp nên chỉ đưa năm trăm lượng vàng. Cô gái lấy vàng đi mua thức ăn, vui sướng vô cùng. Cô thầm nguyện: Do đời trước con hối tiếc tham lam nên đời nay nghèo nàn, nguyện cho con đời sau thoát khỏi cảnh khổ này. Về đến nhà, thấy Đức Thế tôn phóng hào quang năm sắc sáng rực cả nhà, cô liền đảnh lễ Phật, rồi nhiễu Ngài ba vòng, tự nhiên tóc trên đầu cô ra dài như cũ. Đức Phật bảo:

- Cô gái này đời trước nghèo khổ, không có gì để bố thí, thường đem đầu mặt lễ chân Phật, nên tám mươi mốt kiếp sau thường sinh vào loài người. Khi phước báu này hết, cô lại sinh vào nhà nghèo khó. Nhờ biết tạo công đức, gặp ta, cô sanh lòng hoan hỷ, nên được hưởng phước vô lượng. Lúc mệnh chung, cô sẽ sinh lên cõi Trời Đao Lợi. Lúc phước đức thọ mạng cõi Trời hết, cô sẽ phát tâm tu Bồ-tát đạo.

Cha mẹ, anh em cô ai nấy đều vui mừng, và mạng chung được sanh lên Trời.

(Trích kinh Thí Dụ bộ mười quyển, quyển 3)

2. BÀ MẸ ĐỘC THÂN SINH ĐƯỢC TRĂM CON:

Thuở xưa, có một bà mẹ độc thân, được thuê giữ ruộng vườn. Chủ nhà bận việc nên đưa cơm đến trễ. Khi sắp ăn, bỗng có vị Sa-môn đến khất thực. Bà mẹ độc thân lấy hết phần ăn của mình đặt vào bát của Sa-môn, rồi lại lấy một cành hoa sen dâng cúng. Vị này Sa-môn liền hiện bày thần túc, bà ta vui mừng nói:

- Ngài là Thánh nhân ư? Nguyện đời sau con có được một trăm người con giống như Ngài.

Sau đó, bà mạng chung, Phạm chí an vị hài cốt của bà trong nhà. Linh hồn gá vào chỗ Phạm chí tiểu tiện. Có con nai đến liếm nước tiểu liền có thai. Khi đủ thán, nó sinh ra một cô gái. Phạm chí nuôi nấng cho đến lúc cô hơn mười tuổi, bảo trông nhà giữ lửa. Cô gái đùa nghịch với nai, không biết lửa đã tắt lúc nào. Đến khi người cha sai đi lấy lửa, cô vào xóm đông người xin lửa, mỗi bước đi hiện ra một hoa sen. Người có lửa bảo:

- Mày nhiễu quanh nhà tao ba vòng, tao sẽ cho mày lửa.

Cô gái làm theo lời người kia, hoa sen theo bước chân cô mọc

quanh nhà ba lớp. Nhà vua nghe chuyện ấy, bèn triệu thầy tướng đến hỏi. Thầy tướng tâu:

- Chắc có Thánh nhân nào đến đây.

Vua ra lệnh cho hiền thần đem sính lễ đến rước cô vào cung. Sau đó, cô mang thai, đến ngày khai hoa nở nhụy sinh được một trăm trứng. Từ hậu phi cho đến thiếp, không ai không ganh tỵ với cô. Họ dùng túi đựng trứng rồi thoa mật lên miệng túi, quăng xuống sông. Trời Đế thích bay xuống ấn vào miệng túi. Chư thiên bảo hộ cho trôi êm theo dòng nước, cuối cùng cho vướng vào cái cọc thuộc một nước ở cuối nguồn. Vua nước đó từ trên đài, xa nhìn thấy giữa dòng sông có một cái túi chiếu sáng rực giống như có thần linh, liền cho người vớt lên xem. Thấy dấu ấn của Đế thích, vua cho ấp một trăm trứng đó, đúng ngày giờ nở ra trăm người con trai. Những người này có sẵn trí của bậc Thánh, không cần chỉ dạy đã biết mọi điều. Trăm người này đều có tướng tốt và rất mạnh khoẻ. Vua đem một trăm con voi trắng cho một trăm người con Thánh. Họ đi chinh phục các nước láng giềng khiến tất cả đều qui hàng. Sau đó, họ lại chinh phục nước của vua cha. Nhà vua phán hỏi:

- Ai có khả năng chống cự bọn địch này?

Người mẹ tâu:

- Đại vương chớ lo, thần thiếp sẽ hàng phục chúng cho Đại vương.

Nói xong, bà lên lầu nhìn xuống, cất cao giọng nói:

- Có ba thứ đại nghịch:

Một là không xa lánh bọn tà sẽ chuốc khổ hai đời. Hai là sinh ra không biết cha mẹ mà trái nghịch với hạnh hiếu. Ba là ỷ vào thế lực giết hại cha mẹ, phá hoại Tam bảo. Người phạm phải ba đại nghịch này phải thọ tội ác không bao giờ dứt. Các ngươi hãy há miệng ra, sẽ nhận lấy tín hiệu này.

Người mẹ liền bóp vú mình. Thiên nhân khiến sữa bắn thành giọt vào miệng một trăm người con. Chúng uống những dòng sữa tình thương với tất cả lòng chí thành và cùng lên tiếng: “Đây là mẹ ta”. Nói xong, chúng dập đầu hối lỗi. Mẹ con quây quần như hội, ai cũng xúc động. Bấy giờ, hai nước hòa thuận, đều được tiếng tốt.

Các người con thấy đời vô thường, từ giã cha mẹ đi học đạo, lánh xa cuộc sống thế tục, chín mươi chín người con đắc quả Duyên giác, còn một người lên làm vua trị nước khi vua cha băng hà. Sau khi lên ngôi, vua đại xá cho các tội nhân, và mở kho bố thí, nhân dân đều được đầy đủ. Vua dùng pháp Thập thiện để trị nước, xây dựng chùa tháp, cúng

dường Sa-môn, tụng kinh bàn đạo, không phạm bốn nghiệp ác ở miệng. Cả mẹ con đều được Đế thích nuôi dưỡng, bảo bọc. Người con ở lại làm vua chính là ta, cha là vua Bạch Tịch, mẹ là Xá Diệu.

(Trích Độ vô cực tập quyển 2)

3. NGƯỜI MẸ LÚC CÓ THAI GẶP PHẬT, MONG CON MÌNH SAU CŨNG ĐI TU:

Cô gái nọ mang thai được vài tháng, gặp Đức Phật và chúng Tăng, liền thầm nghĩ: Ta sinh ra đứa này sẽ bảo nó làm Sa-môn, thành đệ tử Phật.

Khi đủ ngày đủ tháng, bà sinh được đứa bé trai xinh đẹp khác thường. Năm đứa bé lên bảy, nhà nghèo, bà làm thức ăn chỉ đủ cho hai người ăn và ba pháp y, tay cầm bình tắm, dẫn con đến bạch Phật:

- Xin Đức Thế tôn thương xót con của con mà cho nó làm Sa-môn.

Đức Phật chấp nhận, sai lấy nước rửa tay cho đứa bé. Ngay lúc ấy, chín con rồng từ trong miệng bình bay ra phun nước tắm đứa bé, nước dư bắn lên đầu đứa bé biến thành dù hoa, bên trong có tòa sư tử, có Phật ngồi trên tòa. Đức Phật cười phát ra ánh sáng năm màu, chiếu khắp ngàn ức cõi Phật, ánh sáng ấy trở lại nhiễu quanh thân Phật rồi tụ trên đỉnh đầu cậu bé.

Người mẹ dâng hết cơm và thức ăn cúng Phật, người con phát tâm Vô thượng. Ngay khi ấy, mười ức cõi Phật chấn động sáu cách. Các Đức Phật tự nhiên xuất hiện. Bấy giờ, bà đem phần cơm của hai mẹ con dâng cúng hết thảy chư Phật và chúng Tỳ-kheo khiến tất cả đều được no đủ nhưng cơm vẫn còn y nguyên. Lúc đó, tóc đứa bé tự rụng, trở thành Sa-môn, đắc quả Bất thối chuyển.

(Trích kinh Thí dụ bộ mười quyển, quyển 3)

4. THAM LAM ĐỌA ĐỊA NGỤC, LÀM THIỆN SINH LÊN TRỜI:

Thuở xưa, ở phía Đông thành Vương xá, có một bà già tham lam keo kiệt, không tin Tam bảo. Cô hầu gái của bà thì tinh tấn, thường hành từ bi, luôn làm hai việc lợi ích cho tất cả mọi người: một là không đổ nước sôi lên đất; hai là đồ thừa cơm dư thường đem cho người.

Lúc bà lão lâm bệnh, chỉ còn hơi thở thoi thóp, thần thức dẫn bà vào địa ngục, thấy xe lửa, bếp than, nước sôi sùng sục, núi dao rừng kiếm khổ sở muôn bề.

Bà hỏi:

- Đây là chỗ nào?

Ngục tốt đáp:

- Đây là địa ngục. Ở phía Đông thành Vương-xá, có bà già tham lam keo kiệt phải đọa vào ngục này. Bà lão tự biết nên sợ hãi, kinh hoàng. Tiến lên chút nữa, lại thấy cung điện bảy báu, có trăm ngàn kỹ nữ và các thứ trân bảo. Bà hỏi ngục tốt:

- Đây là chỗ nào?

Ngục tốt đáp:

- Đây là cung Trời. Ở phía Đông thành Vương-xá, có cô hầu gái tinh tấn của bà lão keo kiệt. Sau khi chết, cô sẽ sinh về đây.

Bỗng nhiên, bà lão tỉnh lại, nhớ những việc vừa qua, liền bảo cô tớ gái:

- Mày là tớ gái của tao mà được sanh lên Trời, đâu thể có chuyện này, mày phải cùng khổ với tao.

Cô tớ gái đáp:

- Nếu có việc này, tôi cũng xin vâng lời, chỉ e thiện ác theo hình, không thể cùng thọ mà thôi.

Nghe cô tớ gái nói vậy, bà lão liền bỏ xan tham, tạo nhiều công đức.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ)

5. CÔNG ĐỨC LÀM NHÀ CHO TỲ-KHEO:

Thuở xưa, Đức Phật Duy Vệ cùng với sáu vạn hai ngàn Tỳ-kheo từ núi trở về nước của phụ vương.

Nhà vua cắt đất ngoài thành để lập Tinh xá, mỗi vị Tỳ-kheo cũng có được một phần đất. Trong đó, có một Tỳ-kheo nói với nhà hàng xóm:

- Tôi muốn nhờ gia đình bà làm nhà giúp tôi.

Nhưng người con trai bà không bằng lòng, nên đích thân người mẹ xây cất căn nhà cho vị Tỳ-kheo, khiến mười ngón tay của bà đều bị trầy xước. Bấy giờ, vị Tỳ-kheo đang nhập định hỏa quang Tam muội, bỗng ngôi nhà sáng rực. Người mẹ từ xa trông thấy, nghĩ rằng: Sao mình bạc phước quá, căn nhà mới làm chưa được bao lâu đã cháy rồi.

Bà bước vào, thấy căn nhà vẫn y nguyên như cũ, và vị Tỳ-kheo đang ngồi trong ngọn lửa sáng ấy, nên rất đỗi vui mừng. Khi lâm chung, bà được sanh lên Trời. Khi Thái tử Tất-đạt-đa thành Phật, mạng Trời chưa hết, bà bay xuống bạch Phật:

- Ngày mai con xin thỉnh Phật và Thánh chúng thọ trai.

Đức Phật im lặng nhận lời. Khi ấy, vua Ba-tư-nặc lại thỉnh Phật. Phật bảo:

- Ta đã nhận lời thỉnh của thiên nhân rồi.

Vua hỏi:

- Con chưa từng thấy thien nhân xuống đây cúng dường, nay vì sao lại có việc này?

Hôm sau, vua sai người đến chờ, nhưng chẳng thấy bày biện gì cả, và trong nhà cũng vắng vẻ. Vua sai người chuẩn bị thức ăn thịnh soạn, nếu không có ai cúng thì vua sẽ cúng dường Phật. Đến giờ Ngọ, vị Trời xuống, nhưng không mang theo thức ăn, chỉ dẫn theo các ngọc nữ, đánh trống, trỗi nhạc đảnh lễ và bạch Phật rằng:

- Nay đã đến giờ.

Vị Trời liền quơ khăn tay. Mọi thứ hiện ra đầy đủ. Sau khi dâng nước để Phật và chúng Tăng rửa tay, thiên nhân đưa tay lên, nhà trù và trăm vị cam lồ đều hiện ra ở đó. Tự tay thiên nhân tiếp thêm thức ăn cho chúng hội, ai nấy đều no đủ. Vua nhìn thấy vừa kinh ngạc vừa vui mừng. Tắm gội xong, nhà vua bạch Phật:

- Xin hỏi vị thiên nhân đời trước tu tạo phước gì mà trong tay hiện ra trăm vị, có nhiều công đức đến thế?

Đức Phật nói cho vua nghe:

- Đời trước, tự tay vị này làm nhà cho Tỳ-kheo. Kể từ đó, trong chín mươi mốt kiếp, vị này đều được sanh lên Trời, trong tay hiện ra các vật, phước đức không bao giờ cùng tận.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ quyển 1)

6. BÀ MẸ CÓ HAI NGƯỜI CON CHẾT ĐUỐI:

Có bà mẹ sinh được hai đứa con. Đứa thứ nhất không biết bơi, bị rớt xuống sông mà chết, nhưng bà không khóc. Đứa thứ hai biết bơi, cũng rơi xuống sông chết, bà lại buồn khóc. Có người hỏi:

- Vì sao đứa trước chết, bà không khóc mà đứa sau chết, bà lại khóc?

Bà ta đáp:

- Đứa trước không biết bơi nên nó chết là đúng. Còn đứa sau bơi giỏi, chết thì thật oan uổng.

(Trích kinh Thí Dụ bộ mười quyển, quyển 8)

7. PHƯƠNG TIỆN TREO LINH ĐƯỢC THOÁT KHỎI ĐỊA NGỤC:

Thuở xưa, có hai vợ chồng nọ, người chồng không tin Phật pháp, còn người vợ rất kính tin Tam bảo. Một hôm, người vợ khuyên chồng:

- Mạng người vô thường, chúng ta nên tu tạo phước đức.

Thấy người chồng không nghe theo, lại thêm biếng nhác, người vợ lo sợ sau này chồng mình sẽ đọa vào địa ngục, liền nói với chồng:

- Em muốn treo cái linh trên cánh cửa, khi anh ra vào, chạm phải cái linh phát ra tiếng, thì anh niệm "Nam mô Phật ".

Người chồng nói:

- Được lắm!

Trải qua một thời gian lâu, người chồng mạng chung. Ngục tốt chĩa ông ta vào vạc nước sôi. Cái chĩa chạm vào vạc phát ra tiếng kêu. Ông ta liền niệm: "Nam mô Phật".

Nghe vậy, ngục tốt tưởng ông ta kính tin Tam bảo, nên cho thả ra. Sau đó, ông được sanh làm người.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ)

8. NGƯỜI NỮ CHIÊM BÀ SANH CON TRÊN GIÀN HỎA:

Người nước Chiêm Bà thờ Lục sư ngoại đạo, chưa từng nghe tên Phật, pháp, Tăng, nên đã tạo nghiệp cực ác. Khi ấy, Đức Phật vì thương xót chúng sanh nên đi đến thành Chiêm Bà. Vị trưởng giả ở thành này không có con nối dõi, nên thờ Lục sư để cầu con. Ít lâu sau, vợ ông mang thai. Trưởng giả được tin vui liền đến hỏi Lục sư:

- Đứa bé trong bụng vợ con là trai hay gái?

Lục sư đáp:

- Chắc là bé gái.

Trưởng giả lo buồn. Có người thấy vậy đến nói với Trưởng giả:

- Trước đây, ông có nghe anh em của Ưu lâu Tần Loa Ca-diếp là đệ tử của ai không? Nếu Lục sư là người có trí biết tất cả thì lẽ nào Ca-diếp lại bỏ ông ta mà theo Phật? Lại nữa, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên v.v..., và các Quốc vương như Tần Bà Sa La, phu nhân của các vua như Mạt-lợi phu nhân v.v..., và các trưởng giả như Tu Đạt v.v... đều là đệ tử Phật. Đức Thế tôn Như Lai đối với tất cả pháp thấy biết không có ngăn ngại cho nên gọi là Phật. Nay Đức Như Lai ở cách đây không xa, nếu trưởng giả muốn biết rõ ràng thì hãy đến chỗ Phật.

Bấy giờ, trưởng giả đến chỗ Phật và trình bày mọi việc. Đức Phật bảo trưởng giả:

- Đứa bé trong bụng vợ ông quả đúng là con trai, có phước không ai sánh bằng.

Trưởng giả hết sức vui mừng.

Biết được tin này, Lục sư khởi tâm ganh ghét, lấy quả Am-la hòa với thuốc độc đưa cho Trưởng giả và nói:

- Vui thay! Cù Đàm thật khéo xem tướng. Vợ ông mang thai đã đầy tháng, nên uống thuốc này, đứa bé sẽ xinh đẹp và người mẹ không đau đớn.

Trưởng giả nhận thuốc đưa cho vợ uống. Uống xong, bà ngã ra chết. Lục sư vui mừng đi khắp thành thị rao:

- Sa-môn Cù Đàm đã thọ ký cho vợ trưởng giả kia sẽ sanh con trai, nhưng nay đứa bé chưa chào đời mà người mẹ đã chết rồi.

Bấy giờ, Trưởng giả sanh lòng bất tín đối với Phật. Ông ta tẩm liệm vợ vào quan tài rồi đưa đi hỏa táng. Biết được sự việc này, Đức Phật sai A-nan mang y của Ngài theo để đến đó dẹp trừ tà kiến. Bọn Lục sư từ xa trông thấy Đức Phật đi đến, bèn nói với nhau:

- Sa-môn Cù-đàm đến gò mã này định ăn thịt ư?”

Các vị Ưu bà tắc chưa đắc pháp nhãn đều lo sợ và bạch với Phật:

- Vợ của Trưởng giả đã chết rồi, xin Ngài đừng đến đây nữa.

Bấy giờ, A-nan bảo mọi người:

- Hãy đợi giây lát, Đức Như Lai sẽ tuyên nói cảnh giới của chư Phật.

Đức Phật đến nơi, trưởng giả gạn hỏi:

- Ngài nói không hai lời, nhưng bây giờ mẹ của đứa bé đã chết rồi, sao Ngài bảo là sanh con trai?.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

- Lúc đó, ta không nghe ông hỏi mạng sống của người mẹ dài hay ngắn, mà chỉ hỏi đứa bé trong bụng là trai hay gái. Chư Phật Như Lai nói không hai lời. Thế nên biết rõ nhất định sẽ sanh con trai.

Lúc hỏa thiêu tử thi, đứa bé từ trong bụng nhảy ra, ngồi ngay thẳng trong ngọn lửa như ngồi trên đài sen. Lục sư nhìn thấy cho là huyễn thuật. Trưởng giả thấy vậy vui mừng, quở mắng bọn Lục sư:

- Nếu các ông cho là huyễn, sao không làm thử đi?

Bấy giờ, Đức Phật bảo Kỳ Bà:

- Ông hãy vào lửa ôm đứa bé ra đây.

Kỳ Bà bước vào đống lửa giống như nhảy xuống sông lớn mát mẻ, ôm đứa bé ra trao cho Đức Phật. Ngài nhận đứa bé rồi bảo Trưởng giả:

- Thọ mạng của tất cả chúng sanh là bất định như bọt bèo trên mặt nước. Đứa bé này không có nghiệp báo nặng nên lửa và trùng độc không làm hại được, chứ không phải ta cứu nó.

Trưởng giả bạch:

- Lành thay! Bạch Đức Thế tôn, đứa bé này sống hết mạng Trời, cúi xin Ngài đặt tên cho nó.

Đức Phật bảo trưởng giả:

- Đứa bé này sinh ra trong ngọn lửa lớn, mà lửa gọi là Thọ đề. Nhân đây đặt tên là Thọ Đề.

(Trích kinh Đại Niết-bàn quyển 28)

9. MA-NA-KỲ PHỈ BÁNG PHẬT NÊN HIỆN ĐỜI ĐỌA ĐỊA NGỤC:

Tại nước Xá-vệ, Đức Phật thuyết pháp yếu cho vô số chúng Tăng. Lúc đó, đệ tử nữ của ngoại đạo là Ma-na-kỳ là người có nghiệp chướng đời trước sâu dày. Một hôm, cô ta lấy gáo gỗ độn bụng, đi đến chùa Kỳ-hoàn ở thành Xá-vệ. Từ xa trông thấy Đức Thế tôn đang thuyết pháp cho đại chúng, cô ta vui mừng khôn tả, nghĩ rằng: Nay ta phải hủy nhục Cù-đàm ngay giữa chúng hội này, để thầy ta được mọi người cúng dường. Thế rồi, ở giữa chúng hội, cô ta vu khống:

- Người đang thuyết pháp đây đã làm tôi mang thai.

Khi ấy, trong chúng hội có nhiều ngoại đạo, Phạm chí lõa hình; số người tin Phật thì ít, số theo ngoại đạo thì nhiều. Nghe cô ta nói vậy, số theo ngoại đạo đều tán đồng, còn số tin Phật lại suy nghĩ: Xưa kia, nơi chốn cung vàng điện ngọc, Đức Phật xả bỏ vương vị cao sang, xa lánh thể nữ, xuất gia học đạo, thành bậc Chánh giác, làm sao Ngài khởi tâm ái nhiễm với người nữ xấu xa này?

Cùng lúc ấy, Thích đề hoàn nhân đang quạt sau lưng Đức Thế tôn, cũng suy nghĩ: Nữ Phạm chí tệ ác này vì sao khởi tâm phỉ báng Đức Phật như thế. Thích đề hoàn nhân liền hóa làm con chuột trắng cắn đứt sợi dây, cây gỗ rớt xuống lăng long lóc, mọi người đều thấy. Bấy giờ, những người không có lòng tin mạnh mẽ đều ngạc nhiên, cho đó là tiếng gì mới vang xa như thế, còn những người tin Phật vô cùng vui mừng. Ngay lập tức, có một người từ chỗ ngồi đứng dậy, tay cầm cây gỗ, nói với cô ta:

- Cái này là đứa con của cô chăng?

Vừa lúc đó, đất nứt ra, cô ta rơi ngay vào địa ngục A-tỳ. Thân quyến của cô tương tiếc, khóc than, không nỡ bỏ đi. Những người không

tin Phật giờ đây thành tâm sám hối Ngài, những người có lòng tin cùng nói với nhau:

- Quả báo phỉ báng mắc tội nặng như thế, có thể thấy trước mắt, đâu đợi đến đời sau.

(Trích kinh Ma-na-kỳ Toàn Thân Nhập Địa Ngục)

10. CÔNG ĐỨC GIỮ TRỌNG GIỚI:

Vị Ca-la-việt vô cùng giàu có sinh được người con trai tuấn tú, thông minh, giỏi về kinh Phật. Cậu bé theo thầy xuất gia, trở thành Sa-môn thực hành lời Phật dạy. Trước tiên, vị thầy bảo Sa-môn đi khất thực. Ngày thứ 7, Sa-môn gặp một người phụ nữ dâm đãng. Bà ta gọi Sa-môn vào, đóng cửa lại, rồi lôi vào phòng. Sa-môn không đồng ý, bà nổi giận, sai nô tỳ đào hầm lửa sâu một trượng, lại bảo bốn nô tỳ mau trói chặt Sa-môn lại. Sắp đưa lên hầm lửa, Sa-môn nói:

- Hãy khoan! Đợi tôi tính lại.

Bấy giờ, Sa-môn suy nghĩ: Ta vào hầm lửa chỉ chết một thân này, còn giữ giới thì chết có thể được sanh thiên. Nếu phạm giới, chết sẽ đọa địa ngục, không có ngày ra. Thế rồi, Sa-môn nhảy vào hầm lửa. Lửa biến thành nước, cao đến ngang lưng, Sa-môn từ từ ra khỏi hầm.

(Trích kinh Thí Dụ gồm 10 quyển, quyển 5)

11. TRINH NỮ HƠ LỬA MANG THAI:

Thuở xưa, trưởng giả Thiện Thí có người con gái chưa lập gia đình. Cô ta ngồi hơ lửa trong nhà, hơi ấm vào thân liền mang thai. Cha mẹ cô kinh ngạc, gạn hỏi nguyên do. Cô thưa:

- Con không biết tại sao.

Cha mẹ cô hỏi lần nữa, lại dùng roi vọt, cô cũng trả lời y như trước.

Cha mẹ cô đem việc này tâu vua. Nhà vua quở trách, cô cũng đáp như vậy. Vua gán cô vào tội chết, cô kêu oan:

- Thiên hạ này có vị vua vô đạo, giết oan kẻ vô tội. Nếu tôi gian dối, xin cứ khám nghiệm.

Nghe cô kêu oan, vua cho người khám nghiệm. Quả thật, đúng như lời cô nói. Vua nói với cha mẹ cô:

- Tôi muốn cưới cô gái này.

Người mẹ trả lời:

- Xin thuận theo ý vua, nhưng vua rước đứa con gái đáng chết này về làm gì?

Vua cho đưa cô vào cung, thương yêu chung sống. Khi đủ ngày đủ tháng, cô hạ sinh một bé trái khôi ngô tuấn tú. Lớn lên, cậu bé xuất gia tu học, thông minh tài giỏi, lại thêm tinh tấn. Không bao lâu, cậu đắc quả A-la-hán, trở về độ cha mẹ.

(Trích kinh Phân Biệt Công Đức quyển 5)

12. ẢNH HƯỞNG CỦA THAI NHI:

Xưa có vị Tỳ-kheo, từ nhỏ đã tinh tấn tu học, nghiêm trì cấm giới, không hề hủy phạm, thường tụng kinh Bát-nhã-ba-la-mật. Hễ ai nghe tiếng Tỳ-kheo này tụng kinh đều khởi tâm hoan hỷ.

Có một cậu bé bảy tuổi chăn trâu ngoài thành, xa nghe tiếng Tỳ-kheo tụng kinh, tìm đến Tinh xá, đảnh lễ Tỳ-kheo. Khi nghe đến đoạn nói về Sắc-Không, cậu liền bừng ngộ. Cậu bé vui mừng, hỏi vị Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo trả lời không đúng với ý của cậu bé. Trái lại, cậu bé giảng giải nghĩa lý xưa nay ít được nghe.

Nghe xong, Tỳ-kheo vui mừng, khen ngợi cậu bé là bậc có trí tuệ siêu phàm.

Bấy giờ, cậu bé trở lại chỗ thả trâu, phát hiện có một con nghé chạy lạc vào núi. Lần theo dấu chân nghé tìm kiếm, bỗng cậu bé bị hổ sát hại. Sau khi chết, cậu bé thác sanh làm con của nhà trưởng giả. Trong thời gian mang thai, phu nhân có thể nói Bát-nhã-ba-la-mật từ sáng đến chiều, không hề ngưng nghỉ.

Gia đình trưởng giả lấy làm lạ, cho là phu nhân bị quỷ nhập, ăn nói bậy bạ, xem bói, hỏi thăm, cầu đảo, cúng tế, cũng không ai biết được.

Lúc ấy, vị Tỳ-kheo kia vào thành khất thực, ngang qua nhà trưởng giả nghe tiếng tụng kinh, lòng rất vui mừng, liền hỏi trưởng giả:

- Trong nhà, ai nói kinh cao siêu vậy?

Trưởng giả đáp:

- Vợ tôi bị quỷ nhập, ngày đêm cứ lảm nhảm mãi.

Vị Tỳ-kheo bảo:

- không phải bệnh ma đâu, chỉ nói tôn kinh, Thánh điển của Phật. Cho tôi vào gặp bà ấy.

Trưởng giả đồng ý.

Đến chỗ bà ta, Tỳ-kheo gạn hỏi nhiều lần, bèn hiểu ra vấn đề. Họ mời Tỳ-kheo lưu lại dùng cơm. Tỳ-kheo cho biết:

- Phu nhân mang thai, miệng tụng tôn kinh, Âm thanh vi diệu.

Hôm sau, trưởng giả đến thỉnh chúng Tăng về nhà thọ trai, bày đủ

các thức ăn uống. phu nhân ra đảnh lễ và thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo nghe. Hễ ai có điều nghi nào chưa giải tỏa đều được bà giải thích rõ ràng. Chúng Tăng vui mừng.

Khi đủ ngày đủ tháng, phu nhân hạ sinh một bé trai. Đứa bé vừa được sanh ra, liền chắp tay, quỳ gối, nói kinh Bát-nhã-ba-la-mật, còn phu nhân sanh xong, trở lại bình thường. Trưởng giả hỏi:

- Đứa bé này là ai?

Tỳ-kheo đáp:

- Đúng là đệ tử Phật. Hãy khéo nuôi dưỡng, bảo bọc. Lớn lên, nó sẽ làm thầy của tất cả mọi người. Chúng ta đều phải theo thọ giáo.

Khi lên bảy, đứa bé đã rành rẽ giáo pháp, các lẽ vi diệu và trí tuệ vô cực. Những chỗ sai lầm, thiếu xót trong kinh, đứa bé san định đầy đủ. Mỗi khi đến đâu, đứa bé liền giáo hóa mọi người. Năm trăm người lớn nhỏ, nội ngoại trong nhà trưởng giả đều theo đứa bé tu học. tám vạn bốn ngàn người phát tâm Vô thượng chánh chân giác. năm trăm Tỳ-kheo nghe đứa bé giảng giải, dứt sạch lậu hoặc, tâm ý khai mở, chí cầu Đại thừa, đắc pháp nhãn tịnh.

Đức Phật bảo A-nan:

- Đứa bé thuở ấy chính là ta, còn vị Tỳ-kheo là Phật Ca-diếp.

(Trích Độ Vô Cực Tập quyển 6)

13. CÔ GÁI MANG THAI SINH RA BỐN VẬT LẠ:

Có hai vợ chồng không con, cúng tế Thiên thần để cầu con nối dõi. Vị thần hứa khả. Người vợ về mang thai, sanh ra bốn vật lạ:

1/ Đấu chiên đàn đựng đầy gạo

2/ Bình cam lồ

3/ Túi báu

4/ Gậy thần bảy đốt

Người vợ than thở:

- Ta cầu con trai, sao lại sanh ra những thứ này?

Hai vợ chồng bèn đến chỗ vị thần cầu xin một lần nữa. Thần bảo:

- Các ngươi muốn được con, nhưng nó có ích gì?

- Nó sẽ nuôi dưỡng vợ chồng con.

- Nay đấu gạo này ăn hoài không hết. Bình mật cam lồ này uống không hề cạn, lại còn trị lành trăm bệnh. Túi châu báu kia dùng mãi chẳng vơi. Gậy thần bảy đốt ấy để phòng kẻ hung bạo. Con trai của các ngươi há có thể làm được việc này ư?

Nghe vị thần nói vậy, vợ chồng họ vô cùng vui mừng, trở về nhà nghiệm thử thì quả đúng như lời thần nói. Họ trở thành người giàu nhất nước. Nghe tin này, nhà vua sai quân lính đến đánh để chiếm đoạt. Họ cầm gậy ném lên đánh quan quân tan tác. Kể từ đó, hai vợ chồng không còn lo gì nữa.

(Trích kinh Thí Dụ quyển 10)

14. MÊ TRAI HẠI CON:

Chuyện kể về: Người dâm loạn thà để người thân chết, chứ không dứt được tâm dâm.

Một người phụ nữ ở cạnh thành Xá-vệ ẵm con, mang bình đến giếng múc nước. Một thanh niên tuấn tú đang ngồi bên phải thành giếng say mê đánh đàn. Người phụ nữ này dâm dục, say đắm người thanh niên ấy. Người thanh niên kia cũng ham thích người phụ nữ này.

Để thoả mãn lòng dâm, cô ta cõng con treo trong giếng. Xong việc, cô trở lại kéo lên thì đứa con đã chết rồi. Cô ta buồn bã, đau đớn, kêu Trời khóc than một mình.

Đức Phật nhóm chúng lại, bảo:

- Này các Tỳ-kheo! Lửa dâm lừng lẫy có thể thiêu đốt thiện căn. Người dâm loạn không nghĩ đến thiện ác, không phân biệt trắng đen, chẳng biết ràng buộc giải thoát. Những người này không biết xấu hổ, thà để cho người thân chết, mình cam chịu xỉ nhục. Có người do tình dục tà vạy đã giết hại cha mẹ, anh em, họ hàng, bị phép vua phanh thây, chết thọ ác báo đến vô số kiếp.

Thuở xưa, có một người rất tốt, nhưng mắc thói dâm đãng. Cha mẹ chỉ có một mình cậu ta. Ban đêm, ngoài đường không bóng người, gặp lúc Trời tối sấm sét, người con mang dao, cầm tên định đến xóm dâm nữ. Người mẹ biết được, liền kéo con lại bảo:

- Đêm hôm tối tăm, con đi sẽ bị người hại. Đời trước, mẹ thiếu phước nên nay chỉ có mình con. Nhỡ con gặp chuyện không may, mẹ biết trông cậy vào đâu?

Người con trả lời:

- Con phải đi thôi. Mẹ đừng cản.

Người mẹ biết ý nên không cản nữa, liền đi theo con. Người con rút dao đâm mẹ chết, rồi đến gõ cửa nhà dâm nữ. Dâm nữ hỏi:

- Ông là ai?

Cậu ta dùng kệ đáp:

Dâm dục, các căn suy

Do tưởng khiến sai lầm
Không sợ các thứ nghiệp
Bị ngu ám lấp che
Nay ta đã hại mẹ
Hạ mình tựa nô tỳ
Đứng chực ở ngoài cửa
Như khách chờ khiến sai.

Dâm nữ dùng kệ đáp lại:

Thôi đi! Kẻ bất hiếu
Hại mẹ gây tai ương
Ta quyết không nhìn mặt
Mau cút khỏi nơi này.
Cha mẹ công nuôi dưỡng
Vì con khổ bao điều
Giữa đường đi hại mẹ
Chính là tội ngươi mang.

Cậu ta nói cho cô gái biết:

- Vì nàng mà ta đã hại mẹ ta, gây tội tày Trời. Xin nàng hãy lượng thứ, mở cửa để cùng nói chuyện một lát, rồi ta sẽ trở về nhà.

Cô gái trả lời:

Thà nhảy vào lò lửa
Gieo mình xuống hang sâu
Sống cùng với rắn dữ
Không tùy thuận kẻ ngu.

Cậu ta trở về nhà, giữa đường bị ác tặc giết chết, đọa địa ngục A-tỳ, chịu tội.

(Trích kinh Xuất Diệu)

15. VAY NHIỀU TRẢ ÍT, CHẾT LÀM TRÂU:

Xưa có vị trưởng giả giàu có vô hạn gả em gái của mình cho một nhà nghèo. Người anh thường đem của cho em. Dần dần mệt mỏi, người anh bảo em đến lấy. Người em đến anh vay bột. Anh nói:

- Hãy tự đến lấy.

Nén giận mà lấy. Mỗi khi đến trả cho anh, người em vẩy nước vào bột cho nặng cân. Nhiều lần như thế, nhưng người anh không biết. Về sau, người em chết đi, làm trâu trong nhà anh. Người anh rất thương trâu, nuôi cho ăn béo phì để giết tế thần. Khi ấy, năm trăm khách vay đến nói với chủ số tiền tính lãi.

Đứng bên ngoài, họ hỏi nhau:

- Ông mượn mấy tiền?

Mỗi người nói lên số tiền nhiều ít.

Đến lượt người cuối cùng nói:

- Tôi muốn mượn thêm.

Sau đó, họ đồng lòng không trả lãi, con trâu đứng bên cạnh, nói tiếng người:

- Vì sao các ông khởi lên ý tưởng này? Ta là em gái của người chủ, do trước đây vay bột, dối trá anh, nên nay phải làm trâu để trả nợ.

Nghe trâu nói vậy, năm trăm khách buôn đều run sợ, không mượn tiền nữa mà ra đi.

(Trích Chư Kinh Yếu Sự)

16. CÔNG ĐỨC CÚNG DƯỜNG:

Có vị Bích chi Phật đến nhà trưởng giả khất thực. Thấy tướng mạo uy nghiêm của vị này, phu nhân trưởng giả nói:

- Nếu chiều ý tôi, tôi sẽ cúng dường.

Vị Bích chi Phật trả lời:

- Không được, tôi không thể chiều ý phu nhân.

Thẹn quá hóa giận, phu nhân sai người đuổi đi.

Nữ tỳ của trưởng giả hiềm trách phu nhân: Vì sao bảo người làm việc không đúng. Nữ tỳ liền lấy phần ăn của mình cúng dường vị Bích chi Phật. Cúng xong, nữ tỳ về phòng ngủ. Vừa thức dậy, lớp da đen dơ bẩn tự nhiên biến mất, nhan sắc nữ tỳ trở nên xinh đẹp hơn người, giống như ngọc nữ cõi Trời. Trưởng giả kinh lạ, hỏi nguyên nhân, rồi cho làm đệ nhất phu nhân.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ quyển 1)

17. THẤY BÓNG NGƯỜI CHO MÌNH LÀ ĐẸP:

Trưởng giả Thần Cư là người giàu có ở nước Xá-vệ. Nhà ông nuôi một tớ gái tên Phất-ni-trì, đầu to lại hói, cặp mắt ti hí, mũi gãy miệng hô, chẳng giống người ta chút nào. Trưởng giả thường bảo tớ gái làm những việc chặt củi, cắt cỏ bên ngoài.

Cách nhà trưởng giả không xa, có một suối nước vừa thơm vừa ngọt. Hôm nọ, nhà bên cạnh có một phụ nữ thắt cổ trên cây, bóng in xuống nước. Cô tớ gái cầm bình lấy nước, thấy bóng bà ta tưởng là bóng mình, liền giận dữ nói:

- Ta xinh đẹp như vầy mà bắt làm ruộng, coi vườn cực khổ thế

sao?

Nghĩ rồi, cô tớ gái đập vỡ bình, trở về nhà, ngồi trong màn tía trên toà bảy báu của phu nhân. Cả nhà kinh sợ, tưởng cô tớ gái điên dại, bèn hỏi nguyên do. Cô đáp:

- Soi mình dưới nước, tôi thấy tôi cũng xinh đẹp như ai.

Mọi người chẳng thấy có gì khác lạ, chỉ thấy trước mặt là con ma lem, mới đem gương cho cô soi. Thấy thân hình xấu xí, nữ tỳ vẫn không tin. Mọi người dẫn cô đến dòng nước trước kia. Thấy bóng người chết, cô mới nhận ra sự thật, cảm thấy xấu hổ vô cùng.

(Trích kinh Thí Dụ quyển 7)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 46

CHƯƠNG QUỶ THẦN

1. A-TU-LA:

1.1. A-TU-LA VÔ CỚ GÂY CHIẾN VỚI CHƯ THIÊN:

Có vị A-tu-la tên La-ha (Kinh A-hàm ghi là A-ta-luân) sống dưới đáy biển lớn ở phía bắc núi Tu-di. Trên cung điện có nước lơ lửng, bốn bên có gió bảo vệ. Thành quách có chu vi rộng đến tám vạn do tuần. Từ ngoài vào trong có bảy lớp cao ba ngàn do tuần. Thành bằng vàng, cửa bằng bạc, vườn tược ao hồ sạch sẽ, trong mát, chim hót líu lo. La-ha ở cách núi Tu-di một do tuần, thân cao hai vạn tám ngàn dặm (Các A-tu-la khác có thân hình cao một vạn do tuần, y phục dài hai do tuần, rộng một do tuần, nặng sáu thù). Họ cũng ăn thức ăn có khối, tắm rửa mặc y phục, thích xúc chạm những thứ mịn màng trơn láng.

Đến ngày mười lăm mỗi tháng, La-ha vào giữa biển biến hoá thân thể của mình. Phần dưới nước ngập đến rốn, phần trên cao đến núi Tu-di, dùng tay che khuất mặt Trời, mặt trăng. Mặt Trời mặt trăng thấy hình tướng xấu xí của A-tu-la thì rất kinh sợ, ánh sáng biến mất.

Khi A-tu-la muốn đi dạo chơi thì tự nhiên có gió thổi mở cửa thành ra, khép lại, thổi cho đường xá sạch sẽ, thổi cho hoa rơi xuống. La-ha có năm vị đại thần tên Tróc Trì, Hùng Lực, Vũ Di, Đầu Thủ, Tối Phục luôn hầu hai bên.

Một hôm, La-ha chợt nghĩ: "Ta có oai đức, thần lực lớn như vầy mà để cho Đao-lợi thiên, mặt Trời, mặt trăng cùng Chư thiên ngang nhiên đi lại trên đầu. Ta thề sẽ lấy mặt Trời, mặt trăng làm khoen đeo tai". Càng nghĩ, La-ha càng thêm tức giận, muốn đánh đổ hết tất cả.

La-ha liền ra lịnh cho hai vị A-tu-la Vương xá-ma-lê, Tỳ-ma-chất-đa và các đại thần, mỗi vị đều chuẩn bị binh lính, vũ khí kéo đến đánh Đế-thích.

Khi ấy, hai Long vương Nan-đà và Bạt-nan-đà đến núi Tu-di quấn quanh núi bảy vòng, làm cho núi rung rinh, mây lan ra. Chúng lại dùng đuôi quất vào trong nước khiến cho biển lớn dậy sóng, tràn ngập núi Tu-di.

Đế-thích thấy vậy liền bảo: "A-tu-la muốn đánh ta rồi đây"

Các loài rồng trong biển và quỉ Ca-lầu-la, một loài quỉ ưa thích cầm hoa, hai quỉ thần này lần lượt dẫn binh đánh A-tu-la nhưng không thắng nổi nên đều bỏ chạy. Ở cung điện, Tứ-thiên-vương đều cho chuẩn bị binh lính, sẵn sàng đánh A-tu-la. Trước lúc ra trận, các vị ấy đến thưa Đế-thích. Đế-thích liền thông báo cho khắp các cõi Trời cùng biết. Khi ấy, từ cõi Trời Diệm-ma cho đến cõi Trời Tha-hoá, vô số Chư thiên và Long vương, quỉ thần đều lũ lượt kéo đến vây quanh Đế-thích.

Đế-thích ra lệnh:

- Nếu quân ta thắng thì lấy dây thừng năm sợi, trói Tỳ-ma-chất-đa dẫn đến Thiện pháp đường, ta muốn nhìn thấy hắn.

Bên kia A-tu-la cũng ra lệnh:

- Nếu quân ta thắng thì dùng lấy dây thừng năm sợi, trói Đế-thích dẫn về Thất diệp đường, ta muốn nhìn thấy hắn.

Khi trận đánh vừa xảy ra, chỉ có vũ khí va chạm nhau, cả hai bên không hề bị thương, nhưng khi vũ khí va vào thân thể thì đau đớn vô cùng. Đế-thích hiện thân có ngàn mắt, cầm chày kim cang dẫn đầu vượt ra vùng binh đao khói lửa đang vây bủa. Quân A-tu-la thấy vậy liền kéo nhau bỏ chạy, chịu phần thất bại. Quân của Đế-thích liền trói Tỳ-ma-chất-đa dẫn về. Đế-thích từ xa vừa trông thấy, Tỳ-ma-chất-đa liền buông ra những lời chửi mắng hung dữ. Đế-thích bảo:

- Ta chỉ muốn nói cho ông nghe, các ông có tuổi thọ cả ngàn như Trời, nhưng người tuổi tăng thì ít mà giảm thì nhiều, tính tình hung dữ, ưa thích đấu tranh, nhưng vì không phá giới, ưa thích bố thí cho nên thọ thân như vầy.

(Trích kinh Trường A-hàm quyển 20, kinh Lâu Thán, kinh Hoa Nghiêm, luận Đại Trí Độ cũng như vậy)

1.2. VÌ CON GÁI, TỲ-MA-CHẤT-ĐA ĐÁNH ĐẾ THÍCH:

Tỳ-ma-chất-đa:

Vào thuở kiếp sơ, Chư thiên thường hay xuống biển, khi thân tiếp xúc với nước, sanh ra cảm thọ dục lạc, tinh trùng tiết ra trong nước, tự nhiên thành trứng. Trứng ấy nở ra một cô gái có nước da màu xanh lục. Cô xuống biển vỗ mình vào nước, tự cảm thọ dục lạc, những tinh trùng trong nước chui vào chỗ kín, khiến cô mang thai. Về sau cô sanh ra một bé trai có chín đầu, một nghìn mắt, trong miệng phun ra lửa, có chín trăm chín mươi chín cánh tay, tám chân. Cậu bé này chính là Tỳ-ma-chất-đa.

Hằng ngày, cậu bé xuống biển ăn bùn và ngó sen, cưới con gái Càn-thát-bà, một cô gái xinh đẹp hơn cả Bạch ngọc, ở Hương Sơn làm vợ. Về sau họ sanh được một cô gái đoan trang xinh đẹp không ai sánh bằng.

Một hôm, Kiều-thi-ca sai người đến cầu hôn cô gái. A-tu-la bảo:

- Nếu có thể cho ta cởi lên cung điện bảy báu, ta sẽ đem con gái gả cho. Đế-thích liền cởi nón báu, dùng phước báu của mười điều lành, khiến cho A-tu-la được ngồi trên điện báu.

Sau đó Đế-thích cởi đài sáu thứ báu đến đón cô gái về Thiện pháp đường và đặt tên cho cô là Duyệt Ý. Chư thiên, phụ thần rất vui mừng.

Một hôm, Đế-thích đến vườn Hoan hỷ cùng các thể nữ xuống ao vui chơi. Duyệt Ý ganh ghét, sai năm trăm Dạ-xoa trở về mách với cha Tỳ-ma-chất-đa nổi giận kéo binh đến đánh Đế-thích. Ông đứng trong biển, chân đạp lên đỉnh Tu-di, chín mươi chín cánh tay hoạt động cùng một lúc, tiêu diệt thành Hỷ Kiến, núi Tu-di rung động, nước trong bốn biển lớn cùng lúc dậy sóng. Đế-thích hốt hoảng lo sợ không biết trốn đâu. Khi ấy trong cung có một vị thần đến thưa Thiên vương:

Đức Phật trong thời quá khứ có nói chú Bát-nhã-ba-la-mật, vua nên tụng trì, ma binh sẽ tự tan rã.

Nghe xong, Đế-thích đến điện Thiện Pháp, đốt các thứ hương thơm, phát đại thệ nguyện: "Bát-nhã-ba-la-mật là đại minh chú, là Vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú đích thật không sai. Ta trì tụng chú này sẽ được thành Phật. Khiến cho quân của A-tu-la tự nhiên tan rã rút lui". Khi Đế-thích phát thệ, tự nhiên trên Hư không xuất hiện bốn bánh xe đao lớn từ từ hạ xuống chém vào người A-tu-la, khiến cho tai, mũi, tay, chân đều rơi xuống đất, khiến cho nước trong bốn biển đỏ như ráng châu (viên ngọc sắc đỏ). A-tu-la quá sợ hãi, không nơi chạy trốn, liền chui vào trong lổ ngó sen.

(Trích kinh Quán Phật Tam Muội quyển 2)

1.3. NHỜ CỨU CHIM, ĐẾ THÍCH THẮNG TRẬN:

Thưở xưa, một hôm, A-tu-la kéo binh đánh Đế-thích. Đế-thích đánh không lại, sợ hãi leo lên xe có ngàn căm báu bỏ chạy. Trên đường đi, Đế-thích thấy trên cây Thiểm sa la có một chiếc tổ chim, bên trong có hai chú chim nhỏ. Đế-thích lập tức ra lệnh cho người hầu cận: "Trên cây kia có hai chú chim, khanh hãy quay xe đi vòng lại chỗ đó cứu nó, ta thà bị hại chứ không nên để chúng bị tổn thương".

Người hầu liền quay xe trở lại. Ở đằng xa, A-tu-la thấy Đế-thích quay xe lại liền bảo: "Đế-thích quay xe lại chắc là muốn đánh ta, chuyến này chắc ta không đương đầu nổi". Nói rồi chúng liền kéo nhau bỏ chạy. Đế-thích tự nhiên được thắng trận. (Kinh Tạp A-hàm ghi: Trong rừng có tổ Kim sí điểu nói là Đế-thích đến đánh nên A-tu-la sợ hãi bỏ chạy)

Thường A-tu-la có ba việc hơn cõi Diêm-phù-đề là: cung điện cao rộng, cung điện trang nghiêm, cung điện sạch sẽ.

(Trích kinh Trường A-hàm quyển 21)

1.4. ĐẾ THÍCH GÂY CHIẾN VỚI A-TU-LA:

Thuở quá khứ có vị A-tu-la vương tên La-hầu-la sanh được một cô con gái vô cùng đoan trang xinh đẹp, đầy đủ sáu mươi bốn đức của một người con gái. Mỗi lần cô nói, hơi trong miệng toả ra thơm như hoa Ưu-bát-la, thân thoảng ra hương thơm Ngưu-đầu-chiên-đàn, sắc mặt trắng hồng, ai thấy cũng ưa thích.

Một hôm Đế-thích nghĩ: "Thể nữ trong cung ta phần nhiều là xinh đẹp, nhưng không ai sánh bằng con gái của A-tu-la. Nay ta sẽ dẫn binh đến đánh và bắt A-tu-la đem con gái làm người hầu cho ta". Nghĩ rồi Đế-thích liền triệu tập Chư thiên đến nói rõ dự của mình.

Chư thiên thưa:

- Nếu tiến hành thì nên sai các vị thần chuyên về nhạc cụ, tay cầm cây đàn có chín mươi mốt sợi dây bằng lưu li (Thai kinh ghi chín mươi chín sợi) trỗi lên những bài ca thọ phước an vui của thiên nhơn chúng ta.

Đế thích liền ra lệnh cho các thiên tử chuyên về nhạc khí như Bàn-già-dực v.v... chuẩn bị nhạc khí đến trước Bà-tư-ha trỗi nhạc.

Hiện Ý bảo:

- Ta muốn Bà-tư-ha làm người hầu hạ cho ta, nếu không giao người ta sẽ khởi binh đánh chiến.

A-tu-la nổi giận quát:

- Ta cũng có đủ sức để chống lại các ngươi.

Bàn-già-dực v.v... liền báo lại với Đế thích. Khi ấy, A-tu-la tập hợp binh bính kéo đến bên cạnh núi Tu-di phá cung chân Trời, cung gió, cung ngựa và các cung đẹp cho đến bốn cửa.

Trong tình thế ấy, Đế thích chợt nhớ và tụng lại bài kệ đã tụng trước đây. Nhờ vậy binh lính của A-tu-la từ từ rút lui. A-tu-la dẫn bốn binh xuống ao Câu-hy-la, chui vào một lỗ hổng của ngó sen.

Có một vị sĩ phu trông thấy tự nghĩ: "Chắc ta đã điên cuồng mất trí nên mới trông nhầm sự việc kì lạ này"

Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

- Đó là sự thật.

Lúc ấy, Thích đề hoàn nhân tập hợp Chư thiên từ bốn cửa thành đi ra chỉ thấy dao, áo giáp, cung tên trên mặt đất, không thấy A-tu-la và binh lính đâu cả. Đế thích liền tiến lên trước đi thẳng vào cung của A-tu-la, gặp Bà-tư-ha và hàng ngàn vạn A-tu-la nữ, không thấy A-tu-la đâu cả, Đế thích liền dẫn hết A-tu-la nữ về cung Đao-lợi.

Khi ấy A-tu-la v.v... cầu xin Đế thích thương xót và xin được quy

phục:

- Chúng tôi ngu muội không biết đệ tử Phật có thần lực cao xa như vậy. Tổ tiên chúng tôi tin thờ đức Như lai. Chúng tôi nghe nói Phật có răn cấm không được lấy vật của người khác. Hôm nay Đế thích đem hết thân quyến của chúng tôi về thiên cung, đó chẳng phải là việc đáng làm của người đệ tử Phật.

Đế thích nghe xong buồn hiu:

- Ta thà giữ gìn trọn vẹn giới cấm của Phật chớ không phạm giới trộm cắp.

Thế rồi, Đế thích trả hết quyến thuộc cho A-tu-la. Vua A-tu-la chọn một A-tu-la nữ xinh đẹp nhất dâng cho Đế thích. Đế thích đem cam lồ đáp lại. Từ đó A-tu-la luôn đối xử tốt với Đế thích và cùng giữ gìn Tam quy Ngũ giới.

(Trích Thai kinh và kinh Thí Dụ quyển hạ)

1.5. NHÂN DUYÊN A-TU-LA CÓ THÂN CAO LỚN:

Đời trước A-tu-la từng là một người nghèo sống cạnh một bờ sông, thường qua bên sông gánh củi. Nước sông ở đây rất sâu lại chảy xiết nên mỗi lần qua sông người này thường bị nước cuốn, đồ đạc mang theo trôi hết, bản thân trồi lên hụp xuống theo dòng nước cho đến khi gần chết chìm mới được thoát.

Một hôm, có một vị Bích chi Phật hoá làm một vị Sa-môn đến nhà người nghèo kia khất thực. Người kia vui mừng đem cơm cúng dường. Dùng cơm xong, vị Sa-môn ném chiếc bát lên Hư không, chiếc bát biến thành chiếc xe, Ngài bước lên đó bay đi. Người nghèo kia thấy vậy liền phát nguyện đời sau được thân hình cao lớn, tất cả sông sâu đều không ngập qua khỏi đầu gối.

Do nhân duyên này mà A-tu-la có thân hình cao lớn, nước trong bốn biển lớn không thể ngập qua khỏi đầu gối. A-tu-la đứng trong biển, thân cao hơn núi Tu di, tay chống vào đỉnh núi nhìn xuống cung Trời Đao lợi.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ quyển 4)

2. CÀN THÁT BÀ:

Vua Càn-thát-bà ở thành Tỳ-xá-li bên phải núi Tuyết. Lúc thế giới mới thành lập có phong luân nổi lên. Khi ấy có một người tên Trang Nghiêm xây dựng nên thành quách cung điện này. Phía bắc của thành có bảy ngọn hắc sơn, phía bắc của núi có ngọn Hương Sơn. Trong

khoảng mười ngọn núi báu thường có tiếng nhạc vang lên (Luận Đại Trí Độ gọi là Thiên nhạc thần). Trong núi có hai hang động tên Trú và Thiện Trú, do bảy báu tạo thành, mềm mại, thơm tho, tinh sạch như thiên y. Vua Càn-thát-bà thống lãnh năm trăm quyến thuộc.

Một hôm Phật ở núi Tỳ-đà (nằm phía bắc núi Ma-kiệt-đà). Đế thích bảo thần nhạc khí tên Bà-già-dực cầm đàn lưu li đến trước Phật dạo đàn ca hát. Phật bảo:

- Ông có khả năng dùng đàn trỗi nhạc tán thán đức Như Lai, tiếng đàn thật buồn bã ai oán cảm động lòng người. Trong tiếng đàn ấy thể hiện đầy đủ các nghĩa Niết-bàn, nghĩa Sa-môn muốn tu hành thanh tịnh.

Đế thích quay sang bảo Càn-thát-bà:

- Ta sẽ cho ngươi kế tiếp địa vị của cha ngươi, đó là địa vị cao nhất trong muôn loài và sẽ đem con gái gả cho ngươi.

(Trích kinh Trường A-hàm và luận Đại Trí Độ)

3. KHẨN NA LA:

Khẩn-na-la còn gọi là Chân-na-la, ở phía bắc núi Tu di. Qua vòng rào sắt nhỏ có ngọn Đại Hắc Sơn. Trong khoảng mười ngọn núi báu không có Phật pháp, không mặt Trời, mặt trăng, và các vì sao.

Nhờ sức bố thí ở đời trước, nay Khẩn-na-la được ở trong cung điện bảy báu, sống lâu vô cùng. Vua Khẩn-na-la vốn xuất thân trong loài người.

Thuở nọ ở nhân gian có một vị đại trưởng giả xây dựng tháp Phật. Vị Khẩn-na-la này bố thí một cây cột dựng chùa và đem cơm thơm ngon tinh sạch đến cho thợ ăn. Sau khi mạng chung vị này hoá làm thần Hung Ức ở giữa hai ngọn núi.

Lại trong một kiếp làm một vị đại trưởng giả, tích chứa rất nhiều của cải. Một hôm có vị Sa-môn đến khất thực, người vợ dâng cơm cúng dường. Trưởng giả giận dữ mắng:

- Kẻ ăn xin này tại sao dám nhìn vợ ta.

Rồi ông ta ra lệnh chặt tay chân vị Sa-môn. Do nhân duyên này, sau khi mạng chung, trưởng giả thọ hình dáng xấu xí, suốt tám mươi bốn kiếp không có tay chân. Mỗi lần Chư thiên mở yến tiệc đều phân chia ranh giới trên dưới với Càn-thát-bà. Mỗi khi Trời sắp trỗi nhạc thì mồ hôi dưới mình Càn-thát-bà chảy ra, hơi hôi bay lên cõi Trời.

Một hôm, vị Khẩn-na-la tên Đầu-lũ-ma-cầm dạo đàn ca những bài nói về thật tướng của các pháp để tán thán đức Thế tôn. Khi ấy núi

Tu di cùng cây trong rừng đều lay động. Ngài Ca-diếp không thể ngồi yên trên toà, năm trăm tiên nhân say mê mất hết thần thông, đều bị rơi xuống đất.

(Trích Bồ Tát Thai Kinh và luận Đại Trí Độ)

4. CÁC LOÀI QUỶ THẦN

4.1. NGUỒN GỐC TÊN CỦA CÁC VỊ THẦN:

Có bốn vị đại Thiên thần là Đất, Nước, Gió, Lửa. Một hôm thần Đất tự nghĩ: "Trong đất không có nước, lửa, gió".

Phật bảo:

- Trong đất có nước, lửa, gió nhưng vì đất chiếm phần nhiều nên được gọi là đất. Các thần nước, lửa, gió cũng đều nghĩ như vậy.

Phật thuyết pháp cho họ nghe, cả bốn vị thần đều thọ năm giới làm Ưu-bà-di. Tất cả nhà cửa của nhân dân đều có quỷ thần cư ngụ. Tất cả phố xá, ngõ hẻm, đường xá, bờ đê, lò mổ, hội hè, chợ búa quán xá cho đến núi non gò mả không nơi nào không có quỷ thần. Tất cả quỷ thần đều tuỳ theo nơi mình nương ở mà có tên gọi (Kinh Lâu Thán ghi: Cây cao bảy thước, đường kính một thước có quỷ thần ở). Một người mới sanh ra đều có quỷ thần theo ủng hộ, khi người ấy sắp chết, quỷ thần thâu lấy tinh khí của người ấy. Người làm mười điều ác dù hàng trăm hàng ngàn cũng chỉ có một vị thần ủng hộ. Giống như quốc vương sắp xếp một vị quần thần coi ngó trăm ngàn người.

(Trích kinh Trường A-hàm quyển 20)

4.2. GỌI TÊN THEO QUẢ BÁO NGẠ QUỶ:

Chúng sanh nào bị sanh vào trong loài ngạ quỷ sẽ thường bị đói khát, mắt lõm, tóc dài, chạy khắp đông tây, chuyên ăn những thứ ói mửa, mỡ thịt, máu mủ, phẩn tiểu, đờm dãi, những chất do tắm rửa chảy ra. Sống lâu đến ngàn vạn tuổi. Từ trước đến nay chưa hề nghe đến tên chất nước uống. Giả sử như được nhìn thấy, vội vã chạy đến thì chất nước ấy liền biến thành lửa dữ, máu mủ. Có khi chất nước ấy không thay đổi thì có nhiều người cầm trượng chặn lại không cho lại gần.Đến mùa hạ nước mưa rơi xuống chạm vào thân liền biến thành lửa. Đây gọi là quả báu ác.

Bên sông Hằng hà có năm trăm ngạ quỷ, trong vo lượng năm không hề nhìn thấy nước sông. Cho nên tuy đến bên cạnh sông mà chỉ thấy dòng lửa đang chảy nên bị đói khát hành hạ, kêu khóc vang Trời.

Một hôm, ngạ quỷ đến bạch Phật:

- Bạch Phật, chúng tôi thường bị đói khát, sắp chết đến nơi rồi.

Phật bảo:

- Sông Hằng hà nước vẫn chảy sao không uống?

- Như Lai thấy nước còn chúng tôi chỉ thấy là lửa.

- Các ông hãy dẹp bỏ những điên đảo của mình đi thì sẽ thấy được nước.

Phật lại chỉ rõ tội xan tham cho quỷ nghe.

Quỷ thưa:

- Tôi khát đã lâu rồi cho nên nay dù nghe Phật dạy cũng không sao hiểu được. Trước tiên Phật hãy cho tôi vào biển uống nước thoả thích đã.

Nhờ thần lực của Phật, ngạ quỷ được mặc sức uống nước. Sau đó Phật thuyết pháp, tất cả đều phát tâm Bồ-đề, thoát thân ngạ quỷ. Hoặc có ngạ quỷ thường bị lửa đốt như gặp lúc kiếp tận các ngọn núi đều phun ra lửa. Hoặc có loài quỷ ốm yếu tiều tuỵ, chạy khắp đó đây, lông tóc bù xù che phủ thân thể. Hoặc có loài chuyên đứng bên chuồng xí đợi đồ bất tịnh. Hoặc có loài thường chờ máu huyết dơ của sản phụ để uống, thân như cây cháy, cổ nhỏ như kim, nếu có nước uống thì ngàn năm cũng không no. Hoặc có loài quỷ tự đập vỡ đầu mình, lấy não ra liếm. Hoặc có loài quỷ thân hình như ngọn núi đen, bị khoá sắt khoá ào cổ, dập đầu cầu xin, lạy lục ngục tốt. Hoặc có loài quỷ đời trước tạo nghiệp ác khẩu, thích dùng lời độc ác mắng chửi người khác, khiến mọi người đều chán ghét, nhìn chúng như kẻ thù. Do những tội này cho nên đoạ vào loài ngạ quỷ, chịu vô lượng khổ.

(Trích kinh Niết-bàn, luận Đại Trí)

4.3. CHUYỆN NGƯỜI BÁN RƯỢU VÀ QUỶ:

Có một người sống bằng nghề bán rượu. Một hôm có một con quỷ hiện đến quán ông ta uống rượu, uống xong không trả tiền mà bảo với chủ quán:

- Sáng mai sẽ có một người tay cầm hoa, mặc áo trắng, quấn xà cạp màu xanh, trong xà cạp có một ngàn cân kim ngân. Người ấy sẽ xuống hồ tắm và chết trong hồ. Ông hãy đến lấy số tiền ấy giữ xài để sau này không còn lo lắng.

Sáng hôm sau, khi chủ quán đang chờ đợi thì thấy có một người đi đến, lội xuống ao tắm rửa rồi lên bờ mặc quần áo, rửa chân nhưng bị trượt chân té chết. Chủ quán đến lấy đủ số tiền như quỷ đã nói. Ngày hôm sau quỷ lại đến, chủ quán dọn cơm rượu ra và thưa:

- Tôi thấy người ấy sau khi mặc quần áo muốn đi thì té chết. Sao không giết người đó trong nước mà giết trên bờ?

- Tôi đâu thể giết người hay làm cho người bịnh, tôi chỉ biết được thời gian tuổi thọ con người sống tới đâu mà thôi.

Cho nên nói quỷ thần trong Trời đất biết được giờ sống chết, tội phước của người sẽ đến, chưa đến chứ không thể giết người ta hay khiến cho người chết sống lại, không thể khiến cho người ta giàu sang lên hay trở nên nghèo cùng. Nhưng lại muốn khiến cho người ta làm ác, giết hại nhau và lợi dụng sự suy hao của con người mà đến quấy phá họ, hoặc nói về phước hoạ để khiến họ cúng tế cho mình mà thôi.

(Trích kinh Thí Dụ bộ mười quyển, quyển sáu)

4.4. QUẢ BÁO CỦA QUỶ THẦN KIM SÀNG:

Một hôm, vua Phạm-ma-đạt nước Ca-di đi săn ở một cánh đồng hoang, thấy một ngôi nhà liền đi đến (Kinh Phước báu ghi, ở dưới một gốc cây bên sườn núi). Trong nhà có một cô gái, vua xin thức ăn uống, cô gái lục hết trong nhà mà không còn gì cả. Vua xin được gặp mặt, cô gái bước ra, mình không một mảnh vải che thân, vua liền cởi áo đang mặc trên mình trao cho cô. Nhưng cả ba lần cô mặc vào, áo đều bốc cháy. Vua hỏi lí do, cô gái đáp:

- Ngày xưa tôi vốn là thiếp của vua. Khi vua đem thức ăn và y phục cúng dường Sa-môn, tôi liền khuyên chỉ nên cúng cơm là đủ rồi, không cần phải cúng y phục (Kinh Phước Báu ghi ngăn cúng dường y phục cho Sa-môn) cho nên chịu tội này. Nếu vua muốn cho tôi mặc được y phục thì trước hết xin vua hãy thay tôi đem y phục cúng dường Sa-môn và các bậc thông tuệ, các bậc hiền giả.

Vua trở về thỉnh cầu Sa-môn cúng dường nhưng cô gái vẫn chưa mặc y phục được. Vua lại cúng dường cho một vị hiền giả thọ trì năm giới. Hiền giả chú nguyện: "Nguyện cho cô Kim Sàng nhờ phước cúng dường này sẽ được vô lượng phước". Nhờ đó cô gái đã mặc được áo vua ban. Vua hỏi cô gái:

- Cô thuộc hạng thần gì?

- Tôi có phước báu cao hơn người, nhưng thấp hơn Trời cho nên sanh vào trong loài quỷ thần. Sau khi bỏ thân mạng ngày sẽ được sanh lên tầng Trời thứ nhất.

(Trích kinh Thí Dụ, kinh Phước Báu)

4.5. THÂN NÀO LÀ CỦA TA:

Ngày xưa, có một người bộ hành đi xa, nghỉ đêm trong một ngôi nhà trống. Nữa đêm có con quỷ vác một xác người đến để trước mặt anh ta. Lát sau có một con quỷ khác tìm đến giận dữ chửi mắng con quỷ kia:

- Xác chết này là của tao tại sao bỗng nhiên mày vác đến đây. Con quỷ kia bảo:

- Đây là vật của tao thì tao tự đem đến.

- Xác người này thật sự là do tao đem đến, con quỷ đến sau gằn giọng cãi bướng.

Hai con quỷ không ai nhường ai, mỗi bên nắm một tay, một chân người chết lôi qua kéo lại.

Con quỷ đến trước bảo:

- Ở đây có người, mày có thể hỏi sự thật.

Con quỷ đến sau liền hỏi người bộ hành:

- Xác người này do ai vác đến?

Anh kia suy nghĩ: "Hai con quỷ này đều có sức mạnh, mình nói thật hay nói dối cũng đều không khỏi chết". Nghĩ xong, anh ta liền nói:

- Do quỷ trước vác đến.

Quỷ đến sau đùng đùng nổi giận, nắm cánh tay anh ta giựt phăng ra, quẳng xuống đất. Thấy vậy, con quỷ đến trước liền lấy một cánh tay người chết ráp vào cho anh ta. Cứ thế hai tay, hai chân, sườn, toàn thân anh ta đều được thay bằng xác người chết. Hai con quỷ cùng nhau ăn xác người được thay kia, rồi quẹt mỏ bỏ đi.

Người kia suy nghĩ: "Cái thân do cha mẹ sanh ra, nay chính mắt mình thấy hai con quỷ kia đã ăn hết. Nay thân của mình hoàn toàn là máu thịt của người khác. Vậy thật sự thân này là của ta hay không phải của ta". Thế rồi anh ta đến tháp Phật, kể lại hết sự việc và hỏi các vị Tỳ-kheo. Các vị Tỳ-kheo bảo:

- Thân thể của chúng ta xưa nay vốn là vô ngã, nhưng do bốn đại hoà hợp nên tạm gọi là thân. Thế nên thân cũ và thân này của anh không có gì khác nhau cả.

Các vị Tỳ-kheo liền độ cho anh ta tu tập, không bao lâu anh ta đắc quả A-la-hán.

(Trích luận Đại Trí Độ quyển 12)

4.6. PHƯỚC BÁU CHỈ NHÀ CÚNG DƯỜNG:

Có một quỷ thần thân thể rất lớn, có cánh tay màu sắc vàng, năm ngón tay thường có nước cam lồ chảy ra. Nếu có người đi đường cần thức ăn uống hoặc các của cải khác thì tất cả đều từ năm ngón tay của thần chảy ra như ý muốn của họ.

Một hôm Ngài Mục-liên hỏi quỷ:

- Ông là Trời gì mà có phước báu kỳ lạ như vậy?

Quỷ đáp:

- Tôi chẳng phải là Thiên vương, chẳng phải là Phạm Thiên vương, tôi là quỷ thần ở trong một thành lớn của nước kia. Tôi đang trên đường đi dạo nên đến đây.

- Ông làm việc lành gì mà được phước báu như thế?

- Thành lớn của nước kia tên La Lầu, thuở xưa tôi là một cô gái nghèo sống trong thành đó. Hằng ngày tôi dệt lông, dệt tơ thành túi bán để tự sống, nhưng ngày càng nghèo khổ, nhà cửa hư mục. Thế là tôi đến đầu bờ đê gần nhà một vị trưởng giả giàu có hay bố thí cũng sống bằng nghề dệt túi xách, sắp đến giờ ngọ nếu có Sa-môn, Bà-la-môn ôm bát đi khất thực hỏi tôi nhà vị trưởng giả nọ ở đâu. Khi ấy lòng tôi thành thật, vui mừng đưa tay chỉ về nhà trưởng giả và nói hãy đi đến đó, nếu để qua giờ ngọ thì sẽ không xin được gì cả.

(Trích kinh Tạp Tạng)

4.7. PHẬT ĐỘ QUỶ ÁC TỲ SA:

Ở biên giới nước Bạt Kỳ có một con quỷ tên Tỳ Sa rất là hung dữ, giết dân chúng vô số, một ngày đến vài chục người. Một hôm mọi người tập hợp bàn bạc nên trốn khỏi nước này đến một nước khác thật xa. Quỷ biết được ý định của mọi người liền nói với họ: "Các ngươi chớ phí công bỏ nước này đến nước khác, vì dù có đi đâu cũng không thoát khỏi tay ta. Chỉ cần một ngày ngươi đem một người đến cúng cho ta thì ta sẽ không làm hại ngươi". Từ đó mỗi ngày người kia bắt một người đến cúng cho quỷ. Xương của những người bị nó ăn chất đầy hang đầy suối.

Trong nước có vị trưởng giả tên Thiện Giác, gia đình giàu có. Hai vợ chồng chỉ có duy nhất một cậu con trai tên Na-ưu-la. Hôm nay theo quy định, cậu bé Na-ưu-la bị dẫn đến cúng cho quỷ. Hai vợ chồng trưởng giả tắm rửa cho con, mặc áo mới rồi dẫn đến chỗ quỷ. Hai người đau khổ than khóc không thể kể xiết và chí thành cầu nguyện:

- Cầu xin các vị quỷ thần chứng minh, con chỉ có một đứa con này,

xin quý Ngài ủng hộ cho nó khỏi bị quỷ ăn thịt. Các vị Thích đề hoàn nhân, Phạm Thiên vương, các vị lậu tận A-la-hán đệ tử đức Như Lai, cùng các vị Bích chi Phật, cho đến đức Như Lai, bậc tối tôn tối thượng, là ruộng phước tốt, không có ai sánh bằng đức Như Lai. Xin hãy theo dõi bảo vệ con của con. Xin đức Như Lai thương xót cho lòng thành của chúng con.

Cầu nguyện xong, hai vợ chồng trưởng giả để đứa con lại cho quỷ rồi ra về.

Khi ấy, Đức Thế tôn dùng thiên nhãn, thiên nhĩ nghe thấy hết những việc đó, liền vận thần túc đến phía bắc Tuyết Sơn, vào nơi quỷ ở ngồi kiết già. Đứa bé nhìn thấy hào quang rực rỡ, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của đức Như Lai thì sanh lòng vui mừng thưa với Phật hôm nay quỷ sẽ ăn thịt cậu.

Đức Phật bảo:

- Này Na-ưu-la, như lời con nói, ta là đức Như Lai chí chơn đẳng Chánh giác, cố ý đến đây để cứu con và hàng phục quỷ ác kia.

Na-ưu-la vui mừng sụp mình lạy chân Phật. Phật thuyết pháp vi diệu cậu nghe xong liền xa lìa hết trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh, xin Phật quy y Tam bảo, thọ năm giới.

Quỷ ác trở về, thấy đức Phật ngồi trang nghiêm tĩnh lặng thì nổi giận làm cho mưa tuôn, sấm chớp, sét đánh, có khi làm cho đao kiếm rơi xuống như mưa. Nhưng khi những thứ kia chưa kịp rơi xuống đất thì Phật đã hoáa chúng thanh những đoá hoa sen, những đoá hoaƯu bát. Quỷ lại cho mưa xuống nhiều thứ, Phật đều dùng thần lực khống chế hết.

Thấy vậy, quỷ giận dữ la lên:

- Sa-môn hãy ngồi yên, chớ có động đậy, bây giờ ta sẽ hỏi ông về những cốt lỏi của Phật pháp. Nếu không thể trả lời được ta sẽ lôi hai chân ông quẳng ra phía nam biển cả.

Phật bảo:

- Cho dù là người hay phi nhơn cũng không ai có thể đem hai chân của ta quăng ra biển được, nếu có muốn hỏi gì thì đến hỏi đi.

Quỷ liền hỏi:

- Thế nào gọi là nghiệp cũ, nghiệp mới và nghiệp đã hết?

Phật bảo:

- Ông nên biết, mắt là nghiệp cũ, những nhân duyên thống khổ trước đây trở thành nghiệp, tai, mắt, mủi, miệng, thân, ý là nghiệp cũ. Mười nghiệp của thân khẩu ý gây ra hôm nay gọi là nghiệp mới. Ông

nên biết, khi nghiệp cũ diệt hết thì không còn dấy khởi, không còn tạo tác, có thể cho nghiệp này là hoàn toàn không còn sanh nữa, hoàn toàn không còn các nghiệp khác. Đây gọi là nghiệp diệt

Quỷ liền bảo:

- Bây giờ tôi đói quá rồi, ông hãy trả đứa bé lại cho tôi.

Phật bảo:

- Lúc ta còn làm Bồ tát, có con chim bồ câu bay đến núp vào ta xin cức mạng, ta còn không tiếc thân mình để cứu nó, huống gì nay ta đã thành Như Lai mà có thể giao đứa bé này cho ngươi ăn thịt sao. Vào thời Phật Ca-diếp ra đời, ngươi từng làm một vị Sa-môn, tu tập giữ gìn phạm hạnh, nhưng về sau lại phạm giới nên sanh làm quỷ ác này.

Khi ấy, quỷ ác nương oai thần của Phật, nhớ lại những việc làm trước đây, liền đến đê đầu đảnh lễ đức Thế tôn:

- Con ngu si không phân biệt được chân ngụy nên khởi tâm xấu này. Nay chí thành hướng về đức Thế tôn xin sám hối.

Quỷ thưa đến ba lần, Phật mới bảo:

- Ta sẽ nhận lời sám hối của ngươi.

Đức Phật thuyết pháp cho quỷ nghe. Nghe xong quỷ dâng mấy ngàn lượng vàng cúng dường Thế tôn và thưa:

- Nay con đem hang núi này cúng dường cho các vị Chiêu đề tăng, xin đức Phật nhận cho con.

Thế tôn nhận lấy và nói kệ:

Cúng dường quả mát mẽ
Hay bắc cầu qua sông
Làm những con đường lớn
Đủ thực phẩn nuôi thân
Ngày đêm siêng cúng dường
Được phước không thể lường
Thàng tựu pháp, nghĩa, giới
Đời sau sanh cõi Trời.

Quỷ lại xin Phật chỉ dạy thêm. Phật bảo:

- Ông hãy xả bỏ thân quỷ của mình, mặc ba pháp y làm Sa-môn rồi đến thành Bạt Kỳ thông báo cho khắp nơi đều biết, đức Như Lai ra đời độ những người không được độ khiến cho được giải thoát, là bậc tối tôn tối thượng, là ruộng phước tốt. Nay Ngài đã độ cho cậu bé Na-ưu-la và hàng phục quỷ ác Tỳ Sa. Mọi người có thể đến để được Ngài giáo hoá.

Vâng lời Phật, quỷ Tỳ Sa đến nước Bạt Kỳ thông báo như lời Phật

dạy. Trưởng giả Thiện Giác nghe được tin này vui mừng khôn xiết, dẫn tám vạn bốn ngàn dân đến chỗ Thế tôn.

(Trích Tăng Nhất A-hàm quyển tám)

4.8. PHẬT ĐỘ MẸ CON QUỶ:

Ngày xưa, có một phụ nữ có rất nhiều con trai, tính tình bà rất ác độc, thích bắt trộm con người khác giết ăn. Những nhà mất con đều không biết do ai bắt, khắp phố phường thôn xóm đều nghe tiếng khóc than của họ.

Một hôm, đi khất thực, Ngài A-nan gặp những người mất con đang khóc liền hỏi thăm và biết được sự việc. Sau khi trở về, Ngài cùng chúng Tăng bàn luận về việc những gia đình đau khổ vì mất con. Phật biết chuyện nhưng vẫn cố ý hỏi mọi người đang bàn luận việc gì. Ngài A-nan thưa:

- Hồi nãy trên đường đi khất thực, thấy nhiều người khóc than, con đến hỏi thăm, mọi người đều nói con của họ bị mất tích không biết thi thể ở đâu.

Phật bảo:

- Trong nước này có một người chuyên trộm con nít, đó chẳng phải là người bình thường mà là mẹ con quỷ. Nay được sanh làm người thích bắt con nít. Người phụ nữ ấy có một ngàn người con, năm trăm đứa ở trên Trời, năm trăm đứa ở nhân gian, tất cả đều là quỉ vương. Một quỉ vương cầm đầu cả mấy vạn quỉ. Năm trăm quỉ vương trên Trời quấy nhiễu Chư thiên. Năm trăm quỉ vương ở nhân gian quấy nhiễu vua chúa và nhân dân. Năm trăm quỉ vương trên kia, Trời cũng không biết làm sao.

- Bạch Thế tôn! Chẳng lẽ chúng ta không có cách nào để ngăn bà ấy không bắt trộm trẻ con ư?

- Có chứ!

- Đó là cách gì?

- Con hãy đến chỗ bà ấy, rình chờ bà ấy đi rồi, bắt hết con bà ấy đem về Tinh xá.

Nghe xong Ngài A-nan vâng lời ra đi và bắt được mấy chục người con của bà kia đem về Tinh xá.

Người mẹ trở về không thấy con của mình đâu, liền thả con người khác ra không dám giết, bôn ba đi tìm con khắp nơi mà vẫn không biết nơi nào. Cứ như thế suốt mười ngày bà lang thang khóc than khắp mọi nẻo đường. Bà tự đánh đập mình, ngửa mặt lên Trời gào khóc, không

màng đến chuyện ăn uống.

Phật liền cho Sa-môn đến hỏi thăm, bà vội thưa:

- Tôi bị mất nhiều đứa con cho nên mới khóc như thế.

- Bà có muốn gặp lại con mình không?

- Dạ rất muốn.

- Bà suy nghĩ cho kỹ, nếu muốn thì nên đến hỏi Phật để có thể gặp lại con của mình.

Người mẹ nghe xong nhẹ cả lòng, đi ngay đến chỗ Phật, đầu thành đảnh lễ. Phật hỏi:

- Tại sao bà khóc?

- Dạ, vì mất con cho nên tôi khóc.

- Bà bỏ con mình ở nhà rồi đi đâu mà để mất con.

Bà ta im lặng không trả lời, dù Phật hỏi đến ba lần. Bà biết trộm con người khác là việc ác liền đảnh lễ Phật:

- Vì con ngu si nên mới làm thế.

- Bà có thương con của mình không?

- Suốt ngày dù là nghĩ ngơi hay làm việc (nằm, ngồi hay đi đứng) tôi đều muốn chúng cận kề bên mình.

- Bà có con, biết yêu thương con, tại sao mỗi ngày lại đi bắt trộm con của người khác. Người khác khi mất con cũng đi ngoài đường khóc than như bà. Vậy mà bà lại bắt trộm con người ta giết ăn. Vì việc này, sau khi chết bà sẽ bị rơi vào địa ngục Thái Sơn. Bây giờ bà có muốn gặp lại con mình không?

Người mẹ lập tức đê đầu đảnh lễ xin Phật thương xót cho gặp lại bầy con.

- Nếu như gặp được con rồi bà có thể tự hối hận chừa lỗi được không? Nếu bà có thể hối hận chừa lỗi thì sẽ trả con lại cho bà.

- Con hứa sẽ hối hận chừa lỗi.

- Bà sẽ làm gì để chứng minh là mình có thể tự hối hận chừa bỏ.

- Con xin nghe Phật truyền giới, vâng theo những lời Phật dạy. Xin Phật trả con lại cho con.

- Như lời bà nói, ta sẽ trao năm giới cho bà. Bà có một ngàn đứa con đều phải đặt tên cho chúng. Năm trăm đứa ở cõi Trời, năm trăm đứa ở nhân gian đang quấy nhiễu Trời người. Con bà làm quỉ vương, mỗi quỉ vương thống lĩnh cả vài vạn quỉ nên không thể gọi tên hết được. Cho nên hoặc gọi là thần cây, thần đất, thần nước và các thần thuyền, thần xe, thần nhà cửa, thần nơi tối tăm, thần mộng mi, thần khủng bố, thần quái dị v v... Tạm gọi như thế để mọi người thờ cúng. Còn việc giết

nấu để có thức ăn uống thì không thể bảo vệ sinh mạng con người mà chỉ để tăng thêm tội. Người ngu si không biết ngồi suy tư đến sự nghèo khổ.

Mẹ của quỉ nghe Phật dạy xong, hết sức hối hận liền đắc quả Tu-đà hoàn, quì bạch Phật:

- Xin Phật thương xót, con muốn ở gần Tinh xá Phật, con muốn gọi một ngàn đứa con, con muốn khiến cho chúng gieo duyên với Phật, con muốn báo ân Trời người.

- Hay lắm, đó là những ý nghĩ rất tốt.

- Cho con đến ở gần Tinh xá của Phật, những người không có con trong nước đến xin con, con sẽ cho họ có con như mong ước, con sẽ sai con của con đến bảo vệ người đó, không dối gạt, hay quấy nhiễu họ.

Người muốn đến cầu nguyện mẹ của quỉ tên là Phù-đà-ma-ni-bát, người chị tên là Chích-nặc. Tất cả quỉ trên Trời và nhân gian đều do Ma- ni-bát làm chủ, thuyền bè xe cộ trong bốn biển, tài sản để đáp ứng cho sự sống đều thuộc Ma-ni-bát. Ma-ni-bát kết duyên, thọ năm giới với Phật, làm người chủ bảo vệ tài sản của loài người. Chích-nặc làm chủ bảo vệ, cứu giúp việc sinh sản của loài người.

(Trích kinh Quỉ Tử Mẫu)

4. 9. QUỈ KHUẤT MA-DẠ-XOA CÚNG DƯỜNG PHẬT:

Một hôm, quỷ Khuất-ma-dạ-xoa đến chỗ Phật đầu thành đảnh lễ, đứng qua một bên và thưa:

- Bạch Thế tôn, hôm nay con thỉnh Phật cùng đại chúng ngủ đêm ở đây.

Đức Thế tôn im lặng nhận lời. Quỷ liền hoá ra trăm ngàn vạn lầu các có đầy đủ phòng ốc, ngoạ cụ, ghế ngồi, dường nằm. Trong mỗi phòng đều có đủ mền gối, tất cả năm trăm cái. Quỷ lại hoá làm năm trăm ngọn đèn sáng không hề có khói.

(Trích Tạp A- Hàm quyển 49)

4.10. MA VƯƠNG QUẤY PHÁ NGÀI MỤC-LIÊN:

Một hôm đang đi kinh hành, Ngài Mục-liên bị một con ma ác hoá phép tàng hình chui vào bụng. Ngài nhập định quan sát, biết được nguyên nhân liền nói với ma:

- Hãy ra đi, chớ có quấy phá đệ tử của Phật mà chuốc lấy quả báu đau khổ mãi mãi về sau.

Ma nghĩ bụng: “Vị Sa-môn này không hề thấy ta, chỉ giỏi nói bừa,

ngay cả thầy của ông ta còn không biết ta nữa là".

Ngài Mục-liên liền bảo với ma:

- Ta còn biết bụng ngươi đang nghĩ gì nữa đấy.

Ma nghe xong sợ hãi: "Chết, Sa-môn đã biết ta rồi". Ngay lập tức nó tàng hình chui ra đứng trước Ngài Mục-liên. Ngài Mục-liên bảo:

- Vào thời qúa khứ Phật Câu Lâu Tần, ta cũng làm ma tên là Minh Hận. Ta có một người chị tên Yểm Hắc, ngươi là con của chị ta. Phật thuở ấy có hai người đệ tử tên Hồng Âm và Tri Tưởng.

Sở dĩ gọi tên Hồng Âm là vì khi ở cõi Trời Phạm thiên,mỗi lần vị ấy ho lên một tiếng, Âm thanh vang đến ba ngàn đại thiên thế giới. Tri Tưởng là người đệ tử chuyên một mình sống trong núi rừng yên tĩnh. Một hôm Tri tưởng ngồi thiền dưới gốc cây trong núi, nhập thiền định. Những người chăn trâu dê cho là Ngài đã chết nên gom cỏ, lượm củi định đến trà tỳ. Nhưng nhờ sức định, thân thể Ngài không hề hấn gì cả, xuất định, Ngài ung dung vào thành khất thực.

(Trích kinh Tệ Ma Thức Mục-liên và kinh Trung A-Hàm quyển 27)

4.11. QUẢ BÁU OÁN THÙ KHÔNG BỎ:

Chuyện kể, có một cô gái bị quỷ đói bắt, cô liền dùng chú thuật hỏi quỷ:

- Tại sao làm hại con gái người khác?

Quỷ bảo:

- Ngươi là oan gia của ta, trong năm trăm đời ngươi từng giết ta, ta cũng đã năm trăm đời giết lại mạng ngươi. Nếu ngươi có thể bỏ lòng oán thù xưa thì ta cũng có thể xoá bỏ.

Cô gái liền bảo:

- Nay tôi đã bỏ lòng oán thù rồi.

Quỷ quan sát thấy cô ta tuy miệng nói bỏ mà trong lòng chưa chịu bỏ nên liền giết cô ta.

(Trích kinh Sao Tỳ Ba Sa quyển 8)

4.12. NGÀI VĂN THÙ ĐỘ MA BA TUẦN:

Một hôm ma Ba Tuần sửa soạn một bữa cúng dường thịnh soạn rồi hoá ra bốn mươi ngàn Tỳ-kheo mặc y cũ rách, ôm bát bể, vai ngực đều để trần, mặt mày xấu xí hung dữ, chân đi cà thọt, lưng gù, tính tình hấp tấp thô tháo, nhận đủ thứ thức ăn.

Thấy vậy, Ngài Văn Thù dùng thần lực làm cho thức ăn trong bát các Tỳ-kheo kia tràn đầy. Những vắt cơm vừa đưa tới miệng thì rã ra,

không vào trong miệng được, thân thể họ ngồi không yên và tự nhiên té xuống đất.

Ngài Văn Thù hỏi ma:

- Tại sao các vị Tỳ-kheo không ăn?

Ma đáp:

- Họ sắp chết rồi.

Ngài Văn Thù lại hỏi:

- Một người không có tâm độc ác lại có thể làm việc độc ác được sao?

Ma bảo:

- Người có lòng dâm dục, nóng giận, si mê là người độc ác, nhờ nghe thuyết pháp mà lòng tôi không còn xấu xa độc ác nữa.

Năm trăm Chư thiên đi theo ma Ba Tuần đều phát tâm Bồ-đề.

(Trích kinh Văn Thù Hiện Bảo Tạng quyển hạ)

4.13. NGẠ QUỶ HỎI NGÀI MỤC-LIÊN VỀ NGUYÊN NHÂN CỦA QUẢ BÁU KHỔ:

Một hôm đến bờ sông Hằng, Ngài Mục-liên thấy năm trăm ngạ quỷ xuống sông lấy nước, nhưng có con quỷ giữ sông cầm gậy sắt rượt đuổi không cho đến gần. Nhìn thấy Ngài Mục-liên, các ngạ quỷ đều đi thẳng đến đảnh lễ và hỏi về tội của mình.

Một con quỷ hỏi:

- Từ khi thọ thân quỷ này, tôi thường bị cái khổ khát đến cháy cổ hành hạ. Nghe nói nước sông Hằng vừa trong vừa mát, tôi vui mừng đến uống. Nhưng khi đến gần thì thấy nước sôi sùng sục nóng ran cả người, thử uống vào một miếng thì ngũ tạng đều cháy rã, hôi không thể chịu nỗi. Vì nhân duyên gì tôi phải chịu quả báo này?

Ngài Mục-liên bảo:

- Vì đời trước ngươi làm một thầy tướng xem tướng tốt xấu cho người, nhưng ngươi toàn nói sai sự thật, có khi chê, có khi khen, tự cho mình là người nhìn xa thấy rộng, để làm động lòng người. Nói gian nói dối để cầu tài lợi, làm mê hoặc mọi người, đem lại việc không lơi ích cho họ.

Một quỷ khác hỏi:

- Tôi thường bị chó lớn có răng bén nhọn màu đỏ màu trắng đến ăn thịt trên thân chỉ trừa lại bộ xương. Một ngọn gió thổi đến thịt lồi ra, chó lại đến ăn. Vì sao mà tôi phải khổ như thế?

- Vì đời trước ngươi làm chủ một ngôi chùa thờ ngọc hoàng, thường

dạy mọi người giết dê lấy máu tế Trời, còn thịt ngươi ăn cho nên nay phải đem thịt trả lại.

Quỷ khác hỏi:

- Trên thân tôi thường có phẩn uế trét đầy và tôi tự ăn những thứ ấy.Vì sao tôi phải chịu tội như vậy?

- Vì đời trước ngươi làm một Bà-la-môn tà kiến hung ác. Đạo nhân đến khất thực, ngươi lấy bát để đầy phẩn uế bên dưới, lấy cơm phủ lên trên rồi trao cho đạo nhân. Đạo nhân ôm bát về, dùng tay bốc cơm ăn, phẩn uế dơ tay. Vì nhân duyên ấy cho nên nay ngươi phải chịu khổ như thế.

Quỷ khác hỏi:

- Bụng tôi lớn như cái lu, yết hầu, tay chân lại nhỏ như kim, không thể ăn uống gì được. Vì nhân duyên gì phải chịu khổ này?

- Vì đời trước ngươi làm chủ một tụ lạc, tự ỷ mình giàu có, uống rượu, ngang ngược quấy phá người khác, chiếm đoạt phần ăn của người khác khiến họ phải đói khổ.

Quỷ khác hỏi:

- Tôi thường đến nhà xí muốn ăn phẩn uế, nhưng có một bày quỷ lớn cầm gậy xua đuổi không cho đến gần, trong miệng cháy rã hôi thối, đói khổ không sao chịu nỗi. Vì nhân gì mà tôi phải chịu như thế?

- Đời trước ngươi trụ trì một ngôi chùa, có các vị cư sĩ đến cúng dường đầy đủ thức ăn cho chúng Tăng. Ngươi đem những thức thô dở cúng cho khách tăng còn thức ăn ngon thì để cho mình.

Quỷ khác hỏi:

- Trên thân tôi mọc đầy những cái lưỡi, có người dùng búa chặt, chặt hết lại mọc ra, cứ như thế không thôi. Vì nhân gì tôi phải chịu như thế?

- Đời trước ngươi làm một vị đạo nhân chúng Tăng sai ngươi đi làm nước mật nha, cục đường phèn lớn khó tan, ngươi lấy búa đập nhỏ ra rồi trộm một miếng nhỏ bỏ vào miệng. Vì nhân duyên đó cho nên nay chịu khổ như thế.

Quỷ khác hỏi:

- Tôi thường bị bảy hoàn sắt nóng chạy thẳng vào bụng làm cho ngũ tạng cháy rã. Bảy hoàn sắt ấy cứ bay ra rồi lại bay vào mãi như vậy. Vì nhân gì mà chịu tội này.

- Vì đời trước làm sa di, một hôm chia trái cây cho các vị tôn túc, khi đến chỗ thầy ngươi, vì tôn kính thầy nên ngươi sanh tâm thiên vị chia cho thầy nhiều hơn bảy trái.

Quỷ khác hỏi:

- Tôi thường bị hai bánh xe sắt nóng lăn dưới nách, làm cho thân thể cháy tan. Vì nhân duyên gì phải chịu khổ như vậy?

- Vì đời trước khi chia bánh cho chúng Tăng, ông sanh tâm tham trộm hai cái kẹp dưới nách.

Quỷ khác hỏi:

- Bộ phận sinh dục của tôi to lớn như cái lu, lúc đi phải vác lên vai, lúc đứng thì ngồi lên trên, đi đứng cực khổ vô cùng. Vì sao phải chịu khổ như vậy?

- Vì đời trước ngươi làm người quản lý chợ, thường dùng cân non đấu nhỏ cân người cho, dùng cân già đấu lớn đong cho mình, luôn muốn mình được lời nhiều, chiếm lấy cắt bớt phần của người khác.

Quỷ khác hỏi:

- Trên vai tôi có hai mắt, ngực có miệng, mũi, không có đầu. Vì sao lại như vậy?

- Vì đời trước ngươi làm chủ (hàng thịt) .... khi đệ tử giết tội nhân, ngươi thường sanh tâm vui thích, dùng dây cột họ kéo đi.

Quỷ khác hỏi:

- Tôi thường bị một cây kim sắt nóng bay vào bay ra trong thân đau không chịu nổi. Vì nhân duyên gì phải chịu như thế?

- Vì đời trước ngươi làm người điều phục ngựa, voi. Khi ngựa chứng lên không nghe lời, ngươi lấy kim chích vào chân nó, hoặc khi trâu bò không chịu đi ngươi cũng lấy kim chích.

Quỷ khác hỏi:

- Thân tôi thường bị lửa thiêu đốt rất khổ sở khó chịu. Vì nhân gì phải chịu như thế?

- Vì đời trước ngươi là phu nhân của một quốc vương. Có một phu nhân khác rất được vua yêu thương, ngươi sanh lòng ganh ghét, rình chờ cơ hội hại phu nhân kia. Lúc vua ngủ chưa dậy, vị phu nhân kia cũng đang ngủ, chưa mặc y phục ngoài, ngươi sanh tâm độc ác. Đang làm bánh, ngươi lấy dầu mè đang sôi tạt lên bụng phu nhân, khiến cho bị phỏng nặng và chết.

Quỷ khác hỏi:

- Tôi thường bị gió thổi xoáy quanh thân không thể đi lại tự nhiênđược, lòng luôn buồn khổ. Vì nhân gì phải chịu như vậy?

- Vì đời trước ngươi làm thầy bói, có lúc nói đúng, có lúc nói sai, mê hoặc lòng người, khiến họ không được như ý.

Quỷ khác hỏi:

- Thân tôi giống như một khối thịt không có tay, chân, mắt, tai, mũi v.v... thường bị côn trùng, chim chốc đến mổ ăn, đau đớn không chịu nỗi. Vì nhân gì phải chịu như vậy?

- Vì đời trước ngươi thường cho người khác uống thuốc phá thai.

Quỷ khác hỏi:

- Tôi thường bị một chiếc lồng sắt nóng trùm lấy thân khiến cho thân thể cháy phỏng rất đau đớn. Vì nhân gì phải chịu như vậy?

- Vì đời trước ngươi thường dùng lưới vây bắt cá chim.

Quỷ khác hỏi:

- Tôi thường lấy đồ tự trùm đầu mình lại và cũng hay sợ người đến giết, lòng luôn sợ hãi không thể chịu nỗi. Vì nhân gì phải chịu như vậy?

- Vì đời trước ngươi ngoại tình, sợ người bắt gặp, hoặc sợ chồng người ta bắt trói đánh giết, hoặc sợ phép quan phân thây ngoài chợ cho nên luôn sợ hãi.

Quỷ khác hỏi:

- Tôi thọ thân này, trên vai thường có cái bình đồng chứa đầy nước đồng sôi. Tôi tự tay cầm vá múc xối lên đầu, toàn thân cháy bỗng. Cứ mãi như vậy, đau đớn không thể kể xiết. Vì tội gì tôi phải chịu tội như vậy?

- Vì đời trước, lúc xuất gia tu tập. Ngươi làm người chia thức ăn uống cho đại chúng, ngươi lấy riêng một bình sữa giấu ở chỗ khác. Có khách tăng đến ngươi không đem ra chia, đợi họ đi rồi ngươi mới đem ra chia cho các vị tăng trong chùa. Bình sữa đó là vật của Chiêu đề tăng, tất cả mọi người đều có phần. Ngươi lại đem dấu đi, dù chỉ chia không đều, nhưng phải chịu tôi như vậy.

(Trích kinh Tạp Tạng)

4.14. OAI LỰC CỦA ĐẾ THÍCH:

Một hôm Đế thích cùng ngọc nữ vui chơi ở giảng đường Phổ Tâp. Khi ấy có vị thiên tử thưa với Đế thích:

-Thưa Cù Dực, hiện có một con quỷ xấu ác đang ngồi trên toà của Ngài. Cả cõi Trời Đao Lợi đều tức giận, nên quỷ ấy đã biến ra hình dáng đẹp hơn cả Ngài.

Đế thích liền nghĩ: “Quỷ này chắc có thần lực cao sâu”. Nghĩ xong Đế thích trở về đến trước quỷ tự xưng danh tánh: “Ta là Đế thích chủ Chư thiên”. Nghe vậy, quỷ hiện lại nguyên hình, rón rén biến mất.

(Trích Tăng Nhất A-hàm quyển 27)

4.15. HỒN VỀ ĐÁNH THI THỂ:

Xưa, ở biên giới nước nọ có một người chết, linh hồn trở về tự đánh vào tử thi của mình. Người bên cạnh hỏi:

- Người này đã chết sao lại đánh họ?

Người kia nói:

- Đây là thi thể của tôi, vì tôi làm ác, thấy kinh giới không thèm đọc, rồi trộm cắp, nói dối, cưỡng đoạt phụ nữ, bất hiếu với cha mẹ, anh em, keo kiệt tiếc của không chịu bố thí. Nay chết bị đoạ vào ác đạo, đau đớn thống thiết không sao chịu nỗi, cho nên tôi trở về đánh mình như thế.

(Trích kinh Thí Dụ)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 47

7.1. Tấm lòng của nai mẹ
7.2. Nai chúa hi sinh cứu đồng loại
8. MINH ĐÀ
Thú minh đà lột da cứu mạng thợ săn
9. CHỒN HOANG
Vì tham ăn mà phải chịu chết
10. SÓI
Lấy oán báo oán
11. KHỈ
11.1. Duyên xưa
11.2. Khỉ dâng mật cúng dường
11.3. Khỉ làm thầy của năm trăm tiên nhân
11.4. Khỉ bắt chước La-hán xây tháp Phật
11.5. Công đức toạ thiền
11.6. Khỉ đùa giỡn với nô tỳ
12. THỎ
Thỏ chúa bố thí thân
13. CHỒN
Chồn nuốt chuột, chuột ăn ruột chồn
14. CHUỘT
14.1. Chuột cứu mạng vua Tỳ Xá Ly
14.2. Chuột ăn trộm bị mắc hoạ

1. SƯ TỬ

1.1. SƯ TỬ CHÚA BẢO VỆ KHỈ:

Vào thời quá khứ, có một con sư tử chúa ở trong hang núi sâu, thường suy nghĩ rằng:

- Ta là chúa của tất cả loài thú, có năng lực bảo hộ cho chúng.

Trong núi có hai con khỉ, sanh hai con khỉ con. Một hôm, hai chú khỉ hỏi sư tử chúa:

- Ngài có thể bảo vệ cho tất cả loài thú, giờ tôi gửi hai đứa con tôi cho Ngài để đi nơi khác kiếm ăn.

Sư tử chúa liền nhận lời, khỉ mang hai con của mình đến gửi sư tử rồi ra đi. Bấy giờ trong núi có một con chim thứu chúa, tên là Lợi Kiếm, nhân lúc Sư tử ngủ quên, nó bay đến bắt hai con khỉ con đem đến nơi vắng. Sư tử thức dậy liền bảo chim Thứu:

Tôi nay cố xin
Hãy thả chúng ra

Chớ khiến thất tín
Khiến tôi Hổ thẹn.

Thứu chúa đáp:

Tôi bay trên không trung
Sợ gì cõi của Ngài
Như muốn tôi trả khỉ
Khác nào lấy mạng tôi.

Sư tử nói:

Tôi nay giữ hai khỉ
Xả thân là chuyện nhỏ
Nếu tôi dối gạt anh
Sao xứng với trượng phu.

Nói xong, sư tử liền leo lên chỗ cao muốn kết liễu đời mình, thấy thế chim thứu liền cản:

Vì nó bỏ thân mạng
Được niềm vui Vô thượng
Nay tôi trả khỉ lại
Xin Ngài chớ huỷ mình.

(Trích kinh Đại Tập quyển 3)

1.2. MƯỜI MỘT VIỆC CỦA SƯ TỬ:

Ngày xưa có một con sư tử chúa sống trong hang núi sâu, cằm vuông, xương to, thân béo, đầu to mắt lớn, mày dài lại rộng, miệng rộng mũi to, răng đều và nhọn, lưỡi đỏ hồng, hai tai cao vểnh lên, xương sống dài, bụng thon, sáu răng nanh dài, đuôi và bờm óng mượt, tự biết đầy đủ sức khoẻ, răng móng bén nhọn, bốn chân vững chải, ở yên trong hang núi sâu, vẫy đuôi gầm rống.

Nếu sư tử đủ các tướng như trên thì nên biết đó chính là Sư tử chúa, buổi sớm nó ra khỏi hang để hít thở không khí, nhìn quanh bốn phía, phát ra tiếng gầm chấn động. Đây là mười một việc:

1. Thật chẳng phải sư tử mà dối mạo sư tử, là mất uy danh của sư tử giả.
2. Tự biết sức lực của mình
3. Luôn ở nơi vắng vẻ
4. Khiến con biết chỗ
5. Đối với quần thú không có tâm sợ sệt
6. Đánh thức người mê ngủ
7. Các loài thú không dám phóng dật

8. Các loài thú được nương nhờ
9. Điều phục được đại hương tượng
10. Nhắc nhở các con nghỉ ngơi
11. Trang nghiêm quyến thuộc.

Thông thường nghe tiếng rống của sư tử, cá lặn xuống nước đầm sâu, thú ở trên đất bằng thì ẩn vào trong hang sâu, chim đang bay trên cao thì liền rớt xuống đất, hương tượng trong chuồng bứt dây xiềng, sợ hãi bỏ chạy. Giống như Giả-can, học đòi sư tử mấy ngàn năm nhưng hoàn toàn không học được tiếng rống của nó. Như sư tử mới được ba tuổi thì nó có thể rống được. Trong con đường nhỏ ở núi Hương có sư tử sinh sống, ở đây những loài chim bay thú chạy đều vắng bóng. Tất cả các loài súc sanh, sư tử là trên hết.

(Trích kinh Niết-bàn quyển 25 và luận Đại Trí Độ)

1.3. KẺ VONG ÂN:

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-kiền-liên, Bồ-tát Dũng Trí vào thời Phật Định Quang Minh có sư tử chúa, lúc ấy ta làm vị Phạm chí trong thời gia tu tập phạm hạnh. Sư tử chúa sáng sớm đứng chầm lên trong tư thế bất động, thân thể hăng hái, gầm lên vang dội, khiến thú mọp mình, chim đang bay ruổi cánh xuống đất. Sau đó, nó trở lại tư thế bình thường, đi vào trong khu vực đồng trống núi sâu để tìm các loài thú. Gặp một con voi chúa, sư tử liền giết để ăn thịt, nhưng lại bị mắc xương, chết đi sống lại. Lúc đó sư tử bảo chim sẻ:

- Ngươi gỡ xương giúp ta, sau này ta sẽ báo ơn ngươi.

Chim sẻ nghe lời, bay vào miệng sư tử nhổ hết xương rồi mới bay ra. Hôm sau sư tử chúa này lại đi tìm thức ăn, nó giết nhiều thú rừng. Chim sẻ đi bên cạnh sư tử để mong được báo ân, thế nhưng sư tử không thèm xỉa đến.

Đức Phật bảo Mục-kiền-liên:

Lúc bấy giờ, sư tử dùng kệ nói với chim sẻ:

Ta là sư tử chúa
Giết cầm thú là nghề
Ăn thịt uống máu tươi
Xem đó là chuyện thường
Ngươi đã không tự lượng
Khó thoát khỏi răng ta
Nay ra khỏi miệng ta
Ân ấy khó thể quên.

Chim sẻ đáp:

Tuy tôi loài chim sẻ
Nhớ ân không ngại chết
Chúa sơn lâm quên ân
Tự trái với lời thề sâu
Nếu mở lòng một chút
Nhiều người được nhờ ân
Bỏ mạng không hề tiếc
Đâu dám có lời chê.

Thế nhưng, sư tử chúa hoàn toàn không chịu đền ân, hắn ra đi bỏ chim sẻ ở lại. Chim sẻ thầm nghĩ:

- Ân cứu mạng ta đã ban cho hắn rất lớn, thế mà hắn lại xem thường, giờ ta đuổi theo hắn chờ cơ hội. Người không biết báo ân thì không thể sống giữa đời được, hắn ở đâu ta cũng theo sát nó.

Sư tử lại tiếp tục giết các loài thú, tha hồ ăn thịt, ăn no lại nằm ngủ, không lo sợ gì cả. Bấy giờ chim sẻ Âm thầm bay đến chỗ sư tử, đậu trên trán rồi hết sức dùng mỏm mỗ vào mắt. Sư tử đau quá kinh hoảng vùng dậy, nhìn quanh nhưng không có con vật nào, chỉ thấy chim sẻ đang đậu trên cành cây. Nó hỏi chim sẻ:

-Hôm nay sao ngươi dám mỗ mắt ta?

Chim sẻ dùng kệ đáp:

Ân nặng không chịu đáp
Ta mới sanh tâm hại
Nay chừa lại một mắt
Ấn này sao dám quên
Tuy ngươi chúa muôn loài
Việc làm vô liêm sĩ
Từ nay hãy dừng lại
Chớ tạo thêm oán kết.

Sư tử chúa lúc bấy giờ nay chính là Bồ-tát Dũng Trí, chim sẻ nay là Mục-kiền-liên.

(Trích kinh Bồ-tát Anh Lạc quyển 9)

1.4. NHỜ TỲ-KHEO ĐƯỢC THOÁT KIẾP SƯ TỬ:

Ngày xưa, ở trong vùng núi sâu nọ có hai vị Tỳ-kheo cùng chung tu tập và gần chứng được thần thông. Cách chỗ của hai vị Tỳ-kheo này không xa, có một con sư tử mẹ sanh được hai sư tử con, nuôi dưỡng đã khá lớn. Một hôm, sư tử mẹ muốn đi tìm thức ăn mới lạ cho con nên

chúng gửi cho hai Tỳ-kheo rồi sang những hang gần bên kiếm mồi. Có khi sư tử mẹ năm ngày mới trở về thăm con một lần, thấy chúng gần gũi với hai Tỳ-kheo nên yên tâm rồi lại ra đi nữa. Lần đi này sư tử mẹ đi lâu về, hai vị Tỳ-kheo đi nơi khác, hai sư tử con gặp phải thợ săn, gã thợ săn muốn bắt chúng nên cả hai bỏ chạy vào rừng. Thợ săn suy nghĩ:

- Loài thú này rất thân cận với Tỳ-kheo, nay ta sẽ cải trang thành Tỳ-kheo, như vậy mới bắt được chúng.

Trong hang sâu có để lại một pháp y Ca-sa, thợ săn lấy mặc vào rồi đến chỗ sư tử con. Khi gặp thợ săn, Chúng cho là Tỳ-kheo thật nên vui vẻ đi theo. Lúc ấy người thợ săn liền bắn chết hai chú sư tử con, rồi lột lấy da làm áo đem bán cho người khác. Tỳ-kheo trở về không thấy sư tử đâu vội đi tìm khắp nhưng tìm cũng không ra. Bấy giờ Ngài nhập định thiền quán nên biết được hai sư tử con bị bọn thợ săn bắt giết. Tỳ-kheo liền dùng thần thông đuổi theo thợ săn đoạt lấy tấm da lại để làm mền ngồi và thường sờ vào để chú nguyện cho sư tử được giải thoát kiếp súc sanh. Chú nguyện không bao lâu, một hôm Ngài nhập định, quán sát biết sư tử con đang sanh về đâu và sẽ làm hai đứa con sanh đôi trong một nhà trưởng giả ở thủ đô của nước. Khi mới nhập thai, người mẹ không biết. Tỳ-kheo đến hỏi:

- Nay trưởng giả còn thiếu điều gì?

- Nhà tôi giàu có nhưng lại chưa có con trai. Trưởng giả đáp.

- Tôi có thể giúp ông.

- Như thế thì phúc đức cho nhà tôi. Trưởng giả vô cùng vui mừng nói.

- Nếu chắc chắn là con trai thì ông sẽ lấy gì đền ân?

- Được như thế thì con sẽ cho nó làm đệ tử của Ngài.

Tỳ-kheo chú nguyện rồi ra đi, từ đó người vợ của trưởng giả cảm thấy mình đang mang thai. Không lâu, bà sanh ra hai cậu con trai, dáng mạo giống nhau y đúc. Năm hai cậu bé lên tám, Tỳ-kheo lại đến nhà, vì có túc duyên nên khi gặp Ngài, hai cậu đã tỏ lòng kính mến Ngài.

Tỳ-kheo nói với trưởng giả:

- Ông còn nhớ lời hẹn xưa không?

Vì lời thề trước kia, bất đắc dĩ ông cho hai đứa con mình làm đệ tử của Ngài. Tỳ-kheo dẫn về và cho xuất gia làm Sa di. Hai chú tinh tấn tu tập, không bao lâu thì cả hai đều chứng đạo. Hai chú này thường ngồi thiền trên tấm da sư tử, nên khi chứng đạo họ liền biết đó là tấm da của mình ngày trước. Hai vị Sa di này lần lượt quán sát rồi cùng đến trước thầy đảnh lễ, tỏ lòng biết ơn:

- Chúng con được như ngày hôm nay thật sự là nhờ vào ân đức lớn lao của thầy.

(Trích kinh Thí Dụ quyển 5)

1.5. SƯ TỬ CHÚA GẶP NẠN ĐƯỢC DÃ CAN CỨU:

Vào thời quá khứ, dưới chân núi Tuyết sơn có một con sư tử chúa lãnh đạo năm trăm sư tử cùng nhau sinh sống. Thời gian sau, sư tử chúa già bệnh, thân hình gầy ốm, mắt loà tai điếc. Một hôm sư tử chúa dẫn đầu đoàn sư tử, không hay rơi vào trong giếng cạn, năm trăm sư tử kia thấy vậy đều bỏ đi. Bấy giờ có con Dã can thấy sư tử rớt trong đáy giếng, nó thầm nghĩ:

- Sở dĩ ta ở trong khu rừng này được yên ổn, ăn uống no đủ đều nhờ vào sư tử chúa. Nay sư tử chúa rơi vào sự nguy hiểm như thế, ta phải làm sao cứu lên để báo ân?

Bấy giờ, bên cạnh giếng có dòng nước chảy, Dã can nghĩ:

- Ta nên dùng chân để đào thông nguồn nước, khi nước đầy sư tử chúa sẽ nổi lên.

Thấy vậy, vị thần rừng nói kệ:

Tuy thân mình dũng mãnh
Nhưng nên kết bạn yếu
Dã can nhỏ cứu cho
Sư tử thoát nạn giếng.

Phật bảo, sư tử chúa xưa nay là ta, năm trăm sư tử kia nay chính là năm trăm Tỳ-kheo, Dã can kia nay chính là ông A-nan.

(Trích luật Thập Tụng quyển 1)

1.6. TỘI BÁO CỦA LỜI NÓI ĐÂM THỌC:

Vào thời quá khứ, dưới chân núi Tuyết sơn có đôi bạn thú kết làm tri thức, cùng nhau sanh sống, một con tên Hảo Mao sư tử, con kia tên là Hảo Nha Hổ. Hai chú rất thương yêu nhau, thường nhắm mắt liếm lông cho nhau, cả hai đều thích ăn món thịt mềm ngon. Cách đó không xa có một con Dã can chuyên môn đâm thọc, nó suy nghĩ:

- Ta sẽ đến bên cạnh đôi bạn thân này nói: ta sẽ là người bạn thân thứ ba của hai anh. Và nó xin hai thú cho kết bạn.

Đôi bạn kia nói:

- Được thôi!

Dã can này thường hay nói lời gây ra sự chia rẽ, nó ăn phần thịt vụn của hai thú này nên thân thể càng ngày càng béo phì ra, nó nghĩ:

- Hảo Sư Tử và Hảo Nha Hổ này kết bạn thiện tri thức với nhau,

lại thương yêu nhau, chúng thường ăn thứ thịt ngon, có khi không kiếm được thức ăn chắc chắn chúng sẽ ăn thịt của ta, nay ta nên tìm cách làm cho chúng chia tay nhau.

Thế rồi nó bảo sư tử:

- Hổ sanh tâm xấu đối với Ngài đấy, nó nói, sở dĩ có những thứ thịt ngon để ăn là nhờ vào sức của nó.

- Làm sao ngươi biết được? Sư tử hỏi.

Dã can đáp:

- Sáng mai gặp Hổ, khi nó nhắm mắt liếm lông Ngài thì Ngài sẽ nhận ra tướng xấu của nó.

Nói với Sư tử xong nó lại đến nói với Hổ:

- Sư tử nay có tâm xấu với Ngài đấy! Hắn ta nói có thịt ngon để ăn toàn là nhờ vào sức của nó.

Làm sao ngươi biết được điều đó? Hổ hỏi.

- Sáng mai, lúc Ngài gặp sư tử, khi nó nhắm mắt liếm lông của Ngài thì Ngài sẽ nhận ra tướng xấu của nó. Dã can nói.

Hai người bạn tri thức này, Hổ là người sợ tình bạn mất đi sự tín nhiệm của nhau, cho nên trước tiên nó đến tìm sư tử để hỏi cho ra lẽ:

- Có phải anh sanh lòng ác với tôi không?

- Ai nói với bạn vậy? Sư tử hỏi.

- Là Dã can nói với tôi.

Sư tử hỏi:

- Có phải anh cũng sanh lòng ác đối với tôi không?

- Không có.

Hổ nói tiếp:

- Nếu như anh có lời nói ác như vậy thì thôi chúng ta chớ kết bạn tri thức với nhau nữa.

Sư tử nói:

- Con Dã can hai lưỡi đó nói với tôi như thế, tại sao anh không thích chung sống với tôi? Liền nói kệ:

Nếu tin lời người xấu
Sớm sẽ chia tay nhau
Thêm mang lòng sầu khổ
Sân hận mãi không thôi
Không tin bạn xấu ác
Tin nó thời chia rẻ
Sẽ thành món họ ăn
Không tin kẻ đâm thọc

Lại cùng nhau hoà hợp
Nỗi niềm cùng tỏ phân
Tâm tịnh lời nhu nhuyến
Nên làm bạn tri thức
Hoà hợp như nước sữa
Nay loài sâu bọ kia
Sanh ra tánh vốn xấu
Một đầu mà hai lưỡi.

Hổ và Sư tử cùng nhau vở lẽ rồi bắt Dã can xé thành hai mảnh.

(Trích phần 3 của bài tụng thứ 2 luật Thập Tụng và phần 9 của bài tụng thứ 3 luật Di Sa Tắc và kinh Dã can lưỡng thiệt cũng giống như vậy)

1.7. MƯỜI HAI CON GIÁP:

Ngoài cõi Diêm-phù-đề, trong vùng biển phía đông có ngọn núi Lưu ly gọi là Triều, chiều cao khoảng hai mươi do tuần, ở đó có rất nhiều các thứ báu lạ. Trong ngọn núi có hang sâu gọi là chủng chủng sắc. Nơi đây, cũng là nơi ngày xưa Bồ tát đã từng tu khổ hạnh. Bề ngang của hang khoảng một do tuần, cao sáu do tuần, trong hang có một con rắn độc, tu tập hạnh từ của Thánh văn.

Lại có một cái hang khác tên la Vô tử, chiều cao bề rộng đều giống như hang trước. Hang này cũng là nơi ngày xưa Bồ tát từng tu tập khổ hạnh. Trong hang lại có một con ngựa cũng tu hạnh từ của Thánh văn.

Lại có một hang khác tên là Thiện Trụ, cao rộng cũng như hai hang trước. Ngày xưa Bồ-tát cũng từng tu khổ hạnh ở đó, trong hang lại có một con Dê cũng tu hạnh từ của Thánh văn.

Trên núi có vị thần cây tên là Vô Thắng, một La-sát nữ tên Thiện Hạnh, mỗi người có năm trăm quyến thuộc thường vây quanh. Hai người nữ này thường cung cấp thức ăn cho ba con thú này.

Trong vùng biển phía nam ngoài cõi Diêm-phù-đề có một ngọn núi Pha lê cao hai mươi do tuần. Trong núi có hang tên là Thượng sắc, chiều dài chiều rộng cũng như các hang được nói ở trên, nơi đây cũng là nơi ngày xưa Bồ-tát từng tu khổ hạnh. Trong hang có một con khỉ tu tập hạnh từ của Thánh văn.

Lại có một hang tên là Thệ nguyện, chiều cao rộng cũng như thế, cũng là nơi ngày xưa Bồ-tát từng tu tập khổ hạnh. Trong hang này có một con gà tu hạnh từ của Thánh văn.

Lại có một hang tên là Pháp lâm, bề cao rộng cũng như thế, cũng là nơi ngày xưa Bồ-tát tu tập, có một con chó tu hạnh từ của Thánh văn. Trong núi có một vị thần lửa và một La sát nữ tên là Nhãn kiến, mỗi người có năm trăm quyến thuộc vây quanh. Hai người nữ thường cung cấp thức ăn cho ba con chim thú này.

Trong vùng biển phía tây ngoài cõi Diêm-phù-đề lại có ngọn núi bạc, tên là Bồ-đề nguyệt, cao hai mươi do tuần, cao rộng cũng như thế. Trong núi có hang tên Kim cương, cũng là nơi ngày xưa Bồ tát tu tập, ở đó có một con heo tu hạnh từ của Thánh văn.

Lại có một hang tên là Hương công đức, cao rộng cũng hhư thế, cũng là nơi ngày xưa Bồ tát tu, ở đây có một con chuột tu hạnh từ của Thánh văn.

Lại có một cái hang tên là Cao công đức, chiều cao rộng cũng như thế. Đây là nơi ngày xưa Bồ tát tu tập, trong hang có một con Trâu tu hạnh từ của Thánh văn. Trên ngọn núi có vị thần gió tên là Động phong và nữ La sát tên là Vô hộ, mỗi người đều có năm trăm quyến thuộc, thường có hai ngươi nữ cung cấp thức ăn cho ba con thú đó.

Trong vùng biển phía bắc ngoài cõi Diêm-phù-đề có ngọn núi vàng tên là Công đức tướng, cao hai mươi do tuần, bên trong có hang tên là Minh tinh, rộng một do tuần, cao sáu do tuần. Cũng là nơi ngày xưa Bồ tát tu tập, trong hang có con một con sư tử tu tập hạnh từ của Thánh văn.

Lại có một hang ttên là Tinh đạo, cao rộng cũng như thế, cũng là nơi ngày xưa Bồ tát tu tập, trong hang có một con Thỏ tu tập theo hạnh từ của Thánh văn. Trên núi có thần nước tên là Thuỷ tiên, một nữ La sát tên là Tu Tàm quý, mỗi người có năm trăm quyến thuộc. Hai cô gái này thường cung cấp thức ăn cho ba con thú đó.

Mười hai con thú này thường đi trong cõi Diêm-phù-đề, được người Trời cung kính. Công đức của chúng đã thành tựu, ở nơi chư Phật đã phát nguyện sâu rộng. Một ngày một đêm thường cho một con thú đi giáo hoá, mười một con còn lại an trụ trong hạnh từ bi, cứ như thế giáp vòng rồi lại bắt đầu từ chuột. Chúng đem Thánh văn thừa để giáo hoá tất cả chúng sanh mang thân chuột, khiến cho họ lìa được nghiệp ác, chuyên tu thiện hạnh. Như thế lần lượt đến mười ba ngày lại đến phiên chuột. Cho đến mười hai tháng, mười hai năm cũng như thế. Do cõi này có nhiều công đức nên đến cả súc sanh cũng có thể giáo hoá. Thế nên Bồ-tát ở phương khác thường cung kính thế giới của chư Phật ở đây. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di muốn nhìn thấy

mười hai con thú này, muốn được đại trí đại định, đại thần thông lực, muốn thọ học tất cả kinh điển đã có, muốn được tăng trưởng pháp lành, người này nên lấy đất trắng làm núi, chiều ngang rộng bảy thước, cao mười hai thước, nhiều loài hương thơm, bôi lên lớp vàng mỏng, bốn bên lát vàng giáp vòng hai mươi thước. Rải hoa Chiêm bà, lấy đồ bằng đồng đựng, các loại nước phi thời đặt ở bốn phía. Thanh tịnh trì giới, ngày tắm gội ba lần, kính tin Tam bảo. Đứng ở hướng chánh đông cách núi ba trương, tụng chú suốt mười lăm ngày, khi thấy trăng non trên đỉnh núi thì sẽ thấy được mười hai con thú. Thấy xong, bao nhiêu sở nguyện đều được như ý. Nếu có thể tu hành khổ hạnh thì liền chứng quả, mắt sẽ nhìn thấy mười hai con thú này và chư vị Bồ-tát. Hoặc hiện làm thân Trời, hoặc làm thân quỷ, tượng chim thú dạo cõi Diêm-phù-đề giáo háo các loài chúng sanh như thế. Nếu làm người Trời thì điều phục chúng sanh, đó chẳng phải là khó. Nếu làm thân súc sanh mà điều phục chúng sanh mới khó.

(Trích kinh Đại Tập quyển 24)

2. VOI:

2.1. VOI CHÚA CÚNG DƯỜNG PHẬT:

Một hôm, Đức Phật muốn yên tĩnh cho nên Ngài đi dạo một mình đến khu rừng Đa-lợi-la-da-bà-la, thuộc nước Kiều-tất-la, ngồi dưới gốc cây báu. Ở đó có đoàn voi năm trăm con, voi chúa thường đi phía sau, nó luôn uống nước đục và cỏ héo, vì chán theo cai quản đoàn voi nên một mình đứng dưới gốc cây. Xa xa nhìn thấy Đức Phật đang ngồi, nó dùng vòi nhổ cỏ và san đất bằng phẳng, rồi đi múc nước rưới lên cho khỏi bụi, trải cỏ làm toà và đến quỳ gối thỉnh Phật lên ngồi. Phát tâm cúng dường ba tháng như thế, Đức Phật biết ý của voi chúa nên Ngài nhận lời thỉnh cầu và nói nói kệ:

Một mình không lo lắng
Như voi giữa đồng không
Vui học theo hạnh giới
Cần chi đến bạn bè.

Bấy giờ voi chúa lấy gốc ngó sen tươi ngon, rửa sạch rồi đem dâng cho Đức Thế tôn. Voi cúng dường như thế ba tháng

(Trích luật Tăng kỳ quyển 11)

2.2. VOI CHÚA THIỆN TRỤ LÀM CHUYỂN LUÂN VƯƠNG:

Xưa có voi chúa tên Thiện Trụ, thân hình trắng đẹp, bảy tướng

đầy đặn, sức mạnh phi thường, đầu đỏ, long trên thân đủ màu, sáu ngà nhỏ nhắn, thường làm quyến thuộc với tám ngàn voi chúa ở dưới cây Sa-la thuộc núi Hương sơn.

Nơi cây Sa-la chúa này có tám ngàn ao hồ, chiều ngang rộng sáu mươi do tuần, nước trong ao thật trong mát, thành ao làm bằng bảy báu, trong ao có đủ các loài hoa năm màu. Voi chúa vừa muốn vào tắm thì lập tức có tám ngàn con voi khác cùng nhau đến. Có con cầm dù lọng, có con thì hát ca đi trước dẫn đường, hoặc có con xuống tắm rửa đuôi lưng, chân tay cho voi chúa, có con thì nhổ rể hoa dâng cho voi chúa ăn, có con thì hái hoa rải lên voi chúa. tám ngàn voi cũng cùng nhau tắm rửa vui chơi với voi chúa. Các Dạ-xoa thấy thế đều dời ra ở ngoài bìa rừng (trong luật Thập Tụng ghi: trong ao A-nậu có cung điện của voi chúa. Kinh Tăng Nhất A-hàm ghi: cạnh núi Hương Tích có tám mươi bốn ngàn voi trắng). Thích Đề Hoàn Nhân cởi voi nhỏ nhất. Chuyển luân Thánh vương cởi voi Tượng Bảo. Trong núi Kim bích có tám vạn hang núi, tám vạn con voi cùng ở, toàn thân trắng mượt, đầu có nhiều màu, miệng có ngà to, giữa răng có khảm vàng.

(Trích kinh Trường A-hàm quyển 18, Tăng Nhất A-hàm, kinh Lâu Thán)

2.3. VOI CON MẤT MẸ ĐƯỢC TIÊN NHÂN NUÔI DƯỠNG:

Ngày xưa, có một con voi ở nơi vắng vẻ, sinh một chú voi con, không bao lâu voi mẹ qua đời. Cách đó không bao xa có vị Tiên nhân đang cư trú, vị Tiên nhân này có oai lực, đầy đủ công đức, lòng từ bao la. Từ xa, ông nhìn thấy voi con, mẹ mất từ khi mới biết đi, xum quanh quạnh vắng, không thể tự sống, ông liền đến đem voi con về chỗ mình, lấy nước và trái cây để nuôi dưỡng.

Voi con được sống trong sự nhân ái hiền thiện của Tiên nhân, công đức cao vời, vui nơi đạo lý nên nó được an ổn không còn lo sợ điều gì.

Sống chung với Tiên nhân, voi con dần dần trưởng thành, bộ áo lông rất mượt. Nó thường đi lấy nước và hái trái cây về dâng cho Tiên nhân rồi sau đó mới ăn. Tiên nhân thấy nó có đức hạnh nên yêu mến như con, chăm sóc nuôi nấng không biết chán.

Bấy giờ Trời Đế thích thầm nghĩ:

-Nay vị Tiên nhân này thương voi con như thế, ta há có thể làm chia lìa tình thương của họ khiến cho họ phải buồn bã.

Đế thích liền hoá hiện để thử lòng của vị Tiên nhân. Ông biến hoá

làm cho voi con tự nhiên lăn ra chết, máu chảy lênh láng. Tiên nhân thấy voi con chết, đau xót rơi lệ. Những vị Tiên nhân khác nghe tin liền đến an ủi khuyên lơn nhưng Tiên nhân không thể nào quên được nỗi buồn.

Bấy giờ Thiên Đế thích đứng trên không trung nói kệ an ủi Tiên nhân và biến hoá cho voi con sống lại, Tiên nhân hết sức vui mừng.

Đức Phật kết luận:

(Vị Tiên nhân là Hoà thượng, voi con là đệ tử, Thiên Đế thích thuở ấy chính là ta)

2.4. VOI KẾT BẠN VỚI KHỈ VÀ CHIM:

Vào thời quá khứ, trong khu rừng Ni-câu-luật, có ba con thú là voi, khỉ và chim (luật Tăng Kỳ quyển 27 ghi là chim Điên-đà-điểu) cùng kết bạn và chung sống với nhau. Chúng bảo nhau:

- Chúng ta cùng sống trong khu rừng này thì phải nên cung kính lẫn nhau.

Khỉ và Đà-điểu hỏi voi:

- Anh còn nhớ việc xa xưa không?

- Tôi nhớ lúc còn nhỏ, hàng cây này chỉ cao tới bụng của tôi mà thôi. voi đáp.

Voi và chim cùng hỏi khỉ như thế, khỉ đáp:

- Lúc tôi còn nhỏ cây này đưa tay lên là tới đầu ngọn của nó (luật Tăng Kỳ ghi: phun nước giải lên tới cây).

Voi bảo khỉ:

- Vậy anh lớn tuổi hơn tôi.

Voi và khỉ cũng hỏi chim Đà-điểu, đáp:

- Tôi nhớ phía bên phải núi tuyết sơn có cây Ni-câu-luật to lớn, tôi ăn quả của nó và đến nhỗ hạt ở đây, bây giờ mọc lên và lớn như thế đó.

Cả hai con cùng bảo là chim lớn tuổi nhất. Voi liền đặt khỉ lên đầu mình, khỉ cho chim đậu trên vai, cả ba cùng dạo chơi trong nhân gian. Từ thôn này sang thôn khác, từ ấp này đến ấp kia, chúng thường nói kệ:

Nếu người hay nhớ pháp
Hãy kính các trưởng lão
Hiện đời được tiếng khen
Tương lai sanh cõi lành.

Nghe chim nói pháp như thế, mọi người cùng nhau lưu truyền

khắp nơi.

Phật dạy: Các vị xuất gia trong giáo pháp của ta càng phải yêu kính nhau, được như thế giáo pháp của ta mới lưu truyền mãi mãi. Từ nay trở đi, nên tuỳ theo lớn nhỏ mà cung kính lễ bái, chào hỏi đón tiếp lẫn nhau.

(Trích luật Tứ Phần quyển 3, Bảy pháp của luật Thâp Tụng quyển 6)

3. NGỰA:

NGỰA CHÚA BÀ LA HÊ LÀM CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG:

Ngựa chúa tên Bà-la-hê, cung điện ở núi Minh Nguyệt, trong vùng biển cả có tám ngàn con ngựa làm quyến thuộc. Nếu Chuyển luân Thánh vương xuất thế, chọn con nhỏ nhất làm ngựa báu cho vua cưỡi.

(Trích kinh Tăng Nhất A-hàm)

4. TRÂU:

4.1. TRÂU GẶP PHẬT CHỨNG ĐẠO:

Có người dân từ phương xa đến, dắt theo một con trâu lớn, mập mạp, có sức khoẻ phi thường, bán cho người ở thành Xá-vệ. Bấy giờ người mua muốn đem làm thịt. Ông ta dắt trâu vào trong cửa thành thì gặp Đức Phật. Trâu từ xa trông thất Đức Phật, trong lòng xen lẫn buồn vui, nó liền bứt dây xiềng rồi bỏ chạy, người chủ không thể ngăn được.

Trâu chạy thẳng đến trước mặt Đức Phật rồi quỳ mọp hai chân trước xuống, miệng rống lên những tiếng cầu cứu, nước mắt tuôn ra, nói:

- Đại Thánh khó gặp, vạn kiếp mới thấy, xin Ngài thương xót cứu giúp con.

Phật nói:

- Được rồi, ta sẽ cứu ngươi.

Ngài kể:

- Vào kiếp lâu xa có Chuyển luân Thánh vương, hàng ngàn thứ bảy báu khắp trong thiên hạ đều của vua, vua dùng chánh pháp trị quốc an dân. Bốn đức của vua rộng lớn, xem dân như con, dân kính như cha. Hàng Sa-môn, Phạm chí, trưởng giả, dân chúng không bao giờ mang bệnh tật. Khắp bốn cõi ca ngợi đức của nhà vua vang khắp cả mười phương. Một hôm, vua đi tuần hành khắp thiên hạ, khi trở về cung thì gặp một người thân đang bị chủ nợ bắt trói vào thân cây lớn và đòi năm

mươi lượng vàng. Thị tùng của vua thấy thế lấy làm lạ bèn dừng lại hỏi nguyên do. Ông nói:

- Ngươi cởi trói cho hắn ta sẽ trả cho một trăm lượng vàng.

Chủ nợ liền cởi trói cho người ấy về nhà, người này thường đến cửa cung để xin vàng nhưng không được, còn người chủ nợ kia không biết bỏ trốn đi đâu. Thế rồi trôi lăn trong sanh tử trải qua vô số kiếp cho đến ngày nay, sanh trong loài trâu, chủ nợ đem bán mấy chục lượng vàng. Bấy giờ Chuyển luân vương nay chính là ta, người chủ nợ nay là con trâu. Phật làm Thánh vương, nói với họ sẽ bồi thường cho họ nên nay trâu đến cầu cứu.

Bấy giờ Phật bảo với chủ của trâu:

- Ta sẽ khất thực để bồi thường giá tiền bằng con trâu này.

Thế nhưng chủ trâu không chịu, ông ta cứ đòi lấy con trâu.

- Nay ta sẽ trả vàng cho ông theo trọng lượng nặng nhẹ của con trâu, có chịu không? Đức Phật hỏi.

Chủ trâu cũng không đồng ý.

Bấy giờ Trời Đế-thích, Trời Phạm thiên từ trên không trung hạ xuống bạch Phật:

- Bạch Đức Thế tôn, muôn ngàn lượng vàng nay con đã mang đến.

Bấy giờ Đức Phật thoả thuận với chủ trâu và mang trâu về Tinh xá Kỳ-hoàn, bảy ngày sau trâu chết, thần thức liền sanh lên cõi Trời. Nhớ lại việc quá khứ, được Phật cứu thoát kiếp trâu nên vô cùng cảm niệm công ơn của Đức Phật, ông ta liền xuống trần gian, rải hoa cúng dường để báo đáp ân Phật. Đức Phật liền thuyết pháp, nghe xong ông chứng quả bất thoái địa vô sanh pháp nhẫn sau đó về lại cõi Trời.

(Trích kinh Sanh quyển 4)

4.2. TRÂU CHÚA NHẪN NHỤC VỚI KHỈ:

Vào thời quá khứ, có một khu đất trống, trâu chúa quen ở trong đó, thường dạo chơi, ăn cỏ và uống nước suối. Bấy giờ trâu chúa đi đầu dẫn cả đoàn trâu quyến thuộc theo, nó có dung mạo đẹp đẽ, uy thần dũng mãnh, danh đức vượt trội, nhẫn nhục hoà nhã, đi đứng ung dung. Gần bên có một con khỉ, khi thấy bầy trâu quyến thuộc chung sống hoà hợp, trong lòng thường nảy sanh những tâm ý ganh ghét, vì thế nó tung bụi và ném gạch đá qua, khinh mạn, huỷ nhục trâu chúa và quyến thuộc. Trâu chúa im lặng hứng chịu, không hề đáp trả. Bầy trâu đi qua chưa lâu thì có con trâu khác cứ nối đuôi nhau tiến tới. Khỉ trông thấy

thế thì lại càng nổi giận, buông lời mắng nhiếc, tung bụi ném đá. Đoàn trâu đi phía sau thấy trâu chúa đi trước im lặng không phản kháng, nhẫn nhục không thù hận, vì vậy đàn trâu quyến thuộc cũng bỏ đi qua. Lát sau có một con nghé từ sau chạy đến, thấy vậy, khỉ chạy theo nghé để mắng nhiếc và khinh rẽ. Nghé lộ vẽ giận dữ nhưng lại vì thấy đồng loại mình đi trước nhẫn nhục không có tâm oán thù nên nó cũng bắt chước theo. Cách đàn trâu không xa, có một vi thọ thần đi dạo chơi và đến hỏi thăm trâu chúa:

- Sao các Ngài lại bị con khỉ bỉ ổi đó cứ theo mắng nhiếc mà lại im lặng nhẫn nhục, không chịu đáp trả?

Trâu chúa nói:

Kia khinh huỷ nhục ta
Nếu ta đáp trả lại
Họ sẽ càng mắng hơn
Rốt cuộc gây thêm hoạ.

Bầy trâu đi qua, không bao lâu thì có Phạm chí và các tiên nhân đi qu đường này. Khỉ thấy mọi người đi qua cũng buông lời mạ nhục. Đoàn người liền đến bắt và mang ra bẻ chân nó rồi giết chết. Bấy giờ thọ thần nói kệ:

Tội ác không mất đi
Chín muồi mới gặt hái
Tội ác nay đã mãn
Tai hoạ phải chuốc lấy.

Phật dạy:

Bấy giờ trâu chúa chính là ta. Lúc còn làm Bồ-tát mắc phải lỗi lầm nên đoạ làm chúa trong loài trâu, thường hành nhẫn nhục, tu bốn tâm bình đẳng, từ bi vui giúp người, rốt ráo thành Phật.

(Trích kinh Sanh phần 4)

4.3. NÓI LỜI ÁI NGỮ:

Vào thời quá khứ, một gia đình nọ có con trâu, gia đình kia có một con bò, cả hai đều là tài sản của của hai gia đình. Một hôm, gia đình kia thách đố:

- Có trâu ai mạnh bằng bò của tôi không, thử dắt ra đọ sức, nếu như bò của nhà tôi thắng thì tôi sẽ thâu hết tài sản làm tài sản của nhà người thua, còn như thua thì tôi sẽ đem tài sản của mình nộp cho nhà thắng.

Nghe lời công kích của đối phương, chủ của trâu mới lên tiếng:

- Được thôi, tôi sẽ mang trâu tôi sẽ đọ sức với bò nhà anh.

Bấy giờ, chủ trâu vật nặng buộc vào bên trái của xe trâu và cười nói ngạo ngễ:

- Mày là đồ trâu đen, sừng công vòng!

Sau đó ông dùng dùi điều khiển. Lúc ấy, trâu nghe chủ buông những lời chê bai mình như thế nên rụng rời chân tay, không còn sức để kéo xe chạy lên dóc nổi. Vì thế chủ của trâu phải chịu thua và bị chủ nhà bò kia thâu hết tài sản. Chủ bò sau khi được tài sản rồi, một thời gian sau lại rao lời thách đố nữa.Trâu đen nghe tiếng ra thách thì nó thưa với chủ:

- Ngài hãy nhận lời thi đấu đi.

Chủ nói:

- Không được đâu, ngươi tệ quá làm ta mất hết tài sản, giờ lại muốn cho người ta lấy hết tài sản của ta thêm một lần nữa ư?

Trâu nói:

- Lúc trước, ở giữa mọi người Ngài chê hình tướng của tôi, bị chê nên tôi bủn rủn tay chân, mất hết sức lực, không thể kéo xe chạy lên dóc nổi. Giờ xin Ngài đừng chê tôi như vậy nữa. khi ở trước người khác, Ngài hãy khen tôi:

- Này trâu to lớn xin đẹp yêu quý của ta, từ khi sanh ra đến giờ rất hiền, có đôi sừng rộng và thẳng.

Người chủ đó nhận lời thách đấu, ông ta tắm rửa và lau sừng cho trâu, đặt tràng hoa đẹp vào phía trái xe và nói những lời dịu dàng:

- Trâu đen của ta hiền lành nhất, sừng dài lại thẳng, có sức mạnh phi thường. Nào, con kéo đi nào!

Trâu nghe những lời dịu dàng ấy thì tăng thếm sức mạnh để kéo vật nặng lên dốc.

Bấy giờ, trâu đen thắng, không những lấy lại tài sản luc trước bị tịch thu mà còn thu được tài sản gấp ba lần. Chủ được lợi lớn và nói kệ:

Chở nặng vào vết sâu
Theo lời ta mới đi
Vậy nên nói dịu dàng
Không nên nói thô tháo
Lời ngọt thêm sức mạnh
Trâu kéo nỗi chiếc xe
Ta thâu nhiều của cải
Thân tâm được an vui.

Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo, loài súc sanh nghe chê về hình tướng của mình mà còn buồn bã, mất hết ntuệ khí, huống gì là con người.

(Trích luật Thập Tụng quyển 2 và 3. Luật Tứ Phần quyển bảy phần đầu, đại thể là giống nhau)

4.4. TRÂU BIẾT NGHIỆP TRƯỚC CỦA MÌNH:

Ngày xưa, có một gia đình giàu có, xuất tiền cho vay lấy lời. Bấy giờ có hai người vay một khoản tiền mười ngàn đồng, đến kỳ trả đủ. Ngày sau, hai người này cùng thông đồng với nhau, mỗi người mượn thêm mười vạn nữa nhưng sau đó họ không chịu trả.

Bấy giờ có con trâu đang cột bên hàng rào bảo với hai người rằng:

Ngày trước, tôi vì vay của chủ một ngàn mà không trả nên nay đã ba kiếp làm trâu để bồi thường nhưng cũng chưa trả xong, huống gì nay các ông lại vay của người ta mười vạn mà không trả thì sau này nợ không biết khi nào mới trả xong.

Hai người nghe trâu nói thế thì kinh hồn, đến sáng, họ gặp người chủ, hai người cùng kể lại việc ấy cho ông nghe, ông liền thả nó ra cho nhập đàn, không bắt nó phải làm trả nợ nữa. Ông lại nguyện: Nguyện cho con trâu nay từ nay trở về sau không còn thọ thân súc sanh nữa, số tiền còn lại không đòi nữa.

Sau đó trâu chết và được sanh vào loài người.

(Trích kinh Thí Dụ)

5. LỪA:

5.1. LỪA KÉO XE:

Ngày xưa có con lừa thường dùng để kéo xe, một ngày đi đường xa đến cả mấy trăm dặm. Một hôm chủ nói với người em của mình:

- Em chớ nên thả con lừa này ra, nó sẽ gặp gở con lừa khác.

Người em nghe vậy lấy làm quái lạ, nghĩ rằng: Thông thường người trí gặp nhau thì sẽ có được niềm vui, kẻ nịn hót gặp nhau cũng có niềm vui, loài vật gặp nhau cũng vậy.

Nghĩ thế, người em cố tình thả lừa để cho chúng được gặp nhau. Sáu đó thì lừa không kêu nữa, bỏ ăn bỏ uống, khi người anh đến thắng yên thì nó liền nằm lì, không chịu đi. Người anh nổi giận, cạo long của nó. Bị cắt đau quá lừa phải gắng để kéo đi, nó nói:

- Em của Ngài thả tôi ra gặp phải bạn ác tri thức, tôi hỏi nó làm

sao để mập, nó trả lời là đội đất cho nhà thợ gốm, khi gặp đường xấu thì chỉ ăn nằm mà không chịu đi, khi ấy sẽ được thả ra ăn uống bên đường. Được ăn uống thoải mái, khi về lại được ăn lúa thơm, nhờ đó mới được mập.

Nó hỏi tôi:

- Tại sao gầy yếu như thế?

Tôi trả lời:

- Tôi kéo xe một ngày đi năm trăm dặm, chủ cho ăn uống quá kham khổ, cho nên tôi ốm. Vì ốm yếu cho nên tôi cho rằng nếu thả ra thì sẽ mập, ngược lại nay bị cạo lông nên không dám nằm nữa, chỉ xin được sống sót.

Nghe nói thế, người chủ thương tình nên thả nó đi.

(Trích kinh Thí Dụ bộ 10 quyển, quyển 8).

5.2. LỪA DO BẮT CHƯỚC TRÂU BỊ GIẾT:

Bầy trâu tánh tình hiền hoà, chúng dẫn nhau đến một chỗ có món cỏ non mềm mại, chọn nước trong mát. Bấy giờ có một con lừa suy nghĩ rằng:

- Ta cũng nên bắt chước ăn uống như bầy trâu này.

Nghĩ vậy, lừa liền nhập vào bầy trâu, chân trước cào đất, đi quanh đàn trâu, bắt chước tiếng rống của trâu nhưng không thể được. Nó tự cho tiếng của nó đã giống trâu. Cuối cùng lừa bị trâu húc chết.

(Trích kinh Tăng Nhất A-hàm quyển 20)

6. CHÓ:

6.1. CHÓ KIỆN CHỦ NHÂN:

Khi Đức Phật còn tại thế, trong thời quá khứ có một con chó bỏ nhà mình đến nhà khác để xin ăn. Khi mới bước vào nhà người khác, thân tuy đã vào cửa nhưng đuôi nó vẫn ở ngoài, vị chủ nhân nhà này đánh đuổi nó không cho vào ăn, chó liền đi đếnchỗ quan thưa:

- Ông ấy là cư sĩ, tôi đến nhà xin ăn, ông ấy không cho mà lại còn đánh tôi. Tôi đâu có vi phạm luật.

Quan hỏi:

- Chó có pháp gì?

- Tôi ở trong nhà tuỳ ý nằm ngồi, khi đến nhà người thì thân ở trong cửa nhưng đuôi ở ngoài cửa. Chó nói.

Quan cho mời cư sĩ đến và hỏi:

- Ngươi quả thật không cho chó này ăn mà còn đánh đuổi nó nữa

phải không?

- Thưa đúng như thế! Cư sĩ nói.

- Người này nên trị tội gì? Quan hỏi chó.

- Cho làm chức cư sĩ lớn ở thành Xá-vệ này. Chó đáp.

- Tại sao?

- Ngày xưa, tôi là một người đại cư sĩ trong thành này, vì ba nghiệp tạo ác nên đoạ làm loài chó. Người này rất ác đối với tôi, nếu như cho người này có được thế lực thì hắn sẽ làm ác và rơi vào địa ngục, gánh chịu ác báo khổ sở.

(Trích luật Thập Tụng phần 3 quyển 1)

6.2. CHÓ ĐƯỢC THẦY SA-MÔN CỨU:

Xưa có nước nọ, gạo thóc quý hiếm, dân chúng đói khát lầm than. Bấy giờ có thầy Sa-môn vào thành khất thực nhưng không có. theo thứ tự, thầy lần đến một nhà cư sĩ giàu sang nhất trong thành thì được một bát cơm hẩm thiu. Thầy Sa-môn vừa muốn ra thành thì gặp một người vác con chó đem về để giết ăn thịt. Khi gặp thầy Sa-môn, ông rất vui vẻ tiến đến làm lễ. Sa-môn chú nguyện.

Muốn sống lâu, mà sao lại muốn giết chó?

Rồi thầy Sa-môn hỏi mang chó đi đâu?

- Không can hệ gì đến Ngài. Người ấy nói.

- Nay tôi muốn nhìn thấy chó, xin hãy cho tôi xem, tôi sẽ lấy thức ăn có được xin đổi lấy chó, cho nó được sống sót. Thầy Sa-môn nói.

- Không thể được, Ông ta đáp.

Thầy Sa-môn cứ nài nĩ như thế ba lần nhưng ông cũng không bằng lòng. Thầy Sa-môn lại ân cần tiếp tục năn nĩ, cuối cùng ông cũng đành phải lấy chó ra cho Sa-môn xem. Ngài lấy cơm ra cho chó ăn và vuốt ve chú nguyện cho chó. Chó cảm được tấm chân tình ấy bèn rơi lệ. Thầy Sa-môn nói:

- Ngươi thọ quả báo mang kiếp chó không được tự do, nay ta chú nguyện cho ngươi đời đời tội diệt phước sanh, lìa thân chó được sanh làm người và quy kính Tam bảo.

Chó ăn được cơm, phát khởi tâm lành. Không bao lâu, chó chết và sanh vào nhà đại trưởng giả giàu sang. Vừa mới sanh ra thì bé đã có sẵn lòng từ. Hôm ấy, vị thầy Sa-môn này tuần tự đến cổng nhà trưởng giả khất thực, bấy giờ con của trưởng giả đã lên bảy, khi vừa thấy thầy Sa-môn thì cậu bé nhớ lại duyên cũ, liền bước đến cúi đầu đảnh lễ Sa-môn và thỉnh Ngài vào cúng dường. Cậu trở vào nhà thưa với cha mẹ:

- Thưa song thân, cho con được phép theo đại hoà thượng thọ học kinh giới và làm đệ tử của Ngài.

Thế nhưng, vì thương con, cha mẹ không nỡ để con đi, cậu buồn bã khóc lóc không chịu ăn uống và nói:

- Nếu cha mẹ không cho phép con được xuất gia tu tập thì con không muốn sống nữa.

Cha mẹ cậu buộc phải theo bản nguyện của cậu, cho cậu theo thầy xuất gia học đạo. Cậu được xuống tóc, đắp ba pháp y, tinh tấn tu tập và chứng tam muội không thối chuyển, khai hoá tất cả mọi người phát tâm Bồ-đề.

(Trích kinh Ca-diếp Cật A-nan)

6.3. TIỀN THÂN CỦA CHÓ TRẮNG:

Bấy giờ, Đức Phật khất thực, đi vào trong thành Xá-vệ, đến nhà của Oanh vũ Ma-lao-đâu-la-tử. Ngài không gặp ông ta ở nhà chỉ có con chó trắng tên là Cụ đang ngồi trên nệm đẹp, ăn cơm bằng bát vàng thịt ngon. Vừa thấy Đức Như Lai đến, nó liền sủa, Ngài nói:

- Thôi đi chó trắng, không nên sủa như thế, ngươi vốn thích ngâm nga mà? (tiếng của Phạm chí đi khất thực)

Lúc đó chó trắng nổi giận đến cực điểm, nó liền bước xuống nệm gấm, luồn ra theo ngạch cửa và nằm im. Sau đó Ma-lao-đâu-la về thấy vậy liền hỏi người bên cạnh:

- Có ai xúc phạm con chó ta mà khiến cho nó buồn bã như thế?

- Hôm nay, nhà ông có Cù-đàm đến khất thực, chó thấy ông ta liền sủa, ông lại nói: thôi đi chó trắng, ngươi vốn không thích sủa ồn ào như thế, ngươi chỉ muốn ngâm nga kia mà? Vì thế chó giận dữ không vui. Người nhà bên đáp.

Ông ta quá tức giận, mắng nhiếc Đức Thế tôn, phỉ báng Ngài rồi chạy đến vườn Cấp-cô-độc. Vừa thấy ông ta đến, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Người sân giận này sau khi chết sẽ đoạ vào địa ngục Nê-lê.

Lúc ấy, ông ta bước đến hỏi Đức Thế tôn:

- Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đến nhà tôi khất thực, con chó trắng của tôi đâu có lỗi gì mà sao ông lại làm cho nó buồn rầu như thế?

Đức Phật đáp:

- Chó trắng thấy ta thì sủa.

Ta nói:

- Chó trắng! Ngươi không nên sủa tiếng như thế, ngươi thích tiếng

ngâm nga kia mà?

- Nhưng nó lại giận dữ.

- Vậy thì nó vốn có nguyên do gì? Ông ta hỏi:

- Điều này ngươi không nên hỏi, nếu ngươi biết thì thêm buồn bã mà thôi. Ông ta nài nỉ như thế ba lần.

Đức Thế tôn bảo:

- Này Ma-lao, con chó trắng này đời trước chính là cha của ngươi tênlà Đâu-la.

Nghe thế ông ta càng giận dữ, nói:

- Cha tôi Đâu-la thường thực hành hạnh bố thí và thờ thần lửa, sau khi chết đã sanh lên cõi Trời Phạm thiên rồi, sao lại sanh trong loài chó này?

- Này Ma-lao, vì cha ngươi tăng thượng mạn, Đâu-la ngươi sau này cũng như thế, sanh trong loài chó xấu xa.

Đức Phật liền nói kệ:

Phạm chí tăng thượng mạn
Chết sanh trong sáu đường
Gà heo chó chồn hoang
Lừa trứng trong địa ngục.

- Nếu ngươi không tin lời ta thì ngươi hãy về hỏi chó trắng thử xem?

- Người khi còn sanh tiền có phải là Đâu-la cha của tôi không? Hãy ngồi trên giường nệm, ăn thức ăn ngon trong bát vàng. Hãy chỉ chỗ tài sản của cha tôi để lại, xưa người cất ở đâu, tôi không biết chỗ?

Nghe những lời của Đức Phật nói thế, ông ta suy đi nghĩ lại rồi về nhà hỏi chó trắng.

Bấy giờ chó trắng trở lại ngồi trên giường nệm, ăn thức ăn ngon trong bát vàng rồi đến dưới chân giường chỗ nằm xưa, dùng chân miệng quào đất. Theo dấu vết của chó, ông ta đào lên và lấy được một số tài sản rất lớn, lòng ông rất vui mừng và quỳ gối hướng về vườn Kỳ-thọ đảnh lễ tự xưng tên tuổi:

- Ngài là vị Sa-môn chân thật, lời nói quả thật không hư vọng.

Xướng lên như thế ba lần rồi ông ta ra khỏi nhà đi đến vườn Kỳ-thọ. Vừa thấy ông ta, Đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các vị có thấy Oanh vũ Ma-la-đâu-la tử đến không?

- Thấy, Bạch Thế tôn. Các Tỳ-kheo thưa.

- Nếu vào lúc này ông ta mạng chung thì được sanh về cõi an lành, vì đối với ta, ông ấy đã phát được tâm lành. Ông ta lại có tâm tốt với tất

cả chúng sanh nên khi chết sẽ sanh lên cõi Trời an vui.

Lúc ông ta đến, Phật ân cần an ủi và thuyết pháp cho ông nghe.

Lời nói của Đức Thế tôn quả thật không sai chạy.

(Trích kinh Thí Dụ quyển 10 và quyển 6)

6.4. CHÓ DỮ ĐƯỢC TỲ-KHEO CỨU:

Ngày xưa có vị trưởng giả, của cải vô số, trong nhà nuôi con chó dữ hay cắn người. Thông thường mọi người không thể ngang nhiên mà trá mà vào cổng nhà trưởng giả. Bấy giờ có vị Tỳ-kheo thông tuệ, bậc Thánh không ai sánh kịp, Ngài vào nhà này khất thực, gặp lúc con chó ra ngoài nằm nên không biết Ngài vào. Trưởng giả dọn thức ăn cúng dường, khi ấy chó thức dậy mới biết. Chó nghĩ:

Lúc ta ra ngoài nằm nên không biết người này vào, nay ông đã ngồi rồi phải làm cách nào đây? Nếu như ông ta ăn một mình thì khi ra cổng ta sẽ cắn chết, rồi sẽ ăn thức ăn tuyệt hảo trong bụng của ông ta, nếu như ông ta chia thức ăn cho ta thì mới mong toàn mạng.

Sa-môn biết tâm niệm của chó liền bóc lấy một nắm thức ăn cho chó, chó vui mừng hướng về Tỳ-kheo, bước đến liếm chân Ngài. Sau đó nó ra cửa nằm thì bị người mà nó đã cắn dùng kiếm chém đứt đầu. Sau khi chết, nó đầu thai vào nhà của trưởng giả. Sau khi sanh ra, vì yểu mạng mà chết. Nó lại sanh vào nhà của một trưởng giả nước khác, năm hơn mười tuổi, lại gặp Tỳ-kheo trước đây, cậu ra tiếp đón vào và thưa cùng cha mẹ xin làm đệ tử của Ngài. Cha mẹ liền dọn thức ăn cúng dường, cậu theo thầy thọ học kinh giới. cậu lại giáo hoá được tất cả mọi người trong nhà biết tụng kinh hướng đạo. vì báo đáp song thân nên cầu xin làm Sa-môn nhưng không thọ giới cụ túc. Ngày đêm siêng năng tu tập, hầu hạ thầy, sau khi thầy viên tịch, cậu mới thọ giới cụ túc.

(Trích kinh Thí Dụ bộ mười quyển, quyển 6)

7. NAI:

7.1. TẤM LÒNG CỦA NAI MẸ:

Xưa có đàn nai vài trăm con, do mê vùng cỏ non nên xâm phạm vào ấp người, nhà vua cho thợ săn đuổi chạy tứ tán. Lúc ấy có con nai mẹ đang mang thai đi một mình bị thợ săn rượt. Vì đói và mệt mỏi, lại lạc mất bạn bè. Lúc sanh được hai con thì đói quá nên nó bỏ đi kiếm ăn. Vì sơ ý nên bị rơi vào bẫy của thợ săn. Nai mẹ kêu la ai oán muốn tìm đường ra nhưng không ra được. Thợ săn nghe tiếng kêu liền đến xem, thấy con nai mắc bẫy nên rất vui mừng liền bước đến muốn giết. Nai

dập đầu tha thiết cầu xin, bày tỏ nỗi lòng:

- Tôi vừa sinh hai con nhỏ dại, chúng mới mở mắt nên còn ngu dốt chưa hiểu được việc đời, xin nương cho chốc lát để về thăm nhìn hai con, chỉ cho nó chỗ cỏ nước để nó tự sinh sống rồi tôi sẽ quay lại đây chịu chết, nguyện không trái lời thề.

Thợ săn nghe vậy kinh ngạc liền nói:

- Tất cả người đời còn không thành thật huống gì loài nai từ cái chết được thoát ra thì làm gì có chuyện quay trở lại?

Nai nói kệ:

Thân tôi là súc sanh
Không thể nào thoát chết
Nay sa vào bẫy ông
Sẽ bị ông làm thịt
Tôi không tiếc thân mạng
Chỉ thương con dại khờ.

Thợ săn lại vô cùng kinh ngạc nhưng lòng vẫn còn tham, ông nói với nai:

Ngươi nay khéo nguỵ biện, gian trá khó tin, giả dối tìm đường thoát mà giảo hoạt thì chẳng phải ít, tiếc thân mạng mà nói quay lại đền mạng. Con người không lương thiện còn khó mà tin được, huống gì là loài cầm thú, một khi đã đi rồi há có thể quay lại sao? Ta nay không thể thả ngươi đi được.

Nai ngậm ngùi rơi lệ nói:

Tuy tôi là súc sanh
Không biết điều nhân nghĩa
Làm sao thọ từ ân
Một đi không trở lại
Thà chịu đau cắt xé
Không dối để sống còn
Thương xót hai con thơ
Xin nương chút thời gian
Như người ác ở đời
Náo loạn Tỳ-kheo tăng
Phá tháp huỷ chùa Phật
Giết hại bậc La-hán
Phản nghịch giết cha mẹ
Cả vợ con, nô tỳ
Nay nếu không trở lại

Tội tôi lớn hơn thế.

Thợ săn nghe lời nai nói lòng thêm kinh hãi, ông than thở:

- Tuy ta ở đời được làm thân người, nhưng lại ngu si, vong ân bội nghĩa, chuyên nghề săn bắn, giết hại chúng sanh, dối trá cẩu thả, tham cầu không chán, chẳng biết vô thường để quy y Tam bảo. Những lời ngươi nói thật là hơn người. Nay thề nguyện chí tín, tỏ bày lòng trung.

Nói xong ông đến mở bẫy cho nai đi. Nai về đến chỗ con mình, ân cần liếm thân và hỏi thăm các con, lòng vui buồn xen lẫn liền nói kệ:

Hết thảy việc ái ân
Đều từ nhân duyên hội
Có hội tức có lìa
Vô thường trong nháy mắt
Nay ta là người mẹ
Thường lo không giữ được
Đời sống nhiều lo sợ
Mạng tợ như sương mai.

Nai mẹ dẫn các con chỉ cho nó chỗ cỏ nước mà nước mắt tuôn trào nói lời li biệt:

Sáng mẹ đi bất ngờ
Rơi vào bẫy thợ săn
Tức thời phải bị giết
Nát thân như cháo nhừ
Nhớ con mẹ xin về
Nay trở lại chịu chết
Thương con nhỏ bơ vơ
Cố gắng lo phận mình.

Nói xong, Nai mẹ liền ra đi, hai con thấy vậy vô cùng buồn đau, kêu gào thảm thiết, chạy theo chân mẹ, té lên ngã xuống. Nai mẹ vô cùng xót thương ngoái lại bảo con:

Các con hãy trở về, đừng đi theo mẹ, nếu không thì chết cả mẹ lẫn con. Mẹ một lòng chịu chết, con chưa hiểu đời vô thường phải biệt ly, mạng mẹ ngắn ngủi, nay khiến các con không nơi nương tựa, sao không buồn bã canh cánh nỗi sầu lo được! Nhưng các con hãy bền chí để sống cho trọn vẹn. Nai mẹ lại nói kệ:

Đời trước do tham ái
Đời nay chịu buộc thân
Cuộc sống rồi phải chết
Không thoát khỏi lo buồn

Hãy quyết chí lìa tham
Sau đó mới đại an
Thà chết giữ chữ tín
Trọn không dối cầu sanh.

Thế nhưng vì mất mẹ nên các con quyến luyến gào khóc thảm thương, theo mẹ đến chỗ găng bẫy. Chúng tìm kiếm khắp nơi mới thấy thợ săn đang nằm dưới gốc cây. Nai mẹ đứng nói kệ:

Trước Ngài thả tôi đi
Nay trở lại chịu chết
Ân Ngài đã ban cho
Được từ biệt hai con
Dẫn đi chỉ cỏ nước
Nói pháp khổ vô thường
Chết vạn lần không hối
Ân Ngài đâu dám quên!

Thợ săn chợt tỉnh giấc, kinh ngạc ngồi dậy, nai lại quỳ xuống nói kệ:

Trước Ngài thả tôi đi
Đức nặng hơn Trời đất
Từ bi che thú hèn
Báo tin cho con biết
Ân nghĩa này khó quên
Không dám trái lời hứa
Dù phân thây ngàn lần
Vẫn không báo trọn ân.

Thợ săn thấy nai dốc lòng, tin giữ lời hứa hẹn, lòng chí tiết chí thành, hạnh từ thật hiếm có, hiển lộ lòng can đảm, chịu chết giữ lời thề. Nay mẹ con quyến luyến theo nhau, thợ săn càng cảm phục và mến mộ, liền cúi đầu cảm phục tạ lỗi:

Là Trời hay là thần
Tín nghĩa nhân như thế?
Lòng kinh hãi lo sợ
Đâu dám nghịch hại thêm
Thà tự giết thân hèn
Hại đến cả vợ con
Nào dám hướng thần linh
Khởi ý tưởng nhỏ nhoi.

Thợ săn liền thả mẹ con nai, vô cùng mừng tủi, chúng cất tiếng kêu u u, nói kệ tỏ lòng biết ơn:

Súc sanh hèn ở đời
Thân đáng để nấu nướng
Trời người trọng mến vật
Lại nhờ ơn tha bổng
Ân đức quá cao dày
Không thể thốt nên lời.

Sau khi trở về, thợ săn trình rõ với vua, chuyện lan ra mọi người trong nước đều biết, ai cũng cảm được lòng nhân từ tín nghĩa của nai. Từ đó nhà vua cấm săn bắn loài nai.

Nai trở về đoàn tụ với đàn, tất cả đều an ổn.

Phật bảo:

- Nai đó nay chính là thân ta. Hai đứa con nay là La-vân và mẹ Mạt-lợi, quốc vương thuở ấy nay là Xá-lợi-phất, thợ săn là A-nan.

(Trích kinh Lộc Tử)

7.2. NAI CHÚA HI SINH CỨU ĐỒNG LOẠI:

Thời xưa có một vị quốc vương đi săn bắn, ông cho quân lính bao vây khoảng rừng rộng lớn để tóm hết đàn nai. Bấy giờ nai chúa dẫn đàn nai mấy ngàn con, ăn cỏ non lần tiến vào trong phạm vi nhà vua bao vây. Khi thấy đàn nai vào hết thì lính gác cổng đóng cửa lại rồi đến báo cho vua biết, nhà vua rất vui mừng. Nai chúa biết được đồng loại của mình đang lâm hoạn nạn, nó liền nghĩ rằng:

- Nay đàn nai sở dĩ đến đây là do ta hướng dẫn, ta phải nghĩ cách để cứu mạng chúng.

Nai chúa liền dùng thân chắn ngang trên đường hào mai phục để cho đàn nai đạp trên lưng mà thoát ra. Chân của đàn nai dẫm đạp lên lưng nên thịt da của nai chúa bị trầy nát, chỉ còn lại bộ xương, thế nhưng nai chúa vẫn kiên nhẫn chịu đựng để cho đàn nai ra hết.

Sau khi đàn nai đã ra hết rồi, nai chúa cố sức leo mình lên trên bờ hào và nhìn ra bốn hướng thì thấy chỉ còn một chú nai không biết đường ra. Nai chúa liền gọi mau đến để được thoát, nhưng lúc ấy nai chúa đã quá kiệt sức nên rơi xuống hào.

(Trích kinh Thí Dụ bộ 10 quyển, quyển 8)

8. MINH ĐÀ: *THÚ MINH ĐÀ LỘT DA CỨU MẠNG THỢ SĂN:*

Bấy giờ Đức Phật đang ở núi Kỳ-xà-quật thuộc nước La-duyệt-kỳ, thân Ngài có chút bệnh phong, có y vương Kỳ-vực đang chăm sóc thuốc thang, ông dùng 32 loại thuốc, mỗi ngày Đức Thế tôn uống 32

lượng. Bấy giờ Đề-bà-đạt-đa thường đem lòng ganh gét Ngài, lòng tự cao tự đại, tự cho mình bằng Phật, bắt chước Phật uống thuốc, xem mạch lý nên sức khoẻ càng suy nhược, ông ta khổ não rên la. Đức Phật thương xót liền lấy tay xoa đầu cho ông ta khiến cho bệnh được thuyên giảm. Ông ta nhìn biết bàn tay của Phật nên nói:

Tất Đạt y thuật ở đời không ai bằng sao không chịu dùng mà lại đi học y đạo?

Đức Phật bảo:

Đề-bà-đạt-đa có lòng xấu xa không chỉ mới ngày nay, Ngài kể:

Ngày xưa trong cõi Diêm-phù-đề, ở thành Ba-la-nại, có vị vua tên Phạm-ma-đạt hung ác. Một hôm ông ta nằm mộng thấy một con thú, lông trên thân màu vàng óng, phát ra ánh sáng rực rỡ. Ông liền gọi thợ săn và tường thuật giấc mộng lại cho thợ săn nghe và bảo:

- Các người hãy tìm bắt nó, nếu lấy được da nó ta sẽ trọng thưởng cho các ngươi, còn không được thì ta sẽ tru di cả dòng họ nhà ngươi.

Nghe nhà vua phán như thế những người thợ săn buồn bã lo sợ, họ cùng nhau nhóm họp để tìm phương kế, rồi họ tuyển một người đi tìm con thú đó. Họ giao nhiệm vụ cho người ấy nếu bắt không được thú thì tài sản vợ con của người này sẽ bị tịch thu.

Người này suy nghĩ: Xả bỏ thân mạng là việc đáng làm.

Thế rồi ông ta lặn lội qua những con đường hiểm nạn, lâu ngày thân hình tơi tả, gặp phải tiết Trời nóng bức, cây cối toàn gai góc khô héo sắp chết, thấy thế mà muốn chết đi được, ông than cầu thảm thiết:

- Ai có lòng từ xin cứu giúp thân tôi!

Bấy giờ có con giả thú tên Minh Đà, màu lông vàng óng ánh nghe lời than cầu thảm thiết như thế nên mới động lòng, từ trong suối lạnh lặn đến, chốc lát lấy lại sức lực chở người này đến bên dòng suối, tắm rửa và hái trái cây cho ông ta ăn. Không bao lâu, sức khoẻ đã hồi phục, ông ta thầm nghĩ:

- Đây chẳng phải là con thú chúa mà ta đang cần tìm hay sao? Nhưng khi ta sắp chết thì nó lại cứu mạng ta, ân cứu mạng đã chưa đáp đền sao lòng lại nỡ hại chết. Nhưng nếu không bắt nó thì những người thợ săn kia chắc chắn sẽ chết.

Nghĩ như thế, ông ta buồn thảm không biết phải làm thế nào cho được. Thấy thế Minh Đà hỏi:

- Tại sao ông lại buồn như thế?

Ông ta đáp:

- Vì tôi đang mang một trọng trách.

Minh Đà biết trước và nói:

- Việc này ông đừng lo, da của tôi dễ sanh lại, trôi lăn trong sanh tử vô số kiếp mà chưa từng làm phước, nay dùng da này cứu mạng chúng sanh, cầu mong gặt hái được sự lợi ích. Nay ông chỉ cần lột lấy da đừng làm tôi tuyệt mạng. tôi phát nguyện cho ông hoàn toàn không chút hối hận.

Thợ săn kia lột da thú, Minh Đà phát nguyện:

- Nay tôi đem da của mình bố thí cho người này để cứu lấy mạng sống của họ, nguyện đem công đức này hồi hướng cho tất cả chúng sanh đều thành Phật đạo để độ khắp chúng Trời người.

Sau khi phát nguyện xong, trong ba ngàn đại thiên thế giới, sáu điệu đều chấn động. Sau khi lột da xong, thân thịt Minh Đà đỏ au, máu chảy dầm dề, lại có tám vạn con ruồi nhặng bu kín trên thân cắn hút máu thịt. Bấy giờ Minh Đà muốn chui xuống hang nhưng sợ tổn thương đến chúng nên cố gắng chịu đau nhức, nằm bất động trên đất. Không bao lâu con thú này bỏ mạng, những loài ruồi nhặng đến ăn thịt của Minh Đà sau khi chết cũng được sanh lên cõi Trời.

Sau khi lấy được da, thợ săn mang về dâng lên cho nhà vua. Thấy tấm da kỳ lạ này nhà vua rất mừng và ông thường trải nằm, thân tâm thường được an lạc.

Phật dạy:

- Thú Minh Đà ngày xưa nay chính là ta, vua Phạm-ma-đạt nay chính là Đề-bà-đạt-đa, tám vạn ruồi nhặng lúc bấy giờ là tám vạn Chư thiên được chứng quả vào hôm ta mới thành Phật, lần đầu tiên chuyển pháp luân.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 3)

9. CHỒN HOANG: *VÌ THAM ĂN MÀ PHẢI CHỊU CHẾT:*

Xưa có con chồn hoang theo sư tử xin ăn, mỗi lần có được thịt dư của sư tử, nó chạy đến ăn mê mải. Hôm nọ, gặp lúc sư tử đang đói mà chưa kiếm được thức ăn, nó liền gọi chồn hoang đến, ngửi ngửi một hồi rồi vồ lấy chồn nuốt chửng vào bụng. Chồn ở trong yết hầu nhưng chưa chết, nó kêu to:

- Xin hãy cứu tôi!

Sư tử thầm nghĩ:

- Ta nuôi mày nay đã mập mạp, đến lúc ta phải xơi mày thôi, mày còn muốn gì nữa?

(Trích kinh Thí Dụ bộ 10 quyển)

10. SÓI:

LẤY OÁN BÁO OÁN:

Một hôm, có cô gái nọ vì bận công việc nên bồng đứa con của mình bỏ một nơi, sói thấy đứa bé liền tha nó chạy. Bấy giờ có người bắt lại và nói:

- Tại sao ngươi lại tha con người khác chạy?

Sói đáp:

- Mẹ của đứa bé này có oan gia với ta, trong năm trăm kiếp trước, người này ăn thịt ta, ta cũng năm trăm đời vì trả mối thù này nên đã ăn thịt con của bà ấy. Nếu nay bà ta chịu xả tâm thù oán cũ thì ta cũng xả bỏ.

Người này đến bảo cô gái kia:

- Cô có xả bỏ tâm thù oán xưa không?

Mẹ đứa bé đáp:

- Giờ tôi đã xả tâm thù oán xưa rồi.

Sói quan sát người đàn bà này, miệng tuy nói xả nhưng trong lòng vẫn khư khư niệm củ nên nó hại đứa bé rồi bỏ đi.

(Trích kinh Sao Tỳ Đàm quyển 28)

11. KHỈ:

11.1. DUYÊN XƯA:

Xưa có vị Phạm chí thọ 120 tuổi, không cưới vợ, không dâm dục, ở trong núi sâu rừng thẳm, lấy cỏ tranh lợp nhà, kết cỏ làm chiếu, ăn trái cây rừng, sống trong tĩnh lặng, không chứa chất tài sản của báu, không mơ đến gái đẹp, tâm trụ vô vi. Hơn mấy ngàn năm cùng vui chơi với các loài cầm thú như những loài cáo, khỉ, ráy cá và thỏ.

Bốn loài thú này thường đến nghe đạo nhân thuyết pháp, lâu ngày như thế, chúng ăn hết trái cây nên đạo nhân này muốn đi nơi khác, bốn thú này biết được, chúng rất buồn bã, nên cùng nhau bàn bạc:

- Nay chúng ta nên tìm thức ăn cúng dường đạo nhân.

Khỉ tìm hái trái cây ngọt, cáo tìm được một túi cơm mạch, rái cá lặn xuống nước bắt cá lớn rồi cùng nhau dâng cho đạo nhân, thỏ suy nghĩ:

- Nay ta phải dùng những thứ gì để cúng dường cho đạo nhân đây?

Nghĩ một hồi rồi nó tự nhủ:

- Nay ta đem thân mạng này cúng dường đạo nhân.

Thế rồi thỏ đi lấy củi đốt làm than rồi đến thưa với đạo nhân:

- Nay con đem thân mạng nhỏ nhoi này nướng trong lửa đỏ để làm thức ăn cúng dường Ngài.

Thế nhưng thỏ nhảy vào thì lửa tắt. Đạo nhân thấy thế cảm động trước tấm lòng nhân ái của thỏ, thương thỏ đạo nhân liền ngăn hành động của nó.

Phật dạy:

- Vị đạo nhân lúc bấy giờ nay chính là Đức Phật Đề-hoà-kiệt, thỏ nay là thân ta, khỉ là Xá-lợi-phất, cáo là A-nan, rái cá là Mục-kiền-liên.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ quyển hạ)

11.2. KHỈ DÂNG MẬT CÚNG DƯỜNG:

Bấy giờ, Đức Thế tôn cùng với các Tỳ-kheo thọ trai ở nhà Bà-la-môn Sư-chất xong, Ngài cùng tăng đoàn trở về Kỳ-xà-quật, rửa bát bên cạnh dòng sông. Trong rừng cây Am-la có con khỉ, nó đi và gặp cội cây có tổ ong, trong tổ có mật nóng nhưng không có ong. Khỉ đến thưa với Tôn giả A-nan cho mình mượn bát của Phật để đến lấy mật. A-nan không chịu đưa, Phật bảo Tôn giả đưa bát cho khỉ. Khỉ mượn được bát (trong luật Di-sa-tắc ghi là khỉ xin bát của Phật) đựng đầy bát mật rồi dâng lên cúng dường Đức Thế tôn.

Thế tôn không nhận, bảo nó lấy nước sạch, khỉ không hiểu nguyên do. Phật bảo:

- Trong bát mật có con sâu.

Khỉ liền đến bên dòng nước rồi bỏ bát mật xuống nước cho sâu trào ra rồi đem lên dâng cho Phật. Đức Phật lấy bát mật chia khắp cho chúng Tăng (kinh Hiền Ngu ghi: khi đem nhúng bát xuống nước thì sâu tự nổi lên. Luật Di-sa-tắc cũng ghi: khi nhúng bát mật xuống nước thì sâu tự bỏ đi). Thấy Phật thọ dụng, khỉ vô cùng vui mừng, nhảy nhót và rơi xuống hầm rồi chết. Khỉ chết đầu thai vào vợ của Bà-la-môn Sư-chất, sau đó bà sanh ra đứa bé trai khôi ngô (luật Di-sa-tắc nói Khỉ sanh lên tầng Trời thứ ba mươi ba, về sau sanh trong cõi người, chứng quả A-la-hán).

Đức Phật bảo:

- Quá khứ, vào thời Phật Ca-diếp có vị Sa-môn trẻ thấy vị A-la-hán nhảy qua một con kênh có nước, ông ta bảo A-la-hán: ông nhảy nhẹ nhàng như khỉ.

Vì lời nói ấy mà năn trăm kiếp phải thọ thân khỉ.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 12, luật Di-sa-tắc quyển 10, luật Tăng Kỳ quyển 19)

11.3. KHỈ LÀM THẦY CỦA NĂM TRĂM TIÊN NHÂN:

Đức Như Lai vào Niết-bàn tại nước Ma-thâu-la, khoảng một trăm năm sau, bên cạnh núi Ưu-lâu-mạn-đà có năm trăm vị Duyên giác đang tu tập, bên kia núi có năm trăm vị tiên và một bên lại có năm trăm con khỉ. Khỉ chúa đến chỗ của năm trăm vị Duyên giác tu tập, thấy vậy nó sanh lòng hoan hỉ, lấy hoa quả cúng dường các Ngài, đảnh lễ và ngồi vào cuối hàng trong tăng chúng, ngày nào cũng như thế.

Không bao lâu, vị Duyên giác trưởng lão vào Niết-bàn, khỉ vẫn tiếp tục cúng dường như cũ nhưng những vị Duyên giác không thọ nhận, nó liền nắm áo, lay chân của quý Ngài nhưng không động đậy. Khỉ thầm nghĩ:

- Các vị này đã vào Niết-bàn cả rồi.

Nghĩ vậy, nó buồn quá khóc lóc rất áo não. Bấy giờ nó đến chỗ năm trăm vị tiên nhân, các vị này tu khổ hạnh, nằm trong gai góc, nó cũng nằm trong gai góc. Tiên nhân lại dời đến nằm ở chỗ tro đất, khỉ cũng đi theo. Các tiên nhân dùng lửa đốt thân, khỉ cũng làm theo họ. Tiên nhân dùng tay đu cây treo mình như khỉ rồi buông tay để rơi xuống đất. Khỉ ở trong chúng tiên nhân thường dạy họ thực hành bốn oai nghi, hướng dẫn xong, nó lại ngồi toạ thiền ngay ngắn ở chỗ của các vị tiên nhân và bảo họ:

- Tất cả các vị nên ngồi như thế này mới đúng.

Bấy giờ, các tiên nhân theo khỉ toạ thiền, các vị tiên không có thầy thuyết pháp, tự mình quán chiếu ba mươi bảy phẩm trợ đạo, tư duy chứng được Duyên giác. Họ đều nghĩ thầm:

- Chúng ta chứng được Thánh đạo là nhờ khỉ.

Thế rồi họ đem thức ăn đồ uống cúng dường khỉ, khi khỉ lâm chung, các tiên nhân này dùng gỗ thơm để trà tỳ cho khỉ.

Đây là lời Đức Phật huyền ký cho A-nan: con khỉ đó chính là Ưu-ba-cấp-đa, tuy thọ thân trong đường ác mà làm được nhiều điều lợi ích cho chúng sanh. Hơn một trăm năm sau khi ta vào Niết-bàn sẽ có những sự việc trên.

(Trích khi A-dục Vương quyển 6)

11.4. KHỈ BẮT CHƯỚC LA-HÁN XÂY THÁP PHẬT:

Bấy giờ, Đức Phật ở tại nước La-duyệt-kỳ, Ngài bảo La-hán Tu-mạn đem tóc, móng tay của Phật đến ngọn núi phía nam nước Kế-tân để xây tháp chùa Phật. Trong đó thường có năm trăm vị La-hán ở, sớm tối thắp hương lễ bái. Bấy giờ trong ngọn núi có năm trăm chú khỉ thấy

các vị tu sĩ cúng dường chùa tháp, chúng liền dẫn nhau đến bên khe suối sâu, khiêng vác những tảng đá và bùn đất đem lên tập xây tháp chùa Phật, sau đó dựng cây, dùng lá lợp chùa, xé phướng buộc đầu, ngày đêm lễ bái giống như các tu sĩ. Bấy giờ nước trong núi dâng đầy, năm trăm con khỉ này cùng lúc bị chết trôi, thần thức được sanh lên cõi Trời Đao-lợi thứ 2, có cung điện bảy báu, ăn mặc tự nhiên. Chúng Trời thấy thế thầm nghĩ;

- Chúng ta vì sao được sanh vào cõi Trời này?

Chúng Trời liền dùng thiên nhãn quán sát lại thân cũ, biết mình là loài khỉ nhờ bắt chước làm chùa tháp, lễ Phật nên sau khi chết được sanh lên cõi Trời. Chúng Trời nghĩ:

Giờ đây, chúng ta nên xuống báo đáp ân của thi thể cũ. Thế là họ cùng nhau xuống rải hoa thơm, kỹ nhạc hát xướng, đốt hương cúng dường nhiễu quanh thi thể cũ suốt cả bảy vòng. Lúc ấy trong núi có năm trăm vị Bà-la-môn, học theo ngoại đạo tà kiến, không tin tội phước, thấy các vị tiên nhân rải hoa cúng dường, thổi nhạc nhiễu quanh thi thể của khỉ, họ lấy làm lạ bèn đến hỏi:

- Chư thiên sáng chói vời vợi như thế tại sao lại hạ mình cúng dường những thi thể đó?

Chư thiên đáp:

- Những thi thể này là thân cũ của chúng ta.

Rồi họ thuật rõ việc xưa, nhờ vào phước nhỏ ấy mà được sanh lên cõi Trời, nay rải hoa để cúng dường đáp đền ân của thân cũ, học làm chùa tháp theo mà được phước như thế, nếu như chí tâm cúng dường Phật thì công đức ấy khó mà thí dụ được. Các vị theo tà kiến không tin những lời chân thật, trăm kiếp nhọc nhằn mà chẳng được chút gì, chẳng bằng cùng nhau đến núi Kỳ-xà-quật đảnh lễ cúng dường Thế tôn được phước vô lượng.

Bấy giờ, tất cả Chư thiên và năm trăm vị Bà-la-môn này vui mừng cùng nhau đến chỗ Đức Thế tôn, gieo mình làm lễ, rải hoa cúng dường. Các thiên nhân bạch Phật:

- Chúng con ở đời, gần đây là thân khỉ, nhờ ân của Thế tôn mà con được sanh lên cõi Trời, hận vì không gặp được Phật, nay chúng con đã gặp được Ngài, xin được đảnh lễ quy y Tam bảo.

Rồi họ lại bạch Phật:

- Bạch Đức Thế tôn, xin Ngài nói rõ đời trước chúng con làm những tội nghiệp gì mà phải thọ thân khỉ. Tuy cất chùa tháp, lễ Phật mà thân vẫn bị chết trôi.

Đức Phật bảo các tiên nhân:

- Mọi chuyện chẳng phải từ không mà có, vào thời quá khứ có năm trăm thiếu niên Bà-la-môn muốn vào trong núi sâu để cầu học đạo tiên. Trên núi đó có vị Sa-môn muốn cất một ngôi Tinh xá bằng đất bùn. Bấy giờ ông xuống núi lấy nước, thân hình nhẹ nhàng như bay. Năm trăm Bà-la-môn nay sanh lòng ganh ghét đồng cất tiếng cười chế giểu ông ta.

- Vị Sa-môn này từ trên núi xuống chân khe để lấy nước, bước đi nhẹ nhàng nhanh nhẹn hơn khỉ, thật là kì lạ.

Sa-môn không ngừng đi lấy nước như thế để đem lên núi, không bao lâu vì kiệt sức mà chết.

Phật dạy:

- Này các tiên nhân, vị Sa-môn từ trên núi xuống suối lấy nước nay chính là ta. Năm trăm thiếu niên Bà-la-môn bấy giờ nay chính là năm trăm chú khỉ, vì cười chế giểu nên mắc phải quả báo thọ thân trong loài khỉ.

Đức Phật nói kệ:

Cười đùa chế giễu
Thọ báo lầm than.

Năm trăm thiên nhân nghe Phật nói xong liền chứng quả Tu-đà-hoàn. Năm trăm Bà-la-môn kia nghe Phật nói quả báo tội phước như thế nên tự mình than thở:

- Chúng ta học đạo tiên đã nhiều năm mà chưa có được kết quả gì, chẳng bằng khỉ làm phước cho vui mà được sanh lên cõi Trời, công đức của Đức Phật tuyệt vời.

Thế rồi họ cùng nhau lễ Đức Thế tôn, cầu xin làm đệ tử Ngài.

Đức Phật nói:

- Thiện lai Tỳ-kheo!

Lập tức họ trở thành những bậc Sa-môn, do tinh tấn tu tập nên sớm chứng được quả vi giải thoát.

(Trích kinh Pháp Cú quyển 1)

11.5. CÔNG ĐỨC TOẠ THIỀN:

Xưa có đạo nhân ngồi tụng kinh thiền toạ dưới gốc cây, có một con khỉ ở trên cây bắt chước ông, bất ngờ rơi xuống đất, chết sanh lên cõi Trời.

(Trích kinh Tạp Thí Dụ).

11.6. KHỈ ĐÙA GIỠN VỚI NÔ TỲ:

Xưa có vị quốc vương nuôi một con khỉ, tối ngày nó cứ đùa giỡn lộn với bọn nô tỳ. Có vị Phạm chí tâu vua:

- Xin bệ hạ hãy tách con khỉ này với những người nô tỳ ra!

Vua bảo:

- Có chỗ nào thích hợp nữa mà khiến chúng tách riêng!

Hôm sau, nô tỳ bưng mâm cơm và tay cầm thêm cái gậy từ ngoài đi vào. Khỉ thấy mặt nô tỳ lập tức chạy đến đùa giỡn. Nô tỳ tức quá liền vung chân, dùng gậy đánh nó. Khỉ bị đánh té vào trong lửa nên bộ lông của nó cháy hết. Nó vội chạy vào trong đống củi, lửa cũng theo nó cháy lan đến nhà cửa cung điện, kho báu đều trở thành tro bụi. Bấy giờ nhà vua mới hiểu được lời của Phạm chí nói.

(Trích kinh Di Hầu Dữ Tỳ Cộng Hí Trí Biến)

12. THỎ:

THỎ CHÚA BỐ THÍ THÂN:

Ngày xưa, trong rừng có con thỏ chúa cùng đồng bọn vui chơi, ăn trái cây, uống nước suối. Thỏ thường hành bốn tâm bình đẳng từ bi hỉ xả, dạy cho quyến thuộc của mình đều sống nhân hoà hiền thiện, không làm các điều ác, hẳn thoát được thân này sanh vào thân người mới có thể thọ pháp. Quyến thuộc của thỏ chúa nghe dạy như thế thì vô cùng vui mừng, tất cả đều tuân theo.

Bấy giờ, trong rừng có vị tiên nhân, một mình hành đạo, ăn trái cây uống nước suối, chưa từng buông thả bốn tâm vô lượng, siêng năng tu tập tụng kinh, âm thanh thanh thoát, hoà nhã, ai nghe cũng vui vẻ. Thỏ chúa dẫn quyến thuộc đến gần chỗ của Ngài, lắng nghe tụng kinh, trong lòng phấn khởi không biết chán. Thỏ chúa và quyến thuộc cùng nhau hái trái cây cúngdường tiên nhân. Cứ thế trải qua nhiều năm tháng. Vào năm nọ, khi mùa đông đến, vị tiên nhân muốn trở về với nhân gian. Thỏ chúa thấy vậy vô cùng buồn bã, lòng luyến nhớ không muốn xa tiên nhân. Nó mới hỏi Ngài đi nơi nào, hãy ở lại đây ngày ngày chúng tôi được gặp mặt Ngài mới cảm thấy vui vẻ, đói khát quên ăn như nương tựa vào cha mẹ, xin Ngài ở lại đừng đi!

Tiên nhân đáp:

- Tôi có bốn đại phải giữ gìn cẩn thận, nay mùa đông đến, trái cây đã hết, nước trong núi đã đông cứng, không có hang sâu để cư trú, vì vậy tôi muốn rời nơi chốn này, trở về với nhân gian, khất thực để sống, ở trong Tinh xá. Qua mùa đông lạnh chúng ta lại gặp nhau, đừng nên

áy náy.

Thỏ chúa đáp:

- Quyến thuộc của chúng tôi sẽ đi tìm trái cây, gần xa sẽ kiếm đủ cung cấp cho Ngài, xin Ngài hạ cố thương xót mà nghĩ lại. Giả sử Ngài ra đi rồi thì chúng tôi luyến nhớ, có khi sống không nổi. Nếu như không có đủ thức ăn cung cấp cho Ngài thì tôi xin đem thân này cúng dường cho Ngài dùng.

Tiên nhân thấy vậy cảm thương nên thầm nghĩ:

- Lòng thỏ chân thành quá, ta phải làm sao?

Tiên nhân đốt lửa phía trước có than hồng, thỏ chúa thầm nghĩ:

- Đạo nhân vì ta nên im lặng.

Nó liền nhảy vào trong lửa, lửa bốc mạnh, đạo nhân tìm cách cứu nhưng khi tìm ra thân nó thì đã cháy rụi mất. Sau khi chết, thỏ sanh lên cõi Trời Đâu Suất, làm thân Bồ-tát, công đức vòi vọi, oai thần cao tột. Tiên nhân thấy thỏ vì đạo mà không tiếc thân mạng, lòng thương xót tự trách mình nên tuyệt thực không ăn, cùng lúc thác sanh lên Trời Đâu Suất.

Phật dạy:

- Thỏ chúa bấy giờ nay chính là ta, tiên nhân ấy chính là Phật Định Quang.

(Trích kinh Sanh quyển 3, 4 và kinh Thố Vương)

13. CHỒN:

CHỒN NUỐT CHUỘT, CHUỘT ĂN RUỘT CHỒN:

Vào thời quá khứ có một con chồn đói khát gầy yếu, ở trong hang rình bắt chuột con. Một hôm, chuột vừa ló ra thì bị chồn nhanh nhẹn chụp nuốt chửng vào bụng. Thân chuột còn nhỏ nên chạy tuột vào bụng chồn cắn hết nội tạng của nó, chồn đau quá vật vã chạy khắp nơi cho đến chết.

Phật dạy:

- Kẻ tu hành ngu si, không khéo giữ thân tâm, bị nữ sắc mê hoặc nên phải chết oan uổng.

(Trích kinh A-hàm quyển 47)

14. CHUỘT:

14.1. CHUỘT CỨU MẠNG VUA TỲ XÁ LY:

Phật dạy:

- Ca-la-đà là chuột núi, bấy giờ vua nước Tỳ-xá-ly dẫn các cung

nữ vào rừng dạo chơi. Khi vua mệt mỏi, nằm nghỉ và thiếp đi dưới gốc cây. Các kỹ nữ tản nhau dạo chơi khắp nơi. Bấy giờ dưới cội cây có một cái hang có một con rắn độc lớn, nó ngửi mùi hôi rượu của nhà vua nên nó bò ra định cắn vua, chợt trên cây có con chuột chạy xuống đánh thức vua dậy nên rắn lại thụt vào. Nhà vua thức dậy rồi lại ngủ tiếp, rắn lại bò ra. Chuột thấy vậy nên chạy xuống kêu ríu rít để đánh thức nhà vua dậy. Khi vua tỉnh dậy, thấy rắn độc thì hoảng hồn, kêu cứu nhưng các kỹ nữ lại không có ai.

Nhà vua ngồi nghiệm lại:

- Ta nay sống sót là nhờ ân của chuột.

Ông nghĩ muốn báo ân, lúc ấy bên canh núi có một thôn xóm nhỏ, nhà vua đến đó lạnh cho mọi người trong thôn:

- Kể từ nay trở về sau, những bổng lộc thôn xóm cống nộp cho ta đều chuyển cung cấp cho chuột. Do con chuột này nên thôn ấy có tên là Ca-lan-đà.

Trong thôn có vị trưởng giả giàu có, tiền vàng bốn ức, nhà vua liền sắc phong trưởng giả. Do đó thôn này có tên là trưởng giả Ca-lan-đà.

(Trích luật Thiện Kiến Tỳ-bà-sa quyển 6)

14.2. CHUỘT ĂN TRÔM BỊ MẮC HỌA:

Xưa có nhà trưởng giả nọ đem bình sữa để trên lầu cao nhưng đậy không kính, chuột chui vào bình uống sữa suốt cả đêm. Nó uống sạch bình sữa nên thân thể của nó phình to ra, vì thế mà nằm chật cứng trong bình, hình dáng giống màu sữa. Lúc đó có người đến mua sữa, trưởng giả lấy bình sữa ra đặt trên lửa để hâm nóng. Chuột bị mắc kẹt nên chết trong bình và chảy ra thành sữa, trưởng giả đem bán cho người mua. Trưởng giả dùng đồ rót sữa ra, xương chuột chìm dưới đáy bình, đầu, xương, chân của chuột mỗi thứ mỗi đường.

(Trích kinh Cam Lồ Đạo)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 48

LOÀI CHIM MUÔN PHẦN TRUNG; LOÀI TRÙNG PHẦN HẠ

1. LOÀI CHIM MUÔNG - PHẦN TRUNG

1.1. Chim cánh vàng: có hai truyện:

1.1.1. Đời sống của chim cánh vàng

1.1.2. Cái chết của chim chúa cánh vàng

1.2. Không hiểu biết không phạm

1.3. Chim nhạn: 3 truyện

1.3.1. Nhạn vàng cho lông

1.3.2. Vì nghe pháp Phật được sanh thiên

1.3.3. Không tham ăn nên khỏi nạn chết

1.4. Chim hót lời pháp

1.5. Bồ câu: có hai truyện:

1.5.1. Xả thân cứu người đói

1.5.2. Nguyên nhân sợ hãi của bồ câu

1.6. Chim trĩ cứu rừng cháy

1.7. Chim: có 4 chuyện

1.7.1. Chuyện báo ân

1.7.2. Đôi bạn

1.7.3. Phận con lai

1.7.4. Lời tân bốc của kẻ hèn

2. LOÀI TRÙNG - PHẦN HẠ

2.1. Rồng: có năm chuyện:

2.1.1. Sống qua lại

2.1.2. Long vương Sa-kiệt được năm trăm quỷ thần hộ vệ

2.1.3. Quyến thuộc trước ít, sau nhiều

2.1.4. Rồng trì giới Bát quan trai, bị người giết, được sanh lên Trời Đao-lợi

2.1.5. Tứ đại Long vương bị hoạn chim cánh vàng, đến cầu xin

Phật cứu giúp.

2.2. Rắn: có 3 chuyện:

2.2.1. Quả báo của sự tham lam

2.2.2. Đầu và đuôi rắn cãi nhau

2.2.3. Tình đời

2.3. Rùa: Rùa mù gặp bọng cây nổi

2.4. Cá: có 2 chuyện

2.4.1. Quả báo ác khẩu

2.4.2. Cá mắc cạn

2.5. Nghêu: Nghiêu nghe Phật thuyết pháp chứng quả Thánh

2.6. Sâu: Ăn lúa trả vàng

2.7. Trùng: Nghiệp duyên đời trước của con trùng

2.8. Chí rận: Lợi ích của sự ăn uống đúng thời

1. LOÀI CHIM MUÔNG - PHẦN TRUNG

1.1. CHIM CÁNH VÀNG: Có 2 CHUYỆN:

1.1.1. ĐỜI SỐNG CỦA CHIM CÁNH VÀNG:

Chim cánh vàng có bốn loại: Sanh từ trứng, sanh từ thai, sanh từ nơi ẩm thấp và do biến hoá sanh. Tuy không có chung nguồn gốc, nhưng đều do đời trước bố thí với tâm cao ngạo mà ra. Những chúng sanh khổ não, tâm nhiều sân hận, kiêu mạn đều sanh vào loài chim này, chúng có ngọc như ý dùng làm chuỗi trang sức, có khả năng biến hoá tài tình. Thân chúng cao bốn mươi dặm, lông cánh ngang rộng tám mươi dặm, dài bốn mươi nặng hai lượng rưỡi. Thức ăn của nó là ba ba, cá, cá sấu (Kinh Niết-bàn chép: những gì chúng ăn được đều tiêu hoá được như vàng, bạc, châu báu, chỉ trừ kim cương.) Chúng tắm rửa bộ lông, lấy sự mịn màng trơn láng làm ưa thích. Chim cánh vàng cũng có hôn nhân, hai thân xúc chạm tức thành âm dương. Thọ mạng của chúng từ một kiếp trở lại. Ở bờ biển phía Bắc có cây Cứu-la-sân-ma cao một trăm do tuần, bóng cây tỏa rộng năm mươi do tuần. Phía đông cây có cung điện của loài rồng và cung của loài chim cánh vàng sanh từ trứng. Phía nam cây có cung loài rồng và cung loài chim cánh vàng sanh từ thai. Phía đông cây có cung loài rồng và cung loài chim cánh vàng sanh từ nơi ẩm thấp. Phía bắc có cung loài rồng và cung loài chim cánh vàng do biến hoá sanh. Mỗi cung ngang rộng đến sáu ngàn do tuần, trang hoàng giống hệt nhau.

Loài chim cánh vàng sanh từ trứng bay xuống giữa biển, dùng cánh quạt nước, nước liền rẽ đôi sâu đến hai trăm do tuần, chúng bắt loài

rồng sanh từ trứng để ăn thịt (Kinh Hoa Nghiêm chép: Loài chim này ăn thịt rồng, chúng quạt cánh làm gió, nếu vào mắt người thì mắt không thấy đường nên chúng không đến nhân gian). Loài thai sanh, thấp sanh, hoá sanh cũng như vậy (Kinh Niết-bàn chép: Chúng chỉ không ăn thịt loài nào thọ tam quy). Có con trai rồng, vào ba ngày trai thọ tám giới cấm của Phật. Có lần chim cánh vàng đến bắt, muốn ăn thịt, nó ngậm con trai của rồng bay lên cây Đại thiết, phía bắc núi Tu di. Cây này cao mười sáu vạn dặm đến độ người ta không thấy được đuôi chim. Nhưng khi chim nghe rồng thuyết pháp Phật, nó cũng thọ năm giới cấm.

(Trích kinh Trường A-hàm quyển 19. Lại trích kinh Tăng Nhất A-hàm quyển 15)

1.1.2. CÁI CHẾT CỦA CHIM CHÚA CÁNH VÀNG:

Đời sống của Chánh Âm - Vua của loài chim cánh vàng, an vui nhất trong các loại thuộc họ có cánh. Ở cõi Diêm-phù-đề, một ngày nó ăn một con rồng chúa và năm trăm rồng con. Nó cứ ăn như vậy lần lượt khắp bốn châu thiên hạ rồi trở lại từ đầu. Trải qua 8 ngàn tuổi thì tướng chết hiện ra. Đến lúc này, loài rồng phun độc khiến nó không thể ăn thịt được nên bị cái đói hành hạ. Nó bay lên núi Kim Cang, từ đỉnh núi lao thẳng xuống ven một con sông lớn, sau đó lại bị phong luân thổi bay trở lên núi Kim Cang. Cứ như vậy đến bảy lần sau đó mới chết. Vì ác nghiệp của nó đã tạo ra khiến cho mười núi báu cùng phát ra lửa một lúc. Nan Đà Long vương sợ cháy mất núi này, nên đã làm một trận mưa lớn, giọt nước to như bánh xe, thịt chim gặp mưa bị rã hết, chỉ còn lại trái tim. Tim ấy lại từ núi Kim Cang rơi xuống bảy lần như trước rồi trụ lại trên đỉnh núi. Nan Đà Long vương dùng nó làm minh châu. Sau Chuyển luân Thánh vương được nó, dùng làm châu như ý. Người niệm Phật trái tim cũng như vậy.

(Trích kinh Quán Phật Tam Muội quyển 1)

1.2. KHÔNG HIỂU BIẾT KHÔNG PHẠM:

Thiên Thu mặt người, thân chim. Đứa con nó sanh ra, trở lại hại mẹ. Về sau, Thiên Thu học Phật, đắc quả A-la-hán. Súc sanh không có trí tuệ, cũng không có khái niệm về tôn ti nên không phạm tội ngũ nghịch.

1.3. CHIM NHẠN: BA CHUYỆN:

1.3.1. NHẠN VÀNG CHO LÔNG:

Tỳ-kheo-ni Thâu LA-nan Đà cùng các Thức xoa và Sa di ở gần một vườn tỏi, bên bờ sông Di Hầu, thuộc thành Xá-vệ. Một hôm, người chủ vườn tỏi hỏi cô:

- Nếu các cô có cần tỏi thì cứ đến nhổ lấy.

Nghe vậy, Thâu La-nan-Đà cùng các Thức xoa và Sa di thường xuyên đến nhổ tỏi. Không bao lâu, vườn tỏi sạch nhẵn. Người chủ vườn thấy vậy bèn bỏ vườn mà đi. Nhân đó, Đức Phật kể về nhân duyên đời trước.

Đời quá khứ, có một Bà-la-môn đã 120 tuổi, thân hình gầy gò nhưng vợ ông ta lại rất trẻ trung xinh đẹp. Gia đình họ rất đông con. Người Bà-la-môn ấy rất yêu quý vợ con mình, không nỡ lìa xa nửa bước. Do tâm luyến ái sâu nặng nên sau khi qua đời, ông ta liền sanh vào loại Nhạn, có bộ lông bằng vàng rồng. Do phước duyên đời trước nên con nhạn này biết được tiền kiếp của mình. Nó nghĩ: Ta phải làm cách nào để các con ta không bị nghèo khổ.

Thế là, mỗi ngày nó đều bay về nhà xưa, làm rụng một sợi lông rồi bay đi. Các người con thấy vậy, không hiểu duyên cớ nên bàn bạc: "Chúng ta nên rình, chờ khi con chim ấy bay đến, sẽ tìm cách bắt lấy nó để vặt lấy hết những sợi lông bằng vàng". Và họ đã làm theo kế ấy. Cuối cùng khi con nhạn bị vặt trụi hết thì trên mình nó mọc ra những sợi lông màu trắng.

Đức Phật bảo:

- Này các Tỳ-kheo! Người Bà-la-môn già chính là con nhạn kia, cũng là chủ vườn tỏi ngày nay. Người vợ xinh đẹp của ông ta xưa kia, nay chính là Tỳ-kheo-ni Thâu LA-nan Đà. Còn các người con của người Bà-la-môn ấy nay chính là các Thức xoa và Sa di vậy.

(Trích luật Tứ Phần, phần 2, quyển 3)

1.3.2. VÌ NGHE PHÁP PHẬT ĐƯỢC SANH THIÊN:

Một thời, Đức Phật vì Chư thiên và bốn bộ chúng tuyên thuyết pháp mầu ở một khu rừng thuộc nước Ba-la-nại. Bấy giờ bầy nhạn năm trăm con nghe pháp của Phật, trong lòng yêu thích liền chao liệng định đáp xuống. Thấy vậy, một người thợ săn liền giương lưới ra bắt trọn cả bầy nhạn. Những con Nhạn ấy sau khi bị giết liền sanh lên cung Trời Đao Lợi. Chúng hiện ra trên đầu gối cha mẹ bằng đứa trẻ tám tuổi, dung mạo xinh đẹp. Từ trên thân hình những đứa trẻ ấy phát ra ánh sáng như

núi vàng. Chúng nghĩ: “Vì sao ta lại sanh về đây?”. Ý nghĩ vừa khởi, chúng liền biết được tiền kiếp của mình, càng tin sâu pháp nhân quả. Những đứa trẻ ấy cầm hoa bay xuống chỗ đức Phật ở cõi Diêm-phù-đề, đảnh lễ Ngài và thưa:

- Chúng con nhờ pháp Âm của Ngài mà được sanh lên cõi Trời thắng diệu. Cúi xin Ngài lại khai thị cho chúng con!

- Phật thuyết pháp Tứ đế. Những đứa trẻ ấy đều đắc quả Tu-đà-hoàn, liền trở về cõi Trời.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 13)

1.3.3. KHÔNG THAM ĂN NÊN KHỎI NẠN CHẾT:

Một hôm, phu nhân của Vua đang ngồi trên lầu cao, bỗng trông thấy đàn nhạn bay trên Trời liền ao ước được ăn món thịt chim ấy. Bà ta tâu lên Vua. Vua liền sai thợ săn giăng lưới để bắt nhạn. Mấy mươi con nhạn bị sa lưới, bọn người hầu đem nhốt chúng vào lồng. Hàng ngày chúng đều được cho ăn no đủ. Trong số đó, có một con Nhạnkhông chịu ăn gì cả. Các con khác bảo:

- Nay may mắn được sống, thử hỏi bạn không ăn có ích lợi gì?

Nhạn nọ đáp:

- Do lo lắng nên tôi ăn không vô.

Sau bảy ngày nhịn ăn, Nhạn gầy trơ xương, nhưng cũng nhờ vậy mà nó có thể lách qua kẽ lồng bay ra. Trước khi bay xa, nó còn nói vọng lại với những con nhạn mập mạp đang ở trong lồng:

- Các bạn tham ăn, sau này ắt sẽ phải chịu nổi thống khổ.

(Trích kinh Thí Dụ bộ 10 quyển, quyển 6)

1.4. CHIM HÓT LỜI PHÁP:

Ở nước của Đức Phật A Di Đà thường có các loài chim kỳ diệu đủ màu sắc như: Hạc trắng, Khổng tước, Anh võ, Ca lăng tần già cùng sinh sống. Ngày đêm sáu thời, chúng thường hót lên những âm thanh hoà nhã, nói về các pháp như Ngũ căn, Ngũ lục, Thất giác chi, Bát Thánh đạo. Những chúng sanh ở đây nghe những âm thanh này đều nhớ nghĩ đến Tam bảo.

(Trích kinh Di Đà).

***1.5. BỒ CÂU:* CÓ HAI CHUYỆN:**

1.5.1. XẢ THÂN CỨU NGƯỜI ĐÓI:

Xưa ở trên núi tuyết có con bồ câu sinh sống. Bấy giờ, nhằm lúc

Trời đổ mưa tuyết lớn, có một người đi lạc đường bị đói rét khốn khổ, mạng sống như chỉ mành treo chuông. Bồ câu thấy vậy, bèn bay đi tìm lửa, sau đó nó nhóm củi lại, đốt lửa rồi tự nhảy vào đống lửa để bố thí cho người đang bị đói kia.

(Trích luận Đại Trí Độ quyển 11)

1.5.2. NGUYÊN NHÂN SỢ HÃI CỦA BỒ CÂU:

Một thời, Đức Phật ở Tinh xá Kỳ-hoàn nơi thành Xá-vệ. Vào môt buổi xế trưa nọ, Ngài đang đi kinh hành, theo sau là Ngài Xá-lợi-phất. Có một con chim ưng đuổi bắt một con bồ câu. Bồ câu bay đến bên Phật, Ngài dùng bóng mình che cho nó. Con chim cảm thấy an ổn, không còn lo sợ nên nằm im không kêu la. Nhưng một lát sau, khi thấy bóng Ngái Xá-lợi-phất, Bồ câu lại cất tiếng kêu sợ hãi. Xá-lợi-phất bạch Phật:

- Bạch Đức Thế tôn! Thân Phật cùng con đều đã dứt trừ ba độc. Cớ sao Ngài dùng bóng che cho chim, nó không tỏ vẻ sợ hãi, còn khi con dùng bóng che cho nó, nó lại tỏ ra run sợ như thế?

Phật đáp:

- Vì ông vẫn còn tập khí của ba độc. Ông hãy quán nhân duyên đời quá khứ của con chim này, xem thử trong bao nhiêu đời nó đã làm thân bồ câu rồi?

Xá-lợi-phất liền nhập Túc mạng trí tam muội, quán thấy con bồ câu này trong 80.000 kiếp trước thường làm thân bồ câu, còn xa hơn nữa thì Ngài không thể biết.

Phật lại bảo:

- Nếu ông không thể biết thấu đáo đời quá khứ, vậy ông hãy thử quán xem con bồ câu này đến khi nào mới thoát khỏi thân chim?

Xá-lợi-phất lại nhập Nguyện trí tam muội, quán thấy con bồ câu này trải qua tám mươi ngàn đại kiếp nữa cũng chưa được thoát khỏi thân chim. Nhưng còn xa hơn nữa thì Ngài không thể biết được. Vì con Bồ câu này trong hằng hà sa đại kiếp vẫn thường làm thân bồ câu.

(Trích luận Đại Trí Độ quyển 11)

1.6. CHIM TRĨ CỨU RỪNG CHÁY:

Xưa ở trong khu rừng vắng nọ có một con chim Trĩ sinh sống. Một hôm, bỗng khu rừng bị phát hoả. Chim Trĩ kiên nhẫn bay đến con sông gần đó ngậm nước đem về rưới vào khu rừng đang cháy. Nó cứ bay đi bay về như thế hết sức vất vả, nhưng không cảm thấy khổ. Thấy vậy, Trời Đế thích bay xuống hỏi:

- Ngươi đang làm gì thế?

- Tôi vì thương chúng sanh nên ra sức cứu cánh rừng. Rừng này mát mẻ thoải mái, tôi cùng muôn thú đều nương náu ở đây. Tôi vẫn còn một chút sức lực, đâu dám lười biếng mà không cứu lấy nó.

Đế thích hỏi:

- Nhưng ngươi siêng năng như vậy được bao lâu?

- Cho đến chết.

- Ai làm chứng cho ngươi?

Trĩ liền lập lời thề:

- Nếu tâm tôi thật sự chí thành thì xin cho ngọn lửa này hãy tự tắt.

Bấy giờ, Chư thiên ở cõi Trời Tịnh Cư biết được thệ nguyện rộng sâu của chim Trĩ, liền làm cho lửa bị dập tắt. Khu rừng trở lại xinh tươi như ngày nào.

(Trích luận Đại Trí Độ quyển 16)

1.7. CHIM: **CÓ 4 CHUYỆN:**

1.7.1. CHUYỆN BÁO ÂN:

Vua ba-tư-nặc có bốn vị đại thần, vua phong ho làm tướng để cùng hợp nhau đem bốn bộ binh đi chinh phạt một nước nhỏ. Bốn vị đại thần gặp Phật, cúi đầu đảnh lễ. Thế tôn hỏi:

- Các ông đi đâu vậy?

- Chúng con vì sự hưng thạnh của đất nước nên hưng binh chinh phạt nước khác!

- Lành thay! Chư Hiền, đây là việc báo ân mà có đền đáp.

Không chỉ đời này ông ta được làm vua, mà vào thời quá khứ, ở nước sa-kiệtcó một đàn quạ không biết từ đâu bay đến. Quạ chúa tên là cam-giá thống lãnh 8 vạn con quạ. Vợ quạ chúa tên Cựu-lê-ni tự nhiên buồn bã biếng ăn. Quạ chúa hỏi. Cựu-lê-ni thành thật thưa:

- Tôi cảm thấy thân thể yếu ớt, phải ăn thịt nai chúa thì mới sống nổi, nếu không chắc tôi chết mất!

Lúc ấy quạ chúa nghe tiếng ồn ào của đàn quạ, liền ra lệnh:

- Các ngươi phải đến nước Sa-kiệt, vua nước ấy có một con nai chúa to lớn tên là Tu-cụ. Ta muốn lấy thịt của nó

Bốn con quạ đáp:

- Chúng tôi quyết làm việc đó dù phải hy sinh tánh mạng.

Bốn con quạ liền bay đến nước sa-kiệt. Thấy quạ, hoàng tử vô cùng sợ hãi, vội về tâu với phụ hoàng:

- Thưa phụ hoàng! Con thấy bốn con quạ màu trắng vừa bay đến vườn nai.

Vua liền ra lệnh cho người đến giăng lưới bắt qua. Bắt được quạ, họ đem dâng lên vua. Vua hỏi và quở trách:

- Vì sao các ngươi đến xâm phạm đất nước của ta!

- Thưa Thiên vương, chẳng phải chúng tôi muốn đến đây. Nhưng vì vợ của vua am-giá mang thai, muốn ăn thịt nai chúa tu-cụ, nên vua sai chúng tôi đến đậy bắt nai. Chúng tôi chỉ làm theo mệnh lệnh của vua.

Vua ngạc nhiên nghĩ: "Chúng nó theo lệnh vua đến đây dù phải hy sinh tánh mạng quyết không dám làm trái mệnh lệnh của vua. Người đời được sự dạy dỗ của cha mẹ mà biết báo ân thì thật là khó huống gì là loài chim thú." Nghĩ vậy, vua liền tha tội cho bầy quạ.

(Trích kinh Mật Cụ, còn gọi là Kinh Câu-tát-quốc-ô Vương)

1.7.2. ĐÔI BẠN:

Xưa có con quạ tên câu-kỳ (đời Lương dịch là quạ mỏ đỏ) bay đến một khu rừng, rồi sanh con ở trên cây. Câu-kỳ kết thân với một chú khỉ. Trong khu rừng ấy có một con rắn độc thường rình bắt con của Câu-kỳ. Mất hết con, Câu-kỳ buồn thương gào khóc, không biết con mình hiện ở nơi đâu. Câu-kỳ đoánchắc các con mình đã bị rắn độc ăn. Thấy Câu-kỳ áo não, khỉ hỏi:

- Việc gì mà bạn buồn bã đến như thế?

- Rắn độc đã ăn hết con của tôi rồi!

- Tôi sẽ trả thù cho bạn!

Lúc ấy rắn độc bò ngang qua, khỉ đến trước cản lối rắn. Rắn giận dữ quấn lấy khỉ. Khỉ tức tốc nắm đầu rắn đập vào đá.

Giết được rắn độc, khỉ chạy về báo với Câu-kỳ. Câu-kỳ vô cùng vui sướng.

(Trích kinh Xích Chủy Ô Dụ)

1.7.3. PHẬN CON LAI:

Thời quá khứ, có một đàn gà sống trong rừng cây trăn. Bỗng có một con chồn đến ăn hết bầy gà, chỉ còn một con gà mái. Có một con quạ bay đến đây cùng kết bạn với gà mái và sanh được một con. Khi con tập nói, quạ nói kệ:

Con chẳng của riêng ta
Cha quạ mẹ là gà

Kết tình sanh con nhỏ
Không quạ chẳng giống gà
Nếu con học tiếnh quạ
Nhưng lại là gà sanh
Còn như học tiếng gà
Lại là con cha quạ
Học quạ giống tiếng gà
Học gà thàng tiếng quạ
Gà quạ đều học cả
Thì không thể nói được.

(Trích luật Tăng Kỳ phần 12, quyển 4)

1.7.4. LỜI TÂN BỐC CỦA KẺ HÈN:

Có một xác hoàng môn ở dưới gốc cây, cáo và quạ cùng đến ăn thịt. Cả hai cùng khen ngợi nhau. Quạ nói:

Thân anh như sư tử
Đầu mặt tựa tiên nhân
Được sanh từ nai chúa
Ôi thật đẹp như hoa.

Cáo nói:

Quý nhất trong loài chim
Trí tuệ lại tuyệt vời
Rực rỡ khắp mười phương
Như vàng ròng sắc tía.

Lúc ấy, có vị tiên đang tu tập ở chỗ vắng, nghe quạ và cáo nói chuyện, nói kệ:

Từ lâu tôi đã thấy
Đều là lời giả dối
Núp mình dưới gốc cây
Ăn thịt của hoàng môn
Bọn ngươi hạng thấp hèn
Xưng mình là thượng nhơn.

Quạ nói:

Sư tử và chim sẻ
Đều ăn thịt cầm thú
Đáng gì xác chết này
Mà phải nhọc cầu xin.

(Trích kinh Trùng Cô Ô)

2. LOÀI TRÙNG - PHẦN HẠ:

2.1. RỒNG: CÓ 5 CHUYỆN:

2.1.1. SỐNG QUA LẠI:

Rồng có bốn loại: noản sanh, thai sanh, thấp sanh và hoá sanh. Tất cả đều do đời trước nhiều sân giận, không trung thật, bố thí nhiều, nay thọ thân hình này. Cung điện Rồng bằng bảy thứ báu (cung điện rồng có nói trong phần loài chim cánh vàng).

Thân Rồng cao bốn mươi dặm, áo dài bốn mươi dặm và rộng tám mươi dặm, nặng 2 lượng rưỡi. Rồng có sức mạnh tự tại, được hưởng trăm vị thức ăn, nhưng miếng ăn sau cùng đến miệng đều biến thành cóc nhái. Nếu Long vương giáo hoá quyến thuộc khiến phát đạo tâm, ban cho chúng áo nhuộm màu, thì có thể khiến chúng phát tâm cúng dường. Vì thế, cát không còn rơi trên thân chúng như mưa và thoát khỏi các tai họa. (Lại nói: Thân Rồng biến thành rắn, rắn con v.v... không gặp phải nạn cóc nhái và chim cánh vàng).

Rồng ăn cá sấu, ba ba (Kinh Lâu Thán ghi: Rồng ăn ba ba và đại ngư Đề Kiệt Đề Lịch). Rồng dùng nước tấm giặt y phục làm cho mịn màng trơn láng trơn láng. Nó cũng có hôn nhân. Hai thân Rồng xúc chạm nhau thành Âm dương. Thọ mạng của chúng một kiếp hoặc ít hơn. Thoát khỏi nạn chim cánh vàng ăn chỉ có 16 vị vua rồng: Bà -kiệt, Nan-đà, Bạt-nan-đà, Y- na- bà- la, Đề- đầu- lại- tra, Thiện- kiến, A-hư, già-câu- la, Già -tỳ- la, A- bà- la, Già-thố, Cù -già-thố, A- nậu- đạt, Thiện-trụ, Ưu -diệm- già -ba -đầu, Đắc- xoa- ca.

(Kinh Lâu Thán ghi: 16 Long vương này trích phần Lâu Thán của Trường A-hàm và luận Đại Trí Độ)

2.1.2. LONG VƯƠNG SA- KIỆT ĐƯỢC NĂM TRĂM QUỶ THẦN HỘ VỆ:

Long vương Sa-kiệt ở dưới đáy biển, phía bắc núi Tu di. Cung điện của Long vương rộng 8 vạn do tuần, làm bằng bảy báu. Thành có 7 lớp tường, lan can võng lưới trang sức ở trên, trong thành có vườn cây, ao tắm, chim hót hoà vang. Tường thành bằng vàng, cửa bằng bạc. Cửa cao 2400 dặm, rộng 2200 dặm, vẽ chạm rất đẹp, thường có năm trăm quỷ thần bảo vệ. Long vương có thể làm mưa theo ý muốn. Các rồng khác không làm được như vậy. Nó ở vực sâu, chỗ nước xoáy trào đổ vào biển lớn. Thân nó màu lưu ly.

(Trích kinh Lâu Thán, kinh Hoa Nghiêm).

2.1.3. QUYẾN THUỘC TRƯỚC ÍT SAU NHIỀU:

Long vương bạch Phật:

- Bạch Thế tôn! Con từ kiếp sơ chỉ ở trong biển. Từ thời Phật Câu Lâu Tần vợ con ở trong biển lớn rất ít. Nay tại sao quyến thuộc của con ở trong biển lại rất nhiều?

- Này Long vương! Vì có người xuất gia ở trong Phật pháp vi phạm giới luật không chịu xả. Người phá giới phần nhiều sanh trong loài rồng.

- Vì sao họ không bị đọa vào địa ngục, mà những người ấy sau khi chết đều sanh trong loài rồng?

- Vào thời Phật Câu Lâu Tần có 98 ức người xuất gia phạm cấm giới, sau khi chết sanh trong loài rồng. Thời Phật Câu-na-hàm-mâu-ni có tám mươi ức người xuất gia phá giới buông lung, sau khi chết đều sanh trong loài rồng. Thời Phật Ca-diếp có 64 ức người xuất gia phạm giới, sau khi chết đều sanh trong loài rồng. Trong đời ta có 990 ức người xuất gia phỉ báng giới kinh, khi chết đều sanh trong loài rồng. Vì vậy, nay đã tái sanh vào trong biển làm vợ con quyến thuộc các ngươi, nhiều không thể kể. Sau khi ta nhập Niết-bàn, nhiều ưu bà tắc ác độc, vi phạm cấm giới, đời sau sẽ sanh trong loài rồng hoặc đọa vào địa ngục.

(Trích kinh Hải Long vương quyển 2)

2.1.4. RỒNG TRÌ GIỚI ĐƯỢC SANH LÊN TRỜI ĐAO LỢI:

Rồng độc có sức mạnh lớn lao. Mỗi khi nó nhìn người yếu thì người ấy chết ngay, còn người mạnh nó thổi hơi đến cũng chết. Lúc bấy giờ, rồng thọ giới Bát quan trai, vào rừng ngồi tư duy. Ngồi lâu rồng mỏi mệt ngủ lúc nào không hay. Khi rồng ngủ hình dạng giống rắn, da nó ánh lên nhiều màu. Người thợ săn thấy rồng vui mừng nói:

- Đây là bộ da hiếm có, ta nên lấy về dâng lên vua để làm đồ trang sức thì quý biết bao!

Nói rồi, anh ta liền lấy gậy đè lên đầu rồng, rồi lấy dao lột da nó. Rồng tự nghĩ: “Sức ta có thể làm nghiêng cả đất nước, một vật nhỏ này há có thể làm gì được ta. Nay ta trì giới nên không nghĩ đến thân này, phải theo lời Phật mà tự nhẫn nhục”.

Nghĩ rồi, rồng khép mắt không nhìn, nín hơi không thở, lòng thương xót người ấy. Vì trì giới, rồng nhất tâm chịu bị cắt lột không sanh tâm hối hận. Lấy da xong, người thợ săn để rồng nằm trên đất. Lúc ấy mặt Trời chiếu xuống, quá nóng Rồng phải chui vào trong đất. Rồng muốn đến biển lớn cho các loài trùng khác ăn thịt mình. Nhưng

vì trì giới nên rồng không dám cử động, nghĩ: “Nay đem thân ta bố thí cho các loài để cầu Phật đạo, dùng thịt bố thí để sung mãn thân mình, sau dùng pháp bố thí để ích lợi tâm mình”. Đến khi thân khô mạng dứt, rồng sanh lên Trời Đao Lợi.

(Trích luận Đại Trí Độ quyển 14)

2.1.5. TỨ ĐẠI LONG VƯƠNG GẶP NẠN CHIM CÁNH VÀNG:

Bốn Long vương tên là: Hấp-khí, Đại-hấp-khí, Năng-la và Vô-lượng-sắc, bạch Phật:

- Bạch Thế tôn! Ở trong biển này có rất nhiều loài rồng, nhưng bốn loài chim cánh vàng thường đến ăn chúng con. Xin Phật thương xót cứu giúp cho chúng con được an ổn không còn sầu lo.

Đức Phật cởi y nhuộm màu đang mặc đưa cho Long vương bảo:

- Ông nên lấy y của Như Lai, cắt chia khắp cho các loài rồng, mỗi con được một sợi chỉ, thì chim cánh vàng không thểchạm đến. Nhờ công đức cao vời của Phật mới được nhu thế.

Lúc ấy, Long vương liền nhận y của Phật, chia đầy đủ cho các loài rồng. nhưng y vẫn nguyên vẹn như cũ. Long vương bảo các loài rồng: Các ngươi hãy kính trọng y này như kính Đức Phật, sau khi Phật Niết-bàn phải cúng dường Xá-lợi. Tất cả nên phụng thờ Đức Phật.

Bốn điểu vương cánh vàng nghe Phật chỉ bày như thế, vô cùng hoảng sợ, vội vàng đến chỗ Phật, đảnh lễ thưa:

- Vì sao Đức Thế tôn đoạt thức ăn của chúng con?

Phật bảo:

- Có bốn loại thức ăn sẽ sanh vào ba đường ác: 1- Thức ăn do bẫy lưới bắt cầm thú, tàn hại các loài súc sanh, giết chúng một cách oan uổng. 2- Thức ăn do đem binh, đao, trượng, mâu, để chặt, đâm bức bách cướp đoạt tài vật của người khác. 3- Thức ăn do xan tham dua nịnh, phạm giới, tà kiến, xảo trá. 4- Thức ăn do chẳng phải Thầy xưng Thầy, không phải Thế tôn xưng Thế tôn, theo tà xưng chánh, không phải chí tịch tịnh xưng chí tịch tịnh, không thanh tịnh xưng thanh tịnh, không phạm hạnh xưng phạm hạnh, tự xưng một cách dối trá. Ăn bốn loại thức ăn này, sẽ đọa ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Ta thuyết pháp để trừ bốn loại thức ăn này, các ngươi không nên dùng nó nuôi dưỡng thân mình, mà hại đến chúng sanh. Muốn giữ gìn thân mình, phải giữ gìn thân người khác, việc không nên làm chớ làm.

Lúc ấy, bốn điểu vương cánh vàng, mỗi con cùng với một ngàn quyến thuộc đều bạch Phật:

- Ngày nay, chúng con xin quy y Phật, Pháp, Tăng, xin sám hối những tội lỗi đã gây ra từ trước đến nay. Chúng con xin thọ trì cấm giới bắt đầu từ ngày nay, để ban sự vô uý cho tất cả Long vương và ủng hộ chánh pháp đến mai sau để chánh Pháp được vững bền. Cho đến khi Phật Pháp diệt tận, chúng con thề không trái phạm lời Phật dạy.

(Trích quyển 4 Kinh Hải Long vương).

2.2. RẮN: **CÓ 3 CHUYỆN:**

2.2.1. QUẢ BÁO CỦA SỰ THAM LAM:

Xưa ở nước Ba-la-nại cõi Diêm-phù-đề có một người rất tham vàng. Ông ta làm lụng cực khổ dành dụm được bảy hủ vàng, đem chôn trong đất không dám tiêu xài.

Thời gian sau, ông mắc bệnh và qua đời. Vì tham tiếc bảy hủ vàng nên ông sanh làm rắn quấn quanh bảy hủ vàng để canh giữ. Khi rắn chết lại sanh làm rắn, cứ thế cho đến mấy vạn năm. Đến kiếp rắn cuối cùng, ông ta suy nghĩ và tỉnh ngộ biết được nguyên nhân mình mãi thọ ác báo là do tham vàng. Muốn thoát khỏi ác báo thì phải đem vàng này tạo phước nguyện được sanh vào chốn lành.

Nghĩ vậy, rắn liền bò ra đường, gặp một Bà-la-môn. Rắn nói:

- Tôi có một hủ vàng, nhờ ông thiết trai cúng Tăng giúp tôi. Nếu không giúp, tôi sẽ mổ chết ông đấy!

- Được rồi! Tôi sẽ giúp.

Bà-la-môn nhận vàng đem đến chùa, kể lại chuyện rắn muốn thiết trai cúng dường. Chúng Tăng đồng ý. Bà-la-môn đưa vàng cho vị duy na. Gần đến ngày thiết trai, Bà-la-môn cầm một tiểu a-hàn-đề đến chỗ rắn. Rắn vui mừng nằm khoanh trong a-hàn-đề. Bà-la-môn lấy vải đậy rắn lại rồi mang đến chùa. Người đi đường thấy vậy đều cho rằng vị Bà-la-môn này đem phẩm vật về nhà, để một ngày nào đó đem cúng dường các vị Thánh tăng.

Sau khi thiết hội, Bà-la-môn đưa rắn đi nhìn mặt các vị tăng trong già lam nhận sự cúng dường hôm ấy. Rắn khởi lòng tôn kính nhìn kỹ từng vị.

Thọ thực xong, các vị tăng thuyết pháp cho rắn nghe. Rắn đem hết bảy bình bát vàng cúng dường chúng Tăng. Sau đó, rắn chết, được sanh lên cõi Trời Đao Lợi.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 4)

2.2.2. ĐẦU VÀ ĐUÔI RẮN CÃI NHAU:

Một hôm nọ, đầu và đuôi một con rắn cãi nhau. Đầu nói:

- Công tôi lớn nhất!

- Không đúng, công tôi mới lớn nhất! Đuôi cãi lại.

- Tôi có tai để nghe, có mắt để thấy, có miệng để ăn, đi thì đi trước, anh đâu được khả năng như thế, nên công tôi lớn nhất!

Nghe vậy đuôi rắn tức giận quấn vào gốc cây ba vòng, rồi nói:

- Vậy, giờ anh đi thử xem có được không?

Đuôi rắn cứ quấn chặt vào gốc cây suốt ba ngày như thế. Không tìm được thức ăn, rắn đói đến sắp chết. Đầu mới hạ giọng:

- Anh hãy buông tôi ra đi. Tôi công nhận anh có công lớn nhất rồi!

Đuôi rắn liền buông gốc cây ra. Đầu nói tiếp:

- Công anh lớn nhất, vậy anh dẫn trước đi!

Đuôi rắn liền dẫn trước. Mới bò được một đoạn ngắn, cả đầu lẫn đuôi rắn đều bị rơi vào hầm lửa chết cháy.

2.2.3. TÌNH ĐỜI:

Xưa có một con rắn cùng kết bạn với ễnh ương và rùa. Thời gian sau, ao cạn nước, cả ba đều bị đói khát đến cùng cực.

Một hôm nọ, rắn bảo rùa đến nói với ễnh ương:

Gặp phải nạn đói khát
Tâm trí bị mê mờ
Không nghĩ đến nhân nghĩa
Chỉ ăn là trước tiên.

Ễnh ương nói:

Bạn hãy đem lời ta
Nói cùng anh chàng rắn
Dù ễnh ương thế nào
Cũng không đến bên anh.

(Trích quyển 12 Đại Trí Độ Luận)

2.3. RÙA: RÙA MÙ GẶP BỌNG CÂY NỔI:

Phật bảo:

Này các Tỳ-kheo! Trong biển lớn có một con rùa mù sống lâu vô số kiếp. Khoảng một trăm năm rùa mới nổi lên một lần.

Lại có một bọng cây trôi trên biển. Gió dập sóng xô, bọng cây trôi dạt bốn phía. Rùa một trăm năm nổi lên một lần để tìm bọng cây này.

Nhưng hễ rùa nổi lên đàng Đông thì cây trôi dạt về phía Tây; hễ rùa nổi lên đàng tây thì bọng cây lại trôi dạt về phía Đông. Rùa cứ quanh quẩn mãi như thế.

Tuy là rùa khó gặp được bọng cây ấy nhưng vẫn còn có thể gặp được. Còn hàng phàm phu, trôi lăn trong biển ngũ thú mà được làm thân người còn khó hơn việc rùa mù tìm bọng cây nổi.

(Trích kinh Tạp A-hàm quyển 16)

2.4. CÁ: CÓ 2 CHUYỆN:

2.4.1. QUẢ BÁO ÁC KHẨU:

Phật và các Tỳ-kheo đến bên sông Lê-Việt, thành Tỳ-xá-ly, thấy năm trăm người chăn trâu và năm trăm người bắt cá. Phật bỏ đi đến ngồi thiền ở một nơi cách sông không xa. Bấy giờ, những người đánh cá kéo được một con cá to. Năm trăm người ra sức kéo mà vẫn không kéo nổi. Họ liền gọi năm trăm người chăn trâu đến kéo giúp. Nhờ sức một ngàn người, cá mới được đưa lên bờ. Cá rất lạ có một trăm đầu, là đầu của một trăm loài vật khác nhau như đầu ngựa, đầu lừa, đầu lạc đà.v.v... Thấy lạ, mọi người kéo đến xem rất đông. Đức Phật đến chỗ cá hỏi:

- Ngươi là Ca-tỳ-lê phải không?

Cá im lặng. Phật hỏi đến ba lần. Cá mới nói:

- Dạ, đúng vậy!

- Những bè đảng của ông hiện đang ở đâu?

- Tất cả đều bị đọa địa ngục A-tỳ!

A-nan hỏi Phật:

- Bạch Đức Thế tôn! Tại sao Ngài gọi cá trăm đầu là Ca-tỳ-lê?

Phật nói:

- Vào thời Phật Ca-diếp, có một Bà-la-môn sanh được một con trai đặt tên là Ca-tỳ-lê (Đời Lương dịch là Hoàng Đầu). Ca-tỳ-lê rất thông minh, học sâu hiểu rộng, là người đa văn nhất nước chỉ thua các vị Sa-môn. Khi sắp chết, Bà-la-môn ân cần khuyên dạy:

- Con nhớ đừng luận bàn đạo lý với Sa-môn Ca-diếp. Vì trí tuệ ông ấy rất siêu việt. Con không thắng nổi đâu!

Bà-la-môn qua đời. Mẹ Ca-tỳ-lê nói với con:

- Con thông minh học rộng như thế lại có người hơn con được sao?

- Các Sa-môn giỏi hơi con đấy mẹ!

- Sao có thể hơn con được?

- Vì nếu ai có việc gì nghi ngờ đến hỏi Phật. Ông ấy đều giải thích

trót lọt. Nhưng nếu họ hỏi con thì ccon không giải đáp nổi!

- Vậy sao con không học theo Pháp của họ?

- Phải làm Sa-môn mới được học. Con là cư sĩ, đâu được học!

- Vậy, con hãy giả làm Sa-môn đến đó học. Học xong thì trở về nhà!

- Hay lắm, thưa Mẹ!

Ca-tỳ-lê liền nghe lời mẹ giả làm Tỳ-kheo.

Ít lâu sau, Ca-tỳ-lê đã tụng được tam tạng, thông suốt nghĩa lý. Về nhà, mẹ anh ta hỏi:

- Giờ, con thắng nổi các Sa-môn chưa?

- Về học vấn thì con đã hơn, nhưng con còn thua họ về việc Thiền định.

- Sao con biết?

- Vì con hỏi thì họ giải thích được, nhưng họ hỏi lại thì con không biết!

- Vậy, từ đây về sau, nếu con luận bàn có thua mấy ông Sa-môn thì con hãy chửi mắng họ.

- Mẹ ạ, Sa-môn xuất gia đâu có lỗi lầm gì mà sao lại mắng chửi họ?

- Con phải chửi họ thì con mới thắng cuộc!

Ca-tỳ-la không nỡ làm trái ý mẹ.

Hôm sau, Ca-tỳ-la đến luận bàn đạo lý với Sa-môn. Đuối lý, Ca-tỳ-la chửi rằng:

- Các ông là đồ dốt nát, ngu si hơn cả loài súc sanh.

Ca-tỳ-lê liền đem trăm loài thú để mắng chửi các Tỳ- Kheo nhiều lần như vậy. Vì nghiệp nhân này mà đời nay Ca-tỳ-lê phải thọ báo làm cá một trăm đầu.

A-nan hỏi Phật:

- Bạch Đức Thế tôn! Đến bao giờ cá này mới thoát nghiệp?

- Trải qua một ngàn Đức Phật trong hiền kiếp tu hành thành tựu, cá này vẫn chưa hết nghiệp.

Nhân đó, Đức Phật thuyết Pháp. Mọi người nghe Pháp rồi đều cùng nhau nói:

- Tất cả những việc làm từ thân khẩu ý đều phải cẩn thận.

Những người đánh cá và những người chăn trâu đều chắp tay hướng Phật xin được xuất gia tu phạm hạnh.

Phật bảo:

- Thiện lai!

Râu tóc họ liền tự rụng, pháp y tự đắp thân. Phật lại nói pháp mầu. Tất cả đều chứng quả A-la-hán.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 10)

2.4.2. CÁ MẮC CẠN:

Nước biển dâng cao, có 3 con cá lớn bị trôi vào trong một bãi cạn. Chúng bảo nhau:

- Đến khi nước rút, chúng ta sẽ bị mắc cạn. Giờ chúng ta phải lội ngược dòng để ra biển.

Cả bọn liền lội ra nhưng bị dãi đất ngăn lại. Cá thứ nhất dùng hết sức nhảy qua liền được thoát nạn. Cá thứ hai chui vào cỏ mà qua cũng được thoát nạn. Cá thứ ba vì yếu sức nên khi nước rút nó bị người đánh cá bắt được. Phật thấy vậy, liền nói kệ:

Ngày nay đã qua
Mạng sống dần giảm
Như cá cạn nước
Việc gì vui đâu.

(Trích kinh Xuất Diệu quyển 18)

2.5. NGHÊU: NGHE PHẬT THUYẾT PHÁP CHỨNG QUẢ THÁNH:

Trong ao ca-la có một con nghêu sinh sống. Một hôm, nghe Phật thuyết Pháp, nó liền bò lên bờ ẩn dưới bụi cỏ. Lúc ấy có một người chăn trâu vì muốn nghe pháp nên đến chỗ Phật, vô tình dùng gậy chọc xuống đất, lỡ trúng đầu nghêu. Nghêu chết, liền sanh lên cõi Trời Đao Lợi. Thấy các kỹ nữ vui chơi khoái lạc, nó liền nghĩ: “Đời trước ta là súc sanh, cớ sao nay được sanh lên cung Trời này”.

Vị thiên liền dùng thiên nhãn quán sát, biết được quả báo lành có được hôm nay đều là nhờ công đức nghe Phật thuyết pháp. Vị thiên liền bay đến chỗ Phật. Sau khi nghe Phật thuyết pháp, vị này liền đắc quả Tu-đà-hoàn.

(Trích luật Thiện Kiến Thử Bà Sa quyển 4)

2.6. SÂU: ĂN LÚA TRẢ VÀNG:

Xưa có một nhà giàu gom góp mười đấu thóc, đem chôn dưới đất. Đến mùa xuân khí hậu ấm áp, họ bèn đào lên lấy lúa đem gieo, thì tất cả lúa đã bị mất hết chỉ thấy một con trùng lớn như con trâu, không có đầu, mắt, tay, chân, giống như một khối thịt vô cảm. Mọi người hết sức

kinh ngạc, đem trùng để nơi đất bằng, rồi hỏi:

- Ngươi là loài nào?

Hỏi đến mấy lần, nó vẫn không trả lời. Họ liền dùng dùi sắt đâm vào mình nó. Lúc ấy nó mới chịu lên tiếng:

- Muốn biết tên tôi thì hãy đem tôi để nơi đường cái, sẽ có người gọi tên tôi!

Mọi người làm theo lời trùng. Nhưng suốt ba ngày vẫn không thấy ai gọi đến tên nó. Đến ngày thứ tư, bỗng có mấy trăm cỗ xe ngựa vàng, y phục của những người ngồi trên xe cũng toàn màu vàng, đi ngang qua. Họ ngừng xe lại hỏi:

- Giặc lúa, tại sao mi ở đây?

- Tôi ăn lúa của người ta nên bị đem đến nơi này!

Hai bên nói chuyện với nhau rất lâu, bọn người kia mới từ giả ra đi.

Người chủ hỏi tên giặc lúa:

- Những người ấy là ai vậy?

- Họ là thần vàng. Dưới một gốc cây lớn cách đây ba trăm bước về phía Tây có năm trăm hủ vàng.

Người chủ lúa bèn dẫn mấy mươi người đến gốc cây ấy đào lên. Quả thật được vàng, mọi người vui mừng đem xe chở về. Họ lại cúi đầu thưa với con trùng:

- Hôm nay, có được vàng là nhờ ơn của thần. Thỉnh thần về nhà chúng tôi để chúng tôi thiết lễ tạ ơn Ngài!

- Trước kia, tôi ăn lúa của ông là tôi muốn báo đáp ông số vàng ấy. Nay tôi còn phải đem phước đến cho khắp thiên hạ, nên không thể ở lại đây được.

Nói xong trùng biến mất.

(Trích kinh Thí Dụ quyển 2)

2.7. TRÙNG: NGHIỆP DUYÊN ĐỜI TRƯỚC CỦA CON TRÙNG:

Phía Đông Nam thành Vương-xá có một cái ngòi lớn. Nước trong ngòi dơ bẩn đầy phẩn tiểu, hôi thối không thể chịu nổi. Có một con trùng lớn sống trong đó, thân trùng dài mấy trượng, không có tay chân thường bơi lội vui đùa trong nước. Thấy lạ, mọi người đến xem rất đông. Lúc ấy, Ngài A-nan đi khất thực ngang qua đó cũng ghé mắt nhìn. Trùng liền quẫy mình làm nổi sóng. A-nan trở về bạch Phật. Đức Phật cùng các Tỳ-kheo đến chỗ ấy. Thấy Phật, mọi người liền nghĩ: “Hôm nay đức Như Lai ắt sẽ nói rõ nghiệp duyên của con trùng này để giải

nghi cho mọi người”.

Đức Phật bảo:

- Sau khi Phật Duy Vệ nhập Niết-bàn, có người chủ một ngôi chùa nọ, khi trông thấy năm trăm vị Tỳ-kheo đi ngang qua, ông rất vui mừng thỉnh các vị Tỳ-kheo ở lại để ông được cúng dường suốt ba tháng. Các Tỳ-kheo nhận lời. Người chủ chùa hết lòng cúng dường đầy đủ. Ít lâu sau, có năm trăm thương buôn vào biển tìm châu trở về. Khi đi ngang qua chùa này, trông thấy các Tỳ-kheo siêng năng tu tập, họ rất hoan hỷ, và bàn nhau:

- Ruộng phước khó gặp. Nhân dịp này chúng ta nên thiết lễ cúng dường các Ngài.

Bàn xong, các thương buôn đến ngỏ ý với chủ chùa. Chủ chùa đáp:

- Tôi thỉnh chúng Tăng ở lại đây cúng dường trong ba tháng, còn năm ngày nữa thì mãn. Lúc đó, các vị hãy thiết lễ cúng dường.

Các thương buôn nói:

- Chúng tôi phải đi gấp, không ở đây lâu được.

Thế rồi, mỗi người lấy ra một viên ngọc, tổng cộng được năm trăm viên đem gửi cho chủ chùa và dặn khi nào hết hạn cúng dường thì hãy đem số ngọc này cúng dường chúng Tăng giúp họ. Người chủ chùa nhận lời. Nhưng sau đó, ông ta khởi lòng tham muốn chiếm đoạt tất cả số ngọc ấy. Khi chúng Tăng hỏi, chủ chùa đáp:

- Số ngọc đó họ cho riêng tôi. Nếu các ông muốn lấy thì tôi đem phẫn uế thí cho. Nếu các ông không đi ngay, tôi sẽ chặt tay chân ném vào hầm phẫn!

Các Tỳ-kheo thương hại kẻ ngu si nên im lặng bỏ đi.

Vị chủ chùa ấy nay là con trùng này vậy.

(Trích kinh Thí Dụ bộ mười quyển, quyển 4)

2.8. CHÍ RẬN: LỢI ÍCH CỦA SỰ ĂN UỐNG ĐÚNG THỜI:

Sau khi Đức Như Lai diệt độ, trong thời tượng pháp, có một thầy Tỳ-kheo toạ thiền một mình trong chốn núi rừng, thầy thường lo ngại bọn chấy rận đến quấy phá, nên đã giao ước với rận:

- Khi ta ngồi thiền thì ngươi nằm yên nhé!

Rận đồng ý.

Thời gian sau, có một con bò chét đất đến bên rận hỏi:

- Vì sao dạo này thân thể anh béo tròn ra thế?

- Vì chủ nhân tôi thường tu thiền định nên dạy tôi ăn uống phải

đúng thời. Tôi vâng lời nên thân thể mới béo tốt như thế này.

Bọ chét nói:

- Tôi cũng muốn học theo cách sống của anh.

Nhưng không được bao lâu, vì ngửi thấy mùi quyến rũ của máu thịt tươi, bọ chét liền cắn vào thân vị Tỳ-kheo ấy, khiến vị Tỳ-kheo khó chịu, liền cởi áo đem hơ trên lửa.

Đức Phật bảo: vị Tỳ-kheo ấy chính là Phật Ca-diếp, bọ chét chính là Đề Bà Đạt Đa, còn rận chính là Ta vậy.

(Trích kinh Báo Ân quyển 1)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 49

CHƯƠNG ĐỊA NGỤC

1. DUYÊN XƯA CỦA VUA DIÊM LA:

Vua Diêm La đời trước là vua nước Tỳ-sa cùng chiến đấu với vua Duy-đà-thỉ, do thua trận, nên lập thệ:

- Nguyện làm chủ địa ngục, có 18 đại thần, thống lãnh 1.000.000 người tai to mặt lớn.

Họ đều mang tâm oán hận và cùng lập nguyện:

- Sau này sẽ giúp vua trị tội bọn kia.

Đức Phật bảo:

- Vua Tỳ-sa là vua Diêm-la ngày nay, 18 đại thần là các vua nhỏ, 1000.000 người là những người hầu hai bên, làm nô lệ cho Tỳ Sa-môn Thiên vương ở phương Bắc.

(Trích kinh Vấn Địa Ngục. Kinh Tịnh Độ Tam-muội ghi: thống lãnh tất cả 13bốn địa ngục)

2. ĐỜI SỐNG CỦA VUA DIÊM-LA:

Phía Nam cõi Diêm-phù-đề có ngọn núi Kim Cang to lớn. Bên trong có cung vua Diêm-la ngang dọc 6.000 do-tuần. (Kinh Vấn Địa Ngục ghi: Ở trong địa ngục, thành ngang dọc 30.000 dặm, được xây bằng vàng bạc). Đêm ngày ba thời đều có vạc đồng tự nhiên hiện ra phía trước. Nếu vạc vào trong cung thì vua thấy sợ hãi, bỏ đi ra ngoài. Nếu vạc đi ra ngoài thì vua đi vào trong cung. Có bọn ngục tốt bắt vua nằm trên vạc cháy đỏ, lấy móc sắt kéo miệng ra, rồi đổ nước đồng vào, từ cổ đến chân đều bị thiêu đốt. Sau khi thọ khổ, vua trở lại vui chơi với thể nữ. Các đại thần cũng được sung sướng như vậy.

(Trích kinh Trường A-hàm quyển 9)

3. VUA DIÊM-LA TRA HỎI KẺ TỘI:

Có ba sứ giả: một là già, hai là bệnh, ba là chết. Nếu có chúng sanh nào ba nghiệp đều ác, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ rơi vào địa ngục. Vua Diêm-la hỏi:

- Ngươi bị thiên sứ gọi về, phải không? Ngươi có thấy sứ giả thứ nhất không? Khi làm người, ngươi có thấy ai đầu bạc, răng rụng, mắt thấy mờ mờ, da nhăn, lưng gù, chống gậy, vừa đi vừa rên không?

Kẻ tội trả lời:

- Có thấy.
- Sao ngươi không tự nghĩ: "Ta cũng sẽ như vậy?"
- Lúc ấy, tôi buông lung, không thể tự biết.
- Nay ta sẽ cho ngươi biết cái khổ của sự buông lung. Không phải lỗi của cha mẹ, anh em, Đế thích, tổ tiên, Sa-môn, trí thức, nô bộc v.v... mà là do ngươi làm ác, phải tự chuốc khổ.

Lại hỏi:

- Ngươi có thấy sứ giả thứ hai không? Khi làm người, ngươi có từng thấy ai mắc bệnh trầm kha, tiêu tiểu tại chỗ, ăn uống phải nhờ người, gân cốt đau nhức, khóc than rên rỉ, không nói năng được không?
- Có thấy.
- Sao không tự nghĩ: "Ta cũng sẽ như vậy?"

Lại hỏi:

- Ngươi có thấy sứ giả thứ ba không? Ngươi có thấy ai thân hoại mạng chung, các căn không còn, cơ thể thẳng đờ giống như cây khô, vứt nơi gò mã, bị chim muông ăn không?
- Có thấy.
- Sao không tự nghĩ: "Ta cũng sẽ như vậy?"

Hỏi xong, Diêm-la giao cho ngục tốt, đưa kẻ tội vào đại địa ngục.

(Kinh Hữu Chúng Sanh Tam Thế Trị Ác ghi: Đưa ra năm sứ giả và hỏi năm lần. Đó là: sanh, già, bệnh, chết và nghiệp ác đời trước).

(Trích kinh Trường A-hàm quyển 19. Kinh Lâu Thán phần lớn cũng giống như vậy).

4. MƯỜI TÁM ĐỊA NGỤC VÀ TÊN CÁC VỊ CHỦ NGỤC:

Mười tám tiểu vương la:

1. Ca Diên quản ngục cày xới.
2. Khuất Tuân quản ngục núi đao.
3. Phí Tiến Thọ quản ngục cát nóng.
4. Phí Khúc quản ngục phân nhơ.
5. Ca Thế quản ngục tai đen.
6. Cái Thoa quản ngục xe lửa.
7. Thang Vị quản ngục vạc nước sôi.
8. Thiết Ca Nhiên quản ngục giường sắt.
9. Ác Sanh quản ngục núi Cái.
10. Hàn Thủy (tên vua Kinh Khuyết) quản ngục rên siết.
11. Tỳ Ca quản ngục lột da.
12. Diêu Đầu quản ngục súc sanh.
13. Đề Bạc quản ngục đao binh.
14. Di Đại quản ngục cối sắt.
15. Duyệt Đầu quản ngục băng giá.
16. Thiết San (tên vua Kinh Khuyết) quản ngục đục xương.
17. Danh Thân quản ngục giòi trùng.
18. Quán Thân quản ngục đồng sôi.

(Trích kinh Vấn Địa Ngục).

5. BA MƯƠI ĐỊA NGỤC VÀ TÊN CÁC VỊ CHỦ NGỤC

1. Vua Bình Triều chủ quản đại địa ngục A-tỳ.
2. Vua Phổ Bình chủ quản ngục lớn thừng đen.
3. Vua Đồ Đô chủ quản ngục cối sắt.
4. Vua Phụ Thiên chủ quản ngục hiệp hội.
5. Vua Thánh Đô chủ quản ngục núi lớn.
6. Vua Huyền Đô chủ quản ngục thành lửa.
7. Vua Quảng Vũ chủ quản ngục đao kiếm.
8. Vua Vũ Dương chủ quản ngục kêu la.

9. Vua Bình Dương chủ quản ngục Bát lộ.
10. Vua Đô Dương chủ quản ngục đâm chém.
11. Vua Tiêu Dương chủ quản ngục than nóng.
12. Vua Đĩnh Úy chủ quản ngục kêu gào.
13. Vua Quảng Tấn chủ quản ngục Đại A-tỳ.
14. Vua Cao Đô chủ quản ngục xe sắt.
15. Vua Công Dương chủ quản ngục lửa sắt.
16. Vua Bình Giải chủ quản ngục phân nhơ.
17. Vua Trụ Dương chủ quản ngục thiêu đốt.
18. Vua Bình Khưu chủ quản ngục xa lìa.
19. Vua Liên Thạch chủ quản ngục đá núi.
20. Vua Lang Da chủ quản ngục Đa hoàn.
21. Vua Đô Quan chủ quản ngục cày xới.
22. Vua Huyền Tích chủ quản ngục trùng bay.
23. Vua Thái Nhất chủ quản ngục mặt Trời.
24. Vua Hợp Thạch chủ quản ngục xay xát.
25. Vua Lương Vô chủ quản ngục băng giá.
26. Vua Vô Nguyên chủ quản ngục chày sắt.
27. Vua Chính Trị chủ quản ngục cột sắt.
28. Vua Cao Viễn chủ quản ngục máu mủ.
29. Vua Đô Tấn chủ quản ngục đá nung.
30. Vua Nguyên Đô chủ quản ngục bánh xe.

Trên đây là 30 địa ngục vô cùng thống khổ. Vị thần minh lắng nghe chính xác, ghi chép rõ ràng về tội và phước, không cần thứ lớp. Một tháng sáu lần tâu trình, một năm gồm bốn kỳ. Trong bốn kỳ đó đều chọn ngày Bát vương. Ngày Bát Vương là ngày Thiên vương đi tuần để xem xét thuộc hạ của mình. Người có phước được tăng tuổi thọ, kẻ có tội bị giảm tuổi thọ, quyết định thọ mạng ngắn dài mảy may không sai chạy. Người dân mờ mịt, không biết, không lo làm thiện sẽ đọa địa ngục.

(Trích kinh Tịnh Độ Tam-muội)

6. NĂM VỊ QUAN CẤM NGƯỜI TẠO TỘI:

Năm vị quan là:

1. Quan Tiên cấm sát sanh
2. Quan Thủy cấm trộm cắp
3. Quan Thiết cấm tà dâm
4. Quan Thổ cấm nói hai lưỡi

5. Quan Thiên cấm uống rượu
(Trích kinh Tịnh Độ Tam-muội)

7. CHẾT RỒI VỀ ĐÂU:

Các phía Đông, Tây, Nam của thành vua Diêm-la đều có địa ngục. Trong ngục tối om, có mặt Trời, mặt trăng nhưng không chiếu sáng, chỉ toàn màu đen. Khi con người chết đi, thần thức đi vào Trung ấm. Trung ấm là đã xả tử ấm nhưng chưa tới giai đoạn sinh ấm. Người có tội theo thân Trung ấm vào thành Nê-lê.

Thành Nê-lê (đời Lương dịch là thành Kỳ-hệ, cũng gọi là thành Bế) là nơi tập trung các tội nhân trong thời gian chưa thọ tội. Ngọn gió mát thổi đến, tùy theo nghiệp nặng nhẹ mà thọ thân lớn nhỏ. Ngọn gió hôi thổi đến khiến người có tội thọ thân thô xấu. Ngọn gió thơm thổi đến khiến người có phước thọ thân xinh đẹp.

(Trích kinh Vấn Địa Ngục)

8. MẠNG CHUNG ĐƯỢC NGƯỜI NGHINH ĐÓN:

Khi lâm chung, thần thức sanh lên Trời hay đọa địa ngục đều có người đón. Người bệnh khi sắp chết, tự nhiên thấy có người đến đón mình. Người đáng được sanh lên Trời thì thiên nhân đem áo Trời và kỹ nhạc đến đón. Người đáng được sanh về nơi khác thì thấy người tôn quý đến nói những lời hay đẹp. Người phải rơi vào địa ngục thì thấy binh sĩ cầm dao, thuẫn, mâu đánh đập, kéo lôi bao vây quanh mình. Mỗi người đều thấy những canh tượng khác nhau không thể diễn tả hết được. Tùy theo nghiệp mình tạo mà họ chiêu cảm quả báo. Trời không xử oan, bình đẳng không hề thiên vị. Căn cứ theo nghiệp họ đã tạo mà trừng trị.

(Theo kinh Tịnh Độ Tam Muội. Kinh Hoa Nghiêm ghi: "Người sắp chết thấy tướng trung ấm. Hành động ác nghiệp thì chịu khổ trong ba đường ác, hoặc nghe tiếng khổ, hoặc thấy Diêm-la đem binh gậy trói lại dẫn đi. Còn người tạo nghiệp lành thì thấy các việc tốt đẹp như: cung điện của Chư thiên, kỹ nữ xinh đẹp đùa giỡn vui chơi")

9. DUYỆT XÉT TỘI PHƯỚC Ở NHÂN GIAN:

Vào tám ngày trai, Chư thiên Đế-thích trấn giữ 32 vị thần. Đại vương Tứ trấn coi về số mệnh và ghi chép lại. Đại vương Ngũ la và sứ giả của Bát vương đi tuần hành, xem xét khắp nơi, rồi tâu trình lên Tứ vương vào ngày 15 và ngày 30. Sau đó, Tứ vương xét xử xem ai là người

làm thiện tạo ác. Vua Địa ngục cũng sai Tiểu vương là quan phụ tá tra xét lại những tội đã ghi chép. Trước tám ngày trai, người phạm tội mà có phước lớn muốn cầu an ổn, thì cân nhắc theo phước đó mà xá tội cho. Còn sau ngày trai, hễ phạm tội nặng, người nhiều tội thì bị giảm thọ gọi là chết yểu. Năm tháng ngày giờ ở nhân gian có liên quan tới địa ngục. Địa ngục dựa vào những điều đã được ghi chép, sai bắt hồn theo danh sách đó. Quỷ ngục không có lòng từ, nếu chưa đến ngày chết mà cứ tạo ác khiến cho mạng sống mau hết. Người phước nhiều thì tuổi thọ càng tăng. Trời sai thiện thần bảo vệ người ấy, đi xuống địa ngục xoá sổ tội, khiến họ được tăng thêm tuổi thọ, sau sanh lên Trời.

(Trích kinh Tịnh Độ Tam Muội)

10. ĐỊA NGỤC: HÀN - NHIỆT - BIÊN ĐỊA:

Hỏi: Sao gọi là địa ngục?

Đáp: Địa ngục rất nhiều, nay tóm lược có 3 loại: lạnh, nóng và Biên địa.

Địa ngục lạnh có 3: tiếng kêu rõ, tiếng kêu không rõ và không kêu. Đó là 3 dạng tiếng kêu gào thảm thiết.

- Tiếng kêu rõ: có 3 địa ngục: A phù đà, Nê la phù đà và A bà bà.

1. Địa ngục A phù đà: do thân lạnh nên sanh ra giống như ung nhọt.

2. Địa ngục Nê la phù đà: gió thổi khiến thân tội nhân căng phồng lên.

3. Địa ngục A bà bà: rất lạnh, gió thổi khiến da thịt tội thân bong vỡ ra. Cả ba địa ngục này đều rên rỉ liên tục.

- Tiếng kêu không rõ: có 2 địa ngục: A tra tra hô tra hô và Ưu bát la.

1. Địa ngục A tra tra hô tra hô: rất lạnh, gió thổi khiến da thịt tội thân bong vỡ ra nên gọi là A tra tra hô tra hô.

2. Địa ngục Ưu bát la: gió lạnh thổi rất mạnh khiến da thịt tội nhân bong ra, tự nhiên có miếng sắt quấn quanh thân họ như hoa Ưu bát la. Do phỉ báng các bậc hiền Thánh đọa vào địa ngục này.

- Không kêu: có bốn địa ngục: Câu mâu đà, Tu kiền đề, Già phân đà lợi, Già ba đàm ma.

Các địa ngục này rất lạnh, gió thổi làm thân người tội căng phồng lên. Đây là bốn địa ngục khổ đau thống thiết. Do phỉ báng các bậc hiền Thánh nên đọa vào bốn loại địa ngục này. Bất cứ lúc nào cũng phải

chịu khổ. Những địa ngục lạnh cóng này đều ở trong bốn châu, dưới núi Thiết vi và những nơi tăm tối. Gió lạnh thổi đến làm thân tan rã. Ngọn lửa dữ thiêu đốt họ như đốt rừng tre, tiếng ho sặc vang khắp. Những chúng sanh thọ khổ ở đó đều là do phỉ báng bậc hiền Thánh. Như lời kệ Đức Thế tôn đã nói:

Nê la phù có trăm nghìn
A phù đà có ba lăm
Tâm miệng chê hiền Thánh
Đọa ác thú địa ngục.

Trên đây là tướng trạng của Địa ngục lạnh.

Hỏi: Thế nào là địa ngục nóng?

Đáp: Địa ngục này có ba loại: có người cai quản, ít người cai quản, không có người cai quản. Ba loại địa ngục này đều tra xét tội nhân.

- Địa ngục có người cai quản: có ba địa ngục: Hoạt, Hàng và Hắc thằng

1. Địa ngục Hoạt: Ngục tốt dùng dao búa bén lột da lốc thịt, chặt chém người tội ra từng mảnh như chặt cỏ cây. Khi tội duyên chưa hết, một cơn gió lạnh thổi đến khiến da thịt họ lành lặn như cũ. Lại vì tội ác nên tay người tội mọc ra móng sắt bén nhọn như dao. Đời đời kết oán nên cấu xé, chém chặt nhau như chặt tre lau. Vì hai bên kết lòng oán hận, nên chết đọa vào địa ngục này.

2. Địa ngục Hắc thằng: Ngục tốt quăng người tội xuống đất, rồi lấy dây đen trói lại, chặt ra từng khúc. Vì chém giết chúng sanh nên đọa vào địa ngục này.

Lại nữa, ngục tốt lấy lá đồng nóng đỏ quấn xiết người tội khiến xương thịt họ vỡ nát, máu mủ chảy tuôn. Vì dùng roi gậy đánh đập chúng sanh và người xuất gia, sống biếng lười mà nhận đồ ăn mặc của tín thí, nên đọa vào địa ngục này, tối tăm khổ sở vì bị khói hun. Thân bị treo ngược, bám chặt khói đen. Đó là do đốt lửa, hun khói những chúng sanh sống trong hang.

3. Địa ngục Hàng: Những người tội xếp hành như chợ bán thịt để lần lượt bị chặt đứt tay chân tai mũi và đầu. Khi sống làm đồ tể nên phải chịu cảnh khổ này. Lại nữa, họ phải kéo xe lửa trên đất sắt nóng, ngục tốt ngồi trên xe trợn mắt, thúc giục inh ỏi bắt phải chạy mau. Đó là do cưỡi voi ngựa, bắt chúng chở nặng, mệt nhọc, nên đọa địa ngục này. Kẻ phạm tội dâm vợ người bị đuổi lên cây kiếm, lửa tự nhiên thiêu đốt, phải chịu cảnh khổ này.

Địa ngục có người cai quản là có ngục tốt, riêng địa ngục hàng, do

vì xếp hàng thọ tội mà không bị lửa thiêu.

- Địa ngục ít người cai quản: có 3 địa ngục: Chúng hợp, Đại khốc, Thiết lam.

1. Địa ngục Chúng hợp: Chúng sanh sợ ngục tốt của địa ngục, nên có vô lượng trăm ngàn người kéo nhau đi vào núi. Trước sau đều có lửa bốc cháy. Hai ngọn núi lớn tự nhiên khép lại như hai thớt cối, khiến máu chảy thành sông, xương thịt nát nhừ. Đó là do ưa thích nghiền nát chúng sanh. Lại nữa, họ bị lửa dữ thiêu đốt, bị chày giả nát trong cối sắt suốt cả trăm năm. Nhưng vì tội duyên chưa hết nên không chết hẳn. Đó là do dùng cối nghiền nát bò chét, chấy rận.

2. Địa ngục Đại khốc: Xung quanh núi sắt lớn lửa cháy hừng hực, bốn phía không có lối ra. Ngục tốt hung ác, nổi giận hỏi: "Muốn đến chỗ nào?" Rồi chúng dùng chày sắt đốt lửa đánh đập đầu người tội. Do vì làm khổ muôn dân, nên đọa vào địa ngục này.

- Địa ngục không có người cai quản: có hai địa ngục: Chích và Vô khuyết.

1. Địa ngục Chích: Núi sắt lớn bốc lửa dữ thiêu đốt người tội, rồi xẻng sắt xúc họ đưa lên lửa nướng cháy toàn thân. Khi mặt này vừa chín, xẻng sắt tự nhiên lật lại. Do vì dâm xuyên, giết người nên đọa vào địa ngục này.

2. Địa ngục Vô khuyết: Đất sắt bao quan, lửa cháy lan rộng cả trăm do tuần. Bốn phía bít bùng, lá đồng úp lên trên, lửa cháy liên tục. Những người tội chất đống như củi. Lửa cháy hừng hực thiêu đốt thân họ khiến đau khổ vô cùng. Do vì giết cha mẹ, các bậc Thánh hiền, ác tâm làm thân Phật chảy máu, gây loạn chúng Tăng, tạo mười điều bất thiện, nên đọa vào địa ngục này.

Hỏi: Thế nào là địa ngục biên địa?

Đáp: địa ngục Biên địa là ở bên dòng nước, cạnh núi, ven rừng, riêng mình chịu quả báo nên gọi là địa ngục biên địa.

(Trích Phẩm Y quyển 3)

11. CÁC ĐỊA NGỤC TRONG NÚI KIM CANG:

Ngoài tứ thiên hạ, có 80.000 thiên hạ vây quanh. Ngoài 80.000 thiên hạ, lại có biển lớn. Ngoài biển lại có núi Đại Kim Cang. Ngoài núi Đại Kim Cang còn có núi khác cũng tên Kim Cang (Kinh Lâu Thán ghi: núi Đại Thiết Vi).

Giữa hai núi này, ánh sáng của mặt Trời, mặt trăng không chiếu đến. Ở đây có 8 địa ngục lớn là: Tưởng, Dây đen, Đè ép, Gào thét, Gào

thét to, Thiêu nướng, Thiêu cháy.

(Kinh Lâu Thán ghi tên các địa ngục không giống nhau, văn nhiều nên không ghi ra đây)

Trong 8 địa ngục lớn này, mỗi địa ngục có mười sáu địa ngục nhỏ (Kinh Vấn Địa Ngục ghi: địa ngục có ngay trên đất)

1/ Đại địa ngục Tưởng:

Có mười sáu địa ngục nhỏ tên là: Cát đen, Phân sôi, Đinh sắt, Đói, Khát, Một chảo đồng, Nhiều chảo đồng, Cối đá, Máu mủ, Múc lửa, Sông tro, Hòn sắt, Dao búa, Chó sói, Cây kiếm, Băng giá.

Chúng sinh trong các địa ngục này luôn giận dữ, tay mọc móng sắt, dùng móng bấu nhau, theo tay thịt rơi xuống, tưởng là chết rồi. Kế nữa, chúng sinh trong đó mang lòng độc hại, đâm chém nhau bằng dao kiếm, lột da cắt thịt vung vãi ra đất, tưởng là chết rồi. Gió lạnh thổi tới khiến sống trở lại. Họ tưởng rằng mình sống lại.

Thọ tội lâu ngày, tội nhân được ra khỏi địa ngục Tưởng, chạy khắp nơi cầu cứu, bỗng rơi vào địa ngục Cát đen. Tại đây, gió nóng thổi mạnh làm cát đen nóng bám vào thân, đốt da đau thấu xương. Trong thân nổi lửa chạy đốt quanh thân, thiêu cháy rụi. Vì tội duyên chưa hết nên không chết hẳn.

Thọ khổ lâu ngày, được ra khỏi địa ngục Cát đen, đến địa ngục Phân sôi, miếng sắt bằng phân nóng sôi tự nhiên đầy phía trước, khiến tội nhân phải ôm lấy những hòn sắt nóng này để thiêu đốt mình mẩy tay chân, lại khiến họ hốt sắt nóng bỏ vào trong miệng, chạy thẳng từ cuống họng đến bụng, Miếng sắt chạy tới đâu cháy rụi tới đó. Có trùng mỏ sắt rúc rỉa thịt đau thấu xương tủy, khổ sở vô cùng. Do tội duyên chưa hết nên không chết hẳn.

Thọ khổ lâu ngày, được ra khỏi địa ngục Phân sôi, đến địa ngục Đinh sắt. Ngục tốt xô tội nhân nằm trên sắt nóng, kéo thân người tội ra lấy đinh đóng vào tay chân rồi đóng khắp thân thể cả thảy năm trăm cây đinh. Tội nhân khổ sở đau đớn kêu rên mà vẫn không chết.

Thọ khổ lâu ngày, ra khỏi địa ngục Đinh Sắt, đến địa ngục Đói. Tội nhân bị xô ngã trên sắt nóng, nước đồng nóng chảy vào miệng, từ cổ họng xuống bụng không chỗ nào không cháy bỏng. Vì tội duyên chưa hết nên không chết hẳn.

Thọ khổ lâu ngày, ra khỏi địa ngục Đói, đến địa ngục Khát. Tội nhân bị xô ngã trên sắt nóng, ngục tốt lấy hòn sắt nóng bỏ vào miệng tội nhân, từ môi lưỡi trở xuống đều bị cháy thiêu, khiến khổ sở đau đớn.

Thọ khổ lâu ngày, ra khỏi địa ngục Khát, đến địa ngục Một chảo đồng. Ngục tốt giận dữ quắc mắt, nắm chân tội nhân giọng đầu vào trong chảo, theo nước sôi đảo lộn lên xuống, thân thể chín nhừ, khổ sở muôn bề mà vẫn không chết.

Thọ khổ lâu ngày, ra khỏi địa ngục Một chảo đồng, đến địa ngục Nhiều chảo đồng. Nơi đây, ngục tốt nắm chân tội nhân ném vào trong chảo, theo nước sôi lên xuống, toàn thân rã nát. Ngục tốt lại lấy móc sắt móc lên cho vào chảo khác. Tội nhân kêu rên khổ sở mà vẫn chưa chết.

Thọ khổ lâu ngày, ra khỏi địa ngục Nhiều chảo đồng, đến địa ngục Cối đá. Ngục tốt quăng tội nhân vào cối đá nóng, kéo tay chân ra, lấy khối đá nóng to đè trên thân họ, xay nát xương thịt, khổ sở thống thiết mà vẫn không chết.

Thọ khổ lâu ngày, ra khỏi địa ngục Cối đá, đến địa ngục Máu mủ. Tội nhân ở trong máu mủ sôi rảo chạy khắp nơi. Nước sôi làm cho thân thể, đầu mặt tội nhân rả nhừ. Họ lại ăn máu mủ ấy, máu mủ chạy tới đâu đau tới đó, không thể chịu nổi, mà vẫn không chết.

Thọ khổ lâu ngày, ra khỏi địa ngục Máu mủ, vào địa ngục Múc lửa. Tại đây có từng khối lửa lớn bốc cháy hừng hực đuổi bắt tội nhân, tay cầm thăng sắt múc lửa đổ vào mình, thiêu cháy toàn thân, nóng bức khổ sở rên rĩ kêu khóc mà vẫn không chết.

Thọ khổ lâu ngày, ra khỏi địa ngục Múc lửa, đến địa ngục Sông tro. địa ngục này chu vi năm trăm do-tuần, nước tro sôi sục, mùi hôi nồng nặc, dậy sóng, phát ra âm thanh đáng sợ. Từ dưới đáy trở lên, sắt đâm ngang dọc. Trên bờ sông đó có rừng cây kiếm, cành lá hoa trái đều là dao kiếm. Tội nhân xuống sông theo sóng lặn hụp bị nhận chìm, gai sắt đâm thân từ trong ra ngoài, máu mủ chảy ra, thống khổ muôn bề mà vẫn không chết.

Đến lúc ra khỏi địa ngục Sông tro, được lên bờ kia, lại bị kiếm bén đâm chém thân thể rả nát. Lại có chó sói đến cắn, ăn thịt tội nhân. Trèo lên cây kiếm, lưỡi kiếm chĩa xuống. Bước xuống cây kiếm, lưỡi kiếm chĩa lên. Dùng tay vịn thì đứt tay, dùng chân đạp thì đứt chân, da thịt rơi vãi chỉ còn xương trắng liền với gân mạch.

Lúc bấy giờ, trên cây kiếm có chim mỏ sắt mổ đầu, ăn não tội nhân, khổ sở kêu khóc mà vẫn không chết, trở vào sông tro, theo sóng nổi chìm, bị gai sắt đâm thân khổ sở muôn bề, da thịt rả nát, máu mủ chảy ra, chỉ còn xương trắng lộ ra bên ngoài. Gió lạnh thổi tới khiến họ đứng dậy. Oán đối xưa đã đến, bất giác rơi vào địa ngục Hòn sắt. Địa

ngục này có quỷ đuổi theo bắt tội nhân, lửa cháy khắp thân, tay chân chín nhừ, khổ sở muôn bề mà vẫn không chết.

Thọ khổ lâu ngày, ra khỏi địa ngục Hòn sắt, đến địa ngục Dao búa. Ngục tốt quăng tội nhân lên sắt nóng, lấy búa rìu sắt nóng chặt tay chân, thân thể, cả đến tai mũi, khiến họ khổ sở kêu khóc mà vẫn không chết.

Thọ tội lâu ngày, ra khỏi địa ngục Dao búa, đến địa ngục Chó sói. Nơi đây có bầy sói dữ tranh nhau cắn xé, thịt rơi xương nát, máu mủ chảy đầy, khổ sở muôn bề mà vẫn không chết.

Thọ khổ lâu ngày, ra khỏi địa ngục Chó sói, đến địa ngục Cây kiếm. Khi tội nhân vào rừng kiếm, gió dữ thổi đến khiến lá kiếm rơi khắp thân thể, đầu mặt tay chân rả nát. Có chim mỏ sắt mổ hai mắt tội nhân, thống khổ kêu gào mà cũng không chết.

Thọ khổ lâu ngày, ra khỏi địa ngục Cây kiếm, đến địa ngục Băng giá. Gió lạnh thổi đến khiến mình mẩy họ đau buốt, da thịt rơi rã, đau khổ kêu la, sau đó mới chết.

Những tội nhân này do thân, khẩu, ý bất thiện nên phải đọa vào địa ngục Tưởng, vì quá sợ hãi, nên lông dựng ngược.

2/ Đại địa ngục Dây đen:

Có mười sáu địa ngục nhỏ vây quanh, mỗi ngục ngang rộng năm trăm do-tuần. Sao gọi là Dây đen?

Trong địa ngục này, ngục tốt bỏ tội nhân lên sắt nóng, kéo thân thể họ ra, lấy dây sắt nóng cột chặt lại, hoặc lấy rìu sắt chặt tội nhân ra làm trăm nghìn khúc, hoặc lấy dây sắt xiết lại, rồi cưa ra từng đoạn, hoặc treo trên dây sắt nóng cột ngang dọc khắp thân, bắt tội nhân đi giữa hai sợi dây. Gió dữ nổi lên, thổi dây sắt cuốn khắp thân thể đốt cháy da thịt, xương tủy sục sôi, khổ sở muôn bề. Do tội duyên chưa hết nên chưa chết hẳn, vì thế gọi là dây đen.

Thọ khổ lâu ngày, ra khỏi địa ngục Dây đen, đến địa ngục Cát đen, cho đến địa ngục Băng giá, sau đó mới chết. Tội nhân này do có ác tâm đối với cha mẹ, Phật và Thánh văn nên phải đọa vào địa ngục Dây đen, khổ sở không cùng.

3/ Đại địa ngục Đè ép:

Có mười sáu địa ngục nhỏ vây quanh, mỗi ngục dài rộng năm trăm do-tuần. Sao gọi là Đè ép? Vì có hai núi đá lớn đối nhau. Người nào vào chỗ này, núi tự nhiên khép lại, ép thân người tội, xương thịt nát nhừ rồi mới nhả ra. Tội nhân khổ sở muôn bề mà vẫn chưa chết; lại có voi sắt lớn toàn thân lửa cháy rống lên chạy tới giẫm đạp tội nhân giày

vò thân thể nát nhừ, máu mủ chảy ra, gào khóc rên la mà vẫn không chết. Ngục tốt lại quăng tội nhân nằm trên tảng đá lớn, rồi lấy đá lớn đè lên. Lại bắt tội nhân nằm trên đất, lấy chày sắt nện lên. Từ chân tới đầu da thịt nát nhừ, máu mủ chảy ra, chịu muôn cảnh khổ. Do tội duyên chưa hết nên chưa chết hẳn, vì vậy có tên Đè ép.

Thọ khổ lâu ngày, ra khỏi địa ngục Đè ép, đến địa ngục Cát đen, rồi địa ngục Băng giá, sau đó mới chết. Những tội nhân này do tạo ba nghiệp ác, không tu ba hạnh lành nên đọa địa ngục Đè ép, chịu khổ không thể nói hết.

4/ Đại địa ngục Gào thét:

Có mười sáu địa ngục nhỏ vây quanh, mỗi ngục dài rộng năm trăm do-tuần. Sao gọi là Gào thét? Trong địa ngục này, ngục tốt ném tội nhân vào trong nồi lớn, rồi đặt vào nồi sắt có nước sôi sùng sục, luộc chín người tội khiến họ gào thét kêu la thảm khốc. Lại ném tội nhân vào cái chảo, chiên nướng lật qua lật lại, gào thét kêu la. Do tội duyên chưa dứt nên chưa chết hẳn, vì vậy gọi là Gào thét.

Thọ khổ lâu ngày, ra khỏi địa ngục Gào thét, đến địa ngục Cát đen, cho đến địa ngục Băng giá, lúc ấy mới chết. Những tội nhân này do sân giận độc ác tạo các ác nghiệp, nên đọa vào địa ngục Gào thét này.

5/ Đại địa ngục Gào thét lớn:

Có mười sáu địa ngục nhỏ. Sao gọi là Gào thét lớn? Ở ngục này, ngục tốt bỏ tội nhân vào nồi sắt lớn, rồi đặt vào nồi sắt có nước sôi sùng sục, luộc chín người tội, lại ném lên cái chảo, chiên nướng lật qua lật lại khiến cho gào khóc kêu la, thống khổ muôn bề. Do tội duyên chưa dứt nên chưa chết hẳn, vì vậy gọi là Gào thét lớn.

Thọ khổ lâu ngày, ra khỏi Đại địa ngục Gào thét lớn, đến địa ngục Băng giá, bấy giờ mới chết. Những tội nhân này do có nhiều tà kiến, bị lưới ái kéo lôi, làm các việc thấp hèn nên bị đọa vào Đại địa ngục Gào thét lớn.

6/ Địa ngục Thiêu nướng:

Có mười sáu địa ngục nhỏ. Sao gọi là Thiêu nướng? Ở địa ngục này, ngục tốt bỏ tội nhân vào thành sắt; trong ngoài thành đều có lửa cháy đỏ rực, thiêu đốt tội nhân; lại bỏ tội nhân trên lầu sắt, trong ngoài lầu cũng có lửa cháy đỏ rực; rồi lại quăng tội nhân vào chum sắt lớn, lửa cháy trong ngoài đỏ rực, thiêu đốt da thịt cháy rụi, chịu muôn cảnh khổ. Do tội duyên chưa dứt nên chưa chết hẳn, vì thế gọi là Thiêu nướng.

Thọ khổ lâu ngày, ra khỏi địa ngục Thiêu nướng, đến địa ngục Cát đen, cho đến địa ngục Băng giá rồi mới chết.

Do hay thiêu nướng chúng sanh nên phải đọa vào địa ngục này, chịu cái khổ bị thiêu nướng suốt thời gian dài.

7/ Đại địa ngục Thiêu nướng:

Có mười sáu địa ngục nhỏ, dài rộng năm trăm do-tuần. Ngục tốt bỏ tội nhân vào thành sắt, trong ngoài thành lửa cháy đỏ rực, thiêu đốt tội nhân, khiến da thịt cháy rụi, chịu muôn cảnh khổ. Có hầm lửa lớn, bốc cháy hừng hực. Hai bên hầm có núi lửa lớn. Ngục tốt đâm mũi chĩa vào người tội, rồi dựng đứng trong lửa. Lửa dữ thiêu nướng, da thịt cháy rụi. Do tội duyên chưa dứt nên chưa chết hẳn.

Thọ khổ lâu ngày ra khỏi Đại địa ngục Thiêu nướng, đến địa ngục Cát đen, cho đến địa ngục Băng giá, rồi mới chết.

Những tội nhân này do bỏ nghiệp thiện, tạo các nghiệp ác nên phải đọa vào Đại địa ngục Thiêu nướng.

8/ Đại Địa ngục Vô Gián:

Có mười sáu địa ngục nhỏ, mỗi ngục dài rộng năm trăm do-tuần. Ngục tốt lột da tội nhân từ chân tới đầu, rồi lấy da đó quấn thân tội nhân, cho bánh xe lửa các qua sắt nóng, rồi cán lên thân họ khiến cho da thịt rơi vãi, khổ đến muôn bề mà vẫn chưa chết. Lại có thành sắt nổi lửa bốn phía. Phía Đông nóng, tội nhân chạy sang phía Tây; Phía Tây nóng, chạy sang Đông, các hướng Nam, Bắc trên dưới cũng như vậy. Lửa cháy hừng hực khắp nơi không hở chỗ nào, tội nhân tuôn chạy, thân bị thiêu rụi, da thịt cháy rã, thống khổ cùng cực.

Tội nhân ở trong đó lâu ngày, cửa mới mở ra, liền chạy qua chỗ khác. Các đốt xương đều phát ra lửa. Khi họ chạy sắp đến cửa, cửa tự nhiên đóng lại. Do tội duyên chưa hết nên chưa chết hẳn. Lại nữa, tội nhân trong đó mắt thấy toàn đồ xấu, tai nghe toàn tiếng dở, mũi ngửi toàn mùi hôi, thân bị khổ bức, ý nghĩ pháp ác, chịu khổ trong từng sát na, nên gọi là Đại Địa ngục Vô gián.

Thọ khổ lâu ngày rồi mới chết. Vì gây tội nặng nên phải đoạ vào đường ác, mãi cho đến địa ngục Băng giá, rồi mới chết. Vì gây tội nặng nên sinh vào đường ác, đọa Đại địa ngục Vô Gián, chịu vô lượng tội.

Tám đại địa ngục này, mỗi ngục có mười sáu địa ngục nhỏ.

12. GIỮA NÚI KIM CANG CÓ MƯỜI ĐỊA NGỤC:

Giữa hai núi Kim Cang lớn có ngọn gió lớn nổi lên, tên là Tăng-khư. Khi gió ấy thổi đến, các núi trên địa cầu cách đó 10 dặm cho đến một trăm dặm khắp bốn châu và 80.000 cõi nước đều bị cuống hút vào không trung, nát vụn ra. Cũng như tráng sĩ, tay cầm đường cát, rải vào

Hư không. Hai ngọn núi này có tác dụng ngăn gió ấy lại. Nếu gió ấy thổi đến thì hết thảy sông suối biển hồ trong bốn châu thiên hạ đều khô cạn. Nếu gió thổi qua những nơi dơ bẩn sẽ xông lên mùi hôi khủng khiếp. Nếu gió này thổi đến bốn châu thiên hạ, đập vào mắt thì chúng sanh phải mù. Thế nhưng, hai ngọn núi này cũng có nhiều lợi ích. Đó là phước báu do chúng sanh tu tập mà có được.

Lại nữa, giữa hai ngọn núi này có mười địa ngục. Đó là: Hậu Vân, Vô Vân, A A, Nại Hà, Dương Minh, Tu-càn-đề, Ưu-bát-la, Câu-vật-đầu, Phân-đà-ly, Bát-đầu-ma.

Hậu Vân là tội nhân trong địa ngục này tự nhiên hóa sanh, giống như những lớp mây dầy đặc.

Vô Vân là sinh thân của chúng sinh giống như khối thịt.

A A là tội nhân trong ngục khổ đau thống thiết, rên a a.

Nại Hà là tội nhân trong ngục thọ khổ, đau đớn khôn kể, không nơi nương tựa.

Dương Minh là tội nhân trong ngục khổ đau thống thiết, muốn kêu la nhưng không được, cứ bập bẹ như tiếng dê kêu.

Tu-càn-đề hoa là thân chúng sanh trong ngục này tối đen như màu hoa Tu-càn-đề.

Ưu-bát-la hoa là thân chúng sanh trong ngục này xanh như hoa Ưu-bát-la.

Câu-vật-đầu hoa là thân chúng sanh trong ngục này hồng như hoa Câu-vật-đầu.

Phân-đà-ly hoa là thân chúng sanh trong ngục này trắng như hoa Phân-đà-ly.

Bát-đầu-ma hoa là thân chúng sanh trong ngục này đỏ như hoa Bát-đầu-ma.

Thí như một thùng gỗ đựng đầy 64 hộc tiêu. Có người trăm tuổi lấy từng hạt tiêu bỏ ra, cứ như thế cho đến hết. So với thời gian ấy, thời gian tội nhân thọ khổ trong địa ngục Hậu Vân còn lâu hơn thế nữa. Thời gian tội nhân thọ khổ trong địa ngục Vô Vân gấp hai mươi lần địa ngục Hậu Vân; Trong địa ngục A A gấp hai mươi lần địa ngục Vô Vân; Trong Địa ngục Nại Hà gấp hai mươi lần địa ngục A A; Trong địa ngục Dương Minh gấp hai mươi lần địa ngục Nại Hà; Trong địa ngục Tu-càn-đề gấp hai mươi lần địa ngục Dương Minh; Trong địa ngục Ưu-bát-la gấp hai mươi lần địa ngục Tu-càn-đề; Trong địa ngục Câu-vật-đầu gấp hai mươi lần địa ngục Ưu-bát-la; Trong địa ngục Phân-đà-ly gấp hai mươi lần địa ngục Câu-vật-đầu; Trong địa ngục Bát-đầu-ma gấp hai mươi lần

địa ngục Phân-đà-ly.

Thời gian gấp hai mươi lần địa ngục Bát-đầu-ma gọi là một Trung kiếp. Hai mươi Trung kiếp là một Đại kiếp.

Trong địa ngục Bát-đầu-ma, lửa cháy hừng hực. Tội nhân cách xa một trăm do-tuần vẫn bị lửa thiêu đốt; cách sáu mươi do-tuần thì hai tai đều điếc; cách năm mươi do-tuần thì hai mắt đều mù.

Tỳ-kheo Cù-ba-ly vì ác tâm phỉ báng hai tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, khi chết đọa vào địa ngục Bát-đầu-ma này.

(Trích kinh Trường A-hàm. Kinh Lâu Thán phần lớn cũng giống như vậy)

■

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 50

1. Những cực hình trong địa ngục A-tỳ
2. Mười tám địa ngục nhỏ trong ngục A-tỳ.
3. Nhân duyên tướng khổ trong sáu mươi bốn địa ngục nhỏ.
4. Tướng khổ trong năm ngục lớn.

1. NHỮNG CỰC HÌNH TRONG ĐỊA NGỤC A TỲ:

Địa ngục A-tỳ (đời Lương gọi là Vô già, Vô gián, mảnh hoả), chu vi bằng tám ngàn do tuần, xung quanh bao bọc bằng bảy lớp thành sắt, bảy tầng lưới sắt, bên dưới có mười tám ngăn, mỗi ngăn có bảy lớp rừng đao, bảy lớp rừng kiếm bao bọc xung quanh, bốn góc có bốn con chó đồng lớn bằng bốn mươi do tuần, mắt như điện chớp, nanh như cây kiếm, răng như núi đao, lưỡi như đanh thép, lông trên toàn thân bốc lửa phùn phụt rất hôi tanh. Trong mỗi ngăn ngục có mười tám ngục tốt, miệng như Dạ-xoa. Chó có sáu mươi bốn con mắt như những hoàn sắt đỏ, nanh trên của chó dài bốn do tuần, nanh dưới ngắn phun ra lửa. Đầu mỗi nanh phun ra lửa đỏ nung bánh xe sắt, căm xe phun lửa ra, mũi đao kiếm nhọn đốt thành ngục A-tỳ đỏ như vạc đồng. Mỗi ngục tốt có tám đầu, sáu mươi sừng, trên mỗi sừng phun ra lửa, lửa hoá thành vạc đồng, vạc đồng hoá thành bánh xe đao, tuần tự lăn trong ngọn lửa ghê tởm, chạy khắp thành A-tỳ.

Trong thành có bảy phang sắt, đầu mỗi phang phun ra lửa như nước đồng sôi trào vọt, cháy lan ra bốn cửa. Bên trên có mười tám vạc đồng sôi trào ra khắp trong thành.

Trong mỗi ngăn ngục có tám vàn bốn ngàn rắn mãng xà sắt. chúng phun nọc độc, phun lửa, thân hình lớn đầy thành, kêu la như sấm dậy.

Lại có năm trăm ức con trùng, mỗi con trùng có tám vạn bốn ngàn mỏ nhọn, đầu mỗi mỏ nhọn phụt lửa ra như mưa xối xuống đầy cả thành ngục a-tỳ.

Nếu như trùng ấy rơi xuống thì lửa dữ trong thành hừng hực bóc

lên, lửa dữ ấy chiếu đến tám vạn bốn ngàn do tuần: Từ ngục A-tỳ xông lên biển cả. Dưới núi Ốc Tiêu, nước biển cả nhỏ giọt xuống, mỗi giọt lớn bằng trục bánh xe.

Nếu có kẻ nào giết hại cha mẹ, mạ nhục bà con trong lục thân, người ấy khi mạng chung, chó đồng hoá làm mười tám xe, giống như xe vàng có bảo cái che trên. Hết thảy lửa dữ hoá làm ngọc nữ. Tội nhân kia từ xa trông thấy, sanh tâm vui mừng muốn đến.

Khi vừa đến nơi, gió đao xẻ thân, lạnh không thể nói. Tội nhân lại nghĩ:

Giá mà có được một đống lửa để ngồi trên xe hơ ấm!

Nghĩ xong liền chết. Trong phút chốc lại thấy mình ngồi trên xe vàng ngắm ngọc nữ, nhưng bị ngọc nữ cầm búa sắt chém vào thân mình, trong khoảnh khắc rơi thẳng vào địa ngục a-tỳ.

Như bánh xe lửa xoay, tội nhân cũng từ ngăn trên rớt xuống ngăn dưới, thân lớn đầy trong ngăn. Chó đồng lớn tiếng sủa rồi nhai xương, nuốt tuỷ người tội. Ngục tốt La sát cầm cây xoa sắt lớn đâm đầu tội nhân bắt đứng dậy, lửa cháy khắp thân, cháy luôn cả thành ngục A-tỳ. Vua Diêm Vương lớn tiếng quát:

- Người ngu si, gieo giống địa ngục. Ngươi ở trần gian bất hiếu với cha mẹ, tà mạng không đạo đức, nay đoạ vào chỗ này gọi là địa ngục A-tỳ.

Bấy giờ, ngục tốt đuổi tội nhân từ ngăn dưới lên ngăn trên, phải trải qua tám vạn bốn ngàn ngăn giữa mới đến lớp lưới sắt ngoài cùng. Một ngày một đêm ở địa ngục bằng sáu mươi tiểu kiếp ở dương gian. Tội nhân phải chiu tội trong địa ngục này hết một đại kiếp.

Người phạm tội ngũ nghịch, đến lúc sắp mạng chung có mười tám thứ phong đao như xe sắt lửa đến cắt xẻ thân thể người ấy. Vì nóng bức quá nên nghĩ: "giá như có được cây lớn, cành lá sum xuê mát mẽ, hoa trái tươi ngon, ta ở trong đó dạo chơi há không vui sao"!

Nghĩ xong liền có tám vạn bốn ngàn rừng ác kiếm hoá thành cây báu, cành lá sum xuê, hoa quả tươi ngon hiện bày ra trước mắt, lửa nóng hừng hực hoá thành hoa sen. Tội nhân trong cơn mê man ngồi trên hoa sen. Tức thời, mỏ sắt của các côn trùng từ trong hoa lửa sanh ra rúc rỉa thân thể, đau thấu đến tim gan. Tất cả cành lá hoá thành lưỡi kiếm, róc thịt chẻ xương tội nhân. Vô lượng rừng kiếm từ trên không trung rơi xuống. Những lò hồng, xe lửa, mười tám việc khổ nhất thời ập đến.

Những cảnh tượng này hiện ra thì tội nhân đã bị hãm xuống địa nguc tầng dưới. Rồi từ tầng dưới đẩy lên tầng trên, thân hình lột hết

nứt nẻ như cánh hoa đầy chật cả ngăn dưới, bị lửa thiêu đốt dữ dội. Từ ngăn dưới lên đến ngăn trên, thân hình nằm đầy chật cả ngăn ấy, vì bị khổ não nung nấu nên tội nhân phải trợn mắt, lè lưỡi. Vì phạm tội ngũ nghịch nên tội nhân phải bị vạn ức vạc đồng sôi, trăm ngàn bánh xe đao từ không trung tuôn xuống bổ từ đầu đến chân. Những đau khổ trong địa ngục còn gấp trăm ngàn lần hơn trước nữa. Người phạm cả năm tội ngũ nghịch phải chịu tội đủ năm kiếp.

Những chúng sanh nào phạm bốn trọng giới, luống ăn của tín thí, phỉ báng Tam bảo, tà kiến, không tin nhân quả, không học trí tuệ bát nhã, khinh chê mười phương chư Phật, trộm cắp đồ vật của chúng Tăng, dâm dật ô uế không có đạo đức, cưỡng bức ni cô giữ giới thanh tịnh, huỷ nhục chị em, bà con thân thích, gây rất nhiều tội ác, người ấy lúc lâm chung, bị gió đao xẻ thân, nằm ngửa bất tỉnh như bị đánh đập, tư tưởng hoang mang, si mê lầm lẫn, thấy nhà cửa con cái và tất cả đồ vật của mình đều là dơ uế, phẩn tiểu hôi thối tràn ngập ở ngoài.

Ngục tốt La sát cầm xoa sắt lớn dộng vào ngục A-tỳ, các rừng đao hoá thành cây báu và ao hồ mát mẽ, lửa dữ hoá thành hoa sen lá vàng, những côn trùng sắt mỏ nhọn hoá làm chim phù nhạn, những tiếng rên la đau dớn trong địa ngục hoá thành âm thanh ca vịnh.

Tội nhân thấy những cảnh tượng tốt đẹp đó liền nghĩ: "ta mau đến đó dạo chơi".

Nghĩ xong liền thấy mình ngồi trên hoa sen lửa, các côn trùng sắt tranh nhau rúc rỉa, chó sắt ăn tim. Trong khoảnh khắc, thân thể đã hoá thành cánh hoa sắt đầy khắp trong mười tám ngăn ngục. Tội nhân phải chịukhổ như vầy trải qua tám vạn bốn ngàn đại kiếp. Tội hết lại sanh vào mười tám ngăn ngục ở phương đông, cũng chịu khổ như trên. Địa ngục A-tỳ về phương tây, phương nam, phương bắc cũng như vậy.

Người huỷ báng các kinh Phương Đẳng, Đại thừa, tạo đủ năm tội ngũ nghịch, phá hoại Hiền Thánh, ô phạm Tỳ-kheo-ni, đoạn mất căn lành... tạo đủ các tội như thế, đoạ vào tất cả ngục A-tỳ, tứ chi trải khắp mười tám ngăn. Địa ngục A-tỳ chỉ thiêu đốt chúng sanh gieo giống địa ngục như thế.

Khi kiếp địa ngục sắp hết, tội nhân thấy cửa ngục phương Đông mở, nhìn bên ngoài thấy có dòng nước trong mát, rừng cây hoa quả tốt tươi hiện ra. Những tội nhân từ ngăn dưới nhìn ra, mắt tạm bớt đổ lửa, từ ngăn dưới trườn mình lên oằn oại bò đi, tuột cả thân mình để bò lên ngăn trên, tay vịn bánh xe đao.

Lúc ấy, trên không trung tuôn những hoàn sắt nóng đỏ xuống như

mưa. Tội nhân chạy đến cửa ngục phía đông, vừa vịn tay vào then, ngục tốt La sát cầm cái xoa sắt móc vào tròng mắt tội nhân, chó sắt nhai nghiến trái tim, tội nhân chết ngất. Cửa phía nam, tây, bắc cũng như vậy, tội nhân chịu khổ ở đây trải qua nửa kiếp.

2. MƯỜI TÁM ĐỊA NGỤC NHỎ TRONG ĐỊA NGỤC A TỲ, MỖI NGỤC LẠI CÓ MƯỜI TÁM ĐỊA NGỤC VÂY QUANH:

Địa ngục A-tỳ: có mười tám tiểu địa ngục vây quanh, mỗi tiểu địa ngục có mười tám địa ngục băng giá, mười tám địa ngục Hắc ám, mười tám địa ngục Tiểu nhiệt, mười tám địa ngục Đao luân, mười tám địa ngục Hoả xa, mười tám địa ngục Phẩn sôi, mười tám địa ngục Vạc dầu sôi, mười tám địa ngục Sông tro, năm trăm ức địa ngục Rừng kiếm, năm trăm ức địa ngục Rừng gai, năm trăm ức địa ngục Cột đồng đỏ, năm trăm ức địa ngục máy sắt, năm trăm ức địa ngục Hoàn sắt, mười tám địa ngục Đá nhọn, mười tám địa ngục Nước đồng sôi... các đìa ngục như thế rất nhiều. Tội nhân chết ở đây sanh vào địa ngục Băng giá, chết trong địa ngục Băng giá sanh vào địa ngục Hắc ám. Ngục nầy tối đen, mắt không nhìn thấy vật gì, tội nhân phải ở đây tám vạn bốn ngàn năm. Khi tội hết phải thọ thân rắn, thân thể dài lớn, lăn lóc đi bằng bụng, ngu si ám độn bị các loài chồn cáo ăn thịt. Mãn thân này lại sanh vào loài súc sanh làm thân chim thú trải qua năm ngàn vạn kiếp (50.000.000 kiếp), sau đó được sanh làm người. Dù được làm người nhưng sáu căn không đầy đủ, bần cùng hèn hạ. Chịu cực khổ như thế trải qua năm trăm đời rồi sanh vào loài ngạ quỷ, về sau gặp bậc thiện tri thức phát tâm Bồ-đề.

1. Mười tám địa ngục Băng giá: Tám phía đều là núi băng tuyết, mỗi núi có mười tám núi băng nhỏ, các núi Băng xếp như cánh hoa sen cao tám mươi do tuần. Phía trên có bánh xe tuyết, chu vi bằng mười tám do tuần, từ trên không trung đổ xuống như mưa.

Kẻ cướp đoạt tài sản, trộm cắp tài vật, giết hại chúng sanh... lúc sắp mạng chung, hết thảy gió đao hoá thành lửa hừng hực, tội nhân nghĩ: "sao ta không nằm trên băng tuyết"?

Lúc nghĩ như thế, ngục tốt La sát cầm bánh xe băng tuyết liền lăng từ Hư không xuống. Thấy vậy, tội nhân sanh tâm yêu thích. Khi tắt hơi thở thấy mình sanh trên núi băng. Sau khi đã sanh vào đó, mười tám núi băng tuyết xếp như cánh quạt, băng giá thấm vào từng lỗ chân lông tội nhân, rồi thân thể đầy khắp mười tám ngăn ngục, ngục tốt phanh thay xẻ thịt tội nhân như những cánh hoa sen đỏ. Bánh xe băng từ trên

lăng xuống phủ chụp lên thân thể tội nhân, núi tuyết ở tám hướng nhất thời ập đến, tội nhân chỉ nói được tiếng a la la, không nói được lời nào khác.

Lúc đó, tội nhân nghĩ rằng: "Bao giờ tôi mới thoát khỏi cái lạnh buốt này được sanh vào trong lửa ấm áp".

Tức thời trên Hư không, chim mỏ sắt phun lửa làm băng tan ra rồi mổ vào não, tội nhân chết ngất. Ngục tốt lại cầm xoa sắt chọt chọt vào đất, hô sống lại! Sống lại! Theo tiếng gọi, tội nhân liền sống lại, nghĩ thân thể mình lửa cháy dữ dội, ước mong được vào lại địa ngục băng giá để dập tắt ngọn lửa phừng phực này. Ngục tốt lại lấy bánh xe băng đến đẩy tội nhân vào một ngục khác. Cứ như thế lần lượt trải qua mười tám ngăn ngục. Một ngày một đêm ở địa ngục này bằng tám ngàn vạn năm ở cõi Trời Tứ Thiên vương. Tội hết được sanh làm người bần tiện thô kệch, trong năm mươi kiếp thường làm nô tỳ, áo không đủ che thân, cơm ăn không đủ no. Tội hết được gặp thiện tri thức, phát tâm Bồ-đề.

2. Địa ngục Hắc ám: Có mười tám tầng núi u tối, mười tám lớp võng lưới đen xì, mười tám tầng gường sắt, mười tám mảng sắt. Mỗi ngọn núi cao tám vạn bốn ngàn do tuần, mỗi một mảng sắt dày tám vạn bốn ngàn do tuần. Giữa mỗi mảng sắt có mười tám núi Thiết vi, xếp hàng như rừng cây. Núi này rất u ám.

Những người trộm dầu đèn của Phật và chúng Tăng, bất hiếu với cha mẹ, sư trưởng, phỉ báng pháp, chê bai việc tình nghĩa thầy bạn của người thế tục, không biết trên dưới, không biết tàm quý... những tội như thế, lúc sắp mạng chung mắt liên tục phóng ra điện quang, liền nghĩ: "ta có tội gì mà luôn thấy lửa này"?

Nghĩ rồi liền nhắm mắt không muốn thấy nữa. Lúc sắp mạng chung ngục tốt La sát vác gường sắt lớn, lăn bánh xe sắt to như đội quân hùng mạnh cưỡi mây từ không trung đi đến, ẩn hình, chỉ có âm thanh. Tội nhân mạng chung thấy mình ngồi trên gường sắt rồi rớt vào chỗ tăm tối. Bánh xe đao từ trên lăn xuống chém thân thể tội nhân, những con chim sắt móng lớn mỏ dài, bén nhọn từ trên núi bay xuống rỉa xé, tội nhân đau đớn tột cùng không sao kể xiết, cầu cứu không được; dưới chân gai gốc đâm thấu tận xương tuỷ. Tội nhân chịu cảnh khổ cực hãi hùng này trải qua năm trăm vạn ức năm. Một ngày một đêm ở địa ngục này cũng giống như địa ngục trước. Tội nhân kia va đầu vào vách núi Hắc ám, não đổ, mắt rơi, ngục tốt La sát lấy xoa sắt đâm vào vành mắt. Tội hết được làm thân người nhưng lại đuôi mù hoặc bị lác hủi không ai dám gần, chịu tội báo như thế trải qua năm trăm kiếp. Sau gặp được

bậc thiện tri thức khuyên bảo làm lành, người đó mới phát tâm Bồ-đề.

3. Mười tám địa ngục Tiểu nhiệt: giống như địa ngục A-tỳ, cũng bảy lớp thành sắt, bảy lớp lưới sắt, bên trong được trưng bày vô số các dụng cụ hành hình ghê rợn.

Những người không nghe lời dạy bảo của thầy, không biết ân nuôi dưỡng của cha mẹ, trộm cắp, hại thầy, làm bẩn thức ăn của thầy, ngồi gường toà thầy, lấy chén bát của thầy cất giấu vào chỗ dơ bẩn, bỏ thuốc độc vào nước cho thầy uống, tạo vô lượng tội ác... nếu những Sa-môn, Bà-la-môn tạo tội ác, trái pháp, không biết hổ thẹn, giết anh chị em, cha mẹ, chú bác đến lúc sắp mạng chung thấy mười tám ngục tốt, mỗi người cầm một cái xoa sắt đẩy tội nhân vào một ngăn ngục. Giống như những hạt mưa bụi rơi xuống bảo cái lớn. Mưa tràn ngập, nhưng lòng người nóng bức. Thấy mưa mát mẽ, tội nhân liền nghĩ: "ước gì ta được ngồi dưới bảo cái, được nước mưa vẫy vào người mà không vui ư"?

Khi tắt thở, trong khoảnh khắc, tội nhân liền thấy mình ngồi trên gường kiếm có trăm ức đao kiếm. Mỗi cây đao kiếm đều phun ra lửa thiêu đốt thân thể tội nhân. Trên không trung, bảo cái hoá thành bánh xe lửa rơi xuống bủa vào đầu, làm cho thân thể tội nhân tan nát thành mấy ngàn mảnh, những hoàn sắt đỏ chui vào từng lỗ chân lông. Ngục tốt La sát lấy xoa sắt đâm vào mắt, hoặc lấy tên sắt bắn vào tim, tội nhân đau đớn tột cùng rồi chết. Trong chốc lác sống lại, thấy mình ngồi trên gường kiếm, gió lốc mịt mù thổi tội nhân rớt xuống địa ngục. Lúc ấy vua Diêm la nói: ngươi đã tạo nhiều tội ác, gây giống địa ngục, giết thầy, phỉ báng thầy. Nay ngươi đoạ vào chỗ này gọi là Bạt thiệt A-tỳ và ở đây chịu tội trong ba kiếp. Nói xong biến mất.

4. Địa ngục Đao luân: Núi đao bao quanh bốn phía. Ở trong các núi, đao chất như bánh xe. Mỗi núi có tám trăm vạn ức bánh xe đao cực lớn lần lượt tuôn xuống như mưa.

Vì thích làm khổ não người khác, giết hại chúng sanh, lúc sắp mạng chung, bụng chướng hơi cứng như đá, tội nhân mới nghĩ: giá như có một con dao bén đâm vào bụng ta thì thích biết bao!

Tức thời ngục tốt hoá hình đội bánh xe đao đến chỗ tội nhân nhỏ nhẹ nói:

- Ta có con dao bén có thể chữa trừ bệnh nặng cho ngươi.

Nghe vậy, tội nhân rất vui liền nghĩ: "Chỉ có con dao này là vui". Nghĩ xong liền thấy mình sanh trên bánh xe đao, tội nhân chạy như voi say, rớt xuống hố đao.

Bốn loại núi đao tức thời ập đến phanh thây tội nhân, tội nhân

đau đớn tột cùng rồi chết. Ngục tốt La sát lại ném tọi nhân lên đỉnh núi đao, tội nhân bị dao cắt, đau thấu tâm can. Vì sợ ngục tốt nên tội nhân lồm cồm đứng lên, ngục tốt cầm cây đao moi tim tội nhân cho chó sắt nhai, tội nhân đau đớn tột độ như hàng trăm cây gai độc đâm vào mình rồi chết. Vừa chết, ngục tốt lại hô sống lại. Tội nhân tỉnh lại, chân mắc trong bánh xe đao, rơi từ không trung xuống. Một ngày một đêm chết đi sống lại sáu mươi ức lần. Thời gian chịu tội ở đây là tám ngàn vạn năm, bằng thời gian Chư thiên hưởng phước ở cõi Trời Tứ Thiên vương. Tội hết lại đầu thai vào loài súc sanh có nhiều miệng, trải qua năm trăm kiếp. Hết tội này được sanh làm người hèn hạ thấp kém, trải qua năm trăm kiếp. Sau đó gặp thiện tri thức phát tâm Bồ-đề.

5. Địa ngục kiếm luân: Chu vi năm mươi do tuần, trong ngục đầy dẫy những cây kiếm. Những cây kiếm ấy giống như bông lúa tua tủa. Mỗi một cây kiếm cao bốn mươi do tuần, cành lá hoa quả mỗi mỗi đều làm bằng tám vạn bốn ngàn bánh xe kiếm. Vì thích giết chúng sanh và giết không chán nên đến lúc sắp mạng chung mắc bệnh đại nhiệt liền nghĩ: thân ta lúc nóng lúc lạnh, toàn thân cứng đơ như cái đe sắt, giá như có cây kiến kim cang để cắt thân này thì thích biết mấy.

Ngay khi ấy, ngục tốt hoá ra hình làm cha mẹ, bạn bè, đứng bên tội nhân nói:

- Ta có cách bí mật như ngươi đã nghĩ, sẽ dùng nó trị bệnh cho ngươi.

Tội nhân bảo, mau mau đem đến. Nói xong liền tắt thở, trong khoảnh khắc thấy mình sanh trong hoa kiếm bị vô lượng kiếm đao cắt xẻ, thân thể nát tan như tương. Lại có quạ sắt từ trên xà xuống moi mắt, rỉa tai tội nhân, Đại La sát cầm búa sắt lớn bổ vào đầu cho đổ não ra, chó sắt đến liếm, tội nhân đau đớn oằn oại rồi chết. chết rồi, ngục tốt gọi sống lại, đẩy tội nhân lên cây kiếm nhưng chưa tới cây, thân thể đã tan như bụi. Cứ như thế, một ngày một đêm thân tan nát như bụi không thể nào tính kể, vì tội giết người nên phải chịu tai ương này, tội nhân phải ở đây chịu tội suốt tám vạn ức năm. Sau đó sanh vào loài súc sanh, thân thường mang chở vật nặng, khi chết bị người lột da. Cứ như thế chịu khổ trong năm trăm kiếp. Tội hết được sanh làm người nhưng nghèo cùng chết yểu hay bị tật bịnh gầy ốm. Đến kiếp cuối cùng được gặp bậc thiện tri thức mới phát tâm Bồ-đề.

6. Địa ngục hoả xa: Mỗi một vạc đồng có chu vi bốn mươi do tuần, lửa cháy khắp trong thành không có chỗ hở trống. Phía dưới có mười hai bánh xe lửa, bên trên có chín ngàn bốn trăm bánh xe lửa. Có những

chúng sanh là đệ tử Phật và những người thờ chín mươi sáu loại Phạm thiên, người tại gia dối trá có tư tưởng dua nịnh, làm ăn bất chánh, những người như thế lúc sắp mạng chung bị một cơn gió lớn thổi đến toàn thân lạnh cóng như băng giá, mới nghĩ: "phải chi lúc này có một đống lửa lớn, ta sẽ ngồi vào trong đó cho đỡ lạnh."

Tức thời ngục tốt La sát hoá làm xe lửa như hoa sen vàng, ngục tốt đứng bên trên như đứa bé trai tay cầm phất trần trắng cổ vũ đi đến.

Thấy vậy tội nhân sanh tâm yêu mến, nghi: Nếu mà mình được ngồi trên đó thì sung sướng biết dường nào!

Khi vừa tắt thở thấy mình ngồi trên xe lửa, lửa thiêu đốt từng đốt xương, thân thể tiêu tan. Ngục tốt gọi: sống! Tức thời theo tiếng gọi, tội nhân liền sống lại. Xe lửa cán qua nghiền lại mười tám lần, thân thể tan nát như bụi. Trên không trung mưa nước đồng sôi tưới khắp thân thể tội nhân. Tội nhân chết rồi liền sống trở lại, cứ như vậy, từ trên vành vạc đồng sôi rớt vào trong vạc rồi bị xe lửa nghiền thân. Một ngày một đêm chết đi sống lại chín mươi ức lần. Tội hết sanh vào một gia đình nghèo khổ cùng đinh, bị người sai khiến, lệ thuộc người khác không được chút thong thả tự do. Khi trả xong nợ cũ, thoát được kiếp tôi đòi. Nhưng nhờ đời trước có thiện tâm xuất gia nên nay được nghe bậc thiện tri thức thuyết pháp, tâm liền tỏ ngộ, chứng quả A-la-hán.

7. Địa ngục phẩn sôi: chu vi tám mươi do tuần, mười tám lớp thành sắt, mỗi một thành sắt có mười tám ngăn. Trong mỗi ngăn có trăm ngàn vạn ức cây kiếm như đao nhọn. Mỗi một cây đao dày ba thước, trên mỗi câdμdao nhọn có trăm ngàn cây Tật Lê và kiếm không thể nào tính kể. Giữa mỗi cây tật Lê và cây kiếm sanh ra vô số trùng sắt, mỗi con trùng sắt có trăm nghìn cái đầu, mỗi đầu có trăm nghìn mỏ. Đầu mỏ có trăm nghìn giun đũa, miệng của những con giun này nhổ ra phân nóng sôi như đồng đỏ đầy tràn trong quách sắt, bên trên có lưới sắt, quạ sắt. Người phá tám giới, ô phạm Sa-di ni, Thức-xoa ma-na ni, ô phạm giới Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ô phạm giới Ưu-bà-tắc, giới Ưu-bà-di, ô phạm giới của bảy chúng và phạm hết thảy các tội khác, làm bẩn thức ăn của chúng Tăng, làm bẩn thức ăn của cha mẹ, tay bẩn mà lén bóc thức ăn để ăn, vị tri sự tăng vì tự thị làm bẩn thức ăn vốn đã sạch của chúng Tăng, bốn bộ đệ tử để thân dơ bẩn ngồi trên gường tăng kỳ, người phạm tội thâu lan giá đã lâu mà không chịu sám hối, luống ăn của của chúng Tăng, ở trong chúng Tăng, cùng tăng bố tát... những tội như thế nhiều không thể kể xiết. Người không giữ tịnh giới, tạo nhiều nghiệp ác, đến lúc sắp mạng chung toàn thân bốc ra mùi hôi như mùi

chồn mướp, không thể chịu nỗi, mới nghĩ rằng: ta phải ở nơi nào để tránh mùi hôi này?

Lúc đó ngục tốt hoá thân như bình vẻ, bên trong đựng đầy phẩn uế, đến chỗ tội nhân dùng tay xoa lên thân thể khiến tội nhân sanh tâm yêu thích, đến lúc mạng chung đoạ vào hầm phẩn sôi, thân thể rửa ra,bị các côn trùng rúc rỉa thịt, đục xương tuỷ. Vì quá khát nên tội nhân uống nước phẩn sôi bị giun dòi rút rỉa trên lưỡi. Một ngày một đêm chết đi sống lại chín mươi ức lần. Tội hết sanh vào nhà cùng đinh hèn hạ, không được tự do. Giả như sanh vào đời gặp vua ác thuộc chủ tà kiến thì phải chịu vô số việc ác bức bách thân mình, các thứ bệnh dữ, ung nhọt ghẻ hùm ghẻ lở đầy mình. Nhờ đời xưa nghe pháp, gieo trồng thiện duyên nên nay gặp bậc thiện tri thức, xuất gia học đạo, chứng quả A-la-hán.

8. Mười tám địa ngục vạc sôi: có mười tám vạc, chu vi mỗi vạc bằng bốn mươi do tuần, bên trong có bảy lớp lưới sắt nung đỏ, năm trăm La sát thổi hòn than đá lớn nấu vạc đồng, ngọn lửa hừng hực trải qua sáu mươi ngày vẫn không tắt. Đủ mười hai vạn năm ở cõi Diêm-phù-đề, vạc đồng sôi vọt lên hoá thành bánh xe lửa rồi trở vào trong vạc. Vì huỷ hoại giới cấm của Phật, giết hại chúng sanh để cúng tế, đốt núi rừng làm chúng sanh thương tổn, thiêu nướng chúng sanh để ăn thịt. Người phạm những tội như thế đến lúc sắp mạng chung lòng cảm thấy rất buồn phiền, đại tiện tiểu tiện tự do chảy, không thể tự kiềm chế đươc; hoặc nóng như nước sôi, hoặc lạnh như băng giá, liền nghĩ: Giá như có một bồn nước ấm lớn để ta ngâm mình tắm gội trong đó thì còn gì vui xướng bằng!

Ngay khi ấy, ngục tốt La sát hoá thành đứa tớ trai bưng bồn nước ấm đến chỗ tội nhân. Tội nhân rất vui, sanh tâm ưa thích liền tắt hơi thở, thấy mình sanh vào trong vạc đồng sôi, thân thể liền tiêu tan, chỉ còn lại bộ xương. Ngục tốt lấy xoa sắt bổ vào, chó sắt nhai nghiến thân tội nhân rồi nôn mửa ra. Tội nhân tức thời sống lại, liền bị nguc tốt bỏ vào vạc dầu. Vì sợ vạc dầu nóng nên tội nhân leo lên cây kiếm, bị kiếm cắt xương thịt rớt ra, rơi vào vạc dầu sôi. Một ngày một đêm chết đi sống lại vô số lần. Tội hết lại đầu thai làm heo dê, gà chó, mạng sống ngắn ngủi. Cứ thọ thân như thế trải qua tám ngàn vạn năm, sau khi mạng chung được sanh làm người chịu hai quả báo: nhiều bệnh và yểu mạng. Cứ như thế trải qua nhiều kiếp, sau được gặp bậc thiện tri thức, người đó thọ trì năm giới, tu sáu pháp ba-la-mật.

9. Địa ngục sông tro: chiều dài mỗi con sông bằng hai trăm do tuần, chiều rộng mười hai do tuần, phía dưới có dao bén, trên bờ tường

có cây kiếm, lửa mạnh cao hai mươi trượng cháy khắp trong thành. Lại có tro nóng phủ lên than hồng dày bốn mươi trượng, vì trộm cắp tài sản của cha mẹ, sư trưởng, bạn bè, anh chị em... người ngu si như thế không có tàm quý, không biết ân nuôi dưỡng của cha mẹ, không nghe lời thầy dạy bảo đến lúc sắp mạng chung người ấy ngộp tim tức ngực thở không nỗi, mới nghĩ: tim ta như bùn, khí đầy cả lòng ngực, giá như có một tí xíu lửa để sưởi ấm thì không còn gì vui bằng!

Đáp lại ước muốn, ngục tốt hoá làm vợ con người ấy, bưng lò lửa có tro nóng phủ lên trên đến chỗ tội nhân. Tội nhân rất vui, liền mạng chung, thấy mình sanh vào trong sông tro, giữa những cây kiếm có một La sát cầm kiếm thật bén đến đâm chém, giết hại. Người ấy sợ hãi chạy vào sông tro, nhưng vừa cất bước, hạ bước thì đã bị đao chém vào chân, cây kiếm, mưa đao đi vào từng lỗ chân lông tội nhân. La sát lấy xoa sắt móc tim, chặt chân, tội nhân đau đớn tột cùng rồi chết giấc. Chết rồi liền sống lại, một ngày một đêm chết đi sống lại năm trăm ức lần. Vì quá đói khát nên há miệng đòi ăn thì cây kiếm mưa đao tuôn vào lưỡi cắt đứt đầu bụng, tội nhân đau đớn tột độ rồi chết. Nhưng nhờ đời trước được nghe tên Pháp Tăng nên sau khi trả tội xong được sanh làm người, nhưng ở vào hạng bần cùng hèn hạ, hiểu được đời vô thường, xuất gia học đạo, nếu gặp lúc không có Phật xuất hiện ở đời thì tự tu tập đắc quả Bích chi Phật, còn nếu sanh ra đời gặp Phật thì đắc quả A-la-hán.

10. Địa ngục rừng kiếm: Chu vi tám ngàn do tuần, trong ngục đầy dẫy những cây kiếm, quả cây là những hoàn sắt nóng đỏ. Mỗi cây kiếm cao hai mươi bốn do tuần. Vì bất hiếu với cha mẹ, không kính trọng sư trưởng, nói lời hung dữ, không có lòng từ ái, dùng gậy đánh đập người, đến lúc sắp mạng chung tâm như chất hồ, nơi nào cũng sanh tâm đắm trước, mới nghĩ: Tâm ta bị ràng buộc, không bỏ được chuyện gì: đam mê tửu sắc tuy gặp khổ cũng không thôi. Giá như có một con dao bén cắt dứt tham ái này thì còn gì bằng!

Đáp lại mong ước, ngục tốt hoá làm người hầu cầm cái gương đến, nói: Tâm ông nhiều đắm trước, hãy soi vào gương này để nhìn bóng kiếm bén.

Lúc ấy tội nhân nghĩ: thân thể ta gầy yếu không còn muốn việc gì, nếu có được cây kiếm bén này để cắt đứt tâm ta thì không vui ư!

Nghĩ rồi liền mạng chung, thọ thân ngạ quỷ, giữa những cây kiếm hoá sanh những hoàn sắt. Những hoàn sắt đó rớt xuống đầu, miệng, sắt tuột đến đâu ruột gan cháy tiêu tan đến đó. Ngục tốt đánh đập bảo leo lên cây kiếm. Vì sợ trèo lên cây kiếm bị trùng sắt ăn. Lần lượt như thế

leo hết tất cả rừng kiếm. Một ngày một đêm phải chịu tám vạn lần sanh tử. Tội hết sanh làm người nghèo khổ đói khát bệnh tật liên miên, hơi miệng thường hôi thúi bị người chán ghét. Sau gặp bậc thiện tri thức, phát tâm Bồ-đề.

11. Địa ngục rừng gai: chu vi tám ngàn do tuần, trong ngục toàn là gai sắt. Mỗi đầu cây gai có mười hai cây kiếm, trên mỗi cây sắt có một móc sắt lớn đỏ rực. Vì chửi rủa, đâm thọc, nói thêm bớt, nói lời bất nghĩa, đùa cợt vô độ, nói dối, nói thị phi, nói lỗi của kinh điển, huỷ nhục thầy tổ. Những tội báo như thế lúc sắp mạng chung, môi cổ khô ran, nghĩ rằng: giá như có một bó gai đâm vào cổ cho máu chảy thành dòng thì còn gì vui bằng?

Ngục tốt liền hoá thành cha mẹ, cầm minh châu, đầu châu mọc ra cây gai đưa vào ngay miệng, nước muốn phun trào. Tội nhân rất vui rồi mạng chung. Trong khoảnh khắc thấy mình sanh vào rừng gai. Ngục tốt La sát cầm lưỡi câu sắt kéo lưỡi tội nhân, có tám ngàn con bò sắt kéo những chíec cày lớn cày nát lưỡi tội nhân, một ngày một đêm chết đi sông lại sáu trăm lần. Tội hết được sanh làm người nhưng vai hẹp. Mặt nhăn nheo, nói năng ngọng liệu, ghẻ lở u nhọt đầy khấp thân. Cứ như thế trải qua năm trăm đời bị người khinh chê ghét bỏ, nói ra điều gì cũng không ai tin. Về sau gặp bậc thiện tri thức, phát tâm Bồ-đề.

12. Địa ngục cột đồng: trong ngục này có những cột đồng lớn như núi lửa, cao sáu trăm do tuần, lửa phía dưới bốc mạnh lên, bên trên có gường sắt đỏ. Trên gường sắt có bánh xe đao, khoảnh giữa có trùng sắt, quạ mỏ sắt. Những chúng sanh tham hoặc, nhiễm ái, phạm pháp bất tịnh, làm việc bất tịnh không đúng chỗ, không đúng lúc. Giả như có Tỳ-kheo-ni, Bà-la-môn và các Phạm chí, nếu không phải thời, không phải chỗ mà phạm pháp bất tịnh cho đến phạm tất cả tà hạnh đến lúc sắp mạng chung, toàn thân uốn ngược bất thường, mới nghĩ: giá như có một cột đồng thật to thật chắc để trói ta vào đó cho khỏi co giật.

Tức thời ngục tốt La sát hoá thành đứa tớ trai cầm gậy sắt đến chỗ tội nhân nói: thưa trưởng giả, ông co giật quá, hãy cầm vào cây gậy này,vì những vật khác đều yếu không thể chịu đựng nỗi. Thấy vậy, tội nhân rất vui như được buộc mình vào cây cột đồng, liền mạng chung. Trong khoảnh khắc thấy mình đứng trên trụ đồng, bị lửa cực mạnh thiêu đốt thân thể. Tội nhân hoảng sợ, nhìn xuống thấy trên gường sắt có những cô gái xinh đẹp (nếu làm người nữ thì thấy những người nam đẹp trai) nên sanh tâm ái trước, ôm cột đồng tuột xuống đất nhưng bị cột đồng đâm qua thân, lưới sắt quấn quanh, các loại trùng sắt rúc rỉa thịt,

tội nhân rớt xuống gường sắt. Tức thời lửa phun ra từ sáu căn của những người nam và người nữ ấy, những côn trùng mỏ sắt bò vào mắt và chui ra ở bộ phận sinh dục. Người phạm giới dâm thì có chín ức thứ côn trùng nhỏ như bọ ngựa, dòi... mỗi côn trùng có mười hai mỏ sắt. Trên đầu mỗi mỏ sắt phun lửa rúc rỉa thịt tội nhân. Một ngày một đêm chết đi sống lại chín trăm ức lần. Tội hết lại sanh làm chim tu hú, bồ câu trải qua năm trăm kiếp, sau sanh vào loài rồng trãi qai năm trăm kiếp. Tội hết sanh làm người bán nam bán nữ, không căn, nhị căn, bất định căn trong năm trăm đời, còn nếu làm người thì chịu cảnh vợ không chung tình, con không hiếu thảo, nô tỳ không tuân lời. Nhờ phước đời trước,về sau được thiện tri thức, phát tâm Bồ-đề.

13. Địa ngục máy sắt: trong ngục có gường sắt lớn, chu vi bốn trăm do tuần, phía trên đặt nhiều máy chém, ở giữa có ngàn vạn ức nỏ sắt, đầu mỗi nỏ sắt có năm trăm ức dao nhọn.

Những người vì tham dục, bất hiếu với cha mẹ, không kính sư trưởng, không theo lời khuyên bảo, giết hại chúng sanh, đến lúc sắp mạng chung toàn thân co giật, nước nhờn trong thân thể tràn ra sáu lỗ (mắt, tai, mũi...), tội nhân thấy gường nằm của mình như bông Đâu La Miên, liền nghĩ: Giá như có được một nơi chắc chắn, mát mẻ để nằm nghĩ thì thích biết mấy!

Nghĩ rồi ngục tốt La sát lấy xoa dích chiếc gường hừng hực đỏ đem đến chỗ tội nhân rồi lấy xoa sắt vỗ vào đó. Thấy vậy, tội nhân rất vui muốn nằm lên đó, liền tắt hơi thở. Trong khoảnh khắc thấy mình ở trên máy sắt, ngàn vạn ức then máy từ phía dưới khởi động, máy chém giơ cao vô lượng, nỏ sắt cùng một lúc bắn hai mũi tên vào tim tội nhân. Mỗi một ngày đêm chết đi sống lại sáu trăm ức lần. Tội hết sanh vào loài súc sanh trải qua năm trăm đời. Sau làm người nghèo hèn làm tôi tớ bị người ta sai khiến, phần nhiều bị nhốt vào nhà tù chịu đòn roi. Nhờ phước đời trước,về sau được gặp thiện tri thức, phát tâm Bồ-đề.

14. Địa ngục lưới sắt: Trong ngục có tám mươi chín lớp lưới sắt, mỗi một kim sắt nhô ra năm mấu. Người tâm không ngay thẳng, liếc mắt đưa tình mê hoặc người khác, ngày đêm luôn nghĩ ác, gièm pha hại người, đến lúc lâm chung thân thể bị ghẻ ngứa, mới nghĩ: Giá mà có một bó kim nhọn châm vào thì sướng biết mấy!

Nghĩ rồi, ngục tốt La sát hoá làm một lương y, cầm kim nhọn đến nói: ta trị bệnh cho ngươi.

Nghe vậy, tội nhân rất vui, liền mạng chung, thấy mình ở trong võng lưới sắt, bên dưới thân có nhiều tội nhân cử động, vô lượng kim

sắt bắn vào từng lỗ chân lông của tội nhân. Cứ như thế, trong một sát na sanh tử chuyển thân từ lỗ lưới này sang lỗ lưới khác. Tội hết phải sanh vào nơi biên địa, nơi không có Phật pháp. Nơi đó, lời hay lời tốt của thế gian cũng không được nghe huống là chánh pháp! Thế nên những người sống ở nơi này dễ đoạ vào ba đường ác. Nhờ phước đời trước, về sau được gặp thiện tri thức, tuy được nghe Phật pháp nhưng không hề hiểu gì.

15. Địa ngục Hang sắt: Đây là một địa ngục khổ nhất trong đường ngạ quỷ. Trong ngục này có núi sắt, chu vi bằng hai mươi lăm do tuần, trên núi lại có hai trăm hoàn sắt đỏ lớn, đường kính mỗi hoàn sắt bằng mười ba do tuần, giữa núi lại có trăm ngàn kiếm đao. Lúc đó phía đông của ngọn núi kia thủng một lỗ nhỏ như đấu Ma-già-đa chỉ nhả khói đen. Người tham lam keo kiệt tự trói buộc tâm mình bền chắc như kim cang, tham lam mong cầu không biết chán, không biết đủ, ngay cả cha mẹ vợ con còn không dám cho huống gì là người ngoài; xem sư trưởng, bậc giáo thọ như phẩn uế, không cung cấp cơm áo cho nô tỳ và những người thân thuộc...chỉ tham lam keo kiệt, bo bo giữ gìn của cải như giữ tròng con mắt, không lo nghĩ đến vô thường, đến lúc lâm chung mọi tình cảm đều tắt nghẽn, há miệng nhưng không nói nên lời, thầm nghĩ:

Sau khi ta chết những người xấu ác ăn gia tài ta như ăn hoàn sắt nóng, ở trong phòng ta như ở trong ngục tối.

Nghĩ rồi, ngục tốt La sát hoá làm người keo kiệt, gom rất nhiều tài sản rồi lấy lửa châm đốt. Tội nhân tắt thở thấy mình sanh trên núi lửa giống như nung đồng trong hang sắt, trùng đao, trùng kiếm rúc rỉa thân thể tội nhân, khói xông mù mắt tội nhân không còn nhìn thấy ngọn lửa, chạy đông chạy tây va đầu vào núi sắt, trong một niệm sanh tử những hoàn sắt nóng tuột từ đỉnh đầu xuống thấu chân tội nhân. Tội hết phải sanh trong loài ngạ quỷ, thân cao mấy mươi do tuần, cổ như cây kim, bụng rỗng to như núi lớn, tìm kiếm thức ăn khắp nơi, khi khát thì nước đồng sôi rót vào cổ, khi đói thì ăn máu mủ tanh hôi. Cứ sống như thế trải qua tám ngàn năm. Hết kiếp ngạ quỷ lại sanh làm thân heo chó, ăn đồ phẩn uế. Tội hết lại sanh làm làm người nghèo hèn, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc. Nhờ phước đời trước, về sau gặp bậc thiện tri thức, phát tâm Bồ-đề.

16. Địa ngục Hoàn sắt: Chu vi bằng tám mươi do tuần, bên trong bọc lớp thành sắt. Ngục này có tám mươi tám ngăn, trong mỗi ngăn có năm ngọn núi đao che phía trên, bên dưới có mười tám con rắn sắt hung dữ phun ra kiếm sắt. Đầu kiếm phun lửa hừng hực. Những người chê

bai việc bố thí, cho rằng bố thí không có phước, xúi người tích trữ của cải; đến quốc vương, đại thần, sa-môn, Bà-la-môn nói: bố thí không tạo nhân lành, cũng không có quả báo... những người này đến lúc lâm chung, cổ cứng đơ, gân mạch co rút không nói được một lời, không thích gặp ai, nhắm mắt nằm đó, trong lòng chỉ nghĩ: Bấy lâu nay ta tích chứa của cải, nếu bây giờ đem theo được thì thích biết dường nào!

Nghĩ rồi, ngục tốt La sát liền hoá làm vợ của tội nhân, tay cầm hoàn sắt đỏ, hoàn sắt hoá làm vật báu đứng trước người ấy nói: tôi sẽ đem theo tất cả của cải đi theo ông, chúng ta sẽ không bao giờ xa nhau. Nghe vậy, tội nhân liền tắt thở, thấy mình sanh trong thành sắt nên chạy tán loạn. Rắn sắt phun nọc độc rồi quấn quanh thân thể, đầu mỗi đốt xương bị lửa đốt cháy, liền vái: "Lạy Trời thương xót rưới nước cam lồ vào thân con".

Đáp lại lời nguyền, trên không trung liền tuôn những hoàn sắt nóng lớn. Những hoàn sắt ấy tuột từ đỉnh đầu xuống thấu chân tội nhân. Tội hết sanh làm người bần cùng cô độc lại câm ngọng. Tội nhân chịu cảnh khổ này như trong bài địa ngục Hang sắt đã nói. Nhờ phước đời trước, về sau gặp bậc thiện tri thức, phát tâm Bồ-đề.

17. Địa ngục Đá nhọn: Trong ngục này có cả thảy hai mươi lăm ngọn núi đá, mỗi ngọn núi đá lại có tám mươi ao nước, mỗi ao nước có năm con rồng độc. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Sa-di, Sa-di ni, thức xoa ma na, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di và chín mươi lăm loại Phạm chí, nếu người nào phạm khinh giới, lâu ngày không sám hối cũng chẳng sanh tâm hổ thẹn, lúc sắp mạng chung bụng trướng hơi to bằng cái trống, ăn uống không được, đổ cháo sửa vào cũng không xuống khỏi cổ, mới nghĩ: giá như có một hòn đá nhọn đâm vào cổ thì vui biết mấy!

Lúc đó ngục tốt liền hoá làm lương y, chẻ đá nhọn làm những viên thuốc đặt vào trong miệng tội nhân rồi bảo ngậm miệng lại. Tội nhân rất vui, trút hơi thở cuối cùng, đoạ vào giữa các núi đá. Rất nhiều đá nhọn đâm từ lưng xuyên qua ngực. Ngục tốt lại lấy móc sắt móc miệng tội nhân để bỏ đá vào trong. Một ngày một đêm chết đi sống lại sáu mươi ức lần. Đây là sanh báo, sau khi mạng chung đoạ vào địa ngục Hắc Thằng.

Địa ngục Hắc Thằng có tám trăm khóa sắt, tám trăm núi sắt, hai đầu buộc hai khoá sắt, dựng phan sắt lớn. Ngục tốt kéo lôi tội nhân đi trên dây sắt, không thể dừng lại được, tội nhân rơi vào vạc dầu sôi. Lúc đói thì ăn sắt, nuốt đá. Một ngày một đêm phải chịu khổ cả mười vạn lần. Tội hết sanh vào loài người nhưng lúc nhỏ phải làm nô bộc, về sau

gặp bậc thiện tri thức thuyết pháp chân thật cho nghe. Nghe xong tu tập đắc quả A-la-hán.

18. Địa ngục uống nước đồng sôi: Trong ngục này có một ngàn hai trăm loại xe đồng đủ màu sắt. Trên mỗi xe đồng có sáu triệu viên đồng đỏ. Những người tham lam keo kiệt, tật đố, tà kiến, nói lời thô ác, không nuôi dưỡng cha mẹ, không cung cấp cho vợ con, quyến thuộc, bo bo gìn giữ của cải tài sản không cho một ai. Thấy người được lợi thì mình rất đau lòng như tên bắn vào tim. Người phạm những tội như thế, đến lúc sắp mạng chung thân thể bệnh nặng, nói sảng mê man, đòi ăn.

Lúc đó ngục tốt hoá làm một chiếc xe đồng, trên xe chở đủ các loại trái cây đến chỗ tội nhân. Tội nhân được trái cây ấy thì rất vui mừng, nghĩ: Trái cây tươi ngon này rất vừa ý ta. Nghĩ xong tắt thở, thấy mình ở trên xe đồng. Không bao lâu liền sanh vào trong núi đồng, bị xe đồng cán lên cổ. Ngục tốt bạch miệng tội nhân cho hả ra rồi đổ nước đồng sôi vào, tội nhân chết giấc ngã trên đất. Khi tỉnh lại, lại than: Đói! Đói!

Liền lúc ấy, ngục tốt bạch miệng nhét hoàn sắt đỏ vào, tội nhân phải nuốt mười tám hòn sắt đỏ như vậy, lửa nóng bức đốt cháy từng đốt xương. Tội nhân chạy khắp đông tây, trải qua bảy ngày như thế rồi mạng chung.

Ngục tốt nói:

- Vì trước kia ông tham lam tật đố, nịnh hót nên phải chịu tội báo nuốt hoàn sắt này, hoặc đã từng xuất gia nhưng huỷ phạm khinh giới, lâu không sám hối, luống ăn của tín thí nên nay phải chịu quả báo nuốt hoàn sắt nóng này. Những tội nhân này phải ăn hoàn sắt nóng trải qua trăm ngàn vạn ức năm, không biết đến lúa đậu, nước uống.

Tội hết được sanh trong loài người nhưng trong năm trăm đời nói không nên lời, không tự lo việc ăn uống được. Vì túc nghiệp xưa cho nên sau khi ăn thức ăn trở thành khối đất. Tội hết, về sau gặp bậc thiện tri thức phát tâm Bồ-đề.

(Trích kinh Quán Phật Tam Muội quyển 5)

3. NHÂN DUYÊN, TƯỚNG KHỔ TRONG SÁU MƯƠI BỐN ĐỊA NGỤC:

1. Địa ngục Cước đạp: trước kia ở nhân gian, người này thường đá đạp người cho chết, nay sanh vào địa ngục bị quỷ ngục chà đạp. Tội nhân chịu tội ở đây trải qua hai trăm năm.

2. Địa ngục Núi đao: trước kia ở nhân gian, người này thường giết

hại chúng sanh, nay sanh vào địa ngục này chịu tội trải qua hai trăm năm.

3. Địa ngục Thẩm đề: lúc sống, vì sân giận mắng chửi mọi người là chim thú. Nay sanh vào địa ngục này, trong năm trăm năm bị ngục tốt dộng chày sắt vào miệng. Khi tội hết phải thọ thân hình đầu người chân chim, miệng thường nói những lời thô tục.

4. Địa ngục Ôm bó đao: lúc ở nhân gian, tự mình phạm giới dâm còn ô phạm người trì giới.

5. Địa ngục cát nóng: người này lúc còn sống thường lấy tro nóng phủ lên thân thể chúng sanh.

6. Địa ngục Nước giếng sôi: nước trong giếng thường sôi. Vì trước kia có tâm ác đem vật bất tịnh bỏ xuống giếng, nay đoạ vào đây. Khi tội hết phải làm thân ểnh ương sống trong giếng trải qua một trăm năm.

7. Địa ngục Táo thông: Ngục tốt đem người nữ dốc ngược vào trong bếp lò. Vì người nữ này lúc sanh tiền mượn áo đẹp quyến rũ chồng người.

8. Địa ngục Á quỷ: ngục tốt thường nung cái đe sắt để nướng lưỡi người tội. Vì lúc sanh tiền cha mẹ, thầy tổ gọi mà không trả lời nên đoạ vào đây chịu tội trải qua hai trăm năm. Về sau sanh làm người câm.

9. Địa ngục Tro nóng: tro nóng đầy trong khoảng bảy trăm dặm, người này lúc sanh tiền khởi tâm dâm dục đến nhà trinh nữ định làm việc sằn làm bậy nhưng rốt cuộc không toại ý nên đoạ vào đây chịu tội trải qua hai trăm năm. Về sau được làm người thân thể đầy ghẻ lở và tánh hay khiếp sợ.

10. Địa ngục Phẩn sôi: phẩn tiểu đầy dãy trong khoảng ba vạn dặm. Những người bị đoạ vào ngục này, vì xưa kia tặng cho người món ăn ngon nhưng sau sân giận mắng:ăn những món đó cũng giống như ăn đồ bất tịnh, nên đoạ vào đây chịu tội trải qua năm trăm năm. Sau sanh làm heo

11. Địa ngục Tanh hôi: chu vi hai ngàn năm trăm dặm, bên trong đầy ắp máu mủ. Những người lúc sanh tiền vì không có thiện tâm, vào nhà thờ Thánh xả hơi hôi thối nên đoạ vào đây chịu tội trải qua hai trăm bốn mươi năm. Tội hết sanh làm người bần tiện, thân thể hôi thối.

12. Địa ngục Bất tịnh: ngục này chu vi một ngàn dặm, bên trong đầy dãy đờm mũi. Những người kiêu mạn, tay không sạch mà niệm hương cúng dường lên bậc Thánh nên đoạ vào đây. Tội hết sanh làm người nhưng thường buông lung phóng túng

13. Địa ngục Bất tịnh: máu mủ đầy dẫy trong khoảng sáu trăm

dặm. Những người lúc sanh tiền, khi mọi người đang ăn, lấy phân chuột ném vào thức ăn sạch nên đoạ vào địa ngục này chịu tội trải qua hai trăm năm. Tội hết sanh trong loài chó.

14. Địa ngục Hắc nhĩ thường ám: những người lúc sanh tiền không có thiện tâm, ngăn che ánh sáng chỗ thờ Phật nên đoạ vào đây chịu tội trải qua bảy trăm năm

15. Địa ngục Túng quảng tứ vạn lý: chu vi bốn vạn dặm, những tội nhân trong ngục này thường bị búa bổ vào đầu, bị tên sắt bắn vào thân, bị đánh đập, lóc thịt, mổ xẻ... vì những người này lúc sanh thời phạm tội ngũ nghịch nên phải vào đây chịu tội trải qua kiếp số. Hết tội ở địa ngục này lại lần lượt sanh vào các địa ngục khác cũng chịu tội nặng trải qua số kiếp, một vạn năm.

16. Địa ngục Tương sát: trong ngục này tội nhân là những người thân thích giết hại lẫn nhau: vợ giết chồng, mẹ giết con, con giết mẹ. Vì những người này xưa kia đã giết cha mẹ người khác, đồng thời đã giết cha mẹ và con của chúng sanh. Tội hết sanh trong loài người phải chịu cảnh cô độc, hết thảy cha mẹ con cháu đều chết sớm

17. Địa ngục Bằm thân: tội nhân ở đây thường bị quỷ sứ bằm chặt thân mình. Vì xưa kia đã bằm chặt thân chúng sanh. Sau sanh làm quan huyện Hi Tao(viên cai ngục).

18. Địa ngục Hoả xa: người này lúc sanh tiền vì thiêu nướng chúng sanh nên nay đoạ vào đây. Tội hết sanh làm người nhưng bị chết thiêu.

19. Địa ngục Bất thức pháp: trong ngục này đầy ắp những người ngu si. Vì xưa kia nghe tiếng kiền chuỳ nằm dài lười biếng không ngồi dậy. Tội hết sanh làm người ở vùng biên địa.

20. Địa ngục Nung sắt: người này lúc sanh tiền đã rang tôm cua nên nay đoạ vào đây. Tội hết được sanh làm người nhưng yểu mạng.

21. Ngạ quỷ: thân cao bốn mươi dặm, bụng to bằng mười ngàn đấu, cổ dài mười dặm luôn luôn đói khát, hơi miệng hôi thúi. Thức ăn vừa vào đến miệng liền hoá thành than, nước uống hóa thành máu mủ. Bởi vì xưa kia không giữ trai giới. Tội hết sanh làm thân La sát trải qua tám trăm kiếp.

22. Địa ngục Cang hôi: người này lúc sanh tiền có tâm trộm lấy tài sản của người khác nên nay phải bưng cây tro cứng nóng này. Tội hết sanh làm người bần tiện bị người sai sử.

23. Địa ngục Vạc đồng sôi: vì lúc sanh tiền có tâm ác lấy nước sôi đổ lên mặt đất làm chết nhiều côn trùng nên nay đoạ vào đây.

24. Địa ngục Gường sắt: người này lúc sanh tiền có tâm dâm dục ăn nằm với vợ người khác, cưỡng hiếp người nữ trì giới nên đoạ vào đây. Nếu là người nam thì phải ôm cột đồng còn người nữ thì phải nằm gường sắt nung.

25. Địa ngục Hoàn sắt: người nào thường nấu nướng gà vịt phải đoạ vào đây. Tội hết sanh làm người bị mê man mất trí.

26. Địa ngục Cống cao toạ: người lúc sanh tiền thọ dụng của tín thí, tự thị là mình có đức, sanh tâm cống cao ngạo mạn nên đoạ vào địa ngục này.

27. Địa ngục Hắc nhĩ: tội nhân trong địa ngục này bị quỷ sứ lấy dao cắt từng đốt xương. Bởi vì xưa kia dụ dỗ Tỳ-kheo hành dâm. Tội hết sanh làm người nữ bần tiện. Sau làm thân hoàng môn trải qua năm trăm năm.

28. Địa ngục Băng giá: người này lúc sanh tiền quăng ném chúng sanh vào nơi lạnh cóng nên đoạ vào địa ngục này. Tội hết sanh làm người bần tiện áo quần thiếu thốn.

29. Địa ngục Hang đá: bên trong địa ngục này toàn là khói lửa. Vì người này lúc sanh tiền ác tâm hun khói giết hại chúng sanh nên đoạ vào đây.

30. Địa ngục Quyền thu: vì người này lúc sanh tiền dùng tâm sân hận giết kiến, chấy rận nên đoạ vào đây.

31. Địa ngục Khái sơn: vì xưa kia người này thấy kiến chấy liền giết nên đoạ vào ngục này. Tội hết sanh làm người nhưng bị chết yểu.

32. Địa ngục Nước sôi tưới vào thân: vì người này lúc sanh tiền mặc áo đẹp đẽ dụ dỗ vợ người khác nên đoạ vào đây. Tội hết sanh làm loài chim thú.

33. Ngạ quỷ: Thân cao ba mươi dặm, phía dưới yết hầu có cái bướu, nó lấy mủ trong bướu mà ăn, bọn quỷ nhìn thấy giành lấy mà ăn. Nhưng cho dù nó có giành được cũng ăn không được. Tội hết sanh làm người bần cùng.

34. Ngạ quỷ: thân cao từ năm đến mười dặm, lông trên thân rất cứng và bén. Bởi vì trước kia keo kiệt không bố thí thức ăn cho người, chuyện có mà nói không nên đoạ vào đây. Tội hết sanh làm người phần nhiều bần tiện cơm áo chật vật, thiếu thốn trăm bề.

35. Địa ngục Chó dữ: trong ngục này có rất nhiều chó dữ nanh bén nhọn như kiếm. Quỷ ngục suỵt một tiếng, chó tranh nhau chạy đến cắn xé tội nhân. Bởi vì người này lúc sanh tiền suỵt chó để chó cắn giết chúng sanh nên đoạ vào đây chịu tội. Tội hết sanh trong loài người

thường bị chó cắn.

36. Địa ngục Cọc sắt: tội nhân trong ngục này bị buộc vào cọc sắt để ngục tốt đạp giẫm lên người. Bởi vì lúc sanh tiền có tâm ác xem thường cha mẹ sư trưởng nên đoạ vào đây. Tội hết phải sanh làm loài rắn độc.

37. Địa ngục Lột da: quỷ sứ luôn dùng dao bén để lột da tội nhân. Bởi vì trước kia có tâm ác lột áo quần của người và lột da chúng sanh, nay đoạ vào đây đền tội. Tội hết được sanh trong loài người nhưng thường bị tước đoạt y phục.

38. Địa ngục Treo ngược: tất cả tội nhân trong ngục này đều bị ngục tốt treo dốc ngược xuống. Bởi vì xua kia giết chúng sanh rồi treo dốc ngược.

39. Địa ngục Súc sanh: tội nhân trong ngục này thường bị ngục tốt chế nước đồng sôi vào miệng. Bởi vì xưa kia mượn nợ của người mà không chịu trả nên đoạ vào đây. Tội hết sanh làm trâu ngựa, nô tỳ, trải qua năm trăm đời thường bị roi vọt.

40. Địa ngục Cày thân: tội nhân trong ngục này thường bị ngục tốt lấy lưỡi cày sắt cày bừa trên thân thể. Vì lúc sanh tiền cày đất làm thương tổn chúng sanh lại sanh tâm thích thú.

41. Địa ngục Thốc nhãn: tội nhân trong ngục này thường bị ngục tốt lấy mũi nhọn bịt đầu sắt đâm vào mắt. Bởi vì lúc sanh tiền ác tâm trợn mắt lườm cha mẹ mình nên đoạ vào đây đền tội. Tội hết được sanh làm người có mắt nhưng thông manh.

42. Địa ngục Đao binh: tội nhân trong ngục này thường bị ngục tốt chém chặt bắn giết. Bởi vì lúc sanh tiền dùng tâm sân hận giết hại lẫn nhau nên đoạ vào ngục này. Tội hết sanh làm người thích săn bắn giết hại chúng sanh.

43. Địa ngục Cát thích: tội nhân trong ngục này thường bị ngục tốt cắt thịt. Vì người này lúc sanh tiền có tâm ác cắt thịt người khác nên đoạ vào đây đền tội. Tội hết sanh làm người thích được cắt thịt chúng sanh.

44. Địa ngục Cối sắt: ngục tốt lấy cối sắt xay tội nhân. Vì lúc sống có tâm ác chà đạp giết chết chúng sanh nên đoạ vào ngục này.

45. Địa ngục Mông lọng: trong ngục này đầy dãy những cối xay sắt. Ngục tốt bỏ tội nhân vào cối xay nghiền.

46. Địa ngục Mông Lọng: những tội nhân đoạ vào đây, vì lúc còn sống thấy chúng sanh bị đánh đập bầm người lại khởi tâm ác phát thệ không cứu. Tội hết được sanh làm người toàn thân có bớt bầm tím.

47. Địa ngục Cối đá: ngục tốt bỏ tội nhân vào trong cối đá giả nát nhừ. Vì người này lúc sống hay đâm giả chúng sanh nên đoạ vào đây chịu tội. Tội hết sanh làm loài ốc, trai.

48. Địa ngục Kiêu mạn: tội nhân trong ngục này có hình dáng đầu người thân rắn. Bởi vì người này lúc sống nằm ngửa tụng kinh.

49. Địa ngục Nước đọng: Nước ứ đọng không có lối thoát. Bởi vì người này lúc sống dìm người xuống nước cho đến chết nên đoạ vào đây đền tội.

50. Địa ngục Trái thuộc nho: ngục tốt lấy đá đè lên đầu tội nhân. Bởi vì người này lúc còn sống có tâm khinh mạn, khiến cha mẹ, sư trưởng buồn lòng.

51. Địa ngục Gậy sắt: ngục tốt thường bắt tội nhân lấy gậy sắt tự đánh vào thân mình. Vì người này lúc sống có ác tâm giết chấy rận nên đoạ vào đây đền tội.

52. Địa ngục Khủng bố: tội nhân trong ngục này thường bị trâu húc. Vì lúc sống làm cho người sợ hãi.

53. Địa ngục Cọc sắt: cọc sắt đóng dưới nước, ngục tốt bắt tội nhân nhận xuống, thân thể bị cọc sắt đâm thủng, máu chảy lai láng. Bởi vì người này lúc sanh tiền ganh tỵ làm bẩy giăng cọc làm người bị thương.

54. Địa ngục Uống nước đồng sôi: bởi vì người này lúc sống ngạo mạn nhái lời nói của cha mẹ, sư trưởng nên đoạ vào đây trả tội. Tội hết sanh làm người nhưng ăn nói xấc xược vô lễ.

55. Địa ngục Máy sắt: ngục tốt lấy máy tiện sắt khoét mắt người tội. Vì người này lúc sống thường có ác tâm đâm mắt chúng sanh nên đoạ vào đây đền tội. Tội hết sanh làm người bị đuôi mù.

56. Địa ngục Xoa sắt: quỷ ngục lấy xoa sắt đâm vào tội nhân. Vì người này lúc ở nhân gian ác tâm câu cá và bắt các chúng sanh khác.

57. Địa ngục Dòi tủa: tội nhân trong ngục này toàn thân bị dòi rúc rỉa. Vì người này lúc ở nhân gian đục khoét tài sản người khác, xúc phạm nhân cách, làm thương tổn người nên đoạ vào đây chịu tội. Tội hết được sanh làm người nhưng thân thể thường bị ghẻ lở, ung nhọt.

58. Địa ngục Cắt tay: ngục tốt lấy dao bén cắt hai tay người tội. Vì người này lúc sanh tiền ngạo mạn, tay bẩn mà cầm kinh.

59. Địa ngục Khóc la: quỷ ngục đến hù doạ khiến tội nhân sợ hãi kêu khóc. Vì lúc sanh tiền ham mê tiền của, làm nghề mại dâm nên đoạ vào đây đền tội. Tội hết sanh làm người luôn luôn nghèo khổ thiếu thốn.

60. Địa ngục Chó sắt: ngục tốt thường cho chó sắt cắn xé tội nhân. Vì lúc ở dương gian thường dẫn chó săn bắt giết chúng sanh.

61. Địa ngục Đồng sôi: quỷ ngục chế nước đồng sôi vào miệng tội nhân. vì người này lúc ở nhân gian ác tâm nói láo, nói dâm thọc, chửi rủa người, nói thêm bớt nên đoạ vào đây trả tội. Tội hết sanh làm người, hơi miệng thường hôi thối.

62. Địa ngục Đồng sôi: quỷ ngục tưới nước đồng sôi lên tay tội nhân. Vì người này lúc sanh tiền không tôn kính đạo, tay bẩn cầm y áo của Sa-môn.

63. Địa ngục Bắn thân: ngục tốt bắn tên vào thân thể tội nhân. Vì người này lúc sống đem ác tâm bắn giết chúng sanh.

64. Vô Trạch (đời Lương gọi là Sanh Chung): có năm vua là Tuỳ Vương, Kiếp Vương, Sửu Vương, Tự Nhiên Vương, Chúng Sanh Vương. Những vua này đều phát tâm Đại thừa, nguyện cứu độ chúng sanh trong chốn địa ngục. Nhưng chúng sanh vừa hết tội địa ngục lại gây tội để đoạ vào lại. Diêm Vương quyết đoán, tội nhân này tạo bao nhiêu tội, xả bỏ bao nhiêu thân địa ngục, thọ thân trung ấm như đứa trẻ mới lên ba, từ cha mẹ thọ sanh tuỳ theo hạnh nghiệp của mình.

(Trích kinh Vấn Địa Ngục)

4. TƯỚNG KHỔ TRONG NĂM ĐỊA NGỤC LỚN:

Địa ngục Hoạt Đại: người ác tâm sân giận dùng giáo mác đâm nhau nên đoạ vào đây. Ngục tốt hoá ra nhiều thú dữ có móng vuốt sắt đến vồ bắt tội nhân. Tội nhân đau đớn bức bách không thể kể xiết rồi lăn ra chết. Một cơn gió lạnh buốt thổi đến, ngục tốt gọi: Sống! Tội nhân liền sống lại, nên gọi là Hoạt Ngục. Những chúng sanh này đời trước thích giết cầm thú, trâu, dê. Hoặc làm vua chúa, địa chủ vì tiền tài danh lợi mà giết hại lẫn nhau nên chịu tội trong ngục này.

Tất cả những người tạo tội như thế cùng câu hội ở đại địa ngục này, ngục tốt La sát hoá ra rất nhiều thú dữ đến nhai nuốt tội nhân. Hai ngọn núi hợp nhau như bánh xe sắt đỏ nghiền nát tội nhân. Cối sắt đỏ giả tội nhân nát nhừ như tương, thịt chất thành đống, máu chảy thành ao. Các loài chim thú dữ như điêu, thứu, hổ chó sói... đến giành dựt cấu xé nhau. Vì người này đời trước giết nhiều chúng sanh nên phải vào đây chịu hình phạt. Lại vì ỷ thế lực lấn hiếp chèn ép người dưới nên tội nhân bị hai quả núi hợp lại ép thành nước. Người xan tham, sân nhuế, ngu si sợ hải quyết đoán việc nặng nhẹ không vì chánh đạo; hoặc có người phá chánh đạo nên bị bánh xe sắt đỏ nghiền nát và bị bỏ vào cối sắt giả.

Địa ngục Hoán Đại Khiếu Hoán: tội nhân trong đại địa ngục này thấy ngục tốt La sát đầu vàng, mắt đỏ, miệng phun lửa, thân mặc áo đỏ, thịt cứng như đá bước tới bắn tội nhân. Tội nhân cuống cuồng sợ hãi khấu đầu cầu xin tha chết, gọi to: Xin đại tướng quân thương xót kẻ hèn này! nhưng ngục tốt vẫn tống họ vào ngục sắt nung.

Ngục này chu vi bằng một trăm do tuần, trong ngục tội nhân chạy tán loạn: chân bị thiêu đốt, tuỷ chảy ra như ép dầu. Ngục tốt lấy gậy sắt đánh vào đầu tội nhân, não đỗ ra như bình sữa bể. Tội hết ở địa ngục này lại sanh vào trong ngục sắt, khói đen xông mù mịt, từng mảng, từng mảng lớn quyện vào nhau. Tội nhân ngộp thở muốn chạy ra ngoài nhưng cửa đã đóng bít nên ở trong đó kêu la thất thanh. Những tội nhân này xưa kia đong non cân thiếu, lừa dối mọi người, quyết đoán sự việc một cách trái pháp, làm việc phi pháp, ăn quỵt tài của của người khác, lấn hiếp những người yếu thế, xúc não những người nghèo khổ khiến họ ôm mặt khóc rưng rức. Lại còn phá hoại thành ấp, xóm làng, tụ lạc, chiếm đoạt tài sản làm tổn hại nhiều người khiến cả thành đều kêu khóc than vãn. Lại còn gạt người, dụ họ đi với mình rồi xoay lại hại họ nên nay thọ khổ báo nơi địa ngục Khiếu Hoán này.

Những người xông khói vào hang để giết chúng sanh, hoặc giam người vào nhà vắng, hoặc hun khói giết hại chúng sanh, có người cướp đoạt tài sản người khác rồi ném họ xuống giếng. Tất cả những người tạo tội như thế đều đoạ vào địa ngục Khiếu Hoán này để đền tội.

Địa ngục Quá Nóng: trong ngục này có hai vạc đồng lớn nấu nước muối sôi sùng sục, ngục tốt La sát nhúng tội nhân vào trong đó làm cho từng đốt xương rả ra, rồi lấy xoa sắt dích ra ngoài. Có một luồng gió lạnh buốt thổi qua, tội nhân sống lại. Rồi lại bị ngục tốt quăng vào hầm lửa, có người bị mắc dính vào nước tro sôi. Tội nhân vừa ra khỏi hầm tro lại bị ngục tốt thả vào trong cát nóng, tự ăn máu mủ. Tội nhân vừa ra khỏi hầm than lại bị ngục tốt quẳng vào gường lửa, mới lồm cồm bò dậy thì lửa từ mắt tai mũi miệng và các lỗ chân lông bóc ra. Bởi vì người này trước kia làm não loạn cha mẹ, sư trưởng, Sa-môn, Bà-la-môn và những người hiền lành lương thiện khiến ruột gan họ nóng bức nên nay phải chịu tội báo nơi địa ngục này. hoặc có người đời trước giết sinh vật để nấu hầm, có người thui nương heo, dê; có người lấy cây đâm qua bụng người khác rồi đem thiêu sống họ; có người đốt núi non đồng ruộng, làng xóm, chùa chiền, Tinh xá và thần miếu; có người đẩy chúng sanh vào hầm lửa nên đoạ vào ngục này.

Địa ngục A Tỳ: chu vi bốn ngàn dặm, là một nơi rất thâm u. Tội

nhân trong ngục bị ngục tốt lột da từ đầu đến chân, rồi bắt nằm dang hai tay chân như trải tấm da trâu để đóng năm trăm cây đinh lên đó. Rồi cho xe lửa nghiền nát thân họ. Một cơn gió lạnh buốt thổi qua, tội nhân sống lại. Ngục tốt lại quăng tội nhân vào hầm lửa, vùi trong tro nóng. Những cây đao dài, bén từ trên không trung lao vào người tội nhân. Tội nhân mê ngất cháy giòn như cỏ khô. Người ngày kiếp xưa đã gây tội cực ác: ngũ nghịch, đoạn thiện căn, chánh pháp nói là phi pháp, phi pháp nói là chánh pháp nên đoạ vào đây đền tội.

(Trích luận Đại Trí Độ)

■